LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 145

TỨ PHẦN TĂNG YẾT MA

SỐ 1809
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1809

TỨ PHẦN TĂNG YẾT-MA

Sa-môn Hoài Tố chùa Thái Nguyên ở phía Tây soạn tập.

QUYỂN THƯỢNG VÀ LỜI TỰA

(Xuất xứ từ Luật Tứ Phần)

Khởi đầu ở thành Lộc Uyển Long, đã khai mở dấu vết mầu nhiệm của Thi-la, đảnh Linh thứu, núi Tượng, chỉ bày tông yếu mầu nhiệm về giải thoát. Bởi vậy Tam thiên đại thiên thọ nhận sự mát mẻ mà ra khỏi nhà lửa. Trên trời, dưới trời đều cưỡi chiếc bè giới mà vượt qua bến mê. Chúng bên trong nhờ đó mà được thăng hoa, kẻ bên ngoài do đây mà được an lạc. sau đó, với nỗi lo vi tế đa văn khúc chiết, cùng với che lấp cái phao nổi ngôn từ mầu nhiệm ít thấy này. Ngay lúc đó, liền có Ẩm Quang Tu xuất hiện ở đời, dứt bặt những sự tìm cầu luống dối, Ba-ly luật hưng khởi, chấn chỉnh cương yếu suy đời mờ tối. Đuốc tuệ từ đây sáng lại, biển giới do đây mà thanh tịnh lại, luật giáo ấy cũng mở mang sâu rộng. Vững chắc khó được mà lại lan khắp. Yết-ma nầy chính là yếu thuật chơn chánh để nối tiếp làm hưng thạnh dòng Thánh, giúp cho phép tắc rộng lớn, tông chỉ rườm rà nên quy về năm thiên, lạm xướng khởi lên Tứ Phần, thật là cơ yếu của Bồ-đề, chính là bến bờ của Niết-bàn. Vốn là tuổi kém mà suy nghĩ bén nhạy lưu lại ở tông chỉ này. Xem kỹ giáo nghĩa sâu xa, khảo xét cùng nghĩa, trải qua nhiều thay đổi, cho nên không có lỗi lầm lớn. Nhưng các bậc tiên đức từ xưa chấp vào sự hiểu biết khác nhau, mỗi người thuật một kiểu riêng, tổng cộng có năm bản; một bản một quyển.

Luật sư Khải đời Tào Ngụy soạn ở Hứa Đô, (tựa đề là Đàm Vô Đức Tạp Yết-ma, lấy kết giới trường làm đầu, thọ nhật, xin thêm không

vào trong phần yết-ma). Phần nhiều có thêm bớt nên trái với văn luật).

Một bản một quyển của Đàm Đế đời Tào Ngụy soạn tập ở Lạc Dương. (Đề là Đàm Vô Đức Tạp Yết-ma, lấy kết đại giới làm đầu, thọ nhật thêm xin nhập vào phần yết-ma. Luật sư Lê đời Ngụy trì bản này. Tư tưởng sắc bén bao gồm khuôn phép, tuy bỏ nhưng chưa bỏ những lỗi nhỏ. Chia làm hai quyển và tạo nghĩa giải thích.

Một bản một quyển của Luật sư Quang đầu đời Ngụy soạn tập ở Quách Hạ (quyển này đồng với quyển Đàm Đế nhưng không thuận chánh văn).

Một bản hai quyển của Luật sư Nguyện đời Tùy ở Bình Châu soạn. Đề là Yết-ma một quyển, xuất xứ từ luật của ngài Đàm-Vô-Đức. Luật sư Nguyện tuy tự rõ y vào văn không thêm bớt. Nhưng, rõ ràng luật bản đều có tổn và lợi. Đồng thời soạn chương sớ phổ biến thịnh hành.

Một bản một quyển của luật sư Đạo Tuyên đời Đường ở Kinh Triệu soạn. Đề rằng: San bổ Tùy cơ Yết-ma, đây có chánh văn, gần thì bỏ nghĩa phụ của bộ mình, xa thì lấy nghĩa của tông khác. Giác môn đã tạp loạn, chỉ sự có sai trái. Đồng thời Ngài soạn nghĩa sớ truyền bá ở đời. Tìm tòi soạn tập của các nhà, không ai chẳng nghiên cứu tìm tòi, so lý cầu văn thì trái rất nhiều; nên không dám thuật nhưng điều sâu kín, chia làm ba quyển góp thành một bộ. Ngõ hầu lấy việc không thêm bớt để thích ứng với thời cơ, chỉ lấy thành văn không dám xuyên tạc. Chỉ mong giới châu càng sáng, hợp cùng sáng với trời trăng, phát cỏ truyền thơm cùng trời đất mà đồng hủy hoại. Người xem sau này biết được chí này.

THIÊN THỨ NHẤT: PHƯƠNG TIỆN

Tăng nhóm:

Luật nói: Người nên đến thì đến. Lại nói tăng có bốn loại: bốn vị, năm vị, mười vị, hai mươi vị.

Tăng bốn vị: Trừ thọ đại giới, tự tứ, xuất tội. Ngoài ra tất cả yết-ma khác đều làm được.

Tăng năm vị: Trừ thọ đại giới (ở nơi thành phố), xuất tội, còn tất cả yết-ma đều làm được.

Tăng mười vị: Trừ xuất tội, còn tất cả yết-ma đều làm được.

Tăng hai mươi vị: Tất cả yết-ma đều làm được. Huống chi hơn hai mươi vị. Nếu trong bốn vị tăng mà thiếu một vị thì tác pháp không

thành, là phi pháp, phi Tỳ-ni.

Hòa hợp:

Luật nói: Đồng một yết-ma, hòa hợp nhóm một chỗ. Người không đến gởi cho người đang hiện tiền, người đáng quở trách không quở trách được. Lại nói: Có năm pháp nên hòa hợp.

Như pháp nên hòa hợp.

Hoặc ngồi im lặng.

Hoặc gởi dục.

Hoặc nghe theo người đáng tin.

Năm việc như thế nên hòa hợp.

Người chưa thọ đại giới ra chưa?

Luật nói: Không nên ở trước người chưa thọ giới mà yết-ma thuyết giới. Lại nói: chỉ trừ người chưa thọ đại giới, ngoài ra ở trước làm yết-ma thuyết giới.

Lại nói: Có bốn người đủ số, người đủ số không nên quở trách.

Có người mà không được đủ số thì nên quở trách.

Có người không được đủ số cũng không nên quở trách, có người được đủ số cũng nên quở trách. Vì sao những người này được đủ số mà không nên quở trách? Vì nếu làm yết-ma quở trách, yết-ma tẫn xuất, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia. Vì sao những người này không được đủ số mà đáng quở trách? Nếu người muốn thọ đại giới, vì sao những người này không được đủ số cũng không được quở trách? Vì nếu làm yết-ma Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni không được đủ số cũng không được quở trách. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni, hoặc nói người phạm tội, hoặc bị cử, hoặc tẫn xuất, hoặc đáng tẫn xuất, hoặc biệt trụ, hoặc ở trên giới trường, hoặc thần túc ở trên hư không, hoặc ẩn mất, hoặc lìa thấy nghe, hoặc bị người làm yết-ma. Những người này được đủ số cũng được quở trách. Nếu thiện Tỳ-kheo đồng trụ trong một giới trường, không dùng thần túc ở trên hư không, không ẩn mất, không lìa chỗ thấy nghe, cho đến với người bên cạnh.

Các Tỳ-kheo không đến có thuyết dục và thanh tịnh không? Chỉ trừ kết giới không được thuyết dục. Dục ấy phải thuyết hợp với thanh tịnh. Nếu khi tự tứ nên gởi dục tự tứ, nếu có việc Phật, Pháp, Tăng, bệnh hoạn, săn sóc người bệnh thì cho gởi dục.

Luật nói: Gởi dục có năm loại:

1- Hoặc nói gởi dục cho ông.

2- Hoặc nói tôi thuyết dục.

3- Hoặc nói thuyết dục dùm tôi.

4- Hoặc hiện thân tướng gởi dục.

5- Hoặc nói gởi dục đầy đủ như nghi thức.

Nếu không hiện thân tướng, miệng không thuyết dục thì không thành gởi dục, phải gởi dục lại: Người thọ dục ấy thọ dục rồi liền qua đời, hoặc đi nơi khác, hoặc hoàn tục, hoặc theo ngoại đạo, hoặc theo chúng của bộ khác, hoặc lên trên giới trường, hoặc tướng sáng xuất hiện, hoặc tự nói phạm biện tội trong mười ba già nạn, hoặc bị cử, hoặc diệt tẫn, hoặc đáng diệt tẫn, hoặc thần túc trên hư không, hoặc lìa chỗ thấy nghe thì không thành gởi dục. Phải gởi dục lại cho người khác. Hoặc đi giữa đường, hoặc vào trong tăng cũng vậy. Nếu người thuyết dục đầy đủ nên đến chỗ người đầy đủ oai nghi nói rằng:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo..., việc tăng đúng như pháp gởi dục thanh tịnh.

Bấy giờ, Tỳ-kheo trì dục có việc đứng dậy đi, người không kịp đến trong tăng cho pháp chuyển dục gởi người khác. Khi chuyển dục nên nói:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi Tỳ-kheo ... thọ dục của Tỳ-kheo mỗ. Thanh tịnh, người kia và tôi việc tăng như pháp gởi dục và thanh tịnh.

Tỳ-kheo giữ dục khi đến trong tăng nói, nếu nhớ tên họ thì nói đầy đủ với tăng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ... có thọ dục thanh tịnh của Tỳ-kheo mỗ. Nếu không thể nhớ tên họ chỉ nói nhiều người. Nếu người gởi dục ngủ say, hoặc nhập định, hoặc quên, hoặc không cố ý làm như vậy thì thành gởi dục. Nếu cố ý không nói thì phạm đột-cát-la. Tăng nay làm gì?

Nhưng việc làm có ba loại:

1. Tình sự: như thọ sám v.v...

2. Phi tình sự: như kiết các giới, v.v...

3. Tình phi tình sự: như xử phân lìa y, v.v...

Những việc làm này ủy. Cho tăng lượng, phải đối chúng hỏi việc làm ấy, yết-ma gì đó.

Yết-ma y cứ vào thể, chỉ có ba:

Nghĩa là đơn bạch, bạch nhị, và bạch tứ.

Luật nói: Có bảy thứ yết-ma không nên làm: yết-ma phi pháp, phi Tỳ-ni, yết-ma biệt chúng phi pháp, yết-ma hòa hợp phi pháp, yết-ma pháp biệt chúng, pháp tương tự yết-ma biệt chúng, tương tự pháp yết-ma hòa hợp, quở trách không bạch yết-ma, nên yết-ma như, như Tỳ-ni,

nên bạch nhị, yết-ma. Như bạch thì tác bạch, như pháp yết-ma thì yết-ma, bạch tứ yết-ma cũng như vậy. Đây là yết-ma đúng như pháp, đúng như Tỳ-ni, phương tiện này có sáu, khắp cả các pháp chỉ trừ kiết giới, nếu thiếu thì không thành.

THIÊN THỨ HAI: KIẾT GIỚI

Pháp kết đại giới:

Luật nói: Phải trải chỗ ngồi, đánh kiền-chùy, nhóm họp hết. Cùng nhóm một chỗ không cho thọ dục. Trong đó, Tỳ-kheo cựu trụ nên xướng tướng bốn phương của đại giới. Nếu phương Đông có núi thì nói núi, có hào thì nói hào, hoặc xóm làng, hoặc tòa thành, hoặc bờ đê, hoặc vườn, hoặc rừng, hoặc ao, cây, hoặc đá, hoặc tường, hoặc nhà thờ miếu, như tướng phương Đông, Phương khác cũng vậy. Nhưng chỗ kết giới không được hai giới tiếp nhau, nên có khoảng trung gian, không được cách dòng nước chảy mạnh mà kết, thường có cầu, thuyền. Về cách xướng tướng, nên đứng dậy lễ tăng bạch:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo Cựu trụ tên là ... (nếu chẳng phải Cựu trụ, nhưng biết xướng giới thì bỏ hai chữ “Cựu trụ”).

Vì tăng xướng tướng bốn phương đại giới, (bạch rồi nên xướng: Nghĩa là từ góc Đông nam v.v... thứ lớp mà xứong cho đến nói ba lần. Trong chúng sai người có khả năng làm yết-ma, hoặc Thượng tọa, hoặc thứ tòa, hoặc tụng luật, hoặc không tụng luật nên làm như vầy:)

- Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo chỗ này xướng tướng bốn phương đại giới, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến tăng bằng lòng cho, nay tăng ở trong tướng bốn phương này kết đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trú xứ này xướng tướng bốn phương đại giới, nay tăng ở trong tướng bốn phương này kết đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng nay ở trong tướng bốn phương này kết đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng ở trong tướng bốn phương này, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới kết đại giới rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như thế.

Pháp giải đại giới:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo có người muốn đổi giới rộng thành giới

hẹp.

Phật dạy: Muốn làm lại giới: phải giải giới trước, sau đó làm giới rộng, tùy ý nên làm, bạch nhị giải, nên tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay Tỳ-kheo trú xứ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho giải giới, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo trú xứ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới nay giải giới. Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới giải giới thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp kết giới riêng đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng:

Bấy giờ, có hai chỗ lợi dưỡng riêng, thuyết giới riêng cùng một giới lợi dưỡng. Phật dạy: Từ nay về sau cho mỗi bên tự giải giới, sau đó bạch nhị để kết, phải trải chỗ ngồi v.v... như trước, nên bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nói như phần giới tướng, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay tăng ở chỗ này, chỗ kia kết đồng một giới, đồng một lợi dưỡng, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, như nói về giới tướng, nay tăng ở chỗ này chỗ kia kết giới đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng. Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng ở chỗ này, chỗ kia kết giới đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ở chỗ này, chỗ kia kết giới đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp kết giới đồng một thuyết giới, lợi dưỡng riêng:

Có hai trụ xứ thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng. Ý của Tỳ-kheo muốn đồng một thuyết giới, lợi dưỡng riêng. Phật dạy: Cho mỗi bên giải giới, sau đó kết. Cách kết như trước, chỉ đổi một nói đồng một thuyết giới, lợi dưỡng riêng, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay tăng ở trú xứ này, trụ xứ kia kết giới thuyết giới riêng, đồng một lợi dưỡng, vì muốn giữ gìn trụ xứ, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng nay ở trú xứ này, trú xứ kia kết giới thuyết giới riêng, đồng một lợi dưỡng vì giữ gìn trụ xứ. Trưởng lão

nào bằng lòng cho tăng ở trú xứ này, trú xứ kia kết giới thuyết giới riêng lợi dưỡng chung vì giữ gìn trú xứ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ở trú xứ này, trú xứ kia kết giới thuyết giới riêng, đồng một lợi dưỡng vì giữ gìn trụ xứ rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như vậy.

Đây và hai luật trước không có cách giải. Nếu muốn giải, y theo kết lại, giải lại, tương ưng mà biết.

Pháp kết giới trường:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo có khi cần bốn chúng Tỳ-kheo, có khi cần năm chúng Tỳ-kheo, mười chúng Tỳ-kheo, hai mươi chúng Tỳ-kheo khởi việc yết-ma. Trong đó, đại chúng nhóm họp mỏi mệt. Phật dạy: Cho kết giới trường, xướng tướng giới bốn phương, hoặc cắm cọc, hoặc để đá, hoặc bờ đê, hoặc ranh giới. Trong đó kết giới, đặt ba lớp tướng, một lớp trong hết là tướng giới trường, một lớp ở giữa là tướng nội đại giới, đây và tướng giới trường không được sát vào nhau, nên để lại ở giữa. Lớp ngoài cùng là tướng ngoại đại giới, trước xướng tướng kết giới trường, cách xướng như trên, nên xướng như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ở trú xứ này xướng tướng tiểu giới bốn phương. Nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay ở trong tướng tiểu giới bốn phương này kết làm giới trường, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ở trú xứ này tướng tiểu giới bốn phương, tăng nay ở trong tướng tiểu giới bốn phương này kết làm giới trường. Trưởng lão nào bằng lòng tăng ở trong tướng tiểu giới bốn phương này kết làm giới trường thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ở trong tướng bốn phương này kết làm giới trường rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này cứ thực hành như thế. (kế là xướng tướng trong ngoài đại giới, xướng và kết như trên).

Pháp giải giới trường:

Văn lược không giải, nếu muốn giải nên kết rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, giới trường của Tỳ-kheo ở trú xứ này, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho giải giới trường, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, giới trường của Tỳ-kheo ở trú xứ này, tăng nay ở đây giải giới trường. Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng

ở đây giải giới trường thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ở đây giải giới trường rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp khó kết tiểu giới truyền giới:

Bấy giờ, có người muốn thọ giới đến ngoài giới, nhóm Tỳ-kheo sáu vị đến ngăn. Phật dạy: Các thầy khéo lóng nghe, từ nay về sau người không đồng ý chưa ra giới cho ở ngoài giới, hãy mau chóng nhóm họp một chỗ kết tiểu giới, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng nhóm họp một chỗ kết tiểu giới, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho kết tiểu giới, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay một chỗ này nhóm họp kết tiểu giới. Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng nhóm một chỗ kết tiểu giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng kết tiểu giới rồi, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp kết tiểu giới truyền giới:

Luật nói: Từ nay về sau nên giải giới rồi đi, không được không giải giới mà đi, nên giải như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay chúng tăng nhóm họp giải giới, nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng bằng lòng cho giải giới, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay chúng tăng nhóm họp giải giới, trưởng lão nào bằng lòng cho tăng nhóm họp giải giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng giải giới rồi, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp kết tiểu giới thuyết giới:

Luật nói: Nếu ngày bố-tát mà đi trong chỗ không có làng xóm, chốn hoang vắng, chúng tăng nên hòa hợp nhóm lại một chỗ cùng thuyết giới. Nếu tăng không được hòa hợp, thì tùy ý cùng với Hòa-thượng, nên xuống đường, mỗi nơi nhóm một chỗ kết tiểu giới thuyết giới, nên kết như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay có Tỳ-kheo nhóm họp. Nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho kết tiểu giới, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay có Tỳ-kheo nhóm họp kết tiểu giới. trưởng lão nào bằng lòng cho các Tỳ-kheo nhóm họp kết tiểu giới thì im lăng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo nhóm họp kết tiểu giới xong. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như vậy.

Pháp giải nạn kết tiểu giới thuyết giới:

Không nên không giải giới mà bỏ đi, nên giải như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay có chừng ấy Tỳ-kheo nhóm họp, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, giải tiểu giới chỗ này, tác bạch như thế. Đại đức tăng xin lắng nghe, nay có chừng ấy Tỳ-kheo nhóm họp giải tiểu giới này, Trưởng lão nào bằng lòng tăng giải tiểu giới này thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng giải tiểu giới ở chỗ này xong. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp kết tiểu giới tự tứ:

Luật nói: Nếu có nhiều Tỳ-kheo trong ngày tự tứ, chẳng phải thôn, a-lan-nhã, hoặc chỗ chưa kết giới đi đường. Hoặc hòa hợp được tự tứ thì tốt, nếu không được hòa hợp thì tùy theo sự hòa đồng ở trên, dời chỗ khác kết tự tứ, nên làm như vậy!

- Đại đức tăng xin lắng nghe, chỗ ngồi của các Tỳ-kheo đã đủ, giống chỗ ngồi của Tỳ-kheo như thế, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, tăng nay ở chỗ này kết tiểu giới, tác bạch như thế. Đại đức tăng xin lắng nghe, ngang bằng chỗ ngồi của Tỳ-kheo như thế, tăng ở chỗ này kết tiểu giới, Trưởng lão nào bằng lòng ngang bằng chỗ ngồi của Tỳ-kheo, tăng ở chỗ này kết tiểu giới, Trưởng lão nào bằng lòng ngang bằng chỗ ngồi của Tỳ-kheo như thế, tăng ở chỗ này kết tiểu giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ngang bằng chỗ ngồi của Tỳ-kheo như thế kết tiểu giới xong. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp giải kết tiểu giới tự tứ:

Không nên không xả giới mà đi, nên xả như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, chỗ ngồi của Tỳ-kheo ngang bằng như thế, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, tăng nay giải tiểu giới chỗ này, tác bạch như thế: - Đại đức tăng xin lắng nghe, chỗ Tỳ-kheo ngồi đều như thế, tăng nay giải tiểu giới chỗ này,

Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng giải tiểu giới chỗ ngồi của tất cả Tỳ-kheo như thế thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho giải tiểu giới tất cả chỗ ngồi của Tỳ-kheo như thế đã xong. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này cứ thực hành như thế.

Pháp kết giới không mất y:

Bấy giờ có Tỳ-kheo tu hạnh nhàm lìa, thấy ở A-lan-nhã có một cái hang đẹp, tự nghĩ: Nếu ta được ngủ lìa y sẽ ở hang này. Phật bảo: Từ nay về sau phải kết giới không mất y, bạch nhị yết-ma, nên tác bạch như vầy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, chỗ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho kết giới không mất y, tác bạch như vậy. - Đại đức tăng xin lắng nghe, chỗ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, nay tăng kết giới không mất y, các trưởng lão nào bằng lòng cho tăng ở chỗ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới kết giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ở chỗ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới kết giới không mất y. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như vậy. Bấy giờ các Tỳ-kheo giải y để trong nhà người tại gia, khi mặc khi giải, thân hình lộ ra. Phật cho phép kết giới không mất y, trừ giới ngoài thôn, cách kết như trên, chỉ thêm một câu là giới ngoài mé thôn, tác bạch như thế.

Cách giải giới không mất y.

Văn lược không giải nên phiên-kiết nói:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, chỗ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho giải giới không mất y, tác bạch như thế!

- Đại đức tăng xin lắng nghe, chỗ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Nay giải giới không mất y, Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng ở chỗ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới giải giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ở chỗ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, giải giới không mất y đã xong. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như vậy (cách giải có thôn xóm cũng đồng ở đây).

Pháp kết tịnh địa:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị nôn mửa, sai người trong thành Xá-vệ nấu

cháo. Có nhân duyên trời tối mới mở cửa thành, chưa kịp có cháo dùng thì Tỳ-kheo đã qua đời. Phật bảo: Cho ở trong Tăng-già-lam kết tịnh địa bạch hai lần yết-ma. Xướng phòng hoặc chỗ, hoặc nhà để nước, hoặc chỗ kinh hành. Phải một Tỳ-kheo đứng dậy sửa sang oai nghi, ở trong tăng xướng. Vật gì đó và chỗ như trái cây, rau cải, v.v... làm tịnh địa, xướng rồi nên tác bạch như vầy!

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, tăng nay kết chỗ nào đó kết làm tịnh địa, tác bạch như vậy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng kết chỗ nào đó làm tịnh địa, trưởng lão nào bằng lòng, tăng kết chỗ này làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng kết chỗ này làm tịnh địa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc nầy nên thực hành như thế.

Luật nói: Có bốn thứ tịnh địa:

1. Đàn-việt hoặc người kinh doanh làm Tăng-già-lam chia chỗ nói như vầy: Chỗ nào đó làm tịnh địa cho tăng.

2. Nếu vì tăng làm già-lam nhưng chưa cúng cho tăng.

3. Hoặc một nửa có rào ngăn, hoặc phần nhiều không có rào ngăn đều không được, hoặc là tường, hoặc là hào cũng giống như thế.

4. Tăng tác bạch nhị yết-ma mà kết.

Pháp giải tịnh địa:

Văn lược không giải nên kết là:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay tăng giải tịnh địa chỗ nào đó, tác bạch như vậy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng giải tịnh địa chỗ nào đó, Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng giải tịnh địa ở chỗ nào đó thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng giải tịnh địa chỗ nào đó rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế.

THIÊN THỨ BA: TRUYỀN GIỚI

Pháp khéo đến truyền giới:

Theo luật thì bấy giờ người nghe pháp đối với Thượng tọa các bụi nhơ đã hết, đắc pháp mắt trời thanh tịnh, thấy pháp đắc pháp, thành tựu các pháp rồi, được quả chân thật, trước bạch Phật rằng: nay Con muốn ở

chỗ Như lai xuất gia tu phạm hạnh. Phật bảo lành đến Tỳ-kheo, ở trong pháp ta vui thích, tu phạm hạnh dứt hết nguồn khổ.

(Xướng lời này rồi râu tóc tự rụng, đắp ca-sa, tay ôm bình bát, liền được gọi là xuất gia thọ giới cụ túc).

Pháp trao giới ba quy y:

Bấy giờ, có người nghe pháp được lòng tin, muốn thọ giới cụ túc, các Tỳ-kheo dẫn đến chỗ Phật, giữa đường họ mất niềm tin không được thọ giới cụ túc. Phật bảo: Từ nay về sau cho phép các thầy xuất gia trao giới cụ túc, dạy họ cạo tóc đắp ca-sa, cởi giày dép, chân phải quỳ sát đất chắp tay nói như vầy:

Con tên là ... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nay ở chỗ Như lai xuất gia, Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Thế tôn của con (nói ba lần). Con tên là ... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Ở chỗ Như lai xuất gia, Như Lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Thế tôn của con (nói ba lần).

Pháp yết-ma trao giới và độ người:

Nếu Tỳ-kheo ngu si độ người mà không biết dạy bảo, truyền trao, vì không biết dạy bảo truyền trao, không theo oai nghi, khất thực không đúng như pháp, khắp nơi thọ thức ăn bất tịnh, hoặc thọ bát bất tịnh, ngồi tiểu thực, đại thực trên chỗ cao, kêu to gọi lớn như pháp nhóm họp của Bà-la-môn. Phật bảo: Cho tăng trao giới cụ túc, bạch nhị yết-ma. Người kia đến trong tăng oai ghi nghiêm trang, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ... cầu chúng tăng xin độ người trao giới cụ túc, mong tăng bằng lòng. Tôi là Tỳ-kheo ... độ người trao giới cụ túc (nói ba lần).

Tăng nên quán sát người này xem có khả năng dạy bảo truyền trao hay không, và có khả năng về hai pháp nhiếp thủ hay không. Nếu không thì nên nói thôi đi chớ độ người. Nếu có trí tuệ có khả năng dạy bảo truyền trao về hai pháp nhiếp thủ, thì nên cho pháp như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp này theo chúng tăng xin trao giới cụ túc cho người. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay tăng cho phép Tỳ-kheo mỗ giáp trao giới cụ túc cho người, tác bạch như thế.

Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo mổ giáp này nay theo chúng tăng xin trao giới cụ túc cho người. Nay Tăng cho Tỳ-kheo mỗ trao giới cụ túc cho người, Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo mỗ trao

giới cụ túc cho người thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ trao giới cụ túc cho người rồi, tăng bằng lòng về im lặng, việc này nên thực hành như thế.

(Pháp y chỉ xà-lê cũng đồng như vậy).

Pháp độ sa-di và hình đồng:

Bấy giờ, có nhà kỹ thuật đến tăng già-lam, xin các Tỳ-kheo xin xuất gia hành đạo, các Tỳ-kheo liền cho xuất gia hành đạo.

Cha mẹ ông ấy khóc lóc, đến tăng-già-lam hỏi các Tỳ-kheo. Có thấy đứa trẻ như vậy như vậy đến đây hay không? Người không thấy thì đáp không thấy. Cha mẹ tìm thấy ông ấy trong phòng. Các Trưởng giả chê bai. Phật bảo: Từ nay về sau nếu muốn cạo tóc trong Tăng-già-lam thì phải bạch với tất cả tăng. Nếu các phòng không được hòa hợp nhau thì nói cho tăng biết. Nếu hòa hợp nên bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, mổ giáp này, muốn xin tôi cạo tóc, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho cạo tóc cho mỗ giáp, tác bạch như vậy (tác bạch rồi sau đó cạo tóc).

Pháp độ Sa-di và pháp đồng thỉnh Hòa-thượng:

Nếu người muốn xuất gia trong tăng-già-lam, trước thỉnh Hòa-thượng, sửa sang oai nghi bạch như vầy:

- Bạch Đại đức nhất tâm niệm, con tên là ... nay thỉnh Đại đức làm Hòa-thượng truyền mười giới, mong Đại đức vì con làm Hòa-thượng truyền mười giới, con y chỉ Đại đức nên được thọ giới Sa-di, xin thương xót con (nói ba lần). Đáp rằng: Được.

Pháp thỉnh xà-lê:

Sửa sang oai nghi, thỉnh như vầy:

- Bạch Đại đức nhất tâm niệm, con tên là ... nay thỉnh Đại đức làm A-xà-lê truyền mười giới, mong Đại đức vì con làm A-xà-lê truyền mười giới. Con nương theo Đại đức, nên được thọ giới Sa-di. Xin thương xót con (nói ba lần). Đáp rằng: Được.

Pháp bạch tăng:

Nếu không được hòa hợp, nên nói cho tất cả trong tăng biết. Nếu hòa hợp nên bạch như vầy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, mỗ giáp này xin xuất gia với tôi, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tôi xuất gia cho mỗ giáp,

tác bạch như thế.

Pháp truyền giới:

Dạy đắp ca-sa, sửa oai nghi ngay ngắn nói như thế này: Tôi tên là ... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, theo Như lai xuất gia, vị ấy làm Hòa-thượng, Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Thế Tôn của tôi (nói ba lần). Tôi là Tỳ-kheo ... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, theo Như lai xuất gia rồi, vị ấy làm Hòa-thượng, Như Lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, theo Như lai xuất gia rồi, vị ấy làm Hòa-thượng, Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Đức Thế tôn của tôi (nói ba lần). Trao cho mười giới tướng nói rằng: Suốt đời không sát sinh, là giới Sa-di, có thể giữ được không? Đáp: giữ được.

- Trọn đời không trộm cắp là giới của Sa-di, có thể giữ được không? Đáp: Giữ được.
- Trọn đời không nói dối là giới của Sa-di, có thể giữ được không? Đáp: Giữ được.
- Trọn đời không uống rượu là giới của Sa-di, có thể giữ được không? Đáp: Giữ được.
- Trọn đời không được đeo tràng hoa, xoa dầu thơm vào mình là giới của Sa-di, có giữ được không? Đáp: Giữ được.
- Trọn đời không được ca múa, hát xướng và cố đi xem nghe là giới của Sa-di, có giữ được không? Đáp: Giữ được.
- Trọn đời không được nằm giường cao tốt, rộng lớn là giới của Sa-di, có giữ được không? Đáp: Giữ được.
- Trọn đời không được ăn phi thời là giới của Sa-di, có giữ được không? Đáp: Giữ được.
- Trọn đời không cầm giữ vàng bạc, vật báu là giới của Sa-di, có giữ được không? Đáp: Giữ được.

Đây là mười giới của Sa-di, trọn đời phải giữ không được phạm. Có giữ được không? Đáp: Giữ được.

Ông đã thọ giới xong, phải cúng dường Tam bảo, thường giữ ba nghiệp, ngồi thiền, tụng kinh, siêng làm việc chúng.

Trao giới rồi dạy tụng mười số, mười số gồm:

1. Tất cả chúng sinh đều nương vào uống ăn mà sống còn.
2. Danh sắc.
3. Ba tâm thọ
4. Bốn Thánh đế.
5. Năm ấm.
6. Sáu nhập.

7. Bảy giác chi.
8. Tám Thánh đạo.
9. Chín chỗ chúng sinh ở.
10. Mười tất cả nhập.

Pháp độ ngoại đạo:

Luật nói: Từ nay về sau cho ngoại đạo ở chung bốn tháng trong chúng tăng, bạch nhị yết-ma nên như vậy mà cho, trước cạo tóc rồi đắp ca-sa, cho đến chắp tay dạy nói như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi ngoại đạo tên là ..., quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tôi ở chỗ Thế tôn cầu xuất gia hành đạo. Thế tôn là Như lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác của tôi (nói ba lần).

- Tôi ngoại đạo tên là ... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi, theo Như lai xuất gia học đạo, Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác của tôi.

(Kế cho giới tướng, đồng với pháp ở trên).

Pháp cho ở chung bốn tháng.

Kế nên dạy nói như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là ngoại đạo tên là ..., theo tăng xin ở chung bốn tháng, mong tăng mỡ lòng từ bi thương xót, cho tôi ở chung bốn tháng (nói ba lần). Nên dẫn người nầy đến chỗ mắt thấy tai không nghe, tăng nên tác pháp như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, ngoại đạo tên là ... nay theo chúng tăng xin ở chung bốn tháng, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho ngoại đạo tên là ... được ở chung bốn tháng, tác bạch như vậy! Đại đức tăng xin lắng nghe, ngoại đạo tên là ... nay theo chúng tăng xin ở chung bốn tháng, nay tăng cho ngoại đạo kia ở chung bốn tháng. Trưởng lão nào bằng lòng nay tăng cho ngoại đạo kia ở chung bốn tháng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho ngoại đạo kia ở chung bốn tháng rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như vậy.

Người ấy đến ở chung rồi, làm cho các Tỳ-kheo tâm vui vẻ, sao đó phải ở trong tăng thọ giới cụ túc. Thế nào là ngoại đạo không thể làm cho tâm của Tỳ-kheo vui mừng? Là tâm ngoại đạo kia cố chấp pháp của ngoại đạo, không gần gũi Tỳ-kheo mà gần gũi ngoại đạo. Không thuận theo Tỳ-kheo mà tụng tập luận khác, hoặc nghe người nói việc không tốt của ngoại đạo liền khởi tâm tức giận, hoặc nghe người hủy báng sự

dạy bảo của ngoại đạo cũng khởi tâm tức giận. Nếu có ngoại đạo khác đến, khen ngợi việc tốt của ngoại đạo, thì hoan hỷ vui mừng. Nếu có thầy của ngoại đạo đến, nghe khen ngợi việc ngoại đạo, cũng hoan hỷ vui mừng. Nếu nghe nói Phật, pháp, tăng là việc phi pháp cũng hoan hỷ vui mừng. Cho rằng ngoại đạo không thể làm cho Tỳ-kheo ưa thích, vì sao ngoại đạo có thể làm cho Tỳ-kheo ưa thích, tức là trái với trên. Cho rằng ngoại đạo ở chung tâm ý hòa hợp đều làm cho các Tỳ-kheo ưa thích.

Pháp thỉnh Hòa-thượng trao giới cụ túc.

Nên vén y bày vai phải thỉnh như vầy:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi tên là ..., nay thỉnh Đại đức làm Hòa-thượng, mong Đại đức vì con làm Hòa-thượng, con nương theo Hòa-thượng được thọ giới cụ túc, xin từ bi thương xót con, ba lần nói "Được" hoặc nói "đúng vậy", hoặc nói nên truyền trao cho người, hoặc nói: thanh tịnh chớ buông lung.

Pháp thỉnh Giới sư:

Đầy đủ oai nghi thỉnh như vầy:

- Đại đức nhất tâm niệm! Nay con thỉnh Đại đức làm yết-ma A-xà-lê, mong Đại đức vì con làm yết-ma A-xà-lê, con nương theo Đại đức, được thọ giới cụ túc, xin từ bi thương xót con, nói ba lần, nên đáp "Được".

Pháp thỉnh thầy giáo thọ (sửa oai nghi thỉnh như vầy).

Đại đức nhất tâm niệm, con pháp danh là ... nay thỉnh Đại đức làm A-xà-lê giáo thọ, mong Đại đức vì con làm A-xà-lê giáo thọ, con nương theo Đại đức được thọ giới cụ túc, cúi mong thương xót con, (nói ba lần) nên đáp "Được".

Pháp an trú chỗ cho người thọ giới:

Phải dẫn người thọ giới ấy đến chỗ mắt thấy tai không nghe, nếu ở trên hư không, hoặc ẩn mất, hoặc lìa chỗ thấy nghe, hoặc ở ngoài giới, thì không gọi là thọ cụ giới. Hòa-thượng và Tỳ-kheo đủ số cũng giống như thế.

Pháp sai thầy giáo thọ:

Y cứ theo luật có dạy như vậy, tất cả người làm ô nhục chúng tăng, không được thọ giới cụ túc. có người muốn thọ giới cụ túc, các

Tỳ-kheo, đem đến ngoài giới giải y xem, người thọ giới hổ thẹn suy xét việc thọ giới. Phật bảo: Không được lộ hình mà xem như thế. Từ nay về sau trước hỏi mười ba việc nạn, sau đó trao giới, là giới sự hỏi.

Trong chúng ai có thể vì mỗ giáp làm thầy giáo thọ. Nếu có khả năng làm thầy thì nên đáp tôi có khả năng, đáp rồi giới sư nên bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, người kia tên là ... theo tôi cầu thọ giới cụ túc, nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng bằng lòng cho tôi làm thầy giáo thọ, tác bạch như thế.

Pháp đến người kia hỏi già nạn:

Bấy giờ, thầy giáo thọ đến người kia nói: Đây là an-đà-hội, uất-đa-la tăng, Tăng-già-lê, đây là y bát của ông phải không? Người kia đáp phải, lại nói:

- Nầy người Thiện nam hãy lắng nghe, nay là lúc chí thành, phải nói lời thật, tôi hỏi ông theo lời tôi mà đáp, nếu không thật phải nói không thật, nếu thật thì nói thật.

- Ông có phạm biên tội không?
- Ông có ô phạm Tỳ-kheo ni không?
- Ông có tâm giặc vào đạo không?
- Ông có phải phá nội đạo, ngoại đạo không?
- Ông có phải Huỳnh môn hay không?
- Ông có giết cha không?
- Ông có giết mẹ không?
- Ông có giết La-hán không?
- Ông có phá hòa hợp tăng không?
- Ông có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?
- Ông có phải phi nhân không?
- Ông có phải súc sinh không?
- Ông có phải người hai hình không?
- Pháp danh ông là gì? Hòa-thượng ông hiệu là gì?
- Ông đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không?
- Cha mẹ ông có cho xuất gia hay không?
- Ông có phải là trượng phu không?

Trượng phu có những bệnh như: ung thư, bạch lại, gầy ốm, điên cuồng, ông có những bệnh như vậy không? (Đều đáp không). Như nay tôi hỏi ông trong tăng cũng hỏi như vậy, ông trả lời cho tôi, như thế nào thì trong tăng ông cũng phải trả lời như vậy.

Pháp hỏi rồi bạch tăng:

Vị sư giáo thọ kia hỏi rồi, trở lại trong tăng, oai nghi như thường, đứng cách nhau duỗi tay đến, bạch như vầy:

- Đại đức tăng nghx e, người kia tên là ... theo tôi cầu thọ giới cụ túc, nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng bằng lòng cho, tôi đã hỏi rồi, xin cho đem đến, tác bạch như thế.

Pháp thọ tăng xin giới.

Người kia nên gọi rằng "ông đến đây". Khi đến rồi nên cầm y bát dùm, dạy lễ tăng. Lễ trong, đến trước giới sự oai nghi ngay ngắn dạy nói như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, con pháp danh là ... nay theo tăng xin thọ giới cụ túc, vị ấy Hòa-thượng, mong tăng từ bi thương xót, cứu giúp con (nói ba lần).

Nếu dạy xin giới hay không xin giới, mặc y phục thế tục, v.v... hoặc ngủ say, điên cuồng, lõa hình, tức giận vô tâm, thân tướng không đủ, mượn y bát của người, hoặc không có Hòa-thượng, hoặc nhiều Hòa-thượng, đều không gọi là thọ giới cụ túc.

Pháp giới sư bạch:

Giới sư muốn hỏi trước bạch rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, vị ... này theo tôi xin thọ giới cụ túc. Vị nầy nay theo tăng xin thọ giới cụ túc, tôi làm Hòa-thượng, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tôi hỏi các việc nạn, tác bạch như vậy.

Pháp Giới sư hỏi:

Nói rằng: Nầy người thiện nam hãy lắng nghe, nay là lúc chí thành, phải nói lời chân thật, nay theo lời tôi hỏi, ông phải đáp cho thật.

- Ông có phạm biên tội không?
- Ông có ô phạm Tỳ-kheo-ni không?
- Ông có tâm giặc vào đạo hay không?
- Ông có bị hoại hai đường không?
- Ông có phải huỳnh môn không?
- Ông có giết cha không?
- Ông có giết mẹ không?
- Ông có giết A-la-hán không?

- Ông có phá hòa hợp tăng không?
- Ông có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?
- Ông có phải phi nhân không?
- Ông có phải súc sinh không?
- Ông có phải hai hình không?
- Pháp danh ông là gì, Hòa-thượng ông hiệu là?
- Ông đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không?
- Cha mẹ có cho ông xuất gia không?
- Ông có mắc nợ người không?
- Ông có làm quan không?
- Ông có phải là Trượng phu không?

Trượng phu có những thứ bệnh như: bệnh ung thư, bạch lại, gầy ốm, điên cuồng. Nay Ông có bị các chứng bệnh này không? (Lại phải tùy theo việc mỗi mỗi đều đáp không).

Pháp chánh thức trao giới:

Giới pháp khó sinh, các duyên phải đầy đủ, dùng pháp khai dẫn làm cho phát khởi thượng thượng phẩm: Tâm chí thành nghe nhận, phải bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, vị ... này theo mỗ cầu thọ giới cụ túc, vị này nay theo tăng xin thọ giới cụ túc, mỗ làm Hòa-thượng, vị nầy tự nói mình thanh tịnh không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho trao cho vị ấy giới cụ túc, mỗ làm Hòa-thượng, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, vị này theo mỗ giáp cầu thọ giới cụ túc, vị này nay theo tăng xin thọ giới cụ túc, mỗ làm Hòa-thượng, vị ấy tự nói mình thanh tịnh không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, y bát đủ, nay tăng trao giới cụ túc cho vị ấy, mỗ làm Hòa-thượng. Trưởng lão nào bằng lòng tăng trao giới cụ túc cho vị ấy, mỗ làm Hòa-thượng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần). Tăng đã bằng lòng trao giới cụ túc cho vị ấy, mỗ làm Hòa-thượng rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế (tác pháp này rồi, nên phải ghi nhớ thời biên thọ không khác với đây).

Pháp truyền giới tướng:

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo thọ giới cụ túc rồi, tăng đều bỏ đi, người vợ cũ của thầy ấy ở cách đó không xa, liền cúng nhau hành bất tịnh. Phật bảo: Từ nay về sau làm yết-ma rồi, trước phải nói bốn Ba-la-di,

nên nói như vầy!

- Nầy người thiện nam lắng nghe, Như Lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, nói bốn pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo phạm bất cứ pháp nào đều, chẳng phải Sa-môn, chẳng phải dòng họ Thích. Tất cả không được phạm dâm, làm bất tịnh hạnh. Nếu Tỳ-kheo phạm hạnh bất tịnh, thọ pháp dâm dục cho đến cùng súc sinh thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải dòng họ Thích. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói ví dụ:

- Giống như có người cắt đầu mình thì không thể sống được. Tỳ-kheo cũng như, vậy phạm pháp Ba-la-di rồi không thể trở lại hạnh Tỳ-kheo, thầy phải trọn đời không được làm, có giữ được không? Đáp: Giữ được. Tất cả không được trộm cắp, dù cho cỏ cây, hoa lá. Nếu Tỳ-kheo trộm cắp của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc tự lấy, hoặc xúi giục người lấy, hoặc tự phá, hoặc xúi giục người phá, hoặc thiêu, hoặc chôn, hoặc hoại sắc thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải dòng họ Thích.

- Thí như chặt ngọn cây đa-la, thì không thể nào sống được. Tỳ-kheo cũng giống như vậy, phạm pháp Ba-la-di rồi hoàn toàn không thể trở lại hạnh Tỳ-kheo, thầy trọn đời không được làm, có thể giữ được không? Đáp: giữ được. Tất cả không được cố ý cắt đứt mạng sống súc sinh, dưới đến loài kiến, nếu Tỳ-kheo cố tự tay cắt đứt mạng người, tìm dao đưa cho người, xúi giục chết, khen ngợi chết, khuyên chết, cho người uống thuốc độc, hoặc làm đọa thai, hoặc nhàm chán cầu chết, tự làm phương tiện, hoặc xúi người làm, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải dòng họ Thích. ví dụ nói: Giống như kim bị sứt lỗ không thể dùng được nữa. Tỳ-kheo cũng giống như vậy, phạm pháp Ba-la-di rồi thì không thể nào thành hạnh Tỳ-kheo nữa, thầy trọn đời không được làm có thể giữ được không? Đáp: Giữ được.

Tất cả không được nói dối, cho đến nói chơi. Nếu Tỳ-kheo không chân thật, điều mình không có, tự nói ta được pháp hơn người, được thiền, được giải thoát, được định, được định bốn không, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, trời đến, rồng đến, quỷ thần đến cúng dường ta, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải dòng họ Thích. Ví dụ nói: Giống như khối đá lớn bị bể làm hai phần, không thể liền lại được. Tỳ-kheo cũng như vậy, phạm pháp Ba-la-di rồi thì không thể nào thành hạnh Tỳ-kheo lại. Thầy trọn đời không được nói dối có giữ được không? Đáp: giữ được.

Pháp trao bốn y:

Có một ngoại đạo trẻ tuổi đến xin xuất gia, các Tỳ-kheo liền xuất gia cho, trước cho bốn y, ngoại đạo kia nói: Đại đức! Tôi chỉ thọ

hai y, khất thực, ngồi dưới gốc cây, mặc y bá nạp, uống thuốc mục nát. Tôi không kham hai việc này. Vì sao? Vì đâu ai có thể tự đụng vào vật của mình, liền thôi tu đạo, không xuất gia nữa. Phật bảo ngoại đạo này không xuất gia là mất điều lợi lớn. Nếu người xuất gia phải được chứng đạo, từ nay về sau, trước phải thọ giới, sau đó thọ bốn y, nên nói rằng:

- Nầy người thiện năm hãy lắng nghe, Như Lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác nói pháp bốn y, Tỳ-kheo nương vào đây được xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo. Thầy trọn đời có thể giữ được không? Đáp: Giữ được. Nếu được lợi nhiều, đàn-việt thí y, cắt hoại y, thì được y theo đó khất thực. Tỳ-kheo y đây được xuất gia thọ giới, thành pháp Tỳ-kheo. Thầy trọn đời giữ được không? Đáp: được.

Nếu được lợi nhiều, hoặc tăng sai ăn, đàn-việt đưa thức ăn, thức ăn ngày mùng tám trong tháng, thức ăn ngày mười lăm, thức ăn ngày mồng một trong tháng. Hoặc tăng thường ăn, đàn-việt thỉnh ăn thì được thọ, ngồi dưới gốc cây. Tỳ-kheo y vào đây được xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo, thầy trọn đời có giữ được không? Đáp: Giữ được.

Nếu được lợi nhiều, hoặc phòng riêng, hoặc thất nóc nhọn, phòng nhỏ, thất đá, hai phòng một cửa được thọ, nương vào thuốc vữa nát. Tỳ-kheo nương vào đây được xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo, ông trọn đời có giữ được không? Đáp: giữ được. Nếu được lợi lớn, như dầu tô, sinh tô mật, thạch mật thì được thọ, thầy thọ giới rồi, bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu được nói chốn, Hòa-thượng đúng như pháp, A-xà-lê đúng như pháp, chúng tăng đây đủ, thầy phải khéo lãnh thọ giáo pháp, nên phải khuyến hóa làm phước sửa tháp, cúng dường Phật, pháp, chúng tăng, Hòa-thượng, A-xà-lê tất cả đều dạy đúng như pháp. Không được trái nghịch, nên học hỏi tụng kinh, khuyên tìm cầu phương tiện, ở trong Phật pháp chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Ông mới phát tâm xuất gia, công đức không luống uổng, quả báo không dứt mất, ngoài ra, những điều chưa biết nên hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê (từ nay về sau bảo người thọ giới cụ túc đi về phía trước).

Pháp trao đại giới thỉnh yết-ma xà-lê cho ni:

Người thọ giới kia cùng Tỳ-kheo ni tăng đến trước A-xà-lê oai nghi ngay ngắn thỉnh rằng:

- Đại đức nhất tâm niệm, con pháp danh là ... nay thỉnh Đại đức vì con làm yết-ma A-xà-lê, mong Đại đức vì con làm yết-ma A-xà-lê, con nương theo Đại đức, được thọ đại giới, cúi mong từ bi thương xót (nói ba

lần, người kia nên đáp "được").

Pháp xin giới:

Người kia lễ tăng rồi, oai nghi ngay ngắn nói như vầy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, con pháp danh là ... theo Hòa-thượng-ni hiệu là cầu thọ đại giới. Con pháp danh là ... nay theo tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng ni hiệu là ... mong tăng cứu giúp con, cúi mong từ bi thương xót (nói ba lần).

Pháp giới sư bạch:

Trong đây, giới sư trước bạch, sau hỏi rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, mỗ giáp này, theo Hòa-thượng ni hiệu là cầu thọ đại giới, mỗ giáp này nay theo tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng ni hiệu là .... nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tôi hỏi các việc nạn, tác bạch như thế.

Pháp giới sư hỏi:

Nói rằng: Ông hãy lắng nghe, nay là lúc chí thành, hãy nói cho thật. Nay Tôi hỏi ông, có phải nói có, không phải nói không:

- Ông có phạm biên tội không?
- Ông có ô phạm Tỳ-kheo ni không?
- Ông có tâm giặc vào đạo không?
- Ông có phá nội ngoại đạo không?
- Ông có phải Huỳnh môn không?
- Ông có giết cha không?
- Ông có giết mẹ không?
- Ông có giết A-la-hán không?
- Ông có phá hòa hợp tăng không?
- Ông có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?
- Ông có phải là phi nhân không?
- Ông có phải là súc sinh không?
- Ông có phải hai hình không?
- Ông pháp danh gì? Hòa-thượng hiệu là gì?
- Ông đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không?
- Ông cha mẹ, có cho xuất gia không?
- Ông có mắc nợ người không?
- Ông có phải là tôi tớ không?
- Ông có phải là người nam không?

Người nam có những chứng bệnh như: bệnh ung thư, bệnh gầy

ốm, điên cuồng, hai đường hiệp một, đại tiểu tiện thường chảy ra, đàm dãi thường xuất, ông có những bệnh như vậy không? (Tùy theo việc mà đáp không). Lại hỏi rằng: ông học giới chưa? Thì đáp học giới rồi. Lại hỏi: Ông thanh tịnh không? Lại đáp: thanh tịnh.

Lại hỏi người khác, mỗ giáp học giới chưa, (người khác đáp) học giới rồi.

Lại hỏi: thanh tịnh không? Người khác lại đáp: thanh tịnh.

Pháp chánh thức truyền giới:

Đã phương tiện đầy đủ như trước khai dẫn dạy thành thọ phải làm như vậy.

- Đại đức tăng nghe, vị này theo Hòa-thượng ni ... cầu thọ đại giới. Vị này nay theo tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng ni hiệu là ..., vị ấy nói thanh tịnh không có các việc nạn, tuổi đủ hai mươi, y bát đầy đủ, đã học giới thanh tịnh, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, tăng nay truyền Đại giới cho vị ấy, Hòa-thượng hiệu là ... tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, mỗ giáp này theo Hòa-thượng ... cầu thọ đại giới. Vị này nay theo tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng ... vị ấy nói thanh tịnh không có các việc nạn, tuổi đủ hai mươi, y bát đầy đủ, đã học giới thanh tịnh, nay tăng truyền đại giới, cho vị ấy, Hòa-thượng hiệu là ... trưởng lão nào bằng lòng cho vị ấy thọ đại giới và Hòa-thượng hiệu là ... thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần). Tăng đã bằng lòng truyền đại giới cho vị ấy xong, Hòa-thượng hiệu là ... tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Trong luật nói: Tự nói thanh tịnh, tuổi đủ hai mươi, nay trao cho vị đó giới cụ túc, văn của hai bên tùy theo đó mà tụng không mất. Tác pháp này rồi nên nhờ thời thọ không khác với ở đây.

Pháp trao giới tướng:

Nên nói với người kia rằng:

- Nầy người Thiện nữ hãy lắng nghe, Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói tám pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào phạm thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích, không được làm pháp bất tịnh, hành hạnh dâm dục. Nếu Tỳ-kheo-ni làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục, cho đến với súc sinh. Tỳ-kheo-ni kia chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Cô trọn đời giữ gìn không phạm có được không? Đáp: Giữ được.

- Không được trộm cắp, dù cho lá cây cọng cỏ. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc tự lấy, hoặc xúi giục

người lấy, hoặc tự phá, hoặc xúi giục người phá, hoặc thiêu, hoặc chôn, hoặc hoại sắc, người ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Cô trọn đời không được phạm có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Không được cắt mạng sống súc sinh, cho đến loài kiến, nếu Tỳ-kheo-ni cố tự tay cắt đứt mạng sống của người, cầm dao đưa cho người, xúi giục chết, khen chết, khuyên chết, cho người uống thuốc độc, hoặc làm đọa thai, hoặc yếm đối chú thuật, hoặc tự làm phương tiện, hoặc bảo người làm, thì người ấy chẳng phải con gái dòng họ Thích. Cô trọn đời không được phạm có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Không được nói dối cho đến nói chơi. Nếu Tỳ-kheo ni không chân thật điều mình không có mà tự xưng là được pháp hơn người, được thiền, được giải thoát, được Tam-muội chánh thọ, được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, trời đến, rồng đến, quỷ thần đến cúng dường ta, người kia chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Cô trọn đời không được phạm có giữ được không? Đáp: giữ được.

- Không được thân xúc chạm, cho đến xúc chạm với súc sinh. Nếu Tỳ-kheo-ni tâm nhiễm ô, cùng người nam có tâm nhiễm ô thân xúc chạm nhau, từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, hoặc mơn trớn, hoặc vuốt ve, hoặc xoa lui, hoặc xoa tới, hoặc kéo hoặc đẩy, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc nắm hoặc bóp, người ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Cô trọn đời không được phạm có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Không được phạm tám việc, cho đến cùng với súc sinh. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô, cho người nam có tâm nhiễm ô nắm tay, nắm áo, vào chỗ khuất, đứng nói chuyện chung ở chỗ khuất, cùng đi thân dựa vào nhau, cùng hẹn hò. Phạm tám việc này, người kia chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Cô trọn đời không được phạm có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Không được che giấu tội nặng của người khác, cho đến đột-cát-la ác thuyết. Nếu Tỳ-kheo-ni biết có Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di không tự nêu, không bạch tăng, không nói cho người biết. Về sau vào lúc khác, Tỳ-kheo ni này hoặc thôi tu, hoặc diệt tẫn, hoặc ngăn không cho làm việc với tăng, hoặc theo ngoại đạo. Tỳ-kheo-ni kia nói như vầy: Tôi biết người này trước đây phạm tội như vậy, như vậy. Tỳ-kheo-ni ấy chẳng phải Tỳ-kheo, chẳng phải con gái dòng họ Thích, bởi vì che giấu tội nặng của người khác. Cô trọn đời không được phạm có giữ được

không? Đáp: Giữ được.

- Không được tùy theo người bị cử Tỳ-kheo cho đến Sa-di. Nếu Tỳ-kheo-ni biết thầy Tỳ-kheo bị chúng tăng cử tội đúng như pháp, như luật, như lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối không làm phép mà ở chung, bèn thuận theo lời của Tỳ-kheo kia, các Tỳ-kheo-ni can ngăn Tỳ-kheo-ni này nói: Đại tỷ! Thầy Tỳ-kheo kia bị tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, chúng tăng chưa làm pháp sám hối không được chung. Chớ có thuận theo lời của Tỳ-kheo kia. Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn Tỳ-kheo-ni này mà Tỳ-kheo-ni này giữ chắc không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can ngăn ba lần cho bỏ việc đó. Can ngăn ba lần bỏ thì tốt, không bỏ, thì người ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích, vì phạm tội tùy cử. Cô trọn đời không được phạm, có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Nầy người thiện nữ hãy lắng nghe, Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói bốn thí dụ. Nếu phạm tám việc như người bị chặt đầu không thể mọc lại nữa, như cây đa-la bị chặt ngọn không thể sống được nữa. Như cây kim sứt lỗ không thể dùng lại được. Như khối đá lớn bị vỡ làm hai phần không thể hợp lại được. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tám việc này rồi không thể trở lại hạnh Tỳ-kheo-ni. Cô trọn đời không được phạm, có giữ được không? Đáp: Giữ được.

Pháp trao bốn y:

Nên nói với người kia rằng:

- Nầy người thiện nữ hãy lắng nghe, Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói bốn y. Tỳ-kheo-ni y nương theo đây xuất gia thọ đại giới, thành pháp Tỳ-kheo-ni, nương vào y phẩn tảo xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ-kheo-ni, trọn đời cô có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Nếu được lợi nhiều, đàn-việt thí y, cắt y, nên thọ. Nương vào khất thực xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ-kheo ni, cô trọn đời có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Nếu được lợi nhiều, tăng sai thọ thực, đàn-việt đưa thức ăn đến, thức ăn ngày mồng tám mỗi tháng, thức ăn ngày mười lăm hàng tháng, thức ăn ngày đầu tháng. Nếu chúng tăng thường thọ thực, đàn-việt thỉnh thọ thực thì nên thọ. Nương dưới gốc cây mà ngồi xuất gia thọ đại giới, đây là pháp của Tỳ-kheo-ni, trọn đời cô có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Nếu được lợi nhiều, phòng riêng, thất nóc nhọn, phòng nhỏ, thất

đá, hai phòng một cửa nên thọ. Nương vào thuốc mục nát mà xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ-kheo-ni, cô trọn đời có giữ được không? Đáp: Giữ được.

- Nếu được lợi nhiều, bơ, dầu, bơ sống, mật, thạch mật thì nên thọ, đã thọ giới rồi bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu được nơi chốn, Hòa-thượng như pháp, A-xà-lê như pháp, đủ hai bộ đại tăng, cô phải khéo thọ giáo pháp. Nên khuyến hóa làm phước, sửa tháp, cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Hòa-thượng, A-xà-lê, tất cả dạy bảo đúng pháp, không được trái nghịch, nên học hỏi tụng kinh siêng tìm phương tiện. Đối với trong Phật pháp đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, cô mới phát tâm xuất gia, công đức không luống uổng, quả báo không mất. Còn những điều chưa biết nên hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê. Bảo người thọ giới đi trước.

THIÊN THỨ TƯ: THẦY TRÒ

Chế hành pháp Hòa-thượng:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo chưa được người dạy bảo, không theo oai nghi, đắp y không ngay ngắn. Cho nên như cách nhóm họp của Bà-la-môn. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo bị bệnh, không có đệ tử, không có người chăm sóc nên qua đời. Phật bảo: Từ nay về sau, cho phép có Hòa-thượng, Hòa-thượng phải xem đệ tử như con. Đệ tử phải xem Hòa-thượng như cha, cung kính tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Như thế, Chánh pháp mới trụ lâu, tăng thêm lợi ích rộng lớn. Cách thỉnh như trên. Lại bảo các Tỳ-kheo! Từ nay về sau, cho Tỳ-kheo trí tuệ mười hạ trao giới cụ túc cho người. Lại đặt ra việc làm của Hòa-thượng đối với đệ tử. Pháp của Hòa-thượng nên thực hành như thế. Đối với Đệ tử, chúng tăng muốn làm bảy yết-ma quở trách, Hòa-thượng đối với việc đó phải lo liệu đúng như pháp. Lại tăng không cho đệ tử làm yết-ma, nếu làm thì bảo làm đúng như pháp. Kế đó, hoặc tăng cho đệ tử làm bảy yết-ma quở trách, Hòa-thượng đối với việc đó phải lo liệu đúng như pháp, bảo đệ tử thuận theo, đối với tăng không trái nghịch, cầu dứt tội. Bảo tăng mau cho giải yết-ma. Lại nữa, nếu đệ tử phạm tăng tàn, Hòa-thượng phải lo liệu như pháp. Hoặc nên cho ba-lợi-bà-sa thì phải cho ba-lợi-bà-sa, cho đến đáng cho xuất tội. Lại nữa, đệ tử bị bệnh. Hòa-thượng phải chăm sóc, hoặc nhờ người chăm sóc, cho đến bệnh lành, hoặc qua đời, nếu đệ tử không thích chỗ ở nên tự dời, hoặc nhờ người dời. Đệ tử có việc nghi, nên dùng pháp dùng luật đúng như lời Phật dạy như pháp mà

trừ. Hoặc sinh ác kiến, dạy cho bỏ ác kiến, trụ vào cái thấy đúng, phải lấy việc để hộ, lấy pháp, lấy y, thức ăn để hộ. Trong đó, pháp nên che chở lẫn nhau. Nên dạy tăng giới, tăng tuệ, dạy học hỏi tụng kinh. Trong đó y thực phải giúp đỡ lẫn nhau, phải cho y thực, giường ghế, đồ nằm, bệnh thì cho thuốc. Tỳ-kheo khả năng mà làm. Từ nay về sau, chế pháp của Hòa-thượng như thế. Hòa-thượng nên thực hành, nếu không làm thì đúng như pháp mà trị.

Hành Pháp y chỉ A-xà-lê:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo mới thọ giới, Hòa-thượng lại qua đời, không có người dạy bảo. Vì không được sự dạy bảo, thậm chí như Bà-la-môn nhóm họp. Phật bảo: Từ nay về sau cho có A-xà-lê, cho có đệ tử. A-xà-lê đối với đệ tử phải tưởng như con. Đệ tử đối với A-xà-lê phải tưởng như cha. Xoay vần tôn trọng cung kính lẫn nhau. Như vậy đối với Phật pháp càng được truyền bá rộng thêm. Nên thỉnh như vầy, sửa sang oai nghi bạch rằng:

- Đại đức tăng nhất tâm niệm, con pháp danh là .... nay cầu Đại đức làm y chỉ, mong Đại đức cho con y chỉ, con y chỉ Đại đức ở (nói ba lần) đáp “được”, hoặc nói: “Cho ông y chỉ”, hoặc nói “ông chớ buông lung, hành pháp của xà-lê đều đồng với Hòa-thượng”.

Chế hành pháp đệ tử:

Bấy giờ, các đệ tử không thực hành pháp đệ tử, không bạch Hòa-thượng mà vào xóm. Phật bảo các Tỳ-kheo từ nay về sau phải chế ra pháp đệ tử, làm cho đệ tử đối với Hòa-thượng thực hành pháp đệ tử, cùng thực hành tám pháp như trước. Lại không bạch Hòa-thượng thì không được vào xóm, không được đến nhà người, không được theo Tỳ-kheo khác, hoặc theo các Tỳ-kheo khác làm bạn, không được cho không được nhận, không được giúp đỡ các việc, không được nhận sự giúp đỡ các việc của người, không được cạo tóc cho người khác, không được nhờ người khác cạo tóc, không được vào nhà tắm, không được xoa chà thân cho người, không được nhờ người khác xoa chà thân mình, không được đến phòng trú xứ ban ngày, không được đến chỗ mồ mả, không được đến ngoài giới, không được đến phương khác. Người ấy lúc trời sáng ra phải vào phòng Hòa-thượng, thọ pháp tụng kinh, hỏi nghĩa, phải đem đổ đồ tiểu tiện. Nên bạch đã đến giờ cho đến nói rộng, đệ tử một ngày phải ba lần hỏi han Hòa-thượng, sáng trưa chiều, nên vì Hòa-thượng mà làm hai việc nhọc, không được từ chối: 1- Sửa sang

phòng nhà; 2- Vá, giặt y phục. Hòa-thượng dạy đúng như pháp, đệ tử phải vâng làm, hoặc sai đi khắp nơi không được từ chối, giả mượn nhân duyên, nếu từ chối, thì phải đúng như pháp mà trị. Từ nay về sau, chế pháp cho đệ tử tu hành, nếu không tu nên đúng như pháp mà trị. Điều này đối với sự tu hành của A-xà-lê cũng như vậy. Văn đồng cho nên không chép ra.

Pháp quở trách đệ tử:

Bấy giờ các đệ tử, không thờ phụng cung kính Hòa-thượng, A-xà-lê, cũng không thuận theo cách của đệ tử, không biết hổ thẹn, không thọ giáo, làm những việc phi oai nghi, không cung kính, khó dạy bảo, làm bạn với người ác, thích đến nhà dâm nữ, nhà phụ nữ, nhà đại đồng nữ, nhà Huỳnh môn, tinh xá Tỳ-kheo-ni, tinh xá Thức-xoa-ma-na, thích đến xem rùa ba ba, có các lỗi này nên tác pháp quở trách. Có ba thứ hiện tiền: 1- Đệ tử; 2- Nêu lỗi; 3- Quở trách. Từ quở trách có năm, nên nói:

- Nay Tôi quở trách ông, ông đi đi, ông chớ vào phòng tôi, ông chớ làm cho tôi, ông đừng đến chỗ tôi, tôi không nói chuyện với ông (là pháp Hòa-thượng quở trách đệ tử, A-xà-lê quở trách đệ tử cũng có năm từ đồng, chỉ đổi câu thứ tư chớ đến chỗ ta). Ông chớ y chỉ ta. Người kia suốt đời bị quở trách, Phật bảo không nên như vậy, an cư xong quở trách cũng không nên như vậy. Người bệnh cũng không nên quở trách.

Pháp đệ tử sám hối:

Người kia bị quở trách rồi không sám hối Hòa-thượng và A-xà-lê. Phật bảo bị quở trách rồi nên sám hối Hòa-thượng và A-xà-lê. Phải sám hối như vầy (oai nghi ngay ngắn nói): Bạch Đại đức nay con sám hối không còn phạm nữa. Nếu cho sám hối thì tốt, bằng không cho thì mỗi ngày phải ba thời sám hối sáng trưa chiều. Nếu cho sám hối thì tốt, bằng không cho nên hạ ý thuận theo tìm cách giải thích điều mình phạm. Nếu người kia hạ ý thuận theo không trái nghịch mà Hòa-thượng, A-xà-lê không chấp nhận thì phải đúng như pháp mà trị.

Pháp đệ tử lìa Hòa-thượng sám tạ! Hòa-thượng có năm điều phi pháp, đệ tử nên sám hối mà đi, nên nói với Hòa-thượng rằng:

Con đúng như pháp Hòa-thượng không biết, con không đúng như pháp Hòa-thượng cũng không biết, nếu con phạm giới, Hòa-thượng không dạy không quở trách, hoặc con phạm Hòa-thượng cũng không biết, nếu con phạm mà sám hối Hòa-thượng cũng không biết. Sám tạ

như thế phải nói lời nhẹ nhàng, nếu Hòa-thượng không chấp nhận thì nên bỏ đi xa, y chỉ xà-lê, nên mang y bát ra ngoài giới qua đêm rồi, sáng lại về y chỉ Tỳ-kheo khác mà ở.

THIÊN THỨ NĂM: THUYẾT GIỚI

Pháp tăng thuyết giới:

Trong ba ngày mười bốn, mười lăm và mười sáu, các Tỳ-kheo không biết thuyết giới ngày nào. Phật bảo cho phép ngày bố-tát, Thượng tọa xướng lên rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng vào lúc ấy, ngày ấy, tháng ấy, nhóm họp tại chỗ đó thuyết giới. xướng như thế rồi, đến lúc thuyết giới, Tỳ-kheo trẻ tuổi trước đến giới đường quét dọn, trải chiếu, dụng cụ nước rửa, chậu rửa chân, đèn đuốc, chuẩn bị thẻ. Nếu Tỳ-kheo trẻ tuổi không biết thì Thượng tọa phải dạy, nếu Thượng tọa không dạy thì phạm đột-cát-la. Nếu không theo lời Hòa-thượng dạy phạm đột-cát-la. Khi thâu cất cũng như thế. Bấy giờ, các người tại gia hỏi Tỳ-kheo, khi thuyết giới có mấy vị. Vì không biết, nên Tỳ-kheo hổ thẹn. Phật bảo: Cho đếm, tuy đếm nhưng vẫn quên. Phật dạy: Phải đủ thẻ, thẻ phải làm bằng đồng, bằng sắt, tre, cây, không được làm bằng vật báu. Nếu sợ khô héo nên làm hộp, hộp cũng không được làm bằng vật báu. Khi tăng nhóm họp, Tỳ-kheo phải xem xét nhau. Biết có đến hay không, nên trước bạch, sau đó thuyết giới, bạch đúng như phép tắc oai nghi, đầy đủ như giới kinh.

Pháp giáo giới Tỳ-kheo-ni:

Khi thuyết giới, Thượng tọa hỏi:

- Chúng Tỳ-kheo ni sai người nào đến, trước nhận lời dặn, nên đứng dậy lễ tăng, oai nghi ngay ngắn bạch:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni tăng ở chỗ nào đó hòa hợp, sai Tỳ-kheo ni tên là ... lễ dưới chân tăng cầu xin giáo giới (nói ba lần), Thượng tọa lại hỏi: Ai là người giáo giới Tỳ-kheo ni?

Nếu có người nên sai, người giáo giới rất nhiều, nên gởi tin nói với Tỳ-kheo-ni tăng, ở đây có nhiều người giáo giới, cô thích thỉnh ai?

Nếu ni kia nói: “Tôi thỉnh vị này”, thì y theo ni nói mà thỉnh sai. Nếu ni nói rằng: Tôi tùy tăng xử phân, tăng nên tùy thường giáo giới Tỳ-kheo thứ lớp sai. Phật bảo: Nếu có Tỳ-kheo có đủ tựu mười pháp: 1- Giới luật đầy đủ; 2- Học rộng; 3- Tụng làu hai bộ giới; 4- Quyết

đoán không nghi; 5- Nói pháp giỏi; 6- Xuất gia từ dòng họ danh tiếng; 7- Tướng mạo đẹp đẽ, chúng Tỳ-kheo-ni thấy liền vui mừng; 8- Có khả năng nói pháp cho Tỳ-kheo-ni nghe, khiến họ vui mừng. 9. Không vì Phật xuất gia mà mặc pháp phục phạm tội nặng; 10- Hoặc đủ hai mươi hạ, hoặc hơn hai mươi hạ, nên sai giáo giới Tỳ-kheo-ni. Nên sai như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo ... giáo giới Tỳ-kheo-ni, trưởng lão nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo ... giáo giới Tỳ-kheo-ni thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ... giáo giới Tỳ-kheo-ni rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế. Người được sai kia dẫn một Tỳ-kheo làm bạn đến trú xứ Tỳ-kheo-ni, phải đến đúng giờ, Tỳ-kheo-ni cũng phải lo đón rước. Nếu Tỳ-kheo không đến thì phạm đột-cát-la. Ni không đón rước cũng phạm cát-la. Bấy giờ, sư giáo giới thấy chúng nhóm họp rồi thì nói tám pháp cung kính và nói pháp rằng tám pháp cung kính không thể vượt qua.

Tuy Tỳ-kheo-ni trăm tuổi hạ thấy Tỳ-kheo mới thọ giáo giới cũng phải đứng dậy đón rước, lễ bái, và trải tịnh tòa mời ngồi. Pháp nầy nên tôn trọng, cung kính khen ngợi, trọn đời không được trái.

Tỳ-kheo-ni không được mắng nhiếc, quở trách Tỳ-kheo. Không nên phỉ báng rằng nói phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Pháp nầy nên tôn trọng v.v... (như trên). Tỳ-kheo ni không nên vì Tỳ-kheo mà tác cử, tác ức niệm, tự nói. Không nên ngăn người khác tìm tội, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ. Tỳ-kheo-ni nên trách Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nên trách Tỳ-kheo ni. Pháp nầy nên tộn trọng v.v... (như trên). Thức-xoa-ma-na học giới rồi theo Tỳ-kheo tăng xin thọ đại giới, pháp như thế nên tôn trọng, v.v... (như trên)

Tỳ-kheo-ni phạm tội tăng tàn nên ở trong hai bộ đại tăng thực hành pháp ma-na-đỏa, pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên)

Tỳ-kheo-ni nửa tháng theo tăng xin giáo giới, pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên)

Tỳ-kheo-ni không nên hạ an cư ở chỗ không có Tỳ-kheo, pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên)

Tỳ-kheo-ni tăng hạ an cư xong nên đến Tỳ-kheo tăng cầu ba việc: thấy, nghe, nghi, pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên)

Như trên thứ lớp mà nói pháp, lượng cơ dẫn dắt. Về pháp lược giáo giới: Nếu không có người giáo giới ni, thỉnh khắp mà không được thì ở đây nhận gởi gắm cho Tỳ-kheo, lại đến trước Thượng tọa bạch,

Thượng tọa nên nói người kia rằng:

Ở đây không có người giáo giới Tỳ-kheo ni, và không có người nói pháp, nói chúng Tỳ-kheo siêng tu chớ buông lung.

Ngày mai ni đến chỗ Tỳ-kheo này truyền đến Thượng tọa.

Pháp nói thanh tịnh:

Nếu ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu, Tỳ-kheo cựu trụ muốn thuyết giới, có Tỳ-kheo khách đến, đã thuyết giới rồi, hoặc ít hoặc nhiều, nên theo Tỳ-kheo cựu trụ thuyết giới lại. Nếu không thì đúng như pháp mà trị. Hoặc khách đông, Tỳ-kheo cựu trụ nên cầu khách hòa hợp. Nếu không được nên ra ngoài giới thuyết giới. Nếu Tỳ-kheo cựu trụ đã thuyết giới xong, Tỳ-kheo khách đến muốn thuyết giới hoặc ít hoặc nhiều, nên cầu Tỳ-kheo cựu trụ hòa hợp. Nếu không được nên ra ngoài giới thuyết giới. Nếu Tỳ-kheo khách nhiều nên theo Tỳ-kheo khách thuyết giới lại. Nếu không thì đúng như pháp mà trị. Nếu ngày đồng giờ, Tỳ-kheo cựu trụ đã thuyết lời tựa xong, Tỳ-kheo khách đến ít, nói thanh tịnh, nên nói như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo thanh tịnh. Nói như vậy rồi, còn lại phải thứ lớp nghe. Nếu thuyết giới xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc nhiều người chưa đứng dậy, hoặc đều đứng dậy, cũng nói thanh tịnh. Nếu không, thì trị đúng như pháp. Nếu nói lời tựa xong, khách đến nhiều, Tỳ-kheo cựu trụ phải thuyết lại. Nếu không, thì trị đúng như pháp. Nếu thuyết giới xong, cả chúng chưa đứng dậy, hoặc nhiều người chưa đứng dậy, hoặc tất cả đều đứng dậy, cũng thuyết lại. Nếu Tỳ-kheo khách nhóm họp rồi thuyết lời tựa, Tỳ-kheo cựu trụ đến cũng như vậy.

Pháp lược thuyết giới:

Luật nói: Nếu có tám nạn và duyên khác thì cho lược thuyết giới.

Tám nạn là: Hoặc vua, hoặc giặc, hoặc lửa, hoặc nước, hoặc bệnh, hoặc người, hoặc phi nhân, hoặc côn trùng độc.

Duyên khác: Hoặc đại chúng nhóm họp đông đảo mà giường ghế ít, hoặc chúng nhiều người bị bệnh, cho lược thuyết giới. Hoặc đại chúng nhóm họp mà trên tòa che không khắp, hoặc trời mưa, hoặc bố-tát nhiều đêm đã lâu, hoặc việc đấu tranh, hoặc luận bàn A-tỳ-đàm, tỳ-ni, hoặc nói pháp đêm đã lâu thì cho, tất cả chúng chưa đứng dậy, tướng sáng chưa xuất hiện, nên làm yết-ma thuyết giới, lại không có phương

tiện để được ngủ, thọ dục thanh tịnh, lược phương tiện trước, pháp rộng như một, lượng nạn xa gần, hoặc nói tựa giới, hỏi thanh tịnh rồi, nạn đến nên nói: Các Đại đức, bốn pháp Ba-la-di nầy, tăng thường nghe. Nếu nạn duyên ép ngặt đến gần không kịp nói lời tựa thì nên bỏ đi.

Pháp đối thú thuyết giới:

Nếu có ba vị, mỗi vị hướng vào nhau mà nói như vầy:

Hai Trưởng lão nhớ nghĩ, nay ngày mười lăm tăng thuyết giới, tôi Tỳ-kheo ... thanh tịnh (nói ba lần, hai người cũng vậy).

Pháp tâm niệm thuyết giới:

Nếu có một người, tâm nên nghĩ rằng: Nay ngày mười lăm chúng tăng thuyết giới, tôi Tỳ-kheo ... thanh tịnh (nói ba lần).

Pháp thuyết giới thêm bớt:

Nếu có Tỳ-kheo thích đấu tranh mắng chửi phỉ báng nhau miệng nói ra lời dao kiếm, muốn đi đến đây thuyết giới, nên nói hai, ba lần "Bố-tát". Nếu ngày mười lăm thuyết ngày mười bốn tác, nếu ngày mười bốn thuyết thì ngày mười ba tác, hoặc nghe hôm nay đến thì mau mau bố-tát.

Nếu đã vào giới trường thì nên ra ngoài giới mà thuyết giới.

Nếu được như thế thì tốt, nếu không có khả năng thì nên tác bạch thuyết giới, tác bạch như vầy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay tăng không thuyết giới, đến ngày mười lăm tháng trời tối phải thuyết giới, tác bạch như thế. Nếu Tỳ-kheo khách không đi thì nên tác bạch lần thứ hai, lại bạch như vầy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, tăng nay không thuyết giới, đến ngày mười lăm tháng trăng sáng phải thuyết giới, tác bạch như thế.

Nếu Tỳ-kheo khách cố không đi đến tháng trăng sáng, Tỳ-kheo cựu trụ nên như pháp cưỡng hỏi đáp với Tỳ-kheo khách.

Pháp hòa hợp phi thời:

Hoặc vì nêu việc mà có đấu tranh, năng sở không hòa hợp, với bộ khác để thuyết giới. Nếu có thể sám hối sửa lỗi theo tăng xin giải, giải rồi tác bạch yết-ma hòa hợp bố tát, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, người kia nhân việc làm cho tăng đấu tranh, phỉ báng, tìm ưu khuyết của nhau, làm cho tăng bị phá, làm

cho tăng ở riêng, làm cho tăng nhơ bẩn. Người kia bị tăng nêu tội rồi, lại được giải rồi, diệt nhơ bẩn của tăng, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, tăng hòa hợp bố-tát, tác bạch như thế (tác bạch rồi hòa hợp bố-tát).

Pháp thuyết giới phi thời:

Nếu do đấu tranh làm cho tăng không hòa hợp, làm cho tăng chia làm hai hệ khác nhau, người kia tự biết, việc phạm tội, nay đã sửa đổi, trừ diệt sự nhơ bẩn tăng, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay hòa hiệp thuyết giới, tác bạch như thế (tác bạch như thế rồi sau đó hòa hiệp thuyết giới).

THIÊN THỨ SÁU: AN CƯ

Pháp đối thú:

Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy không nên trong tất cả mùa xuân, hạ, đông đi khắp trong nhân gian. Từ nay về sau, cho các Tỳ-kheo an cư ba tháng hạ, nên nói như vầy: Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi là Tỳ-kheo .... nương Tăng-già-lam .... nếu ở trong xóm làng nên nói: xóm làng nào đó. Nếu ở phòng riêng nên nói phòng ..., tiền tam ngoạt hạ an cư, vì phòng xá cũ sửa sang lại (nói ba lần). Vì an cư nương vào Luật sư thứ năm cho nên phải nói rằng: Ông nương ai trì luật? Người kia nên nói nương luật sư ..., sau đó nên nói: Có nghi nên hỏi. Người kia nên đáp: vâng (hậu tam ngoạt hạ an cư cũng như vậy). An cư có hai thứ: 1- Tiền an cư; 2- Hậu an cư. Hoặc tiền an cư trước ba tháng, hoặc hậu an cư sau ba tháng.

Pháp tâm niệm:

Luật nói: Từ nay cho các Tỳ-kheo, nếu không người nương tựa, cho tâm niệm an cư, cách tác bạch giống như trước. Chỉ trừ câu đầu và sau hỏi đáp, nói ba lần.

Pháp quên thành:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở trú xứ muốn an cư, không có người nương tựa, tự quên không tâm niệm, chẳng biết có thành hay không. Phật bảo: Nếu vì an cư mà đến thì thanh an cư.

Pháp đến giới trường:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ an cư để an cư, vào giới trường tướng sáng liền xuất hiện. Người kia nghi ngờ, chẳng biết có thành an cư hay không. Phật bảo: Nếu vì an cư mà đến thì thành an cư. Kế vào khuôn viên cũng đồng, kế một chân vào giới, một chân vào khuôn viên cũng như thế.

THIÊN THỨ BẢY: PHÁP THỌ NHẬT

Pháp đối thú:

Nếu có việc Phật, Pháp, Tăng, đàn-việt, cha mẹ mời thọ sám, hoặc lo bệnh hoạn, bệnh cầu đồng nghiệp v.v... không đến và trong ngày trở về thì cho, thọ bảy ngày rồi đi, nên bạch như vầy:

- Trưởng lão nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ..., thọ bảy ngày ra ngoài giới, vì việc gì đó. Xong việc trở lại đây an cư, xin bạch cho Trưởng lão biết (nói ba lần), không nên vì ăn uống mà đi.

Pháp yết-ma:

Vì duyên trước đi xa trong bảy ngày không về kịp. Phật bảo: Có việc như thế thì được thọ quá bảy ngày, hoặc mười lăm ngày, một tháng, bạch nhị yết-ma. Nên tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... thọ quá bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng ra ngoài giới, vì việc gì đó, xong việc trở lại đây an cư. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo ... thọ quá bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng ra ngoài giới, vì việc gì đó, xong việc trở lại đây an cư thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ... thọ quá bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng ra ngoài giới, vì việc gì đó, xong việc trở lại đây an cư rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

THIÊN THỨ TÁM: TỰ TỨ

Pháp bạch tăng khi tự tứ:

Từ nay về sau cho an cư xong rồi tự tứ, cho ngăn tự tứ, không nên cầu nghe. Vì sao? tự tứ tức là nghe. Lại các Tỳ-kheo không biết hôm nay tự tứ, ngày mai tự tứ. Phật bảo: Từ nay về sau cho lúc tiểu thực, hoặc thượng trung thực, Thượng tọa xướng rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng ngày đó giờ gió, ngày đó tháng đó nhóm họp chỗ nào đó tự tứ. ngoài ra nghi quỹ đều đồng với

thuyết giới.

Pháp sai người thọ tự tứ:

Các Tỳ-kheo cùng một lúc tự tứ gây náo loạn, lại không cầu thứ lớp tự tứ, Thượng tọa mỏi mệt. Phật bảo: Không nên như vậy. Cho sai người thọ tự tứ, bạch nhị yết-ma. Có năm pháp nên sai là: không ái, không sân, không sợ, không si, biết đã tự tứ chưa tự tứ. Nên sai như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay tăng sai Tỳ-kheo .... làm người thọ tự tứ, Trưởng lão nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo .... làm người thọ tự tứ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ... làm người thọ tự tứ rồi, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp bạch tự tứ:

Luật nói: Cho Tỳ-kheo biết có đến hay không. Trước bạch, sau tự tứ, tác bạch như vậy: Đại đức tăng xin lắng nghe, ngày nay chúng tăng tự tứ, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng hòa hợp tự tứ, tác bạch như vậy.

Pháp tăng tự tứ:

Luật nói: Cho từ từ nói ba lần rõ ràng rồi tự tứ, không nên vắt y trên cổ, nên vén y bày vai phải, nói như vậy: Bạch Đại đức! Chúng tăng ngày nay tự tứ, tôi là Tỳ-kheo. Cũng tự tứ, nếu thấy tội, nghe tội, nghi tội, xin Đại đức trưởng lão vì thương xót nói cho con, nếu con thấy tội nên như pháp sám hối, ba lần nói. Nếu Tỳ-kheo bệnh thì Phật cho ở tại chỗ tự tứ, cùng nói duyên thanh tịnh và nói một pháp giống như thuyết giới.

Pháp lược tự tứ:

Phật nói: Nếu có tám nạn và duyên khác, thì cho lược tự tứ. Nếu nạn sự còn xa, được thuyết rộng thì nên thuyết rộng. Nếu việc nạn đến gần không thể nói ba lần, thì phải nói hai lần. Nếu không nói được hai lần thì nên nói một lần. Nếu không thì đúng như pháp mà trị. Nếu việc nạn đến gần không thể nói một lần, thì các Tỳ-kheo nên tác bạch, đều cùng ba lần nói tự tứ, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay mọi người cùng nói ba lần tự tứ, tác bạch như

thế. Bạch như thế rồi, mọi người cùng nói ba lần tự tứ; nói hai lần, nói một lần cũng như vậy. Nếu việc nạn đến gần không thể, mọi người nói ba lần tự tứ, cũng không bạch được, thì nên vì việc này mà đi.

Pháp đối thú tự tứ:

Nếu tăng có bốn vị mỗi vị cùng hướng vào nhau nói như vầy: Ba trưởng lão nhớ nghĩ, ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi là Tỳ-kheo ... thanh tịnh tự tứ, nói ba lần, nếu ba người, hai người cũng như vậy.

Pháp tâm niệm tự tứ:

Nếu có một người nên tâm niệm miệng nói: Nay chúng tăng tự tứ, tôi là Tỳ-kheo ... tự tứ thanh tịnh, nói ba lần.

Pháp tăng lợi ích tự tứ:

Luật nói: Nếu có nhiều chúng Tỳ-kheo, kết an cư siêng năng hành đạo, được quả chứng tăng thượng. Các Tỳ-kheo nghĩ như vầy: nếu ngày nay chúng tôi tự tứ, lại phải dời đến chỗ khác, sợ không được vui như thế. Tỳ-kheo kia nên tác bạch tăng ích tự tứ, nên bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng ngày nay không tự tứ, đủ bốn tháng mới tự tứ, tác bạch như thế.

Tác bạch như thế rồi, đến mãn bốn tháng mới tự tứ.

Pháp thêm bớt tự tứ:

Luật nói: Nếu ngày tự tứ, nghe Tỳ-kheo chỗ khác đấu tranh, không hòa hợp muốn đến đây tự tứ. Tỳ-kheo kia nên làm hoặc hai hoặc ba bớt tự tứ. Nếu phương tiện làm như thế thì tốt. Nếu không thể, thì người kia nên tác bạch tăng thượng tự tứ, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, tăng ngày nay không tự tứ, đến ngày mười lăm tháng trời tối mới tự tứ, tác bạch như thế. Tác bạch rồi thêm lên tự tứ.

Nếu Tỳ-kheo khách ở đến ngày mười lăm tháng trời sáng sau phải tự tứ.

Nếu Tỳ-kheo khách vẫn không đi, Tỳ-kheo cựu trụ nên như pháp như luật ép buộc hòa hợp tự tứ.

Pháp thọ Tỳ-kheo-ni tự tứ:

Bấy giờ, Tỳ-kheo tăng nhóm họp đủ. Vị nào không đến, thì dặn

dò Tỳ-kheo-ni kia, ở trong thuyết tự tứ rồi, Thượng tọa ở trong tăng nói rằng:

Đại đức tăng chúng, không thấy chúng Tỳ-kheo ni có tội thấy, nghe, nghi để nêu, nói với chúng Tỳ-kheo-ni, nên như pháp tự tứ, cẩn thận chớ buông lung (sai ni lễ dưới chân tăng rồi trở về).

THIÊN THỨ CHÍN: THỌ TỊNH Y, BÁT, THUỐC

Pháp thọ ba y:

Theo luật Thập Tụng thì bạch rằng: Trưởng lão nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ..., đây là y Tăng-già-lê, đây là y cắt tiệt, bao nhiêu điều, dài bao nhiêu, rộng bao nhiêu (nói ba lần), thọ hai y dưới cũng như vậy.

Pháp xả ba y: Ứng phiên thọ chép:

Trưởng lão nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ...., đây là y Tăng-già-lê, đây là y cắt tiệt, bao nhiêu điều, dài bao nhiêu, rộng bao nhiêu, nói ba lần, xả hai y dưới cũng như vậy.

Pháp thọ ni-sư-đàn:

Nên nói: Trưởng lão nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ..., ni-sư-đàn này là y giúp thân, nói ba lần, y giúp thân khác thọ đồng, pháp này xả dịch là thọ, nên biết.

Pháp thọ bát:

Luật nói: Bát có hai loại: 1- Bằng sứ; 2- Bằng sắt. Mầu cũng có hai loại: 1- Màu đỏ; 2- Màu đen.

Loại lớn chứa ba thăng, loại nhỏ chưa một thăng rưỡi. Ở đây nên trì, nên tịnh thí. Luật Thập Tụng nói:

Trưởng lão nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo, thọ bát đa-la ứng lượng này, vì xả lượng lâu dài, nói ba lần, xả dịch là thọ, nên biết.

Pháp thọ thuốc phi thời:

Luật nói: cho uống tám thứ nước cốt trái cây:

1- Nước lê; 2- Nước quả diêm-phù; 3- Nước táo chua; 4- Nước mía ngọt; 5- Nước quả trưng; 6- Nước xả-lâu-ca; 7- Nước quả ba-lầu-sư; 8- Nước quả nho.

Nếu không làm say người thì cho uống phi thời. Nếu say người thì không nên uống. Nếu uống thì đúng như pháp mà trị. Nên theo tịnh

nhân tay nhận, kế đối Tỳ-kheo gia pháp rằng:

Bạch Trưởng lão nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ... bị duyên bệnh ..., nước cốt trái cây phi thời ..., vì uống phi thời, nay ở bên Trưởng lão nhận, nói ba lần, pháp thọ hai thứ thuốc khác cũng đồng với thuốc bảy ngày, nên nói: Vì uống bảy ngày chung cho ban đêm.

Suốt đời nên nói: Vì uống dài hạn chung cho ban đêm.

Thuốc bảy ngày là bơ, thuốc suốt đời là tất cả giấm chua v.v... để làm thức ăn.

Pháp chân thật thanh tịnh:

Nên nói:

- Bạch Đại đức nhất tâm niệm, tôi có y dư này chưa tác tịnh. Vì tác tịnh nên đưa cho Đại đức làm chân thật tịnh. Làm chân thật tịnh nên hỏi thí chủ sau đó được mặc. Loại bát, thuốc cũng giống như vậy.

Pháp xoay vần thanh tịnh:

Nên nói:

- Bạch Đại đức nhất tâm niệm, đây là y dư của tôi chưa tác tịnh. Vì tác tịnh nên đưa cho Đại đức, vì để xoay vần thanh tịnh. Người thọ tịnh kia nên nói: Trưởng lão nhất tâm niệm, ông có y dư nay chưa tác tịnh, nên đưa cho tôi tác tịnh, nay tôi nhận. Thọ rồi nói: Ông cúng dường cho ai? Người kia nên đáp: Cúng cho người tên ... Người thọ tịnh nói: Bạch trưởng lão nhất tâm niệm, đây là y chưa tác tịnh của ông, vì tác tịnh nên đưa cho tôi, nay tôi nhận nó. Thọ rồi nói: Ông cho ai? Y này tôi đã có, ông vì tôi khéo hộ trì, sử dụng tùy nhân duyên. Tác tịnh xoay vần, hoặc hỏi hoặc không hỏi, cho phép tùy ý, bát và thuốc đồng, việc thì khác.

THIÊN THỨ MƯỜI: NHIẾP VẬT

Pháp thí nhiếp thời hiện tiền:

Luật nói: Từ nay về sau, không nên trong tất cả mùa xuân hạ đông mà xin y hạ. Lại không nên chỗ này an cư, chỗ khác nhận phần y hạ. Lại có Tỳ-kheo ở trú xứ khác kiết hạ an cư rồi, lại ở trú xứ khác, người ấy không biết nhận vật an cư ở trú xứ nào.

Phật bảo: Cho phép lấy vật ở trú xứ nào nhiều ngày. Nếu hai trú xứ bằng nhau thì cho phép mỗi trú xứ lấy một nửa. Lại nói: Chúng tăng được y hạ an cư, tăng phá làm hai bộ. Phật bảo: Nên đếm người bao nhiêu để chia, hoặc chưa được y hạ, hoặc được y hạ, và chưa được y hạ,

tăng phá hai bộ cũng đếm người mà chia, đây đều là thí hiện tiền, đây là pháp chia và không chia.

Pháp nhiếp thí hiện tiền phi thời:

Bấy giờ, thành Vương-xá các Ưu-bà-tắc nghe các Tỳ-kheo được đàn-việt cúng y, liền sai người đem đến nhiều loại y tốt đẹp cúng dường các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không biết làm sao. Phật bảo cho chia. Các Tỳ-kheo không biết làm sao chia, Phật bảo phải đếm người bao nhiêu để chia. Hoặc mười người là mười phần, cho đến trăm người là trăm phần, tốt xấu xen nhau, phải chia ứng lượng không nên tự lấy, chia khiến người khác lấy, không nên tự ném thẻ, sai người không thấy ném thẻ. Đây là đếm người cũng không có pháp chia.

Pháp khi nhiếp tăng thí:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo chưa phân y hạ bèn bỏ đi. Sau đó, Tỳ-kheo chia y hạ, không dám lấy đi chia, các Tỳ-kheo không biết có thành chia hay không. Phật bảo thành chia, phải nên đợi nhau, cũng nên dặn dò người sau nhận phần y hạ. Luật nói: Nếu một Tỳ-kheo an cư, Đại đức được vật y hạ an cư, Tỳ-kheo kia nên tâm niệm nói: Đây là vật của tôi, người kia yết-ma pháp đối thú. Y cứ đồng với phi thời tăng thí, vì không khác nên không nêu ra.

Pháp nhiếp tăng phi thời nhiếp sai người chia vật:

Bấy giờ, có trú xứ tăng hiện tiền được chia y vật. Phật bảo cho chia. Lúc chia có một số Tỳ-kheo khách đến, chia y rất mệt, nên sai một người chia, người này phải đủ năm pháp như trên, nên tác bạch rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho cho tăng sai Tỳ-kheo ... làm người chia vật cho tăng, tác bạch như vậy rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo ... làm người chia vật cho tăng, trưởng lão nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo ... làm người chia vật cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ... làm người chia vật cho tăng rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Vì tăng mà chia cháo, chia tiểu thực; khư-xà-ni sai thỉnh chia trải đồ ngồi, chia đồ nằm, giặt y. Phân y đáng cho đáng lấy, sai Tỳ-kheo, sai Sa-di, sai tất cả, cũng giống như thế, có năm pháp chia cháo cho tăng bị đọa vào địa ngục như tên bắn. Nghĩa là có ái, v.v... Có năm pháp sinh

lên cõi trời cũng nhanh như tên bắn. Nghĩa là không ái, v.v... cho đến sai Sa-di cũng như vậy.

Pháp chia chia y cho người:

Đã sai người rồi, thì nên phải giao vật phân phó như vầy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, trú xứ này, hoặc y hoặc không phải y, nên chia cho tăng hiện tiền. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay cho Tỳ-kheo ..., người kia phải cho tăng, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, trú xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y, nên chia cho tăng hiện tiền. Nay Tăng cho Tỳ-kheo ..., người ấy phải cho tăng. Trưởng lão nào bằng lòng ở trú xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y, nên chia cho tăng hiện tiền, tăng cho Tỳ-kheo ..., người kia phải cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ..., người ấy phải chia cho tăng rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Tác pháp này rồi, y theo người nhiều ít mà chia đồng cho Sa-di.

Hoặc hòa hợp bình đẳng, nếu không hòa hợp thì hai phần cho một.

Hoặc không hòa hợp thì ba phần cho một. Hoặc không cho thì không nên chia cho người Tăng-già-lam, bốn phần cho một, hoặc không cho thì không nên chia.

Pháp bốn người nhiếp thẳng vật:

Nếu chỉ bốn phần thì không thành sai, không thành giao thẳng, làm pháp nhiếp, tác bạch như vậy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, trú xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho tăng hiện tiền, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho nay chia cho tăng hiện tiền nầy y vật, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, trú xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho tăng hiện tiền, nay chia cho tăng hiện tiền là y vật, Trưởng lão nào bằng lòng trú xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho tăng hiện tiền, nay chia cho tăng hiện tiền là y vật thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng nay chia cho tăng hiện tiền là y, vật rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế. Làm Tác yết-ma rồi, cách chia như trước.

Pháp đối thú nhiếp vật:

Hoặc có ba người, tất cả cùng nói ba lần thọ, nên nói như vầy: Bạch hai Trưởng lão nhớ nghĩ, trú xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y, nên chia cho tăng hiện tiền. Chỗ này không có tăng, đây là phần chúng ta. Hai người cũng vậy, cách chia như trước.

Pháp tâm niệm nhiếp vật:

Nếu có một người thì nên tâm nghĩ miệng nói: Trú xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho tăng hiện tiền, nơi chốn này không có tăng, đây là phần tôi, nói ba lần, cách chia như trước.

Pháp nhiếp hai bộ tăng được cúng thí:

Bấy giờ, có trú xứ khác, lúc hai bộ tăng được chia nhiều y vật. Tỳ-kheo tăng nhiều, Tỳ-kheo-ni ít, Phật nói: nên chia làm hai phần. Nếu không có Tỳ-kheo-ni thuần là Thức-xoa-ma na, cũng chia ra hai phần, và thuần là Sa-di-ni cũng chia ra hai phần. Hoặc không có Sa-di-ni, thì tăng nên chia. Nếu Tỳ-kheo ít, Tỳ-kheo-ni nhiều cũng chia làm hai phần. Hoặc không có Tỳ-kheo, thuần là Sa-di cũng chia làm hai phần. Hoặc không có Sa-di, Tỳ-kheo-ni nên chia ra hai phần, mỗi bên đến bản xứ, làm yết-ma chia đều ba phần. Bấy giờ tăng được cúng thí cũng vậy, cấp cho hai bộ hiện tiền thí, đều đến người để chia.

Pháp nhiếp vật của Tỳ-kheo qua đời:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo chia cây trái, ruộng vườn của tăng, lại chia phòng riêng. Lại chia bình đồng, chậu đồng, búa rìu và vật khác. Lại chia võng giường, nệm gối. Lại chia nệm y lê-diên-đà-kỳ, la-kỳ, kỳ-la. Lại chia xe cộ, người giữ tăng-già-lam. Lại chia bình nước, chậu tắm, tích trượng, quạt. Lại chia bình sắt, bình làm bằng gỗ, hoặc bình sành, bình xứ, bình trúc. Phật bảo: Không nên chia, thuộc tăng bốn phương. Nệm chăn rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay, nệm lông dài ba ngón tay, dao cạo, y, bát, đồ ngồi, ống đựng kim, rương chứa y, bình cụ-dạ-la, nên chia cho tăng hiện tiền, trước làm thẻ này, sau đó tác pháp.

Pháp người săn sóc bệnh đối tăng xả vật:

Bấy giờ, người săn sóc bệnh đem vật ở trong tăng, đầy đủ oai nghi, xả rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên ..., nếu chết chỗ khác thì nói người kia qua đời ở trụ xứ, tất cả y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, rương đựng y. Đây tùy hiện tác pháp có sáu vật. Nếu có thiếu thì nên

bỏ. Lại nếu loại vật nhiều ở đây nói nhiếp. Không hết nên nói hoặc y, hoặc chẳng phải y. Nên chia cho hiện tiền, nói ba lần.

Pháp thưởng vật cho người săn sóc bệnh:

Luật nói: Tăng hỏi người săn sóc bệnh rằng: Người bệnh có dặn dò không? Ai mắc nợ vật của người bệnh? Người bệnh mắc nợ vật của ai? Có năm pháp nên cho người săn sóc bệnh đồ vật.

1. Biết món nào người bệnh ăn được hoặc không ăn được, ăn được thì cho ăn.

2. Không chê người bệnh nghèo, đại tiểu tiện, ói mửa.

3. Có tâm thương xót không vì y phục, thức ăn.

4. Có thể lo liệu thuốc thang, cho đến hoặc chết.

5. Có thể nói pháp cho người bệnh, làm cho người bệnh vui mừng, thân thêm lớn pháp lành. Người có năm pháp này nên nhận y, vật của người bệnh. Vật như y bát, v.v... tùy hiện có thì thưởng, nếu không thì không được lấy, đem vật khác thay thế nên thưởng đúng như pháp.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, rương đựng y, nay chia cho hiện tiền tăng đây. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay cho Tỳ-kheo ... săn sóc bệnh, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, rương đựng y, nên chia cho tăng hiện tiền, nay tăng cho người săn sóc Tỳ-kheo bệnh, Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho người săn sóc Tỳ-kheo bệnh, y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, rương đựng y thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, v.v... cho người đã săn sóc Tỳ-kheo bệnh rồi. Tăng bằng lòng im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp sai người chia y:

Đủ đức như trước nên sai như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo ... làm người chia vật cho tăng, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo ... làm người chia vật cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ... làm người chia vật cho tăng rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Pháp giao vật chia y cho người:

Sai rồi nên giao như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho tăng hiện tiền, nay tăng cho Tỳ-kheo ..., Tỳ-kheo đó phải đưa cho tăng. Trưởng lão nào bằng lòng Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho tăng hiện tiền, tăng cho Tỳ-kheo ..., Tỳ-kheo đó phải đưa cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ...., Tỳ-kheo đó phải đưa cho tăng rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế (cách chia như trước).

Pháp vật nhiếp thẳng bốn người:

Vì không thành sai, nên chia thẳng rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho tăng hiện tiền. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng cho chia cho tăng hiện tiền y vật nầy, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho tăng hiện tiền, nay chia cho tăng hiện tiền là y vật. Trưởng lão nào bằng lòng, cho Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả hoặc y hoặc chẳng phải y nay chia cho tăng hiện tiền y vật nầy thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng nay chia cho tăng hiện tiền y vật nầy rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế. Làm yết-ma rồi, cách chia như trước, có người săn sóc bệnh thì nên miệng hòa mà thưởng.

Pháp đối thú nhiếp vật:

Nếu có ba người, tất cả đều ba lần nói thọ, nên nói như vậy:

Bạch hai trưởng lão nhớ nghĩ: Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả hoặc y hoặc chẳng phải y nay chia cho tăng hiện tiền. Chỗ này không có tăng, đây là phần của chúng tôi, nói ba lần, hai người cũng vậy, cách chia như trước, có người săn sóc bệnh miệng cũng hòa mà thưởng.

Pháp tâm niệm nhiếp vật:

Nếu có một người thì nên tâm niệm nói: Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả hoặc y hoặc chẳng phải y nay chia cho tăng hiện tiền. Chỗ này không có tăng, đây là phần của chúng tôi, ba lần nói, cách chia như trước.

Pháp không có trú xứ nhiếp vật:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến chỗ không có Tỳ-kheo ở, đến rồi thì qua đời, không biết ai được chia y bát này.

Bèn Bạch lên Đức Phật! Phật bảo chỗ kia nếu có Ưu-bà-tắc đáng tin ưa hoặc người giữ vườn, thì người kia được thưởng lấy. Nếu có người trong năm chúng xuất gia, nên cho người đến trước. Nếu không có người đến nên đưa cho Tăng-già-lam gần đó.

■

TỨ PHẦN TĂNG YẾT-MA

QUYỂN TRUNG

(xuất xứ từ Luật Tứ Phần)

THIÊN THỨ MƯỜI MỘT: Y CÔNG ĐỨC

Pháp bạch thọ y công đức:

Luật nói: Nếu được vải mới, y đàn-việt cúng dường, y phẩn tảo, hoặc y mới, hoặc y cũ. Vật mới đã tác tịnh, hoặc đã giặt, giặt rồi may và tác tịnh. Y đó chẳng phải do tà mạng mà được, chẳng phải do hiện tướng mà được, chẳng phải do gợi ý mà được. Y đó chẳng phải để cách đêm, chẳng phải y do xả đọa rồi tác tịnh. Y đúng pháp, may viền bốn bên, năm điều có mười bức, nếu hơn cũng được thọ. Tự mình giặt, nhuộm, trải ra để cắt may thành mười khoảng cách. May xong, Tỳ-kheo nên ở trước tăng bạch rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, hôm nay chúng tăng thọ y công đức, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng chấp thuận. Chúng tăng hòa hợp thọ y công đức, đây là lời tác bạch.

Pháp sai người giữ y công đức:

Luật nói: Tăng nên hỏi: “Vị nào giữ được y công đức?” Nếu có người nói: “Tôi giữ được”. Nên bạch nhị yết-ma để sai người nầy giữ y công đức, bạch thế này:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng chấp thuận, cho tăng sai Tỳ-kheo tên ......, vì tăng giữ y công đức. Đây là lời tác bạch.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, tăng sai Tỳ-kheo ......, vì tăng giữ y công đức, trưởng lão nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo ......, vì tăng giữ y công đức thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ......, vì tăng giữ y công đức rồi,

tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp giao phó y công đức cho người giữ y:

Yết-ma sai Tỳ-kheo giữ y công đức rồi, nên bạch nhị giao y cho Tỳ-kheo đó, tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, trú xứ này tăng được y vật để chia, nên chia cho tăng hiện tiền. Nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng chấp thuận, cho tăng giao y này cho Tỳ-kheo ...... Tỳ-kheo đó nên giữ y này, vì tăng nhận làm y công đức, giữ gìn ở trú xứ này, đây là lời tác bạch.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, trú xứ này tăng được y vật để chia, nên chia cho tăng hiện tiền. Nay đem y này giao cho Tỳ-kheo ...... Tỳ-kheo đó nên giữ y này, vì tăng nhận làm y công đức, giữ gìn ở trú xứ này. Trưởng lão nào bằng lòng tăng giao y này cho Tỳ-kheo ...... nhận làm y công đức thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng giao y cho Tỳ-kheo ...... rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp Tỳ-kheo giữ y công đức thọ ở trước tăng:

Vị Tỳ-kheo giữ y nên đứng dậy cầm y đến chỗ các Tỳ-kheo đưa tay đụng y, trình bày rõ điều tướng của y, rồi bạch như sau:

Y này chúng tăng sẽ thọ làm y công đức; y này nay chúng tăng thọ làm y công đức; y này chúng tăng nay đã thọ làm y công đức rồi (nói ba lần).

Các Tỳ-kheo kia nên nói như vầy:

Người thọ đã khéo thọ, trong đây các công đức có được đều có phần của ta.

Vị giữ y nên trả lời: Được! Như vậy thứ lớp cho đến vị hạ tọa.

Thọ y rồi được hưởng năm điều lợi: 1- Được chứa y dư; 2- Được ngủ lìa y; 3- Được ăn riêng chúng; 4- Được ăn nhiều lần; 5- Vào xóm làng không dặn các Tỳ-kheo khác.

Pháp sai người may y công đức:

Luật nói: Nếu được vải chưa may thành y, thì tăng nên bạch nhị yết-ma sai người may y công đức, nên bạch sai như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng chấp thuận, cho tăng sai Tỳ-kheo ...... may y công đức cho tăng. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo ...... may y công đức cho tăng. Trưởng lão nào bằng lòng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ...... may y công đức cho tăng rồi, tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc đó như vậy mà thọ trì. (Tác pháp như trước)

Pháp xả y công đức:

Nhóm Tỳ-kheo sáu vị không xả y công đức, vì ý muốn được hưởng năm điều lợi. Phật bảo: "Này các thầy Tỳ-kheo! Không nên có ý nghĩ như vậy". Mùa đông bốn tháng đã xong, tăng nên làm lễ xả y công đức, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nay ngày chúng tăng xả y công đức. Nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng chấp thuận. Nay Tăng hòa hợp xả y công đức. Tác bạch như thế.

Nếu không xả, quá giới hạn của y công đức đã quy định thì phạm đột-cát-la. Có tám nhân duyên xả y công đức: 1- Đi; 2- Xong; 3- Chưa xong; 4- Mất; 5- Không còn hy vọng; 6- Nghe; 7- Ra ngoài giới; 8- Cùng ra ngoài giới.

THIÊN THỨ MƯỜI HAI: TRỪ TỘI

Pháp trừ tội Ba-la-di:

Theo luật, sám hối có năm loại: Có trường hợp phạm tội tự tâm niệm sám hối; có trường hợp phạm tội nhẹ theo người khác sám hối; có trường hợp phạm tội vừa và nặng cũng theo người khác sám hối; hoặc có trường hợp phạm tội không thể sám hối. Ở đây không thể sám hối, nghĩa là tội Ba-la-di. Phạm tội Ba-la-di không thể sám hối. Được tác pháp có ba: 1- Phạm mà che giấu cho yết-ma diệt tẫn; 2- Phạm mà không che giấu cho yết-ma suốt đời học hối; 3- Người học hối phạm lần nữa cho yết-ma diệt tẫn.

Pháp diệt tẫn cho người phạm tội mà che giấu:

Nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di mà che giấu, thì tăng cho làm pháp nêu tội, tác pháp ức niệm cho tội lỗi, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ...... nầy, phạm tội Ba-la-di, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, nay tăng cho Tỳ-kheo ...... yết-ma diệt tẫn tội Ba-la-di, không được ở chung, không được làm việc chung, tác bạch như thế. Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo

... nầy phạm tội Ba-la-di, nay tăng cho Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di nầy yết-ma diệt tẩn tội Ba-la-di... không được ở chung, không được làm việc chung, các trưởng lão nào bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba cũng vậy).

Tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc đó như vậy mà thọ trì.

Pháp suốt đời học hối cho người phạm tội không che giấu:

Luật nói: Nếu Tỳ-kheo chưa phạm Ba-la-di thì trọn đời không được phạm. Nếu Tỳ-kheo đã phạm hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối thì cho phép tăng cho Tỳ-kheo đó yết-ma giới Ba-la-di. Tỳ-kheo đó ở trong tăng, oai nghi ngay ngắn, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, con là Tỳ-kheo ...... phạm tội Ba-la-di, hoàn toàn không có tâm che giấu. Nay con đến tăng xin giới Ba-la-di. Xin tăng cho con là Tỳ-kheo ...... giới Ba-la-di. Xin thương xót con (nói ba lần).

Tăng nên tác pháp cho như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên ...... này, phạm tội Ba-la-di... hoàn toàn không có tâm che giấu, nay đến tăng xin giới Ba-la-di. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, nay tăng cho Tỳ-kheo...... giới Ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ...... này, phạm tội Ba-la-di... hoàn toàn không có tâm che giấu, nay đến tăng xin giới Ba-la-di. Nay Tăng cho Tỳ-kheo...... giới Ba-la-di. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... giới Ba-la-di thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... giới Ba-la-di rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Tỳ-kheo kia được giới Ba-la-di rồi, phải suốt đời mọi việc đều thuận theo mà thực hành. Pháp thuận theo thực hành: Không được truyền giới cụ túc cho người; không được nhận y chỉ; không được nuôi Sa-di; hoặc sai ai đi giáo giới Tỳ-kheo ni; không được nhận lời sai, nếu đã sai đi thì không nên đi giáo giới; không được thuyết giới cho tăng; không nên ở trong tăng hỏi đáp Tỳ-ni; không được làm Tri sự cho tăng, không được làm người xử đoán việc tăng; không được nhận làm người đại diện cho tăng; không được sáng sớm vào xóm làng chiều tối mới về; nên gần gũi các Tỳ-kheo; không được gần gũi ngoại đạo, người tại gia; nên thuận theo pháp Tỳ-kheo; không được nói chuyện thế tục; không được ở trong chúng tụng luật, nếu không người có khả năng tụng

thì cho phép tụng; không được phạm tội này lại; không được phạm các tội tương tự khác và tội tùng sinh, hoặc tội trọng như vậy; không được ngăn tăng yết-ma và làm người yết-ma; không được nhận đồ ngồi, nước rửa chân, lau giày, guốc, xoa chà thân thể và lễ bái, đưa rước, chào hỏi của Tỳ-kheo thanh tịnh; không nhận y bát do Tỳ-kheo thanh tịnh đưa; không được nêu tội Tỳ-kheo thanh tịnh, hoặc làm pháp nhớ nghĩ, làm pháp tự ngôn trị; không nên làm chứng việc của người khác; không được ngăn Tỳ-kheo thanh tịnh thuyết giới, tự tứ; không được tranh luận với Tỳ-kheo thanh tịnh. Tuy cho Tỳ-kheo đó giới Ba-la-di, nhưng lúc tăng thuyết giới và yết-ma, người đó dù đến hay không, chúng tăng cũng không phạm lỗi.

Pháp diệt tẫn cho người học hối phạm tội lần nữa:

Các Tỳ-kheo nói: Nếu cho Tỳ-kheo giới Ba-la-di rồi, mà họ phạm lại lần nữa, thì được cho giới Ba-la-di nữa không? Phật dạy: Không được như vậy, phải làm yết-ma diệt tẫn và nêu tội, tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ...... phạm tội Ba-la-di hoàn toàn không có tâm che giấu, đã đến tăng xin giới Ba-la-di. Tăng đã cho Tỳ-kheo ...... giới Ba-la-di. Tỳ-kheo này trong thời gian học hối lại phạm Ba-la-di lần nữa. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận. (522) nay Tăng cho Tỳ-kheo ...... lại phạm tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, không làm việc chung. Đây là lời tác bạch.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ...... này phạm tội Ba-la-di hoàn toàn không có tâm che giấu, đã đến tăng xin giới Ba-la-di, tăng đã cho Tỳ-kheo ...... giới Ba-la-di. Tỳ-kheo này trong thời gian học hối, lại phạm tội Ba-la-di, nay Tăng cho Tỳ-kheo ...... lại phạm tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, không làm việc chung. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ...... lại phạm tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, không làm việc chung thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ...... lại phạm giới Ba-la-di yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, làm việc chung rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp trừ tội tăng tàn:

Yết-ma có năm: 1- Che giấu; 2- Trong lúc thực hành lại phạm che giấu bản nhật trị; 3- Ma-na-đỏa; 4- Trong lúc thực hành lại phạm, thực hành Ma-na-đỏa bản nhật trị; 5- Xuất tội. Nhưng người che giấu có hai

hạng: 1- Được phép yết-ma phạm tội lại, hoặc yết-ma thứ tư, thứ năm; 2- Được phép yết-ma không phạm tội lại. Có ba cách phát lồ, cũng có hai hạng: 1- Được phép yết-ma phạm tội lại có ba; 2- Được phép yết-ma không phạm tội lại, có hai.

Pháp cho tội che giấu:

Luật nói: Nếu Tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, phạm Ba-la-di, Thâu-lan-già cho đến ác thuyết mà che giấu, hoặc không che giấu. Nếu Tỳ-kheo phạm tội tăng tàn, hoặc nếu phạm tăng tàn có ý che giấu, nên dạy làm pháp sám hối đột-cát-la, rồi làm pháp cho tội che giấu. Phạm ba-dật-đề cho đến ác thuyết cũng giống như vậy. Nếu phạm tăng tàn, không nhớ số lần phạm, không nhớ số ngày phạm, thì nên cho sám hối thanh tịnh, rồi đến yết-ma che giấu. Hoặc nhớ số lần phạm, không nhớ số ngày phạm, cũng cho sám hối thanh tịnh, rồi đến yết-ma che giấu. Hoặc nhớ số ngày phạm, không nhớ số lần phạm, nên tính số ngày cho tội che giấu, nghi không nghi, biết không biết cũng giống như vậy. Tỳ-kheo ấy nên ở trong tăng oai nghi ngay ngắn, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn mà che giấu (bao nhiêu ngày, nên tùy theo năm tháng, số ngày che giấu lâu hay mau mà nói, về sau đều giống như vậy).

Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, nay đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma che giấu (bao nhiêu) ngày. Xin thương xót cho (nói ba lần, tăng nên làm pháp cho như sau).

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này, phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày, nay đến tăng xin yết-ma che giấu, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma che giấu tàng (bao nhiêu) ngày, tác bạch như thế.

Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này, phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày, nay đến tăng xin yết-ma che giấu. Tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp bạch tăng thực hành che giấu.

Vị kia được pháp rồi, muốn thực hành ngay, nên ở trong tăng oai nghi ngay ngắn tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Con là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã xin tăng cho yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Nay Con hành pháp che giấu. Xin tăng nhớ cho việc này (nói ba lần).

Vị kia bạch tăng thực hành che giấu rồi, thực hành đủ ba mươi lăm việc, ba mươi lăm việc như đã nêu trên. Vị này đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh, mỗi việc đều đúng như pháp đệ tử đối với Hòa-thượng, pháp làm đệ tử có tám việc mất đêm: 1- Đến chùa khác không bạch; 2- Có Tỳ-kheo khách đến không bạch; 3- Có việc ra ngoài giới không bạch; 4- Không bạch với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đi bách bộ trong chùa; 5- có bạch không nhờ người tin cậy bạch; 6- Hai, ba vị ngủ chung một nhà; 7- Ở nơi không có Tỳ-kheo; 8- Mỗi nửa tháng tăng thuyết giới không bạch. Đây là tám việc mất đêm, hễ trái một việc thì mất một đêm, phạm tội đột-cát-la.

Pháp bạch nửa tháng thuyết giới:

Phật dạy: Khi nửa tháng thuyết giới, người kia đến trong tăng, oai nghi ngay ngắn bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Con đã đến tăng xin yết-ma che giấu, tăng đã cho tôi Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... đã thực hành được (bao nhiêu) ngày, còn (bao nhiêu) ngày chưa thực hành. Xin bạch Đại đức tăng biết cho, con thực hành tội che giấu.

Đến chùa khác v.v... pháp bạch cũng giống, nên biết như vậy.

Pháp bạch đình chỉ pháp hành:

Nếu đại chúng khó nhóm họp, hoặc không muốn thực hành, hay người kia yếu đuối, thường hổ thẹn, nên đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh, oai nghi ngay ngắn bạch rằng:

Bạch Đại đức Thượng tọa, tôi là Tỳ-kheo...... ngày nay xin bỏ lời dạy, không làm theo pháp hành.

Nếu khi muốn thực hành, nên đến chỗ một Tỳ-kheo thanh tịnh, oai nghi nghiêm chỉnh bạch rằng:

- Bạch Đại đức Thượng tọa, tôi là Tỳ-kheo...... ngày nay sẽ làm theo lời dạy, thực hành pháp hành.

Nói như vậy rồi, như trước mà làm.

Pháp pháp hành đã xong bạch Tăng đình chỉ:

Nếu hành pháp (thực hành tội che giấu) xong, nên bạch với tăng. Vị kia nên đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh bạch rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội che giấu, che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội che giấu ...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Con đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu, Tăng đã cho con Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Nay con thực hành pháp che giấu đã xong, xin tăng nhớ cho con (nói ba lần).

Pháp cho người hoại che giấu bản nhật trị:

Trong thời gian Tỳ-kheo kia thực hành che giấu, lại phạm tăng tàn. Phật dạy: Cho tăng vì người kia bạch bốn lần yết-ma bản nhật trị. Đây là trị chung cả tội mới và tội cũ. Vị kia nên đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... trong thời gian thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, khoảng giữa, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị.

(Nếu phạm lại tội mới không che giấu, thì chỉ xin cho tội cũ bản nhật trị, và người cho nên biết việc đó).

Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, khoảng giữa, phạm lại che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị, xin thương xót con.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu

(bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này trong thời gian thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, ở khoảng giữa phạm lại tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, ở giữa lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Đây là lời tác bạch.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo đó đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này trong thời gian thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Nay đến tăng xin yết-ma phạm tội trước, ở khoảng giữa lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, ở khoảng giữa lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, ở khoảng giữa lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, ở khoảng giữa lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Nếu phạm lại rồi, lại phạm nữa, thì cho pháp bạch y theo như trước, tùy theo việc mà trình bày cho đầy đủ.

Pháp cho người không hoại che giấu pháp Ma-na-đỏa:

Nhưng Ma-na-đỏa có hai: 1- Không hoại pháp che giấu; 2- Hoại pháp che giấu. Vị kia không hoại pháp che giấu. Tỳ-kheo đó thực hành che giấu xong. Phật dạy: Tăng nên cho thực hành sáu đêm Ma-na-đỏa, vị đó nên ở trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, con là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Con là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Con đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... thực hành tội che giấu xong, nay đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin tăng cho con là Tỳ-

kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa, xin thương xót cho con (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này thực hành che giấu xong, nay đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu, tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này thực hành che giấu xong, nay đến xin tăng sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp bạch tăng thực hành Ma-na-đỏa:

Tỳ-kheo kia được pháp rồi, muốn thực hành nên bạch với tăng. Nhưng Ma-na-đỏa bạch chung có bốn: 1- Pháp bạch phạm tăng tàn che giấu không hoại; 2- Pháp bạch phạm tăng tàn che giấu bị hoại; 3- Pháp bạch phạm tăng tàn, không che giấu không hoại, sáu đêm (Ma-na-đỏa; 4- Pháp bạch phạm tăng tàn, không che giấu bị hoại, sáu đêm Ma-na-đỏa.

Pháp bạch phạm tăng tàn che giấu không hoại:

Tỳ-kheo phạm tội nên đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... thực hành che giấu xong. Đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Nay tôi thực hành pháp Ma-na-đỏa, xin tăng thương xót con

(nói ba lần).

Phật cho phép Tỳ-kheo thực hành Ma-na-đỏa, cũng thực hành ba mươi lăm việc như trên, mỗi việc đều như pháp thực hành che giấu. Còn các lời bạch khác tùy theo việc mà nêu.

Pháp bạch trong tăng mỗi ngày:

Tỳ-kheo thực hành Ma-na-đỏa được ngủ trong tăng, bạch tăng mỗi ngày, lúc bạch nên ở trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Con Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... thực hành che giấu xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo...... thực hành Ma-na-đỏa, đã thực hành được (bao nhiêu) ngày, còn (bao nhiêu) ngày chưa thực hành. - Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, biết cho con thực hành Ma-na-đỏa.

Nếu qua kỳ thuyết giới và đến các chùa khác v.v... lời bạch giống như trước. Lại có các duyên như: chúng khó nhó họp, thì pháp xả tội và pháp thực hành cũng giống như trước.

Pháp bạch thực hành sáu đêm Ma-na-đỏa đã xong:

Nếu Tỳ-kheo phạm tội, thực hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong, nên thưa với tăng, đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... thực hành che giấu xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Nay tôi thực hành Ma-na-đỏa xong, xin tăng thương xót tôi (nói ba lần).

Cho người hoại che giấu pháp, Ma-na-đỏa:

Tỳ-kheo kia đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng

tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... trong lúc thực hành tội che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trung gian lại phạm, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tôi là Tỳ-kheo...... thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Nay đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa, xin tăng thương xót cho (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp, tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này trong thời gian thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn..... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày, che giấu bản nhật trị, nay đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này trong lúc thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn..... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo....... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị xong. Nay đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Cách bạch các pháp hành đều giống như cách tác pháp ở trước, chỉ cần tùy theo việc mà nêu).

Pháp cho hoại che giấu và hoại Ma-na-đỏa:

Bản nhật trị có hai: 1- Hoại che giấu và hoại Ma-na-đỏa; 2- Không hoại che giấu, hoại sáu đêm Ma-na-đỏa. Ở đây hợp cả cũ và mới làm pháp trị. Người kia hoại cả hai, nên ở trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng (524) xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... trong lúc thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cũng cho con là Tỳ-kheo....... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa, tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo...... trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn không che giấu.

(Trong đây y cứ theo người phạm lại không che giấu mà tác pháp, sau đều giống như ở đây, người phạm lại che giấu cũng trị phạt chung, nên trị y theo đây).

Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị, xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu, tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... nay trong lúc thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn..... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo....... này yết-ma

phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma phạm tội ở trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị xong. Đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu. Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này trong lúc thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn..... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo....... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... nay trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn không che giấu. Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Cách bạch các hành pháp cũng giống như trước).

Pháp cho không hoại che giấu, hoại sáu đêm Ma-na-đỏa:

Người kia đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu, tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... thực hành che giấu xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo...... trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo....... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... nay thực hành che giấu xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. (Đây là lời tác bạch).

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu, tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này thực hành che giấu xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu. Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong

thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cho Tỳ-kheo...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm (525) Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Cách bạch các hành pháp cũng như trước).

Pháp xuất tội cho hoại che giấu và hoại sáu đêm Ma-na-đỏa:

Pháp xuất tội này có bốn: 1- Pháp hoại che giấu, hoại sáu đêm Ma-na-đỏa; 2- Pháp hoại che giấu, không hoại sáu đêm Ma-na-đỏa; 3- Pháp không hoại che giấu, hoại sáu đêm Ma-na-đỏa; 4- Pháp không hoại che giấu và Ma-na-đỏa.

Người kia hoại cả hai, nên ở trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho con Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... trong thời gian thực hành tội che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cũng cho tôi là Tỳ-kheo....... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tôi là Tỳ-kheo....... thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo...... trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cũng cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm

tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tôi là Tỳ-kheo...... thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma xả tội. Xin thương xót cho tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu, tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... nay trong lúc thực hành che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo....... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cũng cho tôi là Tỳ-kheo...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tôi là Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này trong lúc thực hành tội che giấu, lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo....... này

yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn, che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị. Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày và che giấu bản nhật trị xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu; cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... xả tội rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Pháp vị thứ hai xả tội cũng y theo đây, nên biết).

Pháp cho không hoại che giấu và sáu đêm Ma-na-đỏa:

Người kia đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tôi là Tỳ-kheo ...... thực hành tội che giấu xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo...... thực hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma xả tội. Xin thương xót cho tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu, tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này thực hành che giấu xong, đã đến trong tăng xin

sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này thực hành Ma-na-đỏa xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Đã đến trong tăng xin yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này yết-ma tùy theo che giấu (bao nhiêu) ngày. Tỳ-kheo ...... này thực hành che giấu xong, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này thực hành Ma-na-đỏa xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... xả (526) tội rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp cho phạm tăng tàn không che giấu, pháp Ma-na-đỏa:

Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo phạm tội tăng tàn không che giấu. Phật dạy: Tăng bạch bốn lần yết-ma cho Tỳ-kheo kia sáu đêm Ma-na-đỏa, người kia đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... không che giấu. Nay đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin tăng thương xót tôi (nói ba lần). Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... không che giấu, nay đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... không che giấu, nay đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... sáu đêm Ma-na-đỏa xong. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Cách bạch các pháp hành cũng giống như trước).

Pháp cho Ma-na-đỏa bản nhật trị:

Tỳ-kheo kia trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa lại phạm tội. Phật dạy: Tăng bạch bốn lần yết-ma cho người kia Ma-na-đỏa bản nhật trị. Theo vàn chỉ nói lại phạm, không kể che giấu, không che giấu đều cho pháp bản nhật trị. Tức là tội mới, tội cũ nói riêng. Nay y cứ theo lại phạm không che giấu, tội mới tội cũ nói chung. Người kia đến trong tăng, oai nghi đầy đủ, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... không che giấu, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa, tôi là Tỳ-kheo...... thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu. Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Xin tăng cho con yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... không che giấu, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... không che giấu, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Cách bạch các pháp hành đều giống ở trên).

Pháp cho hoại Ma-na-đỏa xả tội:

Ở đây xả tội có hai: (1)- Hoại pháp sáu đêm; (2)- Không hoại pháp sáu đêm ma-na-đỏa.

Tỳ-kheo hoại pháp kia nên đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội tăng tàn...... không che giấu. Đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo...... trong lúc thực hành Ma-na-đỏa lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cũng cho tôi là Tỳ-kheo...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tôi là Tỳ-kheo...... thực hành yết-ma phạm lại tội tăng tàn...... không che giấu, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm (ý hỷ) Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... không che giấu. Đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng

lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội tăng tàn...... không che giấu, đã đến trong tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tỳ-kheo...... này thực hành yết-ma lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, cũng đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, sáu đêm Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... xả tội thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... xả tội rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Không hoại Ma-na-đỏa, pháp xả tội cũng dựa theo đây nên biết như vậy).

Pháp cho Tỳ-kheo ni nửa tháng Ma-na-đỏa:

Tỳ-kheo-ni phạm tội tăng tàn nên trong hai bộ tăng đủ bốn mươi vị, nửa tháng thực hành Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo ni kia nên đến trong tăng quỳ xuống, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, con Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... Nay đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội tăng tàn...... Nay đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... (527) nửa tháng Ma-na-đỏa. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này phạm tội tăng tàn...... Nay đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng cho Tỳ-kheo ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo ni nửa tháng Ma-na-đỏa thì im lặng, vị nào không bằng lòng

thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Người kia được pháp rồi, bạch các pháp hành đều giống ở phần Tỳ-kheo không khác.

Pháp cho Ma-na-đỏa bản nhật trị:

Người kia trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn, nên cho pháp bản nhật trị. Người kia đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, con là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... đã đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho con là Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo ni...... trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn......, nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Xin tăng cho con là Tỳ-kheo ni...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn......, nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Xin thương xót con (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội tăng tàn...... Đã đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, tăng đã cho Tỳ-kheo-ni...... này nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo ni...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn......, nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ni...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn......, nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này phạm tội tăng tàn...... Đã đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo ni...... này nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo ni...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... Nay đến trong tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn......, nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cho Tỳ-kheo-ni...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn......, nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ni...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại

phạm tội tăng tàn......, nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ni...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... không che giấu, nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Cách bạch các pháp hành cũng giống trước, chỉ cần nêu đầy đủ lời văn).

Pháp cho không hoại Ma-na-đỏa xả tội:

Ở đây xả tội có hai: 1- Không hoại pháp Ma-na-đỏa; 2- Hoại pháp Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni kia không hoại pháp Ma-na-đỏa thực hành Ma-na-đỏa xong, nên ở trong hai bộ tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, con Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... Đã đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo ni...... thực hành Ma-na-đỏa xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội. Xin tăng cho con yết-ma xả tội, xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này phạm tội tăng tàn...... Đã đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo...... này nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo ni...... này thực hành Ma-na-đỏa xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ni...... xả tội. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này phạm tội tăng tàn...... Đã đến trong tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni...... này nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo ni...... này trong lúc thực hành Ma-na-đỏa xong. Nay đến trong tăng xin yết-ma xả tội, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ni...... xả tội thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ni...... xả tội rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Pháp hoại Ma-na-đỏa, xả tội cũng y cứ theo đây, nên biết như vậy).

Pháp trừ tội Thâu-lan-giá:

Theo đây thì Thâu-lan-già có hai loại: 1- Căn bản; 2- tùng sinh. Trong hai loại này, về tầng bậc sám hối có ba phẩm:

1. Phẩm thượng: Đối với đại chúng sám hối. Đó là các tội: chủ phá pháp luân, trộm bốn tiền, giết trời người thuộc căn bản Thâu-lan-già. Sau phạm Ba-la-di, quan trọng là Thâu-lan-già thuộc tùng sinh Thâu-lan-già.

2. Phẩm trung: Đối với tiểu chúng sám hối. Đó là các tội chủ phá yết-ma tăng, bạn phá pháp luân tăng, trộm hai, ba tiền thuộc căn bản Thâu-lan-già. Sau phạm Ba-la-di, không quan trọng là Thâu-lan-già, sau pham tăng tàn, quan trọng là Thâu-lan-già thuộc tùng sinh Thâu-lan-già.

3. Phẩm hạ: Sám hối đối với một người. Đó là các tội: cạo lông, lõa hình, da người, bát đá, ăn thịt, huyết sống, mặc y ngoại đạo, trộm một tiền, thuộc căn bản Thâu-lan-già. Sau phạm Ba-la-di, không quan trọng là khinh Thâu-lan-già, thuộc tùng sinh Thâu-lan-già.

Pháp đối với tăng xin sám hối:

Tức là Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-già thượng phẩm nên đối trước tăng sám hối. Người kia đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh xin sám hối, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội Thâu-lan-già, nay đến trong tăng xin sám hối. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... được sám hối. Xin thương xót tôi (nói ba lần).

Pháp thỉnh chủ sám hối:

Người muốn sám hối, nên đối trước Tỳ-kheo thanh tịnh, không được đến người phạm tội để sám hối. Người phạm không được nhận sự sám hối của người khác. Nếu tất cả tăng đều phạm thì không được sám hối. Nếu có Tỳ-kheo khách đến thanh tịnh (không phạm), thì nên đến chỗ Tỳ-kheo ấy mà sám hối. Nếu không có Tỳ-kheo khách đến thì nên sai hai, ba người đến trong chúng thanh tịnh ở gần đó mà sám hối. Các Tỳ-kheo này sám hối xong nên trở về trụ xứ, các Tỳ-kheo khác nên hướng về Tỳ-kheo thanh tịnh này mà sám hối, oai nghi nghiêm chỉnh, thỉnh như sau:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội Thâu-lan-già. Nay thỉnh Đại đức làm chủ sám hối. Xin Đại đức vì tôi làm chủ sám hối. Xin thương xót tôi (nói ba lần).

Pháp bạch tăng nhận chủ sám hối:

Vị nhận chủ sám hối chưa được hứa ngay, mà phải bạch với tăng, bạch rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... phạm tội Thâu-lan-già. Nay đến trước tăng xin sám hối. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tôi là Tỳ-kheo...... nhận Tỳ-kheo...... sám hối. Tác bạch như thế.

(Tác bạch xong, đáp rằng: “được”).

Pháp chánh sám hối:

Người kia sám hối, trước sám hối các tội che giấu. Pháp sám hối như sau, sau đó trừ tội căn bản, nên bạch rằng:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội Thâu-lan-già. Nay đến Đại đức sám hối không dám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối thì lo buồn, nhớ nghĩ mình phạm nên phát lồ, biết mà không che giấu. Xin Đại đức nhớ cho tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh bố-tát (nói như thế ba lần). Vị chủ sám hối bảo rằng: Thầy nên tự trách tâm mình, nên sinh nhàm chán, xa lìa. Người sám hối đáp: “Xin vâng”.

Pháp đối với ba Tỳ-kheo sám hối:

Tức là tội Thâu-lan-già trung phẩm, nên đối với tiểu chúng mà sám hối. Tiểu chúng là, nên đối với ba người. Người kia nên đến chỗ ba Tỳ-kheo thanh tịnh, thỉnh một vị làm chủ sám hối. Người chủ nhận sám hối không được hứa ngay, thay đơn bạch để hỏi người bên cạnh, nên hỏi hai Tỳ-kheo kia rằng:

Nếu hai Trưởng lão cho tôi nhận Tỳ-kheo...... sám hối thì tôi sẽ nhận, hai vị Tỳ-kheo kia đáp: “Được”.

Vị chủ sám hối được Tăng chấp nhận, mới đáp với người sám hối rằng: Được.

(Pháp sám hối như trên, phần đối với hai vị sám hối không có gì khác, chỉ có pháp xả đọa được dùng chung, đối với hai người mà thực hành pháp sám hối).

Pháp đối với một Tỳ-kheo sám hối:

Tức là tội Thâu-lan-già hạ phẩm, nên đối với một Tỳ-kheo mà sám hối. Tỳ-kheo kia đến chỗ một Tỳ-kheo thanh tịnh, thỉnh vị ấy làm chủ sám hối. Và chánh thức sám hối tất cả đều như trước, trừ hỏi người

bên cạnh.

Pháp trừ tội ba-dật-đề:

Theo đây thì tội có hai loại: 1- Ba mươi xả đọa; 2- Chín mươi ba-dật-đề. Nhưng ba mươi xả đọa, lúc xả trừ hai vật: của báu (528) và đồ nằm bằng tơ tằm. Hoặc đối trước tăng, hoặc đối trước nhiều vị, hoặc đối trước một vị để xả, không được xả riêng chúng. Nếu xả thì không thành xả, phạm đột-cát-la.

Pháp đối với tăng xả tài vật:

Phạm y xả đọa thì không được không xả, làm tịnh thí đưa cho người khác may ba y. Y ba-lợi-ca-la nên cắt bỏ, nên đốt, hoặc dùng làm phi y, hoặc làm đồ đắp thường.

Tỳ-kheo kia nên đến trước tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch để xả như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư, (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm tội xả đọa. Nay con xả cho tăng (nói một lần).

Pháp xả tội xin sám hối:

Người kia xả tài vật rồi, đến trước tăng xin sám hối, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm tội xả đọa. Y đó đã xả cho tăng. Trong đây có nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Nay đến trước tăng xin sám hối, xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... được sám hối. Xin thương xót tôi (nói ba lần).

Ở đây sám hối đối với tăng, phép tắc rất giống như trước. Vì tội xả đọa này, một người phạm nhiều lần, tác pháp khó, nên trình bày lại đầy đủ.

Pháp thỉnh chủ sám hối:

Người muốn sám hối, đến trước tăng thỉnh một Tỳ-kheo thanh tịnh làm chủ sám hối. Người kia đến trước Tỳ-kheo thanh tịnh sám hối, oai nghi nghiêm chỉnh, thỉnh như sau:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm tội xả đọa. Y đó đã xả cho tăng, trong ấy có nhiều (bao nhiêu)

tội ba-dật-đề (lại có tội khác cũng tùy theo loại mà gọi). Nay thỉnh Đại đức làm chủ sám hối. Xin Đại đức vì tôi làm chủ sám hối, xin thương xót tôi (nói một lần).

Pháp bạch tăng nhận chủ sám hối:

Vị nhận chủ sám hối, không được hứa ngay, nên bạch với tăng rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm tội xả đọa. Y đó đã xả cho tăng. Trong đó có nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề (tội khác cũng y theo tên mà gọi). Nay đến trước tăng xin sám hối. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho con là Tỳ-kheo...... nhận làm chủ sám hối cho Tỳ-kheo......, Tác bạch như thế.

(Tác bạch như vậy rồi, mới đáp rằng: Được).

Pháp chánh sám hối:

Trong đây, các tội ở đầu và cuối có sự sắp xếp khác nhau, có mười hai loại, mỗi loại có ba tội.

1. Ba tội thứ nhất: Đó là hai tội che giấu chứa y vật dư ba-dật-đề và căn bản triển chuyển.
2. Ba tội thứ hai: Lúc tăng thuyết giới nói thanh tịnh phạm tội ba-dật-đề và hai tội che giấu.
3. Đối thú thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm ba-dật-đề và hai tội che giấu.
4. Lúc tăng tự tứ nói thanh tịnh phạm ba-dật-đề và hai tội che giấu.
5. Đối thú tự tứ tự nói thanh tịnh phạm ba-dật-đề và hai tội che giấu.
6. Tự mình có tội vì chúng tăng thuyết giới phạm tội đột-cát-la và hai tội che giấu.
7. Tự mình có phạm không cùng nghe giới phạm đột-cát-la và hai tội che giấu.
8. Lúc tăng thuyết giới hai chỗ, ba lần hỏi, im lặng, mắc tội nói dối phạm đột-cát-la và hai tội che giấu.
9. Tâm niệm thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm đột-cát-la và hai tội che giấu.
10. Tâm niệm tự tứ tự nói thanh tịnh phạm đột-cát-la và hai tội che giấu.

11. Tự mình có tội, nhận sám hối của người khác phạm đột-cát-la và hai tội che giấu.

12. Mặc y xả đọa phạm tội đột-cát-la và hai tội che giấu.

Những tội này có, không bất định, lúc sám hối đều phải duyên theo đó để biết đủ, thiếu. Theo văn chánh giải thích sám hối có ba loại:

1. Cùng sám hối hai mươi bốn tội che giấu: Đó là từ tội chứa y vật dư cho đến tội mười hai mặc y xả đọa, che giấu và tùy theo che giấu, hai tội đột-cát-la. Vì các tội này chủng loại giống nhau.

2. Cùng sám hối bảy loại đột-cát-la không nên thuyết giới. vì bảy loại này giống nhau.

3.. Cùng sám hối năm tội ba-dật-đề như chứa y dư, v.v...

Pháp sám hối hai mươi bốn tội che giấu:

Thực hành pháp sám hối này phải đầy đủ oai nghi, chí thành, tha thiết, hết lòng, hổ thẹn, cắt đứt sự tiếp diễn. Xin thỉnh chứng minh chung chung như vậy thì tội nhẹ chắc chắn không thể tiêu diệt. Nên bạch xin như sau:

- Tôi là Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Đã phạm tội này, lúc tăng nói giới, nói là thanh tịnh, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Đối thú sám hối tự nói thanh tịnh, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Lúc tăng tự tứ nói thanh tịnh, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Đối thú tự tứ tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Tự thân có tội vì chúng thuyết giới phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tự thân có tội không cùng nghe giới phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Lúc tăng thuyết giới hai chỗ, ba lần hỏi phạm rất nhiều (bao nhiêu) lại im lặng, nói dối phạm tội đột-cát-la. Tâm niệm thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tâm niệm tự tứ tự nói thanh tịnh, phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tự mình có tội nhận sám hối của người khác, phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Mặc y xả đọa, phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Các tội này đều biết, vì không phát lồ để ngủ qua đêm, phạm tội che giấu đột-cát-la. Không nhớ số (biết số thì nên nói biết số), trải qua hai đêm, lại phạm tội xoay vần che giấu đột-cát-la, không nhớ số (biết số nên nói), nay tôi xin sám hối không dám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối thì lo buồn. Nhớ phạm tội phát lồ, biết mà không dám che giấu. Nay tôi tự trách tâm, sinh nhàm lìa.

(Nói một lần, tuy nói, trách tâm nhưng phải trình bày đầy đủ).

Pháp sám hối bảy tội đột-cát-la không nên thuyết giới, v.v...

Người phạm tội phải oai nghi nghiêm chỉnh, tha thiết chí thành, thỉnh chứng minh như trước,...... nên bạch như vầy:

- Tôi là Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Đã phạm tội này, mà vì chúng thuyết giới nên phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Lại tự mình có tội không nghe giới chung phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Lúc tăng thuyết giới hai chỗ, ba lần hỏi phạm (rất nhiều) tội im lặng nói dối phạm tội đột-cát-la. Tâm niệm tự tứ tự nói thanh tịnh, phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tự mình có tội nhận sám hối của người khác, phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Mặc y xả đọa, phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Nay tôi xin sám hối tội giống như trước.

Pháp sám hối năm tội ba-dật-đề chứa y dư:

Người phạm tội chí thành, nên bạch như sau:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm xả đọa, y này đã xả cho tăng. Trong đó có rất nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Đã phạm tội này, lúc tăng thuyết giới lại nói thanh tịnh, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Đối thú thuyết giới tự nói thanh tịnh, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Lúc tăng tự tứ nói thanh tịnh, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Đối thú tự tứ tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Nay đến trước Đại đức xin sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối thì lo buồn. Nhớ phạm tội phát lồ, biết mà không dám che giấu. Xin Đại đức nhớ nghĩ tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh bố-tát (nói ba lần).

Người nhận sám hối nên nói:

- Thầy nên tự trách tâm mình, nên sinh nhàm lìa.

Người sám hối đáp: vâng!

Nếu vật xả đọa rồi, được dùng cho đến hư. Tội ba-dật-đề không xả tài vật như các tội ở trước, cũng nên mỗi giới duyên theo để biết đủ hay thiếu và sám hối như trên.

Pháp trả y ngay tại chỗ:

Nếu chúng tăng nhiều khó nhóm họp, Tỳ-kheo này có nhân duyên muốn đi xa. Vị tăng thanh tịnh nên hỏi: “Y này của thầy cho ai?” Hễ

người ấy nói cho ai thì cho người ấy. Nên bạch cho như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm tội xả đọa. Nay xả cho tăng, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, tăng đem y này cho Tỳ-kheo....... Kia, Tỳ-kheo...... kia nên trả lại y cho Tỳ-kheo...... này. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm tội xả đọa, nay xả cho tăng, tăng đem y này cho Tỳ-kheo....... kia. Tỳ-kheo...... kia nên trả lại y cho Tỳ-kheo...... này. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng đem y này cho Tỳ-kheo....... Kia, Tỳ-kheo...... kia nên trả lại y cho Tỳ-kheo...... này thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo....... kia y, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Y một tháng, y cấp thí quá hạn, phần sau chứa bát dư và thuốc đều giống như vậy, chỉ có nêu việc khác mà thôi.

Pháp qua đêm trả lại:

Nếu không có duyên trên thì phải qua đêm rồi yết-ma trả lại cho chủ; y một tháng v.v... cũng như vậy. Trừ các vật này, còn vật khác thì trả lại tại chỗ. Hai pháp trả lại vật giống nhau, nên bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho tăng, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng đem y này cho Tỳ-kheo....... Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (529) (các vật khác tùy theo loại mà gọi) quá mười ngày, phạm tội xả đọa, y này đã xả cho tăng, tăng đem y này cho Tỳ-kheo....... này. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng trả y lại cho Tỳ-kheo....... Rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp không trả lại vật:

Tỳ-kheo phạm tội ở trong tăng xả rồi, người không trả y lại phạm đột-cát-la. Hoặc làm tịnh thí, hoặc đưa cho người, hoặc may ba y, hoặc may y ba-lợi-ca-la, hoặc cố hoại, hoặc đốt, hoặc may phi y, hoặc thường mặc, tất cả đều phạm đột-cát-la.

Pháp sám hối xả đọa với ba vị Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo phạm tội nên đến chỗ ba vị Tỳ-kheo, oai nghi nghiêm chỉnh, xin xả như sau:

Bạch các Đại đức nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo...... vì chứa...... (các từ ngữ khác giống như trên, chỉ không được gọi là Tăng (vì chỉ có ba vị). Tiếp theo thỉnh một Tỳ-kheo thanh tịnh làm chủ sám hối).

Lời thỉnh giống như trước, vị chủ sám hối nhận lời thỉnh rồi, không được hứa ngay, phải đơn bạch hỏi người bên cạnh, hỏi hai vị Tỳ-kheo kia rằng: Nếu hai vị Trưởng lão cho tôi nhận sám hối của Tỳ-kheo...... thì tôi sẽ nhận.

Hai vị Tỳ-kheo đáp: Được.

Người nhận chủ sám hối được chấp nhận rồi, mới trả lời với người sám hối rằng: Được.

Pháp chánh thức sám hối:

(Lời thỉnh chánh sám hối...... giống như trước).

Pháp trả lại y:

(Vấn hòa giống như trên).

Pháp không trả lại y:

(Kết tội giống như trên, nếu đối với hai vị cho đến một vị sám hối xả đọa, thì mỗi trường hợp đều giống như ở đây (không có gì khác). Trong phần đối với một vị sám hối, chỉ trừ hỏi người bên cạnh).

Pháp xả xin bát:

Xả, thì phải đối trước tăng, lại xả ở trụ xứ này chẳng phải ở trụ xứ khác. Xả và sám hối lời văn giống như trước.

Pháp trả lại bát:

Bát của Tỳ-kheo này, nếu bát tốt thì nên giữ lại, lấy bát xấu của vị hạ tòa đưa cho vị Tỳ-kheo đó. Bạch hai lần yết-ma để đưa bát.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này, bát vỡ chưa đến năm lần nứt, lại tìm bát mới, phạm tội xả đọa, nay xả cho tăng, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, nay tăng cho Tỳ-kheo....... này bát. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này, bát chưa đủ năm chỗ nứt, lại tìm bát mới, phạm xả đọa, nay xả cho tăng, nay Tăng

cho Tỳ-kheo....... này bát. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo....... này bát thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo....... này bát rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp bạch hành bát:

Bát của Tỳ-kheo kia, nên tác bạch rồi thưa với tăng, tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, lấy bát này thứ lớp thưa từ bậc Thượng tọa. Tác bạch như thế.

Tác bạch như thế rồi, nên lấy bát đưa cho vị Thượng tọa. Nếu Thượng tọa không nhận thì đưa cho vị Tỳ-kheo kia. Vị Tỳ-kheo kia nên nhận, không nên vì giữ cho chúng tăng mà không nhận. Cũng chẳng phải vì nhân duyên này mà thọ trì bát của vị hạ tòa, nếu thọ trì phạm đột-cát-la. Nếu Thượng tọa lấy, nên trao cho Thượng tọa, rồi lấy bát của Thượng tọa đưa cho thứ tọa. Nếu thứ tọa lấy giống Thượng tọa, thì cứ lần lượt đổi cho đến vị hạ tòa.

Pháp giao bát khiến phải giữ gìn:

Nếu đem bát của Tỳ-kheo này trả lại cho Tỳ-kheo này, hoặc đem bát xấu của vị hạ tọa cho Tỳ-kheo này, thì nên bạch hai lần yết-ma, bạch cho như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, nay tăng lấy bát của hạ tọa (hoặc bát của Tỳ-kheo này, nên nói: Nay tăng lấy bát của Tỳ-kheo này cho Tỳ-kheo...... thọ trì cho đến lúc vỡ. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng lấy (hoặc bát của hạ tọa, hoặc bát của Tỳ-kheo) này cho Tỳ-kheo...... thọ trì cho đến lúc vỡ. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... bát thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo....... bát rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Vị Tỳ-kheo giữ bát này, không được để bát ở chỗ có ngói, gạch rơi xuống; không được để dưới gốc cây, gậy, dao; không được treo dưới vật khác; không được để giữa đường đi, trên trụ đá, dưới cây có trái và chỗ đất gập ghềnh; không được một tay cầm hai bát, trừ ngón tay cách giữa bát; không được một tay cầm hai bát mở cửa, trừ có dụng tâm; không được để dưới cửa lớn, bậc cửa, cửa sổ; không được để dưới giường dây,

giường cây, để ở giữa giường, góc giường, trừ khi để tạm; không được dùng làm đồ để rửa, cho đến rửa chân làm cho bát bị vỡ. Không nên cố ý làm vỡ, không được cố ý để cho mất để dùng làm phi bát.

Pháp đối với người thế tục xả vật báu:

Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm vàng, bạc, tiền, hoặc bảo người cầm, hoặc bảo để dưới đất mà nhận, Tỳ-kheo kia có người giữ vườn có uy tín hoặc Ưu-bà-tắc, nên nói rằng: "Vật này không phải của tôi, ông nên coi chừng giùm".

(Tác pháp sám hối đối với một vị giống như trên).

Pháp người thế tục trả lại vật:

Người kia nhận, rồi trả lại cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nên nghĩ là vật của người kia mà nhận. Nên dạy tịnh nhân thường lại cho Tỳ-kheo. Nếu được y, bát, ống đựng kim, Ni-sư-đàn thanh tịnh nên thay mà thọ trì. Hoặc Ưu-bà-tắc lấy rồi, cúng dường y, bát, ống đựng kim, Ni-sư-đàn thanh tịnh cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo nên lấy và thọ trì.

Pháp người thế tục không trả lại vật báu:

Nếu người kia nhận rồi không trả lại cho Tỳ-kheo, nên bảo Tỳ-kheo khác nói rằng: "Ông nên trả lại vật báu cho Tỳ-kheo này".

Nếu Tỳ-kheo khác không nói, hoặc Tỳ-kheo khác nói nhưng người kia không trả lại, thì tự mình đến chỗ người ấy nói rằng: "Phật dạy Tỳ-kheo tác tịnh nên đưa cho ông, hoặc nói cho tăng, cho tháp, Hòa-thượng, v.v... cho những người quen biết, hoặc trả lại cho chủ". Vì sao? Vì không muốn làm mất vật của tín thí.

Pháp tịnh khí vật báu:

Nhân đây nói về cách thức tịnh thí, nếu theo bộ này, thì riêng khai cho Ưu-bà-tắc và người giữ vườn thân tín làm tịnh chủ. Tỳ-kheo lấy vật báu đưa cho người kia, nói với họ rằng: "Vật này chẳng phải của tôi, ông nên biết cho, hoặc nói thấy đó biết đó" hoặc việc của Phật, Pháp, Tăng v.v... lúc nhận nên nói tác tịnh, tịnh nên nói thấy đó biết đó, (nếu Tỳ-kheo không nói, người kia nói thấy đó biết đó, Tỳ-kheo phạm đột-cát-la.

Nếu theo thuyết Nhất thiết hữu bộ nói về pháp tịnh thí tiền và tất cả vật báu thì trước nên tìm một tịnh nhân người tại gia biết pháp nói với họ, làm cho họ hiểu ý mình, rồi nói rằng: "Theo pháp của Tỳ-kheo,

không được cất chứa tiền bạc vật báu; Nay nhờ đàn-việt làm người chủ tịnh thí, sau này nếu được tiền bạc vật báu, thì tất cả đều gởi cho đàn-việt”.

Nếu người chủ tịnh thí qua đời, hoặc đến nước khác, nên tìm người chỉ tịnh thí khác. Nhưng thuyết tịnh có hai thứ: Hoặc là người tại gia cầm tiền bạc, vật báu đến cúng dường, Tỳ-kheo chỉ nói: “Vật bất tịnh này, tôi không nên cất giữ, nếu vật thanh tịnh thì mới nhận (tức là tịnh)”. Hoặc người tại gia nói cúng dường Tỳ-kheo vật báu, Tỳ-kheo nói: “Tôi không được cất chứa. Nếu vật thanh tịnh thì nên nhận (tức là tác tịnh, nếu người tại gia thay đổi lời nói, vật thanh tịnh nên cất giữ; Tỳ-kheo không nói tịnh thì để dưới đất rồi đi. Nếu có Tỳ-kheo khác nên hướng về nói tịnh, tùy theo cất giữ lâu mau, lời nói giống như phần trên.

Pháp xả đồ nằm làm bằng tơ tằm hoang nhiều mầu:

Tỳ-kheo tự mình đến nhà nuôi tằm xin tơ làm đồ nằm, làm xong tự lấy búa, rìu chặt hoại để xả, pháp làm như sau:

Hoặc lấy rìu, hoặc lấy búa chặt nhỏ trộn với bùn, bôi lên tường, hoặc bôi lên đất.

(Tự mình hoại xả xong, đối với một người sám hối, tác pháp giống như phần trên).

Pháp sám hối chín mươi tội ba-dật-đề:

Muốn trừ bản tội, trở lại, trước sám hối bao nhiêu phẩm che giấu, y theo trước nên biết. Trong đây, muốn trừ bản tội, trước thỉnh sám chủ (chủ sám hối). Pháp thỉnh như trên, thỉnh rồi, Tỳ-kheo phạm tội nên đối với sám chủ, sám hối như sau:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo...... cố ý nói dối, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề (các tội khác tùy theo tên loại mà gọi khác nhau), nay đến Đại đức xin sám hối, không dám che giấu v.v... giống như phần trên.

Pháp sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni:

Phẩm che giấu như trước, thỉnh sám chủ rồi sám hối như sau:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo...... không bệnh, cố vào trong làng xóm, thọ thức ăn của Tỳ-kheo ni chẳng phải bà con phạm (nhiều bao nhiêu) tội Ba-la-đề-đề-xá-ni (cáctội khác tùy theo tên loại mà gọi khác nhau). Bạch Đại đức tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến Đại đức xin sám hối, không dám che giấu

v.v... giống như phần trên (nói một lần).

Pháp sám hối tội đột-cát-la:

Tất cả tội đột-cát-la, bất luận căn bản hay tùng sinh, cố làm hay nhầm lẫn làm mà che giấu; số phẩm che giấu, tùy theo che giấu như trên. Tỳ-kheo phạm tội phải tha thiết tự trách mình, mong cầu dứt trừ, sám hối như sau:

- Bạch Đại đức một lòng thương xót, tôi là Tỳ-kheo...... cố ý mặc y Tăng-già-lê không ngay ngắn phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Vì cố làm việc đó phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la phi oai nghi hoặc lầm phạm, tức là không cố ý phạm tội phi oai nghi, nên bạch rằng:

- Bạch Đại đức một lòng thương xót, tôi là Tỳ-kheo...... không cố ý mặc y Tăng-già-lê không nghiêm chỉnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la (các tội khác tùy theo tên loại mà gọi khác nhau). Nay tôi xin sám hối, không dám che giấu giống như phần trên.

Pháp tất cả tăng đều phạm biết tội phát lồ:

Luật nói: Các Tỳ-kheo lắng nghe, chúng tăng nhóm họp một chỗ muốn nói giới. Lúc sắp nói giới, tất cả chúng tăng đều phạm tội, mỗi người nên nghĩ: "Đức Phật chế giới, người phạm tội không được nói giới, không được nghe giới, không được đến người phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận người khác sám hối". Tỳ-kheo phạm tội kia bạch rồi, nên sám hối, tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, ở đây tất cả chúng tăng đều phạm tội. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận cho tất cả tăng ở đây sám hối. Tác bạch như thế.

Tác bạch như thế xong, sau đó nói giới.

Pháp tất cả tăng đều phạm tội nghi phát lộ:

Luật nói: Các Tỳ-kheo lắng nghe, nếu chúng tăng nhóm họp một chỗ sắp nói giới. Lúc nói giới, tất cả tăng đối với tội có nghi ngờ, mỗi vị nên nghĩ: "Đức Phật đặt ra giới, người phạm tội không được nói giới v.v... như trước". Tất cả tăng tác bạch rồi, nên nói tội đó, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, ở đây tất cả tăng đối với tội có nghi ngờ. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, chúng tăng ở đây tự nói tội. Tác bạch như thế.

Tác bạch rồi, sau đó nói giới.

Pháp người khắc nghi tội phát lồ:

Tỳ-kheo phạm tội đến chỗ một Tỳ-kheo thanh tịnh, oai nghi đầy đủ, thưa rằng:

- Bạch Đại đức nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo...... phạm tội ấy rất nhiều, nay tôi đến Đại đức phát lồ, sau sẽ sám hối đúng như pháp (nói một lần như vậy rồi, được nghe giới).

(530) Pháp người khác nghi tội phát lồ:

Tỳ-kheo nghi tội (lại) đến chỗ một Tỳ-kheo thanh tịnh, oai nghi đầy đủ, thưa như sau:

- Bạch Đại đức nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo...... đối với việc phạm tội ấy có nghi ngờ. Nay tôi đến Đại đức tự nói. Về sau không còn nghi ngờ, tôi sẽ sám hối đúng như pháp (nói một lần, rồi được nghe giới).

Pháp ngồi trong chỗ nói giới biết tội tâm niệm phát lồ:

Luật nói: Lúc đang tụng giới, có Tỳ-kheo phạm tội. Tỳ-kheo kia nếu có người nêu tội hay không có người nêu tội, hoặc làm cho nhớ lại hay không làm cho nhớ lại. Người đó tự nhớ tội mà phát lộ. Tỳ-kheo kia nên nói với người bên cạnh: "Bạch Đại đức! tôi phạm tội...... Nay đến Trưởng lão xin sám hối". Người đó lại nghĩ: "Nếu ta nói với người bên cạnh, sợ sẽ làm cho chúng ồn ào, tụng giới không thành". Tỳ-kheo kia nên tâm niệm rằng: "Tôi phạm tội...... phải đi khỏi chỗ này, tôi sẽ sám hối đúng như pháp. Nghĩ như thế, thì được nghe nói giới.

Pháp ngồi trong chỗ nói giới nghi tội tâm niệm phát lồ:

Duyên giống như trước, chỉ khác là nghi tội. Người kia tâm niệm rằng: "Tôi đối với tội...... có nghi ngờ, phải đi khỏi chỗ này, lúc không còn nghi, tôi sẽ sám hối đúng như pháp". Nghĩ như thế rồi, thì được nghe nói giới.

■

TỨ PHẦN TĂNG YẾT-MA

QUYỂN HẠ
(Xuất xứ từ Luật Tứ Phần)

THIÊN THỨ MƯỜI BA: TRỊ NGƯỜI

Pháp cho yết-ma-quở trách:

Theo luật có hai pháp, tăng nên cho làm pháp yết-ma-quở trách. Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, cho đến nói, không nói cũng giống như vậy, cho đến yết-ma nêu tội cũng như vậy. Lại có ba việc, tăng nên cho làm pháp yết-ma-quở trách. Đó là: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, cho đến yết-ma nêu tội cũng như vậy. Lại có Tỳ-kheo tánh ưa gây gỗ tranh chấp, ưa mắng nhiếc người, miệng nói ra lời như dao kiếm, moi móc chỗ hay chỗ dở của nhau. Lại có Tỳ-kheo khác ưa gây gỗ tranh chấp, đến người kia xúi giục họ gây gỗ tranh chấp. Cho nên, làm cho tăng chưa có việc gây gỗ tranh chấp thì xảy ra việc gây gỗ tranh chấp. Đã có việc gây gỗ tranh chấp thì không dứt được. Phật dạy: “Ta cho phép tăng làm pháp yết-ma-quở trách. Nhóm họp tăng bạch bốn lần yết-ma để thực hiện. Nhóm tăng xong, nêu tội đã phạm; nêu tội đã phạm rồi, làm cho họ nhớ nghĩ; nhớ nghĩ rồi mới nêu tội; nêu tội rồi, tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này ưa đấu tranh, mắng nhiếc nhau. Miệng nói lời hung dữ, tranh nhau hơn thua. Các Tỳ-kheo kia đấu tranh với nhau rồi, nếu có Tỳ-kheo khác đấu tranh, lại đến xúi giục rằng: “Các thầy có khả năng không như bọn họ, các thầy học nhiều, trí tuệ, giàu có hơn họ, có nhiều bạn bè. Chúng tôi sẽ làm bạn với các thầy”. Khiến cho trong tăng chưa có sự tranh cãi thì xảy ra sự tranh cãi, đã có sự tranh cãi thì không dứt được. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, tăng vì Tỳ-kheo...... làm pháp yết-ma-quở trách. Nếu sau xảy ra sự tranh đấu lại, chúng tăng sẽ tăng thêm tội mà trị họ. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này ưa đấu tra-

nh, mắng nhiếc lẫn nhau. Miệng nói lời hung dữ, moi móc lỗi xấu của người. Các Tỳ-kheo kia tranh chấp với nhau rồi, nếu có Tỳ-kheo khác tranh chấp lại đến xúi giục rằng: "Các thầy có khả năng hơn bọn họ, các thầy học nhiều, trí tuệ, giàu có hơn họ, có nhiều bạn bè. Chúng tôi sẽ làm bạn với các thầy". Khiến cho trong tăng chưa xảy ra sự tranh cãi thì sinh ra sự tranh cãi, đã xảy ra sự tranh cãi rồi thì không dứt được. Tăng vì Tỳ-kheo...... làm pháp yết-ma-quở trách. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo...... làm pháp yết-ma-quở trách. Nếu sau lại xảy ra sự tranh đấu thì chúng tăng sẽ tăng thêm tội mà trị họ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng, vì Tỳ-kheo...... làm pháp yết-ma-quở trách rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Người kia được pháp rồi, thực hành đầy đủ ba mươi lăm việc. Ba mươi lăm việc này đã nói trong phần trước.

Pháp giải yết-ma-quở trách:

Hoặc chúng tăng trong lúc dùng sáng, dùng trưa; hoặc lúc nói pháp; hoặc bố-tát. Người bị yết-ma-quở trách sửa sang y phục, cởi bỏ giày dép, quỳ thẳng chấp tay bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, xin Đại đức nhận sự sám hối của con. Từ nay về sau con sẽ trách tâm, không bao giờ tái phạm.

Phật dạy: Nếu người kia thuận theo chúng tăng, không có điều nào chống trái, mong được giải yết-ma-quở trách. Cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma giải cho họ. Tăng phải quán sát, có năm pháp không giải yết-ma cho họ. Đó là: Trái với ba mươi lăm việc trên. Người bị yết-ma-quở trách nên đến trong tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... tăng cho làm pháp yết-ma-quở trách. Nay con thuận theo chúng tăng, không có điều gì chống trái, đến tăng xin giải yết-ma-quở trách. Xin tăng thương xót con, vì con mà giải yết-ma-quở trách (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... bị tăng làm pháp yết-ma-quở trách. Tỳ-kheo kia thuận theo chúng tăng, không có điều gì chống trái, đến tăng xin giải yết-ma-quở trách. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng giải yết-ma-quở trách cho Tỳ-kheo...... Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này bị tăng làm

pháp yết-ma-quở trách. Tỳ-kheo đó thuận theo chúng tăng, không có điều gì chống trái, đến tăng xin giải yết-ma-quở trách. Trưởng lão nào bằng lòng tăng vì Tỳ-kheo...... giải yết-ma-quở trách thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng giải yết-ma-quở trách cho Tỳ-kheo...... rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp cho yết-ma tẫn xuất:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo làm việc xấu khiến nhơ bẩn nhà người. Việc xấu là: Tỳ-kheo tự trồng hoa, dạy người khác trồng v.v... Nhơ nhà người gồm: Có bốn việc: 1- Nương nhà người làm nhơ nhà người; 2- Nương lợi dưỡng làm nhơ nhà người; 3- Nương người thân làm nhơ nhà người; 4- Nương Tăng-già-lam làm nhơ nhà người. Tỳ-kheo này làm việc xấu khiến nhơ nhà người, ai cũng thấy ai cũng nghe. Phật dạy: Tăng vì Tỳ-kheo đó làm pháp yết-ma tẫn xuất, bạch bốn lần yết-ma để thực hiện. Văn làm yết-ma và văn giải này có nói rõ như trong luật.

Pháp cho yết-ma y chỉ:

Nếu Tỳ-kheo ngu si không biết gì, gây ra nhiều tội lỗi, sống chung với người tại gia, ưa thích gần gũi họ, không thuận với Phật pháp. Phật dạy: Cho tăng làm pháp yết-ma y chỉ cho họ, bạch tứ yết-ma để tiến hành. Nghĩa là chuyển họ đến y chỉ với người có đức, không được phân biệt địa phương, quốc độ. Văn tác pháp và giải cũng như trong luật.

Pháp cho yết-ma ngăn không được đến nhà người tại gia:

Người tại gia có năm pháp, tăng nên vì họ làm pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia. Người đó cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, việc nên giữ gìn, thì vững tâm giữ gìn không bỏ. Tỳ-kheo có mười pháp, tăng nên làm pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia. Nói xấu, mắng chửi nhà người tại gia; phương tiện làm cho nhà người tại gia mất mát thiệt thòi, làm mất lợi lộc, không có chỗ nương ở, đấu tranh làm não loạn người tại gia; ở trước người tại gia hủy báng Phật, Pháp, Tăng, ở trước người tại gia nói lời thấp hèn, mạ nhục; hứa với người tại gia như pháp mà không thực hành. Văn sai người đưa tin, sám hối và giải v.v... cũng giống như trong luật.

Pháp cho yết-ma không thấy tội đã nêu:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi rằng: "Thầy

phạm tội, có thấy hay không?" Tỳ-kheo phạm tội đáp: "Không thấy". Phật dạy: Cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma, làm cho pháp yết-ma không thấy tội đã nêu. Văn tác pháp và giải như trong luật.

Pháp cho yết-ma không sám hối tội đã nêu:

Có Tỳ-kheo phạm tội, các Tỳ-kheo nói rằng: "Thầy có tội sám hối" Tỳ-kheo phạm tội đáp: "Tôi không sám hối". Phật cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma, làm cho pháp yết-ma không sám hối tội đã nêu. Văn tác pháp và giải như trong luật.

Pháp cho yết-ma không bỏ ác kiến đã nêu:

Nếu có Tỳ-kheo sinh ác kiến như vậy, nói rằng: Tôi biết pháp Phật nói, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo. Phật cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma, cho làm pháp yết-ma can ngăn quở trách. Pháp can ngăn như văn trước. Đối với Tỳ-kheo kia, tăng cho làm pháp yết-ma can ngăn quở trách, nhưng Tỳ-kheo cố không bỏ ác kiến. Phật dạy: Cho làm pháp yết-ma không bỏ ác kiến đã nêu, bạch bốn lần yết-ma để tiến hành. Văn tác pháp và giải như trong luật.

Pháp cho yết-ma cuồng si:

Có ba thứ cuồng si: 1- Lúc nói giới, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến; 2- Hoặc nhớ mà đến; 3- Hoặc không nhớ không đến. Loại hai và ba không nên làm cho pháp yết-ma, loại thứ nhất bạch hai lần yết-ma, nên cho như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ thuyết giới, hoặc không nhớ thuyết giới, hoặc đến, hoặc không đến. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, tăng cho Tỳ-kheo...... yết-ma tâm loạn cuồng si. Hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến. Tăng làm yết-ma thuyết giới, tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... nầy tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ thuyết giới, hoặc không nhớ thuyết giới, hoặc đến, hoặc không đến. Tăng làm pháp yết-ma tâm loạn cuồng si cho Tỳ-kheo...... Hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến. Tăng làm yết-ma thuyết giới. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng làm pháp yết-ma tâm loạn cuồng si cho Tỳ-kheo......, tăng làm yết-ma thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng làm pháp yết-ma tâm loạn cuồng si cho Tỳ-kheo...... hoặc (531) nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến.

Tăng làm yết-ma thuyết giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp giải yết-ma cuồng si:

Nếu Tỳ-kheo...... bệnh cuồng si hết rồi, tăng nên bạch hai lần yết-ma để giải. Tỳ-kheo kia nên nghiêm chỉnh oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... trước đây bị bệnh cuồng si, lúc thuyết giới hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến. Chúng tăng cho tôi yết-ma cuồng si. Bệnh đã lành, nay tôi đến trước tăng xin giải yết-ma cuồng si (nói ba lần).

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này trước đây bị bệnh cuồng si, Tỳ-kheo nầy lúc thuyết giới hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến. Chúng tăng làm cho pháp yết-ma cuồng si, tăng làm yết-ma cho rồi, bệnh cuồng si đã dứt, nay Tỳ-kheo...... đến trước tăng xin giải yết-ma cuồng si. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, cho giải yết-ma cuồng si, tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này trước đây bị bệnh cuồng si, Tỳ-kheo nầy lúc thuyết giới hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến. Chúng tăng làm cho pháp yết-ma cuồng si, tăng làm cho yết-ma rồi, bệnh cuồng si đã dứt, nay Tỳ-kheo...... đến trước tăng xin giải yết-ma cuồng si. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... giải yết-ma cuồng si thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải yết-ma tâm loạn cuồng si cho Tỳ-kheo...... rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Phật dạy: Tùy theo lúc bệnh làm cho pháp yết-ma cuồng si, bệnh lành thì giải yết-ma cho.

Pháp cho yết-ma học gia:

Bấy giờ, có vợ chồng cư sĩ đều kính tin Phật pháp làm đệ tử Phật. Theo pháp thường của các đệ tử Kiến đế (chứng quả Dự lưu) của Chư Phật. Họ đối với các Tỳ-kheo không có gì luyến tiếc, dù cho lóc thịt thân mình. Nếu các Tỳ-kheo đến nhà họ, thường cúng dường thức ăn và các thứ cần dùng khác. Vì thế gia đình họ trở nên nghèo cùng, đói cơm thiếu áo. Phật dạy: Cho phép tăng làm yết-ma học gia cho cư sĩ kia. Nên bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, ở trong thành...... vợ chồng cư sĩ...... có niềm tin làm đệ tử Phật, cúng dường các Tỳ-kheo, tiền của đã

hết sạch. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng chấp thuận, nay tăng làm yết-ma học gia. Các Tỳ-kheo không được nhận thức ăn ở nhà cư sĩ ấy nữa. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, ở trong thành...... vợ chồng cư sĩ...... có niềm tin làm đệ tử Phật, cúng dường các Tỳ-kheo, tiền của đã hết sạch. Tăng nay làm yết-ma học gia. Các Tỳ-kheo không được nhận thức ăn ở nhà cư sĩ ấy nữa. Trưởng lão nào bằng lòng làm yết-ma học gia cho cư sĩ...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma học gia cho cư sĩ...... rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Nếu có mời trước, hoặc bệnh, hoặc bỏ dưới đất mà cho, hoặc nhận từ người khác, hoặc học gia cúng dường, hoặc sau này tiền của họ có lại nhiều thì Tỳ-kheo nhận không phạm.

Pháp giải yết-ma học gia:

Nếu nhà học gia tiền của có lại nhiều, họ đến tăng xin giải yết-ma học gia. Thì tăng nên bạch hai lần để giải, tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, ở trong thành...... vợ chồng cư sĩ...... có niềm tin làm đệ tử Phật, ưa thích bố thí, tiền của đã hết sạch. Tăng trước đã cho làm yết-ma học gia. Nay gia đình cư sĩ...... tiền của có lại nhiều, đến tăng xin giải yết-ma học gia. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, giải yết-ma học gia. Tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, ở trong thành...... vợ chồng cư sĩ...... có niềm tin làm đệ tử Phật......, nay tiền của có nhiều, tăng giải yết-ma học gia cho cư sĩ......, trưởng lão nào bằng lòng tăng giải yết-ma học gia cho cư sĩ...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải yết-ma học gia cho cư sĩ...... rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp làm yết-ma nói lời khác lạ:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo phạm tội, các Tỳ-kheo hỏi: "Thầy có tự biết mình phạm tội hay không?" Tỳ-kheo phạm tội đem việc khác trả lời với các Tỳ-kheo: "Các thầy nói ai? Nói về việc gì? Bàn về lý gì? Nói với tôi hay nói với người khác? Ai phạm tội? Tội từ đâu sinh ra? Tôi không thấy tội, vì sao nói tôi có tội?".

Phật dạy: Từ nay về sau, cho phép bạch rồi, gọi là lời khác lạ. Nên bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này phạm tội, các

Tỳ-kheo hỏi: “Nay thầy có tự biết mình phạm tội hay không?” Vị Tỳ-kheo đó liền đem việc khác trả lời với các Tỳ-kheo: “Các ông hỏi ai? Nói về việc gì? Bàn về lý gì? Nói với tôi hay nói với người khác? Ai phạm tội? Tội từ đâu sinh ra? Tôi không thấy tội”. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nên gọi đó là Tỳ-kheo...... nói lời khác lạ. Tác bạch như thế.

Tác bạch rồi, gọi là lời khác lạ. Nếu chưa bạch, trước nói lời khác lạ, tất cả phạm tội đột-cát-la. Nếu tác bạch rồi, mà nói lời khác lạ, tất cả phạm ba-dật-đề.

Pháp làm yết-ma xúc não:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo sau khi tăng chế định không được nói lời khác lạ rồi, liền xúc não tăng bằng cách gọi đến không đến, không gọi đến lại đến; nên đứng thì không chịu đứng, không nên đứng lại đứng; việc đáng nói không nói, không đáng nói lại nói. Phật dạy: Cho phép tăng làm đơn bạch yết-ma cho Tỳ-kheo...... này, gọi là làm xúc não, tác bạch như vầy:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này, tăng gọi là nói lời khác lạ, liền xúc não chúng tăng, gọi đến không đến, không gọi đến lại đến; nên đứng thì không chịu đứng, không nên đứng lại đứng; việc đáng nói không nói, không đáng nói lại nói. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng gọi Tỳ-kheo mỗ là xúc não. Tác bạch như thế.

Bạch như vậy rồi, gọi là làm xúc não. Nếu chưa bạch, trước xúc não tăng, tất cả phạm đột-cát-la. Nếu bạch rồi, mà xúc não tăng, tất cả phạm ba-dật-đề.

Pháp trị ngựa dữ:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo tánh xấu không nghe lời can ngăn, phạm nhiều tội. Các Tỳ-kheo khác nói: “Thầy phạm tội có thấy hay không?” Tỳ-kheo phạm tội đáp: “Không thấy”. Tăng nên bỏ đi, không hỏi nữa, nói như sau:

- Nay thầy không thấy tội, chỗ thầy đến, ở đó cũng nêu tội thầy. Vì thầy nói như vầy: “Không cho ông làm A-nậu-bà-đà, không cho bố-tát, tự tứ”. Như người huấn luyện ngựa, gặp những con khó điều phục liền dùng dây buộc nó lại rồi đi. Thầy Tỳ-kheo không thấy tội cũng như vậy. Tất cả mọi người đều xa lìa, chỗ thầy đến, dù cho bố-tát, tự tứ cũng không cho.

Người đó không nên cầu thính. Đây tức là thính.

Phạm pháp trị phạt:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo tánh xấu phạm giới, lại không nghe lời can ngăn, chúng tăng nên mặc tẫn để trị. Nên thực hành như sau:

Tất cả Tỳ-kheo mặc tẫn không nói chuyện với Tỳ-kheo phạm tội. Đây là phạm phạt trị (nhưng không thay đổi). Nên dẫn đến trước chúng, mọi người cùng phê bình rồi đuổi đi, không cho thuyết giới, cũng không cho tham gia các pháp hội.

Pháp xả giáo thọ Tỳ-kheo ni:

Bấy giờ, nhóm Tỳ-kheo ni sáu vị, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na đến chùa cùng Tỳ-kheo, Sa-di cùng ở; lại trêu chọc nhau, cùng nhau đọc kinh, khóc la, hoặc cười giỡn, làm não loạn các Tỳ-kheo ngồi thiền. Phật dạy: Nên gọi họ đến quở trách và trị phạt. Nếu không thay đổi, nên vì Hòa-thượng, A-xà-lê của Sa-di-ni làm yết-ma xả giáo thọ.

Pháp yết-ma úp bát cho nhà người tại gia:

Phật dạy: Nhà người tại gia có năm pháp, nên cho yết-ma úp bát: Không hiếu thuận với cha mẹ, không cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, không tôn trọng Tỳ-kheo. Có năm pháp không nên làm yết-ma phú bát tức là ngược lại năm điều trên. Lại nữa, nhà người tại gia có mười pháp, chúng tăng nên làm yết-ma phú bát cho, là: Mắng nhiếc hủy báng Tỳ-kheo, làm cho Tỳ-kheo bị tổn hoại, làm việc không lợi ích, làm cho Tỳ-kheo không có nơi nương tựa, làm cho Tỳ-kheo đấu tranh rồi loạn, trước mặt Tỳ-kheo nói xấu Phật, Pháp, Tăng, dùng việc vô căn cứ về pháp bất tịnh để hủy báng Tỳ-kheo, xúc phạm Tỳ-kheo-ni. Người tại gia phạm một trong mười pháp này thì làm pháp yết-ma phú bát cho. Nên tác bạch cho như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này thanh tịnh, mà người tại gia tên là....... dùng tội Ba-la-di vô căn cứ hủy báng Tỳ-kheo. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng chấp thuận, nay tăng vì người tại gia...... này làm yết-ma phú bát, không qua lại, tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... thanh tịnh, mà người tại gia tên là...... dùng tội Ba-la-di vô căn cứ hủy báng Tỳ-kheo. Nay tăng vì người tại gia tên là...... làm yết-ma phú bát, không qua lại. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng vì người tại gia tên là ...... làm yết-ma phú bát, không qua lại thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói

lên.

Tăng đã bằng lòng vì người tại gia ...... này làm yết-ma phú bát, không qua lại rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp sai một Tỳ-kheo đến nói với người tại gia:

Phật dạy: Tăng nên bạch hai lần yết-ma sai một Tỳ-kheo làm sứ giả, đến nói với người tại gia cho họ biết. Vị Tỳ-kheo sứ giả đó phải có tám tính chất, tám tính chất và pháp sai đã nói rõ như trong luật. Tỳ-kheo sứ giả này đến nhà người tại gia kia, không được nhận các thứ cúng dường như: giường, ghế, thức ăn v.v... gặp họ nên nói rằng: "Nay tăng vì ông làm yết-ma phú bát, không qua lại". Người tại gia kia không hiểu, nên giải thích cho họ hiểu. Nếu họ nói: "Làm cách nào để giải yết-ma phú bát cho nhà tôi, để Tỳ-kheo lại qua lại như trước"? Tỳ-kheo sứ giả nên nói rằng: "Ông phải đến sám hối chúng tăng". Người kia nếu sám hối, thuận theo chúng tăng không dám chống đối, thì đến tăng xin giải yết-ma phú bát, lại qua lại như trước, tăng nên giải yết-ma cho họ. Văn giải như trong luật.

THIÊN THỨ MƯỜI BỐN: CAN NGĂN.

Pháp can ngăn phá tăng:

Nếu Tỳ-kheo tìm cách muốn phá hòa hợp tăng, tìm cách phá hòa hợp tăng giữ chặt không bỏ. Tỳ-kheo nên can ngăn Tỳ-kheo này rằng: "Đại đức chớ (532) tìm cách muốn phá hòa hợp tăng, chớ tìm cách phá hòa hợp tăng giữ chặt không bỏ. Đại đức nên hòa hợp với tăng, vui vẻ không tranh cãi giống như sữa hòa với nước. Trong Phật pháp mới tăng thêm sự an vui mà ở. Đại đức nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội trọng. (Nếu họ nghe thì tốt, không nghe thì) lại khiến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; hoặc vua, đại thần, các đạo khác: Sa-môn, Bà-la-môn yêu cầu họ can ngăn, hoặc Tỳ-kheo ở phương khác biết người đó nghe lời nói của mình thì nên nhờ họ đến can ngăn. Người đó nghe thì tốt, nếu không nghe thì nên tác bạch (tác bạch rồi, nên yêu cầu nữa).

- Nầy Đại đức! tôi đã bạch rồi, chỉ còn yết-ma, giờ đây thầy nên bỏ việc này, chớ để tăng vì thầy làm yết-ma mà phạm tội trọng. Nếu người đó nghe lời thì tốt, nếu không nghe thì nên làm yết-ma lần thứ nhất, làm yết-ma lần thứ nhất rồi, nên yêu cầu...).

- Nầy Đại đức, tôi đã bạch yết-ma lần thứ nhất rồi, còn hai lần

yết-ma nữa, thầy nên bỏ việc này, chớ để tăng vì thầy làm yết-ma mà phạm tội trọng. Nếu người đó nghe lời thì tốt, nếu không nghe thì nên làm yết-ma lần hai, làm yết-ma lần thứ hai rồi, nên yêu cầu: Nầy Đại đức! tôi đã bạch yết-ma lần thứ hai rồi, còn một lần yết-ma nữa, thầy nên bỏ việc này, chớ để tăng vì thầy làm yết-ma mà phạm tội trọng. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì cho bạch yết-ma lần thứ ba. Nói yết-ma lần thứ ba xong, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Bạch hai lần yết-ma xong mà xả, phạm ba tội Thâu-lan-già. Bạch yết-ma lần thứ nhất xong mà xả, thì phạm hai tội Thâu-lan-già. Nếu tác bạch lần thứ nhất chưa xong mà xả, phạm đột-cát-la. Nếu chưa bạch, tìm cách muốn phá hòa hợp tăng, thọ cách phá hòa hợp tăng, giữ chặt không bỏ, tất cả phạm đột-cát-la. Pháp yết-ma cụ thể như trong luật đã nói).

Pháp can ngăn người giúp phá tăng:

Lúc chúng tăng can ngăn Tỳ-kheo phá tăng kia, lại có bè đảng Tỳ-kheo phi pháp, chúng có nhiều một, hai, ba người nói với các Tỳ-kheo rằng: Đại đức thầy chớ can ngăn Tỳ-kheo này, vì Tỳ-kheo này là Tỳ-kheo nói đúng pháp, Tỳ-kheo nói đúng luật. Những lời Tỳ-kheo này nói chúng tôi đều chấp nhận. Các Tỳ-kheo nên nói: Thầy chớ nói rằng: Tỳ-kheo này là Tỳ-kheo nói đúng pháp, Tỳ-kheo nói đúng luật, những lời Tỳ-kheo này nói ra chúng tôi đều chấp nhận. Thật ra, Tỳ-kheo này chẳng phải Tỳ-kheo nói đúng pháp, Tỳ-kheo nói đúng luật, các thầy chớ phá hòa hợp tăng mà phải hòa hợp với tăng, vui vẻ không tranh cãi, v.v...... như trước. (Pháp yết-ma cũng như luật có nói).

Pháp can ngăn người bị tẫn xuất hủy báng tăng:

Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo làm việc xấu, khiến nhơ nhà người, mọi người đều biết. Tăng làm yết-ma tẫn xuất, Tỳ-kheo phạm tội hủy báng tăng rằng: “Các Tỳ-kheo có thương, giận, sợ, si, có người đồng tội như tôi, sao có người đuổi, có người không đuổi”? Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo kia rằng:

- Đại đức làm nhơ nhà người, ai cũng thấy ai cũng nghe; làm hạnh xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Đại đức làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu, nên bỏ việc này, chớ để tăng quở trách mà phạm tội trọng.

(Nếu người đó nghe lời thì tốt, không nghe lời thì cho bạch yết-ma đến lần ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma như luật có nói).

Pháp can ngăn người có tánh xấu không nghe lời can ngăn:

Nếu Tỳ-kheo có tánh xấu không chịu nghe lời người can ngăn, các Tỳ-kheo dùng giới luật, dạy bảo đúng như pháp, nhưng họ không nghe, lại nói với các Tỳ-kheo: "Đại đức chớ nói với tôi việc tốt việc xấu, tôi cũng không nói với các Đại đức việc tốt việc xấu. Các Đại đức hãy thôi đi, không nên can ngăn tôi". Tỳ-kheo kia nên can ngăn Tỳ-kheo này rằng:

- Đại đức chớ tự mình không nghe lời can ngăn, mà phải nghe theo lời can ngăn. Đại đức đúng như pháp can ngăn các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng nên đúng như pháp can ngăn Đại đức. Như thế chúng đệ tử Phật mới tăng thêm lợi ích, đệ tử Phật nên dạy bảo nhau, can ngăn nhau, sám hối nhau. Đại đức nên bỏ việc này, chớ để tăng quở trách mà phạm tội nặng.

(Nếu người kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì nên làm yết-ma cho đến lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

Pháp can ngăn người ác kiến nói dâm dục không chướng đạo:

Tỳ-kheo kia nói rằng: "Tôi biết pháp Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo. Các Tỳ-kheo chân chánh nên can ngăn Tỳ-kheo đó rằng:

- Thầy chớ nói như vậy, đừng hủy báng Thế tôn, hủy báng Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy, Đức Thế tôn dùng nhiều phương tiện nói làm việc dâm dục là pháp chướng đạo. Nay thầy nên bỏ việc này, chớ để tăng quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu người đó nghe nói thì tốt, không nghe thì làm yết-ma cho đến lần thứ ba như trước. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như trong luật có nói. Pháp can ngăn Sa-di nói dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo, cũng giống như vậy không khác).

Pháp can ngăn người phạm tội:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo sắp phạm tội Ba-la-di cho đến ác thuyết (đột-cát-la). Các Tỳ-kheo nên can ngăn Tỳ-kheo đó rằng:

- Đại đức! Chớ nói như vậy, việc này không nên như vậy. Việc làm của Đại đức chẳng đúng pháp, chẳng đúng luật, chẳng đúng lời Phật dạy.

Nhưng Tỳ-kheo đó không nghe theo lời can ngăn, khuyên răn đúng như pháp của các Tỳ-kheo chân chánh thì phạm giới. Nếu Tỳ-kheo đó tự biết việc mình làm là đúng, lời can ngăn của người khác

là sai, nên cố làm, thì phạm tội căn bản. Tỳ-kheo không nghe theo lời khuyên can phạm đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo đó tự biết việc mình làm là sai, lời can ngăn của người khác là đúng, mà cố làm thì phạm tội căn bản. Tỳ-kheo không nghe theo lời khuyên can phạm ba-dật-đề. Nếu người vô trí không biết pháp can ngăn thì nên nói với họ rằng:

Thầy nên hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê của thầy, lại học hỏi tụng kinh, biết pháp can ngăn rồi, sau đó mới can ngăn.

THIÊN THỨ MƯỜI LĂM: DIỆT TRÁNH

Pháp cho Tỳ-ni hiện tiền:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, người phạm tội không có mặt làm pháp yết-ma. Phật dạy: Không nên, không được vắng mặt người phạm tội mà làm pháp yết-ma.

Từ này về sau, vì các Tỳ-kheo kiết tỳ-ni hiện tiền diệt tránh. Nên nói tỳ-ni hiện tiền như vậy.

Nhưng hiện tiền có năm: pháp, Tỳ-ni, nhân, tăng, và giới.

1. Pháp hiện tiền: là pháp diệt tránh sở trì.

2. Tỳ-ni hiện tiền: Tỳ-ni diệt tránh sở trì.

3. Nhân hiện tiền: Nói nghĩa qua lại.

4. Tăng hiện tiền: Cùng yết-ma hòa hợp ở một chỗ, người không đến gởi dục cho người hiện tiền, để người có tư cách ngăn không ngăn được.

5. Giới hiện tiền: Ở trong giới làm yết-ma để trị tội.

Pháp cho Tỳ-ni ức niệm:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thật không phạm tội nặng ba-dật-đề, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-già. Các Tỳ-kheo khác đều nói phạm tội nặng, hỏi rằng: "Thầy có nhớ phạm tội năng hay không?" Các Tỳ-kheo không nhớ phạm bèn đáp: "Tôi không nhớ phạm tội như thế", liền nói với các Tỳ-kheo rằng: "Trưởng lão chớ nhiều lần vặn hỏi tôi", các Tỳ-kheo cố vặn hỏi không thôi.

Phật dạy: Cho phép tăng vì họ tác bạch bốn lần yết-ma Tỳ-ni ức niệm, như văn xin làm yết-ma.

Từ này về sau, kiết diệt tránh tỳ-ni ức niệm cho các Tỳ-kheo, nên nói tỳ-ni ức niệm như vậy.

Tỳ-ni ức niệm là thế nào? Tội của Tỳ-kheo kia không nên nêu, không nên làm ức niệm.

Pháp cho Tỳ-ni bất si:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo cuồng si tâm loạn, phạm nhiều các tội, chẳng phải pháp Sa-môn; nói năng không chừng mực; đến, đi, ra, vào trái với oai nghi. Sau đó, Tỳ-kheo kia tâm trở lại bình thường, bấy giờ các Tỳ-kheo nói: "Thầy phạm tội nặng ba-dật-đề, Tăng-già-bà-thi-sa?" hỏi Tỳ-kheo kia rằng: "Thầy có nhớ mình phạm tội nặng hay không?" Tỳ-kheo kia đáp: "Tôi lúc trước cuồng si tâm loạn, phạm nhiều các tội; chẳng phải tôi cố làm như vậy, chỉ tại cuồng si mà thôi. Các Trưởng lão không cần vặn hỏi nhiều lần, nhưng các Tỳ-kheo cố vặn hỏi không thôi. Phật dạy: Cho phép tăng tác bạch bốn lần yết-ma Tỳ-ni bất si, xin và tác như văn.

Từ nay về sau, kiết diệt tránh tỳ-ni bất si cho các Tỳ-kheo, nên nói Tỳ-ni bất si như vậy.

Thế nào là Tỳ-ni bất si? Tội này của Tỳ-kheo kia không nên nêu, không nên làm ức niệm.

Pháp cho Tỳ-ni Tự ngôn trị:

Tỳ-kheo dùng mặt trời thanh tịnh thấy Tỳ-kheo phạm giới; không giữ kín lại tự nói tội ra ngoài. Phật dạy: Không nên như vậy, nếu ở lúc khác cũng không nên như vậy. Tỳ-kheo phải làm cho người kia nhận tội, sau mới cho tội; không nên, người không nhận tội mà cho tội.

Từ này về sau, kiết diệt tránh tỳ-ni tự ngôn trị cho các Tỳ-kheo, nên nói Tỳ-ni tự ngôn trị như vậy.

Trong đây, là người hiện tiền, người nhận sám, người sám hối.

Thế nào là Tự ngôn? Là tự nói tên tội và chủng loại tội, sám hối là đúng. Thế nào là trị? Tự trách tâm thầy sinh nhàm chán.

Pháp Tỳ-ni lời của nhiều người:

Các Tỳ-kheo tranh sự hiện tiền, không thể diệt được, nên yêu cầu nhiều Tỳ-kheo biết pháp thực hành xá-la để dứt trừ. Vì thẻ xá-la nhiều biểu thị cho lời của nhiều người.

Từ này về sau, vì các Tỳ-kheo kiết diệt tránh dùng lời của nhiều người, nên nói dùng lời của nhiều người như vậy.

Thế nào là lời của nhiều người? Hoặc dùng nhiều người nói trì pháp, trì Tỳ-ni, trì Ma-di.

Pháp cho Tỳ-ni tội xứ sở:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo phạm tội, trước sau trái nhau. Phật dạy: Cho

phép tăng bạch bốn lần yết-ma tội xứ sở cho Tỳ-kheo kia. Nên như thế cho nhóm họp tăng, tăng nhóm họp rồi vì người kia nêu tội, nêu tội rồi cho làm ức niệm, làm ức niệm rồi cho tội. Làm pháp như văn, làm pháp rồi thuận theo ba mươi lăm việc.

Từ này về sau, kiết diệt tránh tội nơi chốn cho các Tỳ-kheo, nên nói kết tội nơi chốn như vậy.

Thế nào là tội nơi chốn? Tội này của Tỳ-kheo kia cho làm nêu, nên làm ức niệm.

Pháp cho Tỳ-ni như cỏ phủ đất:

Các Tỳ-kheo nghĩ rằng: chúng ta phạm nhiều các giới, chẳng phải pháp Sa-môn cũng làm cũng nói, ra vào không chừng đỗi. Nếu chúng ta lại cùng nhau khéo hỏi việc này; có thể sẽ khiến cho việc tranh cãi này, giống như cỏ phủ đất.

Từ này về sau, kiết diệt tránh như cỏ phủ đất cho các Tỳ-kheo, nên nói như cỏ phủ đất.

Thế nào là cỏ phủ đất: ở đây không còn nói tên tội, chủng loại tội, mà sám hối.

Tránh có bốn loại: Ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh, và sự tránh.

1. Ngôn tránh: Tỳ-kheo tránh cãi với Tỳ-kheo, dẫn mười tám việc tranh cãi: pháp phi pháp cho đến thuyết bất thuyết. Dùng tướng như vậy tranh cãi nhau, thành kia đây đấu tranh.

2. Mích tránh: Tỳ-kheo và Tỳ-kheo tìm tội nhau, dùng ba việc nêu tội: phá giới, phá kiến, phá oai nghi; kiến, văn, nghi; làm tướng như vậy để tìm tội, nói chuyện chung không dối, tìm thế lực của bạn, an ủi ý mình; hoặc nêu làm ức niệm, hoặc an việc này, không an việc này, không si không thoát.

3. Phạm tránh: Phạm bảy loại tội, từ Ba-la-di cho đến ác thuyết.

4. Sự tránh: Việc làm trong ngôn tránh, việc làm trong mích tránh, việc làm trong phạm tránh.

Nêu thuốc đối tránh, văn luật có nói rộng.

THIÊN THỨ MƯỜI SÁU: TẠP HÀNH

Pháp kiết nhà thuyết giới:

Luật nói: Các Tỳ-kheo không biết thuyết giới ở chỗ nào. Phật dạy: Cho phép làm nhà thuyết giới. Nên cử một Tỳ-kheo oai nghi nghiêm

chỉnh xướng nhà lớn, nhà có lầu, nhà kinh hành; hoặc ở bên sông, hoặc dưới cây, hoặc bên tảng đá, chỗ có cỏ tươi, nên tác bạch như vầy:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng ở chỗ...... làm nhà thuyết giới, tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nay chúng tăng ở chỗ...... làm nhà thuyết giới, Trưởng lão nào bằng lòng, tăng ở chỗ...... làm nhà thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng ở chỗ...... làm nhà thuyết giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp giải nhà thuyết giới:

Bấy giờ, các Tỳ-kheo trước xây nhà thuyết giới rồi, lại muốn xây nhà thuyết giới ở chỗ khác. Phật cho phép giải nhà thuyết giới trước, sau đó kiết lại, nên bạch giải như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng giải nhà thuyết giới ở chỗ...... tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng giải nhà thuyết giới ở chỗ....... Trưởng lão nào bằng lòng, tăng giải nhà thuyết giới ở chỗ...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải nhà thuyết giới ở chỗ...... rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp kiết nhà kho:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khách đến, phải dời y vật để ở phòng khác không chắc chắn. Phật cho phép dùng một phòng khác làm nhà kho. Nên có một vị Tỳ-kheo xướng phòng...... hoặc nhà sưởi, hoặc nhà có lầu, hoặc chỗ kinh hành làm nhà kho. Xướng rồi nên bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng kiết phòng...... làm nhà kho, tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng kiết phòng...... làm nhà kho. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng kiết phòng...... làm nhà kho thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng kiết phòng...... làm nhà kho rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Nếu nhà kho không vững chắc, thì cho phép sai người giữ nhà kho. Người đó có đủ các tính chất tốt như trên. Nếu họ không chịu thì cho phước nhiều và cho cháo. Nếu họ vẫn không chịu, thì tất cả y thực nên chia cho họ hai phần. Nếu họ vẫn không chịu thì nên đúng như pháp

mà trị).

Pháp giải nhà kho:

Văn lược không có văn giải, nên nói ngược lại văn kiết.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng chấp thuận, tăng giải nhà kho phòng......, tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng giải nhà kho phòng...... Trưởng lão nào bằng lòng, cho tăng giải nhà kho phòng...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải nhà kho phòng...... Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp không có chủ làm phòng xá cho mình:

Vị Tỳ-kheo kia xem chỗ không có nạn, không có hại, rồi vào trong tăng, oai nghi đầy đủ, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... xin làm phòng không có chủ tự làm cho mình. Nay tôi đến trước tăng xin làm chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại (nói ba lần). Tăng nên xem xét Tỳ-kheo này có đáng tin hay không. Nếu thấy người đó đáng tin thì tăng nên cho phép làm. Nếu thấy người đó không đáng tin, thì tất cả tăng nên đến chỗ ấy xem xét. Nếu tăng không đi, nên sai người đáng tin trong tăng đi xem. Nếu chỗ kia có nạn, có hại thì tăng không nên cho làm chỗ đó. Nên làm như vầy để cho:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... tự xin làm phòng, không có chủ tự làm cho mình, đến tăng xin chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng chấp thuận, nay tăng cho Tỳ-kheo...... làm chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại, tác bạch như vậy.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... tự xin làm phòng, không có chủ, tự làm cho mình, đến tăng xin chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại. Nay tăng cho Tỳ-kheo...... làm chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... làm chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... làm chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Văn có chủ làm phòng cũng giống như vậy, chỉ có chủ là khác).

Pháp cho kiết giới không mất y:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh thân gầy ốm, có Tăng-già-lê phẩn tảo mang theo rất nặng, tự nghĩ: "Đức Thế tôn cho các Tỳ-kheo kiết giới ngủ không được lìa y, nay ta bị bệnh thân gầy ốm, có Tăng-già-lê phẩn tảo rất nặng nề. Lại có nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, không thể đem theo được". Phật dạy: Từ nay về sau cho phép tăng kiết giới không mất y cho Tỳ-kheo bệnh này, Bạch hai lần yết-ma để tiến hành. Tỳ-kheo bệnh nên đến trước tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... bị bệnh thân gầy ốm. Tăng-già-lê phấn tảo rất nặng, có duyên sự muốn đi trong nhân gian, không thể đem theo được. Nay con đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y (nói ba lần). Tăng cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... bị bệnh thân gầy ốm, có Tăng-già-lê rất nặng, lại có nhân duyên muốn đi trong nhân gian, không thể đem theo được, đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, cho Tỳ-kheo này kiết pháp không mất y, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... bị bệnh thân gầy ốm, có y Tăng-già-lê phẩn tảo rất nặng, lại có duyên sự muốn đi trong nhân gian, không thể đem theo được, đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y. Nay tăng cho Tỳ-kheo..... pháp kiết không mất y. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo..... pháp kiết không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo..... kiết pháp không mất y rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp cho làm đồ nằm mới:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh thân gầy ốm, có đồ nằm phẩn tảo rất nặng. Tự nghĩ: "Đức Thế tôn chế giới làm đồ nằm mới phải sài đủ sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, chưa rách mà cố ý làm đồ nằm mới thì phạm ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nay ta bị bệnh thân gầy ốm, đồ nằm này quá nặng không mang theo được". Đức Thế tôn dạy: "Cho phép tăng cho Tỳ-kheo kia bạch hai lần yết-ma làm lại đồ nằm mới". Tỳ-kheo kia đến trước tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... bị bệnh thân gầy ốm, có nhân duyên muốn đi trong nhân gian, nhưng đồ nằm phẩn tảo quá nặng, không thể đem theo được. Nay tôi đến trước tăng xin yết-

ma cho làm đồ nằm mới (nói ba lần). Tăng cho như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này bị bệnh thân gầy ốm, muốn đi trong nhân gian, lại có đồ nằm phẩn tảo quá nặng. Nay đến trước tăng xin yết-ma cho làm đồ nằm mới. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... này yết-ma cho làm đồ nằm mới, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này bị bệnh thân ốm gầy, có đồ nằm phẩn tảo quá nặng, lại muốn đi trong nhân gian. Nay đến tăng xin yết-ma cho làm đồ nằm mới. Tăng cho Tỳ-kheo...... này yết-ma cho làm đồ nằm mới. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo...... này yết-ma cho làm đồ nằm mới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo...... này yết-ma cho làm đồ nằm mới rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc nên thực hành như vậy.

Pháp cho chứa túi dây và gậy:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo già yếu cần phải có túi đựng bát, cần gậy để đi. Phật dạy: Cho phép tăng bạch hai lần yết-ma cho vị Tỳ-kheo già kia làm túi và gậy. Vị Tỳ-kheo già nên đến trước tăng, oai nghi nghiêm chỉnh, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo...... già bệnh, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để chống. Nay tôi đến trước tăng xin cất chứa gậy, túi vải. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo...... chứa gậy và túi vải. Xin thương xót cho (nói ba lần), tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này già yếu, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để chống. Nay đến trước tăng xin chứa gậy và túi. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, cho Tỳ-kheo...... chứa gậy và túi, tác bạch như vậy.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo...... này già yếu, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để đi. Nay đến trước tăng xin chứa gậy và túi. Nay Tăng cho Tỳ-kheo...... này chứa gậy và túi. Trưởng lão nào bằng lòng, Tăng nay cho Tỳ-kheo...... chứa gậy và túi thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng nay cho Tỳ-kheo...... chứa gậy và túi rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp sáu niệm:

Theo luật Tăng-kỳ chép:

Niệm thứ nhất: Đó là biết ngày, tính tháng đủ, thiếu, trắng, đen, nói rằng: Tháng này đủ (tháng thiếu gọi là thiếu). Ngày mồng một tháng có trăng cho đến (534) ngày mười lăm tháng có trăng. (tháng không trăng nên nói) ngày mồng một tháng không trăng cho đến ngày mười bốn, mười lăm tháng không trăng.

Phương Tây vốn chế định tháng có tháng có trăng, tháng không trăng. Tháng có trăng hoàn toàn là tháng đủ, tháng không trăng có tháng đủ, tháng thiếu. Ở Trung quốc một tháng có ba mươi ngày. Cho nên chắc rằng, thông báo cho biết tháng đủ, thiếu chính là do phương này lập ra. Nói về tháng, riêng nói mồng một, hai tháng không trăng, có trăng v.v... lại thuận theo ngày tháng của phương Tây đặt ra.

Niệm thứ hai: Đó là biết chỗ của thức ăn, chỗ của thức ăn bất định, tùy theo chỗ thức ăn đó nói rằng: Hoặc ăn thức ăn thường của tăng, hoặc thức ăn thường khất thực, hoặc nhận lời mời của người kia, hoặc ăn thức ăn của mình, v.v...

Nếu chưa xác định thức ăn nên nói:

Ngày nay nghĩ rằng không trái với thức ăn được thỉnh.

Niệm thứ ba: Đó là biết ngày tháng năm lúc thọ giới nói rằng: Vào ngày ấy tháng ấy năm ấy, bóng cây một thước là bao nhiêu, tôi thọ giới cụ túc, không có hạ (nếu có hạ tùy theo bao nhiêu hạ mà nói).

Niệm thứ tư: Đó là biết y bát có không, đủ thiếu. Nếu y bát thiếu, tùy theo có mà nói rằng: Y và bát...... này đủ.

Trường hợp không đủ thì nói rằng: Y bát, v.v...... không đủ, nghĩ lúc này đủ. nếu tất cả đầy đủ nên nói: Ba y và bát đầy đủ.

Trường hợp y thuốc, bát dư, nghĩ biết đã tịnh thí hay chưa tịnh thí. Nếu (có) chưa tịnh thí thì nói rằng: Có y và thuốc, bình bát dư chưa tác tịnh, nghĩ sẽ thuyết tịnh.

Nếu không có nên nói: Không có y thuốc, bát dư.

Niệm thứ năm: Đó là biết ăn chung với chúng, ăn riêng chúng, khuyên tăng ăn chung với chúng, nói rằng: Không nên ăn riêng chúng.

Niệm thứ sáu: Đó là biết bệnh, không bệnh. Có bệnh nói: Nay tôi bị bệnh, nghĩ sẽ trị lành. Không bệnh thì nói: Nay tôi không bệnh, theo chúng hành đạo.

Pháp xả thỉnh:

Nếu Tỳ-kheo không bệnh và trong một ngày thí y, có nhiều người thỉnh. Tỳ-kheo đó nên nhận một người thỉnh, còn những người khác thì chuyển nhường cho các Tỳ-kheo khác nói như sau:

- Thưa Trưởng lão, nhà ấy thỉnh tôi cúng dường năm thứ thức ăn chính. Tôi phải đến chỗ kia, nay tôi xin cúng dường Ngài.

Nếu không từ chối người thỉnh trước, nhận thức ăn của người thỉnh sau mà ăn; thì mỗi miếng phạm một tội ba-dật-đề. Nếu không từ chối người thỉnh sau, nhận thức ăn của người thỉnh trước, mà ăn thì mỗi miếng phạm một tội đột-cát-la.

Làm Pháp dư thực:

Thức ăn có hai loại: 1- Thức ăn chính; 2- Thức ăn phụ. Thức ăn phụ là: thức ăn bằng củ, cọng v.v... Thức ăn phụ này ăn không no. Thức ăn chính là: cơm, cốm, cơm khô, cá và thịt; hoặc cháo mới múc ra khỏi nồi, dùng cọng cỏ vẽ lên, không dính lại, đó là thức ăn chính không được ăn. Trong năm thứ thức ăn chính, nếu ăn một thức ăn chính nào no rồi, xả oai nghi, không làm pháp dư thực mà ăn nữa thì mỗi miếng phạm một tội ba-dật-đề. Nếu muốn ăn, Tỳ-kheo nên đem thức ăn đến chỗ một Tỳ-kheo ăn chưa no, nói như vầy:

- Thưa Đại đức! Tôi ăn no rồi! Xin đại đức biết đó xem đó. Thức ăn này xin làm pháp dư thực.

Tỳ-kheo kia nên ăn một chút, rồi nói với Tỳ-kheo này rằng:

- Thưa Trưởng lão! Tôi đã ăn rồi, Ngài nên lấy để dùng.

Tỳ-kheo nên đáp: Vâng!

Làm pháp này rồi, được tùy ý mà ăn.

Pháp ăn riêng chúng bạch ra vào:

Chúng riêng: Hoặc bốn người, hoặc hơn bốn người, hoặc hai, ba vị ăn tùy ý. Bốn vị hoặc hơn bốn vị chia làm hai bộ thay phiên nhau thọ thực. Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên ăn riêng chúng, muốn vào ăn nên đứng dậy bạch rằng: “Tôi có nhân duyên...... ăn riêng chúng, muốn vào ăn”.

Phật dạy: “Nên cho phép thứ lớp tùy theo vị Thượng tọa vào ăn riêng chúng”. Duyên là: lúc bệnh, lúc may y, lúc thí y, đi trên đường, đi thuyền, chúng đông nhóm hợp, Sa-môn thí thực. Nếu không có nhân duyên ăn riêng chúng. Tỳ-kheo kia nên đứng dậy thưa:

Tôi ở trong chỗ ăn riêng chúng này, không có nhân duyên, muốn ra ngoài.

Phật dạy: “Cho phép Tỳ-kheo đó ra ngoài”.

Nếu Tỳ-kheo ăn riêng chúng, mỗi miếng phạm một tội ba-dật-đề. Nếu có nhân duyên không nói, Tỳ-kheo phạm tội đột-cát-la.

Pháp trước bữa ăn sau bữa ăn, đến nhà khác có dặn Tỳ-kheo khác:

Các Tỳ-kheo có nhiều thí chủ thỉnh, Tỳ-kheo sợ không dám vào thành. Phật dạy: Cho phép các Tỳ-kheo dặn nhau để vào thành. Nếu ở một mình nên dặn các Tỳ-kheo ở gần phòng mình, dặn như sau:

- Bạch Đại đức nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo...... đã nhận lời thỉnh của nhà ấy, nay có duyên...... vào xóm làng ...... đến nhà ấy, Bạch cho Đại đức biết như vậy!

Lúc bệnh, lúc may y, lúc thí y thì khai cho không cần dặn Tỳ-kheo khác. Nếu dặn rồi, Tỳ-kheo muốn đến chỗ đó nhưng nửa đường trở lại, hoặc không đến chỗ đã dặn, lại đến nhà khác, cho đến chỗ nhà kho, phòng cạnh xóm làng và chùa ni; nếu đến chỗ đã dặn, vào nhà người tại gia rồi trở ra, v.v... tất cả đều mất lời dặn trước. Nếu muốn đến nên dặn lại.

Pháp phi thời vào xóm làng có dặn Tỳ-kheo khác:

Nếu có việc tăng, việc chùa tháp, việc Tỳ-kheo săn sóc bệnh. Cho phép Tỳ-kheo dặn Tỳ-kheo khác rồi vào xóm làng. Nếu ở một mình nên dặn Tỳ-kheo ở cạnh phòng mình, dặn như sau:

- Bạch Đại đức nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo...... phi thời vào xóm làng đến nhà ấy vì duyên...... Bạch cho Đại đức biết như vậy!

Nếu đường đi phải qua xóm làng, hoặc có thưa bạch, hoặc nói thọ thỉnh, hoặc vì thế lực lôi kéo, trói buộc v.v... thì không phạm.

THIÊN THỨ MƯỜI BẢY: TÔN KÍNH VÂNG LÀM

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Nếu Tỳ-kheo nói văn cú tương tự, ngăn che pháp tỳ-ni, Tỳ-kheo này khiến nhiều người không được lợi ích, tạo các nghiệp khổ vì phá diệt Chánh pháp. Nếu Tỳ-kheo thuận theo văn cú, không trái pháp Tỳ-ni, Tỳ-kheo như thế làm lợi ích cho nhiều người, không khiến họ gây ra các nghiệp khổ, Chánh pháp tồn tại lâu dài. Cho nên các Tỳ-kheo, các thầy nên thuận theo văn cú, chớ để cho thêm bớt trái với pháp tỳ-ni. Nên học như vậy. Phật nói như thế xong, các Tỳ-kheo nghe nhận, vui mừng ưa muốn thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Như lai ra đời vì thấy chúng sinh gây ra nhiều tội lỗi, dùng mười cú nghĩa, kiết giới cho các Thanh văn. 1- Được tăng nhiếp thủ là nghĩa thứ nhất này, Như lai kiết giới cho các Thanh văn. Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa

thích thọ trì. Cho đến cú nghĩa thứ mười Chánh pháp tồn tại lâu dài, mỗi câu cũng giống như vậy.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Như lai ra đời, dùng mười cú nghĩa, vì các Tỳ-kheo đặt ra yết-ma-quở trách. Được tăng nhiếp thủ, đó là nghĩa thứ nhất. Như lai ra đời, vì các Tỳ-kheo đặt ra yết-ma-quở trách. Phật nói như thế, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì. Cho đến cú nghĩa thứ mười Chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi câu cũng giống như vậy.

Yết-ma diệt tẫn, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia, yết-ma không thấy tội đã nêu, yết-ma không sám hối, yết-ma ác kiến không bỏ, xem xét lại pháp luật đã chế. Chế thọ y chỉ, chế phạm phạt, chế cử, chế ức niệm, chế cầu thính, chế tự ngôn, chế ngăn A-nậu-bà-đà, chế ngăn thuyết giới, chế ngăn tự tứ, chế giới, chế thuyết giới, chế bố-tát, chế yết-ma bố-tát, chế tự tứ, chế yết-ma tự tứ, chế đơn bạch yết-ma, chế bạch nhị yết-ma, chế bạch tứ yết-ma, chế cho che giấu, cho bản nhật trị, cho Ma-na-đỏa, cho xả tội, chế bốn pháp Ba-la-di, chế mười ba pháp tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi Ba-dật-đề, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thức-xoa-ca-la-ni, bảy pháp diệt tránh, mỗi câu như yết-ma-quở trách.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai kiến chấp, người xuất gia không nên làm: Phi pháp chấp là pháp, pháp chấp là phi pháp. Lại có hai kiến chấp: Tỳ-ni nói phi Tỳ-ni, phi Tỳ-ni nói Tỳ-ni. Lại có hai kiến chấp: Không phạm chấp là phạm, phạm chấp là không phạm. Lại có hai kiến chấp: Nhẹ lại chấp nặng, nặng lại chấp nhẹ. Lại có hai kiến chấp: Hữu dư chấp là vô dư, vô dư chấp là hữu dư. Lại có hai kiến chấp: Thô ác chấp không thô ác, không thô ác chấp thô ác. Lại có hai kiến chấp: Pháp cũ thấy chẳng phải pháp cũ, không phải pháp cũ chấp là pháp cũ. Lại có hai kiến chấp: Chế chấp là chẳng phải chế, chẳng phải chế chấp là chế. Lại có hai kiến chấp: Nói chấp không nói, không nói chấp là nói. Lại có hai kiến chấp: Rượu chấp chẳng phải rượu, chẳng phải rượu chấp là rượu. Lại có hai kiến chấp: Ăn chấp không ăn, không ăn chấp là ăn. Lại có hai kiến chấp: Thức ăn chấp chẳng phải thức ăn, chẳng phải thức ăn chấp là thức ăn. Lại có hai kiến chấp: Thời chấp là phi thời, phi thời chấp là thời. Lại có hai kiến chấp: Tịnh chấp là bất tịnh, bất tịnh chấp là tịnh. Lại có hai kiến chấp: Trọng chấp không trọng, không trọng chấp là trọng. Lại có hai kiến chấp: Nạn chấp chẳng phải nạn, chẳng phải nạn chấp là nạn. Lại có hai kiến chấp: Phá chấp không phá, không phá chấp là phá. Lại có hai kiến chấp: Loại chấp chẳng phải loại, chẳng phải loại

chấp là loại. Lại có hai kiến chấp: Đã hiểu nghĩa chấp chưa hiểu nghĩa, chưa hiểu nghĩa chấp hiểu nghĩa. Lại có hai kiến chấp: Đáng thân chấp không thân, chẳng thân chấp đáng thân. Lại có hai kiến chấp: Sợ chấp không sợ, không sợ chấp là sợ. Lại có hai kiến chấp: Đạo chấp phi đạo, phi đạo chấp là đạo. Lại có hai kiến chấp: Đáng làm chấp không làm, không làm chấp đáng làm. Lại có hai kiến chấp: Xa lìa chấp không xa lìa, không xa lìa chấp xa lìa. Lại có hai kiến chấp: Ba-la-di chấp chẳng phải Ba-la-di, chẳng phải Ba-la-di chấp là Ba-la-di. Lại có hai kiến chấp: Chấp thế gian là thường, chấp thế gian là vô thường. Lại có hai kiến chấp: Thấy thế giới có bờ mé, thấy thế giới không bờ mé. Lại có (535) hai kiến chấp: Thân này mạng này, thân khác mạng khác. Lại có hai kiến chấp: Có Như lai diệt độ, không có Như lai diệt độ. Lại có hai kiến chấp: Có không có Như lai diệt độ, và chẳng phải có không có Như lai diệt độ.

Trong Phật pháp có hai kiến chấp như thế, người xuất gia không nên chấp, nếu chấp thì đúng như pháp mà trị. Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai hạng người sống không an vui: hay tức giận, luôn thù oán. Lại có hai pháp: Nóng nảy, và khó bỏ, lại có hai pháp: Keo kiệt, và ganh ghét. Lại có hai pháp: Lừa dối, và quanh co. Lại có hai pháp: Tự cao, và thích tranh cãi. Lại có hai pháp: Thích trang sức và buông lung. Lại có hai pháp: Mạn, và tăng thượng mạn. Lại có hai pháp: Tham lam, tức giận. Lại có hai pháp: Khen mình, chê người. Lại có hai pháp: tà kiến, và biên kiến. Lại có hai pháp: khó dạy, và không chịu nghe lời chỉ bảo. Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa muốn thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Người phá giới đọa vào hai đường: Địa ngục, và súc sinh. Người giữ giới sinh vào hai đường: Cõi trời, và cõi người. Tạo nghiệp ác ở chỗ khuất đọa vào hai đường: Địa ngục và súc sinh. Tạo nghiệp lành ở chỗ khuất được sinh vào hai đường: Trời và người. Người tà kiến rơi vào hai đường: địa ngục và súc sinh. Người chánh kiến sinh lên hai đường: trời và người.

Phật và Thánh đệ tử là tôn quý trong người, trời; Có hai pháp không được giải thoát: Phạm giới, không thấy phạm giới. Có hai pháp tự mình được giải thoát: Không phạm, và thấy phạm. Có hai pháp không được giải thoát: Phạm mà không thấy tội, thấy phạm mà không sám hối đúng như pháp. Có hai pháp tự mình được giải thoát: Thấy phạm tội, phạm lỗi mà biết sám hối đúng như pháp. Có hai pháp không được

giải thoát: Thấy tội không sám hối đúng như pháp, hoặc sám hối đúng như pháp mà người đó không chịu. Có hai pháp tự mình được giải thoát: Thấy tội mà sám hối như pháp, sám hối đúng pháp thì người đó đúng như pháp thọ, ràng buộc, không ràng buộc cũng như vậy. Có hai hạng thanh tịnh: Không phạm tội, và phạm tội lỗi mà biết sám hối. Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai chúng: Chúng nói pháp, chúng nói phi pháp.

Ở trong chúng không dùng pháp tỳ-ni, không dùng lời Phật dạy mà nói, nên người nghe lời dạy, ở chung với người không nghe lời dạy, người dứt trừ kiết sử ở chung với, người không dứt trừ kiết sử. Đó là chúng nói phi pháp.

Thế nào là chúng nói pháp? Ở trong chúng dùng pháp Tỳ-ni, theo lời Phật dạy mà nói, nên mọi người nghe lời dạy mà an trụ, mọi người dứt trừ kiết sử mà an trụ. Đó là chúng nói pháp.

Chúng nói pháp trong hai chúng này, ta khen ngợi và tôn trọng. Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Lại có hai chúng: Chúng đúng pháp, chúng phi pháp.

Chúng không như pháp: Trong chúng người phi pháp có thế lực, người đúng pháp không có thế lực. Người phi pháp có bạn, người đúng pháp không có bạn. Làm yết-ma phi pháp, không làm yết-ma đúng pháp; làm yết-ma phi Tỳ-ni, không làm yết-ma như Tỳ-ni. Pháp sai thì hành trì, pháp đúng thì không hành. Đó là chúng phi pháp.

Chúng như pháp: Trong chúng, người đúng pháp có thế lực, người phi pháp không có thế lực. Người đúng pháp có bạn, người phi pháp không có bạn. Làm yết-ma đúng pháp, không làm yết-ma phi pháp; Làm yết-ma Tỳ-ni, không làm yết-ma phi Tỳ-ni, pháp đúng thì hành trì, pháp sai thì dứt trừ. Đó là chúng đúng pháp. Trong hai chúng này, chúng đúng pháp được ta khen ngợi và tôn trọng. Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Có hai chúng: Chúng bình đẳng, chúng không bình đẳng cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu đất nước vua thế lực yếu thì chúng giặc sẽ mạnh. Lúc ấy, Pháp Vương không được vào ra một cách an vui, vua nhỏ của nước giúp sinh không nghe theo mệnh lệnh. Người dân trong nước cũng ra vào không an vui; sự nghiệp phế bỏ, lo buồn khổ não, mọi việc đều tổn giảm, không được lợi ích. Cũng

thế Tỳ-kheo phi pháp có thế lực, Tỳ-kheo đúng pháp không có thế lực, Tỳ-kheo đúng pháp không được an vui; hoặc ở trong chúng cũng không được nói; hoặc ở chỗ vắng vẻ. Lúc đó, làm yết-ma phi pháp, không làm yết-ma đúng pháp; làm yết-ma phi Tỳ-ni, không làm yết-ma tỳ-ni; phi pháp thì thực hành, đúng pháp không thực hành. Người kia không siêng năng tinh tấn, chưa đắc nói đắc, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng, khiến cho các vị trời, người dân không được lợi ích, chịu khổ lâu dài. Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu đất nước vua có thế lực mạnh thì chúng giặc suy yếu. Tất cả đều quy phục hoặc chạy trốn. Lúc ấy, Pháp Vương ra vào an vui, không còn sầu lo. Vua nhỏ của nước giáp sinh vâng theo mệnh lệnh. Người dân trong nước cũng được an vui; sự nghiệp như ý không có các lo buồn, khổ não; phần nhiều được lợi ích không có tổn hại. Cũng thế, Tỳ-kheo đúng pháp có thế lực, Tỳ-kheo phi pháp không có thế lực, Tỳ-kheo phi pháp đến chỗ Tỳ-kheo đúng pháp thuận theo lời dạy dỗ không dám trái nghịch, hoặc sẽ chạy trốn không còn gây ra các nghiệp ác, giúp cho Tỳ-kheo đúng pháp được an vui, hoặc ở trong tăng được nói, hoặc ở chỗ vắng vẻ. Lúc đó làm yết-ma đúng pháp, không làm yết-ma phi pháp; làm yết-ma Tỳ-ni, không làm yết-ma phi Tỳ-ni; đúng pháp thì thực hành, phi pháp thì không thực hành. Người đó siêng năng tinh tấn, chưa đắc có khả năng đắc, chưa nhập có khả năng nhập, chưa chứng có khả năng chứng, sẽ làm cho các vị trời, người dân được lợi ích lớn. Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Các trưởng lão! Nếu có việc tranh đấu nên nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo kia có tội. Họ không tự quan sát mình, nên biết việc nay sẽ thêm lớn, không diệt trừ đúng pháp, đúng tỳ-ni. Vì thế các Tỳ-kheo không an vui. Nếu Tỳ-kheo tranh đấu nhau, nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo có tội, mỗi người tự quan sát lỗi mình. Nên biết việc tranh đấu này không thêm lớn, không sâu nặng hơn; được dứt trừ đúng pháp, đúng tỳ-ni. Các Tỳ-kheo sống an vui, các Tỳ-kheo tại sao phải tự quan sát lỗi mình? Vì Tỳ-kheo có tội nghĩ: "Ta phạm việc như vậy, người kia mới thấy ta phạm sai trái. Nếu ta không phạm, người kia không thể thấy ta phạm sai trái. Vì ta phạm nên người kia thấy ta phạm, nay ta nên tự sám hối, khiến người kia không dùng lời thô ác quở trách ta. Nếu ta làm như vậy thì pháp lành thêm lớn". Đó là Tỳ-kheo có khả năng quán sát lỗi mình.

Vì sao phải nêu tội Tỳ-kheo kia tự quán sát lỗi mình? Người đó nghĩ rằng: “Tỳ-kheo đó phạm sai trái, ta mới thấy được, nếu người đó không phạm sai trái thì ta đâu thấy được. Vì Tỳ-kheo đó phạm sai trái khiến ta thấy được, nếu người đó biết chí thành sám hối, không để ta nói ra những lời thô ác. Như vậy khiến cho pháp lành thêm lớn, đó là nêu tội Tỳ-kheo kia phải tự quan sát lỗi mình.

Nếu Tỳ-kheo có sự tranh đấu, nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo có tội tự quán sát lỗi mình như vậy. Nên biết lỗi này không thêm lớn, sẽ diệt trừ đúng pháp, đúng như tỳ-ni, như lời Phật dạy. Các Tỳ-kheo sống an vui. Ngài Xá-lợi-phất nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe (536) xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, có chúng nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế tôn! Đó là pháp chủ yếu, nói về Học. Vậy thế nào là Học?

Phật bảo các Tỳ-kheo: Học về giới nên nói là Học. Thế nào là học giới? Đó là tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, cho nên nói Học. Lúc người kia tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, sẽ điều phục được tham dục, tức giận, ngu si không còn. Người kia tham dục, tức giận, ngu si được dứt trừ tận gốc; không gây ra các nghiệp ác, không gần gũi người ác, cho nên nói là Học. Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy học thế nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Đó là pháp căn bản, là pháp chủ yếu. Như lời Thế tôn nói, chúng con thọ trì nên nói học. Lại có ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học. Người học tam ba này, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cho nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn tu học ba học này.

Bấy giờ, ngài A-nan ở Kê Viên, thành Ba-la-lợi-tử. Lúc ấy, có Bà-la-môn Khổng Tước Quan đến chỗ ngài A-nan thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, bạch ngài A-nan rằng:

- Thưa Tôn giả! Sa-môn Cù-đàm, vì sao đặt ra tăng giới học, tăng tịnh hạnh học, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học cho các Tỳ-kheo? Ngài A-nan đáp:

- Sở dĩ Thế tôn đặt ra như vậy, là vì điều phục tham dục, tức giận, ngu si làm cho dứt sạch, cho nên Đức Phật chế giới cho các Tỳ-kheo.

- Nếu Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán lậu tận, vị ấy còn tu học những

gì?

- Tham dục, tức giận, ngu si đã hết, không gây ra nghiệp ác, không gần gũi các người ác, việc cần làm đã làm xong, gọi là Vô học.

- Như lời tôn giả nói là Vô học sao?

- Đúng vậy!

Bà-la-môn Khổng Tước Quan nghe rồi, vui mừng ưa thích thọ trì.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo Ca-diếp:

- Nếu Thượng tọa đã không học giới, cũng không khen ngợi giới; nếu có Tỳ-kheo khác ưa thích học giới, khen ngợi giới thì cũng không khuyến khích khen ngợi. Nầy Tỳ-kheo Ca-diếp! Ta không khen ngợi Thượng tọa như thế. Vì sao? Vì nếu ta khen ngợi thì các Tỳ-kheo sẽ gần gũi, Người gần gũi sẽ học theo pháp đó. Nếu học theo pháp đó thì sẽ chịu khổ lâu dài. Nầy Tỳ-kheo Ca-diếp! Ta thấy lỗi của Thượng tọa như thế, cho nên không khen ngợi.

(Nếu Trung tòa, Hạ tọa cũng giống như vậy. Kế đến có Thượng tọa, Trung tọa, Hạ tọa đúng pháp, ngược lại các câu trên).

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thí như có con lừa và con bò cùng đi, lừa tự nói: "Ta cũng là bò! Ta cũng là bò!". Nhưng chân lừa không giống chân bò, không giống tiếng bò; cũng không giống bò nhưng đi chung với bò, tự nói mình là bò. Cũng vậy, có người ngu si theo Tỳ-kheo đúng pháp, tự nói mình là Tỳ-kheo. Người ngu si này, không có tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ. Nếu Tỳ-kheo chân chánh đi chung với chúng tăng, tự nói: "Tôi là Tỳ-kheo". Cho nên các thầy phải siêng năng tu tập tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học. Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; không tôn trọng định, không lấy định làm căn bản; không tôn trọng tuệ, không lấy tuệ làm căn bản. Tỳ-kheo kia đối với giới này, nếu phạm nhẹ thì sám hối. Vì sao? Vì trong giới đó chẳng phải như phá đồ vật, phá đá gạch. Nếu Tỳ-kheo tôn trọng giới, luôn giữ gìn bền chắc, khéo trụ vào giới; nên có hạnh gần gũi, không có hạnh phá hủy, không có hạnh nhiễm ô, thường tu tập như vậy, Tỳ-kheo dứt được năm kiết sử hạ phần, đạt đến niết-bàn, không trở lại cõi này.

Tăng tâm học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; tôn trọng định, lấy định làm căn bản; không tôn trọng tuệ, không lấy tuệ làm căn bản như trên.

Tăng tuệ học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; tôn trọng định, lấy định làm căn bản; tôn trọng tuệ, lấy tuệ làm căn bản. Tỳ-kheo đó các lậu đã hết, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đối với hiện tại tự biết chứng đắc, ta sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lại cõi này. Người thực hành đầy đủ sẽ thành tựu trọn vẹn; người thực hành thiếu sót thì thành tựu không hoàn toàn. Ta nói giới này không có tổn giảm. Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Lại có ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh, thiếu thực hành định hạnh, thiếu thực hành tuệ hạnh. Tỳ-kheo đó dứt trừ năm kiết sử hạ phần; đạt đến niết-bàn, không còn trở lại cõi này. Nếu không thể đến chỗ như vậy, thì sẽ làm nhẹ ba kiết: tham dục, tức giận, ngu si; chứng quả Tư-đà-hàm, trở lại cõi người một lần nữa, dứt trừ tất cả nguồn gốc của khổ. Nếu không thể đến chỗ như vậy, dứt được ba kiết, đắc quả Tu-đà-hoàn, không đọa vào đường ác, quyết chí giữ đạo, bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh trong loài người, dứt trừ tất cả nguồn gốc khổ. Nếu Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh, đầy đủ định hạnh, thiếu hành tuệ hạnh cũng giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh, đầy đủ định hạnh, đầy đủ tuệ hạnh cũng giống như trên.

Lại có ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo giữ gìn đầy đủ giới Ba-la-đề-mộc-xoa, thành tựu oai nghi, cẩn thận các giới nhẹ, quí trọng như kim cương v.v... tu học các giới, ấy là tăng giới học.

Tăng tâm học: Là Tỳ-kheo xả bỏ được các tham muốn xấu xa, cho đến được nhập vào thiền thứ tư, ấy là tăng tâm học.

Tăng tuệ học: Là Tỳ-kheo biết khổ đế đúng như thật, biết tập đế, diệt đế, đạo đế như thật, ấy là tăng tuệ học.

Bấy giờ, Đức Phật ở trong đại thành nước Bà-xà. Ngài bảo các Tỳ-kheo: Ta nói bốn thứ quảng thuyết. Các thầy hãy lắng nghe, ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Chúng con rất muốn nghe.

Bốn loại nói rộng là gì?

Tỳ-kheo nói như vầy: “Thưa các Trưởng lão, tôi ở thành...... thôn...... đích thân nghe lời Phật, thọ trì. Đây là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy”. Nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo không nên sinh chê bai nghi ngờ, cũng không nên quở trách. Nên xác định rõ văn cú, nghiên cứu Tu-đa-la

(kinh), Tỳ-ni (luật), xem xét pháp luật. Nếu lúc nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, xem xét pháp luật, thấy không tương ưng với kinh, luật, pháp luật. Nên nói: Trưởng lão không nên tụng tập, cũng chớ dạy các Tỳ-kheo khác, nay nên bỏ điều đó đi. Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ưng với kinh, luật, pháp luật. Nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: Trưởng lão! Những lời đó là do Đức Phật nói, xác định rõ là lời Phật. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ưng không trái nghịch. Trưởng lão nên khéo thọ trì, tụng tập, dạy bảo các Tỳ-kheo khác, chớ để quên mất. Đây là nói rộng thứ nhất.

Kế đến, nếu Tỳ-kheo nói như vầy: Thưa Trưởng lão! tôi ở thành...... thôn...... trước đây nghe Thượng tọa ở trong tăng hòa hợp nói: Đây là pháp, là tỳ-ni, là (537) lời Phật dạy. Lúc nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo không nên chê bai nghi ngờ, cũng không nên quở trách; nên xác định rõ văn cú, nghiên cứu kinh, luật, xem xét pháp luật. Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, lúc các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy không tương ưng, trái với pháp, nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Trưởng lão! Đây chẳng phải lời Phật nói, đó là do chúng tăng và Thượng tọa không xác định rõ lời Phật. Trưởng lão cũng vậy. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy không tương ưng với pháp. Trưởng lão không nên tụng tập, cũng đừng dạy bảo các Tỳ-kheo khác, nay nên bỏ điều đó đi". Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ưng với pháp. Nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: Trưởng lão! Đây chính là lời Phật dạy, chúng tăng, Thượng tọa và Trưởng lão cũng đã xác định đúng là lời Phật. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ưng với pháp. Trưởng lão nên khéo thọ trì, tụng tập, cũng nên dạy bảo các Tỳ-kheo khác, chớ để quên mất. Đây là nói rộng thứ hai.

Nói rộng thứ ba, nghe từ rất nhiều Tỳ-kheo biết pháp, Tỳ-ni, Ma-di cũng giống như vậy. Nói rộng thứ tư, nghe từ một Tỳ-kheo biết pháp, Tỳ-ni, Ma-di cũng giống như vậy.

Đây là bốn thứ nói rộng, Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Tỳ-ni có năm việc đáp: Tựa, chế, trùng chế, Tu-đa-la và tùy thuận. Tu-đa-la có năm pháp, gọi là trì luật: Biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, đọc thuộc giới của hai bộ (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni).

Lại có năm pháp: Bốn pháp giống như trên. Pháp thứ năm là: Trụ tỳ-ni mà bất động.

Lại có năm pháp: Bốn pháp giống như trên. Pháp thứ năm: Việc tranh đấu khởi lên, hoàn toàn có khả năng trừ diệt.

Có năm hạng trì luật:

1. Thuộc giới từ bài tựa, bốn Ba-la-di, mười ba tăng tàn, hai pháp bất định, thông thuộc ba mươi pháp ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

2. Thông thuộc chín mươi ba-dật-đề.

3. Thông thuộc giới và tỳ-ni.

4. Thông thuộc giới của hai bộ (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni) và tỳ-ni.

5. Thông thuộc tất cả giới luật.

(Trong năm hạng trì luật này, mùa Xuân, Thu, Đông Tỳ-kheo nên nương bốn hạng trì luật trước. Nếu không nương ở, thì Tỳ-kheo phạm đột-cát-la. Hạ an cư Tỳ-kheo nên nương hạng trì luật thứ năm. Nếu không nương ở, thì Tỳ-kheo phạm ba-dật-đề.

Người trì luật có năm công đức: Giới phẩm vững chắc, hoàn toàn thắng được các oán thù, ở trong chúng quyết đoán không sợ hãi; nếu có nghi ngờ hối hận, có thể khai mở được, khéo trì luật giúp cho Chánh pháp còn mãi.

Lại có năm thứ phạm giới: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-cát-la. Cũng gọi là năm loại giới được chế, năm nhóm phạm. Nếu người không thấy, không biết năm thứ phạm, ta nói người này ngu si (năm thứ phạm Ba-la-di cho đến đột-cát-la).

Lại nữa, người chết có năm điều xấu: Dơ dáy, hôi thối, có sợ hãi, khiến người sợ hãi, ác quỷ có dịp làm hại, là chỗ của thú dữ, phi nhân. Người phạm giới có năm lỗi: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp không thanh tịnh, như thây chết hôi thối kia. Ta nói người này cũng giống như vậy. Hoặc người thân, miệng, ý nghiệp không thanh tịnh, tiếng xấu đồn xa, như mùi hôi thối từ thây chết phát ra. Ta nói người này cũng giống như vậy.

Người có thân, miệng, y nghiệp không thanh tịnh, các Tỳ-kheo thanh tịnh sợ hãi tránh xa, như thấy chết kia khiến cho người sợ hãi. Ta nói người này cũng giống như vậy.

Người thân, miệng, y nghiệp không thanh tịnh, làm cho các Tỳ-kheo thanh tịnh thấy sinh tâm ác nói: "Tại sao ta lại thấy người ác này?", như người thấy thây chết sinh sợ hãi, làm cho ác quỷ có dịp làm hại, ta nói người này cũng giống như vậy. Người có thân, miệng, ý nghiệp không thanh tịnh, ở chung với người ác, như chỗ thây chết kia thú dữ, phi nhân cũng ở. Ta nói người này cũng giống như vậy. Đó là người phạm giới có năm lỗi, như thây chết kia. Người phá giới có năm lỗi là:

Tự hại mình, bị người hiểu biết quở trách, tiếng xấu đồn xa, lúc qua đời sinh tâm hối hận, chết đọa đường ác. Người trì giới có năm công đức (ngược lại các câu trên).

Lại có năm việc: Trước chưa được vật thì không thể được; đã được thì không giữ được; hoặc tùy theo các chúng: Sát-lợi, Bà-la-môn, hoặc chúng cư sĩ, chúng Tỳ-kheo, ở trong các chúng đó có hổ thẹn; trong vô số do-tuần, Sa-môn, Bà-la-môn nói điều xấu ác đó; người ác phá giới chết đọa vào đường ác. người trì giới có năm công đức (ngược lại các câu trên).

Có năm cách tác tịnh quả: Hỏa tịnh, đao tịnh, sang tịnh, điểu tịnh, và bất nhậm chủng tịnh. Lại có năm cách tác tịnh: Bóc một ít vỏ, bóc hết vỏ, chín rục, làm hoại, bị hư.

Có năm pháp làm cho Chánh pháp mau diệt tận:

1. Có Tỳ-kheo không nghe rõ đọc tụng hay quên lộn, văn không đầy đủ; lại lấy đó dạy người khác. Văn đã không đầy đủ thì nghĩa sẽ thiếu sót.

2. Có Tỳ-kheo là Thượng tọa, người thù thắng trong tăng, như người chủ của một nước, mà phần nhiều không giữ giới, chỉ tu các pháp ác, buông thả giới hạnh, không siêng năng tinh tấn, chưa đắc nói đắc, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng; làm cho các Tỳ-kheo hậu sinh nhỏ tuổi học tập theo hạnh đó. Phần nhiều họ cũng phá giới, làm các việc ác, buông bỏ giới hạnh, cũng không siêng năng tinh tấn, chưa đắc nói đắc, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng.

3. Có Tỳ-kheo học rộng, trì pháp, trì luật, trì Ma-di; lại không lấy điều đọc tụng đó dạy bảo các Tỳ-kheo khác, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người đó qua đời, khiến cho Chánh pháp bị dứt mất.

4. Có Tỳ-kheo khó dạy bảo, họ không nghe theo những lời hay, không thể nhẫn nhục. Các Tỳ-kheo thanh tịnh khác liền xả trí họ.

5. Có Tỳ-kheo thích tranh cãi, mắng nhiếc nhau; người này nói người kia bằng những lời độc ác, hơn thua lẫn nhau.

Lại có năm pháp khiến cho Chánh pháp tồn tại lâu dài (ngược lại năm điều trên).

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khác đến chỗ Phật bạch rằng:

- Bạch Đức Thế tôn! Vì sao Chánh pháp mau diệt tận?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo đối với pháp luật xuất gia, không có tâm nói pháp cho người, cũng không có tâm nghe pháp, ghi nhớ; Dù có gìn giữ vững chắc cũng không thể suy nghĩ nghĩa lý. Người kia không biết nghĩa,

không thể tu hành đúng như lời Phật dạy, không thể lợi mình, cũng không thử lợi người.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Vì nhân duyên này, khiến Chánh pháp mau dứt mất.

- Bạch Đức Thế tôn! Lại làm sao khiến cho Chánh pháp tồn tại lâu dài? (Ngược lại điều trên).

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo đến trong tăng, trước phải có năm pháp: Phải có tâm từ; có tính khiêm nhường như khăn lau bụi; phải khéo biết ngồi, đứng; nếu thấy Thượng tọa phải đứng dậy; nếu thấy Hạ tòa không cần đứng dậy. Người kia vào trong tăng, không nói nhiều, không luận bàn việc thế gian; hoặc tự nói pháp; hoặc có người thỉnh nói pháp, hoặc thấy trong tăng có việc không thể giải quyết, tâm không chấp thuận thì nên im lặng. Vì sao? Vì sợ những điều mình nói sẽ khác với tăng, Tỳ-kheo trước nên có năm pháp này, sau đó mới vào trong tăng.

Bấy giờ, Đức Phật ở bên ao Già-già, thành Chiêm-bà. Vào ngày mười lăm tháng có trăng thuyết giới, ở chỗ đất trống các Tỳ-kheo vây quanh Phật. Lúc ấy, có Tỳ-kheo nêu tội thấy, nghe, nghi của Tỳ-kheo kia. Lúc đang nêu tội, Tỳ-kheo kia dùng lời khác trả lời, rồi nổi lên tức giận.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy nên xét định rõ, rồi hỏi người kia. Người kia ở trong Phật pháp không làm được gì, không thể làm cho pháp lành thêm lớn. Thí như ruộng lúa non của người nông phu có cỏ đề, cỏ kê mọc nhiều. Nhưng lá lúa non giống như các loài cỏ nên không phân biệt được. (538) Do đó nó làm hại đến lúa non, cho đến lúc lúa trổ đồng đồng, người nông phu mới biết các cây cỏ đó chẳng phải lúa. Khi biết không phải lúa, họ liền nhổ tận gốc các loài cỏ đó. Vì sao? Vì sợ hại đến những cây lúa tốt. Tỳ-kheo cũng giống như vậy, có Tỳ-kheo xấu ác đến, đi, ngồi, đứng, nhiếp giữ y, bát; giống như Tỳ-kheo chân chánh không phân biệt được, cho đến không xả tội. Lúc xả tội, mới biết người ấy là người thấp kém trong hàng Tỳ-kheo. Đã biết sự khác nhau rồi, chúng tăng nên hòa hợp làm pháp yết-ma diệt tẫn người đó. Vì sao? Vì sợ hại đến các Tỳ-kheo chân chánh. Thí như (người) nông phu sảy lúa, lúc gió thổi đến những hạt chắc rơi xuống, còn những hạt lép theo gió bay đi. Vì sao? Vì người nông phu sợ nó làm dơ những hạt chắc. Cũng thế các Tỳ-kheo tội ác đến, đi, ra, vào giống như Tỳ-kheo chân chánh, không phân biệt được, cho đến không xả tội. Khi xả tội mới biết đó là những thứ xấu xa

trong hàng Tỳ-kheo. Đã biết rồi, tăng nên hòa hợp làm yết-ma diệt tẫn người đó. Thí như có người cần gỗ để làm hàng rào xung quanh giếng. Người đó cầm búa bén ra khỏi thành, đến khu rừng kia, dùng búa gõ vào các cây. Nếu cây nào chắc thì nghe tiếng chắc, cây nào rỗng thì nghe tiếng rỗng. Nhưng gốc, thân, cành, lá của cây rỗng rất giống cây chắc. Cho đến lúc gõ vào, thì mới biết cây đó bên trong rỗng. Khi biết cây đó bên trong rỗng thì liền chặt cây đó, tỉa bỏ cành lá, tước đi phần thô, sau đó vót nhỏ, làm cho trơn láng, rồi dùng làm hàng rào xung quanh giếng. Cũng thế, Tỳ-kheo tội ác đến, đi, ra, vào nhiếp giữ y, bát, oai nghi như Tỳ-kheo chân chánh, cho đến không xả tội. Khi xả tội, mới biết đó là kẻ xấu xa trong hàng ngũ Sa-môn. Nếu biết rồi, tăng nên hòa hợp làm pháp yết-ma diệt tẫn. Vì sao? Vì sợ hại đến các Tỳ-kheo chân chánh. Đức Phật nói kệ:

Sống chung biết tánh hạnh,
Ghen ghét hay tức giận.
Có người nói điều lành,
Chỗ vắng làm việc bậy.
Phương tiện nói dối người,
Nhưng không qua người trí.
Nên nhổ bỏ cỏ xấu,
Và cây rỗng ruột kia.
Tự xưng là Sa-môn,
Dối trá nên diệt tẫn.
Đã cho diệt tẫn rồi,
Làm việc ác phi pháp.
Người thanh tịnh ở chung,
Biết sẽ làm rạng rỡ.
Cùng hòa hợp diệt tẫn,
Hòa hợp dứt khổ đau.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 145

NI YẾT MA

SỐ 1810
(THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1810

NI YẾT-MA

Sa-môn Hoài Tố chùa Thái Nguyên phía Tây soạn tập.

QUYỂN THƯỢNG VÀ LỜI TỰA

(Xuất xứ từ Luật Tứ Phần)

Thành rồng Lộc Uyển khai nguồn gốc giới luật. Linh thứu núi tượng mở huyền tông giải thoát. Vì thế Tam thiên đại thiên được hưởng sự mát mẻ mà ra khỏi nhà lửa. Cõi trời cõi người đều nương thuyền giới vượt khỏi bến mê. Người xuất gia nhờ đó được thanh tịnh, người tại gia nhờ đây được an vui.

Về sau, có nỗi lo bị che lấp sự chân thật, vi tế, đa văn khúc chiết, làm vững chắc cái phao nổi ngôn từ sâu mầu ít thấy. Lúc ấy, có ngài Ẩm Quang Tú xuất hiện, dứt sạch sự tìm cầu luống dối; hưng khởi việc ngài Ưu-ba-ly tụng luật, chấn chỉnh cương yếu suy đồi mờ tối, đuốc tuệ từ đây lại sáng, biển giới do đây mà mà thanh tịnh, luật giáo nhờ đó mà mở mang truyền bá sâu rộng, vốn khó được mà truyền bá khắp nơi. Yết-ma này tiếp nối làm hưng thạnh dòng Thánh, là khuôn phép giúp mở mang rộng lớn. Tông chỉ rườm rà nên quy về năm thiên, có nói rõ trong Luật Tứ Phần. Đây thật là vấn đề cốt yếu của Bồ-đề, cũng chính là bến bờ của Niết-bàn. Hoài Tố tôi với suy nghĩ bén nhạy, nhưng tuổi còn non trẻ; lại rất để ý đến yếu chỉ này; xem xét giáo nghĩa cao sâu, tìm tòi nghĩa lý, trải qua nhiều năm tháng, mong rằng không có những sai trái lớn lao mà thôi. Nhưng từ xưa các bậc tiên đức chấp vào sự hiểu biết khác nhau. Quy định tăng yết-ma, tổng cộng gồm bốn bản. Trong đó giống với tăng, không khác các điều mục. Sự khác nhau là mỗi bên chia ra các loại. Luật sư Nguyện đời Tùy, xác định chung hai bộ yết-ma,

tăng ni mỗi bộ khác nhau, hai quyển (tăng, ni) lưu hành (có chỗ chia pháp ni thành ba quyển). Lại có ngài Cầu-na-bạt-ma đời Tống, thu gọn bộ ni để lưu hành riêng, tập thành một quyển. Hoài Tố tôi đối với các bản soạn của các tác giả, đều nghiên cứu tất cả, xét lý cầu văn thì thấy quá nhiều sai trái, liền dùng sự học nông cạn của mình trình bày chung về pháp ni, chia thành ba quyển, làm thành một bộ. Ngõ hầu nhờ sự không thêm bớt, ứng hợp với thời cơ. Giấy viết thành văn, không dám xuyên tạc. Chỉ mong giới châu càng sáng, hợp với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Kết cỏ thơm truyền khắp, lâu dài như trời đất. Mong người xem sau này biết được chí này.

THIÊN THỨ NHẤT: PHƯƠNG TIỆN

Tăng nhóm họp:

Luật nói: Người đáng đến thì đến. Lại nói: Tăng có bốn loại: Tăng bốn vị, tăng năm vị, tăng mười vị và tăng hai mươi vị.

Tăng bốn vị: Trừ thọ đại giới, tự tứ, xả tội, còn tất cả yết-ma đều làm được.

Tăng năm vị: Trừ thọ đại giới ở chỗ tăng chúng đông, xả tội, còn tất cả yết-ma đều làm được.

Tăng mười vị: Trừ xả tội, còn tất cả yết-ma đều làm được.

Tăng hai mươi vị: tất cả yết-ma đều làm được, huống chi hơn hai mươi vị.

Nếu trong bốn vị tăng thiếu một vị thì tác pháp yết-ma không thành, phi pháp, phi tỳ-ni.

Hòa hợp:

Luật nói: cùng một yết-ma, hòa hợp nhóm họp một chỗ; người không đến dặn người có mặt. Người được ngăn không ngăn. Lại nói: Năm pháp nên hòa hợp; đúng pháp nên hòa hợp, hoặc im lặng chấp nhận, hoặc gởi dục, hoặc nghe từ người đáng tin, hoặc đến trước trong đó ngồi im lặng. Đó là năm việc nên hòa hợp.

Người chưa thọ đại giới đã ra chưa?

Luật nói: Không được ở trước người chưa thọ giới làm yết-ma thuyết giới. Lại nói: Cho phép trừ người chưa thọ đại giới, còn trước những người khác làm yết-ma thuyết giới. Lại nói: Có bốn hạng người được tính đủ số. Người được tính đủ số không được quyền ngăn, người được tính đủ số được quyền ngăn, người không được tính đủ số không

được quyền ngăn, người được tính đủ số được quyền ngăn.

Người được tính đủ số không được quyền ngăn: Là người bị làm yết-ma-quở trách, yết-ma tẫn xuất, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia.

Người không được tính đủ số được ngăn: là người muốn thọ đại giới.

Người không được tính đủ số cũng không được quyền ngăn: Vì Tỳ-kheo-ni làm yết-ma, Tỳ-kheo không được tính đủ số Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, hoặc người nói phạm biên tội (Ba-la-di) trong mười ba già nạn, người bị nêu tội, diệt tẫn, hoặc phải diệt tẫn, ở riêng, ở trong giới trường, có thần túc ở trên không, ẩn mất, lìa thấy nghe, người đã bị làm yết-ma.

Người được tính đủ số được ngăn: Là các Tỳ-kheo-ni thanh tịnh cùng ở trong một giới, không dùng thần túc ở trên hư không, không ẩn mất, không lìa chỗ thấy nghe, cho đến nói với người bên cạnh.

Các Tỳ-kheo-ni không đến có gởi dục và thanh tịnh không?

Chỉ trừ yết-ma kiết giới không được gởi dục. Về gởi dục, nên nói gởi dục và thanh tịnh. Nếu lúc tự tứ, nên nói gởi dục tự tứ. Nếu có việc Phật, Pháp, Tăng, bị bịnh, nuôi bệnh thì cho phép gởi dục.

Luật nói: Gởi dục có năm thứ: Tôi gởi dục (thanh tịnh) cho Đại tỷ. Tôi thuyết dục (thanh tịnh); Đại tỷ thuyết dục (thanh tịnh) dùm tôi; hoặc hiện ra thân tướng gởi dục (thanh tịnh); nói đầy đủ gởi dục (thanh tịnh). Nếu không hiện thân tướng, miệng không nói gởi dục thì không thành gởi dục. Nên gởi dục cho người khác, người giữ dục đó, nhận rồi qua đời hoặc đến chỗ khác, hoặc thôi tu, hoặc vào chúng ngoại đạo, hoặc vào chúng khác, hoặc đến trong giới trường hoặc tướng sáng xuất hiện, hoặc người đó phạm trong mười ba già nạn, tự nói phạm Ba-la-di, bị nêu tội, diệt tẫn, phải diệt tẫn, dùng thần túc ở trên hư không, lìa chỗ thấy nghe,...... thì không thành gởi dục. Nên gởi dục lại cho người khác, nếu đến giữa đường, hoặc đến trong tăng cũng giống như vậy.

Nếu rộng thuyết dục (thanh tịnh), nên đến chỗ người chuyển dục, oai nghi nghiêm chỉnh, nói như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo-ni việc tăng như pháp tôi xin gởi dục thanh tịnh.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni nhận dục, có việc cần, không đến trong tăng, thì được phép chuyển dục cho người khác. Lúc chuyển dục cho người khác nên nói:

- Bạch Đại tỷ một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo-ni...... nhận dục thanh

tịnh của Tỳ-kheo ni...... Người kia và tôi việc tăng như pháp gởi dục thanh tịnh.

Tỳ-kheo-ni mang dục đến trong tăng, lúc nói, nếu nhớ tên, họ thì đối với tăng nêu tên thưa rằng:

- Bạch Đại tỷ tăng nghe, Tỳ-kheo-ni mỗ, Tỳ-kheo ni giáp việc tăng đúng như pháp gởi dục thanh tịnh.

(Nếu không thể nhớ tên họ chỉ thưa: "Có nhiều vị gởi dục thanh tịnh? nếu người nhận dục, hoặc ngủ quên, hoặc nhập định, hoặc quên, hoặc không cố ý làm như vậy, đó cũng thành gởi dục. Nếu cố ý không nói phạm đột-cát-la).

Nay tăng hòa hợp để làm gì?

Việc làm có ba: 1- Vì tình sự: Như nhận sự sám hối v.v...; 2- Vì phi tình sự: Như kiết các giới; 3- Vì tình phi tình sự: việc phân xử lìa y. Các việc làm này, nhờ tăng xét xử, nên phải đối trước chúng hỏi về việc làm ấy.

Yết-ma là gì? Yết-ma theo thể chỉ có ba, đó là: Đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ.

Luật nói: Có bảy thứ yết-ma không nên làm.

1. Yết-ma phi pháp phi tỳ-ni.
2. Yết-ma phi pháp, riêng chúng.
3. Yết-ma phi pháp hòa hợp.
4. Yết-ma đúng pháp riêng chúng.
5. Yết-ma tương tợ pháp, riêng chúng.
6. Yết-ma tương tợ pháp, hòa hợp.
7. Yết-ma quở trách không dừng.

Nên làm yết-ma đúng pháp, đúng tỳ-ni. Bạch nhị yết-ma (539), như bạch pháp tác bạch, như pháp yết-ma làm yết-ma. Bạch tứ cũng vậy. đó là yết-ma như pháp như tỳ-ni. Sáu phương tiện này, tất cả các yết-ma phải có, chỉ trừ kiết giới không cho gởi dục thanh tịnh. Nếu thiếu thì yết-ma không thành.

THIÊN THỨ HAI: KIẾT GIỚI

Pháp kiết đại giới:

Luật nói: Nên trải chỗ ngồi, đánh kiền-chùy, tất cả Tỳ-kheo nhóm hợp một chỗ, không cho nhận dục. Trong chúng tăng đó, Tỳ-kheo-ni cựu trụ nên xướng tướng bốn phương của đại giới. Nếu phương Đông có núi nói núi, có hào nói hào, hoặc thành, hoặc ranh giới, hoặc vườn,

rừng, ao hồ, cây, đá, tường, hoặc đình miếu. Như tướng phương Đông, các phương khác cũng như vậy. nhưng chỗ kiết giới không được hai giới chồng lên nhau, nên chừa lại khoảng giữa; cũng không được kiết ở chỗ nước chảy xiết, trừ trường hợp có cầu, thuyền để qua. Pháp xướng tướng, Tỳ-kheo-ni phải đứng dậy, lễ tăng, bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ni cựu trụ ...... (nếu không phải người cựu trụ xướng, mà là người biết rõ cương giới xướng, thì phải bỏ hai tiếng cựu trụ) vì tăng xướng tướng bốn phương của đại giới.

Bạch rồi nên xướng: Từ góc Đông nam...... thứ lớp xướng các phương khác, cho đến xướng ba lần xong. Trong chúng sai người có khả năng làm yết-ma, hoặc Thượng tọa, hoặc Thứ tọa, hoặc người tụng luật, hoặc người không tụng luật, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni ở trụ xứ này, xướng tướng bốn phương của đại giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng. Nay tăng ở trong tướng bốn phương này kiết đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni ở trụ xứ này, xướng tướng bốn phương của đại giới. Nay tăng ở trong tướng bốn phương này kiết đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Các Đại tỷ nào bằng lòng, tăng ở trong tướng bốn phương kiết đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng ở trong bốn phương, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp giải đại giới:

Các Tỳ-kheo-ni có khi muốn rộng, muốn hẹp. Phật cho phép giải giới trước rồi muốn kiết giới rộng, hẹp tùy ý. Nên bạch nhị yết-ma để giải. Tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay Tỳ-kheo-ni ở trụ xứ này, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng giải giới, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni ở trụ xứ này, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, nay xin giải giới. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp kiết giới đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng:

Nếu hai trụ xứ thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, các Tỳ-kheo-ni muốn kiết giới đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng. Phật cho phép mỗi trụ xứ tự giải giới của mình, sau đó bạch nhị yết-ma để kiết giới. Nên trải chỗ ngồi v.v.... như trước, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, như giới tướng đã nêu, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng ở trong chỗ này, chỗ kia kiết giới đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, như giới tướng đã nêu. Nay tăng ở chỗ này, chỗ kia kiết giới đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng. Các Đại tỷ nào bằng lòng, tăng ở chỗ này, chỗ kia kiết giới đồng thuyết giới đồng lợi dưỡng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng ở chỗ này chỗ kia kiết giới đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp kiết giới đồng thuyết giới, lợi dưỡng riêng:

Nếu hai trụ xứ, thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, muốn được đồng một thuyết giới, lợi dưỡng riêng thì trước mỗi trụ xứ tự giải giới của mình, sau đó kiết giới. Pháp kiết giới giống như trước, chỉ đổi một câu: Đồng một thuyết giới, lợi dưỡng riêng, tác bạch như vậy.

Pháp kiết giới thuyết giới riêng, đồng một lợi dưỡng:

Nếu hai trụ xứ, thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, các Tỳ-kheo-ni muốn được thuyết giới riêng, lợi dưỡng chung, vì muốn giữ gìn trụ xứ. Phật cho phép bạch nhị để kiết giới. Nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng ở trong trụ xứ này, trụ xứ kia kiết giới thuyết giới riêng, lợi dưỡng chung, vì muốn giữ gìn trụ xứ, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay tăng trụ xứ này, trụ xứ kia kiết giới thuyết giới riêng, lợi dưỡng chung, vì giữ gìn trụ xứ. Các Đại tỷ nào bằng lòng, tăng ở trụ xứ này, trụ xứ kia kiết giới thuyết giới riêng, lợi dưỡng chung, vì giữ gìn trụ xứ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng ở trong trụ xứ này, trụ xứ kia kiết giới thuyết

giới riêng, lợi dưỡng chung, vì giữ gìn trụ xứ rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp này và pháp trước, luật không có pháp giải. Nếu muốn giải thì y theo văn kiết nhưng ngược lại. Tướng giải ngược lại với kiết, nên biết.

Pháp kiết giới trường:

Nếu có việc yết-ma chỉ cần bốn vị, hoặc năm vị, mười vị, hai mươi vị mà đại chúng phải nhóm họp mỏi mệt. Phật cho phép kiết giới trường. Nêu giới tướng bốn phương của tiểu giới, hoặc đóng nọc, hoặc dùng đá, hoặc bờ nêu làm giới hạn. Trong đó, kiết: đặt ba lớp tướng nêu, một lớp trong cùng là tướng ngoài của giới. Một lớp khoảng giữa là tướng trong của đại giới. Tướng này và tướng giới trường không được nhập vào nhau và bằng nhau, nên chừa trống khoảng giữa. Một lớp ngoài cùng là tướng ngoài của Đại giới. Trước xướng kiết tướng của giới trường. Pháp xướng như trên, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni ở trụ xứ này xướng tướng bốn phương của Tiểu giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng ở trong tướng bốn phương của Tiểu giới này kiết làm giới trường, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni ở trụ xứ này xướng tướng bốn phương của Tiểu giới. Nay tăng ở trong tướng bốn phương của Tiểu giới này kiết làm giới trường. Các Đại tỷ nào bằng lòng, tăng ở trong tướng bốn phương của tiểu giới này kiết làm giới trường thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, ở trong tướng bốn phương của tiểu giới này kết làm giới trường rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Kế là xướng tướng trong và ngoài của đại giới. pháp xướng và kiết như trên.

Pháp giải giới trường:

Văn lược không có pháp giải. Nếu muốn giải nên nói ngược lại với văn kiết.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, giới trường của Tỳ-kheo-ni trụ xứ này. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng giải giới trường, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, giới trường của Tỳ-kheo ni trụ

xứ này. Nay tăng ở đây giải giới trường này. Các Đại tỷ nào bằng lòng, tăng ở đây giải giới trường thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, ở đây giải giới trường rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp có nạn kiết tiểu giới thọ giới:

Nếu có người muốn thọ giới thì đến ngoài giới, có Tỳ-kheo-ni đến ngăn. Phật dạy: Nếu có người không đồng ý chưa ra khỏi giới, thì cho phép ở ngoài giới nhanh chóng nhóm họp một chỗ kiết tiểu giới, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng nhóm họp một chỗ kiết tiểu giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho kiết tiểu giới, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay ở đây tăng nhóm họp một chỗ kiết tiểu giới. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng nhóm họp một chỗ kiết tiểu giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng kiết tiểu giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp giải có nạn kiết tiểu giới thọ giới:

Các Tỳ-kheo-ni kia không được giải giới mà đi, nên tác bạch để giải như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay chúng tăng nhóm họp giải giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho giải giới, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay chúng tăng nhóm họp giải giới. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng nhóm họp một chỗ giải giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp có nạn kiết tiểu giới thuyết giới:

Luật nói: Nếu ngày bố tát, đang đi ở chỗ hoang vắng không có làng xóm. Chúng tăng nên hòa hợp một chỗ cùng thuyết giới. Nếu tăng không được hòa hợp, các Tỳ-kheo ni cùng thầy nên dừng lại bên đường nhóm họp một chỗ kiết tiểu giới để thuyết giới. Nên tác bạch để kiết như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay có (bao nhiêu) Tỳ-kheo-ni nhóm họp, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho kiết tiểu giới thuyết giới, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay có (bao nhiêu) Tỳ-kheo ni nhóm họp. Đại tỷ nào bằng lòng cho (bao nhiêu) Tỳ-kheo-ni nhóm họp một chỗ kiết tiểu giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho (bao nhiêu) Tỳ-kheo ni nhóm họp một chỗ kiết tiểu giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp giải có nạn kiết tiểu giới thuyết giới:

Các Tỳ-kheo-ni không được chẳng giải giới mà đi, nên tác bạch để giải như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay có (bao nhiêu) Tỳ-kheo-ni nhóm họp một chỗ. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho giải giới này, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay có (bao nhiêu) Tỳ-kheo-ni nhóm họp giải tiểu giới ở chỗ này. Đại tỷ nào bằng lòng, cho tăng giải tiểu giới ở chỗ này thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải tiểu giới ở chỗ này rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp có nạn kiết tiểu giới tự tứ:

Nếu có rất đông Tỳ-kheo-ni, vào ngày tự tứ ở tại chỗ chẳng phải làng xóm, chưa kiết giới, đi giữa đường, nếu hòa hợp tự tứ thì tốt. Nếu không hòa hợp, thì tùy theo các Tỳ-kheo-ni đồng thầy, v.v... dời đến chỗ khác kiết tiểu giới để tự tứ, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, các Tỳ-kheo-ni này chỗ ngồi đã nhóm họp đầy đủ, chỗ ngồi của Tỳ-kheo-ni như vậy. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng ở chỗ này kiết tiểu giới, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni đã nhóm họp đầy đủ, tăng ở đây kiết tiểu giới. Đại tỷ nào bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni đã nhóm họp đầy đủ, tăng ở chỗ này kiết tiểu giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, cho các Tỳ-kheo-ni nhóm họp đầy đủ kiết tiểu giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp giải có nạn kiết tiểu giới tự tứ:

Các Tỳ-kheo-ni phải xả giới rồi đi, nên bạch xả như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, các Tỳ-kheo-ni này đã nhóm họp đầy đủ. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng ở chỗ này giải tiểu giới, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, các Tỳ-kheo-ni này đã nhóm họp đầy đủ. Nay tăng giải tiểu giới ở chỗ này. Đại tỷ nào bằng lòng tăng vì các Tỳ-kheo-ni nhóm họp đầy đủ giải tiểu giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho các Tỳ-kheo-ni nhóm họp đầy đủ giải tiểu giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp kiết giới không mất y:

Nếu có Tỳ-kheo ni, ý muốn yên tĩnh tự nghĩ: "Không được ngủ lìa y". Phật cho phép kiết giới không mất y, bạch nhị yết-ma để tiến hành, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, chỗ này đồng trụ xứ đồng thuyết giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho kiết giới không mất y, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, chỗ này đồng trụ xứ đồng thuyết giới. Nay Tăng kiết giới không mất y. Đại tỷ nào bằng lòng cho tăng ở chỗ này đồng trụ xứ đồng thuyết giới, kiết giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, cho chỗ này đồng trụ xứ đồng thuyết giới, kiết giới không mất y rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

(Nếu trong giới có làng xóm nên kết trừ thôn xóm và ranh giới ngoài thôn xóm. Pháp kiết như trên, chỉ thêm một câu: Trừ thôn và ranh giới ngoài thôn).

Pháp giải giới không mất y:

Văn lược không có pháp giải, nên giải bằng cách bạch ngược lại pháp kiết, bạch rằng:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, chỗ này đồng trụ xứ đồng thuyết giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng giải giới không mất y tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, chỗ này đồng trụ xứ đồng thuyết giới. Nay Tăng giải giới không mất y. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng ở chỗ

này đồng trụ xứ đồng thuyết giới, giải giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, ở chỗ này đồng trụ xứ đồng thuyết giới, giải giới không mất y rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

(Có thôn xóm thì pháp giải ngược lại, cũng giống như ở đây).

Pháp kiết tịnh địa:

Nếu trong tăng-già-lam không có chỗ để thức ăn, Phật cho phép bạch hai lần yết-ma kiết tịnh địa. Nên xướng phòng, hoặc kho, hoặc phòng sưởi, chỗ kinh hành. Một Tỳ-kheo ni đứng dậy, oai nghi nghiêm chỉnh ở trong tăng xướng việc này, chỗ các cây trái kiết làm tịnh địa, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng kiết chỗ này...... làm tịnh địa, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay tăng kiết chỗ nầy làm tịnh địa, đại tỷ nào bằng lòng, tăng kiết chỗ nầy làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng kiết chỗ nầy làm tịnh địa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Luật nói: có bốn loại tịnh địa: 1- Đàn-việt hoặc người phụ trách xây dựng, khi xây dựng chùa, chia phòng, nói như vầy: “Chỗ này làm tịnh địa cho tăng”; 2- Có người xây dựng chùa cho tăng nhưng chưa cúng dường cho tăng; 3- Hoặc phân nữa có rào ngăn, hoặc phần nhiều không có rào ngăn, hoặc hoàn toàn không có tường vách, hoặc hào cũng như vậy; 4- Tăng bạch hai lần yết-ma để kiết.

Pháp giải tịnh địa:

Văn lược không có phép giải, nên giải bằng cách bạch ngược lại pháp kiết, bạch rằng:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng nay giải tịnh địa chỗ ấy, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay tăng giải tịnh địa chỗ ấy, đại tỷ nào bằng lòng, tăng giải tịnh địa chỗ ấy thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải tịnh địa (ở) chỗ ấy rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

THIÊN THỨ BA: THỌ GIỚI

Pháp trao tám pháp không vượt qua:

Theo luật, bấy giờ bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề và năm trăm người cô gái dòng họ Xá-di cùng đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật, bạch rằng:

- Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài cho phép người nữ vào Phật pháp xuất gia học đạo.

Phật đáp:

- Thôi đi! Cù-đàm-di, người chớ nói như vậy, ta không muốn cho người nữ xuất gia học đạo. Vì sao? Nầy Cù-đàm-di, vì nếu người nữ vào Phật pháp xuất gia học đạo, sẽ làm cho Phật pháp không trụ thế lâu dài. Lúc đó, bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề và năm trăm người nữ dòng họ Xá-di tự cạo tóc, mặc cà-sa, đến đứng ngoài cửa tinh xá Kỳ-hoàn. Họ băng rừng lội suối đến đây, mình lấm đầy bụi, gót chân rướm máu, nước mắt đầm đìa. Lúc ấy, ngài A-nan thấy vậy, đến hết lòng thăm hỏi. Biết được nguyên do, Ngài đến chỗ Phật cầu xin Phật giúp họ. Phật cho phép nữ giới xuất gia, nhưng phải chấp nhận tám pháp không được trái vượt. Nếu nữ giới thực hành được thì cho xuất gia thọ giới. Phật bảo:

- Này A-nan! Nay đặt ra tám pháp suốt đời không thể vượt qua cho người nữ, nếu ai thực hành được tức là thọ giới.

* Tám pháp ấy là:

1. Tuy Tỳ-kheo-ni trăm tuổi, nhưng thấy Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải đứng dậy, đón rước, lễ bái, trải chỗ ngồi sạch sẽ, thỉnh Tỳ-kheo an tọa. Pháp nầy nên tôn trọng cung kính khen ngợi, suốt đời không được trái vượt.

2. Tỳ-kheo-ni không nên mắng nhiếc, quở trách Tỳ-kheo, không nên hủy báng nói Tỳ-kheo phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Pháp nầy vậy nên tôn trọng, v.v... (như trên).

3. Tỳ-kheo-ni không được nêu tội Tỳ-kheo, không được làm ức niệm, làm tự ngôn, không được ngăn họ tìm tội, ngăn thuyết giới, tự tứ. Pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên).

4. Tỳ-kheo-ni không được quở trách Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quở trách Tỳ-kheo-ni. Pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên).

5. Thọ học giới Thức-xoa-ma-na rồi, đến Tỳ-kheo tăng xin thọ đại giới. Pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên).

6. Tỳ-kheo-ni phạm tội tăng tàn, phải đến trước hai bộ tăng thực hành Ma-na-đỏa. Pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên).

7. Tỳ-kheo-ni không được an cư ở chỗ không có Tỳ-kheo. Pháp

nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên).

8. Tỳ-kheo-ni tăng hạ an cư xong, phải đến chỗ Tỳ-kheo cầu ba việc tự tứ: thấy, nghe, nghi. Pháp nầy nên tôn trọng, v.v... (như trên).

Nầy A-nan! Nay ta nói tám pháp không thể trái vượt như thế. Nếu người nữ nào thực hành được, tức là thọ giới. thí như người ở bên sông lớn, bắc cầu để qua sông. Cũng thế, nầy A-nan! Nay ta vì người nữ nói tám pháp không được trái vượt. Nếu người nữ nào thực hành được, tức là thọ giới.

Ngài A-nan nghe Phật dạy rồi, liền đến chỗ bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề nói rằng:

- Người nữ được vào Phật pháp xuất gia học đạo thọ đại giới. Đức Thế tôn vì người nữ đặt ra tám pháp không được trái vượt. Nếu người nữ nào thực hành được, tức là thọ giới. Ngài A-nan nói tám pháp như trên cho họ nghe. Bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề nói:

- Nếu Đức Phật vì người nữ nói tám không được trái vượt này, tôi và năm trăm người nữ dòng họ Xá-di xin đảnh lễ thọ nhận.

Ngài A-nan trở lại bạch Phật, Phật dạy:

- Này A-nan! Như vậy, Di mẫu Ma-ha-ba-xà-ba-đề và năm trăm người nữ được thọ giới.

Đức Phật lại bảo ngài A-nan:

- Nếu người nữ không vào trong Phật pháp xuất gia thì Phật pháp sẽ được tồn tại trong năm trăm năm.

Ngài A-nan nghe Đức Phật nói như vậy, trong lòng vô cùng buồn bã, cảm thấy hối hận, lo buồn, nước mắt chảy đầm đìa; liền đến lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh rồi đi.

Pháp Thiện lai thọ giới:

Theo luật: Bấy giờ, người nghe pháp, ngay tại chỗ ngồi, các bụi nhơ dứt sạch, được mắt pháp thanh tịnh. Người đó thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, đã đắc quả; đến trước Phật, bạch rằng:

- Nay con muốn trong pháp Như lai, xuất gia tu phạm hạnh.

Đức Phật dạy:

- Đến đây Tỳ-kheo-ni! Ở trong pháp ta, tự được an vui tu hành phạm hạnh, nhổ sạch gốc khổ.

Đức Phật nói lời đó xong, người kia tóc tự nhiên rơi xuống, ca-sa mặc vào thân, bình bát trên tay, gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Pháp yết-ma truyền giới và độ người:

Luật nói: Đức Phật chế giới, tuy cho độ người, nhưng các vị ngu si độ người mà không biết dạy dỗ. Vì không biết dạy dỗ nên đệ tử các vi ấy không có oai nghi, khất thực không đúng như pháp, chỗ nào cũng thọ thức ăn bất tịnh, hoặc thức ăn trong bát bất tịnh; trong bữa ăn sáng, ăn trưa lớn tiếng gọi nhau, như pháp nhóm họp của Bà-la-môn.

(541) Đức Phật dạy: Từ nay về sau cho phép tăng bạch hai lần yết-ma cho pháp độ người truyền giới cụ túc. Người kia đến trước tăng, oai nghi đầy đủ, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ni...... kính mong chúng tăng cho độ người truyền giới cụ túc, xin tăng cho phép, tôi là Tỳ-kheo ni...... độ người thọ giới cụ túc (nói ba lần). Tăng phải quan sát người này, nếu họ là người không có khả năng dạy dỗ, không thể cho đệ tử hai năm học giới và hai pháp nhiếp thủ, thì tăng nên nói: "Cô hãy thôi đi! Chớ độ người". Nếu họ là người có trí tuệ, có khả năng dạy dỗ, cho hai năm học giới và hai pháp nhiếp thủ, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này, nay đến trước tăng xin độ người truyền giới cụ túc. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng cho Tỳ-kheo ni...... độ người truyền giới cụ túc, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này, nay ở trước tăng xin độ người truyền giới cụ túc, nay tăng cho Tỳ-kheo-ni...... độ người truyền giới cụ túc, đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ni...... độ người truyền giới cụ túc thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ni...... độ người truyền giới cụ túc rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

(Pháp y chỉ A-xà-lê cũng giống như ở đây).

Pháp độ Sa-di ni và hình đồng Sa-di ni:

Luật nói: Nếu người nào muốn vào chùa Tỳ-kheo ni xuất gia, Tỳ-kheo-ni nên bạch với tăng, hoặc dùng lời khiến cho tăng biết, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, người này muốn xuất gia với Tỳ-kheo ni......, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng cho phép xuất gia cho ....., tác bạch như thế. Tác bạch rồi, sau đó mới cạo tóc.

Pháp độ Sa-di ni và pháp đồng thỉnh Hòa-thượng-ni:

Nếu người nào muốn đến chùa Tỳ-kheo-ni xuất gia, trước hết phải

thỉnh Hòa-thượng-ni, oai nghi đầy đủ, tác bạch thỉnh như sau:

- Bạch Đại đức ni một lòng nghĩ, con tên là, nay cầu Đại đức ni làm Hòa-thượng truyền mười giới. Xin Đại đức ni vì con làm Hòa-thượng truyền mười giới, con nương theo Đại đức ni được thọ giới Sa-di-ni, xin thương xót con (nói ba lần), Tỳ-kheo ni nên đáp: "Được".

Pháp thỉnh A-xà-lê:

Người kia phải oai nghi đầy đủ, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nghĩ, con tên là......, nay cầu Đại đức ni làm A-xà-lê truyền mười giới. Xin Đại đức ni làm A-xà-lê truyền mười giới cho con, con nương theo Đại đức ni được thọ giới Sa-di ni. Xin thương xót con (nói ba lần), Tỳ-kheo ni nên đáp: "Được".

Pháp bạch tăng:

Nếu tăng không hòa hợp, thì phải đến nói cho tất cả tăng biết. Nếu hòa hợp, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, người này theo xin xuất gia với Tỳ-kheo ni....... Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho người này xuất gia, tác bạch như thế.

Pháp thọ giới:

Dạy người đó đắp ca-sa, oai nghi đầy đủ, thưa như sau:

- Con tên là...... quy y Phật, Pháp, Tăng. Nay Con theo Phật xuất gia, Hòa-thượng-ni......, Như lai Chánh Đẳng Chánh Giác là Thế tôn của con (nói ba lần).

- Con tên là...... quy y Phật, Pháp, Tăng rồi. Nay Con theo Phật xuất gia rồi, Hòa-thượng ni......, Như lai Chánh Đẳng Chánh Giác là Thế tôn của con (nói ba lần).

Hòa-thượng-ni truyền mười giới tướng, nói rằng:

- Suốt đời không được sát sinh là giới của Sa-di ni, cô có giữ được không?

Người kia đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được trộm cắp là giới của Sa-di-ni, cô có giữ được không?

Người kia đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được dâm dục là giới của Sa-di-ni, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được nói dối là giới của Sa-di-ni, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được uống rượu là giới của Sa-di-ni, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được đeo vòng hoa, xoa dầu thơm vào thân là giới của Sa-di-ni, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được ca múa, hát xướng và đi xem nghe là giới của Sa-di-ni, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được ngồi nằm giường cao rộng lớn là giới của Sa-di-ni, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được ăn phi thời là giới của Sa-di-ni, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

- Suốt đời không được cầm giữ vàng, bạc, của báu, là giới của Sa-di ni, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

Cô đã thọ giới rồi, nên cúng dường Tam bảo, siêng năng tu ba nghiệp, ngồi thiền, tụng kinh, siêng làm việc chúng.

Trao mười giới rồi, dạy tụng mười số: 1- Tất cả chúng sinh đều nhờ ăn uống mà sống còn; 2- Danh sắc; 3- Ba thọ; 4- Bốn Thánh đế; 5- Năm ấm; 6- Sáu nhập; 7- Bảy phần giác; 8- Tám Thánh đạo; 9- Chín chỗ chúng sinh ở; 10- Mười tất cả nhập.

Pháp độ ngoại đạo:

Nếu có ngoại đạo muốn xin xuất gia, tăng cho ở chung bốn tháng, nên bạch hai lần yết-ma để cho. Trước cạo tóc rồi cho mặc ca-sa, cho đến dạy chắp tay, bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, con là ngoại đạo...... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con ở trong Phật pháp xin xuất gia học đạo. Đức Như lai là bậc chí chân Đẳng Chánh Giác của con (nói ba lần).

- Con là ngoại đạo...... quy y Phật, Pháp, Tăng rồi, theo Như Lai xuất gia học đạo. Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác của con (nói ba lần), kế là trao cho giới tướng và pháp, giống như trên.

Pháp cho ở chung bốn tháng:

Tiếp theo dạy họ bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ ni tăng xin lắng nghe, con là ngoại đạo...... đến trước tăng xin ở chung bốn tháng, xin tăng thương xót con cho bốn tháng ở chung (nói ba lần), rồi dẫn đến đứng chỗ mắt thấy tai không nghe, tăng nên tác pháp như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ngoại đạo...... kia, nay đến trước tăng xin ở chung bốn tháng. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho ngoại đạo...... kia ở chung bốn tháng, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ngoại đạo...... kia, nay đến trước tăng xin ở chung bốn tháng. Nay tăng cho ngoại đạo...... kia ở chung bốn tháng. Đại tỷ nào bằng lòng tăng cho ngoại đạo...... kia ở chung bốn tháng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho ngoại đạo...... kia ở chung bốn tháng rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Người kia thực hành ở chung xong, khiến cho các Tỳ-kheo-ni vui vẻ, sau đó nên ở trước tăng thọ giới cụ túc. Thế nào là ngoại đạo không thể làm cho các Tỳ-kheo-ni vui vẻ? Đó là Ngoại đạo kia cố chấp, chấp chặt pháp ngoại đạo, gần gũi người tại gia, không gần gũi Tỳ-kheo-ni, lại gần gũi ngoại đạo; không thuận theo Tỳ-kheo-ni, lại tụng tập những thứ khác. Hoặc ngoại đạo nghe người nói những việc xấu của ngoại đạo, liền nổi tức giận, hoặc nghe người hủy báng thầy của họ cũng tức giận. Nếu có ngoại đạo khác đến khen ngợi các việc tốt của ngoại đạo, họ rất vui mừng, hoặc có thầy ngoại đạo đến, nghe khen ngợi việc của ngoại đạo cũng rất vui mừng. Nếu nghe nói việc phi pháp của Phật, Pháp, Tăng họ cũng rất vui mừng. Đó gọi là ngoại đạo không thể làm cho các Tỳ-kheo-ni vui vẻ. Thế nào là ngoại đạo làm cho các Tỳ-kheo-ni vui vẻ? Đó là làm ngược lại các điều trên, gọi là ngoại đạo ở chung tâm ý hòa thuận, khiến các Tỳ-kheo-ni vui vẻ.

Pháp cho hai năm học giới:

Luật nói: Cho phép đồng nữ mười tám tuổi, hai năm học giới, đủ hai mươi tuổi cho thọ đại giới. Nếu người mười tuổi đã từng lấy chồng, cho hai năm học giới, đủ mười hai tuổi cho thọ đại giới. Như vậy nên cho hai năm học giới, Sa-di ni nên đến trước tăng, oai nghi đầy đủ, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức ni tăng xin lắng nghe, con là Sa-di-ni...... nay đến trước tăng xin hai năm học giới và Hòa-thượng-ni...... Xin tăng cho con

hai năm học giới, xin thương xót con! (nói ba lần), Tỳ-kheo-ni nên dắt Sa-di ni đến chỗ tại không nghe mà mắt thấy. Trong chúng người thực hành pháp nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Sa-di ni...... kia, nay đến trước tăng xin hai năm học giới và Hòa-thượng-ni...... nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho Sa-di ni hai năm học giới với Hòa-thượng-ni...... tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Sa-di ni...... kia, nay đến trước tăng xin hai năm học giới với Hòa-thượng-ni...... Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Sa-di ni...... kia hai năm học giới với Hòa-thượng-ni thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Sa-di-ni...... hai năm học giới với Hòa-thượng ni...... rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Trao sáu pháp tướng:

Hòa-thượng-ni nên bảo Sa-di ni rằng:

- Sa-di-ni...... hãy lắng nghe, Như lai Chánh Đẳng Chánh Giác nói sáu pháp:

- Không được phạm vào hạnh bất tịnh, thực hành dâm dục. Nếu Thức-xoa-ma-na hành dâm dục, thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Thức-xoa-ma-na cùng người nam có tâm nhiễm ô hai thân xúc chạm thì phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được trộm cắp dù cho cọng cỏ. Nếu Thức-xoa-ma-na trộm của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc tự lấy, hoặc xúi bảo người lấy, hoặc tự chặt, dạy người chặt, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc hoại mầu sắc, thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Nếu Thức-xoa-ma-na lấy dưới năm (542) tiền phạm giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được cố ý cắt đứt mạng sống chúng sinh, dù cho một con kiến. Nếu Thức-xoa-ma-na cố tự tay cắt đứt mạng sống của người, cầm dao đưa cho người, bảo chết, khuyến khích chết, khen ngợi chết, hoặc cho người uống thuốc độc, hoặc làm hư thai người, yếm bùa chú thuật, tự làm hoặc bảo người làm, thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Nếu Thức-xoa-ma-na cắt đứt mạng sống súc

sinh không thể biến hóa thì phạm giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được nói dối, dù cho chỉ nói chơi. Nếu Thức-xoa-ma-na không chân thật, không có gì mà tự xưng được pháp hơn người; được thiền, được giải thoát, được định, được chánh thọ, được Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán; Trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường. Đó chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Nếu Thức-xoa-ma-na ở trong chúng cố nói dối thì phạm giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được ăn phi thời. Nếu Thức-xoa-ma-na ăn phi thời thì phạm giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được uống rượu. Nếu Thức-xoa-ma-na uống rượu thì phạm giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

Thức-xoa-ma-na-ni đối với tất cả giới của Tỳ-kheo-ni đều phải học, chỉ trừ vì Tỳ-kheo-ni quá thực. Kế là y theo luật Thập Tụng kiết lời khuyên rằng:

- Này cô...... hãy lắng nghe, tăng đã cho cô học pháp. Thức-xoa-ma-na-ni thọ trì sáu pháp gọi là Thức-xoa-ma-na ni. Cô được Hòa-thượng-ni đầy đủ, A-xa-lê ni đầy đủ, Tỳ-kheo ni tăng đầy đủ, hành xứ đầy đủ, cõi nước đầy đủ; được nguyện vua Chuyển luân. nay cô đã đầy đủ, nên cúng dường Tam bảo (Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo), Hòa-thượng-ni, A-xa-lê ni, cung kính các bậc Thượng tọa, Trung tòa, Hạ tòa. Nên siêng năng học ba học (giới, định, tuê), nên tu ba môn giải thoát (không, vô tướng, vô tác). Nên siêng tu ba nghiệp, ngồi thiền, tụng kinh, giáo hóa người khác, làm các việc phước. Đó là các pháp mở cửa Niết-bàn, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Như hoa sen mọc trong nước, mỗi ngày thêm lớn và nở hoa. Các cô cũng giống như vậy, sẽ thêm lớn đạo pháp, sau này sẽ được thọ giới cụ túc.

Kế là nói tụng rằng:

Trong pháp Thích Sư tử
Đã được giới khó được
Pháp quý hiếm khó được.

Được rồi chớ để mất
Cúi đầu lễ chư tăng
Nhiễu phải vui vẻ đi.

Pháp thỉnh Hòa-thượng-ni truyền đại giới:

Người muốn thọ giới nên đầy đủ oai nghi, tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức ni một lòng nhớ nghĩ, con tên là...... nay xin Đại đức ni vì con làm Hòa-thượng, xin Đại đức ni vì con làm Hòa-thượng, con nương theo Đại đức ni được thọ đại giới (nói ba lần).

Đại đức ni đáp: "Được".

Pháp thỉnh giáo thọ sư (thầy Giáo thọ):

Người thọ giới đầy đủ oai nghi, tác bạch thỉnh như sau:

- Bạch Đại đức ni một lòng nhớ nghĩ, con tên là ...... cầu Đại đức ni làm giáo thọ A-xa-lê. Xin Đại đức ni vì con làm Giáo thọ A-xa-lê. Con nương theo Đại đức ni được thọ đại giới (nói ba lần).

Đại đức ni đáp: Được.

Pháp sắp xếp nơi chốn cho người thọ giới:

Nên sắp xếp ở chỗ mắc thấy tai không nghe. Nếu người thọ giới ấy ở trên hư không, hoặc ẩn mất, hoặc lìa chỗ thấy nghe, hoặc ở ngoài cương giới, không gọi là thọ cụ túc. Hòa-thượng ni và Tỳ-kheo ni được tính đủ số cũng vậy.

Pháp sai thầy giáo thọ:

Trong đây, giới sư hỏi rằng:

- Trong chúng vị nào có khả năng kia làm thầy giáo thọ? Nếu có người làm được thì nên đáp: Tôi làm được.

Đáp xong rồi, giới sư nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, người...... kia theo Hòa-thượng-ni...... xin thọ đại giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo ni...... làm thầy giáo thọ, tác bạch như thế.

Pháp đến chỗ kia hỏi già nạn:

Vị thầy giáo thọ đến chỗ người thọ giới hỏi:

- Chiếc y An-đà-hội, Uất-đa-la tăng, Tăng-già-lê, Tăng-kỳ-chi, y che vai này có phải là y bát của cô không?

Người kia đáp "Phải". Hỏi tiếp:

- Giới tử hãy lắng nghe, giờ đây là lúc chí thành nhất, tôi sẽ hỏi cô, nếu có thì nói có, không thì nói không.
- Cô có phạm biên tội không?
- Cô có nhiễm ô phạm hạnh với Tỳ-kheo không?
- Cô có tâm xấu vào đạo không?
- Cô có phá nội ngoại đạo không?
- Cô có phải Huỳnh môn không?
- Các cô không phải giết cha không?
- Cô có giết mẹ không?
- Cô có giết A-la-hán không?
- Cô có phá hòa hợp tăng không?
- Cô có tâm ác làm thân Phật chảy máu hay không?
- Cô có phải là phi nhân không?
- Cô có phải là súc sinh không?
- Cô có phải là người hai hình không?

Pháp danh cô là gì? Hòa-thượng-ni của cô hiệu là gì? Tuổi đã đủ hai mươi chưa? Y bát có đủ không? Cha mẹ, chồng có cho phép cô xuất gia không? Cô có mắc nợ người khác không? Các cô có phải là tôi tớ không? Cô có phải là người nữ không? Người nữ có các bệnh như: hủi, lang ben, ung thư, ốm gầy, cuồng si, hai đường hiệp một, đại tiện tiểu tiện thường rịn, mũi dãi thường chảy ra. Các cô có bị những bệnh đó không?

Mỗi việc đều tùy theo việc mà trả lời là không.

Lại nói tiếp: Những điều tôi đã hỏi, chút nữa trong tăng cũng hỏi như vậy, các cô trả lời với tôi thế nào thì trong tăng phải trả lời như thế đó.

Pháp hỏi rồi, bạch tăng:

Thầy giáo thọ hỏi rồi, trở vào trong tăng, đầy đủ oai nghi, đứng chỗ cách duỗi tay tới, bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Thức-xoa-ma-na nầy theo Hòa-thượng ni xin thọ đại giới. nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng. Tôi đã hỏi giới tử xong, xin cho đem đến, (tác bạch như thế).

Pháp đến tăng xin giới:

Thầy yết-ma nên nói: “Thanh tịnh thì đem đến”. Khi giới tử đến rồi cầm y bát dùm họ, dạy họ đảnh lễ chúng tăng. Đảnh lễ rồi quỳ chấp tay bạch rằng:

- Bạch Đại đức ni tăng xin lắng nghe, con là theo Hòa-thượng-ni...... xin thọ đại giới. Con là nay xin thọ đại giới với tăng, Hòa-thượng-ni là .... Xin tăng cứu giúp, thương xót cho (nói ba lần).

Nếu người thọ giới không nói tên mình, không xưng hiệu của Hòa-thượng-ni, dạy xin giới không xin, mặc y phục thế tục, hoặc ngủ mê, say sưa cuồng si, lõa hình, sân si, không chú ý, thân tướng không đầy đủ, mượn y bát của người khác, hoặc không có Hòa-thượng -i, hoặc nhiều Hòa-thượng-ni, hoặc không đủ chúng tăng đều không gọi là thọ giới.

Pháp giới sư bạch:

Giới sư muốn hỏi trước bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, cô...... này theo Hòa-thượng-ni...... xin thọ đại giới. Cô...... này nay đến trước tăng xin thọ đại giới Hòa-thượng-ni...... Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tôi hỏi các việc nạn, tác bạch như thế.

Pháp giới sư hỏi:

Giới sư bạch rồi nói:

- Các giới tử hãy lắng nghe, giờ đây là lúc chí thành, lúc nói thật, nay tôi hỏi cô, có thì nói có, không thì nói không.

- Cô có phạm biên tội không?
- Cô có nhiễm ô phạm hạnh với Tỳ-kheo không?
- Cô có tâm giặc xuất gia không?
- Cô có phá nội đạo ngoại đạo hay không?
- Cô có phải huỳnh môn hay không?
- Cô có giết cha không?
- Cô có giết mẹ không?
- Cô có giết A-la-hán không?
- Cô có phá hòa hợp tăng không?
- Cô có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?
- Cô có phải là phi nhân không?
- Cô có phải là súc sinh không?
- Cô có phải là người hai hình không?

Pháp danh cô là gì? Hòa-thượng-ni của cô hiệu là gì? Tuổi đã đủ hai mươi chưa? Y bát có đủ không? Cha mẹ, chồng có cho cô xuất gia không? Cô có mắc nợ người không? Cô có phải là tôi tớ không? Cô có phải là người nữ không? Người nữ có các bệnh như: hủi, lang ben, ung thư, ốm gầy, cuồng si, hai đường hiệp một, đại tiểu tiện thường rịn, mũi

dãi thường chảy. Các cô có bị những chứng bệnh đó không?

(Lại nên tùy theo việc mà trả lời là không).

Chánh thọ bản pháp:

Giới sư khai đạo giúp họ giới tử khởi tâm thượng thượng phẩm, chí thành lắng nghe thọ nhận, rồi bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Thức-xoa-ma-na...... này theo Hòa-thượng-ni...... xin thọ đại giới. Thức-xoa-ma-na...... này nay đến trước tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng-ni...... Thức-xoa-ma-na này nói thanh tịnh, không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho Thức-xoa-ma-na...... thọ đại giới, Hòa-thượng ni......, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, (543) Thức-xoa-ma-na...... này theo Hòa-thượng-ni...... xin thọ đại giới, thức-xoa-ma-na...... này nay đến trước tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng-ni...... Thức-xoa-ma-na này nói thanh tịnh không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nay tăng trao đại giới cho Thức-xoa-ma-na......, Hòa-thượng ni...... các Đại tỷ nào bằng lòng, tăng trao đại giới cho Thức-xoa-ma-na......, Hòa-thượng-ni...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng trao đại giới cho Thức-xoa-ma-na...... Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp cho ni thọ đại giới bản pháp thỉnh yết-ma xà-lê:

Người thọ giới và Tỳ-kheo ni tăng cùng đến chỗ Tỳ-kheo tăng, ở trước vị A-xà-lê oai nghi đầy đủ, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức một lòng nghĩ, con là nay thỉnh Đại đức làm yết-ma A-xà-lê. Xin Đại đức vì con làm yết-ma A-xà-lê. Con nương theo Đại đức được thọ đại giới, xin thương xót con (nói ba lần).

Đại đức tăng đáp: “Được”.

Pháp xin giới:

Người thọ giới đảnh lễ tăng, oai nghi đầy đủ, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, con là theo Hòa-thượng-ni...... xin thọ đại giới. Con là nay đến tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng-ni...... là Hòa-thượng của con, xin tăng cứu giúp con, xin thương xót con (nói ba lần).

Pháp giới sư bạch:

Trong đây, giới sư bạch trước, sau mới hỏi, bạch như vầy:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Thức-xoa-ma-na...... nầy theo Hòa-thượng-ni...... xin thọ đại giới. Thức-xoa-ma-na...... này nay đến trước tăng xin thọ đại giới. Hòa-thượng-ni...... nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, con hỏi các việc nạn, tác bạch như thế.

Pháp giới sư hỏi:

Giới sư bạch rồi, nói:

- Các giới tử xin lắng nghe, bây giờ là lúc chí thành, là lúc nói thật. Nay tôi hỏi cô, có thì nói có, không thì nói không.

- Cô có phạm biên tội không?
- Cô có nhiễm ô phạm hạnh bất tịnh với Tỳ-kheo không?
- Cô có tâm giặc xuất gia không?
- Cô có phá nội đạo ngoại đạo không?
- Cô có phải Huỳnh môn không?
- Cô có giết cha không?
- Cô có giết mẹ không?
- Cô có giết A-la-hán không?
- Cô có phá hòa hợp tăng không?
- Cô có có tâm ác làm thân Phật ra máu không?
- Cô có phải là phi nhân không?
- Cô có phải là súc sinh không?
- Cô có phải là người hai hình không?

Pháp danh cô là gì? Hòa-thượng ni của các cô hiệu gì? Cô đã đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không? Cha mẹ, chồng cho phép cô xuất gia không? Cô có mắc nợ người không? Cô có phải là tôi tớ không? Cô có phải là người nữ không? Người nữ có các bệnh: hủi, lang ben, ung thư, ốm gầy, cuồng si, hai đường hiệp một, đại tiểu tiện thường chảy, mũi dãi thường ra, cô có những chứng bệnh đó không?

(Tùy theo việc hỏi mà đáp là không).

Lại hỏi: Các cô học giới chưa?

Trả lời: Mô Phật! Chúng con học giới rồi.

- Các cô có thanh tịnh không?
- Dạ! Thanh tịnh.

Lại hỏi Tỳ-kheo ni: Các giới tử học giới chưa?

Đáp: Dạ! Đã học giới rồi.

- Các giới tử thanh tịnh không?

- Dạ! thanh tịnh.

Chánh thọ giới pháp:

Đã phương tiện khai đạo đầy đủ như trước rồi, dạy giới tử lắng nghe, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Thức-xoa-ma-na...... này theo Hòa-thượng ni...... xin thọ đại giới. Thức-xoa-ma-na...... này, nay đến trước tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng-ni...... Thức-xoa-ma-na...... này nói thanh tịnh, không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ, đã học giới thanh tịnh. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho Thức-xoa-ma-na...... này thọ đại giới, Hòa-thượng ni...... tác bạch như thế.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Thức-xoa-ma-na...... này theo Hòa-thượng-ni...... xin thọ đại giới, thức-xoa-ma-na...... này, nay đến trước tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng-ni...... Thức-xoa-ma-na...... này nói thanh tịnh, không có các việc nạn, đủ ha mươi tuổi, y bát đầy đủ, đã học giới thanh tịnh. Nay tăng cho thức-xoa-ma-na...... thọ đại giới, Hòa-thượng ni......, trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Thức-xoa-ma-na...... thọ đại giới, Hòa-thượng ni...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Thức-xoa-ma-na...... thọ đại giới. Hòa-thượng ni...... rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Trong luật ni chép: Thức-xoa-ma-na...... tự nói thanh tịnh, đủ hai mươi tuổi, tăng cho Thức-xoa-ma-na...... thọ giới cụ túc. Hai bộ tùy theo văn mà đọc, không có sai trái. Làm pháp này rồi, nên ghi rõ thời gian lúc thọ giới cho họ. Bộ kia không khác với đây.

Pháp truyền giới tướng:

Giới sư nên nói với giơi tử:

- Các người thiện nữ hãy lắng nghe, Như lai Chánh Đẳng Chánh Giác nói tám pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo-ni phạm, chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích.

- Không được làm việc bất tịnh, thực hành dâm dục. Nếu Tỳ-kheo-ni làm việc bất tịnh, thực hành dâm dục, cho đến với súc sinh. Thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy, các cô suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được trộm cắp cho đến lá cây, ngọn cỏ. Nếu Tỳ-kheo ni lấy của người năm tiền, hoặc hơn năm tiền; hoặc tự lấy, xúi giục người lấy, hoặc tự chặt, bảo người chặt, hoặc tự phá, bảo người pháp, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm hoại mầu sắc. Người đó chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy, các cô suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Dạ được.

- Không được cắt đứt mạng sống chúng sinh, dù cho một con kiến. Nếu Tỳ-kheo-ni cố tự tay giết người, cầm dao đưa cho người, xúi giục chết, khen ngợi chết, khuyến khích chết, cho người uống thuộc độc, hoặc làm hư thai, hoặc dùng bùa chú yếm, hoặc tự làm phương tiện, xúi bảo người làm. Người đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy các cô suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được nói dối cho đến nói chơi. Nếu Tỳ-kheo ni không chân thật, mình không được gì tự nói được pháp hơn người, đắc thiền, đắc giải thoát, đắc tam-muội chánh thọ, đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán. Trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường tôi. Thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy các cô suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được hai thân xúc chạm, cho đến xúc chạm súc sinh. Nếu Tỳ-kheo ni có tâm nhiễm ô xúc chạm thân người nam có tâm nhiễm ô, xúc chạm nhau từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, hoặc mơn trớn, hoặc đè, hoặc vuốt lên vuốt xuống, hoặc kéo hoặc lôi, hoặc đưa lên, hoặc để xuống, hoặc nắm, hoặc bóp thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy, các cô suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được phạm tám việc cho đến phạm với súc sinh, nếu Tỳ-kheo ni có tâm nhiễm ô, cho người nam có tâm nhiễm ô cầm tay, nắm áo, vào chỗ tối đứng nói chuyện chung, đi chung, dựa kề nhau, hẹn hò nhau, phạm tám việc này thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy, các cô suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được che giấu tội của người khác, cho đến đột-cát-la (ác

thuyết). Nếu Tỳ-kheo ni biết có Tỳ-kheo ni phạm Ba-la-di không tự nêu tội họ, không bạch tăng, không nói cho người khác biết. Về sau, vào lúc khác, Tỳ-kheo-ni này thôi tu hoặc bị diệt tẫn, hoặc không cho làm việc tăng, hoặc theo ngoại đạo. Tỳ-kheo-ni kia bèn nói: “Trước đây tôi biết người này phạm tội như vậy, như vậy thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích, vì che giấu tội nặng của người khác. Giới nầy các cô suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

- Không được nghe theo lời nói của Tỳ-kheo bị diệt tẫn cho đến Sa-di. Nếu Tỳ-kheo ni biết Tỳ-kheo bị tăng nêu tội, đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy, phạm oai nghi, chưa sám hối, không được ở chung, mà Tỳ-kheo-ni nghe theo lời Tỳ-kheo kia. Các Tỳ-kheo can ngăn Tỳ-kheo này rằng: “Đại tỷ! Tỳ-kheo kia bị tăng nêu tội, đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy, phạm oai nghi, chưa sám hối, không được ở chung. Đại tỷ chớ thuận theo lời Tỳ-kheo kia. Lúc các Tỳ-kheo ni can ngăn Tỳ-kheo ni này, Tỳ-kheo-ni nầy giữ chặt không bỏ. Tỳ-kheo-ni kia nên can ngăn cho đến ba lần, khiến cho Tỳ-kheo-ni đó bỏ việc này. Can ngăn đến ba lần bỏ thì tốt, không bỏ, thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, (544) chẳng phải con gái dòng họ Thích, vì phạm tội theo người bị cử. Giới nầy các cô suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

Các người thiện nữ hãy lắng nghe, Như lai Chánh Đẳng Chánh Giác nói bốn thí dụ. Nếu phạm tám việc (Ba-la-di) như người bị chặt đầu không thể sống lại. Như cây đa-la bị chặt đầu, không thể đâm chồi lại được. Như kim sứt lỗ không còn dùng được. Như tảng đá lớn nứt làm hai phần không thể hàn lại được. Nếu Tỳ-kheo ni phạm tám việc này rồi, không thể thành trở lại hạnh Tỳ-kheo-ni, giới nầy suốt đời các cô không được phạm?

Pháp trao bốn y:

Giới sư nên bảo các giới tử rằng:

- Nầy người thiện nữ hãy lắng nghe, Như lai Chánh Đẳng Chánh Giác nói pháp bốn y. Tỳ-kheo-ni nương vào đó xuất gia thọ đại giới, đó là Tỳ-kheo đúng như pháp.

- Nương mặc y phẩn tảo xuất gia thọ đại giới, giới nầy suốt đời các cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

Nếu được nhiều lợi dưỡng, hoặc tăng sai đi thọ thực, hoặc thức ăn do đàn-việt dâng cúng, thức ăn tám ngày trai trong một tháng, thức ăn ngày mồng một, ngày mười lăm, hoặc thức ăn bình thường của chúng tăng, thức ăn do đàn-việt thỉnh thì nên thọ.

- Nương ở dưới gốc cây xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ-kheo-ni. Giới nầy suốt đời cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

Nếu được lợi lớn, phòng riêng, nhà nóc nhọn, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng một cửa thì nên thọ nhận.

- Nương thuốc đã mục nát xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ-kheo-ni, giới nầy suốt đời cô có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

Nếu được lợi dưỡng, sữa, dầu, sữa sống, đường, đường phèn thì nên thọ.

Các cô đã thọ giới rồi, bạch bốn lần yết-ma đúng như pháp thành tựu nơi chốn. Hòa-thượng đúng pháp, A-xà-lê đúng pháp, hai bộ tăng đầy đủ. Các cô nên khéo thọ giới pháp, phải khuyến hóa người làm phước, xây dựng chùa tháp, cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Hòa-thượng, A-xà-lê dạy bảo đúng pháp không được trái nghịch. Phải học hỏi kinh luật, siêng năng tìm cầu phương tiện. Tu theo Phật pháp được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Các cô mới phát tâm xuất gia, công đức không tổn, quả báo không mất. Có những điều gì chưa biết, nên thưa hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê.

(Xong bảo người thọ giới đi về phía trước).

THIÊN THỨ TƯ: THẦY TRÒ

Pháp nói về tư cách làm Hòa-thượng (thầy):

Hòa-thượng-ni nên xem đệ tử, như con mình; đệ tử coi Hòa-thượng ni như mẹ mình. Thầy trò kính trọng nhau, chăm sóc lẫn nhau. Như thế Chánh pháp mới được tồn tại lâu dài, tăng thêm lợi lớn. Pháp thỉnh như trên.

Lại nói: Hòa-thượng-ni không được dưới mười hai tuổi hạ nhận đệ tử cho thọ giới cụ túc. Lại chế pháp Hòa-thượng-ni, nên thực hành như vậy. Nếu đệ tử bị chúng tăng muốn làm bảy pháp yết-ma như: yết-ma-quở trách, v.v... Hòa-thượng-ni đối với việc đó đúng như pháp mà lo liệu, khiến cho chúng tăng không làm yết-ma cho đệ tử được. Nếu làm thì phải khiến cho đúng như pháp. Lại nữa, nếu tăng làm bảy yết-ma

cho đệ tử như: yết-ma-quở trách, v.v... thì Hòa-thượng-ni đối với việc đó đúng như pháp mà lo liệu, khiến đệ tử thuận theo tăng, không trái nghịch, mong dứt được tội, khiến tăng mau cho yết-ma giải. Lại nữa, nếu đệ tử phạm tăng tàn, thầy phải đúng như pháp mà lo liệu. Nếu đáng cho Ma-na-đỏa thì nên cho, nhẫn đến nên cho xả tội. Lại nữa, nếu đệ tử bệnh, thầy phải chăm sóc, hoặc dạy người khác chăm sóc cho đến khi lành bệnh hoặc qua đời. Nếu Đệ tử ở trụ xứ này không vui, thầy nên dời đi nơi khác hoặc bảo người khác dời đi. Đệ tử có việc nghi ngờ, thì thầy phải dùng pháp, luật, lời dạy của Phật, đúng như pháp mà dứt nghi ngờ cho đệ tử. Nếu đệ tử ác kiến sinh, thì thầy phải dạy bảo, làm cho đệ tử xả bỏ ác kiến trụ vào thiện kiến; nên dùng hai việc để bảo vệ. Về hai việc pháp và y thực, trong đó:

- Pháp để bảo vệ: Thầy nên dạy đệ tử tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ, dạy học hỏi tụng kinh.

- Y phục để bảo vệ: Thầy nên cho đệ tử quần áo, thức ăn, giường ghế, đồ nằm, đau ốm lo thầy, thuốc thang, tùy theo khả năng mà làm cho trọn vẹn.

Từ nay về sau, ta đặt ra pháp Hòa-thượng như vậy. Hòa-thượng-ni phải vâng làm, nếu không vâng làm thì đúng như pháp mà trị.

Pháp y chỉ A-xà-lê:

Nếu có Tỳ-kheo ni mới thọ giới, Hòa-thượng-ni qua đời, không có người chỉ dạy. Vì không được chỉ dạy, nên các tân Tỳ-kheo-ni không có oai nghi, lớn tiếng gọi nhau như pháp Bà-la-môn nhóm họp. Phật dạy: Từ nay về sau, cho phép có A-xà-lê, có đệ tử. A-xà-lê xem đệ tử như con, đệ tử xem A-xà-lê như mẹ. Thầy trò dạy bảo lẫn nhau, kính trọng nhau. Như thế sống trong Phật pháp mới tăng thêm lợi ích rộng lớn. Đệ tử phải đầy đủ oai nghi, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại đức ni một lòng nhớ nghĩ, con là Tỳ-kheo ni...... nay cầu Đại đức ni làm y chỉ. Xin Đại đức ni cho con y chỉ. Con nương Đại đức ni để ở (nói ba lần).

Thầy y chỉ đáp: Được!

Hoặc nói: Tôi cho cô y chỉ.

Hoặc nói: Cô chớ buông lung.

(Pháp hành của A-xà-lê cũng giống như Hòa-thượng).

Pháp chế bổn phận làm đệ tử:

Lúc bấy giờ, các đệ tử, không thực hành pháp của đệ tử, vào xóm

làng v.v... không bạch với Hòa-thượng. Phật dạy: Từ nay về sau, nên đặt ra pháp của đệ tử, khiến cho đệ tử thực hành pháp của đệ tử đối với Hòa-thượng. Thầy và đệ tử cùng thực hành tám pháp như trước. Lại thêm đệ tử không bạch thầy không được vào làng xóm, không được đến nhà người khác, không được theo Tỳ-kheo ni khác, hoặc làm bạn với Tỳ-kheo-ni khác, không được cho, không được nhận, không được giúp việc chúng, không được nhận người khác giúp việc chúng, không được xuất gia cho người khác, không được xúi giục người xuất gia, không được vào nhà thế tục, không được đấm bóp cho người, không được ở trong phòng ban ngày, không được đến chỗ gò mả, không được ra ngoài giới, không được đi đến phương khác. Đệ tử nên sáng sớm vào phòng thọ pháp, tụng kinh hỏi nghĩa, nên đổ đồ tiểu tiện trong bô; nên bạch thầy đã đến giờ, cho đến nói rộng. Đệ tử trong một ngày nên thăm hỏi thầy ba lần (sáng, trưa chiều); nên vì thầy thực hành hai việc, cực nhọc không từ nan: 1- Dọn dẹp phòng ốc; 2- Giặt, vá y phục. Thầy dạy đúng pháp nên hết lòng vâng theo; nếu thầy sai đến nơi khác thì phải lo cho trọn vẹn, không được từ chối. Nếu đệ tử mượn cớ hoặc từ chối thì thầy nên đúng như pháp mà trị. Bổn phận đệ tử đối với A-xà-lê cũng vậy. Văn giống nhau nên không viết ra.

Pháp quở trách đệ tử:

Bấy giờ, các đệ tử không vâng thờ cung kính Hòa-thượng, A-xà-lê, cũng không làm theo pháp đệ tử; không biết hổ thẹn; không nghe lời chỉ dạy, làm những việc trái oai nghi; không cung kính; làm bạn với người ác; thích đến nhà dâm nam, nhà người nam, nhà đồng nam, nhà huỳnh môn, tinh xá Tỳ-kheo, tinh xá Sa-di; thích đến xem người hát xướng. Đệ tử có các lỗi này, thầy nên quở trách. Quở trách có ba việc rõ ràng: 1- Đệ tử mình; 2- Đưa lỗi ra; 3- Quở trách để điều phục. Quở trách có năm việc, thầy nên nói:

- Nay tôi quở trách cô, cô đi đi! Cô đừng vào phòng tôi, cô chớ làm việc cho tôi, đừng đến gặp tôi. Tôi không nói chuyện với cô nữa! Đó là pháp thầy quở trách đệ tử. A-xà-lê quở trách đệ tử cũng có năm điều, lời văn giống nhau, chỉ đổi câu thứ tư "đừng đến gặp tôi" rằng:

- Cô đừng y chỉ tôi nữa!

Thầy thường quở trách đệ tử, Phật dạy: không nên như vậy, an cư xong quở trách cũng không nên như vậy, khi đệ tử bệnh không nên quở trách.

Pháp đệ tử sám hối:

Đệ tử bị quở trách rồi, không đến Hòa-thượng, A-xà-lê sám hối. Phật dạy: Đệ tử bị quở trách rồi phải đến Hòa-thượng, A-xà-lê sám hối, phải đầy đủ oai nghi, nên bạch sám hối như sau:

- Bạch Đại đức ni, nay con xin sám hối, nguyện không tái phạm nữa. Nếu Hòa-thượng, A-xà-lê cho sám hối thì tốt. Nếu không cho, đệ tử nên sám hối một ngày ba thời (sáng, trưa, chiều). Được cho sám hối thì tốt, nếu không cho, đệ tử phải nhã nhặn thuận theo, tìm cách giải thích tội mình phạm. Nếu đệ tử nhã nhặn thuận theo, không có trái nghịch mà thầy, A-xà-lê không cho sám hối, thì tăng nên đúng như pháp mà trị.

Pháp đệ tử sám tạ lìa Hòa-thượng:

Hòa-thượng có năm việc phi pháp, đệ tử nên sám hối mà đi. Đệ tử nên bạch với Hòa-thượng rằng:

- Bạch thầy! Con đúng pháp thầy không biết, con không đúng pháp thầy cũng không biết, nếu con phạm giới thầy bỏ bê không chỉ dạy, hoặc con phạm thầy không biết, hoặc con phạm rồi sám hối thầy cũng không biết.

Đệ tử sám tạ thầy phải nói nhẹ nhàng, khiêm tốn. Nếu không chấp nhận, đệ tử nên bỏ đi xa, nên y chỉ A-xà-lê. Đệ tử cầm y bát ra khỏi giới, ngủ một đêm rồi sáng mai trở vào, y chỉ Tỳ-kheo ni khác mà ở.

THIÊN THỨ NĂM: THUYẾT GIỚI

Pháp sai sứ Tỳ-kheo ni nửa tháng đến chùa tăng xin giáo giới:

Phật dạy: "Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng nên đến trong Tỳ-kheo tăng cầu giáo thọ. Bạch hai lần yết-ma sai một vị Tỳ-kheo ni đến". Nên bạch sai như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng chấp thuận, tăng sai Tỳ-kheo ni...... vì Tỳ-kheo-ni tăng, nửa tháng đến trong tăng cầu giáo thọ, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... vì Tỳ-kheo-ni tăng, nửa tháng đến trong tăng cầu giáo thọ. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... vì Tỳ-kheo ni tăng, nửa tháng đến trong tăng cầu giáo thọ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo-ni...... vì Tỳ-kheo-ni tăng, nửa

tháng đến trong tăng cầu giáo thọ rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Tỳ-kheo-ni được sai đi một mình không có người đi chung bảo vệ, nên sai hai, ba Tỳ-kheo-ni cùng đi.

Pháp sứ Tỳ-kheo ni đến chùa tăng chúc thọ (thưa):

Sứ Tỳ-kheo-ni đến chùa tăng không nên thưa với Tỳ-kheo khách, sắp đi xa, người bệnh, nên đến chỗ một vị Tỳ-kheo có trí tuệ, rõ biết pháp Tỳ-kheo, đầy đủ oai nghi thưa như sau:

- Bạch Đại đức nhớ nghĩ cho, Tỳ-kheo ni tăng ở trụ xứ...... hòa hợp, sai con là Tỳ-kheo ni...... đảnh lễ Tỳ-kheo cầu xin giáo giới (nói ba lần).

Tỳ-kheo nhận lời rồi, ngày mai sứ Tỳ-kheo-ni đến hỏi có được không. Nếu nghe chúng tăng đã sai thầy giáo thọ thì sứ Tỳ-kheo-ni nên đến thưa với thầy giáo thọ. Lúc đi, Tỳ-kheo phải hẹn giờ đến. Tỳ-kheo-ni nêu ra đón rước, không đón rước cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo-ni nghe thầy giáo giới đến, phải ra cách xangoài chùa nửa do-tuần để đón rước. Tỳ-kheo vào chùa rồi phải cung cấp những thứ cần thiết, bày các dụng cụ tắm rửa; cúng dường canh, cháo, các thứ bánh. Nếu không làm như vậy phạm đột-cát-la. Nếu không có người giáo thọ, Thượng tọa có chỉ bảo sơ lược, sứ Tỳ-kheo ni nên đảnh lễ thọ nhận, rồi trở về bản tự. Về chùa, đánh kiền chùy, chúng Tỳ-kheo ni đến nhóm họp, người không đến gởi dục, sứ Tỳ-kheo ni thưa với ni chúng:

- Bạch chúng Đại đức ni tăng, không có người giáo giới Tỳ-kheo ni và (545) người thuyết giới, Đại tăng dạy chúng Tỳ-kheo ni, nên tinh tấn tu hành, chớ buông lung.

Lúc sứ Tỳ-kheo-ni nói lời này, ni chúng đều chấp tay nói: Xin cung kính thọ trì.

Nếu hai chúng bị bệnh, không hòa hợp, không đủ số, nên sai người đến thăm hỏi. Nếu không đến thăm hỏi thì phạm đột-cát-la.

Pháp tăng thuyết giới:

Nếu vào ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu không biết là ngày nào thuyết giới. Phật dạy: Cho phép vị Thượng tọa ngày bố tát xướng rằng:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay lúc...... ngày...... tháng...... tăng nhóm họp ... để thuyết giới.

Xướng như thế rồi, đến lúc tụng giới, các Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi trước

đến nhà thuyết giới quét dọn, trải chỗ ngồi, chuẩn bị đầy đủ bình nước sạch, bình nước rửa chân; sau đó đốt đèn, chuẩn bị đầy đủ xá-la. nếu các Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi không biết, vị Thượng tọa nên dạy bảo. Nếu Thượng tọa không dạy bảo phạm đột-cát-la. Các Tỳ-kheo-ni trẻ không nghe lời Thượng tọa cũng phạm đột-cát-la. Lúc kết thúc cũng giống lúc tăng nhóm họp. Các Tỳ-kheo ni ngồi gần nhau nên kiểm soát lẫn nhau, để biết có đến hay không đến. Trước bạch, sau đó thuyết giới. nghi thức bạch, v.v...... đầy đủ như trong giới kinh.

Pháp nói thanh tịnh:

Nếu vào ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu Tỳ-kheo-ni cựu trụ muốn thuyết giới, có Tỳ-kheo-ni khách đến, hoặc đã thuyết giới xong, có ít hoặc nhiều Tỳ-kheo ni khách đến thì nên theo Tỳ-kheo-ni cựu trụ thuyết giới lại. Không như vậy thì đúng như pháp mà trị. Nếu Tỳ-kheo-ni khách đông, thì Tỳ-kheo-ni cựu trụ nên cầu khách hòa hợp. Nếu không được, thì Tỳ-kheo-ni cựu trụ nên ra ngoài giới thuyết giới. Nếu Tỳ-kheo-ni cựu trụ đã thuyết giới rồi, Tỳ-kheo-ni khách đến muốn thuyết giới, hoặc ít hoặc nhiều, nên cầu Tỳ-kheo-ni cựu trụ hòa hợp. Nếu không được, thì Tỳ-kheo-ni khách nên ra ngoài giới thuyết giới. nếu Tỳ-kheo ni khách nhiều, thì Tỳ-kheo-ni cựu trụ nên theo Tỳ-kheo-ni khách mà thuyết giới lại. Không làm như vậy thì đúng như pháp mà trị. Nếu cùng ngày mà khác lúc, Tỳ-kheo-ni cựu trụ nhóm họp đã nói bài tựa rồi, khách Tỳ-kheo ni đến ít nên nói thanh tịnh, nói như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ni...... thanh tịnh.

Thưa như vậy rồi, nên theo thứ lớp ngồi nghe. Nếu đã nói giới xong, toàn bộ chúng chưa đứng dậy, hoặc phần nhiều chưa đứng dậy, hoặc tất cả đều đứng dậy, Tỳ-kheo-ni khách cũng nên nói thanh tịnh, không như vậy thì đúng như pháp mà trị. Nếu nói bài tựa xong, Tỳ-kheo-ni khách đến đông, Tỳ-kheo-ni cựu trụ phải vì họ mà tụng lại. Không như vậy thì đúng như pháp mà trị. Nếu thuyết giới xong, toàn bộ chúng chưa đứng dậy, hoặc phần nhiều đứng dậy, hoặc tất cả đều đứng dậy, Tỳ-kheo-ni cựu trụ cũng nên vì họ thuyết lại. Nếu Tỳ-kheo-ni khách nhóm họp, đã nói bài tựa, v.v... Tỳ-kheo-ni cựu trụ đến cũng như vậy.

Pháp lược thuyết giới:

Luật nói: Nếu có tám nạn và các duyên khác, cho phép thuyết giới lược bớt. Tám nạn là: nạn vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn bệnh,

nạn người, nạn chẳng phải người, và nạn thú dữ. Duyên khác là: hoặc đại chúng nhóm hợp mà giường ghế thiếu, hoặc chúng có nhiều người bệnh. Cho phép lược thuyết giới. Nếu có đại chúng nhóm hợp, chỗ ngồi che không kín mà trời lại mưa. Hoặc bố tát nhiều đêm đã lâu; hoặc việc tranh cãi; hoặc luận A-tỳ-đàm, Tỳ-ni; hoặc ban đêm nói pháp nghe đã lâu; tất cả chúng chưa đứng dậy, tướng sáng chưa xuất hiện, nên làm yết-ma nói giới. Lại nữa, không có phương tiện có thể được ngủ đêm. Thọ dục thanh tịnh, lược bỏ tiền phương tiện, giống như pháp đầy đủ, tùy theo việc nạn xa hay gần. Nếu nói bài tựa của giới, hỏi thanh tịnh rồi, nạn đến thì nên thưa:

- Thưa các Đại tỷ! Đây là tám pháp Ba-la-di chúng tăng thường nghe, cho đến một trăm pháp chúng học cũng vậy, từ bảy pháp diệt tránh về sau theo văn tụng rộng, nếu nạn duyên ép ngặt, chưa kịp nói bài tựa, vì duyên này cũng nên đi).

Pháp đối thú thuyết giới:

Nếu có ba người, mỗi người hướng về nhau, nói như sau:

- Thưa hai Đại tỷ nhớ nghĩ cho, nay ngày mười lăm tăng thuyết giới, tôi là Tỳ-kheo ni...... thanh tịnh (nói ba lần). Nếu có hai người cũng nói như vậy.

Pháp tâm niệm thuyết giới:

Nếu ở một mình nên nghĩ rằng: Hôm nay, ngày mười lăm tăng thuyết giới, tôi là Tỳ-kheo ni...... thanh tịnh (nói ba lần).

Pháp thêm bớt ngày thuyết giới:

Nếu có Tỳ-kheo-ni ưa thích tranh chấp, mắng nhiếc, hủy báng lẫn nhau, miệng nói ra những lời ác độc. Họ muốn đến chỗ nói giới này, thì nên thực hành hai, ba lần bố-tát. Nếu đúng ngày mười lăm thuyết giới thì nên thực hành vào ngày mười bốn. Nếu đúng ngày mười bốn thuyết giới thì nên thực hành vào ngày mười ba. Nếu nghe ngày nay họ đến thì phải mau chóng nhóm họp chúng bố tát. Nếu nghe đã vào giới rồi thì nên ra ngoài giới nói giới. Nếu được như thế thì tốt. Nếu không thì chúng Tỳ-kheo ni nên tác bạch lùi lại ngày thuyết giới. Tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng nay không thuyết giới, đến ngày mười lăm tháng không tăng sẽ thuyết giới, (tác bạch như thế).

Nếu Tỳ-kheo-ni khách không đi, nên tác bạch lần thứ hai lùi lại ngày thuyết giới, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng nay không thuyết giới, đến ngày mười lăm tháng có trăng sẽ thuyết giới, (tác bạch như thế).

Nếu Tỳ-kheo-ni khách không đi, đến tháng có trăng thì Tỳ-kheo-ni cựu trụ nên đúng như pháp gượng cho Tỳ-kheo-ni khách hỏi đáp.

Pháp phi thời hòa hợp:

Nếu vì việc nêu tội có sự tranh cãi, thì sẽ không hòa hợp, riêng bộ thuyết giới. Nếu họ sám hối, sửa đổi lỗi lầm đến tăng xin giải, giải rồi thì bạch yết-ma, hòa hợp bố-tát. Nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, vì việc kia khiến tăng tranh cãi, hủy báng nhau, tranh hơn thua, khiến tăng bị phá hoại, khiến tăng ở riêng, khiến tăng bị bụi nhơ. Tăng đã nêu tội người đó rồi, lại giải tội cho họ rồi, dứt sạch sự dơ bẩn cho tăng. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng hòa hợp bố-tát, (tác bạch như thế).

Tác bạch rồi hòa hợp bố-tát.

Pháp phi thời nói giới:

Nếu vì việc tranh cãi khiến tăng không hòa hợp, tăng chia riêng thành hai bộ khác nhau. Nếu sửa đổi sám hối không nêu tội nhau, phát khởi như thế gọi là vì pháp hòa hợp, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, chúng tăng vì việc tranh cãi, khiến tăng tranh cãi không hòa hợp, chúng tăng bị phá hoại, khiến tăng dơ bẩn, khiến tăng chia thành hai bộ riêng. Người kia tự biết mình phạm tội, nay sửa đổi sám hối, dứt sạch sự dơ bẩn của tăng. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng chấp thuận, tăng hòa hợp thuyết giới, (tác bạch như thế).

Tác bạch rồi, sau đó hòa hợp thuyết giới.

THIÊN THỨ SÁU: AN CƯ

Pháp Đối thú:

Trong tất cả mùa xuân, hạ, đông, các Tỳ-kheo-ni không được đi trong nhân gian. Từ nay về sau, cho an cư ba tháng hạ, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo ni...... nương tăng-

già-lam...... (hoặc ở trong thôn xóm thì nói) thôn...... (hoặc tại phòng riêng thì nói) phòng...... tiền an cư ba tháng, phòng xá hư hoại tự sửa lại (nói ba lần). Vì Tỳ-kheo-ni phải nương Tỳ-kheo luật để an cư nên hỏi rằng:

- Cô nương vị trì luật nào?

Người kia đáp: Nương Luật sư mỗ v.v....

Lại nói: Có gì nghi ngờ nên đến hỏi.

- "vâng!"

Pháp hậu an cư ba tháng cũng như vậy. An cư có hai thứ: Tiền an cư và hậu an cư. Nếu ở tiền an cư thì đủ ba tháng của mùa hạ, nếu ở hậu an cử thì tùy theo an cư sau mấy ngày phải ở cho đủ chín mươi ngày mới giải hạ.

Pháp tâm niệm:

Luật nói: Từ nay nếu chỗ không có người để nương, thì cho phép tâm niệm an cư. Tác pháp giống như phần trên, chỉ trừ câu đầu và phần hỏi đáp ở sau, cũng nói ba lần.

Pháp vì quên mà thành an cư:

Nếu có trụ xứ muốn an cư, mà không có người để nương, tự mình quên không tâm niệm, chẳng biết có thành hay không? Phật dạy: Nếu vì an cư mà đến thì thành an cư.

Pháp cập giới:

Nếu đến chỗ an cư muốn an cư, vào nội giới thì tướng sáng xuất hiện, người đó nghi ngờ, chẳng biết có thành an cư không? Phật dạy: Nếu vì an cư mà đến thì thành an cư.

Kế đến, vào đến vườn chùa cũng vậy, hoặc một chân trong giới một chân trong vườn cũng vậy.

THIÊN THỨ BẢY: THỌ NHẬT

Pháp đối thú:

Nếu có việc Phật, Pháp, Tăng, đàn-việt, cha mẹ v.v... xin sám hối, bị bệnh, nuôi bệnh, tìm đồng nghiệp không thể trở về trong ngày được. cho phép thọ pháp bảy ngày để đi, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo-ni...... thọ pháp ra ngoài giới bảy ngày, vì việc...... xong việc sẽ trở về đây an cư. Xin thưa cho Đại tỷ biết (nói ba lần). Không nên vì việc ăn uống mà đi.

Pháp yết-ma:

Vì duyên trước đi xe bảy ngày, thì không trở lại kịp. Phật dạy: Có việc như vậy, cho thọ pháp hơn bảy ngày, hoặc mười lăm ngày, hoặc một tháng, nên bạch hai lần yết-ma như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng một lòng nhớ nghĩ, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... thọ pháp hơn bảy ngày (hoặc mười lăm ngày, một tháng), vì việc......, xong rồi sẽ trở về đây an cư, tác bạch như thế

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... thọ pháp ra ngoài giới hơn bảy ngày (hoặc mười lăm ngày, một tháng), vì việc......, xong rồi sẽ trở về đây an cư thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ni...... thọ pháp ra ngoài giới hơn bảy ngày (hoặc mười lăm ngày, một tháng), vì việc......, xong rồi sẽ trở về đây an cư, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

THIÊN THỨ TÁM: TỰ TỨ

Pháp sai sứ Tỳ-kheo ni đến trong tăng nói tự tứ:

Đức Thế tôn cho phép Tỳ-kheo ni hạ an cư xong đến trước Tỳ-kheo tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi. Cho phép bạch hai lần yết-ma để sai Tỳ-kheo-ni đến trước Tỳ-kheo tăng. Nên tác bạch sai như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng sai Tỳ-kheo ni...... vì Tỳ-kheo-ni tăng đến trước Đại tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... vì Tỳ-kheo-ni tăng đến trong Đại tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi. Đại tỷ nào bằng lòng, cho tăng sai Tỳ-kheo ni...... vì Tỳ-kheo-ni tăng đến trong Đại tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo-ni...... vì Tỳ-kheo-ni tăng đến trong Đại tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

(Tỳ-kheo-ni kia đi một mình không có người bảo vệ, Phật cho phép sai hai, ba Tỳ-kheo ni đi theo để làm bạn).

Pháp sứ Tỳ-kheo-ni đối trước tăng nói tự tứ:

Sứ Tỳ-kheo-ni đến trước Tỳ-kheo tăng đảnh lễ tăng rồi, chấp khom mình cúi đầu chấp tay, tác bạch như vầy:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni tăng ở trú xứ...... hạ an cư xong. Tỳ-kheo tăng cũng hạ an cư xong. Tỳ-kheo-ni tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi. (546) Xin Đại đức thương xót chỉ cho con. Nếu con thấy tội sẽ đúng như pháp mà sám hối (nói ba lần).

Sứ Tỳ-kheo-ni đảnh lễ tăng rồi, trở về bản tự, đánh kiền-chùy nhóm chúng Tỳ-kheo-ni. Sứ Tỳ-kheo ni thưa: Tăng chúng không đến, căn dặn chúng ni rằng: Chúng Đại đức tăng không thấy chúng Đại đức ni có "thấy tội, văn tội, nghi tội" đáng nêu tội. Nói với chúng Tỳ-kheo ni như pháp tự tứ, cẩn thận chớ buông lung.

Lúc sứ Tỳ-kheo ni thưa, ni chúng đều chấp tay nói: Xin kính vâng thọ trì.

Nếu chúng Tỳ-kheo-ni tự tứ ngay ngày đó sợ chúng mỏi mệt, nên để ngày mai tự tứ. Nếu hai chúng bệnh, không đủ số, không hòa hợp, thì nên sai sứ thăm hỏi. Nếu không làm như thế thì phạm đột-cát-la.

Pháp lúc bạch tăng tự tứ:

Từ nay về sau, cho phép an cư xong tự tứ. Cho phép ngăn tự tứ không nên cầu thính. Vì sao? Vì tự tứ tức là cho phép, lại không biết ngày nay tự tứ hay ngày mai tự tứ. Phật dạy: Hoặc trước bữa ăn sáng, hoặc trước bữa ăn trưa, Vị Thượng tọa xướng rằng:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay vào ngày...... tháng...... năm ..... nhóm họp một chỗ để tự tứ.

(Các phép tắc khác cũng giống như thuyết giới).

Pháp sai người nhận tự tứ:

Luật nói: Cho phép bạch hai lần yết-ma đủ năm đức không ái, không sân giận, không sợ hãi, không si mê, và biết tự tứ rồi, hay chưa tự tứ. Nên bạch sai như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo ni...... làm người nhận tự tứ, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo ni...... làm người nhận tự tứ, Đại tỷ nào bằng lòng, tăng sai Tỳ-kheo ni...... làm người nhận tự tứ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo-ni...... làm người nhận tự tứ rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp bạch tự tứ:

Luật nói: Cho phép các Tỳ-kheo-ni ngồi gần nhau, nên biết người có đến trước không bạch, sau tự tứ. Tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ngày nay chúng tăng tự tứ, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng hòa hợp tự tứ, (tác bạch như thế).

Pháp tăng tự tứ:

Luật nói: Cho phép nói ba lần, từ từ rõ ràng để tự tứ. không được lật ngược y, y quấn cổ, v.v... nên vén y bày vai phải, v.v...... tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ, hôm nay chúng tăng tự tứ, tôi là Tỳ-kheo ni...... cũng tự tứ. Nếu thấy tội, nghe tội, nghi tội xin Đại tỷ thương xót chỉ bày cho tôi, nếu tôi thấy tội, sẽ đúng như pháp sám hối (nói ba lần).

Nếu Tỳ-kheo-ni bệnh, Phật cho phép, tùy theo sự an ổn của người bệnh mà tự tứ. Duyên nói thanh tịnh và pháp hoàn toàn giống như thuyết giới.

Pháp lược tự tứ:

Luật nói: Nếu có tám nạn và các duyện khác. Thì cho phép lược tự tứ. Nếu việc nạn còn xa cho phép được nói rộng thì nên nói rộng. Nếu việc nạn đã gần không thể nói ba lần, thì nên nói hai lần, nếu không thể nói hai lần thì nên nói một lần. Nếu không như thế thì đúng như pháp mà trị. Nếu việc nạn gần không thể nói một lần, nên tác bạch mọi người cùng nói ba lời tự tứ. Tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng nay mọi người cùng nói ba lời tự tứ, (tác bạch như thế).

Tác bạch như vậy rồi, mọi người cùng nói ba lời tự tứ, hai lời, một lời cũng giống như vậy. Nếu việc nạn quá ép ngặt, mọi người không thể nói ba lời tự tứ, cũng không bạch được, thì nên vì việc đó mà đi.

Pháp đối thú tự tứ:

Nếu có bốn vị mỗi vị đều hướng về nhau tác bạch như sau:

Thưa ba vị Đại tỷ nhớ nghĩ cho, ngày nay chúng tăng tự tứ. Tôi là Tỳ-kheo ni...... tự tứ thanh tịnh (nói ba lần,) nếu có ba vị, hai vị cũng như vậy.

Pháp tăng thêm ngày tự tứ:

Nếu có rất nhiều Tỳ-kheo-ni kiết hạ an cư, tinh chuyên hành đạo, chứng được quả tăng thượng, nghĩ rằng: "Ngày nay nếu chúng ta tự tứ sẽ dời đi ở trụ xứ khác, sợ không được an vui như thế, thì cho phép Tỳ-kheo-ni tác bạch tăng lên ngày tự tứ, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng ngày nay không tự tứ, bốn tháng xong sẽ tự tứ, (tác bạch như thế).

Tác bạch rồi đến bốn tháng xong tự tứ.

Pháp thêm bớt tự tứ:

Luật nói: Nếu ngày tự tứ nghe ở trụ xứ khác có các Tỳ-kheo-ni tranh cãi, không hòa hợp, muốn đến đây tự tứ. Tỳ-kheo ni ở đây nên bớt xuống hai, hoặc ba ngày để tự tứ. Nếu nghe họ đã vào trong giới, nên sửa soạn các dụng cụ tắm, gội đầy đủ cho họ, sửa soạn xong liền ra ngoài giới tự tứ. Nếu làm được như thế thì tốt, nếu không thì Tỳ-kheo-ni ở đây nên tác bạch tăng thêm ngày tự tứ. Tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng ngày nay tăng không tự tứ, đến ngày mười lăm tháng không trăng mới tự tứ, tác bạch như thế.

Tác bạch rồi tăng thêm ngày tự tứ. Nếu Tỳ-kheo-ni khách đến tháng không trăng, Tỳ-kheo-ni cựu trụ nên tác bạch tăng thêm lần thứ hai. Tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, ngày nay tăng không tự tứ, đến ngày mười lăm tháng có trăng sau sẽ tự tứ, (tác bạch như thế).

Nếu Tỳ-kheo-ni khách vẫn không đi, thì Tỳ-kheo-ni cựu trụ nên như pháp, như luật, bắt buộc hòa hợp tự tứ.

THIÊN THỨ CHÍN:
THỌ NHẬN THANH TỊNH Y BÁT, THUỐC MEN

Pháp thọ năm y:

Theo luật Thập Tụng chép:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo ni...... Đây là y tăng-già-lê (bao nhiêu) điều, (bao nhiêu) bức dài (bao nhiêu) bức ngắn. Con từ y cắt rọc này, nay xin xả (nói ba lần), rồi thọ y thứ hai, cũng y theo như vậy. Thọ y che vai nên nói:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, con là Tỳ-kheo ni...... Đây là y che vai xin thọ, dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi. Con xin trì y che vai này (nói ba lần). Thọ y quyết-tu-la nên nói:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo ni...... Đây là y quyết-tu-la xin thọ, dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi. Con xin thọ trì y quyết-tu-la này (nói ba lần).

Pháp xả năm y:

Nên ngược lại với pháp thọ, thưa rằng:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo-ni...... Đây là y Tăng-già-lê (bao nhiêu) điều, (bao nhiêu) bức dài (bao nhiêu) bức ngắn. Con từ y cắt rọc này, nay xin xả (nói ba lần).

Bốn y khác cũng giống như vậy, mỗi y đều nói ngược lại khi thọ, nên biết như vậy.

Pháp thọ Ni-sư-đàn:

Nên thưa:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo ni...... Ni-sư-đàn này là y giúp thân tôi xin thọ (nói ba lần).

Các y giúp thân khác, pháp thọ cũng giống như vậy. Lúc xả thì thưa ngược lại với pháp thọ, nên biết như vậy.

Pháp thọ bát:

Luật nói: Bát có hai loại: 1- Bằng đất; 2- Bằng sắt. Mầu: có hai thứ: mầu đỏ sậm và mầu đen, lớn: Đựng được ba đấu, nhỏ đựng được một thăng rưỡi. Bát như vậy nên trì, nên tịnh thí trì.

Luật Thập Tụng chép:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo ni...... Bát-đa-la này đúng lượng, xin được thọ để dùng lâu dài (nói ba lần).

Pháp xả ngược lại pháp thọ, nên biết vậy.

Pháp thọ mười sáu vật dụng:

Luật nói: Nếu trong ngày Tỳ-kheo-ni nhận được vật dùng, nên làm pháp thọ ngay ngày đó và nên dùng. Tất cả mười sáu cái, dư nên tịnh thí, hoặc cho người khác.

Mười sáu vật gồm: Nồi lớn và nắp; nồi nhỏ cũng như vậy, bình đựng nước và nắp; bình nước tắm cũng như vậy; bốn cái chậu và thìa, hai cái nhỏ, hai cái lớn.

Pháp thọ như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo ni...... vật dụng...... này là một trong mười sáu vật dụng, nay tôi xin thọ (nói ba lần).

Pháp thọ thuốc phi thời:

Luật nói: Cho uống tám thứ nước: nước lê, nước quả diêm-phù-đề, nước táo chua, nước mía, nước các trái cây xay mịn, nước xá-lâu-ca, nước ba-lâu-sư, nước nho. Nếu nước nho uống không say thì được tính vào nước uống phi thời. Nếu làm say người thì không nên uống. Nếu uống thì đúng như pháp mà trị. Trước phải nhận từ tay tịnh nhân, rồi đến Tỳ-kheo ni thưa như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo ni...... vì bị bệnh...... nước phi thời...... này để uống phi thời, nay đến Đại tỷ xin thọ (nói ba lần).

Thọ hai thứ thuốc khác giống như thuốc bảy ngày, nên nói:

- Vì ngủ chung bảy ngày mà uống.

Thuốc suốt đời nên nói:

- Vì suốt đời ngủ chung mà uống.

Thuốc bảy ngày như sữa v.v... Thuốc suốt đời như tất cả các thứ giấm, v.v... chẳng phải là thức ăn.

Pháp chân thật tịnh thí:

Nên thưa:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi có y dư này chưa tác tịnh, nay làm tác tịnh, con xin xả cho Đại tỷ, đó là chân thật tịnh thí.

Thực hành pháp chân thật tịnh thí rồi, nên hỏi thí chủ, sau đó được mặc, thuốc (thức ăn) trong bình bát và mười sau vật dùng cũng giống như vậy.

Pháp xoay vần tịnh thí:

Nên thưa:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, đây là y dư của tôi chưa tác tịnh, vì làm thanh tịnh nên bố thí cho Đại tỷ. Đây là xoay vần tịnh thí.

Người nhận tịnh thí kia nên nói:

- Đại tỷ! Cô có y dư nầy chưa tác tịnh, vì thanh tịnh nên thí cho tôi, nay tôi nhận y này. Nhận rồi nói:

- Cô bố thí y này cho ai?

Người ấy nên đáp:

- Thí cho người nào đó......

Người thọ tịnh thí nói:

- Đại tỷ! Y dư chưa tác tịnh ấy của cô, vì thanh tịnh nên bố thí cho tôi, nay tôi nhận.

Nhận rồi nói cô bố thí cho người nào đó......, y này người ấy đã có, cô vì người ấy khéo giữ gìn tùy nhân duyên mà lấy mặc.

Xoay vần tịnh thí rồi, hỏi, hoặc không hỏi thí chủ, cho phép tùy ý lấy mặc, thuốc trong bình bát và mười sáu vật dùng; Tác pháp cũng giống như vậy, chỉ có việc gọi tên là khác nhau.

■

NI YẾT-MA

QUYỂN TRUNG
(Xuất xứ từ Luật Tứ Phần)

THIÊN THỨ MƯỜI: NHIẾP VẬT

Pháp nhiếp thời hiện tiền bố thí:

Luật nói: từ nay về sau, tất cả các mùa Xuân, Hạ, Đông tìm cầu y hạ an cư. Lại nữa, không được an cư ở trú xứ này mà nhận phần y hạ an cư ở chỗ khác. Lại ở trụ xứ khác kiết hạ an cư rồi, lại đến trú xứ khác nữa, người đó không biết nhận vật an cư ở trụ xứ nào? Phật dạy: Cho phép nhận vật ở trụ xứ nào ở nhiều ngày. Nếu số ngày ở hai trú xứ bằng nhau, cho phép mỗi trú xứ nhận phân nửa. Lại nói: Chúng tăng được y hạ an cư, nhưng tăng không hòa hợp, chia làm hai bộ. Phật dạy: Nên chia theo số người nhiều ít của mỗi bộ. Chưa được y hạ an cư hoặc được y hạ an cư, tăng không hòa hợp, chia làm hai bộ cũng chia theo số người. Ở đây giống với thí hiện tiền, không có pháp chia đều nhau.

Pháp nhiếp vật cúng dường hiện tiền phi thời:

Tăng có (được) y cúng dường không biết làm sao? Phật dạy: Cho phép chia, nên chia theo số người nhiều ít. Nếu mười người thì chia làm mười phần, cho đến trăm người thì chia làm trăm phần, tốt xấu xem lẫn nhau mà chia; không được tự mình lấy phần, phải nhờ người khác lấy, không được tự mình rút thăm, phải nhờ người không thấy rút thăm. Ở đây chỉ tính theo số người, cũng không có pháp chia.

Pháp nhiếp vật cúng dường tăng đúng thời:

Nếu các cư sĩ cúng dường vật an cư không chọn trú xứ khác, tùy theo vật cúng dường nên chia. Đối với chỗ được vật có hạ an cư, người đi vắng không có mặt, thì khai cho dặn người khác nhận. Luật nói: Một Tỳ-kheo an cư được nhiều y vật hạ an cư của tăng hạ an cư. Vị Tỳ-kheo kia nên nghĩ: "Đây là vật của tôi". Pháp đối thú yết-ma này, y theo

giống như pháp vật cúng dường tăng phi thời, cho nên không nêu ra.

Pháp sai người chia vật cúng dường tăng phi thời:

Nếu có trụ xứ hiện tiền tăng được y vật để chia. Luật nói: Cho phép chia. Lúc chia, có Tỳ-kheo-ni khách đến, thường khiến cho việc chia y rất mỏi mệt, nên sai một người để chia y vật. Người được sai phải có đủ năm pháp, năm pháp như trên đã nêu. Nên tác bạch sai như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... vì tăng làm người chia vật, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... vì tăng làm người chia vật. Đại tỷ nào bằng lòng, cho tăng sai Tỳ-kheo-ni...... làm người chia vật cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo-ni...... làm người chia vật cho tăng rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Chia cháo, chia thức ăn khư-xà-ni (không phải thức ăn chính) cho tăng trong các bữa tiểu thực, cử người đi dự hội, trải đồ ngồi, chia đồ ngồi, chia y tắm, đáng cho đáng nhận nên sai Tỳ-kheo ni, v.v..., sai tất cả cũng như vậy.

Người có năm pháp làm người chia cháo cho tăng vào địa ngục nhanh như tên bắn. Đó là: Ái v.v... Người có năm pháp chia cháo cho tăng được sinh lên cõi trời thiên nhanh như tên bắn. Đó là không ái, v.v... Cho đến sai Sa-di-ni làm cũng như vậy.

Pháp giao phó vật cho người chia y:

Đã sai người rồi nên giao phó vật cho họ, tác bạch giao phó như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, y hoặc chẳng phải y của trụ xứ này, nên chia cho tăng hiện tiền. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng giao cho Tỳ-kheo-ni...... Tỳ-kheo-ni đó sẽ phân phát cho tăng, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, y hoặc chẳng phải y của trụ xứ này, nên chia cho tăng hiện tiền. Nay tăng giao cho Tỳ-kheo-ni...... Tỳ-kheo-ni đó sẽ phát cho tăng. Đại tỷ nào bằng lòng y hoặc chẳng phải y của trụ xứ này nên chia cho tăng hiện tiền, nay tăng giao cho Tỳ-kheo-ni...... Tỳ-kheo-ni đó sẽ phát cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Thực hành pháp này rồi, tính theo số người chia bằng nhau. Thức-xoa-ma-na và Sa-di ni nếu hòa hợp thì chia bằng nhau, nếu không hòa hợp thì hai phần chia cho một phần, nếu không hòa hợp thì ba phần cho một phần. Nếu người không đáng cho thì không nên chia. Người ở trong tăng-già-lam bốn phần chia cho một phần. Nếu người không đáng cho thì không nên chia.

Pháp bốn người trực tiếp nhiếp vật:

Nếu chỉ có bốn người thì không thành sai người nhận, mà giao phó trực tiếp pháp tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, y hoặc chẳng phải y của trụ xứ này, nên chia cho tăng hiện tiền. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng hiện tiền chia y vật này, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, y hoặc chẳng phải y của trụ xứ này, nên chia cho tăng hiện tiền. Nay tăng hiện tiền chia y vật này, Đại tỷ nào bằng lòng y hoặc chẳng phải y của trụ xứ này, nên chia cho tăng hiện tiền, nay tăng hiện tiền chia y vật nầy thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, nay tăng hiện tiền chia y vật nầy rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Làm yết-ma rồi, pháp chia như trước.

Pháp đối thú nhiếp vật:

Nếu có ba người, thì một người đối với hai người kia cùng nói ba lời để nhận, nên nói như sau:

- Thưa hai Đại tỷ nhớ nghĩ cho, y hoặc chẳng phải y của trụ xứ này, nên chia cho tăng hiện tiền. Trụ xứ này không có tăng, đây là phần của chúng tôi (nói ba lần).

Nếu có hai người cũng giống như vậy, pháp chia như trên.

Pháp tâm niệm nhiếp vật:

Nếu có một người thì nên tâm niệm nói:

Y hoặc chẳng phải y của trụ xứ này, nên chia cho tăng hiện tiền, trụ xứ này không có tăng, đây là phần của tôi (nói ba lần).

Cách chia như trước.

Pháp nhiếp vật được cúng dường của hai bộ:

Bấy giờ, có hai bộ tăng ở trụ xứ khác được nhiều y vật đáng chia.

Số Tỳ-kheo tăng nhiều, số Tỳ-kheo-ni lại ít. Phật dạy: Nên chia thành hai phần. Nếu phía ni chúng không có Tỳ-kheo-ni, chỉ có Thức-xoa-ma-na cũng chia làm hai phần, hoặc chúng chỉ có Sa-di-ni cũng chia làm hai phần. Nếu chúng không có Sa-di-ni thì tăng nên chia. Nếu số Tỳ-kheo ít, Tỳ-kheo-ni nhiều cũng chia làm hai phần. Nếu tăng chúng không có Tỳ-kheo, chỉ có Sa-di cũng chia làm hai phần. Nếu chúng không có Sa-di, thì Tỳ-kheo-ni nên chia.

Chia hai phần rồi, mỗi bộ trở về bản xứ, làm pháp yết-ma, hoặc ba pháp, để chia vật. Bấy giờ, tăng được vật cúng dường cũng giống như vậy. Hai bộ được vật cúng dường hiện tiền đều tùy theo số người mà chia.

Pháp nhiếp vật của Tỳ-kheo-ni đã qua đời:

Luật chép: Chia cho tăng ruộng vườn, cây quả; lại chia phòng riêng và các vật trong phòng riêng; lại chia bình đồng, chậu đồng, nồi chảo và các vật nặng; lại chia giường dây, giường cây, mền, chiếu, gối; lại chia y lê-diên-đà, kỳ-la, đệm; lại chia xe cộ, người giữ chùa; lại chia bình đựng nước, gàu múc nước tắm, tích trượng, quạt; lại chia các đồ vật làm bằng sắt, gỗ, đồ gốm, vỏ cây, trúc. Phật dạy: Không nên chia tài vật thuộc về tăng bốn phương. Đệm rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay, lông dài ba ngón tay, dao cạo tóc, y, bát, đồ ngồi, ống đựng kim, vải để gói các thứ, đồ vật để cất chứa, tăng hiện tiền nên chia. Trước phân biệt như vậy, sau mới tác pháp.

Pháp người nuôi bệnh đối với tăng xả vật:

Bấy giờ, người nuôi bệnh đem vật đến trong tăng, oai nghi đầy đủ xả rằng:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... ở đây (nếu ở chỗ khác qua đời thì nên nói người kia) qua đời. Tất cả y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, vải, đồ vật (ở đây tùy theo mười sáu vật hiện có để tác pháp, nếu có thiếu thứ nào nên trừ ra. Lại nữa, nếu vật có nhiều thứ giống nhau, ở đây nói nhiếp không hết thì nên nói y, hoặc chẳng phải y). Trụ xứ này nên chia cho tăng hiện tiền (nói ba lần).

Pháp thưởng vật cho người săn sóc bệnh:

Luật chép: Tăng hỏi người nuôi bệnh: Người bệnh có dặn dò gì không? Ai thiếu người bệnh vật gì? Người bệnh thiếu ai vật gì?

Có năm pháp nên thưởng vật cho người nuôi bệnh: 1- Biết những

thứ người bệnh ăn được, hoặc không ăn được. Những thứ ăn được thì cho người bệnh ăn; 2- Không nhờm gớm đồ đại tiểu tiện, đờm dãi của người bệnh; 3- Có tâm thương xót lo lắng cho người bệnh, không vì cơm áo; 4- Có khả năng lo lắng thuốc thang cho đến lúc người bệnh lành hoặc qua đời; 5- Nói pháp cho người bệnh nghe, giúp cho người bệnh vui vẻ, đối với pháp lành tăng thêm lợi ích. Người nuôi bệnh có năm pháp này, tăng nên lấy y vật, bát v.v... tùy theo những thứ hiện có mà thưởng cho người nuôi bệnh. Nếu không có thì không được lấy vật khác thay thế, nên bạch để thưởng như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... qua đời, tất cả y, bát, đồ ngồi, ống đựng kim, vải, đồ vật, tăng hiện tiền ở đây nên chia. Nay tăng cho Tỳ-kheo-ni...... nuôi bệnh. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ni...... nuôi bệnh y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, vải, đồ vật thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... nuôi bệnh y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, vải, đồ vật rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp sai người chia y:

Phải sai người có đủ năm tính chất tốt như trước, nên tác bạch sai như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo-ni...... làm người chia vật cho tăng, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... làm người chia vật cho tăng. Đại tỷ nào bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo-ni...... làm người chia vật cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ni...... làm người chia vật cho tăng rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp giao phó vật cho người chia y:

Sai rồi, nên giao phó như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... qua đời, tất cả y hoặc chẳng phải y, tăng hiện tiền ở đây nên chia. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng nay giao cho Tỳ-kheo-ni......, Tỳ-kheo ni...... đó sẽ chia lại cho tăng, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... qua đời, tất cả y

hoặc chẳng phải y, tăng hiện tiền ở đây nên chia, nay tăng giao cho Tỳ-kheo-ni......, Tỳ-kheo-ni...... đó sẽ chia lại cho tăng. Đại tỷ nào bằng lòng, Tỳ-kheo ni...... qua đời, tất cả y hoặc chẳng phải y, tăng hiện tiền ở đây nên chia, (548) nay tăng giao cho Tỳ-kheo-ni......, Tỳ-kheo ni...... đó sẽ chia lại cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giao cho Tỳ-kheo ni......, Tỳ-kheo ni...... đó sẽ chia lại cho tăng rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp chia vật như trước.

Pháp bốn người trực tiếp nhận vật:

Vì không thành sai người, nên giao phó trực tiếp rằng:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... qua đời, tất cả y hoặc chẳng phải y, tăng hiện tiền ở đây nên chia. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng hiện tiền chia y vật này, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... qua đời, tất cả y hoặc chẳng phải y, tăng hiện tiền ở đây nên chia, nay tăng hiện tiền chia y vật này. Đại tỷ nào bằng lòng, Tỳ-kheo ni...... qua đời, tất cả y hoặc chẳng phải y, tăng hiện tiền ở đây nên chia. Nay tăng hiện tiền chia y vật này thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, nay tăng hiện tiền chia y vật này rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Tác yết-ma rồi, pháp chia như trước. Nếu có người săn sóc bệnh nên vấn hòa bằng miệng để thưởng cho họ.

Pháp đối thú nhiếp vật:

Nếu có ba vị, một vị đối với hai vị cùng nói ba lời để nhận. Nói như vầy:

- Thưa hai Đại tỷ nhớ nghĩ cho, Tỳ-kheo ni...... qua đời, tất cả y hoặc chẳng phải y, tăng hiện tiền ở đây nên chia. Trụ xứ này không có tăng, đây là phần của chúng tôi (nói ba lần).

Nếu có hai vị cũng vậy, pháp chia như trước. Nếu có người nuôi bệnh nên vấn hòa bằng miệng để thưởng cho họ.

Pháp tâm niệm nhiếp vật:

Nếu có một người nên tâm niệm:

Tỳ-kheo ni...... qua đời, tất cả y hoặc chẳng phải y, tăng hiện tiền

ở đây nên chia. Trụ xứ này không có tăng, đây là phần của tôi (nói ba lần).

Pháp chia như trước.

Pháp nhiếp vật không có trụ xứ:

Nếu có Tỳ-kheo-ni đi vào làng xóm không có trụ xứ rồi qua đời, không biết chia y bát của Tỳ-kheo ni này cho ai. Các Tỳ-kheo-ni bạch lên Đức Phật. Phật dạy:

- Chỗ kia nếu có Ưu-bà-tắc, người giữ vườn kính mến Phật pháp thì họ nên cất giữ. Nếu chỗ kia có năm chúng xuất gia, thì nên cho người đến trước. Nếu không có ai đến, thì nên đưa vào chùa gần đó.

THIÊN THỨ MƯỜI MỘT: Y CÔNG ĐỨC

Pháp bạch thọ y công đức:

Luật nói: Nếu được vải mới, hoặc y do đàn-việt cúng dường, hoặc y phẩn tảo, hoặc y mới, hoặc y cũ, y mới đã tác tịnh, hoặc đã giặt, giặt rồi khâu và tác tịnh. Y đó chẳng phải do tà mạng mà được, chẳng phải do gợi ý mà được, chẳng phải hiện tướng mà được. Y đó không để cách đêm, không phải y xả đọa, tác tịnh. Ngay vào ngày đem đếm, y đúng pháp may viền bốn bên, năm điều có mười bức, nếu số điều hơn cũng được thọ. Nên tự mình giặt, nhuộm trải ra để cắt may thành mười bức. May xong, Tỳ-kheo-ni nên vào trong tăng để thọ. Kinh như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, hôm nay chúng tăng thọ y công đức, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, chúng tăng hòa hợp thọ y công đức, tác bạch như thế.

Pháp sai người giữ y công đức:

Luật nói: Tăng nên hỏi vị nào có khả năng giữ y công đức. Nếu có người có khả năng giữ gìn. Thì tăng bạch hai lần yết-ma để sai người giữ y công đức. Nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo-ni...... giữ y công đức cho tăng tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo ni...... giữ y công đức cho tăng. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... giữ y công đức cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo-ni...... giữ y công đức cho tăng rồi.

Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp giao y công đức cho người giữ y công đức:

Sai rồi, tăng bạch hai lần yết-ma để giao y, nên tác bạch như vầy:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng trụ xứ này được y vật đáng chia, nên chia cho tăng hiện tiền. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo ni...... Tỳ-kheo ni này sẽ trì y này, vì tăng mà thọ làm y công đức, giữ ở trụ xứ này, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng ở trụ xứ này được y vật đáng chia, nên chia cho tăng hiện tiền. Nay tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo ni......, Tỳ-kheo-ni này sẽ trì y nầy, vì tăng mà thọ làm y công đức, giữ ở trụ xứ này. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng giao y này cho Tỳ-kheo-ni...... thọ làm y công đức thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giao y cho Tỳ-kheo ni...... rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp người giữ y công đức cầm y thọ trước tăng:

Vị Tỳ-kheo-ni giữ y nên đứng dậy cầm y, đến chỗ các Tỳ-kheo-ni đưa tay đụng y, trình bày rõ điều tướng của y, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, y này chúng tăng sẽ thọ làm y công đức; y này chúng tăng nay thọ làm y công đức, y này nay chúng tăng thọ làm y công đức rồi (nói ba lần).

Các Tỳ-kheo ni nên nói:

- Người thọ đã khéo thọ, trong đây các công đức có được đều có phần của ta.

Vị giữ y nên đáp: “Vâng”

- Như vậy thứ lớp cho đến vị Hạ tòa.

Thọ y rồi được năm việc: 1- Được chứa y dư; 2- Được ngủ lìa y; 3- Được ăn riêng chúng; 4- Được ăn nhiều lần; 5- Vào xóm làng không dặn Tỳ-kheo-ni khác.

Pháp sai người may y công đức:

Luật nói: Nếu được vải chưa may thành y, thì tăng nên bạch hai lần yết-ma, sai người may y công đức, nên bạch sai như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin

tăng bằng lòng, sai Tỳ-kheo ni...... may y công đức cho tăng (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... may y công đức cho tăng. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng sai Tỳ-kheo-ni...... may y công đức cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo-ni...... may y công đức cho tăng rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

(Tác pháp giống như trước).

Pháp xả y công đức:

Có Tỳ-kheo-ni không xả y công đức vì muốn được hưởng năm việc được dài lâu. Phật dạy: Không nên nghĩ như vậy, cho phép bốn tháng mùa đông xong, tăng nên xả y công đức, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, hôm nay chúng tăng xả y công đức. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho nay tăng hòa hợp xả y công đức, (tác bạch như thế).

Nếu không xả, quá giới hạn đã định của y công đức thì phạm đột-cát-la. Có tám duyên xả y công đức: 1- Đi; 2- Xong; 3- Chưa xong; 4- Mất; 5- Mất hy vọng; 6- Nghe; 7- Ra ngoài giới; 8- Cùng nhau ra ngoài giới.

THIÊN THỨ MƯỜI HAI: TRỪ TỘI

Cách trừ tội Ba-la-di:

Theo luật, sám hối có năm thứ: Có khi phạm tội tự tâm niệm sám hối; có khi phạm tội nhẹ hướng về người khác sám hối; phạm tội vừa hướng về người khác sám hối; phạm tội nặng hướng về người khác sám hối; có khi phạm tội không thể sám hối. Ở đây, tội không thể sám hối, đó là tội Ba-la-di. Phạm tội Ba-la-di thì không được sám hối. Đắc pháp có ba thứ: 1- Phạm che giấu cho yết-ma diệt tẫn; 2- Phạm không che giấu cho yết-ma suốt đời học hối; 3- Người học hối lại cho yết-ma diệt tẫn.

Pháp làm yết-ma diệt tẫn cho người phạm tội mà che giấu:

Nếu Tỳ-kheo ni phạm Ba-la-di che giấu, tăng cho làm pháp nêu tội, làm pháp ức niệm cho tội rồi, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội Ba-la-di...... Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng nay tăng cho

Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội Ba-la-di...... yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, không được làm việc chung, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này phạm tội Ba-la-di...... Nay tăng cho Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội Ba-la-di...... yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, làm việc chung. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ni...... này phạm tội Ba-la-di...... yết-ma diệt tẫn, không ở chung, làm việc chung thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội Ba-la-di...... yết-ma diệt tẫn, không ở chung làm việc chung rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp suốt đời học hối cho người phạm tội không che giấu:

Luật nói: Nếu Tỳ-kheo-ni chưa phạm Ba-la-di thì suốt đời không được phạm. Nếu Tỳ-kheo-ni đã phạm Ba-la-di thì hoàn toàn không có tâm che giấu, đúng như pháp sám hối, cho phép tăng cho Tỳ-kheo-ni đó yết-ma giới Ba-la-di. Tỳ-kheo ni nên đến trước tăng, oai nghi đầy đủ, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội Ba-la-di...... hoàn toàn không có tâm che giấu, nay tôi đến trước tăng xin giới Ba-la-di. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo ni...... giới Ba-la-di, xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên làm pháp cho như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này phạm tội Ba-la-di...... không có tâm che giấu, nay xin tăng giới Ba-la-di. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng nay tăng cho Tỳ-kheo ni...... giới Ba-la-di, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội Ba-la-di...... không có tâm che giấu, nay xin tăng giới Ba-la-di. Nay tăng cho Tỳ-kheo ni...... (phạm tội Ba-la-di) giới Ba-la-di. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... giới Ba-la-di thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. (ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... giới Ba-la-di rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Người kia được giới Ba-la-di rồi, suốt đời mọi việc đều thuận theo thực hành ba mươi lăm pháp: không được truyền giới cụ túc cho người; không được nhận y chỉ; không được nuôi chứa Sa-di-ni; không được nhận đi thỉnh giáo giới cho Tỳ-kheo-ni tăng, giả sử đã sai thì không

nên đi thỉnh; không được làm tri sự cho tăng sai; không được làm người xử đoán việc của tăng; không được nhận làm người đại diện cho tăng; không được sáng sớm vào xóm làng chiều tối mới về; nên gần gũi các Tỳ-kheo-ni; không được gần gũi ngoại đạo, người tại gia, nên thuận theo pháp Tỳ-kheo-ni; không được nói chuyện thế tục; không được ở trong chúng tụng luật, nếu không ai có khả năng tụng thì cho phép; không được phạm lại tội này; các tội khác cũng không được phạm, hoặc tội tương tự; hoặc tội tùng sinh; hoặc tội nặng như ở đây; không được ngăn yết-ma và làm vị yết-ma; không được nhận đồ ngồi, nước rửa chân, lau giày, guốc, đấm bóp thân thể và lễ bái, hoặc sự đưa rước chào hỏi của Tỳ-kheo-ni thanh tịnh; không được nhận y, bát do Tỳ-kheo ni thanh tịnh trao; không được nêu tội Tỳ-kheo-ni thanh tịnh; hoặc làm ức niệm; làm Tự ngôn trị; không được làm chứng việc của người khác; không được ngăn Tỳ-kheo-ni thanh tịnh thuyết giới, tự tứ; không được tranh luận với Tỳ-kheo-ni thanh tịnh. Tuy cho Tỳ-kheo-ni giới Ba-la-di nhưng lúc tăng thuyết giới và yết-ma, người đó đến hay không, chúng tăng cũng không phạm lỗi.

Pháp diệt tẫn cho người học hối phạm tội lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội được tăng cho giới Ba-la-di rồi mà pham lại, thì nên diệt tẫn và nêu tội, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội Ba-la-di không có tâm che giấu, đã đến trước tăng xin giới Ba-la-di. Tăng đã cho Tỳ-kheo ni...... giới Ba-la-di. Tỳ-kheo-ni này trong thời gian học hối, lại phạm tội Ba-la-di...... Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng. Nay tăng cho Tỳ-kheo ni...... lại phạm tội Ba-la-di...... yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, không làm việc chung, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này phạm tội Ba-la-di không có tâm che giấu, đã đến trước tăng xin giới Ba-la-di. Tăng đã cho Tỳ-kheo ni...... giới Ba-la-di. Tỳ-kheo-ni này trong thời gian học hối, lại phạm tội Ba-la-di...... Nay tăng cho Tỳ-kheo-ni...... lại phạm tội Ba-la-di...... yết-ma diệt tẫn, không ở chung, không làm việc chung. Đại tỷ nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo-ni...... lại phạm tội Ba-la-di...... yết-ma diệt tẫn, không ở chung, không làm việc chung thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... lại phạm tội Ba-la-di...... yết-ma diệt tẫn, không ở chung, không làm việc chung rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp dứt tội tăng tàn:

Yết-ma có ba: 1- Nửa tháng Ma-na-đỏa; 2- Trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa lại phạm thực hành nửa tháng Ma-na-đỏa bản nhật trị; 3- Xả tội chỉ được pháp vị có hai: 1- Được pháp phạm lại: yết-ma có ba; 2- Được pháp không phạm lại: yết-ma có hai.

Pháp cho nửa tháng Ma-na-đỏa:

Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội tăng tàn nên ở trong hai bộ tăng, mỗi bên đủ bốn vị, trong nửa tháng thực hành Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo ni đó nên đến trước tăng, quỳ gối chắp tay, xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... nay đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội tăng tàn...... Nay đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... Nay đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng cho Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. (ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp bạch tăng thực hành Ma-na-đỏa:

Tỳ-kheo-ni đó đắc pháp rồi, muốn thực hành Ma-na-đỏa, thì đến trước tăng đầy đủ oai nghi, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ni...... phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Nay tôi thực hành Ma-na-đỏa, xin tăng nhớ nghĩ cho tôi (nói ba lần).

Tỳ-kheo-ni kia bạch pháp hành rồi, thực hành đủ ba mươi lăm việc. Ba mươi lăm việc như đã nêu trên. Tỳ-kheo-ni đó đến chỗ Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, thực hành pháp đệ tử đối với Hòa-thượng. có tám việc mất đêm: 1-Đến chùa khác không bạch; 2- Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni

có khách đến không bạch; 3- Có việc ra ngoài giới không bạch; 4- Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đi bách bộ trong chùa không bạch; 5- Bị bệnh không nhờ người tin cậy bạch; 6- Hai, ba người ngủ chung một nhà; 7- Ở trụ xứ không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni; 8- Khi nửa tháng tăng thuyết giới không bạch. Đây là tám việc mất đêm, hễ trái bất cứ một việc nào thì mất một đêm, phạm tội đột-cát-la.

Pháp mỗi ngày bạch trong tăng:

Tỳ-kheo-ni thực hành Ma-na-đỏa này nên đến trước tăng, mỗi ngày bạch với tăng. Lúc bạch đầy đủ oai nghi, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho con là Tỳ-kheo ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Con là Tỳ-kheo ni...... thực hành Ma-na-đỏa, đã thực hành (bao nhiêu) ngày, chưa thực hành (bao nhiêu) ngày. Xin bạch Đại đức tăng biết cho, con thực hành Ma-na-đỏa.

(Nếu thuyết giới và đến chùa khác, v.v... tác bạch đại khái giống nhau nên biết).

Pháp bạch đình chỉ hành pháp Ma-na-đỏa:

Nếu đại chúng khó nhóm họp, hoặc không muốn thực hành, hoặc người kia tính tình yếu đuối, thường mắc cở thì Tỳ-kheo-ni kia nên đến một Tỳ-kheo hoặc một Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, đầy đủ oai nghi, bạch rằng:

- Bạch Đại đức (đối với Tỳ-kheo-ni nói: Bạch Đại tỷ), tôi là Tỳ-kheo-ni...... ngày nay tôi xin nghỉ thực hành pháp Ma-na-đỏa.

Pháp bạch thực hành Ma-na-đỏa:

Nếu lúc muốn hành, thì Tỳ-kheo ni phạm tội đến chỗ Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, đầy đủ oai nghi, bạch như sau:

- Bạch Đại đức (đối với Tỳ-kheo-ni nói: Bạch Đại tỷ), tôi là Tỳ-kheo ni...... ngày nay tôi xin thực hành pháp Ma-na-đỏa.

Bạch như vậy rồi, thực hành như trước.

Pháp thực hành Ma-na-đỏa xong, bạch tăng đình chỉ:

Nếu Tỳ-kheo-ni thực hành Ma-na-đỏa xong nên bạch với tăng. Tỳ-kheo-ni đó đến trước tăng đầy đủ oai nghi, bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Nay tôi thực hành Ma-na-đỏa

xong, xin tăng nhớ nghĩ cho (nói ba lần).

Pháp cho Ma-na-đỏa bản nhật trị:

Tỳ-kheo-ni trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa lại phạm nên cho pháp bản nhật trị. Tỳ-kheo-ni đó đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo ni...... trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... Nay đến trước tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni...... này trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... Nay đến trước tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo-ni...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo ni...... này trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... Nay đến trước tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa (550) tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cho Tỳ-kheo-ni...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo ni...... yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-

na-đỏa bản nhật trị rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp bạch thực hành, v.v... giống như trước, tác pháp phải đầy đủ oai nghi.

Pháp cho không hoại Ma-na-đỏa xả tội:

Pháp xả tội này có hai: 1- Pháp không hoại Ma-na-đỏa; 2- Pháp hoại Ma-na-đỏa. Pháp không hoại Ma-na-đỏa: Tỳ-kheo-ni thực hành Ma-na-đỏa xong, nên ở trước hai bộ tăng, mỗi bộ đủ hai mươi vị để xuất tội. Người kia đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, tác bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ni...... phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo-ni...... đã thực hành Ma-na-đỏa xong, nay đến trước tăng xin yết-ma xả tội, xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni...... này nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo ni...... này thực hành Ma-na-đỏa xong, nay đến trước tăng xin yết-ma xả tội. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni...... này nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni...... này đã thực hành Ma-na-đỏa xong, nay đến trước tăng xin yết-ma xả tội. Tăng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp cho hoại Ma-na-đỏa xả tội:

Người kia hoại Ma-na-đỏa, nhưng đã thực hành xong Ma-na-đỏa, đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội tăng tàn...... đã đến tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Tôi là Tỳ-kheo-ni...... trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... cũng đến trước tăng

xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cũng cho tôi yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tôi là Tỳ-kheo ni...... thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị rồi. Nay đến trước tăng xin yết-ma xả tội, xin tăng cho tôi yết-ma xả tội, xin thương xót tôi (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội tăng tàn...... đã đến tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, tăng đã cho Tỳ-kheo-ni...... này nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni...... này trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... cũng đến trước tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng cũng cho Tỳ-kheo-ni...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tỳ-kheo-ni...... này thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Nay đến trước tăng xin yết-ma xả tội. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội tăng tàn...... đã đến trước tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni...... này trong thời gian thực hành Ma-na-đỏa, lại phạm tội tăng tàn...... cũng đến trước tăng xin yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni...... này yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị. Tỳ-kheo-ni...... này thực hành yết-ma phạm tội trước, trong thời gian đó lại phạm tội tăng tàn...... nửa tháng Ma-na-đỏa và Ma-na-đỏa bản nhật trị xong. Nay đến trước tăng xin yết-ma xả tội. Tăng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... xả tội rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp trừ tội Thâu-lan-giá:

Theo đây, Thâu-lan-già có hai thứ: 1. Căn bản; 2. Tùng sinh. Trong hai loại này, thứ bậc sám hối có ba phẩm:

1- Phẩm thượng: Sám hối với đại chúng. Đó là các tội: chủ pháp luân tăng, trộm bốn tiền, giết người lành thuộc căn bản Thâu-lan-già. Sau phạm Ba-la-di quan trọng là thâu-lan-giá thuộc tùng sinh Thâu-lan-già.

2- Phẩm trung: Sám hối với số ít người. Đó là các tội: chủ pháp yết-ma tăng, bạn hoại pháp luân tăng, trộm hai, ba tiền thuộc căn bản Thâu-lan-già. Sau phạm Ba-la-di không quan trọng là Thâu-lan-già, sau phạm tăng tàn, quan trọng là Thâu-lan-già thuộc tùng sinh Thâu-lan-già.

3- Phẩm hạ: Sám hối với một người, đó là các tội: cạo lông, lõa hình, chứa da người, bát đá, ăn máu thịt sống, mặc y ngoại đạo, trộm một tiền thuộc căn bản Thâu-lan-già. Sau phạm tăng tàn, quan trọng là Thâu-lan-già thuộc tùng sinh Thâu-lan-già.

Pháp đối trước tăng xin sám hối:

Tức là Tỳ-kheo-ni phạm tội Thâu-lan-già thượng phẩm, nên sám hối trước tăng. Tỳ-kheo-ni kia đến trong tăng, đầy đủ oai nghi xin sám hối như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội thâu-lan-giá...... nay đến trước tăng xin sám hối, xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... sám hối, xin thương xót tôi (nói ba lần).

Pháp thỉnh chủ sám hối:

Người muốn sám hối nên đến trước tăng, thỉnh một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh làm chủ sám hối. Không được sám hối với người phạm tội. Người phạm tội không được nhận người khác sám hối. Tỳ-kheo-ni kia đến nên đến chỗ Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, nếu tất cả tăng đều phạm, thì không được sám hối với họ. Nếu có Tỳ-kheo-ni khách đến, họ thanh tịnh, thì nên đến họ xin sám hối. Nếu không có Tỳ-kheo-ni khách đến thì nên sai hai, ba người đến trong chúng thanh tịnh gần đó để sám hối. Các Tỳ-kheo-ni này sám hối xong nên trở về trụ xứ. Các Tỳ-kheo-ni ở trụ xứ này nên hướng về các Tỳ-kheo-ni thanh tịnh này mà sám hối, đầy đủ oai nghi, thỉnh như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội Thâu-lan-già...... nay thỉnh Đại tỷ làm chủ sám hối, xin Đại tỷ vì tôi làm chủ sám hối, xin thương xót tôi (nói ba lần).

Pháp bạch tăng nhận làm chủ sám hối:

Người nhận làm chủ sám hối không được hứa ngay, mà nên bạch với tăng, bạch rằng:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội Thâu-lan-già...... nay đến trước tăng xin sám hối. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng, tăng bằng lòng cho tôi nhận sám hối của Tỳ-kheo-ni......, tác bạch như thế.

(Tác bạch rồi bèn đáp: “Được”).

Pháp chánh sám hối:

Người sám hối, trước sám hối các tội che giấu. Pháp sám hối như sau, sau đó trừ tội căn bản, nên bạch rằng:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phạm tội Thâu-lan-già...... nay đến Đại tỷ xin sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối thì lo buồn, nhớ nghĩ mình phạm nên phát lồ, biết mà không che giấu. Xin Đại tỷ nhớ cho tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh bố-tát (nói như vậy ba lần), vị chủ sám hối bảo rằng:

- Cô nên tự trách tâm mình, nên sinh nhàm chán, xa lìa.

Người sám hối đáp: Xin vâng!

Pháp đối với ba Tỳ-kheo-ni sám hối:

Tức là tội Thâu-lan-già trung phẩm, đối với số ít người sám hối. Tỳ-kheo ni kia nên đến chỗ ba Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, (551) thỉnh một vị làm chủ sám hối, phảp thỉnh như trên. Người chủ sám hối nhận thỉnh rồi, không được hứa ngay, mà phải đổi thành đơn bạch, để hỏi người bên cạnh, nên hỏi hai vị Tỳ-kheo-ni kia rằng:

- Nếu hai Đại tỷ bằng lòng cho tôi nhận sám hối của Tỳ-kheo-ni...... thì tôi sẽ nhận.

Hai vị kia đáp: Được!

Vị chủ sám hối được hai Tỳ-kheo-ni kia bằng lòng, mới trả lời với người sám hối là: Được!

(Pháp sám hối như trên, vì chỉ cần sám hối với số ít người, nên đối với ba người sám hối. Đối với hai người sám hối cũng giống như vậy, chỉ có pháp xả đọa được dùng chung, đối với hai người làm pháp sám hối).

Pháp đối với một vị Tỳ-kheo-ni mà sám hối:

Tức là tội Thâu-lan-già hạ phẩm, sám hối với một vị Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni kia đến chỗ một Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, thỉnh làm chủ sám hối, pháp chánh sám hối hoàn toàn như trước, trừ hỏi người bên cạnh.

Pháp dứt trừ tội ba-dật-đề:

Theo đây thì tội có hai loại: 1- Ba mươi xả đọa; 2- Một trăm bảy mươi tám ba-dật-đề (đơn đọa), nhưng ba mươi xả đọa, lúc xả trừ hai vật báu, hoặc xả cho tăng, hoặc chúng nhiều người, hoặc một người, không được xả riêng chúng. Nếu xả không thành xả thì phạm đột-cát-la.

Pháp xả tài vật cho tăng:

Phạm y xả đọa phải xả, làm tịnh thí đưa cho người khác, may ba y. Y ba-lợi-ca-la nên hoại, nên đốt, hoặc dùng làm phi y, hoặc làm y đắp thường. Tỳ-kheo-ni kia đến trong tăng, đầy đủ oai nghi, bạch để xả như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm tội xả đọa, nay tôi xả cho tăng (nói một lần).

Pháp xả tội xin sám hối:

Người kia xả tài vật rồi, đến trước xin sám hối, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, con Tỳ-kheo-ni...... vì chứa y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm tội xả đọa. Y đó đã xả cho tăng, trong đây phạm nhiều (bao nhiều) tội ba-dật-đề, nay đến trước tăng xin sám hối. Xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... sám hối, xin thương xót cho (nói ba lần).

Ở đây sám hối với tăng, phép tắc giống như trước. Vì tội xả đọa này một người có thể phạm nhiều lần, làm pháp khó, nên nói lại đầy đủ.

Pháp thỉnh chủ sám hối:

Người muốn sám hối đến trước tăng, thỉnh một Tỳ-kheo-ni làm chủ sám hối. Người kia đến chỗ Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, đầy đủ oai nghi, thỉnh như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm tội xả đọa, y này xả cho tăng. Trong đây phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề (tội khác cũng theo tên mà nói), nay thỉnh Đại tỷ làm chủ

sám hối. Xin Đại tỷ vì tôi làm chủ sám hối, xin thương xót tôi (nói một lần).

Pháp bạch tăng nhận làm chủ sám hối:

Người nhận sám hối không được nhận ngay, nên bạch với tăng:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm tội xả đọa. Y này xả cho tăng, trong đây phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề (tội khác cũng theo loại mà nói), nay đến trước tăng xin sám hối. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tôi nhận làm chủ sám hối của Tỳ-kheo-ni...... tác bạch như thế.

Tác bạch như vậy rồi, mới đáp rằng: Được.

Pháp chánh sám hối:

Các tội trong đây đầu cuối khác nhau, gồm có mười hai loại, mỗi loại có ba tội.

1. Có ba tội: Đó là chứa y vật dư ba-dật-đề, căn bản xoay vần, và hai tội che giấu.

2. Có ba tội: Lúc tăng thuyết giới nói thanh tịnh phạm tội ba-dật-đề, và hai tội che giấu.

3. Có ba tội: Đối thú thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm tội ba-dật-đề, và hai tội che giấu.

4. Có ba tội: Lúc tăng tự tứ nói thanh tịnh phạm tội ba-dật-đề, và hai tội che giấu.

5. Có ba tội: Đối thú tự tứ tự nói thanh tịnh phạm tội ba-dật-đề, và hai tội che giấu.

6. Có ba tội: Tự mình có tội thuyết giới cho chúng tăng, phạm đột-cát-la, và hai tội che giấu.

7. Có ba tội: Tự mình có phạm không cùng nghe giới phạm đột-cát-la, và hai tội che giấu.

8. Có ba tội: Lúc tăng thuyết giới hai chỗ, ba lần hỏi im lặng, mắc tội nói dối ngữ phạm đột-cát-la, và hai tội che giấu.

9. Có ba tội: Tâm niệm thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm đột-cát-la, và hai tội che giấu.

10. Có ba tội: Tâm niệm tự tứ tự nói thanh tịnh phạm đột-cát-la, và hai tội che giấu.

11. Có ba tội: Tự mình có tội nhận sám hối của người khác, phạm đột-cát-la, và hai tội che giấu.

12. Có ba tội: Mặc y xả đọa phạm đột-cát-la, và hai tội che giấu.

Ba tội trong mười hai loại này, lúc sám hối đều duyên theo đó để biết đủ, thiếu. Theo văn, chánh giải sám hối có khai ra ba loại:

1. Cùng sám hối hai mươi bốn tội che giấu: Đó là trừ tội chứa y vật dư cho đến tội mười hai là mặc dùng y xả đọa, che giấu và tùy theo che giấu, hai tội đột-cát-la, vì các tội này chủng loại giống nhau.

2. Cùng sám hối bảy tội đột-cát-la không nên thuyết giới, vì bảy loại này giống nhau.

3. Cùng sám hối năm tội ba-dật-đề như chứa y dư, v.v...

Pháp sám hối hai mươi bốn tội che giấu:

Thực hành pháp sám hối này, phải đầy đủ oai nghi, chí thành, tha thiết, hết lòng hổ thẹn, không bao giờ tiếp diễn. Xin thỉnh chứng minh chung chung thì tội nhẹ chắc chắn không thể dứt trừ, nên bạch xin như sau:

- Tôi là Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm nhiều (bao nhiêu) tội Ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Đã phạm tội này, lúc tăng thuyết giới nói thanh tịnh nên phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Lúc tăng tự tứ nói thanh tịnh nên phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Tự mình có tội vì chúng thuyết giới nên phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tự mình có tội không cùng nghe giới nên phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Lúc tăng thuyết giới hai chỗ ba lần hỏi nên phạm nhiều (bao nhiêu) vì im lặng mắc tội nói dối phạm đột-cát-la. Tâm niệm thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tâm niệm tự tứ tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tự mình có tội nhận sám hối của người phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Mặc y xả đọa phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Các tội này đều biết, không phát lồ để ngủ qua đêm, phạm tội đột-cát-la che giấu. Không nhớ số (biết số nên nói biết), trải qua hai đêm rồi đi, lại phạm tội xoay vần đột-cát-la che giấu. Không nhớ số (biết số thì nói), nay tôi xin sám hối không dám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối thì lo buồn. Nhớ mình phạm tội phát lộ, biết mà không che giấu, nay tôi tự trách tâm sinh nhàm chán xa lìa.

(Nói một lần, tuy nói trách tâm, nhưng phải trình bày đầy đủ).

Pháp sám hối bảy tội đột-cát-la không được thuyết giới:

Người phạm tội phải đầy đủ oai nghi, tha thiết chí thành, thỉnh

chứng minh như trước. Nên bạch như sau:

- Tôi là Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm nhiều (bao nhiêu) tội Ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Đã phạm tội này, vì tăng thuyết giới nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tự thân có tội không được cùng nghe giới phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Lúc tăng thuyết giới hai chỗ ba lần hỏi phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la là im lặng nói dối. Tâm niệm thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tâm niệm tự tứ tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Tự mình có tội nhận sám hối của người phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Mặc y xả đọa phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Nay con xin sám hối các tội giống như trước.

Pháp sám hối năm tội ba-dật-đề như chứa y dư, v.v...:

Người phạm tội phải chí thành, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm tội xả đọa. Y đó đã xả cho tăng. Trong đây phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Đã phạm tội này, lúc tăng thuyết giới nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Đối thú thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Lúc tăng tự tứ nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Đối thú tự tứ tự nói thanh tịnh phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề. Nay đến trước đại tỷ xin sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối thì lo buồn. Nhớ phạm tội phát lồ, biết mà không che giấu. Xin Đại tỷ nhớ nghĩ con thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh bố-tát (nói ba lần).

Người nhận sám hối nên nói:

- Cô nên tự trách tâm mình, nên sinh nhàm chán, xa lìa.

Người sám hối đáp:

- Xin vâng!

Nếu vật xả đọa rồi, được dùng cho đến hư. Tội ba-dật-đề tuy không xả tài vật giống như tội trước, nhưng cũng nên duyên theo từng việc để biết đầy đủ thay thiếu sót và sám hối như trên.

Pháp chuyển giao y lại tại chỗ:

Nếu chúng tăng nhiều khó nhóm họp, Tỳ-kheo-ni này có duyên sự muốn đi xa. Vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh nên hỏi: “Y nầy cô cho ai?” Hễ người kia nói, cho ai thì cho người ấy, nên bạch cho như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho tăng. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng đem y này cho Tỳ-kheo ni...... kia. Tỳ-kheo-ni kia sẽ trả lại cho Tỳ-kheo-ni này, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho tăng, tăng đem y này cho Tỳ-kheo-ni kia. Tỳ-kheo-ni kia sẽ trả lại cho Tỳ-kheo-ni này. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng đem y này cho Tỳ-kheo-ni kia, Tỳ-kheo ni kia sẽ trả lại cho Tỳ-kheo-ni này thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni kia rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Y một tháng, y thí gấp quá hạn, phần sau chứa mười sáu vật như bát dư, thuốc, v.v... đều giống như vậy, chỉ nêu việc khác mà thôi.

Pháp để qua đêm trả lại:

Nếu không có duyên trên, thì phải để qua đêm rồi yết-ma trả lại cho chủ. Y một tháng v.v... cũng cũng vậy. Trừ những vật này, còn vật khác trải lại tại chỗ. Hai pháp trải lại vật giống nhau, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm xả đọa, y này đã xả cho tăng. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo-ni...... tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... vì chứa nhiều (bao nhiêu) y dư (các vật khác tùy theo loại mà nói) hơn mười ngày, phạm tội xả đọa, y này đã xả cho tăng, tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo-ni....... Đại tỷ nào bằng lòng, tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo-ni...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, trả lại y cho Tỳ-kheo-ni...... rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp không trả lại vật:

Tỳ-kheo-ni phạm tội ở trước tăng xả y rồi. Người không trả y lại phạm đột-cát-la. Hoặc làm tịnh thí, hoặc đưa cho người, hoặc nay ba y, hoặc nay y ba-lợi-ca-la, hoặc làm cho hoại, hoặc đốt, hoặc may phi y,

hoặc thường mặc, tất cả đều phạm đột-cát-la.

Pháp sám hối xả đọa đối với ba vị Tỳ-kheo:

Vị Tỳ-kheo ni phạm tội nên đến chỗ ba vị Tỳ-kheo-ni, đầy đủ oai nghi, xin xả như sau:

- Bạch các Đại tỷ nhớ nghĩ cho, con Tỳ-kheo-ni...... vì chứa...... (các từ khác giống phần trên, chỉ không được gọi là Tăng (vì ba vị). Trong ba vị thỉnh một Tỳ-kheo-ni thanh tịnh làm chủ sám hối).

Lời thỉnh giống như trước, vị chủ sám hối nhận lời thỉnh, không được hứa ngay, phải đơn bạch hỏi người bên cạnh. Hỏi hai vị Tỳ-kheo-ni kia rằng:

- Nếu hai vị Đại tỷ cho tôi nhận sám hối của Tỳ-kheo-ni...... thì tôi sẽ nhận.

Hai vị Tỳ-kheo-ni đáp: Được!

Người chủ sám hối được cho phép rồi mới trả lời người sám hối rằng: Được!

Pháp chánh sám hối:

(Lời thỉnh chánh sám hối giống như trước).

Pháp trả lại y:

(Vấn hòa giống như trên).

Pháp không trả lại y:

(Kiết tội giống như trên). Nếu đối với hai Tỳ-kheo-ni, hoặc một Tỳ-kheo-ni sám hối xả đọa, hoàn toàn giống như ở đây. Trong phần đối với một người sám hối, thì trừ hỏi người bên cạnh.

Pháp xả xin bát:

Trong đây xả thì phải xả cho tăng, lại xả trụ xứ này, không xả ở trụ xứ khác. Xả và sám hối lời văn giống như trước.

Pháp trả lại bát:

Bát của Tỳ-kheo-ni nầy, nếu bát có giá trị, thì nên giữ lại, lấy bát xấu của vị hạ tọa đưa cho vị Tỳ-kheo-ni đó. Bạch hai lần yết-ma để trao bát.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này, bát hư chưa đủ năm lần nứt, lại tìm bát mới, phạm tội xả đọa, nay xả cho tăng. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng cho Tỳ-kheo ni...... này bát tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này, bát hư chưa đủ năm lần nứt, lại tìm bát mới, phạm tội xả đọa. Nay xả cho tăng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... nầy bát. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo ni...... này bát thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... này bát rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp bạch hành bát:

Bát của Tỳ-kheo-ni, nên tác bạch để thưa với tăng, bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, lấy bát này thứ lớp hỏi Thượng tọa, tác bạch như thế.

Tác bạch như thế rồi, nên lấy bát đưa cho vị Thượng tọa. Nếu vị Thượng tọa không nhận thì đưa cho vị Tỳ-kheo-ni kia. Vị Tỳ-kheo-ni kia nên nhận, không nên vì giữ gìn cho chúng tăng mà không nhận, cũng không nên vì việc này mà thọ trì bát của Hạ tọa, nếu thọ phạm đột-cát-la. Nếu Thượng tọa nhận, nên trao cho Thượng tọa, rồi lấy bát của Thượng tọa đưa cho thứ tọa. Nếu thứ tọa lấy giống Thượng tọa, thì cứ lầm lượt đổi cho đến vị Hạ tọa.

Pháp giao bát để giữ gìn:

Nếu trả bát của Tỳ-kheo-ni này lại cho Tỳ-kheo-ni này, hoặc đem, bát xấu của hạ tọa mà cho Tỳ-kheo-ni này, nên bạch hai lần yết-ma, bạch cho như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng. Nay tăng lấy bát của vị Hạ tọa (hoặc bát của Tỳ-kheo-ni này, nên nói: Nay tăng lấy bát của Tỳ-kheo-ni này cho Tỳ-kheo-ni...... thọ trì cho đến khi vỡ, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay tăng lấy (bát của hạ tọa, hoặc bát của Tỳ-kheo-ni này) cho Tỳ-kheo-ni...... thọ trì cho đến khi vỡ. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... bát thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... bát rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Vị Tỳ-kheo-ni giữ gìn bát này, không được để chỗ có ngói gạch rơi xuống; không được để dưới gậy, dao; không được treo dưới vật khác; không được để giữa đường đi, trên cục đá, dưới cây có trái và chỗ đất gập ghềnh; không được một tay cầm hai bát, trừ có ngón tay cách giữa

bát; không được một tay cầm hai bát mở cửa, trừ có dụng tâm; không được để dưới cửa lớn, bậc cửa, cửa sổ; không được để dưới giường dây, giường cây, để giữa giường, góc giường, trừ khi để tạm; không được dùng làm vật chứa lửa, cho đến rửa chân làm cho bát bị hư; không được cố y làm vỡ bát; không được cố ý làm nứt và cố ý làm mất để làm phi bát.

Pháp xả vật báu cho người thế tục:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cầm vàng, bạc, tiền hoặc bảo người cầm, hoặc dạy để dưới đất mà nhận, Tỳ-kheo-ni kia có người giữ vườn uy tín hoặc Ưu-bà-tắc, nên nói rằng: “Vật này chẳng phải của tôi, ông nên biết đó”.

(Tác pháp sám hối đối với một người giống như trên).

Pháp người thế tục trả lại vật:

Nếu người kia nhận, rồi trả lại cho Tỳ-kheo ni. Thì Tỳ-kheo-ni nên nghĩ là vật của người kia mà nhận. Nên dạy tịnh nhân thường cho. Nếu được y, bát, ống đựng kim, Ni-sư-đàn thanh tịnh, thì nên dổi mà thọ trì. Hoặc Ưu-bà-tắc lấy rồi, cúng dường y, bát, ống đựng kim, Ni-sư-đàn thanh tịnh cho Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo ni nên nhận và thọ trì.

Pháp người thế tục không trả lại vật báu:

Nếu người kia nhận rồi, không trả lại cho Tỳ-kheo-ni, nên bảo Tỳ-kheo-ni khác nói rằng: “Ông nên trả lại vật cho Tỳ-kheo-ni này”.

Nếu Tỳ-kheo-ni khác không nói, hoặc Tỳ-kheo-ni khác nói nhưng người kia không trả lại thì tự mình đến chỗ người kia nói rằng: ““Phật dạy Tỳ-kheo-ni tác tịnh, nên tôi đưa cho ông”, hoặc nói cho tăng, cho tháp, cho Hòa-thượng v.v... cho những người quen biết, hoặc trả lại cho chủ”. Vì sao? Vì không muốn làm mất vật của thí chủ.

Pháp tịnh thí vật báu:

Nhân đây nói về các nghi quỹ tịnh bảo, nếu theo bộ này, thì khai riêng cho Ưu-bà-tắc và người giữ vườn thân tín làm tịnh chủ. Tỳ-kheo-ni lấy vật báu đưa cho người kia, nói với họ rằng: “Vật này không phải y của tôi, ông nên biết như vậy, hoặc nói thấy đó, xem đó” hoặc là việc của Phật, Pháp, Tăng v.v..., lúc nhận nên nói tác tịnh, nói tịnh nên nói biết đó, xem đó. (Nếu Tỳ-kheo-ni không nói, thì người kia nói)” thấy đó xem đó, Tỳ-kheo-ni phạm đột-cát-la.

Nếu y cứ theo thuyết của Nhất Thiết Hữu bộ nói về pháp tịnh thí như trên và tất cả vật báu. Trước nên tìm một tịnh nhân biết pháp nói với họ, để họ hiểu ý mình, rồi nói rằng: "Theo pháp của Tỳ-kheo ni không được cất chứa tiền bạc vật báu; nay nhận đàn-việt làm người chủ tịnh thí. Sau này nếu được tiền bạc của báu, tất cả đều gởi cho đàn-việt".

Nếu người chủ tịnh thí chết, hoặc đến nước khác, nên tìm người chủ tịnh thí khác. Nhưng thuyết tịnh có hai loại: Hoặc người tại gia đem tiền bạc vật báu đến cúng dường, Tỳ-kheo-ni chỉ nói: "Vật bất tịnh này tôi không nên cất giữ, nếu vật thanh tịnh tôi mới nhận", tức là pháp thanh tịnh. Hoặc người tại gia nói cúng dường Tỳ-kheo-ni vật báu, Tỳ-kheo-ni nói: "Tôi không được cất chứa, nếu vật thanh tịnh thì mới nhận" (tức là tác tịnh, nếu người tại gia thay đổi lời nói, vật tịnh nên cất giữ; Tỳ-kheo-ni không thuyết tịnh thì để dưới đất mà đi. Nếu có Tỳ-kheo-ni khác nên hướng về vị đó thuyết tịnh, tùy theo cất giữ lâu mau, lời nói giống như ở trên).

Pháp sám hối một trăm bảy mươi tám tội ba-dật-đề:

Muốn trừ bản tội, thì trước sám hối bao nhiêu phẩm che giấu, y theo trước nên biết. Ở đây đối với một người cho sám hối riêng chúng. Pháp thỉnh chủ sám hối như trên; làm pháp thỉnh rồi, Tỳ-kheo-ni phạm tội nên đối trước chủ sám hối, mà sám hối như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo-ni...... cố nói dối, phạm nhiều (bao nhiêu) tội ba-dật-đề, (các tội khác tùy theo loại mà nói khác nhau), nay đến Đại tỷ xin sám hối không dám che giấu, v.v... giống như phần trên.

Pháp sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni:

Phẩm che giấu như trước, thỉnh sám chủ rồi, sám hối như sau:

- Bạch Đại tỷ một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo ni...... không bị bệnh, cố xin sữa ăn, phạm nhiều (bao nhiêu) tội Ba-la-đề-đề-xá-ni (các tội khác tùy theo loại mà nói khác nhau). Bạch Đại tỷ tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến Đại tỷ xin sám hối, không dám che giấu v.v... giống như phần trên (nói một lần).

Pháp sám hối tội đột-cát-la:

Tất cả tội đột-cát-la, bất luận là căn bản hay tùng sinh, cố làm hay lầm làm mà che giấu; số phẩm che giấu, tùy theo che giấu như trên,

sám hối cầu dứt trừ. Sám hối như sau:

- Tôi là Tỳ-kheo-ni...... cố ý mặc y Tăng-già-lê không ngay ngắn, phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la. Vì cố làm lại phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la phi oai nghi (hoặc phạm lầm, tức là không cố ý phạm tội phi oai nghi thì nên nói).

- Tôi là Tỳ-kheo-ni...... không cố ý mặc tăng-già-lê không ngay ngắn, phạm nhiều (bao nhiêu) tội đột-cát-la (các tội khác tùy theo loại mà nói khác nhau); nay tôi xin sám hối, không dám che giấu, v.v... giống như phần trên.

Pháp tất cả tăng cùng phạm biết tội phát lồ:

Theo luật, thì tăng nhóm họp một chỗ sắp thuyết giới, lúc sắp thuyết giới, tất cả chúng tăng đều phạm tội. Mỗi người nên nghĩ: "Đức Phật chế giới, người phạm tội không được thuyết giới, không được nghe giới, không được đến vị phạm tội sám hối, người phạm tội không được nhận người khác sám hối".

Tỳ-kheo-ni kia bạch rồi nên sám hối, như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ở đây tất cả chúng tăng đều phạm tội. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho tất cả tăng ở đây sám hối, tác bạch như thế.

Tác bạch như thế xong, sau đó mới nói giới.

Pháp một người biết tội phát lồ:

Tỳ-kheo-ni kheo phạm tội đến chỗ một Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, đầy đủ oai nghi thưa rằng:

- Thưa Đại tỷ nhớ nghĩ cho, tôi là (553) Tỳ-kheo-ni...... phạm tội...... (bao nhiêu). Nay đến Đại tỷ xin phát lồ, sau sẽ sám hối đúng như pháp.

(Nói một lần như vậy rồi, được nghe giới).

Pháp một người nghi tội phát lồ:

Tỳ-kheo-ni nghi tội đến chỗ một Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, đầy đủ oai nghi thưa như sau:

- Bạch Đại tỷ nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo-ni...... đối với việc phạm tội có nghi ngờ. Nay tôi đến Đại tỷ tự nói, khi không còn nghi tôi sẽ sám hối đúng như pháp.

(Nói một lần rồi, được nghe giới).

Pháp ngồi trong chỗ nói giới biết tội tâm niệm phát lồ:

Theo luật, lúc đang thuyết giới, có người phạm tội, bị người nêu tội hay không bị nêu tội, hoặc làm cho nhớ lại hay không làm cho nhớ lại. Người đó tự nhớ tội mà phát lồ. Tỳ-kheo-ni kia nên nói với người bên cạnh: “Thưa Đại tỷ, tôi phạm tội……, nay xin sám hối với Đại tỷ”. Người đó lại nghĩ: “Nếu ta nói với người bên cạnh, e rằng sẽ làm trong chúng tăng ồn ào, nói giới không thành”. Tỳ-kheo-ni kia nên tâm niệm rằng: “Tôi phạm tội, phải rời khỏi chỗ này, tôi sẽ sám hối đúng như pháp”. Nghĩ như thế, thì được nghe giới.

Pháp ngồi trong chỗ nói giới nghi tội tâm niệm phát lồ:

Duyên giống như trước, chỉ khác là nghi tội. Người kia tâm niệm rằng: “Tôi đối với tội…… có nghi ngờ, phải rời khỏi chỗ này, lúc không còn nghi, tôi sẽ sám hối đúng như pháp”.

Nghĩ như thế, thì được nghe giới.

THIÊN THỨ MƯỜI BA: TRỊ NGƯỜI

Pháp cho yết-ma-quở trách:

Theo luật có hai pháp, tăng nên cho làm yết-ma-quở trách. Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, cho đến nói, hay không nói cũng như vậy. Cho đến yết-ma nêu tội cũng như vậy. Lại có ba việc, tăng nên cho làm pháp yết-ma-quở trách. Đó là: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, cho đến yết-ma nêu tội cũng như vậy. Lại có Tỳ-kheo-ni tánh ưa gây gỗ, ưa mắng nhiếc nhau, miệng nói những lời ác độc, tranh chấp hơn thua. Lại có Tỳ-kheo-ni khác ưa gây gỗ, đến người kia xúi giục họ gây gỗ. Vì thế khiến tăng chưa xảy ra việc gây gỗ liền xảy ra việc gây gỗ; đã có việc gây gỗ thì không dứt trừ được. Cho phép tăng làm yết-ma-quở trách, nhóm họp tăng bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Nhóm tăng xong rồi, nêu tội, nêu tội rồi làm cho họ nhớ nghĩ; nhớ nghĩ rồi mới nêu tội; nêu tội rồi tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni…… này thích tranh chấp, mắng nhiếc. Miệng nói ra lời hung dữ, tranh đấu hơn thua. Các Tỳ-kheo-ni đấu tranh với nhau rồi, nếu có Tỳ-kheo-ni khác ưa đấu tranh lại đến xúi giục rằng: “Các cô có khả năng, không như bọn họ. Các cô học rộng, trí tuệ, giàu có cũng hơn họ, có nhiều bạn bè. Chúng tôi sẽ làm bạn với các cô”. Khiến cho tăng chưa xảy ra việc tranh cãi, sinh ra sự tranh cãi, đã có sự tranh cãi thì không dứt trừ được. Nếu thời giờ của

tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng vì Tỳ-kheo-ni...... làm pháp yết-ma-quở trách. Nếu sau này xảy ra sự tranh cãi trở lại, thì chúng tăng sẽ tăng thêm tội mà trị họ, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này ưa thích đấu tranh, mắng nhiếc. Miệng nói lời hung dữ, tranh nhau hơn thua. Các Tỳ-kheo-ni đấu tranh với nhau rồi, nếu có Tỳ-kheo-ni khác ưa đấu tranh lại đến xúi giục rằng: "Các cô có khả năng, không như bọn họ. Các cô học rộng, trí tuệ, giàu có cũng hơn họ, có nhiều bạn bè. Chúng tôi sẽ làm bạn với các cô". Khiến cho trong tăng chưa xảy ra việc tranh cãi, sinh sự tranh cãi, đã xảy ra việc tranh cãi thì không dứt trừ được. Tăng vì Tỳ-kheo-ni...... làm pháp yết-ma-quở trách. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni làm yết-ma-quở trách. Nếu sau này xảy ra việc tranh cãi trở lại, mắng nhiếc nhau, thì chúng tăng sẽ tăng thêm tội mà trị thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, vì Tỳ-kheo-ni...... làm pháp yết-ma-quở trách rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Người kia được pháp rồi, thực hành đầy đủ ba mươi lăm việc. Ba mươi lăm việc này đã nói đầy đủ trong phần trước.

Pháp giải yết-ma-quở trách:

Chúng tăng trong bữa ăn sáng, ăn trưa; hoặc thuyết giới; hoặc bố-tát. Người bị yết-ma-quở trách sửa sang y phục, cởi bỏ giày dép, quỳ thẳng chắp tay bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, xin đại tỷ nhận sự sám hối của con. Từ nay về sau con tự trách tâm, không bao giờ tái phạm.

Luật nói: Nếu người kia thuận theo chúng tăng, không có điều nào chống trái, mong được giải yết-ma-quở trách. Cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma giải cho họ. Tăng phải quán sát, có năm pháp vì họ giải yết-ma. Đó là: Trái với ba mươi lăm việc trên. Người bị yết-ma-quở trách nên đến trong tăng, đầy đủ oai nghi bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... tăng cho yết-ma-quở trách. Nay con thuận theo chúng tăng, không có điều nào chống trái, đến tăng xin giải yết-ma-quở trách. Xin tăng thương xót cho, vì con giải yết-ma-quở trách (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... bị tăng làm yết-ma-quở trách. Tỳ-kheo ni kia thuận theo chúng tăng, không có điều gì sai trái, đến tăng xin giải yết-ma-quở trách. Nếu thời giờ của tăng đã

đến xin tăng bằng lòng, giải yết-ma-quở trách cho Tỳ-kheo ni......, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... bị tăng làm yết-ma-quở trách. Tỳ-kheo-ni kia thuận theo chúng tăng, không có điều gì chống trái, đến tăng xin giải yết-ma-quở trách. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng giải yết-ma-quở trách cho Tỳ-kheo-ni...... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. (nói ba lần).

Tăng đã bằng lòng giải yết-ma-quở trách cho Tỳ-kheo ni...... rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp cho yết-ma tẫn xuất:

Luật nói: Tỳ-kheo ni làm hạnh xấu nhơ nhà người. Hạnh xấu là: Tỳ-kheo-ni tự trồng hoa, dạy người khác trồng, v.v... nhơ nhà người, gồm có bốn việc: 1- Nương nhà người làm nhơ nhà người; 2- Nương lợi dưỡng làm nhơ nhà người; 3- Nương người thân làm nhơ nhà người; 4- Nương Tăng-già-lam làm nhơ nhà người. Nếu Tỳ-kheo ni làm hạnh xấu nhơ nhà người, ai cũng thấy ai cũng nghe. Cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma tẫn xuất, văn tác bạch yết-ma và giải có nói rõ như trong luật.

Pháp cho yết-ma y chỉ:

Nếu có Tỳ-kheo-ni ngu si không biết gì, phạm nhiều tội lỗi, sống chung với người tại gia, ở gần gũi họ, không thuận theo Phật pháp. Cho phép tăng làm yết-ma y chỉ cho họ, bạch bốn lần yết-ma để thực hành, nghĩa là đưa họ đến y chỉ người có đức mà ở, không được chấp địa phương, cõi nước. Văn làm pháp và giải cũng như trong luật.

Pháp cho yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia.

Bạch có năm pháp, tăng nên vì họ làm yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia. Người đó cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, việc đáng giữ gìn, vững tâm giữ chắc không bỏ. Tỳ-kheo-ni có mười pháp, tăng nên làm yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia. Nói xấu, mắng nhiếc người tại gia, tìm cách làm cho người tại gia mất mát thiệt thòi; làm mất lợi lộc; không có chỗ nương ở; đấu tranh não loạn người tại gia trước mặt người tại gia hủy báng Phật, Pháp, Tăng; trước mặt người tại gia nói lời thấp hèn, hứa với người tại gia đúng như pháp mà không thực hành. Ở đây văn sai người đưa đi, sám hối giải v.v... cũng như trong luật.

Pháp cho yết-ma không thấy tội đã nêu:

Nếu có Tỳ-kheo-ni phạm tội, Tỳ-kheo-ni khác nói rằng: "Ông cô có thấy phạm tội không?" Tỳ-kheo-ni phạm tội đáp: "Không thấy". Phật dạy: Cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma, cho làm yết-ma không thấy tội đãnêu, văn làm pháp giải cũng như trong luật.

Pháp cho yết-ma không sám hối tội đã nêu:

Nếu có Tỳ-kheo ni phạm tội, các Tỳ-kheo ni nói rằng: "Cô có tội nên sám hối". Tỳ-kheo-ni phạm tội đáp: "Tôi không sám hối". Phật cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma, cho làm yết-ma không sám hối tội đã nêu. Văn làm pháp giải cũng như trong luật.

Pháp cho yết-ma không bỏ ác kiến đã nêu:

Nếu có Tỳ-kheo-ni sinh ác kiến, nói như vầy: "Tôi biết pháp Phật nói, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo". Phật cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma, làm yết-ma can ngăn quở trách, khiến cho bỏ việc này. Pháp can ngăn như văn trước. Tăng cho pháp yết-ma can ngăn quở trách, nhưng Tỳ-kheo-ni cố không bỏ ác kiến. Phật dạy: Cho làm pháp yết-ma không bỏ ác kiến đã nêu, bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Văn làm pháp giải cũng như trong luật.

Pháp cho yết-ma cuồng si:

Có ba thứ cuồng si: 1- Lúc thuyết giới, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến; 2- Hoặc nhớ mà đến; 3- Hoặc không nhớ không đến. Loại hai và ba không nên làm pháp yết-ma, loại thứ nhất nên bạch hai lần yết-ma, cho pháp như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này tâm loại cuồng si, hoặc nhớ thuyết giới, hoặc không nhớ thuyết giới, hoặc đến hoặc không đến. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo ni...... yết-ma tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến. Tăng làm yết-ma thuyết giới, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ thuyết giới, hoặc không nhớ thuyết giới, hoặc đến hoặc không đến. Tăng cho Tỳ-kheo-ni...... yết-ma tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến. Tăng làm yết-ma thuyết giới. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... yết-ma tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến,

tăng làm yết-ma thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... yết-ma tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến. Tăng làm yết-ma thuyết giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp giải yết-ma cuồng si:

Nếu Tỳ-kheo-ni...... bệnh cuồng si hết rồi, tăng nên bạch hai lần yết-ma để giải, Tỳ-kheo-ni kia phải đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

(554) - Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... trước đây mắc bệnh cuồng si. Tỳ-kheo-ni thuyết giới, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến. Chúng tăng cho tôi yết-ma cuồng si, bệnh đã lành, nay tôi đến tăng xin giải yết-ma cuồng si (nói ba lần).

Tăng nên cho pháp:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... nầy trước đây bị bệnh cuồng si. Tỳ-kheo-ni kia lúc thuyết giới, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến. Chúng tăng làm yết-ma cuồng si cho. Tăng cho yết-ma rồi, bệnh cuồng si đã dứt, nay Tỳ-kheo-ni...... đến trước tăng xin giải yết-ma cuồng si. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng cho giải yết-ma cuồng si, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này trước đây bị bệnh cuồng si. Tỳ-kheo-ni kia lúc thuyết giới, hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến. Tăng cho làm yết-ma cuồng si. Tăng cho yết-ma rồi, bệnh cuồng si đã dứt, nay Tỳ-kheo-ni...... đến trước tăng xin giải yết-ma cuồng si. Đại tỷ nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo-ni...... giải yết-ma cuồng si thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... giải yết-ma cuồng si rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Phật dạy: Tùy theo lúc bệnh làm yết-ma cuồng si cho, bệnh lành giải yết-ma cho.

Pháp cho yết-ma học gia:

Bấy giờ, có vợ chồng cư sĩ đều kính tin Phật pháp làm đệ tử Phật. Theo pháp thường của các đệ tử đã thấy đế (chứng quả Dự lưu) của Chư Phật. Họ đối với các Tỳ-kheo, Tỳ –kheo-ni không có vật gì luyến tiếc, cho đến lóc thịt thân mình để cúng dường các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni.

Nếu có Tỳ-kheo-ni đến nhà, họ thường cúng dường thức ăn và các thứ cần dùng khác. Vì vậy gia đình họ trở nên nghèo cùng, đói cơm thiếu áo. Phật dạy: Cho phép tăng cho cư sĩ kia yết-ma học gia, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ở trong thành...... vợ chồng cư sĩ...... có tâm kính tin làm đệ tử Phật, cúng dường các Tỳ-kheo-ni, tiền của đã cạn kiệt. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng làm yết-ma học gia. Các Tỳ-kheo-ni không được nhận thức ăn của nhà ấy, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ở trong thành...... vợ chồng cư sĩ...... có tâm kính tin làm đệ tử Phật, cúng dường các Tỳ-kheo-ni, tiền của đã cạn kiệt. Nay tăng làm yết-ma học gia. Các Tỳ-kheo-ni không được nhận thức ăn ở nhà ấy, Đại tỷ nào bằng lòng cho cư sĩ...... làm yết-ma học gia thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma học gia cho cư sĩ...... rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên biết như thế.

Nếu có mời trước, hoặc bệnh, hoặc bỏ trên đất mà cho, hoặc nhận từ người khác, hoặc học gia cúng dường, hoặc sau này tiền của họ có lại nhiều, Tỳ-kheo-ni nhận không phạm.

Pháp giải yết-ma học gia:

Nếu nhà học gia có lại tiền của nhiều, họ đến tăng xin giải yết-ma học gia thì tăng nên bạch hai lần để giải, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ở trong thành...... vợ chồng cư sĩ...... có tâm kính tin làm đệ tử Phật, ưa thích cúng dường, tiền của cạn kiệt. Tăng đã làm yết-ma học gia cho. Nay gia đình cư sĩ...... tiền của có lại nhiều, đến tăng xin giải yết-ma học gia, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, giải yết-ma học gia, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ở trong thành...... vợ chồng cư sĩ...... có tâm kính tin làm đệ tử Phật, ưa thích cúng dường, tiền của cạn kiệt. Tăng đã cho yết-ma học gia. Nay tiền của có lại nhiều, đến tăng xin giải yết-ma học gia. Nay tăng cho cư sĩ...... giải yết-ma học gia. Đại tỷ nào bằng lòng tăng cho cư sĩ...... giải yết-ma học gia thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho cư sĩ...... giải yết-ma học gia rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên biết như thế.

Pháp làm yết-ma nói lời khác:

Có Tỳ-kheo-ni phạm tội, các Tỳ-kheo-ni hỏi: "Cô có biết mình phạm tội hay không?" Tỳ-kheo-ni phạm tội dùng việc khác trả lời với các Tỳ-kheo ni: "Các cô nói với ai? Nói về việc gì? Bàn về lý gì? Nói với tôi hay nói với người khác? Ai phạm tội? Tội từ đâu sinh ra? Tôi không thấy tội, vì sao nói tôi có tội?".

Phật dạy: Từ nay về sau, cho phép bạch rồi, gọi là Tỳ-kheo ni...... nói lời khác lạ. Nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này phạm tội, các Tỳ-kheo-ni hỏi: "Nay cô có biết mình phạm tội hay không?" Vị Tỳ-kheo-ni đó liền đem việc khác trả lời các Tỳ-kheo-ni: "Các cô hỏi ai? Nói về việc gì? Bàn về lý gì? Nói với tôi hay nói với người khác? Ai phạm tội? Tội từ đâu sinh ra? Tôi không thấy tội". Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nên gọi đó là Tỳ-kheo-ni...... nói lời khác lạ, (tác bạch như thế).

Tác bạch rồi, gọi là Tỳ-kheo-ni nói lời khác. Nếu chưa bạch, trước đó Tỳ-kheo-ni nói lời khác, tất cả phạm đột-cát-la. Nếu tác bạch rồi, Tỳ-kheo-ni nói lời khác, tất cả phạm ba-dật-đề.

Pháp làm yết-ma xúc não:

Sau khi chúng tăng lập chế không được nói lời khác lạ, có Tỳ-kheo-ni liền xúc não tăng bằng cách gọi đến không đến, không gọi đến lại đến; nên đứng không chịu đứng, không nên đứng lại đứng; việc đáng nói không nói, không đáng nói lại nói. Phật dạy: Cho phép tăng cho Tỳ-kheo-ni...... này làm đơn bạch yết-ma, gọi là Tỳ-kheo-ni làm xúc não, tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này, tăng gọi là Tỳ-kheo-ni nói lời khác, liền xúc não chúng tăng, bằng cách gọi đến không đến, không gọi đến lại đến; đáng đứng dậy không đứng, không đáng đứng lại đứng; việc đáng nói không nói, không đáng nói lại nói. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, chế cho Tỳ-kheo ni...... gọi là làm xúc não, tác bạch như thế.

Bạch như vậy rồi, gọi là làm xúc não tăng. Nếu chưa bạch, trước đó xúc não tăng, tất cả phạm đột-cát-la. Nếu bạch rồi, mà xúc não tăng, tất cả phạm ba-dật-đề.

Pháp trị ngựa dữ:

Có Tỳ-kheo-ni tánh xấu không nghe lời can ngăn, phạm nhiều tội lỗi, các Tỳ-kheo-ni khác nói: "Cô phạm tội có thấy hay không?" Tỳ-

kheo-ni phạm tội đáp: “Không thấy”. Tăng nên bỏ đi, không hỏi nữa, nói rằng:

- Nay cô không thấy tội, chỗ cô đến, ở đó cũng nêu tội cô, vì cô mà làm tự ngôn, không cho cô làm A-nâu-bà-đà, không cho bố-tát, tự tứ”. Như người huấn luyện ngựa, gặp những con khó điều phục, phải dùng dây buộc nó lại rồi bỏ đi. Cô Tỳ-kheo-ni không thấy tội cũng giống như vậy. Tất cả mọi người đều lìa bỏ cô, chỗ cô đến, không cho bố tát, tự tứ.

Người đó không nên cầu thính, đây tức là thính.

Pháp Phạm trị phạt:

Có Tỳ-kheo-ni có tánh xấu phạm giới, lại không nghe lời can ngăn, chúng tăng nên mặc tẫn để trị. Nên làm như sau:

- Tất cả Tỳ-kheo-ni mặc tẫn không nói chuyện với Tỳ-kheo-ni phạm tội. Đây là phạm trị phạt, nhưng người phạm vẫn không thay đổi. Nên đem đến trong chúng, mọi người cùng phê bình rồi đuổi đi, không cho thuyết giới, cũng không cho đến các pháp hội.

Pháp không lễ Tỳ-kheo:

Bấy giờ, Sa-di đệ tử của nhóm Tỳ-kheo sáu vị đến trụ xứ của Tỳ-kheo-ni cùng ngồi với Thức-xoa-ma-na, Sa-di đệ tử của nhóm Tỳ-kheo ni sáu vị giỡn cười, đọc tụng, khóc la, chơi đùa, làm não loạn các Tỳ-kheo-ni đang ngồi thiền. Phật cho phép nên gọi họ đến quở phạt. Nếu họ không thay đổi, thì nên vì Hòa-thượng, A-xà-lê của Sa-di kia mà làm yết-ma không lễ kính. Văn làm pháp giải như trong luật.

Pháp yết-ma pháp bát cho nhà người tại gia:

Luật nói: Nhà người tại gia có năm pháp, không nên cho yết-ma úp bát: Không hiếu thuận với cha mẹ, không cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, không tôn trọng Tỳ-kheo-ni. Có năm pháp nên làm yết-ma úp bát: tức ngược lại năm điều trên. Lại nữa, nhà người tại gia có mười pháp, chúng tăng nên cho làm yết-ma úp bát: Mắng nhiếc, hủy báng Tỳ-kheo-ni, làm cho Tỳ-kheo-ni bị tổn hoại, làm việc không lợi ích, làm cho Tỳ-kheo-ni không có nơi nương tựa, đấu tranh náo loạn Tỳ-kheo-ni, trước mặt Tỳ-kheo-ni nói xấu Phật, Pháp, Tăng, dùng việc vô căn cứ về pháp bất tịnh để hủy báng Tỳ-kheo-ni, xúc phạm Tỳ-kheo-ni. Người tại gia phạm một trong mười pháp này, cho làm yết-ma úp bát. Nên tác bạch cho như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ni...... này thanh tịnh mà bạch y....... dùng tội Ba-la-di vô căn cứ hủy báng Tỳ-kheo ni. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, nay tăng vì người tại gia...... này làm yết-ma úp bát, không qua lại, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này thanh tịnh, mà người tại gia tên là ...... dùng tội Ba-la-di vô căn cứ hủy báng Tỳ-kheo-ni. Nay tăng vì người tại gia tên là...... làm pháp yết-ma úp bát, không qua lại. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng vì người tại gia tên ...... làm yết-ma úp bát, không qua lại thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng vì người tại gia...... này làm yết-ma úp bát, không qua lại rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp sai sứ Tỳ-kheo-ni đến nói với người tại gia:

Luật nói: Tăng nên bạch hai lần yết-ma sai một vị Tỳ-kheo-ni làm sứ giả, đến nói với người tại gia để cho họ biết. Vị Tỳ-kheo-ni sứ giả đó phải có tám đức. Tám đức và pháp sai có nói rõ trong luật. Tỳ-kheo ni sứ giả này đến nhà người tại gia kia, không được nhận các thứ cúng dường như: giường, ghế, thức ăn v.v... gặp họ nên nói rằng: “Nay tăng vì ông làm yết-ma úp bát, không qua lại”.

Người tại gia kia không hiểu, nên giải thích cho họ hiểu. Nếu họ nói: “Làm sao giải yết-ma úp bát cho nhà tôi, để Tỳ-kheo-ni qua lại như trước”. Tỳ-kheo-ni sứ giả nên nói rằng: “Ông phải đến sám hối chúng tăng”. Nếu người kia sám hối, thuận theo chúng tăng không dám chống trái, đến tăng xin giải yết-ma úp bát, qua lại như trước. Tăng nên giải yết-ma cho họ, văn giải như trong luật.

■

NI YẾT-MA

QUYỂN HẠ
(Xuất xứ từ Luật Tứ Phần)

THIÊN THỨ MƯỜI BỐN: CAN NGĂN

Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni thuận theo Tỳ-kheo bị nêu tội:

Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà bị chúng tăng nêu tội đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy. Tỳ-kheo Xiển-đà không thuận theo, không sám hối. Tăng chưa làm pháp cho ở chung. Lúc ấy, có Tỳ-kheo-ni tên là Úy Thứ tới lui cung phụng cho Tỳ-kheo Xiển-đà. Phật dạy: Chư tăng nên bạch bốn lần yết-ma can ngăn Tỳ-kheo ni Úy Thứ. Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni này rằng:

- Tỳ-kheo này bị tăng nêu tội, đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy. Nhưng Tỳ-kheo không thuận theo, không sám hối. Tăng chưa làm pháp cho ở chung, cô chớ thuận theo, nên bỏ việc này, chớ để tăng nêu tội mà phạm tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội thuận theo theo lời nói trên thì tốt, nếu không thuận theo nên nói: Tôi sẽ tác bạch với tăng.

Bạch rồi lại nói: Muội nên biết, tôi đã bạch rồi. Nhưng tăng chưa yết-ma, cô nên bỏ việc này, chớ để tăng nêu tội mà phạm tội nặng. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội thuận theo lời nói thì tốt, nếu không thuận theo thì nên nói: “Sẽ làm yết-ma lần thứ nhất”.

Làm yết-ma lần thứ nhất rồi, nên nói” Muội! Chúng tôi đã làm yết-ma lần thứ nhất cho cô rồi, còn hai lần yết-ma, cô nên bỏ việc đó, chớ để tăng nêu tội mà phạm tội nặng”.

Tỳ-kheo-ni phạm tội nghe lời thì tốt, nếu không thuận theo thì nên nói: “Sẽ làm yết-ma lần thứ hai”.

Làm yết-ma lần thứ hai rồi, nên nói” muội biết không? Chúng tôi đã làm yết-ma lần thứ hai rồi, còn một lần yết-ma nữa, cô nên bỏ việc này, chớ để tăng nêu tội mà phạm tội nặng”.

Tỳ-kheo-ni phạm tội nghe lời thì tốt, nếu không thuận theo thì nên

nói: “Sẽ làm yết-ma lần thứ ba”.

Tăng làm yết-ma lần thứ ba xong, Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Nếu yết-ma lần thứ hai xong, Tỳ-kheo ni bỏ việc đó, phạm ba tội Thâu-lan-già. Nếu yết-ma lần thứ nhất xong, Tỳ-kheo ni bỏ việc đó, phạm hai tội Thâu-lan-già. Nếu tác bạch xong, Tỳ-kheo-ni bỏ việc đó, phạm một tội Thâu-lan-già. Nếu tác bạch chưa xong, Tỳ-kheo-ni bỏ việc đó, phạm đột-cát-la. Nếu khi chưa bạch Tỳ-kheo-ni thuận theo Tỳ-kheo bị nêu tội, tất cả phạm đột-cát-la. Pháp yết-ma đầy đủ như trong luật đã nêu rõ.

Pháp can ngăn phá tăng:

Nếu Tỳ-kheo phương tiện muốn phá hòa hợp tăng, nhận cách phá tăng, giữ chặt không bỏ. Tỳ-kheo nên can ngăn Tỳ-kheo nầy rằng:

- Đại tỷ chớ dùng phương tiện phá hòa hợp tăng, chớ nhận cách phá hòa hợp tăng, giữ chặt không bỏ. Đại tỷ nên hòa hợp với tăng, vui vẻ, không tranh cãi như sữa hòa với nước. Trong Phật pháp mới tăng thêm sự an vui mà ở. Đại tỷ nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội nặng. Nếu Tỳ-kheo-ni kia nghe thì tốt, không nghe thì lại khiến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; hoặc vua, đại thần, người ở các đạo khác như: Sa-môn, Bà-la-môn yêu cầu họ can ngăn, hoặc Tỳ-kheo-ni ở phương khác biết người đó nghe lời nói của mình thì nên đến can ngăn. Người đó nghe thì tốt, không nghe thì nên tác bạch, tác bạch rồi, nên can ngăn nữa.

- Nầy Đại tỷ, tôi đã tác bạch rồi, chỉ còn yết-ma. Nay cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma cho cô mà phạm tội nặng.

Nếu người đó nghe lời thì tốt, không nghe thì nên làm yết-ma lần thứ nhất. (Làm yết-ma lần thứ nhất rồi, thì nên can ngăn).

- Nầy Đại tỷ, chúng tôi đã bạch yết-ma lần thứ nhất rồi, còn hai lần yết-ma, cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma cho cô mà phạm tội nặng.

Nếu người đó nghe lời thì tốt, không nghe thì nên làm yết-ma lần thứ hai.

(làm yết-ma lần thứ hai rồi, thì nên can ngăn).

- Nầy Đại tỷ, chúng tôi đã bạch yết-ma lần thứ hai rồi, còn một lần yết-ma nữa, cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma cho cô mà phạm tội nặng.

Nếu bỏ thì tốt, không bỏ thì cho bạch yết-ma lần thứ ba.

Yết-ma lần ba xong, Tỳ-kheo-ni đó phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu yết-ma lần hai xong, mà xả phạm ba Thâu-lan-già. Nếu yết-ma

lần thứ nhất xong, mà xả phạm hai Thâu-lan-già. Tác bạch xong, mà xả phạm một tội Thâu-lan-già. Nếu tác bạch lần thứ nhất chưa xong, mà xả thì Tỳ-kheo-ni phạm đột-cát-la. Nếu trước chưa bạch, phương tiện muốn phá hòa hợp tăng, nhận cách phá hòa hợp tăng giữ chặt không bỏ, tất cả phạm đột-cát-la. Pháp yết-ma đầy đủ như trong luật nói.

Pháp can ngăn người giúp phá tăng:

Lúc chúng Tỳ-kheo-ni can ngăn Tỳ-kheo-ni kia, lại có bè đảng Tỳ-kheo-ni phi pháp, chúng nhiều, một, hai, ba người nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: "Đại tỷ, cô chớ can ngăn Tỳ-kheo-ni này, vì Tỳ-kheo-ni này là Tỳ-kheo nói đúng pháp, nói đúng luật. Những lời Tỳ-kheo-ni này nói chúng tôi đều chấp nhận". Các Tỳ-kheo-ni nên nói: "Cô chớ nói rằng Tỳ-kheo-ni này là người nói đúng pháp, nói đúng luật, những lời Tỳ-kheo-ni này nói chúng tôi đều chấp nhận". Nhưng Tỳ-kheo-ni này chẳng phải Tỳ-kheo ni nói đúng pháp, nói đúng luật. Các cô chớ phá hòa hợp tăng. Đại tỷ phải hòa hợp với tăng, vui vẻ không tranh chấp, v.v.... như trước. (Pháp yết-ma cũng như luật đã nói).

Pháp can ngăn người bị tẫn xuất hủy báng tăng:

Có Tỳ-kheo-ni làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, mọi người đều biết tăng làm yết-ma tẫn xuất, Tỳ-kheo-ni phạm tội hủy báng tăng rằng: "Các Tỳ-kheo-ni có thương, giận, sợ, si, có người đồng tội như tôi, sao người đuổi, người không đuổi"? Các Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Đại tỷ làm nhơ nhà người, ai cũng thấy ai cũng nghe; gây ra việc xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Đại tỷ làm nhơ nhà người, gây ra việc xấu, nên bỏ việc này, chớ để tăng quở trách mà phạm tội nặng".

Nếu người đó nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì cho bạch yết-ma đến lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

Pháp can ngăn người có tánh xấu không nghe lời can ngăn:

Nếu Tỳ-kheo-ni có tánh xấu không chịu nghe lời can ngăn, các Tỳ-kheo-ni dùng giới luật, dạy dỗ đúng như pháp, nhưng họ không nghe, lại nói với các Tỳ-kheo:

- Các Đại tỷ, chớ nói với tôi việc tốt việc xấu, tôi cũng không nói với các Đại tỷ việc tốt việc xấu, các Đại tỷ hãy thôi đi, đừng nên can ngăn tôi. Tỳ-kheo ni kia nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng:

- Nầy Đại tỷ, chớ tự mình không nghe lời can ngăn, mà phải nghe

theo lời can ngăn. Đại tỷ đúng như pháp can ngăn các Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni cũng nên như đúng pháp can ngăn Đại tỷ. Như thế chúng đệ tử Phật mới tăng thêm sự lợi ích. Đệ tử Phật nên dạy bảo nhau, can ngăn nhau, sám hối nhau. Đại tỷ nên bỏ việc này, chớ để tăng quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu người kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe nên làm yết-ma cho đến lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

Pháp can ngăn các Tỳ-kheo-ni ở chung gây ra việc xấu:

Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo-ni là: Tô-ma và Bà-phả-di ở chung với nhau, làm việc xấu, tiếng nhơ đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Các Tỳ-kheo-ni khác nên nói rằng: "Các chị chớ ở chung, gây ra việc xấu, tiếng nhơ đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Các chị chớ ở chung, gây ra việc xấu, tiếng nhơ đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau thì trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui". Nếu hai Tỳ-kheo-ni kia không sửa đổi. Phật dạy: Cho phép tăng làm yết-ma quở trách, khiến họ bỏ việc này. Nên bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn hai Tỳ-kheo-ni này rằng:

- Các chị chớ ở chung, làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Nếu các chị không ở chung, làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau thì trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui. Các chị nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma can ngăn mà phạm tội nặng.

Nếu họ nghe lời thì tốt, bằng không nghe nên làm yết-ma cho đến lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni xúi giục các Tỳ-kheo-ni ở chung làm hạnh ác:

Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo-ni ở chung bị tăng quở trách rồi, nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị dạy họ rằng: "Các chị cứ ở chung. Vì sao? Vì tôi thấy các Tỳ-kheo-ni ở chung với nhau làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Chúng tăng vì giận chị, nên bắt chị ở riêng". Phật dạy: Cho phép tăng làm yết-ma quở trách, cho nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị, nên bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Các Tỳ-kheo-ni này nên can ngăn Tỳ-kheo ni kia rằng:

- Đại tỷ, cô chớ xúi giục các Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Các chị chớ ở riêng, mà hãy ở chung vì tôi cũng thấy các Tỳ-kheo-ni khác làm việc

ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Tăng vì giận chị, nên bắt chị ở riêng". Nay thật có Tỳ-kheo-ni này, không có Tỳ-kheo-ni nào khác. Họ ở chung làm việc ác, tiếng xấu đồn vang khắp nơi, lại che giấu tội cho nhau. Nếu hai Tỳ-kheo-ni này ở riêng, thì trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui. Cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì nên làm yết-ma quở trách cho đến yết-ma lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni tức giận bỏ Phật, Pháp, Tăng:

Bấy giờ, nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị vì một chuyện nhỏ tức giận liền nói: "Tôi Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, không chỉ có sa-môn Thích tử tu phạm hạnh mà còn có các Bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi sẽ đến đó tu phạm hạnh". Phật dạy: Cho phép tăng làm yết-ma quở trách, khiến họ bỏ việc này. Bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Tỳ-kheo-ni này nên can ngăn Tỳ-kheo-ni kia rằng:

- Đại tỷ, cô chớ vì một chuyện tức giận nhỏ, mà nói rằng: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, không chỉ có Sa-môn Thích tử tu phạm hạnh mà còn có các Bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi sẽ đến đó tu phạm hạnh". Cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì nên làm yết-ma quở trách cho đến yết-ma lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói.

Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni sinh ra bốn việc hủy báng tăng:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni tên Hắc, ưa thích tranh cãi lại không khéo ghi nhớ việc tranh cãi, sau đó vì tức giận liền nói: "Tăng có thương, giận, sợ, si". Phật dạy: Cho phép tăng can ngăn Tỳ-kheo-ni Hắc để cô ấy bỏ việc này. Bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Tỳ-kheo-ni này nên can ngăn Tỳ-kheo-ni kia rằng:

- Đại tỷ, cô (556) chớ ưa thích tranh cãi, không khéo ghi nhớ việc tranh cãi, sau đó vì tức giận mà nói rằng: "Tăng có thương, giận, sợ, si". Nhưng tăng không có thương, giận, sợ, si, chỉ có cô mới thương, giận, sợ, si mà thôi. Nay cô nên bỏ việc này, chớ để tăng làm yết-ma quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni kia nghe lời thì tốt, bằng không nghe thì nên can

ngăn cho đến yết-ma lần thứ ba như trên. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật có nói.

Pháp can ngăn người ác kiến nói dâm dục không phải là pháp chướng đạo:

Nếu có Tỳ-kheo-ni nói rằng: "Tôi biết pháp Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo. Các Tỳ-kheo-ni chân chánh nên can ngăn Tỳ-kheo-ni đó rằng:

- Cô chớ nói như vậy, đừng hủy báng Đức Thế tôn, hủy báng Đức Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy, Đức Thế tôn dùng nhiều phương tiện nói hành dâm dục là pháp chướng đạo. Nay cô nên bỏ việc ấy, chớ để tăng quở trách mà phạm tội nặng.

Nếu người ấy nghe lời thì tốt, không nghe thì làm yết-ma cho đến lần thứ ba như trước. Pháp bạch bốn lần yết-ma cũng như luật đã nói. Pháp can ngăn Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni nói dâm dục chẳng phải pháp chướng đạo, cũng giống như vậy.

Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni gần gũi cư sĩ, con của cư sĩ:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo ni gần gũi cư sĩ, con của cư sĩ ở chung với nhau, làm việc không tùy thuận. Có Tỳ-kheo-ni can ngăn rằng: "Cô chớ gần gũi cư sĩ, con của cư sĩ mà làm việc không tùy thuận. Cô nên ở riêng, nếu cô ở riêng thì trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui". Nhưng cô ấy không chịu ở riêng, Phật dạy: Cho phép tăng làm pháp quở trách cho Tỳ-kheo-ni kia, khiến cô bỏ việc này. Nên bạch bốn lần yết-ma để thực hành. Tỳ-kheo-ni nầy nên can ngăn Tỳ-kheo-ni ấy rằng:

- Đại tỷ, cô chớ làm việc không nên làm, những việc cô làm là phi pháp, phi luật, chẳng phải lời Phật dạy.

Nhưng Tỳ-kheo-ni này không theo các Tỳ-kheo ni chân chánh khuyên can đúng pháp liền trở thành phạm giới. Nếu Tỳ-kheo-ni này tự biết việc mình làm là đúng, lời can ngăn là sai, nên cố làm phạm tội căn bản. Nếu Tỳ-kheo-ni đó không nghe theo phạm đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo-ni này biết việc mình làm là sai, lời can ngăn là đúng mà cố làm thì phạm tội căn bản. Nếu Tỳ-kheo-ni đó không nghe theo thì phạm ba-dật-đề. Nếu người vô trí không biết pháp can ngăn, nên nói với người kia rằng: Cô nên hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê của cô để học hỏi tụng kinh, biết pháp can ngăn, rồi hãy can ngăn.

Pháp can ngăn này, là vì ngăn dứt mà làm, không giống với tăng can ngăn tùy theo việc mà lập riêng.

THIÊN THỨ MƯỜI LĂM: DIỆT TRÁNH

Pháp cho Tỳ-ni hiện tiền:

Nếu có Tỳ-kheo-ni không có mặt, các Tỳ-kheo-ni làm pháp yết-ma. Phật dạy: Người phạm tội không có mặt thì không được làm pháp yết-ma.

Từ này về sau, cho các Tỳ-kheo ni kiết Tỳ-ni hiện tiền diệt tránh. Nên nói Tỳ-ni hiện tiền như vậy.

Nhưng hiện tiền có năm: pháp, Tỳ-ni, nhân, tăng, và giới.

1. Pháp hiện tiền: pháp sở trì diệt tránh.

2. Tỳ-ni hiện tiền: Tỳ-ni sở trì diệt tránh.

3. Nhân hiện tiền: Nói nghĩa qua lại.

4. Tăng hiện tiền: Đồng yết-ma hòa hợp một chỗ, người không đến gởi dục người hiện tiền, người có tư cách ngăn không ngăn được.

5. Giới hiện tiền: Ở trong giới yết-ma làm chế hạn.

Pháp cho Tỳ-ni ức niệm:

Nếu có Tỳ-kheo-ni thật không phạm tội nặng Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-già. Các Tỳ-kheo-ni khác đều nói phạm tội nặng, hỏi rằng: "Cô nhớ mình phạm tội nặng hay không?" Tỳ-kheo-ni kia không nhớ phạm, đáp: "Tôi không nhớ phạm tội như thế", liền nói với các Tỳ-kheo-ni: "Đại tỷ chớ nhiều lần vặn hỏi tôi". Các Tỳ-kheo-ni vặn hỏi không dứt.

Phật dạy: Cho phép tăng vì họ, tác bạch bốn lần yết-ma Tỳ-ni ức niệm, giống như văn xin làm yết-ma.

Từ này về sau, cho pháp các Tỳ-kheo ni kiết Tỳ-ni ức niệm sở trì, nên nói Tỳ-ni ức niệm như vầy.

Tỳ-ni ức niệm: Tội này của Tỳ-kheo-ni kia không nên nêu lên, không nên làm ức niệm.

Pháp cho Tỳ-ni bất si:

Có Tỳ-kheo ni cuồng si tâm loạn, phạm nhiều tội lỗi, chẳng phải pháp sa-môn; nói năng không chừng đỗi; đến đi, ra vào trái với uy nghi. Sau đó Tỳ-kheo ni kia tâm trở lại bình thường, các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô phạm tội nặng Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa", hỏi Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Cô có nhớ mình phạm tội nặng không?" Tỳ-kheo-ni kia đáp: "Trước đây tôi cuồng si tâm loạn, phạm nhiều tội lỗi. Chẳng phải tôi muốn làm như vậy, chỉ tại cuồng si mà thôi. Các Đại tỷ không cần vặn hỏi nhiều

lần". Nhưng các Tỳ-kheo-ni cố vặn hỏi không ngừng. Phật dạy: Cho phép tăng tác bạch bốn lần yết-ma Tỳ-ni bất si, tác pháp xin như văn.

Từ này về sau, cho các Tỳ-kheo-ni kiết Tỳ-ni bất si diệt tránh, nên nói Tỳ-ni bất si như vậy.

Tỳ-ni bất si: Tội này của Tỳ-kheo-ni kia không nên nêu, không nên làm ức niệm.

Pháp cho Tỳ-ni Tự ngôn trị:

Tỳ-kheo-ni dùng mắt trời thanh tịnh thấy Tỳ-kheo-ni phạm giới; không giữ kín, lại tự nói tội ra ngoài. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vào lúc khác cũng không nên như vậy. Tỳ-kheo-ni phải làm cho người kia nhận tội, sau mới cho tội; chẳng nên người không nhận tội mà cho tội.

Từ này về sau, vì các Tỳ-kheo-ni kiết Tỳ-ni tự ngôn trị diệt tránh, nên nói Tỳ-ni Tự ngôn trị như vậy.

Trong đây, người có mặt nhận sám hối là sám hối.

Tự ngôn: Tự nói tên tội, chủng loại tội, sám hối.

Trị: Tự trách tâm cô, sinh nhàm chán xa lìa.

Pháp tỳ-ni cho nhiều người nói:

Việc tranh cãi của các Tỳ-kheo-ni hiện tiền không thể dập tắt được, nên yêu cầu nhiều Tỳ-kheo-ni biết pháp thực hành xá-la để dứt trừ. Vì nhiều thẻ xá-la là biểu thị cho nhiều lời nói.

Từ này về sau, cho các Tỳ-kheo-ni kiết diệt tránh dùng lời nói của nhiều người, nên nói dùng lời nói của nhiều người như vậy.

Nhiều người nói: là dùng nhiều người nói trì pháp, trì tỳ-ni, trì Ma-di.

Pháp cho Tỳ-ni tội xứ sở:

Các Tỳ-kheo-ni phạm tội, trước sau trái nhau. Phật dạy: Cho phép tăng bạch bốn lần yết-ma tội nơi chốn cho Tỳ-kheo-ni kia. Nên như thế cho nhóm họp tăng, tăng nhóm họp rồi vì người kia nêu tội, nêu tội rồi cho làm ức niệm, làm ức niệm rồi thì cho tội. Làm pháp như văn, tác pháp rồi thuận theo ba mươi lăm việc.

Từ này về sau, vì các Tỳ-kheo-ni kiết diệt tránh tội nơi chốn, nên nói kết tội nơi chốn như vầy.

Tội nơi chốn: Tội này của Tỳ-kheo-ni kia, nên cho nêu lên, làm ức niệm.

Pháp cho Tỳ-ni cỏ phủ đất:

Các Tỳ-kheo nghĩ rằng: chúng ta phạm nhiều các giới, chẳng phải pháp Sa-môn, vừa làm vừa nói, ra vào bất định. Nếu chúng ta lại tự cùng nhau khéo hỏi việc này, hoặc sẽ khiến cho việc tranh cãi càng nặng nề hơn. Trải qua nhiều năm tháng Tỳ-kheo-ni không đúng như pháp, như luật, như lời Phật dạy dứt trừ sự tranh cãi, khiến tăng không được yên vui. Phật dạy: "Nên dứt trừ việc tranh cãi này như cỏ phủ đất".

Từ này về sau, vì các Tỳ-kheo-ni kiết diệt tránh như cỏ phủ đất, nên nói như cỏ phủ đất như vậy.

Cỏ phủ đất: Là ở đây lại không nói tên tội, chủng loại tội, sám hối.

Tranh cãi có bốn thứ: Ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh, sự tránh.

1. Ngôn tránh: Các Tỳ-kheo-ni tránh cãi, dẫn đến mười tám việc tranh cãi: pháp phi pháp cho đến thuyết bất thuyết, hoặc lấy tướng như vậy cũng tranh cãi, thành hai bên đấu tranh.

2. Mích tránh: Các Tỳ-kheo-ni tìm tội nhau, dùng ba việc nêu tội: phá giới, phá kiến, phá oai nghi; Thấy, nghe, nghi; làm tướng như vậy để tìm tội, cùng nói không nói dối, cầu thế lực của bạn an ủi ý mình; hoặc nêu làm ức niệm, hoặc việc này an, việc này bất an, bất si bất thoát.

3. Phạm tránh: Phạm bảy thứ tội từ Ba-la-di đến ác thuyết.

4. Sự tránh: Việc làm trong ngôn tránh, việc làm trong mích tránh, việc làm trong phạm tránh.

Nêu thuốc đối tránh, văn luật có nói rõ.

THIÊN THỨ MƯỜI SÁU: TẠP HẠNH

Pháp kiết giới nhà thuyết giới:

Luật nói: Các Tỳ-kheo-ni không biết thuyết giới ở chỗ nào. Phật dạy: Cho phép làm nhà thuyết giới, nên đề cử một vị Tỳ-kheo-ni đầy đủ oai nghi xướng nhà lớn, nhà có lầu, nhà kinh hành; hoặc ở bên sông, hoặc dưới cây, hoặc bên tảng đá, chỗ cỏ tươi, nên tác bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, ở chỗ ấy làm nhà thuyết giới, (tác bạch như vậy).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay chúng tăng ở chỗ ấy làm nhà thuyết giới. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng ở chỗ ấy làm nhà thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng ở chỗ ấy làm nhà thuyết giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp giải nhà thuyết giới:

Các Tỳ-kheo-ni xây nhà thuyết giới rồi, lại muốn xây nhà thuyết giới ở chỗ khác. Cho phép giải nhà thuyết giới trước, sau đó bạch hai lần yết-ma kiết lại. Nên bạch giải như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, giải nhà thuyết giới ở chỗ ấy, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay tăng giải nhà thuyết giới ở chỗ ấy. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng giải nhà thuyết giới ở chỗ ấy thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải nhà thuyết giới ở chỗ ấy rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp kiết nhà kho:

Nếu để vật ở chỗ không chắc chắn, Phật cho phép lấy một phòng riêng kiết làm nhà kho. Nên bạch hai lần yết-ma để thực hành. Nên nêu một Tỳ-kheo-ni ở trong tăng đầy đủ oai nghi xướng phòng, hoặc nhà sưởi, hoặc nhà lầu, hoặc chỗ kinh hành làm nhà kho. Xướng rồi, nên bạch như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng kiết phòng ấy làm nhà kho, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tăng kiết phòng ấy làm nhà kho. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng kiết phòng ấy làm nhà kho thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng kiết phòng ấy làm nhà kho rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Nếu nhà kho không chắc chắn thì cho phép sai người giữ nhà kho. Người đó phải đầy đủ phước đức như trên. Nếu họ không chịu thì cho phước nhiều hơn, và cho cháo. Nếu họ vẫn không chịu, thì tất cả y thực nên chia cho họ hai phần, nếu họ vẫn không chịu nên đúng như pháp mà trị.

Pháp giải nhà kho:

Văn lược không có văn giải, nên nếu muốn giải thì nói ngược lại với văn kiết.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến xin

tăng chấp thuận, (557) tăng giải nhà kho phòng ấy, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay tăng giải nhà kho phòng ấy. Đại tỷ nào bằng lòng, cho tăng giải nhà kho phòng ấy thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng giải nhà kho phòng ấy rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp cho không có chủ làm phòng cho mình:

Tỳ-kheo-ni xem xét chỗ không có nạn, không hại rồi, đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... xin làm phòng không có chủ tự mình làm. Nay tôi đến trước tăng xin làm chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại (nói ba lần). Tăng nên quan sát Tỳ-kheo-ni này có đáng tin không. Nếu thấy người đó đáng tin thì tăng nên cho phép làm. Nếu thấy người đó không đáng tin, thì tất cả tăng thì nên đến chỗ kia xem. Nếu tăng không đi, nên sai người đáng tin trong tăng đến xem. Nếu chỗ kia có nạn, có hại thì tăng không nên cho làm. Nếu chỗ kia không có nạn mà có hại, hoặc có nạn mà có không hại thì tăng không nên cho làm ở đó. Nếu chỗ không nạn và không hại, thì tăng nên cho làm ở đó. Nên tác bạch như vầy để cho:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... tự xin làm phòng, không có chủ tự làm cho mình, đến tăng xin làm ở chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng chấp thuận, nay tăng cho Tỳ-kheo-ni...... làm ở chỗ này, chỗ không có nạn, không có hại, tác bạch như thế.

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... tự xin làm phòng, không có chủ tự làm cho mình, đến tăng xin chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại. Nay tăng cho Tỳ-kheo-ni...... làm ở chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... làm ở chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... làm chỗ này, là chỗ không có nạn, không có hại rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

(Văn làm phòng có chủ cũng giống như vậy, chỉ nêu khác là có chủ).

Pháp cho kiết giới không mất y:

Tỳ-kheo-ni bị bệnh gầy ốm có Tăng-già-lê phẩn tảo rất nặng, Tỳ-kheo-ni có việc muốn đi trong nhân gian, không thể mang y đi được. Phật cũng cho phép tăng bạch hai lần yết-ma kiết giới không mất y cho Tỳ-kheo-ni bệnh này. Người đó nên đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... bị bệnh ốm gầy, chiếc y tăng-già-lê phẩn tảo này rất nặng, có việc muốn đi trong nhân gian, không thể mang theo được, nay tôi đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y (nói ba lần). Tăng cho pháp như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... bị bệnh ốm gầy, có chiếc y Tăng-già-lê rất nặng, lại có việc muốn đi trong nhân gian, không thể mang theo được, đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, cho Tỳ-kheo-ni...... này kiết giới không mất y, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... bị bệnh ốm gầy, có chiếc y Tăng-già-lê phẩn tảo rất nặng, lại có việc muốn đi trong nhân gian, không thể mang theo được, đến trước tăng xin pháp kiết giới không mất y. Nay tăng cho Tỳ-kheo-ni...... pháp kiết giới không mất y. Đại tỷ nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo-ni...... pháp kiết giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni..... pháp kiết giới không mất y rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp cho làm đồ nằm mới:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni bị bệnh ốm gầy, có đồ nằm phẩn tảo rất nặng. Nhưng đồ nằm chưa đủ sáu năm, không thể mang theo được. Phật cũng cho phép tăng tác bạch hai lần yết-ma cho Tỳ-kheo-ni làm đồ nằm mới. Tỳ-kheo ni đó đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... bị bệnh ốm gầy, có chút việc đi trong nhân gian, nhưng đồ nằm phẩn tảo quá nặng, không thể mang theo được. Nay tôi đến trước tăng xin yết-ma làm đồ nằm mới (nói ba lần), tăng cho như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này bị bệnh ốm gầy, muốn đi trong nhân gian, lại có đồ nằm phẩn tảo quá nặng, nay đến trước tăng xin yết-ma cho làm đồ nằm mới, nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... này yết-ma làm đồ nằm mới, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này bị bệnh ốm

gầy, có đồ nằm phẩn tảo quá nặng, lại muốn đi trong nhân gian. Nay đến trước tăng xin yết-ma làm đồ nằm mới. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... này yết-ma làm đồ nằm mới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... yết-ma làm lại đồ nằm mới, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế.

Pháp cho chứa túi dây và gậy:

Có Tỳ-kheo-ni già yếu cần túi đựng bát, cần gậy để đi. Phật dạy: Cho phép tăng bạch hai lần yết-ma, cho Tỳ-kheo-ni già yếu kia làm túi và gậy. Tỳ-kheo-ni kia đến trước tăng, đầy đủ oai nghi, bạch xin như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo-ni...... già bệnh, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để chống. Nay tôi đến trước tăng xin cất chứa túi và gậy. Tăng cho tôi là Tỳ-kheo-ni...... chứa gậy và túi, xin thương xót tôi (nói ba lần), tăng nên cho pháp như sau:

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này già yếu, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để chống. Nay đến tăng xin chứa gậy và túi. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin tăng bằng lòng, cho Tỳ-kheo ni...... chứa gậy và túi, (tác bạch như thế).

- Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni...... này già yếu, cần có túi vải đựng bát, cần gậy để chống. Nay đến trước tăng xin chứa gậy và túi, nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni...... này chứa gậy và túi. Đại tỷ nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo-ni...... chứa gậy và túi thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni...... chứa gậy và túi rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như vậy.

Pháp sáu niệm:

Theo luật Tăng-kỳ chép:

Niệm thứ nhất: Đó là biết số ngày, tính tháng đủ, thiếu, có trăng, không trăng, gọi là: Tháng này đủ (tháng thiếu gọi là thiếu). Ngày mồng một tháng có trăng cho đến ngày mười lăm tháng không trăng (tháng không trăng thì nên nói). Ngày mồng một tháng không trăng cho đến ngày mười bốn, mười lăm tháng không trăng.

Phương Tây vốn đặt ra tháng có tháng có trăng, tháng không trăng. Tháng có trăng hoàn toàn là tháng đủ. Tháng không trăng có tháng đủ, tháng thiếu. Ở Trung qmột tháng có ba mươi ngày. Cho nên biết chắc

rằng tháng đủ, thiếu là do phương này lập ra. Nói về tháng, thì nói riêng một, hai tháng không trăng, tháng có trăng v.v... lại thuận theo ngày tháng do phương Tây đặt ra.

Niệm thứ hai: Đó là biết chỗ của thức ăn, chỗ của thức ăn bất định, tùy theo chỗ thức ăn đó mà nói là hoặc ăn thức ăn thường của tăng, hoặc thức ăn thường khất thực, hoặc nhận lời thỉnh của người khác, hoặc thức ăn của mình, v.v... vì chưa xác định thức ăn nên nói: "Ngày nay nghĩ rằng không trái với thức ăn được thỉnh".

Niệm thứ ba: Đó là biết ngày, tháng, năm lúc thọ giới nói rằng: Tôi vào ngày...... tháng...... năm............, cây cao một thước bóng bao nhiêu...... thọ giới cụ túc, không có hạ (nếu có hạ tùy theo số hạ mà nói).

Niệm thứ tư: Đó là biết y bát có không, đủ hay thiếu. Nếu y bát thiếu, thì tùy theo có mà nói rằng: Y và bát đầy đủ. Trường hợp không đủ nói rằng: Y và bát không đủ, nghĩ lúc ấy đủ. Nếu tất cả đầy đủ nên nói: Năm y và bát đầy đủ. Trường hợp y dư, thuốc bát nghĩ biết đã tịnh thí hay chưa tịnh thí. Nếu chưa tịnh thí thì nói rằng: Có y dư, thuốc, và bình bát chưa tác tịnh, nghĩ rằng sẽ thuyết tịnh. Nếu không có thì nên nói: Không có y dư, thuốc và bát.

Niệm thứ năm: Đó là biết ăn đồng chúng, ăn riêng chúng; khuyên tăng ăn đồng chúng, nói rằng: Không nên ăn riêng chúng.

Niệm thứ sáu: Đó là biết bệnh, hay không bệnh. Bị bệnh nói rằng: Nay tôi bị bệnh, nghĩ sẽ trị lành. Không bệnh thì nói rằng: Nay tôi không bệnh, nương theo chúng hành đạo.

Pháp xả thỉnh:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bị bệnh và trong một ngày thí y, có nhiều người thỉnh. Tỳ-kheo-ni đó nên nhận lời thỉnh của một người, còn các người khác chuyển nhường cho các Tỳ-kheo-ni khác, nói như sau:

- Thưa Đại tỷ, nhà ấy thỉnh tôi cúng dường năm thứ thức ăn chính. Tôi phải đến chỗ kia, nay tôi xin cúng dường Ngài.

Nếu không từ chối người thỉnh trước, mà nhận thức ăn người thỉnh sau thì mỗi miếng ăn phạm một tội ba-dật-đề. Nếu không từ chối người thỉnh sau, nhận thức ăn của người thỉnh trước, nếu ăn mỗi miếng phạm một tội đột-cát-la.

Làm pháp thức ăn dư:

Thức ăn có hai loại: 1- Thức ăn chính; 2- Thức ăn phụ. Thức ăn phụ là: thức ăn bằng củ, cọng, v.v... Thức ăn phụ này, ăn không no. Thức

ăn chính là: cơm, cốm, cơm khô, cá và thịt; hoặc cháo mới múc ra khỏi nồi, dùng cọng cỏ vẽ lên, không dính lại, đó là thức ăn chính không được ăn. Trong năm thứ thức ăn chính, nếu ăn một thức ăn chính nào no rồi, xả oai nghi, không làm pháp thực ăn dư mà ăn, thì mỗi miếng phạm một tội ba-dật-đề. Nếu muốn ăn, Tỳ-kheo-ni nên đem thức ăn đến chỗ một Tỳ-kheo-ni ăn chưa no, nói như vầy:

- Thưa Đại tỷ! Tôi ăn no rồi! Đại tỷ biết đó, xem đó. Thức ăn này xin làm pháp thức ăn dư.

Tỳ-kheo-ni kia nên lấy một chút thức ăn, rồi nói với Tỳ-kheo-ni này rằng:

- Đại tỷ, tôi đã ăn rồi, cô nên lấy mà dùng.

Tỳ-kheo ni đó nên đáp: Vâng!

Làm pháp này rồi, Tỳ-kheo-ni đó được tùy ý mà ăn.

Pháp ăn riêng chúng thưa ra vào:

Chúng riêng: Hoặc bốn người, hoặc hơn bốn người, hoặc hai, ba người ăn thì tùy ý thực. Bốn người hoặc hơn bốn người, chia làm hai bộ thay phiên nhau ăn. Nếu Tỳ-kheo-ni có việc ăn riêng chúng, muốn vào ăn nên đứng dậy thưa rằng: "Tôi có nhân duyên...... được ăn riêng chúng, muốn vào ăn".

Phật dạy: "Nên cho phép thứ lớp tùy theo vị Thượng tọa vào ăn riêng chúng". Duyên: Lúc bệnh, lúc may mang y, bố thí y, đi trên đường, đi thuyền, chúng đông nhóm họp, Sa-môn thí thực.

Nếu Tỳ-kheo-ni ăn riêng chúng, mỗi miếng phạm một tội ba-dật-đề. Nếu có nhân duyên, mà không nói, thì Tỳ-kheo-ni phạm đột-cát-la.

Pháp trước bữa ăn, sau bữa ăn đến nhà người có dặn Tỳ-kheo-ni khác:

Tỳ-kheo-ni được nhiều thí chủ thỉnh, không dám vào thành. Phật dạy: Cho phép các Tỳ-kheo-ni dặn nhau để vào thành.

Nên dặn như sau:

- Bạch Đại tỷ nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo-ni...... đã nhận lời thỉnh của nhà ấy. Nay có nhân duyên...... vào xóm ...... đến nhà......, Bạch cho Đại tỷ biết như vậy!

Lúc bệnh, lúc may y, lúc thí y, thì khai cho không cần dặn Tỳ-kheo-ni khác. Nếu dặn rồi, Tỳ-kheo-ni muốn đến chỗ đó, nhưng nửa đường trở lại, hoặc không đến chỗ đã dặn, lại đến nhà khác, cho đến

nhà kho, phòng cạnh xóm làng và chùa của Tỳ-kheo, hoặc đến chỗ đã dặn, vào nhà người tại gia rồi trở ra v.v... tất cả đều mất lời dặn trước. Nếu muốn đến, Tỳ-kheo-ni nên dặn lại.

Pháp phi thời vào xóm làng có dặn Tỳ-kheo-ni khác:

Nếu có việc tăng, việc tháp, việc Tỳ-kheo-ni săn sóc bệnh thì cho phép Tỳ-kheo-ni dặn Tỳ-kheo-ni khác rồi vào xóm, nên dặn như sau:

- Bạch Đại tỷ nhớ nghĩ cho, tôi là Tỳ-kheo-ni...... phi thời vào xóm, đến nhà...... vì duyên...... Bạch cho Đại tỷ biết như vậy.

Nếu đường đi phải qua xóm, hoặc có thưa bạch, hoặc nói thọ thỉnh, hoặc bị thế lực lôi kéo, ép buộc, v.v... thì không phạm.

THIÊN THỨ MƯỜI BẢY: KÍNH TU

Pháp tôn kính vâng tu này xuất xứ trong Đại tăng, ni có chỗ khác nhau. Đầy đủ như trong bản luật.

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy lắng nghe, khéo léo ghi nhớ. Nếu Tỳ-kheo nói văn cú tương tự ngăn pháp tỳ-ni, Tỳ-kheo này làm cho nhiều người không được lợi ích, gây ra các nghiệp khổ, phá diệt Chánh pháp. Nếu Tỳ-kheo thuận theo văn cú, không trái pháp tỳ-ni, Tỳ-kheo này làm lợi ích cho nhiều người, không gây ra các nghiệp khổ, nhờ đó Chánh pháp tồn tại lâu dài. Vì thế Tỳ-kheo, các thầy phải thuận theo văn cú, chớ để thêm bớt trái với pháp tỳ-ni, nên học như vậy. Phật nói lời đó xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Như lai xuất hiện ở đời vì thấy chúng sinh gây nhiều tội lỗi, dùng mười cú nghĩa kiết giới cho các Thanh văn. Vì nghĩa thứ nhất là được chúng tăng nhiếp thủ này, Như lai kiết giới cho các Thanh văn. Phật nói lời đó xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì. Cho đến cú nghĩa thứ mười là Chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi câu cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Như lai xuất hiện ở đời, dùng mười cú nghĩa, vì các Tỳ-kheo đặt ra yết-ma-quở trách, được chúng tăng nhiếp thủ: Đó là nghĩa thứ nhất. Như lai ra đời, đặt ra yết-ma-quở trách cho Tỳ-kheo. Phật nói lời đó xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì. Cho đến cú nghĩa thứ mười Chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi câu cũng giống như vậy.

Như thế, yết-ma tẫn xuất, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà người tại gia, yết-ma không thấy tội đã nêu, yết-ma không sám

hối tội đã nêu, yết-ma ác kiến không bỏ, xem xét lại các luật đã chế: Chế thọ y chỉ, chế phạm phạt, chế cử, chế ức niệm, chế cầu thính, chế tự ngôn, chế ngăn A-nâu-bà-đà, chế ngăn thuyết giới, chế ngăn tự tứ, chế giới, chế thuyết giới, chế bố-tát, chế yết-ma bố-tát, chế tự tứ, chế yết-ma tự tứ, chế đơn bạch yết-ma, chế bạch hai lần yết-ma, chế bạch bốn lần yết-ma, chế cho che giấu, cho bản nhật trị, cho Ma-na-đỏa, cho xả tội, chế bốn pháp Ba-la-di, chế mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi Ba-dật-đề, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thức-xoa-ca-la-ni, bảy pháp diệt tránh. Mỗi câu như yết-ma-quở trách.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai kiến chấp, người xuất gia không nên có: Phi pháp chấp là pháp, pháp chấp là phi pháp. Lại có hai kiến chấp: Tỳ-ni nói phi Tỳ-ni, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni. Lại có hai kiến chấp: Không phạm chấp là phạm, phạm chấp là không phạm. Lại có hai kiến chấp: Nhẹ lại chấp nặng, nặng lại chấp nhẹ. Lại có hai kiến chấp: Hữu dư chấp là vô dư, vô dư chấp là hữu dư. Lại có hai kiến chấp: Thô ác chấp là không thô ác, không thô ác chấp là thô ác. Lại có hai kiến chấp: Pháp cũ chấp không phải pháp cũ, không phải pháp cũ chấp là pháp cũ. Lại có hai kiến chấp: Chế chấp chẳng phải chế, chẳng phải chế chấp là chế. Lại có hai kiến chấp: Nói chấp không nói, không nói chấp là nói. Lại có hai kiến chấp: Rượu chấp chẳng phải rượu, chẳng phải rượu chấp là rượu. Lại có hai kiến chấp: Ăn chấp là không ăn, không ăn chấp là ăn. Lại có hai kiến chấp: Uống chấp chẳng uống, chẳng uống chấp là uống. Lại có hai kiến chấp: Thời chấp là phi thời, phi thời chấp là thời. Lại có hai kiến chấp: Tịnh chấp bất tịnh, bất tịnh chấp là tịnh. Lại có hai kiến chấp: Trọng chấp không trọng, không trọng chấp là trọng. Lại có hai kiến chấp: Nạn chấp chẳng phải nạn, chẳng phải nạn chấp là nạn. Lại có hai kiến chấp: Không có trùng chấp không trùng, có trùng chấp có trùng. Lại có hai kiến chấp: Phá chấp không phá, không phá chấp là phá. Lại có hai kiến chấp: Loại chấp chẳng phải loại, chẳng phải loại chấp là loại. Lại có hai kiến chấp: Đã hiểu nghĩa chấp chưa hiểu nghĩa, chưa hiểu nghĩa chấp hiểu nghĩa. Lại có hai kiến chấp: Đáng thân chấp không thân, không thân chấp đáng thân. Lại có hai kiến chấp: Sợ chấp không sợ, không sợ chấp là sợ. Lại có hai kiến chấp: Đạo chấp phi đạo, phi đạo chấp là đạo. Lại có hai kiến chấp: Đáng làm chấp không làm, không làm chấp là đáng làm. Lại có hai kiến chấp: Xuất ly chấp không xuất ly, không xuất ly chấp là xuất ly. Lại có hai kiến chấp: Ba-la-di chấp chẳng phải Ba-la-di, không phải Ba-la-di chấp là Ba-la-di. Lại có

hai kiến chấp: Chấp thế gian là thường, chấp thế gian là vô thường. Lại có hai kiến chấp: Chấp thế giới có giới hạn, chấp thế giới không giới hạn. Lại có hai kiến chấp: Thân này mạng này, thân khác mạng khác. Lại có hai kiến chấp: Như lai diệt độ, Như lai không diệt độ. Lại có hai kiến chấp: Có không có Như lai diệt độ, chẳng phải có không có Như lai diệt độ. Ở trong Phật pháp có hai kiến chấp như thế, người xuất gia không nên chấp theo. Nếu người nào chấp theo thì đúng như pháp mà trị. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai hạng người sống không an vui: người hay tức giận, người luôn thù oán. Lại có hai pháp: Nóng nảy, khó bỏ. Lại có hai pháp: Keo kiệt, ganh ghét. Lại có hai pháp: Lừa dối, quanh co. Lại có hai pháp: Tự cao, ưa tranh cãi. Lại có hai pháp: Thích trang sức, buông lung. Lại có hai pháp: Mạn, mà tăng thượng mạn. Lại có hai pháp: Tham lam, tức giận. Lại có hai pháp: Khen mình, chê người. Lại có hai pháp: Tà kiến, biên kiến. Lại có hai pháp: Khó dạy, không chịu nghe lời chỉ bảo. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Người phá giới đọa vào hai đường: Địa ngục, và súc sinh. Người giữ giới sinh vào hai đường: Cõi trời, và cõi người. Người gây ra nghiệp ác không ai biết đọa vào hai đường: Địa ngục, súc sinh, người làm lành không ai biết được sinh lên hai đường: Trời và người.

Phật và các thánh đệ tử tôn quý nhất trong người, trời; Có hai pháp không được giải thoát: Phạm giới, và không thấy phạm giới. Có hai pháp tự mình được giải thoát là: Không phạm giới, và thấy phạm giới. Có hai pháp không được giải thoát: Phạm mà không thấy tội, thấy phạm mà không đúng như pháp sám hối. Có hai pháp tự mình được giải thoát: Thấy phạm tội, phạm mà biết sám hối đúng như pháp. Có hai pháp không được giải thoát: Thấy tội không sám hối, hoặc cho sám hối đúng như pháp mà người đó không chịu. Có hai pháp tự mình được giải thoát: Thấy tội đúng như pháp sám hối, hoặc cho sám hối đúng như pháp thì người kia chịu theo như pháp. Ràng buộc, không ràng buộc cũng giống như vậy. Có hai hạng người thanh tịnh: là hạng người không phạm tội, và hạng người phạm tội mà biết sám hối. Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai chúng: Chúng nói pháp, và chúng nói phi pháp. (559)

Ở trong chúng không thực hành pháp tỳ-ni, không thực hành lời

Phật dạy mà nói, nên người nghe theo lời dạy, và người không nghe lời dạy sống chung với nhau, người dứt bỏ kiết sử, và người không dứt bỏ kiết sử ở chung. Đó là chúng nói phi pháp.

Ở trong chúng thực hành pháp tỳ-ni, nói theo lời Phật dạy, nên mọi người nghe lời Phật dạy ở chung, mọi người dứt bỏ kiết sử ở chung. Đó là chúng nói pháp.

Trong hai chúng này, chúng nói pháp được ta khen ngợi và tôn trọng. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Lại có hai chúng: Chúng đúng pháp, và chúng phi pháp.

Chúng phi pháp: Trong chúng người phi pháp có thế lực, người đúng pháp không có thế lực. Người phi pháp có bạn, người đúng pháp không có bạn. Làm yết-ma thì phi pháp, không làm yết-ma thì đúng pháp. Làm yết-ma thì không đúng với Tỳ-ni, không làm yết-ma thì đúng với Tỳ-ni. Pháp sai thì hành trì, pháp đúng thì không hành trì.

Chúng đúng pháp: Trong chúng người đúng pháp có thế lực, người phi pháp không có thế lực. Người đúng pháp có bạn, người phi pháp không có bạn. Làm yết-ma thì đúng pháp, không làm yết-ma là phi pháp. Làm yết-ma là Tỳ-ni, không làm yết-ma là phi Tỳ-ni. Pháp đúng thì hành trì, pháp sai thì dứt trừ.

Trong hai chúng này, chúng đúng pháp được ta khen ngợi tôn trọng. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Có hai chúng: Chúng bình đẳng, và chúng không bình đẳng cũng giống như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu đất nước vua thế lực yếu thì chúng giặc sẽ mạnh. Lúc ấy, Pháp Vương không được ra vào một cách an vui. Vua nhỏ của nước láng giềng không nghe theo mệnh lệnh. Người dân trong nước ra vào cũng không an vui; sự nghiệp phế bỏ, lo buồn khổ não, mọi việc đều tổn giảm, không được lợi ích. Cũng thế, Tỳ-kheo phi pháp có thế lực, Tỳ-kheo đúng pháp không có thế lực. Tỳ-kheo đúng pháp không được an vui, hoặc ở trong chúng cũng không được nói; hoặc ở chỗ vắng vẻ. Lúc đó làm yết-ma là phi pháp, không làm yết-ma là đúng pháp; làm yết-ma là phi tỳ-ni, không làm yết-ma là Tỳ-ni; phi pháp thì thực hành, đúng pháp thì không thực hành. Người kia không siêng năng tinh tấn, chưa đắc nói đắc, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng khiến cho các vị trời, người dân không được lợi ích, chịu khổ lâu dài. Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu đất nước vua có thế lực mạnh thì chúng giặc suy yếu, tất cả đều quy phục hoặc chạy trốn. Lúc ấy,

Pháp Vương ra vào an vui, không còn lo buồn. Vua nhỏ của nước láng giềng vâng theo mệnh lệnh. Người dân trong nước cũng được an vui; sự nghiệp như ý không có các lo buồn, khổ não; thường được lợi ích không có tổn hoại. Cũng thế, Tỳ-kheo đúng pháp có thế lực, Tỳ-kheo phi pháp không có thế lực, Tỳ-kheo phi pháp đến chỗ Tỳ-kheo đúng pháp thuận theo lời chỉ dạy không dám trái nghịch, hoặc sẽ trốn đi không gây ra các nghiệp ác. Lúc này, Tỳ-kheo đúng pháp được yên ổn an vui, hoặc ở trong tăng được nói, hoặc ở chỗ vắng vẻ. Làm yết-ma đúng pháp, không làm yết-ma phi pháp. Làm yết-ma Tỳ-ni, không làm yết-ma phi Tỳ-ni. Đúng pháp thì thực hành, phi pháp không thực hành. Người đó siêng năng tinh tấn, chưa đắc sẽ đắc, chưa nhập sẽ nhập, chưa chứng sẽ chứng, sẽ làm cho các vị trời, người dân được lợi ích lớn. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Các Trưởng lão! Nếu có việc tranh cãi nên nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo kia có tội. Họ không tự quan sát mình, nên biết việc tranh cãi này sẽ thêm lớn, không dứt trừ đúng pháp, như Tỳ-ni. Vì thế, các Tỳ-kheo không an lạc. Nếu Tỳ-kheo tranh cãi nhau nên nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo có tội. Mỗi người tự quán sát lỗi mình, nên biết việc tranh cãi này không phát triển nặng hơn; sẽ dứt trừ đúng pháp, đúng với tỳ-ni. Vì thế các Tỳ-kheo sống an vui. Vì sao các Tỳ-kheo phải tự quán sát lỗi mình? Tỳ-kheo có tội nghĩ rằng: "Ta phạm việc như vậy, người kia mới thấy ta phạm sai trái. Vì ta phạm nên người kia thấy ta phạm. Nay ta nên tự sám hối, khiến người kia không có lời thô ác quở trách ta. Nếu ta làm như vậy, pháp lành sẽ thêm lớn". Đó là nêu Tỳ-kheo khác quan sát lỗi mình.

Nếu Tỳ-kheo có việc tranh cãi, nêu tội Tỳ-kheo kia và Tỳ-kheo có tội sẽ tự quán sát lỗi mình như vậy; nên biết lỗi này không thêm lớn, sẽ dứt trừ đúng pháp, đúng như tỳ-ni, đúng như lời Phật dạy. Các Tỳ-kheo sống an vui. Ngài Xá-lợi-phất nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, có rất nhiều vị Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế tôn! Đó là pháp chủ yếu, nói về Học. Vậy thế nào là Học?

Phật bảo các Tỳ-kheo: Học về giới nên nói là Học, thế nào là học giới? Đó là tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, cho nên nói học. Lúc người kia tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, sẽ điều phục được tham dục, tức giận, ngu si, khiến chúng không còn sinh khởi. Tham

dục, tức giận, ngu si kia được nhổ sạch tận gốc; không gây ra các nghiệp ác, không gần gũi người ác, cho nên nói học. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy học thế nào?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Đó là pháp căn bản, là pháp chủ yếu. Như những lời Thế tôn dạy, chúng con thọ trì nên nói học. Lại có Ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học". Người học Ba học này, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cho nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn học ba học này.

Bấy giờ, ngài A-nan ở Kê Viên, thành Ba-la-lợi-tử. Lúc ấy, có Bà-la-môn Khổng Tước Quan đến chỗ ngài A-nan thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, bạch ngài A-nan rằng:

- Thưa Tôn giả! Sa-môn Cù-đàm, vì sao đặt ra tăng giới học, tăng tịnh hạnh học, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học cho các tỳkheo?

Ngài A-nan đáp:

- Sở dĩ Đức Thế tôn chế ra như vậy, là để điều phục tham dục, tức giận, ngu si.

- Nếu Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán lậu tận, vị ấy còn học điều gì không?

- Tham dục, tức giận, ngu si đã hết, không còn gây ra nghiệp ác, không gần gũi các người ác, việc cần làm đã làm xong, gọi là Vô học.

- Như lời ông nói là vô học sao?

- Đúng vậy!

Bà-la-môn Khổng Tước Quan nghe xong, vui mừng ưa thích thọ trì.

Phật bảo Tỳ-kheo Ca-diếp:

- Nếu Thượng tọa không học giới, cũng không khen ngợi giới; dù cho có Tỳ-kheo khác thích học giới, khen ngợi giới thì cũng không khuyến khích khen ngợi.

Nầy Tỳ-kheo Ca-diếp! Ta không khen ngợi Thượng tọa như thế. Vì sao? Vì nếu ta khen ngợi thì các Tỳ-kheo sẽ gần gũi. Người gần gũi sẽ học theo pháp đó. Nếu học theo pháp đó thì sẽ chịu khổ lâu dài. Tỳ-kheo Ca-diếp! Ta thấy lỗi của Thượng tọa như thế, cho nên không khen ngợi.

(560) (Nếu Trung tọa, Hạ tọa cũng như vậy. Kế là có Thượng tọa, Trung tọa, Hạ tọa như pháp, ngược lại các câu trên).

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Thí như có con lừa và đàn bò cùng đi, lừa tự nói: "Ta cũng là bò! Ta cũng là bò!" nhưng lông lừa không

giống chân bò, không giống tiếng bò; cũng không giống bò nhưng đi chung với bò, tự nói mình là bò. Cũng giống như vậy, có người ngu si theo Tỳ-kheo đúng pháp, tự nói mình là Tỳ-kheo. Người ngu này không có tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ. Nếu Tỳ-kheo chân chánh cùng đi chung với tăng, tự nói: "Tôi là Tỳ-kheo". Cho nên các thầy phải siêng năng tu tập, tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ. Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có Ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, và tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; không tôn trọng định, không lấy định làm căn bản; Không trọng tuệ, không lấy tuệ làm căn bản. Tỳ-kheo kia đối với giới này, nếu phạm nhẹ thì sám hối. Vì sao? Vì trong giới đó chẳng phải như phá đồ vật, phá đá gạch. Nếu Tỳ-kheo tôn trọng giới, luôn giữ gìn vững chắc, khéo trụ vào giới; nên có hạnh gần gũi, không có hạnh hủy phá, không có hạnh nhiễm ô. Thường tu tập như vậy, Tỳ-kheo dứt được năm kiết sử hạ phần, đạt đến niết-bàn, không trở lại cõi này.

Tăng tâm học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; tôn trọng định, lấy định làm căn bản; không tôn trọng tuệ, không lấy tuệ làm căn bản như trên.

Tăng tuệ học: Là Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm căn bản; tôn trọng định, lấy định làm căn bản; tôn trọng tuệ, lấy tuệ làm căn bản. Tỳ-kheo đó các lậu đã hết; được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đối với hiện tại tự biết chứng đắc, ta đã hết sinh tử, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lại cõi này. Người thực hành đầy đủ sẽ thành tựu trọn vẹn; người thực hành thiếu sót thì thành tựu không hoàn toàn, ta nói giới này không có tổn giảm. Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Lại có Ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh, thiếu hành định hạnh, thiếu hành tuệ hạnh. Tỳ-kheo đó dứt trừ năm kiết sử hạ phần, đạt đến Niết-bàn, không còn trở lại cõi này. Nếu không được như vậy, thì sẽ làm nhẹ Ba kiết: tham dục, tức giận, ngu si; đắc quả Tư-đà-hàm, trở lại nhân gian một lần nữa, dứt trừ tận nguồn gốc khổ. Nếu không được như vậy, sẽ dứt được ba kiết, đắc quả Tu-đà-hoàn, không đọa vào đường ác, quyết chí giữ đạo, bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh xuống loài người, nhổ hết nguồn gốc khổ. Nếu Tỳ-kheo đầy đủ giới hạnh, đầy đủ định hạnh, thiếu tuệ hạnh cũng giống như trên. Nếu Tỳ-kheo đầy đủ

giới hạnh, đầy đủ định hạnh, đầy đủ tuệ hạnh cũng giống như trên.

Lại có Ba học: Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Tăng giới học: Là Tỳ-kheo giữ gìn trọn vẹn Ba-la-đề-mộc-xoa giới, thành tựu oai nghi, cẩn thận các giới nhẹ, quí trọng như kim cương v.v... tu học các giới, ấy là Tăng giới học.

Tăng tâm học: Là Tỳ-kheo xả bỏ những tham muốn xấu xa, cho đến được nhập vào thiền thứ tư. Đó là Tăng tâm học.

Tăng tuệ học: Là Tỳ-kheo biết khổ đế như thật, biết tập đế, diệt đế, đạo đế như thật. Đó là Tăng tuệ học.

Bấy giờ, Phật ngự ở trong đại thành nước Bà-xà. Ngài bảo các Tỳ-kheo: Ta nói bốn thứ nói rộng, các thầy hãy lắng nghe, ta sẽ giảng nói cho các thầy nghe.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Chúng con rất muốn nghe. Bốn loại nói rộng là gì?

Tỳ-kheo nói như vầy: "Thưa các Trưởng lão, con ở thôn...... thành...... đích thân nghe lời Phật, thọ trì. Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy". Nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo không nên sinh chê bai nghi ngờ, cũng không nên quở trách. Các Tỳ-kheo nên xác định rõ văn cú, nghiên cứu Tu-đa-la (kinh), Tỳ-ni (luật), xem xét pháp luật. Nếu lúc nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, xem xét pháp luật, thấy không tương ưng với kinh, luật, pháp luật thì nên nói: Những lời ông nói chẳng phải lời Phật nói; Hoặc nói: "Trưởng lão không hiểu được lời Phật". Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy không tương ưng với kinh, luật, pháp luật, trái với pháp. Trưởng lão không nên tụng tập, cũng đừng dạy các Tỳ-kheo khác, nay nên bỏ điều đó đi. Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ưng với kinh, luật, pháp luật. Nên nói với Tỳ-kheo kia: Trưởng lão! Những lời đó đúng là lời Phật nói, xác định đúng là lời của Phật. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ưng không trái, Trưởng lão nên khéo thọ trì, tụng tập, dạy các Tỳ-kheo khác, chớ để quên mất. Đây là nói rộng thứ nhất.

Kế là, nếu Tỳ-kheo nói như vầy: Thưa Trưởng lão! Tôi ở thôn...... thành...... trước đây nghe Thượng tọa ở trong tăng hòa hợp nói: "Đây là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy". Lúc nghe Tỳ-kheo kia nói, các Tỳ-kheo không nên chê bai nghi ngờ, cũng không nên quở trách; nên xác định rõ văn cú, nghiên cứu kinh, luật, xem xét pháp luật. Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, lúc các Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy không tương ưng với pháp, nên nói Tỳ-kheo kia: "Trưởng lão! Đây chẳng phải

lời Phật nói. Mà do chúng tăng và Thượng tọa không xác định rõ lời Phật. Trưởng lão cũng vậy. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy không tương ưng, trái với pháp. Trưởng lão không nên tụng tập, cũng chớ dạy các Tỳ-kheo khác, nay nên bỏ điều ấy đi". Nếu nghe Tỳ-kheo kia nói, Tỳ-kheo nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ưng với pháp, nên nói với Tỳ-kheo kia: "Trưởng lão! Đây là lời Phật dạy, chúng tăng, Thượng tọa và Trưởng lão cũng đã xác định đúng là lời Phật. Vì sao? Vì tôi nghiên cứu kinh, luật, pháp luật, thấy tương ưng với pháp. Trưởng lão nên khéo thọ trì, tụng tập, cũng nên chỉ dạy các Tỳ-kheo khác, chớ để quên mất". Đây là nói rộng thứ hai.

Về nói rộng thứ ba, nghe từ rất nhiều Tỳ-kheo biết pháp, biết tỳ-ni, Ma-di cũng giống như vậy. Về nói rộng thứ tư, nghe từ một Tỳ-kheo biết pháp, tỳ-ni, Ma-di cũng giống như vậy.

Đây là bốn nói rộng, Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

Tỳ-ni có năm việc đáp: Thứ lớp, chế, trùng chế, Tu-đa-la và thuận theo. Tu-đa-la. Người có năm pháp gọi là người trì luật: Biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, đọc thuộc giới của hai bộ (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni).

Lại có năm pháp: Bốn pháp giống như trên, Pháp thứ năm là: thuộc lòng Tỳ-ni.

Lại có năm pháp: Bốn pháp giống như trên, Pháp thứ năm là an trụ tỳ-ni bất động.

Lại có năm pháp: Bốn pháp giống như trên. Pháp thứ năm là: Việc tranh cãi khởi lên, hoàn toàn có khả năng trừ diệt.

Có năm hạng người trì luật:

1. Thuộc giới từ bài tựa, bốn Ba-la-di, mười ba tăng tàn, hai pháp bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Thuộc lòng thêm chín mươi ba-dật-đề.

3. Thuộc lòng giới và Tỳ-ni.

4. Thuộc lòng giới của hai bộ (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni và tỳ-ni).

5. Thuộc lòng tất cả giới luật.

Trong năm hạng người trì luật này, vào mùa Xuân, Thu, Đông Tỳ-kheo nên nương bốn hạng người trì luật ở trước. Nếu không nương để ở, thì Tỳ-kheo phạm đột-cát-la. Hạ an cư, Tỳ-kheo nên nương hạng trì luật thứ năm. Nếu không nương để ở, thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề.

Người trì luật có năm công đức: Giới phẩm vững chắc, hoàn toàn thắng được các kẻ thù, ở trong chúng giải quyết mọi việc không sợ hãi;

nếu có nghi ngờ hối hận, có khả năng giải thích được, khéo trì luật khiến cho Chánh pháp tồn tại lâu dài.

Lại có năm thứ phạm là: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, và Đột-cát-la. Cũng gọi là năm thứ chế giới, năm nhóm phạm. Nếu người không biết, không thấy năm thứ phạm, Ta nói (561) người này ngu si, (Ba-la-di cho đến đột-cát-la).

Lại nữa, người chết có năm điều xấu: Dơ bẩn, hôi thối, có sợ hãi, khiến người sợ hãi, ác quỷ có dịp làm hại, là chỗ ở của thú dữ và phi nhân. Người phạm giới có năm lỗi: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp không thanh tịnh, như thây chết dơ bẩn hôi thúi kia, ta nói người này cũng giống như vậy. Hoặc người thân, miệng, ý không thanh tịnh, tiếng xấu đồn xa, như mùi hôi thối từ thây chết xông ra. Ta nói người này cũng giống như vậy. Người thân, miệng, ý không thanh tịnh, các Tỳ-kheo thanh tịnh sợ hãi tránh xa, như thấy chết kia làm cho người sợ hãi. Ta nói người này cũng giống như vậy. Người thân, miệng, ý không thanh tịnh, khiến các Tỳ-kheo thanh tịnh thấy sinh tâm ác nói: "Vì sao ta lại gặp người ác này?", như người thấy thây chết sinh tâm sợ hãi, làm cho ác quỷ có dịp làm hại. Ta nói người này cũng giống như vậy. Người thân, miệng, ý không thanh tịnh, ở chung với người ác, như chỗ thây chết kia thì thú dữ, phi nhân cũng ở. Ta nói người này cũng giống như vậy. Đó là năm lỗi của người phạm giới như thây chết kia.

Người phá giới có năm lỗi: Tự hại mình, bị người trí quở trách, tiếng xấu đồn xa, lúc qua đời sinh hối hận, chết đọa vào đường ác.

Người giữ giới có năm công đức (ngược lại các câu trên).

Lại có năm việc: Trước chưa được vật thì không thể được; đã được rồi không giữ được; hoặc tùy theo các chúng: Sát-lợi, Bà-la-môn, hoặc chúng cư sĩ, chúng Tỳ-kheo, đối với các chúng đó có hổ thẹn; trong vô số do-tuần, Sa-môn, Bà-la-môn nói điều xấu ác của người đó; người ác phá giới chết đọa vào đường ác.

Người giữ giới có năm công đức (ngược lại các câu trên).

Có năm cách tác tịnh quả trái: Hỏa tịnh, đao tịnh, sang tịnh, điểu tịnh, và bất nhậm chủng tịnh. Lại có năm cách tác tịnh: Bóc một ít vỏ, bóc hết vỏ, chín rục, làm hoại, bị hư.

Có năm pháp làm cho Chánh pháp mau diệt tận:

1. Có Tỳ-kheo không nghe rõ, đọc tụng hay quen sát lẫn lộn, văn không đầy đủ; lại lấy đó dạy người khác. Văn đã không đầy đủ thì nghĩa sẽ thiếu sót.

2. Có Tỳ-kheo là Thượng tọa, là bậc cao quý trong tăng, như người

chủ của một nước, mà phần nhiều không giữ giới, chỉ tu các pháp ác, buông bỏ giới hạnh, không siêng năng tinh tấn, chưa được nói được, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng; Làm cho các Tỳ-kheo hậu sinh nhỏ tuổi học tập theo hạnh đó, phần nhiều họ cũng phá giới, làm các việc ác, xả bỏ giới hạnh, không siêng năng tinh tấn, chưa được nói được, chưa nhập nói nhập, chưa chứng nói chứng.

3. Có Tỳ-kheo học rộng, trì pháp, trì luật, trì Ma-di; lại không đem điều đọc tụng đó dạy các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người đó qua đời, khiến cho Chánh pháp dứt mất.

4. Có Tỳ-kheo rất khó dạy dỗ, họ không nghe theo những lời hay, không thể nhẫn nhục, nên bị các Tỳ-kheo thanh tịnh khác lìa bỏ.

5. Có Tỳ-kheo ưa thích tranh đấu, mắng nhiếc nhau; người này nói với người kia bằng những lời độc ác, tranh nhau hơn thua.

Lại có năm pháp giúp cho Chánh pháp tồn tại lâu dài (ngược lại năm điều trên).

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khác đến chỗ Phật, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế tôn! Vì nhân duyên gì Chánh pháp mau diệt tận?

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo đối với pháp luật xuất gia, không có tâm nói pháp cho người, cũng không có tâm nghe pháp, ghi nhớ; Dù có gìn giữ bền chắc thì cũng không thể suy nghĩ nghĩa lý. Người kia không biết nghĩa, không thể tu hành như lời Phật dạy, không thể lợi mình, cũng không lợi người.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Vì nhân duyên đó làm cho Chánh pháp mau diệt tận.

- Bạch Đức Thế tôn! Lại vì nhân duyên gì giúp cho Chánh pháp tồn tại lâu dài? (Ngược lại điều trên).

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo vào trong tăng, trước phải có năm pháp: Phải có tâm từ; có tính khiêm nhường như khăn lau bụi; phải khéo biết ngồi, đứng; nếu thấy Thượng tọa phải đứng dậy; nếu thấy Hạ tọa không cần đứng dậy. Người kia vào trong tăng, không nói nhiều, luận bàn việc thế gian; hoặc tự nói pháp; hoặc có người thỉnh nói pháp, hoặc thấy trong tăng có việc khó giải quyết, tâm không chấp thuận thì nên im lặng. Vì sao? Vì sợ những điều mình nói sẽ khác với tăng. Tỳ-kheo trước nên có năm pháp này, sau đó mới vào trong tăng.

Bấy giờ, Đức Phật ngự bên ao Già-già, trong thành Chiêm-bà.

Vào ngày mười lăm tháng có trăng thuyết giới, Ngài ngồi ở ngoài trời, các Tỳ-kheo vây quanh Phật. Lúc ấy, có Tỳ-kheo nêu tội thấy, nghe, nghi của Tỳ-kheo kia. Lúc đang nêu tội, Tỳ-kheo kia dùng lời khác lạ trả lời, rồi nổi lên tức giận. Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy nên xét định, rồi hỏi người kia. Người kia ở trong Phật pháp không làm được gì, không thể làm cho pháp lành thêm lớn. Thí như ruộng lúa non của người nông phu có cỏ đề, cỏ kê mọc nhiều. Nhưng lá lúa non giống các loài cỏ, nên không phân biệt được. Do đó cỏ nầy làm hại đến lúa non, cho đến lúc lúa trổ đồng đồng, người nông phu mới biết các thứ cỏ đó chẳng phải là lúa. Khi biết chẳng phải lúa, họ liền nhổ tận gốc các loại cỏ đó. Vì sao? Vì sợ làm hại đến những cây lúa tốt. Tỳ-kheo cũng giống như vậy, có Tỳ-kheo tội ác đến, đi, ngồi, đứng, nhiếp giữ y, bát; giống như Tỳ-kheo chân chánh không phân biệt được, cho đến không xả tội. Lúc xả tội, mới biết người ấy là người thấp hèn trong hàng Tỳ-kheo. Đã biết sự khác nhau rồi, chúng tăng nên hòa hợp làm pháp yết-ma diệt tẫn người đó. Vì sao? Vì sợ hại đến các Tỳ-kheo chân chánh, thí như nông phu sảy lúa, lúc gió thổi đến, những hạt chắc rơi xuống, còn những hạt lép theo gió bay đi. Vì sao? Vì người nông phu sợ nó làm dơ bẩn những hạt chắc. Cũng như thế, Tỳ-kheo tội ác đến đi, ra vào giống như Tỳ-kheo chân chánh, không phân biệt được, cho đến không xả tội. Khi xả tội mới biết đó là những thứ dơ bẩn xấu xa trong hàng Tỳ-kheo. Đã biết rồi thì nên hòa hợp làm yết-ma diệt tẫn để đuổi người đó. Thí như có người cần gỗ để làm hàng rào xung quanh giếng. Người đó cầm búa bén ra khỏi thành, đến khu rừng kia, gõ búa vào thân cây, nếu cây nào chắc thì nghe tiếng chắc, cây nào rỗng thì nghe tiếng rỗng. Nhưng gốc, thân, cành, lá của cây rỗng rất giống với cây chắc. Cho đến lúc gõ vào, người kia mới biết cây đó bên trong rỗng. Khi biết cây đó bên trong rỗng, liền chặt bỏ, tỉa bỏ cành lá, tước bỏ phần thô, sau đó vót nhỏ, làm cho trơn láng, để làm hàng rào xung quanh giếng. Cũng thế, Tỳ-kheo tội ác đến đi, ra vào nhiếp giữ y bát, oai nghi như Tỳ-kheo chân chánh, cho đến không xả tội. Khi xả tội, mới biết đó là hạng xấu xa trong hàng Sa-môn. Nếu biết rồi, tăng nên hòa hợp làm pháp yết-ma diệt tẫn. Vì sao? Vì sợ làm hại đến các Tỳ-kheo chân chánh.

Đức Phật nói kệ:

Sống chung biết tánh hạnh,
Ghen ghét hay tức giận.
Có người nói điều lành,
Chỗ vắng làm phi pháp.

Tím cách nói dối người,
Bị người trí biết được.
Nên nhổ bỏ cỏ xấu,
Và cây rỗng ruột kia.
Tự xưng là Sa-môn,
Dối trá nên diệt tẫn.
Đã cho diệt tẫn rồi,
Làm điều ác phi pháp.
Người thanh tịnh ở chung,
Nên biết sẽ rạng rỡ.
Hòa hợp cùng diệt tẩn,
Hòa hợp dứt khổ đau.

Đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo vui mừng ưa thích thọ trì.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 145

BỒ TÁT GIỚI NGHĨA SỚ

SỐ 1811
(THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1811

BỒ-TÁT GIỚI NGHĨA SỚ

Đại sự Trí Giả ở núi Thiên Thai đời Tùy giảng.

Đệ tử là Quán Đảnh ghi chép.

QUYỂN THƯỢNG

Giới Bồ-tát là chương đầu để vận hành điều lành, là trận trước để dứt ác, thẳng đường mà trở về nguồn sống có thể cùng tận, Thanh văn là hạnh nhỏ mà còn tôn kính Ba-la-đề-mộc-xoa, huống chi hàng Bồ-tát mang hoài bão, lại không chuyên trì giới phẩm hay sao? Cả hai bậc đều cung kính vâng giữ, từ vua chúa cho đến thứ dân đều cung kính. Như thế mới đi đến thắng nhân cực quả, kết diệu nghiệp của đạo tràng.

Kinh luận ghi chép giới tướng có nhiều loại, thọ pháp được truyền ký giải thích có giống có khác, do căn cơ tỏ ngộ khác nhau, nên có người nghe đầy đủ, có người nghe sơ lược. Từ ngữ không nói lại hai lần, việc không cùng thực hành. Nay chỉ xét pháp tướng do ngài La-thập đã trình bày, xuất xứ từ Kinh Phạm Võng trong tạng luật. Đời Diêu Tần, niên hiệu Hoằng thỉ năm thứ 3, ngài La-thập đến đất Hán, làm sáng tỏ nghĩa Đại thừa, mở mang Thánh giáo, ngài đã truyền dịch khỏang 300 bộ kinh luận, Kinh Phạm Võng là bản dịch cuối cùng của Ngài, tụng ra lời thệ nguyện rộng lớn, nên Ngài rất thận trọng từng câu chữ, suy nghĩ đến 3 lần mới đặt bút. Nên văn nghĩa của Ngài rất kín đáo, chỉ thú sâu xa, văn kinh rõ ràng dể hiểu, giúp người đời sau hiểu được dễ dàng. Kinh Phạm Võng muốn nói các giáo pháp khác nhau của Chư Phật như những mắt lưới của vui mừng trời Đại Phạm. Phẩm Tâm Địa Giới Bồ-tát nói về luật nghi của Bồ-tát để ngăn ngừa ba nghiệp. Tâm, Ý, Thức, thể một mà tên khác, trong ba nghiệp, thân, miệngvà ý theo thứ lớp thì

ý nghiệp là chủ, nói theo chỗ cao siêu thì gọi là Tâm địa.

Nay giải thích giới kinh này thành ba lớp huyền nghĩa:

1. Giải thích tên gọi.
2. Nêu thể.
3. Phân biệt.

Giải thích tên gọi: Giải thích tên người, pháp hiệu và địa vị. Maha Bồ-đề chất-đế tát-đỏa là dịch âm tiếng Phạn, gọi tắt là Bồ-tát, tức là lược bỏ những chữ khác, Hán dịch là Đại Đạo Tâm Thành Chúng Sinh, cũng dịch là Khai sĩ, là Đại dõng tâm, lại nói rằng: Thiện, mỹ, tùy theo hạnh mà đặt tên. Vì sự vận hành rộng rãi của tâm nên do đó mà đặt tên.

Kinh Đại Phẩm nói: "Người này có đạo tâm rộng lớn không thể hư hoại giống như kim cương. Từ mới phát tâm cuối cùng đến Đẳng giác, đều gọi là Bồ-tát, còn gọi là Phật tử, vì có nghĩa là nối dõi. Ba thừa đều từ Phật sinh, hiểu biết tất cả gọi là Tử.

Kinh Pháp Hoa nói rằng: "Như con của ta" Bồ-tát nối tiếp là tốt nhất, nên gọi là Chân tử." Ba thừa đồng tu đạo, nên có nghĩa này. Hai thừa tự thông, Tiểu quả hẹp mà lại ngắn. Đại sĩ rộng lớn tự thông, còn giúp cho người khác thông, nên được gọi là Phật tử.

Đại Kinh nói rằng: "Mới phát tâm đã là thầy trời người, cao hơn Thanh văn và Duyên giác, nên gọi là Đại tâm. Kế là phân biệt pháp hiệu tức nghĩa là giới. Thi-la là phiên âm tiếng Phạn.

Đại Luận nói rằng: đời Tần dịch là Tánh thiện, cũng dịch là Thanh lương. Vì giới có công năng phá tan nóng bức, từ thể mà được tên, còn gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, dịch là Bảo giải thoát, còn gọi là Tịnh mạng. Cũng gọi là Thành tựu oai nghi vô sở thọ xúc, đời vị lai không đọa vào ba đường ác, mà được thọ thân ở Tịnh độ, chấm dứt tà mạng, ngăn quấy dứt ác, cũng gọi là giới, nghĩa là dùng nghĩa mà giảng nghĩa. Lại nói nghĩa là lặc, nghĩa là cấm, tùy theo nghĩa mà đặt tên.

Đại Kinh nói rằng: "Như Phật cấm vô thường ông vẫn nói, tức là phá giới cấm của Phật về miệng thì đoạ lạc. "Lại nói: "Người này không giữ giới cấm đầy đủ, quả Nhị thừa còn không được, huống chi là quả Vô thượng Bồ-đề.

Nay nói Giới có Đạo cộng giới, Định cộng giới. Tên này vốn xuất xứ từ trong ba tạng. Luật là nghi ngăn dứt, là hình nghi có công năng dứt điều ác của thân, nên gọi là Giới, cũng gọi là Oai nghi, oai là trang nghiêm đáng sợ, nghi là khuôn phép. Người tu hành nghiêm túc đáng

đáng sợ, cũng gọi là Điều Ngự, khiến tâm hành điều lành. Định là an tĩnh, khi nhập định tự nhiên điều hành được điều lành, ngăn quấy dứt ác. Đạo là năng thông, sau khi phát chân tự không hủy phạm. Sơ quả cày đất trùng lìa bốn tấc, là do năng lực của Đạo cộng giới. Hai giới pháp này là năng lực cao quý của tâm, phát giới Đạo và Định cùng lúc với Luật nghi, nên gọi là Cộng.

Tát-bà-đa bộ nói: "Luật nghi giới, Thiền giới, Vô lậu giới. Ba tân gọi này xuất xứ từ ba tạng, nay giới Bồ-tát cũng có 3 tên gọi này. Nếu do yếu thệ mà được thì gọi tên là Luật Nghi. Định cộng của Bồ-tát Đạo cộng, đều dứt ba nghiệp, gọi chung là Giới. Như giới Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp, giới Nhiếp chúng sinh, đây là tên của ba nhóm giới, xuất xứ từ Kinh Phương Đẳng Địa Trì, không chung với ba tạng. Còn luật nghi Bồ-tát dứt cả ba nghiệp. Từ tướng thân, miệng hiển bày ra, đều gọi là Luật nghi. "giới Nhiếp Thiện Pháp" là đối với luật nghi khởi tâm Đại Bồ-đề, dứt được tất cả việc ác mà siêng tu các việc lành, đầy đủ hạnh nguyện Bồ-đề.

"Giới Nhiếp chúng sinh": Bồ-tát có 11 việc lợi ích chúng sinh, đều là lợi ích rộng lớn cho chúng sinh. Giới phẩm đã nêu đầy đủ tất cả giới của Bồ-tát xong. Tổng kết 9 loại giới đều được xếp vào trong ba loại giới này. Luật Nghi giới, làm cho tâm an trụ, giới Nhiếp thiện pháp, tự thành Phật pháp. Giới Nhiếp chúng sinh, thì thành tựu chúng sinh. Ba giới này gồm hết các giới của Bồ-tát.

Kinh Anh Lạc nói rằng: "Luật nghi giới gồm mười Ba-la-di,

giới Nhiếp thiện pháp gồm tám vạn bốn ngàn pháp môn. Giới Nhiếp chúng sinh gồm từ bi, hỷ xả, giáo hóa chúng sinh, giúp họ được an vui. Giới phẩm của Đại Luận nêu mười loại giới: 1. Không thiếu, 2. Không phá, 3. Không xuyên, 4. Không tạp, 5. Tùy đạo, 6. Không dính mắc, 7. Được người Trí khen ngợi, 8. Tự tại, 9. Tùy định, 10. Cụ túc. Mười giới này được giải thích như sau:

"Không thiếu": Giữ gìn tánh giới, tánh trọng thanh tịnh, như giữ gìn viên ngọc sáng. Nếu phá giới như đồ vật đã bị sứt mẻ, trở thành người ở bên ngoài Phật pháp.

"Không pha": giữ 13 việc không phá tổn.

"Không xuyên": Các giới Ba-dật-đề v.v....... Nếu có phạm thì như đồ vật bị thủng chảy, không còn thọ nhận được đạo pháp.

"Không tạp": Giữ gìn Định cộng giới, tuy giữ luật nghi nhưng tâm nghĩ việc phá giới, gọi đó là Tạp. Tâm giữ Định cộng thì dục niệm không khởi. Đại Kinh nói: "Nói lời giễu cợt, tiếng vòng xuyến ngoài

tường, man nữ đuổi nhau, đều làm ô nhiễm giới thanh tịnh.

'Tùy đạo": Thuận theo đế lý có công năng phá được kiến hoặc.

"Không dính mắc": Thấy chân thành thánh, đối với suy nghĩ hoặc không thể đấm nhiễm. Hai giới này là y cứ vào Chân đế trì giới.

8. "Giới được người trí khen ngợi: là "giới Tự tại": Nói về Bồ-tát giáo hóa chúng sinh được Phật khen ngợi, ở trongthế gian mà tự tại, hai giới này là y cứ vào Tục đế mà nói về trì giới.

9. 10. "Tùy định" và" Cụ túc": tức là y theo Thủ-lăng-Nghiêm không khởi Diệt định, hiện các oai nghi, thị hiện hình tượng của mười pháp giới dẫn dắt chúng sinh. Tuy khởi động oai nghi, nhưng nậhm vận thường tịnh, nên gọi là Tùy định giới. Các giới trước đây, Luật nghi là ngăn dứt, gọi là không đầy đủ. Giới của Trung đạo không giới nào không đầy đủ, nên gọi là không đầy đủ. Dùng trí tuệ Trung đạo vào khắp các pháp, nên gọi là Cụ túc. Đây gọi là trì giới Trung đạo đệ nhất nghĩa đế.

Kế là nói về Giai vị: Đức Phật một đời giáo hóa đã nói giáo môn, chia thành bốn giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên. Như Đại Luận dẫn "Ca-chiên-diên nói sáu Độ đều tu". Thi-tỳ thả chim bồ câu là Đàn mãn. Tu Ma Đề Vương không nói dối là Thi mãn, vị tiên Nhẫn Nhục bị vua Cao quý-lợi cắt thịt, nhưng tâm không động là Nhẫn mãn. Bố thí chứa nhiều như biển là Tấn mãn, Xà-lê Điểu Sào là Thiền mãn. Đại thần Cù-tân chia đất, chấm dứt sự tranh chấp gọi là Trí mãn. Đây là Bồ-tát Tạng giáo. Như Đại Phẩm nói: "Có Bồ-tát phát tâm tương ưng với Tát-bà-nhã, là Bồ-tát Thông giáo. Có Bồ-tát phát tâm du hý thần thông, thanh tịnh cõi nước Phật. Trong Tịnh Danh được Giải thoát không nghĩ bàn biến thân thăng tòa bị quở trách, là Bồ-tát Biệt giáo. Phát tâm liền ngồi đạo tràng thành Chánh giác, đó Bồ-tát Viên giáo. Trong 4 giai vị Bồ-tát, hạnh vị có cạn, có sâu. Trước hết nói ba tạng chính là Tiểu thừa, Thanh văn có 7 Hiền, 7 Thánh. Ngoại phàm có 3:

1. Năm dừng tâm, 2. Biệt tướng niệm x ứ, 3. Tổng tướng niệm xứ. Kế là nhập nội phàm có bốn thiện căn: 4. Noãn, 5. Đãnh, 6. Nhẫn. 7. Thế đệ nhất. Hành giả vượt qua các gia hạnh này thì vào Thánh vị:

- Tùy tín hành.
- Tùy pháp hành.
- Tín giải
- Kiến đắc.
- Thân chứng
- Giải thoát về thời.

Giai vị của Thanh văn như thế, Bồ-tát bất luận giai vị không dứt phiền não, chỉ tu sáu độ. Nếu nói theo thứ lớp chỉ có thể y theo Tát-bà-đa bộ của Tiểu thừa mà thôi. Từ Sơ phát tâm khởi từ bi thệ nguyện quán sát Bốn đế, dùng Đạo đế làm pháp môn đầu tiên để tu sáu độ. Đàn phá ngạ quỷ, thi cứu địa ngục, giúp chúng sinh, tiến bạt Tu-la, Thiền tĩnh trong là người. Tuệ chiếu các trời. Từ ban đầu là Thích-ca đến Kế-Na-thi-Khí, gọi là Đệ nhất a-tăng-kỳ, được 5 thứ công đức:

- Không đọa vào đường ác.
- Không sinh vào biên địa.
- Các căn đầy đủ.
- Không làm thân người nữ
- Thường biết túc mạng.

Tự mình không biết thành Phật hay không thành Phật, hướng về giai vị năm pháp quán dừng tâm, biệt tổng niệm xứ. Từ Phật Thi-khí đến Phật Nhiên Đăng gọi là Đệ nhị a-tăng-kỳ. Bây giờ tự biết thành Phật mà miệng không nói, hướng lên giai vị Noãn pháp tánh địa, đã có niềm tin chứng pháp, phải biết thành Phật tu hạnh sáu độ. Tâm chưa hiểu rõ thì không được đến nói với người khác. Từ Đức Phật Nhiên Đăng đến Đức Phật Tỳ-bà-thi là mãn ba a-tăng-kỳ kiếp, lúc đó trong tâm biết rõ ràng, miệng tự phát ra lời. Hướng về Đảnh pháp vị, hiểu rõ tu hành sáu độ Bốn đế. Như người lên đỉnh núi thấy rõ khắp nơi, nên đến nói với người khác. Nếu qua ba a-tăng-kỳ kiếp gieo trồng 32 tướng nghiệp, hướng về đây là Hạ Nhẫn. Một sát-na nhập chân, 34 tâm dứt kết được Tam-Bồ-đề thì thành Phật, Bồ-tát thông giáo tức tam thừa cộng Thập địa.

Càn Tuệ địa: Tên sự tướng đồng ba tạng, tâm quán hạnh khác nhau. Thể của mười tám giới vào như huyễn như hóa. Phá chung Kiến ái tám đảo, danh thân, niệm xứ. Tâm thọ pháp cũng giống như thế. Trụ là Trung quán, tu chỉ siêng năng như ý, căn, lực, giác, đạo. Tuy chưa được Noãn pháp tương tự nước lý. Tổng tướng trí tuệ sâu sắc, gọi là Càn Tuệ địa.

Tánh địa: Vượt qua Càn tuệ địa được Noãn pháp rồi, sẽ tăng thêm tâm đầu, giữa, sau vào Đảnh pháp, cho đến Thế đệ nhất pháp, đều gọi là Tánh địa, được nước tánh vô lậu, nên gọi là Tánh địa.

Bát nhân địa: Tín hạnh và pháp hạnh của Ba thừa, thể thấy giả phát, thật dứt hoặc. Trong Tam-muội Vô gián có đầy đủ tám nhẫn. Một phần trí nhỏ, gọi là Bát nhân địa.

Kiến địa: Ba thừa đồng thấy lý Đệ nhất nghĩa Vô sinh Tứ đế.

Đồng dứt hết Kiến hoặc, 88 sử.

Bạc địa: Thể ái giả phát thật, dứt tư hoặc cõi Dục, chứng Giải thoát thứ sáu, phiền não nhẹ mỏng

Ly dục địa: Thể ái giả tức chân, dứt 5 phần kết sử sau của cõi Dục: Thân kiến, Giới thủ, si, tham, sân, nên gọi là Ly dục địa.

Dĩ biện địa: Người Ba thừa thể sắc, vô sắc ái tức chân phát vô lậu

Công đức lực lớn dứt trừ được tập khí.

Bích-chi-Phật địa: Duyên giác phát chân vô lậu. Công đức lực lớn dứt trừ được tập khí.

Bồ-tát địa: Từ không vào giả, quán đạo song lưu. Quán sâu hai đế, tiến lên dứt trừ tập khí, Sắc tâm vô tri đắc pháp, nhẫn đạo chủng trí. Du hí thần thông, thanh Tịnh cõi nước Phật, thành tựu chúng sinh học Phật, mười lực, bốn vô sở úy. Tập khí dứt sắp hết.

Phật địa: Sức công đức lớn giúp trí tuệ. Một niệm tương ưng tuệ quán Chân đế rốt ráo, tập khí cũng không còn. Như kiếp lửa đốt cháy, vốn không trở thành tro than. Con voi lội qua sông đến bờ bên kia. Tuy Phật và Bồ-tát là tên khác của Nhị thừa, quán chung vô sinh thể pháp. Đồng là Vô học, cùng quy về tro đoạn, chứng quả một chỗ gọi là Thông. Biệt giáo có 52 giai vị:

Ngoại phàm Thập Tín: 1. Tín, 2. Niệm, 3. Tấn, 4. Tuệ, 5. Định, 6. Bất thối, 7. Hồi hướng, 8. Hộ pháp. 9. Giới, 10. Nguyện.

Nội phàm: Tập chủng tánh Thập trụ: 1. Phát tâm, 2. Trị địa, 3. Tu hành trụ, 4. Sinh quý, 5. Phương tiện cụ túc, 6. Chánh tâm, 7. Bất thối, 8. Đồng chân, 9. Pháp Vương Tử, 10. Quán đãnh. Hết 30 tâm đều gọi là Giải hạnh vị. Tất cả đều là tên gọi của Nội phàm.

Tánh chủng tánh thập hạnh: 1. Hoan hỷ, 2. Nhiêu Ích, 3. Vô nhuế hận, 4. Vô tận, 5. Ly si lọan, 6. Thiện hiện, 7. Vô trước, 8. Tôn trọng, 9. Thiện pháp, 10. Chân thật.

Thập hồi hướng: 1. Cứu hộ nhất thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng, 2. Bất hoại. 3. Đẳng nhất thiết Chư Phật, 4. Biến chí nhất thiết xứ, 5. Vô tận công đức tạng, 6. Tùy thuận kiên cố bình đẳng nhất thiết thiện căn, 7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh, 8. Chân như tướng, 9. Vô phược vô trước giải thoát. 10. Pháp giới vô lượng.

Thánh chủng tánh thập địa: 1. Hoan hỷ, 2. Ly cấu, 3. Minh, 4. Diệm, 5. Nan thắng, 6. Hiện tiền. 7. Viễn hành, 8. Bất động, 9. Thiện tuệ, 10. Pháp vân.

- Đẳng giác địa: Gọi là Kim cương tâm Bồ-tát, cũng gọi là Vô cấu

địa. Lân chân cực Thánh là đảnh của chúng học.

- Diệu giác địa: Tức thấy tánh quả rốt ráo Phật Bồ-đề. Tấhy tánh rõ ràng gọi là Diệu giác. Tánh và Tập, nếu y cứ theo giai vị mà phân thì Tập chủng ở trước, Tánh chủng ở sau. Nếu nói theo hạnh thì trước sau không nhất định. Theo thể khởi dụng thì trước nói tánh chủng, sau nói tập chủng. Tìm dụng chọn thể. Trước Tập sau Tánh thì tương tự với giáo đạo và thể đạo. Nói theo vị thì Giáo đạo ở trước, Chứng đạo ở sau. Nói theo thực hành thì Chứng đạo và Giáo đạo đồng thời trước sau không nhất định, theo thể khởi dụng thì trước Chứng đạo, sau Giáo đạo. Tìm dụng chọn thể thì trước Giáo đạo, sau Chứng đạo. Trong giải hạnh có 4 tên gọi: 1. Giải hạnh, 2. Phát tâm, 3. Hồi hướng. 4. Đạo chủng.

Đối với đạo xuất thế hiểu mà siêng năng thực hành, gọi là Giải hạnh. Nơi đạo Bồ-đề khởi ý thú cầu, gọi là Phát tâm. Dùng pháp lành của mình xu hướng Bồ-đề, nên gọi là Hồi hướng. Ngay trong phần như lập quán đạo, nên gọi là Đạo. Hướng về sau quả Phật sẽ sinh, gọi là Chủng. Tập chủng tánh sẽ sinh ra báo Phật. Tánh chủng tánh sẽ sinh ra pháp Phật. Xưa nói là thối trong 6 tâm của vương tử Pháp Tài, tức là tâm thứ 6 củaThập trụ.

Hỏi rằng: Thập Trụ gọi là Tánh địa, Tánh lấy không đổi làm nghĩa. Sao gọi là Thối làm Nhị thừa còn một.

Đáp: Tánh là không làm Nhất-xiển-đề, không ngại thối Đại thừa hướng về Tiểu thừa. Cuối cùng là khó thông. Các sư Chỉ Quán nói: “Chỉ là Tâm thứ 6 trong mười pháp Tín bị thôi.” So với các Sư Thích luận và các Sư Kim cương Bát-Nhã Luận, đều giải thích như thế. Từ tâm thứ 7 trở lên thì xa lìa hẳn Nhị thừa, bấy giờ vì lợi hoằng kinh đều nhẹ nhàng và tâm độ vật không mất, thường được gọi là Bồ-tát. Viên giáo nói về vị, biệt giáo nói 52 vị thứ lớp tu hành. Viên giáo tu một tâm đủ muôn hạnh, khác với tu hành theo thứ lớp. Năm phẩm ngoại phàm, tất cả Tùy hỷ tâm. Nếu người có trồng sâu gốc lành đời trước, hoặc gặp thiện tri thức, hoặc nghe lý mầu văn kinh đầy đủ. Một pháp là tất cả pháp, tất cả pháp là một pháp. Chẳng phải một, chẳng phải tất cả, không thể nghĩ bàn. Khởi tâm tin hiểu tròn đủ, tin rằng trong một tâm thể có đủ 10 pháp giới. Như trong một hạt bụi có chứa quyển bằng cõi Đại thiên, muốn mở rộng tâm này để tu viên hạnh. Viên hạnh là tất cả hạnh, tóm lại thành mười. Nghĩa là hiểu một niệm bình đẳng đầy đủ không thể nghĩ bàn. Thương xót mình và tất cả bị đắm chìm. Còn biết một tâm tức tất cả tâm, hoặc thông hoặc bít. Có khả năng đối với tâm này đầy đủ đạo phẩm đi đến con đường Bồ-đề. Còn hiểu pháp này là chánh trợ của tâm,

biết tâm mình và tâm phàm thánh. Còn an tâm không động, không đọa, không lùi, không tán. Tuy biết một tâm có vô lượng công đức nhưng không sinh đắm nhiễm. Mười tâm thành tựu, tâm mình niệm niệm đều tương ưng với các Ba-la-mật.

Về đọc tụng, tròn đủ mới sinh ra các điều lành, phải nuôi dưỡng, quán việc lăng xăng, phiền động khiến cho đạo hé mở, chỉ có được khi bên trong tu lý đế quán, bên ngoài đọc tụng Đại thừa, cho có năng lực giúp quán, nội quán nương nhau, tín tròn đủ càng sáng. Mười tâm vững chắc, như mặt trời soi sáng thấy các vật sắc.

Người nói pháp: Nội quán chuyển mạnh cùng giúp thêm bên ngoài, hiểu đầy đủ đối với hoằng thệ huân động, lại thêm nói pháp truyền bá như thật, nhưng dùng pháp Đại thừa để đáp, lập ra phương tiện cuối cùng giúp cho đại ngộ. Nói pháp thanh tịnh, thì trí tuệ thanh tịnh, nói pháp khai đạo là trước người đắc đạo có nhân duyên

Cùng giáo hóa quy về mình, mười tâm ba dần dần chuyển sáng.

Thực hành cả sáu: Từ trước đến nay, quán tâm thành thục không liên quan đến việc này. Nay chánh quán hơi rõ, tức nương tựa gồm lợi vật. Có thể thí một chút bằng với hư không. Khiến tất cả pháp thú hướng về đến đàn. Đàn là giới pháp, sự tướng tuy xoay vận ít nhưng hoài bão rất lớn. Lý quán là chánh, sự hạnh là phụ, nên gọi là kiêm hành. Sự phước giúp lý mười tâm tròn đầy.

Chánh hành sáu độ: Viên quán muốn thành thục, thì Sự lý phải viên thông. Sự không ngại lý, lý không ngại sự, thực hành sáu độ đầy đủ. Hai trí quyền và thật hoàn toàn thông đạt. Sản nghiệp trị sinh không trái với thật tướng. Giải thích đầy đủ tri kiến Phật, và chánh quán như lửa đốt củi, lực dụng sáng suốt mạnh mẽ.

Thứ nhất: Nội phàm Thập tín, nghe và tin đầy đủ, thực hành đầy đủ. Khéo tăng thêm lợi ích rất rõ. Vì thế viên hạnh được nhập viên vị. Khéo tu bình đẳng tức pháp giới, nhập vào Tín tâm. Khéo tu thương xót nhập vào niệm tâm. Khéo tu vắng lặng tức vào Tấn tâm. Khéo tu phá pháp tức nhập vào Tuệ tâm. Khéo tu thông bất thì vào Định tâm. Khéo tu đạo phẩm tức nhập vào tâm Bất thối. Khéo tu chánh trợ tức nhập vào Hộ tâm. Khéo tu Bất động tức vào Giới tâm, khéo tu không chấp trước tức vào Nguyện tâm. Như thế gọi là Viên giáo thiết luân Thập tín vị. Viên giáo giống như giác sáu căn thanh tịnh.

Thứ 2. Thánh vị. Trước nói về chân trí trong Thập Trụ, ở Phát tâm trụ có 3 thứ tâm:

1. "Duyên nhân thiện tâm phát. 2. Liễu nhân tuệ tâm phát. 3.

Chánh nhân lý tâm phát.

Tức là cảnh trí hành diệu tâm phát, có 3 thứ:

"Duyên nhân tâm phát", tức là trụ trong định Thủ-lăng-nghiêm giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận.

"Liễu nhân tuệ tâm phát": tức là Ma-ha-Bát-nhã rốt ráo Không.

"Chánh nhân duyên tâm": tức là trụ thật tướng pháp thân Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Kinh Hoa Nghiêm nói: Sơ trụ có bao nhiêu công đức, Chư Phật Ba đời khen ngợi không thể kể hết. Vừa mới phát tâm liền thành Chánh giác. Rõ biết tánh chân thật của các pháp. Nhưng nghe pháp không theo người khác mà tỏ ngộ, "Tịnh Danh" nói rằng: "Biết tất cả pháp là ngồi đạo tràng, cũng là nhập vào pháp môn không hai. Đại phẩm, lúa mới phát tâm liền ngồi đạo tràng, xoay bánh xe pháp độ chúng sinh thành Phật. Tự môn "A" nghĩa là tất cả pháp Không sinh.

Thứ 3: Nói về Thập hạnh, tức là sau Thập Trụ, thật tướng hiện rõ không thể nghĩ bàn. Mười phen dứt phá mười phẩm vô minh. Một hạnh là tất cả hạnh, niệm niệm tiến thú, chảy vào pháp giới bình đẳng, các Ba-la-mật nhậm vận sinh ra và lớn lên. Tự hành hóa tha chẳng đồng với hư không.

Thứ 4: Thập Hồi hướng: Sau Thập hạnh là Vô công dụng đạo không thể nghĩ bàn. Chân minh niệm niệm khai phát, tất cả pháp giới nguyện hạnh sự lý, tự nhiên dung hòa hồi nhập vào biển pháp giới bình đẳng. Lại chứng 10 phen trí đoạn phá, 10 phẩm vô minh, nên gọi là Hồi hướng.

Thứ 5: Thập Địa: tức là vô lậu chân minh nhập vào đạo vô công dụng, giống như mặt đất sinh ra tất cả Phật pháp, gánh vác chúngsinh trong pháp giới, nhập khắp Phật địa ba đời. Lại chứng mười thứ trí, cắt đứt mười phẩm vô minh.

Thứ 6: Đẳng giác địa. Quán đạt được nguồn cội của vô minh vô thỉ. Bờ mé trí mãn rốt ráo thanh tịnh. Dứt hẳn cội nguồn của vô minh sâu kín, lên tận đỉnh Trung đạo, khác với cha mẹ vô minh, đây gọi là Hữu sở đoạn, là Hữu thượng sĩ.

Thứ 7: Diệu giác địa, rốt ráo giải thoát trí, Phật Vô thượng nên gọi Vô sở đoạn là Vô Thượng sĩ. Đây chính là 3 đức: Đoạn đức (không dọc, không ngang, không đồng không khác, rốt ráo hậu tâm Đại Niết-bàn. Tất cả đại lý, đại thệ nguyện, đại trang nghiêm, đại trí đoạn, đại biến tri, đại đạo, đại dụng, đại quyền thật, đại lợi ích, đại vô trụ, tức là 10 quán thành thừa viên cực rốt ráo ở Phật, không có tên gọi để nói. Lô-Xá-na gọi là Tịnh Mãn. Tất cả đều đầy đủ. Đại sư Nam Nhạc nói

rằng: "42 tự môn là mật ngữ của Phật. Cần gì tiêu biểu 42 vị. Các người học Thích luận chấp đấm không hiểu chỗ này, phần nhiều không dùng. Nhưng bản văn luận có cả ngàn quyển. Ngài La-thập 9 lần lược lại, làm sao không hiểu chỗ này. Ứng sâu thầm biết, vì sao Kinh nói: "Một chữ A sau chữ Đồ chính giữa 42 tự môn, đủ công đức các chữ. Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: "Từ Sơ địa đầy đủ công đức các địa. Nghĩa này là đồng. Tự môn A, các pháp ban đầu bất. Đây há chẳng phải Viên giáo sơ trụ, mới được Vô sinh nhẫn hay sao? Không có chữ để nói, há chẳng phải quả Diệu Giác Vô Thượng hay sao? Phẩm Quảng Thừa nói tất cả pháp đều là Đại thừa, tức nói 42 tự môn. Há chẳng phải viên Bồ-tát từ sơ phát tâm được Thật tướng các pháp hay sao? Nghĩa này và với Viên giác rất rõ ràng. Kế là phẩm Phát Thú nói 10 địa của Biệt giáo. Cuối cùng nói Ba thừa cộng Phật địa, giai vị của Tam giáo, văn có nói rõ.

Thứ hai: Xuất thể, ban đầu nói Vô tác, kế là nói Chỉ thiện và Hành (566) thiện.

Giới thể, không khởi thì thôi, khởi thì tánh vô sắc nương sắc. Các Kinh Luận đấu nói tranh cãi về Hữu vô:Đều vô vô tác, sắc tâm giả hợp chung thành chúng sinh. Thiện ác vốn do tâm khởi, không nên có riêng thiện không ngỏ, ngoan ác, đều chỉ cho tâm. Thệ không làm ác tức là thọ giới. Kinh Anh Lạc nói: "Tất cả giới của thánh phàm đều lấy tâm này làm thể. Vì tâm vô tận, nên giới vô tận, hoặc nói giáo làgiới thể, hoặc nói nguyện là giới thể. Vô biệt vô tác, Đại kinh Thánh hạnh quán chiết phục vô thường, vua A-Xà-thế quán chiết phục cảnh giới. Nhưng nói Sắc tâm bất đạo vô tác. Năm ấm giáo thông cả Đại thừa, Tiểu thừa, chỉ có một sắc bốn tâm. Tiểu thừa dẫn dắt tiểu căn e họ xem thường nhân quả. Phương tiện nói ác khẩu nặng sẽ sinh một pháp iêng là vô tác khiên báo. Pháp hành phải hành, pháp ác phải dứt. Hành một thì có hai sức, đâu không thể không hận. Phương tiện giả nói thích hội một thời. Luận chân như nói một đời thành 4 quả pháp, thẳng ra có pháp phàm phu riêng. Đâu thể y theo đây chính là thật. Nếu trong nhân riêng có điều lành không ngỏ, cộng làm nhân Phật. Phật địa cũng riêng có điều lành này, cộng làm quả Phật. Nên biết, Tâm là Nhân, quả không có pháp nào khác.

Kinh nói rằng: Kinh luận Đại Tiểu thừa, đều vô tác, đều là Thật pháp. Vì sao tâm lực rộng lớn. Có công năng sinh ra các pháp, có thể lôi kéo quả báo. Tiểu thừa nói. Ở đây có riêng một pháp lành có công năng chế định Phật pháp, nương thầy thọ phát đến trọn đời. Hoặc nương Định cộng, Đạo cộng phẩm sinh riêng, đều dùng tâm lực phát dụng có

cảm phát này. Luận Thành Duy Thức có phẩm Vô Tác nói về nhóm Phi sắc phi tâm tụ. Luật sư dùng nghĩa cũng y theo thuyết này, như nghĩa Tỳ-đàm thì giới là Sắc tụ, Vô tác là Giả sắc, cũng nói Vô giáo chẳng phải đối nhẫn sắc. Đại thừa nói Giới là sắc pháp. Đại Luận hỏi rằng: “Giới là sắc pháp có thể luận, suy nghĩ nhiều là tâm sở, vì sao lại nói là nhiều? Nghĩa của Quán luận. Vì giới là Sắc, đây nghĩa là số. Đại thừa vì sao dùng nghĩa số. Giải rằng: “Nếu dùng phi sắc phi tâm là giống với luận Thành thật, vẫn là Tiểu thừa. Nay nói tự gia là số sắc. Sắc Đại thừa đâu có quan hệ về số nhà. Trung Luận nói rằng: Ngôn ngữ tuy đồng nhưng tâm thì khác. Nay Đại thừa nói giới là sắc tụ, đại thừa tâm mong cực quả, nương thầy hễ thọ thì xa đến Bồ-đề. Tùy định tùy đạo, thệ tu các điều lành, thệ độ các loài hàm thức, cũng dùng năng lực rộng lớn của tâm này riêng phát giới thiện. Vì hành giả đã duyên các ác của chỉ dứt. Kinh Ưu-bà-tắc Giới nói rằng: “Thí như có mặt, có cảnh thì có hiện tượng, như thế làm thì có vô tác. Đại Luận giải thích giới độ: “Tội hay không tội thì không được giới Cụ túc. Đây là giới độ chánh thể. Lại nói: “Vì sao gọi là Giới? Vì tâm sinh miệng nói. Nay thọ dứt pháp ác của thân miệng, đó gọi là Giới. Đã có năng trì sở trì, thì có pháp riêng, tức là Vô tác. Phẩm Địa Trì nói rằng: Hạ nhuyễn tâm sau khi phạm bốn tội trọng không mất luật nghi. Nếu đều là Vô vô tác, vì sao nói là mất. Đại Bản Phạm Võng tức Đại thừa giáo. Văn sau nói rằng: “Nếu không thấy tướng tốt thì, dù thọ trước Phật và Bồ-tát cũng không gọi là đắc giới.” Lại nói: “Nếu có 7 già nạn, dù phát tâm muốn thọ cũng không gọi là đắc giới. Nếu ngay nơi tâm cho là giới, thì phát tâm chính là Giới. Vì sao nói không được? Đại Kinh nói rằng: “Chẳng phải sắc khác làm nhân quả, bị trong niệm giới, tuy không hình sắc mà có thể hộ trì. Tuy không xúc đối khéo tu phương tiện thì sẽ khiến đầy đủ. Lại như đao kiếm nước tro, gót chân cầu rường. Nếu ngay nơi tâm là Giới, vì sao giả nói không hình không sắc không xúc đối, cho nên biết có vô tác riêng. Tâm trì giới cho là chân giới. Trong Thánh hạnh và Thế vương, không có Đạo quán phân tích vô tác, cứ nêu sắc tâm làm toát yếu để quán thôi, cũng không nói là vô vô tác. Tiểu thừa nói Bốn quả, Đại thừa khai bốn quả là quyền. Lai đã thiện không ngỏ thành Phật, vì thế không trở ngại cho mình, điều lành như Vô thường cũng làm nhân thiện thường, tức từ chỗ đó nêu ra. Nhưng hai cách giải thích này từ xưa đã gây tranh luận, câu không khó ở lý, mà có thể khó ở chỗ văn không hợp lý. Câu có ở lý khó thì văn chỗ nào cũng dễ. Đã đều có văn đâu phải là đạo lý. Nhưng lý được hay không được. Đều được luận lý giáo nghĩa, Lý là thật, giáo là

quyền. Thật tuy không có nhưng giáo môn thì có. Nay dùng có Vô tác, kế là nói Đạo cộng giới và Định cộng giới đều lấy Vô tác làm thể. Định cộng giới ở trong tâm định phát ra vô tác, không trở lại các việc ác. Đạo cộng giới ở trong đạo Kiến đế đã phát ra cùng lúc trên tâm thắng đạo, nên nói là Đạo cộng. Các Sư Chỉ Quán giải thích, chưa phải Kiến đạo, đã phát ra vô tác là Đạo cộng giới, cầu giữ trong tâm chánh quán Trung đạo phát vô tác này, có nghĩa ngừa quấy dứt ác, nên gọi là Đạo cộng. Đại Kinh nói rằng: "1. Đắc chánh pháp giới. 2. Thọ thế giáo giới. Bồ-tát đắc chánh pháp giới, nghĩa là Đạo cộng giới, được giới này, rốt ráo không làm việc ác. Được từ thầy trao, nên gọi là Đắc. Trong tâm Trung đạo phát được giới này. Thọ thế giáo giới, nghĩa là bạch bốn lần Yết-ma, rồi sau mới vaynhờ mượn từ thầy mà được, nên gọi là Thọ, sai khác đứng về chỉ bày, nên gọi là Thế giáo. Định cộng và Đạo cộng chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa. Đạo cộng giới và Định cộng giới của Dại thừa xếp vào giới Nhiếp thiện pháp. Có vị Sư nói chỉ nhập Thiền định mới phát ra vô tác. Dịnh cõi Dục không phát ra vô tác, chỉ có nhờ vào không giải mới phát ra vô tác. Có câu: "Chỉ khiến cho chứng được Định Đạo này, theo khả năng có thể dừng phục phẩm thô thành tựu liền phát ra Vô tác. Ban đầu luật Bồ-tát nghi phương tiện cầu thọ, thể của nó sẽ hưng thạnh. Nếu bỏ Bồ-đề nguyện, thì như tăng thượng phiền não phạm 10 giới trọng, thể của nó bị phế bỏ. Nếu không có hai duyên này thì đến thành Phật mới phế bỏ. Định cộng giới và Đạo cộng giới, đắc Định, đắc Đạo là nhân. Niệm ban đầu Định và Đạo chưa cùng lúc với giới. Đầy đủ tâm trước làm Nhân, niệm thứ hai mới có cùng lúc với giới, bấy giờ là Hưng. Một niệm cuối cùng xuất định, xuất đạo, bấy giờ liền phí bỏ.

Câu 2. Khi nhập định, nhập đạo giới và tâm cùng có, lúc đó gọi là hưng. Khi xuất định, xuất đạo, giới và tâm đều xả. Lúc đó gọi là phế, đều gọi là tâm có chung với giới.

Câu 3. Sau khi phát thì ra vào thường có. Sau nhập thắng định thắng đạo, tùy theo chỗ ngay đó mà đặt tên. Bấy giờ, thường hưng khởi thối định thối đạo. Ba Tạng đều thọ, Bồ-tát đến Bồ-đề, bấy giờ liền bỏ, pháp Nhiếp thiện sinh ra cùng với luật nghi. Tùy thọ thì hưng, hai duyên thì phế. Kế đến ba nhóm giới thể. Luật nghi là pháp thức nghi tắc, giúp cho người tu hành vào đạo. Lại nói Luật là bờ tường. Như thế nếu bỏ tường thì ngựa chạy thẳng. Luật cũng giống như thế. Điều phục người tu hành không làm việc ác. Bồ-tát thệ nguyện dứt ác làm lành. Nếu không động thân miệng tức là dứt ác, phát giới ngăn động, không động tức là Luật Nghi giới. Như phải động thân miệng tức là làm lành,

nay phát khởi giới này để ngăn ngừa bất động đó, Nhiếp thiện chúng sinh giới tức là động phải hợp với sự. Nên khai ra làm hai, chọn sách lệ các điều lành y theo nhóm môn bốn thệ nguyện rộng lớn, gọi là Nhiếp chúng sinh, tức là vì người nên hành động, dưới là hóa độ chúng sinh tu muôn điều lành, trên nương về quả Phật, Luật nghi phần nhiều đứng đầu về nội đức. Nhiếp chúng sinh bên ngoài là nhiếp hóa điều lành cả trong lẫn ngòai, nên phải lập nhóm giới. Kế là chỉ thiện và hành thiện. Như có nói về dứt ác không làm, gọi là chỉ. Tin thọ tu tập gọi là Hành. Phật giáo tuy nhiều nhưng tóm gọn vào hai môn chỉ và hành. Các điều ác không làm tức là giới môn, các điều lành khuyên giữ tức là Khuyến môn. Nghĩa Vô tác bao trùm thiện ác, nghĩa thiện ác vô tác bao gồm hành thiện và chỉ thiện, Nay trước nói về thiện, thiện giới không khởi mà đã khởi thì phải dứt ác, đều là nghĩa chỉ, đều có tiến thú, đều là nghĩa Hành. Chạy theo mạnh yếu. Có hành thiện và chỉ thiện khác nhau. Chạy theo sự khởi tâm dứt ác vô tác là chỉ thiện. Hưng tâm vô tác là hành thiện. Giới nghi Đạo cộng giới và Định cộng giới xếp vào Chỉ, Đạo và Định xếp vào nghĩa hai tâm là hành. Tìm vô tác từ nhân duyên dứt, từ chỉ duyên dứt, sau đó sinh Vô tác là chỉ thiện. Tất cả Khuyến môn đều thuộc về hành thiện, còn giải hành chỉ là tác. Chấm dứt là chỉ vô tác. Lại nói: Chỉ thiện và hành thiện đều có Vô tác. Chúng Thanh văn đều là luật nghi giới. Thể chỉ cho dứt ác trên thân và miệng. Luật nghi Bồ-tát ngăn ngừa 3 nghiệp. Lại nêu ra dài ngắn rộng hẹp. Vô tác nghĩa là sau khi phát tâm duyên tăng thượng thì thấp kém liệt không phát, tâm Vô ký yếu kém không phát ra vô tác, như dứt hoặc cõi Dục có 9 phẩm. Sáu phẩm trước phát ra vô tác. Ba phẩm sau không phát, nên nói Tư-đà-hàm ra khỏi biểu vô tác, A-na-hàm ra khỏi biều bất thiện, La-hán ra khỏi biểu Vô ký. Thiện ác Vô tác đối với tâm mà luận, đều có 4 câu, bốn câu thiện là:

1. Giới phi vô tác: Tâm dứt ác có công năng chỉ nên gọi là giới.

2. Vô tác phi giới: nghĩa là đào giếng xây cầu, tùy việc tùy dụng vô tác, v.v...... không thể chỉ ác, chẳng phải là giới.

3. Giới là vô tác: nghĩa là Thiện luật nghi, v.v....

4. Phi giới phi vô tác: tâm lành khác.

Ác giới có 4 câu:

Giới phi vô tác, nghĩa là dứt tâm lành.

Vô tác chẳng phải giới, nghĩa là các tội sát, đạo, tùy dụng vô tác.

Giới là vô tác, nghĩa là Ác luật nghi, v.v....

Phi giới phi vô tác, nghĩa là dứt tâm ác. Giới có hai lọai:

1/ Mười sáu ác luật nghi

2/ Tà giới của ngoại đạo.

Ác luật nghi như Đại kinh. Ngoại đạo ác giới có 95 thứ. Đều có giới pháp. Hoặc khổ hạnh làm giới, hoặc giữ giới trâu ngựa, thờ lửa, uống gió, thường đứng một chân, chạy vào lửa, nhảy xuống sườn núi. Lấy đây làm giới, tức là tà giới. Tùy theo chỗ vận tâm dài ngắn, đều là ác giới.

Thứ 3. Phận biệt: lại chia làm 3:

Phải có tín tâm.

Không có 3 chướng.

Nhân pháp làm duyên.

Tín tâm là theo môn Ba tạng, lược nêu 3 thứ:

Tin nhân quả, thiện ác phải có chỗ vời lấy.

Tin Quan đế đắc đạo. Ta có khả năng quán Thánh đế sẽ đắc đạo.

Tin có giới, là quán đế nhập đạo sơ môn. Y theo giới Phương đẳng.

Phải đầy đủ 3 tánh này. Lại thêm ba loại:

Tin tâm thức của tự tha đều có Phật tánh.

Tin siêng hành thắng thiện thì chắc chắn đắc quả.

Tín chỗ đắc quả Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Kế là không có ba chướng:

Chúng sinh chướng ngại mới có ba loại, Phiền não thường có nên không nói chướng. Nghiệp chướng mới có nặng nhẹ, nghiệp nặng chướng ngại giới, nghĩa trở ngại nhân, đó là bảy tội nghịch, mười giới trọng, hiện thân có thứ này, thế là chướng, thân trước chẳng còn trở lại biết gì, cách đời việc xa. Về bảy tội nghịch: Sám hối diệt phi chướng,

Phạm một sám hối và không sám hối, đều có chướng nầy, sau khi sám hối thì không chướng ngại, không sám hối thì chướng ngại.

Bốn tội trước phải sám hối, thấy tướng thì chẳng chướng ngại. Sáu tội sau không sám hối cũng không chướng ngại.

Mười tội trọng không sám hối thì đều chướng ngại, sám hối rồi thì không chướng ngại.

Báo chướng là hai đường địa ngục, ngạ quỷ. Tội khổ nặng tự ngăn cách từ, nhiều mà phán, không gọi là Nhân. Phi nhân, súc sinh chỉ cần hiểu được tiếng nói thì được giới thọ. Phi nhân là quỷ thần và Tu la, rồng là súc sinh, trong loài người thì có nam nữ, hùynh môn, hai căn. Trời thì có từ trở lên đến 18 cõi trời Phạm, đều gói là Nhân. Tứ không

xứ có thể nghe pháp, nhưng nghiệp báo mầu nhiệm nên lược không nói. Từ trời Phi tưởng là đảo chấp, nếu hơn tâm mến thiện cũng có thể đắc giới. Kinh nói ba đường, trời Trường thọ, Biên địa là đất nạn. Y cứ vào nghĩa không thể tu đạo mà thôi. Luận Tát-bà-đa nghi rằng: Rồng, được thọ Bát quan trai, chỉ là được Thiện, chứ không được gọi là Trai. Nay y theo văn mà chuẩn lý. Năm giới, là giới Bồ-tát căn bản, còn không biểu định Phật pháp, năm giới, giới Bồ-tát cho phép bốn đường đều được. Từ tám giới trở lên đến giới Cụ túc, đã là xuất gia biểu định oai nghi, chỉ có tầng trời thứ ba trong cõi người trở xuống mới có thể cảm, các đường khác không có nhân này. Đại Luận nói rồng được thọ giới Bát quan trai. Kế đến nói pháp Nhân duyên.

Nhân duyên có 3 bậc được giới Bồ-tát: 1. Chư Phật, 2. bậc Thánh, 3. Phàm sư. Chư Phật có 2:

Chân Phật như Vương tử Diệu Hải thọ giới Bồ-tát với Phật Lô-Xá-Na.

Tượng Phật đồng, vàng, ciment.

Trong ngàn dặm không có Sư thì cho phép cầu được tướng tốt tự thệ mà thọ. Xá lợi, tóc móng, Bát, tích trượng, răng, đều khởi tâm kính trọng, có thể làm duyên. Nhưng Xá-lợi khó biết giả thật, hoặc Tiểu thánh được kính trọng như Phật, liền có thể bằng đối. Kế là kinh sách Đại thừa, giải thích có 3:

1/ Không cho phép,

2/ Cùng Phật tượng khác thứ lớp thọ.

3/ Bất luận là có Phật hay không Phật, đối với kinh điển Đại thừa làm duyên. Kinh điển đại thừa ở đâu thì cũng như tháp Phật ở đó. Hai vị Thánh có Thật thánh hoặc Tượng thánh.

Thật Thánh là Bồ-tát Thập địa, đối với đây làm duyên nên hợp với phát giới. Tượng Thánh nghĩa là tượng Bồ-tát bằng vàng, đồng. Kinh này cũng nói: Đối trước Phật, Bồ-tát tự mình thệ nguyện thọ giới, nếu chỉ đối trước tượng Bồ-tát thì e có sẽ coi thường. Nếu phàm phu phát tâm Bồ-tát thì tượng người nầy không thể phát giới. Nói Phật, Bồ-tát là bên Phật có Bồ-tát. Địa Trì chỉ nói Phật, chứ không nói Bồ-tát.

Phàm sư có nội phàm và ngoại phàm, lấy người thật làm tượng. Không cho gọi hình tượng trong kinh là người trí, số bao nhiêu người. Địa Trì và Anh Lạc chỉ một Sư. Phạm Võng thọ pháp cũng chỉ có một Sư. Sau đây chế giới Trung đạo Hòa Thượng, A xà lê, thành bảy tội nghịch, cũng không thấy pháp thỉnh Hòa-thượng. Có nói: “Hòa-thượng, thỉnh Chư Phật làm Hòa-thượng. Văn còn nói: Hai thầy nên hỏi rằng:

“Ông có phạm bảy tội nghịch chẳng? Dường như chẳng chỉ Phật. Tuy có trí giả hiện tiền, vẫn phải ở trước tượng Phật, hoặc trước quyển kinh giúp làm phát khởi. Bấy giờ, người trí ở trước tượng Phật. Nếu có người trí, không có kinh tượng cũng không đắc giới. Đủ 18 vật, chế tượng Phật kinh điển luôn phải tùy theo. Kế là (568) nói về Đức nghiệp. Kinh Phạm Võng ghi: “Làm thầy phải là vị Bồ-tát xuất gia, có đủ 5 tính chất:

- Trì giới
- Mười hạ lạp
- Hiểu Luật tạng
- Thông Thiền tư
- Tuệ Tạng cùng tận chỗ sâu kín.

Ngài La-thập nói, Sư ghi chép, truyền bá cho đến này. Kế là Địa Trì nói rằng: “Giới đức phải nghiêm minh, hiểu rõ ba tạng, có khả năng làm được đối với sự cung kính kia, mới theo thọ được. Không như thế thì mắc tội. Kế là nói về pháp duyên. Đạo và tục đều dùng phương pháp khác nhau. Sơ lược có 6 bản:

- Phạm võng
- Địa Trì
- Cao Xương
- Anh Lạc
- Tân Soạn
- Chế chỉ

Kinh Ưu-bà-tắc Giới trao cho tại gia, Phổ Hiền Quán Thọ Giới pháp, thân dường như ở địa vị cao tự thệ thọ giới pháp. Nay không nêu đầy đủ. Phạm Võng Thọ Pháp là giới của Phật Lô-Xá-na trao cho Vương tử Diệu Hải. Phật Thích-ca nhận đọc tụng từ Phật Lô-Xá-na, kế đến chuyển cho Bồ-tát A-Dật-Đa, như thế là 25 vị Bồ-tát. Kế dến giao phó cho ngài La-thập truyền bá, xuất xứ từ phẩm Luật Tạng. Trước là thọ ba quy y: Con tên là……… từ thân này đến thân tàhnh Phật. Trong thời gian đó Quy y thường trụ Phật, Quy y thường trụ pháp, Quy y thường trụ tăng (nói 3 lần). Sau cùng là kết (3 lần). Kế đến sám hối mười nghiệp ác (lạy ba lạy). Khen ngợi tán thán lắng nghe lời răn dạy (ba lần), nói 10 giới trọng. (Hỏi: Có giữ được không? Đáp: Giữ được) Sau đó kết thúc lời khen ngợi phát nguyện. Ngoài ra chỗ chưa hiểu, Sư sẽ chỉ dạy như văn sau: “Người muốn thọ giới, phải sắm sửa nhang đèn thỉnh Sư đến trước Phật truyền giới cho. Sư phải hỏi: “Ông có chịu đựng được mười việc không? Cắt thịt cho chim ưng ăn, xả thân cho cọp đói. (Phải từ Tánh địa trở lên mới chế được.) Cũng nói rằng: “Trong 10 ngàn dặm

không có Sư, thì cho phép đối trước tượng Phật mà thọ. Ba quy y, sám hối, nói 10 tội trọng giống như trước, chỉ có nói ra là khác mà thôi.

Kinh Địa Trì tương truyền do ngài Di-Lặc nói: "Nguyên bản là Nhật nguyệt Đăng Minh nói: "Bồ-tát Liên Hoa Tạng thọ trì, kế là hơn 30 Bồ-tát truyền hóa, về sau có Bồ-tát Y-Ba-la-di-lặc mượn dấu viết truyền hóa đến cõi này. Nhưng Kinh Địa Trì là do ngài Đàm-Vô-Sấm dịch. Nghi rằng Đàm-Vô-Sấm tức Y-Ba-lặc. Giới phẩm thứ tư nêu ra pháp thọ giới. Nếu Bồ-tát phát nguyện rồi Vô Thượng Bồ-đề. Người đồng pháp Bồ-tát đã phát nguyện, có trí, có lực thiện ngữ, thiện nghĩa thì có thể tụng, có thể trì. Trước hết phải lễ dưới chân người này mà thưa rằng: "Con tên là .... Theo Đại đức xin theo giới Bồ-tát, Đại đức đối với con không nề mệt nhọc, xin thương xót con (nói 3 lần) Kế đến dứng lên lễ Chư Phật mười phương, rồi thỉnh Sư: "Cúi mong Đại đức trao giới cho con (3 lần)Kế đến sinh niệm "Không bao lâu sẽ được nhòa công đức lớn vô tân vô lượng. Sư phải hỏi: "Ong có phải là Bồ-tát chăng? Đã phát nguyện Bồ-đề chưa? Hỏi xong phải nói: Này pháp đệ! Ong muốn thọ tất cả giới Bồ-tát với ta, nghĩa là giới nhiếp luật nghi giới, Nhiếp Thiện pháp và giới Nhiếp chúng sinh. Giới này là quá khứ, vị lai, hiện tại tất cả các Bồ-tát am trụ giới này. Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học, các Bồ-tát hiện tại đang học. Ong có thọ được không? (Đáp: thọ được (3 lần). Sư phải đứng dậy lễ Phật, xong rồi, nói rằng: "Bồ-tát mỗ ở trước tôi Bồ-tát mỗ của tôi, nói 3 lần thọ gới Bồ-tát. Rồi sau mới kết thúc khen ngợi. Ba chữ hiệp chú "Tiên tán tịch", theo pháp thọ của kinh bản như thế.

Bản Cao Xương, hoặc bản Đề xướng pháp sư. Nguyên tông xuất xứ từ trong Kinh Địa Trì mà làm pháp nhỏ hay rộng. Trước hết là thỉnh Sư:

Thưa quý Đại đức, con pháp danh là .... nay theo Đại đức xin thọ giới Bồ-tát, cúi xin Đại đức cho phép con thọ, xin thương xót con (3 lần). Kế là xin giới rằng:

Thưa quý Đại đức, nay đã đến giờ, xin cho con thọ giới Bồ-tát (nói 3 lần) Kế là hỏi già pháp (gồm 10 câu). Sư phải thay Chư Phật xướng rằng: "Tất cả Chư Phật và các Bồ-tát tăng trên mặt đất lắng nghe! Bồ-tát nầy cầu ta giới Bồ-tát nay bố thí cho Ong giới Bồ-tát, ông theo tất cả Chư Phật và Bồ-tát tăng thọ giới Bồ-tát, giới nhiếp luật nghi. Giới Nhiếp Thiện pháp, giới Nhiếp chúng sinh, giới này của Chư Phật, đây là giới mà tất cả Chư Bồ-tát, quá khứ, vị lai, hiện tại đã am trụ, là giới mà các Bồ-tát quá khứ đã học, Bồ-tát vị lai sẽ học, Bồ-tát hiện tại đang

học, ông cũng đang học như thế, ông có giữ được không? (Đáp giữ được 3 lần) Bạch xong, xướng rằng: “Bồ-tát mỗ này. Ở trước tất cả Phật Bồ-tát, theo tôi là Bồ-tát .... Đã hai ba lần theo giới Bồ-tát rồi. Tôi là Bồ-tát mỗ. Là người chứng minh. Lại bạch Vô lượng Chư Phật trong mười phương, vị thầy bậc nhất, bậc nhu hòa giác ngộ của tất cả chúng sinh. Bồ-tát nầy đã ở trước Bồ-tát mỗ đã 3 lần nói thọ tất cả luật nghi giới của Bồ-tát rồi (nói 3 lần), kế là nói 10 tướng trọng xong, kết thúc khen ngợi. Từ đời Tề Tống trở đi phần nhiều dùng pháp này, tức là bản Cao Xương. Kinh Địa Trì do Đàm Vô Sấm ở Hà Tây dịch, có Sa-môn Đạo Tấn, cầu Đàm-Vô-Sấm thọ giới Bồ-tát, Sấm không cho mà còn dạy phải sám hối. Sau 7 ngày, 7 đêm đến Đàm-Vô-Sấm cầu thọ, Ngài rất giận không trả lời, Đạo Tấn tự nghĩ, chính là do mình nghiệp chướng chưa tiêu mà thôi. Lại càng hết sức chí thành lễ sám suốt 3 năm, Tấn nằm mộng thấy đức Phật Thích-ca trao giới pháp cho mình. Hôm sau đến chỗ Đàm-Vô-Sấm định kể điềm mộng, đi chưa được vài mươi bước thì ngài Đàm-Vô-Sấm ngạc nhiên kêu lên: Lành thay! Ông đã cảm được giới rồi, tôi sẽ chứng minh cho ông. ”, kế đó ngài đứng trứơc tượng Phật nói giới tướng. Bấy giờ, có pháp sư Đạo Lãng là bậc cao túc ở đất Hà Tây, khi Đạo Tấn cảm giới thì Đạo Lãng cũng nằm mộng thấy, Pháp sư bèn hạ thấp giới lạp xuống xin làm pháp đệ của Đạo Tấn, lúc đó có hơn ngàn người theo Đạo Tấn thọ giới, Vương Tự Cừ ở Hà Tây, Cảnh Hòan con của Mông Tốn, sau dời về Cao Xương cũng thờ Tấn làm thầy. Tấn cũng theo đến, thấy Cao Xương bị nạn đói. Đạo Tấn cắt thịt trên thân mình để cứu người đói, vì thế mà bỏ mạng. Đệ tử của Đạo Tấn là Tăng Quân, họ Triệu, người ở Cao Xương, truyền giới pháp của Sư. Lại có Đàm Cảnh, cũng truyền pháp này. Tông xuất xứ từ quận đó, nên gọi là Bản Cao Xương.

Cuối đời Nguyên có bản của Pháp sư Huyền Sướng. Bản này xúât xứ từ bản của ngài Đàm-Vô-Sấm nhưng hơi rộng hơn bản Địa Trì, e ngài Đàm-Vô-Sấm thệ nguyện phát khởi nhân tình vì có chỗ trùng phức nầy.

Về pháp Thọ Giới Bồ-tát trong Kinh Anh Lạc, trước lễ Tam bảo ba đời (nói 3 lần), kế thọ bốn bất hoại tín, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y giới, (nói 3 lần), kế sám hối m điều ác, năm tội nghịch (nói 3 lần) và 10 giới trọng. Người phạm mất đi 42 pháp hiền thánh. Hỏi có giữ được không? (Đáp giữ được) Cuối cùng kết thúc ba quy y. Lặp lại 10 giới trọng rồi phát nguyện. Người thọ giới Bồ-tát vượt khỏi bốn ma, vượt khổ 3 cõi, đời đời không mất đi thường theo người tu hành

cho đến (569) thành Phật. Nếu không thọ giới thì không gọi là tri thức, không khác gì loài súc sinh, thường lìa biển Tam bảo, chẳng phải Bồ-tát, là ngoại đạo tà kiến. Không gần gủi nhân tình, công đức khuyến hóa người thọ giới nhiều hơn xây cất 8 vạn 4 ngàn ngôi tháp báu. Người có giới mà phạm vẫn còn hơn người không có giới mà không phạm. Nếu thọ giới trước Phật và Bồ-tát thật, gọi là Thượng phẩm giới. Nếu sau Phật diệt độ, trong một ngàn dặm không có Phật Bồ-tát, thì được theo người thọ trước làm thầy, gọi là Trung phẩm giới. Nếu trong một ngàn dặm không có pháp sư, được đối trước tượng Phật tự thệ thọ giới, gọi là Hạ phẩm giới.

Bản mới soạn là do các Sư thời cận đại biên tập, gồm có 18 khoa:

Sư vào đạo tràng lễ Phật, rồi ngồi trên tòa ở bên Phật.
Đệ tử vào đạo tràng lễ Phật quỳ thẳng
Sư thỉnh Tam bảo:
Khởi tâm niệm Tam bảo như ở trước mặt
Sám hối 10 nghiệp bất thiện
Thỉnh các bậc thánh làm thầy
Thỉnh Sư hiện tiền
Sư khen ngợi đệ tử có khả năng phát thắng tâm
Đúng lúc xin giới này.
Dạy phát tâm Bồ-đề
Hỏi già pháp (có 15 câu hỏi)
Nghĩ tưởng đắc giới
Lúc phát giới lập thệ
Thọ ba quy y của Bồ-tát
Sư khởi xướng yết-ma cũng dùng yết ma phát giới
Kết xong
Sư lại ngồi xuống khuyên học
Nói tướng của 10 giới tướng trọng kết thúc khen ngợi làm lễ rồi đi.

Chế chỉ pháp thọ giới, đây đủ phương pháp xuất gia và tại gia. Văn nhiều không thể kể hết được. Đề kinh này gọi là Phạm Võng. Quyển thượng: Đức Phật nhìn mành lưới của vua trời Đại Phạm, mành lưới ấy các mắt kết ngọc khác nhau mà hiện bóng lẫn nhau. Ngài nói mọi thế giới cũng giống như vậy, vô cùng vô tận. Trang nghiêm thân Đại phạm chẳng chỗ nào chướng ngại, y theo thí dụ mà đặt tên. Dụ chung cho một phần đã chứng, so ra bất đồng như mành lưới của vua trời Đại Phạm.

Phẩm gọi là "Tâm Địa Bồ-tát", cũng là lấy Dụ đặt tên. Trong phẩm đã nói về dụng thiết yếu của Đại sĩ như tâm của thân người có thể thu hết muôn sự vật, có thể sinh ra thắng quả là chỗ được Đại sĩ nươngtựa, nghĩa là như đất. "Lô-Xá-Na, " Kinh Bảo Lương dịch là Tịnh Mãn, vì các họa hoạn đều dứt, nên gọi là Tịnh, các đức đầy đủ gọi là Mãn.

Thích-ca Mâu Ni: "Kinh Thụy Ứng" dịch là Năng Nhu, cũng dịch là Năng nhân, Năng nhẫn, còn dịch là Trực lâm.

Mâu-ni là thân miệng ý mãn, Hoặc gọi là Ốc tiêu. Đây là thuyết khác. Phẩm danh hiệu, trong kinh Hoa Nghiêm hoặc gọi là Lô-Xá-Na, hoặc gọi là Thích-ca. Nay nói chẳng một chẳng khác cơ duyên nên nghe mà thôi. Đức Thích-ca ở tại cung Ma-hê-thủ-la, đệ Tứ thiền nói phẩm Pháp Môn Tâm Địa này. Xét văn từ đầu đến cuối, có một ngàn vị Thích-ca cùng với ngàn trăm ức Đức Thích-ca, đều dắt dẫn người có duyên đến chỗ Phật Lô-Xá-Na, thọ giới Bồ-tát. Rồi sau đều ngồi đạo tràng thị hiện thành Chánh giác. Lại nói pháp gồm có 10 nơi:

- Tại Diệu Quang Đường, nói về Thập Thế Giới Hải.
- Tại cung Đế-thích nói về Thập trụ
- Tại Cung Dạ-Ma nói về Thập Hạnh
- Tại trời Đâu-Suất-Đà nói về Thập Hồi Hướng
- Tại trời Hóa Lạc nói m Thiền định
- Tại trời Tha hóa nói về Thập địa
- Tại Sơ thiền nói Thập Kim cương
- Tại Nhị Thiền nói Thập Nhẫn
- Tại Tam Thiền nói Thập Nguyện
- Tại Tứ Thiền nói Phẩm Pháp Môn Tâm Địa.

Ở hội thứ 10 nói chung 30 tâm địa trước, đều đứng về nghĩa Vô tướng để giải. Sau đó lại nói: "Đức Thích-ca ban đầu ở thế giới Liên Hoa Tàng vào lên cung trời, xuống Diêm-Phù-Đề thành đạo, hiệu là Thích-ca. Đầu tiên ở Đạo tràng nói pháp cho đến 10 nơi. Lại từ cung trời xuống dưới cây Bồ-đề, phẩm Pháp Môn Tâm Địa này, Đức Lô-Xá-na đã tụng mười giới trọng 48 giới khinh. Hoa Nghiêm nói nhưng văn chưa hết, chỉ có 7 chỗ 8 hội, phần nhiều đạo không thể khởi ở tòa nầy, không nói pháp tại trời Hóa Lạc, mà kinh này phần nhiều nói từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ khác. Ở trời Hóa Lạc nói Thập Thiền định. Còn các địa phần nhiều không tương ưng. Trước sau tòa tịch hoặc đồng hay khác. Do dấu vết bậc Thánh khó suy tư, tùy theo cơ mà nói khác thôi.

Trong 3 giáo thuộc về Đốn giáo, Nói diệu chỉ Nhất thừa của Phật tánh thường trụ. Người được truyền là Đại sĩ chứ không phải Nhị thừa.

Hoa Nghiêm nói rằng: "Nhị thừa ở tại chỗ ngồi không biết không hiểu. Vì giai vị của Đại sĩ thì Nhị thừa chẳng thể thực hành được, chế giới khinh trọng Tiểu thừa chẳng thể học được, chế pháp của Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau, Bồ-tát tạm thời chế 58 điều, Thanh văn trì phạm tùy theo đó mà kết giới. Lý luận giải quyết cơ nghi. Sự luận gồm có 3 nghĩa:

Đại sĩ tin sâu nghe nhanh không trái nghịch. Thanh văn tin cạn nghe nhanh thì không thọ.

Đại sĩ không thường hầu hai bên, không có tùy theo việc mà bạch, cho nên tạm thời chế ngay. Thanh văn thường được theo hầu có thể ít muốn bạch Phật, nên đợi phạm mới chế.

Phạm Võng được chế, Lô-Xá-Na cho Vương Tử Diệu Hải thọ giới Bồ-tát. Bấy giờ, các Đại sĩ lẽ ra phải nói 58 điều này. Nên tạm thời chế ngay. Đại bản Phạm Võng 112 quyển, 61 phẩm. Chỉ có phẩm Bồ-tát Tâm Địa thứ 10, của ngài La-thập tụng ra. Hai quyển thượng, hạ. Tựa trước nói về giai vị Bồ-tát, tựa sau nói giới pháp Bồ-tát từ Đại bản, Lời tựa và lưu thông đều thiếu, khác bộ ngoài gọi là Bồ-tát giới kinh. Văn có 3 phần:

TỰA: Từ bài kệ thứ nhất, văn xuôi thanh tịnh.
CHÁNH THUYẾT: Từ 10 giới trọng ..... nay Bồ-tát đang tụng.
LƯU THÔNG: Còn lại cho đến hết quyển là khuyên nói.

Giải thích:

Phần tựa: Bài kệ thứ nhất nói Phật Lô-Xá-Na phát khởi. Văn xuôi nói Phật Thích-ca khuyến phát. Trong bài kệ có bốn giới, ba khuyến.

Bốn giới là:
1/ Giới Xá-Na.
2/ Giới Thích-ca
3/ Giới Bồ-tát
4/ Giới Chúng sinh.

Lô-Xá-Na là "Bản", Thích-ca là "Tích", Phật Thích-ca được giới này liền trao cho các Bồ-tát, Bồ-tát trao lại cho chúngsinh phàm phu

Ba khuyến là:
1/ Khuyến thọ
2/ Khuyến trì
3/ Khuyến tụng

Bốn giới này có lý do chứng đắc phẩm giới, căn bản thầm truyền. Từ đó trở xuống là lời Phật trao, cho nên khuyên phàm phu thọ. Đã thọ

phải trì, đã trì phải tụng, vì muốn cho sự truyền bá không dứt.

Hàng giữa bài kệ chia làm 3 đoạn:

Ba hàng ba câu: Phật Lô-Xá-na nói giới truyền cho Phật Thích-ca.

Từ câu "bấy giờ, trăm ngàn ức"....... Ba hàng ba câu: Đức Thích-ca truyền trao cho các Bồ-tát, Bồ-tát truyền cho chúng sinh.

Từ "Lắng nghe ta chánh tụng " đến hết bài kệ: Khuyên tin, thọ trì.

Một câu ba tựa là hai đức Phật nói

. Hai câu tựa là phật Lô-Xá-Na tự nói, còn lại là Đức Thích-ca cõi này nói. Xen vào lời của nhà chép kinh. Hai hàng rưỡi trên nói về "Bản, Tích". Hàng kế nói về nhân, Pháp.

Ban đầu có ba: Nửa hàng nói [bản] của Lô-Xá-Na, hai hàng rưỡi nói [tích]của Phật Thích-ca. Ba hàng rưỡi tổng kết [bản, tích]. Câu trên nói bản thân Lô-Xá-Na, câu dưới nói bản độ của Lô-Xá-Na, tức Y báo, Chánh báo. Thân Phật có 4 loại:

1/ Pháp thân

2/ Chân ứng

3/ Pháp báo ứng.

Tỳ-Lô-Giá-na chánh pháp thân, Lô-Xá-Na làm cho chánh pháp rực rỡ khắp nơi là thân, Thích-ca ứng tích cảm đến là thân. Kim Quang Nhiếp Luận gọi là pháp ứng hóa. Còn lại là Ứng thân thọ Thuần-đà cúng dường

4/ Hóa thân thọ đại chúng cúng dường.

"Ngã kim" là tánh tự tại của Ngã, cũng là Lô-Xá-Na, bui nhỏ vô minh đã dứt sạch, trí tuệ công đức đầy đủ, như trăng tròn sáng, dùng (570) tên tiêu biểu cho đức. "mới ngồi hoa sen là y nói y báo,

"Phương" là chánh, ở trong chánh pháp, nên gọi là "Tọa". Vì sao ngồi trênđài hoa, Hình tướng của thế giới dường như hoa sen, nên gọi là Liên hoa tàng. Hoa Nghiêm nói rằng: "Hoa tại hạ kỉnh". Liên hoa có 2 nghĩa:

Ở chỗ nhơ bẩn mà không nhiễm: Thí dụ Xa-na ở chỗ dơ bẩn mà không nhiễm.

"Tàng": Bao gồm cả pháp giới 10 phương. Tiêu biểu cho nhân sinh quả nên thí dụ là đài. Còn lấy Phật vốn ngồi trên đài hoa, tiêu biểu cho Giới là gốc của các đức. Chung quanh ngàn Đức Thích-ca nhìn thấy trăm nước Thích-ca. "Thiên" là bản, "Trăm ức" là tích, Hai lới bản tích có 3 nghĩa một: Bản trong tích.

Hai. Tích trong bản

Ba. Bản và tích đều thành Phật đạo.

1- Bản trong tích: Ngàn cánh, hoa ở cõi người có hơn mười cánh, hoa ở cõi trơi có trăm cánh, hoa của Phật, Bồ-tát có ngàn cánh, mỗi cánh có một thế giới Phật, nên có ngàn Tịnh độ Phật, tiêu biểu cho 10 địa, 10 Ba-la-mật viên nhân. Khởi bản địa của ứng quả, hiện ngàn Thích-ca. Mỗi cánh là một Tịnh độ, tức là một thế giới Phật khởi Ưng thân tròn đầy. Còn một cõi nước Phật trong một thế giới, đây là nói sơ lược. Hoa Nghiêm thế giới nhiều như bụi nhỏ. Mười phương, mỗi phương đều có một trăm, Mỗi hoa có trăm ức cõi nước...

2- Tích trong bản: Một cánh là một thế giới có trăm ức cõi nước. Trăm ức cõi Ta-bà chỉ trên một cánh mà thôi.

"Các tọa" là nói bản tích đều thành Phật đạo.

3- Bản và tích đều thành Phật đạo: là Tổng kết bản tích, là ngàn trăm ức kiếp, kết thân tích. "Lô-xá-na, v.v......" là câu kết thân bản, nói ngàn trăm ức kiếp đều lấy Lô-Xá-Na làm bản.

Về nhân pháp: thì văn chia làm hai: 1. Nhân. 2. Pháp.

Trong Nhân, có 3 câu:

1- Người năm tiếp

2- Người sở tiếp

3- Kết người năng tiếp và người ở tiếp đều đến chỗ Phật. " Người năng tiếp" là ngàn trăm ức Đức Thích-ca. "Các tiếp" v.v...trở xuống là nói người sở tiếp người được tiếp. "Tiếp" nghĩa là nắm lấy người có duyên. "Vi trần" ý nói thính chúng rất nhiều. "Lai chí " trở cuống là. Thứ 3 kết người năng tiếp, sở tiếp, đều đến chỗ Lô-Xá-Na. "Thính ngã trở xuống là thứ hai nói về" Hai câu nói pháp, câu trên nói giới, câu dưới chánh là khen giới.

a. Răn dạy Bồ-tát nghe người tụng giới Phật.

Hỏi: Đây là pháp của Chư Phật trong 3 đời 10 phương, chẳng phải mới tự chế, nên chỉ được tụng, chứ không được nói. "môn Cam lộ" là khen giới, thí như uống nước Cam lộ để được sống lâu. Đại Kinh nói rằng: "Có núi từ bốn phía ép vào, chỉ nên giữ giới bố thí.

"Bấy giờ ngàn năm ức" ..... Thứ 2 là Thích-ca tích Phật truyền cho Bồ-tát, Bồ-tát truyền cho chúng sinh. Lại chia làm ba:

- Nhà chép kinh trình bày lý do Phật Thích-ca truyền trao.
- Thích-ca thuyết giới truyền cho các Bồ-tát.
- Khuyên Bồ-tát truyền hóa cho chúng sinh.

Giải thích: 1. Nhà chép kinh trình bày ba câu do Đức Thích-ca

truyền: Trăm ngàn ức Phật đều trở về bản xứ. Nhưng pháp thân vô tại, nay nói về giới tích truyền bản, thì bản là tích. Sư dùng tích tụng bản đó. Văn truyền giới Bồ-tát chia làm ba:

1- Giới thể.

2- Giới dụng

3- Khuyên Bồ-tát thọ trì.

"Mười trọng, bốn mươi tám" ......

Giới thể: Mười giới trọng là giới thể, "Giới như trời trăng sáng"

Khen ngợi dụng của giới, trì giới này trừ tội sương, dụ như mặt trời, khiến được mát mẻ, dụ như mặt trăng, phải có pháp lành như chuỗi Anh lạc. Mặt trời có công năng nuôi lớn muôn vật, cũng như giới có thể nuôi dưỡng muôn điều lành. Chuỗi Anh lạc có thể nói chung công đức giúp nghèo cùng, giới cũng như thế, có thể giúp cho kẻ nghèo cùng thêm nhiều pháp tài. Lại như chiêm ngưỡng ánh sáng mặt trời, mặt trăng đầy trời. Trì giới đối với thể đều quy kính. Chuỗi Anh lạc là vật trang điểm quý báu nhất cho thân, Giữ giới lìa hồn như đoan chánh, "Vi trần chúng Bồ-tát.." thứ ba là khuyên Bồ-tát thọ trì, như người đi qua biển phải nhờ thuyền, nếu qua biển sinh tử, nhân quan trọng là giữ giới. Đại Kinh nói rằng: "Như bằng thuyền bè, lại dụ cho phao nổi. Lại chia làm ba: Trước nêu chung công năng, kế đến nói về người trao, sau hết nói người thọ. Như: Lô-Xá-Na là người trao, tân học là người thọ, Thọ trì là khuyến phát truyền trao cho chúng sinh, 30 tâm Bồ-tát, Truyền trao Đại thừa, phát tâm Đại thừa.

Thứ ba là: Khuyên tin thọ trì, văn chia làm ba:

Khuyên người thọ trì, văn chia làm ba:

1. Nêu pháp sở tụng

2. Khuyên người tin nhận

3. Kết khuyến.

"Lắng nghe nêu pháp sở tụng": Giới này phân biệt khác với các giới gà, chó, của ngoại đạo. Tịnh giới là Nhân, Mộc-Xoa là quả. "Đại chúng", thứ hai là khuyên người tin nhận, lại chia làm 2: một. Khuyên tin, hai. Khuyên nhận.

1. Khuyên tín cho nên "nhĩ" tin là cửa thứ nhất để vào đạo, đại luận nói rằng: "Tín thì vào được. Ta giữ giới này được thành Chánh giác, ông cũng phải như vậy. "Nhất thiết hữu tâm là "thứ hai, khuyên thọ: hễ có người phát tâm đều được thọ giới Bồ-tát Đại thừa thường lạc. Nói chúng sinh phát tâm có Phật tánh, sẽ thành Phật, phải thọ ba giới. "Đại chúng" là thứ 3, kết giới. Câu trên kết, câu dưới khuyên nghe. Tựa

chung chư Phật truyền thọ giới pháp phát khởi xong.

Văn xuôi, v.v......là bài Tựa, Đức Thích-ca ở cõi này, chia làm hai: Ban đầu là từ ngữ của nhà chép kinh, kế là lời của Đức Thích-ca nói. Có ba giai đoạn:

- Từ của nhà chép kinh.
- Phóng hào quang biểu thị điềm lành.
- Đại chúng xin nghe.

Bốn giai cấp khác nhau:

Nêu vị Hóa chủ là Đại Thánh Thích Tôn

Nêu nơi chốn, nghĩa là ngồi dưới cây Bồ-đề đắc đạo, do đó gọi là nhân danh đạo thọ, cũng gọi là Tư duy. Âm Phạn là Bối-đa.

Đắc đạo là thành Chánh giác, tức hiệu là Chánh Biến Tri.

Nêu ra pháp dở kết: Nghĩa là Ba-la-đề-mộc-xoa của Bồ-tát. Thứ 4, là Tự đổi bốn câu:

1. Nêu sở kết danh, tức là Mộc-Xoa nầy.

2. Năng thành nhân cao quý, nghĩa là hiếu sự.

Kinh Bảo Tạng nói: Hiếu thờ cha mẹ là bậc thiên chủ Đế-thích trong nhà ngươi. Còn thể thực hành việc hiếu là Đại Phạm Tôn Thiên ở trong nhà ngươi. Lại tận hiếu với Phật Thích-ca trong nhà Ông. Bồ-tát Diêm-ma lành bệnh mắt, đồng tử từ tâm xe lửa diệt nhanh chóng, tức linh nghiệm. Nhĩ Nhã nói rằng: Khéo thờ cha mẹ là hiếu. Hiếu tức là thuận. Thái sử Thúc nói dùng chữ hiếu thuận giải thích chữ Hiếu. " Hiếu Kinh Câu Mạng Quyết" nói rằng: "Chữ Hiếu dạy cuối cùng là hòan tất, trước sau sắc dưỡng, cũng có thể dạy độ. Độ là nghi pháp. Ấm áp trong lành hợp nghi.

3. Sẽ được thắng quả: nghĩa là pháp chí đạo.

Kết tên chữ: là chế giới, trong ánh áng của Phật phát ra, từ từ buông ra ánh sáng tiêu biểu cho điềm lành. "Thụy"là lành, muốn nói việc lớn trước hết phải pháy ra ánh sáng cao quý của sắc tượng, vời gọi chúng sinh có duyên đồng đến nghe giới. Giới là Bồ-tát cao quý có diệt ác sinh thiện. "Khẩu phóng" tiêu biểu cho Đức Thích Tôn, hôm nay giảng nói giới pháp Bồ-tát Đại thừa. Bấy giờ trăm ức trở xuống là Hậu giai ". Trình bày đại chúng xin nghe. Văn chia làm 3: một. Nói chung về đại chúng, hai. Nói riêng về bốn chúng.

- Bồ-tát
- 28 trời Phạm
- Sáu tầng trời cõi Dục.

16 Quốc vương. Tổng kết muốn nghe như vậy, tên 16 nước là xut

xứ trong Trường A-hàm.

(571) 1. Sử Già, 2. Ma-Yết-Đề, 3. Ca-thi, 4. Câu-tát-la, 5. Bạt-đề 6. Mạt-la, 7. Chi-đề, 8. Bạt-sa, 9. Ni-lâu, 10. Bàn-xà-la, 11. A-thấp-bà, 12. Bà-tha, 13. Tô-bà-la, 14. Càn-đà-la, 15. Kiếm-phù-sa, 16. A-bàn-đề. Ấn độ rất nhiều nước, nhưng chỉ lược nêu những tên này thôi. Cơ ứng Thanh văn tự nhiên nhóm họp. Chấp tay tức thời thứ ba của chúng thích nghe. "Thưa với Bồ-tát rằng": Đức Thích-ca tự nói cũng có 3 giai đoạn: Một. Nêu tự tụng. Hai. Thích-ca phát ra ánh sáng nhân duyên. Ba. Khuyên vật tôn học, tức là y theo trước. Ba việc trong lời tựa của Chư Phật cũng thành ba ý của nhà chép kinh. Trước hết nêu thí dụ khen ngợi. Ở đây Đức Thích-ca phát ra ánh sáng tức là khen ngợi. Ba giai đoạn này đều có hai việc khác nhau. Giai đoạn một có hai:

- Một. Trình bày ngã tự tụng
- Hai. Khuyên người khác tụng.

Trung phàm nêu 5 hạng người:

1. Là phát tâm, tức Bồ-tát cộng địa

Thập Phát thú, nghĩa là mười tâm đầu. Kinh Phạm Võng có nêu tên: 1. Xả, 2. Giới. 3. Nhẫn, 4. Tấn, 5. Định, 6. Tuệ, 7. Nguyện, 8. Hộ, 9. Hỷ, 10. Đảnh tâm. Ba mươi trưởng dưỡng nghĩa là trong 10 tâm: 1. Từ, 2. Bi, 3. Hỷ, 4. Xả, 5. Thí, 6. Hảo ngữ, 7. Ích, 8. Đồng, 9. Định. 10. Tuệ.

Mười tâm sau, 40 Kim cương: 1. Tín, 2. Niệm, 3. Hồi hướng, 4. Đạt. 5. Trực, 6. Bất thối, 7. Đại thừa, 8. Vô tướng, 9. Tuệ, 10. Bất hoại tâm.

50 địa, là từ Đăng địa trở lên.

- Thể tánh bình đẳng địa
- Thể tánh thiện phương tiện địa
- Thể tánh quang minh địa
- Thể tánh Nhĩ Viêm địa
- Thể tánh Tuệ chiếu địa
- Thể tánh Hoa quang địa
- Thể tánh mãn túc địa
- Thể tánh Phật hống địa
- Thể tánh Hoa nghiêm địa
- Thể tánh nhập Phật giới địa.

Thế nên từ câu: "Giới quang" là giai đoạn giữa. Giải thích nhân duyên phát ra ánh sáng cũng có hai thứ khác nhau:

Nhân duyên, về nêu liệt nhân duyên, trong đó có hai nhân duyên:1/

Biểu đắc quả, 2/ Biểu thành nhân, đều có ba câu đắc quả là:

- Chẳng phải sắc tâm xanh vàng.
- Chẳng phải hữu vô
- Chẳng phải pháp nhân quả

Ba câu hành nhân:

Bản nguyên của Chư Phật

Căn bản của Bồ-tát

Căn bản của đại chúng

Hoặc câu "Biểu thị cho hai đế chân tục, cho nên đại chúng Chư Phật tử hậu giai", Khuyên chúng sinh học tập, cũng có hai loại khác nhau: Một. Nêu, bốn khuyên, hai giải thích:

Nêu là: 1. Khuyên thọ, 2. khuyên trì, 3. Khuyên đọc tụng, 4 khuyên học. Trong phần giải thích sau, chỉ khuyên một việc thọ, còn những việc khác đều lược qua.

Bồ-tát Giới Nghĩa Sớ quyển thượng (xong)

■

BỒ-TÁT GIỚI NGHĨA SỚ

QUYỂN HẠ

I. CHÁNH THUYẾT:

Đây là 10 giới trọng, văn chia làm hai phần:
10 giới trọng.
48 giới khinh.
- Gồm ba chương:
1/ Nêu chung.
2/ Giải thích riêng.
3/ Tổng kết

1. Nêu chung: nếu thọ giới Bồ-tát chấp chẳng đúng, ta cũng tụng như thế, hiển thị gọi là nêu quả, khuyên tất cả Bồ-tát trong ba đời ý khiến suy nghĩ đồng với khuyên người thọ lược nói Mộc-Xoa, tức là tướng mạo đốn giới, kệ há đi đến đây, khuyên người học tâm phải cung kính vâng làm.

GIẢI THÍCH RIÊNG: có 10 giới.
1. KHÔNG ĐƯỢC SÁT SINH:

Bắt đầu bằng 10 giới trọng, như Thanh văn phi phạm hạnh, một người vì nhiều người phạm lỗi. Địa hệ phiền não nặng nên chế giới này. Sát tuy là tánh tội, nhưng người xuất gia ít gây ra tội này, cũng dễ ngăn dứt. Dâm dễ sinh khởi nên đặt ra giới này, dâm dục chẳng phải tánh tội, sát mới là tánh tội, nên Đại thừa quy định giới này đầu tiên. Nay nói về việc giết hại mạng người, năm ấm nối nhau mà có chúng sinh, nay làm đứt mất sự nối nhau này, nên gọi là Sát. Đại kinh nói: "Ngăn sự nối nhau ở vị lai gọi là Sát.

Đạo tục đồng chế, như 5 giới, 8 giới. Bồ-tát lấy tâm từ bi làm gốc

Nên phải chấm dứt. Bảy chúng đồng phạm, năm chúng Thanh văn về đạo thể thì đồng, về chi tiết thì khác. "Đồng"là đồng ở chỗ không

cho Sát, "Dị"là lược có ba việc:

- Khai già khác
- Sắc tâm khác
- Khinh trọng khác

"Khai già khác" Bồ-tát thấy cơ được giết, Thanh văn tuy thấy nhưng không cho giết.

"Sắc tâm khác" Bồ-tát chế phục tâm, Thanh văn chế phục sắc.

"Khinh trọng khác" Bồ-tát giết hại Sư tăng phạm năm tội nghịch. Thanh văn không phạm năm tội nghịch. Đại sĩ hai tội trọng, Thanh văn một tội trọng.

Văn chia làm ba thứ:

- Nêu người như Phật tử
- Tự sự hỏi kể ra
- Kết tên tội Ba-la-di.

Tự sự, có ba:

- Bất ưng
- Ưng.
- Kết.

"Bất ưng" có:

a. Sáu câu nói về Sát;

b. Bốn câu thành nghiệp Sát;

c. Một câu nêu khinh huống cho là trọng.

1. (6 câu đầu) ***Tự sát***: nghĩa là tự mình hại mạng người, gồm có ba pháp:

Nội sắc, ngoại sắc, nội ngoại sắc, tất cả đều phạm.

2. Giáo tha sát: cũng là giết, miệng dạy là tội giết, chẳng phải làm bị thương. Luật bộ phân biệt rất nhiều về tự sai khiến.

Phương tiện giết: tức là tiền phương tiện giết, gọi là sự trói buộc

Khen ngợi giết cũng mắc tội.

Tùy hỷ khuyên khiến chấm dứt mạng sống cũng phạm;

Trì chú cho chết, nghĩa là Tỳ-Đà-la.

Tuy nhờ các duyên khác cũng đều phạm. Trong luật nói Sát có mười lăm thứ, gọi là Ưu-đa-đầu-đa huyền huyền phát, Tỳ-đa-la v.v....., Luật bộ có nói đầy đủ v.v..... Từ nghiệp sát trở xuống có ba giới trọng. Tướng thứ hai thành nghiệp, ba nghiệp thành sát, tự động dụng là Chánh thân nghiệp. Giết người và miệng trì chú là nghiệp tạo ra thân nghiệp. Tâm niệm muốn giết, quỷ thần tự nói toại ý. Ý nghiệp tạo ra thân nghiệp. Ba giai đoạn này ở trong duyên tạo tác đều là nghĩa của nghiệp.

Cách giết bằng đao kiếm, hầm hố, cung tên, đều là nghĩa của nghiệp, đều có pháp thể nên gọi là Pháp.. Nhân giết, duyên giết, thân sơ hai đường. Chánh nhân giết thì tâm là Nhân, người khác giúp thành việc là Duyên. Thân tạo tác đến quả là nghiệp.

Có 4 duyên:

1/ Chúng sinh.

2/ Tưởng là chúng sinh

3/ Giết hại

4/ Mạng căn chấm dứt.

"Chúng sinh" tuy nhiều nhưng gồm trong ba phẩm:

1 .Thượng phẩm: Giết hại, Chư Phật, bậc Thánh, Sư tăng, cha mẹ thì phạm năm tội nghịch. Hàng Tam quả thì có 2 cách giải:

Đồng với tội nghịch: là khi giết hại Thanh văn đã là trọng trong trọng.

Phạm tội trọng, Đại kinh nói: "Ba loại giết, giết người đã đắc quả thứ ba chỉ vào trong giết chứ không ở trên giết. Nên biết chẳng phải năm tội nghịch.

Bồ-tát đã có giải hạnh trở lên, Đại kinh nói: "Chắc chắn Bồ-tát đồng với khoa trên. Nay chọn lấy nhị thừa bất tác là giai vị nhất định, Hoặc bảy tâm trở lên, đều có thể dứt bỏ.

Mẹ dưỡng mẫu:

Không có năm tội nghịch

Phạm năm tội nghịch.

Giới trọng của Đại sĩ là giới trọng của Thanh văn.

2. Trung phẩm: tức trời người, có tâm hại phạm tội nặng.

3. Hạ phẩm: 4 cõi. Có 2 cách giải:

Đồng trọng: Bồ-tát giữ giới sát nghiêm trọng, nên nói: "Tất cả có sinh mạng, không được cố giết, tức chứng minh điều đó.

Chỉ phạm tội khinh. Trong giới trọng kiêm chế, vì chẳng phải đồ đựng đạo. Văn nói có sinh mạng là nêu khinh so sánh với trọng mà thôi.

Tâm giết có 2: Một. Tự tâm giết. 2. Giáo tha giết. Tự tâm giết có hai loại là Thông tâm hay cách tâm, "Thông tâm" là như buông lung đào hầm hố, làm cung tên hay chặt phá, thiêu đốt rừng cây, chung cả ba tánh đều phạm. Nếu duyên người này mà giết người kia, khởi tâm hại như đã nói trên là thuộc về thông tâm, tuy đã đối cảnh mà mạng không còn sống, hành động không xứng đều xếp vào chánh phạm. "Cách tâm" là muốn giết người này mà lầm giết người kia, người kia chết cũng

phạm tội nặng, người kia không chết thì phạm tội nhẹ. Trên đường đi có nhiều người qua lại, vì giết người này mà lầm giết người kia, cũng phạm tội nặng, vì đã cụ thể giết người, đủ duyên vẫn thuộc về thông tâm. Nếu định chém người phía đông, lại chém người phía Tây, vì không có tâm giết hại, trường hợp này thuộc về cách tâm.

Mạng căn có 2 thời: 1. Sát sinh và sau khi sát sinh.

"Sát sinh" có hai: 1. Có giới thì phạm tội nặng. 2. Không có giới, giết mà không chết thì phạm tội nhẹ.

Mạng căn chấm dứt, kết tội đồng như trước. Thanh văn xả giới cụ túc, thọ năm giới, cũng kết tội như thế, "Sau khi sát sinh có 2:

1. Tự nhớ, 2. Không tự nhớ.

"Tự nhớ" trước bất cứ thế lực nào. Nếu thêm phương tiện phải biết trước bị thương không chết. Sau khi phương tiện không nhớ, chỉ phạm tội nhẹ. "Mạng căn" Số Luận gọi làPhi Sắc Phi tâm, Luận Thành Duy Thức và Đại thừa gọi là chẳng khác phi sắc phi tâm, chỉ cho sắc tâm nối nhau không dứt là mạng thôi. Đại Luận cũng như vậy. Sáu nhập, sáu thức nối nhau mà sống, giả gọi là Mạng, "cho đến tất cả có mạng sống. "

- Nêu nhẹ so sánh với nặng: Bồ-tát nầy trở xuống đều nói, lẽ ra có ba câu:

Thường trụ từ bi, có 2 giải thích:

Nên học theo Phật luôn khởi từ bi.

Tâm phải thường trụ từ bi.

Tâm hiếu thuận, không não hại người khác.

Phương tiện cứu giúp, không nên như thế, không não lọan là phải hợp với việc cứu giải.

" Tâm buông lung trở xuống, thứ ba là Kết " không nên". Cho nên thành tội, cũng có ba câu:

Tâm buông lung nghĩa là tâm tham sát.

"Khóai ý" gọi là tâm Sân sát.

Sát sinh là nêu việc sát.

Ba câu này là rơi vào tội không như ý.

2. KHÔNG ĐƯỢC TRỘM CƯỚP

Đạo là không cho mà lấy. Trộm cướp y báo, chánh báo thì mắc tội. Giới này, bảy chúng đồng phạm. Năm chúng Thanh văn có giống có khác. Đồng là đều không được trộm cướp, khác có ba:

Khai già khác: Như thấy động cơ được hay không được, hoặc nói

thấy động cơ trộm cướp, nhưng không có tâm trộm cướp. Đại sĩ vì chúng sinh chuyển vận các thứ đều được, Thanh văn tự độ phải y theo phép tắc. Đại sĩ không sợ tội, chỉ giúp cho người có lợi ích mà làm, Thanh văn, sau khi Phật diệt độ trộm vật của Phật phạm tội nhẹ, vật của Bồ-tát thì phạm tội nặng, còn cho người khác cả thân mạng, mà lại lấy của người, đâu phải tâm của Đại sĩ? Tự sự có ba giai đoạn:

1. Bất ưng. Câu thứ 11 chia thành ba: Bốn câu đầu, sáu câu kế, một câu sau cùng.

2. Nghiệp đạo, nói riêng tướng thành nghiệp, có bốn câu giống như trước.

. Đưa tay lấy vật của người khác rời khỏi chỗ cũ thành nghiệp trộm cướp, nghiệp là tạo tác, vật trọng là năm đồng tiền. Luật nói " Một đồng tiền lớn, giá trị bằng mười sáu đồng tiền nhỏ. Trong đó, dồng tiền có quý có thường, chỗ lấy trộm là cắt đứt. Tội trọng của Bồ-tát là tội nặng của Thanh văn. Hai tiền trở lên là nặng. Có người cho lời nói này, nay không còn dùng nữa. Lấy năm tiền là phạm tội trọng, lìa chỗ tội trộm quyết định vào lúc này, Bồ-tát phải học những việc này, nên nói như vậy.

"Bất ưng" là không nên làm việc sát sinh và trộm cướp. Hai môn này khuyên đừng sát sinh, trộm cướp, khuyên làm việc lành. Từ bi hiếu thuận là học tánh thường trụ Phật, thực hành các hạnh của Phật, đều là pháp lành, là hiếu thuận. Phật tánh, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Tánh nghĩa là không sửa đổi mà thôi. "Trở lại thứ ba là kết "bất ưng". Hiểu vật Tam bảo như luật nói.

3. KHÔNG ĐƯỢC DÂM DỤC

Gọi là Phi phạm hạnh, việc xấu xa nên gọi là phi tịnh hạnh. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đều cấm, mà chế có nhiều ít. Năm chúng tà chánh đều cấm, hai chúng chỉ cấm tà dâm, cùng với Thanh văn đồng và khác, đại khái như trước. Tự sự có ba giai đoạn:

- Bất ưng
- Ưng
- Kết

Người xuất gia không nên làm việc dâm dục, phải học hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, như giáo môn ở trước không khác.

Bất ưng có ba:

1/ Ba câu đầu nêu việc dâm.

2/ Bốn câu nói thành nghiệp

3/ Ba câu nêu nhẹ so sánh với nặng.

Văn có hơi lẫn lộn không thứ lớp, giới này có đủ ba nhân duyên thì thành tội nặng.

1/ là đường

2/ Tâm dâm

3/ Việc toại ý

Hoặc đầy đủ có năm:

1. Chúng sinh

2. Tưởng chúng sinh

3,4, 5. Nêu kém kết lỗi.

Tự vợ mình phi đạo, thời gian sinh sản, thai nghén, cho con bú. Đại Luận đều gọi là giới Ưu-bà-tắc. Kinh nói: "Sáu giới trọng để ngăn giới tà dâm, lại chế phi thời, phi xứ, như với vợ mình phi thời, làm việc bất chánh phạm tội nặng. Dạy người dâm tự không mê nhiễm, chỉ phạm tội nhẹ, hoặc nói Bồ-tát tức trọng. Nay giải thích Thanh văn, Bồ-tát đồng như vậy. Không nêu chung với tội sát sinh, trộm cướp. Người, súc sinh, quỷ thần, huỳnh môn, hai căn, chỉ khiến ba đường đều phạm tội nặng. Ngoài ra khen ngợi, xúc chạm, ra chất bất tịnh, đều là phương tiện của giới này, nên phạm tội nhẹ Bồ-tát trở xuống là thứ hai đều nói là nên.

Trái lại trở xuống thứ ba là kết.

Trong đây quy định đều không nên làm, làm thì phạm tội, nên kết luận là (không nên).

4. KHÔNG ĐƯỢC NÓI DỐI.

Nói vọng là nói không thật, không chứng Thánh mà nói chứng Thánh để mê hoặc người, cho nên PHẠM tội. Giới này, bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa đều chế, cùng Thanh văn đồng và khác như giới Sát ở trước, thứ lớp có ba đoạn. Trong "bất ưng" có ba thứ:

Ba câu nói về nói dối, bốn câu kế nói thành nghiệp, ba câu sau nêu nhẹ so sánh với nặng "Tự nói dối" là nói được pháp trên. "Giáo tha" là đạy người khác nói dối. Phương tiện nói dối như mật bôi lên cây, bầy ong kéo đến. Giới này đủ năm duyên thành phạm tội nặng căn bản. Đến Chư Phật có hai cách giải:

- Nhập vào nhân nặng:
- Người này không mê hoặc.

Còn có khả năng dùng thần lực ngăn người khác khiến cho họ không nghe, chỉ phạm tội nhẹ. Bậc Thánh có Đại thừa, Tiểu thừa, có người có tha tâm trí, có người không được. Nay thường dùng điều lệ này.

Nếu đến nói với bậc La-hán và bậc giải hạnh trở lên thì phạm tội nhẹ. Trở xuống những người tha tâm, hoặc không được, thảy đều phạm tội nặng. Chính là giới hạn, hoặc đồng tội trọng. Nay giải thích tội nhẹ.

"Chúng sinh tưởng" có đúng, có nghi, có (Sai lầm). Đại khái đồng như trước. Có khi nói dối tâm thông bản. Đến người này nói người này không nghe, người kia nghe cũng đồng phạm tội nặng. Nay giải thích không phải tội nặng là vì đối với người vô tâm. "Tâm dối gạt" là nghiệp chủ. Nếu khó tránh và tăng thượng đều không phạm. Kinh Địa Trì nói: "Bồ-tát vị của thiền thạch nhiễm ô phạm. Nên biết Bồ-tát khởi tăng thượng mạn cũng phạm tội nhẹ. Về sai sữ có hai cách giải thích

Dạy người nói ta là bậc Thánh cũng phạm tội nặng, vì Bồ-tát không nói giá trị của ngọc khuê bích. Người bên cạnh khen hơn đạo mình, dạy đạo bậc thánh, danh lợi không ham, chẳng phải tội nặng.

Thánh pháp ta thầm chứng, phải tự mình nói mới tội nặng, người khác nói thì tội nhẹ.

- Nói tội nặng đầy đủ, nghĩa là thân chứng mắt thấy. Nếu nói được bốn quả, mười địa, tám Thiền định thông suốt, hoặc nói thấy trời, rồng, quỷ thần, tất cả đều phạm tội nặng, hoặc nói chứng Tánh địa, hoặc nói pháp phàm phạm tội nhẹ.

- Nói trước người nghe hiểu thời tiết kết tội nhiều ít, có hai cách giải:

- Tùy người.

- Tùy lời kết.

Giới này chế cho khẩu nghiệp, lẽ ra phải theo lời nói xa là phòng tổn hại phải nên thông người. Giới tiểu vọng ngữ phải theo người tùy lời nói. Nếu tăng thượng phiền não phạm thì mất giới lại nói chỉ phạm tánh tội. Nếu người đối diện không hiểu và kết phương tiện. Sau suy nghĩ lời nói trước mà hiểu, thì phá tội nhẹ kết tội nặng. Mười giới trọng đều có nhân duyên. Nay giải thích bốn tội trọng, các giới khác lệ theo đây mà biết.

Nói thẳng là "Ngôn", trình bày lại là "Ngữ". Luận nói có chỗ tiêu biểu rõ ràng, có thể chỉ bày Sự, Lý gọi là Ngữ.

5. KHÔNG ĐƯỢC BÁN RƯỢU

"Cô" là mua bán, "Tửu" là vật được bán. Chỗ bán có nhiều thứ. Rượu là thứ nước vô minh làm cho con người mê muội. Đại sĩ là người trí tuệ, nếu trao thuốc vô minh cho người uống là không phải hạnh Bồ-tát. Đại luận nói: "Rượu có 35 lỗi, cho nên xếp giới này vào 10 giới

trọng của Bồ-tát. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa đồng chế. Chỗ giống và khác nhau của Tiểu thừa là:

Đồng là không nên uống rượu. Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh nên phạm giới trọng. Thanh văn dứt bỏ không nên làm, mua bán chỉ phạm thiên thứ ba trong bảy nhóm. Giới mua bán này chế, nếu Bồ-tát ở nhà dâm hoặc bán rượu thịt phạm tội khinh. Vì mời gọi dẫn đến không giống như giới rượu. Lời văn đồng như trước. "Cô" là cầu lợi, "giáo nhân" là xúi giục người khác bán rượu cũng đồng phạm tội trọng. Dạy người bán rượu phạm tội nhẹ. "Người bán rượu" ...bốn câu nói thành nghiệp. Nghiệp là trao cho người, pháp là dùng pháp phương tiện bán rượu. Nhân duyên đầy đủ có năm:

- Chúng sinh
- Tưởng chúng sinh
- Vì lợi mà mua bán
- Thật là rượu
- Trao cho người đối diện.

"Chúng sinh": là người của ba cảnh ở trước:

"Thượng phẩm", không say là tội nhẹ, say là tội nặng.

Cảnh "Trung phẩm" là Trời người, chính là sở chế nên phạm tội nặng.

"Hạ phẩm" là bốn đường, loạn đạo yếu hèn, bán thì phạm tội khinh. Tưởng là chúng sinh có đúng, nghi, lầm, đồng như trước. Nếu cách tâm cũng phạm tội nặng, vì muôn được chất chứa nhiều.

"Thật rượu" nghĩa là có thể làm say loạn người. Thuốc rượu tuy có lợi không làm say lọan người, mua bán, không tội. Hòan toàn không uống thì ai kết tội nặng?

6. KHÔNG ĐƯỢC NÓI LỖI CỦA BỐN CHÚNG:

"Thuyết" là đàm đạo, "Bốn chúng" nghĩa là bốn chúng đồng pháp. "Lỗi" là bảy tội nghịch, mười tội trọng. Vì chỉ không có người trước mặt, tổn chánh pháp nên mắc tội. Giới này bảy chúng đồng phạm. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế. Đại sĩ che giếm điều ác, phô bày điều lành, nên phạm tội nặng.

"Thượng phẩm" phạm tội trong thiên thứ hai.

"Trung phẩm" phạm tội trong thiên thứ ba

"Hạ phẩm" phạm tội trong thiên thứ bảy.

Pháp Thanh văn như thế, đâu có khác với Bồ-tát. Câu văn đồng như trước, giới này đủ sáu duyên thành tội nặng.

- Chúng sinh
- Chúng sinh tưởng
- Có tâm nói tội
- Lời nói ra là tội.
- Đến người nói
- Người đối diện nghe hiểu

"Chúng sinh "Thượng phẩm, Trung phẩm giữ giới Bồ-tát thì mới phạm tội nặng, vì ngăn ngừa nghiệp trên thân người đó. Không có giới Bồ-tát, chỉ có giới Thanh văn. Và Hạ phẩm có giới hay không có giới đều phạm tội nhẹ. Giới này gồm chế để ngăn ngừa nghiệp duyên. Văn nói: "Bồ-tát tại gia là sĩ nữ thanh tín. Bồ-tát xuất gia là mười giới, giới cụ túc. Còn gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.

Giống như Bồ-tát xuất gia thọ giới cụ túc mà thôi, cũng gọi là Tăng Ni Thanh văn. Nếu nói người này tội nặng cũng phạm tội nặng. Đây là hành pháp hơn, cũng tổn pháp sâu.

"Tưởng Chúng sinh", có đúng, có nghi, có lầm, đại ý giống như trước.

"Nói lỗi" có 2:

1. Tâm nhận chìm, muốn cho người đối diện mất danh lợi.

2. Tâm trị phạt, muốn cho người trước mặt bị liên lụy.

Hai tâm này đều là nghiệp chủ, nên phạm giới này. Nếu dùng tâm khuyên nói và được sai nói tội đều không phạm. "Nói lỗi" nghĩa là bảy tội nghịch và mười tội trọng. Người nói phạm danh từ giới này là phá chánh chế. Nếu nói tâm trị phạt ở 48 giới là phá pháp chế. Nếu nói làm thân Phật ra máu là phá Tăng. Y theo luật bộ bản chế. Đến tăng nói là báng, tăng biết việc ra máu ít có là tội nặng. Giới này đến nói với người không thọ giới nên mắc tội nặng. Nếu tội nặng thì nói là đúng, nhưng nay tâm trọng, việc trọng đều đồng phạm tội nặng, đây gọi là lầm. Nếu tâm có khinh trọng thì phạm tội nặng, như làm người đưa thư.

3. Đồng tội nặng

4. Tội nhẹ

Nhưng Phạm bảy tội nghịch và mười trọng là trước khi người đó mất giới, sau khi mất giới thì phạm tội nhẹ.

5. Đến nói với người Thượng phẩm và Trung phẩm không thọ giới Bồ-tát thì phạm tội nặng, rất tổn hại pháp vì Hạ phẩm đều phạm tội nhẹ, hủy tổn chẳng nặng lắm. Văn nói: Bồ-tát nghe ngoại đạo, Nhị thừa nói lỗi Phật pháp, phải từ bi giáo hóa, trái lại còn đến người kia nói lời hủy nhục là quá lắm.

6. Trước người nghe hiểu lời mình nói là khẩu nghiệp, việc toại ý. Thì y cứ theo lúc đó mà kết tội. Kết bao nhiêu tội? 1/ Tùy theo người. 2/ Tùy theo khẩu nghiệp.

7. KHÔNG ĐƯỢC TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI.

“Tự khen” là tự xưng công đức mình, “hủy báng người” là chê bai người tội ác. Đủ hai việc này gọi là phạm tội nặng. Bồ-tát nói thẳng cho người, dẫn quanh co về mình. Đâu được phép thương mình chê người, nên mắc tội, bảy chúng đồng phạm. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế. Nhưng Bồ-tát lấy việc lợi ích an ổn làm căn bản, nên khen chê là phạm tội nặng. Thanh văn không lợi vật, nên hủy báng người chỉ phạm thiên thứ ba, khen mình phạm nhóm thứ bảy, câu văn đồng như trước. Giới này đủ năm duyên thành tội nặng:

- Chúng sinh
- Tưởngchúng sinh
- Có tâm khen chê
- Nói lời khen chê đầy đủ
- Người đối diện nghe hiểu.

“Chúng sinh”:

Chê bai người Thượng phẩm, Trung phẩm là phạm tội nặng. Từ chữ “Hủy” trở xuống phạm tội nhẹ.

Bậc Thượng phẩm và Trung phẩm có thọ giới Bồ-tát mới phạm tội nặng, vì não hại rất sâu. Nếu không có giới và hạ phẩm có giới đều phạm tội nhẹ, vì não hại rất cạn.

“Tưởng chúng sinh” có đúng, có nghi, có lầm, đại ý dồng như trên.

“Tâm khen chê”: là đưa mình lên, dìm người xuống, vì muốn não hại người, Nếu chiết phục thì không phạm. khen mình chê người. Tâm chính là nghiệp chủ. “Xúi giục người” có hai cách:

Bảy phạm tội nặng

Phạm tội nhẹ

“Nói khen chê dầy đủ “ ở đây là nói hủy nhục người, theo luật bộ có tám việc.

“Người đối diện nghe hiểu “ là người này hiểu lời khen chê. Tùy theo lời nói mà kết tội nặng. Người Tăng thượng phạm giới rồi mâ71t giới chỉ còn tánh tội, giới trước chế đến người này nói lỗi người kia. Phạm trong tám việc, đến nói với người không thọ giới phạm tám việc.

8. KHÔNG ĐƯỢC BỎN SẺN LẠI HỦY BÁNG.

"Bỏn sẻn" là tiếc rẽ, "Thêm hủy báng" là miệng nói lời hủy nhục. 574) Người đến xin tiền vật, thỉnh pháp, tiếc rẽ không cho, còn lại hủy nhục là việc trái đạo. Giới này bảy chúng đồng phạm, Đại thừa và Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Bồ-tát không lựa chọn thân sơ, hễ xin đều phải cho, không cho lại còn hủy nhục đều phạm tội nặng. Vì bản thệ Bồ-tát là làm lợi ích chúng sinh. Đệ tử Thanh văn không dạy giáo pháp cho đệ tử, phạm bày nhóm. Ni chúng trong hai năm không cho tài pháp thì phạm thiên thứ ba. Ngoài hai năm không chothì phạm bảy nhóm. Thêm hủy nhục tùy việc đều kết, không phải tội nặng. Giới này đủ năm duyên thành tội nặng:

- Chúng sinh
- Tưởng là chúng sinh
- Tâm tiếc lẫn, hủy nhục
- Hiện tướng tiếc lẫn
- Người đối diện nghe hiểu.

"Chúng sinh" là cảnh Thượng, Trung thì tội nặng, Hạ cảnh thì tội nhẹ.

"Tưởng chúng sinh": giống như trước.

"Tâm tiếc lẫn lại thêm hủy nhục, nghĩa là tiếc lẫn tài pháp, thêm đánh mắng là phạm tội nặng. Nếu người đó không nghe pháp đắc tài, không thấy mình bị hủy nhục đều không phạm. Tự tiếc lẫn, tự hủy nhục chính là nghiệp chủ, phạm tội khinh cấu vì người đối diện dạy không phạm "Hiện tướng tiếc lẫn", hoặc lẫn tránh không cho tài pháp, hoặc nói không có, hoặc dùng tay gậy đánh đuổi, hoặc nói lời hung dữ mắng nhiếc, đều gọi là hiện tướng, hoặc thân thị hiện, hoặc sai người đánh mắng đều phạm tội nặng, hoặc người kia sai khiến cầu tài thỉnh pháp. Đối với người bỏn sẽn, hoặc nói lời hung dữ mắng nhiếc đều không phạm tội trọng, chẳng phải trước mặt não hại người kia là tội nhẹ. Kinh Quyết Định Tỳ-ni nói: "Bồ-tát tại gia phải thực hành hai thí: Tài thí và pháp thí. Bồ-tát xuất gia thực hành bốn thí:

- Giấy
- Mực
- Bút
- Pháp.

Bồ-tát đắc nhẫn thực hành ba thí:

- Ngôi vua
- Vợ con

- Đầu mắt, da xương.

Nên biết Bồ-tát phàm phu tùy nghi tuệ thí, đều dứt bặt cho nên phạm.

"Người đối diện nghe hiểu: Biết tướng bỏn sẽn, nhận lãnh lời mắng nhiếc. Tùy việc tùy lời kết tội nặng. Giới này cũng xếp vào kết tội nặng.

9. KHÔNG ĐƯỢC GIẬN DỮ KHÔNG NHẬN LỜI SÁM HỐI

Không nhận lời sám hối, là trái đạo tiếp người, nên mắc tội. Giới này bảy chúng đồng phạm. Đại thừa Tiểu thừa không đồng, Bồ-tát vốn tiếp độ chúng sinh, mà sân cách phạm tội nặng. Thanh văn tự lợi phạm bảy nhóm. Văn đồng như trước, giới này đủ năm duyên thành tội nặng:

- Chúng sinh
- Tưởng chúng sinh
- Sân cách tâm
- Hiện tướng không nhận
- Người đối diện nghe hiểu

" Chúng sinh" Thượng, Trung cảnh phạm tội nặng, Hạ cảnh phạm tội nhẹ.

"Tưởng chúng sinh" có đúng, có nghi, có lầm, đồng như ở trên.

"Sân cách tâm" không muốn và hiểu, phạm tội nặng, nếu người kia không có khả năng nhận sám hối thì không phạm.

"Hiện tướng không nhận", hoặc vào phòng đóng cửa lại làm hai bên cách nhau, nói cách gì cũng không nghe,

"Người đối diện mặt nghe hiểu", biết người kia không nhận, thân miệng thêm khổ ép nhặt, tùy theo thân nghiệp khẩu nghiệp nhiều ít mà kết tội nặng.

10 KHÔNG ĐƯỢC PHỈ BÁNG TAM BẢO

Cũng gọi là rằng chê bai pháp Bồ-tát, hoặc gói là tà kiến, tà thuyết; bàng là trói lại "Khuê" là hiểu không đúng lý, nói không đúng sự thật. Nói cách khác là phỉ báng.

"Dị giải thuyết" đều gọi là phỉ báng. Trái với tông mình nên mắc tội, bảy chúng đồng phạm. Đại thừa, Tiểu thừa đồng chế. Đại sĩ lấy việc giáo hóa người làm trách nhiệm. Nay nói tà loạn chánh nên phạm tội nặng. Thanh văn khác với ở đây. "Can ngăn không dứt, phạm thiên tội thứ ba. Câu văn đồng như trước. Giới này đủ năm duyên thành tội

nặng:

- Chúng sinh
- Tưởng là chúng sinh
- Có tâm muốn nói.
- Đang nói
- Người đối diện nghe hiểu. Tùy lời nói mà kết tội nặng. Nếu nói tà kinh muốn cho người kia hiểu, tùy họ đọc sách mà hiểu. Tà kiến có nhiều đầu mối mới. Lược có bốn loại:

a. Tà kiến bậc thượng

b. Bậc trung

c. Bậc hạ

d. bậc tạp.

"Tà kiến bậc Thượng" như bác bỏ không có nhân quả, như xiển đề. "tà kiến bậc Trung", không nói chẳng có nhân quả. Nhưng có nghĩa Tam bảo không bằng ngoại đạo. Có hai tướng:

Pháp tướng khác, nghĩa là Tam bảo không bằng ngoại đạo, như thế là tâm xấu xa hẹp hòi, chấp thì thành mất giới.

Phi pháp tướng, biết Tam bảo là cao quý, miệng nói không thể hết, không quy về giới lành không mất. Tùy lời nói phát ra phạm tội nặng, nên giới này được đặt ra.

"Hạ phẩm tà kiến": không nói Tam bảo không bằng ngoại đạo, nhưng lại bỏ Đại chọn Tiểu, trong tâm nói Nhị thừa hơn, Đại thừa không bằng. Nếu chấp chưa thành phạm tội nhẹ, tự bỏ Đại hướngTiểu, trong giới này có nói đầy đủ. Tạp tà kiến có bốn loại:

Thiên chấp

Tạp tín

Tạm tín Tiểu thừa

Suy nghĩ, bàn luận lầm lẫn.

"Thiên chấp" có hai:

- Chấp Đại báng Tiểu", chấp rằng chỉ có Đại thừa, không có Tiểu thừa, Tiểu thừa chẳng phải Phật nói. Đây là chê bai Thanh văn tạng, phạm tội nhẹ.

"Chấp nghiên về mặt bộ", đối với Phương đẳng nói nghiên về một bộ, chẳng phải Phật nói. Nếu chấp thành tội nhẹ, không mất giới

"Tạp tín"Trong tâm không trái với nhân quả và Đại Thừa Tam bảo, chỉ nói ngoại đạo quỷ thần có oai lực, liền tấu chương giải thần, hoặc khuyên người khác. Tất cả đều phạm tội nhẹ.

"Tạm tín Tiểu thừa", biết Đại thừa caohơn và muốn dứt phiền

não, trước chọn Tiểu quả, sau lại tu Đại thừa. Đây gọi là niệm thóai, nếu chấp thành phạm tội nhẹ.

"Từ nghĩa sai lầm", theo nghĩa giải thích cạn của năm, ba nhà đời nay, chỗ này chẳng phải không tội. Trí lực của tôi kém cõi, nên chẳng dám bài bác. Còn theo nghĩa khinh để giải, lại biết họ chỉ gượng lập dị, đều là hạng tà họach, phạm tội nhẹ. Khéo học mười tội trọng. Đoạn tổng kết có ba chương:

- Trước nêu pháp trì.
- Nêu người: Nghĩa là khéo học các người là mỹ từ.
- Nêu pháp: Bồ rát Ba la đề mộc xoa, Hán dịch là Bảo giải thoát là "Quả", giới là "Nhân". Trong nhân nói quả. Nên phải trở xuống khuuyên răn phạm trì cũng có 2:
- Khuyên học trì
- Nêu riêng được mất.

Nếu có trở xuống: thứ nhất là nêu được mất. Các thầy trở xuống: thứ hai là không kuyên học trì. "Tám muôn", Tổng kết chỉ nói sau phần Huyền chỉ của Đại bản.

- Phẩm Bát Vạn Oai Nghi sẽ nói ba đoạn trước của giới khinh.

1. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG KÍNH THẦY BẠN

Kiêu ngạo không thể làm tăng trưởng, vì chướngngại cho việc tiến thiện, cho nên chế. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa đồng chế. Từ đây trở xuống, các giới đều có ba chương: Một. Nêu người, như nói Phật tử.

Hai. Tự sự là ở giữa đã nêu.

Kết tên tội là tội khinh.

Trong tự sự hoặc sai xuống không đồng với Tam giai.

1/ Khuyên thọ

2/ Nên.

3/ Không nên.

Cũng giống như 10 tội trọng.

Trước là giải thích "khuyên thọ"là kết giới duyên xa, sinh ra không tu giới hạnh nên khuyên. Vua tuy nắm giữ hành pháp nhưng giết hại vẫn có tội có phước như bậc Thánh đã nói. Nếu thọ đắc giới, thì phi nhân sẽ che chở, phước thiện tăng thêm nhiều, giai đoạn này chia thành ba:

- Nêu người được khuyên
- Chánh khuyên thọ trì.

Thọ giới lợi ích, các quỷ thần vui mừng, trên giữ gìn Phật pháp. Có người nói văn nầy khuyên chung thọ giới, nếu thế tại sao có cao thấp? Riêng khuyên cung vua là chế khiến cung kính, vì sợ vua kiêu xa nên nói lên đầu tiên. Đã được rồi trở xuống là thứ hai nói" nên ", nghĩa là nên thực hành sự cung kính, cũng có ba:

Tựa: đã được giới thiện.

Nên sinh hiếu kính

Rêu ra cảnh sở kính.

Bồ-tát trở xuống là thứ 3, không sinh kiêu mạn, trước phải thực hành, kính nhường thầy bạn. Từ đây trở xuốngcác giới đều có ý này.

2. KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU

Rượu mở ra cánh cửa buông lung cho nên chế. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa đồng chế. Chỉ nhỏ một giọt vào cổ cũng phạm tội nhẹ. Tự sự có ba giai đoạn:

- Nói lỗi
- Chế không nên.
- Nêu tội, kết lỗi.

Đưa chén rượu cho người có hai cách giải thích:

- Cầm chén rượu đưa cho người.
- Đưa chén không để họ tự rót.

"Tầm" ... huống chi giải thích như sau:

Đưa chén cho người còn như thế, huống chi bảo người uống, cho nên kết giới. Có 5 lần 500 năm, 500 năm thứ nhất ở địa ngục Bã rượu, 500 năm thứ hai ở phẩm sôi, 500 năm thứ ba đọa vào loài giòi, 500 năm thứ tư đọa vào loài ve ruồi, 500 năm thứ năm đọa vào loài trùng ngu si không biết gì, đây là 500 năm cuối cùng. Đưa thuốc ngu si cho người nên bị đọa vào loài si trùng nầy.

2. Không nên. Dạy người và phi nhân, đồng thời tự uống đều cấm. Nếu thế trở xuống là

Thứ 3: Nêu lỗi kết tội. Tự làm, dạy người làm đồng phạm tội nhẹ. Bệnh nặng phải uống thuốc và không gây ra lỗi đều cho phép, chưa từng trải qua, không vì lợi mà uống rượu thấy động cơ nầy càng không giống như thường lệ.

3. KHÔNG ĐƯỢC ĂN THỊT.

Ăn thịt làm mất lòng từ bi, Đại sĩ lấy từ tâm làm căn bản nên phải dứt ăn thịt. Thanh văn Tiệm giáo, ban đầu khai cho ăn ba thứ thịt thanh

tịnh. Về sau lại dứt tất cả. Văn nói: "Nên biết đoạn nghĩa ăn thịt ở hiện tại. Phẩm Tứ Tướng trong Đại Kinh, nói đầy đủ ba thứ, chín thứ, mười thứ. Tự sự có ba giai đoạn:

- Nói lỗi

Nói không nên.

Nêu lỗi kết tội

Nếu bị bệnh nặng phải dùng thuốc rượu mới chữa được, y theo luật cho uống, hoặc lẽ ra không cấm.

4. KHÔNG ĐƯỢC ĂN NĂM THỨ RAU CAY NỒNG

Năm thứ rau hôi nồng làm chướng ngại pháp cho nên cấm. Bảy chúng Đại thừa, Tiểu thừa như trước, Bồ-tát ít tội nặng phát sắc. Tự sự có ba giai đoạn:

Riêng một thứ rau cay không nên ăn

Tạp thực không nên ăn

Nêu lỗi kết tội

Cựu dịch "Ngũ tân", là hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ. Văn nấy chỉ nói một tên lan thông là đủ năm thứ, gồm danh từ huân là để phân biệt với Ngũ tân: Hồ tân là củ tỏi lớn, thông là hành, lan thông là củ tỏi nhỏ, hưng cừ là tắc tật, sống hay chín đều cay nồng, những thứ này đều không được ăn. Nếu bị bệnh nặng phải ăn như uống thuốc thì được. Như Thân tử hành pháp Bồ-tát cũng không cấm.

5. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG KHUYÊN DẠY SÁM HỐI

Việc ác nuôi lớn tội lỗi cho nên cấm. Hai chúng xuất gia đều phạm. Ba chúng khác và tại gia, tuy chưa được hưởng lợi dưỡng của Tăng sự, thấy lỗi không dạy sám hối phạm tội nhẹ. Đại thừa, Tiểu thừa đồng cấm. Tự sự có ba giai đoạn:

- Phạm sự
- Nên.
- Không nên..

"Phạm sự" là phạm tám giới, năm giới, mười giới. Đại thừa, Tiểu thừa đều có,

Tám giới của Tiểu thừa gọi là Trai pháp, tám giới của Đại thừa Kinh Địa Trì gọi là Tám trọng. Năm giới của Tiểu thừa, nam nữ thanh tín, "Kinh Ưu-bà-tắc" nói: "Năm tội nghịch của Tiểu thừa, bảy tội nghịch của Đại thừa, như văn sau đây phải dạy sám hối. "mà Bồ-tát" là nói Bất ưng. Không nên, không nên có ba câu:

- Không nên đồng trụ
- Không nên đồng lợi
- Không nên đồng pháp

Từ trước đến nay, nếu một lần thấy phạm không nêu là một tội. Lại im lặng cùng sống chung, lại thêm một tội nữa.

6. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG CẦU CHÁNH PHÁP

Hết ô nhiễm giúp lợi ích cho tinh thần cho nên cấm. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa không chung. Đại sĩ thấy có người hiểu thường phải cung cấp khải thỉnh, muốn cho việc lành không nhàm chán. Thanh văn có hiểu đầy đủ hay sơ lược pháp Bồ-tát phải cung cấp, năm tuổi hạ chưa hiểu năm pháp thì phải thưa hỏi, không thì phạm bảy nhóm, trong tự sự có ba:

1/ Sư Đại thừa đến, Đại thừa đồng kiến, đồng hành, phân biệt với Tiểu thừa.

Nói về nên, nên nghĩa là phải cung cấp thỉnh pháp, nói hai, ba lượng vàng cực thế. Nếu có giấy thỉnh phải nên xả hai, ba lượng vàng như kệ núi Tuyết làm mất thân này, huống chi ít cung cấp.

Thời là đầu, hôm, nửa đêm, gần sáng thưa hỏi.

7. KHÔNG ĐƯỢC BIẾNG NHÁC KHÔNG ĐI NGHE PHÁP.

Cấm chế nghĩa đồng như trước. Tự sự có ba đoạn:

- Có nơi giảng pháp.
- Nên.
- Không nên.

“ Tỳ-ni kinh luật”. Tỳ-ni kinh luật Đại thừa chẳng phải Tỳ-ni trong ba tạng. Kinh Đại thừa có nghĩa là Diệt ác, nên gọi là Tỳ-ni. Người bên cạnh thỉnh người giảng pháp phải đến nghe, mà biếng nhác không đi mỗi ngày phạm một tội nhẹ. Kinh Địa Trì nói có chổ giảng kinh không đến nghe, tâm tức giận ngã mạn mắc tội. Kinh Ưu-bà-tắc đi một do-tuần làm giới hạn

8. KHÔNG ĐƯỢC BỎ ĐẠI THỪA THEO TIỂU THỪA.

đối với giới này còn do dự chưa quyết định, ở đây trở xuống là phương tiện tà kiến, Như nói Đại thừa hơn, Tiểu thừa kém, chấp thì thành mất giới. Nếu tâm tà chưa thành thì phạm tội nhẹ, đồng với chế giới này. Nay nếu bỏ Đại thừa hướng về Tiểu thừa là nói Bồ-tát phàm phu phần nhiều mắc lỗi này. Nói rõ hơn có hai cách: Pháp tưởng là pháp

phạm mười giới trọng, nhưng hàng Nhị thừa lại muốn học ác kiến của ngoại đạo, có hai cách giải:

Nhị thừa nhìn về Đại thừa cho là ngoại đạo.

Trái với Đại thừa muốn thọ pháp của sáu vị giáo chủ ngoại đạo, chấp chưa thành là tà kiến phương tiện phạm tội nhẹ, nên đặt ra giới này.

9. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG SĂN SÓC NGƯỜI BỊNH.

Trái với lòng từ nên đặt ra. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa đồng cấm. Đại sĩ nên săn sóc tất cả, Thanh văn dừng ở chỗ thầy bạn cùng sống chung phòng và tăng sai. Ngoài ra không chế, vì bản này không kiêm vật. Tự sự có ba lớp:

Nêu người bệnh là ruộng phước cao quý.

Nên cúng dường người bệnh rất cung kính như Phật. Đây là ở trong tâm, chứ không ở trong ruộng. Như A-nam chia cơm cho con chó đói. Vì tâm tốt nên bình đẳng với Phật. Bồ-tát thấy tất cả người bệnh tùy sức mình mà chăm sóc. Trong văn nêu cha mẹ, sư tăng, đệ tử. Từ gần mà bắt đầu, cuối cùng bắt đầu nói thành ấp, đồng nội, hễ có người bệnh đều cứu thì biết thông tất cả. Nếu tâm tức giận buông lung thì tùy người mà kết tội nhẹ, nếu sức không đủ khả năng thì khởi lòng từ không phạm. Những vụn vặt của giới này giống như trong Luật bộ.

10. KHÔNG ĐƯỢC CHỨA ĐỰNG CỤ SÁT SINH.

Vì thương tổn lòng từ cho nên cấm. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa đồng chế. Tự sự có ba:

Không nên chứa dụng cụ sát sinh.

Dẫn sự việc

Nêu lỗi kết tội.

Thù hận của cha mẹ còn không nghĩ đến việc trả thù, huống chi chứa dụng cụ giết hại chúng sinh, giăng lưới, bẫy rập. Đạo tục đồng cấm, rèn đúc cung tên, scác Vương tử ngày xưa lập ra. Đây là tổng kết mười giới này. Như sáu phẩm dưới đây đã nói.

11. GIỚI ĐI SỨ CHO QUỐC GIA

Sai đi sứ ở nước địch, phải dò xét thật hư, sách lược chiến đấu hợp với chiến trận, tình còn hơn thua. Vì trái với lòng từ nên gọi là quốc tặc. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng cấm. Tự sự chia làm ba:

- Không nên
- Dẫn ra để so sánh.
- nêu lỗi phi kết tội.

Tựa là lợi ác tâm, phân biệt với hòa hợp, không được vào trong quân đội nói nhiều thứ, chẳng phải là việc nên làm của người Phật tử. Dấy binh đánh nhau, trái với lòng từ bi nên không làm. Sứ này là nhân duyên hại nhau cho nên cấm.

12. KHÔNG ĐƯỢC MUA BÁN

Mong lợi tổn vật, trái với lòng từ cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa đồng phạm, bảy chúng không chung, tự sự chia làm ba:

- Không nên.
- Nêu lên để so sánh.
- Nêu lỗi kết tội

"Phẩm mại" là mua bán lục súc, vì mạng sống mà mua bán người lành, phần nhiều bị khổ vì có quyến thuộc chia lìa. Nếu mua bán quan tài thì tâm ác mong cầu mua bán, nên cấm đạo tục phải chấm dứt. Nếu mình làm và dạy người khác vì ta, hoặc vì họ mà làm đều phạm tội nhẹ. Bán súc sinh khiến cho nó bị giết. Chú nguyện cho người chết để bán quan tài. Đây là khác tội trộm, tội sát.

13. KHÔNG ĐƯỢC PHỈ BÁNG

Hãm hại người đối diện, tổn hại lòng từ cho nên cấm, Đại thừa, Tiểu thừa đồng chế, bảy chúng đồng phạm. Riêng chọn người Trời trở lên đồng có giới Bồ-tát. Nói bảy tội nghịch, mười giới trọng của người đó, hoặc hãm hại, hoặc trị phạt. Bất luận có căn cứ hay không có căn cứ, chỉ khiến pháp nhân khác mà nói đều phạm tội nặng, bất luận cảnh cao thấp, có giới hay không giới, "hãm hại người" giới này đồng phạm tội nhẹ. Tự sự có ba:

1/ Nêu vệic hhủy báng.

2/ Nên

3/ Không nên.

Nếu là tâm Đại sĩ thường quán tưởng tất cả chúng sinh là cha mẹ, anh em, bà con. Phải sinh tâm từ bi hiếu thuận, mà nay lại chê báng hãm hại. Thanh văn đến người đồng giới, đồng kiến, đồng chúng, bốn tội trọng Vô căn cứ là tội tăng tàn, ngoài ra các bộ luật khác đều có nói đầy đủ.

14. KHÔNG ĐƯỢC NỔI LỬA THIÊU ĐỐT

Vì làm thương tổn hàm thức cho nên cấm, Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa đều cấm, Tự sự có ba giai đoạn:

1/ Đốt lửa

2/ Xa có thiêu đốt

3/ Nêu lỗi kết tội

Có Sư nói giết quỷ thần, súc sinh phạm tội nặng, giới ban đầu đã cấm. Giới này chỉ không được đốt rừng cây, là nghĩa xa của tổn hại. Nay giải thích giết quỷ thần, súc sinh không phạm tội nặng. Nay đốt rừng làm cho chúng sinh chết là đồng cấm với giới này. Tháng 4 đến tháng 9, sinh nhiều sâu trùng, lúc đó đạo tục đồng cấm. Không được đốt rừng xa có tổn hại. Bồ-tát tại gia làm nghề thiêu đốt không cấm, Bồ-tát xuất gia vì ngăn ngừa làm hại các việc, cũng không khai cho. Nếu không cẩn thận đốt thì phạm tội nhẹ, tất cả sinh vật đều có mạng sống. Nói có sinh lầm lẽ ra nói vật có chủ. Nếu đốt vật có chủ chẳng những tháng 4 tháng 9, mà phải biết là có sinh vậy.

15. KHÔNG ĐƯỢC CHỈ DẠY SAI LỆCH

Làm cho ngườimất chánh đạo nên cấm, bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa không chung, vì sở tập khác. Tự sự có ba giai việc:

- Nêu việc phải dạy người.

Từ đệ tử Phật, nghĩa là nội chúng, ngoại đạo là ngoại chúng, sáu thân thiện tri thức chung cho cả nội ngoại

- Nên dạy cho họ kinh luật Đại thừa làm họ phát tâm Bồ-đề. “Thập tâm” là mười tâm phát thú, Khởi tâm Kim cương (mười tâm Kim cương) lược mười trưởng dưỡng. Ba mươi tâm này hành giả phải mau chỉ dạy.

- Không nên: Không nên có tâm ác dạy Nhị thừa ngoại điển, nếu thấy lợi ích cho chúng sinh thì không phạm.

16. KHÔNG ĐƯỢC VÌ LỢI MÀ NÓI PHÁP ĐIỆN ĐẢO.

Trái với đạo dạy trao cho nên cấm. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng chế. Giới trước ẩn Đại hiểnTiểu, giới này tuy nói Đại nhưng mong lợi bền chắc. Ẩn mất nghĩa vị nên không hiển bày. Thanh văn dạy bảo người khác ẩn mất nghĩa lý, phạm tội nhẹ. Tự sự chia làm ba việc:

Trước phải tự học

Vì người đời sau mà nói đủ.

Nói không nên vì lợi mà ẩn mất thì văn dễ thấy. Có Sư nói trong đây nêu chế độ khổ hạnh cấm để cứu chúng sinh. Không như thế thì phạm tội nhẹ. Lại giải là nêu, là từ so sánh Đại sĩ phải nên xả thân thí cho người, sau đó mới nói pháp cho họ nghe. Huống chi nói pháp vì mong lợi, Đoạn sau hiển thị có ba, văn rất dễ hiểu.

17. KHÔNG ĐƯỢC Ỷ THẾ MÀ CẦU XIN:

Vì làm não hại người cho nên cấm, Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng chế. Tự sự có ba:

Vì lợi mà gần gũi

Phi lý mà cầu xin.

Nêu lỗi kết tội

Cậy thế viết thư yêu sách, đòi hỏi. Nếu tự mình làm và bảo người khác làm cho mình, đều phạm giới này.

18. KHÔNG ĐƯỢC CHẲNG HIỂU BIẾT MÀ LÀM THẦY

Không hiểu mà chỉ dạy bừq làm cho người sai, làm cho người hiểu sai, hai chúng xuất gia đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng chế. Ba chúng và người tại gia, không có không phép nên không cấm. Đức làm thầy của Thanh văn là bảy pháp, do tụng thọ giới pháp chế ra. Bồ-tát Pháp sư phải đủ mười hạ, năm pháp như đã giải thích trước đây. Tự sự có ba:

Tụng chưa thuộc làu cần phải sáu thời, đã thuộc làu rồi thì không cần phải thường như thế.

Thường phải 6 thời

Nói không hiểu không nên làm thầy, trái với tâm mình là tự lừa dối, lầm người trước mặt là lừa dối họ.

19. KHÔNG ĐƯỢC NÓI HAI LỜI:

Đến người này nói người kia, đó là trái với hòa hợp cho nên cấm. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng chế. Tự sự có hai giai thứ:

1/ Nêu lỗi làm cho người đấu tranh, nghĩa là Bồ-tát trì giới, tay bưng lư hương, là nêu một việc làm lành.

2/ Không nên: không nên nói dâm thọc hai đầu, đem lỗi người này đến nói với người kia, gọi là nói hai đầu. Chê bai lừa dối người hiền. Không việc ác nào không gây ra từ lời hai lưỡi, nói thật mà hai lưỡi cũng phạm. Giới này nêu lỗi luống dối vì lời nói chê bai lừa dối, chữ “

lỗi” hoặc viết chữ “lầm”. Văn nói: “Dùng lời châm chọc nói lỗi hai bên, đều là tiêu văn, hoặc viết chữ cấu (mất) là văn viết sai. Giới này gọi là ganh ghét người lành, nói lỗi xấu của họ, nói nhỏ hai đầu không tiện, nay cấm cả ganh ghét người lành, vì châm chọc bên này bên kia.

20. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG PHÓNG SINH

Thấy nguy không giúp, là trái với lòng từ cho nên cấm. Đại sĩ thấy nguy nên cứu giúp, bảy chúng dồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa không đồng chế, Địa sĩ độ khắp tất cả chúng sinh. Thanh văn chỉ dừng ở quyến thuộc, chế nầy là tự độ. Tự sự có ba:

- Chẳng phải người thân nên độ
- Là thân nên độ
- Nêu lỗi kết tội

Ban đầu giới trọng có thể hiểu, trước nói nghĩ tưởng như người thân, tức là chế khiến nhớ nghĩ quán Từ bi. Như Đại Kinh nói: Tập cửu phẩm, thất phẩm” v..v.....

Khiến thượng oán bình đẳng với thượng thân. Đại sĩ phải cho lợi ích giúp thân và lợi ích giúp thần, ở văn dễ thấy “Nếu cha mẹ” v.v.... trở xuống.

Là thứ hai người thân nên độ, Đại sĩ thì người trước mình sau, nên người thân ở sau. Y theo trước cũng có ba, nay chỉ nói lợi ích giúp thần. Như thế v.v......trở xuống thứ ba là tổng kết, trong phẩm Diệt Tội có nói rộng.

21. KHÔNG ĐƯỢC GIẬN ĐÁNH TRẢ THÙ

Đã làm thương tổn từ bi nhẫn nhục lại kết oán, cho nên cấm. Sách ngoài có 2 đường:

1/ Lễ đã cho phép.

2/ Tiệm giáo đã cấm

Nay nội kinh đều cấm, bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng chế. Tự sự có ba:

Chế không nên trả thù, nghĩa là dùng tức giận để trả giận đánh, chẳng phải dùng đức để báo óan. “còn không nên chứa trở xuống là thứ hai”

Nêu tình huống, “ mà xuất gia” trở xuống là

Nêu lỗi kết tội: tôi tớ xuất gia, Bồ-tát không được nuôi, tại gia được nuôi, nhưng không nên đánh đập phi lý.

22. KHÔNG ĐƯỢC KIÊU NGẠO KHÔNG THƯA HỎI PHẬT PHÁP

"Mạn như núi cao, nước pháp không trụ vì trái với sự tuyên dương giáo hóa cho nên cấm. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Đại sĩ thường nên thưa hỏi, Thanh văn nên thưa hỏi, nhưng vì kiêu mạn không thỉnh nên phạm tội nhẹ. Tự sự có ba:

Tự cậy kiêu mạn, tức là gồm cấm.

"Mới xuất gia"nhiễm pháp chưa sâu nên, có tự nên, hiểu chưa

577) đúng, tự cậy thông minh ở việc khác đối với biết. "Pháp sư" ấy trở xuống là cảnh ra khỏi kiêu mạn. Tánh nhỏ mọn thấp hèn cho nên khởi kiêu mạn, thật sự tự có hiểu cho nên không nên.

3. Nên tội kết lỗi. Đệ nhất nghĩa là thắng pháp của Bồ-tát đều gọi là "Đệ nhất nghĩa". Giới này và giới thứ 6 ở trước đồng chế không thỉnh pháp lấy tâm làm khác. Ở trước cấm biếng nhác không thưa hỏi, ở đây cấm kiêu mạn không thưa hỏi. Nếu tâm kiêu mạn không thưa hỏi, không đến nghe thì đồng với giới này.

23. KHÔNG ĐƯỢC KIÊU MẠN KHÔNG NÓI PHÁP:

Trái với đạo dạy bảo cho nên cấm, bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng cấm. Tự sự có ba việc:

Người cầu pháp từ xa đến hỏi đạo, trongvăn nói thứ lớp:

Bồ-tát tân học thọ giới xong, từ xa đến nghe pháp, pháp chủ nói là chẳng phải thầy mình, ỷ mình thông hiểu, ỷ mình có thế lực, tâm khinh mạn không thích hỏi đáp, khiến cho nghĩa lý của Đại thừa ẩn mất, pháp tướng điên đảo, cho nên phạm tội. Nếu trong ngàn dặm không có Pháp sư thì được ở trước tượng Phật thệ nguyện tự thọ, nhưng phải thấy tướng tốt mới được.

Các sư truyền thọ thì không cầm thấy tướng tốt, chỉ cần sinh tâm kính trọng. Nếu pháp sư này tự cậy cho nên nổi lên tâm kiêu mạn, " mà tân học" trở xuống là

Nêu tội kết lỗi, họ từ xa đến hỏi nghĩa, cậy mình kiêu mạn không chịu đối đáp cho nên phạm tội.

24. KHÔNG ĐƯỢC Không HỌC TẬP GIỚI CỦA PHẬT

Không học việc nên học là trái với đạo xuất yếu cho nên cấm, bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Bồ-tát trước phải học Đại thừa không giới hạn thời tiết. Thanh văn chưa đủ năm hạ, chưa đủ năm pháp thì không nói, nếu trước gấp học điều

quấy thì phạm bảy nhóm. Ngoài ở đây không cấm vì tự tu tự mãn. Có ba việc:

1/ Nên học mà không học. Kinh Luật Đại thừa pháp của Phật là nêu chung Tạng Bồ-tát. Chánh kiến là hiểu muôn hạnh, chánh tánh nghĩa tánh chánh nhân. Chánh pháp là tánh của chánh quả. 2/ Tu muôn hạnh từ nhân đến quả, đây là điều cần phải biết, nay không học mà lại học Số luận của ngoại đạo, Nhị thừa làm dứt mất Phật tánh.

3, Nêu lỗi kết tội. Học Tiểu thừa để giúp cho Đại thừa thì không phạm. Nếu Bồ-tát bác bơ không có Nhị thừa thì cũng phạm. Nếu học pháp Nhị thừa là muốn dẫn dứt Nhị thừa giúp họ vào Đại thừa thì không phạm.

25. KHÔNG KHÉO TRI CHÚNG:

Tổn mình hại người cho nên cấm. Hai chúng xuất gia đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đều cấm. Ba chúng và tại gia chưa vào số chúng nên không cấm. Coó ba việc:

Xuất chúng chủ gồm có năm hạng người, câu đầu là hai phương tiện thành sáu người. Trong Luật có mười bốn người. Ở đây lược nêu sáu người.

2. "Nên sinh", trở xuống thứ hai là nên, nên có ba việc:

Từ tâm là muốn ban vui cho chúng sinh

Khéo hòa tranh tụng nghĩa là đúng như pháp Diệt tránh. Tránh có bốn, Tỳ-ni có bảy. Nên biết pháp trừ diệt không được sai trái

Khéo giữ cúng vật Tam bảo, ứng vật thi dụng không được lẫn lộn mà lại làm lọan chúng.

- Không nên: chỉ nêu hai câu sau, không nêu không sinh từ tâm. Hai việc này tức là không từ có làng từ.

26. KHÔNG ĐƯỢC THỌ LỢI DƯỠNG MỘT MÌNH.

Thứ lớp thỉnh tăng bất luận khách tăng hay cựu trụ đều có phần. Mà người cựu trụ thọ một mình không chia phần cho khách, trái với tâm thí chủ, tham lợi cho nên cấm. Giới này hai chúng xuất gia đồng phạm, ba chúng và tại gia chưa biết việc tăng nên không cấm. Có ba việc:

- Có khách đến. Trong văn tuy nói là Tỳ-kheo Bồ-tát, nhưng nếu Thanh văn Tăng dự lợi dưỡng chia cũng đồng thí dụ trên. "Cựu trụ " trở xuống là thứ hai

- Nên, nên hai:

Lễ bái đón rước cấp cho tăng đồ nằm:

Nên theo thứ lớp sai tăng.

Nói bán thân cung cấp là nêu lên lời so sánh. Trước tụ trở xuống là thứ ba

- Không nên: trong không nên chỉ nêu không thứ lớp sai tăng, y cứ sau để gồm trước. Nếu không chia tăng vật, không đón rước cũng đồng cấm. Nếu biết sai tăng theo thứ lớp, người kia không sai mà tự mình lấy thì người cựu trụ chỉ phạm tội nhẹ. Vì đến sai ngoài giới, hoặc đến nhưng chưa có phần. Sai xong giựt lại sai người khác. Người khác biết bấy giờ có thể sai, và được sai là phương tiện trộm. Sau được thức ăn của thì chủ cúng năm tiền vào tayđều kết tội nặng, như súc sinh không khác. Hoặc nói rằng "Đây là giới sai tăng không thứ lớp, sai thứ lớp có sáu lọai như luật đã nói.

27. KHÔNG ĐƯỢC THO THỈNH RIÊNG BIỆT

Nếu mọi người thọ thỉnh riêng thì thí chủ không thỉnh tăng mười phương, khiến cho thí chủ mất đi công đức bình đẳng, do đó mười phương Tăng thường bị mất lợi bố thí nên đặt ra giới này. Năm chúng xuất gia đồng phạm, hai chúng tại gia không có lợi bố thí này nên không cấm, Đại thừa Tiểu thừa không đồng với Bồ-tát tăng.

1/ Trai hội lợi thí phải dứt tất cả thỉnh riêng, nếu thỉnh thọ giới, nói pháp thấy được căn cứ, so sánh biết người này vô ngã làm công đức, như thế thì không cấm.

2/ Từ bốn vị trở lên có thứ lớp tăng thì không phạm, đều không bị cấm. Nghĩa văn như trước đã giải thích. Có ba việc

- Nêu không nên

- Giải thích nghĩa không nên.

- Thí chủ tu phước, pháp phải rộng khắp. Nên biết lợi thí vốn chung cho cả mười phương. Do ông thọ thỉnh riêng nên mười phương không được, nghĩa là đoạt phần xa của mười phương nên nói không nên.

3. Tám ruộng phướctrở xuống, ở đây là ba kết không nên. Tám ruộng phước này đều có được nghĩa thứ lớp của tăng, như Phật cũng là tăng. Tám ruộng phước gồm:1/ Phật

2/ Bậc Thánh

3/ Hòa-thượng

4/ Xà-lê

5/ Tăng

6/ Cha.

7/ Mẹ.

8/ Người bệnh

Nhưng trong ba tạng, Phật thường thọ thỉnh riêng mà không phạm.

Phật là ruộng phước Vô thượng nên không làm giảm phước của các tâm.

Cõi này chỉ có một vị Phật nên không đoạt lợi thí của Phật khác.

28. KHÔNG ĐƯỢC THỈNH TĂNG RIÊNG:

Phân biệt ruộng hay không phải ruộng như Phẩm Đức Vương của Đại Kinh có nói, nên biết tâm nhỏ hẹp, mất bình đẳng. Đại thừa, Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau, Bồ-tát Đạo tục thỉnh tăng trai hội:

Đều không được thỉnh riêng, tất cả đều phải thỉnh tăng theo thứ lớp. Thỉnh một người thì phạm.

Một chỗ ăn bất luận số người nhiều ít, chỉ thỉnh một vị Tăng theo thứ lớp thì không phạm. Nếu đều không thì cấm, nếu đều thỉnh thì càng tốt. Ý nghĩa giống như đã giãi thích ở trên, có ba việc:

- Nêu nên: mà người đời trở xuống

Giải thích ý nghĩ nên: Thỉnh thứ lớp dù được phàm tăng vẫn hơn thỉnh riêng Thánh tăng. Chỗ khác nói: “Năm trăm vị A-la-hán không bằng một phàm tăng. ”Đây là nói theo tâm không nói theo ruộng. Nếu thỉnh riêng trở xuống thứ ba là

- Không nên: không nên đồng pháp khác lạ với ngoại đạo. Mười Đức Phật là Ứng hóa tích trong trăm kiếp ở cõi nầy. Trời Trường thọ đã từng thấy nên phần nhiều dẫn bảy đức Phật để chứng minh, muốn cho người tin dễ hiểu. 90 kiếp ở quá khứ đầu tiên có một Đức Phật hiệu là Tỳ-Bà-Thi, còn gọi là Duy-Vệ, khỏang thời gian các kiếp giữa không có Phật. Đến kiếp thứ 31 có hai Đức Phật: 1. Thi Khí, 2. Tỳ-xá –bà (còn gọi Tùy Tỷ). Kiếp thứ 91 gọi là kiếp Hiền, xuất hiện bốn đức Phật: 1. Câu-lưu-tôn, 2. Câu-nặng-hàm-mâu-ni. 3. Ca-diếp. 4. Thích-ca Mâu-ni.

29. KHÔNG ĐƯỢC SỐNG BẰNG TÀ MẠNG

Đại Luận nói rằng: “Tâm tham phát ra thân miệng gọi là Tà mạng, văn nêu bảy việc đều phạm, trái với Tịnh mạng, có ba việc:

1. Tâm ác vì lợi phân biệt thấy cơ lợi ích chúng sinh.
2. Nêu ra bảy việc
3. Nêu tội kết lỗi

Tức là không từ bi nên phạm, tà mạng của Thanh văn gồm có bốn cách ăn:

578) Phương ngưỡng và trở xuống thứ tư, trong đây có năm việc chung với cách ăn trước:

- Mua bán nữ sắc
- Tự tay làm thức ăn cho người xuất gia, tại gia.
- Xem tướng lành dữ của người thế tục để sinh sống, không phạm vào điều mà đạo cấm
- Chú thuật
- Công xảo

Phương pháp điều y. Ba việc này đối với chúng sinh, không xâm phạm đúng như pháp tự nuôi sống. Tại gia không cấm, xuất gia đều dứt.

Ba việc này là đối với chúng sinh, không xâm phạm đúng như pháp tự sống. Tại gia không cấm, xuất gia đều dứt. Nếu thuốc thang thanh tịnh trị bệnh không mong cầu thì không phạm, xuất gia cũng khai cho.

Hòa hợp thuốc độc giết người thì phạm tội nặng.

30. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG KÍNH NGÀY TỐT.

Ba ngày trai, sáu ngày trai là ngày có thể lực của quỷ thần, những ngày này nên tu phước làm lành, trái lại là thiếu sót ngạo mạn càng phạm tội. Tùy theo việc phạm mà xếp vào thiên tội, thời nay không nên không biết thêm một giới.

- Bảy chúng đều chế phải cung kính thời.
- Chỉ chế cho tại gia

Một năm có ba tháng trường trai, một tháng có sáu ngày trai, vốn là tại gia. Người xuất gia thì hoàn toàn thọ trì trai, bất luận thời tiết. Có ba việc:

- Nêu chung phạm giới
- Hễ có phạm đều do lời nói và thực hành trái nhau, chánh chân đều hủy báng Tam bảo. Trong sáu ngày trai trở xuống

Là hai nói về kính thời, đó là 6 ngày trai, 3 tháng trường trai. Làm việc sát sinh trở xuống thứ ba là lại nêu chỗ phạm mà kết tội.

Sát sinh trộm cấp lược nêu 1/ hai tội nặng: Phá trai là ăn phi thời. Kinh "Ưu-bà-tắc giới nói rằng: "sáu ngày trai, ba tháng trường trai, thọ tám giới trì trai, Bồ-tát tại gia phải thực hành việc này, như vậy đây là tổng kết mười giới thứ ba.

31. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG CỨU CHUỘC

Thấy người mua bán tượng Phật, Bồ-tát mà không mua chuộc là rất tổn nhục, chẳng phải hạnh Bồ-tát. Phải tùy theo khả năng mà mua chuộc, nếu không thì phạm tội, cho nên chế. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Bồ-tát phải chuộc, Thanh văn thấy cha mẹ không chuộc phạm bảy nhóm. Kinh tượng không thấy cấm. Có ba việc:

Trước có thể bán người nghĩa là giặc cướp.

Vật bán tức hình tượng Phật, Bồ-tát, cha mẹ. "Mà Bồ-tát" trở xuống thứ ba

Là nên mua chuộc.

32. KHÔNG ĐƯỢC LÀM TỔN HẠI CHÚNG SINH

ở đây có sáu việc xa phòng tổn hại, trái với lòng từ nên cấm, bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa đều cấm. Có sáu việc:

- Mua bán dụng cụ sát sinh.
- Chứa cân, học, gậy, trượng, thước non thiếu, cũng từ đây mà chế ra.
- Dùng quan hình thế lực để kiếm tiền.
- Tâm hại ràng buộc
- Phá hoại thành công.
- Nuôi chứa mèo chồn.

Sáu vật này không nên chứa để gây tổn thương.

33. KHÔNG ĐƯỢC TÀ NGHIỆP GIÁC QUÁN:

Hễ có chỗ vận động đều không phải chánh nghiệp, tư tưởng giác quán làm lọan chân đạo cho nên cấm. Bảy chúng không hoàn toàn giống nhau, Đại thừa Tiểu thừa đều nhau, có ba việc:

- Trước nêu không nên, tâm ác, phân biệt thấy cơ.
- Nêu việc.
- Tổng kết

Nêu việc lớn lại thành năm:

Hai việc khác nhau, xem xét đạo tục đồng cấm.

Thứ hai nếu tự làm vui đạo tục, thì đều không được làm, không được nghe. Nếu cúng dường Tam bảo, đạo tục đồng khai

Thứ ba là tám việc không được tạp hý

Thứ tư là sáu việc không được xem bói làm lợi. Đây là đạo tục đều cấm.

Thứ năm là Sứ mạng.

34. KHÔNG ĐƯỢC TẠM THỜPI NGHĨ VỀ TIỂU THỪA.

Trái với căn bản của việc tu học cho nên cấm. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa không chung. Vì học tập điều khác, muốn bỏ Đại thừa hướng về Tiểu thừa, tâm chấp chưa thành phạm. Giới thú tám ở trước đều bỏ Đại thừa hướng về Tiểu thừa, chấp thì thành mất giới, là thuyết của giới trọng thứ mười. Giới này chế muốn trái với Đại thừa chính là nói Tiểu thừa dễ thực hành, lại muốn dứt kiết rồi sau mới hoá sinh. Có hai việc:

- Nên: nên niệm. Đại thừa lược nêu ba việc:
- Ủng hộ đại giới gồm 2 thí dụ: 1. Kim cương nghĩa là bền chắc. Thảo nổi như trong Đại bình nói, cỏ là xuất xứ từ kinh nhân duyên, không nên có một niệm tự độ. Ngoại đạo là chỉ cho Nhị thừa. Phương tiện vào đạo là hóa chứ không phải chế.

35. GIỚI KHÔNG PHÁT NGUYỆN

Bồ-tát thường phải nguyện cầu việc tốt. Duyên tâm vào cảnh lành, tương lai do đấy mà thành tựu, nếu không phát tâm nguyện cầu điều lành thì khó toại ý cho nên chế. Bảy chúng đồng phạm, Đại Tiểu thừa tu học khác nhau. Có ba việc:

1/ Nêu ra thể của nguyện

2/ Nên.

3/ Không nên.

Thể của nguyện có mười việc:

Nguyện hiếu với cha mẹ sư tăng.

Nguyện được thầy giỏi

Nguyện được bạn đồng học tốt.

Nguyện cho tôi được kinh luật Đại thừa

Nguyện hiểu mười Phát thú

Nguyện hiểu mười Trưởng dưỡng

Nguyện hiều mười Kim cương

Nguyện hiểu mười Địa

Nguyện như pháp tu hành

Nguyện giữ chắc giới Phật.

Thà bỏ trở xuống thứ hai là nên, nên phát tâm nầy.

Nếu tất cả trở xuống là thứ ba không nên, không nên không phát tâm nầy.

36. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG PHÁT THỆ

Thệ là sự mãnh mẽ trong tâm nguyện vững chắc. Ban đầu hành tâm yếu hèn nên phải ngăn giữ. Nếu không phát tâm tác ý cũng sinh trái phạm cho nên chế. Bảy chúng đồng phạm, mà dụng không phải đều như thế. Đại thừa Tiểu thừa không chung, Nhị thừa không chế, tâm dễ phòng ngừa.

Có ba việc:

Một câu đầu là nêu khuyên Vĩ phát một nguyện trở xuống là nên phát thệ nguyện trì giới. Một câu sau kết không phát là tội. Giữa có mười ba. Lại chánh nói về thể của nguyện.

37. KHÔNG ĐƯỢC ĐẾN CHỖ MẠO HIỂM TAI NẠN:

Mới thực hành nghiệp Bồ-tát nhiều không nhất định, thân người khó làm đồ đựng đạo. Không thận trọng đến chỗ nguy hiểm có ngày chết mất. Ở chỗ sống có tai, nghĩ đến việc tang thân là quan trọng. Vì không thận trọng cho nên cấm. Có ba việc:

Đi trong hai thời, 18 vật phải mang theo bên mình. Hai thời đầu-đà là khi du hành. Hai mùa Xuân, Thu đều thích du hành hóa vật không trở ngại hư tổn. Đầu-đà có mười hai hạnh. Đại luận có nói rộng. Ăn có năm:

- Không thọ thỉnh riêng.
- Thường ăn một bữa
- Sau giờ Ngọ không uống nước trái cây ép
- Ngồi thọ thực một chỗ.
- Tạo thực vừa no

Trú xứ có năm:

- A-luyện-nhã
- Thường ngồi không nằm
- Ở chỗ gò mả.
- Ngồi dưới gốc cây
- Ngồi ngòai trời

Thượng y có hai: a. Chỉ chứa ba y:

Thường mặc nạp y, mùa đông lạnh, mùa hạ nóng bức, thời gian này du hành gặp nhiều trở ngại, cho nên cấm. Nếu không y theo chế thì phạm tội nhẹ. Có người nói Bồ-tát lập thệ an cư có năm, ba tháng. Dưới phân nửa đến tháng 8 trên phân nửa. Văn nói: Thời này không tu hạnh đầu đà là giới hạn an cư, giới này là chế hạn.

38. KHÔNG ĐƯỢC TRÁI VỚI TÔN TY THỨ LỚP.

Trái loạn thất nghi cho nên cấm, bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đều cấm. Có ba việc:

- Nên theo thứ lớp, không nên như ngoại đạo
- Không nên: không nên loạn thứ lớp, trong giáo pháp của tà mang trở xuống
- Tổng kết nghĩa nên, không nên.

Thứ lớp của Thanh văn xuất xứ từ Luật bộ, pháp dùng đồ nằm lấy giới làm thứ lớp. Cho đến thời gian rất ngắn, đều nói chung cho chín chúng đạo tục:

1/ Tỳ-kheo
2/ Tỳ-kheo-ni
3/ Ni sáu pháp
4/ Sa-di
5/ Sa-di-ni
6/ Xuất gia
7/ Xuất gia ni
8/ Ưu-bà-tắc
9/ Ưu-bà-di

Chín chúng này có thứ lớp không được nối loạn, như Luật bộ nói.

39. GIỚI PHÁI TU PHƯỚC TUỆ.

Phước tuệ trang nghiêm như chim hai cánh, không thể không tu. Trái đạo xuất yếu cho nên cấm, bảy chúng đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Bồ-tát nhiếp tất cả điều lành cho nên tu. Thanh văn mùa hạ nên tu phước nghiệp.

Thời khác không cấm. Có ba việc:

Tự làm, bảo người làm, trong văn lược nói bảy việc:

1. Tăng phường.
2. Núi rừng.
3. Vườn.
4. Ruộng.
5. Tháp.
6. Nơi ngồi thiền khi an cư mùa Đông, mùa Hạ.
7. Tất cả nơi hành đạo.

Tất cả những vật dể lại này đều phải kiến lập, nếu sức mình không làm nổi thì không phạm. “Mà Bồ-tát” trở xuống là thứ hai nên

Tu trí tuệ, cũng tự tụ dạy người tu. “Mà tân học” trở xuống

Là nên tội kết lỗi, không tu thì lỗi.

"Chín giới như thế": trong đoạn kết của phẩm Phạm tăng có nói đầy đủ.

40. KHÔNG ĐƯỢC LỰC CHỌN TRUYỀN GIỚI

Giới người nào có tâm muốn thọ đều phải cho, nếu sân ác lựa chọn trái với lời khuyên cho nên cấm. Hai chúng xuất gia đồng phạm. Ngoài ra người chưa có khuôn phép thì không chế. Đại thừa, Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Bồ-tát vốn gồm cả chúng sinh. Thanh văn cho phép mà trong lòng hối thì phạm, không hối thì không phạm. Có ba việc:

- Không nên lựa chọn
- Nên lực chọn, có hai: một. Thân hình không bằng thì nên lựa chọn. Hai

Nghiệp chướng không bằng thì nên lựa chọn. Trong y của Thanh văn mầu bùn xanh đậm. Bồ-tát cũng nên dùng, theo ý của văn này dường như không cần phải đầy đủ hết. Nhưng khác với người thế tục nên gọi là như pháp.

Đạo tục thọ giới đều phải mặc hoại sắc

Đó là chỗ hoại sắc, đạo tục đồng chế. Văn nói: "có khác với thế tục". Nên biết Bồ-tát xuất gia phải mặc màu họai sắc. "Xuất gia nhân pháp" trở xuống là thứ ba.

Nêu tội kết lỗi.

41. KHÔNG ĐƯỢC VÌ LỢI MÀ LÀM THẦY

Bên trong không thật hiểu, bên ngoài vì lợi mà làm như thế. Gượng làm gây tội sai lầm cho người nên cấm. Hai chúng xuất gia đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa không đồng chế. Ba chúng và tại gia không có không phép nên không cấm. Có ba việc:

- Nói về hiểu: Hiểu này gồm chế, không hiểu thì phạm vấn già đạo. Già đạo có 3:

1. Bảy tội nghịch
2. Mười giới trọng
3. 48 giới khinh.

Như thế 3 việc này mỗi việc phải hiểu được. Người không muốn thọ, không được ép bức, tội tăng thêm. "Nếu không hiểu Đại thừa".

Không hiểu: không hiểu mà làm thầy cũng là gồm chế. "Mà Bồ-tát" trở xuống thứ ba là

Nêu lỗi kết tội.

42. KHÔNG ĐƯỢC NÓI GIỚI CHO NGƯỜI ÁC

Phàm phu thọ giới Bồ-tát đều gọi là người ác, dự nói là sau khi thọ không ân trọng cho nên cấm. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng cấm. Có ba việc:

Không được nói cho ngoại đạo, người ác tức 95 hạng, trừ vua chúa, là bọn người ác trở xuống thứ hai

Không thọ đều là người ác, không sinh không tử đồng với súc sinh. "Mà Bồ-tát" trở xuống là thứ ba

Nêu tội kết lỗi.

43. GIỚI THỌ THÍ KHÔNG BIẾT HỔ THẸN.

Nên chia ra phạm rồi tự kết tội, không hổ thẹn tự nhận lợi thí cho nên chế. Năm chúng xuất gia đồng phạm, Đại thừa, Tiểu thừa đồng chế, vì luống uuổng ruộng phước. Văn nói: "Tín tâm xuất gia hủy chánh giới, "Tại gia chưa phải là ruộng phước cho, nên không cấm. Có ba việc:

1. đất nước mang tội không hổ thẹn, không được thọ thí. Quốc vương nối dùng cấp thí cho người có đức. Người không đức hạnh không nên thọ dụng.

2. "Ngàn năm" trở xuống là thứ hai người có lỗi không biết hổ thẹn thì người, quỷ hủy báng, hoặc chánh giới

3. Nêu tội kết lỗi.

44. KHÔNG ĐƯỢC KHÔNG CÚNG DƯỜNG KINH LUẬT

Tam bảo đều phải cúng dường, nếu không tu thì trái với tâm cung kính cho nên chế, bảy chúng đồng phạm. Đại thừa, Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Bồ-tát phải tu năm việc, năm thiên của Thanh văn pháp khinh trọng phải tụng trì. Việc khác không chế, có ba việc:

Nêu khuyên, thọ trì trở xuống là

Việc khuyên riêng, có năm thứ:

Thọ trì.

Đọc

Tụng

Biên chép

Cúng dường

- Giải thích trở lên trong giới 39. "Nếu không trở xuống là thứ ba"

- Nêu lỗi kết tội.

Kinh điển là mẹ Chư Phật, phải nên cúng dường, nếu không thì phạm tội.

45. KHÔNG GIÁO HÓA CHÚNG SINH.

Bồ-tát phát tâm vì chúng sinh. Thấy có mà biết nó, phải nên giáo hóa khiến được ngộ giải. Nếu không, thì trái với hạnh Đại sĩ cho nên chế. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa không chung. Đại sĩ giáo hóa chúng sinh là chánh hạnh. Tiểu thừa tự độ, không giáo hóa không phạm. Có ba việc:

Khuyên khởi Đại bi không khởi gồm chê, tâm bi có thể cứu khổ, Đại sĩ thường nguyện cho chúng sinh lìa khổ. " nếu nhập tất cả trở xuống là nêu"

Tâm bi gồm có 3 thứ:

Thấy loại người khiến thọ ba quy y, mười giới có hai cách giải: 1/. Thanh văn thọ mười giới. 2/. Bồ-tát thọ mười giới. Thấy phi nhân khiến phát tâm.

Thấy súc sinh khiến phát tâm là cấp yếu của người xuất gia, nên ba loại này đều chế chung cho xuất gia, tại gia

46. KHÔNG ĐƯỢC NÓI PHÁP KHÔNG ĐÚNG PHÁP

Gượng giải nói bên này và bên kia đều có lỗi mạn pháp cho nên cấm. Năm chúng xuất gia đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đồng chế. Tại gia không hoàn toàn, vì Pháp chủ nên nói một câu một kệ không đúng pháp cũng phạm. Có ba việc:

Phải có tâm Đại bi giáo hóa tức là gồm chế, không được lập bày nghi tắc nói pháp. Nói cho người tại gia không được đứng dựa. Đúng Pháp nên đồng ngồi hoặc cùng đứng cũng không lỗi. Trong đây nêu đứng nói. Nếu người nằm nghe, pháp chủ đứng thì đừng nói. Tăng Ni ó đạo mà đứng dựa nói, thì người nói cũng phạm tội nhẹ.

3. Nêu lỗi kết tội.

47. KHÔNG ĐƯỢC CHẾ HẠN KHÔNG ĐÚNG PHÁP.

Thấy việc lành thì phải tùy hỷ, nay giăng lưới ngăn ngại, trái với sự trợ giúp nghĩa thiện cho nên chế. Hai chúng tại gia đồng phạm. Năm chúng xuất không tự tại cũng đồng chế. Đại thừa, Tiểu thừa đồng phạm

Có ba việc:

1. Nêu người thọ giới, có hai cách giải thích:

a. Phật tử muốn tin tâm thọ giới mà ngăn trở không cho họ thọ.

b. Nêu người năng chế, Phật tử mới tín tâm thọ giới, chưa tiện lập phi pháp chế hạn nên nói là "nên".

2. "Nếu vua chúa"chế hạn xuất gia, làm dứt mất tăng bảo. Không cho bảy bộ xuất gia: cư sĩ, cư sĩ phụ, đồng nam, đồng nữ. Không cho lập hình tượng là dứt mất Phật bảo. Không cho viết chép kinh luật là làm dứt mất Pháp bảo.

3. Nêndưới đây là nêu lỗi kết tội.

48. KHÔNG ĐƯỢC PHÁ HỌAI ĐẠO PHÁP

Nội chúng có lỗi thì theo nội pháp mà trị tội, lại đến người tại gia, ngoại đạo nói tội, khiến họ bị vua trị phạt làm xấu hổ, nhục nhã hạnh thanh tịnh, nên gọi là phá pháp, vì trái với tâm hộ pháp cho nên cấm. Năm chúng xuất gia đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đều chế. Tự sự có 3 giai đoạn:

- Không nên phá pháp
- Hộ pháp
- Nêu lỗi kết tội

Theo lời người xúi giục phá pháp, hoặc khiến cho người tổn não giới.

"Các Phật tử" Tông kết có 3:

- Nêu số
- Khuyến trì
- Khuyến tụng

"Nêu số" là 48 giới khinh, "Khuyên trì" tức các thầy phải hành trì tại tâm, "Khuyến tụng" là nêu Bồ-tát ba đời tụng là khuyên. Các Phật tử lắng nghe trở xuống là thứ ba đoạn lớn lưu thông, giới này chế khinh trọng, một phẩm có hai: phần lưu thông: Lưu thông, giới khinh trọng có bốn ý:

- Tụng
- Chánh lưu thông
- Lưu thông đắc
- Đại chúng phụng trì.

Bốn ý này lại chia làm ba:

1. Nêu danh
2. Chư Phật ba đời tụng
3. Đức Thích-ca cũng tụng, là lưu thông khuyên tất cả bốn chúng

II. CHÁNH LƯU THÔNG: có ba phần:

1. Lưu thông người
2. Lưu thông tướng
3. Lưu thông việc

"Lưu thông người" là ngồi trong đại chúng. "Lưu thông tướng" là năm hạng Pháp sư. "Lưu thông việc" là giới pháp này lưu thông ba đời, giáo hóa không dứt. "Được thấy ngài Phật" ... Đây là bốn chữ quan trọng, giai đoạn ba, lưu thông được lợi ích, được thấy ngàn Đức Phật là việc lợi ích. Câu văn có ba ý:

- Gặp bậc Thánh
- Lìa khổ
- Được an vui.

"Gặp Thánh" là thấy ngàn Đức Phật, nay nêu một ngàn Phật một đời mà thôi. "Phật Phật trao tay" chẳng phải đưa tay mà là nhận. Nói trao giới như gần gủi chư Phật, nên gọi là trao tay, đời đời lìa khổ, sống thường an vui. Chỗ rời được há chẳng phải là đây hay sao? Rồi nêu chỗ ưa chán của phàm tình lấy đó để khuyên. Nay ta ở dưới cội cây này phó chúc vâng lành. Sau đây không khai nữa. "Bấy giờ, Đức Thích-ca". Chương 2: 1 phẩm nêu chung lưu thông. Quyển giới bản này thiếu vì sao chép không hết. Cũng có bốn việc:

Riêng kết thuyết phẩm Tâm Địa

Lược nêu tổng kết mười chỗ nói pháp

Pháp đã nói

Đại chúng cử hành.

Giai đoạn đầu có hai:

Đây là Phật Thích-ca nói

Đây là Phật Thích-ca khác nói

Giai đoạn 2: Từ câu Ma-Hê v.v..... là Tổng kết mười nơi nói pháp, cũng có hai:

1/. Nêu Đức Thích-ca nói 10 chỗ xuấ xứ từ quyển thượng.

2/. Nêu Đức Phật Thích-ca khác nói, Ngoài ra văn này còn thiếu phần cuối cũng học như thế.

Giai đoạn ba: Gồm bảy câu nêu chỗ nói pháp cũng như vậy, sáu câu trước là riêng, một câu sau là chung.

"Ngàn trăm ức thế giới"

Đại chúng vâng làm cũng giống như vậy. Trước nói chúng sinh trong trăm ngàn ức thế giới, mỗi người đều nói, mỗi người đều vâng làm.

Chỗ khác có nói rộng. Phẩm Phật Hoa Quang Vương trong Đại Bản cũng khác. “Tam thiên” là Bồ-tát phải học ba ngàn oai nghi. “Ba năm là” Thanh văn học năm năm”, Tam sự” là Giới, Định, Tuệ.

Bồ-Tát Giới Nghĩa Sớ quyển Hạ xong.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 145

THIÊN THAI BỒ TÁT GIỚI SỚ

SỐ 1812
(THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1812

THIÊN THAI BỒ-TÁT GIỚI SỚ

Sa-môn Minh Khoáng ở Thiên thai san bổ.
(Thảo Thư Diệt Pháp truyền giả Tu Chân)

QUYỂN THƯỢNG

Phật tánh thường trụ, giáo khởi từ các duyên khác nhau, nên nghĩa có rộng, lược. Hoặc dẫn các chú thích để hiển bày khác nhau, hoặc phá những kinh nghiệm không đầy đủ từ trước đến nay, hoặc dẫn những câu văn hay để tô điểm chỗ thiếu sót, hoặc giữ chất đại chủng thành sâu xa. Tất cả những việc đó đều đều làm sáng tỏ giáo chỉ.

Nay tôi tùy chỗ, loại bỏ những câu văn trái với bậc tiên kiến, dùng tông Tông Thiên Thai làm chính, vì duyên đầy đủ của Thiên cung, tham cứu các nhà để bổ khuyết, giải thích, mục đích giúp thêm cho bản văn được đầy đủ, nhưng vẫn lo ngại còn thiếu sót, nên không dám thố lộ với người. Bỗng tiết lộ duyên thấy nghe đến, may mắn thay biết được nguyên ý. Giới Bồ-tát vận chuyển việc lành trước, tức vòng ngoài của việc ác, hạnh Thanh văn nhỏ hẹp mà còn quý trọng Ba La-đề-mộc-xoa, huống chi bậc Đại sĩ mang hoài bão lớn lẽ nào không tinh chuyên giới phẩm hay sao? nên được thế giới Liên Hoa tạng treo trời trăng soi đến cây. Bồ-đề mở cửa cam lộ để cứu giúp. Ngàn hoa ngàn Trăm Ức-Lô-Xá-Na là bản thân. Mười giới trọng, 48 giới khinh Đức Thích-ca là mạt hóa. Không thể nói pháp môn Tâm Địa chừng đầu sợi lông. Nêu thân hoa không thể nghĩ bàn ở đảnh của của Sắc giới. Nơi đó, các Bồ-tát Viên giáo và Biệt giáo đồng tu. Tám muôn oai nghi Thánh hiền đồng tu, huống chi Hằng sa giới phẩm, tất cả được tóm thu trong Ba nhóm tịnh giới, gồm cả sáu độ, như mành lưới của Nhân-đà-la không đồng mà đồng, biển Tát-Bà-Nhã khác mà chẳng khác, giống như mưa báu rưới khắp nhân gian. Như chuỗi anh lạc để trang sức thân, công đức thành Diệu giác. Ở đó năm giai vị Bồ-tát đều dựa vào viên nhân này. Như lai Ba đời đều từ giới đó mà được quả mãn. Giới Bồ-tát này là con đường

thẳng của đạo tràng, chỉ là khuôn phép lớn thành Chánh giác, rất khó nói được thay. Tựa đề là Phạm Võng Kinh Lô-Xá-Na Phật Thuyết Bồ-tát Tâm Địa

I. THẬP TRỌNG, TỨ THẬP BÁT KHINH GIỚI

Phẩm Đệ Thập,"Phạm" là từ người đương thể thanh tịnh mà đặt tên, "Võng" thĩ dụ rõ ràng công năng lập hiệu. Nghĩa là chư Phật đối cơ để lập giáo, thuốc bệnh nhiều mối như mành lưới của vua trời Đại Phạm, nên gọi là "Phạm Võng". "Kinh" nghĩa là kinh giáo, giải thích phân biệt Phật tánh thường trụ nên gọi là Kinh, "Lô-Xá-Na", Kinh Bảo Lương dịch là Tịnh Mãn. Ba hoặc dứt sạch nên gọi là Tịnh. Muôn đức đều tròn đầy, nên gọi là Mãn. Trí Tịnh Mãn tự giác giác tha nên gọi là Phật. Tám âm tuôn ra gọi là nói? "Bồ-tát" v.v.......Đại sĩ ở nhân vị trước của diệu giác khuôn phép của giới pháp này, cho nên nêu Bồ-tát. Luật nghi Bồ-tát ngăn ngừa ba nghiệp tâm ý làm chính, nêu một nhiếp tất cả. Như quả đất bao trùm cả muôn vật nên gọi là Tâm địa. "mười trọng" v.v...... là phân biệt pháp khác người. Pháp cấm tuy nhiều nhưng không ngoài hai thứ khinh và trọng, nên nói giới phẩm mười trọng, bốn tám khinh.

Pháp La-thập sư đã trình bày pháp tướng xuất xứ từ phẩm Luật Tạng trong kinh Phạm Võng,. Phạm Võng Đại Bản có 152 quyển, 61 phẩm. Chỉ có phẩm thứ chín hoàn toàn nói về Bồ-tát Tạng Tâm địa Khinh Trọng luật Nghi Giai Vị khác nhau. Một phẩm có hai quyển. Đây là quyển 10. Gọi là Phạm Võng Kinh Lô-Xá-Na Phật Thuyết Bồ-tát Tâm Địa Giới Phẩm Thập Trọng Tứ Thập Bát Khinh Đệ Thập.

Giải thích kinh này thành bảy môn khác nhau.

1- Danh thể.
2- Tông dụng
3- Thuộc về giáo nào.
4- Thọ pháp.
5- Truyền dịch.
6- Lược phân biệt.
7- Tùy văn giải thích.

1/ Danh thể có hai: Giải thích danh và nêu thể.

Giải thích danh là một chữ Giới. Hán dịch âm tiếng Phạn là Thi-la, cũng gọi là Tỳ-ni-Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là Thanh lương, diệt lỗi của ba hoặc giữ được giải thóat.

Nay nói có công năng ngăn ngừa ba nghiệp, dứt ba hoặc quấy nên đặt tên là Giới. Đại khái không ngoài bốn thệ nguyện và Ba nhóm tịnh giới, thành tựu đạo pháp, tức là giới Nhiếp Thiện Pháp. Thệ nguyện dứt trừ phiền não, tức là Giới Nhiếp Luật Nghi. Nguyện độ chúng sinh, tức giới Nhiếp Chúng Sinh. Huống chi mỗi thệ nguyện đầy đủ ba nhóm, mỗi nhóm có đủ ba tâm, như giữ giới Không sát sinh thì các nghiệp chấm dứt, giới thể đều thanh tịnh, tức là "giới Nhiếp Luật Nghi, đây là nhân của Pháp thân, quy định làm các việc lành, biết pháp, chứng chân, cảm báo tồn tại tức là "Nhiếp Thiện Pháp", đây là nhân của Báo thân. Dứt việc ác, làm việc lành, lấy từ bi làm căn bản, lợi ích cho chúng sinh tức là " Nhiếp Chúng Sinh, đây là nhân của Ứng thân. Theo Luận Đại Trí Độ thì Ba nhóm tịnh giới có mười nghĩa:

1. Không thiếu: nghĩa là giữ đủ mười giới tánh thiện cho đến mười giới trọng, nếu hủy phá thì không được thọ dụng.

2. "Không vỡ":

3. "Không thủng": tức 48 giới khinh, nếu hủy phạm tức như đồ đựng bị sứt mẻ, thủng chảy.

4. "Không lìa niệm", tức dục niệm không khởi

5. Tùy đạo.

6. Không đắm: nghĩa là thấy được lý Chân Đế, lìa hoặc Kiến Tư trong ba cõi.

7. Được người hiểu biết khen ngợi.

8. Tự tại. Đây là đứng về Bồ-tát lợi tha được người hiểu biết khen ngợi.

9. Tùy định.

10. Đầy đủ.

Về chứng thiền Thủ-lăng-nghiêm Trung đạo, không khởi Diệt định hiện oai nghi, thị hiện thân tùy loại mà giáo hóa chúng sinh trong ba cõi. Mười giới trọng này ngăn cấm ba nghiệp, được gọi chung làGiới, làm thuyền bè chở thân tâm đến bờ Niết-bàn lại gọi là Thừa. Thừa có năm bậc khác nhau như: người, trời, Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. Nay trì giới là đứng về Sự để đạt lý. Một sát na tâm đủ mười giới. Sự trì là bốn nhân duyên (không thiếu, không phá, không thủng và không lìa niệm) là cảnh. Lý trì là sáu nhân duyên (Tùy đạo, không đắm, được người, Trí khen ngợi, Tự tại, Tùy định và Cụ túc) rõ cảnh Trung đạo Phật tánh thường trụ. Thể chỉ có một, tâm gồm đủ phàm, thánh, y báo, chánh báo, nhân quả. Tuy có mà không, đó là pháp giới, gọi là Quán, tức là một tâm ba quán. Không là Không quán, quán tánh chân đế, nắm

giữ hai giới: Tùy Đạo và không đắm. "Cụ" tức là giả quán, quán tánh Tục đế, giữ hai giới "Trí thắng"và "Tự tại", pháp giới Phật tánh tức là Trung quán, quán tánh Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Giữ hai giới "Tùy Định và Cụ Túc, nên Trung Luận nói rằng:"

Pháp do Nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa Trung Đạo

Cảnh trí đều do một tâm năng sở, một mà chẳng phải một, thì mười nhân duyên nói trên cũng giống như vậy, tức đứng về danh tự quán hạnh vị, đều giữ mười giới gọi là Bồ-tát.

b) Nêu ra thể:

Ban đầu phát viên tâm theo thầy xin thọ, giới tác động trên

thân, miệng, ý gọi là tác giới, sắc tâm làm nghiệp thể. Ba lần yết-ma xong nạp pháp nhớ giữ. Tác giới đã dừng, dụng vẫn còn tiếp diễn ở vị lai, gọi là giới Vô tác. Chỉ có thật tướng tâm lấy đó làm Thể, nên Kinh Anh Lạc nói rằng: " giới của Tất cả phàm thánh đều lấy Tâm làm thể. Tâm vô tận nên giới cũng vô tận. Các kinh Đại thừa không có nhóm thứ ba, khác với nhóm Phi sắc phi tâm của luật nghi Thanh văn cho là giới thể.

2. Tông dụng. Có 2 lọai: Tông và Thể.

"Tông" là thiết yếu, là đi đến, trước sau đều nương theo mà giữ gìn, mong muốn đến Viên quả.

Gọi là "Tông," Dụng", thân mang Thánh pháp, đức tốt sáng rực bên ngòai. Oai nghi rất trang nghiêm, mẫu mực cung kính đáng sợ.Ba hoặc nghiệp đã dứt sạch khiến chúng sinh kính tin quy về, nên gọi là "Dụng".

3. Thuộc về giáo nào:

Đức Thích tôn một đời giáo hóa, hiện thân nói pháp có trước có sau. Bốn thứ khác nhau, nghĩa là Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo. Ba tạng là Câu-Xa, Tỳ-Bà-Sa, và giai vị bảy hiền của Thanh văn bảy thánh khác nhau. Duyên giác khác nhau ở chỗ có gặp Phật hay không. Bồ-tát thì Ba A-tăng kỳ trăm kiếp tu nhân tướng tốt, đều đồng học ba tạng Tỳ-ni, Tỳ-đàm, Tu-đa-la, cho đến dưới gốc Bồ-đề một niệm tương ưng, 34 tâm dứt hoặc Kiến, tư trong bab cõi.

Việc tu học chấm dứt gọi là Phật. Đồng với tăng Bố-tát luật nghi

Bồ-tát. Nên Kinh Pháp Hoa nói: Không gần gũi người học ba tạng Tiểu thừa mà được gọi là Ba tạng. Tức nêu ứng thân ở vườn nui thị hiện thành kim dung một trượng sáu, cho đến trong hội Phương Đẳng, hàng Tiểu cơ thấy tượng Tỳ-kheo là Phật.

Thông giáo như Phương Đẳng, Bát-nhã nói Ba thừa cùng thực hành mười Địa:

1. Càn tuệ địa (nội phàm)

2. Tánh địa (ngoại phàm)

3. Tám nhân địa.

4. Kiến địa (Không ngoài quán và dứt kiến hoặc, bằng với sơ quả của Ba tạng)

5. Bạc địa: (ba người đồng dứt sáu phẩm Tư hoặc trong cõi Dục, hai quảđồng)

6. Ly dục địa: (dứt chín phẩm tư hoặc trong cõi Dục đồng với ba quả của Ba tạng)

7. Dĩ biện địa: (dứt hết hoặc Kiến tư, đồng với La-hán của Ba tạng.)

8. Bích-Chi Phật địa (phước đức sâu dùng, có khả năng xâm tập)

9. Bồ-tát địa(từ Không ra Giả, xâm tập khí Tiểu thừa và các pháp giới nội, vô tri học Phật, mười lực v.v....

10. Phật địa (Một niệm tương ưng tập khí dứt sạch, ngang với Phật của ba tạng.

Trước Thập Địa không có tên Trụ, Hạnh, Hướng, sau không có giai vị Đẳng Giác, Diệu giác. Ba bậc nhân quả phần lớn đồng nhau, gọi là Thông Giáo. Thị hiện ứng thân tốt đẹp uy nghiêm đường đường như mặt trăng trong các vì sao. Tức chung với tướng Phật. Bồ-tát cũng đồng với luật nghi của Thanh văn.

- Biệt giáo: như Kinh Anh Lạc, Nhân Vương nói về 52 giác vị. Địa tiền thuộc về phàm gọi là Hiền, Đăng địa thuộc về Thánh, hoặc gọi là Thất địa nhập Vô công dụng. Thập Tín chợt tiến chợt lùi, gọi là ngoại phàm. Thập Trụ vào “Không” mà dứt Kiến Lư và dứt trần sát na thượng phẩm của giới ngoại. Thập Hạnh ra khỏi “Giả” dứt Trần sa Trung phẩm. Biết khắp thuốc bệnh của bốn giáo, mười giới. Thập Hồi hướng dứt Trần sa hạ Phẩm. Sau quay về bên trong tu phục vô minh giới ngoại. Một phần thô lạc thì nhập vào sơ địa. Tám tướng thành đạo, nhân quả số kiếp xa xôi không thể lường, quán hạnh trải qua, khác trước khác sau. Nên gọi là Biệt, thị hiện thành Báo thân, tức là tướng ấy.

- Viên giáo là viên tín, ba chướng tức là ba đức, báo chướng là

Pháp thân. Phiền não là Bát-nhã. Kết nghiệp tức giải thoát, y theo Tín khởi hành. Ba quán viên tu, sát na không Dục đó là:

1. Phẩm Tùy Hỷ.
2. Thọ trì đọc tụng
3. Giảng nói sao chép
4. Tu cả sáu độ
5. Thực hành đủ sáu Độ, giống như Kinh Pháp Hoa.

Đệ tử Năm phẩm này hàng phục hết vô minh, tức địa vị ngoại phàm ở giai. Vị Thập Tín Kiến Tư hết trước, nên “Kinh Nhân Vương”nói “Bồ-tát tu mười điều lành phát đại tâm lâu dài trong biển khổ của ba cõi, tức giai vị Nội phàm, ngang với Thập Trụ của Biệt giáo và Phật của Tạng thông. Sau Thập Tín, tâm phá một phẩm vô minh ở giới ngoại. Sơ trụ vị trước thành tám tướng. Như Kinh Hoa Nghiêm đã phân biệt, đồng với công dụng sơ địa của Biệt giáo, trước sau gồm phá 42 phẩm vô minh giới ngoại mới thành Diệu Giác. Biệt nhưng không biệt, lý mầu không hai, nên gọi là Viên. Thượng căn nhất sinh nghĩa là vào Sơ Trụ. Bốn giáo này đứng về năm thời có nhiều có ít. Hoa Nghiêm Viên giáo gồm có Biệt, vườn Nai chỉ Tạng. Phương Đẳng đối với Bán mà nói Mãn, bốn giáo đầy đủ. Các bộ Bát-nhã mang Bán nối Mãn. Ba giáo: Thông, Biệt, Viên. Nay giới kinh này kết hội Hoa Nghiêm, tức Biệt giáo, Viên giáo khinh trọng đốn chế Bồ-tát Luật Nghi. Kinh Pháp Hoa chính là nói ý Phật. Bỏ phương tiện quy về thật, chỉ một Viên thừa. Nhân pháp đều khai, y chánh không hai. Nên nói: ta thường ở thế giới Ta-bà này, việc làm của các thầy là đạo Bồ-tát. Năm vị Phật đều khiến tất cả chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Niết-bàn tuy nói bốn giáo là dứt quyển phô luật bàn thường. Mỗi mỗi đều nghe Phật tánh, nên hai kinh đồng vị, đều ví như đề hồ. Nay theo ý Phật giải thích Viên giáo.

4. Nói về người thọ pháp. Chỉ y theo các văn của Kinh Anh Lạc Địa Trì bản Cao Xương gồm có 12 môn khác nhau:

1. Khai ngộ
2. Ba quy y
3. Thỉnh sư
4. Sám hối
5. Phát tâm
6. Hiện tướng hỏi già nạn
7. Truyền giới
8. Chứng minh

9. Hiện tướng
10. Trình bày Trì Phạm
11. Nguyện rộng.
12. Dạy trì giới.

1. Khai ngộ: Xét giới đức khó lường, công cao như muôn tượng, là khuôn phép của chín thừa, là thuyền bè chuyên chở Tam bảo, nên kinh nói: "Tất cả chúng sinh nhờ giới mà có. Nên Kinh Tát-giá-ni-Kiền tử nói: "Nếu người không giữ giới thì thân ở nơi hoang vắng còn không được, huống chi thân công đức. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Giới là căn bản của Vô Thượng Bồ-đề, nên phải giữ giới cấm đầy đủ. Kinh Niết-bàn nói: "Nếu trì kinh này mà không giữ giới, thì gọi là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử ta, ta cũng không cho thọ trì kinh này. Còn Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: "Tuy có sắc tộc và học rộng, nhưng nếu không có giới trí thì dụ như loài cầm thú. Dù ở vị trí thấp hèn, ít nghe thấy nhưng có thể trì tịnh giới thì cũng được gọi là Thắng sĩ. Cụ giới có nhiều đường. Đủ năm giới, tám giới, mười giới, giới cụ túc khắc luận công báo, tùy theo tâm người thọ. Nay giới Bồ-tát quả báo là viên thành quả Phật, tướng tốt vô biên. Tất cả công đức! Ba đạt, Năm nhãn, mười lực, Vô úy, đã phát đại tâm tức Thượng phẩm tâm, thọ giới Bồ-tát. Bồ-tát có 51 giai vị, luật nghi của Bồ-tát thừa thuộc về Viên giáo. Cho nên kinh nói rằng: "Người ở biên địa, Trung quốc hoặc nhân hay phi nhân, hiểu hết được lời của Pháp sư truyền giới đều được thọ. Mỗi người phải chánh tín phát tâm chí thành, Chư Phật viên chứng rốt ráo đủ bốn đức thì ở Thường Tịch Quang. Đối với pháp thân địa khởi lòng từ vô duyên, nhớ nghĩ chúng sinh như con đỏ. Chúng ta thường ngày dùng sự ngu tối đâu thể biết được. Ba cõi luân hồi, bốn loài chìm đắm, chỉ có bậc Viên diệu giác biết được cùng tận vô minh, nên phát viên tâm mà mong cầu viên hạnh. Biết nhân cảm quả, cảnh giác thường tình, nên gọi là khai ngộ. Phần khai ngộ xong.

2. Quy y Tam bảo, nói lược về ba loại Tam bảo được quy y:

- Trụ trì,
- Biệt tướng,
- Nhất thể.

- *Trụ trì Tam bảo:* Là người có khả năng mở mang đạo truyền bá muôn đời. Đạo được người mở mang thì Tam Bảo mới thường trụ ở đời. Cạo tóc, mặc áo nhuộm là Tăng bảo, tượng đúc bằng đất, gỗ, là Phật bảo.

- *Biệt tướng Tam bảo:* Mười phương ba đời pháp Báo Ứng, Hóa là

Phật bảo. Pháp môn được nói là pháp bảo, trừ Diệu Giác ra thì Bồ-tát và Nhị thừa là Tăng bảo.

- *Nhất thể Tam bảo:* Nhất thể Tam bảo là Thật tướng viên lý gọi là nhất thể. Tức một mà ba đều là Bí tạng, như vật châu báu, quý lạ của thế gian nên gọi chung là Bảo. Vì sao? Vì tâm thể giác biết gọi là Phật, tánh thể lìa niệm gọi là Pháp, tâm thể không tranh cãi là Tăng. Phàm thánh trước sau đầy đủ ba thứ này. Phật đã tu đã chứng ứng vật hiện hình. Biệt tướng trụ trì công phu từ một thể. Lẽ ra chúng ta phải như thế, như băng ở trong nước, nếu muốn nước thành băng thì phải dùng phương tiện. Muốn đến quả Phật mà không tu thì không thành. Nay mới biết Tam bảo là chỗ quy y đúng hướng.

Dạy đệ tử ... nguyện từ đời này cho đến tận bờ mé đời vị lai, quy y Phật lưỡng túc tôn. Quy y Pháp ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn (nói 3 lần)

Đệ tử ... nguyện từ đời nay cho đến tận cùng bờ mé đời vị lai, quy y Phật rồi, quy y pháp rồi, quy y Tăng rồi (nói ba lần). Từ nay làm đệ tử Phật rồi, không quy y các tà ma ngoại đạo. Cúi mong Tam bảo từ bi nhiếp thọ. Xin thương xót cho con (lễ Tam bảo) thọ Ba quy y xong.

3. Thỉnh sư, hễ làm thầy phải có năm đức:

- Kiên trì tịnh giới.
- Đủ mười hạ.
- Khéo hiểu luật tạng.
- Các sư truyền nhau.
- Định tuệ cùng huyền.

Sư phải dạy đệ tử: "Đệ tử ... nay theo Đại đức cầu thọ giới Bồ-tát, Xin đại đức vì con mà không ngại mệt nhọc, xin thương xót con (ba lần).

Kế đến thỉnh Hòa-thượng: "Đệ tử ... kính thỉnh Đức Thích-ca Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác làm Hòa-thượng. Con nương theo Hoà-thượng được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con (lễ một lạy) Văn-thù-sư-lợi làm yết-ma A-Xà-Lê.

Bồ-tát Di-lặc làm thầy Giáo thọ. Tất cả Như lai Ứng chánh Đẳng giác làm tôn chứng. Tất cả Bồ-tát Ma-ha-tát làm bạn lữ đồng học (nói giống như trên) Kế phải dạy xin giới rằng: "Bạch Đại đức! nay đúng là phải thời, xin trao giới Bồ-tát cho con". Kế là giới sư phải đứng lên bạch Phật, Xướng rằng: "Cúi đầu lễ tất cả Chư Phật trong mười phương và các Bồ-tát tăng khắp quả đất. Các Bồ-tát này xin con là ..... muốn theo các Bồ-tát tăng xin thọ giới Bồ-tát. Các Bồ-tát này đã chân thật tin sâu,

thành tựu nguyện Bồ-đề, cúi xin Chư Phật thương xót bố thí cho giới Bồ-tát (nói 3 lần) Thỉnh sư làm thầy chứng minh xong, Chư Phật mười phương thần thông đạo nhãn đều nghe thấy con nói như đối trước mặt, hướng về Phật sám hối.

4. Sám hối.

Giới là pháp thanh tịnh, thân khí thanh tịnh mới thọ nhận được, nên trước phải sám hối để rửa sạch thân tâm, như giặt y cũ rồi mới nhuộm mầu được. Nhưng Như lai thị hiện tịch diệt đã hai ngàn năm rồi, chánh pháp đắm chìm ngọn gió tà thổi rộng, chúng sinh phước mỏng sinh gặp thời này, dù có nghe cũng không tin nhận, bởi vì hoặc chướng sâu nặng, kiến chấp bền chắc, nếu không sửa đổi thì tội từ xưa đến nay không nhờ đâu mà diệt. Nếu tội không diệt thì giới không thể phát, nên khó mong giải thoát. Nhưng pháp sám hối có ba phẩm:

Thượng phẩm sám: Là gieo mình xuống đất như núi lớn sụp lở, lỗ chân lông ra máu.

Trung phẩm sám: Tự trình bày lỗi đã phạm, khóc lóc rơi lệ.

Hạ phẩm sám: Theo thầy trình bày tội cũ. Nay xin Chư Phật, các Bồ-tát làm người chứng minh. Các Đức Phật, các Bồ-tát đại bi thệ nguyện rộng lớn, muốn khiến cho chúng sinh bằng như Phật không khác. Nhưng người tu hành ba nghiệp thanh tịnh mới được đắc giới. Như thỉnh nhà vua trước phải trang nghiêm nhà cửa, cũng như nước sông đục thì mặt trời không hiện. Chư Phật Ba đời đều nhờ giới này mà được Bồ-đề, nên trước phải vận mười tâm thuận nghịch làm căn bản sám hối. Sư phải dạy rằng: Đệ tử ... cùng chúng sinh trong pháp giới cúi đầu đảnh lễ mười phương tận hư không giới, tất cả Tam bảo, Phật Thích-ca Mâu-ni, đương lai Di-lặc, mười hai phần giáo biển chân như Tạng, các Đại Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn chứng minh đệ tử cố tâm sám hối. Từ vô thỉ đến nay buông lung thân, miệng, ý. Trong chấp nhân ngã, ngoài thêm bạn ác, gây ra mười việc ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng, hủy báng chính pháp tội Nhất-xiển-đề, giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng. (Khi Phật còn tại thế riêng hành năm pháp Bồ-tát yết ma) làm thân Phật ra máu, phá hoại hòa hợp tăng, thiêu đốt kinh tượng. Bốn oai nghi của thân tổn thương hàm thức. Trộm vật của Tam bảo và tiền của các cõi khác. Điên đảo tà dâm, ô nhiễm phạm hạnh, mê hoặc Tam bảo, dối trá ăn uống máu thịt không có lòng từ bi thương xót, hoặc ăn năm thứ rau cay nồng, xông lên hôi hám ngôi Tam bảo. Uống rượu say sưa phá hoại pháp lành. Xâm phạm tăng, cướp vật đánh mắng quở trách người xuất gia, tại gia giữ, giới phá giới, hoặp cướp đoạt cà-sa, bất

buộc hoàn tục, hách dịch xua đuổi. Hoặc cắt đứt mạng sống, không tùy hỷ một việc lành nhỏ nào của người. Chỉ tạo nhiều tội lỗi khắp ba nghiệp. Việc tuy không thiện ác nhưng tâm trải khắp. Ngày đêm nối nhau không xem hở, che kín tội lỗi không muốn người biết. Lỗ-Hỗ-Đề-Đột không sợ đường ác, không biết hổ thẹn, bác không có nhân quả, thành Nhất-xiển-đề, cho nên ngày nay đối với Chư Phật mười phương, từ đó ông trở thành tin sâu nhân quả, sinh tâm hổ thẹn, sinh tâm sợ hãi. Phát lộ sám hối, dứt tâm nối nhau, phát tâm Bồ-đề, bỏ ác làm lành. Siêng năng sách tấn ba nghiệp, đổi lỗi nặng ngày xưa, tùy hỷ phàm thánh dù một chút việc lành. Nhớ nghĩ Phật mười phương có phước tuệ sống lớn. Biết tất cả pháp bản tánh vắng lặng, cứu vớt tất cả chúng sinh từ biển hai sinh tử đặt lên bờ ba đức. Cúi xin Tam bảo từ bi chứng minh (1 lần). Sám hối xong thân khí thanh tịnh kham nhận pháp thực.

5. Phát tâm. Nói phát tâm là phát tâm Bồ-đề. Bồ-đềlà âm tiếng phạn, Hán dịch là Đạo, Đạo tâm nói chung nay y theo viên Phật phát viên đạo tâm. Viên đạo tâm là tâm ta, tâm Phật và tâm chúng sinh, ba tâm không khác nhau. Lý tuy không khác nhưng Sự chứng ngàn thứ khác nhau, (583) nên học từ bi của Phật, phát thệ nguyện rộng lớn của Phật, dứt ác làm lành, công phu chỉ cóBồ-đề. Như gân sư tử dùng làm dây đàn thì nghe khắp tất cả, sinh ra các điều lành. Như Na-la-diên bắn tên suốt núi Thiết Vi dứt khắp các điều ác. Nên Kinh Mật Tạng nói rằng: “Diệt mười điều ác phát quyền đạo tâm, rốt ráo không dư. Huống chi phát viên tâm sau cùng của các thứ phát. Không phát mà phát khắp pháp giới gọi là viên phát.

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ là độ chúng sinh trong mười cõi.

Phiền não vô số thệ nguyện dứt, dứt ba hoặc trong mười cõi.

Pháp môn vô tận thệ nguyện biết, dứt hoặc thành trí.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành, ngay nơi sinh thành diệt.

Bốn tâm này hạt giống Chư Phật nối tiếp giai vị Tam bảo. Tất cả Chư Phật v.v...... chứng ba thân đều do đây.

1) Sau khi phát tâm rồi cho đến Niết-bàn thệ không lui sụt. Còn Bồ-tát phải phát bốn tâm như sau:

1. Quán chúng sinh như Phật.
2. Như nhà vua.
3. Như cha mẹ.
4. Như đại chúng.

Các thầy có phát được tâm này không? (Đáp: mô Phật. Phát

được.)

6. *Đã phát tâm. Kế đến hỏi về tướng già nạn*, Tướng tức ba nhóm, già là bảy già, nói ba nhóm, "Kinh Anh Lạc" nói: Nhiếp luật nghi giới tức mười Ba-la-mật dứt ác. "Giới Nhiếp Thiện Pháp" nghĩa là tám mươi bốn ngàn pháp môn hành điều lành. "Giới Nhiêu Ích hữu tình nghĩa là Từ bi hỷ xả lợi lạc hữu tình, đã biết giới tướng lại phát đạo tâm, sám trừ tội lỗi mới được thọ giới. Nếu có bảy già không ở thọ hạn sám cũng không diệt. Nay ta hỏi ông hãy đúng như sự thật mà trả lời:

1. Ông có làm thân Phật chảy máu hay không"? (Đáp: không).
2. Ông có giết cha không?
3. Ông có giết mẹ không?
4. Có giết Hòa-thượng, không?
5. Có giết Xà-lê không?
6. Có phá yết ma chuyển pháp luân tăng không?
7. Có giết bậc Thánh không? (chứng bốn quả, đều đáp không?)

Nếu không có bảy gia này thì được thọ giới, khởi tâm sâu nặng chuyên chú lắng nghe đừng sinh duyên khác. Nay khi đắc giới phải hết lòng kính ngưỡng đối với thầy- Như đồ chứa vật, nguyên vẹn không tư tưởng nào khác, đã hỏi về tướng già.

7. Thọ giới.

Các ông lắng nghe! Nay ông cầu xin tôi trao cho tất cả tịnh giới Bồ-tát. Cầu thọ tất cả học xứ Bồ-tát, gọi là giới Nhiếp luật nghi, giới Nhiếp thiện pháp, giới Nhiêu Ích hữu tình. Các tịnh giới này, các học xứ nầy quá khứ tất cả Bồ-tát đã thọ, đã hiểu, đã thực hành.Vị lai tất cả Bồ-tát sẽ thọ, sẽ hiểu, sẽ hành, sẽ thành. Hiện tất cả Bồ-tát đang thọ, đang học, đang hiểu, đang hành đương lai thành Phật. Các ông từ thân nầy cho đến tận đời vị lai, khoảng giữa không được phạm, có hành trì được không? (3 lần hỏi, 3 lần đáp).

Khi lần thứ nhất xong thì các thế giới mười phương, giới pháp mầu nhiệm rót vào thân tâm các ông.

Khi lần thứ hai cùng khắp giới pháp mầu nhiệm nầy đầy khắp hư không, nhóm họp trên đảnh. (Kế đến nói lần thứ hai) Lần thứ hai xong lại nói một lần cùng khắp tức vào nhân đẳng thân tâm thanh tịnh đầy đủ. Đừng lo nghĩ điều gì khác. Nhưng giới pháp này không có hình sắc rót vào thân tâm các vị không hay không biết có các hình sắc giống như một tiếng trời long đất lở. (Kế đến nóilần thứ hai).

Ba lần yết-ma xong đầy đủ giới pháp thì thành Bồ-tát, Đại Kinh nói rằng phát tâm rốt ráo cả hai không khác. Như thế hai thứ tâm trước

tâm nạn v.v.. Đã đắc giới rồi.

8. Tướng chứng minh. Đệ tử chúng con cúi đầu lễ tất cả các Đức Phật các vị đại Bồ-tát mười phương tận hư không khắp pháp giới. Châu Thiệm Bộ ở thế giới Ta-bà này, nhân chủ, địa đại, đường quốc, châu, huyện, chùa, Tăng-già-lam, tượng Phật trước có nhiều Phật tử. Nay đối với tôi đã thọ giới Bồ-tát xong. Tôi đã chứng minh, cúi xin Chư Phật, Chư đại Bồ-tát từ bi chứng minh (nói ba lần). Đã chứng minh xong.

9. Hiện tướng.

Nếu khi Thượng phẩm tâm thọ giới thì trước các Phật mười phương có các tướng như: Gió mát, mùi thơm lạ, tiếng lạ, ánh sáng. Bồ-tát bạch Phật: Vì sao có các tướng này. Phật kia đáp rằng: "Tướng này hiện khắp nơi có nhiều chúng Bồ-tát". Đối với vị sư đã ba lần nói Bồ-tát xong. Nay xin chứng minh nên có hiện tướng này, các vị Bồ-tát kia đều sinh tâm vui mừng đều nói. Các chỗ cực ác như thế đầy đủ phiền não. Chúng sinh ác nghiệp có thể phát tâm cực thắng như thế thọ giới Bồ-tát rất là ít có rất sinh tâm thương xót. Các vị đã khởi tâm phạm hạnh bền vững, nên phải hết lòng hộ trì, không tiếc thân mạng, đừng để hủy phạm.

10. Trình bày rộng sự trì phạm giải thích như sau: Chỉ dạy mười giới trọng. Nếu các Bồ-tát đối với giới sư đã nói ba lần thọ giới Bồ-tát xong rồi, nếu tự mình giết người, xúi kẻ khác giết người thì chẳng phải Bồ-tát chân thật, là Bồ-tát giả danh, không có tâm hổ thẹn, phạm Ba-la-di, quá báo đọa địa ngục bất như ý. Các ông từ thân này cho đến tận đời vị lai, trong thời gian đó không được phạm. Có giữ được không? (Đáp giữ được).Trộm đủ năm tiền, dâm, đại vọng ngữ, bán rượu. Nói lỗi Bồ-tát, Thanh văn danh đức, bốn chúng. Tự khen công lao của mình, chê bai sự vượt hơn của người khác. Mắng nhiếc người đến xin, tiếc lẫn tài pháp, sân với bậc Thượng, Trung, không chịu sám hối đối với chúng, hủy báng Đại thừa Tam Bảo. Nếu tự mình chê, hoặc dạy người chê bai (câu từ đồng như trước) đã nói về trì phạm.

11. Dạy phát nguyện rộng. Trên nói về phát tâm, bốn nguyện chung rộng lớn, thọ luật nghi giới gọi, là khởi hạnh. Nay lại chung riêng phát nguyện lại, hồi nhân hướng quả, hồi hướng mình đến người khác, thành đức của Bồ-tát. Đệ tử ... nguyện hồi thí công đức thọ giới cho chúng sinh trong pháp giới. Chưa lìa khổ thì nguyện được lìa khổ, chưa được vui nguyện được vui, chưa phát tâm Bồ-đề, nguyện phát tâm Bồ-đề chưa dứt ác làm lành thì nguyện cho dứt ác làm lành, chưa thành Phật thì nguyện sớm thành Phật. Còn nhờ sám hối thọ giới sinh ra công đức, nguyện xả thân rồi cho tất cả chúng sinh, sinh về thế giới Cực Lạc

của đức Phật A- di- đa. Trước ngộ Vô Sinh nhẫn được thần thông rộng lớn. Đi khắp mười phương kính thờ Chư Phật. Thường nghe chánh pháp đại thừa vô thượng. Chư Phật hạnh nguyện tròn đầy cụ túc. Còn nhờ sám hối thọ giới này sinh ra công đức, nguyện cùng tất cả chúng sinh, từ bỏ thân này rồi lìa khỏi ba thân ác, lìa hẳn thân thấp hèn, lìa hẳn thân không tự tại. Thường ở trong Phật pháp thanh tịnh xuất gia, tu hành phạm hạnh, làm thiện tri thức cho tất cả chúng sinh. Lại nguyện tất cả chúng sinh nghe danh hiệu ta mà phát tâm Bồ-đề. Thấy thân ta mà dứt ác làm lành. Nghe ta nói thì được trí huệ rộng lớn. Biết tâm ta thì sớm được thành Phật. Phát nguyện rồi lễ Tam Bảo, đã phát nguyện xong.

12. Dạy trì tụng giới bản: có giới nào không hiểu thì được thông suốt. Niệm Phật tụng kinh suy nghĩ tu tập, dưới đây sẽ tùy theo giới mà giải thích đầy đủ.

5. Thời đại truyền dịch

Đời Dao Tần, niên hiệu Hoằng Thỉ thứ ba, có Tam tạng Cưu ma-la thập(Hán dịch là Đồng Thọ), người Ấn độ đến cảng vùng Đạt Hán làm rạng rỡ Đại thừa, sửa truyền bá thánh giáo. Tại vườn Tiêu Dao (hoặc chùa Thảo Đường) truyền dịch hơn 300 bộ kinh luận, hơn 50 bộ. Quyển thượng nói giai vị Bồ-tát, Quyển hạ nói về luật nghi của Bồ-tát. Vừa mới dịch xong, sa- môn Tuệ Dung là người ghi chép, cùng với Đạo Tường vàkhoảng 800 người theo thọ giớivà cùng tụng trì. Nhưng ở Quyển hạ, sau phần kệ tụng có một quyển riêng. Các giới tướng này xuất từ trong phẩm Luật Tạng. Trong kinh Phạm Võng Lô-xá-na là vua Diệu Hải và ngàn người con của vua, trao giới pháp Bồ-tát.

6. Phân biệt:

Hỏi: Giới thể Vô tác chỉ cho tâm thật tướng, duyên theo thể hộ trì, nhân quả Tông thú cũng chỉ là thật tướng,vì sao khác nhau?

Đáp: Thể là Tông của tông giáo, không tức không lìa, như ngôi nhà trống cùng với kèo cột, “không” dụ cho Thể, kèo cột dụ cho Tông. Không tức không lìa có thể thấy,nên biết Thể là tâm năng trì, năng lãnh. Tướng Tông là giới pháp sở trì, sở lãnh.

Hỏi: Niết Bàn năm thiên bảy nhóm đều là Luật Nghi của Bồ-tát. Biệt giáo, vì sao nói giới Bồ-tát này Bồ-tát Biệt Viên đồng bẩm thọ.

Đáp: Bồ-tát Biệt giáo tu theo hành Bố. Bốn giáo pháp đều là hành học, nên Niết-bàn thứ lớp ngũ hành, làm khuôn phép cho hàng Biệt giáo, mới phát tâm chán đời đi xuất gia, bạch bốn lần yết-ma,

trước vâng lãnh luật nghi của Tạng gíáo,Thông giáo; Ngăn cấm ba nghiệp, nên trước hết nói năm thiên bảy nhóm cho đến mười giới năm chi, gọi là giới Thánh hạnh. Há chẳng phải là mười giới trọng, 48 giới khinh hay sao? Nên biết hai nghĩa này là tạng Tỳ-ni của Bồ-tát Thông, Biệt,Viên.

Hỏi: Như vậy giáo lợi căn xếp vào Biệt, Viên, thì có phần của luật nghi nàykhông?

Đáp: Y cứ vào đương giáo độn căn, chưa lãnh thọ giới của Phật tánh đồng y theo luật nghi Ba tạng, lợi căn được tiếp nhập Biệt Viên gọi là hàng Biệt, Viên. Hoặc có nghĩa tiếp nhận, nên ngoài Bốn giáo lập riêng tên các giai vị.

Hỏi: Thanh văn chế giới ở thân, miệng. Bồ-tát chỉ chế giới ở tâm, vì sao Ba tạng, Ba thừa đồng nhân lãnh năm thiên bảy nhóm?

Đáp: Luật Nghi Đại thừa và Tiểu thừa đều chế ba nghiệp, khác với tự hành hóa tha, nên được gọi là Đại thừa, Tiểu thừa.

Tiểu giới nếu không cấm, thì tâm phương tiện tốt dưa vào đâu mà lập. Bồ-tát tuy nói sát na tạo tội đọa vào Vô gián. Nhưng nói sát-na là nhân Vô gián. Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh đều từ thân miệng đủ duyên mà kết, huống chi ba tạng Bồ-tát là Đại trong Tiểu, đối với phân bệit này đâu không tương ưng.

Hỏi: Như mười giới trước nương vào giới mà Thông lẫn nhau, vì sao lại chọn Biệt?

Đáp: "Chế giáo" đã nói theo cấm ác mà được gọi là giới."Hóa giáo" đã nói từ tu thiền học tuệ mà đất tên Thừa, đây chính là Biệt. Nếu cùng thông thì ba việc học giúp nhau như mắt, chân và có thể chuyên chở đến chỗ chung gọi là Thừa. Và dứt được mười việc ác gọi chung là Giới, nay giới Bồ-tát có ba nghĩa chung lẫn nhau. Từ chế chỉ cấm ác là giới, theo chế khởi hạnh thường trụ từ bi là là Thừa. Nên mỗi giới nương giới cụ túc. Giới là Pháp thân thừa tức Bát-nhã, Thừa giới từ bi ứng hóa không hai tức là giải thoát. Đức giải thoát Giả quán là nhân, Ứng thân là quả, đức Pháp thân Trung quán là nhân, báo thân là quả. Nên biết các giới ba nhóm dung nhiếp lẫn nhau. Ba quán, ba thân tức nhóm, ba nhóm, ba thân không hơn kém, bốn mươi tám giới khinh, mười giới trọng, giữ tâm tánh bình đẳng đâu có sâu cạn. Giả phân ra hai tên thừa giới, mỗi mỗi đều là thật tướng, mới là giới Bồ-tát viên dung. Nên trong lời tựa nói:" Tất cả sắc tâm là tình, là tâm đều vào trong giới Phật tánh. Lời nói có thể nghiệm được. Không biệt mà biệt, khinh trọng cũng giống như vậy. Dứt ác là chánh văn rộng, khởi quán là lời bên cạnh nói

lược. Phần nhiều theo chánh luật nghi, phòng ngừa ngăn cấm, nghĩa biên của ba nghiệp gọi là giới Bồ-tát.

7. Tùy việc y văn giải thích: Một phẩm của Phạm Võng Đại Bản, chỉ là chánh thuyết, ở đây chia thành ba đoạn.

1) Từ bài kệ đầu xong, văn xuôi thanh tịnh là tựa.

2)" Phật bảo .... xong, các Bồ-tát hiện tại đang tụng" là Chánh thuyết.

3)Từ đây trở xuống đến hết quyển là phần Khuyến hóa lưu thông.

- Tựa có hai:

1. Kệ tụng Lô-Xá-Na phát khởi.
2. Đức Thích-ca khuyến phát.

- Văn kinh thứ nhất có bốn giới, ba khuyên:

Bốn giới là:

- Xá-Na.
- Thích-ca
- Bồ-tát
- Chúng sinh.

Ba khuyên là:

- Khuyên thọ
- Khuyên trì
- Khuyên tụng.

Bốn giới này được gọi là lý do, truyền trao Căn bản, được thọ ký thành Phật, cho nên khuyên thọ, thọ rồi phải trì, trì rồi phải tụng, không để hạt giống Phật bị hư thối. Ban đầu 11 hàng rưỡi kệ chia làm ba:

Ba hàng, ba câu nói về Lô-Xá-Na nói giới truyền trao cho Đức Thích-ca

"Bấy giờ ..." ba hàng, ba câu nói về Phật Thích-ca cũng trao cho các Bồ-tát, các Bồ-tát trao cho chúng sinh.

Lắng nghe...đến hết bài kệ là khuyên nên kính tin thọ trì.

Ba tựa này đều do Phật Thích-ca nói, thỉnh thoảng có xen lời của người chép kinh.

- Sớ chia làm hai:

Hai hàng rưỡi đầu nói về "Bản Tích"

Một hàng một câu nói về người, pháp.

- Sớ lại chia làm ba:

Nửa hàng nói "bản thân" của Phật Lô-Xá-Na

Một hàng rưỡi nói Đức Thích-ca cũng giáo hóa

Nửa hàng là tổng kết về "Bản Tích".

Văn kinh ban đầu, câu trên nói về bản thân Phật Lô-xá-na, câu dưới nói bản độ của Phật Lô-xá-na, đây là y báo và chánh báo.

Câu: "Nay ta" là ngã trong bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh. Kinh nói rằng: "Trong pháp vô ngã có chân ngã. Nghĩa là báo thân Như lai trí đoạn đều viên, bốn đức hòan tòan, nên gọi là Tịnh Mãn. Nêu một mà nhiếp cả ba, nên nói là" nay ta". Nhiếp Luận nói: "Báo thân có hai:

Tự thọ dụng báo: nghĩa là xứng pháp giới Thật thành y chánh vô ngại. Chỉ có Phật độc cư Diệu Giác, đồng loại mới thấy nhau.

Tha thọ dụng báo, là Bồ-tát Địa thượng ở cõi Thật Báo hiện thân nói pháp, khiến họ thấy. Báo thân của Tự Tha này hành bố giáo ứng cơ của Tạng Thông. Báo thân và Ứng lấy pháp thân làm gốc. Pháp thân làPhật Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Biến nhất thiết xứ. Cơ ứng đều tròn đủ, dụ như hư không, không chọn thời xứ. Một và ba giúp nhau, nêu một đủ ba, không co lại, không duỗi ra. Dùng cơ Biệt hiển bày, nên nêu Báo thân và nói chủ bạn, câu dưới nói y báo. "Phương tọa đẳng": phương là đang. Chánh pháp đặt tại đài Hoa Sen, nên nói là "tọa". "Hoa sen" là Như lai đã cảm thế giới Hoa Sen. Phần dưới của Hoa Sen là đài, nên gọi là Đài Hoa Sen, nên Kinh Hoa Nghiêm nói:" Hoa nâng mười thế giới, tiêu biểu bằng hai nghĩa:

1. Lô-Xá-Na ở chỗ nhơ uế cũng không nhiễm.

Nhân có công năng cảm quả.

Hoa Sen có bốn loại:

- Hoa sen cõi người: có mười cánh trở lên
- Hoa sen cõi trời: có trăm cánh trở lên
- Hoa sen của Bồ-tát có ngàn cánh trở lên
- Hoa sen của bậc Diệu giác số lượng cánh nhiều bằng pháp giới.

Mỗi cánh dung hợp lẫn nhau có thể nói y báo và chánh báo viên mãn. Còn nói Hoa tạng là có công năng bao trùm pháp giới mười phương. Pháp giới mười phương hiện trong một hạt bụi, dụ như màng lưới của trời Đại phạm nhiều lớp vô tận. Tiêu biểu cho không dọc, không ngang, không thể nghĩ bàn, nên gọi là Hoa tạng. "Châu tráp" v.v... là nói Phật Thích-ca cũng giáo hóa trong một ngàn trăm ức cõi nước Thích-ca thì ngàn Thích-ca là "Bản", ngàn trăm ức là "Tích", thành hai lớp "Bản Tích". Như Kinh Pháp Hoa nói Tích trong Tích, trong đó lại có ba:

1. Bản trong Tích.

2. Tích trong Bản

3. Bản và tích đều thành Phật đạo.

Ban đầu nói trên ngàn cánh hoa đó hiện ra ngàn Phật Thích-ca. Một cánh hoa, một Đức Phật ngàn thế giới Đại Thiên nên có ngàn Tịnh Độ Phật. Đây tức là Nhị trụ: nói về phân thân.

1. Sơ Trụ phân thân trong trăm thế giới Phật.

2. Nhị Trụ gấp mười lần hơn. Theo Hoa Nghiêm, Nhị Trụ đã nói nhiều về nghĩa riêng. Nên ở trong Nhị Trụ phân biệt tướng Viên thành. Vị sau thân độ không thể lường. Kế là nói Tích trong Tích, câu đầu nêu một hoa một Phật sinh trăm ức cỏi nước. "Quốc" là tên của một Tứ Thiên hạ nên gọi Tam thiên đại thiên thế giới, Tiểu thiên có có một ngàn Tứ thiên hạ, Trung thiên có ngàn ngàn, ngàn ngàn tức là mười ức. Đại thiên gấp ngàn lần, tức có muôn ức Tứ Thiên hạ. Kinh nói Bách ức tức Tiểu số muôn muôn ức, ức có trăm trăm. Đại số của trăm trăm là trăm. Nên nói "Trăm ức". Ở muôn ức nước của chân thiệm-bộ ở phía nam đều có một Đức Thích-ca. Nên nói một nước một Phật Thích-ca là muôn ức châu Bồ-đề ở phía Nam, dưới cây một Thích-ca cùng một hoa một Thích-ca đồng thời thành Phật. Ngàn Phật thế giới chung có ngàn muôn ức Đức Thích-ca cùng ngàn Đức Thích-ca phát ra ánh sáng soi chiếu lẫn nhau. Đài hoa gọi là Xá-na, lá hoa gọi là Thích-ca. Thích-ca là bạn, Xá-na là chủ, Chủ bạn tương quan, thọ chức Pháp Vương, đồng thời thành Phật, nên gọi là các tòa.

3."Như thế"... là kết. Một. Kết Tích thân. Hai. Kết bản thân, nói một ngàn Thích-ca và ngàn trăm ức Thích-ca, đều lấy Lô-Xá-Na làm gốc, nên nói "như thị đẳng".

"Trăm ngàn ức..." nói nhân pháp, trong đó có hai: 1.Người, 2. Pháp.

Câu đầu có ba:

1. Nói về chủ năng hóa.

2. Nói về căn cơ được hóa

3. Nói về năng hóa, sở hóa đều đến chổ Phật.

Ngã sở tức là Phật Lô-Xá-Na. "Thính ngã" v.v.... đứng về pháp có hai:

Câu bảo hãy lắng nghe: giới này là pháp của chư Phật mười phương ba đời, chỉ được xưng tụng chứ không được nói. "Môn cam lộ" là thuốc bất tử của các vị trời thí như giới này được đến lý bốn đức của Niết-bàn. Gia môn cam lộ gọi là môn cam lộ. Môn nầy dùng năng thông làm nghĩa, giáo là lý năng thông.

"Thị thời"... Thích-ca Tích Phật truyền trao cho Bồ-tát, Bồ-tát trao cho các chúng sinh. Trong đó có ba nghĩa:

1. Người dịch kinh gia trình bày duyên truyền thọ của Đức Thích-ca.

Nói về Thích-ca truyền thọ cho các Bồ-tát.

2. Khuyên Bồ-tát trao cho chúng sinh.

Câu đầu có ba nghĩa:

- Xuất xứ từ vài giới tướng nặng, nhẹ.
- "Giới như trở xuống là" khen công dụng của giới.
- "Vi trần trở xuống là" Khuyên Bồ-tát thọ trì.

Ba câu trình bày ngàn trăm ức mỗi vị đều trờ lại bản vị. Hai câu kế: Trình bày tụng giới bản. Nghĩa là giới pháp này Chư Phật đã dạy: Nên nói là giới Bản sư.

Khen ngợi giới dùng trong luật nghi giới có thể hoàn toàn chấm dứt điều ác của ba hoặc, như mặt trời, mặt trăng xua tan bóng tối. Giới thiệu pháp giới có thể tu điều lành đầy đủ của ba quán. như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng. Làm lợi hữu tình giới, chỉ quán gồm đủ, có công năng trang nghiêm pháp thân. Như chuỗi anh lạc, cho nên kinh nói: "Già, trẻ,trung niên mặc đều đẹp."

3. Khuyên Bồ-tát thọ trì, có 2 nghĩa:

1. Hai câu nêu chung công năng.

2. Hai câu chánh khuyên.

Hai câu. "Lắng nghe..." khuyên tin thọ trì, chia làm ba:

a) Nói pháp sở tụng.

b) "Đại chúng" trở xuống là khuyên tin thọ trì.

c) Đại chúng trở xuống là kết khuyên.

"Giới tạng" giới này phần nhiều gồm ba nhóm muôn điều lành nên gọi là Tạng. Biệt biệt giải thoát từ quả vị gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Mộc xoa là giải thoát, kia đây âm khác, kế là khuyên người tin nhận là ba:

1) Khuyên tin.

*2) "Tất cả trở xuống là ..." khuyên thọ, "Nhiếp" tức thọ.

*3)" Chúng sinh vị "... giải thích nghĩa kết khuyên.

Câu "Liền nhập Phật vị" là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Y theo tánh phát tâm thọ ba nhóm giới. Bẩm thọ giới pháp của Phật gọi là nhập Phật vị, nên Đại kinh nói rằng: "Học Đại thừa tuy là mặt thịt nhưng gọi là mắt Phật. Hai câu đầu dùng đồng phương tiện vị. Hai câu kế nói đồng chứng Chân vị. Phật vị gọi chung có chân có tự. Ban đầu từ

danh từ quán hạnh tương tự, trong một niệm chứng được pháp thân bản, ban đầu và sau là phần chứng Đại giác, gọi là chân Phật tử. “Bấy giờ trở xuống là thứ hai”...

Tựa Thích-ca chia làm hai:

- Người chép kinh trình bày.
- Đức Thích-ca tự nói

1. Người chép kinh trình bày có ba ý:

a. Phật muốn kết giới

b. Phát ra ánh sáng nói lên điều lành.

c. Đại chúng xin nghe.

Câu đầu lại chia làm bốn:

Nêu thời, nêu hóa chủ. “Bấy giới là” Đang lúc đó. Nghĩa là Tích Phật từ Bản Phật Xá-na trao giới lúc đó. “Thích-ca” là họ, Hán dịch là Năng nhân, “Mâu-ni” là tên dịch âm, dịch nghĩ là Tịch Mặc. Thân, miệng, ý thanh tịnh nên được gọi tên như vậy.

Mới ngồi trở xuống là nêu xứ, tức cây Bồ-đề, cũng gọi là Đạo thọ. Dưới gốc cây thành đạo. Đạo và Bồ-đề, kia đây âm khác. Tại nước Ma Kiệt Đà, dưới cây này có tòa Kim cương, ngàn Đức Phật ở Hiền kiếp đều ngồi dưới tòa này mà được đạo Bồ-đề. Nay Đức Thích-ca chủ bạn tích thị hiện mới chứng, nên nói “Mới ngồi, thành Vô Thượng giác.

Nơi đắc đạo, nghĩa là hội Hoa Nghiêm thị hiện mới thành là Đại căn tánh kết giới Bồ-tát.. Nên Kinh Hoa Nghiêm nói: “ Ở Bồ-đề tràng mới thành Chánh giác. Phẩm Danh hiệu nói: “ Lô-Xá-na tích tên Thích-ca Mâu-ni, hàng Tiểu cơ thấy mới thành ở vườn Nai, sau mới do việc đặt ra năm thiên bảy tụ. Thích-ca tên đồng, mới thành thấy khác.” Nay giải thích khác với kia”, văn nói rằng: “Mới kết Ba-la-đề-mộc-xoa cho Bồ-tát.

.“Mới kết trở xuống là nêu ra...” rút chỗ kết pháp sơ kết, trong đó có bốn ý:

1. Nêu tên gọi:

2. “Hiếu thuận”... nói về thành tựu nhân cao quý.

3. ”Hiếu thuận chí đạo...” nói về thành tựu quả cao quý.

4. “Hiếu danh...” kết luận tên khác.

1.”sơ kết”. luận Thập Địa nói: Sau khi Phật thành đạo 14 ngày, kế là nói về hiếu thuận. Hiếu nghĩa là dốc lòng cúng dường. Thuận nghĩa là vâng mạng. Theo người để hiếu thuận lược nêu ba cảnh:

1. Ân cha mẹ sinh dục.

2. Ân sư tăng dạy dỗ.

3. Ân Tam bảo.

1. Cha mẹ quá khứ, hiện tại đã sinh ra ta, nuôi dưỡng ta. Chúng sinh luân hồi trong sáu đường đều là cha mẹ, nghĩa này sinh khởi vô duyên từ bi, cực thành kính dưỡng khiến phát đạo tâm, cứu khổ ban vui.

2. Ân sư tăng: Hòa-thượng, A-Xà-Lê đều gọi la 2Sư tăng. Hòa-thượng dịch là Lực Sinh, đạo lực do vị ấy mà thành. Xà-lê gọi là chánh hạnh, làm chánh hạnh ta. Nên Kinh Thư nói rằng:"Không cha mẹ thì không ai sinh. Không sư trưởng không lấy gì thành. Không quân vương lấy gì làm vinh, đời người ở trong ba yếu tố này."

Nay A-Xà-lê Hoà-thượng dạy giới, định, tuệ. Ba thân do đây mà sinh ra. Dẫn dắt từ đầu đến cuối, ba đức do đây mà thành. Tự hành hóa tha làm rạng rỡ thánh chỉ. Trụ trì Phật nhật gọi là Phổ văn. Nhập vị chứng cùng cực nhờ thầy bạn. Như thế vinh quang khắp pháp giới, thể bằng hư không. Là đồng với đời, vẻ vang cả một nước. Nên biết sư Tăng có khả năng sinh, có khả năng thành, có khả năng làm vinh hiển, đầy đủ ba việc. Từ chẳng phải duyên lý trì giới, ba tụ làm tâm, dùng pháp cúng dường là hơn hết. Ngoài ra đâu thể báo ân trạch

3. Tam bảo là Như lai ba đời tự chứng thường lạc rũ hình xuống mười cõi, xem xét cơ duyên. Nhiều đêm chỉ niệm phá hoặc thọ ký giảng nói năm vị pháp cứu giúp cùng cực vô biên. Mở tám giáo giềng mối làm hạt giống giải thoát thuần thục, lưu thông nhiều kiếp do Bồ-tát tăng, hoặc thật, hoặc quyền. Dùng Đại thừa và Tiểu thừa phụ giúp đấng Pháp Vương. Tượng pháp, Mạt pháp biên phương cảm ngụ di phong, một kinh lọt vào tai ngàn kiếp không mất, huống gì nhân lành suy nghĩ tu tập giải thoát. Há chẳng phải năng lực của ngôi Tam bảo, nên phải học hạnh Từ Bi của Phật, hành hạnh Bồ-tát gọi là Hiếu thuận Tam bảo.

Hỏi: Tăng bảo và Sư tăng ở trước khác nhau thế nào?

Đáp: Sư Tăng gọi là Khoáng thể, hạn cuộc ở Ngã sở thừa, Tăng Bảo gọi là Thể, bao gồm cả ba đời, vv...

"Năng thành trong thắng quả, hiếu thuận chỉ đạo, v...v... " nghĩa là thuận theo pháp cực đạo.

" Hội dị danh" nghĩa là thực hành hiếu này tức là thuận theo hiếu, gọi là giữ giới. Nên nói Hiếu gọi là Giới. Giới có công năng chế ngự ba nghiệp, dứt các nghiệp ác, nên cũng gọi là chế chỉ.

"Phật tức"... trở xuống là thứ hai, phát ra ánh sáng tiêu biểu điềm lành. Phật sắp nói giới này thì phát ra ánh sáng là tiêu biểu cảnh giác thường tình nhóm họp lại.

"Bấy giời". Từ chúng nhóm họp xin nghe có ba ý:

a) Nêu chung:

b) "Các Bồ-tát"... nêu tên gọi..

c) "Chấp tay"... Tổng kết muốn nghe.

1. Như văn.

Kế là nêu tên Bồ-tát mới phát tâm là đạo tâm chúng sinh.

Các tầng trời cõi sắc.

Sáu tầng trời cõi Dục.

Vua cõi người.

Nói về mười tám cõi trời Phạm là cõi sắc, Bốn thiền gồm có mười tám tầng trời.

- Sơ thiền có ba tầng trời:

*) Phạm chúng (nghĩa là phạm dân)

*) Phạm phụ (nghĩa là phạm thần)

*) Phạm vương (nghĩa là phạm chủ)

- Nhị Thiền có ba tầng trời:

*) Diệu quang (thân sáng).

*) Vô Lượng Quang (số lượng ánh sáng nhiều)

*) Cực Quang (thể sáng khắp)

- Tứ Thiền có chín tầng trời:

*) Vô Vân (hạ địa có mây, trên đất không mây, nên gọi là Vô Vân)

*) Thiền sinh (có phước lành vãng sinh)

*) Quảng quả.

*) Vô Tưởng (Tu vô tâm định để sinh lên cõi trời kia, nên gọi là trời Ngoại Đạo)

- Năm tầng trời Tịnh Cư, lìa dục phiền hoặc, gọi là Tịnh, nơi tịnh thân dừng ở gọi là Cư:

*) Vô Phiền (Sơ Thiền lìa phiền, nên gọi là Vô phiền)

*) Vô Nhiệt (lìa sự nóng bức ở hạ địa nên không có phiền não)

*) Thiện hiện (Quả đức dễ hiển)

*) Thiện Kiến (tạm thấy trong sáng)

- Năm tầng trời sắc cứu cánh cõi sắc, cũng gọi Đại Tự Tại (Năm thứ thanh tịnh cùng cực). Chánh lý luận sớ nói rằng: "Qua cõi trời Tịnh cư có cõi trời tên là Đại Tự Tại. Bồ-tát Sơ địa hóa độ ở đó"

- Sáu tầng trời cõi Dục là:

*) Trời Tứ Thiên Vương.

*) Trời Đạo-Lợi (cũng gọi là tầng trời 33).

*) Trời Dạ-ma (Đây gọi là Thời phần)

*) Trời Đâu-Suất-Đà (Hán dịch là Tri Túc)

*) Trời Hóa Lạc

*) Trời Tha Hóa Tự Tại.

- Mười sáu vị đại quốc vương:

1. Ương-già
2. Ma-kiệt
3. Ca-Thi
4. Ni-tát-la
5. Bạt-Kỳ
6. Mạt-La
7. Chi-Đề
8. Bạt-Sa
9. Lâu-Cư
10. Bàn-Xà
11. A-thấp-Bà
12. Bà-tha
13. Tô-la-Bà
14. Càn-Đà-la
15. Kiếm-tịnh-Sa
16. A-lê-Đề

Các nước ở Ấn- độ rất nhiều nhưng lược nếu công năng mười sáu nước lớn như trên.

Hỏi: Các kinh nhóm chúng hoặc có người đến mà không bàn luận việc nầy vì sao?

Đáp: Nghe pháp do "thừa gấp", trời người giúp giới giúp. Thừa giới đều gấp dùng thân trời người gặp Phật nghe pháp. "Thừa gấp giới hoãn" là thân cõi khác gặp Phật nghe pháp. "Giới gấp thừa hoãn" tuy sinh lên cõi trời, cõi người nhưng không thấy Phật, không nghe pháp. "Thừa giới đều hoãn" quả báo sinh cõi khác, không được nghe Phật pháp. Thừa có Đại thừa, Tiểu thừa tin pháp khác nhau. Giới có ba phẩm thọ báo có hơn kém, nên khiến các kinh nói đồng, người nghe nhiều ít khác nhau v..v.."Chắp tay là..." thứ tư, khi tổng kết thì chúng muốn được nghe được thấy. "Phật bảo..." là Đức Thích-ca nói, văn kinh chia làm ba:

*) Tự tụng.

*) Giải thích phát ra ánh sáng.

*) Khuyên thọ học.

Ba điều này đều có hai nghĩa:

Câu đầu có hai ý:

*) Nêu tự tụng. “CÁc vị trở xuống thứ hai là ...”

*) Khuyến hóa, nói tất cả phát tâm là nêu chung Bạc địa.

Phát viên tâm lãnh thọ giới này thì phải tụng trì. Ban đầu của ngoại phàm, trong giai vị danh tự. Nên nói tất cả phát tâm. Vượt qua ngoại phàm, năm phẩm đệ tử, và Thập Tín vị vượt qua các vị, nên nói “Cho đến”. Thập Trụ mới nghe lý mầu nên nói là Phát thú. Kế đến vào mười hạnh tu thêm gốc lành nên gọi là Trưởng dưỡng. Giai vị Thập Hồi hướng tu thêm Thiện căn gọi là Kim cương. Sau tâm Kim cương càng thù thắng nên gọi là Thập địa. Từ chân vị không nói là Thập Tín, nay sơ lược kể tên để biết các vị Viên thừa từ đầu đến cuối. Nói Thập Tín là trong mười tâm lấy tin làm căn bản, nên gọi là Thập Tín.

1. Tín
2. Niệm
3. Tấn
4. Tuệ
5. Định.
6. Bất thối.
7. Hồi hướng.
8. Hộ pháp.
9. Giới.
10. Nguyện.

Bắt đầu từ danh tự, năm phẩm ngoại phàm đều có mười. Ba hoặc hoàn toàn chưa được mười tên. Mười tâm này mỗi tâm đều có mười, nên Kinh Anh Lạc chép: ” Một Tín có mười, mười Tín có trăm trăm pháp làm gốc. Nên mỗi vị đều nói mười, cho đến Diệu Giác khác tên nhưng nghĩa đồng. Mười pháp đều đại chuyển gọi là Mười đại, tức là mỗi vị dùng mười pháp thành một Bồ-tát Viên giáo Đại Thừa. Đây tức là nghĩa đại xa của Kinh Pháp Hoa.

Cao lớn ví như lý mầu của Đức Phật, tánh là cảnh không thể nghĩ bàn, tức nhập “Tín tâm”.

Giương màn lộng như lòng từ vô duyên cứu khổ ban vui, tức nhập vào “Niệm tâm”.

Đặt gối son, như chấm dứt ác hạnh thiện, an tâm định tuệ tức nhập vào “Tấn tâm”.

Chạy nhanh như gió, ví như trí huệ minh đạt, phá hết ba hoặc, tức nhập vào Tuệ tâm.

Chiếc đòn ngoài xe như biết trì phạm, thông bít, tức nhập vào định tâm.

Trâu trắng lớn ví như điều hòa chánh ngữ, chánh kiến trong 37 phẩm trợ đạo, tức nhập vào tâm bất thối.

Nhiều tôi tớ theo, ví như khởi thệ nguyện cứu giúp mở ra, tức nhập vào tâm Hồi hướng.

Di khắp bốn phương, như biết thứ vị Thập Phát thú, tức nhập vào tâm Hộ phát.

Tự tại vô ngại như An nhẫn ngoại phàm, trái với danh lợi, tức nhập vào giới tâm.

Thẳng đến đạo tràng như lìa Thập Tín pháp ái khiến đến Phát thú, tức nhập vào Nguyện tâm. Một Tín có mười Tín, một pháp có mười pháp. Một tín như vậy thì chín tâm kia phải y theo đây mà biết. Kế là nói trong giai vị Thập Trụ. Thập Phát thú tâm y theo Kinh Phạm Võng mà nêu tên.

Xả, nghĩa là ba nhân khai phát, chứng lý bình đẳng, tức là quán cảnh không nghĩ bàn.

Khởi Đại từ bi trì ba nhóm giới
Nhẫn tức Xảo an chỉ quán, tự lợi lợi tha
Tấn tức Phá pháp biến.
Định tức là Biết thông bít.
Tuệ tức Đạo phẩm điều hòa.
Nguyện tức Đối trị, giúp khai mở đều do nguyện lực
Hộ pháp tức Thức, thứ lớp khiến pháp không xen lạm
Hỷ tức An nhẫn, trái thuận do pháp giới hỷ.
Đảnh tức là lìa Trung Đạo pháp ái ở trên đảnh chín tâm.

Trong mười hạnh vị, Thập Trưởng dưỡng là Từ bi hỷ xả, thí lời nói tốt đẹp, lợi ích đồng đều và định tuệ khéo quán cảnh mầu, vào Vô duyên từ. Phát hoằng thệ vô tác, nhập tâm Đại bi. Khéo léo an tâm mà xứng pháp giới hỷ gọi là hỷ tâm. Duyên tánh phá pháp ba hoặc đều đổi tên là Xả tâm. Đối với các việc Khổ Tập, v.v..... đạt Đạo Diệt v.v.... lý gọi là thức thông bít, tức nhập vào Thí tâm. Đạo phẩm Vô tác khéo có thể điều đình chánh ngữ nghiệp, mệnh danh tâm hảo ngữ, dùng điều lành trợ giúp Viên gọi là tâm lợi ích. Tám là biết thứ vị bất đồng mà đồng. Viên lý không hai gọi là đồng tâm. An nhẫn trái với thuận gọi là định Lăng-nghiêm, không dính mắc pháp ái gọi là Trung Đạo tuệ- Thập Hồi hướng vị là Thập Kim cương:

1. Tín

2. Niệm
3. Hồi hướng
4. Đạt
5. Tròn đầy, thẳng suốt.
6. Bất thối
7. Đại thừa
8. Vô tướng
9. Tuệ
10. Bất hoại

Viên trí quán cảnh gọi là Tín tâm, vững chắc từ bi gọi là Niệm tâm. Pháp giới gọi là Hồi hướng, viên thể Ba hoặc gọi là Đạt tâm, đối với tâm được thông gọi là tâm viên trực. Đạo phẩm thú hướng về trước gọi là tâm Bất thối. Chánh trợ hợp hạnh đều là Ma-ha-diễn gọi là Tâm Đại Thừa. Duyên lý phân biệt vị gọi là tâm Vô tưởng. Vững chắc an nhẫn gọi là Tuệ Tâm. Pháp ái vô trước gọi là Tâm Bất Hoại.

"Thập địa" có mười địa:

Thể tánh bình đẳng địa, Cảnh trí không hai.

Thể tánh thiện tuệ địa: Duyên lý phát tâm.

Thể tánh quang minh địa, khéo dùng chỉ quán nên gọi là Quang Minh.

Thể tánh nhĩ diệm địa. Viên phá pháp khắp hết như thiêu đốt.

Thể tánh tuệ chiếu địa: khéo biết được thông bít.

Thể tánh hoa quang địa: Đạo phẩm Trong nhân gọi là Hoa Quang.

Thể tánh mãn túc địa: Chánh trợ không quan hệ.

Thể tánh Phật không địa. Quyết định phân biệt thư lớp không xen lạm.

Thể tánh Hoa Nghiêm địa, an nhẫn trái thuận, thân tâm trang nghiêm đẹp đẽ như tô điểm hoa lên.

Thể tánh nhập Phật cảnh giới địa: lìa chân pháp ái tâm hơn một lần chuyển nhập đẳng giác, Diệu giác gọi là cảnh giới Phật. Nên Phật có mười pháp mà được đại danh:

1. Quán cảnh giới không nghĩ bàn là lý Đại.
2. Phát tâm từ bi gọi là Thệ nguyện đại.
3. Xảo an định tuệ gọi là Trang nghiêm đại.
4. Phá pháp biến gọi là Trí đoạn đại.
5. Thức thông bít gọi là Biến Tri đại.
6. Đạo phẩm đều hóa gọi là Đạo đại.

7. Đối trị giúp khai gọi là Dụng đại.

8. Biết thứ vị gọi là Quyền thật đại.

9. Năng định nhẫn gọi là Lợi ích đại.

10. Vô pháp ái gọi là Vô trụ đại.

Nên biết Viên thừa mười pháp trước sau tự tha đầy đủ. Ngự xa đạt đến còn gọi là Xa. Cho nên các vị Bồ-tát đều tụng.

Hỏi: Ở trên đã giải thích mười pháp đối danh khác nhau là sao?

Đáp: Một pháp có đủ mười pháp, các pháp dung hòa lẫn nhau, tùy nghĩa chuyễn thích, không được chấp nhất định.

Hỏi: Hoa Nghiêm Kinh nói rằng: "Bồ-tát Sơ trụ được pháp thân bản, Phân thân trăm cõi giống như Phật. Lợi sinh các vị, công đức đầy đủ, vị hậu hậu đâu có lý do phải không?

Đáp: Nói cụ túc là phần cụ túc. Như đèn soi bóng tối. Tối nhiều đèn nhiều, một ngọn đèn tuy sáng đâu tới được hậu hậu, Cho nên phát ra ánh sáng. Có hai nghĩa:

Nêu thẳng.

"Có duyên..." nêu ra tướng nhân duyên:

*) Nói về giới quang là giới có công năng phá hoặc, nên thanh quang làm đại biểu.

*) Văn chia làm hai: - Khen thể đức.

- Nêu tông thú.

1. Người hữu duyên tức Thánh ứng, cơ ưng tương quan, cho đến giới quang duyên lý mà tụng. Thật lý vô tác nên chẳng phải thanh. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: "Biết pháp thường vô tánh, hạt giống Phật từ duyên khởi, cho nên nói Nhất thừa. Giới thề vô tận nên nói quang quang. Giới thể này phàm thánh như một, nên khuyên đại chúng thọ trì, tụng học.

Hỏi: Như trên đã giải thích giới thể là thật tướng tâm. Nay nói là bi tâm làm sao đồng được?

Đáp: Tâm thật tướng không đồng với ngu ngơ si nên nói là phi sắc. Bất đồng thọ v.v... là vọng tình phân biệt nên nói là phi tâm. Bất đồng với hữu trong sáu đường. Bất đồng với "không" của Nhị thừa. Lẽ ra nên gọi là Phi nhân phi quả. Từ mê để phân biệt khác, cho nên nói là phi, theo ngộ bản đồng tâm đều như thế. Không tức không lìa vi diệu ở trong đó. Diệu tâm thật tướng cả hai chẳng phải tất cả cho là giới thể, Song chiếu tất cả gọi là Tông gọi là Dụng, v.v.. "Kế đến các Phật tử..." nêu trong Tông thú. Câu "các Phật tử". Chư Phật nêu chân nhân cực quả của Bồ-tát, tức từ Sơ trụ trở lên, Đẳng giác trở xuống. Đại chúng,

bao gồm cả nội phàm lẫn ngoại phàm. Lược nêu ba việc này. Tu và cực phân, phân ra định tuệ mà thành lập do giới làm gốc. Gốc từ đầu đến cuốilà Tông thú.

2.“Cho nên ...” là khuyên học, chia làm hai:

Khuyên thọ trì tụng học. “Phật tử” v.v..... trở xuống

Giải thích nêu ra ý khuyên.

Một. Thọ là thọ giới, ba nghiệp lãnh nạp gọi là Thọ.Thuận thọ phòng hộ gọi là “Trì”, nhìn văn xướng lên gọi là Đọc, không nhìn văn đọc thuộc lòng gọi là Tụng, tu tập nghĩa lý gọi là Học.

Hai. Văn trước khuyên nghe giới. Như người thọ xếp hàng thọ. Nêu một nhiếp nhiều nên chỉ nói Thọ. Đầy đủ phải nói nếu thọ trì đọc tụng, khéo học giới Phật. Nước nhỏ thì gọi là bang, nước lớn gọi là Quốc.

3. Dương đều nêu đạo Tượng Càn, thành ba:

Năng tam sơ là, Tam tài là thiên, địa, nhân. Dùng một quán ba gọi là quốc vương, Vua sinh ra nên gọi là Vương tử. “Bá quan” là nêu chung toàn số các quan, nên gọi là Bá. Như nói Bá tánh, tức chẳng phải trăm người mà thôi. ‘Tể tướng” là phụ vua luận đạo kinh vĩ, quốc sự hợp lý âm dương. Tướng của tể chủ nên gọi là Tể tướng. Tỳ-kheo, Hán dịch là Cần sự nam, Tỳ-kheo ni Hán dịch là Cần sự nữ. Từ nhỏ vào lớn. Hai chúng cần thông, vô sắc vô thân chỉ xếp vào sắc dục, chẳng phải trước sau cùng loại gọi là thứ dân. Dân là người, sinh bằng năm loại hoàng gia chưởng môn, gọi là Hoàng môn, nam nữ cõi Dục chung có tham dâm. Ở đây nêu tối đa cho đến mua bán dâm nam nữ, ngày xưa vì phạm tội mà thân thuộc về người để làm kẻ sai khiến, gọi là tôi tớ. Tám bộ là:

1. Trời.
2. Rồng
3 .Dạ-xoa
4. Càn-Thát-Bà
5. A-tu-la
6. Ca-lầu-la
7. Khẩn-Na-la
8. Ma-hầu-la-già

Ma-hầu-la-già trên đầu có sừng, ngoài ra đều giống với người. Phi nhân trong đường quỷ, biến thần thông gọi là Thần. Loài trung hạ gọi là quỷ, loài thiện thần Kim cương Mật Tích gọi là Thần Kim cương. Tuy là Bồ-tát Đại quyền thị hiện làm cũng phải dẫn thật thọ ba nhóm

tịnh giới. Các trời rồng hiện thân làm người thọ giới Bồ-tát, gọi là người biến hóa. Súc sinh lợi căn hiểu được tiếng người cũng được thọ giới. Các loại còn nhiều lược kể ra như trên, nên nói "cho đến". Giới là nhân phục đoạn nên nói đệ nhất thanh tịnh (văn tựa đã xong).

Từ câu: "Phật bảo ..." là phần chánh thuyết chia làm hai:

1/ Mười giới trọng, 2/ Là bốn mươi tám giới khinh.

- Ban đầu có ba:

1) Nêu số khuyên trì.

2) Giải thích riêng.

3) Kết khuyên.

- Câu đầu chia làm bốn:

1) Nêu số

2) "Như thọ..." là "Nếu thọ"

khuyên tụng giới: Không tụng giới có sự tổn hại đối với lòng từ bi hoằng thệ, chẳng phải Bồ-tát. Thân miệng lìa văn biết được tâm sơ giả. Suy nghĩ tu Phật tánh giác ngộ trái tình, chỉ duyên theo sáu đường làm hư hoại, nên nói chẳng phải hạt giống Phật. Ta cũng như thế là nêu quả khuyên nhân này.

3). Tất cả, v.v..trở xuống là nêu khuyên học.

4). Kết khuyên trì

II. GIẢI THÍCH RIÊNG:

"Mười trọng" là mười giới trọng.

1. Giới giết hại người, Bồ-tát lấy muôn hạnh từ bi làm căn bản, xem chúng sinh như cha mẹ, Luân hồi sáu đường không biết nhau. Nên văn sau nói: Mà giết mà ăn là giết cha mẹ ta, rất thương tổn lòng từ bi, nên Phật đặt ra giới này trước hết. Đã nói giết là cắt đứt mạng sống kia, từ thức ban đầu nương gá nhưng đối với già chết làm cắt đứt mạng sống tương tục của người kia đều gọi là sát, duyên chung có hai:

a) Lãnh thọ luật Nghi của Bồ-tát

b) Trụ tự tánh không điên cuồng.

Chung các giới này nên gọi là duyên chung. Sau đây không nói lại nữa. Duyên riêng có bốn:

- Người.
- Tưởng là người.
- Có tâm sát hại.
- Cắt đứt mạng sống liền phạm.

Thiếu duyên kết tội nhẹ, trong mỗi giới không đủ ba ý.

- Đặt ra dứt ác.
- Đặt ra làm lành
- Nêu lỗi kết phạm.

Văn đầu chia làm ba:

- Nêu người xếp vào việc sát.
- “Nhân trở xuống là ” xếp thành nghiệp sát.
- “Cho đến trở xuống là” Nêu khinh so sánh với trọng.

(588) 1. “Nếu Phật tử” là từ chỉ chung, nghĩa là phát tâm Bồ-đề thọ giới Bồ-tát. Theo Phật pháp gọi tên chung là Phật tử. “Nếu tự sát”. Xếp vào việc ác có năm câu khác nhau.

2. Tự giết có 2:

- Tự giết.
- Giết người.

Tự giết có ba nghĩa:

a. Tâm ác tự giết.

b. Nhàm chán thân tự giết.

Trái Thánh giáo đều kết tội khinh, nên kinh nói: “Nói thân vô thường, không nói nhàm chán thân.

Sống vì đạo quên thân cứu chúng sinh, như Bồ-tát Vương Tử, nên văn sau nói xả bỏ mạng mình thì được phước, không phạm.

Mình giết người khác, đủ duyên thì phạm tội Ba-la-di. Kế đến xúi giục người giết, xúi dục người khác giết kẻ khác khiến kẻ kia chưa chết mà người đối diện chết cũng phạm tội nặng. Vì sao giới vô tận nên bất đồng tiểu thừa thuận phương tiện, văn nói qua đời giới kết tội phương tiện hợp nhau.

- Phương tiện khen ngợi giết, có năm cách:

a. Thấy người khác giết khen ngợi đức của họ.

b. Khen ngợi người năng giết.

c. Khen ngợi cách giết.

Như trong luật nói rằng dùng việc ác này để nuôi sống là tương đương với phương tiện khen ngợi giết.

d. Thấy giết vui theo, là đối với đã giết mà vui theo, hoặc thấy, hoặc nghe đều vui theo.

e. Cho đến chú sát.

Tướng sát còn có nhiều loại như: đao gậy, hầm hố, thuốc độc. Chú sát ít có nên bỏ qua nhiều thứ, chỉ dùng “ cho đến”, Như trì chú trớ khiến cho người chết. Kế là kể ra bốn câu trong thành nghiệp sát khác nhau. Tự có tâm giết làm nhân, dao gậy v.v.... làm duyên. Tạo đường

phương tiện làm Pháp, lấy việc giết làm mục đích gọi là Nghiệp

3. Nêu khinh so sánh với trọng nên nói cho đến có mạng sống. Nên biết trừ người ngoài ra đều phạm tội nhẹ. Văn dưới tuy không có điều riêng nghĩa chỉ suy ra phải như vậy.Như cấm mùa Xuân, mùa Hạ không được đốt lửa, không hộ sinh cây cỏ, và che chỡ sự tổn thương sinh mạng loài vật, chỉ kết tội nhẹ. Kế là Bồ-tát nầy Chế ra tu thiện, " Thường trụ tâm từ bi" là lòng từ vô duyên, tương xứng với lý, thể đồng thật tướng pháp giới nên gọi là Thường trụ

"Nếu trái lại trở xuống..." là nêu lỗi kết tội, phạm "Ba-la-di, Hán dịch là Tha thắng xứ.

Duyên lý trì giới chiêu cảm quả thánh gọi là "Phật sự', tức là Tự thắng xứ. Hủy giới cấm đọa địa ngục gọi là việc ma, tức là Tha thắng xứ.

2. Giới không cho mà lấy. Phi lý xâm đoạt, mất mạng tổn đạo, không có tâm nhân từ. Điều này, người thật đức chưa tránh khỏi, nên Phật đặt ra giới này, phạm tội có đủ bốn duyên:

- Trộm vật có chủ trị giá năm tiền trở lên. Nếu trộm vật của mình không thành tội nặng.
- Tưởng có chủ
- Có tâm trộm cắp.
- Lấy lìa chỗ cũ liền phạm tội nặng, thiếu duyên phạm tội nhẹ, văn cũng chia làm ba:

1. Chế khiến dứt ác.
2. "Mà Bồ-tát" trở xuống là chế khiến hành thiện.
3. Mà trái lại trở xuống là nêu lỗi kết phạm, văn chia làm ba:

1. Nêu tên xếp vào việc trộm.
2. Xếp thành nghiệp trộm.
3. Cho đến trở xuống là nêu khinh so sánh với trọng.

Câu đầu nói tự trộm cắp vật của người đáng giá năm tiền trở lên. Xúi người trộm cắp, dù không nhuận thân tổn cảnh hễ quá sâu thì kết tội nặng. Phương tiện trộm cắp, hoặc gửi gắm, hoặc vì đổi chác, dùng ngắn đổi dài, dùng thô đổi tế. Chỉ có tâm trộm cắp năm tiền trở lên đều kết tội nặng. Chú thuật lấy vật gọi là chú đạo. Kế là nói nhân trộm cắp là tự tâm làm Nhân, bên ngoài trợ giúp là Duyên. Ra công đào đường là cách thức trộm cắp. Thường nghĩ đến việc ăn trộm làm mục đích gọi là Nghiệp

Nêu khinh so sánh với trọng. Quỷ thần làm chủ không ném thẻ.

Từ vật cướp được tâm này chưa dứt.

Một cây kim, một ngọn cỏ, giá năm tiền trở xuống, đều phạm tội nhẹ. Nên nêu để so sánh. Kế là chế khiến hành thiện. Phật tánh v.v...... là duyên với lý Phật tánh, thuận với giáo pháp Phật. Đồng thể từ bi lấy đó làm gốc, giúp thành tùy hỷ, tất cả người khiến sinh an vui phước đức trí tuệ, nên nói "phải sinh, v...v...".

Là nêu lỗi kết phạm như văn.

3. Giới thực hành phi phạm hạnh.

Luận Đại Trí Độ nói:" Dâm dục tuy không não hại tâm chúng sinh, nhưng ràng buộc tâm chúng sinh. Tình riêng buông lung nhân quả luân hồi. Trôi nổi đắm chìm theo sông ái, lăn theo năm đường đều do đây. Nên Phật đặt ra giới trọng này, kết thành tội phạm đủ bốn duyên

1. Là Nam nữ hữu tình.
2. Có tâm dâm.
3. Cùng phương tiện
4. Hợp với cảnh liền phạm.

- Thiếu duyên phạm tội nhẹ, văn đầu cũng chia làm ba:

1. Việc đã phạm.
2. Thành nghiệp

- "Cho đến.." là gồm cả người nữ, là so sánh.

1. Tự dâm như xương sống mềm cũng phạm tội nặng.
2. Tự dâm người khác đủ duyên phạm tội nặng.

Dạy người dâm thân không vui, chỉ mắc tội nhẹ đồng với Thanh văn. Tất cả người nữ v.v...... trừ người mê cuồng. Kế là nói về nhân duyên: Tâm nhiễm tư duy là 'Nhân', tà tưởng tô điểm là" Duyên". Phép tắc uy nghi là "cách thức", niệm niệm thành tựu việc trước là "Nghiệp".

3. Phi nhân nữ v.v.... là quỷ thần nữ. Rõ ràng trong tâm mình xin người kia hiện thân làm việc phi phạm hạnh, và hai nam hai nữ gọi là phi đạo, đều mắc tội nặng. Ngoài ra kết tội nhẹ. Mà "Bồ-tát" trở xuống là chế khiến hành thiện "Nói Tịnh pháp" là khởi Phật tánh quán thể lìa ba hoặc. Tự hành hóa tha nên nói tịnh pháp cho người.

3. Trong nêu lổi kết phạm nói "sáu thân " là sáu lọai sau đây:

- Người thân của cha, gọi là ông nội bà nội và cô chú.
- Người thân của mẹ là dì, cậu
- Người thân của mình là cha mẹ, anh em và vợ con.
- Người thân của vợ là em vợ chị vợ

- Người thân của nam nữ là rễ
- Người thân của anh em là dâu

Ở đây có hai nghĩa:

1. Tâm nhiễm đối với người đó tức sinh tâm nhiễm với tất cả người không kể sáu thân, nên nói là trái lại khởi. Khởi tức là sinh.

2. Tự mình đối với tất cả khởi phi phạm hạnh, không kể súc sinh, các cảnh sáu thân làm nhân khởi ác đối với người, nên nói "lại sinh ra tất cả". Đây tức là pháp uế khiến người khác khởi uế. Trái với pháp tịnh ở trên khiến người dứt ác nên gọi là "lại sữa". Mà kết lỗi.

4. Giới Đại Vọng Ngữ, chưa được nói được lừa thánh dối phàm, hoặc đồng thế tục mà vời lấy danh lợi nên mắc tội nặng, đủ năm duyên:

- Là chúng sinh
- Tưởng là chúnh sinh
- Khởi tâm lừa dối
- Nói có pháp hơn người
- Người đối diện nghe hiểu thì phạm.

Thiếu duyên kết tội nhẹ, văn chia làm ba:

- Nêu tên chế khiến dứt ác
- Chế khiến làm lành.
- Nêu lỗi kết phạm.

Văn đầu cũng chia làm ba:

- Phạm việc
- Thành nghiệp
- Nêu khinh so sánh với trọng

1. Tự mình nói dối: Như nói được bốn quả Bát nhân kiến địa trở lên, cho đến sáu căn thanh tịnh, Sơ Trụ trở lên, ttheo thứ lớp mắc tội nặng, như nói được các phương tiện vị, như ngũ đỉnh niệm xứ, Noãn, Đãnh, nhẫn Thế độ Nhất, còn Tuệ địa, là pháp phàm, chỉ phạm tội nhẹ.

2. Dạy người. Dạy người nói được pháp thánh, danh lợi thuộc người, chỉ phạm tội nhẹ. Nếu dạy người nói mình là thánh thì phạm tội nặng. Phương tiện nói dối là mượn phá việc khác khiến họ sinh hiểu là bậc Thánh. Như nói nay tôi không nhập vào định sơ địa nên phương tiện nói. Kế văn nói trong tâm nổi điên cuồng là Nhân, ngoài mong danh lợi là Duyên. Khéo lập phương tiện là Cách thức, thường ôm ấp làm việc này là Nghiệp.

Cho đến trở xuống là nêu khinh so sánh với trọng, tức tiểu vọng ngữ. Như nói ai được Bất tịnh quán ở trong chúng khởi, gọi là thân nói dối. Nói thầm không nghe gọi là Thân nói dối. Nói rõ không trả lời gọi là Tâm nói dối. Không nói được quả thánh đều kết tội nhẹ. Kế là trong việc dạy làm việc lành. "chánh ngữ chánh kiến" là lấy tâm Trung đạo như việc như tưởng biết nói thấy. Tự hành khuyến tha nên nói thường sinh và cũng sinh.

3. Nêu tội kết phạm. Không phải chánh nên gọi là Tà, chung với giới nói dối của Đại, Tiểu thừa. Nay từ Đại vọng đại tà cho nên kết phạm.

5. Giới bán rượu. "Cô" là mua bán, "rượu" là thuốc say mê muội. Uống rượu có ba mươi sáu lỗi, là cửa ngõ buông lung, cho nên xếp vào tội nặng. Có bốn duyên thành phạm tội:

1) Thật là rượu.

2) Nghĩ là rượu

3) Có ý buôn bán

4) Trao rượu cho người thì phạm.

Thiếu duyên thì phạm tội nhẹ. Văn kinh chia làm ba:

Nêu tên, ngăn khiến dứt ác.

Ngăn khiến làm lành.

Nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu chia làm ba:

1) việc phạm

2) Thành nghiệp

3) Nêu khinh so sánh với trọng.

Tự mua bán nên biết. "Dạy người" Dạy người bán dùm mình thì phạm tội nặng, dạy người tự bán thì phạm tội khinh.

Thành nghiệp. Tự mình kinh doanh,gạo,bún là Nhân, ngoài dụng cụ đong đo là Duyên, điều đình phương tiện gọi là Cách thức, thường làm việc mua bán là Nghiệp.

Tất cả trở xuống là nêu khinh so sánh trọng. Ngũ cốc, cây cỏ hòa hợp thành, chẳng phải thật là bún gạo. Nhưng tương tự với rượu thì mắc tội nhẹ, còn không được mua bán, huống chi thật là rượu ư?

"Mà Bồ-tát" trở xuống là ngăn khiến hành thiện, nói đạt tuệ là Thật tướng Bát-nhã

3. Mà trái lại v.v..... trở xuống là nêu lỗi kết phạm, nên biết.

6.Giới Rao Lỗi Bốn Chúng.

Bồ-tát vận chuyển hoài bão rộng lớn che chở giữ gìn ngôi Tam bảo ác dương thiện, vì sao lại nói lỗi bôi lọ tín tâm, trái hạnh lợi tha, cho nên Phật đặt ra giới này, kết thành tội nặng đủ bảy duyên:

1. Nói là của Bồ-tát, Thanh văn danh đức bậc thượng trong bốn chúng thì phạm tội nặng. Trung.

2. Nghĩ là tướng các ngài

3. Dùng tâm ác nói lỗi

4. Đối với người ngoài

5. Nghĩ là người ngoài

6. Nói rõ ràng

7. Người đối diện nghe hiểu thì phạm.

- Thiếu duyên phạm tội nhẹ. Văn cũng chia ba:

1.Nêu danh, ngăn khiến dứt ác.

2.“Mà Bồ-tát trở xuống là ngăn” khiến hành thiện

3.“Mà Bồ-tát trở xuống là” nêu lỗi kết phạm.

Câu một có hai ý:

1.Nói việc phạm.

2.Thành nghiệp.

1. Tự nói dạy người nói đều kết tội nặng. Cảnh tổn là đồng nên Kinh Thập Luân nói:” Hoa chiêm-bặc dù héo vẫn hơn các loài hoa khác. Các Tỳ-kheo phá giới vẫn hơn các ngoại đạo. Nên Kinh Anh Lạc nói:” Có phạm gọi là Bồ-tát, không phạm là ngoại đạo. Cho nên dù phạm cũng không thể khinh. Kế đến nội tâm là Nhân, nói về cảnh tội kia là Duyên. Lập bày khuôn phép là Cách thức. Mục đích nói người là Nghiệp. Kế là ngăn khiến hành thiện, nói ngoại đạo là trừ bảy nhóm ra đều gọi là Ngoại đạo. Ngoại đạo tức là người ác. Người ác Nhị thừa chán khổ Tập đế mà tu đạo Diệt, chỉ ra khỏi sinh tư gọi là Thanh văn thừa. Quán mười hai nhân duyên hoặc nghịch hoặc thuận, ý cầu thoát khổ. Tâm lợi tha kém gọi là Duyên giác thừa. Tâm này ác gọi là người ác. Không tin Đại thừa nói phi pháp luật, phải rơi vào khổ. Nên khiến bi tâm nói Đại sinh tín. Bi có công năng nhổ gốc khổ.

3. Kết như văn.

7.Giới tự khen mình chê người.

Tự khen mình đức hạnh hơn người, rất tổn hại chúngsinh, nên Phật chế giới trọng. Kết thành tội phạm đủ có năm duyên:

1. Là cảnh thọ giới có đức đồng với duyên ban đầu.

2. Nghĩ là người đó.
3. Đủ cả khen chê.
4. Tâm ác khen chê đối với người.
5. Người đối diện nghe hiểu thì phạm
- Thiếu duyên phạm tội nhẹ, văn cũng chia làm ba:
1. Nêu danh, ngăn khiến dứt ác.
2. Ngăn khiến làm lành.
3. Nêu lỗi kết phạm.
- Câu đầu chia làm hai:
Tự làm, xúi người làm đều mắc tội nặng.

Thành nghiệp, trong tâm tham mạn là Nhân, ganh ghét người khác làm lợi là Duyên, lập phương tiện khéo léo là Cách thức, lấy đây làm mục đích gọi là Nghiệp. “Mà Bồ-tát” trở xuống là ngănkhiến làm lành.

3. Nếu tự v.v.... trở xuống là kết phạm, như văn.

8. Giới Tiếc Lẫn lại Chê Bai.

Bồ-tát nhiếp chúng sinh là đầu muôn hạnh, há lại tiếc lẫn lại hủy nhục hay sao? Nên Phật đặt ra giới này, đủ sáu duyên thành phạm.

1. Cảnh thượng và trung
2. Tự có tài pháp
3. Có hai tưởng
4. Thêm nhiều tâm ác, hủy nhục đánh mắng
5. Người đối diện nghe hiểu.
6. Khiến người khác không trở lại thì phạm.
- Thiếu duyên phạm tội nhẹ, văn chia làm ba:
1. Nêu danh, ngăn khiến dứt ác.
2. Ngăn khiến làm lành.
3. Nêu lỗi kết phạm.
- Câu đầu chia làm hai:

Tự mình tiếc lẫn không dạy cho người, đầy đủ duyên trên mới kết thành tội nặng.

Trong thành nghiệp, tâm tiếc lẫn là Nhân, tài pháp là Duyên, giữ gìn kín đáo là Cách thức, mục đích tiếc lẫn là Nghiệp. “Mà Bồ-tát” là ngăn khiến hành nghiệp, thiếu tài pháp đều là nghèo. Ta tuhành chưa sâu làm sao bỏ được. Tùy theo tâm nói lời lành an ủi, xin lỗi thì không phạm.

“Mà Bồ-tát” v.v..... trở xuống là nêu lổi kết phạm. Câu kệ là câu

nêu có thể y cứ một ít phần kệ giải thích toàn nghĩa trong giáo, như "thân Diệu sắc của Như lai, nhẫn đến "cho nên con quy y", là khen ngợi ba thân Phật đầy đủ. Một pháp vi trần là nêu một lời nói lành để so sánh.

9. Giới Tâm Sân Không Nhận Lời Sám hối:

Bồ-tát lấy nhẫn nhục làm hoài bão, mà lại giận dữ chứa nhóm trong tâm, làm tổn thương lòng từ của đạo, cướp lấy công đức của mình không gì hơn giận dữ. Nay sinh giận nhỏ mà làm oán lớn, nên Phật đặt ra giới nầy tội nặng, đủ sáu duyên thì thành phạm:

1. Đối cảnh Thượng, Trung.
2. Nghĩ là đối tượng
3. Tâm sân không dứt

Người đối diện sám hối

Biểu thị không thọ tưởng.

Người đối diện hiểu rõ thì phạm.

Thiếu duyên phạm tội nhẹ, văn cũng có ba:

1. Nêu danh, ngăn khiến dứt ác
2. Ngăn khiến làm lành.
3. Nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu có hai ý:

a) Phạm việc tự sân, dạy người khác, đủ duyên đều phạm tội nặng.

b) Thành nghiệp.

Trong tâm là Nhân, cảnh trước mắt làm Duyên, kết nhóm nghi quỹ là Cách thức. Lấy sân làm mục đích gọi là Nghiệp. "Mà Bồ-tát" v.v..... trở xuống là ngăn khiến làm lành. Như văn có ba: "mà trái lại" v.v... trở xuống là nêu lỗi kết phạm, "cho đến " đối với phi chúng sinh nghĩa là sân vô tình. Như người tâm giận dữ đánh đập tôi tớ, cho đến dùng cây, đá, chân tay đánh đập chúng sinh. Đây là nêu tội nhẹ để so sánh. Dùng lời ác,chánh thức kết tội.

10. Giới giúp Hủy Báng Tam Bảo. Thắng đức đáng quí gọi là Bảo. Phi lý nhiều phiền nhiễu nên gọi là Báng. Thành tội phạm có đủ sáu duyên:

1. Đối chúng trợ giúp chê bai.
2. Là nhất thể Đại thừa và Biệt tướng Tam bảo
3. Sinh hai ý nghĩ trên

4. Có tâm chê bai, hủy báng.

5. Nói lời rõ ràng

6. Người đối diện hiểu rõ thì phạm.

- Thiếu duyên phạm tội nhẹ. Văn cũng chia làm ba:

1. Nêu danh, khiến dứt ác.

2. Khiến làm lành.

“Huống là miệng v...v... trở xuống là” nêu lỗi kết phạm, văn có hai ý:

Tự chê bai, xúi người chê bai đều kết tội nặng_

Thành nghiệp.

Nội tâm Nhân. Tà kiến làm Duyên, khéo léo lập giả làm cách thức. Tâm nầy là pháp vụ gọi là Nghiệp. Mà Bồ-tát v.v.... trở xuống là ngăn khiến làm lành. “ Trung ngôn ngoại đạo là ngoài du tâm viên lý cho đến ngoài ngoài ba tông đều gọi là ngoại đạo”. Nói chê bai Phật thường phải nghĩ đến đau đớn, nên dụ như mâu đâm. Mâu là binh khí dài hai trượng dùng để lập binh xa.

- Kết phạm như văn. “Khéo học”, v.v... trở xuống,

Thứ 3 là kết khuyến, có ba:

1. Nêu pháp được giữ.

2. Khuyên răn.

3. Chỉ rộng ba câu, văn đều có hai:

- Câu văn đầu.

Nêu chung người.

Khéo học là từ khen đẹp. Kế là “ Bồ-tát”.... Trở xuống là nêu pháp trong nhân nói quả nên nói Mộc-xoa, Mộc-xoa là giải thoát.

Kế “ là phải nên, v.v...... trở xuống là” khuyên răn, có hai:

Khuyên học trì.

Nếu có v.v... trở xuống nêu lỗi hiển trì.

(590) Câu đầu nói “vi trần” như thế tục nói: Thần đối với nước không có chút công lao nào”. Kinh Niết-bàn nói: “Như giữ phao nổi, một lỗi nhỏ như hạt bụi cũng không phạm. Đây là nêu chỗ cực nhỏ để làm tình huống. Kế là nêu phạm tội, có hai quả báo:

1. Hiện tại mất mười lợi thứ lợi ích.

2. Quả báo trong ba đường.

Câu văn đầu trái với thệ nguyện rộng lớn căn bản, không hối không thất tâm Bồ-đề dứt, nên nói không được phát tâm Bồ-đề hiện tiền. Quốc vương Lật Tán và vua Chuyển luân do giới làm Nhân. Nhân mất thì quả không có, nên nói là “diệt thất”. Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni đã

mất giới thi quả báo vào ba đường ác, đâu được làm người chứng thứ lớp, nên nói cũng mất Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. "Mười phát thú" là dụ cho mất thứ vị. Trước là nhân Phật tánh thường trụ,"diệu quả" là quả Diệu giác. Phật tánh thường trụ hằng ở trước sau. Nay đối với giai vị cùng cực cho là Phật tánh thường trụ gia quả, nên nói Diệu Quả- Cũng như Nhân vương không biết Đẳng giác. Kế là đọa vào ba đường ác. Hủy giới cấm khác nhau nên quả báo vào ba đường ác, không được nghe pháp, không được nghe tên cha mẹ là người có ân sâu nuôi dưỡng, cũng không được Tam bảo cứu giúp. " Kiếp" là thời gian, thành Trụ Hoại Không đều có hai mươi lần tăng giảm. Một lần tăng giảm là một Tiểu kiếp, hai mươi lần tăng giảm là một Trung kiếp. Tám mươi lần tăng giảm là một đại kiếp,..v..v.. " Vì các lýy do đó ..." là kết khuyên. " Đẳng" là chỉ cho rộng.

2/. Khuyên học và chỉ ra Quảng bản.

Quảng Bản của kinh này có Phẩm Bát vạn oai nghi.

■

THIÊN THAI BỒ-TÁT GIỚI SỚ

QUYỂN TRUNG

KẾ LÀ BỐN MƯƠI TÁM GIỚI KHINH: Giản dị hơn mười giới trọng nên được gọi là khinh, có lỗi nên gọi là cấu. Văn kinh chia làm ba:

1. Trước kết sau sinh.
2. Giải thích riêng.
3. Tổng kết.

- Ban đầu như văn, kế là giải thích, chia làm năm:

Ba mươi, chia làm ba.

Hai mươi chín, chia làm hai.

a) Giải thích

b) Kết khuyên chỉ rộng.

1. Giới Không kính Sư Trưởng:

Bồ-tát lẽ ra phải nhúm mình cung kính tất cả hữu tình, huống chi khinh mạn Sư trưởng, rất trái với người tu hành, nên Phật đặt ra giới này đầu tiên, kết tội phạm đủ bốn duyên:

1. Sư trưởng.
2. Biết là sư trưởng.
3. Cố ý khinh mạn.
4. Thân tâm bất kính thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu danh khuyên thọ.
2. Đã được, v.v... trở xuống là biểu thị hành trì.
3. Mà Bồ-tát v.v.... trở xuống là chỉ, tác kết phạm.

Câu văn đầu: Quốc vương Lật-tán, tức vua loài người, vua Chuyển Luân là các vua thánh vương như: Vua Thiết Luân cai trị một thiên hạ, vua Đồng Luân cai trị hai thiên hạ, vua Ngân Luân cai trị ba thiên hạ.

Vua Kim Luân cai trị bốn thiên hạ. “Bá quan văn võ” ở đây nếu không có thọ giới thì quỷ thần không hộ, làm sao thống lãnh chế ngự được trăm họ. Nên khuyên trước phải thọ giới Bồ-tát. Chư Phật vui mừng” là thuận với luật nghi nên Chư Phật vui mừng.

- “Thượng tòa”là vị Thượng thủ trong tăng, khéo chế ngự đại chúng, cũng đúng nghĩa là Sư.”Hòa-thượng A-Xà-lê như “trước đã giải thích. Đồng học Thượng tòa gọi là Đại đồng học. Đồng một chánh kiến gọi là đồng kiến. Đồng một hạnh thì gọi là đồng hạnh. “Mà Bồ-tát” v.v.... trở xuống là chỉ tác kết phạm, “Kiêu tâm” là tâm tự cao, khinh khi người khác, gọi là ” mạn”.Sân si do không hiếu thuận cho nên “kiêu mạn”. “Vì tự mình v.v...trở xuống” là nêu trọng so sánh với khinh. Lẽ ra phải bán thân để báo đáp ân sinh thành, huống chi sinh khinh mạn, nên Phật kết phạm.

Bảy báu là:

- Vàng,
- Bạc.
- Lưu ly.
- Pha lê
- Xích châu
- Xa cừ
- Mã não

“Trăm vật” là kể chung tất cả. Nếu không như thế là không hiếu thuận cung kính cúng dường.

2. Giới Không Uống Rượu:

Rượu là thứ nước làm cho người uống mê cuồng. Tất cả tội nặng do đây mà sinh, nên Phật đặt ra giới này, kết thành tội phạm đủ bốn duyên:

1. Rượu thật
2. Nghĩ là rượu thật.
3. Không bị bệnh nặng.
4. Uống vào miệng thì phạm.

- Trong luật không cho uống lầm. Văn kinh có hai nghĩa:

1. Nêu tên, nêu tội, ngăn khiến dứt ác.
2. Nếu cố tình ăn vắng lặng v..v.. trở xuống là khiển chế kết phạm.

Câu đầu nói: “Tửu khí” là bình đựng rượu, bình không còn phạm huống chi mời uống rượu ư?Ra khỏi địa ngục quả báo đọa vào nhiều loại, cho đến lươn lịch, nên nói không tay. Dạy người uống rượu còn

không được, huống chi tự mình uống, nên đều kết phạm. Kết phạm nên biết.

3. Giới Ăn Thịt:

Bồ-tát lẽ ra phải quên mình cứu giúp chúng sinh, vì sao lại ăn thịt chúng sinh? có ba duyên thành phạm:

1. Thịt hữu tình
2. Nghĩ là thịt hữu tình
3. Ăn vào miệng thì phạm

- Văn chia làm hai:

1. Nêu người nêu tên, ngăn khiến dứt ác.
2. Nếu cố v.v..... trở xuống là trái chế kết phạm.

4. Giới ăn năm thứ rau cay nồng:

Bồ-tát thân miệng phải thơm sạch, lại ăn cay hôi, khiến Hiền Thánh xa lìa, nên Phật đặt ra giới này, kết tội có đủ bốn duyên:

1. Năm thứ tân rau cay nồng.
2. Nghĩ là năm thứ rau cay nồng.
3. Không bị bệnh nặng
4. Ăn thì phạm

- Văn chia làm hai:

1. Nêu người, nêu tên, ngăn khiến dứt ác.
2. Nhược cố v.v.... trở xuống là chế kết phạm.

Câu đầu:

- Đại toán (quen gọi là tỏi lớn)
- Cách thông (là hẹ)
- Giới (là kiệu)
- Lan thông (tỏi nhỏ)
- Hưng cừ (sống,chín đều cay nồng)

3. Kết phạm như văn.

5. Giới Không Dạy Sám hối:

Bồ-tát thương xót chúng sinh, nên nêu lỗi để chỉ dạy khiến họ sửa đổi, trở lại con đường chân chánh thanh tịnh, dưới là cứu với chúng sinh, trên dùng pháp thánh để báo ân Phật rất là lợi ích. Nên Phật đặt ra giới này khiến phải cẩn thận. Phạm đủ năm duyên kết tội:

1. Cảnh phạm giới
2. Biết họ đã phạm
3. Không có duyên trái nghịch (nghĩa là ác luật nghi)

4. Tâm che giấu
5. Cùng chung pháp sự cho nên phạm
- Văn chia làm hai:
1. Nêu tênm nêu việc chế tác
2. Mà Bồ-tát v.v... trở xuống là chỉ tác kết phạm

Năm giới:
- Không sát sinh
- Không trộm cắp.
- Không tà dâm.
- Không nói dối.
- Không uống rượu, ăn thịt trọn đời, gọi là năm giới

Tám giới:
- Không sát sinh.
- Không trộm cắp.
- Không dâm dục.
- Không nói dối.
- Không uống rượu.
- Không ngồi giường cao rộng lớn.
- Không đeo tràng hoa, xức nước hoa.
- Không ăn phi thời.

Tám giới này tùy theo thọ nhiều, ít. Như giữ đủ 8 giới hay một giới đều được. Thêm giới không cầm nắm vàng bạc, vật báu và quá ngọ không ăn thì thành mười giới.

"Huỷ cấm" là phạm 250 giới. "Bảy tội nghịch" như đãgiải thích ở trước.."Tám nạn" là:

1) Địa ngục
2.) Ngạ quỷ
3) Súc sinh
4.) Châu Câu-lô ở phía Bắc
5.) Trời Trường Thọ
6) Trí tuệ tếh gian thông minh.
7) Các căn không đầy đủ.
8) Trước Phật sau Phật.

Tám thứ này là quả, quả từ nhân mà có, do có phạm mới dạy sám hối. Nhân là gì? Nghĩa là nhân hủy giới đọa địa ngục. Tham là nhân ngạ quỷ, không hổ thẹn là nhân súc sinh, vì cầu sống lâu ở nhân gian mà thọ trì ba quy y, năm giới là nhân của châu câu-lô ở phía Bắc. Vì cầu vui cõi trời nên giữ tam giới là nhân của trời Trường thọ. Không vì

giải thoát học tập thế tục mà giữ gìn ba nghiệp tức là nhân của trí tuệ thế gian thông minh, tổn hại thân phận hưũ tình, hủy báng chánh pháp do các căn không đủ. Không suy nghĩ tu tập quàn pháp của Đại thừa, Tiểu thừa, là nhân sinh trước Phật sau Phật. Nên Phật từ bi chỉ bày cho sửa đổi. Là tông thú của muôn hạnh, là chỗ nương của ba đức. Hoặc tự mình hoặc người khác nêu tâm ngũ hối, sám hối đứng đầu, nêu một mà nhiếp nhiều nên nói: “Phải dạy sám hối”.

Kế đến là “đồng trụ”, đồng ở một chỗ, đồng tên đồng tăng lợi dưỡng. Bồ-tát, Hán dịch là Tịnh trụ, văn khác đều có thể thấy.

6. Giới Không cung cấp thỉnh Pháp.

Tôn người, trọng pháp, tấn đạo, hạ tâm, mà lại kêu ngạo khinh mạn người nói pháp. Căn bản đầu tiên của đạo là lòng nhân từ. Nên Phật đặt ra giới này. Kết tội phạm đủ bốn duyên:

1. Thấy người giải hạnh Đại thừa
2. Biết đúng
3. Nên khởi tâm kiêu mạn
4. Không cúng dường thỉnh pháp liền phạm

- Văn chia làm hai:

a) Nêu danh trình bày việc khuyên làm.

b) Chỉ tác kết phạm.

Câu văn đầu: Ấp là thôn, cho nên Quản Trọng họp ba mươi nóc gia thành một ấp. ‘Ba thời” là trung thực, tiểu thực và nước trái cây phi thời. ”Mỗi ngày ăn hai ba lưỡng vàng” là nêu trọng chú khinh. Mạt pháp thay thế Phật bổ xứ, Ba-luân chẻ tủy ở Vô-kiệt, Thiện Tài quên mệt nhọc ở pháp giới, huống chi là xả vàng v.v......, huống gì là pháp nặng tình sâu, nêu lên để so sánh. “Ba thời” trong một ngày chia làm, đầu, giữa, cuối, nếu không trở xuống v.v.... là chỉ tác kết phạm, như văn

7. Giới biếng nhác không chịu nghe pháp.

Bồ-tát sơ tâm gặp việc quay mặt vào vách, lẽ ra phải tìm thầy học đạo khắp nơi. Mà ở trụ xứ có giảng kinh lại không chịu nghe. Ngày đêm ôm mê, thân tâm buông lung, luống thọ của tín thí, không báo đáp cho người, nên Phật đặt ra giới này. Kết tội phạm có bốn duyên:

1.Tự không hiểu pháp
2. Có chỗ giảng Đại thừa
3. Tự biết là có.
4. Cố ý không nghe

Văn chia làm hai:

1.Nêu nhân pháp, nêu nơi chỗ mà khuyên nghe nhận, chế tác thành trì.

2. Nếu không, v.v..... trở xuống là chỉ tác kết phạm. Trước sau lệ theo đây mà biết.

Câu 1 nói: "Có giảng pháp" là nêu chung pháp Giới, Định, tuệ "Tỳ-Ni" nêu riêng. Tỳ-ni là luật, phần nhiều nói về giới học. Kinh nói Giới, Định, tuệ tức là ba việc học lớn. Kế là văn nên biết.

8. Giới Bỏ Chánh theo tà.

Bồ-tát lẽ ra phải lấy Phật tánh làm tâm, lại bỏ Đại thừa, học tập tà pháp của Tiểu. Bảy tội nghịch và ngoại đạo là một loại, nên Phật đặt ra giới này, kết tội phạm đủ bốn duyên.

1. Pháp giới, định, tuệ của Đại thừa
2. Khởi tưởng
3. Trái với tâm.
4. Xả Viên học Thiên thì phạm.

- Văn chia làm hai:

1) Nêu tâm niệm bỏ chánh
2) "Mà thọ trì".v.v..... trở xuống là nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu: Thường trụ kinh luật v.v...... đều là Đại thừa. Giảng về lý thật tướng gọi là Thường trụ. Văn nói "ác kiến" la ác không biên của Nhị thừa. Ngoại đạo có ác hữu biên, đều gọi là ác. Nên kinh Niết-Bàn Ca-diếp tự trình bày. Trước khi chưa nghe bốn Đức Viên Thường là người tà kiến, ta chính là ác. Câu "mà thọ trì ba tự quan" trở xuống là Thọ trì tất cả giới cấm, chẳng phải chánh luật nghi. Các giới gà, chó chẳng phải là giải thoát đều gọi là tà kiến, tà kiến có nhiều thứ nên nói "Tất cả"

9. Giới Không săn sóc người bịnh khổ:

Bồ-tát lấy đại bi làm thể, thấy người bệnh mà không cứu là thương tổn lòng từ, lui sụt Bồ-đề, là do ở chỗ này, nên Phật đặt ra giới này, kết tội phải phạm đủ bốn duyên:

Tâm chê bai bỏ đi thì phạm, văn chia làm hai:

Nêu tên, trình bày việc chế tác, "mà Bồ-tát" trở xuống không làm thì kết phạm

Tám ruộng phước là:

- Phật

- Pháp
- Tăng
- Cha
- Mẹ
- Người bệnh
- Đào đường xây giếng.
- Bắc cầu ở bến sông

Bốn quả Thánh và Hòa-thượng đều xếp vào Tăng bảo. Nên kinh Đại thừa nói:' Bồ-tát, Nhị thừa đều gọi là Tăng". Mục đích là cứu giúp chứ không phải vì ruộng phước nhiều ít. Cũng như Kinh Pháp hoa nói: "Mắng Phật tội nhẹ, chê bai người tội nặng. Có thân đối đãi khen chê, duyên tâm dễ chuyển, kế là văn rất dễ thấy.

10. Giới Chứa Dụng Cụ sát sinh:

Dụng cụ giết hại chúng sinh gọi là "sát cụ". Chất chứa, gom nhóm gọi là "súc", Bồ-tát thường phải xả các sở hữu, mà lại cất chứa dụng cụ sát sinh, nghĩ làm tổn hại chúng sinh. Ngày đêm tăng thêm tội gọi là Ác vô tác, cho nên Phật đặt ra giới này, kết tội phạm đủ bốn duyên:

1. Dụng cụ sát sinh.
2. Biết là dụng cụ sát sinh.
3. Không có khai duyên (trong luật khai cho chứa, vì ngăn ngừa kẻ trộm).
4. Chứa qua một ngày

- Văn chia làm ba:

1. Nêu tên, nêu việc ngăn dứt.
2. Nêu trọng so sánh với khinh.
3. Trái phạm quy chế kết phạm.

Câu đầu nói: Đao gậy v..v...... vốn là tác giả làm hại chúng sinh. Nhưng dụng cụ sát sinh đều không được chứa, nên nói "Tất cả". Câu kế " mà Bồ-tát" trở xuống là nêu trọng so sánh với khinh. Luật nói:" Lấy oán trừ oán, oán đó không bao giờ dứt. Chỉ có giải oán oán mới dứt mà thôi. Nếu oán chưa hại thì thành tâm kính dưỡng. Nếu bị hại rồi tự đạt túc duyên, lại lấy oán báo thù nhau, nên biết cha mẹ chết cũng không nên báo óan. "Nếu cố" trái phạm quy chế thì kết phạm. "Như thế v.v... trở xuống là" kết khuyến.

Chỉ rộng về sáu phẩm, Phạm Võng Đại Bản có Lục Lục Phẩm, có lẽ là tên phẩm, Vì trong phẩm đó có nói sáu căn bình đẳng với sáu mươi sáu pháp nên gọi là Lục Lục phẩm, dụ cho giải thích rộng, cho nên chỉ

cho phẩm đó.

Giới thứ hai chia làm hai ý:

1. Giải

2. Kết khuyến chỉ rộng câu văn ban đầu từ mười giới.

11.Giới Sứ Mạng Của Nước.

Đưa thư qua lại gọi là "thông quốc sứ mạng", Mạng" tức là sứ. Lệnh của người cấp trên gọi là "sứ". Bồ-tát lẽ ra phải thanh tịnh các duyên, tinh tấn tu nghiệp lành và khéo hòa giải tranh chấp, dùng từ bi cứu giúp làm bản hoài. Nay lại đưa tin khắp nơi làm sứ mạng giao chiến. Trở thành tà mạng, trái với đạo nghi, nên Phật đặt ra giới này. Kết tội phạm đủ bốn duyên:

1. Vận động hai nước-

2. Lợi dưỡng.

3. Truyền lời nói giữa bên này, bên kia.

4. Hai nước giao chiến thì phạm.

- Văn chia làm hai:

Nêu người bày lỗi, "Hưng Sư" là Thướng sư

"Mà Bồ-tát" v.v..... trở xuống là nêu sự so sánh để kết phạm. "Quốc tặc" là hội hợp giết nhau, nghĩa đó như giặc.

12.Giới Mua Bán làm Thương tổn lòng từ.

Bồ-tát nuôi thân lẽ ra phải đúng pháp, không trái với lòng từ bi cứu giúp. Nay mua bán người, súc vật, đổi chác ngoài chợ, quan tài, với lấy sự chê bai của thế gian. Rất trái đạo trông mong, cho Phật đặt ra giới này, kết tội phạm đủ bốn duyên:

1. Vật phi pháp

2. Biết là vật phi pháp.

3. Trao đổi, mua bán.

4. Việc thành thì phạm.

- Trong văn chia làm hai:

1. Nêu tên hiển lỗi.

2. Nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu nói: Người lành và tôi tớ là hai loại khác nhau. Người khác qua lại trao đổi mua bán. Hoặc cướp thuộc về giới trộm cắp. "Lục súc" là: Trâu, ngựa, heo, dê, gà, chó. Và y cứ theo người nuôi chúng trong nhà mà nói: " Nếu cố" trở xuống, v.v.... là kết phạm như văn.

13. Giới dùng Tội nặng vô căn cứ để Hủy Báng Người:

Không thấy, nghe, nghi là vô căn cứ. Dùng tội nặng vu khống thêm gọi là Báng. Bồ-tát vận tâm khen ngợi lẫn nhau. Khiến đức tốt của pháp môn rạng rỡ. Nay lại vu báng làm nhơ nhuốc bậc hiền thiện, vời lấy sự chê bai. Cảnh phiền não chẳng phải nhẹ nên Phật đặt ra giới nầy, kết tội phạm đủ tám duyên:

1) Người đối diện không có việc phạm.
2) Biết không phạm.
3) Không thấy, nghe, nghi.
4) Biết không thấy nghe nghi.
5) Khởi tâm ác.
6) Tâm vu báng tội nặng.
7) Có đối cảnh.
8) Nói rõ ràng thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu tên bày lỗi.
2. Giáo khởi đối trị.
3. Nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu nói Tâm ác là ganh ghét người hiền, không làm lợi ích gọi là ác. " Lương nhân": tướng bên ngoài không ác gọi là Lương, trong tâm điều nhu là Thiện. Pháp giới, Định, tuệ của Đại thừa tự làm phép tắc và làm phép tắc cho người. Thọ trì đọc tụng, giải thích viết chép đều gọi là Pháp sư. Từng được dạy bảo. Ba tôn bảy chứng y chỉ thượng kinh đều thuộc về sư tăng. Đời Mạt, Phật pháp phó chúc cho vua chúa, Đại Thần, quan lớn, hàng người cao quý. Ân ngoại hộ phải vác trên đảnh, hạnh nguyện giúp nhau và lỗi lầm không quên, đâu cho nói lời chê bai. Kế là đối với cha mẹ dạy cách đối trị, hiếu thuận với người trên, từ bi với kẻ dưới. Đã lãnh thọ giới của Phật đối với sư tăng, giống như sáu thân nên nói là cha mẹ, nghĩa là Hòa-thượng đồng như cha mẹ, A-Xà-lê như chú bác, anh em.

Mà trái lại, v.v.... trở xuống là nêu lỗi kết phạm, rơi vào chỗ bất như ý, là tên khác của địa ngục, nói lời chê bai người khác khiến ý tốn giảm, gọi là Bất như ý. Đây tức là Nhân. Ngay trong quả báo ba đường tự không như ý tức là quả.

14) Giới châm lửa thiêu đốt.

Tánh lửa thiêu đốt tổn hại chúng sinh chẳng phải nhẹ. Đã là phi thời thì đâu cho nên đốt, cho nên kết phạm, có năm duyên:

1. Núi rừng.
2. Biết là núi rừng.
3. Khởi tâm tội ác.
4. Chẳng phải lúc khai.
5. Nếu đốt thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu tên, nêu lỗi.
2. "Không được": chánh ngăn dứt ác.
3. " Nếu cố thiêu đốt": trái với chế kết phạm.

- Văn chia làm hai:

Câu đầu" là vật không chủ", "tâm ác" là báo thù ganh ghét ruộng vườn săn bắn v.v.... vì hộ sinh mạng hữu tình vô tình lúc đó đông đúc cho nên đặt ra. Kế là nếu thiêu v.v... trở xuống là nêu vật có chủ, y cứ vào hao tốn tiền của, bất luận thời tiết.

Câu (2),(3) như văn.

15. Giới hóa pháp trái tông:

Trao cho người khuôn phép gọi là hóa pháp, trái với sở học gốc gọi là trái tông. Đại sĩ có nguyện rộng phải trao Đại thừa giúp chúng sinh về nguồn. Tam bảo không khen ngợi, nay lại dạy Tà tiểu. Nhận chìm người đối diện, tội lỗi không nhẹ, cho nên Phật cấm. Ngài Tịnh Danh nói:" Dùng tâm Đại bi khen ngợi Đại thừa, nghỉ báo ân Phật, khiến Tam bảo không dứt, sau đó nói pháp. Kết tội phạm đủ bốn duyên:

1) Đối với duyên trước
2) Khởi tâm ác
3) Dạy pháp tà tiểu
4) Người đối diện hiểu được hiền phạm.

- Văn chia làm hai:

Nêu tên, bày việc đặt ra giáo pháp

"Mà Bồ-tát" trở xuống, v.v... là nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu "Tự" là từ. Ban đầu từ đệ tử Phật, cuối cùng đến tất cả, khiến phát tâm Bồ-đề là chung cho cả người mới phát tâm. Kế là nêu ba giai vị, sơ lược mười địa v.v.... và nên khiến cho biết, nên nói "nhất nhất" v.v.... Văn rất dễ hiểu.

16. Giới không được nói pháp rối lọan

Nhận pháp cầu tiền của nên nói là "quy lợi", trước sau không thứ lớp tự gọi là "đảo thuyết", quên thân cứu chúng sinh là bản hoài của

Bồ-tát, thuận theo giáo pháp để giảng nói không trái với thánh chỉ, nay vì tiền của mà nói đảo lộn chân thừa. Kiêu căng nói dối là Phật dạy, tự vời lấy tội còn vùi lấp người khác, nên Phật đặt ra giới này, kết phạm tội đủ bốn duyên:

1. Có người cầu pháp
2. Tự hiểu đại pháp
3. Vì lợi dưỡng
4. Rối lọan chánh pháp thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu tên, phải học
2. Thấy sau, v.v.. trở xuống là dạy dùng hóa phương

“Mà Bồ-tát” v.v... trở xuống là nêu lỗi kết phạm

Câu đầu nói tâm tốt là duyên lý phát tâm, tự tha đều giúp, gọi là tâm tốt. Trước chế Bồ-tát tập học luật nghi nên nói Đại thừa. Kế dạy khắp chúng sinh nên gọi là mở rộng nghĩa vị. Tông chỉ được giảng giải là nghĩa, nghĩa lý thích hợp tinh thần gọi là “vị”. Kế là dạy dùng hóa pháp. Trước hết nói nghĩa khổ hạnh khiến họ trọng pháp khinh thân. Chẳng phải nói xả thân mạng, thiêu thân, đốt ngón tay. Nếu xả thân thì pháp nói cho ai, kế là sau đó trở xuống là dạy họ nghi thức nói pháp. Nói thứ lớp là Viên thừa giai vị, hành giải rõ ràng. Khác với người tối tăm, nói không tu chứng, mê chân đế, tục đế, ba phép học mất nghi, phạm nói không phạm, không phạm nói phạm, lấy không làm có, hiện có nói không. Thuận vật trái thánh ý, cẩu thả chẳng có thứ lớp. Chẳng thứ lớp gọi là Đảo, nên kết phạm, nói hủy báng Tam bảo” là nói Tam Bảo luống suông, đều là nhân đây mà chê bai, há chẳng phải là lỗi hay sao?

17. Giới Ỷ thế cầu tài:

Dựa vào uy quyền của quan chức, gọi là cậy thế, đòi hỏi lấy vật gọi là cầu tài.

Bồ-tát lẽ ra phải cứu giúp chúng sinh không tiếc rẽ thân mạng. Nay lại dựa vào người khác để xin tài vật. Bức não người đối diện, không màng có nên làm hay không, thế nên Phật đặt ra giới này. Kết tội phạm đủ sáu duyên:

1. Tự vì danh lợi
2. Gần gũi vua, v.v....
3. Bức não cầu tài
4. Người đối diện gượng cho

5. Lãnh thọ thì phạm.

- Văn chia có hai nghĩa:

1.Nêu tên nêu lỗi.

2. Đều không, v.v... trở xuống là nêu lỗi kết phạm

Câu đầu nói “Tự vị v.v....” là cầu danh lợi cho mình.”Ác cầu” là tà mạng tự nuôi sống đều. Không thỏa mãn nên gọi là “hay mong cầu”.

Kế là nói “không có từ tâm” là đối với cảnh sinh não gọi là không có từ tâm. Không theo lời Phật dạy, ít muốn biết đủ gọi là không “hiếu thuận”.

18. Giới không hiểu biết mà làm thầy:

Không hiểu biết gọi là “Vô tri”. Dối xưng là khuôn phép của chúng sinh nên gọi là Sư. Bồ-tát lẽ ra phải giấu tên che đức, nhân. Nay lại không học, không biết, dối trá làm sư phạm, tự bị lụy mà còn làm lụy người, nên Phật đặt ra giới này. Kết tội phạm đủ bốn duyên:

1. Tánh chẳng phải ám độn
2. Cố ý không học tập
3. Ẩn ngu dối là trí
4. Tự làm thầy người khác thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu tên, khuyên học
2. “Mà Bồ-tát” v.v.... trở xuống là thị hiện lỗi quấy.
3. “Nhất nhất”.v..v.... trở xuống là nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu chế chung cho ba việc học, nên nói mười hai bộ kinh. Kế là ngày đêm trở xuốn, v.v..... Biệt chế tụng giới. Mười hai bộ kinh, tên mới là mười hai phần giáo, nghĩa là Đại, Tiểu giáo đều có chia ra khai quyền hiển thật, đủ mười hai phần.

Tu-đa-la, Hán dịch là Pháp bản, tức là văn xuôi.

Già-đà, Hán dịch là Trùng tụng, tức kệ Cô khởi. Như đạt sâu tướng tội phước.

Bản sự: Âm Phạm là Y-đế-mục-đa-già, là nói việc nhân duyên của các Bồ-tát.

Bản sinh: âm Phạm là Đà-xà-già, Đức Phật tự nói nhân duyên đời trước của Ngài.

Vị Tăng hữu: âm Phạm là A phù đà đạt ma, tức Phật hiện thần thông biến hóa, khiến chúng sinh kinh hãi, mà có tên này.

Nhân duyên: âm Phạm là Ni-đà-na., cho việc mà đặt ra giới, do có người hỏi Phật mới nói

Thí dụ: âm Phạm là A-bà-đà-na.

Kỳ-dạ: Hán dịch là Trùng tụng, tụng lại văn xuôi.

Ưu-Ba-Đề-Xá, Hán dịch là Luận nghị. Hỏi, đáp qua lại.

Phương Quảng, âm Phạm là Tỳ-Phật-lược, là lý rộng khắp bình đẳng.

Vô vấn tự thuyết: âm Phạm là Ưu-đà-na.

Thọ ký: Phạn âm là Hòa-già-la-na.

Nên biết giới này kết Kinh Hoa Nghiêm gồm đủ mười hai thể loại này, suy nghĩ rất dễ biết. Tánh của Phật tánh, giải lý tức Phật tánh, Phật tánh là tánh của chúng ta.

Nguồn gốc của giới nên nêu riêng mà thôi, kế là "kệ văn ngôn": Như trước đã lược thích. "Nhân duyên" như mười giới trọng, mỗi giới đều có nhân duyên. Nêu lỗi kết phạm như văn.

19. Giới chia rẽ người hiền thiện.

Bẩm tánh nhu hòa gọi là "Hiền thiện", chia rẽ người này và người kia gọi là ly gián. Khéo hòa giải sự tranh chấp, mới thích hợp với Bồ-tát. Nay lại chia rẽ, lừa dối, chê bai, bỏ phế chánh tu nên Phật đặt ra giới này. Kết tội phạm đủ bốn duyên:

1. Hiền thiện
2. Khởi tâm nói hai lưỡi chia rẽ.
3. Truyền nói qua lại
4. Người đối diện nghe hiểu.

Tỳ-kheo dịch là Khất sĩ, phá phiền não, bố ma.

20. Giới không phóng sinh.

Đủ bốn duyên thành phạm:

1. Thấy sát sinh
2. Không có từ tâm
3. Có tử vong nguy nạn.
4. Có Pháp sư đúng pháp mà không thỉnh giải thích thì phạm.

- Văn chia làm hai:

1. Nêu danh bày việc
2. Nếu không, v.v...... trở xuống chỉ tác kết phạm.

- Câu đầu chia làm hai nghĩa:

1. Từ bi cứu giúp chẳng phải người thân
2. Nếu cha mẹ v.v..... trở xuống là nói về từ bi cứu vớt sáu thân.

Câu đầu: "tất cả đất nước, v.v..Nghĩa là thân chúng sinh đều lãnh thọ bốn đại. Quá khứ, hiện tại tuy khác nhau, nhưng sự lãnh thọ thì

giống nhau. Cho nên, giết bốn đại của kẻ đó, tức là giết thân cũ của ta trong quá khứ.

Hai câu còn lại như văn. Kế là "Như vậy, v.v... trở xuống là" Kết khuyên chỉ rộng, như văn.

- Ba mươi chia làm hai:

1. Giải thích

2. Kết khuyên chỉ rộng.

Như văn tự có mười.

21. Giới không có từ bi báo thù.

Hành trái với vui gọi là không có tâm từ bi. Cố tâm phục oán, gọi là báo thù. Bồ-tát lẽ ra phải oán thân bình đẳng, thường có tâm nhẫn nhục không bỏ lòng từ bi. Nay lại phục thù tỏ ra đắm chìm trong biển khổ, nhiều kiếp oán thù, làm sao gọi là người xuất gia nhập đạo, nên Phật đặt ra giới này, kết thành phạm tội đủ bốn duyên:

1. Là đối tượng óan thù.

2. Khởi tâm tức giận.

3. Khởi phương tiện

4. Trả thù xong thì phạm.

- Nêu văn chia thành ba:

1. Nêu tên nêu lỗi để cấu ngăn.

2. Còn không v.v.... trở xuống là nêu khinh so sánh với trọng.

3. Mà xuất gia v.v... trở xuống là nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu nói: "Sát sinh để báo sinh", giết mạng để sống lâu là trái hẳn với tông chỉ của Phật giáo. Không do... đâu oán dứt, cho nên nói không thuận hiếu đạo. Kế là nói "Còn không thể" là xuất gia Phật cấm không được nuôi súc vật. Tại gia khai cho nuôi, không được vô lý đánh đập chúng. Huống chi cố ý, v.v.... là đang tình huống phục thù. Tất cả nam nữ là cha mẹ ta, là thân cũ của ta. Nay giết hại báo thù nhau nghĩa ở "Tích" cho nên nói chung là bảy, ngoài trọng thêm một tội khinh.

Kết trong phạm có "bản" không có chữ xuất gia, Thiên cung nói:" Theo Phạm Võng Đại bản thì phải có. Hễ phát Đại tâm lãnh thọ giới Bồ-tát đều gọi là Bồ-tát xuất gia. Nên ngài Tịnh Danh nói: "Xuất gia là pháp vô vi v.v....

22. Giới khinh mạn pháp sư:

Dạy bảo giáo dục, gọi là "Pháp sư", không cung kính gọi là "khinh mạn", Bồ-tát lẽ ra phải khinh thân trọng pháp, Tuyết Sơn theo quỷ

xin nghe pháp, Thiên-đế bái súc sinh làm thầy. Kiêu mạn như núi cao, nước mưa không dừng, sớm sẽ thành sông, muôn dòng đổ về biển. Nay bỏ quán sự tri của mình, sẽ mất đi hạt giống lợi ích lớn của Đại pháp, cho nên Phật đặt ra giới này. Kết thành tội phạm đủ bốn duyên:

1. Mới tân học, không hiểu biết.
2. Người kia thấp hèn nhưng có đức.
3. Tự ỷ sinh kiêu mạn.
4. Không đến thưa hỏi thì phạm tội.

Giới trước nói hiện giảng không nghe, giới này cấm không thưa hỏi rộng, văn chia làm ba:

1. Nêu tên bày tội.
2. Câu Pháp sư ấy, v.v..... trở xuống là chỉ ra cảnh kiêu mạn.
3. Câu "Mà mới học v.v.... trở xuống là" nêu lổi kết phạm.

Câu đầu nói: Người có trí v.v.... hiểu biết thế pháp. Không còn xem văn nữa nên nói thông minh. Từng có chức nhậm mà nói "cao quý". Hiện đời thuộc gia tộc của bậc Thánh nên nói là Đại tánh. Thông đạt kinh sử gọi là Đại giải. Vời lấy tiền của, thức ăn của thế gian gọi là "Đại phước". "Nhiêu tài" là giải thích nghĩa Đại phước. Do đây, v.v.... trở xuống là kết chung ý kiêu mạn để dẫn dụng. Dùng sự thông minh này cho đến Đại phước mà sinh kiêu mạn.

Văn rất dễ thấy.

1.Trong phần kết phạm nói "Đệ Nhất Nghĩa Đế" là lý viên thường làm gốc của giáo hạnh, nên nêu riêng, giáo hạnh không chỗ nương chẳng phải là vị thầy tốt.

23 Giới khinh người, không truyền kinh.

Bồ-tát lẽ ra phải khiêm tốn nhiếp chúng sinh, không ngại nhọc nhằn. Nay ỷ mình học nhiều, quen biết người quyền thế mà khinh thường người đến cầu học.

Kết thành tội phạm đủ bốn duyên:

1. Tự xưng Đại thừa
2. Người mới học thưa hỏi
3. Ỷ thế khinh mạn
4. Không chịu trả lời liền phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nói về người cầu pháp.
2. "Nếu Pháp sư"...v.v... trở xuống là nói về việc tự ỷ mình.
3. Mà người học v.v... trở xuống là nêu lỗi kết phạm.

Trong văn đầu nói về thời tiết nên nói “Sau Phật diệt độ” phát tâm tu đủ ba nhóm, bốn thệ nguyện rộng lớn, cho nên nói được. Câu “ Nói đối với các .....” là nói lên thắng cảnh của nó. Nên kinh nói: “Thắng tượng như Phật thật được phước cũng giống như vậy. Trước tượng Phật tự chế thời kỳ cần thiết lãnh nạp giới phẩm gọi là tự thệ. “Tướng tốt” như nói dưới đây, “Thì được thọ giới” là được tướng tốt rồi thì tự thọ ba quy y, tự nói sám hối, tự thọ mười giới, tự làm yết-ma. Nhưng xuất tự miệng khác với thầy. Câu “Nếu hiện tiền...” từ tầhy mà có giới nên không cần tướng tốt. Hai câu còn lại như văn.

24. Giới bỏ sách chân học sách ngụy:

Bồ-tát lẽ ra phải y theo liễu nghĩa xả bỏ gạch ngói Tiểu thừa Phàm phu mà chọn lấy châu báu như ý. Nay lại bỏ chân, học ngụy làm chướng đạo, nên Phật đặt ra giới này, kết thành tội phạm đủ bốn duyên:

1. Có Đại thừa

2. Không tu học

3. Học tập tà tiểu thì phạm.

- Nên chia làm ba:

(1). Nêu tên chung, đưa ra pháp không học tập.

(2). Mà bỏ, v.v.... trở xuống là nêu thí dụ để làm rỏ việc bỏ chánh học tà.

(3). “Đoạn nầy”, v.v.... trở xuống là nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu nói “chánh kiến đẳng”, “chánh kiến” là trí nhận biết, “Chánh tánh” là cảnh sở duyên, “ Chánh pháp thân” là cảnh và trí không hai. Ứng vật hiện hình, đều là chánh pháp. Nên kinh nói rằng: nay thân này của ta tức là pháp thân. Tông cựa mà Đại thừa giải thích là ở đây. Từ nhân đến quả không ngoài ba thân. Cho nên nêu không học khuyên khiến tu tập, hai là vô tác đạo phẩm bảy khoa pháp môn dụ cho bảy báu. Từ đây ngoài Viên thật đạo ra còn lại đều gọi là tà kiến. Do không có tự thể phương tiện. Cho nên kết tội Phạm. Đạt đến quyền thì thuận với Phật hóa nghi cả bốn duyên thích hợp với thời chánh trợ hợp thành, lý Tà chánh là một thì chẳng phải giới hạn của tội phạm. Nên kinh nói:” Dùng phương tiện độ sinh là sợ hiểu biết của Bồ-tát”.

3. Trong kết phạm là nói cắt đứt Phật tánh. Lý tánh thể cùng khắp Thiên, Viên. Từ tâm ngăn cách dễ bỏ Đại thừa, Tiểu thừa. Hành ba nhân tánh mà không hiện hành cho nên đoạn. Tánh đức thiên nhiên thường trụ bất biến làm sao cắt đứt được.Nay từ tu mà được nên kết không phạm.

25. Giới không khéo hòa chúng:

Chế ngự pháp lữ hành tàng gọi là "Hòa chúng". Thống lãnh mà trái với giới thì gọi là "Bất thiện". Đã là chúng sinh thì phải hợp với nghi quỷ giữ gìn của cải, khéo điều hòa sự tranh tụng. Nay lại xúi giục trái với phi pháp, trái với tăng đồ. Cho nên Phật chế giới này. Kết thành tội đủ ba duyên:

1. Đứng đầu chúng
2. Không có tâm từ hộ.
3. Khiến chúng bất hòa và tổn hại vật của Tam bảo thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu ra chúng chủ.
2. Nên sinh v.v..... trở xuống là chế khiến y pháp.
3. Nhưng trái lại trở xuống là trái chế, kết phạm.

Ban đầu đưa ra thời tiết, tức sau khi Như lai diệt độ, Di pháp trụ trì phải nhờ chúng chủ nên riêng nêu.

Người truyền giáo nghĩa là nói Pháp Chủ.

Người chủ trì nghĩa là hành Pháp chủ.

Cương duy xứ chúng nghĩa là chủ Tăng phường.

Dẫn đạo nội ngoại sửa sang chùa tháp gọi là "chủ giáo hóa".

Truyền thọ thiền yếu gọi là "chủ Tọa thiền"

Lãnh chúng điều lành khắp nơi gọi là "hành chủ"

Kế văn có hai ý:

- Chế khiến hòa chúng.
- Chế giữ tài vật.

Kết trong phạm, do không pháp dạy chúng khiến mình và người không dùng mà dùng thì gọi là vô độ. Từ không có tâm trộm cắp chỉ kết tội nhẹ. Nếu nó đã nhuần rồi nhưng Tam bảo hỗn hợp cũng đồng với Thanh văn dùng lẫn lộn mắc tội nặng.

26. Giới không tiếp đãi khách Tăng, trái với phéo tắc:

Hễ là khách tăng, ở phương ngoại thì y bát họ tự mang theo mình. Là chủ pháp giới thì có cách tiếp đãi, mới biết được sự thiếu thốn mà cung cấp cho họ. Nay mới biết vượt quá Tăng pháp lợi không chia đều. Nghĩa đồng với sự trái hẳn. Thứ lớp mười phương Tăng luống lập. Tổn tài mất pháp cho nên Phật đặt ra giới này. Thành tội có đủ bốn duyên:

1. Trước ở trong phòng.
2. Có Bồ-tát tăng xuất gia
3. Biết đúng.

4. Không cung cấp chỉ thọ lợi dưỡng riêng thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu chỗ người đồng loại.

2. Ở trước v.v.... trở xuống là chế khiến cung cấp, theo thứ lớp sai thỉnh.

3. Mà ở trước v.v.... trở xuống là nêu lỗi quấy kết phạm.

Câu đầu có năm chỗ.

Tăng phường là nơi của Bồ-tát xuất gia cư trú, cũng là nhà thế tục có chỗ tăng ở.

Làng xá thành ấp, tức là nơi Bồ-tát tại gia cư trú.

" Nhà Quốc Vương" tức là nhà cửa của vua

"Cho đến" nghĩa là rất thường ở một hạ đồng trụ, trụ xứ nhiều không thể kể hết, nên nói "cho đến"

Trong đại hội nghĩa là lập ra hội xứ, thấy Bồ-tát đến sau đều phải tiếp đãi.

Kế là trong văn mới đặt ra việc đón tiếp, cung cấp:

Tất cả mọi việc dều phải cung cấp.

Nếu không có tài vật thì phải cắt thịt bản thân, nghĩa là bán thân mới đủ sức cung cấp, chung cho cả hai chúng xuất gia và tại gia. Nam nữ bán thân phần nhiều hạn cục tại gia, nếu có v.v.... là chế đồng lợi dưỡng, nên nói có phần lợi dưỡng.

Kết trong tội phạm, bất nhân cho nên dụ như súc sinh, chẳng phải đồ chúng cầu chứng quả thánh nên nói rằng phi Sa-môn. Sa-môn, Tăng môn là hiệu chung của người xuất gia ở Trung Quốc.

Bốn họ xuất gia đều gọi là Thích chủng. Trái với pháp thức Thích môn không thâu nên nói chẳng phải dùng họ Thích.

27. Giới thọ thỉnh riêng:

Phật tánh bình đẳng, tăng quý ở chỗ hòa đồng. Tài lợi như sữa hòa với nước. Nay biệt thọ thỉnh khiến của thí ra không đồng đều tự mắc lỗi xâm phạm cướp đoạt. Thí chủ mất phước bình đẳng. Cả hai đều tổn hại nên Phật đặt ra giới nầy. "Kinh Ưng Cúng hành" nói:" Thọ thỉnh riêng" chắc chắn mất bốn quả, bảy kiếp không thấy Phật. Năm trăm đại quỷ đứng án trước người đó, năm trăm đại quỷ theo sau người đó.Vì trong tăng bảo có Phật hóa thành thất hiền tăng, phàm phu tăng, muốn cho thí chủ bốn phương được phước như thế, nên Phật chế không được Thọ thỉnh riêng. Kết thành tội phạm đủ bốn duyên:

1. Thân ở trong chúng

2. Thí chủ thỉnh riêng.

3. Thọ

4. Lấy vật thì phạm.

- Văn chia làm hai:

1. Ý nói không bằng lòng.

2. "Tự mình dùng" là nêu lỗi kết phạm.

Câu đầu thuộc mười phương hiện tiền tăng, câu "tám ruộng phước" là bậc Thánh tức bốn quả và các sư được xếp vào Tăng bảo. Tăng tuy một nghĩa trong tám ruộng phước nhưng bao gồm nhiều hạng người. Phật cũng thị hiện trong tăng nên nói Chư Phật Tăng. Tức cha mẹ, Tăng, người bệnh trong mười phương đều có phần vật. Không ra khỏi pháp và luôn cả ba ruộng phước. Nghĩa là Tăng mười phương không thiếu, nhưng chung cả năm phước điền nên nói Tám ruộng phước cho đến cha mẹ, người bệnh. Kế là "Kết phạm" là nhiều người trong mười phương, nếu không có tâm trộm thì phải phạm tội nhẹ mà thôi.

28. Giới không được thỉnh tăng riêng:

Hễ muốn được nhiều phước thì phải thỉnh tăng ruộng phước để cầu nguyện, tình không quanh co thì cúng thí mới bình đẳng. Nay thỉnh riêng mình, lựa bỏ người khác, không có tâm chung thì thiếu pháp cúng. Bởi vì quanh co thì cả hai bên đều vời lấy họa, cho nên Phật đặt ra giới này. Kết thành tội phạm đủ sáu duyên:

1. Tự là thí chủ.

2. Lập ra chúng hội.

3. Có tăng chúng

4. Cố thỉnh riêng.

5. Hành thân

6. Lấy vật thì phạm.

Nếu ngoài thứ lớp tăng và bị sức người bắt buộc phải thỉnh riêng thì không phạm. Nên văn chia thành ba nghĩa:

1. Sắp xếp người thỉnh Tăng nên cầu chỉ dẫn

2. Tri sự v.v.... trở xuống là nói về thỉnh pháp

3. Nếu riêng v.v.... trở xuống là trái với quy chế, kết phạm.

Câu 1. Nêu ba thứ phạm này để hạn cuộc hai chúng.

Tất cả Đàn việt không thọ giới, người nghe theo lời dạy được phước. Trái phạm phép tắc không phạm tội.

Câu 2:"Thì được Hiền Thánh Tăng mười phương" tâm thông tất cả lý, một nhiếp tất cả. Câu" "nhưng người đời v.v..." nên kinh Ưu-

Bà-tắc Giới nói:” Lộc Tử Mẫu thỉnh năm trăm vị La-hán. Lộc Tử nhờ A-nan dâng thức ăn cho Phật. Phật hỏi A-nan: Lộc Tử Tăng có thứ lớp thỉnh một vị không? A-nan thưa: “Người ngu si thỉnh năm trăm La Hán, không bằng Phật thứ lớp thỉnh một vị”

3. Kết phạm nói là pháp ngoại đạo: ngoài Phật pháp gọi là “Pháp ngoại đạo”. Chẳng phải là ngoại đạo. Luật đứng về Thanh văn khai cho thọ thỉnh riêng. Nên biết bảy Đức Phật đều đứng về Bồ-tát, không có pháp thỉnh riêng. Bảy Đức Phật đều ở tại cõi này. Ứng hóa thị hiện “Tích”, sống lâu trong trăm kiếp các vị trời đều hội kiến, phần nhiều dẫn việc nầy để làm chứng. “Nếu muốn người tin” thì có bằng cứ. Nghĩa là quá khứ kiếp thứ chín mươi, ban đầu có một Đức Phật hiệu là Tỳ-Bà-thi, cũng gọi là Duy-vệ. Khoãng giữa các kiếp không có Phật, đến kiếp thứ ba mươi mốt có hai Đức Phật ra đời:1/. Thi-khí, cũng gọi là Thức-khí. 2/. Tỳ-xá phù, cũng gọi là Tùy-Diệp. Đây là kiếp Hiền thứ chín mươi mốt có ngàn Đức Phật ra đời, bốn Đức Phật đã qua là:

1. Câu-Lưu-tôn
2. Câu-na-hàm-mâu-ni
3. Ca-diếp
4. Thích-ca

29. Giới tự nuôi sống bằng tà mạng:

Tà pháp để nuôi mạng sống gọi là “tà mạng”, có bốn thứ:

1). “Phương tà” là đi sứ thông tin cho hai nước.
2). “Duy tà” là thuốc thang, xem tướng
3). “Ngưỡng ta”: là coi sao.
4).”Hạ tà ”nghĩa là gieo trồng các thứ ngũ cốc.

Bồ-tát lẽ ra phải từ tâm thương vật. Các thứ phước còn vất bỏ, sao lại vì lợi mà tìm kiếm bất chánh, luôn cả các nghề ác không trong sạch để nuôi sống, không có lòng từ làm tổn hại chúng sinh. Dưới tín tâm, trên trái với thánh chỉ, cho nên Phật đặt ra giới này, kết thành tội phạm đủ ba duyên:

1. Lợi dưỡng.
2. Học tập kỹ thuật tội ác.
3. Làm việc xong thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu tâm tà mạng
2. Lại buôn bán, v.v... trở xuống là xếp vào việc tà mạng
3. Đều không, v.v.... trở xuống là nêu lỗi kết phạm.

Ban đầu như văn, kế là xếp vào phương pháp tà mạng, ngồi ở quán xá chợ búa mê hoặc người gọi là mua bán nam nữ, cũng có bán nam sắc và nữ sắc. Tự tay làm thức ăn, ác xúc phi pháp. Tự xay giả hư hoại sự sống gồm cả ác xúc. Ở đây, v.v.... trở xuống là Tà tuỳ theo loại thanh tịnh thì tự tay tránh khỏi chê bai. Xem tướng phán đoán tài lộc được mất của nam nữ, bỏ chánh về tà cầu quan hộ chức, hoặc tự nhiễm tập tổn hoại đạo nghiệp, hoặc làm người đoán mộng nói lành nói dữ, khiến người đó cầu thần nguyện quỷ, hoặc xem thai là trai hay gái. “Chú” nghĩa là chú trớ tã đạo, vì lợi mà tổn vật, tàn sát sinh mạng. “Thuật” tức là tà thuật phù thư ếm, cấm đoán thắng duyên, hoặc làm xáo động người đạo kẻ tục đều xếp vào Duy tà và ngưỡng tà, thuật thông tinh tường. Nói “Công xảo” thư họa điêu khắc thạch cao, tre gỗ, duyên việc trở ngại đạo. “Điều thuận” đề nghị làm ruộng, đi săn. Hoà hợp trăm thứ thuốc độc, tổn mạng hại vật gọi chung là độc. Rắn độc lấy độc của rắn làm tổn hại sinh mạng chúng sinh. Độc sinh kim ngân là tên thuốc. Độc sinh kim ngân là “Độc sâu cổ”, là những thuốc độc khác nhau đều làm tổn hại mạng sinh vật, cũng xếp vào loại Tà.

Kết phạm như văn.

30. Giới làm mai mối:

Giữ giới như giữ gìn ngọc sáng, nay lại hủy báng nói “không”, làm mai cho nam nữ. Đến khiến cho sáu tháng ba năm làm việc sát đạo,chẳng phải trái pháp mạn thời nuôi lớn việc ác của mình và người cho nên Phật đặt ra giới này, kết thành tội phạm đủ bốn duyên:

1. Ác nói “không“.
2. Đưa tin cho cả nam nữ.
3. Thời gian sáu tháng ba năm
4. Mình và người đều làm việc sát sinh, trộm cắp thì phạm.

Tự hành thì kết cả hai tội:

Làm nhân vì người khác kết tội nhẹ, văn chia làm ba:

1. Nêu chung cảnh phạm.
2. Sáu ngày trai nhật v.v... trở xuống: chỉ thời gian phạm tội
3. “Sát sinh” trái với quy chế kết phạm.

Nói tâm ác là nói “không có Tam bảo”. Bên trong không có tín tâm chấp không làm việc ác, bài bác dưỡng sinh, nên nói là Dối hiện gần gũi.

Nói tướng xuất ở trong hữu, nên nói là người tại gia.

Văn Kinh nói:

Sáu ngày trai là: 8,14,15,23,29,30. Theo Luận Trí Độ:”

Hỏi: Vì sao trong sáu ngày trai đó lại đặt ra thọ tám giới? Đáp: vì đó là ngày không tốt, ác quỷ đoạt mạng. Vào kiếp sơ bậc Thánh khuyên nhau trì trai thọ giới tránh tám việc hung suy. “Kinh Tứ Thiên Vương” nói: trong sáu ngày này, sứ giả Thái Tử và bốn vị vua trời xuống xem xét nhân gian. Nếu người nào trì trai giới hiếu thuận với cha mẹ, thì các vị đó sẽ tâu lên trời Đế-Thích, lúc đó các vị trời vui vẻ, thêm lợi ích cho chúng trời. Giảm bớt Tu-la, quỷ thần đi xa khiến cho trụ xứ an ổn. Nếu không như thế thì các vị trời không vui. Câu “Giảm ít” các vị trời, Tu-la đông đúc, “Kinh Thiên Địa Bản Khởi” nói: “Kiếp sơ có một vị Phạm Tử lạ tu hạnh ngoại đạo, vào sáu ngày này, cắt thịt ra máu rồi bỏ vào lửa, qua mười hai năm bị Thiên Vương quở trách, ngoại đạo này nguyện sinh làm đứa con dữ. Lúc đó trong lửa có tám con quỷ xuất hiện thân hình đen nhánh, mắt đỏ rực sáng. Tất cả quỷ thần đều từ đây sinh ra.Do đó mà vào kiếp sơ bậc thánh chế giới trì trai trong sáu ngày nầy. “Kinh Thiện Sinh” nói:”Là ngày của ngoại đạo thờ cúng.”

Ba tháng trường trai trong năm là:

Tháng giêng: Là đầu tiên hiện sinh của chúng sinh.

Tháng năm: Là trong hưng thịnh.

Tháng chín: Là khởi đầu của sự cất giữ.

Tương truyền, Thiên đế chia tháng để phán xét bốn thiên hạ như: Tháng hai chiếu châu Thiệm-Bộ ở phía Nam, Tháng ba chiếu châu ngưu hóa ở phía Tây, Tháng tư chiếu châu Câu-lô ở phía Bắc, tháng năm chiếu Đông Thắng Thân ở phía Đông, rồi trở lại châu Thiệm-Bộ ở phía Nam, nhưng thuyết này không thấy nói trong kinh điển Phật giáo.

*) Kết phạm như văn. “Như vậy” là kết khuyên chỉ rộng, “Phẩm chế giới” nói trong Đại Bản có phẩm này. Kế nói hai hai chín là hai:

một/ chín lại chia làm hai:

1. Chánh giải thích

2. Kết khuyên chỉ rộng.

31. Giới không thực hành cứu chuộc:

Bồ-tát phát tâm từ bi cứu giúp chúng sinh là căn bản, huống chi thấy bậc tôn quý bị nguy ách mà tâm khinh thường bỏ qua. Trong thiếu tâm hiếu, ngoài trái với lòng từ xót thương, nên Phật đặt ra giới này, kết thành hạm có bốn duyên:

1. Thấy Tam bảo đang bị nguy ách

2. Sinh tưởng tri kiến

3. Không có lòng thương xót

4. Không cứu chuộc thì phạm.

- Văn chia làm ba:

Nêu tên y cứ vào thời, xếp vào việc nguy nạn. Nói cha mẹ là Chư Phật, Bồ-tát có khả năng sinh ra pháp thân, nên hình tượng kia tức là hình tượng cha mẹ.

Câu mà Bồ-tát v.v.... trở xuống chế tác thành trì.

Nếu không, v.v..... trở xuống là trái phạm quy chế đều như văn.

32. Giới tổn hại chúng sinh:

Bồ-tát cất chứa vật gì phải hợp với nghi quỹ, trong có nhân từ, ngoài không xâm hại. Nay lại chứa vật phi pháp bán cho người, mình và người tăng tội lỗi, nên Phật đặt ra giới này, phạm kết thành tội có đủ bốn duyên:

1. Vật phi pháp.

2. Cậy thế.

3. Tâm ác.

4. Cất chứa để mua bán thì phạm.

- Văn chia làm hai:

1. Nêu tên xếp vào việc không nên.

2. Nếu cố v.v... trở xuống là trái vi phạm quy chế kết phạm có sáu loại:

1. Mua bán dụng cụ sát sinh

2. Chứa cân non giạ thiếu.

3. Nhân thế lực lấy tài vật

4. Tâm sát hại bắt buộc người chứa

5. Phá hoại thành công.

6. Nuôi mèo chó.

Sáu vật này đều làm tổn hại nên Phật cho chứa dùng, của cải vào tay thuộc về giới trộm cắp ở trước, nay từ câu “không nên”... nên kết tội nhẹ, kết phạm như văn.

33. Giới xem nghe làm ác:

Bồ-tát lẽ ra phải ở nơi yên tĩnh, suy nghĩ giữ gìn kinh sách Phật. Nay trở lại xem nghe,thân phi pháp làm việc ác, trái pháp vời lấy chê bai, nên Phật đặt ra giới này. Kết tội phạm đủ ba duyên:

1. Có việc sở đối.

2. Tâm ác xem nghe

3. Thấy nghe thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu tâm năng phạm.

2. Quán tất cả, v.v...... trở xuống là nêu lỗi để ngăn cấm.

3. Nếu cố ý, v.v..... trở xuống là trái chế kết phạm.

Câu đầu "tâm ác" là không hòa giải vô minh gọi là tâm ác. Kế là văn có nhiều ý. Ở đầu "xem đấu", đấu nghĩa là đấu đả, chung cả thân, miệng. "Quân trận binh tướng tức vương là vua", là quân giặc cướp. "Đấu" là các quân giặc, hoặc tự làm, hoặc xúi giục người làm đều không được xem nên nói là "đẳng".

Không được xem nghe âm nhạc, nếu người khác làm cúng dường, thuận đời xem nghe không đắm nhiễm thì không phạm. "Bất đắc"... là chấm dứt chơi đùa. Đánh xu bồ, xổ vi kỳ (những hình thức cờ bạc) nên biết.

"Ba là" cờ tướng, diễn binh của Ấn độ. Hai người mỗi bên đều sai hai mươi con cờ tiện hình con voi bằng ngọc. Trung quốc cũng có bàn cờ, dùng nga voi tiện hình con cờ, hễ bên nào tranh được con đường quan trọng thì thắng.

"Đàn kỳ" dùng ngón tay búng con cờ văng ra xa là thắng.

"Lục bát" có sáu cặp.

"Phách cúc" là thảy cầu, đánh cầu, đá cầu cùng một nghĩa.

"Trịch thạch" có khi nói là ném đá, có khi gọi là quăng đá (rớt xuống dội lại)

"Đầu hồ" ném đồng tiền, gậy vào lỗ hổng là thẻ.

"Khiên đạo" gọi là vị trị. Hai bên mỗi bên có mười ba con, thắng thì kéo bên thua, gọi là khiên đạo.

"Bát đạo, hành thành": Dọc ngang có tám đường giao xen lẫn nhau, dùng con cờ đi trong các đường ấy như cách đi trên thành.

"Trảo cảnh" v.v...để dứt tà thuật của Ấn độ, thuốc dùng bôi lên móng tay, làm cho móng tay sáng rực lên như gương, trong đó hiện ra việc lành dữ.

" Độc lâu": ngoại đạo ở Ấn Độ gõ vào đầu lâu người chết để đoán biết nhân duyên sống chết. Trung quốc cũng có việc gõ vào sọ người mới chết, nghe thần nói vào tai việc lành dữ.

"Bốc phệ": "bốc" là mai rùa, "phệ" là cỏ thi. Hai vật dùng để coi bói. Những thứ này đều là tà thuật dối gạt mê hoặc lòng người, đời đời tập nhiễm vô ích cho mình và người, nên Phật đặt ra giới này.

"Tay sai cho kẻ cướp" là bị giặc sai làm việc trộm. Từ bên trợ duyên

nên kết thành tội nhẹ. Nếu vì nghiệp đạo lẽ ra phải xếp vào tội nặng.

3.Trái với quy chế kết phạm, như văn.

34. Giới nhớ nghĩ tiểu thừa:

Tâm Bồ-tát không xen dở bốn thệ nguyện rộng lớn, đúng saixen lẫn, đại đạo khó mong, nên Phật đặt ra giới này, kết thành phạm tội đủ ba duyên:

1). Không siêng năng giữ gìn Đại thừa

2). Duyên niệm Tiểu tông

3). Một niệm bỏ Đại thừa hướng về Tiểu Thừa thì phạm.

- Văn chia làm hai:

1. Nêu tên lập chế.

2. Từ câu "nếu khởi" là trái phạm quy chế, nên kết phạm tội.

Câu đầu "Hộ trì", " hộ là thủ hộ", trì là niệm trì. Trì có hai nghĩa:

Nhờ dứt ác nên giới thể đầy đủ, gọi là chỉ trì. Thuận theo giáo mà tu khiến ánh sáng giới trong sạch gọi là Tác trì.

Trì danh giới đều do giữ gìn mà thành.

Ba nghiệp đều vận dụng gọi là hộ trì giới cấm, cho nên y cứ vào bốn oai nghi để ràng buộc thân tâm. Sáu thời đọc tụng để cấm khẩu, mưa pháp bên ngoài giúp tâm duyên lý tánh. Vững chắc khó lay động nên dụ như cương cang. Đại thừa và Tiểu thừa đều giữ như phao nổi. "Kinh-Niết-bàn" nói rằng: Thí như có người muốn mang phao nổi qua biển, bấy giờ có một một con quỷ La-sát đến xin phao nổi, ban đầu xin nguyên cái phao, cho đến xin một chút xíu như hạt bụi cũng không cho, đây là dụ cho sự trì giới của Đại Thừa và Tiểu Thừa. Sinh tư phần đoạn và sinh tử Biến dịch rộng sâu ví như biển cả, chứng quả ba đức dụ như bờ bên kia. Giữ giới như phao nổi không thủng, thì mong sẽ đến bờ bên kia. Phá giới như châm vào phao một lỗ, nước ái kiến dần nhập vào thân tâm, nhân từ nhỏ đến lớn. Sáu đường luân hồi, tan mất tuệ mạng, gọi là chìm xuống biển mà chết. Như Tỳ-kheo bị buộc bằng dây cỏ nói rõ nghĩa trên.Vì giữ giới khinh mất mạng chứ không hủy phạm. Luận Trang nghiêm nói giặc trộm vật của vua, gặp Tỳ-kheo sợ lộ việc này, mới nghĩ rằng:"Ta nghe nói Tỳ-kheo không làm hư hại một cọng cỏ sống, nên dùng cỏ trói vị Tỳ-kheo này lại rồi kéo bỏ bên đường. Lúc đó, vua đi săn qua đó thấy vậy bèn nói kệ hỏi:

Ta thấy Tỳ-kheo này,
Mập mạp có sức khỏe
Vậy vì lý do gì,

Cột cỏ không cựa động?
Tỳ-kheo này đáp:
Ta xem cọng cỏ này
Cỏ này rất mỏng manh
Nếu như ta cựa động
Trái với Như lai

Vua liền đến cởi trói cho Tỳ-kheo, rồi phát nguyện hộ pháp. "Niệm niệm bất khử tâm" là xả, tâm tâm nối nhau không rời một sát na. Duyên nhất thể Tam bảo, phát bốn thệ nguyện, rộng lớn nên nói thường sinh v.v.... Kế trong phần kết phạm nói "ngoại đạo", nhị thừa tức ngoại đạo. Ngoài Viên đạo nên gọi là Ngoại đạo.

35. Không phát mười nguyện:

Bồ-tát phát nguyện khiến tâm không lui nẹt, hành có chỉ quy. Nên không phát nguyện, Phật chế giới này, kết tội phạmđủ hai duyên:

Không phát nguyện

Phát mà quên mất thì phạm.

Văn chia làm ba:

Nêu chung con số nhiều gọi là "tất cả"

Kế là "Hiếu thuận" v.v... trở xuống là nêu riêng mười loại nếu tất cả trở xuống là trái với quy chế.

Kết phạm như văn.

Hiếu thuận cha mẹ,

Hiếu thuận sư tăng

Nguyện được thầy bạn tốt.

Nguyện thường dạy ta Đại Thừa

Nguyện thường dạy ta Thập trụ.

Nguyện thường dạy ta Thập hạnh

Nguyện thường dạy ta Thập hồi hướng.

Nguyện thường dạy ta Thập địa.

Nguyện thường khai mở cho ta pháp tu hành.

Nguyện giữ vững giới Phật.

Giữ vững giới Phật thôngcả đầu cuối, nên biết nhân quả mười nguyện đầy đủ. Diệu giác rất mong tu chứng rốt ráo, cho nên lược không nêu, đã đầy đủ tự hành nhân quả, tự lợi lợi tha tức giáo hóa nhân đầy đủ năng sở. Khai mở tu hành, không pháp nào không có. Mong được Hóa pháp đều thuộc trong đó, cho nên giới khuyên một sát-na cũng không bỏ, nên nói "niệm niệm không lìa". Kết phạm như văn.

THIÊN THAI BỒ-TÁT GIỚI SỚ

QUYỂN HẠ

36. Giới đối cảnh không phát thệ nguyện:

Mười nguyện trước là phát chung. Nay đối cảnh khởi hạnh, phải chế ngự thân tâm mới làm được việc khó, mà đưa ra sự giữ giới để hiểu được tội lỗi của việc hủy phạm giới cấm. Nên chế riêng ở cảnh, đối trị lời sở độc mà được việc này. Biết chẳng phải giữ tâm nối nhau, con người phần nhiều biếng nhác không thệ nguyện, kết phạm đủ ba duyên:

1. Đối trị cảnh khởi lỗi tín thí, v.v..
2. Không phát lời thệ riêng
3. Dù phát nhưng chóng quên thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Ban đầu nêu tên, kết trước sinh sau.
2. Tác thị v.v.... trở xuống là nêu lời thệ nguyện khác.
3. Mà Bồ-tát v.v..... trở xuống trái lời quy định, kết phạm. Ban đầu kết trước, giữ giới cấm của Phật sinh sau.

- Văn có mười ba bài:

Ban đầu đối sắc cảnh lập, lửa dữ, núi dao, thệ nguyện đặt ra cho thân nghiệp.

Kế là năm cặp tín tâm cúng dường, phát nguyện chế thân nghiệp khẩu nghiệp.

Kế nữa là đối với tín tâm lễ kính cảnh châu báu, chùy sắt đập nát thân, thệ nguyện đặt ra cho thân nghiệp.

Kế là năm cặp bốn việc:

1. Y phục là một
2. Ăn uống thuốc men
3. Phòng xá
4. Đồ nằm.

1. Một cặp bố thí đồ nằm thệ nguyện nằm trên sắt nóng.

Bốn cặp bố thí thuốc thang thệ nguyện trăm mậu đâm vào thân.

Năm cặp thí phòng xá thệ nguyện gieo mình vào vạc sắt nóng.

Kế là như văn: Kế là trong năm cặp năm trần.

Đối thấy sắc tâm phát thệ nguyện, như dùng đao nhọn chọc vào tròng mắt.

2. Đối với nghe tiếng phát thệ, tâm như ngàn dùi móc lỗ tai. Nên trong tam-muội giác ý đứng về sáu căn đối với sáu trần bên ngoài đứng về sáu tác động, nghĩa là đi, đứng, ngồi, nằm, nói, nín mỗi động tác đối với tâm này đạt đức được pháp giới, sáu độ đầy đủ. Pháp giới không dính mắc tức là bố thí, chẳng tổn hại không hữu tức là trì giới. Nhẫn ở hai bên không nhục Trung đạo tức là nhẫn nhục. Không xen lẫn hữu vô gọi là Tinh. Niệm niệm trong các đường gọi là tấn, tức là tinh tấn. Thể pháp giới vắng lặng tức là thiền định. Tịch mà thường chiếu tức là trí tuệ, sáu độ dung hội nhau thành ba mươi sáu thứ.

Một niệm đầy đủ gọi là Trì tâm, nghĩa là văn nầy không phá giới nghĩa. Kế là nguyện tất cả đều thành Phật đạo, tức thệ nguyện trong bốn thệ nguyện phải Tam tư tức thuộc về bốn. Vì sao? Vì không dứt phiền não thì đâu thể độ người khác. Kinh nói rằng:" Nếu mình có sự ràng buộc mà cởi mở sự ràng buộc cho người kia thì không có việc đó, không học pháp môn tối tăm ở thuốc bệnh thì không nguyện thành Phật độ chúng sinh không cùng. Còn ba thứ kia xen nhau đầy đủ, y theo đây mà làm. Đây là bản hoài của Đại sĩ đối trị tốt nhất. Nên xếp sau phần tựa ở trước.

37. Giới không được vào chỗ có nạn

Vì đạo nên nương thân để tiến tu. Vì có nạn duyên nên phải mạo hiểm vào chỗ nguy hiểm, trở ngại cho đạo, vời lấy sự chê bai của người đời, nên Phật đặt ra giới này, kết tội phạm đủ năm duyên:

1. Hai thời Đầu-đà.
2. Duyên du phương
3. Ngồi thiền
4. An cư
5. Bố-tát.

- Có đủ bốn duyên thành phạm:

1. Chỗ hiểm nạn
2. Biết có nạn
3. Vì tu hành
4. Cố vào thì phạm

Một. Dừng ở chỗ ưa thích.

Hai. Nếu điều lành, v.v... trở xuống là nêu ra chỗ nạn.

Ba. Tất cả trở xuống v.v.... là cấm không nên đến.

Bốn. Nếu thấy trái phạm thì kết phạm.

- Câu đầu chia làm hai:

Lược nêu ba hàng về thời tiết, đạo cụ, không nêu nơi thuyết giới, du phương.

Mà Bồ-tát v.v.... trở xuống là giải thích riêng năm hạnh hạ an cư nhiếp ngồi thiền.

Câu 1 nói hai thời Đầu-đà, hai thời không lạnh không nóng, Đầu-đà du phương không có tổn hại, trở ngại. Mùa đông lạnh, mùa hạ nóng nhưng có thể ngồi thiền. "Đầu-đà" là âm tiếng Phạn, dịch là phủi dũ, phủi dũ là tu mười hai lỗi, khiến thành ba đức. "Luật Tứ Phần": nêu đủ mười hai, biểu thành "đức Giải thoát", ngăn thành ác. "Thực bốn" là thường khất thực, không tác pháp thức ăn dư,nhất tọa thực, nhất bát thực. Sáu chỗ là:

1. Lan-nhã (vắng lặng).
2. Chỗ gò mả.
3. Ngồi dưới gốc cây
4. Ngồi chỗ trống
5. Tùy ngồi
6. Thường ngồi, đồng thời duyên theo tánh Phật tánh.

Tu ba quán đủ để phá ba hoặc. "Không quán" phá hoặc kiến tư tức đức Bát-nhã xthành "Báo thân". Giả quán" phá hoặc trần sa tức đức Giải thoát, thành "Ứng thân". Trung quán phá hoặc Vô minh tức đức Pháp thân, thành Pháp thân. Tuy ba mà một, một mà ba. Mười hai hạnh Đầu-đà có dấu yết khác nhau. Câu "kết hạ an cư", phải mong ở đây. Phần nhiều đặt ra cho Bồ-tát xuất gia, Bồ-tát tại gia không có duyên khác thì an cư cũng tốt. Nên nói Bồ-tát Đại sĩ nhất tâm niệm (Ni thì nói Đại Tỷ) tôi là Bồ-tát giả danh ... Nay nương theo tăng-già-lam cho đến nhà ... tiền tam ngoạt hạ an cư. Sau ngày 16 tháng 4 phải nói hạ an cư ba tháng sau, vì phòng xá hư hao phải sữa chữa (nói ba lần, nếu tại nhà thế tục thì khỏi nói câu này).

Người đối thú hỏi rằng: ương theo ai làm người trì luật?

Đáp: "Hoà-thượng mỗ giúp .... ở đây thấy lạm dụng pháp giới an cư đã là trái với chân giáo, Nhân pháp đều trái. Lấy pháp giới làm chỗ an cư, cần gì phải dùng để kết. Nay văn khiến an mới thành, luống đặt ra làm hoại loạn thánh pháp. Chẳng phải ma thì là gì. "Hỏa toại" là vật lấy lửa. Nên Luận Đại Trí Độ nói:" Ngày xưa nhờ kính dương toại mà

người ta lấy lửa, nên vật phát ra lửa gọi là hỏa tọai. Kế là trong phần giải thích riêng có mười tám vật, Trong đó ba y là một, kinh luật là một, tượng Phật, Bồ-tát là một. Ngòai ra còn những tên khác rất dễ thấy.

"Kinh luật", Kinh Pháp Hoa nói:" bỏ quyền bày thật, lý mầu không khác. Nay theo có thể khai là kinh luật Đại thừa. "Bố-tát", Hán dịch là Tịnh trụ. Không giới hạn nhiều ít dưới đến một người, không đồng với pháp Thanh văn hạn cuộc có bốn vị: Như tâm niệm đối thú cũng đồng với văn này. Nghe kiền-chùy, vào nhà thiền nói kệ đồng với Thanh văn không xin vui mừng. Duy-na khi phát thẻ đổi La hán thành Bồ-tát, (phát thẻ xong đánh một tiếng ...) Bạch các Phật tử chấp tay lắng nghe: Cõi Diêm-phù-đề này, nước Đại Đường, châu.., huyện ..., chùa.., chỗ tăng-già-lam. Bản sư chúng ta là Phật Thích-ca Mâu-ni di pháp 2 chúng đệ tử xuất gia và Bồ-tát tại gia, Tự nghĩ sinh tử nhiều kiếp là do không gặp Vô Thượng Từ tôn, đời này nếu không phát tâm ra khỏi thì vẫn lang thang, nên ở hôm nay đồng tôn sùng Tam bảo, kính ngưỡng Đại thừa cùng tuyên truyền tạng giới Bồ-tát, lấy công đức này giúp ích cho tám bộ trời rồng. Trí mong oai quang tự tại Hoàng Đế Thánh hóa vô cùng. Đại tử các vua phước diên muôn lá. Sư tăng, phụ mẫu thường bảo an vui, thấy nghe tùy hỷ, túc chướng tiêu tan như mây. Ba đường ác tai ương tự dứt hết. Hồi hướng công đức này thệ nguyện ra khỏi ta-bà. Thượng phẩm thượng sinh cõi Phật Di-đà (đập xuống một cái) các Phật tử lắng nghe! Tạng Bồ-tát này Chư Phật ba đời đồng nói, các Bồ-tát ba đời đồng học, các Phật tử lắng nghe! trong chúng, người chưa phát tâm Bồ-đề, chưa thọ các giới Đại thừa của Chư Phật. Các vị từ thân này cho đến thân Phật, trong thời gian đó hãy bỏ tà về chánh, phát tâm Bồ-đề dứt ác làm lành, có thể giữ giới Bồ-tát, hành hạnh Bồ-tát được không? (Đáp được, đập một cái) các Phật tử lắng nghe! Trong chúng ai là người nhỏ nhất hãy thu hộ (nói ba lần, đập một cái) các Phật tử lắng nghe! Bên ngoài có Đại Bồ-tát Thanh tịnh vào (nói ba lần, đập một cái) các Phật tử lắng nghe! trong chúng người nhỏ đã thu hộ, bên ngoài có Đại Bồ-tát thanh tịnh đã vào, trong ngoài vắng lặng, không có các việc nạn, có thể phát thẻ Bố-Tát, con là Bồ-tát Tỳ-kheo giả danh ... phát thẻ cho chúng, làm việc Bố-tát. Chúng phải nhất tâm niệm Bố-tát. Cúi mong Thượng, Trung, Hạ tòa mỗi vị theo thứ lớp đúng như pháp nhận thẻ (nói ba lần, phát thẻ xong, đập một cái) các Phật tử lắng nghe. Kế là phát thẻ cho Bồ-tát tại gia. (nói ba lần, đập một cái) các Phật tử lắng nghe.! Đây là một trụ xứ cùng một Bồ-tát, Bồ-tát xuất gia bao nhiêu người, Bồ-tát tại gia bao nhiêu người, đều ở trong Phật pháp thanh tịnh

xuất gia, hòa hợp Bố tát. Trên thuận theo lời Phật dạy, báo đáp bốn ân, dưới vì hàm thức, đều niệm Phật A-di-đà, tất cả đều tụng (Kế đến thỉnh Thượng tòa nói giới đồng với pháp thỉnh của Thanh văn)

Kính bạch đại chúng! cung thỉnh Tỳ-kheo ... vì chúng tụng giới. Tỳ-kheo ... Phạm âm là Giới sư lên tòa cao (Người tụng giới đầy đủ oai nghi lễ ba lạy rồi quỳ thưa)

Con là Bồ-tát Tỳ-kheo giả danh ...(từ ngữ đồng với Thanh văn hành hương nói kệ) Tụng giới xong đều nói kệ khen rằng:

Dịch nghĩa:

Chư Phật ra đời vui bậc nhất.
Nghe pháp vâng làm rất mừng vui.
Đại chúng hòa hợp vui vắng lặng
Chúng sinh hết khổ rất an vui.

Lễ tạ Giới sư nói: “Con là Bồ-tát Tỳ-kheo giả danh ... cúi đầu hòa nam kính tạ Đại chúng, chúng sai con tụng giới phần nhiều không đúng pháp làm não loạn đại chúng. Xin chúng từ bi từ bi hoan hỷ thứ lỗi cho. Mỗi người đều đắp y chín điều (khứ thanh) khiến Bồ-tát xuất gia là không biết thọ Luật nghi Thanh văn, nếu thọ giới Bồ-tát cũng dễ phân biệt ba y, như pháp thọ trì, chẳng sinh mê đắm. Điều phẩm của ba y thọ pháp đồng với Thanh văn, chỉ có khác ở câu này: “Bồ-tát nhất tâm niệm, con là Bồ-tát giả danh ... v.v... Câu “mỗi mỗi như pháp” là tổng kết năm hành pháp. Nghĩa là trụ xứ không có các nạn vi trùng, phạm mạng. Kế là kể ra trong nạn xứ gồm có mười hai chỗ:

1. Ác quốc giới, là hai nước chiến tranh.
2. Quốc vương không tin Tam bảo.
3. Đất đai cao thấp, ra vào nguy hiểm
4. Cây cỏ um tùm, là nơi sâu trùng, thú dữ nương ở.
5. Sư tử.
6. Cọp.
7. Sói.
8. Nước.
9. Lửa.
10. Gió.
11. Cướp bóc.
12. Rắn độc

Phật cấm không được vào các nơi kể trên, còn nhiều tên ở đây không thể kể hết. Hễ có tổn hại đều gọi là nạn nên nói “tất cả”. Câu cho đến là không nói du phương, Bồ-tát, ngồi thiền.

Ban đầu nêu hạnh Đầu-đà, bỏ nhập hạ nên nói: cho đến, kết phạm như văn.

38. Giới đại chúng ngồi trái pháp:

Khi nhập đạo thanh chúng khác với tà đồ, không lấy năm thế tục làm tôn ti, chỉ dùng giới pháp làm trước sau. Tôn sùng Thích văn nghi qũy bẽ gãy cờ kiêu mạn của thế tục. Lấy thọ giới làm đời sống thật. Nên người thọ giới trước là lớn, đủ ba duyên:

1. Thân ở trong chúng
2. Biết thời gian thọ giới.
3. Ngồi không theo thứ lớp thì phạm.

- Nên văn chia làm bốn:

1. Nêu tên, trình bày chung.
2. Đừng như v.v..... trở xuống là nêu người ngoài để răn.
3. Trong Phật pháp của ta v.v..... trở xuống là chỉ bày lại pháp đã chế.
4. Mà Bồ-tát v.v.... trở xuống là trái qui định kết phạm

Câu đầu thứ lớp nêu trước nhỏ sau lớn, tất cả đều khai. Nếu trước lớn sau nhỏ ở lớn thì lớn, ở nhỏ thì nhỏ. Còn ở phương này lớn nhỏ không phân, cũng nên thuận với thời xứ. Tỳ-kheo v.v... ở đây cũng khác nhau. Nếu người xuất gia thì trong hai chúng tự phân ra trước sau. Nên nói ”Vương tử xuất gia thì đồng loại với thứ nhân. Nếu họ là tại gia thì hai chúng ngòai làm thứ lớp. Vương gia, nam nữ tại gia cũng giống như vậy. Không phân tức chân mà tục, chẳng nói nam nữ y theo giới ngồi lẫn lộn. Ngoài ra câu ba y như văn.

39. Giới không khuyên tu phước, giảng giải lợi sinh:

Uy lực của Đại thừa khó thể nghĩ bàn. Chẳng phải chỉ giúp ích cho đường tăm tối, mà còn cứu nguy nạn hiện tại, không vì giảng giải u ẩn hiển bày mà không nghe, tự sẽ mất đi chỗ lợi ích sâu xa. Nên Phật đặt ra giới này, kết thành tội phạm đủ năm duyên:

1. Giảng giải đại pháp
2. Không có các nạn duyên
3. Gặp cảnh an nguy.
4. Không có tâm từ cứu độ.
5. Không giảng giải cho nhge thì phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Khuyên mình và người tu phước nghiệp.

2. Mà Bồ-tát v.v.... trở xuống là chế lợi sinh tu trì nghiệp.

3. Mà tâm học v.v..... trở xuống là trái quy chế kết phạm.

- Câu đầu trước kể bốn việc:

1. Xây dựng tăng phòng.

2. Núi rừng, vườn ruộng.

3. Xây dựng tháp Phật.

4. Tháp là nơi thờ cốt của bậc Thánh. Người cúng tháp có phước rất nhiều, đồng với xây cất điện đường. Nên kinh A-hàm có kể câu chuyện Tỳ-kheo Phạm-Ni-Thi, sau khi Phật Tỳ-Bà-Thi nhập diệt, Phạm-Ni-Thi tâm vui mừng cung kính cầm đèn soi tháp Phật. Về sau Phật Thích-ca ra đời, Phạm-Ni-Thi nhờ phước báo soi tháp mà thân thể sáng rực hơn thân của 28 vị trời. Kinh Thập Nhị Nhân Duyên nói:” Tám hạng người nên xây tháp thờ là Phật, Bồ-tát, Bích-Chi, bốn quả và vua Chuyển Luân. Tháp Phật có tám tầng, trở xuống thì giảm dần, cho đến Sơ quả có hai tầng. Sau đó được phân chia: Tháp vua Chuyển Luân không có tầng nào, tháp La-hán bốn tầng,tháp Bích-chi phật năm tầng, tháp Phật mười ba tầng. Cũng gọi là Chi-đề tức là người có Xá-lợi. Nay theo xá lợi của Tối Thắng Tạng Phật nên gọi là Phật tháp.

Lập nơi ngồi thiền an cư, Nhất thiết v.v...là tổng kết nói lên chỗ lập.

Tất cả nơi nào có thể hành đạo đều phải lập bốn thứ tăng phòng như trên để làm đạo duyên. nên Phật đặt ra giới này.

Kế là nói lợi sinh có hai loại:

1. Nêu tên khuyên chúng hễ thấy hữu tình nào đều làm cho lợi lạc, nên nói “ phải vì tất cả”. Kinh giảng nói hai môn Định, tuệ, học luật tức là học giới, luật nghi Bồ-tát là con đường chung để lợi sinh, nên nêu ba pháp học, nói ba thân, ba đức. Giới học là Pháp thân, Định học là Giải thoát, tuệ học là Bát-nhã nếu bị bệnh v.v.v...... trở xuống là nêu riêngcảnh giảng, trong đó có ba:

Đối với báo chướng khuyên chỗ giảng vẫn thông.

Thông đều có nên cũng nêu chung kinh luật. Nghĩa là báo thân bệnh tật, vương quốc chiến tranh giặc cướp tranh nhau nổi lên. Sống duyên chết tán, Sư trưởng vong hóa,cúng kỵ 49 ngày, hoặc mình hoặc người, đều nên giảng nói Đại thừa. Khiến quán báo âm tức đức Pháp thân. Ư dùng Pháp thân để đối trị.

“Trai hội” ở cảnh lợi,suy tức đối với Phiền não chướng khuyên giảng. Hễ là chỗ trai hội vĩnh phước,người đi xa trở về, người thân mới gặp nhau. Đi làm ăn gặp tai nạn hỏa hoạn đốt thiêu, bị nước lụt trôi,

hoặc khi gặp gió bão lớn thổi ghe thuyền, hoặc ở trên sông lớn, biển cả gặp quỷ La-sát. Gặp những cảnh phiền muộn ép ngặt như thế, cũng phải đọc tụng kinh luật Đại thừa này, Phật tánh khai giải nghĩa lý, xem phiền não tức đức Bát-nhã. Nên nói đây là kinh luật, là dùng Báo thân để đối trị.

"Cho đến..." là đối với nghiệp chướng mà khuyên giảng. Phiền não nhiều không thể nói hết. Lược nêu ba mươi lăm, tiếp tục nêu nghiệp chướng nên nói: "Tất cả" là nêu chung. Nhân của ba nghiệp như sát, đạo, v.v... là riêng cho nên nói tất cả "Tam bảo" là tất cả nghiệp đều có ba báo: Thân này tạo nghiệp thì báo của thân nầy gọi là hiện báo. Thân này tạo nghiệp đời sau thọ báo gọi là Sinh báo, đời này tạo nghiệp hai, ba đời sau mới thọ báo gọi là Hậu báo. Thân có tám nạn gọi là tám nạn nghiệp, Phạm bảy tội nghịch gọi là nghiệp thất nghịch. Hoặc ở lao ngục bị người khác trói buộc tay chân, nên gọi là gông cùm, ba nghiệp độc đều nhiều, hoặc đơn, hoặc song, hoặc một người, hoặc bảy người, hoặc bệnh tật tức là nghiệp sát. Chỗ khác nhau nầy đều là nghiệp báo không chỗ nào tránh khỏi, cũng hạn cuộc ở chỗ nói giới khiến quán kết nghiệp, tức đức Giải thoát. Nên ba tạng Đại thừa đều nói ba thân đối trị khác nhau. Nên văn kể ra có riêng, có chung. Nếu thuận theo lời dạy lợi ích hữu tình đều được thánh Phật thầm che chở giải thoát các nạn. Nếu chưa cảm được thánh chỉ hại nhục thân. Khi qua đời mình và người nghe huân tập thành hạt giống. Sẽ được gặp Phật đếu là do đây. Nên Phật chế Bồ-tát thường phải giảng nói nghĩa ba đức của Đại thừa.

Mà tân Giác v.v....... trở xuống là kết phạm, hạnh giải chưa đủ, gọi là Tân,

2. Như thị v.v... trở xuống là kết khuyến.

Có giảng rộng trong phẩm Phạm Đàn Thanh Tướng, gần với Hán dịch là "mặc tẩn". Ác khẩu não hại tăng nên thêm hình phạt này. Trong phẫm Phạm Đàn sau đây có giảng rộng việc này, cho nên trong đó chia làm hai phần:

1. Chánh thích
2. Kết khuyến

40. Giới làmthầy mà chọn lựa:

Bồ-tát lợi sinh nên gặp duyên liền ứng. Dẫu cho ngàn dặm cầu thỉnh màa lại khởi tâm giận dữ, trái với thệ nguyện rộng lớn. Nên Phật đặt ra giới này. Kết tội đầy đủ năm duyên:

1. Tự hiểu giới pháp.

2. Người đối diện cầu thọ.
3. Người kia không có bảy già nạn.
4. Lại khởi tâm giận dữ.
5. Không truyền cho nghe thì phạm.
- Văn chia làm ba:
Nêu tên lập chế, người không nên chọn lựa.
Ưng giáo v.v...... trở xuống là phải lựa chọn y phục nghiệp báo
Chỉ hiểu v.v..... trở xuống là hiển rõ vì phạm quy định kết phạm.
Câu đầu như văn. Kế chia làm ba:

Chọn màu xanh không phải thuần xanh hay xanh đậm, mà xanh như màu bùn. Vàng không phải vàng đậm hay vàng nhạt mà có pha màu đỏ, cũng gọi là sắc Càn-đà, mầu đen có pha mầu tím gọi là” ốc trần hắc sắc” v.v.... Năm mầu này trộn lại nhuộm gọi là bất chánh sắc, hễ đắp mặc đều phải nhuộm hoại sắc nên nói tất cả.

Nếu muốn v.v....... trở xuống là phân biệt nghiệp chướng, nói bảy tội nghịch là năm tội nghịch thêm hai tội giết Hoà-thượng và A-xà-lê. Làm thân Phật chảy máu, nay là đời Mạt pháp tuy không có việc này, là cùng loại với hủy phá hoại chùa, thiêu đốt kinh tượng. “Phá yết-ma chuyển pháp luận. Sau Phật diệt độ, tuy không tà yết-ma khác phá chánh yết ma và phá lý sơ chuyển Bốn đế, mà là già ngại. Cũng cùng với loại này mà thôi. Bậc Thánh là tăng đã chứng bốn quả.

“Xuất gia”...v.v.... trở xuống là nói lên chánh pháp. Đại tiểu luật nghi đồng với quy định này. Như trong kinh Tịnh Danh nói hai Tỳ-kheo lễ dưới chân ngài Duy-ma-cật chính là cung kính nghe pháp. Kinh Pháp Hoa nói Bồ-tát Thường Bất Khinh lễ bái bốn chúng bởi là quán tánh bình đẳng biểu thị Pháp thân. Vì lợi ích chúng sinh mà quên mất, chẳng phải Phât chế. Trong đây chính là hằng thức của,Bồ-tát không được vọng dẫn văn khác mà nói Phật chế.

Nêu là hiển rõ chẳng trái với quy chế kết phạm, như văn.

41. Giới vị lợi làm thầy;

Nếu tu hành có thành tựu thì mới nói đến việc giáo hóa độ người. Nay không biết gì mà dám nói dối là được giải thoát, chỉ vì mong danh lợi chứ không vì lợi ích cho người, nên chẳng những tự mình đọa mà còn làm cho người đọa theo, nên Phật đặt ra giới này. Kết tội phạm đủ bốn duyên:

1. Bên trong thật không biết.
2. Bên ngoài cầu cảnh khác.

3. Vì là tham danh lợi

4. Truyền giới Bồ-tát thì phạm.

Nêu đề biểu thị chánh giải của nó. Nếu không, v.v..... trở xuống là nêu ra tướng vô trí. Mà Bồ-tát v.v..... trở xuống là trái phạm quy chế phạm.

Câu phạm Thất già là bảy tội nghịch, chướng giới nên gọi là già. Phạm mười giới trọng thì dạy pháp sám hối. “Ngàn Phật ba đời” nghĩa là lễ ngàn vị phật quá khứ, vị lai và hiện tại. Trong kiếp Trang nghiêm ở quá khứ, bắt đầu từ Hoa Quang Như lai cuối cùng đến Phật Tỳ-Bà-thi, trong kiếp Tinh Tú ở vị lai bắt đầu từ Nhật Quang Như lai đến Phật Tu-di tướng. Trong kiếp Hiền ở hiện tại bắt đầu từ Câu-lưu-tôn Phật cuối cùng đến Lâu Chí Như lai. Nói các thứ dị tướng, hoặc nghe trong hư không có tiếng nói Tỳ-ni Tạng hoặc được ấn trên cánh tay chữ diệt tội. Liền được diệt tội là tánh và Già đều diệt. Hoặc y Tiểu thừa làm pháp sám hối tánh tội không. Như dâm, sát, vọng các tánh vốn là ác gọi là tánh tội. Như uống rượu v.v.... Phật chế khiến trì, trái với quy chế cho nên phạm gọi là già tội. Hễ là tánh tội thọ và không thọ phạm thì mắc tội, trì tức được phước. Nếu già giới không thọ thì không phạm tội. Nên người thọ giới ở trên tánh giới mỗi thứ thêm một già, già phạm tánh tội. Nên trên già giới chỉ hộ một già. Trì thì đức khắp hư không, phạm thì già tánh song kết. Sám mỗi giới trái với quy chế, trở lại bản cũ. Thanh Tịnh phụ tài phụ mạng, quả địa vẫn đền đáp. Nên biết Tiểu thừa tánh tội không mất.

Hỏi: Già giới không thọ trì có được phước không?

Đáp: Tỳ-kheo giữ được một cảnh thì được một phước, khác với Yết-ma Thọ Khởi Tăng thượng Tâm v.v... trở xuống là khắp pháp giới phát, cho nên kinh nói: “Thà trong một lúc phát tất cả giới (do yết-ma) chứ không được trong một lúc phạm tất cả giới (không có yết-ma). Kinh Anh Lạc nói: “Có phạm gọi là Bồ-tát, không phạm là ngoại đạo. Nay từ Đại quả quán tướng cãi vãng song khiển nên khiến sám diệt”. Nói ” Nếu không có tướng tốt cho đến cũng không được diệt”. Nghĩa là sau khi thọ sẽ thối tâm Bồ-tát và gây ra tạo mười điều ác Tăng Thượng, phạm mười trọng. Người mất hai giới này luôn cả tâm trung, hạ thì pha-m mười trọng. Người không mất giới sám không thấy tướng tốt tội cũng không diệt gọi là vô ích. Đã chẳng phải bảy già thì cho phép tho lại, Nên nói được thêm thọ. Thiên Cung nói: xét “Kinh Phạm Võng”, quyển hạ cho rằng cũng không được diệt. Chữ “giới” là sai. Cho nên Bồ-tát thọ lớp lớp mà không xả pháp. Nói về mất giới, Thiện Giới Kinh chép:”

Có hai nhân duyên mất giới Bồ-tát như trên đã nêu. Trừ hai duyên này cho đến đời khác thường trôi lăn trong bốn đường, giới thể thường còn vv.. "Đối thú" là đối với Bồ-tát tăng có khả năng diệt ác thỉnh làm sám chủ, rằng: "Bồ-tát thương xót con ..., nay thỉnh Bồ-tát làm sám chủ sám hối tội khinh cấu. Xin Bồ-tát vì con mà sám hối chủ, xin thương xót con (nói ba lần) Kế là Chánh sám hối (quỳ thẳng chắp tay). Bồ-tát thương xót con là ..... vì cố không nghe pháp Đại thừa phạm tội khinh cấu, nay đến trước Bồ-tát phát lộ sám hối. Sám hối thì được an vui, không sám hối thì không an vui. Nhớ nghĩ phát lộ, biết mà không dám che giấu. Xin Trưởng lão nhớ cho, thanh tịnh giới thân cụ túc thanh tịnh Bồ-tát (nói ba lần) Sám chủ nói: phải tự trách tâm Ông, nên sinh nhàm chán xa lìa (Theo Đường Tam Tạng Yết-ma).

Nói mỗi câu đều khó hiểu là phân biệt giải thích bảy già, mười trọng, bốn mươi tám giới khinh trước. Nên nói mỗi câu. Nếu không, v.v...... trở xuống là thứ lớp chỉ bày tướng vô tri, không hiểu giáo tướng Đại thừa, kinh Luật Tam học, nên nói không hiểu Đại thừa. không biết lý đầy đủ nên nói không hiểu Đệ Nhất Nghĩa Đế. Hai chữ Không hiều là chung cho ở dưới. Không hiểu thứ lớp Đại thừa, nên nói không hiểu Tập chủng tánh, v.v....

1) "Tập chủng tánh" là học tập để thành tánh tức, là vị phát thú giai vị Thập Trụ.

2) "Trưởng dưỡng tánh" là phân biệt thuốc bệnh để nuôi dưỡng hóa đạo. "Phạm Võng" quyển hạ có tánh chủng tánh. Nhờ tu tập tánh trước mà thành tánh này, nói rằng tánh chủng tánh, và giai vị Thập Hạnh

3) Bất khả hoại tánh và Đạo chủng tánh tức là Thập Hồi Hướng. Giai vị này rất sâu nên dụ với Kim cương không thể hoại, có thể thấy chủng tánh Trung đạo

Chánh Pháp tánh cũng gọi là Thánh chủng tánh, tức trong mười địa, Thánh đạo hiện tiền nên gọi là Chánh. Đây là đứng về hành bố mà ra lập danh mục giai vị Biệt Viên giáo, đầy đủ như Hoa Nghiêm. Mới phát tâm trụ tám tướng thành đạo được Pháp thân bản. Tên tuy đồng nhưng khác nghĩa, đều viên dung với bốn mươi hai giai vị phá trừ vô minh sâu kín. Lý chướng ngoại giới, đầy đủ như Pháp Hoa Huyền Nghĩa giải thích v.v... Nói "Trong đó nhiều ít" là ám chỉ hành tướng pháp quán. Hoặc Biệt hoặc Viên, trí đoạn khác nhau. Truyền lànhiều ít. Thập trụ Không quán là nhập. Thập Hạnh Giả quán là xuất, nên nói rằng "xuất nhập". Mười chi thiền là căn bản bốn thiền. Ba thừa thông

tu, Thiên Viên không ngăn cách, phải khéo hiểu. Tỳ-Bà-Sa hỏi:" Thật thể của 18 chi thiền có mấy?. Đáp:" Chỉ có mười, ngoài ra các tên khác đều đồng.

- Sơ thiền có năm chi:

1. Giác
2. Quán
3. Hỷ
4. Lạc.
5. Nhất tâm

Tâm Thô gọi là "Giác", tâm Tế phân biệt gọi là "Quán". Tâm duyệt gọi là" hỷ", thân duyệt gọi là "lạc". Có công năng khiến cho tâm vương chỉ một tên, một tâm. Sơ thiền và Nhị thiền là đối trị hỷ lạc, là lợi ích. "Nhất tâm chi" là Nhị sở y.

- Nhị thiền có bốn chi:

1. Nội tịnh.
2. Hỷ.
3. Lạc.
4. Nhất tâm.

Xả bỏ dung chứa trong tâm tương ưng, khác với Tam thiền gọi là không khổ không vui. Một lợi ích này ngoài ba tên đồng với thí dụ ở trước, rất dễ thấy. Nay lược nêu thể báo nên gọi là mười chi, đó là:

Sơ Thiền có Năm chi Nhị thiền có Một chi Tam thiền có Ba chi Tứ thiền có Một chi

Quán pháp nhiều nên nói "tất cả pháp hạnh", đây là kết hành tướng. Mỗi mỗi v.v...... là kết không hiểu giáo lý hạnh vị.

Trái quy chế kết phạm.

42. Giới nó luật nghi của Bồ-tát cho người ác nghe.

Giới luật là Bí tạng không thể vọng trao cho người, dùng sự thấy biết riêng, tông chỉ mê muội của ngoại tà, ám chỉ thông bít sai lầm sinh ra hủy báng, vô ích cho mình và người, nên Phật đặt ra giới này, kết phạm đủ bốn duyên:

1. Đối với người tà ác.
2. Biết là người tá ác.
3. Vì lợi dưỡng
4. Hễ nói bất cứ một giới nào liền phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Nêu tên lập chế

Người ác nầy, v.v..... trở xuống là nói lỗi không chịu thọ giới

Hỏi: "Chưa thọ giới Bồ-tát" thì không được nói, nhưng loại đó ở thế tục rất nhiều. Nay tụng nói không phân biệt trái phạm rất đông, nghĩa này như thế nào?

Đáp: Ý Phật bao gồm rất nhiều, phải theo nghĩa Kinh Địa Trì nói: Muốn thọ giới tướng, trước phải quán sát người đó có giữ giới được hay không, tức là vì người tín tâm chưa thọ mà nói. Còn hai chúng xuất gia trước vâng lãnh Luật Nghi Tứ phần, hoặc người hoặc giáo, đều khuyên phát tâm thượng phẩm. Vì Bồ-tát vô thượng cầu ba nhóm tịnh giới. Ba nhóm tịnh giới pháp nào mà không bao gồm. Tiểu thừa không có nghĩa ba nhóm, đều đã phát đầy đủ pháp tâm Bồ-đề, là tùy người. Năm thiên chung cho cả Đại Tiểu. Niết bàn Bồ-tát Thánh hạnh nêu đầy đủ mười giới, năm chi. Nên biết luật nghi Tứ Phần đều là giới Bồ-tát của tăng ni Trung quốc. Kinh Pháp Hoa khai hiển nhân pháp đều là Viên. Khác đường đồng quy thì có gì là Tiểu, nhưng không chê bai nói tụng thuyết đều khai, như vậy đâu cần phải thọ lẫn nhau?

Đáp: Thọ lẫn nhau là thêm điều phẩm, nghĩa tâm thể không phác hai lần, lại. Thân đều vô tác, y cứ vào sự hiện hành của thế gian và các nghiệp thể kia. Đạo cộng giới ngang dọc là một, phát khắp pháp giới là "ngang", thế giới khác không mất là "dọc." "nói Đại giới của Thiên Phật" là nêu chung số của kiếp hiền. "Tà kiến" bên ngoài của ngoại đạo, người ác bình thường không tin gọi là Tà. Trừ vua chúa: giả sử vua có tà kiến cũng khai cho, e nghi ngờ nói vu báng đối với pháp làm tổn hại.

2. Nói về lỗi không chịu thọ giới: nêu chung tà ngoại v.v...... gọi là người ác, không tin không thọ, không hổ không thẹn như súc sinh. Tuy có tâm mà không hiểu nghĩa, đồng với vô tâm, nên cũng như gỗ đá. Nội pháp không có phần, nên gọi là Ngoại đạo. Không có chánh kiến đầy đủ gọi là người tà.

3. Trái phạm quy chế kết phạm.

Bảy Đức Phật là tất cả Chư Phật đồng lãnh thọ giới này, theo gần mà lược nêu nên gọi là Bảy Đức Phật.

43: Giới cố phá hủy giới cấm:

Luật Nghi Bồ-tát nương giới có hai, thuyền bè của Nhị tư , bến cầu của bờ giải thóat bên kia. Nay lại cố tâm hủy phạm giới. Hoặc là ác thuyết không, không trì không phạm. Hoặc nói phương tiện Chư Phật sợ hãi mà vào, không tin minh phù của thần giới ngầm bảo vệ. Đây là

thứ cỏ nhỏ trong ruộng tốt. Thây chết trong biển giới, xếp vào loại chê bai Đại thừa, hơn bảy tội nghịch. Ngoa tùy chỗ đã phạm chế riêng giới này có đủ bốn duyên:

1. Tín tâm thọ giới.
2. Có cảnh đối diện.
3. Cố khởi tâm hủy báng.
4. Hễ hủy bất cứ một giới nào liền phạm.

- Văn chia làm hai:

Nêu tên quở trách.

Nếu hủy v.v... trở xuống là vi phạm quy định, kết phạm. Ban đầu chia làm ba:

Nói không tiêu lợi của người đời.

Năm thiên v...v....trở xuống là nói quỷ thần quở trách.

Tất cả người đời, v.v....... trở xuống là nêu sự chê bai của người đời.

- Văn đầu có hai lỗi:

Mất tín thí hiện tại.

Trộm nước, đất của vua.

Vì cõi nước quá khứ đã xả, đất nước cúng cho người trì giới. Người vô giới thì không có thuế, không gọi là trộm. Nay trộm thuế đường đi, trộm ăn uống. Nên các quỷ thần gọi người đó là tên giặc nguy hiểm. “quỷ thần quỡ trách” là giới đầy đủ, làm lợi ích cho chúng sinh, được thần hộ quỷ kính. Nay đã hủy phạm thì thần bỏ điều lành, quỷ khinh khi. Nên có 5000 quỷ dữ đứng án trước mặt mà mắng là giặc. Người phạm giới đi qua, quỷ dữ ở sau lưng chà quét hết dấu chân của người đó.

3.Nêu sự chê bai mắng nhiếu của người đời, kế là trái phạm qui định kết tội phạm, đồng như văn.

44. Giới không kính trọng kinh luật:

Hiểu biết không hẹp hòi nương theo giáo mà được. Pháp thân cha mẹ Chư Phật tôn sùng, kinh sách ở đâu là Tam bảo ở đó. Thân có hiểu ít trách người kia riêng cung kính, hiểu từ giáo sinh. Ở trong giáo khinh thường mình và người thất kính. Công phước đắm chìm nên xếp vào tội. Riêng có bốn duyên:

1. Có kinh luật của Phật.
2. Không viết chép truyền trì.
3. Không sinh tôn trọng.
4. Đặt ở chỗ thấp kém thì phạm.

- Văn chia làm bốn:

Nêu tên khuyên trì.

Lột vỏ v.v...... trở xuống là trước nêu hạnh khó làm để răn dè tâm. Như Luận Đại Trí Độ nói: Đời quá khứ có một vi Phạm chí tên là Ái Pháp, đi khắp cõi Diêm-phù-đề suốt 12 năm để cầu Thánh pháp mà không được. Vì lúc đó chẳng những ở đời không có Phật, mà chánh pháp của Như lai cũng bị hoại diệt. Một hôm, có một Bà-la-môn nói với Phạm Chí rằng: "Tôi có bài kệ của Phật, nếu Ông thích thì tôi sẽ cho". Phạm chí đáp:" Dạ thích".

Bà-la-môn nói: " Nếu thật thích thì phải lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy tủy làm nước, lấy máu làm mực mà biên chép". Phạm chí liền làm theo lời người đó, chép được bài kệ như sau:

"Nên tu hành đúng pháp
Phi pháp không nên lành
Đời này và đời sau
Hành pháp được an ổn"

- Vỏ cây, v.v.... trở xuống là nêu việc dễ làm để khuyên viết.

Khuyên dùng vàng bạc, hương hoa vô giá và tất cả châu báu làm hộp, rương bằng bảy báu để đựng kinh luật, để khỏi bị thất lạc và hư họai. "Hương hoa vô giá" Chỉ cho lọai quý giá nên nói là vô giá. Kinh Pháp Hoa nói:" Sáu thù hương này giá trị bằng thế giới Ta-bà.

Kết phạm như văn.

45. Giới không giáo hóa chúng sinh:

Bồ-tát thệ nguyện độ vô biên, tùy chỗ thấy nghe khuyến phát đạo tâm. Nên kinh nói:"Không nói Bồ-đề gọi là sát ". Mầm đạo tổn diệt do đây, nên Phật đặt ra giới này, kết phạm. Đủ ba duyên:

1. Đối với cảnh được giáo hoá
2. Không khởi từ bi.
3. Bỏ không khuyên đạo thì phạm.

- Văn chia làm ba:

Nêu tâm năng hóa, cứu vớt tất cả khổ nên nói là đại bi.

Kế là Nhập v.v..... trở xuống là Đối cảnh lập thệ

Bồ-tát nầy, v.v......trở xuống là trái phạm quy chế, kết phạm.

- Câu đầu như văn, kế chia làm ba:

1. Thấy người khiến thọ quy giới.
2. Nếu thấy, v.v.... trở xuống là thấy các loại khiến phát đạo tâm.
3. Mà Bồ-tát v.v..... trở xuống là khuyên chung, hễ là hữu tình đều

phát đạo ý.

Câu đầu nói ba quy y là Phật, pháp, Tăng Bảo là ruộng tốt cho tến gian. Nếu không quy y thì không do đâu được giải thoát. Nên Kinh Pháp Cú nói:”Như lai tại thế, trời Đế-thích biết mạng sắp hết phải thọ báo làm lừa, liền quy y Phật, sau một phút lễ bái mạng Đế-thích liền dứt, thác sinh vào ấm lừa, lừa mẹ bứt dứt dây, đạp vỡ đồ gốm, bị người thợ đồ gốm đánh sảy thai, liền trở lại thân Thiên đế. Chưa đầy một bữa ăn thì trời Đế Thích sống lại. Mạng chết mà sống lại, nhờ quy y mà thoát khỏi khổ báo nầy, huống chi thời gian dài. Nên trước hết khuyên người thọ ba quy y, kế đến trao mười giới, ba quy y là thể của mười giới.

- Như văn.

46. Giới thuyết không đúng pháp:

Nói pháp lợi ích ở chỗ rộng lớn. Tôn ty có pháp tắc, kia đây thành kính. Nay mới thú hướng nói lên đầu mối oai nghi. Mình và người coi thường, nước pháp khó dừng, nên Phật đặt ra giới này Kết tội phạm đủ ba duyên:

1. Đối với người nghe.
2. Chẳng phải giường ghế.
3. Tùy nói kết phạm.

- Văn chia làm ba:

Nếu tâm nói đủ như Pháp Hoa, Đại từ bi là nhà, nhẫn nhục là y phục, các Pháp không là toà ngồi.

Nêu một nhiếp ba nên nói là Đại từ bi. Nếu nhập vào v.v.... trở xuống là nói về nghi thức. “Như hiếu thuận cha mẹ” là khuyên người khác tôn trọng người nói pháp. “Kính thuận sư gíáo” là khiến người kính thuận giáo do sư nói. Ngoại đạo của Ấn-độ phần nhiều thờ thần lửa, chuyên chú, lễ kính từng niệm nối nhau, nên nêu việc này để so với pháp kính người.

Nói pháp, v.v.... trở xuống là trái quy chế, kết phạm.

47. Giới không được lập chế diệt pháp:

Người có năng lực được Phật phó chúc, có khả năng lãnh thọ giới phải ủng hộ Tam Bảo, ngõ hầu làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài, pháp tắc dẫn đường cho năm thừa. Nay lại cậy thế chế phi pháp trái với Phật phó chúc thọ trái bản tâm đến đổi khiến mặt trời lặn, thuyền từ chìm mất, mắt của chúng sinh đã nhắm lại, cho nên Phật đặt ra giới này. Kết phạm đủ bốn duyên:

1. Tín tâm thọ giới
2. Tự cậy cao uy
3. Lập chế phi pháp
4. Tổn diệt Phật pháp thì phạm.

- Văn chia làm ba:

Nêu người có giới.

“Bốn tà ” là bốn cách sống ta mạng của Tỳ-kheo đều làm cho hủy diệt Phật pháp.

Tự cậy, v.v.... trở xuống là chế ra phi pháp. Chế đối với Tỳ-kheo đúng pháp bốn phép hộ tịch. Về người cạo tóc xuất gia, đã xuất gia thì không được học tập quyết nghi tu phước. Chỉ vì còn kinh doanh việc thế tục nên không cho xuất gia, cho đến phi pháp phi luật.

Mà Bồ-tát v.v...... trở xuống là trái phạm quy chế kết phạm.

48. Giới không được tự phá hoại nội pháp:

Bồ-tát lẽ ra phải bảo vệ chánh pháp mà lại có các hành động phá họai Phật pháp. Nay trước mặt vua chúa, các quan, vì cầu danh lợi mà vọng nói giới Phật, nên Phật đặt ra giới này, kết tội phạm đủ hai duyên:

1. Tự vì danh lợi.
2. Ở trước vua chúa vọng nói giới của Phật pháp liền phạm.

- Văn chia làm ba:

1. Có thể phá được nhân pháp.
2. Nếu thọ v.v..... trở xuống là nêu đúng so sánh với sai.
3. Nếu cố v.v...... trở xuống là trái phạm quy chế kết phạm.

Câu đầu là ngang trái, v.v...... là nói ở ở trước vua chúa vọng nói giới Phật quanh co, thuận theo tâm vua, nói rằng Phật cho phép trói buộc, đánh đập Tăng Ni, nên gọi là ngang trái. Như Sư tử, Kinh Sư Tử Liên Hoa Diện nói: “Phật bảo: Này A nan!Sau khi Sư tử chết, thì tất cả loài thú hoặc ở trên không, hoặc ở dưới nước, hoặc ở trên cạn không dám ăn thịt sư tử. Nhưng các loài giời trong thân sư tử sinh ra lại ăn thịt sư tử. Nấy A-nan! Phật pháp của ta những người khác không thể phá họai, mà chính là do các Tỳ-kheo tội ác trong Phật pháp phá hoại. Cũng như thế, các Phật tử tự hủy phá Phật pháp, các ma trời và ngoại đạo không thể phá được. Nhiều người không tin thế nên nói rằng sai. Người phá hoại nội chúng phần nhiều sinh tin. Thí như giời trong thân Sư tử tự ăn thịt nó.

Kế là nêu đúng so sánh với sai, như nhớ nghĩ đứa con một là như

mẹ nhớ con. Vì xem đó như cha mẹ không để chê bai. Cha mẹ có thể sinh ra thân, Phật giới có công năng sinh ra pháp thân. Chê bai tổn thương, đau đớn làm vô cùng. Cho nên nói ba trăm cây giáo nhọn đâm vào mình,địa ngục chịu khổ trăm kiếp. Như so với nghe hủy báng một câu. Mà so sánh v.v.... Tự làm dạy người làm là nhân phá pháp, thấy người nhìn lại nhân của mình, nên gọi là nhân duyên. Trái với lời Phật là không hiếu thuận. Kết phạm như văn.

1. Như thế, v.v..... trở xuống là kết khuyên, như văn.

2. Các Phật tử v.v..... trở xuống là Tổng kết, chia làm ba:

Nêu số.

Các vị, v..v.... trở xuống là khuyến trì

"Quá khứ" v.v.. trở xuống là khuyến học.

3. Các Phật tử trở xuống thứ ba là.Đoạn lớn lưu thông chia làm hai:

1. Lưu thông một bộ kinh.

2. Lưu thông một phẩm.

- Ban đầu lại chia làm bốn:

1. Khuyên tụng.

2. Chánh lưu thông.

3. Lợi ích

4. Đại chúng vâng giữ, mỗi câu có ba:

- Khuyên tụng, có ba:

1) Nêu danh số.

2) Ba đời, v.v.... trở xuống là nêu chư Phật ba đời đều tụng.

3) Nay ta, v.v..... trở xuống là nếu Thích-ca tự tụng.

Nêu hai câu này là lý do khuyên.

Các vị, v.v..... là chánh lưu thông, có ba câu là:

Khuyên người lưu thông phải thọ trì

Nói tướng lưu thông.

"Lưu thông": đứng về thời đối cơ mà nói việc lưu thông.

Trong lợi ích có ba:

Gặp Phật

Đời đời v.v..... trở xuống là nói lìa khổ.

Sẽ sinh v.v...... trở xuống là nói được vui.

Nay tà mạng v.v...... trở xuống là Đại chúng vâng giữ, văn có ba:

1. Nêu tự khuyên tha.

2. Như "vô tướng" v.v..... trở xuống là chỉ nói rộng về vô tướng.

Phải là Thiên vương gọi là tướng rút từ phẩm Thiên Mục. Các văn

này đồng với cả chín giới trước, nên khi đến Trung quốc chỉ nói rộng thêm mà thôi.

3. "Tam thiên" v.v.... trở xuống là đại chúng thọ trì, nói "Tam thiên học" nghĩa là tam thiên giới đã học (Có bản nói là "Sĩ Thiên Cung") nói: do người sửa sai lầm. Xét Kinh Phạm Võng thì chữ "Tự" là đúng, lược nêu một hóa pháp, cho nên nói Tam thiên thời ngồi nghe, là nêu châu Thiệm-bộ ở phía Nam, cũng có giới bản không có đoạn này, nên văn không đầy đủ. Trước khuyên vâng theo, sau khuyên hành trì. Bấy giờ là lưu thông của một phẩm.

- Kết thuyết tâm địa
- Tổng kết mười chỗ.
- Nói pháp được nói
- Đại chúng vâng giữ

Bốn câu văn chia làm hai:

Câu đầu chia làm hai:

Văn đầu nói

Đức Thích-ca cõi này đã nói xong

Nêu ngàn trăm ức Đức Thích-ca là thí dụ

"Từ Ma-hê" v.v..... trở xuống là Tổng kết mười chỗ

Câu đầu Phật Thích-ca nói mười chỗ. Kế ngàn trăm ức là nói ngàn trăm ức đã nói mười chỗ, lược nêu ba chỗ gom chung thành mười.

- Mười xứ:

1) Ngồi tòa Kim cương nói mười biển Thế giới.
2) Đến cung Đế-thích nói Thập Trụ.
3) Đến trời Diệm-ma nói Thập hạnh.
4) Đến trời Đâu-suất nói Thập Hồi Hướng.
5) Đến trời Hóa Lạc nói Thập Định
6) Đến trời Tha Hóa nói Thập Địa
7) Đến trời Sơ Thiền nói Thập Kim cương.
8) Đến trời Nhị Thiền nói Thập Nhẫn
9) Đến trời Tam Thiền nói Thập Nguyện
10) Đến trời Tứ Thiền nói Phẫm Bỗn Nguyên Liên Hoa Tàng Thế Giới Tâm Địa Pháp Môn.

Tất cả là nói về pháp đã nói, có hai:

1. Nêu riêng năm tạng.
2. "Như như" v.v... trở xuống là tổng kết.

Câu tất cả Phật Tâm Tạng: giới pháp tức là ba thứ Tâm, Phật, Chúng sinh không khác nhau, gọi là tâm Phật. Tâm Phật thu nhiếp khắp

cả đầy đủ như tâm thật tướng của Kinh Pháp Hoa đủ trăm giới ngàn như nên gọi là Tâm tạng. Tâm dụ như đất, có công năng chuyên chở muôn vật nên nói là Địa Tạng. Tâm này tức là giới, giới co` đủ Định tuệ chứa đựng ba đức gọi là giới Tăng. Y theo bốn hoằng, mười nguyện của Bồ-đề viên mãn đối với giới khinh và trọng. Mỗi mỗi tu hành nguyện nguyện dung nhau, giới giới nhiếp nhau, tất cả hạnh nguyện đều quy về đó, nên Luận Đại Trí Độ nói: Có thể dùng chút thí của tiểu giới vượt hơn Thinh Văn, Bích-Chi-Phật, nên gọi là vô lượng hạnh nguyện tạng. "Nhân quả v..v.. là" Phật tánh thường trụ tạng trong nhân, Phật tánh thường trụ tạng trong quả. Đã nói nhân là nhân đối với giới pháp Nhập Thập phát thú, cho đến Đẳng giác gọi là Nhân, Diệu giác là Quả. Hoặc nhân, hoặc quả Phật tánh thường trụ, hạnh nguyện không giảm, gọi là Nhân quả Phật tánh thường trụ tạng vậy. Vì sao duyên lý trì giới Phật tánh là Tâm, Y báo chánh báo như một, sắc hương Trung đạo pháp giới bất biến gọi là Thường. Tỳ-lô-giá-ma Biến Nhất Thiết Xứ há chẳng phải là Tàng hay sao? Pháp tánh, Tăng tánh một thể giống nhau đều gọi là Tăng. Vì sao? Về Giác tâm gọi là Phật, lìa nhiễm gọi là Pháp, vô tánh gọi là Tăng. Nên ngài Tịnh Danh nói rằng: "Phật tức là Pháp, pháp tức là Chúng. Nên Kinh Niết-bàn nói: " Phật tánh giống như hư không, chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Nếu trong ngoài thì làm sao được gọi là Nhất Thiết Xứ có nghĩa chung. Hoặc không được vọng dẫn Luận Đại Trí Độ nói Phật pháp chia ra hai tánh hữu,vô. Lầm đem Kinh Niết-bàn quyền đối Ca-diếp trừ vách tường ngói gạch, cho đó là khó, đủ như trong Luận Kim Tỷ có nói.

Kế là trong tổng kết nói:"Như Như" là văn trên tổng kết đều quy về một lý, lý không khác nhau nên nói là Như như., tất cả kết người, có thể nói tức là Đức Thích-ca và ngàn trăm ức Thích-ca.

Hỏi: Trên đã kể có năm tạng, khác nhau như thế nào?

Đáp: Ba tạng trước thuộc về Tánh đức, hai nhân sau tu được ba nhân. Lý tánh giác trí gọi là Phật tâm tạng, tức là Liễu nhân. Như tánh lửa trong cây, có thể dùng để soi. Lý tánh là thể của chánh nhân pháp thân trùm khắp nhưng bất động, giống như quả đất. Như lửa trong cây tánh nóng tự nhiên. Lý tánh giới tạng từ chỗ dứt hoặc, tức đức Giải thoát. Đối với duyên nhân quả, tánh nóng trong gỗ làm chín thức ăn "vô lượng đẳng", là nguyện tức Liễu nhân. Nguyện cho trí phát. Hành tức là duyên trong Nhân duyên của muôn hạnh, dứt hoặc tự tại, Phật tánh thường trụ, thường tức là chánh nhân. Pháp thể trùm khắp. Nên biết dùng tu để rõ tánh, dùng tánh để phát tu. Tu và tánh không hai, như cây

phát ra lửa, trong ngoài không khác. Đối với tu và chưa tu không phân ra mà phân ba tánh. Chia mà không chia chung cho cả trước sau. Nên đứng về sáu vị mới tránh khỏi lạm nghi. Tất cả có tánh, đủ lý ba nhân. Hiểu rõ ba, không mê muội danh từ ba nhân. Quán ba không xem bỡ, nhập vào năm phẩm vị. Quán hành ba nhân. Được thanh tịnh sáu căn, vào Thập Tín của Viên giáo, Tương tự ba nhân. Phá hoặc giới ngoại, vào Sơ trụ của Viên giáo cho đến bốn mươi mốt gia vị Đẳng giác. Chia thể thành ba nhân, Diệu Giác Vô Thượng rốt ráo ba nhân. Lý như nên thông Sự khác có, sáu Sơ tâm lý đúng mà vô nghi, rốt ráo Diệu giác mà vô lạm.

4.Ngàn trăm ức v.v. v.. trở xuống là đại chúng vâng hành, có hai:

1. Ngàn trăm ức thế giới cơ duyên thọ hành.
2. Nếu rộng, v.v.... trở xuống là chỉ rộng.

LỜI TỰA CUỐI

Sa-môn Minh KhoánG thuộc tông Thiên Thai, người ở Địa Châu, huyện Chương An, huyện Lân, trong năm cánh ở Thiên Thai sư nối gót ở Tam Châu. Có lẽ đã quen biết nhau từ đời trước, nên nay vui mừng được gặp lại nhau.

Tuổi nhỏ, Sư học đạo ở Đông Nam, năm 20 tuổi trụ ở Diệm Ấp. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư trở về chùa Quốc Thanh, phía Bắc Hải Quan.

Sư theo học với ngài Kinh Khê Trạm Nhiên, trải qua 10 năm, được chỉ bày đường về cố viên.

Người ở nơi hoang vu, chỉ có kinh luật giới pháp để đền đáp ân địa, nên sư soạn Bộ Sớ giải kinh Phạm Võng Bồ-tát giới này, được người đương thời tìm xét những chỗ còn thiếu xót của Bộ Sớ, đồng chỗ thấy nghe giúp hoàn thành Bộ Sớ này.

Nguyện cầu mắt đạo của Đại Sư soi sáng lòng son, gặp Phật nghe kinh để làm gậy nương gá.

Ngày mồng một tháng 2 niên hiện Đại Lịch, năm thứ 12, tại chùa Tam Chương huyện Hòang Nghiêm,ở Thai châu có ghi chép việc này.

Lược thích nghĩa 10 như:

“Tướng” y cứ bên ngoài. “Tánh” y cứ bên trong, chủ chất là “Thể”, công năng là “Lực”, tạo tác là “Tác”, tập nhân là “Nhân”, giúp nhân là “Duyên”. Học quả thành “Quả”, báo quả là “Báo”. Sơ tướng là

gốc, hậu báo là "Ngạn", Sơ hậu đều còn là rốt ráo v.v... Phẩm "Thiên Quang Vương" là lấy tên vị Bồ-tát đặt tên phẩm.

Hỏi: Tựa kể ra có mười nơi, nhiều chỗ như thế là sao?

Đáp: Ban đầu trình bày chung vềđài sen và cánh sen cũng nêu ra mười chỗ như vậy.

Kế đến từ "Bấy giờ, v.v...." trở xuống cũng như thế.

Sinh có 8 tướng, 10 chỗ, nhập cung trời tức lên Đâu-suất. Mười chỗ đã nói tức xoay bánh xe pháp. Nhập thai, trụ thai, xuất thai, trở xuống đều xếp vào "sinh". Còn xuất gia, thành đạo là tướng thứ 7 mà thôi. Ở đây lược bỏ phần Niết-bàn.

"Nay ta hạ sinh v.v...., cho đến thanh tịnh" lược nêu mười nơi sinh khác, chính thức nói nơi giáo hóa đời này, nên biết từng phen thị hiện thành Chánh giác, đều phải trải qua 10 nơi xếp vào các chỗ Phật có duyên. Đến chỗ Đức Phật Lô xá na thọ tạng Bồ-tát, và nói phẫm Tâm địa cho Bồ-tát Địa Thượng, cho đến Niết-bàn mới gọi là trở lại. Chỉnh đốn ban đầu nên lược bỏ bốn vị.

Hỏi: Chỗ kết hội Hoa Nghiêm nầy không bình đẳng hay sao?

Đáp: Kinh độ không hết, nên có rộng lược khác nhau. Văn xuôi nói 5 chỗ: trời Hóa Lạc, Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền.

"Kinh Hoa Nghiêm" nói "không rời bản tòa" còn kinh này nói: "Khởi thuyết Thánh hóa khó lường", tùy cơ thấy mà trình bày, v.v...

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 145

SỚ GIẢI GIỚI BẢN BỒ TÁT TRONG KINH PHẠM VÕNG

SỐ 1813
(QUYỂN 1 → 6)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1813

SỚ GIẢI GIỚI BẢN BỒ TÁT TRONG KINH PHẠM VÕNG

Sa-môn Pháp Tạng ở chùa Ngụy Quốc tây soạn

QUYỂN 1

Pháp thân vốn rỗng ứng, thấu suốt bờ giác bằng chân hình, trí mầu ngầm thông vô biên cùng cực, mà chiếu soi ảnh tượng, sáng tỏ lý thật. Ngay nơi sự có lý, vượt ngoài sự thấy nghe, phương tiện thầm hiểu sự, ngay nơi lý mà có sự. Khác xa lưới thỏ, nơm ca, Nên được Liên Hoa Tạng giới treo cao nhật nguyệt chiếu soi. Cội Bồ-đề mở cửa cam lộ để cứu giúp chúng sinh. Ngàn hoa ngàn trăm ức Lô-Xá-Na là "bản" thân. Mười giới trọng 48 giới khinh Đức Thích-ca văn là "Mạt" hóa, nói pháp khai mở tâm địa chứng đầu sợi lông. Ánh sáng không thể suy nghĩ bàn luận nêu Hoá thân ở đảnh cõi sắc. Ở đó có 42 vị Đại sĩ đồng tu, tám muôn oai nghi, Thánh hiền cùng đến. Huống gì Hằng sa giới phẩm nhưng chỉ gom vào trong 3 nhóm giới, vô số nghiêm khoa bao gồm 6 vị, như mành lưới của Đại Phạm Thiên Vương đồng mà bất đồng, như biển Tát-Bà-nhã khác mà chẳng khác. Ví như mưa báu rơi ngọc ma-ni xuống thấm ướt trăm họ, như chuỗi anh lạc trang sức thân Diệu Giác.

Thế nên năm quả vị Bồ Tát đều nhờ vào "nhân viên" này, ba đời Như-lai đều do giới nầy mà "quả mãn" là con đường thẳng của đạo tràng, là khuôn phép tốt của hạt giống giác ngộ. Lành thay! Khó nói hết được. "Phạm" là đứng về đương thể, lìa nhiễm đặt tên. "Lưới" dụ cho chói sáng rực rỡ, theo công năng mà lập hiệu. "Kinh" là xâu lại, khâu lại. Thể và Dụng đồng hiểu rõ. "Lô-Xá-Na" "quả viên" chiếu khắp,

"thuyết" là y cứ vào các căn cơ mà giảng nói. Bồ-tát thì nêu "nhân", khác "quả", rõ ràng giúp cho người có thể hành trí. Mười loại giản pháp dị nhân, hiển rõ pháp được hành trì. Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh ngăn dứt việc ác, nên gọi là Giới. Không có hai quyển nên gọi là một, gọi "Phạm Võng Kinh Lô Xá Na Phật Thuyết, Bồ-tát thập Trọng Tứ Thập Bátt Kinh Giới một quyển.

Giải thích sơ lược Kinh này thành 10 môn:

1. Nguyện sở nhân khởi giáo.
2. Thuộc về tạng nào.
3. Giới hạn nhiếp giáo
4. Các căn cơ được bao trùm
5. Giáo thể năng thuyên
6. Tông thú sở thuyên.
7. Giải thích đề mục kinh
8. Giáo khởi gốc ngọn
9. Bộ loại truyền dịch

10 Tùy văn giải thích.

I. NGUYỆN NHÂN KHỞI GIÁO:

Vì sao phân biệt giới Bồ-tát này?

Giới Bồ-tát này được phân biệt bằng 10 nguyên nhân được kể sơ lược sau đây:

1. Pháp nên như thế.
2. Chỉ bày bản hạnh
3. Nhiếp đại cơ
4. Trao pháp mạng
5. Thắng pháp bao trùm
6. Khiến thành hạnh
7. Được các vị
8. Diệt chướng nặng
9. Hiển chân tánh
10. Đắc thắng quả.

1."Pháp nên như thế": Bồ Tát lấy ba nhóm tịnh giới làm đạo tràng, con đường thẳng đến giác ngộ là viên nhân. Cho nên tất cả Chư Phật ra đời làm lợi lạc chúng sinh đều y theo cổ pháp. Pháp nhĩ, ban đầu Phật kết Bồ-tát Ba-la-đề-mộc-xoa là điều quan trọng của Tông này. Như con đường của Đại vương pháp nhĩ là quy tắc thường nên phải nói.

Cho nên v.v.... trở xuống là nói: "Đều ngồi dưới cội Bồ-đề mà tụng giới của Bản sư" Lại nói: "là Phật Lô-xá-na tụng, nay ta cũng tụng như thế".

Giải thích: "Đã là giới của Phật Bản sư".

Chỉ nói "Tụng" mà không nói "Thuyết". Nghĩa là nói pháp này chẳng phải mới chế. Lại nói Chư Phật ba đời đã nói, đang nói, sẽ nói. "Nên biết là đồng nói".

2. Bày bản hạnh, Ngày xưa, Chư Phật ba đời đồng tu hành giới này mà thành Tối Chánh giác. Cho nên trước khi thành đạo thì Phật đã chỉ bày điều quan trọng này khiến các Bồ-tát tu học.

Văn sau nói: "Tất cả bản nguyên của Chư Phật là hành đạo Bồ-tát". Lại nói: "Tất cả các Bồ-tát đã học, đang học và sẽ học".

Giải thích: "Nếu không có giới pháp này thì không có Bồ tát nào được thành Phật đạo.

3. Nhiếp đại cơ: Như lai ra đời, nếu không hiểu rõ Tỳ-ni Bồ-tát này, thì các chúng sinh mới phát tâm Bồ-đề, làm sao biết được điều nào phải làm, điều nào không nên làm, rồiđưa đến chỗ không nơi nương tựa, cho nên phải chế ra học xứ Bồ tát, giúp họ biết tiến tu. "Luận Đại Trí Độ" quyển 13 chép: " Ví như không có chân mà muốn đi, không có cánh mà muốn bay, không có thuyền mà muốn qua sông, là không thể được. Nếu không giữ giới mà muốn cầu quả tốt thì cũng giống như thế. Nếu người bỏ giới này, thì dù ở trong núi tu khổ hạnh, ăn trái cây, uống nước muối, cũng không khác gì loài cầm thú.

4. Trao pháp mạng: Nghĩa là các chúng sinh không có giới này, thì pháp mạng không lập, có khác gì loài phi tình và súc sinh. "Kinh Anh Lạc" quyển hạ chép: "Nầy các Phật tử, nếu quá khứ, hiện tại, vị lai tất cả chúng sinh không thọ giới Bồ-tát thì không gọi là hữu tình thức giả, đâu khác gì loài súc sinh. Không gọi là người, thường lìa biển Tam bảo, chẳng phải là Bồ-tát, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, v.v....

5. Lợi ích cao quý: Nghĩa là đem giới Bồ-tát trên hết này để thấm nhuận chúng sinh, giúp họ thành Chánh giác.

"Kinh Anh Lạc" nói: "Lại nữa, nếu Pháp sư nào ở trong cõi nước giáo hoá được một người xuất gia thọ giới Bồ-tát, thì bằng với phước đã xây tám muôn bốn ngàn ngôi tháp. Huống gì giáo hóa được hai người, ba người cho đến trăm ngàn người thì quả là phước đó không tểh nào lường được.

6. Thành các hạnh. Nghĩa là tất cả Bồ-tát đại hạnh vô biên, đều lấy Đại giới làm căn bản.

"Luận Đại Trí Độ" quyển 13 chép: "Ví như quả đất, tất cả muôn vật loại hữu hình đều bám trên đất mà sống, giới cũng như thế, là trụ xứ của tất cả pháp lành.

"Kinh Hoa Nghiêm" chép: "Ví như muốn xây cung thất, trước phải đắp nền cho vững chắc, giữ giới cũng như thế"

603- Gốc các Chúng Hạnh của Bồ-tát: "Kinh này... nói tất cả Bồ-tát đã học, đang học, sẽ học.

7. Thành tựu các giai vị: Nghĩa là Bồ-tát do đầy đủ giới, tín, hạnh được thành, nên mới được vào các giai vị Thập trụ. "Kinh Anh Lạc" nói: "Mới phát tâm xuất gia muốn nối giai vị Bồ-tát thì trước phải thọ đúng giới pháp, giới là tất cả hạnh công đức tạng căn bản, chánh hướng về con đường quả Phật.

Hỏi: Vị dùng trí mà thành, vì sao phải nói giới?

Đáp: Giới đủ ba nhóm. Trong giới Nhiếp thiện pháp có đủ Đại trí, lý cũng không trái phạm. Văn sau đây có mười Phát thú, mười Trưởng dưỡng v.v...... đều do giới nầy mà thành.

Hỏi: Vì sao biết được giới Bồ-tát này phần nhiều là giới mà Bồ-tát Trụ Tiền hành trì?

Đáp: "Kinh Anh Lạc" quyển hạ chép: "Ta nay ở dưới cội cây này nói cho mười bốn ức Bồ tát Thập Tín mới thọ giới pháp. Phật tử là Bồ-tát Thập Tín trong mười ngàn kiếp tu hành mười giới pháp sẽ vào Thập trụ tâm. Đây chính là ý nghĩa đó.

8. Trừ diệt chướng nặng: Trọng chướng nặng có hai:

Đó là Hoặc và Nghiệp, nay đã ngăn ngừa đầy đủ, ba nghiệp. Trong Luật Nghi giới, việc ác đều dừng, hạt giống hoặc nghiệp được trừ diệt. Nên "Kinh Anh Lạc" quyển hạ chép: "Thọ mười giới vô tận rồi, người thọ giới đã qua được bốn ma, vượt khỏi ba cõi. Từ đời này đến đời sau không mất giới này, giới nầy thường theo người tu hành cho đến khi thành Phật.

9. Hiển bày chân tánh nghĩa là do đủ tịnh giới Bồ-tát này, khiến cho nghiệp chướng tiêu diệt, tu thành tánh lìa rốt ráo. Dưới đây nói: "Phật tánh thường trụ, giới pháp lưu thông.

10. Được quả cao siêu: nghĩa là nhân vị rốt ráo của tịnh giới này chắc chắn phải được thắng quả Như lai viên minh. "Kinh Hoa Nghiêm" chép: "Giới là căn bản của vô thượng Bồ-đề, nên phải giữ tịnh giới đầy đủ. Kinh này nói tiếp: "chúng Bồ-tát nhiều như cát bụi do giới này mà thành Chánh giác. Đây là ý nghĩa đó.

II. THUỘC VỀ TẠNG NÀO:

Tạng có bốn loại

1/ Về hai tạng có hai: Đại thừa và Tiểu thừa đều có Bồ-tát và Thanh văn tạng. Trong bốn tạng này, Bồ-tát Tạng xếp vào Đại Thừa, hoặc xếp chung với Thanh văn tạng vào Đại Thừa. Vì trong Đại Thừa Thanh văn được chấp nhận thành Phật. Ở đây giới pháp này cũng thọ trì, cũng xếp chung Bồ-tát trong Tiểu thừa. Dùng ba mươi bốn tâm kia các việc lìa thật giới này càng không có, hoặc cũng chung cho cả Tạng Thanh văn kia. Vì bảy chúng đã trì Biệt giải thoát đều xếp vào luật nghi Bồ-tát. Cho nên pháp kia cũng ở trong đây.

2. Về ba tạng cũng có hai:

a) Chỉ có Đại thừa Tỳ-nại-đại chủng-tạng, vì giảng đầy đủ để điều phục hạnh.

b) Hoặc chung cho hai tạng khác. Vì giới gồm đủ ba nhóm luôn cả ba việc học. Thành nhân Ngũ vị đủ các tạng khác.

3. Về mười tạng cũng có hai:

a) Chỉ cho giới tạng

b) Hoặc chung các tạng khác.

Vì trong ba nhóm tóm thu các hạnh.

4. Mười hai phần giáo cũng có hai:

1. Thuộc về kinh dyên khởi
2. Cũng chung phần còn lại. Như lý nên biết.

III. GIỚI HẠN NHIẾP GIÁO:

Thánh giáo nhiều như cát bụi, tóm lược thành hai giáo: Hoá giáo và chế giáo. Hai giáo này được chia thành bốn môn:

1) Pháp khác: "Hoá giáo" nghĩa là Như lai ra đời nói pháp nhân, quả, lý, sự cho tất cả chúng sinh. "Chế giáo" là nêu lỗi bày quấy, lập chánh pháp ngăn phi lý, trái phạm thì kết tội, phân tích phạm tội khinh hay trọng đối với năm thiên bảy tụ

2. Cơ khác: Nghĩa là giáo chung cho tất cả chúng, không kể trong hay ngoài Phật giáo. Hoá giáo thì nói chung mọi căn cơ. Còn chế giáo chỉ bí mật dành riêng cho chúng trong Phật Pháp.

3. Ích khác: "Hóa giáo" chỉ giúp hành giả xa lìa tánh ác mà khởi lòng tin Phật pháp. Còn "Chế giáo" khiến rời cả Tánh giới và già giới để giữ gìn oai nghi khuôn phép, không bị người đời chê bai. Để chúng sinh tin được ánh sáng hiển bày của chánh pháp, tự mình phải tu hành để giáo hóa người.

4. Chủ khác: Có năm hạng người được làm việc "Hóa giáo" như:

1) Phật
2) Bồ-tát
3) Đệ Tử
4) Thần tiên.
5) Người Biến Hoá.

Còn "Chế giáo" chỉ có Phật mới được nói, vì không ai ngoài Phật được chế giới khinh trọng. Do bốn dị nói trên mà hai giáo (hóa giáo và chế giáo) trở thành khác nhau. thuộc về chế giáo trong hai giáo này, nhưng chế giáo chung cho Đại Tiểu, vẫn thuộc về Đại.

IV. NÓI LÊN CÁC CĂN CƠ ĐƯỢC BAO TRÙM: có bốn loại: có 4 loại

1. Y cứ vào tánh
2. Y cứ vào Về già nạn
3. Y cứ vào phát tâm
4. Y cứ vào gia vị hiện tại.Về thiện tai vị

1.Trong y cứ vào tánh có 2:

a) Về Quyền giáo: Trong năm tánh thì nhị thừa Định tánh và Vô chủng tánh không được làm, vì hai hạng này chẳng phải pháp khí. Chủng tánh Bồ-tát được làm. Bất định tánh cũng được xếp vào như các thuyết của Du-già v.v....

b) Về Thật Giáo: năm tánh đều được làm việc này, vì Phật tánh tất cả đều có. Dùng thân định nầy để vào vắng lặng, nên gọi là Định tánh nhị thừa. Chẳng phải nói cuối cùng mà không thú hướng Đại Bồ-đề, như các thuyết của Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng-già, Luận Bảo Tánh v.v.... Lại vì chê bai người Đại thừa là Nhất-Xiển-Đế vì y theo vô lượng thời nên nói vô tánh. Chẳng phải nói rốt ráo vô thanh tịnh tánh như luận Bảo Tánh và luận Phật tánh nói. Lại theo luận Phật tánh tự đoán nói không Phật tánh vì chẳng rõ được giáo khác như đã nói ở trước. Cho nên tất cả chúng sinh đều làm được.

2. Về già nạn: cũng có hai:

a) Tuy muốn phát tâm, nhưng có bảy già nạn hiện thân chẳng phải là pháp khí.

b) Thâm tâm cần phải sám hối dứt trừ già nạn, tướng tốt tương ưng phát tâm thuần thục mới có khả năng làm pháp khí.

3. Về phát tâm, cũng có hai:

a) Tuy trong tâm có chủng tánh nhưng chưa thể phát Đại Bồ-đề

tâm hiện tại, cũng chưa có khả năng làm pháp khí giới Bồ-tát.

b) Phải phát tâm thẳng đến chánh hạnh không có các lỗi tà cấu danh lợi mới có khả năng làm pháp khí của giới Bồ-tát.

4. Về giai vị Hiện tại, cũng có hai vị:

a) Chung

b) Thỉ.

"Chung" là từ"Tam Hiền" trở lên, Pháp Vân trở xuống, là giai vị cuối cùng của Bồ-tát. Tuy cũng thọ trì tịnh giới Bồ-tát, nhưng đã thọ nhiều đời thì chẳng gọi là mới được, vì tánh giới đầy đủ, chẳng phải là việc chánh.

"Thỉ" là từ Sơ phát ý Thập Tín trở xuống. Ở giới phẩm này có thọ, có tùy, có trì, có phạm, cho nên là việc chánh. Vì theo "Kinh Bản Nghiệp" thì Thập Tín sơ phát tâm thọ mười giới này. Nhập vào vị đó chỉ có việc tu thêm là khác thôi.

V. GIÁO THỂ NĂNG THUYÊN: Lược có mười môn,

1. Môn Năng thuyên: Nghĩa là chỉ lấy tên câu văn làm thể. Dùng năng thuyên để tiêu biểu cho sở thuyên.

2. Môn Quy thật: Nghĩa là chỉ dùng âm thanh làm thể. Vì danh theo thanh giả lập chứ chẳng có tự thể riêng. Kinh nói rằng: "Dùng âm thanh làm Phật sự".

3. Cụ nhỉ môn: Nghĩa là âm thanh và danh, phải đủ hai thứ này mới thành thuyên, biểu không lìa nhau. "Luận Thập Địa" chép: "Nói là lấy hai việc này để nói, nghe là lấy hai việc này để nghe".

4. Câu phi môn: Nghĩa là thanh và danh đều không mất. Nói tức không nói, không nói tức là nói, thuộc về vô ký tánh. Kinh nói: "Như lai thường trụ không nói một chữ". Bốn môn trên, ba môn chung cho Tiểu thừa. Đủ cả bốn môn là Đại thừa, thế nên đều hợp thành một việc, đều lìa cả có, không nên biết.

5. Môn Biến thông: Hương thơm, ánh sáng, tất cả các pháp đều là giáo thể. Đều giải thích lý lợi ích chúng sinh. Trong kinh nói dùng hương thơm, ánh sáng làm Phật sự.

6. Môn Thuyên chỉ: Nghĩa là năng thuyên, sở thuyên hợp lại thành tánh, vì nó không thể lìa nhau.

"Khế Kinh" chép: "Thể tánh lược có hai thứ": Văn và Nghĩa. Văn là năng y, nghĩa là sở y.

(604) 7. Môn Duy tâm: Nghĩa là năng thuyên, sở thuyên như danh... thanh... đều do tâm thức nói, nghe. Lại làm duyên lẫn nhau. Mà

hiển hiện, nếu rời tâm thức này thì chẳng có tánh nào khác.

Kinh nói: “Ta nói thức duyên, Duy thức hiện”

8. Môn Quy chân: Nghĩa là danh..., thức... tất cả đều là chân như. Vì các tướng luống dối vốn tự nó chấm dứt. Tánh chân như thật thể tự hiển bày. Kinh nói: “tất cả pháp tức như, v.v.....

9. Môn Vô ngại: Nghĩa là tướng của chân, tướng không ngại tồn tại, tức ngôn của vô ngôn đồng pháp giới, tức chân của tướng chân đều không hiển bày. Tức nói vô ngôn mà không lời nào chưa từng nói. Đã nói vô ngôn thì chẳng phải hai. Từ thuyết vô thuyết đều tồn tại, không ngăn ngại, thong dong cho là giáo thể.

VI. TÔNG THÚ SỞ THUYÊN: có hai ý

Trước hết giải thích Tông, sau hiển bày thú.

Hỏi: Tông và Thú khác nhau chỗ nào?

Đáp: Chỗ biểu thị cho lời nói gọi là Tông, chỗ trở về của Tông gọi là Thú.

Giải thích chữ Tông là ngay lời nói được tôn trọng. Thú tức là nêu ý nghĩa của nó. “Tông” cũng có hai nghĩa: Chung và riêng.

“Chung” là lấy ba nhóm tịnh giới của Bồ-tát làm Tông, lấy chánh văn để giải thích rõ chỗ tôn sùng để thực hành. Trong “Riêng” có năm nghĩa:

1. Thọ tùy
2. Chỉ tác
3. Lý sự
4. Tạo tu
5. Duyên thu

1. Phát khởi thệ nguyện lớn phải nhờ ba nhóm tịnh giới, lập chí thành tựu, nạp pháp ở trong tâm, nên gọi là “Thọ” Thọ khởi ở trước, trì tâm, sau khởi, thuận với sở thọ gốc, khiến cho giới sáng sạch, nên gọi là “Tùy”. Lại “Thọ” là phát chứng chung muôn hạnh từ đời sống. “Tùy” là riêng tu thuận thành bản thệ. Phải đủ hai thứ Tùy và Thọ mới thành chánh hạnh nên gọi là Tông.

2. Chỉ tác là chớ làm các việc ác lỗi nhỏ không lợi ích. Tu muôn điều lành các đức viên tu. Phải đầy đủ hai hạnh thành tựu sáng sạch nên gọi là Tông

3. Lý Sự: Nghĩa là Sự đề phòng ba nghiệp, tức dứt ác hành thiện. Dùng lý chế ngự tâm, khiến hoặc diệt, trí lập. “Luận Trí Độ” chép: “Bồ-tát cũng trì lý tánh giới. Còn trước lìa nghiệp chướng khiến phước

tròn đầy, sau trừ diệt hoặc chướng thành mắt trí tuệ. Đây tức lìa hai chướng thành hai nghiêm mới là rốt ráo, nên cho là Tông.

4. Tạo tu, có bốn:

- Pháp
- Thọ
- Tướng
- Hành

1. Được thọ giới pháp.
2. Chánh thọ tương ưng
3. Biện giới tướng
4. Đối duyên trì phạm.

Tuy giải thích rõ nhiều thứ nhưng gồm nhiếp chỉ có bốn môn, nên gọi là Tông.

5. Tổng thu: Nghĩa là chư Bồ Tát Ba La mật hạnh đều đầy đủ ba nhóm. Nghĩa là nhập ba nhóm tâm, tu ba hạnh, thành ba hồi hướng. muôn hạnh Bồ-tát không gì hơn những việc này, nên lấy đó làm Tông.

"Thú" là ý là trí. Nghĩa là trì ba giới này tăng trưởng ba việc học, thành tựu giai vị Tam hiền Thập thánh. Cuối cùng khiến được ba đức, ba thân, quả Phật vô ngại, là nghĩa của Thú.

1. Luật nghi: lìa lỗi hiển bày pháp thân Đoạn đức.
2. Nhiếp thiện: tu muôn hạnh lành để thành báo thân Trí đức.
3.Nhiếp chúng sinh giới thành tựu Ân đức hóa thân. Tông thú đã xong.

VII. GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC: có hai:

1.Phân tích một bộ đều là danh.

2.Giải thích mục khác của đương phẩm.

Trong phần một có hai:

1) Phạm võng là nghĩa sở thuyên, kinh là giáo năng thuyên. "Phạm": Ấn-độ âm gọi đúng là "Phạm-lâm-ma", phiên dịch tỉnh lược nên chỉ còn một chữ Phạm, Hán dịch là cực tịnh, vì rất trong tịnh, nên y cứ theo văn trên dưới có bốn loại:

1. Đứng về dụng hành lễ:"Phạm" nghĩa đương thể là mắt lìa nhiễm. Võng nghĩa là dụ cho công năng cao siêu. Trong đây, Phạm có một nghĩa. Nghĩa là nói năm vị hạnh thể bình đẳng tròn sạch trong sáng. Võng có hai nghĩa:

1) Nghĩa khác nhau.

2) Nghĩa Gạn lọc

Câu đầu dụ cho năm vị khác nhau như Tín. Câu sau dụ cho năm vị gạn lọc chúng sinh từ nhân đến quả, rốt ráo giải thoát. "Phạm" có ba nghĩa là Thể, Tướng, Dụng. Trong "Võng" có sự sai biệt là Tướng. Đây là y thể khởi dụng. Vì "Phạm" thành "Võng", cho nên gọi "Phạm võng" là thuộc về giải thích là trì nghiệp. Lại cũng là nêu cả pháp lẫn dụ làm tên.

2. Đứng về nghĩa: Đây là nêu mành lưới của Phạm vương, dụ cho nghĩa sở thuyên. Đều từ dụ gọi nên nói là Phạm Võng. Vì sao? Kinh quyển thượng chép: "Khi nhìn thấy mành lưới của trời Đại phạm, nhân đó Phật nói vô lượng thế giới giống như các lỗ lưới, nhiều vô lượng khác nhau. Giáo môn của Phật cũng giống như thế.

Giải rằng: "Vì Phạm vương dâng mành lưới này cúng Phật để nghe pháp. Phật nhìn thấy các lỗ lưới kết ngọc khác nhau, ảnh hiện lẫn nhau, tầng tầng lớp lớp, Phật liền lấy đó dụ cho chúng sinh mê ngộ tự tánh mà tạo nghiệp thiện ác, khổ vui lên xuống, y báo chánh báo đan xen lẫn nhau nhưng có phạm vi riêng biệt khác nhau, nên Phật nói rằng: "Thế giới giống như các lỗ lưới, nên gọi là Phạm Võng. Dựa theo đó giải thích là của cải, đó là Dụ.

Hỏi: Lưới Phạm ở đây và lưới Nhân-đà-la trong Kinh Hoa Nghiêm khác nhau thế nào?

Đáp: Kia là lưới Đế-thích võng, ở đây là lưới Phạm vương. Phạm ở tại điện, lưới nầy ở trên cột, ý nghĩa Dụ cũng khác. Lưới Đế-thích dùng ngọc báu kết thành, các lỗ lưới ảnh hiện lẫn nhau, nói nhiều tầng lớp vô tận, khác với lưới Phạm vương dùng các lỗ lưới có nghĩa khác nhau.

3. Đứng về giáo: Phạm giải thích giáo là tịnh, Võng nói lên giáo có công năng, nên Kinh Hoa Nghiêm chép: "Mở rộng lưới bủa xuống biển sinh tử, cứu vớt trời, người đặt lên bờ Niết bàn. Đó là ý nghĩa này. Cũng như Phật đã nói giáo môn nhiều như các lỗ lưới".

4. Đứng về giới: "Phạm" có hai nghĩa:

a) Về vị: Tại gia trì không gọi là Phạm hạnh.

b) Về thật: Thanh văn tiểu giới không ngại ý ác không phá các kiến. Không gọi là thật Phạm. Các Bồ-tát trì ba nhóm giới, đầy đủ ngăn ngừa ba nghiệp phá kiến, nhập lý, mới gọi là thật Phạm. Ở đây như phẩm Phạm Hạnh, trong Kinh Hoa Nghiêm chép: Lưới có ba nghĩa:

1) Dụ cho giới tướng Bồ-tát như cát bụi nhỏ nhiệm khác nhau, xem lẫn nổi chìm quanh co khó biết như lỗ lưới.

2) Dụ như công năng của luật nghi giới ngăn trở hữu tình làm ác

như màng lưới.

3) Dụ cho giới Nhiếp thiện pháp, cứu với chúng sinh lặn hụp trong hai thứ sinh tử, gạn lọc mình và người đều ra khỏi, cho nên trong đây giải thích Võng trì nghiệp thích vừa Phạm vừa.

Hỏi: Vì sao không chỉ có cách giải thích này mà còn chung ba thứ trên?

Đáp: Đây là một bộ tên chung, chẳng phải chỉ nói giới không, nên phải phân biệt chung.

"Kinh" là xâu kết lời Phật nói lại, nhiếp giữ nghĩa nên nói và chúng sinh được giáo hóa nên nói là Kinh.

2. Trong tên riêng có ba nghĩa:

a) Phật Lô-xá-na là nêu vị giáo chủ. Nói phẩm Tâm Địa Pháp Môn là một phẩm tên chung. Bồ-tát Giới Bản là trong phẩm mục khác. Trong Kinh tiếng Phạm gọi là Tỳ-lô-giá-na. Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, nhưng có hai nghĩa:

1) Bên trong dùng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp pháp giới. Đây là đứng về nghĩa tự thọ dụng.

2) Bên ngoài dùng ánh sáng trí tuệ chiếu ứng đại cơ. Đây là đứng về nghĩa tha thọ dụng. Vì sao ở đầu kinh nêu tên gọi này, là phân biệt khác với kinh do hóa thân Đức Thích-ca nói. Còn Phạm Võng trở xuống nêu tên này là các (605) phẩm khác. Trong Đại Bản Kinh Phạm Võng chỉ có phẩm này là do Phật Lô-xá-na nói. Phẩm khác là Đức Thích-ca nói. "Thuyết" là viên âm ứng cơ diễn bày lý mầu này nên nói là Thuyết. Bồ-tát như thường đãgiải thích. "Tâm" là 50 tâm như Tín, v.v... mà Bồ-tát nầy khởi lên. "Địa"tức là, các vị như Tín, v.v..... gọi chung là "Địa". Trong "Luận Thập Địa", Địa tiền được gọi chung là Tín hạnh địa, nên câu hữu sinh thành gọi chung là Địa, đều là khuôn phép tốt, gọi là pháp. Thông trí đi dạo sâu là "môn". Khác loại gọi là phẩm. Nay ở trong phẩm giải thích riêng như giới phẩm Bồ-tát nầy, cho nên nêu riêng. Nghĩa ngăn quấy dứt ác là "giới". Sơ lược khác với đầy đủ gọi là "bản".

VIII. NÓI VỀ GIÁO BẢN MẠT: có hai nghĩa:

Trước nói giới này, sau hiển bày loại khác.

1) Chỗ đến của giới này: Đây là giới bản của Chư Phật trong pháp giới ba đời chứ chẳng phải mới chế. Xá-nặng Bồ-tát tu hành giới này vị mãn thành Phật. Trên thế giới Liên Hoa Đài Tạng,vì muốn lợi lạc chúng sinh, nên tụng ra truyền trao hóa thân, khiến cho mọi người ở cõi

Diêm-Phù-Đề vì chúng sinh phương tiện tụng ra, nên có được giới bản này. Tương truyền bản của ngài La-thập Tây Vực có 6 muôn bài tụng 61 phẩm, phiên dịch đầy đủ thành ba trăm quyển, chưa truyền đến cõi này nên không đầy đủ.

2) Loại giới khác: Như trong "Lương triều Nhiếp Luận giới học" có dẫn Kinh Tỳ-Nại-Da-Cù-Sát na-Tỳ-Phật-Lược chép: "Bồ-tát giới có mười muôn thứ khác nhau, Như Đại bản này chưa truyền bá ở khu vực này. Tương truyền, Tam tạng Chân Đế chở Tạng luật Bồ-tát đến Trung Hoa.Trên đường đi Nam Hải, thuyền sắp chìm, người trên thuyền vứt bớt các đồ vật khác xuống vẫn không chạy nổi, cuối cùng phải ném bộ luật xuống biển thuyền mới chạy tới được. Ngài Chân Đế than rằng: "Giới luật Bồ-tát không có duyên với đất Hán, thật đáng buồn". Tương truyền ở châu Tây Lương có Sa-môn Pháp Tấn đến cầu Tam tạng Đàm-Vô-Sấm thọ giới Bồ-tát và thỉnh Ngài dịch giới bản. Sấm nói: "Tánh tình người nước này phần nhiều xảo trá, lại không có khuôn phép, đâu có khả năng làm đạo khí Bồ-tát, bèn không cho thọ. Tấn thỉnh mãi không được, bèn ở trước tượngPhật lập lời thệ nguyện tha thiết cầu giới. Vừa được bảy ngày, Đạo Tấn nằm mộng thấy đức Di-lặc đích thân trao giới luôn cả quyển giới bản, sau khi tụng xong thì tỉnh giấc, Đạo Tấn đến gặp Đàm-Vô-Sấm. Sấm nhìn thấy Đạo Tấn có tướng khác lị, nên thốt lời khen rằng: "Đất Hán cũng có người". Rồi ngài liền dịch một quyển giới bản, văn nghĩa giống như trong giấc mộng của Đạo Tấn. Nay bài kệ quy mạng được đặt ở đầu quyển giới bản Địa Trì đó. Lại nghe các chùa Tiểu thừa ở Ấn-độ tôn ngài Tân-Đầu-Lô làm Thượng tọa, các chùa Đại Thừa tôn ngài Văn-thù-sư-lợi làm Thượng tọa. Khiến chúng đồng trì giới Bồ-tát, Yết-ma thuyết giới đều làm pháp sự Bồ-tát. Luật tạng thường tụng không dứt. Nhưng năm luật bốn bộ của Thanh văn Trung Hoa lưu hành đã lâu, còn Luật tạng Bồ-tát từ xưa chưa có lưu hành. Đàm-Vô-Sấm nói ở đây đã chứng nghiệm. Đến nỗi xưa nay có người phát tâm thọ giới, nhưng ở về trì phạm còn mịt mờ chưa được nghe. Than thở rất nhiều, không thể được, tâm nhỏ hẹp mong muốn hanh cao quý này, mỗi khi có điều gì không hiểu chỉ biết hướng về phương Tây nguyện cầu nhưng không toại ý, mà lòng vẫn không thôi. Về sau, tìm kiếm được đầy đủ Tạng kinh, nhặt nhanh được những chỗ còn bỏ sót, ghi chép thành Bồ-tát Tỳ-ni Tạng, 20 quyển. Trong đó nhận thấy Giới bản Bồ-tát từ trước đến nay chưa được các thiền đức giải thích đầy đủ. Nay mạo muội đem sự ngu dốt cùng cực của mình để thuật tán, ngõ hầu cùng các đồng nghiệp biết sơ về trì phạm mà thôi.

IX. DUYÊN KHỞI TRUYỀN DỊCH

Đời Diêu Tần, vua Diêu Hưng, niên hiệu Hoằng Thỉ thứ 3, có Tam tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng Thọ, người ở Tây Vực, Pháp sư giữ giới Bồ-tát nên thường tụng phẩm Tâm Địa Pháp Môn nầy. Nội dung Phẩm này nói lược về giới tướng Bồ tát. Hầu hết người Ấn-độ giữ giới Bồ-tát đều tụng. Lúc đó, Sa-môn Tuệ Dung, Đạo Tường, v.v... cùng hơn 800 người xin thọ giới Bồ-tát với ngài La-thập. Pháp sư liền ở tại vườn Tiêu Dao (có người nói là chùa Thảo Đường) thuộc Trường An, cùng các học sĩ phiên dịch hơn 50 bộ kinh. Bộ Kinh Phạm Võng là bộ được dịch cuối cùng của ngài La-thập.Trong việc phiên dịch đó có ngài tuệ Dung làm người ghi chép, cũng đồng tụng trì. Và được chép riêng thành quyển hạ nầy. Bài kệ tụng giới tướng là một quyển. Sau này gọi là quyển giới tướng 10 trọng 48 khinh. Quyển đầu riêng nêu các mục đương thời thọ giới yết-ma. Nhưng nói trong phẩm "Yết Ma Xuất Phạm Võng Kinh Luật Tạng". Phật Lô-xá-na là Diệu Hải Vương trao giới pháp Bồ tát cho Thiên Tử, có khoảng hơn 800 người tụng giới bản này.

X. TÙY VĂN GIẢI THÍCH NGHĨA

Trong văn này chia làm ba phần:

1- Bài kệ, 11 hàng rưỡi là phần nêu nguồn gốc khen ngợi giới.

2- Từ bấy giờ trở xuống là phần đối duyên chánh thuyết.

3- Từ nay tà mạng ở dưới cội Bồ-đề nầy trở xuống, là phần kết thuyết khuyến trì.

GIẢI THÍCH:

Phần giới khởi phải theo.

Phần đối duyên chánh nói

Phần kết nói khuyến học

Trong phần 1 chia làm hai nghĩa:

Có năm bài kệ nói về nguồn gốc hiển giới.

6 bài kệ rưỡi là khen giới khuyên trì.

Giải thích năm giới trước chỗ phải theo là tốt đẹp.

Giới Sỡ lưu là cao quý.

Còn trước là người truyền giới cao quý. Sau là giới được truyền cao quý. Trong phần trước có bốn:

Tụng nói Lô-xá-na chân thân khởi ngàn hóa Phật

Một bài tụng nói về ngàn hóa Phật đều hóa thành trăm ức Thích-

ca.

Một bài tụng nói hóa thân có truyền thông giới nầy.

Hai câu trên nói: Bản nguyên thật thân,

Hai câu dưới là Hiện ngàn Phật

Trong đây Phật Lô-xá-na có ba nghĩa: Có người giải thích rằng: “Lô xá na trên đài hoa ngàn cánh là thân Tự thọ dụng, Phật trên hoa ngàn cánh là thân Tha thọ dụng. Trăm ức Thích-ca là thân biến hóa, giải thích này e không hợp lý, vì Phật trên đài hoa cũng là Thân tùy tha thọ dụng. Nay giải thích, trong Đức Phật này tự Thật thành và Ứng cơ hóa cảnh. Trong các Thánh giáo có năm thuyết:

1.Về các bộ Tiểu Thừa. Trong Đại thiên có trăm ức Diêm phù, chỉ có Đức Thích-ca của Diêm-phù này là Thật báo thành Phật, Châu khác đều là Hóa võng. Vốn không nói về Phật Lô-xá-na.

2. Nếu nói theo các thuyết Đại thừa thì trên cõi trời Ma-hê-thủ-la có một vị Thật báo thành Phật, lấy một Đại thiên thế giới làm cảnh sở duyên, hóa thành trăm ức Thích-ca nhất thời thành Phật.

3.Theo kinh này, thì thế giới Liên Hoa Đài tạng thân thật ngồi trên đài hoa thành Phật gọi là Lô-xá-na, trên ngàn Đức Thích-cao quý trên ngàn cánh hoa thì ngàn Ma-hê-thủ-la trên trời đều có một đức Thích-ca. Ngàn Thích-ca này mỗi vị đều hóa thành trăm ức Đức Thích-ca. Có trăm ngàn ức Thích-ca ở ngàn trăm ức nước dưới cây Bồ-đề đồng thời thành Phật. Y theo đây thì khi một thân thật thành Phật lấy thế giới tam thiên làm cảnh hóa chủ, hợp với ngàn trăm ức thân, gàn Phật Thích-ca là Thật báo, Ngàn trăm ức Đức Thích-ca là hóa thân

(606) 4/. Theo Nhiếp Luận, thì thân thọ dụng có hai thứ:

1. Tự Thọ dụng, là thật thân thành Phật gọi là Pháp giới thành. Thân và cõi tương xứng, y báo và chánh báo vô ngại, chỉ có Phật độc trụ, không có Bồ-tát.

2. Tùy thân Tha thọ dụng, là Bồ-tát a thượng ở trong Tịnh độ hiện thân nói pháp, là căn cơ địa tiền hiện hóa thân Phật, sở chủ hóa cảnh còn rộng hơn trước. Luận Đại Trí Độ nói: “Số Tam thiên đại thiên thế giới này, như Hằng sa là một thế giới chảy. Số thế giới chảy này khắp mười phương Hằng sa là một thế giới Phật, là cảnh giới của Phật Thích-ca hóa hiện.

5.Theo Kinh Hoa Nghiêm thì không ai thành, không ai chẳng thành, nên Lô-xá-na ở tất cả nơi đều thật thân thành Phật. Lại vì Lô-xá-na tức là Thích-ca không phân biệt Báo và Hóa cảnh vô biên vô tận, và như loại núi Tu-di, số thế giới cùng tận mười phương khắp hư

không khắp pháp giới. Còn một loại hình cây thế giới cũng khắp pháp giới. Đứng cạnh thế giới ngửa, thế giới úp, các thế giới chúng sinh có vô lượng loại hình.

Mỗi loại hình này đều trùm khắp pháp giới. Nhưng không chướng ngại lẫn nhau. Còn nhiều loại khác đều xếo vào bên thế giới Liên hoa tạng, do đó nên Kinh Hoa Nghiêm cũng nói là Vô tận. Lại dùng Hoa tạng giới trong mỗi cát bụi hiện ra tất cả thế giới, như mành lưới của trời Đại Phạm thiên, lớp lớp vô tận. Vô tận biểu thị vượt qua suy nghỉ bàn luận. Những chỗ này đều là nơi xoay bánh xe pháp của Phật Lô-xá-na. Nay trong văn vẫn y như nghĩa thứ ba nói ở hai câu trên.

Câu 1: Hiển bày bản thân Phật.

Câu 2: Nói về nguyên độ.

Câu thứ 1: Vì Phật Lô-xá-na tự nói, nên nói: nay ta. Nhưng phân biệt chung thì "Ngã" lược có 6 nghĩa:

1. Chấp ngã: là phân biệt, câu sinh ở phàm vị.
2. Mạn ngã: chỉ cho câu sinh ở địa vị hữu học.
3. Tập khí ngã: Hai ngã tập khí còn lại ở vị Vô học
4. Tùy thế lưu bố ngã: Chư Phật tùy theo thế gian giả gọi.
5. Tự tại ngã: Tự tại Như lai lấy trí Hậu đắc làm tánh.
6. Chân ngã: Chân như thường lạc ngã tịnh làm tánh. Trong đây gọi Ngã chung cho ba loại sau. Tùy theo nghĩa nên biết, "Lô-xá-na" nghĩa như trước đã giải thích.

Câu thứ hai: Nói "đang ngồi đài hoa sen" phương có hai nghĩa:

Tương dục, nghĩa là phương hướng

b) Chánh trụ, nghĩa là đang ngồi.

Nay theo nghĩa sau. Vì đang ngồi trên hoa nên gọi là đang ngồi vậy.

"Đài Hoa sen" là y chỉ viên mãn trong 18 viên mãn,. Các luận giải thích chung có ba nghĩa:

Y cứ vào sự

Y cứ vào lý

Y cứ vô ngại.

"Nói về Sự": Nghĩa là Như lai đã cảm được Đại bảo liên hoa Vương làm chỗ y chỉ. Nhưng phân biệt chung hoa sen gồm có bốn loại. Luận Đại Trí Độ chép:

1. Hoa sen của lòai người có mười cánh trở lên.
2. Hoa sen cõi trời có trăm cánh trở lên.
3. Hoa sen của Bồ-tát có ngàn cánh trở lên

4. Nghĩa y cứ theo hoa sen Phật là vô hạn lượng.

Nên trong Kinh Hoa Nghiêm, tòa hoa sen lớn không nói số cánh. Chỉ nói rằng: "Mỗi cánh hoa đều đầy khắp pháp giới.

2. Nói về lý: Như lai trí thân y theo nghĩa chân lý nên dùng hoa sen để tiêu biểu cũng có bốn nghĩa. Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép:

1) Như hoa sen ở thế gian trong bùn mà không nhiễm ô. Thí như pháp tánh chân như ở thế gian mà không bị làm ô nhiễm.

2) Như hoa sen tánh tự khai mở. Thí như chân như tự tánh khai ngộ chúng sinh, nêu chứng thì tự tánh khai mở.

3) Như hoa sen được bầy ong đến hút mật. Thí như chân như được các thánh sở dụng.

4) Như hoa sen có bốn tính chất: Hương, tịnh, mêm mại và đáng yêu.

Thí như Chân như có bốn đức: Thường, lạc, ngã, tịnh

3- Lý sự vô ngại: nghĩa là quả Phật viên dung lý sự hỗn hợp (thông), y chánh tự tại tức nhau vô ngại. Suy nghĩ điều này rất dễ hiểu.

Trong hai câu dưới:

1. Nói chỗ mà Phật an trụ: nghĩa là trên ngàn cánh hoa, hoặc nói rằng: " Thiên liên", câu dưới là Phật sở hiện. Ngàn này vẫn là xếp vào thân thọ dụng. Có người giải thích rằng: "Nếu đứng về tướng hiển bày thì thân Lô-xá-na là Thập địa sau vị Bồ-tát Đẳng giác hiện. Ngàn Đức Thích-ca này là Bồ-tát Sơ địa trở lên hiện, ở đây cũng không trái.

2. Một bài tụng, một câu thứ hai nói ngàn Phật lại hiện trăm ức Thích-ca. Bốn câu trước giải thích một hoa đã hiện. Câu sau kết thúc các hoa khác. Câu đầu nêu một hoa đứng đầu trăm ức cõi nước. Ở châu Thiệm bộ phía Nam, dưới gốc cây Bồ-đề có một Đức Thích-ca, đồng thời thành Phật nên nói đều ngồi, v.v..

"Loại kết" nói như thế. Chính là ngàn trăm ức.

3. 1 tụng 2 câu thứ ba nói Hóa Phật từ Báo Phật lãnh thọ giới pháp.

Câu đầu nêu bản thân Phật Lô-xá-na là chỗ của Hóa Phật xuất ra cho nên phải nêu. Câu kế nêu số hóa thân, câu kế nữa nói chủ tể nắm đầy đủ Đại chúng quyến thuộc. Câu kế nói lên chủ bạn đều đến chỗ Lô-xá-na. Câu kế chánh thọ giới pháp. Câu kế nói lợi ích của giới, nghĩa là giới mầu này trong các thuyết đó rất giống với chữ Cam lộ. Vị ngon trong các vị, ở đây đầu tiên nói ra nên nói khai môn.

Giải thích: "Cam lộ có ba nghĩa:

1) Ăn được no đủ, nhiếp thiện bên trong đầy đủ.

2) Uống vào dứt bệnh khát, đồng với nhiếp sinh cứu giúp

3)Uống thuốc vào hết bệnh tật, đồng với luật nghi dứt ác, nên gọi là Dụ.

Cam Lộ là thuốc tiên. Uống vào sống mãi không chết. Được giới mang này, cùng tận đời vị lai.

4) Hội bài tụng,1 câu nói hóa y cứ vào có truyền thông bản giới, câu giữa đều trở về bản vị.

(607) Hai câu sau truyền chung giới này, nghĩa là giới pháp này Chư Phật làm thầy nên gọi là giới Bản Sư. 10 giới trọng xuất xứ từ số giới tướng khinh trọng. Từ trước đến nay nêu nguồn gốc hiển bày giới đã xong. Từ đây trở xuống là Thứ hai khen giới khuyên trì, trong đó có hai:

Có ba hàng một câu, khen ngợi lợi ích khuyên tho, ba hàng sau một câu nêu pháp khuyên tin. Trong câu đầu có sáu ý:

1. Hai câu: Giải thích giới đức viên mãn. Trong phần đầu phá được vô minh tăm tối lớn, ra khỏi đêm dài sinh tử. Hiển bày không trụ Niết-bàn, nên nói như “nhật nguyệt”.

2. Có thể trang nghiêm hành giả. Khiến Chư Phật hộ niệm người trời vui vẻ, nên nói như “chuỗi anh lạc”.

Giải thích, ban đầu là tuệ nghiêm, sau là phước nghiêm.: “Luật Nghi giới vì có công năng phá tối tăm, xấu ác cho nên ví như “mặt nhật”, “giới Nhiếp chúng sinh” lấy đại bi mát mẻ làm tướng nên nói giống như “mặt nguyệt”. “giới Nhiếp thiện pháp” vì có công năng nhiếp tu đầy đủ các pháp tốt đẹp để tự mang bêb mình nên nói như “chuỗi anh lạc”. Hai câu kế nói: “Giới dụng sâu rộng, nghĩa là Bồ-tát nhiều như cát bụi là nhiều người đồng hành cho nên cao quý. Do đây thành Chánh giác có thể thành Đại quả nên thông gọi là, cũng vì câu trước là rộng, câu sau là sâu.

3. Hai câu kế nói người đại tụng trì nên gọi là “Thắng”, câu đầu là Báo Phật, câu sau là Hóa Phật.

4. Hai câu kế: Nêu lợi ích khuyên học, thành hạnh tự lợi.

5. Hai câu kế: Giáo lệnh chuyển trao thành hạnh lợi tha.

6. Ba câu kế: Răn nghe lời Phật tụng, vì trong giới này chứa nhóm đầy đủ các đức nên nói là “Tạng”. Lại còn phân biệt Định cộng giới và Đạo cộng giới nên nói giới là Ba-la-đề-mộc-xoa. Phạm ngữ là Ba-la-đề, Hán dịch là Biệt, gọi đủ là Tỳ-mộc-xoa, Hán dịch là Giải thoát

Trì giới hạnh này, đối với các cảnh phạm đều biệt biệt giải thoát

cho nên gọi như vậy. Lại có thể ngay trong sinh tử mà được giải thoát.

2. Trong nêu pháp khuyến tu chia làm ba:

a) Năm câu nói tin pháp thành lợi ích.

b) Khuyên chung sinh tin

c) Hai câu nêu ra cảnh sở tín, lại là phương tiện sinh tín. Nghĩa là tin chính mình có Phật tánh, tức là quyết định tương lai thành Phật. Hai câu phân biệt tin ích, nghĩa là tín tự có tánh trụ Phật tánh. Tin Phật là chỉ đắc quả tánh. Nghĩa là khởi tin này tức là phát nhập vào lý Bồ-tát tâm, đây là đắc giới. Nên Kinh Vô Cấu Xưng chép: "Phát tâm Bồ-đề là xuất gia, tức là thọ giới cụ túc, thành tánh Tỳ-kheo. Đây chính là nghĩa đó.

2. Có sáu câu khuyên chúng thọ giới, trong đó có hai:

1. Hai câu khuyên chung thọ giới.

Tức là văn dưới chỉ giải lời Pháp sư nói thọ hết được hành nên nói tất cả có tâm.Phàm những người có tâm đều nói có Phật tánh. Có Phật tánh nên có khả năng làm đạo khí. Nên nói rằng: "Nhiếp Phật giới". Còn trước là Phật sẽ thành là y cứ thể Phật tánh. Đây nói người hữu tâm, đều thuộc về Phật giới, là dụng của Phật tánh.

2. Bốn câu kế, giải thích lợi ích nhiếp giới. Nghĩa là vào trong ba nhóm giới Bồ-tát, tức là vị của Phật bản nhân, nên gọi là Phật tử. Dưới đây các giới đầu đều gọi là Phật tử.

3. Hai câu sau vì có lợi ích này nên khuyên chúng nghe tụng, từ trước đến nay chính là phần thứ nhất, nêu nguồn gốc khen ngợi giới đã xong.

I. ĐẠI ĐOẠN CHÁNH THUYẾT, chia làm ba:

1. Nói về việc đương thời là bài tựa của người kết tập

2."Bảo các Bồ-tát v.v...." là chánh tụng.

3. Từ tà mạng đã nói, v.v.. trở xuống là kết khuyến thọ trì

- Trong phần đầu có bốn:

1. Bài tựa về thời gian nơi chốn thành Phật

2. Bài tựa về giới tướng đã kết

3. Bài tựa ánh sáng nơi miệng tiêu biểu cho lời nói

4. Tựa chúng nhóm họp nghe thọ

Trong phần đầu, "bấy giờ" là hóa thân nầy từ ý chí mà Báo Phật đã thọ trở lại đến đây, nên nói: là bấy giờ. Đức "Thích-ca" Hán dịch là "Năng", thuộc về "Tánh". "Mâu-ni" Hán dịch là "Tịch". Cây Bồ-đề ở nước Ma-già-đà. Ở dưới gốc cây này có tòa Kim cương. Ngàn Phật ở kiếp Hiền đều ở trên tòa này thành đẳng Chánh giác, dưới gốc cây này

được Bồ-đề nên gọi là cây Bồ-đề. Bắt đầu ngồi thành Phật, nên nói là sơ tọa.

- Tựa đã kết giới, có hai ý:

1. Biện tướng
2. Hội danh.

Trong phần trước cho là giới này chẳng phải đợi phạm rồi mới chế. Trước lúc thành Phật đã kết giới này. Không đồng với giới Thanh văn, nên nói ban đầu kết Ba-la-đề-một-xoa. "Hiếu" là đối với bậc trên khởi tâm sâu. Nhớ ân tôn kính vui kinh mến cúng dường. "Thuận" là lìa bỏ cái thấy của mình, thuận theo lời dạy của bậc trên. Hiếu thuậnvới ai? Lược ra ba cảnh:

- Ân cha mẹ sinh dục
- Ân thầy tổ dạy bảo
- Ân cầu Tam bảo che chở.

Nhưng cha mẹ có hai vị:

- Cha mẹ hiện đời.
- Cha mẹ quá khứ. Nghĩa là tất cả chúng sinh đều được cha mẹ sinh ra. Nay do giữ giới đối với cha mẹ rất sinh tâm kính dưỡng. Nay tu gốc lành phát tâm Bồ-đề. Đời nay, đời sau lìa khổ được an vui. Nay do phát tâm Bồ-đề giữ giới Bồ-tát, cứu giúp tất cả chúng sinh đều là hiếu thuận. Còn do giữ giới Bồ-tát thanh tịnh nên được đạo lực cứu hộ tất cả chúng sinh. Nên đối với cha mẹ quá khứ, hiện tại cũng là hiếu thuận, lại cúng dường hiếu thuận sư tăng, Tam bảo, văn dưới đây có nói đủ. Còn vì đúng như lời tu hành là báo đáp ân đó nên thuộc về hiếu thuận. "pháp Chí đạo" là đạo chí cực, chẳng gì trước pháp này. Còn tu theo đạo này sẽ được đến quả nên nói là chí đạo. Nghĩa là thực hành liễu nhân đến quả Niết-bàn, còn thực hành sinh nhân đến quả Bồ-đề.

2. Hội danh, nghĩa là thực hành hạnh hiếu này, tức là thuận theo lời dạy không trái với tên gọi là trì giới, nên Hiếu gọi là Giới. Giới nghĩa là chế ngự ba nghiệp dứt bỏ các điều ác. Nên nói giới cũng gọi là chế chỉ.

3. Tựa ánh sáng nơi miệng Phật: Như lai sắp nói giới pháp, trước hết nơi miệngvàng phát ra ánh sáng rực rỡ, giật tỉnh khiến chúng sinh biết, nên từ miệng Ngài nhã ra giới pháp chiếu sáng vào tâm Ngài, nên hiện ra tướng này khiến chúng sinh nhóm họp lại.

4. Tựa chúng sinh tụ tập nghe, trước hết nhóm chúng.

- Phân biệt kính nghe. Chấp tay nghi thức thân không kiêu mạn, dốc lòng trụ niệm không tán loạn.

Thứ 2: Trong đối cơ chính tụng có hai:

Giới pháp rất cao quý.

Cho nên các Phật Tử phải chánh thọ khuyên tu học.

Câu một, có hai ý:

Y cứ vào người nói lên sự thù thắng.

Cho nên giới, v.v... trở xuống là đứng về pháp giải thích cao quý.

Câu trước có hai ý:

a) Đứng về Phật tự thông, nói lên người cao quý tụng nên nói giới cao quý.

b) Đứng về năm vị Bồ-tát chúng tụng. Nói nhiều người tụng nên nói giới cao quý vậy. Vì tín hành không thành vị nên chỉ nói phát tâm. Vì Thập trụ là mới vào vị Tam hiền nên nói là Thập Phát Thú. Thập hạnh tu thêm gốc lành nên gọi là Trưởng Dưỡng, Thập Hồi hướng là thế gian tu rốt ráo vững chắc không hoại nên gọi là Thập Kim cương. Đây là Thập Địa nên biết. Cho nên "giới quang từ miệng phát ra" là trước từ từ mới phát tâm cho đến hết Thập Địa.

Từ vô số kiếp thường tụng trì. Đến sau khi tụng ánh sáng trong miệng phát ra mỗi khi nói giới. Như "Luận Trí Độ" nói: có ba hạng Tỳ-kheo nhờ nhiều đời nói pháp nên từ miệng thoảng ra mùi thơm, cũng giống như thế.

Giải thích, vì giới pháp nầy phá tối vô minh, theo dụng gọi là ánh sáng. "có duyên chẳng phải vô cớ" là nay tụng giới này miệng phát ra giới quang chẳng phải không có nhân duyên. Vì nhiều kiếp chứa nhóm nhân duyên rất chắc chắn đến đổi được như thế.

Giải thích: Đây thuộc về thứ hai, đứng về pháp giải thích sự cao quý, trong đó có ba nghĩa:

1) Nói về giới không tự tánh, khởi nhờ nhân duyên, nghĩa là giới pháp này đã từ nhân duyên, phi tự tánh. Giới vô tự tánh gọi là giới quang. Vì Phật nói là duyên, cơ cảm là nhân, hoặc thầy trao là duyên. tâm Bồ-đề là nhân. Giới vô tự tánh mới được phát khởi. Nên nói rằng: "Có duyên chẳng phải không nhân.

2) Giới thể sâu kín. Câu "Cố quang quang đẳng", "Quang" dụ cho giới, nghĩa là nhân duyên phát ra giới thể nhiều vô lượng vô số nên nói: "Quang quang". "Cố" là lý do. Nghĩa là giới quang này là nhân duyên sinh. Cho nên vô tánh, vì lìa tướng nên nói chẳng phải xanh v.v..... Trong đó ba câu:

Lìa sắc tâm nghĩa là chân giới tánh này chẳng phải chất ngại còn chẳng phải duyên lự. Nên nói "chẳng phải sắc tâm".

Giải thích, giới ở tư chủng mà dựng lập. Nên dùng tư chủng làm thể, nên nói là “phi tâm”.

2. Lìa hữu vô, nghĩa là giới duyên khởi không có tự tướng, tức duyên chẳng phải giới, lìa duyên vô giới. Dứt tức dứt lìa (608) không được trung gian. Cầu giới như thế không phải là hữu vô. Nhưng giới này chẳng phải vô, giới này là bất hữu. Vì bất đồng sừng thỏ không nhân duyên, cho nên giới này dứt hết hữu vô. Lại có thể chẳng phải sở chấp nên bất hữu. Từ duyên khởi nên chẳng phải vô. Lại từ duyên khởi nên chẳng có. Chẳng phải sở chấp nên chẳng phải vô, nên nói rằng phi hữu phi vô. Vì giới xứng tánh lìa năng sở sinh nên chẳng phải nhân quả

Lìa nhân quả.

Giải thích, vì giới có công năng thành quả Đại Bồ-đề quả kia nên chẳng phải quả pháp. Lại nhờ Bồ-đề tâm làm nhân khởi nên pháp phi nhân. Vì quả chẳng phải quả, tức là nhân. Nhân đây chẳng phải nhân tức quả. Cho nên khắc tánh chẳng phải nhân quả.

3) “Bản của Chư Phật”...v..v.... trở xuống là nói rộng về dụng của giới.

Trong đó có ba ý:

a) Nói về giới tuy chẳng phải quả mà có khả năng làm quả, nên nói rằng: Bản nguyên của Chư Phật.

b) Nói về giới tuy chẳng phải nhân mà có khả năng làm nhân, nên nói rằng căn bản của Bồ-tát, vì Bồ-tát là nhân vị.

3. Tuy đều chẳng phải nhân quả, nhưng có thể chung làm gốc cho đại chúng.

2. Cho nên, v.v...... trở xuống là kết khuyên tu học. Nên thọ, nên trì, nên tụng văn, nên học nghĩa.

Thứ hai: Nói trong giới có duyên đầy đủ.

1. Nêu thọ giới Phật.

2. Phân biệt giới có khác nhau. Có 20 chúng, ở trong người biến hóa. Như có thể biến thành người, Tiểu thừa nhập vào khó. Trong đây là chung. Sau chỉ hiểu lời Pháp sư... trở xuống là kết chung nhiều môn. Nghĩa khác có thể biết.

II. TRONG PHẦN CHÁNH THÔNG GIỚI TƯỚNG THỨ HAI: có hai:

Trước giải thích chung tướng tùy giới, lược chia thành sáu môn: lược làm 6 môn:

1. Giải thích tên

2. Chia ra khinh trọng
3. Nói về phương tiện đủ thiếu
4. Trì phạm thô tế.
5. Các bộ chủng loại.
6. Đối với Tiểu phân biệt khác.
- Điều như nói riêng.
Trong phần giải thích riêng giới tướng cũng có hai:
a. Nói mười giới trọng,
b. Nói 48 giới khinh.
Trước có ba:
1) Nêu số khuyên trì
2) Lập danh giải thích tướng.
3) Tổng kết khuyên trì
Lại cũng có thể chia ra:
1) Tụng chung.
2) Tụng riêng.
3) Kết khuyên
1. Trong chung chia làm bốn:
1) Nêu số
2) Nếu thọ, v.v..... trở xuống là khuyên tụng văn đó. Trong đó trước nói không tụng có tổn. “Phi Bồ-tát” là trước hiện hành tâm Bồ-đề. Chẳng phải hạt giống là hạt giống trái với tâm Bồ-đề. Lại trước mất vị sau mất hạnh, sau nêu Phật tự tụng rõ ràng mà có lợi ích.
3) Khuyên học nghĩa của nó. Nghĩa là nêu ba đời đều học khuyên thọ học.
4) Đã nói lược v.v.... trở xuống là kết nói khuyên trì. Đều nên biết.
2. Trong phần lập danh giải thích tướng, trước dùng nghĩa để phân biệt, sau là giải thích bản văn.
a) Ban đầu mười giới trong thứ lược làm mười môn.
1- Giải thích tên
2- Nói nhân phạm
3- Nói vật phạm
4- Nói cảnh phạm
5- Tạo cảnh tự, tha.
6- Tự làm, xúi giục người làm
7- Tướng phạm đầu cuối
8- Nói phạm khinh trọng

9- Các bộ nhiếp nhau

10- Nói thu nhiếp ba nhóm.

Ban đầu giải thích tên, trước hết giải thích tên chung, nghĩa là một châu viên số. 2 lần 5 là 10, "Ba-la-di" Hán dịch dịch là Tha thắng xứ, lược có ba giải thích.

1. Đứng về pháp, nghĩa là Đệ tử Phật vì trì giới Phật gọi là Tự. Chẳng hủy giới Phật là Tha, nếu chuyên tinh không phạm thì Tự thắng Tha. Nếu phá căn bản của giới Tha thắng Tự. Lấy giới làm học xứ, trì phạm y theo đó nên gọi là Xứ.

2. Đứng về nghiệp, nghiệp ma là Tha.

3. Nói về báo, rơi vào chỗ bất như ý là Tha, đều nên biết. Đây là từ nghĩa số để rõ tên tức dùng số để giải thích.

- Tên khác như giải thích sau đây.

- Nói về nhân phạm, nghĩa là phạm mười giới trọng này đều là nhân ba độc. Trong đó có hai:

a) Y cứ vào tướng thô

b) Y cứ vào tế để giải thích.

1) Trong mười giới này, sát, hủy và sân phạm ba nhân nầy do sân mà phạm. Thế nên chế giới này để ngừa sân. Trong đây y cứ vào ba nghiệp động để chia làm ba đó là Thân, ngữ, ý theo thứ lớp nên biết. Còn trong ngoài chia làm hai:

Hai thứ đầu y cứ bên ngoài

2. Một thứ sau y cứ bên trong.

Sắc, thanh ngoài trong chia ra khác nhau. Còn trộm, dâm và xan ba nhân này phạm tham. Nhưng hai thô đầu, sau hiện một tế, còn đứng về tài sắc thì chia làm hai:

1. Trộm cắp, san tham đều tham của cải người khác. Tự, Tha, nghĩa là trộm thì mong tiền của người khác. San tham thì mong vật của mình. Còn trộm thì mong cái chưa được, san thì mong cái đã được. Vì sao tài vật chia làm hai, còn sắc không chia? Vì của chấp nhận nuôi chứa đúng như pháp. Mong đã được chưa được chia làm hai: Sắc không chung với nghĩa súc nên chỉ một cấm đoán. Còn có của ăn trộm và thí nên được chia làm hai: Sắc không thí cho cùng nghĩa nên càng không chia làm hai. Còn nói dối, uống rượu và hủy báng thì phạm ba nhân si này. Đối với uống rượu chỉ là nhân si. Nói dối, hủy báng là quả si. Trong quả vọng từ tà kiến, vọng thân mình không chứng thánh mà nói chứng Thánh. Báng từ tà kiến vọng thấy Tam bảo khác thật thánh nói chẳng phải Thánh. Nên chia thành hai: Quả si đã hiển bày rõ ràng.

Đứng về cảnh lại chia làm hai: Dụng của nhân si còn ẩn, đứng về sự chỉ lập một. Lại nói: Quả chung ba độc, nên biết đây tức là điều phục ba độc, lập mười giới này.

2. "Đứng về tế phân biệt" là trong mười giới này, mỗi giới đều không phạm ba độc

- Trong sân có khi do tham si kia đưa đến nên cũng được có ba, cho nên đều khiến được ba độc nên gọi là Tỳ-ni, Hán dịch là Điều phục

3. Nói phạm đủ gọi là ba nghiệp. Trong mười giới này, ba cấp đầu và rượu đều y thân phạm, nên Luận Trí Độ, quyển 13 chép: "Rượu và ba giới trước đều là giới của thân. Nay ở đây giải thích có bốn nghĩa:

1- Đứng về tự tha, ba giới đầu thành tự hại, một giới sau tha hại. Dùng được rượu rồi mới thành tội trọng.

2- Đứng về y chánh có ba câu:

a) Trộm tức là y báo.

b) Sát, dâm, vọng tức là chánh báo.

c) Rượu chung cho cả y và chánh báo

Cho là uống rượu và mua bán rượu không được nuôi chứa cũng được xếp vào chánh báo.

3- Đứng về trái thuận cũng có ba câu:

a) Sát, đạo, vọng trái tình. Dâm phạm thuận mê tình. Mua bán rượu chung cho cả trái, thuận. Vì thường mê tình nên thuận. Chọn lấy ngay thẳng cho nên trái.

4- Đứng về nhân quả.

Hai câu đầu hao tổn tiền của đoạn mạng. Trong quả khổ cùng cực nên đều thành tội trọng. Sau dâm, uống rượu, thuận với mê. Nhân khổ cùng cực nên đều thành tội nặng. Cho nên người xưa dạy rằng: Dâm là gốc sinh tử, rượu là nguồn họa hoạn. Trong luật, hai giới này không lập cảnh tướng nghĩa tồn ở đây. Còn nói dối là hủy báng. Bốn giới này là phạm ngữ nghiệp, tức là nói bốn lỗi.

1. Nối dối.

2. Nói chia rẽ, vì nói lỗi làm cho xa lìa

3. Ác khẩu,

4. Dùng lời chê bai, độc hại.

- Giải thích:

Lỗi trái cảnh

Lỗi trái lời dạy. Nghĩa là chỗ khác rao lỗi

Hai là hiện tiền khen chê

Một lỗi sau trái với lý.

Đều có thể biết còn 2 giới san tham là phạm ý nghiệp. Trong đây vì sao sân theo tên tự tánh san tham mà nói. Nghĩa là sân chướng ngại lòng từ bi trái hành trở ngại tội trọng. Tham có chỗ cho là có thuận lòng thương xót, cho nên đứng về san trái với lòng từ bi cứu giúp mà nói. Nếu nói kỹ mười giới. Mỗi giớo đều có ba nghiệp thành phạm, dùng dẫn dắt lẫn nhau như văn giải thích ở dưới nói, cũng nằm dưới ba nghiệp gọi là Điều phục.

- Nói về cảnh phạm khkác nhau, có bốn:

1) Đứng về cảnh tình phi tình, nghĩa là chín giới trước hoàn toàn và giới thứ mười một chút phần là đứng về tình cảnh phạm, vì Phật bảo và Tăng bảo cũng xếp về tình. Dâm và sân mỗi thứ đều có một nghĩa, và phần ít thứ mười y cứ vào phi tình mà phạm. Vì chê bai pháp bảo, dâm thi, sân khối đều đồng phạm.

2. Đứng về cảnh hơn kém: nghĩa là nói chê bai hai giới hạn cuộc phạm thắng cảnh. Vì muốn nói các lỗi của Bồ tát học và chê bai Tam Bảo thành phạm. Giới mua bán rượu chỉ phạm cảnh kém yếu vì các thắng vị của bậc Thánh không uống rượu. (609) 7 giới khác có chung cả hai vị, vì đều có nghĩa phạm.

3. Y cứ vào cảnh nhân quả. Nghĩa là giới chê bai chút phần chỉ là của cảnh phạm. Vì trừ tăng bảo. Nhân khác cảnh phạm.

4. Đứng về phàm thánh cảnh phạm.

Trong phần thứ mười Phật bảo hạn cục ở thánh

Thứ năm hoàn toàn hạn cục ở phàm. Vì thánh không uống rượu, không thể đổi thành việc mua bán. Chỗ còn lại chung cho cả thánh phàm. Trong phàm chung cho cả bốn cõi, trừ địa ngục. Vì khổ báo kia không thể đối, có chỗ chung cho cả năm. Vì quỷ v.v..... trì giới cũng đối với kia mà thú hướng. Trong bậc thánh quả Nhị thừa hướng về 10 Thánh Đại Thừa, 6 vị nhân quả, nói chung đều thành cảnh phạm.

Hỏi: Đối với thánh tha tâm có thành lừa dối hay không?

Đáp: Chỉ cần đối cảnh nói rõ ràng thì thành phạm, bất luận đối tượng tin hay không.

Còn đối với Thánh nói dối lý nặng hơn nói dối phàm. Chẳng lẽ không phạm hay sao? Lại giải thích trong cảnh lược có mười cảnh. Nghĩa là năm cõi sinh là năm. Luôn cả y báo chẳng phải tình là sáu. Còn Nhị thừa Phật pháp có bốn nên có mười. Trong mười giới chỉ có sân là chung cho mười cảnh. Vì ở loài phi tình, lấy vật không có chủ thì không phạm. Trộm vật của pháp thành nên thành trộm pháp. Dâm chung cho cả tám cảnh, trừ Phật pháp, lấy thây phi tình chết cũng thành phạm

nên không trừ. Sau cũng chung cho cả tám cảnh, trừ pháp và phi tình vì không cầu xin nên cảnh khác đều thành cảnh phạm sát. Vọng nói chê bai bốn thứ này chung cho cả bảy. Trừ Phật pháp phi tình. Lý do nên biết. Mua bán rượu chung cho năm cõi, trừ những chỗ khác. Chê bai Tam bảo, cũng trừ những chỗ khác. Lý do đều nên biết.

- Tạo cảnh trong tự tha có bốn thí dụ:

1. Tự tạo tha cảnh
2. Tha tạo tự cảnh
3. Tự tạo tự cảnh
4. Tha tạo tha cảnh.

Mười nên phối hợp giới với nó. Và thí dụ thứ một đủ mười thành phạm, nên biết. Hai thí dụ chỉ có mốt phạm. Nghĩa là giới dâm có phạm chỗ khác không phạm, nên biết Trong mười dụ chỉ có bốn dụ phạm, nghĩa là: Sát, dâm, san, sân. Vì Bồ-tát lý ra không bỏ sinh tử làm vật thọ thân, mà lại nhóm chán thân mà tự sát nên cũng mắc tội. Còn vì ý dâm tự thương thân mình. Và như trong luật, trẻ già tự dâm v.v.... "Kinh Thiện Sinh" chép: "Tự thí không thành thí. Tự san không thành xan. Còn như có một chút không vừa ý đấm ngực tự sân, cho nên bốn thứ này chung cho cả tự làm cảnh. Thí dụ thứ 4, trong 10 giới tất cả đều phạm nghĩa là dạy người thù hướng về cảnh khác tự phạm

- Tự làm dạy người, có bốn câu:

1. Tự làm không xúi giục người khác
2. Xúi người làm, không tự làm
3. Vừa tự làm, vừa dạy người làm.
4. Chẳng phải tự làm chẳng phải xúi người làm.

Hai câu đầu có thể biết. Trong câu ba có hai ý:

a)Như phạm dâm, dạy người khác y theo mình. Một lần phạm mắc hai tội. Nếu y theo ngủ quên hoặc bị kẻ thù ép buộc, thì không có nghĩa là xúi giục người

b) Xúi người khác và tự làm thì phạm riêng hai tội.

Thấy làm vui theo và khen ngợi làm. Tuy chẳng phải tự làm, cũng không xúi người làm, nhưng cũng là phạm. Cho nên bốn thứ này phạm khắp mười giới đều kết tội trọng.

- Tướng phạm đầu cuối, có ba thí dụ:

1. Thỉ
2. Chung
3. Cứ trung

Trong đây, phạm dâm y cứ vào (Thỉ), vào bằng đầu sợi lôngthì

kết tội phạm. Không đợi ra tinh và vui. Sát phạm y cứ vào chung. Phải là mạng chấm dứt mới kết thúc. Còn về cứ trung như ăn trộm rời chỗ cũ tuy đã thành phạm còn chưa được dùng. Giới khác nên y cứ theo đây mà biết. San, sân cũng phạm vào chỗ ban đầu. Vì khởi niệm liền phạm

- Môn khinh trọng có 2: Trước hết phân biệt chung, sau nói riêng.

a) "Giải thích chung về mười giới khinh trọng" là mười giới này có mấy nghiệp đạo trọng? Có năm nghĩa là ban đầu có 4 và 10, có chướng đạo trọng có ba nghĩa là hủy báng, san và sân. Mấy tội trọng cũng tiểu khinh có hai nghĩa là nói mua bán. Lại chia làm ba:

1. Trong bốn giới trước sát nhân, ăn trộm đủ năm tiền cho đến nói dối nghiêm trọng thừa là nặng nhất

2. Bốn giới sau hoàn toàn là tội trọng:

3. Giới 5 và 6 hoàn toàn và 4 giới đầu là ít phần. Nghĩa là y cứ theo phi nhân, phá ngũ, phi đạo tiểu vọng nhưng thứ này phải tiểu khinh. Còn năm giới trước vời lấy thêm nhiều chê bai. Năm giới sau phải là ít. Còn mua bán chỉ đứng về Già (ngăn), giới khác chung cho Tánh và Già, có nghĩa mười giới đều có cả hai tội.

Nếu nói riêng thì trong mỗi giới đều có khinh trọng. Đến văn dưới đây sẽ phân biệt điều đó.

- Nhiếp các môn có bốn:

1) Đứng về mười ác, trong đó hiển bày mười giới. Ý chê bai là phần tà kiến. Chê bai là từ ngữ, ác khẩu. Rượu là nhân si. Chê bai là quả si, "chỗ khác" như chín giới khác nên biết

2) Theo Kinh Bồ-tát Thiện Giới thể. Bồ-tát Xuất gia có tám giới trọng, tức 4 giới đầu và 4 giới sau của kinh này. Vì Bồ-tát xuất gia trước hết phải thọ giới Thanh văn đủ như bốn giới trọng ở trước, sau khi thọ giới Bồ-tát lại thêm bốn giới sau.

3) Theo Kinh Thiện Sinh, Bồ-tát tại gia có sáu loại: tức là sáu giới ban đầu của kinh này.

4) Theo Du-già Địa Trì có bốn trọng, tức là bốn giới sau của kinh này. Còn bốn giới trọng của Tiểu thừa tức là giới trước của kinh này, cho nên giới này phần nhiều chung cho cả đạo tục ghi chép đầy đủ Đại Tiểu Thừa nên có 10 giới mà thôi.

- Nhiếp ba nhóm giới, có hai nghĩa:

1- Nếu nói theo sự cao quý thì mười giới đây chính là thuộc về Luật Nghi, vì đều dứt việc ác.

2- Thuộc về Bất phạm luật nghi giới. Tụ giới đó đối trị thực hành

mười tội ác. Nhiếp pháp lành nghĩa là:

1. Hạnh Từ bi
2. Hạnh Thiểu dục
3. Hạnh Tịnh phạm
4. Hạnh Đế ngữ
5. Hạnh Thị minh tuệ
6. Hạnh Hộ pháp
7. Hạnh Tức ác suy thiện
8. Hạnh Tài pháp câu thi
9. Hạnh Nhẫn nhục
10. Hạnh Tán phạm bảo

Hai giới này dạy chúng sinh khác như mình đã làm tức là giới Nhiếp chúng sinh. Cho nên mười giới mỗi giới đều có ba nhóm giới. Nghĩa khác nên biết.

- Giải thích văn là giải thích riêng mười giới trọng, tức là mười đoạn. Vì sao gọi là mười? như nữa bài tụng nói rằng: "Sát, đạo, dâm, vọng, tữu", nói hủy, san, sân báng.

I. GIỚI KHÔNG SÁT SINH.

Giải thích giới này lược thành 10 môn:

1. Chế ý
2. Thứ lớp
3. Thích danh
4. Cụ duyên
5. Thiếu duyên
6. Khinh trọng
7. Được báo
8. Thông bít
9. Đối trị
10. Thích văn

1) Chế ý: Lược có mười ý:

1- Do đoạn sinh mạng nghiệp đạo trọng, phụ vào nghiệp nặng này không có khả năng nhập đạo, cho nên Đại thừa, Tiểu Thừa, đạo tục các giới đều đồng chế.

2- Phạm giới này tổn hại tâm Đại bi. Du-già chép: "Nếu có người hỏi rằng": Bồ-tát lấy gì làm thể, phải đáp rằng: lấy Đại bi làm thể, còn phải vì chúng sinh mà xả bỏ thân mạng, huống gì lạm hại mạng họ.

3- Trái với ân nuôi dưỡng. Văn sau nói rằng: “chúng sinh trong sáu dưỡng đều là cha mẹ ta, đời đời kiếp kiếp ta đều từ cha mẹ mà sinh ra, đâu nên giết hại.

4- Trái với duyên tốt. Luận Trí Độ chép: Những đàn kiến kia có thể thành Phật trước mình, mình sẽ nhờ nó cứu độ. Việc ấy đâu biết được. Nếu hại mạng nó thì không có duyên với nó, không được nó cứu giúp”.

5- Đều có Phật tánh, đều là pháp khí đương lai, như Bồ-tát Bất Khinh cung kính chúng sinh. Bất kính còn không được, lẽ nào cho làm hại chúng sinh?

6- Trái phạm lỗi Bồ-tát vô úy thí. Kinh chép:”Cho nên giữ giới sát, là ban cho chúng sinh sự vô úy. Kinh Niết-bàn phẩm Như Lai Thọ Mạng không có hạn lượng đều nhờ bất sát.

7. Trái với bốn hạnh Nhiếp. Luận chép:” Trong hai thứ lợi của Bồ-tát thì lợi tha là nhất. Nếu có hại chúng sinh thì pháp thí không có chỗ giáo hoá.”

8- Tổn hại của báu. “Luận Trí Độ” chép: Dù cho châu báu vô giá đầy khắp Diêm-Phù-Đề cũng không có thể trị giá được thân mạng. Cho nên cắt đứt mạng căn kia cũng (610) như mắc tội trộm vật báu. “Kinh Niết-bàn lại chép:

Tất cả sợ dao gậy
Đều yêu tiếc thân mạng
Cứ lấy mình làm dụ.
Chớ giết chớ đánh đập.

9- Vì báo ân, nghĩa là Bồ-tát đại hạnh theo chúng sinh còn nghĩ việc báo ân, đâu cho phép gây hại.

10- Pháp nhĩ: Chư Phật ba đời gia nghiệp “pháp nhĩ” không nghĩ đến việc thêm lợi ích của chúng sinh.

2) Thứ lớp. Giới tướng nhiều như cát bụi, nhiễm ô vô biên, vì sao lại phân biệt giới bất sát này trước tiên?

1. Bồ-tát muôn hạnh đều lấy tâm đại bi làm gốc, vì để giữ hạnh gốc nên Phật đặt ra giới này trước tiên.

2. Hữu tình xem trọng nên đều lấy thân hình, mạng sống làm đều, vì cứu mạng sinh vật làm trước. Nếu thế, vì sao giới Thanh văn khác với giới này? Nghĩa chỗ này là vì hạnh cứu độ chúng sinh là trước hết. Họ lấy tự hành làm trước. Giải thích. Thanh văn phạm tội rồi Phật mới chế, giới dâm phạm đầu tiên nên chế giới bất sát trước.

"Luật Tăng-kỳ" chép: "Phật thành đạo năm năm mới chế giới bất dâm. Năm thứ sáu chế bất dâm và sát. Bồ-tát thì không như vậy. Đứng về mười nghiệp đạo đây là đầu tiên. Nhưng giới bản Ba đời chẳng phải mới đặt ra.

3) Giải thích tên gọi: Gió hơi thở gọi là sự sống, dựa vào thân tâm mà chuyển. Cắt đứt không nối nhau gọi là sát sinh, giới có công năng làm việc đối trị. Từ chỗ đối trị đặt tên gọi là giới bất sát. "Kinh Niết-bàn" chép: "Phật tánh của Chúng sinh trụ trong năm ấm". Nếu hoại năm ấm gọi là sát sinh. Nếu có sát sinh thì rơi vào đường ác. Tức có ba thứ quá khứ, hiện tại thì không thể Sát. Ngăn vị lai nên gọi là Sát.Vả lại chúng sinh gọi là hơi thở ra vào, cắt đứt hơi thở ra vào nên gọi là Sát. Chư Phật cũng tùy theo thế tục gọi là Sát.

Hỏi: Hơi thở chấm dứt gọi là Sát. Nhập định Diệt tận há không phải là chết sao?

Đáp: Vì sau đó thở trở lại, cho nên chẳng gọi là cắt đứt.

Hỏi: Hơi thở này dứt sau hơi thở sinh, chẳng phải sát hay sao?

Đáp: Vì mạng căn dứt không thể thí dụ như Diệt định.

Hỏi: Sát sinh đã như vậy, theo duyên phải không tự tánh, không tự tánh thì phải không có tội

Đáp: Có tự tánh mắc tội. Còn không tự tánh mắc báo, tất cả các pháp đều như vậy.

Hỏi: Đã tự tâm biến ra chúng sinh, còn tự sát thì không thật có chúng sinh chết. Vì sao có tội?

Đáp: Còn tự tâm biến ra tội. Như chúng sinh đến đòi, chịu tội nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Biết sát sinh là tánh không, Sát sinh phải vô tội.

Đáp: Không là tội trị. Biết không thì không sát, ắt chẳng rõ không. Nên cũng có tội. Nếu nói không tội mà làm việc sát. Vì tà kiến nên tội phải nặng hơn tội khác, làm sao nói là vô tội được.

4) Cụ duyên, có hai:

Chung

Riêng

Chung có ba:

a) Người thọ giới Bồ-tát, vì không thọ giới nên không phạm. Kinh nói rằng: "Có phạm gọi là Bồ-tát, không phạm gọi là ngoại đạo.

b) Tánh tự tánh, nghĩa là chẳng phải điên cuồng. Vì nó không

phạm.

c) Không khai duyên, nghĩa là cứu độ chúng sinh chịu khổ vô gián. Đây là thông các giới.

3. Duyên riêng.

Theo Luận Du-già Sư Địa có năm duyên:

1- Tha thân, phân biệt với tự.

2- Chúng sinh, phân biệt với các căn cơ vậy.

3- Tưởng là chúng sinh, vì phân biệt với mê tâm

4- Khởi tâm hại, phân biệt với ý vô sát hại.

5- Chánh đang hại, phân biệt với chưa hại: Theo Luận Đối Pháp cũng có năm duyên:

1) Sự nghĩa là số Hữu tình

2) Ý lạc, nghĩa là khởi tưởng này và phải có ý hại.

3) Phương tiện, nghĩa là hại nên dùng dao gậy.

4) Phiền não, nghĩa là tham, sân, si.

5) Rốt ráo: nghĩa là hữu tình đó do phương tiện, hoặc vô gián tử, hoặc hậu thời tử. Cả hai hợp lại nói chung đủ bảy duyên:

1- Tha thân

2- Chúng sinh

3- Tưởng là chúng sinh

4- Có tâm sát

5- Dùng dao gậy

6- Có ba độc

7- CẮt đứt mạng sống chúng sinh

Duyên chung trong đây có mười thứ nên biết:

5) Thiếu duyên:

Thiếu duyên chung nên biết. Trong riêng, nếu thiếu duyên đầu thì có ba nghĩa:

Phải mắc tội khinh cấu, nghĩa là vì tâm ác tự giết thân mình,

2. Phải mắc tội khinh cấu, nghĩa là vì tâm lành nhàm chán thân nên tự sát, đây là trái với hạnh Bồ-tát. Kinh chép: “Nói thân vô thường nhưng không khen ngợi nhàm chán thân. Trong đây có nghĩ trước có sân, nên sáu duyên khác đều đủ.

3. Được phước thánh trí, nghĩa là vì pháp diệt thân. Vì chúng sinh xả mạng như Vương tử Tát-đỏa. Nếu không xả thì mắc tội. Trong đó chẳng phải không có ba độc. Cũng cùng với trí hòa hợp nên thành trì, cũng là thiếu duyên đầu và duyên thứ 6.

Thiếu duyên thứ 2, có hai thứ khác nhau:

1. Nếu các đường khác nhau đều mắc tội trọng vì bảy duyên không thiếu.

2. Phi tình đến thay thế, có hai tội:

a) Loài hoàn toàn không phân biệt là phi tình, đứng về tâm nên mắc tội nặng phương tiện, Như Luận Duy Thức chép: "Ban đêm đạp nhằm vỏ dưa chết vào đường ác. Đây chỉ là cảnh thiếu mắc tội nặng phương tiện.

2. Nếu sau đó biết là phi tình, trái với trước suy nghĩ, được trung phương tiện. Nếu thiếu duyên mắc ba tội này. Như trên ba vị gồm khởi tâm nghi cũng mắc ba tội. Nghĩa là nếu ở vị ban đầu muốn sát sinh có người đến thế, đối với việc đó sinh nghi, chẳng biết là súc sinh hay là người, mà cắt đứt mạng sống họ, thì tuy cảnh đổi tâm dời, mạng đồng hại cũng đều trọng. Nếu ở vị kế mà muốn sát sinh, có cơ đến thế, đời sau sinh nghi, chẳng biết là sinh hay là cơ. Hại mình suốt đời không quyết định. Vì thiếu chút tâm nên mắc tội nặng phương tiện. Nếu ở vị sau muốn sát sinh. Cơ thế sau sinh nghi. Sau khi hại biết cơ thì mắc tội nhẹ phương tiện

Hỏi: Trong đây thiếu tâm và hậu vị, thiếu cảnh cùng tiền vị. Mỗi thứ vì sao lại khác nhau?

Đáp: Ở đây cảnh khác khởi nghi nên không đồng với ban đầu. Vì kia mà khởi tưởng này. Nghi đang ở trong cảnh khác nên chẳng đồng với nhau. Vì kia ở cảnh này sinh nghi

Hỏi: Vì sao trong thiếu điều đó lại nghi là phi tướng

Đáp: Vì tưởng không có thiếu cả hai. Như muốn sát sinh cơ đời sau, đây là thiếu cảnh. Đối với việc đó khởi tưởng đây là thiếu tâm. Nếu hại thì không tội. Cho nên tưởng thiếu cả hai. Trong nghi trái với sự mong này nên thiếu cảnh, có tâm do dự nên thiếu tâm. Cho nên đơn và song thiếu mỗi duyên đều có ba, hợp lại thành sáu.

Thiếu duyên thứ ba có tưởng và nghi khác nhau. Trong tưởng có bốn:

1. Nếu vốn mê sinh là cơ hại mình không tội. Vì ba tâm đều thiếu.

2. Nếu vốn muốn sát sinh vào đến cảnh chuyển thành cơ tưởng. Hại rồi không biết mắc tội phương tiện vì không rõ, thiếu giữa và sau. Đứng về tiền phương tiện kết một tội nhẹ phương tiện

3. Nếu hại mình rồi biết rõ khởi tâm vui mừng thì kết tội nặng phương tiện. Vì thiếu chính giữa, đủ trước, sau.

4. Nếu đối với người khởi tưởng là súc sinh. Mê này chuyển tưởng đều nặng. Trong nghi có hai:

1- Trong cảnh này nghi khởi có ba:

a) Nghi sinh là cơ, suốt đời không quyết tội phương tiện

b) Sau biết rõ ràng, vui mừng, phạm tội nhẹphương tiện

c) Nghi là súc sinh là người đều phạm tội nặng phương tiện.

- Thiếu duyên thứ tư, có bốn:

1) Hoàn toàn không phạm.

2) Lìa tâm bất sát sinh mà có các cớ đánh, nên mắc tội khinh cấu.

Thiếu duyên thứ năm mắc tội nặng phương tiện. Vì tuy không khở phương tiện mà có tâm sát sinh.

Thiếu duyên thứ sáu, có hai:

1. Dùng tâm vô ký sát vẫn mắc tội nặng.

2. Không tham da thịt nên sát, cũng không sân hận thù oán nên sát. Không si thờ cúng nên sát. Nhưng vì tâm Đại bi cứu khổ không tránh được tội khổ nên cũng không phạm. Đây là giải thích theo Du-già.

Thiếu duyên thứ bảy, có hai:

Rốt ráo không biết không phạm, phạm tội nặng phương tiện.

Biết không phạm, được trung phương tiện.

6) Khinh trọng: có hai:

- Thô

- Tế

Trong thô có ba:

Y cứ vào chúng sinh bị giết.

Y cứ vào người có tâm giết.

Cách thức giết.

Các loài chúng sinh bị giết tuy không bờ bến, cõi này gồm có bảy, nghĩa là sáu đường và bậc thánh, nhưng đứng về khinh trọng có bốn:

1. Y cứ vào sinh, cắt đứt mạng sống tất cả

Hỏi: Vì sao có giết chúng sinh địa ngục,

Đáp: Bồ-tát cũng có dạo chơi trong đó cứu giúp chúng sinh, cho nên đối với họ cũng có bất sát. Huống gì có Bồ-tát ở trong địa ngục mở lòng từ bi, thành tựu sơ tâm.

2. Y cứ về báo, nghĩa là người trọng, súc sinh khinh, vì người ở trong hai Thừa Đại và Tiểu kia chung đạo khí.

3. Đứng về đức, nghĩa là giết hại người phát tâm Bồ-đề thì nghiệp

đạo thêm nặng, bất luận là người hay súc sinh. Nên kinh nói rằng: "Giết súc sinh phát tâm Bồ-đề, tội nặng hơn giết người tà kiến.

4. Đứng về tội nghịch, nghĩa là trong bảy tội nghịch của văn dưới đây, trừ tội phá tăng. Vì không mạng có tôn chỉ nghịch không còn gì khác. Làm thân Phật ra máu là tội nghịch và tội nặng phương tiện. Vì không thể giết nên chẳng khác. Năm vị còn lại đều mắc hai tội nặng, đó là Nghịch và Di.Trong đó cha mẹ và hai thầy đều mắc ba tội:

1- Di

2- Nghịch, nghĩa là bốn người này có người đắc quả A-la-hán:

1. Giết cha mẹ

2. Giết La-hán

3. Cắt đứt mạng sống chúng sinh nên mắc ba tội. "Kinh Niết-bàn" chép: "Một là giết phụ vương. Hai giết Tu-đà-hoàn.". Nếu theo "Luận Câu-Xá" chỉ mắc một tội Vô gián vì y chỉ một.

Đứng về tâm nói khinh trọng, nhưng trong một niệm sát sinh tuy nhiều nhưng không quá ba tánh. Thiện ác vô ký tức là ba phẩm. Trong thiện, ác, vô ký trở xuống v.v..... hoặc không báo, Trong đó hai:

1. Phân biệt.

2. Xen lẫn.

Trong tội ác trước, ba độc dẫn dắt nhau thành bảy nghiệp. Cũng có ba phẩm. Nghĩa là ba đơn khinh, ba song kế một hợp thành trọng. Trong đơn cũng có ba: tham hạ, sân thứ, si trọng. Vì sao? Vì cơ hoang bên ngoài đến, lửa tham bên trong thiêu đốt. Tuy rõ nghiệp đạo nhưng không thể tự chế. Tham da thịt kia để tự giúp thân mình, biến đoạn mang kia nên chẳng phải cực nặng.

2. Tuy cũng hiểu biết nhân quả, nhưng tức giận khó chế phục, bèn sân đoạn mạng, đạo còn hơn trước. Nên là thứ hai.

3. Không tin nhân quả, cho rằng vô tội có đức. Buông lòng sát sinh lại xúi giục người giết. Luận Tỳ-Bà-Sa chép: "Hổ báo, lang sói, rắn rít làm tổn hại, giết nó vô tội. Cha mẹ già yếu và bệnh tật, nếu có thể giết thì được phước vô lượng. Còn sát sinh để cúng trời là phước đức. Còn sát chấp sát sinh có phước vô tội. Như vị tiên Bà-tẩu nhiều kiếp chịu khổ. Cho nên si rất nặng. Kinh Thiện Sinh chép: "Tâm tham, sát sinh, sân, tội nhẹ. Còn si nhân rất nặng. Kinh Kinh Thiện Sinh chép: tâm Tham sát sinh, tâm sân nhẹ, kế đến tâm si là nặng.

1. Hợp thành đẳng phần là thượng thượng. Đây là y cứ vào phần nghiệp đạo khinh trọng. Nếu y cứ vào phần trái với giáo thì đều phạm tội nặng.

2. Tâm lành là có tâm lành mà sát sinh, như thấy người bệnh lâu rất khổ, chúng sinh không chịu được nỗi khổ đó. Bèn dùng lòng từ cắt đứt mạng căn kia. Lại như trong luật, Tỳ-kheo lại phạm tỳ kheo tử tội, nói xin cho tôi một dao. Đây đều là nghiệp đạo khinh, đều phạm tội trọng.

3. Tâm vô ký, hoặc không thành phạm. Vì vô ký không thành nghiệp, hoặc cũng có nghiệp, vẫn mắc quả báo. Như Tỳ-kheo ở núi xô đá giết kiến, kiến thọ thân heo cũng vẫn xô đá giết hại Tỳ-kheo kia. Đều là tâm vô ký âm thầm chịu báo. Đây là ở giới tuy không phạm. Nhưng nghiệp sát như thế không dứt nên chẳng thể tội khinh. Đời có người ngu uống dùng nước có trùng nói rằng:

"Tôi chỉ dùng nước vốn không hại trùng, trùng tự chết chắc chắn chẳng phải lỗi của tôi. Đây là không biết nghiệp đạo, chẳng thấy thánh giáo, rất là đáng thương.

1. Ngu

2: Lẫn lộn phân biệt cũng có bảy:

Y cứ vào tâm ba thời, nghĩa là sắp làm, đang làm và đã làm, đây là tâm tánh trong ba thời khởi nên nghiệp có nặng nhẹ. Nghĩa là trong ba thời:

1/Ác 2/. Vô ký khinh; 1/. Ác.2/. Thiện thứ; 1/. Thiện 2/. ác nặng. Lại 1/ Thiện, 2/ điều vô ký khinh; 1/ Vô ký, 2/ Thiện; 1/ Vô ký, 2/ Ác nặng. Lại cả ba đều ác nặng đều thiện thứ, đều là vô ký khinh, như trên đã giải thích riêng

2- Y cứ vào tâm sát 3 thời đều thiếu. Thiếu hai tâm khinh. Thiếu một tâm thứ. Đủ ba trọng, ba trọng này chung cho môn tánh biệt ở trên. Trong tâm đều có ba thứ này. Tùy theo khinh trọng nên biết.

3- Dùng cách sát khinh trọng có hai:

1) Y cứ vào ba nghiệp

2) Y cứ vào khổ não.

Ban đầu là ba nghiệp đơn, song đều có bảy,

Ba đơn là:

1.Thân nghiệp sát. Trong nói thêm dao gậy hoặc thân hiện tướng khiến sợ hãi rơi xuống chỗ hiểm hóc, hoặc thị hiện tướng dạy người thành giết, hoặc viết thư xúi giết, hoặc đào hầm hố, giăng lưới, bắn tên thuốc độc, đưa dụng cụ giết, dưới nước trên cạn, hư không, có người đến chết, phạm tội khinh nên biết

Ngữ sát: hoặc dùng lời khuyên nhàm chán thân mà chết, hoặc dạy người khiến chết, hoặc chú đất, hoặc quát tháo khiến chết. Trong lời

giết này, ban đầu là khinh, sau giữa là trọng.

Ý sát, như 20 vị tiên trong Luận Duy Thức, vị tiên sân, giết đồng loạt chúng sinh chết, cho đến cây cỏ cũng chết theo. Cho nên biết rằng:" Ý là quan trọng nhất. Trong đây ngữ ý đồng là thân nghiệp. "Nhị song" là đầy đủ thân sát ngữ sát, nghĩa là thân thêm lời chú là khinh, hoặc đầy đủ thân sát ý sát là thứ. Hoặc nói ngữ sát ý sát là trọng.

1. Nặng nhất

2. Đứng về khổ não. Nghĩa là từng phần cắt thân khiến lâu ngày mạng chấm dứt. Khổ não này phần nhiều tâm oán đã sâu nên tội nặng. Trái lại là khinh. Còn về có ân vô ân, có lỗi hay vô lỗi đều có khinh trọng nên biết.

2. Giải thích kỹ: Nhưng nghiệp đạokhinh trọng sâu kín này. Đứng về cảnh mà khai tâm, nên y cứ theo thiện ân mà thôi.

7. Được báo, có hai loại:

1- Đứng về phạm trái với lời dạy là già tội. Văn sau nói rằng: "Đọa vào ba đường ác trong hai kiếp ba kiếp.

2- Đứng về nghiệp đạo tánh tội. Theo Luận Thập Địa, Luận Đối Pháp thì được ba thứ quả.

1. Quả Dị thục, nghĩa là tùy theo ba đường ác.

2. Quả Đẳng lưu, nghĩa là trong đời sống con người nhiều bệnh chết yểu.

3. Quả Tăng thượng, nghĩa là chỗ cảm vật bên ngoại đều ít ơn trạch, không trụ lâu. Theo Kinh Ưu-Bà-Tắc Giới quyển 4 chép: "Vì sát sinh nên hiện tại mắc mầu ác, sức ác, tên ác, yểu mạng. Tài vật tổn giảm, quyến thuộc chia lìa, Hiền thánh quở trách, người không tin dụng, bị người khác gây (......) tai ương cho, thế nên bị quả nghiệp ác hiện đời, bỏ thân này phải đọa địa ngục, chịu nhiều khổ não, đói khát mà sống lâu các việc mầu ác, sức ác, tên ác. Đó gọi là quả nghiệp ác đời sau. Nếu được thân người về sau chịu ác sắc, đoản mạng. Đây là một năng lực nhân duyên của người ác, khiến cho bên ngoài tất cả ngũ cốc, quả dưa đều giảm íy. Người này gieo tai ương khắp thiên hạ. Còn Luận Trí Độ quyển 13 chép: "Như Phật bảo Ưu-bà-tắc Nan-Đề-Ca: Sát sinh có mười tội:

(612) 1. Tâm thường độc ác, đời đời không dứt.

2. Chúng sinh ghét bỏ, mắt không muốn nhìn.

3. Thường có tâm ác, suy nghĩ việc ác

4. Chúng sinh sợ như thấy cọp, rắn.

5. Khi ngủ tâm sợ sệt, thức không an.
6. Thường gặp ác mộng
7. Khi chết điên cuồng sợ hãi, chết dữ
8. Các nhân duyên nghiệp chết yểu
9. Khi chết đọa vào địa ngục
10. Sinh ra làm người thường chết yểu.

8. Thông cuộc. Trong đó có hai: Trước thông, sau cục. Thông là hoặc có sát sinh mà không phạm giới, sinh ra nhiều công đức. Như "Du-già giới phẩm" chép: "Như Bồ-tát thấy trộm cắp, cướp bóc. Vì tham tiền nên muốn giết nhiều chúng sinh, lại muốn hại Đại đức, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, hoặc lại muốn gây ra nhiều nghiệp Vô gián. Thấy việc liền khởi tâm nghĩ rằng. Nếu ta giết được mạng của chúng sinh ác kia phải đọa địa ngục. Nếu không giết được người đó thì nghiệp Vô gián thành phải chịu khổ. Ta thà giết người đó rồi đọa vào nặng-lạc-ca, chứ không để cho người chịu khổ triền miên. Bồ-tát ý lạc tư duy như thế. Ở chúng sinh kia hoặc dùng tâm thiện, hoăc tâm vô ký biết việc này. Đã là đương lai nên rất sinh hổ thẹn. Vì tâm thương xót mà không giết người kia. Do nhân duyên đó đối với giới Bồ-tát hoàn toàn không trái phạm, sinh ra nhiều công đức. Còn Kinh Niết-bàn 12 cũng đồng với câu hỏi này, nên biết.

"Cuộc" có hai nghĩa:

1. Trái phạm: nghĩa thấy nguy ách không cứu, thấy người giết mình thì oán hận, không đem chút lòng từ bi cứu giúp khởi thuận tình, tất cả những trường hợp này đều phạm.

2. Thuận trì, nghĩa là nếu không thường khởi Đại bi ân trọng. Thân tâm nghĩ đem thân mạng thay chết thay khổ v.v..... Thường nghĩ không quên, không như thế liền phạm. Như thế v..v... nên biết.

9. Đối trị hành giả, có hai: Trước hết nói về khởi tâm, sau nói hành tướng ở trước. Như Kinh Thập Địa chép: "Bồ-tát này lại đối với tất cả chúng sinh sinh tâm an ổn, tâm an vui, tâm từ bi, tâm thương xót, tâm lợi ích, tâm che chở, tâm ngã, tâm thầy, tâm sống còn. Luận chép: Tập là y theo tâm từ bi tăng thượng, lại vì nhớ nghĩ chúng sinh nên sinh mười thứ tâm. lại nữa tâm này lấy tám thứ chúng sinh.

1. Đối với chúng sinh ác hạnh, muốn cho trụ trong thiện hạnh. Như Kinh nói An ổn tâm

2. Đối với chúng sinh muốn cho an vui bất tận.

3. Đối với chúng sinh không nghĩ đến báo thù, như Kinh Từ tâm.

4. Đối với chúng sinh nghèo cùng muốn cho họ xa lìa hẳn nỗi khổ kia. Như kinh nói bi tâm.

5. Đối với chúng sinh muốn cho họ không buông lung như kinh nói tâm thương xót.

6. Đối với chúng sinh ngoại đạo, muốn cho họ hiện tin Phật pháp. Như Kinh nói lợi ích tâm

7. Đối với chúng sinh đồng hành, giúp họ không lui sụt, như kinh nói tâm che chở.

8. Đối với tất cả nguyện nhiếp Bồ-đề, chúng sinh như thân mình, chúng sinh này như thân ta, như kinh nói ngã tâm "Sinh hai tâm khác" là quán chúng sinh thừa kia, tiến thú đạo Đại thừa chứa nhóm đầy đủ công đức, như kinh nói Sư tâm.

2 "Mỗi hành tướng" nói xưa nay Bồ-tát duyên theo hạnh chúng sinh, lược nêu 3, 5 lời. Như ngày xưa có hai vị Tỳ-kheo đến thăm viếng Phật, một vị chết dọc đường, một vị đến chỗ Phật. Phật hỏi người đó: "Bạn của thầy đâu?" Đáp: Bạch Đức Thế tôn,vì không uống nước có trùngbên đường nên thầy ấy đã chết, còn con vì sợ không được gặp Phật, bèn uống nước có trùng mà còn sống đến đây. Phật liền đưa cánh tay sắc vàng lên nói rằng: "Ngươi không giữ giới gặp ta nào có ích gì? Người chết dọc đường đó đã đến đây trước, nghe pháp và đắc quả. Lại như Tỳ-kheo Nga Châu, hộ mạng chúng sinh không tiếc thân mạng, Bồ-tát Nai đầu đàn thay thế mạng nai mẹ, Nai đầu đàn dùng thân làm cầu để cứu độ cả bầy thú, cuối cùng nai đầu đàn tự vẫn v.v... Lại sự nữ Bồ-tát Nguyệt Thượng gặp lúc đói kém, thấy người phụ nữ mới sinh đói khát muốn ăn thịt con, Bồ-tát tự cắt vú mình cho người phụ nữ đó ăn để cứu mạng đứa bé kia. Bồ-tát Vương tử xả thân mạng mình để cứu cọp đói. Vua Thi-tỳ xả thân để cứu chim Bồ câu. Như thuyền đang đi trên biểnbị thủng, mọi người chết sắp chìm. Bồ-tát Thương Chủ bảo mọi người hãy ním tóc ta v.v... nay ta nín hơi chết, thuyền sẽ trôi vô bờ để vớt mạng mọi người. Hạng người như thế ngày xưa rất nhiều, khiến chúng sinh học tập theo. Phải khéo suy nghĩ điều đó.

10. Giải thích văn, từ trong mười giới này, văn khác có ba.

1- Chế khiến dứt ác, tức giới Nhiếp luật nghi

2- Chế tu hạnh lành, tức giới Nhiếp thiện pháp. Hai thứ này đổi thành giới Nhiếp chúng sinh

3- Trái chế kết phạm, thị hiện tên tội.

Câu 1. "Phật tư"

Giải thích có chung có riêng. Trong phần chung có hai nghĩa:

Từ Phật pháp sinh, nghĩa là phát tâm Bồ-đề thọ giới Bồ-tát được pháp phần của Phật nên gọi là Phật tử. Như người từ cha mẹ sinh được một phần thân thể kia gọi là nhân tử. Đây thì Phật là năng sinh, Tử là sở sinh.

Tử nghĩa là nhân. Nghĩa là vi tu hạnh Phật sẽ sinh ra quả Phật gọi là Phật tử. Như hạt giống sinh ra quả. Đây tức tử là năng sinh, Phật là sở sinh, từ quả đặt tên. Hai từ này đều là Phật, nên thuộc về y chỉ thích. Vì sao như vậy? Vì nếu không từ Phật sinh thì không sao thành Phật được. Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: "Đều từ pháp thân này có ra, rồi trở lại chứng pháp thân này.

Trong phần "Riêng" có năm nghĩa như Nhiếp Luận chép:

Phương tiện là cha
Bát-nhã là mẹ
Thiền định là thai
Từ bi là nuôi nấng.
Tin ưa Đại Thừa làm hạt giống

Lại có 4 nghĩa như Luận Phật Tánh:

Tịnh tín là hạt giống
Bát-nhã là mẹ
Thiền định là thai
Từ bi là nuôi nấng.

Như kế đây tức là 4 vị Địa tiền, nên biết

Hỏi: chẳng hay Bồ-tát đến giai vị nào mới được gọi là Phật tử.

Đáp: Các thuyết thánh giáo có nhiều thứ:

1. Y cứ vào dứt công dụng không hành. Đồng tác dụng của Phật gọi là Phật tử. Như "Kinh Lăng-già" chép: Bồ-tát Bát địa gọi là Tối thắng tử.

2. Y cứ vào chứng đắc Phật pháp phân danh là Phật tử. Như Luận Phật Tánh nói Sơ địa gọi là Phật tử.

Y cứ vào Phật pháp Bất Thoái gọi là Phật tử, như Kinh Anh Lạc chép: " Thập Trụ được gọi là Phật tử."

4. Y cứ vào Nhập Đại Thừa, phát Bồ-đề tâm thọ Bồ-tát giới, thì gọi là Phật tử. Như trong lời tựa của Luật Tứ Phần chép: Nay đây chung cho bốn thứ trước, các vị đồng trì giới nầy nên cũng chung cho năm vì nhiếp Tiểu khiến trở về, trong văn có hai ý:

1. Nêu lỗi

2. Chế đoạn

- Câu đầu có bốn:

1. Nói về giai vị năng sát
2. Tướng sát khác nhau
3. Việc sát đã làm
4. Giải thích về chúng sinh bị giết.

- Câu đầu có bốn cách sát:

1. Tự giết, rất dễ hiểu
2. Xúi giục người giết có hai nghĩa:
    - Xúi giục người khiến cho tự chết.
    - Xúi giục người khiến họ giết.

Hỏi: Tự giết hoặc xúi giục người giết nhưng chưa chết, tự thân trước khi chết, sau khi bị giết mới chết, chẳng biết có mắc tội nặng hay không?

Đáp: Nếu theo Tiểu thừa, không phạm Ba-la-di. Vì người đó chưa qua đới thành tội. Qua đời rồi về sau giới đã mất. Giới Bồ-tát đã sinh không mất nên vẫn mắc tội Ba-la-di.

Hỏi: Nếu xui 1giục người sát sinh, người đó nhận lời rồi không giết. Người dạy có mắc tội không?

Đáp: Y cứ về tâm thì mắc tội nặng. Sau nếu biết không sát sinh mà tâm vui mắc tội khinh phương tiện, sinh sân phạm tội trọng phương tiện.

3. Phương tiện khen ngợi Sát cũng có hai nghĩa:
    1- Khen ngợi người sát, có đức tốt.
    2- Khen ngợi cách giết pháp có công năng.

Hai nghĩa nầy mội nghĩa đều có hai:

1) Nhìn về chưa sát khen ngợi đức khiến sát

2) Nhìn về đã sát khen ngợi đức khiến vui, đều khéo léo xảo dụ dỗ khen ngợi cái hay của việcsát, nên nói rằng phương tiện sát.

Giải thích: Như trong luật nói khen chết, khuyên chết cũng giống như vậy

4. Thấy giết vui theo cũng có hai:
    1- Thấy nghe việc giết này đều sinh vui.
    2- Thấy nghe người kia chết cũng đều sinh vui.

Hỏi: Ba vị trên đây khác nhau thế nào?

Đáp: có ba việc khác nhau:

1- Y cứ theo ba thời, nghĩa là ban đầu chưa y cứ vào dạy giết, sai giết.

2- Y cứ vào chánh giết, khen ngợi có đức. Sau y cứ vào đã sát sinh mà tùy hỷ.

Y cứ vào ba loại:

1- Y cứ vào người hạ vị liền sai sát.

2- Y cứ vào người trung vị tuy không thể sai giết nhưng phương tiện khen ngợi khiến thành sát.

3- Đứng về người thượng vị không thể đối khen nhưng thấy người kia giết lại sinh vui theo, đều mắc tội trọng, nên biết

2. Cho đến chú sát là nơi tướng giết khác nhau, nghĩa là việc mà bốn giai vị trên đã làm. Hoặc dùng dao chém, gậy đánh cho đến chú sát, dùng rất nhiều tướng chú sát rất ít có, nên nói rằng: “cho đến” Như chú vào loài rồng khiến nó chui vào cái vạc.

3. “Nhân sát” v.v...... trở xuống là nói việc giết đã làm, nhưng bốn việc giết này lược có bốn cách giải thích.

1- Y cứ vào làm, nghĩa là tự sát là nhân, dạy người là duyên, khen ngợi pháp kia, duyên theo nghiệp đó.

2- Y cứ vào người bị giết.

1) Sai cắt đức mạng sống nên gọi là nhân sát.

2) Cướpy thực làm dứt duyên sống, khiến cho chết nên gọi là duyên sát.

3) Dùng pháp thành trị. Như mua bán pháp quan, dùng pháp thành sát nên gọi là pháp sát.

4) Như các nhà giết mổ, săn bắn, thường làm nghiệp giết.

3. Y cứ vào đủ duyên

1- Tâm giết làm nhân, dao gậy làm duyên, tạo cõi phương tiện làm giết. Chánh cắt đứt mạng căn làm nghiệp. Bảy duyên nói trên thu nhiếp lẫn nhau, nên biết.

4. Y cứ vào hành, nghĩa là trong Luận Thập Địa gom thành ba ý:

1- Hữu có hai:

Nghĩa là lìa tham, ngoài lìa dao gậy, như thế trong đây lìa nhân lìa duyên.

2- Từ bi là đối trị lìa, là trong đây lìa pháp giết

3- não hại chúng sinh còn không, huống gì có giết, vì lìa quả hạnh, là trong đây lìa nghiệp giết.

Phán biệt trong đó giết chúng sinh, cho đến loài có mạng sống. Đây có hai nghĩa:

1) Rộng. Nghĩa là nhiếp chung tất cả bảy loại chúng sinh, nên nói là cho đến.

2) Hẹp. Nghĩa là phân bệi với cỏ cây, nên nói "hữu mạng" Du-già chép: "Nghĩa là hơi ấm thọ mạng hòa hợp, hiện còn sống nên gọi là Mạng. "Không được cố giết", nghĩa là không có nghĩa hại, nên nói không được giết, nhưng lầm với không phạm, nên lại nói rằng:

3) Thứ ba là Bồ-tát nầy trở xuống là nói chế tu thiện hạnh

Trong đó có hai:

- Chế khởi thắng tâm
- Chế làm việc cứu độ.

Trước nói là Bồ-tát, là nêu người trì giới. "Ưng khởi" là từ ngữ chế lệnh. "Thường trụ" có hai nghĩa:

1) Khởi lòng từ này, v.v... thường ở trong tâm không có lúcnào tạm thởi quên, nên nói là Thường trụ. Trước tụ nối nhau, sau thuận với bất động. Lại trước là vô gián sau là thậm thâm. Dùng lòng từ bi sâu dày duyên chung với tất cả chúng sinh hạ vị. Nghĩa là cứu khổ ban vui. Lại dùng tâm hiếu sâu dày duyên riêng thượng vị cha mẹ, sư trưởng, để báo ân cúng dường. Giải thích: Duyên với chúng sinh ở ba giai vị khởi ba tâm này.

1- Đối với oán khởi tâm từ

2- Đối với khổ khởi tâm bi

3- Đối với thắng vị khởi tâm hiếu.

Giải thích: Gồm chung hai loại chúng sinh đều có ba tâm, vì tất cả chúng sinh đều là cha mẹ. Nếu theo Hoa Nghiêm, thì khởi mười tâm. Như trước đây đã nói trong trị hạnh.

2. Phương tiện cứu hộ. Y theo tâm khởi hạnh làm việc lợi ích, phương tiện có hai nghĩa:

1- Khéo léo muốn cho việc làm lợi ích thành tựu.

Khéo muốn làm lợi ích không kèm theo tội lỗi. Cứu hộ có năm nghĩa:

1) Đối với chúng sinh hạ vị làm việc cứu khổ, thuận với tâm từ bi ở trước. Đối với chúng sinh thượng vị làm việc hộ trì thuận với tâm hiếu ở trước

2) Đối với người khổ thì cứu họ khiến được giải thoát, người chưa bị khổ thì đừngđể họ khởi.

3) Đối với người khổ thì cứu giúp họ được an vui, đó là cứu hộ.

4) Vì cứu giúp lìa khổ được vui, vì hộ nên khiến bỏ ác làm lành.

5) Cứu hộ là một việc, nghĩa là cứu vớt chúng sinh vậy

3. Thứ ba trở xuống là tự nói trái với quy chế kết phạm, trong đó trước nói trái phạm quy chế có bốn nghĩa:

1. Đối với chúng sinh không khởi tâm từ đã là lỗi lớn, huống gì làm việc giết. Giết rồi là trọng. Huống gì lại tâm trộm, tâm trộm rất nặng. Huống gì từ chỗ quyết tâm, cho nên sát này rất nặng, còn tâm trộm: tâm giết không hạn lượng, duyên các cảnh không biết đủ. “Quyết ý” là tâm giết mạnh mẽ xứng tình với ba thời không xen hở.

“Bồ-tát Ba-la-di-” là kết tên tội. Như trước đã giải thích.

Hết phần một Sớ giải Bồ-tát giới Bản

■

SỚ GIẢI GIỚI BẢN BỒ TÁT TRONG KINH PHẠM VÕNG

QUYỂN 2

THIÊN THỨ NHẤT

II. GIỚI TRỘM CẮP

1. Giải thích giới này thành mười môn đồng như trước.

2. Chế ý: Giải thích sơ lược thành mười loại:

3. Nghiệp đạo trọng, là vô lý trộm cắp chướng đạo rất sâu, tạo thêm tội nặng này, không thể nhập đạo.

4. Họai pháp cấm. Xưa nay các nước đều quy định tội trộm cắp là tội nặng, giới Đại thừa và Tiểu thừa của Phật giáo cũng đều quy định đây là giới nặng của đạo, tục.

Sinh nhiều phiền não, tiền của là chỗ tham ái cùng cực của chúng sinh, vô lý đi cướp đoạt làm não hại người. Vì thế là việc không nên làm.

Tổn hại tiền của và sinh mạng. Tiền của nuôi sống thân mạng chúng sinh, nếu trộm tiền của tức là cướp đọat mạng sống của họ.

Luận Trí Độ quyển 13, có bài kệ:

Tất cả các chúng sinh
Nuôi sốngbằng cơm áo
Hoặc cướp, hoặc trộm lấy
Ấy gọi là cướp mạng

5. Mất giáo hóa: người trộm cắp, tất cả chúng sinh đều không muốn nhìn, huống gì chịu người đó giáo hóa.

6. Gây ra việc cực ác này khiến chúng sinh không còn tin tưởng nữa.

7. Nhơ uế cửa Phật, nghĩa là tiếng xấu vang xa, bị người đời chê bai. Sự nhơ uế này làm liên lụy đến cửa họ Thích, há chẳng phải là lỗi ở đây sao?

8. Trái với chánh hạnh; nghĩa là làm hại hạnh từ bi cứu giúp chúng

sinh của Bồ-tát.

9. Mất sáu độ; Đàn ba-la-mật xếp vào sáu độ, trộm cắp thì Đàn ba-la-mật của sáu độ tan hoại.

10. Trái với bốn nhiếp pháp; nghĩa là xếp tiền của vào bốn nhiếp pháp. Nay lại ăn trộm thì bốn nhiếp pháp đều mất hết.

Ý nghĩa của việc chế giới rất nhiều. Nay phân biệt sơ lược mười giới này, nên y cứ theo đây để biết.

Giải thích tên gọi:

Trộm cắp có nhiều tên gọi:

- Cướp lấy, nghĩa là dùng sức mạnh dối, gạt cướp đoạt.
- Dọa lấy: nói việc bí mật gì đó khiến người đó sợ liền đưa vật.
- Trộm lấy: lừa lúc không có chủ lén trộm.
- Không cho mà lấy: nghĩa là vật có chủ, người ta không cho mà tìm cách để lấy.

Dùng bốn từ ngữ này để phân định việc trộm như sau:

Cho mà lấy thì không phải trộm, nên biết.

Ở trên cho mà lấy là ăn trộm, như đếm lầm số dư đưa cho, im lặng mà nhận.

Không cho mà lấy là trộm, như đã nói trên.

Không cho mà lấy,không phạm tội trộm, vì tưởng là bạn thân hay tạm dùng.

Trộm lấy, nghĩa là phi lý hao tốn tiền của gọi là trộm.

Bốn tên gọi trước hạn cuộc một tên chung nầy vì đốt chôn v.v..... cũng ở trong 614) đó, cho nên bỏ một tên trước chỉ nêu một tên này. Ngăn ngừa trộm cắp gọi là giới, từ chỗ đó mà đặt tên, nên gọi là giới trộm.

Thứ lớp:

Là ở mười nghiệp đạo trước là Sát sinh, kế là trộm cắp. Giới này thứ lớp theo giới kia. Trước hại chánh báo, sau tổn y báo cũng thành thứ lớp.

Đủ duyên:

Ba duyên chung như trước đã phân tích, duyên riêng y cứ theo Luận Đối Pháp,mười địa xen lẫn nhau, bảy duyên đồng như trước

Chẳng phải vật của mình.

Nên biết có chủ. Tuy thật có chủ, nhưng nói lầm không chủ cũng không thành tội nặng.

Tưởng có chủ: Vì sao không nói biết mà chỉ nói tưởng? Vì “biết” chỉ là rõ cảnh, còn “tưởng” có cả mê lẫn ngộ. Thiếu duyên thuận theo

đây nên có tưởng. Tuy tưởng có chủ nhưng không khởi tâm trộm nên không thành tội nặng.

Có tâm trộm cắp: Tuy tâm nghĩ đến việc trộm nhưng nếu không nêu phương tiện xâm tổn cũng không thành tội nặng.

Nêu phương tiện: Phương tiện tuy khởi nhưng vì tâm đại bi cũng không thành phạm tội.

Có tâm ba độc, tuy hiện hành nhưng nếu vật không lìa khỏi chỗ thuộc về mình thì không thành phạm tội.

Lìa khỏi chỗ.

Thiếu duyên thứ năm là duyên chung nên biết. Trong duyên riêng, thiếu duyên một, có hai tội:

Trộm vật của mình mà không biết là vật của mình, ycứ theo tâm kết tội phương tiện nặng.

Sau biết là vật của mình, thì phạm tội phương tiện khinh.

Thiếu duyên hai, có 6 tội vì thiếu hai môn đơn và song này. Y cứ vào cảnh thì có ba:

Muốn trộm vật của người, lấy súc vật thay thế. Trộm các súc vật tưởng vật của người, trộm rồi sau đó dù biết hay không biết đều phạm tội nặng, vì đều là cảnh phạm.

Thay thế vật không có chủ. Trộm rồi không biết vật có chủ. Y cứ theo tâm kết tội phương tiện nặng.

- Thiếu cả hai có ba:

Muốn trộm vật của người, thay thế súc vật là thiếu cảnh, trong đó lại nghi là vật của người là súc vật, là thiếu tâm. Trộm rồi sau đó quyết định hay không quyết định, tất cả đều phạm tội nặng vì đều là cảnh phạm.

Thay thế vật vô chủ, lại sinh nghi là chẳng biết có chủ hay vô chủ. Trộm rồi không biết mắc tội phương tiện nặng, vì một chút thiếu tâm.

Tâm nghi trộm rồi sau đó biết là vô chủ, phạm tội phương tiện nhẹ. Vì biết cảnh thiếu tâm hoàn toàn hay thiếu một phần, nên phạm tội khinh. Trong hai vị trên, mỗi vị đều có ba:

Hai Ba-la-di.

Hai phương tiện nặng.

Hai phương tiện nhẹ.

Thiếu duyên ba, có hai thư như tưởng và nghi. Trong tưởng có năm câu:

Y cứ vào bản mê, bản mê có chủ tưởng không chủ, lấy rồi không phạm, vì ba tâm đều thiếu.

Khi biết có chủ không trả lại, kết tội nặng.

Y cứ vào chuyển tướng, nghĩa là muốn trộm vật có chủ, vào đến cảnh được chuyển àm tưởng vô chủ. Lấy rồi không biết có chủ, mắc tội phương tiện, vì tưởng này không rõ ràng, thiếu phần giữa và sau. Đứng về tiền phương tiện, kết một tội khinh.

Khi biết có chủ không trả lại cũng mắc tội nặng.

Nếu ở người và vật khởi tưởng súc vật. Bản mê chuyển tưởng đều phạm tội nặng. Trong nghi cũng có năm câu:

Y cứ vào bản cảnh trên vật có chuyên, lấy rồi cuối cùng không quyết định thì mắc tội phương tiện nặng.

Lấy rồi sau quyết không trả mắc tội nặng, nếu trả thì mắc tội kh-inh, kế đồng như câu trước.

Đối với cảnh khác, vật vô chủ, lấy rồi không biết mắc tội phương tiện nhẹ.

Người và súc vật nghi lẫn nhau đều phạm tội nặng.

Hỏi: Sao gọi là vật vô chủ?

Đáp: "luật Thiện Kiến" nói: "Con làm việc ác, cha mẹ bỏ đi, sau khi cha mẹ chết, vật này gọi là vật vô chủ, thì vô tội. "Luận Tát-Bà-Đa" chép:"Giữa hai nước, trong khỏang trống có vật, gọi là vô chủ. Nếu nước mất, vua bỏ đi, vua sau chưa đến cai trị, trong đó có vật cũng gọi là vô chủ, có tâm lấy dùng đều không phạm.

Kế đến thiếu duyên thứ bốn, vốn không có tâm trộm, chính là vôtội.

Thiếu duyên thứ năm, có hai tội:

Tuy có tâm trộm cấp nhưng chưa khởi phương tiện, người khác gởi tặng vật đến, sinh tâm nhận phạm tội phương tiện.

Không có tâm trả lại phạm tội nặng.

Thiếu duyên thứ sáu có hai:

Tâm vô ký mà lấy cũng phạm tội trọng.

Dùng tâm lành đại bi cứu khổ, thì không phạm.

614) Như trong phần khai duyên.

Thiếu duyên thứ bảy có hai:

Đến chỗ vật, tưởng là vật của mình thì phạm tội nặng.

Đến chỗ vật sinh nghi mắc tội phương tiện.

- Chủng loại:

Vật quý báu hay tầm thường có bốn loại:

Vật có chủ

Nói về thể của vật

Tâm trộm
Cách trộm
Vật có chủ có hai loại: Vật Tam bảo và vật khác.
Vật Tam bảo phân biệt có sáu môn:

1. Giải thích tướng
2. Dụng
3. Xuất hóa
4. Đãi tân
5. Chấp nhân
6. Nhẹ nặng.

1. Vật của Phật: Có thuyết cho rằng trộm vật không phạm tội nặng, vì vật của Phật không có tâm ngã sở, không não hại, như Kinh Niết Bàn nói phạm tội Thâu-lan-giá. Như Kinh Thiện Sinh nói:" Có chủ kết tội nặng, vì xâm phạm vật làm tổn hại người tầm thường còn kết tội nặng, huống gì tài vật của bậc tôn quý được trời người cúng dường, vô lý tổn hại há tội nhẹ sao? Tháp thì có thần giữ gìn, tức là có chủ. Nay y theo kinh Bồ-tát giới thì tất cả đều phạm tội nặng. Kinh Niết-bàn y cứ theo thuyết Tiểu thừa:" Nếu trộm vật của Phật và Xá-lợi Phật mà không tác ý thì không phạm. Theo Luận Tát-Bà-Đa chép: "Dùng tâm thanh tịnh cúng dường tự nghĩ rằng:"Người kia là đệ tử, nay ta cũng là đệ tử." nghĩ như vậy thì không phạm. Còn khởi tâm trộm lấy thì phạm tội nặng. Nên Luận Ma-Đắc-lặc-già chép: " Trộm tượng Phật và Xá-lợi đủ năm duyên phạm tội nặng, còn giới Bồ-tát này không đợi đủ năm duyên.

2. Pháp và vật đều phạm tội nặng: Nếu trộm kinh luận, Phật nói vì vô giá nên tính theo giấy mực, tất cả đều phạm tội nặng. Kinh Ngũ Bách Vấn chép: " Không được dùng miệng thổi bụi trên kinh", bụi trên tượng cũng như thế. Nếu đốt kinh cũ thì phạm tội nặng vì cũng như đốt cha mẹ, nếu không biết có tội thì phạm tội nhẹ. Mượn kinh luận của người khác để sao chép mà không trả lại, phạm tội nặng. Nếu làm hư rách mà người khác không biết, cũng phạm tội nặng. Y cứ theo đây nếu lén đọc rồi ghi lấy, hoặc lén sao chép, tuy không làm hư rách nhưng cách thức trực tiếp nơi vật, nên đều kết tội phạm.

Hỏi: Tâm thanh tịnh lấy tượng không phạm, vậy tâm thanh tịnh lấy kinh có phạm không?

Đáp: Phạm, vì tượng là xa kính, còn pháp thì đích thân đọc, hiện đang đọc tụng thì phạm,nên kết tội nặng. Nếu tạo kinh chung cho mọi người, thì tâm thanh tịnh lấy không phạm. Còn tạo tượng tình giới hạn

không thông, lấy rồi sinh phiền não, thì cũng phạm.

Tăng vật có hai thứ: a.) Rộng lớn, b.) Hạn cuộc.

Trong đó có hai trường hợp:

Thập phương thường trụ tăng vật, nghĩa là vật của Tỳ-kheo qua đời, chưa làm pháp thông với mười phương tăng có lấy phần chia nên nói là mười phương hiện tiền, lấy một chút trở lên mười phương, mỗi giới bên tăng đều phạm một tội Ba-la-di.

Hạn cuộc định có hai:

1. Vật của chúng tăng, nghĩa là vật của Tỳ-kheo qua đời, đã tác pháp xong, là thuộc về hiện tiền tăng, hoặc bảy ngày, hoặc mười bốn ngày đều chưa chia vật đó.

2. Vật của người khác, nghĩa là vật của một Tỳ-kheo và vật như trên đã chia đều phạm tội nặng. Kinh Thiện Sinh nói: " Trộm vật của Tỳ kheo qua đời, nếu chưa yết-ma thì phạm tội với mười phương tăng. Nếu đã yết-ma thì phạm tội với hiện tiền tăng. Nếu khi qua đời tùy người mất trao vật trộm, theo chỗ đó kết tội nặng.

- Dụng lẫn nhau:

Có hai loại:

Dụng lẫn của Tam bảo

Dùng lẫn của Đương phân.

Luật Tăng-Kỳ nói: "Ma-ha-đế dụng lẫn lộn của Phật, Pháp, Tăng, Phật nói phạm tội Ba-la-di. Nay xem xét lại tháp, tượng, kinh, lấy lương thực của tăng, cưỡi súc vật của tăng, sai tăng thanh tịnh, dù một chút cũng phạm tội nặng. Lại ở trong đất của tăng xây Phật đường, tháp, trong đất của tháp viện lấy nước giếng đều phạm tội nặng. Còn theo Lương Hòang Sám chép:" Không được dùng lẫn lộn vật của Phật và Pháp, do không thể cùng với vật của Phật làm 615) chủ lại không có chỗ rõ ràng, khác với tăng vật thường trụ, chiêu đề lẫn lộn chỗ dùng. Tỳ-kheo làm việc hòa tăng yêu cầu phát thẻ hòa hợp được dùng, nếu dùng tăng vật để sửa chữa tháp Phật y theo pháp lấy, Tăng hòa hợp thì được dùng, không hòa hợp thì khuyên người thế tục sửa chữa. Nếu tháp Phật có vật cho đến một đồng tiền. Vì thí chủ tâm nặng nên xả. Các vị trời và người trong vật này nên tưởng là Phật, là tháp, cho dù bị gió thổi tan nát cũng không được trao đổi của báu để cúng dường. Vì vật trong tháp của Phật không được bán ". Nếu theo văn này, thì vật của tăng được hòa dùng cho Phật pháp, nhưng vật của Phật thì tăng không được dùng. Còn trong Phật đường trải chiếu tăng, trong tăng phòng tôn trí kinh tượng, ngặn ngừa việc tăng thọ dụng chung thành sử dụng lẫn lộn,

do vị trí của Tam bảo khác nhau. Nếu tạm đặt hoặc không ngại dùng lý không phạm vậy. Còn Ngũ Bách Vấn Sự chép: " Vốn chẳng phải Phật đường mà lập tượng trong đó, Tỳ-kheo đúng pháp ngủ trong đó có cách ngăn thì không phạm." Do Phật còn tại thế cũng cho đệ tử ngủ chung phòng. Còn Luận Tát-Ba-la-di-Đa nói: "Chung quanh đất tăng không hòa hợp thì không được xây tháp Phật và trồng hoa quả, nếu trong tăng phân chia thì cho, tùy ý cúng dường, hoa thường không giới hạn, tùy chỗ cần dùng mà cúng dường. Nếu trải qua thời hoang đói, ruộng vườn của Tam bảo không phân biệt được, cũng không thể hỏi ai được, nếu tăng hòa hợp thì tùy ý xử phân, nếu nước của tháp, công lực của tháp mà tăng dùng thì phạm tội nặng, nếu công sức do tăng phải trù lượng nhiều ít, không được quá hạn. Quá thì kết tội nặng. Nếu thí chủ cúng thí Tam bảo chung thì được sử dụng không phạm.

2. Nói về đương phân hỗ, trước hết phân biệt vật của Phật có sáu loại:

Vật của Phật bảo phải treo trong tháp cúng dường. Nên Luận Đại Trí Độ chép: "Khi Phật tại thế, thí chủ cúng dường thì sắc thân Ngài thọ dụng. Nếu Phật nhập diệt, nên treo móng tóc trong tháp, tâm thí cúng dường Pháp thân. Pháp thân còn mãi."

Vật của Phật thọ dụng, nghĩa là màn trướng, tòa và y bát của Phật, chỉ có kinh tượng là không được dời đổi vì là vật được tất cả trời người cung kính như tháp. Như Kinh Bảo Lương đã nói trên ở trước. Ngũ Bách Vấn chép:" Không được bán lụa trên thân cho Phật để may y cho Phật. Cột trụ ở Phật đường hư hại, thí chủ xin sửa chữa nên cúng thí, tăng không được dùng. Y theo văn này, nền đất của Phật đường, bùn gỗ vàng đá từng làm tượng Phật và thọ dụng, đều được cúng dường, không được chuyển dùng.

Vật của Phật, nghĩa là vật cúng thí cho Phật, khiến thu lợi thêm. Luật Thập Tụng chép: "Vật của tháp Phật cho vay để kiếm lời, Phật nói "cho phép". Ngũ Bách Vấn chép:" Vật của Phật được bán làm dụng cụ cúng dường". Lại y theo Hậu Phần Kinh Niết-bàn quyển thượng chép:" Phật bảo A -nan:" Nếu vật đã cúng thí cho Phật hiện tại, tăng chúng phải biết. Nếu sau khi Phật diệt độ, tất cả tín tâm cúng thí vật cho Phật thì nên dụng vào việc đức hình tượng Phật, may y, phướn lộng bằng bảy báu, mua hương dầu, hoa báu để cúng dường Phật. Ngoài ra, không được dùng, dùng thì phạm tội trộm vật của Phật. Còn Ngũ Bách Vấn chép:"Vật của Phật không được dời đến chùa khác, dời thì phạm tội khí. Nếu chúng tăng dời đi thì phải bạch tăng, tăng cho thì không phạm

tội. Tỳ-kheo được phép làm tượng Phật, chép kinh, được cho vật không được lấy. Nếu được người nhà Phật thì chứa, không được sử dụng, sử dụng thì phạm tội lớn.

Cúng dường Phật cácvật: Luật Tăng-Kỳ chép: " Nếu cúng dường hoa cho Phật quá nhiều thì được phép đổi mua dầu cho hương đăng, vẫn còn lại nhiều thì nên bán nhập vào tiền của vô tận của Phật. Lại nói có Xá-lợi thì gọi là tháp, không có Xá-lợi thì gọi là Chi-đề. Chi-đề được đặt lọng hoa,vật dụng cúng dường. Nếu nói Phật tham dục, sân si đã dứt, mà dùng những vật cúng dường trong tinh xá là mắc tội việt Tỳ-ni, nghiệp báo nặng. Lại nói: Nếu ngày đại hội Phật đản, được mang đến cúng dường trong tháp Phật. Trên là cúng dường tháp Phật, dưới cúng dường Chi đề. Ngũ Bách Vấn chép: " Nếu cờ phướn nhiều, muốn làm Phật sự khác, được hỏi thí chủ, thì chủ không cho thì không được làm. Còn Luận Trí Độ nói:" Như vẽ tượng Phật, vì không đẹp nên phá đi thì được, còn vì tâm ác mà phá đi thì phạm tội."

Vật cúng Phật: Luật Tứ Phần chép: cúng dường thức ăn tháp Phật, người sửa tháp được ăn. Luật Thiện Kiến chép:"Trước Phật, Tỳ-kheo hầu Phật được ăn, nếu không có Tỳ-kheo, thì người tại gia hầu Phật cũng được ăn. Theo văn nầy, mâm dâng cúng Phật người quét dọn tháp được ăn. Sáu vật hạn cuộc Phật như vốn tạo tượng Thích-ca, sau đổi làm tượng Di-đà. Luận Thiện Kiến chép: " Muốn cúng dường tượng này phạm tội nhỏ. Theo đây, trông cảnh lý thật nghĩa thông, đều trái với tâm thí phạm tội dùng lẫn lộn. Nếu tạo tượng tăng và thiên thần thì lẽ ra phải kết tội, Nếu tâm thí thông, ngưng hầu Phật cúng dường, lẽ ra cũng không phạm. Ngũ Bách Vấn chép:" Dùng sắc thái Phật làm hình chim thú mắc tội. Ngòai ra, vật được cúng dường Phật phải xem xét sáu việc nói trên, phải khéo phân biệt đừng để phạm tội sử dụng lẫn lộn.

- Pháp vật cũng có sáu loại:

1. Vật Pháp bảo phải treo trong tháp cúng dường. Luận Tát Bà Đa chép:" Nếu bố thí cho Pháp bảo phải treo trong tháp, không được viết kinh và nói giới cho người nghe.

2. Vật pháp thọ dụng như các loại pho trật, hòm rương, khăn phủ bàn. Theo như trên là không được dùng vào việc khác.

3. Vật bố thí cho pháp: Luận Tát-Bà-Đa chép:" Nếu nói thẳng, bố thí cho pháp có hai phần: Một phần cho kinh, một phần cho người đọc tụng kinh. Y theo trước, hư rách cũng được thay thế.

4. Vật cúng dường pháp.

5. Vật hiến cúng cho Pháp đều y theo Phật nên biết.

6. Trong vật hạn cuộc cho Pháp.

Nếu vốn là Kinh Đại Phẩm sửa làm Kinh Niết-bàn, lẽ ra chẳng phải tội nặng, nếu sửa luận gom thành ngụy kinh, quyết phán phạm tội nặng. Nếu viết để thí chung thì không phạm tội nặng.

- ***Vật của tăng có năm loại:***

1. Vật của Tăng bảo, Luận Tát-Bà-Đa chép: "Nếu thí cho Tăng bảo thì phàm phu tăng, Thánh tăng không được lấy phần, vì vật này đã thí cho Tăng bảo, vật này phải trả lại cho thí chủ, nếu không thì phải treo trong tháp để cúng dường Đệ nhất nghĩa Tăng. Nếu nói thí cho chúng tăng thì Thánh tăng, phàm tăng đều được lấy phần. Vì nói không rõ, nên người thọ thí phải khéo biết.

2. Vật của Thường trụ tăng: Luận Ma-Đắc-lặc-già nói:"Tâm trộm cắp vật của bốn phương Tăng cho chùa khác, mắc tội nhỏ, trái lại dùng cho tăng nên không phạm tội nặng, dù có đánh chuông cũng phạm tội trộm, tùy theo chỗ xếp vào mà định. Còn Ngũ Bách Vấn chép: "Nếu xin cho Tăng, thì phải bạch Tăng, đem thức ăn cho Tăng ở tại đường, nếu tăng không cho mà mang đi thì phải bồi thường. Không bồi thường thì phạm tội nặng. Y theo văn nầy, nếu vì tăng khiến nhà không có chỗ xin ăn thì cho phép hòa tăng được ăn, không cần đánh chuông. Nếu nhà Tăng trang nghiêm thì đánh chuông được ăn, không cần hòa tăng, nếu đem thức ăn của chùa này nuôi vật chùa khác, theo Luận Ma-Đắc-lặc-già nói trên thì phạm tội nhỏ. Nếu được chùa này sai đi, thì không phạm tội. Nếu lén dùng một chút trở lên đều phạm tội nặng. Lại phá giới và tòan giới phi thời đều thành phạm tội. Nếu có người thỉnh thọ thực đến phòng phi thời an nhiên mà ăn.

3. Vật của tăng mười phương hiện tiền, đem vào của thường trụ cũng phạm tội nặng. So với việc tri kiến giữ lòng người tốt phương tiện hồi thí tăng vật hiện tiền. Vật cúng cho thường trụ mà đem làm lợi ích cho tăng, đều phạm tội nặng, hoặc vì tăng xâm tục, vì tục xâm tăng. Hoặc phi pháp yết ma chia y vật, đều trộm tăng vật mười phương hiện tiện. Hãy khéo suy nghĩ điều này, còn chia ra tội nặng nhẹ, trái với văn đều phạm tội nặng, hãy khéo suy nghĩ việc đó. Tăng vật của bốn chúng, như Tỳ-kheo qua đời đúng pháp làm yết-ma xong thuộc chúng hiện tiền, hoặc không chia mà trộm bán, hoặc chia không đều, hoặc không hòa tăng mà thưởng cho người khác là phạm tội nặng. Xin hãy suy nghĩ kỹ.

4. Vật của chúng tăng: như vốn cúng thí cho tăng chùa này lại đem cho chùa khác, hoặc Duy-na chấp sớ, vượt thứ lớp sai tăng. Hoặc

người khác được sớ lén riêng thọ, đều vì tình thí chủ gồm cả Tăng, trái nghịch với thứ lớp, nên phạm tội nặng. Nếu trước đã thọ thỉnh riêng thì sau phạm giới.

5. Là Xuất hóa: Luật Tăng-Kỳ chép: “ Vật của tháp và Tăng hư hỏng bán lẫn lộn phải ghi chép rõ ràng là bán khi nào và trả lúc nào, nếu có việc thay thế giao lại phải ở trong tăng đọc sớ, nói rõ là giao phó cho người sau, trái lại thì kết phạm.”

Luật Thập Tụng chép:” Vật của tháp hư hỏng thủ lợi, lại dính mắc vào tài sản vô tận của tháp.”

Luật Thiện Kiến chép:” Được bán vật của tăng để làm phòng riêng.”

Kinh Thiện Sinh chép:” Người bệnh bán vật của Tam Bảo phải trả lại mười lần. Ngoài ra, Tăng không bệnh thì không khai cho. Trên đây đều chẳng phải là vật quý báu của Phật thì chẳng phải vật của Phật pháp được sử dụng, vì không có nghĩa hồi chuyển”.

Ngũ Bách Vấn Sự chép:” Vật của Phật hư hỏng người nào bán để tự sử dụng thì đồng tội với tội hoại pháp thân, nếu có vật cúng thí cho Phật thì những ngưu nô không được thọ dụng và mua bán đổi chác vật đó. Nếu khí vật bố thí cho quân đội cũng không được thọ dụnǵ. Thứ 4 là Pháp chiêm đãi, y theo văn dưới đây. Có Pháp Sư Đại thừa đến, đón rước cung kính, cấp cho trăm vị vàng ròng. Thập Tụng Luật chép:” Vì người này thay thế bổ xứ vào chỗ ta nên phải cung cấp, bất kể dùng vật gì để cung cấp, lẽ ra phải là vật của hiện tiền tăng, làm pháp hòa được dùng. Luật Ngũ Phần chép:” Nếu người tại gia vào chùa tăng không cho ăn liền khởi tâm chê bai. Phật nói: “Hãy nên mang cho, còn xấu thì đựng thức ăn”. Lại cho sinh chê bai, Phật nói:”Đồ tốt cho người đó. Y theo đây phải là người ác tìm lỗi tăng, không biết nghiệp đạo. Nếu hai chúng tại gia và các chánh sĩ hiểu bbiết rõ được vật tăng khó tiêu, tức không nên cho. Kinh Đại Tập chép:” Chỉ là vật của chúng tăng không được cho người thế tục, cũng phải nói đây là vật của ta riêng chúng cho ăn, nhưng ở trong chúng tăng có tổn ích trong pháp cho, nên Luật Tăng-Kỳ chép:”Tổn ích thì nên cho. Tổn là giặc đến chùa đòi các thứ ăn uống, nếu không cho thì chúng sẽ đốt chùa, tuy không nên nhưng phải tùy theo việc mà cho nhiều hay ít. Ích là thợ giỏi sửa chữa tăng phòng, loại liệu công việc của chúng tăng, nên cùng ăn trước hay sau bữa ăn, đầu thoa chân, nước uống phi thời, như ăn uống với cùng vua và các người có thế lực lớn. Đây gọi là ích. Luật Thập Tụng chép:”Cung cấp củi lửa, đèn đuốc cho vua chúa Đại thần, được dùng 19 tiền không

cần bạch tăng. Nếu cần dùng nữa thì nên bạch tăng rồi cho. Còn có bọn cu71p hung dữ biết thức ăn Tỳ-kheo cần ăn, Tỳ-kheo nói:" Làm thức ăn này cho tăng, không phải làm cho các ông." Phật nói: " Nếu sợ hãi như thế, thì khi họ xin chút ít nên cho, xin phân nữa cũng cho, còn xin hết thì cũng nên cho luôn, đừng vì nhân duyên này mà mắc tội suy não. Luật Thập Tụng chép: " Người làm thuê suốt ngày, chết không được trong sạch, Phật lượng công của người đó mà cho. Luật Thiện Kiến chép:" Pháp tiếp đãi tịnh nhân, như chia phần cao thấp cao như bậc Sư trưởng thì cúng y thực, thấp thì không được. Y cứ theo các văn như trên. Ngoài ra bất luận là có thể theo đó để thí dụ.

Hỏi: Các chỗ trích dẫn này phần nhiều là Tiểu thừa, làm sao lấy tánh giới Bồ-tát được.

Đáp: Tánh giới Bồ-tát cùng học. Nhiếp Luận chép: " Văn nên được dùng".

Hỏi: Bồ-tát giữ tăng vật không cho người nghèo thiếu, há không trái phạm, tổn hại lòng từ bi sao?

Đáp: Đây tức là bi, vì sao? Nếu lấy vật tăng cho người thì cả hai đều mắc tội nhiều kiếp chịu khổ, làm sao gọi là đại bi, vì thế không cho.

- Là người giữ vật của Tam bảo. Kinh Đại Tập 32 chép:" Phật nói: Có hai hạng người có khả năng làm việc Tăng:

1. Bậc có tám giải thoát A-la-hán.

2. Học nhân chứng ba quả nhuư Tu-Đà-Hòan, v.v.. có khả năng làm việc, Tăng, cúng dường chúng Tăng. Kinh Bảo Lương quyển thượng chép: Phật bảo Ca-diếp: Ta cho hai hạng Tỳ-kheo được làm các việc:

1. Có khả năng trì giới

2. Sợ đời sau dụ như kim cương.

- Lại có hai lọai:

1. Hiểu được nghiệp báo.

2. Có tâm hổ thẹn và tâm sám hối.

- Lại có hai loại:

1. A-la-hán

2. Tu tám Bối xả.

Nầy Ca-diếp! Ta cho hai hạng Tỳ-kheo này làm việc, tự không phải ung nhọt." Phật dạy như thế tức là lời răn mãi mãi, nếu sợ quả báo thì phải đắn đo suy lường.

Thứ 6: là Khinh trọng, môn này đứng về cảnh có ba vị đều phạm tội nặng. Vì tánh và giá đều đầy đủ. Trong ba thứ vật báu và vật Phật

pháp thọ dụng luôn cả Tăng vật thường trụ, tăng vật hiện tiền. Đàn việt dốc tin tâm coi nặng về thí vật, hoặc các thứ vật hoa trái, tất cả việc cần dùng riêng tự phí dụng, hoặc đem ra ngoài cho tri thức và bà con Tại gia, tội nặng này chịu quả báo ở địa ngục A-tỳ. Kinh Phương Đẳng chép: "Bồ-tát Hoa Tụ nói rằng:"Năm tội nghịch bốn tội trọng ta cứu được, nhưng trộm vật của Tăng thì ta không cứu được". Kinh Đại Tập chép:" Tội Trộm vật của tăng tội đồng với năm tội nghịch. Kinh Quán Phật Tam-muội chép: Trộm vật của tăng nặng hơn giết tám mươi bốn ngàn cha mẹ. Linh Nham Tự chép:" bây giờ có Tỳ-kheo khách qua đời, đến gặp Quán Thế Âm, thấy ghi tội trên bảng đá là lấy củi của tăng để nhuộm đồ, đều bị tội nặng, chẳng nên vì một chút mà không bồi thường. Vào thời Phật Ca-diếp có một vị Tỳ-kheo điều lành trong đám ruộng thấy lúa nhiều, liền lấy bảy hạt để vào miệng; bị đọa vào lòai trâu, dùng thân để bồi thường. Luận Đại Trí Độ chép: Vì năm, sáu hạt gạo mà phải đọa làm trâu. Trải qua 500 đời tu chứng quả A-la-hán vẫn còn tự nhai như trâu, đó là Tỳ-kheo Ngưu Ty. Đây là lời răn dạy nghiêm khắc, phải khéo suy nghĩ việc này.

- Nói về trong loại vật khác, có hai:

1. Chủ khác nhau.

2. Phân biệt nghiệp khinh trọng, ở trước nói có 10 thứ:

Giữ gìn vật có chủ. Như Luật Thiện Kiến chép: "Tỳ-kheo vì Tam bảo mà giữ gìn tiền của người. Nếu cẩn thận giữ gìn đóng cửa khóa lại chắc chắn, nhưng kẻ trộm cắp theo lỗ hỏng trộm lấy, hoặc cưởng bức, giới hạn của chủ chẳng thể cấm được, không cho người giữ vật, nếu trái thì phạm, Tỳ-kheo giữ vật phải bồi thường, không thường thì kết phạm. Luật Thập Tụng chép: " Nếu nhận vật ký gửi, trông coi cẩn thận, mất thì không thường, không trông coi cẩn thận thì mất phải thường. Nếu có lòng tốt mà làm hư bể thì không phải thường, nay có lòng tốt rửa bát cho người lỡ tay làm vỡ, bồi thường hễ được thì phạm tội nặng.

Vật thí của kẻ trộm không nên nhận. Kẻ trộm vì thí mà trộm tức là duyên trộm. Nếu theo người khác xin tức là xúi giục người khác ăn trộm, nên đều không được nhận. Nên Du-già chép:"Nếu biết vật này là trộm thì không lấy không phạm. Nghĩa y cứ như kia sửa lỗi mà thí. Tính ra cũng nên nhận, vì lòng từ bi thương xót người kia cũng phải nhận, nhưng không theo người đó xin, có lẽ trộm đem đi cúng thí. Giới Tiểu thừa thì có chủ thí mới nậhn. Luật Thập Tụng chép: "Giặc trộm vật đến, hoặc lòng tốt thí, hoặc vì người khác lo sợ thí thì được lấy vật này, đừng theo xin, nếu cho thì được lấy, lấy rồi đem nhuộm hoại sắc mà mặc. Có

người biết xin lại thì nên trả cho họ.

Đọat vật của giặc, có hai:

1. Tự
2. Tha

Trong đó có bốn câu:

Tự chưa xả tâm, tưởng trộm chưa thành, đọat lấy không phạm tội nặng. Nên Luật Ngũ Phần chép: " Có một Tỳ-kheo bị giặc trấn lột lấy y vật. Sinh nghi hỏi Phật, Phật dạy: " Không phạm, như giới Đại thừa thì phạm tội khinh, vì thuận theo san tham trái với bi tuệ, nên hai tự tâm chưa xả bỏ, giặc đã nghĩ là đã được, lấy cũng thành tội nặng. Vì giặc nghĩ là đã được nên vật thuộc về giặc, nghiệp trộm thành xong. Đoạt thì tự mình thành kẻ trộm, nên luật nói:: "Giặc đọat vật của giặc." Luận Tát-Bà-Đa chép: " Mất vật tâm chưa xả vẫn lấy vật này, tính tiền thành tội nặng.

Tự tâm đã xả bỏ, giặc chưa nghĩ là được, lấy cũng thành tội trọng. Vì trái với tưởng này, nghĩa là đã xả tâm. Vật chẳng phải mình có, đâu cho được lấy. Lấy tính thành tội nặng. Vì trái với tưởng này, nghĩa là đã có tâm xả. Vật chẳng phải mình có, đâu cho được lấy. Lấy tính thành tội nặng, y cứ theo đây. Nếu chưa biết vật bị mất đem ra ngoài sử dụng, sau gặp vật này đọat lại phạm tội nặng.

Tự tâm đã xả, tưởng giặc chưa được, thành tội nặng không nghi ngờ. Y cứ theo đây, nếu mất vật rồi sau biết chỗ chôn giấu, cũng không được lưu ý lấy và bảo cho người, cho đến chết phạm tội thứ hai của Ba-la-di. Còn Tỳ-Nại-Da chép: "Nếu mất vật, quan đọat lại trả cho Tỳ-kheo, được lấy không phạm.

Vì người khác có hai:

Nếu đối với giặc khởi sân, đối với giặc khởi tham, là từ thân biết. Đoạt vật giống như trước. Bốn câu y cứ theo đó.

Nếu khởi tâm từ bi ủng hộ vật Tam bảo thì đọat lấy không phạm.

Trộm vật của người cúng thí. Nếu đã xả vật thí cho người sau lấy lại phạm tội nặng, nên Luận Đại Trí Độ chép: " Thí rồi lấy lại cũng thành phạm.

Trộm vật của quan. Luật chép: "Tỳ-kheo không có pháp thu thuế, không đồng thuế quan của người tại gia. Vật của người thế tục, Tỳ-kheo nhận thì mắc tội nặng. Nay vật thuộc có quan, thu thuế hay không thu thuế, lẽ ra phạm tội nặng. Luật tăng-kỳ chép: Quan lấy thuế vật Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tìm cách xin miễn, thì không phạm tội nặng.

Ta không cần thiết

Vô lý thu thuế ta.

Tát-Giá-Niết-bàn-Kiền Tử chép: “ Không thâu vương khóa chẳng phải trộm.

Hỏi: Củi cây trong núi không thuộc quốc vương, vì sao lấy mà không phạm tội trộm?

Đáp: Ý vua vốn xả, nghĩ là cấp cho bá tánh, nên tùy theo lấy chiếm là chủ. Nếu trong núi có các thứ vật báu ẩn tàng vua không xả mà lấy thì phạm.

Trộm vật của người điên cuồng: Luận Du-già quyển 7 nói:” Y của người điên cuồng có được lấy hay không? Hoặc được không được, thế nào là được lấy? Vì không biết cha mẹ ở đâu, tự giữ vật thí Tỳ-kheo được lấy. Thế nào là không được lấy? Là có cha mẹ v.v..... nên biết. Không tự tay cho không được lấy.

Trộm súc vật, Luận Tát-Bà-Đa nói: “Tất cả chim thú ăn còn dư, lấy thì phạm tội Đột-cát-la, y theo giới này mắc tội nặng, như trong ruộng đào hang chuột giấu cũng phạm tội nặng.

Trộm vật của thần, Luật Tăng-Kỳ chép: Trộm vật trong tháp Phật, trong đền thờ Phật mắc tội nặng. Văn Bồ-tát giới nói:”Cho đến vật của quỷ thần, v..v.... nghĩa là nếu muốn biết quỷ thần cho hay không, phải bói để xả tiếc lẫn.

Trộm vật của quỷ.

Trộm vật của thần.

Đều y cứ theo đây nên biết.

Nói về nghiệp nhẹ nặng có sáu:

Về quả báo mạnh hay yếu, người và vật đều mắc tội nặng. Là tâm nhiếp hộ mạnh mẽ, đồng với Tiểu giới của Thanh văn, trừ các cõi trên cũng phạm tội nhẹ.

Về khổ não nhiều ít, bất luận các cõi, chỉ cần ưu khổ sâu cũng phạm tội nặng, ngược lại là nhẹ.

Về lỗi cứu giúp, bất kể sinh não nhiều ít, chỉ khiến nghèo cùng duyên trước thiếu gặp trộm cướp tánh mạng khó an toàn, lẽ ra tội càng phải nặng.

Về đức, bất luận nghèo giàu, chỉ cần trộm vật của bậc có đức đã phát Bồ-đề tâm, lý cũng nặng.

Về ân nghĩa là trộm vật Tam bảo rất nặng.

Giải thích chung có ba việc trọng khinh nên được biết.

Khiến sinh tội nặng khổ não.

Người kia trước thiếu ít khiến mạng nạn hoàn toàn.

Tam bảo là có đức hoặc sâu, hoặc cạn.

Cha mẹ, Sư tăng và các vị tu hành, hoặc trộm có đủ ba cảnh: Thiếu một là thứ, thiếu hai là hạ, thiếu ba là hạ hạ, đều y theo rs61t dễ hiểu. Vật Tam bảo là trọng, vật của Tăng là tội nặng cùng cực. Những thứ này đứng về tội nặng trong nghiệp đạo lại nói là khinh trọng. Phạm giới nghĩa như thế nên nói là nặng.

Thứ hai: Y cứ vào về thể của vật đã trộm. Chung cho, phi tình. Trong phi tình có ba:

- Y cứ vào tiền của.
- Y cứ vào sáu trần
- Y cứ vào sáu giới.

Câu đầu cũng có ba:

Có tâm ngã sở, có vật giữ gìn, như gấm lụa trong rương.

Có tâm ngã sở không vật thủ hộ như ngũ cốc trong ruộng.

Không tâm ngã sở, không giữ gìn vật, như kho tàng dưới lòng đất.

Trộm cắp theo ba dạng này đều phạm tội nặng, nếu y theo văn luật thì đất của Phật và Tăng nếu có kho tàng, tùy xuất thuộc hai vị Phật, Tăng cũng không trả lại chủ, bèn cho vua.

Trộm vật của sáu trần. Luận Minh Liễu chép:"Trộm sắc tội rất nhiều, đứng về sáu căn khởi hạnh phi pháp, như các vị tiên gọi là Hung hành thần thần (đi bằng bụng), người có nọc rắn, làm vị tiên thấy liền phạm. Theo đây, như Bí Phương Yếu Thuật, không cho người thấy trộm cũng phạm tội nặng.

Trộm thanh: Như đọc chú trị bệnh, muốn học phải trực tiếp, nghe thầm thì phạm tội nặng. Còn nghe trộm Kỳ-bà Dược Cổ được hết bịnh.

Trộm hương là ngửi mùi thơm.

Trộm vị, nếm mùi.

Trộm xúc y theo thí dụ rất dễ biết.

(618) Về Trộm pháp, như Bí Phương Yếu Thuật người bệnh tâm duyên theo liền hết bịnh, được trực tiếp mới biểu thị cho viết trực tiếp. Tỳ-kheo thọ pháp từ thầy tâm duyên liền hết dịnh, không trả tiền nên phạm tội nặng.

Về sáu giới: Như Luật thập tụng chép: “Nếu ruộng nên nói với nhau được thắng thì phạm tội nặng, không bằng thì phạm tội khinh. Nếu làm tướng lạ quá phần là tội nặng. Đã không nói lý ngay cong thì mắc tội nặng Nghĩa y theo, nếu người kia đã ăn trộm đất của tăng thuộc tướng mình thành, theo lý thì mắc tội nặng. Nếu người kia chưa định thì

mắc tội khinh. Nếu chẳng phải lấy phần đất, lẽ ra phạm tội nặng. Trộm nước là theo Luật Tăng-kỳ, nếu Tỳ-kheo vì Phật tăng, hoặc vì mình mà trộm, vũng nước lớn sụp lở đi qua, xuống ruộng phạm Thâu-lan-giá của Ba-la-di. Luận Du-già:"Tính ao chênh lệch quá phần mà dùng nước đầy là phạm tội nặng.

Trộm lửa, nếu lấy lửa trong tăng trù thì nồi lạnh, nên biết trộm gió, như Luận Minh Liễu chép:" Có chú quạt thuốc thoa, Tỳ-kheo trộm xa không cho giá trị phạm tội nặng.

Trộm hư không, nếu ở ranh giới của người khác mà xây dựng lầu gác, vào chỗ trống của người, ngăn cản việc xây cất của họ, nên gọi là trộm hư không.

Trộm hiểu biết là trí tuệ. Trong Luận Minh Liễu, người có thủ đoạn độ người. Tỳ-kheo học không trả tiền phạm tội trộm tri thức. Như thế tất cả phải cẩn thận y theo đó.

Trộm hữu tình, Luật Tăng-Kỳ trộm bốn chân, là đi đến chỗ hẹn, dở chân lên liền phạm tội nặng, chủ cũ đuổi theo, tâm chưa được mất thì phạm tội nhẹ. Luật Thiện Kiến chép:"Trộm chim trong hư không từ cánh đến cánh, từ đuôi đến đầu, trên dưới cũng giống như vậy, đều mắc tội nặng. Y theo giới này, dù chim không chủ nhưng thân chim tự làm chủ, nếu trộm thì phạm tội nặng. Y theo đây, nếu người thợ săn sát sinh mắc hai tội trộm và sát, nếu trộm cưỡi ngựa cũng phạm tội nặng, nghĩa là trộm công dụng.

Trộm vật không chân, Luật Tăng-Kỳ chép: “Rắn trong lồng trộm lấy phạm tội nặng. Hoặc sân mắng rằng:" Vì sao buộc trong lồng? Vì mở ra là chạy mất. Luật Ngũ Phần chép: “Nếu hoại sát cụ thì không phạm, không nên chỉ bày. Luật Thập Tụng, Luận Ma-Đắc-Lặc-Già chép:"Tự tâm phá lưới, mắc tội Đột-cát-la. Theo giới Bồ-tát này. Nếu dùng tâm trộm để lấy thì phạm. Vì lòng từ mà mở thả thì không phạm. Như trong phần khai duyên dưới đây.

Trộm vật 2 chân: Nếu trộm nam nữ hiền lương làm người thấp hèn, hể dở hai chân liền phạm tội nặng. Nên Kinh Bồ-tát Nội Giới nói:" Bồ tát không cướp lấy dân lành làm nô tỳ. Nếu cha mẹ dẫn đi chơi, không cứu giúp sau lưng lén dẫn trốn đi, đáng lý cũng phạm, phải dạy hiếu tảho dưỡng ngồi mới nhập vào đạo được, mới là chánh hạnh của Bồ-tát.

Hỏi: Lén dẫn nhập đạo, hiện thiếu lệnh của vua, tổn hại quốc vương, há chẳng phải phạm tội nặng hay sao?

Đáp: Nếu là phước của người thất hành tu đạo, giúp cho quốc

vương mà được qua chỗ thu thuế. Nên cũng không phạm. Nếu tránh làm việc nặng nhọc cho vua, thân vào đạo lẽ ra cũng không được miễn. Còn nếu không có người sai sử thì phương tiện dẫn làm đệ tử. Nhưng mưu đồ lợi dụng sức của họ chứ không giáo huấn, tức trộm lực dụng vậy. Phải có thầy giúp đỡ, dùng pháp lý dạy bảo, đâu thiếu sai sử mà được báo ân, đâu cho phép họ có phạm. Luật Thập Tụng chép:" Giặc bắt đệ tử đem đi, sư đoạt trở lại phạm tội nặng. Giặc chưa quyết tưởng thì không phạm. Đệ tử tự trốn đi thì không phạm. Theo giới Bồ-tát thì phải chuộc đệ tử, hoặc dùng thân mình thay thế. Nếu đệ tử sau này bị khổ nhiều, chuộc hay thay thế không được, phải đọat lại thì không phạm. Đồng khai duyên, Luật Thiện Kiến chép:" Trộm tôi tớ phạm tội nặng." Luật Thập Tụng chép:'" Thấy tôi tớ của người bèn nói rằng: "Khổ quá, sao không bỏ điều lành". Nếu họ giở một chân điều lành phạm Thâu-lan-già, giở hai chân phạm tội nặng, nếu tôi tớ phản bội bỏ đi không xúi giục thì không phạm.

Hỏi: Đuổi sứ đi há chẳng phải phạm công sức hay sao?

Đáp: Hoặc tôi tớ chưa đi tuần. Lực dụng thuộc về hội chủ, lén sai liền phạm. Theo đây thì chỉ trái với tôn chỉ lén sai tất cả đều phạm. Kế là vật khinh trọng đều phạm tội nặng. Nhưng cỏ lá là vật nhỏ nhặt làm tổn hại đạo nghiệp nên phạm tội nhẹ. Trái đây là phạm tội nặng.

- Tâm trộm cắp có hai:

1. Chung
2. Riêng

Trong chung có ba vị:

1. Y cứ vào ba tánh có thiện, ác, vô ký.
2. Y cứ vào ba độc là tham, sân, si.
3. Y cứ vào thời tâm là đầu, giữa và cuối. Trong ba vị đều có bảy câu, nghĩa là ba đơn, ba song, một hợp, gồm chung 21 câu. Các tướng khinh trọng y theo giới trước, đầy đủ trong Quảng Luận.

Trong riêng, Luật Thập Tụng nói có sáu thứ:

1. Khổ thiết thủ
2. Khinh mạn thủ
3. Dĩ tha danh tự thủ
4. Xúc ái thủ
5. Thọ ký thủ
6. Xuất tức thủ.

Trong đó, Xuất tức thủ là tội nhẹ, năm thứ còn lại đều phạm tội nặng. Ma-Đắc-Lặc-già chép:" Tâm cướp đoạt có ba thứ:

1. Cưỡng đọat lấy.
2. Dùng lời nói lấy
3. Thí rồi đòi lại.

Luật Tứ Phần có mười thứ:

1. Tâm đen tối: nghĩa là tâm si mê ngu ngốc, giáo hóa chúng sinh nên học theo mê, tùy theo làm kết tội trọng như Ma-Ma-Đế dụng lẫn lộn vật Phật Pháp Tăng.

2. Tà tâm, nghĩa là tâm tham danh lợi, trá hiện thật đức. Tà mạng nói pháp, dối gạt người trước mà được lợi thì gọi là trộm.

3. Tâm Khúc lệ: nghĩa là cho ít, hiềm hận hiện sân đòi nhiều. Hoặc thị hiện uy nộ được tức thành trộm.

4. Tâm Khủng bố: nghĩa là áo bức quát mắng mà lấy, hoặc nói ác báo địa ngục mà lấy, hoặc dùng thế lực của vua quan mà lấy, đều phạm tội nặng.

5. Thường có tâm trộm, thường lấy việc cướp đoạt tài vật làm công việc.

6. Quyết định lấy, nghĩa là trong tâm sắp sẳn phương tiện đã thành. Vì phải khắc quả, động vật thành phạm.

7. Khủng khiếp lấy, nghĩa là thị hiện tướng thân miệng ý, khiến người sợ mà cho vật.

8. Gởi vật lấy, hoặc hoàn toàn chống cự lấy hết, hoặc dùng một chút rồi trả lại.

9. Thấy tiện thời liền lấy, nghĩa là dò xét thấy tệin dịp liền lấy.

10. Gữi gắm lấy, hoặc giả danh nghe uy đức, hoặc thị hiện thân hơn người, hoặc nương gá quan chức, hoặc truyền danh tự của người, hoặc dựa vào lời phânbiệt của mình, như vậy các văn trong luật, luận nói đều có ý nghĩa sâu kíb khuôn phép thuận theo tâm thanh tịnh của giới Bồ-tát. Nên ghi chép phụ lục điều đó. Mong rằng người tu hành thành thật giữ gìn.

4. . Cách thức trộm, có mười thứ:

Viết xong liền phạm, nghĩa là đọan vật khinh trọng của vị tăng qua đời, hạ bút viết liền phạm. Còn cương duy phán tăng vật phi lý mà dùng. Còn chữ trên sách thuộc về làm rồi có, còn vô lý đoạn được cho. Vô lý đọan và cho cả hai đều kết tội nặng, Luật Thiện Kiến chép: “Cách ghi chép chữ, viết một đầu phạm tội nhẹ, viết hai đầu phạm tội nặng.

Nói xong thì phạm, nghĩa là đối với lời nói phi lý cắt đứt. Luật

Thiện Kiến chép: Nếu tâm trộm nói lên quyết định là đất của ta, chủ đất sinh nghi phạm Thâu-lan-giá, tên chủ đất quyết định mất thì phạm tội nặng. Nếu đến hỏi tăng.

Tăng Đáp: Đều phạm tội nặng. Nếu trộm hạ thọ thí, còn dùng lời phân biệt dối gạt hoặc không trả lại, đều phạm tội nặng.

Dời cọc phạm tội, Luật Thiện Kiến chép: " Dời cọc một lần phạm tội Thâu-lan-già, dời hai lần phạm tội nặng. Dù chỉ một sợi tóc, một hạt gạo đều phạm tội nặng, đất sâu vô giá, dây đàn cũng thế. Đây là y cứ vào lượng của đất mà phân biệt.

Đứng về màu sắc khác nhau mà phạm tội: như Luận Tát-Bà-Đa chép:"Trên Chiên nậu cù lũ có cây cành lá hoa, ăn trộm lá cho đến hoa trên cây đều phạm tội nặng, vì khác chỗ mầu sắc cũ.

Họai sắc mà phạm, như mượn y vô ý làm hư rách. Tùy chỗ hư tổn mà kết tội nặng, nên luật nói: "Như hoại sắc"

Chỗ Thiêu chôn mà phạm, như phóng lửa thiêu đốt núi rừng, làm hao tổn tài sản của người, phạm tội trộm, không nên phóng lửa phạm tội khinh cấu.

Tùy trù mà phạm, như Luật Tứ Phần chép:" Trộm ghi số thẻ làm cho số thẻ chi vật bị thiếu, còn người chủ chia vật cho chúng không bình đẳng.

Chuyên xỉ phạm, như Luật Thập Tụng chép: " Xu bồ, chuyển xỉ di, kỳ tử v.v....đều phạm tội nặng.

Đứng về chú phạm, nghĩa là chú làm hao tổn tài sản của người khác. Như văn chú ăn trộm.

Phạm chung: như thổi vật trong hư không, phá tài sản của người khác. Còn ở đây chưa phân biệt là loại đã có nhiều thứ, đều có thể y cứ theo đây mà biết. Những thứ này cũng nói chung là rời khỏi chỗ cũ. Nhưng giới ăn trộm rất sâu khó giữ dễ phạm, mong những người tu đạo suy nghĩ về điều đó. Nên Luận Thiện Kiến chép:" Giới luật nên suy nghĩ giữ gìn."

Giới trọng thứ hai này sự tướng khó hiểu, không thể phân biệt giải thích ý nghĩa vụn vặt của nó, phải khéo suy luận văn, Tiểu thừa còn trở ngại thân miệng như thế, huống chi giới Bồ-tát giữ gìn

Ba nghiệp ý địa rất sâu có thể tình được.

Môn thứ sáu nói trên đã xong.

Thứ bảy là Nghiệp của trộm:

Theo Luận Thập Địa và Luận Đối Pháp, quả có ba loại:

a/ Quả Dị thục, nghĩa là đọa vào ba đường ác, chịu khổ cùng cực.

Theo Kinh Ưu-Bà-tắc-Giới, quyển bốn chép: “ Nếu người ưa trộm cắp, người này cũng được mầu ác, sức ác, tên ác, đoãn mạng. Tài vật tổn giảm, quyến thuộc chia lìa, người bị mất vật sinh nghi. Tuy người gần gũi cũng không ai tin, thường bị hiền thánh quở trách. Nên gọi là quả của nghiệp ác hiện tại. Nếu được thân người thì không có của cải quý giá, dù có được cũng theo đó mà mất hết. Không được cha mẹ, vợ con thương tưởng. Thân thường chịu khổ, tâm luôn sầu não, là một năng lực nhân duyên của người ác. Mọi người phàm chỗ ăn nuốt không có sắc lực, quả ác của ngừoi này tai ương lưu lại trong muôn họ.

Theo Luận Đại Trí Độ quyển 13, Phật nói không cho mà lấy có mười tội:

1. Chủ vật thường sân
2. Nghi người
3. Phi thời thực hành trù lượng
4. Bè đảng với người ác, xa lìa hiền thiện.
5. Phá gốc lành.
6. Mắc tội với quan
7. Tài vật không vào
8. Gieo nhân duyên nghiệp nghèo cùng
9. Chết đọa địa ngục
10. Nếu sinh làm người thì nghèo khổ, dù có tiền của cũng bị rơi vào năm nhà:
   - Giặc cướp
   - Nước lụt
   - Lửa cháy
   - Phép Vua
   - Con hư phá hoại

Dù cho cất giấu cũng mất.

Thông cuộc nghĩa là trước thông sau cuộc. Thông có ba loại:

- Về tưởng.
- Về Sự
- Về mật ý.

Tưởng: Luật Tứ Phần: “Tưởng cho nên lấy, tưởng của mình, tưởng của phẩn tảo nên tạm lấy, tưởng của bà con đều không phạm. Trong Luật đủ bảy pháp gọi là bà con:

1. Việc khó làm mà làm được.
2. Việc khó cho mà cho được.
3. Việc khó nhẫn mà nhẫn được.

4. Việc bí mật nói với nhau
5. Giúp đỡ lẫn nhau
6. Gặp khổ không bỏ
7. Nghèo hèn không khinh.

Người thực hành được bảy pháp như thế là bạn thân, y cứ theo đây mà suy lường điều đó.

Về sự, như Du-già Giới Bản chép: " Như Bồ-tát thấy giặc cướp đoạt vật của người, vật của tăng-già, vật của tháp, lấy nhiều vật đã chấp là mình có, buông lòng thọ dụng. Bồ-tát thấy rồi khởi tâm thương xót. Ở người đó phát sinh lợi ích an vui. Tùy theo bị áp bức đoạt lấy, chớ để cho thọ dụng. Tiền của như thế sẽ chịu vô nghĩa vô lợi trong đêm dài. Do nhân duyên này, nên tiền của quý báu đoạt được, nếu vật của Tăng-già thì trả lại cho Tăng-già, vật của tháp thì trả lại cho táhp, vật của hữu tình thì trả lại cho hữu tình. Còn thấy chúng chủ, hoặc viên lâm chủ lấy vật của Tăng-già, của tháp nói là mình có rồi tha hồ thọ dụng. Bồ-tát thấy rồi lựa bỏ việc ác, khởi tâm thương xót, chớ để vì nghiệp tà này mà phải chịu vô lợi ích lâu dài, tùy sức tùy khả năng mà phế bỏ chỗ y cứ của mình. Bồ-tát như thế tuy không cho mà lấy vẫn không phạm mà còn sinh nhiều công đức.

Về mật ý, như Nhiếp Luận dịch vào Đời Lương chép:"Vì sao không cho Bồ-tát cướp đoạt của người khác? Vì Bồ-tát giáo hóa chúng sinh không từ vương chủ và cha mẹ mà được.

Hạn cuộc là dù chỉ một niệm khởi tâm lấy liền thành phạm. Kinh Văn-thù Vấn chép:" Nếu sinh ý nghĩ trộm phạm tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Thứ chín. Đối trị hạnh,lược phân biệt tư duy mười thứ hành sự.

Khi Bồ-tát trì giới luật nghi cho đến trong mộng còn tưởng cỏ lá không cho mà lấy, huống gì việc đó.

Khi trì giới nhiếp thiện pháp cho đến thân mạng niệm niệm xả thí cho tất cả chúng sinh. Huống chi có lợi ích.

Giới Trì nhiếp chúng sinh, từ bi phương tiện thường niệm lợi ích, đâu thể có việc tổn ích.

Học tập hạnh ít muốn, nghĩa là thấy tài vật của người khác nhiều vô lượng trăm ngàn không có tâm dục, huống gì có việc trộm.

Người biết đủ tuy nằm dưới đất vẫn an vui.

Hạnh bất tham: nghĩa là dù có trăm ngàn tài vật của chúng sinh cũng không có một y nghĩ hướng về mình.

Hạnh đốn xả, nghĩa là đối với một chúng sinh, một niệm đốn xả,

hằng sa thế giới tài bảo thân mạng. Như là niệm niệm tận kiếp vị lai ý còn không đủ, như một chúng sinh, tất cả đều như vậy.

Hạnh hoan hỷ, nghĩa là thấy chúng sinh hết nghèo khổ, được giàu sang vô lượng, vui mừng vô tận, được an vui cõi trời.

Hạnh thâm bi, nghĩa là thấy chúng sinh nghèo khổ lòng thương xót rơi lệ không thôi.

Hạnh thù thắng, nghĩa là lập sự giàu vui của trời, người và Niết-bàn Nhị thừa trao cho chúng sinh, chẳng phải cho là đủ, phải được Vô thượng Bồ-đề mới là rốt ráo, đem các hạnh mong muốn tu hành như thế, đâu có các việc trộm cắp.Thứ mười là giải thích văn, có ba nghĩa đồng như trước:

- Dứt nghiệp ác
- Tu hạnh lành.
- Trái quy chế kết phạm.

Trong câu đầu có hai:

Trước nêu lỗi, sau chánh chế. Trong nêu lỗi có bốn:

- Giải thích người trộm cắp.
- Cách thức trộm cắp
- Hiển bày tướng trộm cắp.
- Vật bị trộm cắp.

Trong câu đầu tự trộm và xúi giục người trộm đều thành rốt ráo. Trong đây có hai câu hỏi đáp đều đồng với giới trước rất dễ hiểu

Hỏi: Trước trong tâm sát có bốn, nghĩa là tự tha khen vui. Vì sao trong đây không có hai?

Đáp: Trong văn còn sơ lược, xếp vào phương tiện liền xâm tổn tài vật của người khác. Còn nhiều loại chẳng phải một nên gọi chung là phương tiện. “Trộm nhân...v.v...” là nói cách thức trộm

Bốn loại giải thích này cũng đồng như trước. Nghĩa là: Tự mình làm là Nhân, xúi hịuc người là duyên, phương tiện là pháp, rốt ráo là nghiệp.

Về chỗ trộm, nghĩa là:

a. Dụng công cướp đoạt tiền của người khác, cướp đoạt làm công của mình, nên gọi là nhân trộm. Còn như bí mật làm ổn định công diệu của mình, cướp lấy nhiều giá trị đều là trộm của người.

b. Người khác bị trộm phá hoại, khiến cho người đó không được, người trộm kia là duyên.

Về trộm, nghĩa là:

1. Là giặc

2. Giúp giặc làm bạn.

Thiết lập là cách thức.

Nhà là nghiệp giặc.

Về cụ duyên

Bên trong có tâm trộm

Bên ngoài thiếu tư cụ

Thi công tạo tác.

Gởi lên rời chỗ cũ.

Luận Thập Địa chép:” Hai câu đầu là nhân lìa, câu kế là đối trị lìa, nghĩa là phải thí cho. Sau là quả hạnh lìa, huống chi là trộm lấy, đều phải nên biết.

Chỗ có tướng trộm. Trộm lấy vật đó, phương tiện có nhiều thứ. Dưới đến chú trộm nên nêu riêng ra điều đó, y theo giới trước có chữ “cho đến” nên được biết. Dùng tâm chú vật về mình, còn mượn duyên chú kia cướp lấy đều gọi là Chú đạo.

Cho đến hiển rõ chỗ trộm vật ở trong đó.

1. Về chủ, nghĩa là chung năm cõi, chỉ trừ địa ngục, ban đầu từ trời, người cho đến phi nhân, nên nói:”Cho đến quỷ thần”. Nhưng vật có chủ thì phạm, nên nói là có chủ. Lại đoạt vật người khác, còn có thể cướp được vật của người, nên nói cướp vật của giặc.

2. Về vật thể, nghĩa là vật rất nhỏ như đầu cây kim, ngọn cỏ còn không phạm huống gì phạm đủ cả năm.

Thứ hai. “Mà Bồ-tát” v.v.. trở xuống là nói chế tu thiện hạnh. Cũng là Nhiếp thiện giới hạnh, cũng là trị hạnh của người ác kia. Trong đó có hai:

1/. Khởi tâm

2/. Là làm lợi ích

Trong đó phải khởi bốn tâm, nhưng có bốn giải thích:

1.Khởi tâm Phật tánh.

2. Tâm hiếu thuận

3.Từ tâm

Bi tâm.

Chữ sinh ở trên quán hạ, trở xuống chữ tâm chung với ở trên. Nên 2 duyên đầu thượng vị còn phải cúng dường, vì sao lại ăn trộm? Hai duyên sau hạ vị còn phải cứu giúp, đâu cho phép trộm cắp. Vì đối trị với trộm cắp nên khởi tâm nầy.

2. Y theo Phật tánh khởi hai tâm: nghĩa là sinh hiếu thuận Phật tánh từ bi. Hai tâm này tuy duyên hai loại chúng sinh thượng, hạ mà

thường thuận theo bản tánh bình đẳng, nên nói là Phật tánh tức đồng với chữ Thường Trụ ở giới trước.

Vì Phật tánh này có hai nghĩa nên sinh hai tâm:

1. Nghĩa thường trụ. Kinh chép:”Vì thuốc đó mọc ở trong núi. Đứng về nghĩa của bản tánh thanh tịnh này nên sinh tâm hiếu thuận mà tôn kính. Như Bồ-tát Thường Đề thương xót bốn chúng. Còn vì thường trụ tức tùy duyên, tùy duyên tức thường trụ không hai. Vị Bồ-tát này duyên chúng sinh thường đủ hai tâm. Còn y cứ theo chúng sinh có hai nghĩa:

Sở y Phật tánh có đủ hai nghĩa, như đã phân tích ở trên.

Y theo tạp nhiễm cũng có hai nghĩa:

Duyên thành dường như nghĩa có.

Vô tánh tức nghĩa không.

Do đây, pháp nhiễm có tức là nghĩa không. Phật tánh tùy duyên thành nhiễm. Nay văn này không đứng về pháp nhiễm. Chỉ từ hai nghĩa của Phật tánh sau nói hai tâm.

Đứng về tự tánh trụ Phật tánh tại triền, sẽ thuơng xót sinh tâm từ bi. Về dẫn ra và đến được quả xuất chướng. Có thể tôn sinh lòng hiếu thuận.

Thường giúp tất cả, v.v.... trở xuống là nương theo tâm làm lợi ích, “Thường giúp” là nói lâu dài không đứt quãng. Mọi người là nhiếp không còn gì ở ngoài. “Sinh phước” là nói các thứ vui là nhân. “Sinh vui” là khiến được quả vui. Hai thứ này chung cho cả thế gian và xuất thế gian. Đại thừa và Tiểu thừa đếu có thể biết. Theo Du-già, chỉ sinh hiện lạc, vô phước lợi, hoặc các Bồ-tát đều không làm. Cho nên trong đây sinh đầy đủ hai thứ phước vui.

Thứ ba. Mà trái lại trở xuống v.v... là vi phạm quy chế kết phạm, có ba nghĩa:

Trái phạm đọan ác ở trước, còn phạm quy chế tu phạm sau., nghĩa là trộm vật của người khiến cho họ sinh khổ, sinh tội, trái với phước vui.

Phải lợi ích chúng sinh, nếu không lợi ích chúng sinh thì phạm giới Nhiếp chúng sinh. Đáng thí mà không thí phạm giới Nhiếp thiện pháp. Không nên trộm cắp mà trộm cắp phạm giới Luật nghi, do đó một tội trộm này trái phạm cả ba giới, nên kết tội nặng.

Cứu giúp chúng sinh được phước vui mà lại trộm cắp sinh tội khổ. Rất trái với điều đo nên kết tội nặng. Dưới đây đã chỉ bày tên tội nên biết.

SỚ GIẢI BỒ TÁT GIỚI BẢN TRONG KINH PHẠM VÕNG

QUYỂN 3

III. GIỚI BẤT DÂM

Giải thích giới này thành mười môn đồng như trước:

Chế ý: Lược có mười nghĩa:

Vì tội này nặng về nghiệp đạo nên xếp vào mười nghiệp ác. Người phạm tội dâm không thể vào đạo, nên Phật mới đặt ra giới này.

Trói buộc sâu nặng. Ái là gông cùm, xiềng xích trong lao ngục sinh tử. Luận Trí Độ chép:" Dâm dục tuy không não hại chúng sinh, nhưng có công năng trói buộc, nên tội ác rất lớn.

Cội gốc của sinh tử. Do dâm đãng nên sinh tử luân hồi, trôi giạt trong sông ái, chìm đắm trong biển dục vô bờ.

Phá hoại công đức. Luật Tăng Kỳ chép:

Việc đáng sợ nhất
Không gì hơn nữ
Bại chánh họai, đức
Đều do người nữ.

Tâm ô nhiễm phạm tội Việt ty- ni, giới Tiểu thừa còn như thế, huống gì giới Bồ-tát Đại thừa. Kinh Địa Trì chép:" Bồ-tát sợ sinh tử hơn Thanh văn trăm ngàn vạn lần.

Phá hoại thế gian. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép:" ở thế gian, người nam đau khổ đều vì phụ nữ, bất luận thiếu niên hay trung niên, không ai chẳng do nguyên nhân này. Người nữ phá hoại thế gian làm cho pháp thảy đều diệt hết. Trói buộc lớn nhất trên cõi trời không gì hơn nữ sắc. Người nữ ràng buộc các vị trời dẫn đến ba đường ác.

Loạn tâm thanh tịnh. Nghĩa là lửa dục đốt tâm khiến cho mất thiền, mất niệm. Sóng biển dục phá nước định.

Vào lưới ma. Liếm mật dính trên dao bén, tham sắc hoa độc. Tổn hại chúng sinh là ý nguyện của ma. Kinh chép: Năm dục là cảnh giới của ma.

Mất thần thông: Vị tiên thấy người nữ khởi tâm mê nên mất thần thông, bị đọa lạc. Như vị tiên Độc Giác có thần thông bay lên núi cao. Sau bị dâm nữ cưỡi cỗ đem xuống nhân gian.

Chướng Niết bàn: Trong luật Tỳ-kheo, dâm dục là giới đầu tiên. Người phạm giới đời này không được Niết-bàn.

Chướng Bồ-đề. Kinh chép: Năm dục là pháp chướng đạo, làm chướng ngại việc sinh lên cõi trời. Vì nhiều tội lỗi như thế,nên Phật mới chế giới này.

1. Thích danh:

Dâm tức là dâm dục, nghĩa là nam nữ có tâm ái nhiễm mê đắm lẫn nhau. Bên người nữ dâm tư tưởng tà giới là dâm vũ. “Trệ Thư Đa” là tên quyển sách viết về việc dâm. Hòang Phủ Sĩ An đọc sách này ba năm, say mê đến nỗi không còn biết mùa Xuân, mùa Hạ, cưỡi ngựa không biết ngựa đực, ngựa cái. Nay tâm dính mắc sắc dục cũng gọi là dâm sắc, cũng gọi là dâm hoang. Nên Kinh Thư chép:” Bên trong hoang mê theo sắc dục, bên ngoài hoang mê theo cầm thú. Nội điển gọi dâm dục là hạnh Bất tịnh. Nghĩa là tâm ái nhiễm ô gọi là “bất tịnh”, làm việc phi pháp cảnh ô nhiễm giới phẩm thanh tịnh, gọi là “hành”, hành tức là nghiệp, cũng tức là phi phạm hạnh. “Giới”, Phật lập ra để ngừa lỗi nên gọi là giới, từ đó mà đặt tên. Trong kinh này nói người xuất gia phải chấm dứt dâm dục, nên kinh không phân biệt tà chánh, vì tất cả dâm dục đều phải chấm dứt.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát tại gia được có vợ con?

Đáp: Tại gia có hai loại: Người đã chứng đắc rồi, nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên thị hiện có vợ con, đó là năng lực Phương tiện lực. Kinh Hoa Nghiêm chép:” Khi Bồ-tát Thập Hạnh trì giới thanh tịnh, thì có vô lượng ma nữ đến não loạn, nhưng Bồ-tát không sinh một niệm dục, tâm vẫn thanh tịnh như Phật. Ngoài phương tiện vì giáo hóa chúng sinh, Bồ-tát thà xả bỏ thân mạng chứ không gây thêm tội ác cho người. Như vậy y theo đó đều là phương tiện. Thật sự không có dục tưởng.

Còn giới bản Du-già cho phép Bồ-tát tại gia dùng phương tiện từ dục để giáo hóa chúng sinh. Phương tiện này không khai cho Bồ tát xuất gia, huống gì tâm người chưa được thanh tịnh đồng với Phật.

2. Thứ lớp:

Kinh Thập Thiện Giới chép: “Dâm chỉ ngăn tà dâm, khác với Sát và Đạo, cho nên giới Dâm xếp vào hàng thứ ba.” Đây là thuận theo thứ lớp mà tổng đoạn là khác.

3. Giải thích:

Thân nghiệp trái phạm sát sinh là phiền não cùng cực, nên đặt ở đầu. Trộm cắp trái phạm kế, Dâm trái phạm kém hơn, hoặc thuận theo tâm tham, nên xếp vào thứ ba.

Hỏi:Như vậy trong giới Thanh văn vì sao giới này đứng đầu?

Đáp: Dâm dục là gốc sinh tử, vì muốn mau đến Niết-bàn nên Phật đặt ra giới này.Còn giới Bồ-tát thì khác nên giới này được xếp vào thứ ba.

Giới Thanh văn đợi phạm mới chế, mà giới bất dâm lại phạm đầu tiên nên Phật đặt ra giới Dâm trước hết. Còn giới Bồ-tát đặt ra không đợi phạm. Vì thuận theo mười nghiệp đạo nên giới này khác với giới Thanh văn.

4. Đủ duyên thành phạm: Trên đây đã giải thích duyên chung, còn duyên riêng y theo luận có cũng có bảy duyên:

Loại hữu tình: Vì không phạm tội nặng, nên thây chết chưa hoại được xếp vào loại hữu tình.

Hỏi: Chỗ này vì sao khác với hai giới trước, có phải phân biệt khác với tự thân lập duyên khác hay không?

Đáp: Vì tự trộm không thành trộm, tự dâm thì thành dâm. Như trong luật nói tự dâm đường sống thì thành tội nặng v.v... Cho nên khác nhau.

Chánh cảnh: Nghĩa là nữ có ba đường, nam có hai đường, chỗ khác không phạm tội nặng.

Khởi tưởng viêc này ra việc kia, như chúng sinh tưởng là cây, đạo tưởng là phi đạo, đều không phạm tội

Có tâm dâm, vì ngủ mê nên không phạm tội nặng.

Có ba độc, Bồ-tát tại gia có chánh tuệ chế ngự tâm, phương tiện giáo hóa chúng sinh, Phật khai cho không phạm. Còn về xuất gia chẳng khai thì không có duyên này.

Tạo thú: Vì không động thân nghi thì không thành tội nặng.

Hợp cùng cảnh: Nghĩa là vào chừng bằng đầu sợi lông. Nếu kẻ thù bắt buộc khai cho hợp với cảnh, nhưng không được thọ vui.

5.Thiếu duyên: nghĩa là thiếu chung nên biết.

Trong riêng nếu thiếu duyên 1 thì có 2 tội. Thiếu duyên 2 có 6 tội, đồng như trước, nghĩa là khác đường mà tưởng, hoặc biết chắc chắn hay không đều phạm tội nặng. Nếu phi đạo đồng sai, rốt ráo không quyết chắc, y cứ theo tâm thì phạm tội trọng phương tiện.Về sau nếu biết phi đạo thì phạm tội khinh phương tiện. Còn hai đường hiệp một sinh nghi, quyết hay không đều phạm tội trung phương tiện. Nếu quyết chắn thì

phạm tội khinh phương tiện.

Thiếu duyên thứ ba, cũng tưởng nghi có hai khác nhau. Tưởng có bốn câu.

Vốn mê: nghĩa là vô tâm phạm tội nặng, ban đầu từ phi đạo, lầm xâm phạm chánh đạo. Sau đó không biết là lầm nên kết tội phương tiện.

Sau đó biết vào đường kết phương tiện nặng. Khác với Tiểu thừa, vì trong duyên thứ năm có khởi tưởng đó. Còn nghiệp Đại thừa, suy nghĩ là nghiệp tại ý. Phần nhiều y cứ vào tâm mà kết nên khác nhau.

Tâm căn bản đi đến chỗ trọng. Vào đúng chính đường bỗng chuyển hướng tưởng lầm là chẳng phải đường. Phạm rồi biết đạo rõ ràng ngay bản tâm, dù một chút tâm lý cũng phạm tội nặng, vì tâm có nhiều cảnh. Tiểu thừa phải nói theo tâm này.

Hòan toàn không biết tâm giữa và sau, mắc tội phương tiện. Hai câu giữa có hai nghi:

Nghi đạo là phi đạo, sau tâm biết đạo cũng kết tội nặng.

Sau hòan tòan không biết nên mắc tội phương tiện. Ngòai ra đạo khác mà tưởng và nghi phạm tội nặng, vì đều là cảnh phạm.

Thiếu duyên thứ bốn có ba câu:

1. Kẻ thù đặt căn của Bồ-tát vào âm của người nữ. Do cắn tay v.v.... cấm tâm không thọ vui thì không phạm. Trái lại thì phạm.

2. Nếu Bồ-tát ngủ quên bị người khác dâm, hòan tòan không biết cũng không phạm.

3. Biết rồi không thọ vui không phạm, thọ vui thì thành phạm.

- Thiếu duyên thứ năm có hai câu:

Y cứ về vị, Bồ-tát tại gia thiếu duyên này không phạm, xuất gia thành phạm

Y cứ vào ba thời, hai tâm nói về tuệ:

Tâm khai hoặc nên phạm phương tiện nặng.

Hoặc một tuệ lẽ ra phải thành tội nặng.

Thiếu duyên thứ sáu có hai câu:

Dù có động thân nghĩ đến cảnh chưa đến liền dừng lại thì phạm tội phương tiện.

Đến cảnh sắp và vào chừng đầu một sợi lông liền dừng lại phạm tội phương tiện nặng.

6. Nặng nhẹ: Sơ lược có sáu vị nói lên điều đó:

- Y cứ về cảnh
- Y cứ về tâm

- Hợp biện giải thích
- Y cứ về số
- Y cứ về tạo thú
- Y cứ về tổn

Chủng loại.

Cảnh phạm có mười:

- Thà chết chưa hoại
- Giao thông với quỷ
- Súc sinh
- Người
- Các người thân
- Em gái, con gái.
- Hai chúng tại gia giữ năm giới, tám giới.
- Hai chúng xuất gia
- Cha mẹ
- Bậc Thánh.

Nếu phạm La hán ni thì trước phạm tội nhẹ, sau phạm tội nặng, nên biết.

Y cứ vào tâm cũng có mười thứ.

Có tâm tham tăng thượng, nghĩa là tâm tham mạnh mẽ đối với bậc trước cha mẹ, không có tâm hổ thẹn.

Trung phẩm tham, tuy có tâm hổ thẹn mà mê luyến sâu nặng.

Hạ phẩm tham, nghĩa là có hổ thẹn mà không mê luyến sâu nặng.

Y cứ vào về tâm sân, nghĩa là sân tức người khác nên làm việc dâm.

Y cứ vào si, như nói Dục không làm chướng đạo, nên cố ý làm việc đó.

Đủ tham sân, nghĩa là tâm tham phương tiện rốt ráo.

Đủ tham si, nghĩa là lấy tâm si làm phương tiện rốt ráo.

Đủ sân si, nghĩa là lấy tâm tham làm phương tiện rốt ráo.

Năm vị trên đều trước phạm tội nặng, sau phạm tội khinh, nên biết.

Vô ký phương tiện si tham rốt ráo.

Thiện tâm phương tiện từ bi tham rốt ráo.

Cũng trước phạm tội nặng, sau phạm tội khinh, nên biết.

Hợp giải thích: có mười loại.

Tâm nặng đối với cảnh nặng ở trước

Tâm vừa chừng đối với cảnh nặng ở trước
Tâm nhẹ đối với cảnh nặng ở trước.
Tâm nặng đối với cảnh nặng vừa chừng.
Tâm vừa chừng đối với cảnh vừa chừng.
Tâm nhẹ đối với cảnh vừa chừng.
Tâm nặng cảnh nhẹ.
Tâm vửa chừng cảnh nhẹ.
Tâm nhẹ cảnh nhẹ.
Tâm thượng cảnh trung hạ
Mười loại này đếu có nặng nhẹ, y cứ theo việc nên biết.
Đứng về số có năm loại:
Tạm phạm rồi sinh sợ mãi mãi chấm dứt
Phạm vài lần về sau tự chấm dứt
Thường phạm vài lần sám hối nối nhau không dứt.
Phạm rồi tiếp tục trọn đời không sửa đổi.

Thấy phạm có ích, không có tâm trì giới, không có ý sám hối, chấp phạm là đúng, cuối cùng cho đến trọn đời, đều trước nhẹ sau nặng nên biết.

Về tạo thú có ba:

- Rất riêng tư
- Ít tránh người.
- Công nhiên hành.

Đều trước phạm tội trước nặng sau nhẹ.

Về tổn có năm thứ:

- Như lửa dục thiêu đốt đền thờ trời.
- Phá hoại phạm hạnh của mình và người
- Việc ác lộ ra bị nhiều người chê bai
- Tiếng xấu đồn khắp, phá hoại tín tâm của người.
- Đều phạm tội trước nặng sau nhẹ, nên biết.

Đứng về các giới như xúc chạm, Lậu thất, nói lời thô, mai mối đều không nên phạm.

Kinh Niết-bàn quyển 31 chép:"Nếu có Bồ-tát nào tự nói mình giữ giới thanh tịnh. Tuy không hòa hợp với người nữ, nhưng khi thấy người nữ sinh tâm diễu cợt, buông lời đùa bỡn. Như vậy là Bồ-tát đã thành tựu pháp dục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới tạp uế, không được gọi là tịnh giới cụ túc.

Đắc quả, Luận Thập Địa và Luận Đối Pháp cũng có ba thứ:

1. Quả dị thục, đọa ba ác thú chịu khổ dữ dội.

2. quả đẳng lưu, nghĩa là ở trong loài người bị hai vợ tranh nhau, vợ không trinh tiết.

3. Quả tăng thượng, nghĩa là trong lòai người bị nhiều kẻ thù bên ngoài tranh đua. Theo Kinh Ưu-Bà-tắc Giới thứ 4 chép:” Nếu vui là tà dâm, người này không thể giữ thân mình và người. Tất cả chúng sinh thấy đều sinh nghi. Nói dối đã nói trên, bất cứ lúc nào cũng thường chịu khổ.Tâm thường tán loạn không thể tu pháp lành. Tài vật tiêu tán hết, có nhiều vợ con mà lòng không tham luyến. Tuổi thọ ngắn, đó là quả ác hiện tại của tà dâm. Khi xả thân vào địa ngục, có thân hình xấu xa, đói khát, kéo dài mạng sống, chịu rất nhiều khổ não. Đây là quả báo nghiệp ác đời sau. Nếu được sinh lên làm người thì thân hình xấu xa, mọi người không muốn nhìn. Không thể giữ được vợ, con trai, con gái. Vì có nhân duyên ác nên đối với ngoại vật không được tự tại. Kinh Đại Bồ-tát Tạng quyển 10 chép:”Nầy Xá-lợi Tử, người gần gũi dâm dục thì không việc ác nào chẳng dám làm. Khi quả báo chín muồi thì người đó sẽ chịu nhiều đau khổ. Cho nên ta nói chúng sinh trong thế giới Tam thiên óan ghét không gì bằng dâm dục, vợ con, nữ sắc. Lại nói:” Nếu có chúng sinh đắm trước các sắc dục, thê thiếp, vợ con, thì giống như liếm chút mật ngọt trên lưỡi dao bén, nuốt hòan sắt nóng, ngồi giường sắt, uống nước đồng sôi. Lại nói: nên biết phụ nữ làm mất hết mắt tuệ của bậc Thánh, cho đến nói rộng hơn, như kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép:” Sắc đẹp, hoa độc, như xúc chạm lửa mạnh, Dục lạc cũng giống như thế, sau chịu nhiều khổ não. Như lửa càng nhiều củi thì lửa đó không thể dập tắt được. Mình và người đều bị thiêu đốt, dục lạc cũng giống như thế. Con thiêu thân cứ lao đầu vào lửa mà không hề biết cái hại của lửa, dục lạc cũng giống như thế, người ngu si không hiểu biết. Lại nói lưới dục người nữ ràng buộc rất chặt chẽ, làm cho chúng sinh trôi lăn trong địa ngục. Thân ràng buộc còn mở được, tâm ràng buộc không thể thóat khỏi, tâm bị sự ham muốn ràng buộc thường chịu nhiều khổ não. Kinh Chân Ngụy Sát na-Môn chép: “Tỳ-kheo có hai việc đọa vào địa ngục Hoạch thang

Tâm thường nghĩ tâm ái dục.

Thích ái kết bạn bè.

Lời của bậc Thánh như thế, ý niệm còn đọa địa ngục Hoạch thang, huống chi thân ngữ tội lỗi càng nặng hơn. Luận Trí Độ 13 chép:

“ Lại có mười tội như vậy nên biết. Còn luật nói rằng:” Thà để nam căn vào miệng rắn độc chứ không nên gần người nữ. Vì rắn độc chỉ hại một đời người, còn người nữ thì hại nhiều đời. Rắn hại không vào

địa ngục, người nữ hại sẽ vào địa ngục. Rắn độc chỉ hại nhục thân, còn người nữ hại cả pháp thân. Xin những người hiểu biết tự răn dè.

Thông bít. Trước nói về Thông: Bồ-tát tại gia vì giáo hóa chúng sinh nên khai cho không phạm. Như Du-già Giới Bản chép: " Còn Bồ-tát tại gia thấy có mẫu ấp hiện không lệ thuộc. Tập khí cách thức dâm dục nối tiếp tâm Bồ-tát cầu phi phạm hạnh. Bồ tát thấy rồi nghĩ rằng, đừng để tâm sân hận nhiều mà mất phước. Nếu muốn được tự tại, phương tiện an xử khiến họ phải gieo trồng gốc lành, xả nghiệp bất thiện, trụ trong lòng thương xót, thực hành phi phạm hạnh. Còn Kinh Thanh Tịnh Tỳ-Nặng, hỏi: Có trường hợp nào hành dâm mà không phạm giới lại được thành tựu Thi Ba-la-Mật không?

Văn-thù-sư-lợi đáp: Có, trường hợp Bồ-tát vì muốn giáo hóa chúng sinh không tự quán giới.

"Bít" như Kinh Niết-bàn quyển 31 chép:" Lại có Bồ-tát tự nói tịnh giới, tuy không giao hợp với người nữ, nhưng đùa giỡn nói cười, chỉ nghe tiếng chuỗi anh lạc, vòng xuyến của người nữ cách vách tường liền sinh tâm ái nhiễm, tức thành dâm dục phá giới. Như thế Bồ-tát thành tựu pháp dục, phá hủy tịnh giới. Ô nhục phạm hạnh, khiến giới tạp uế, không được gọi là tịnh giới cụ túc. Nầy người Thiện nam, nếu có Bồ-tát trì giới thanh tịnh, mà không vì giới, không vì Ba-la-mật, không vì Bồ-đề, không vì Niết-bàn, không vì Thanh văn Bích-chi-Phật. Chỉ vì Tối thượng Đệ nhất nghĩa mà giữ gìn tịnh giới. Nầy người Thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát tịnh giới đầy đủ. Tướng đã giải thích nên biết.

- Đối trị hành giả: Đứng về ba nhóm phân biệt, trước hết giới Nhiếp Luật Nghi có hai:

Y cứ về cảnh, nghĩa này như cứt đái bất tịnh v.v.. Trong quán Bất tịnh có nói đầy đủ. Luận Trí Độ có nói năm thứ bất tịnh cụ duyên.

Y cứ về tâm, nghĩa dục niệm này đều từ tà tư duy sinh khởi. Nếu dừng thì tư dục này bất sinh, nên như thuyết tụng rằng:

Dục là gốc của ông,
Chỉ từ tư tưởng sinh
Nay tà mạng chẳng nghĩ ông Ngã kim bất tư nhữ
Ông lại không được sinh.

3. Về giới Nhiêu ích hữu tình, Bồ-tát lẽ ra phải dùng vô lượng pháp lành thế gian và xuất thế gian để lợi ích chúng sinh. Chúng sinh khởi phiền não như thế, đáng lẽ phải cứu giúp họ. Vì sao lại tự đem sự ô uế đến cho họ. Cho nên kinh nói:" Thà xả bỏ thân mạng chứ không nên đem tội ác đến cho người. Nếu gây thêm tội ác cho người thì không

có việc ấy. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép:" Cho đến tranh phụ nữ còn không muốn nhìn. Phá dục để được trí tuệ sáng suốt bền chắc, nên gọi là được giải thoát.

- Giải thích văn: Có ba nghĩa đồng như trước.

Nêu lỗi chế đoạn giữa có hai:

- Nêu lỗi chế chung.
- Hiển bày tướng lỗi.

Trong câu đầu (a) là nêu lỗi chế chung. Câu kế (b) nghĩa là dâm uế nhiễm dục không hợp với phạm hạnh, nên nói không được dâm dục với tất cả người nữ, nhưng vì cố phân biệ với sai lầm nên nói không được. Y cứ theo văn này và tập luận v.v.... nên biết có cảnh tưởng.

Chỉ bày trong tướng lỗi. Trước hết giải thích để rõ tự, tha trước làm vị trí có bốn trường hợp: Nhân, duyên, pháp, nghiệp cũng giống như bốn giải thích ở trước.

Đứng về năng thích, "Nhân" là bên trong khởi nhiễm tâm tà tư duy, "Duyên" là bên ngoài phấn sáp trang điểm khiến nhiễm. "Pháp" là tư thái, lại nói lời êm ái, lại còn lập các cách thức việc dâm. "Nghiệp" là lấy dâm làm nghiệp nhà.

Y cứ vào giải thích: "Nhân" là chỗ chính, "Duyên" là xoa chà, "Pháp" là cách thi đối, "Nghiệp" là chỉ bảo người khác hành động thành nghiệp.

Y cứ vào thôngmà giải thích: "Nhân " là trong khởi tâm tham. "Duyên" là ngòai cảnh hiện tiền, "Pháp"tạo cõi phương tiện, "Nghiệp" chánh phạm kết nghiệp.

Y cứ vào tự, mà tha giải thích: "Nhân" là tự làm, "Duyên" là giúp người khác thành tựu, "Pháp" là dạy người cách thức. "Nghiệp" là mình và người thành nghiệp.

Các giãi thích về mình và người đã xong.

Kế là giải thích tất cả người nữ nói trên, nghĩa là từ người cho đến súc sinh, nên nói là cho đến súc sinh. Trong Thông có nói mười loại:

1. Súc sinh
2. Trời
3. Quỷ
4. Thần
5. Người
6. Sáu thân
7. Chị em
8. Con gái

9. Mẹ

10. Phi đạo, nghĩa là hạ bộ và miệng đều phạm.

2. Từ câu “Mà Bồ-tát v.v.... ” trở xuống là chế trong tu hành điều lành có hai: Trước khởi tâm, sau thành lợi ích. Trước kính bậc trên khởi tâm hiếu thuận, thương xót người dưới mà khởi tâm từ bi. Tâm này được trau chuốt bằng văn ghi chép sau đây, ở đây có đầy đủ.

Thành ích là cứu giúp cho họ hết khổ và đưa họ vào Phật pháp. Tịnh pháp cùng với người là trao cho tịnh giới, giúp cho họ tu hành phạm hạnh. Đây là điều Bồ-tát phải được hành.

3.Từ câu mà trái lại, v.v.... trở xuống trái quy định thì kết phạm, trong đó có bốn tội nặng:

Không làm lợi ích trước là trái với chánh hạnh.

Huống chi khởi pháp ác đối với người.

Huống chi tham dục lẫy lừng chẳng khác gì loài cầm thú.

Huống chi đối với cha mẹ. Bốn thứ này tuy tội nặng nhẹ khác nhau nhưng đều trái với chánh hạnh, nên đồng kết tội Ba-la-di.

IV. GIỚI NÓI DỐI :

Giải thích giới này thành mười môn đồng như trước.

Chế ý: có mười nghĩa:

Nghiệp đạo nặng, nghĩa là mười nghiệp bất thiện, đường ác nhân quả, mắc tội này không thể vào đạo.

Chẳng phải việc nên làm, nghĩa là dối gạt người tốt, chẳng phải việc của người thế gian làm, huống chi người vào đạo, thì sự thành thật là tốt nhất.

Đóng cửa con đường lành. Luận Đại Trí Độ quyển 13 nói: “Người nói dối, tâm không hỗ thẹn, đóng bít cửa Niết-bàn của cõi trời. Quán biết tội này, cho nên không làm.

Thật ngữ ích, Luận Đại Trí Độ chép: “Lại nữa, quán biết lợi ích của thật ngữ rất lớn. Lợi ích của thật ngữ do mình mà ra, rất dễ được, đó là sức mạnh của người xuất gia. Như vậy công đức của người xuất gia gồm có lợi ích này, tướng của người lành..

Dễ giải thoát. Luận Đại Trí Độ chép:” Lại nữa, tâm của người thật ngữ ngay thẳng dễ được giải thoát, giống như cây thẳng trong rừng rậm dễ lôi ra.

Pháp không nhập tâm. Luận Đại Trí Độ chép:” Phật tử La-vân, tuổi còn nhỏ chưa biết cẩn thận lời nói. Có người đến hỏi: Đức Thế tôn có ở đây không? thì ông nói dối là không có. Lúc không có Thế tôn thì

ông nói dối là có. Có người bạch Phật việc này, Phật bảo La-vân đem chậu nước đến cho Ngài rửa chân. Rửa xong, Phật bảo La-vân úp chậu lại. La-vân nghe lời Phật úp chậu lại. Phật bảo đổ nước vào, La-vân theo lời dạy đổ nước vào. Phật hỏi nước có vào không? La-vân thưa không vào. Phật bảo La-vân: " Người không biết hổ thẹn, nói dối che lấp tâm, đạo pháp không vào cũng giống như thế.

Hoại pháp hạnh. "Luận Đại Trí Độ chép:" Tỳ-kheo Ha-đa tuy hành pháp thí nhưng vì nói dối nên chết đọa vào địa ngục.

Khí u linh: Kinh nói người nói dối thì các vị trời, quỷ thần đều xa lìa không ủng hộ.

Mở cửa tội lỗi. các tội Sát sinh,trộm cắp đều do nói dối trợ giúp mà thành.

Đầy đủ tánh giới và già giới, cho nên thà xả bỏ thân mạng chứ không nên phạm. Bài Kệ trong Luận Bồ-đề Tư Lương chép:

Tuy do nói thật mà chết
Lui mất người vua chuyển luân
Cho đến các thiên vương
Chỉ nên nói lời thật

Giải thích: Vì phạm tánh giới là tội nặng, nên giới này không khai.

1. Giải thích tên gọi:

Chẳng phải xưng thật là dối, khiến cho người khác nghe hiểu là ngữ. Giới ngăn ngừa lỗi này. Đây là từ chỗ trị mà đặt tên. Luận Trí Độ 15 chép: "Nói dối là tâm không thanh tịnh.". Muốn dối gạt người nên che giấu sự thật, nói ra lời lạ sinh khẩu nghiệp, đó gọi là nói dối.

2. Giải thích: Trong đây cũng thuộc về ba tội: nói độc ác, nói hai lưỡi, nói thêu dệt. Từ đầu đặt tên vì tướng tội lỗi mà khởi. Luận Đại Trí Độ chép: Trong bốn tội về khẩu nghiệp thì nói dối là nặng nhất, nó nhiếp cả ba việc, trong các pháp nó chiếm nhiều nhất. Nếu thật ngữ thì bốn loại chánh ngữ đều nhiếp hết.

3. Thứ lớp: Trước hết là thân nghiệp, kế đến là ngữ nghiệp.

Hỏi: Vì sao chế thân có ba, ngữ có bốn đồng là già giới.

Đáp: Vì nó không có tướng nhiếp, nên ở đây xếp chung lại.

Giải thích: Văn sau nói hủy và báng xếp vào ba lọai khác.

4. Đủ duyên thành phạm. Duyên riêng cũng có bảy:

1. Đối với chúng sinh
2. Khởi tưởng kia
3. Khởi cuồng tâm

4. Che giấu thật sự
5. Đủ ba độc.
6. Nói rõ
7. Người nghe hiểu.

5. Thiếu duyên:

* Thiếu duyên một có ba nghĩa:

- Trung quốc và hiện đại khác nhau. nếu hiểu rõ đều phạm tội nặng. Nếu người nghe không hiểu thì phạm tội phương tiện nặng.
- Nếu phi tình khác nhau và không hiểu thì phạm hai tội phương tiện nặng và nhẹ.
- Nếu nghi thiếu cả hai duyên cũng có ba tội, nhẹ và nặng y cứ theo đó.

Thiếu duyên thứ hai cũng có ba tội:

- Khởi nghĩ trung quốc và biến địa khác khu vực.
- Hiểu rõ phạm tội nặng, không hiểu rõ phạm tội nhẹ.
- Bản mê chuyển tưởng đồng như trên, nên y cứ theo đó.

Thiếu duyên thứ ba, nói chung không phạm vì cuồng tâm, hoặc phạm tội nhẹ, vì không xem xét, nên lầm với người khác.

Thiếu duyên thứ tư có hai nghĩa:

- Đối với cố không dối gạt nói có, đối với việc tuy không che giấu vì che giấu là tội nặng.
- Vốn mê tưởng chuyển và nghi đều phạm phương tiện.

Thiếu duyên thứ năm, có hai: nghĩa là không phạm vì tâm lành, hoặc sinh phước vì lợi ích như Du-già nhập vào khai duyên.

Thiếu duyên thứ sáu, mắc tội phương tiện nặng. Vì tuy nói nhanh nhưng người khác hiểu ý. Lại như người câm chỉ cho người cuồng, khiến họ hiểu được đồng với lời nói đều phạm tội nặng.

Thiếu duyên thứ bảy, có ba: Biết người khác không hiểu phạm phương tiện nhẹ, cũng không biết phạm phương tiện(624) nặng. Khiến người khác nghi cũng tội phương tiện nặng.

6. Nặng, nhẹ: Tội này khó giữ dễ phạm, trong đó có hai: Trước chung sau riêng. Luận chung có năm:

1. Vọng ngữ nghiêm trọng.
2. Vọng ngữ bình thường
3. Kkởi tưởng nói dối đều trước nặng sau nhẹ
4. Thiếu duyên không phạm
5. Y cứ vào lời nói.

Trong đó có ba:

Cuồng ân cảnh tôn người, v.v...

Đại chúng nhiều người.

Đối với người khác rất phiền não.

Đáng lẽ mắc tội phương tiện nặng.

- Đứng về sự cũng có ba:

Đứng về pháp xuất thế

Đứng về tịnh pháp nói đắc thiền

Đứng về thế sự không thấy nói thấy.

Đều là trước nặng sau nhẹ.

- Đứng về chỗ đã làm có bốn:

Do nói dối được danh lợi của bậc Thánh, và thấy công đức thường hành không dứt.

Được danh lợi thế gian rộng lớn vô lượng.

Suất nhĩ người khác, đối với mình vô ích.

Quy về tránh khổ trước nặng sau nhẹ.

Đứng về tâm, nghĩa là tâm tánh, đơn, song, hợp nhất. Tội nặng nhẹ y theo trước. Tâm ác cũng có ba: Đơn ba, song hợp, hợp khinh trọng, y cứ theo đó.

Y cứ theo lời nói: Luật Thập Tụng chép:" Có người nói nay ta không nhập thế định. Người đối diện hỏi: Ngày hôm qua thì sao? Đáp: Cũng không nhập, thì phạm Thâu-lan-giá. Đều nói tướng gần. Hoặc có người nói:" Tôi là người học." Người đối diện nhanh nhẹn hỏi:" Sao gọi là người học?"Liền đáp:" Tôi là người học rộng, lợi căn thiền tụng tuệ, phạm Thâu-lan-già.Nếu nói Vô lậu học thì phạm tội nặng. Hoặc nói: Tôi là Vô học "cho đến đáp rằng:" Biếng nhác không học, phạm Thâu-lan-già. Nói bậc Thánh Vô học, phạm tội nặng.

Giải thích: Theo tông này, y cứ theo nặng nhẹ, nên biết. Còn nói tiếp: Theo phẩm Điều Phục Tâm, Luận Thập Trụ quyển 8 chép:" Dùng năm thứ phân biệt nói dối nặng, nhẹ. Luận kia chép: " Vì chúng sinh phân biệt, Sự phân biệt, Thời phân biệt, năm chúng phân biệt, Trụ xứ phân biệt thì có nặng nhẹ. Tuy nó dối nhẹ nhưng thói quen lâu nàgy thành nặng, nặng thì mất đi tâm Bồ-đề.

Chúng sinh phân biệt là người tà kiến cắt đứt gốc lành và còn rất nhiều phiền não đó là trọng.

Sự phân biệt, như nói pháp hơn người và phá tăng.

Thời phân biệt, người xuất gia nói dối thì tội nặng.

Năm chúng phânbiệt như Ba-la-di, Tăng-già-Bà-thi-sa thì phạm tội nặng.

Trụ xứ phân biệt: ở trong tăng nói dối, như nói chứng thì phạm tội nặng.

Giải thích: Văn đây cũng hiển bày rõ nên biết. Các giới khác cũng theo năm giới này nên biết.

7. Đắc quả: Già tội báo sẽ giải thích rõ sau đây. Tánh tội mắc ba thứ quả. Kinh Thập Địa chép: “ Tội nói dối cũng khiến cho chúng sinh rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Hoặc sinh làm loài người có hai thứ quả báo:

Thường bị hủy báng.

Thường bị người dối gạt.

Luận Đối Pháp lại nói về Tăng thượng quả, nghĩa là hạt giống chẳng kết trái. Luận Trí Độ 13 chép: Như Phật dạy, nói dối có mười tội:

Hơi miệng hôi thối.

Thiện thần xa lánh, phi nhân được dịp gần gũi người đó.

Dù có nói thật người cũng không tin.

Người trí bàn luận thường không tham dự

Thường bị phỉ báng, tiếng xấu đồn vang khắp nơi.

Nọi người bất kính, tuy có dạy bảo họ cũng không thừa nhận

Thường hay u sầu.

Gieo nghiệp nhân duyên phỉ báng.

Khi chết thường đọa vào địa ngục.

Nếu sinh làm người thường bị phỉ báng.

8. Thông cuộc Trước cuộc sau thông.

Cuộc tức là tự khởi niệm liền phạm. Kinh Văn-thù Vấn, chỉ khởi một niệm vọng tưởng liền phạm tội Ba-la-di.

Thông là vì người mà nói dối không phạm. Du-già Giới Bản chép:”Bồ-tát thường vì giải cứu mạng nạn cho hữu tình như: nạn giam cầm của nhà tù, nạn chặt chân, tay, móc mắt, nên nói dối. Bồ-tát tuy bị mạng nạn cũng không nói dối. Nhưng vì cứu thoát hữu tình nên nói dối. Tóm lại, Bồ-tát chỉ vì việc nghĩa lợi ích cho hữu tình, còn tự mình thì không có tâm nhiễm, chỉ vì lợi ích hữu tình mà nói lời lạ. Do đó Bồ-tát nói dối mà không phạm tội lại còn sinh thêm công đức.

9. Đối trị hạnh: Đáng lý trong đây lìa cả bốn lỗi. Nhưng nói dối là đâu tiên nên nêu hết mà thôi. Bồ-tát Nhị địa trong Kinh Thập Địa lìa cả bốn lỗi. Kinh này nói: Lìa nói dối thường nói thật ngữ, đế ngữ, thời ngữ, là Bồ-tát dù cho trong mộng cũng không khởi phú kiến, nhẫn kiến, vô tâm dối gạt người, huống chi là nói dối. Lại lìa hai lưỡi không tâm phá

hại, không có tâm khủng bố, không có tâm não loạn. Nghe người này không đến nói với người kia. Hoặc nghe người kia không đến nói với người này. Hoại ở đây nên kia không đến đây nói, kia hoại nên bất phá đồng ý. Mình phá bỏ không để thêm lớn không thích tâm chia lìa, không ưa tâm chia lìa, không thích nói lời chia lìa, không nói lời chia lìa, hoặc thật hoặc không thật. Lại không nói nhiều lời ác khẩu, nói xâm não, nói thô tháo, nói làm khổ người khác, dạy người khác tức giận, nói người trước mặt, lời bất đoạn, lời xấu ác, lời không ai thích nghe, lời không vui, lời sân não, lời như lửa thiêu, lời của tâm nhiệt não, lời không ái, lời không vui, lời không lành tự hại thân mà còn hại người khác. Các lời nói như thế đều xa lìa, chỉ nói những lời hay họ vui đẹp mà thôi. Gọi là nhuận ích ngữ, nhuyễn ngữ, diệu ngữ, hỷ văn ngữ, lạc văn ngữ, nhập tâm ngữ, thuận lý ngữ, đa nhân ái niệm ngữ, hòa duyệt ngữ, tâm biến ý ngữ, có thể sinh tự tâm, tha tâm hoan hỷ, kính tín. Thường nói các lời hay đẹp như thế thì sẽ lìa những lời thêu dệt, thường khéo tư ngữ, thời ngữ, thật ngữ, nghĩa ngữ, pháp ngữ, thuận đạo lý ngữ, Tỳ-ni ngữ, tùy thời trù lượng ngữ, thiện tri tâm sở lạc ngữ. Vị Bồ tát này không nó lời thêu dệt cho đến nói lời không thêu dệt huống gì cố ý nói thêu dệt.

Giải thích: Giải thích đầy đủ văn này như trong Luận Thập Địa quyển bốn nên biết. Còn câu:" Phú kiến, nhẫn kiến", đều y cứ vào tâm vào cảnh nói có tám thứ phạm, không phạm. Câu:"Bốn thứ phạm là:

Thật có báo nói không

Thật không báo nói có.

Hai tâm cảnh này đều trái.

Thật có nghĩa không báo mà nói có

Thật không nghĩa có báo mà nói không.

Hai tâm này không trái với cảnh, đều đứng về thứ lớp thấy tâm nên nói "phú kiến". Trái với bốn thứ này thì phi phạm. Trong bốn thứ phi phạm, hai thứ trước vừa như tưởng vừa như sự, Hai thứ sau như tưởng mà không như sự, đều nên biết. Luận Kim Cương Bát-nhã Công Đức chép: Trong bốn ngữ v.v... xem xét mà thôi.

10. Giải Thích văn: Ba phần đồng như trước.

Nêu lỗi chánh thức chế định, có ba:

Có thể tác phạm, nghĩa là tự mình làm, dạy người làm đều phạm tội nặng. "Phương tiện" nghĩa là mượn việc khác, khiến cho người hiểu khác, nghĩa là như trên đã nói "Nay ta không nhập định thế gian".

Nhân nói dối, v.v..... trở xuống là nói pháp vọng được dùng. Tự làm là "nhân", dạy người là "duyên", phương tiện gọi là "pháp", việc

thành gọi là “nghiệp”.

Giải thích:

Khởi tâm dối gạt.

Ngoài làm khuôn phép

Khéo nói pháp vọng

Thường làm thành nghiệp.

Bốn thứ này, mỗi thứ đều riêng, phạm rồi giải thích bốn thứ này thành một phạm, nên biết.

Cho đến v.v..... trở xuống là nói dối, trong đó có ba nghiệp:

1/ Trong ngữ nghiệp chỉ sáu thức ở sáu cảnh đều thành nói dối. Nay chỉ bàn về mắt thấy, trừ những thứ khác nên nói cho đến. Về Thân nói dối như trong luật có nói:” Ai được quả La-hán là mặc y Tăng-già-lê. Có phi A la hán nên nói:” “Trước thóat”. Tuy không nói ra bằng lời nhưng thân thành nói dối. Lại như Kinh Thiện Sinh, thân làm khẩu nghiệp là đúng. Tâm nói dối là tâm dối gạt cũng như “phá kiến” nói trên.

“Mà Bồ tát” v.v..... trở xuống là Phân biệt, giải thích sỡ hành. Bồ-tát đúng ra phải nói mười thứ chánh ngữ, nghĩa là như việc, như tưởng nên nói là chánh ngữ, chánh kiến. Không tổn ích nên nói là chánh, và khuyên người khác cũng làm việc này.

Mà trái lại, v.v... là Trái với quy định kết phạm, nghĩa là lý phải chánh ngữ, lại khởi ngữ nghiệp tà kiến có hại rất nhiều, nên kết tội nặng. Lại dạy người khác nói dối. Người khác nói phải nên nói tà kiến. Thường làm hạnh điên đảo nên nói tà nghiệp. Bốn giới trên đây, Đại thừa, Tiểu thừa đồng phạm, gọi là cộng giới. Từ đây trở xuống sáu giới Tiểu thừa chẳng phải nặng, cho nên gọi là giới Bất cộng.

V. GIỚI BÁN RƯỢU:

Giải thích giới này thành mười môn đồng như trước:

1. Chế ý:

Sơ lược phân biệt mười loại:

1. Thành nghiệp ác khác, nghĩa là say xỉn không việc ác nào không làm, cho đến làm năm tội nghịch. Luận Đại Trí Độ quyển 13 chép:”Rượu có 36 lỗi:

Làm những việc bất thiện.

Mất hạnh lành khác, nghĩa là do uống rượu say buông lung nên không sinh được việc lành, Việc lành đã sinh đều mất. Luận Trí Độ chép:” Bè đảng với kẻ ác, xa lánh bậc hiền thiện. Không hổ thẹn, không

giữ gìn các căn, buông lung sắc dục, bỏ phế pháp lành.

Tổn hại người, nghĩa là khiến người hiện tại tổn hại y báo, chánh báo. Luận Trí Độ chép:" Hiện đời tài vật hao mòn. Vì sao? Người uống rượu say tâm không tiết chế giới hạn, phí dụng vô độ, mở ngõ cho mọi bệnh tật, gốc của sự đấu tranh. Lõa lồ không biết xấu hổ, tiếng xấu đồn xa, không ai kính trọng. Những việc bí mật đều tiết lộ với người, thể lực ngày càng sút kém.

Mất lễ nghi, Luận Trí Độ chép: Không kính Phật pháp tăng, không kính cha mẹ và các bậc tôn trưởng. Vì khi say xỉn mê muội, không phân biệt được gì.

Phá hủy tịnh giới, nghĩa là khi say rượu thì không giữ được giới phẩm. Luận Trí Độ chép:" Làm người phá giới".

Mất định tuệ, nghĩa là khi say rượu, tâm lọan mất đi trí tuệ sang suốt. Luận Trí Độ chép: Che lấp trí tuệ.

Mở cửa tội lỗi, nghĩa là do khi say xỉn mê muội dẫn đến tấc cả các nghiệp phiền não. Luận Trí Độ chép:

Không nên sân mà sân.

Gieo nhân duyên về sự cuồng si, nghĩa là rượu si khiến sinh ra nhiều cuồng ngu. Luận Trí Độ chép:"Gieo nhân duyên cuồng si."

Chướng ngại Thánh đạo, nghĩa là không thể tu tập các đạo hạnh. Luận Trí Độ chép: Xa lìa Niết-bàn.

Đọa đường ác, Luận Trí Độ chép:"Khi chết điều lành đọa vào địa ngục. Nếu được làm người thì thường điên cuồng lẫn thẫn. Vì những điều tác hại như thế nên không bán rượu, cũng không uống rượu. Bài kệ nói:

Rượu mất tướng hay biết
Thân sắc nhỏ mà xấu
Trí tâm động mà lọan
Hổ thẹn đã bị cướp
Thất niệm thêm sân hận
Mất vui hủy tôn tộc
Như vậy tuy gọi uống
Thật là uống chất độc
Không đáng giận mà giận
Không đáng cười mà cười
Không đáng khóc mà khóc
Không đáng đánh mà đánh

Không đáng nói mà nói

Chẳng khác chi người cuồng
Đoạt các công đức lành
Người biết thẹn không uống.

2. Giải thích tên gọi: Làm cho người say sưa mê muội gọi là rượu, mua bán với người gọi là Cô, dứt ác gọi l à giới. Cũng từ chỗ sửa trị đặt tên. chất Trí Độ chép:" Rượu làm cho người động tâm buông lung, vì thế nên không uống rượu.

Giải thích: Luận Đại Trí Độ y theo năm giới nên chỉ ngừa uống.

3. Thứ lớp: Bốn giới trước đồng với bốn giới trọng của Thanh văn. Giới này thì khác nên xếp vào hàng thứ năm. Còn trong năm giới, đây là giới thứ năm, không được uống rượu. Vì uống rượu chỉ tổn hại bản thân mình, tội chưa sâu, nên thuộc về hạ khinh cấu. Bán rượu gây hại cho nhiều người, nên chế tội nặng. Còn Bồ tát trong hai lợi thì lợi tha là nhất. Nhưng trái với lợi ích của chúng sinh

Đã phi lý rồi, huống chi còn làm cho tổn hại, thì chẳng phải là điều thích hợp. Cho nên chưa bàn đến việc tự uống mà trước chế trao cho người.

4. Đủ duyên thành phạm.

Duyên riêng có sáu:
Rượu.
Nghĩ là rượu.
Bán rượu.
Tự uống rượu
Trao rượu cho người
Vừa nhận vào tay liền phạm.

5. Thiếu duyên, đều phạm tội nặng phương tiện, bị người ép buộc thì không thành tội bán rượu.

Nặng nhẹ. Lược từ năm vị để nói rõ nặng nhẹ.
Y cứ về sự
Y cứ về cảnh
Y cứ về tổn
Y cứ về tâm
Y cứ về hợp biện.
Y cứ về sự có bốn:
Rượu có đậm đặc
Rượu có nhiều ít
Ba thời có ngon dở
Có kỳ hạn không.

Đều có nặng nhẹ, y cứ theo nên biết.

Y cứ về cảnh có bảy thứ:

Bán rượu cho súc sinh

Súc sinh

Người không có giới

Người năm giới, tám giới

Người xuất gia chưa thọ giới cụ túc

Người đã thọ giới cụ túc.

Người thọ giới Bồ-tát đầy đủ.

Đều trước nhẹ sau nặng. Trong đây có đủ bốn vị trước nhẹ sau nặng, nên biết.

Y cứ về tổn thì có hai:

Trước hết trái với Bồ-tát có bốn loại:

Khiến người uống rượu trở ngại tu nhân nghĩa.

Phế bỏ tu việc lành ở đời

Mất việc lành của Nhị thừa

Trái với tu đạo Bồ-tát.

Đều trước nhẹ sau nặng nên biết.

Kế đến nói khởi ác cũng có bốn thứ:

Làm cho người uống rượu sinh phiền não.

Gây ra mười nghiệp ác

Phạm bốn tội nặng

Gây ra năm tội nghịch.

Đều trước nặng sau nhẹ nên biết. Kế là nói khởi ác cũng có bốn thứ:

Khiến người uống rượu sinh các phiền não

Gây ra mười nghiệp ác.

Phạm bốn tội nặng.

Năm tội nghịch.

Đều trước nặng sau nhẹ nên biết.

Y cứ vào tâm có ba thứ:

Y cứ vào ba tánh tâm.

Y cứ vào ba thời tâm

Y cứ vào ba độc tâm.

* Thiện tâm phạm, nghĩa là hòa tránh còn thương xót người đó mệt nhọc, thiếu thốn và lạnh khổ thọ về rượu nên phạm tội nhẹ.

* Tâm vô ký phạm,nghĩa là tâm yếu cảnh mạnh.

* Ác tâm phạm, nghĩa là có ý tổn hại là tội nặng.

2. Đứng về ba thời, nghĩa là ba tâm tánh trước ở trong ba thời: đầu, giữa và cuối. Đều có nặng nhẹ nên biết.

3. Đứng về ba độc có: ba đơn, ba song, một hợp, nghĩa là tham nhẹ, sân vừa, si nặng.

Tham có hai: 1/ Nếu tham không tự cứu giúp, sợ mạng sống không tồn tại, tạm làm, thì phạm tội nhẹ. 2. Tư duyên không thiếu, tham lợi không chán, nên phạm nặng.

Sân cũng có hai:

Vì hiềm hận trao cho khiến tối tăm si mê, gọi là thuận bản tâm.

Khởi Thượng phẩm sân tạo ác, trở ngại việc lành của bản tâm, nên trước nhẹ sau nặng.

Si cũng có hai:

Tự cho là chẳng phải niệm lập lại. Đây là do gạo và nước làm ra, nhưng làm cho người uống say, lẽ phải vô tội, cho nên phải chế.

Thấy có thắng đức, nghĩa là sắc, lực làm lợi ích chúng sinh, dù có ăn uống cũng không có lỗi. Chấp ác kiến này, tự làm hay dạy người, lẽ ra tội rất nặng. Ba song là tham sân (khinh), tham si (trung), sân si (trọng), một hợp là nặng nhất, trên đây có ba khinh trọng 626) nên biết. Ở đây có Cộng giới và Bất cộng giới, y theo đó mà biết.

6. Phạm tội mắc quả báo, như trong kinh có ba nghĩa:

Như địa ngục Tữu hà, là tội của người nấu rượu.

Địa ngục Tữu Trì là tội của người bán rượu.

Địa ngục Quán khẩu là địa ngục của người uống rượu.

Còn Kinh Thập Luân quyển bốn so sánh tội này bằng một bài tụng:

Mười tội là ép dầu
Đồng tội mở một dâm phòng
Tạo lập mười dâm phòng
Đồng tội mở một quán rượu.

7. Đối trị hành giả.

Bồ-tát nghĩ rằng: Ta phải dùng trí tuệ sáng suốt trao cho chúng sinh, há lại uống rượu điên cuồng với họ, khiến cho tội càng thêm lớn, không thể được. Sơ lược mười việc nên làm cho chúng sinh:

Ta nên trao cho họ thế trí, giúp họ biết được tôn ty, lễ nghĩa, hoặc tu các hạnh hiếu nghĩa.

Nên giúp họ tin sâu Tam bảo, tu các hạnh kính dưỡng, v.v.....

Nên khiến biết rõ nghiệp quả thiện ác, tránh tội tu phước.

Nên giúp họ biết nghiệp lành xuất thế, tu hạnh xuất ly.

Nên dạy cho biết tất cả hạnh quả của Nhị thừa

Nên dạy cho họ biết tướng thù thắng của hạnh quả Đại thừa.

Phải khiến cho họ biết địa vị, phạm vi của Bồ-tát, như Thập phát thú, v.v....

Dạy họ biết hạnh phải làm của Bồ-tát, nghĩa là nên làm hay không nên làm.

Phải biết quả Phật có thần lực giải thoát Bất tư nghị xứ, khiến họ biết sinh tâm ưa muốn.

Khiến họ biết pháp môn Pháp giới chân tục bình đẳng, vô ngại.

9. Thông cuộc:

'Thông', nghĩa là khi cứu mạng nạn cho chúng sinh, thì rượu là thuốc nên khai, như sát, đạo, v.v.. .... mà Mạt-lợi Phu Nhân đã làm.

"Cuộc" dù cho khởi niệm chừng bằng đầu một sợi lông đều có nghĩa phạm, nên đều đồng như vậy.

10. Giải Thích văn: Có ba phần như trước:

Nêu lỗi

Chánh chế

Giải thích ý.

Nêu lỗi, có hai:

Trước nêu vị phạm, nghĩa là tự làm, dạy người làm đều thành phạm.

Phân biệt pháp phạm cũng có bốn trọng và bốn giải thích như sau:

Y cứ vào vị: Nghĩa là tự làm là Nhân, dạy người khác là "duyên", khéo nói là 'pháp", đồng làm là "nghiệp".

Y cứ vào năng: nghĩa là đặt men rượu, gạo là "nhân", chứa các đồ đựng rượu là "Duyên", hòa hợp là "Pháp", thường mua bán là "Nghiệp"

Y cứ vào chỗ làm: nghĩa là bán các nhân duyên nói trên cho người là "Nhân", tự mình đến bán cho người là "Duyên", chỉ bày cho người cách thức là "Pháp", đưa và nhận thành "Nghiệp"

Y cứ vào cụ: nghĩa là quy lợi và rượu là "nhân", tha cầu là "duyên", trị giá và hàm lượng là "pháp", đưa và nhận thành "Nghiệp".

Câu "Tất cả rượu, v.v.. trở xuống là " chánh chế. Theo Luận Trí Độ quyển 13, rượu có ba thứ: Cốc tửu, quả tửu và dược thảo tửu. Hoặc khô, hoặc ướt, hoặc trong, hoặc đục, đều không được uống, dù cho chừng đầu sợi lông, nên nói tất cả các thứ rượu đều không được bán.

Câu: Rượu, v.v....... là giải thích ý, rượu là gốc của các thứ tội lỗi,

có thể gây ra tội ác nặng nề, có thể phạm giới cấm, đều do rượu gây ra, nên nói sinh các tội duyên. Như Luận Đại Trí Độ quyển 13 chép: Câu " mà Bồ-tát v.v.. trở xuống là nên sinh minh đạt tuệ giả của chúng sinh, nghĩa là các Bồ-tát pháp nhĩ đều phải khiến các chúng sinh biết rõ nhân qua khác nhau của Tục đế, nghĩa là thông đạt chân đế bình đẳng, nhất vị thắng tuệ, thành hạnh dứt hoặc đắc quả. Đâu cho phép trở lại trao thuốc mê làm cho họ thêm điên đảo. Rất trái với lý nên tội nặng, Văn rất dễ hiểu.

VI. GIỚI NÓI LỖI CHÚNG TĂNG.

1. Chế ý: Lược có ba:

- Làm hoại tín tâm. Bồ tát lẽ ra phải ủng hộ Tam bảo rộng khắp, che ác bày thiện. Đâu cho phép nói lỗi chúng tăng, làm cho chúng sinh nhàm chán, mất hết tín tâm. Trái hạnh lợi tha, nên Phật chế ra giới này.

- Vời lấy lỗi nặng: Bồ-tát mới phát tâm đâu tránh được lỗi nhỏ nhiệm. Lẽ ra phải khen ngợi thật đức của họ để thành chánh hạnh của mình, nhưng trở lại dùng tâm ác cẩu thả để lột trần lỗi của họ, tự mình gánh thêm tội nặng.

- Trái với ân đức, nghĩa là do ân Tam Bảo và giới pháp phòng thân. Thêm thành thắng đức đại quả. Lẽ ra phải tan xươngnát thịt để giữ gìn, mà nay lại dùng lời ác rao nói tội lỗi của người đó, là rất trái với ân đức, nên phải chế ngăn.

2. Giải thích tên gọi: Nói tội lỗi của Tăng ni Bồ-tát tại gia, xuất gia. Nhưng vị cư chưa đủ, nên không ai tránh khỏi tội lỗi. Chẳng phải xướng lên nên nói là "Nói". Ngăn nghiệp quấy nên gọi là giới. Đây là lời nói, theo đó mà đặt tên. Giới là y cứ theo chỗ ngăn ngừa nên được gọi, đều y theo Luận chủ mà giải thích. Lại nói Tam bảo xấu tốt, như kinh v.v...

3. Thứ lớp: Trong mười giới này, mười giới đầu đồng với bốn giới trọng của Du-già Bồ-tát. Ở giữa lại nói thêm lỗi bán rượu. Bán rượu thô nên giải thích trước, còn thuyết là lời nói nhỏ nhiệm nên bàn đến sau.

4. Đủ duyên thành phạm: Có bảy duyên.

Chánh cảnh, như bốn vị của văn.

Hỏi:Trong đây vì sao cấm Tiểu thừa nói lỗi của Tăng Ni?

Đáp: Vì Phật và pháp không có lỗi. Nếu không có lỗi mà nói là hủy báng, nên thuộc mười giới. Người tu hành vị thấp có lỗi, dễ bị chê bai nên chế ngăn.

Khởi tưởng kia
Khởi ý nói lỗi
Đối với người ngoài
Nghĩ là người ngoài
Nói mà rõ ràng.
Người trước mặt hiểu rõ thì thành phạm tội.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên một, có năm:

1. Từ bốn cảnh tướng khác nhau đều tội nặng:

Chẳng phải cảnh khác nhau nói rồi rốt ráo không biết là phi cảnh. Đứng về tâm phạm tội nặng phương tiện.

Sau biết phi cảnh không vui, nên phạm phương tiện vừa. Vui tự không phạm nên tội nhẹ.

Mang nghi không biết phạm tội nặng phương tiện
Sau biết phạm tội nhẹ phương tiện.

Thiếu duyên thứ hai, cũng có tưởng và nghĩ

1.Trong đó vốn mê sau không biết, sau biết sinh sợ sệt, đều không phạm, hoặc phạm tội nhẹ phương tiện.

2. Chuyển tưởng vì nói lỗi chúng tăng từ tâm vui của mình. Chẳng phải không lỗi.

Sau mới biết mắc tội nặng phương tiện, biết rồi liền phạm tội nặng. Tuy tâm ít nhưng phạm tội nặng.

Thiếu duyên thứ ba, nghĩa là không nói lỗi lầm thì không phạm. Hoặc đang nói pháp kế đến nói luận, hoặc giáo giới người học đều không phạm.

Thiếu duyên thứ tư: Từ chúng đến sai, rốt ráo không biết y cứ vào tâm lẽ ra mắc tội trọng. Sau biết vui hay không vui y cứ theo đây phạm hai tội nặng phương tiện. Nghi cũng đồng như trước, nên biết.

Thiếu duyên thứ năm. Tưởng và nghi y cứ theo trước nên biết.

Thiếu duyên thứ sáu. Nói nhanh không rõ ràng, mắc tội nặng phương tiện.

Thiếu duyên thứ bảy: Người nghe không hiểu rõ ràng cũng phạm tội nặng phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ: Lược có sáu vị:

- Y cứ vào cảnh đã nói
- Y cứ vào người đối diện
- Y cứ vào ngôn từ
- Y cứ vào tâm niệm

- Hợp giải thích.
- Y cứ vào tự tha.

Trong đó có sáu:

1.Thấy Bồ-tát Địa thượng vì chúng sinh mà tu nghịch hạnh. Nghĩa là chẳng nói mà nói.

2.Nói lỗi nhỏ của Bồ-tát Tam hiền.

3. Nói lỗi Hòa-thượng, A-xà-lê.

4. Nói lỗi trụ trì truyền pháp

5. Nói lỗi người đồng tu tịnh giới

6.Nói lỗi người phá giới và người không giới.

Sáu thứ này đều là một là nặng, hai là nhẹ, nên biết.

Về người đối diện, có năm:

a. Đối với quốc vương, đại thần nói lỗi quấy của các vị ấy, khiến cho họ không còn kính tin, phá hoại Tam bảo.

b. Đối với Ngoại đạo, tìm kiếm lỗi ác của họ để nói, khiến cho người đối diện càng thêm tà kiến, hủy báng Phật pháp.

c. Nói lỗi cho người tại gia nghe, làm phá hoại tín tâm của họ.

Ba vị trên ban đầu thượng, kế đến trung, cuối cùng là hạ.

d.Tuy từ chúng mà thích ý nói phạm tội phương tiện.

e.Trong chúng nêu tội và nói với thầy của họ dạy dỗ, khiến họ không phạm các lỗi này nữa.

3.Về ngôn tư, có hai:

Dùng lời ác thô bỉ để nói.

Dùng lời phù phiếm mà nói, nặng nhẹ nên biết.

Nếu viết thư cho mọi người cũng đồng phạm.

Về tâm có ba:

* Về đơn.

Vì tâm si, nói là đức không sợ phá giới.

Tâm sân thù óan nói đã rõ tình.

Vì tham lợi dưỡng, nên nói lỗi người khác khiến danh lợi về mình.

Đứng về ba đơn, ba song, một hợp. Đều y cứ theo trước. Trên đây nặng nhẹ nên biết.

* Về vô ký, tâm khinh thường, vọng niệm mà nói cũng phạm chẳng phải ô nhiễm. Tâm lành vì điều phục nên phải đủ năm đức, v.v.. nếu xem xét mà lấy thì không phạm.

7. Về hợp biện. Là khởi thượng sơ tâm, dùng thượng sơ ngôn đối thượng sơ nhân, nói thượng sơ cảnh là nặng nhất. Ngoài ra tương hợp và

phi hợp đều có nặng nhẹ nên biết.

Về tự tha. Mình tự nói lỗi còn nhẹ, dạy người, khuyên người truyền nói khắp nơi càng nặng hơn. Ngoài ra hợp nhau phi hợp nhau đều có nặng nhẹ nên biết.

Phạm tội báo, nói lỗi của Bồ-tát và Tăng ni, phạm tội rất nặng. Như kinh nói: Vào địa ngục Bạt thiệt, kéo lưỡi ra cho trâu cày trên đó, v.v......

Kinh nói Bồ-tát Bất Tư Nghị Quang, Bồ-tát Nhiêu Tài nói lỗi Bồ-tát Hiền Thiện, trong 91 kiếp thường rơi vào bụng của dâm nữ, đời đời bỏ đi, bị cáo sói ăn thịt. Nói lỗi bị khổ não như thế, đủ làm gương sáng cho đời.

8. Tu trị hành giả. Bồ tát thường phải khen ngợi các chúng sinh có công đức, huống chi Bồ-tát và trong tăng ni. Cho nên thường phải khen ngợi vui mừng công đức Tam bảo. Nếu thấy chúng sinh ít làm việc lành thì phải khen ngợi. Kinh Chư Pháp Vô Hành chép:" Nếu thấy người nói giới, thì không được nói lỗi xấu của người đó, phải nghĩ rằng người đó không bao lâu sẽ được đắc đạo.Kinh Niết-bàn chép:" Nếu thấy chúng sinh đó hòan toàn không thiện, thì phải khen ngợi. Nên nghĩ đến điều lành của Phật tánh mà khen ngợi người đó. Đừng nói lỗi của người mà làm ô nhiễm tâm mình.

9. Thông cuộc:

Nếu với từ tâm nêu tội quở trách, vì điều phục việc ác của người, hoặc nương vào năng lực của vua, v.v.... điều phục mà nói thì không phạm. Trái lại, nếu khởi niệm hiềm tâm mà nói, đều thành phạm.

10. Giải Thích văn: Ba phần đồng như trước.

Ban đầu nêu lỗi trong chánh chế có hai: Trước hai vị Tự Tha, nói bốn vị trì giới, nghĩa là ban đầu trì giới Bồ-tát, sau trì giới Thanh văn, đều là nội chúng trong Phật pháp làm ruộng phước cho trời người nên không cho nói lỗi. Kinh chép;

Hoa Chiêm-bặc dù héo
Vẫn hơn các hoa khác
Các Tỳ-kheo phá giới
Vẫn hơn các ngoại đạo.

Trong kinh lại nói: Có phạm gọi là Bồ-tát, Không phạm gọi là ngoại đạo). Cho nên thấy người đó phạm không được khinh, tuy con bò đã chết, nhưng chất lưu hòang trong thân nó vẫn lợi ích cho đời. Tỳ-kheo phá giới vẫn có mười công đức sinh lên cõi trời. Như Kinh Đại Bi chép:" Những người xuất gia, tuy tay trái bồng con trái, tay phải bồng

con gái, từ quán rượu này đến quán rượu khác, nhưng chưa ra khỏi kiếp Hiền đã nhập Niết-bàn.” Cho nên thấy có chút tánh Phật pháp đã được, đều phải khen ngợi. Hai tội dùng để nói pháp, bốn môn giải thích đồng như trước.

Về năng thuyết.

Ba độc nhiễm tâm là nói “Nhân” có lỗi.

Tội là vì sở cầu v.v..... là nói “Duyên” có lỗi.

Phương tiện lập ra khiến người khác biết nói lỗi là “Pháp”.

Thường nói lỗi là “Nghiệp”.

Về sở thuyết.

Không chính thức nói lỗi khác, chỉ nói ngay người đó khiến cho họ biết đó là Nhân có lỗi.

Cũng không chính thức nói lỗi, mà nói ngay nơi việc đã gây tạo của người đó, khiến cho kẻ thù trước mặt biết được tình trạng lỗi, đó là Duyên tội lỗi.

Nói sự trái phạm tịnh giới của người đó, chứ không nói lỗi nhưng người đó vẫn biết.

Nói chỗ thành tội của người, đó là Nghiệp tội lỗi.

- Hợp giải thích:

Trong có tâm nói là “Nhân”.

Ngoài gặp cảnh ác là “Duyên”

Từng thấy lỗi là “Pháp”

Trình bày thành “ Nghiệp”.

Trong phần giải thích những việc nên làm, trước phân biệt với phi, nghĩa là người ác ngoại đạo nói thông suốt Phật pháp, người trong đạo không trụ chánh pháp, không tu hành luật nghi.Người Nhị thừa không tin Đại thừa, cũng nói người hành Đại thừa phi pháp luật. Còn ở đây là nói về Bồ-tát, trướcchết là tăng-ni, như có Tỳ-kheo oai nghi, v.v....

Giáo chính, nghĩa là Bồ-tát nghe đây liền phát bi tâm, không được khởi các tâm tức giận chê trách. Nhưng phải phương tiện giáo hóa khiến chỉ nói lỗi mà sinh niềm tin thanh tịnh. Đây là tạo nghiệp mà nói thường sinh”.

Trong trái với lý nên kết thành phạm, nghe người khác nói lỗi không chịu dạy khuyên, đã vô lý rồi, huống gì còn tự mình giúp các nói lỗi Phật pháp. Rất là tai hại, cho nên kết thành tội nặng.

VII. GIỚI KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI .

1. Chế ý: Sơ lược có bốn ý:

Trái với chánh hạnh. Bồ tát lẽ ra phải chứa nhóm mật hạnh bên trong, tán dương tài đức của người. Đâu cho phép trở lại khen mình chê người, rất mất hạnh, nên Phật chế giới này là hủy tha. Vì ngăn ngừa lỗi này nên Phật mới chế giới.

2. Giải thích tên gọi: Nghĩa là không tài đức mà tự phô dương là khen, làm nhục người là hủy. Lại phô trương đức hạnh mình là khen mình, chê bai tài đức của người gọi là hủy tha. Ngăn ngừa lỗi này gọi là Giới.

3. Thứ lớp: Giới trước nói lỗi, tội còn nhẹ. Nay thêm hủy báng là tội càng nặng hơn, cho nên nói sau, giới này cũng nằm trong bốn giới Ba-la-di của Bồ-tát. Vì đặt ở đầu nên phải phân tích trước.

4. Đủ duyên thành phạm: Có đủ sáu duyên:

Chánh cảnh tự tha.

Nghĩ là kia

Ý khen chê

Đủ duyên thành phạm

Chánh thức khen chê

Người đối diện nghe khen chê thì phạm

5. Thiếu duyên:

- Thiếu duyên một, có năm:

1. Tự khen ngợi cũng tội nặng, như Kinh Thiện Giới nói:" nếu Bồ-tát vì tham lợi dưỡng nên tự khen ngợi, thân phạm giới Bồ tát trụ địa.

2. Như thế gọi là Bồ-tát phạm trọng pháp thứ năm. Như vậy văn này nói người bị hủy báng thì phạm tội Nặng.

3. Hủy báng người dù Trương Nhân Vương và cõi khác đến thay thế cũng phạm tội nặng, vì đều là chánh cảnh.

4. Phi tình đến thay thế không biết nên phạm tội nặng. Về sau biết phạm tội vừa phương tiện.

5. Tự khen giới đức mà lầm khen các định cũng phạm tội nặng, vì đều là chánh cảnh.

- Thiếu duyên thứ hai có hai:

Nghĩa là cõi khác và nghi,nên hủy báng đều phạm tội nặng.

Nghĩ là phi tình phạm phương tiện nhẹ, nghi phạm phương tiện vừa.

Còn vốn mê chuyển tưởng thì nên biết, đối với giới mà nghĩ là định đều phạm tội nặng.

- Thiếu duyên thứ ba có hai:

1.Tuy không phỉ báng người nhưng không giữ lỗi người khác kh-

iến họ sinh phiền não, phạm tội nặng phương tiện.

2. Nêu tội quở trách vì lòng từ bi không có ý hủy báng, nên không phạm.Hoặc quở trách môn đồ cũng là sinh tín tâm cho người nên tự khen mình, hoặc người khác sinh chê bai, thì phạm tội phương tiện. Nếu sinh tín tâm thì không phạm.

- Thiếu duyên thứ bốn có ba:

Danh riêng, lợi riêng bằng sự tôn kính của môn đồ đáng lẽ cũng phạm tội nặng.

Vì tâm kiêu mạn không làm nên mắc tội nặng phương tiện.

Vì lợi ích chúng sinh nên không phạm. Nhưng vẫn phải suy lường khéo léo. Không được nói tôi chỉ vì lợi ích chúng sinh mà cứu họ, nên vô tội. Đó là tự nói không phạm. Nhưng danh lợi nhỏ nhiệm khó biết, chính mình là giặc phá hoại ở chỗ này. Xin phải tự dè dặt để còn lại đức bên trong.

- Thiếu duyên thứ năm.

Nói không rõ phạm tội nặng phương tiện.

- Thiếu duyên thứ sáu, có hai:

1. Người trước mặt chí lớn mạnh, chống lại không chấp nhận sự chê bai đó.

2. Dù tự khen đức mình nhưng người khác không tin, vẫn phạm tội nặng phương tiện.

6. Nặng nhẹ:

Trong đó có sáu:

- Y cứ theo cảnh
- Y cứ theo lời nói.
- Y cứ theo sự đối diện
- Y cứ theo sự tổn giảm
- Y cứ theo tâm
- Y cứ theo hạnh.

Câu đầu có hai: Trước nói về cảnh hủy phạm, gồm có bốn.

Người có 1, 2, 3 người hay nhiều người, đại chúng, riêng có bảy:

Bậc Thánh

Bậc Hiền

Thầy mình

Người trụ trì truyền pháp

Những người có đức

Người vô đức

Phi nhân, súc sinh.

Tự khen cảnh có ba:

a.Thật sự mình không có đức, tự phá giới, không hổ thẹn.

b.Tuy không phá giới nhưng không có đạo hạnh

Có giới có hạnh.

Ba thứ này đều theo thứ lớp trước nặng sau nhẹ.

Về lời nói cũng có hai:

Chê bai người có năm:

Chê bai nói lỗi người có đức

Có đức nói không

Nhiều đức nói ít

Không tội nói có tội

Tội ít nói nhiều, khéo khiến cho người khác tin.

Hai cảnh Chung và riêng nói trên đều nằm trong ý này. Kế là cùng với chẳng phải thứ lớp nặng nhẹ, nên có thể biết trong Tự khen mình có ba:

Tự nói chứng quả thánh

Nói đủ ba việc học

Nói cụ giới bằng vớt nhất học.

Nên biết khinh trọng, trải qua ba việc này ở ba cảnh trước, nếu nói đắc quả thánh. Thì cả ba đều là tên cướp nguy hiểm, xuất xứ từ trong Kinh Phật Tạng. Nếu nói đủ ba việc học và hai vị là giặc. Vị thứ ba thì phi hư. Về hai thứ sau chẳng phải luống dối. Nhưng trước hết người phá giới mà tự nói mình giữ giới thanh tịnh. Ở đây xét hai thứ trước còn chẳng phải là chỗ cực trọng. Nhưng trong Thánh giáo gọi là đại tặc. Huống gì hai vị trước rất là đáng sợ. Luật Thiện Kiến có năm thứ đại tặc:

Phạm bảy nhóm tự nói thanh tịnh v.v... cho đến năm. Theo người khác nghe pháp mà nói tự hiểu, đây là tự khen mình chê người, đều có đơn nhẹ, hai nặng. Trong hai đó có đều nặng mà không có đều nhẹ. Kế đó chẳng phải thứ lớp nặng nhẹ nên biết.

Về chỗ đối đãi trong loài người:

Đối với một người

Đối với nhiều người

Đối với đại chúng.

Ba chỗ này có hiện tiền hay không hiện tiền hủy báng đều có tội nặng hay nhẹ.

Về tổn giảm có bốn:

Do hủy báng người truyền pháp khiến một phương không thực

hành Phật pháp, tội này rất nặng. Việc này có nói đầy đủ trong Kinh Thập Luân.

Do hủy báng một chúng, khiến người khác bị phá hoại niềm tin mà thêm dị kiến.

Chê bai một vị có đức hạnh chẳng phải là người truyền pháp, khiến cho người sinh khổ não, đều trước nặng sau nhẹ, nên biết.

Tự khen khiến người khác học lối ngạo mạn, cũng có nhiều ít, vì tổn có nặng nhẹ, có nêu theo gốc lành kết thành tội nặng, nên biết.

Về tâm có bốn:

Nếu vì muốn người phát lòng tin nên khen mình chê người thì không phạm.

Nếu do buông lung không có tâm ghi nhớ thì phạm vào ô nhiễm.

Nếu vì người khác có thương giận thì phạm, là ô nhiễm chẳng phải tội nặng.

Tham nổi tiếng, lợi dưỡng, cung kính, là nặng chẳng phải nhẹ. Trong bốn thứ này có ba phẩm:

Nếu do phiền não hiện hành, chẳng phải dữ dội, hoặc sinh hổ thẹn, đó là yếu phẩm.

Tuy cảm mạnh mẽ nhưng không hổ thẹn, chưa thấy là đức. Còn có Trung phẩm.

Không hề hổ thẹn, sinh ra nhiều ái, lạc là công đức, gọi là Thượng phẩm tối trọng. Còn ở đây tâm sân si phạm là nặng nhất. Tâm khác thì nhẹ nên không phạm.. Nghĩa nên y cứ theo đây mà biết.

Về hành giả. Người trong Phật pháp phần nhiều y cứ vào bốn vị khởi hạnh, nghĩa là Ba học và Tạp hạnh.

Về kiểu dị có hai loại:

Kiểu dị: nghĩa là tuy không phá giới nhưng không ngay thẳng. Theo chấp tà tư duy, hiện oai nghi lạ lùng, mầu nhiệm huyền diệu của thế gian để cầu danh lợi. Vốn không có tâm thanh tịnh để cầu xuất ly. Nhưng khắp kính người khác chẳng khác, đây là giặc Sa-môn, cũng là giặc oai nghi, như Kinh Ca Diếp và Kinh Bảo Tích nói.

Về hiểu biết cạn cợt, nghĩa là tánh chẳng phải trí sâu, ỷ vào giới hạnh mình cho là xuất ly. Lăng nhục người khác, nương theo giới lăng nhục chúng. Nghe các pháp không liền sinh sợ hãi. Đây là giặc thù trong Phật pháp, xuất xứ từ trong Kinh Phật Tạng

2.Về Định học có hai loại:

Đứng về tham cuồng,nghĩa là tánh ưa danh lợi sống lâu trong núi. Tâm có một chút bóng lặng, hiện được tướng định, mầu nhiệm của

người đối với lấy nhiều danh tiếng. Khắp mọi người không có tướng này, đều cho là phi, đây là giặc A-lan-nhã, rút từ Kinh Hoa Thủ. Kinh này còn nói:" Nạp y ở chỗ vắng lặng, tự xưng là A-lan-nhã.

Về tà mạn, nghĩa là tánh chẳng phải học rộng, vào núi học định, quỷ thần khiến tâm thêm niệm định. Có người thấy họ không khéo giác biết, tức dựa vào đây mà khởi kiêu mạn, sẽ vời lấy nhiều danh tiếng. Lăng nhục Phật pháp, tất cả đều làm thương hại Phật pháp, đây là đại tặc, là bè đảng của ma. Luận Khởi Tín và Kinh Hoa Thủ đã nói.

Về Tuệ học cũng có hai lọai:

*Theo nghĩa cạn, nghĩa là tánh kém thông minh, đọc học không thứ lớp, đó là danh lợi hành tâm, gấp dự giảng nói. Kiến chấp của mình ức đoán chẳng chê bai xưa nay, chỉ cầu danh lợi, vốn không ra ngoài ý. Tự ỷ lại mình không thực hành, cũng xem thường giới định. Đây là giặc mua bán Phật pháp, sẽ vời lấy nhiều khổ não, xuất xứ từ trong phẩm Ma Nghiệp của Kinh Hoa Nghiêm

* Về chiều sâu, nghĩa là tánh Sát na-môn phân biệt. Tuy ở Nhị thừa ba tạng ít thông, nên chưa hiểu được ý Phật. Đã phải truyền pháp chỉ khen ngợi tên gọi.

lợi để khuyên hậu học, chẳng phải chê bai nguyện mình xưa nay chỉ có một. Ỷ lại đức là khởi kiêu mạn,lăng nhục người chỉ trì tụng thuộc pháp mà không diệt bệnh, lại gánh vác tội nhơ, huống gì trong pháp khởi bệnh, thật không thể nào cứu chữa được. Lạ thay! Trong nước sinh ra lửa, làm sao diệt được.Đây là giặc hại Phật pháp, xuất xứ từ Kinh Phật Tạng và Kinh Thập Luân.

Về Tạp Hạnh cũng có hai loại:

Về phước hạnh, nghĩa là tánh chẳng ngay thẳng, nếu chấp thế gian và tôn sùng phước của người đó, thế nhân mầu nhiệm, vời lấy nhiều sự cúng dường, mục đích là dùng ít nhữ nhiều, lấy đây để nuôi sống. Được toại ý mong cầu, liền ở chỗ này mà khởi kiêu mạn, lăng nhục người khác không được lợi dưỡng. Nếu tất cả chẳng được lợi dưỡng như vậy, danh tiếng như vậy, dây là giặc bán Phật pháp, xuất xứ từ Kinh Ca-diếp

Về các hạnh, nghĩa là tánh chẳng phải tuệ ngộ. Hễ học được một pháp thì liền phong trước, xem trọng sở học này để vời lấy danh lợi, phế bỏ các chỗ tu đều chẳng phải là rốt ráo. Đây cũng là người ngu, là giặc sâu bọ phá hại Phật pháp.

Trên đây đã lược nêu bốn vị, đáng lẽ phải chung cho tất cả hành đều có cuồng ngụy, đều phải y cứ theo để chọn lựa. Khuyên hậu học

đừng để tâm mình rơi vào đó. Xin các vị hãy đọc thêm Kinh Bảo Tích, Kinh Bảo Lương, Kinh Phật Tạng để nuôi dưỡng tâm Bồ-đề, mới có thể làm việc cần thiết.

7. Mắc quả báo: có ba:

Thông Luận, Kinh Hộ Quốc Bồ-tát chép:"Bồ-tát có bốn pháp đọa lạc:

Không cung kính người

Bội ân tà vạy.

Cầu danh tiếng lợi dưỡng

Làm ra vẻ tốt, nêu đức.

Chê bai kinh Phật, có mười người hủy báng pháp sư Biện Tích, khiến cho Phật pháp có một phần bị lăng nhục. Mười người này sau khi chết đọa vào địa ngục Bạt Thiệt, trải qua vô lượng kiếp chịu khổ rút lưỡi. Về sau đọa vào loài không có mắt. Cuối cùng gặp Phật Thích-ca, xuất gia nhiều đời tu hành khổ hạnh, hoàn toàn không được gì, sau lại bị đọa lạc. Cho đến nói đầy đủ trong luật.

Về tự khen, như năm người Phiến-Đề-la, bốn người ngồi trong rừng, một người vào xóm xướng lên rằng:" Trong rừng có các vị La-hán", liền được sự cúng dường lớn. Sau đọa vào địa ngục chịu đủ khổ não. Sinh lên làm người khiêng kiệu cho thí chủ cũ và giữ các vật dơ bẩn, cho đến trong văn luật có nói đầy đủ.

Tu trị hành giả có ba nghĩa:

Bồ-tát thường tự hiển rõ lỗi mình khiến người khác nghe biết. Không có một niệm tâm che giấu, đêm rằng sẽ lớn thêm nên lo khó diệt. Đối với công đức của mình thường không nói rõ. Không khởi một niệm tâm khen mình, Lo sợ tổn giảm nên không dám thêm.

Bồ-tát đối với hữu tình,thường không thấy việc, xấu mà chỉ thấy việc lành. Cho nên nhận việc ác về mình, suy việc lành cho người, thì tâm thường thanh tịnh. Đây là việc thường thực hành.

Hỏi: Nếu tự mình không ác mà nhận, người không tốt lành mà suy, há chẳng phải tà vạy và nói dối hay sao?

Đáp: Tự mình không đủ, vọng được không mất. Nghĩa không mất đó chỉ có mình Đức Phật, vì hệ lụy đã hết. Còn người không tốt lành, nhưng còn có Phật tánh tức chân thiện. Nếu nghĩa đến đây mà suy, chẳng phải thật không tà vạy, cũng không nói dối, mới phát đủ vô lượng gốc lành, khiến cho giới thanh tịnh, nên gọi là Trì.

Bồ tát thường phải nhờ tiếng tăm mà khởi lợi dưỡng, nhiều lợi dưỡng thì không ở chỗ đó, vì làm tổn hại. Luận chép:" Thương hại như

sương móc, làm tổn mầm mộng công đức, như đầu sợi lông là tổn hại nhiều. Như pháp đã được còn phải tránh xa. Kinh chép: "Lợi dưỡng đến còn phải tránh xa ngoài ba do-tuần, huống gì dùng khen chê phi lý để được hay sao?" Cho nên Bồ-tát lẽ ra không nên làm. Kinh Bồ-tát Hộ Quốc chép:" Bồ-tát có bốn pháp phải xả bỏ:

Bồ-tát xả bỏ nhà mình ở.

Đã xuất gia rồi không còn ham lợi dưỡng

Xa lìa đàn việt

Không tiếc thân mạng

Đó là bốn pháp phải xả bỏ, y cứ theo như vậy.

Thông cục có hai: Trước thông sau cuộc.

"Thông" có ba:

Khen cũng có ba:

Khen pháp tu học của mình giúp người khác tu học.

Vì chúng sinh chưa tin thì sinh tin

Đã tin rồi lại thêm vững chắc.

Nếu thật sự có lợi ích này mà không xen lẫn tham mạn, thì tự khen không phạm, không khen có tội trái lợi ích.

Nói chê bai người cũng có ba:

Chê bai tà đạo khiến họ quay về với chánh kiến

Chê bai chấp kiến khiến lìa khổ

Chê bai hạnh vị xấu khiến họ lìa bỏ.

Nếu không có sân, mạn mà phải thời có lợi ích thì nên chê bai người không phạm, không chê bai có tội.

Cầu danh lợi có hai:

Lợi ích chúng sinh

Cầu thật sự ra khỏi danh lợi thế gian, cầu việc này không phạm.

Như thế nên y cứ theo đó.

Cục: Ba vị trên hoặc chung hoặc riêng, vì tâm tương ưng ràng buộc khởi niệm dục phạm. Tuy trái phạm chưa đến tội nặng như thế. Vì thế phải phòng hộ giữ gìn. Nghĩa khác nên biết.

Giải Thích văn:

Nêu lỗi chánh chế có hai, trước nêu lỗi cũng có hai:

Vi trái phạm: nghĩa là tự làm và bảo người làm, y cứ theo trước cũng có bốn, đồng sơ lược như trước.

Tướng phạm: bốn phạm đồng như trước, cũng đồng ba giải thích. Lược không tự khen, lẽ ra phải đủ bốn:

Đứng về năng, tham mạn là "Nhân"

Danh lợi là “Duyên”

Khéo lập quy mô thành ra tự phô trương để lăng nhục người là “Pháp”.

Thường làm việc như thế là “Nghiệp”.

Y cứ về người, gồm có bốn:

Không chánh thức khen chê, chỉ nói nhân duyên để hiển bày đức tốt của mình. Người đó bị hủy nhục là “Nhân”

Chê bai người bị tội nặng, chê bai chủng tộc của người là “Duyên”,

Hủy báng sở y của người là “pháp”

Hủy báng nghiệp sở y của người là “Nghiệp”. Tự khen mình cũng vậy.

Hợp giải thích:

Nhân bên trong

Cảnh bên ngoài

Hủy báng

Thành nghiệp.

Tự khen mình cũng giống như vậy.

Trên đây đã nêu lỗi xong.

2. Văn chính thức chế. Nên nói: “ Tất cả không nên khen mình chê người. Lại sơ lược không đầy đủ

Câu “ mà Bồ-tát v.v...” nói chỗ nên thi hành cũng là giải thích lý do chế thượng vị, nghĩa là Phật vì pháp chế giới không khen mình chê người. Vì pháp của các Bồ-tát là phải thay thế người chịu chê bai. Nếu không chịu thay thì trái với hạnh Bồ tát của mình, huống chi tự mình chê bai. Trái phạm hại định thật sâu, cho nên kết lại khoa văn ý nghĩa như thế, trong đó vô lý lăng nhục người gọi là hủy báng. Khiến họ hổ thẹn, quả báo bị nhục. Còn Bồ-tát vì chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề, khiến chúng sinh bỏ ác dứt sạch kiết sử. Cho nên việc ác của chúng sinh Bồ-tát đã có, vì cho đó là trách nhiệm của mình. Đã vì chúng sinh tu gốc lành nên gốc lành của mình và người đều tu.

Câu nếu tự khoe khoang v.v.... trở xuống là phi lý trái phạm đều nên biết.

■

SỚ GIẢI GIỚI BẢN BỒ TÁT TRONG KINH PHẠM VÕNG

QUYỂN 4

8. GIỚI TIẾC LẪN MÀ CÒN HỦY NHỤC

1. Chế Ý:

Bố thí là đầu muôn hạnh, nên được xếp vào đầu của trong sáu. Đó là cách xả tham nên phải bố thí.

Phẩm Thập Hạnh của Kinh Hoa Nghiêm chép: Ban đầu khuyên hỷ hạnh rằng: Bồ-tát này là đại thí chủ, tất cả vật đều nên xa lìa, dùng tâm tuệ bố thí cho tất cả chúng sinh. Khi đã thí rồi thì không hối tiếc, không mong quả báo, không cầu tiếng tăm, không cầu sinh vào chỗ tốt, không cầu lợi dưỡng. Nói có mười ý là:

1. Chỉ muốn cứu giúp tất cả chúng sinh.
2. Muốn nhiếp lấy tất cả chúng sinh
3. Chân thừa ngoại đạo.
4. Muốn học tất cả bản hạnh của Chư Phật,
5. Muốn chánh tâm nhớ nghĩ bản hạnh của Chư Phật.
6. Muốn thanh tịnh bản hạnh của Chư Phật.
7. Muốn thọ trì bản hạnh của Chư Phật.
8. Muốn hiển bày bản hạnh của Chư Phật.
9. Muốn nói rộng bản hạnh của Chư Phật.
10. Muốn tất cả chúng sinh lìa khổ được Niết-bàn an vui.

Do mười việc này nên biết Bồ-tát vì sao phải thực hành bố thí.

2. Giải thích tên gọi:

Lẫn tiếc tài pháp không cứu giúp sự mong cầu của chúng sinh gọi là cố san, giới ngăn ngừa lỗi này cũng y theo ý nghĩa đó mà đặt tên.

3. Thứ lớp:

Trước nói khen mình chê người để cầu danh lợi. Lỗi khi đuổi theo tiền của mà chưa được, nay đã thuộc về mình rồi thì tiếc lẫn không xả. Lỗi khi chất chứa, giới trước thô giới này có phần nhỏ nhiệm hơn, cho nên xếp đặt hai giới trước sau như thế.

4. Đủ duyên thành phạm:

Nhưng trong giới này phạm có bốn chỗ:

Tự tiếc lẫn

Xúi giục người.

Vui theo.

Khen ngợi tiếc lẫn.

Nay đứng về câu thứ nhất (Tự) để phân biệt đủ duyên, còn ba duyên kia thì y cứ theo mà biết. Tự đủ sáu duyên thành phạm tội.

1. Tự có tài pháp
2. Người xin hiện tiền.
3. Có đủ hai ý nghĩ trước
4.Khởi tâm tiếc rẻ

Trái phạm đối với duyên chánh

Người đến xin trở về tay không thì phạm.

5. Thiếu duyên:

- Thiếu duyên thứ nhất có ba nghĩa:

Nếu người kia không có một cây kim, ngọn cỏ thì nên bố thí cho. Nên dùng lời lành, thâm tâm rơi lệ an ủi cám ơn người xin. Nhưng nghĩ rằng: Nay tôi phước mỏng không thể làm toại nguyện sự mong cầu của chúng sinh. Đó là lỗi của tôi, tôi sẽ tinh tấn tu hành khiến cho nguyện đầy đủ. Nói lời mạnh dạn như thế thì không phạm.

Nếu cậy mình không có vật, tâm kiêu mạn không cám ơn, không hổ thẹn hối hận, nên phạm tội nhỏ.

Nếu bị người xin không tin mình, lại cầu xin liên tục, liền khởi tâm chê bai thì phạm tội trung. Nếu khởi sân thì phạm giới sân, pháp thí cũng đồng.

- Thiếu duyên thứ hai, có bốn nghĩa:

Không người xin thì không phạm

Mình có tiền của thấy người nghèo khổ mà họ không thể xin, hoặc hổ thẹn không xin mà không thí cho cũng phạm.

Tự mình có tiền của mà thấy người đồng tu thiếu thốn cơm áo, bỏ phế việc tu chánh hạnh. Người đó xem xét mình mà không cầu xin, không cho cũng phạm.

Trước chứa nhiều tiền của, tuy không có người xin mà không xả thí ruộngphước, ba vị sau đây đều phạm tội phương tiện, chẳng phải phạm tội trọng căn bản.

- Thiếu duyên thứ ba. Có hai nghĩa:

Về hai vị trên tưởng và nghi có hai nghĩa khác nhau:

Nghĩa là không phạm.
Nghi phạm tội phương tiện.
Đều có y cứ theo đó.
- Thiếu duyên thứ tư có hai nghĩa:
a.Nếu dùng tâm từ bi điều phục họ, không cho thì không phạm
b.Nếu tâm vô ký thì phạm phương tiện, nên biết.
- Thiếu duyên thứ năm có bốn nghĩa:
a.Hứa cho rồi không cho, phạm tội nặng.
b. Hứa cho nhiều nhưng cho ít.
c. Hứa cho hơn lại cho kém.
d. Lúc khác mới cho.
Ba câu sau đều phạm tội phương tiện.
- Thiếu duyên thứ sáu, có hai nghĩa:
a.Nếu chẳng để cho họ trở về tay không thì không phạm
b.Nếu họ trở về tay không, ý chưa dứt thì phạm tội nặng phương tiện.

6. Nặng nhẹ có năm:

- Về vật
- Về ruộng.
- Về tổn
- Về tâm
- Về hợp thích.

Câu 1. Thí tài, thí pháp và thí vô úy. Tài thí có hai: nội tài và ngoại tài . Ngoại tài có mười:

1.Thức ăn
2. Thuốc men
3. Y phục
4. Tiền của
5. Súc sinh
6. Tôi tớ
7. Tiếng tăm
8. Ngôi vua
9. Vợ
10. Con trai, con gái.

Đều trước nhẹ, sau nặng cho nên phạm tội nhẹ.
- Nội thân có năm:
1. Tạm xin xua đuổi
2. Lấy tóc móng

3. Đem làm tôi tớ

4. Lấy lóng đốt, máu huyết

5. Lấy toàn thân mạng.

Trước trước không cho đều phạm tội nặng, sau không cho đều phạm tội nhẹ.

Thí pháp có ba:

- Xả ác

- Xả khổ

- Cứu mạng.

Hai vị trên đều trước không cho phạm tội nặng, sau không cho phạm tội nhẹ, nên biết.

- Về ruộng có bốn:

- Ruộng Ân là cha mẹ, Sư chủ.

- Ruộng Đức là Tam bảo.

- Ruộng Bi là chúng sinh đói khát, nghèo cùng.

- Ruộng Khổ là chúng sinh nguy khốn.

Đều trước không cho phạm tội nặng, sau không cho phạm tội nhẹ.

- Về tổn:

Bốn cảnh trên đều có hai thứ:

Do không cứu vớt để cho họ chết

Dù cho còn sống nhưng họ rất đau khổ.

Đều có trước nặng sau nhẹ nênbiết.

Về tâm có ba độc, đơn song, một hợp.

Y cứ theo trên nên biết. Lại tiếc lẫn có ba phẩm: Như Trưởng giả Lô Chí tội nặng nhất. Trung, hạ nên biết.

- Về hợp biện:

Hoặc vật kém hơn khởi tâm tiếc lẫn, trên đối với thắng cảnh là tội nặng nhất. Hoặc vật kém hơn khởi tâm tiếc lẫn dưới thì phạm tội nhẹ. Các câu khác đều y cứ theo đây nên biết.

7. Mắc quả báo. Sơ lược phân biệt có mười loại:

Đọan trong ngạ quỷ

Hoặc chịu khổ trong các cõi khác

Trong loài người chịu nghèo cùng khốn khổ

Tổn giảm gốc lành đời trước.

Mất bố thí Ba-la-mật của Bồ-tát

Do tiếc lẫn tài pháp thực nên đời đời ngu si. Kinh Thiện Sinh chép: “ Nếu có tài pháp thực sinh lẫn tiếc, nên biết người này trong vô

lượng đời mắc quả báo ngu si, nghèo nàn.

Do giấu mất pháp nên thường không có mắt.

Do không bố thí Vô úy nên thường bị làm cho sợ sệt, không lúc nào an ổn.

Thường bị kẻ thù được dịp làm hại.

Ba đàn sáu độ không thành. Ngoài ra như đã nói trên.

8. Tu trị hành giả: Lược hiển bày mười loại:

Tư duy thân mình vì tài vật đều là pháp vô thường, phiền não vô thường, trong một ngày hư hoại chẳng còn gì, cho nên tiếc lẫn đều không lợi ích gì.

Huống chi tài vật của này đều thuộc về năm nhà: Vua, giặc, nước, lửa, con hư phá hoại. Nay những thứ đó chưa xâm phạm ràng buộc, nên xả thí để cất giữ chắc chắn, khiến mãi mãi thuộc về mình.

Nếu tiếc rẻ không bố thí thì đời đời nghèo cùng đeo đuổi theo thân mình

Lại do đời trước không có thói quen bố thí, nên nay có tánh tiếc lẫn không thể thí được. Nếu đời nay không cố gắng thí, thì thói quen này không phá lại càng mạnh mẽ, sẽ làm chướng ngại đại bố thí. Nay ta phải cố gắng chống lại sự tiếc lẫn mà thực hành tuệ thí.

Nếu mình nghèo thiếu e không cứu giúp người được, mà tiếc lẫn không bố thí thì nên nghĩ rằng: “ Nghèo thì chướng ngại bố thí, lấy chướng phá chướng nên phải chịu khổ cố gắng thực hành bố thí. Ta vì túc nghiệp từng chịu các thứ khổ đói khát, nên không làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nay ta thực hành bố thí để lợi ích cho nhiều người. Dù cho chịu các thứ khổ cho đến mất mạng, để cuối cùng khiến cho người đến xin không trở về với hai tay không, huống gì còn một cọng rau để nuôi sống thân mạng. Cho nên phải chịu sự nghèo khổ này mà thực hành bố thí.

Nếu tiếc thânmạng và tiền của mà không xả, thì phải nghĩ rằng: Ta ở trong ba cõi trước khi đại sư phát đại tâm Bồ-đề. Tất cả trong ngoài đều đã xong. Làm sao có thể trái với bản thệ mà trở lại cô phụ chúng sinh.

Còn khiến cho chúng ta phạm tội Ba-la-di của Bồ-tát, tức là lừa dối chư Phật mười phương, thật là không nên.

Ta nay xả thân hôi thối này là một vật không bền chắc. Nay ta sẽ được pháp làm cho pháp thân thanh tịnh vững chắc. Đây là lợi ích của tà mạng, nếu không thực hành bố thí thì sẽ mất lợi lớn.

Thân này và của cải nầy là vật luống dối, nếu không muốn thí xả

hết cho chúng sinh thì đâu thể đem tâm Bồ-đề làm lợi ích chúng sinh.

Ta phải quan sát tất cả pháp không vô ngã sở, mà nay đối với thân luống dối này, tiếc lẫn của cải không thí xả, thì làm sao chứng nhập được pháp tánh bình đẳng.

Tư duy mười pháp đối trị như thế thì đối với sự tiếc lẫn đó đều sẽ xả bỏ được. Các thuyết này đều có nói đủ trong Kinh Hoa Nghiêm, Luận Đại Trí Độ, Du-già v.v.....

9. Thông cuộc:

Theo Du-giàthứ 39 có 30 trường hợp không bố thí không phạm.

Nếu biết các vật thí nội, ngọai kia đối với các chúng sinh chỉ khiến cho họ an vui mà không lợi ích, hoặc không an vui, không lợi ích thì đều không nên thí.

Nếu đến xin làm bạn lữ, muốn làm phi lý ép buốc tổn hại, mê hoặc dối gạt người, thì không đem thân bố thí cho họ.

Nếu các Bồ tát đối với việc hành thí mà tâm vui thanh tịnh. Thấy có vô lượng lợi ích cho chúng sinh đang hiện trước mắt, dù cho có đến xin từng lóng đốt trên thân mình cũng không nên bố thí cho họ, v.v....

Nếu chúng ma phá họai não lọan tâm. Hiền tiền đến xin phần lóng đốt trên thân thì không nên thí cho. Vì tâm niệm của chúng sẽ phạm tội thượng phẩm, trở lại tổn hại mình.

Hoặc có chúng sinh cuồng si tâm loạn, đến xin lóng đốt trên thân Bồ-tát, Bồ-tát không nên cho.

Nếu có chúng sinh tự hại, hoặc làm hại người, đến xin các thứ chất độc như: thuốc độc, lửa, dao, rượu thì không nên cho.

Không lấy vật của người, nếu được người đồng ý mà thực hành tuệ thí.

Không làm mai mối, vì vợ con người khác mà bố thí.

Không bố thí các vật ăn uống có vi trùng.

Nếu có chúng sinh đến xin các thứ, có thể dẫn đến sự vui đùa, có thể dẫn đến vô nghĩa thì không nên thí cho, vì khiến cho họ phần nhiều làm việc kiêu mạn, buông lung ác hạnh. Sau khi chết đi đọa rơi vào các đường ác.

Hoàn toàn không bố thí cho người săn bắt các vật.

Hoặc có chúng sinh sắp làm việc giết hại thì không nên thí cho.

Nếu có người đến xin lờ bắt cá, lưới săn thỏ vì hại chúng sinh và vì học tập, đều không nên thí cho.

Nếu có kẻ thù đến xin trả thù vì hiềm khích.Vì muốn quở trách, trói buộc trấn lột, giết hại đọat tiền của trị phạt, không nên thí cho.

Nếu bị bệnh đến xin mà ăn uống không có chừng độ thì không nên cho.

Nếu có chúng sinh ăn rồi, tánh tham ăn, lại xin món ăn ngon quý, cũng không nên thí cho.

Nếu có người đế xin cha mẹ, sư trưởng thì quyết định không thí cho.

Còn các Bồ-tát đối với vợ con, tôi tớ, thân thích, quyến thuộc của mình. Trước hết phải dùng lời êm dịu để dẫn dắt khiến cho những người đó được vui vẻ. Hòan tòan không ép buốc bố thí khiến cho người xin bị bực bội.

Tuy lại dùng lời êm dịu dắt dẫn khiến cho họ vui mừng, sinh tâm dục lạc. Nhưng không thí cho kẻ thù, bạn ác, dược nhận, La-sát.

Nếu có chúng sinh bức não Thượng phẩm ưa làm nghiệp bạo ác, đến xin vương vị thì hoàn toàn không thí cho. Nếu người ác trước ở ngôi vua, Bồ-tát có năng lực còn phải truất phế, huống chi là thí cho.

Còn các Bồ-tát hòan tòan không xâm đọat cha mẹ vợ con, tôi tớ, thân thích, quyến thuộc đem tài vật bố thí.

Cũng không bắt buộc cha mẹ, vợ con, tôi tớ khiến người thân thích quyến thuộc đem vật của họ bố thí cho người đến xin.

Không dùng của phi pháp, của tàn bạo, không ép ngặt tổn hại đối với người khác mà thực hành tuệ thí.

Còn các Bồ-tát nếu y theo lời Phật dạy Bồ-tát xuất gia, hoàn toàn không trái vượt các học xứ mà thực hành tuệ thí.

Các Bồ-tát đối với người đến xin, hoàn toàn không bố thí vật không thích hợp, nghĩa là bố thí cho người xuất gia thức ăn uống dư cách đêm, v.v.... hoặc các tiện uế, phẩn giải, nước bọt, máu mủ vật tạp nhiễm không sạch sẽ. Lại không cáo bạch, không khiến cho hay biết như xả bỏ pháp thí cháo sữa, nghĩa là không ăn hành là bố thí thức ăn uống có lẫn hành. Không ăn thịt là bố thí thức ăn uống có tạp thịt nhiễm. Không uống rượu là bố thí uống rượu tạp nhiễm. Như thế đều không thí cho.

Các Bồ-tát không bao giờ dùng miệng trao tất cả chánh pháp tìm lỗi ngoại đạo.

Cũng không thí cho người đó được viết chép kinh điển

Biết tánh thường tham cầu muốn cân bán kinh sách, cũng không nên thí cho.

Muốn biết bí mật cũng không nên thí cho.

Không cầu thắng trí cũng không nên thí cho.

Còn như các thứ không bố thí nói trên, Bồ-tát không nỡ nói thẳng:

Ta không thí cho ngươi, phải phương tiện dắt dẫn, chỉ dạy. Các Bồ-tát đã nuôi chứa các vật và của cải. Vì đã làm tịnh thí nên trước phải xả cho Chư Phật, Bồ-tát trong mười phương. Như Bí-sô làm pháp tịnh thí, như quán sát người đến xin, xứng lý nên nghĩ rằng: Các Bồ-tát không có chút vật nào không bố thí cho chúng sinh. Như vậy là đã biết lấy vật thí cho. Nếu khi thí không quán xứng với chánh lý, thì trước phải nghĩ đến làm tịnh thí. Bảo rằng: " Vật này là người khác đã có, không được thí cho ngươi." Cần phải dẫn dắt, phương tiện hỷ dạy. Còn Luận Thập Trụ chép:" Tuy Bồ-tát mới học có người đến xin đầu mắt, nhưng chưa thể thí cho. Phải nói kệ tụng rằng:"

Ta mới phát đạo tâm
Gốc lành chưa thành thục
Nguyện ta mau thành tựu
Rồi sẽ đem thí cho

- Cuộc: Nếu tự xem xét tâm ít thiểu não, thì phải thí cho. Nếu không như thế thì phạm. Còn y cứ theo về bí mật, Bồ-tát phải tiếc lẫn, nghĩa là đối với giới như chiếc phao nổi, dù xin một chút nhỏ như hạt bụi cũng không cho. Cho đến tội nhỏ còn có tâm rất kinh sợ.

10. Giải thích văn: Cũng có bốn nghĩa:

Nói vị phạm như tự làm và bảo người làm như trên đã giải thích.

Nêu lỗi chánh chế, có hai nghĩa như sau:

a. Nêu lỗi, nghĩa là lẫn tiếc có bốn giải thích: Nhân, duyên, pháp và nghiệp. Đồng như trước nên biết.

b.Câu mà Bồ-tát thấy vậy rồi, v.v... trở xuống nghĩa là chế cho người nghèo đến xin. Nhưng người đời nghèo có hai loại:

Nghèo về tiền của.

Nghèo về pháp.

Nên nói rằng: Tất cả nghèo, Bồ-tát bố thí hai pháp này nên nói rằng tất cả thí cho.

c. Câu mà Bồ-tát dùng ác v.v. là trái chế thành phạm. Nghĩa là tâm ác. "San" kết không phá, cũng là trái chế không thí, chung cho các phiền não khác. Sân tâm làm người xin tức giận mà không thí cho. Đây là tâm không thí dưới nói chỗ không vật thí. Trước tài sau pháp, cho đến không thí. Nêu việc nhỏ để chú thích việc nhiều, một cọng cỏ còn không cho huống gì là nhiều. Lại y cứ, v.v.... trở xuống là rất nên nói cho đến một cọng cỏ, nghĩa là nói rất ít, chẳng phải trong háp môn mà có hạt bụi. Đây là thuận theo Ngữ pháp của phương Tây, như trong Kinh Năng Đọan Kim cương Bát-Nhã, Vô thiểu pháp, bản tiếng Phạn

gọi là “Vô vi trần pháp “.Mà lại mạ nhục nên phạm tội nặng. Đây là đủ ba nghiệp nên biết.

d. Kết để chỉ tội, nên có thể biết.

IX. GIỚI CỐ SÂN:

1. Chế ý: Lược có mười nghĩa:

Nặng nhất trong có hoặc không gì hơi sân.

Cũng thành nhân ác thú nghiệp đạo

Tiêu diệt các gốc lành đời trước.

Có thể kết đại oán nhiều kiếp chồng chất khó giải.

Do đây sẽ hại các chúng sinh

Cho đến có thể gây ra tội Vô gián

Có thể chướng Nhẫn Ba-la-mật của Bồ-tát.

Hại Đại Bi tâm

Khiến chúng sinh được giáo hóa đều lìa bỏ.

Giới cụ túc sẽ bị trăm ngàn chướng ngại.

Kinh Hoa Nghiêm có dẫn đầy đủ. Kinh còn chép: “ Ta không thấy pháp ác nào hơn tâm sân của Bồ tát. Rất tổn hại nên chế ra giới nầy.

2. Giải thích tên gọi: Nghĩa đối với cảnh trái với tâm tổn hại. Vì giới ngăn ngừa lỗi này nên đặt tên giới.

3. Thứ lớp: Trước san tham, kế đến là tức giận.

4. Đủ duyên:

Đối cảnh trái tâm

Khởi nghĩ kia

Không cấm tâm

Khởi sân liền phạm.

Đây là đứng về tâm. Nếu chung thân miệng lại thêm đánh mắng. Đủ năm duyên liền phạm. Nếu nói đến chỗ cùng cực thì người đến tạ lỗi, sân vẫn không bỏ. Phải có đủ sáu duyên mới phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên một, có ba: Nghĩa là có tình tương khác nhau. Nếu vọng tâm hoặc đều nặng đối ngay thân miệng thì phạm tội khinh.

Thiếu duyên thứ hai, cũng có ba:

Nghĩa là vôn mê chuyển tưởng và nghi. Y cứ vào tâm đều phạm tội nặng. Thân miệng phạm tội nhẹ nên biết.

* Thiếu duyên thứ ba, có hai:

a.Thường phải siêng tu sửa lỗi niệm phạm tội nhẹ phương tiện.

b.Nếu không siêng tu sửa thì phạm tội nặng phương tiện.

Thiếu duyên thứ tư có ba:

a. Nghĩa là hạ, trung, thượng. Nếu khởi tâm sân bậc hạ liền sinh hối hận phạm tội nhẹ phương tiện.

b.Khởi tâm sân bậc hạ không sinh sám hối phạm tội nặng phương tiện.

c. Khởi sân bậc trung, liền sinh sám hối, phạm tội nặng phương tiện. Ngoài ra đều xếp vào tội nặng nên biết. Nếu xét theo thân miệng ý, thiếu đánh mắng phạm tội nặng phương tiện. Trái với đây thì phạm tội nặng. Nếu nói cùng cực thì càng sám hối, người đó càng sinh hối hận, phạm tội nặng phương tiện. Trái lại với đây thì thành tội nặng.

6. Nặng nhẹ: Sơ lược đứng về năm vị phân biệt.

- Y cứ vào cảnh
- Y cứ vào nhân sự
- Y cứ vào hoặc tướng
- Y cứ vào thành tổn
- Hợp biện.

Câu đầu là cảnh sân lược có mười thứ:

- Thánh hiền
- Hai thầy
- Cha mẹ
- Người truyền pháp
- Chúng tăng
- Người thế tục
- Đệ tử nam nữ của mình
- Tôi tớ
- Súc sinh
- Phi tình.

Nhìn về giới đều phạm tội, nhìn về nghiệp đạo thì trước nặng sau nhẹ.

Y cứ vào hoặc tướng phân biệt có mười loại:

- Niệm động khởi sân, mặt không sắc lạ.
- Nhan sắc đổi khác
- Tòan thân chiến động
- Gồm cả đánh mắng
- Đối với việc đã khởi, tạm khởi liền hối.
- Trải qua đêm mới hối
- Trải qua thời gian lâu không bỏ.
- Người đối diện vừa xin lỗi liền bỏ.

- Người đối diện xin lỗi qua thời gian lâu mới bỏ.
- Trải qua thời gian lâu cũng không bỏ.

Đều trước nặng sau nhẹ nên biết.

Về tổn cũng lược hiển bày thành mười thứ:

- Vì giận người nên khiến họ xả bỏ Phật pháp
- Nói lời ác mắng nhiếc.
- Đánh đập trói buộc
- Hao tổn tài vật của người
- Cắt đứt từng phần thân người
- Cắt mạng sống của người
- Hại thân thuộc mình
- Bỏ hẳn Tam bảo
- Đốt chùa hại tăng
- Gây các tội nghịch

Đều trước nặng sau nẹh.

7. Hợp giải thích:

Cũng hiển mười vị. Nghĩa là trong bốn việc trước ở tôn cảnh và việc nhỏ khởi sân nặng làm tổn hại là tội nặng nhất. Ngoài ra, theo thứ lớp hợp nhau, và không thứ lớp đều có nặng nhẹ. Y cứ theo đây suy nghĩ rất dễ thấy biết.

8. Mắc quả báo:

Lược hiển có mười thứ:

Sân nhuế phạm mười tội như đã nói trong Luận Đại Trí Độ.

Do sân nên vào trong tám địa ngục lớn, như đã nói trong Kinh Thiện Giới, quyển 1.

Cũng đọa vào ngạ quỷ, súc sinh. Kinh Hoa Nghiêm chép:" Tội sân hận, bậc thượng là nhân địa ngục, bậc trung là súc sinh, bậc hạ là ngạ quỷ. Trên đây là quả báo.

Quả đẳng lưu. Kinh chép:" Nếu sinh lên làm người sẽ mắc hai quả báo:

Thường bị người khác tìm lỗi tốt xấu của mình.

Thường bị người não hại.

Quả tăng thượng là y cứ vào y báo. Luận Đối Pháp quyển 7 chép: do sân nên khiến quả vị cay đắng.

Thân thường xấu xí không ai muốn thấy.

Mất vui Thiền của cõi trên.

Trái với giải thoát của Nhị thừa

Hại hạnh tự lợi và lợi tha của Bồ-tát.

Mất năm chỗ của Bồ-tát, nên biết.

- Tu trị hành giả.

Lược phân biệt tư duy mười loại đối trị, khiến sân không khởi.

Suy nghĩ tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, đã từng làm cha mẹ, thân thuộc và Hòa-thượng, Sư trưởng của ta. Cho nên phải sinh tâm hiếu, đâu được nổi sân mà đánh mắng.

Suy nghĩ vô thường, Du-già Giới Bản chép:" Các hữu tình kia hoặc sinh, hoặc trưởng, mỗi thứ đều là pháp chết vô thường. Báo óan cùng cực đó là cắt đứt mạng sống họ. Mạng của các chúng sinh này là niệm niệm đoạn. Người trí duyên nào lại muốn đọan nữa. Như vậy đối với các hữu tình có pháp sinh tử vô thường. Bậc thượng trí thì không nên có tâm đấm nhiễm. Huống gì phải dùng tay gậy làm hại, cắt đứt hẫn mạng sống. Cho nên tất cả óan hại đều có khả năng nhẫn chịu.

Suy nghĩ khổ: Du-già Giới Bản chép:" Còn tự thân người đó tất cả đều dùng tánh khổ làm thể. Họ vô tri nên đối với tánh không trong thân ta càng thêm cái khổ đó. Còn các hữu tình thì ba khổ lẫy lừng thường theo đuổi. Huống chi suy tổn. Nay chúng ta đối với khổ này phải siêng năng phương tiện lìa bỏ đừng cho tăng thêm.

Suy nghĩ nghiệp duyên. Bài kệ trong Luận Tư lương chép:"

Đánh, mắng, sợ, giết, trói
Không hề óan trách người
Đều do tội của ta
Nghiệp báo ngày xưa hiện

Nghĩ khổ thêm nhiều: Nghĩa là ngày xưa ta đã hại khổ cho nhiều người, nên nay vời lấy nỗi khổ này. Nay ta không chịu thì càng trồng nhân khổ ở tương lai. Nếu ta không xả bỏ nhân khổ này thì tự mình làm việc không có tình thương. Tự mình sinh ràng buộc, tự gây nên oán hại, chẳng phải do người khác mang đến.

Suy nghĩ thương xót người ngu, Luận Trí Độ chép: " Nếu bị người say rượu và quỷ nhập dựa đánh mắng, thì không nên tức giận họ, chúng sinh cũng như vậy. Vô minh, say rượu, phiền não, quỷ nhập bị nó sai sử không được tự tại. Nên không được sân, chỉ nghĩ rằng:" Tội lỗi này chẳng phải lỗi của chúng sinh. Ta nên cầu Bồ-đề vì các chúng sinh mà trị bệnh phiền não cho họ nên phải lìa bỏ hẳn.

Lại suy nghĩ: ta không sinh về Tịnh độ, nơi không có phiền não, mà lại ở cõi uế này, nên phải chịu khổ não, chỉ nên điều phục tự tâm để cầu ra khỏi, không nên tức giận với người. Như vào rừng gai bị gai đâm, ta chỉ cầu ra khỏi chứ không nên tức giận vì bị gai đâm.

Lại nghĩ: ta tự phát tâm Bồ-đề vì tất cả chúng sinh gánh vác trách nhiệm nặng nề. Dù cho địa ngục khổ còn vì họ mà chịu, huống chi do một chút khổ này mà trái với bản thệ không nhẫn được hay sao?. Nếu ta không nhẫn thì tự không điều phục, làm sao có khả năng khiến cho họ xả bỏ các phiền não, cho nên không giận dữ.

Lại càng suy nghĩ: nay ta nên học các hạnh Bồ-tát là hơn hết, giữ giới khổ hạnh không thể bằng. Hạnh này phải bị người não hại thì mới thành được. Nếu không bị người não hại thì hạnh ta không thành, vì người đó đã bố thí cho ta đại hạnh. Còn phải hổ thẹn xin lỗi, nếu không thì càng mang thêm tội ác, sao còn trái với người ân, lại tức giận, phiền não, đó là điều không nên. Kinh chép:" Đề-Bà-Đạt-Đa là đại thiện tri thức, chính là nghĩa đó.

Lại càng suy nghĩ: Nhân duyên vô tánh, kinh nói:Vì dùng tay, dao, gậy và thân ta nên thành đánh, nay ta không nên tức giận đối với người khác.

Giải rằng: Do người kia đánh thì sân với họ, còn do ta đánh thì sao không tự sân? Còn đánh theo duyên khởi, nên chẳng tự tại. Chẳng tự tại nên rốt cuộc là không. Đánh hay bị đánh nhiều ít, nhẫn còn không lập, thì đâu được sân. Kinh Pháp Cú chép:" Biết sân bằng ngọn lửa, nhẫn cũng không có sự nhẫn.

Bài kệ Kinh Tư Ích chép:

"Thân oán và dao gậy
Đều từ bốn đại khởi
Đối đất, nước, gió, lửa
Không hề có thương tổn."

Dù cho thân thể rã rời từng lóng đốt, nhưng tâm người đó thường bất động. Biết tâm chẳng ở bên trong, cũng chẳng sinh ở bên ngoài, các pháp từng niệm diệt, nhưng tánh người đó thường không lập. Ở trong không mắng nhiếc hủy nhục, cũng không có cung kính.

9. Thông cuộc: Các giới khác đều có khai thông, giới này hòan toàn không có. Vì sân giận làm chướng ngại đạo nên tội rất nặng, vì thế thường phải tu để đối trị, nhưng trái cảnh nhớ nghĩ tội lỗi. Theo Du-già thì không phạm, lại càng không khai, nếu y cứ theo Bí mật, Lương Hoàng Sám thì Bồ-tát cũng khởi sân để quở trách các phiền não.

10. Giải thích văn: có bốn nghĩa đồng như trước.

1.Nêu lỗi

2.Chánh chế

3.Trái phạm

Kết tội.

Câu 1: Tự tha nêu riêng, lại chung cho cả bốn vị: Nhân, Duyên, Pháp, và Nghiệp. Bốn giải thích đồng như trước.

2. Câu “mà Bồ-tát v.v... trở xuống là nói” Trong chánh chế, trước nói hạnh lợi tha, nghĩa là khiến chúng sinh có gốc lành vô sân nên nói “Không có việc tranh chấp”. Lại khiến trong thiện căn không tức giận, đấu tranh. Thường bi tâm. Vì sinh tâm lợi ích chúng sinh, nghĩa là dùng tâm đại bi thương xót như chính thân mình, đâu nên khởi sân.

Câu mà trái lại, v.v.... trở xuống là nói trong vi phạm có ba:

Nói về cảnh sân, nghĩa là hai cảnh tình và phi tình.

Nói về nghiệp dụng của sân, đánh thuộc về thân nghiệp, không dứt thuộc về ý nghiệp.

Người đối diện, v.v.... trở xuống là nói tội sân rất sâu nặng, là kết hận khó xả. Nên kinh nói “Không bỏ“.

Kết tội nên biết.

X. GIỚI HỦY BÁNG TAM BẢO

1. Chế ý: Lược có mười ý:

Nghiệp đạo nặng nhất không gì hơn nghiệp này.

Thiêu đốt hết gốc lành không dư sót

Trái với ân đức, dù điều ác cùngcực trong các điều ác.

Phá hoại tín tâm, diệt mắt mất pháp.

Trong hạnh lành hoặc lớn hoặc nhỏ đều không thành.

Nhập vào lưới tà kiến của ngoại đạo

Vì nhiều tà kiến nên dứt một gốc lành.

là ác tri thức của các chúng sinh

Do đây dứt hết hạt giống Tam bảo.

Khiến cho mình và người thành nghiệp địa ngục.

2. Giải thích tên gọi:

Đức tốt rất cao quý, nên gọi là Tam bảo. Vô lý chê bai nên gọi là Báng. Vì ngăn ngừa tội lỗi này nên đặt tên là giới hủy báng Tam bảo.

3. Thứ lớp: Trước nói về sân, kế nói về tà kiến.

4. Đủ duyên: có năm:

1. Đối với mọi người.
2. Cảnh Tam bảo
3. Khởi tưởng có ba cảnh kia
4. Tà kiến
5. Nói lời phỉ báng liền phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất: Phi tình lầm thì phạm phương tiện nặng.

Thiếu duyên thứ hai: Vì chẳng phải cảnh Tam bảo phạm tội khinh phương tiệnn.

Thiếu duyên thứ ba. Vốn mê không phạm, chuyển tưởng và nghi đều phạm phương tiện.

Thiếu duyên thứ tư. Không phá kiến nên phạm tội phương tiện nặng.

Thiếu duyên thứ năm. Chưa nói ra, hoặc dùng lời lạ nên đều phạm tội phương tiện nặng.

6. Nặng

Y cứ vào sở đối

Y cứ vào sở báng

Y cứ vào năng báng

Y cứ vào sở tổn

Giải thích.

Tự và tha

Câu 1. Đối với một người, hai người, nhiều người, đại chúng. Trước nhẹ sau nặng.

Câu 2. Trong việc bị chê bai. Tam bảo có ba: Trụ trì, Biệt tướng và Đồng thể. Hoặc 1, 2, 3 đều theo thứ lớp trước nặng sau nhẹ. Câu ba nói. Về năng báng, nghĩa là tâm có ba phẩm: Thượng, Trung, Hạ. Nói có thô, tế và trung. Nặng nhẹ nên biết.

Câu bốn. Đứng về tổn có năm:

Do sự chê bai này đã khiến cho nhiều người phát tâm Bồ-đề, còn người bất định thì sinh lui sụt.

Khiến người đã tin sinh lui sụt.

Người chưa tin thì không tin

Người không tà kiến thì sinh tà kiến.

Người đã tà kiến rồi thì chấp chặt.

Tất cả đều trước nặng sau nhẹ.

7. Hợp giải thích: Đối với đại chúng chê bai thắng cảnh bậc thượng. Tà kiến nói lời thô rất tổn hại, là tội rất nặng.

Ngoài ra theo thứ lớp giao xen nhau đều có nặng nhẹ, y cứ theo đây nên biết.

Tự tha:

Tự

Tha

Cả hai.

Đều trước nặng sau nhẹ nên biết.

Mắc quả báo: Tội phỉ báng Tam bảo đồng với năm tội nghịch đọa vào địa ngục, như đã nói trong Phẩm Nê-lê của kinh Đại Phẩm. Lại như pháp sư Oai Nghi chê bai Đại thừa, về sau đọa vào địa ngục trải qua nhiều kiếp. Khi được sinh lên làm người thì bị mù lòa không có mắt. Như thuyết của Kinh Chư Pháp Vô Hành, v.v..v. Lại như Uất-đầu-lam Phất đang ở trong địa ngụcv.v..... Luận Trí Độ chép: " Tà kiến mắc có mười tội." (Kiểm lục)

8. Tu trị hành giả:

Tín và tuệ tướng dẫn dắt nhau, đối với cảnh Tam bảo nhẫn rất sâu. Niềm tin thanh tịnh bền vững không hư hoại, thà xả bỏ thân mạng trải qua trăm ngàn kiếp chứ không bao giờ sinh một niệm nghi. dùng trí phân biệt người trên cõi trời, thế gian, xuất thế gian chỉ có niềm tin là nhất. Cho nên tín tâm một bề quyết định.

9. Thông cuộc:

Không có tâm chê bai, nói rất nhanh, vì muốn điều phục chúng sinh, nên không phạm. Ngoài ra đều không khai, nên biết. Nếu đứng y cứ theo bí mật đều nói là phi. Phải nêu ra có lý do, đừng để người khác nghi, nên biết.

10. Giải thích văn: Bốn nghĩa đồng như trước.

Nêu lỗi

Chánh chế

Trái phạm

Kết tội

Câu 1. Chê bai người, nghĩa là chê bai mình. Nhân, duyên, pháp, nghiệp là sở dụng. Bốn cách chê bai giải thích đồng như trước. Giống như kia giải thích ở đây nên biết.

Câu 2. mà Bồ-tát v.v.. trở xuống là chánh chế. Trong đó, trước pháp sau dụ, có đủ hai hạng người:

Ngoại đạo, là tà kiến.

Người ác là trong ngoài đều không tin.

Nói hủy báng là nói chỗ nghe ít. Ba trăm cây kim nhọn đâm vào tim là nói đau đớn rất nhiều.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm chép:" Bồ-tát nghe khen Phật hay chê Phật thì đối với Phật pháp, tâm các ngài tâm định bất động. Vì sao ở đây lại nói như dao nhọn đâm vào tim.

Đáp: có bốn loại chúng sinh:

Nghi chê bai Phật thì vui mừng vì tà kiến.

Không vui không buồn vì người ngoài Phật pháp.

Nghe rồi sinh đau đớn

Nghe rồi không vui không buồn vì không lui sụt tâm Bồ-tát.

Biết công đức của Phật không thể chê bai, vì thế chê bai không đến được. Kinh Hoa Nghiêm y cứ vào vị Bất thối, còn văn này ycứ theo Sơ tâm, nên khác nhau. Nếu sơ tâm gượng đồng hậu vị mà không thấy đau đớn là người ngu ác, thuận theo ác kiến nhẫn chịu việc này cho nên không được.

Hỏi: Các pháp đều không, cần gì phải gượng đau đớn.

Đáp: Chân không chẳng hoại duyên khởi nghiệp quả. Cho nên tôn ty rõ ràng. Nếu hoại đây là không, là ác kiến chấp không của ngoại đạo. Kinh Niết-bàn chép: " Năm trăm Bà-la-môn chê bai nói:" Tất cả đều không, thì chỗ nào có Phật Bồ-đe?" Do sự chê bai này nên vua giết họ mà được phước không tội. Nay Ong muốn giống với họ hay sao?

Câu huống là miệng tự v.v..... trở xuống là nói sự trái phạm, trong đó nêu nhẹ so sánh với nặng, nghĩa là nghe một lời còn sinh đau đớn nên nói là nêu nhẹ" huống gì tự chê bai "nên gọi là so sánh với nặng, không tin bất hiếu là Nhân chê bai.

Câu mà trái lại,v.v.. trở xuống là Chánh thành trái phạm: Nghĩa là trợ giúp hai hạng người trước để thành việc chê bai.

Dưới kết lại để chỉ bày tên tội, trên đây đã nói xong mười tội nặng. Câu "Từ v.v... trở xuống là." Kết khuyến tu học, trong đây có bốn:

Kết khuyên rất phải ngăn ngừa.

Nói phạm tổn khuyên trì

Trì đồng ba đời.

Kết lược chỉ bày rộng.

Câu những vị khéo học có hai nghĩa:

1. Các người này là kheo học giới

2. Người học điều lành.

Bảo với các người này gọi là đại chúng. "Bồ-tát v.v.. trở xuống là" kết số và tên. "phải nên" là lời thành thật răn dạy. Trong đó có hai ý:

Nghĩa là đối với một giới còn không nên phạm một mảy như cát bụi, huống gì phạm tất cả giới. Hạt trần là nói một chút phần, như Tục ngữ có câu:"Thần đối với nước không có một chút công lao nào cả.

Giải thích: Như giữ gìn phao nổi, một chút nhỏ như bụi cát cũng không phạm.

1. Đối với mười giới không nên phạm một giới, huống gì phạm đủ cả mười.

Câu " Nếu phạm v.v... trở xuống là" Nói phạm lỗi có hai nghĩa: Trước nói mười lợi ích lớn, sau nói chịu nhiều tổn hại trong ba đường.

"Mất đại tâm", nghĩa là phạm tội trọng này, thân không chịu phát tâm Bồ-đề. Vì trái với bản thệ nguyện nên chẳng phải đồ đựng pháp.

"Mất ngôi vua", nghĩa là được một chút ngôi vị do giới Bồ-tát làm Nhân, vì quên nên mất quả.

Ngôi vị vua Chuyển Luân cũng như vậy.

"Mất Tỳ-kheo", nghĩa là phạm giới đọa này phải vào địa ngục, không được làm người, không được làm Tỳ-kheo. Còn do phạm tội nặng hiện tại không thành Tỳ-kheo nên nói là "mất".

Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Bốn vị trên đây mất thông phàm Tiểu vị. Từ v.v.... trở xuống là năm thứ mất vị đại thừa, trong đó bốn vị là nhân vị. Nghĩa là Ba hiền Mười thánh, một vị là quả vị, trong đó có hai nghĩa:

Quả Pháp thân, nghĩa là tánh danh của quả vị là Phật tánh.

Quả Báo thân. Diệu hạnh đã thành gọi là quả Diệu hạnh. Nói Thường trụ chung cho cả hai nơi này. Phạm các vị mười thứ nặng như thế đều không thành trở lại. Nên nói:" Tất cả đều lỗi.

"Đọa ba đường ác, nói do phạm giới này hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

"Hai kiếp, ba kiếp", vì khi phạm có nặng nhẹ như trên đây đã nói, là người ở trong ba cõi kia, tùy chỗ ứng kiếp số đây kia hai, ba không nhất định, không nghe tên cha mẹ, nói cha mẹ là từ dục, Tam bảo là cứu hộ cùng cực. Người phạm tội chịu khổ không nghe tên này, nên nói là không cứu.

Giải thích: Tuy ra khỏi đường ác nhưng sinh vào biên địa thấp hèn, trong hai, ba kiếp không nghe tên cha mẹ và Tam bảo. Văn chung cho hai giải thích nên biết. Vì cho nên không phải mỗi mỗi đều phạm.

Tổng kết khuyến trì.

Câu các vị trở xuống, v.v.... là Răn dạy ba đời đồng học, có hai nghĩa:

Ba đời đồng học giới này nghĩa là một Bồ-tát đối với ba vị này nên học giới này.

Câu " Mười giới nầy, v.v.... trở xuống là" kết lược chỉ rộng. Kinh này trong Quảng bản có phẩm Bát Vạn Oai Nghi nói đầy đủ mười giới tướng.

Giải thích Thiên này có tám môn:

1. Ý nghĩa đặt ra giới nầy.
2. Giải thích tên gọi
3. Số loại
4. Đầy đủ nặng nhẹ.
5. Bao gồm nhiều ít.
6. Tánh, Già
7. Thô, tế
8. Giải thích văn.

1- Chế ý: vì sao Chư Phật đặt ra giới khinh này.

Tránh sự chê bai của thế gian.

Làm sáng tỏ đạo Bồ-tát xuất thế.

Tình trần sâu kín đều dứt hết

Điều phục ba nghiệp chế độc

Phương tiện xa hộ mười giới trọng

Tăng trưởng ba nhóm giới của Bồ-tát.

Câu còn lại như v.v... trở xuống là giải thích chỗ văn nói.

2- Giải thích tên gọi:

Khinh cấu là phân biệt với giới trọng ở trước, cho nên gọi là khinh, phân biệt khác với không phạm nên gọi là Cấu.

Giải thích: Ô nhiễm hạnh thanh tịnh gọi là cấu, thể chẳng phải lỗi nặng gọi là khinh. Thiện Giới Địa Trì gọi chung giới khinh là Đột-Cát-la. Du-già gọi là ác tác, nghĩa là không thuận với lý nên gọi là ác tác, còn gọi là Cụ quá ác, cũng gọi là ác thuyết, tức là nói lỗi. Kinh Thiện Sinh gọi là tội Thất Ý. Nghĩa là quên nhớ chỗ làm trái với bản chí nên gọi là Thất ý.

Ba Số lọai thì thông với thiên luận này, loại thiên này có mười.

Nếu theo Du-già thì có 44 giới khinh.

Theo Kinh Địa Trì Thiện Giới tuy có thêm bớt chút ít nhưng phần lớn đều đồng với Du-già. Trên đây phần nhiều là giới tướng của người xuất gia.

Theo Kinh Bồ-tát Nội Giới thì có 42 giới.

Theo Kinh Thiện Sinh, trừ 8 tội nặng ra còn lại 28 giới.

Theo Kinh Phương Đẳng trừ 24 giới ra còn 25 giới cấm ngăn không nên làm. Trên đây phần nhiều là giới tại gia.

Theo kinh này thì đại số có 48 giới.

Nếu tìm kỹ trong văn, hoặc trong một giới có nhiều loại, cộng chung gồm cả trăm thứ. Trên đây là giới chungcho đạo tục.

Câu hoặc tám muôn thứ như, v.v..... trở xuống là văn trích dẫn trong phẩm Bát Bạn Oai Nghi, 9 hoặc 10 muôn giới. Như Lương luận dẫn Kinh Tỳ-nại-da Cù-sát na-la chép:" Bồ tát có 10 muôn thứ khác nhau. Hoặc trần sa như Luận Đại Trí Độ, lược có 8 muôn rộng có trần sa, đều là một loại như thế.

3- Nặng nhẹ:

Trong 48 giới này có vài giới là nhẹ, có vài giới là nặng. Nghĩa là sáu giới phạm tội nặng, số còn lại là tội nhẹ. Nghĩa là Giới Quốc Sứ sát sinh, trong đó làm sứ nên xếp vào thiên này. Tùy theo việc làm tổn hại vật nên tội nặng.

Trong giới theo quan cưỡng xin, vì ỷ thế lực quan nên xếp vào thiên này, Giới cướp lấy vật phạm tội trộm.

4- Trong giới làm chủ, là chủ thất nghi nên xếp vào thiên này. Làm tổn vật của Tam bảo nên phạm tội nặng

Trong giới trái với giới cấm chế được hành phi giới, vì dối hiện gần gũi nên xếp vào thiên này. Tự thân chê bai Tam bảo nên xếp vào tội nặng, lại vì Sát sinh, trộm cắp nên phạm tội nặng.

Trong giới chứa để làm việc phi pháp, nhẹ gọi là tiểu đẩu v.v...... nên xếp vào thiên này. Lấy tài vật của người là phạm tội nặng.

Câu " Ngũ đa tiểu là chỉ một giới bao nhiêu là nhiều giới " nghĩa là có mười giới là một cụ đa giới.

Trong giới mua bán có ba giới:

1. Bán người lành.
2. Bán tôi tớ súc sinh
3. Bán quan tài.

Trong giới không thể cứu chúng sinh có hai giới:

Cứu chúng sinh thóat khỏi bị giết

Ngày mốt giảng pháp để cứu vong khổ.

- Trong giới khinh người mới cầu học cũng có hai giới:

Nghi thức thọ giới

Giới sư cậy mình không chịu trả lời câu hỏi

Trong giới ganh ghét với người tài năng làm tổn chúng sinh có 6 giới:

+ Bán nam sắc nữ sắc
+ Tự tay làm thức ăn, tự tay xay giã.
+ Xem tướng đoán mộng
+ Chú thuật khéo léo
+ Pháp điều phục chim Ưng

+ Hòa chế thuốc độc.
+ Trong giới trái với giới cấm thực hành phi giới, có bốn giới:
+ Bí mật hủy báng Tam bảo
+ Làm mai mối
+ Ngày trai sát sinh
+ Tâm trộm cắp.
+ Giới chứa để làm việc phi pháp có sáu giới:
+ Chứa dao tên
+ Cân non, đong thiếu
+ Nhờ thế lực lấy vật
+ Hại tâm trói buộc
+ Phá họai việc thành công
+ Nuôi mèo, chồn, v.v....
+ Giới xem nghe làm ác có năm giới:
+ Không được xem thi đấu
+ Không được nghe các thứ âm nhạc
+ Không được cờ bạc
+ Không được xem bói
+ Không được làm sứ cho giặc.
- Trong giới vào chỗ nạn có ba giới:
+ Đầu-đà
+ Bố-tát
+ Ngồi.

Mùa Hạ, mùa Đông đúng pháp không vào chỗ hiểm nạn.

Trong giới nên giảng kinh luật Đại thừa có hai giới:

Giết người để xây dựng chùa tháp

Khi gặp nguy nan thì gảng kinh luật Đại thừa. Thọ giới trái nghi có hai giới:

5. Nghi thọ giới.

Không lễ thế tục.

Trên đây, mười nội tán nói 35 thứ. Còn trong sáu giới đều có chứa đựng sáu giới trọng. Cũng đều đủ hai giới. Ngoài ra 32 giới đều chỉ có một thứ, cho nên tổng cộng có 69 giới, nên biết.

6- Tánh giới và giá giới.

Trong 48 giới có vài giới là giá giới, có vài giới là tánh giới.

7- Thô tế.

Trong giới này có vài giới thô để ngăn ngừa thân, ngữ. Vài giới tế ngăn ngừa ý nghiệp, còn vài giới ngăn ngừa nghiệp ác. Vài giới tế ngăn

hoặc chương. Hai môn thô, tế này đều tùy theo văn mà biết.

8- Giải thích văn: Trong văn này riêng có ba thứ:

Kết trước sinh sau.

Hiển bày giới tướng

Kết khuyên tu học.

Câu 1. "Kết trước" là mười giới trọng, "Sinh sau" là 48 giới khinh

Câu 2. Từ trong giới mà chánh thức hiển bày giới tướng, 48 giới hoặc nhiếp làm năm đoạn, ba đoạn đầu là 30 giới, hai đọan sau là 18 giới, chỉ cho phẩm này. Nếu tản ra thì thành 48 chương, như văn nên biết, giải thích văn chia làm năm đọan:

3 nhóm có 10 x 3 = 30 giới.

2 nhóm có 9 + 9 = 18 giới. Tổng cộng thành năm đọan.

1. GIỚI KHINH MẠN SƯ TRƯỞNG

Giải thích giới này thành tám môn:

1- Y nghĩa chế giới.
2- Thứ lớp
3- Giải thích tên gọi.
4- Đủ duyên
5- Thiếu duyên
6- Nặng nhẹ.
7- Thông bít
8- Giải thích văn.

- Y nghĩa chế giới: Bồ-tát lẽ ra phải khiêm cung thấp mình cúng dường tất cả chúng sinh, huống chi đối với tất cả Sư trưởng mà có tâm khinh mạn. Rất trái với sự tu hành nên Phật đặt ra giới này.

- Thứ lớp: Đã sáng lập đắc giới lẽ ra phải theo thầy thọ giáo, nếu có tâm khinh mạn không thọ giáo thì không nhờ đâu mà đắc giới, nên phải cấm ngăn trước. Để theo giới mà thực hành đầy đủ, nương tựa vào đây mà lập.

- Giải Thích tên gọi: Đối với thầy và Sư trưởng mà có tâm khinh mạn, giới ngăn ngừa lỗi này, theo chỗ xa lìa mà đặt tên.

- Đũ duyên: có đủ bốn duyên:

1. Thầy là bậc có đức độ
2. Biết là Thầy
3. Cố khởi tâm khinh mạn
4. Thân không cung kính nuôi dưỡng.

Nên kết phạm.

- Thiếu duyên: Thiếu hai duyên đầu đều phạm tội nhỏ

Vì Sư trưởng là bậc mà tất cả hàm linh đều cung kính

Thiếu duyên thứ ba, phạm tội vừa vì đối với Sư trưởng thân tâm không cung kính.

Thiếu duyên thứ tư, phạm tội lớn vì đối với Sư trưởng khởi tâm khinh mạn.

- Nặng nhẹ: có bốn thứ.

1. Y cứ vào cảnh có ba phẩm:
2. Đối với hai thầy rất nặng
3. Đối với bạn phạm tội kế
4. Đối với đồng loại.

Ở đây có ba cảnh phạm ba tội thượng, trung, hạ, nên biết.

* Y cứ vào tâm cũng có ba phẩm:

Tâm hiềm hận, tâm sân não phạm phẩm thượng.

Không hiềm hận chỉ do kiêu mạn si tâm là phạm phẩm trung

Biếng nhác vọng niệm là phạm phẩm hạ.

Y cứ vào ba tâm đối với ba cảnh như thứ lớp, dựa vào nặng nhẹ lẫn nhau nên biết.

Đứng về sự cũng có ba phẩm:

Không thể bán thân

Không đúng như pháp cung kính nuôi dưỡng

Không đón rước lễ bái.

Phải có ba tội thượng, trung, hạ nên biết.

- Thông bít.

Đêm tối không biết

Nếu ngủ nghỉ thì người khác ra dấu cho biết.

Bệnh nặng.

Nếu bệnh mới bớt không có sức khỏe

Hoặc tại chỗ ngồi nói pháp.

Nếu đang nghe pháp, tâm hộ người nói pháp đều không phạm giới, như trong Du-già nói.

- Thích văn:

Nói thọ đắc giới

Đã đắc rồi chỉ dạy khuyên hành trì, cũng trước là thọ giới. Đây là khuyên hành trì

Nếu chẳng như vậy thì trái phạm, nên kết tội.

Câu 1 Có hai nghĩa:

* Trước hết là lược nói có ba vị:

- Quốc vương là Lật-tán
- Luân vương là Kim, Ngân, Đồng, Thiết.
- Bá quan là nói chung các quan văn võ.

Đây là ba vị cao quý, đối với chúng sinh đều có thể làm tổn hại hay lợi ích. Cho nên nếu không thọ giới thì u linh không che chở, làm sao thống ngự chúng sinh, nên nói trước phải thọ giới Bồ-tát.

Câu 2. "Tất cả v.v..... trở xuống là" Nói về lợi ích của việc thọ giới. Trên thuận với thánh ý, dưới hiệp với quần linh, được quỷ che chở khiến cho thân không bị tai ách, chức vị được còn mãi.

Kế là nói Chỉ bày hành trì, cũng có hai nghĩa:

Thuận hiển nên hành

Câu mà Bồ-tát v.v... trở xuống là trái lỗi, trong phần hiển phi ở trước có ba nghĩa:

1. Khởi trọng tâm
2. Thấy người tôn quý
3. Lập ra nghi thức tôn kính.

Đầu và giữa có hai tâm: nghĩa là báo ân, kính dưỡng, đón rước theo tôn mạng là hiếu thuận. Cung kính có ba:

1. Hòa-thượng mười giới
2. Hòa-thượng giới Cụ túc
3. Hòa-thượng giới Bồ-tát, tức là Chư Phật.

Nay y cứ vào hai bậc trước, nói A-xà-lê, Hán dịch là Quỹ phạm sư, nghĩa là giáo thọ pháp nên nói. Nhưng có sáu nghĩa:

1. A-xà-lê mười giới.
2. Đại giới yết-ma
3. Oai nghi giáo thọ
4. Thọ nghiệp
5. Y chỉ
6.Thọ giới Bồ-tát.

- Đại đồng học, nghĩa là đồng học một thầy về tạng Bồ-tát, người năm hạ trước mình.
- Đồng kiến

Đồng hành, nghĩa là đồng thấy pháp tạng Bồ-tát Đại thừa, đồng thực hành hạnh Bồ-tát. Ban đầu là đồng giải, sau đồng hành. Hai thứ này chung cho đồng Sư và không đồng Sư, nhưng đồng nghiệp nầy thì phạm tội nặng, nhưng đồng nghiệp nầy đều phạm tội nặng.

Giải thích: Cũng chung cho giải hạnh với hàng Tiểu thừa, tất cả

đều phạm tội nặng vì đồng trong Phật pháp.

Trong nghi thiết kính có ba:

1. Nếu bệnh thì nên đứng dậy
2. Không có sức khỏe nên thừa nghênh
3. Khi khỏe mạnh nên lễ bái.

Lại giải thích:

Câu 1. Đứng dậy, kế đến đón rước, sau đó lễ bái.

Câu 2. Mà Bồ-tát v.v..... trở xuống là trái lỗi. Trong hiễn bày lỗi có hai việc nghĩa:

- Nêu lỗi

Kiêu mạn trái với tâm cung kính ở trước.

Ngu si trái với tâm hiếu thuận. Đối với Sư trưởng không hiếu thuận cung kính. Hoặc chung cho hai việc trước. Còn đối với bậc thượng không cung kính gọi là kiêu. Đối với người ngang hàng mà tự đại gọi là mạn. Đủ cả hai việc này gọi là Si. Cã ba nghĩa này là tâm trái hạnh. "Không đứng dậy đón rước" là tướng trái với hạnh. Mỗi việc có hai nghĩa:

Ở sáu vị trước, mỗi vị đều không đúng như pháp, đối với Sư trưởng việc cúng dường đều không đúng như pháp. Cúng dường có ba nghĩa:

Cung kính cúng dường, nghĩa là đón rước lễ bái

Sự cúng dường là hương hoa

Hành cúng dường, nghĩa là đúng như lời dạy tu hành.

Đối với ba thứ này đều phải đầy đủ. Dưới đây hiển rõ trong nghi cung kính. Nếu người nghèo không có tiền cúng thì rốt ráo không khai cho. Nay giới nói tự bán thân. Đây là chung cho hai vị tại gia và xuất gia. Bán quốc thành là y cứ vào ngôi vua, gọi chung là quốc, chỗ căn cứ gọi là thành. Bán trai gái là nam nữ của bản thệ nguyện. Khi bán không lỗi, còn là Bồ-tát trùng nhân trùng hạnh, tình rất sâu nên dẫu phá chẳng phải đồng nguyện nam nữ, cũng phá tình hướng về pháp. Hai vị này là y cứ vào người tại gia. Bảy báu là y cứ vào vị Luân Vương, có 2 nghĩa:

1. Kim luân có thứ bảy lọai:

a. Bánh xe
b. Ngọc nữ
c. Voi báu
d. Ngựa báu
e. Châu báu
f. Chủ binh thần báu
g. Chủ tạng thần báu Bồ-tát.

Tất cả đều bố thí, chẳng phải là vật bán

2.Về bảy báu:

a. Vàng.
b. Bạc.
c. Lưu ly.
d. Pha lê.
e. Xích châu
f. Xa cừ
g. Mã não.

" Trăm vật" là chỉ chung cho tất cả các vật sở hữu. Trong đây, bảy báu trăm vật có hai nghĩa:

Vật bán đồng với nam nữ nói trên

Vật cúng: Dùng những thứ nầy để cúng dường vật cần dùng, nên nói cung cấp cho.

Câu 3. Nấu không như thế trở xuống là trái với kết tội phạm, nghĩa là trái với nghi cung kính ở trước. Cho nên kết tội phạm kia nên biết.

2. GIỚI KHÔNG UỐNG RƯỢU:

1. Chế ý: Rượu là thuốc mê cuồng, tội nặng do đây mà sinh. Luận Trí Độ nói có 36 lỗi. Phần nhiều nói gây ra bốn tội nghịch chỉ trừ phá tăng, rất là tội nên Phật mới đặt ra giới này.

2.Thứ lớp: Trước là hiển nghi bất kính bên ngoài, nay thì trong không hôn lọan nên nói kế sau

3. Giải thích tên gọi: Cũng từ chỗ trở ngại mà đặt tên.

4. Đủ duyên:

- Rượu.
- Nghĩ là rượu.
- Không bị bệnh nặng
- Uống liền phạm

Hỏi: Luật Tiểu thừa uống rượu không cho nghi và tưởng. Giới này vì sao có tưởng kia.

Đáp: Vì rượu là nguồn gốc tội lỗi. Nên giới Thanh văn không cho lầm v.v.... Nay y cứ duyên thành nên có tưởng. Vì vậy nên văn nói rằng:" Nếu Phật tử cố uống rượu, đã nói cố uống nên biết. Không cố ý nên chẳng chánh phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên một, phạm tiểu tội vì khởi tưởng.

Thiếu duyên thứ hai phạm trung tội vì cảnh là thật. Nếu thiếu

duyên thứ ba, bốn thì không tội, nên biết.

6. Nặng nhẹ có ba:

1.Y cứ vào cảnh: Say phạm tội khinh, đặt rượu nên tội nặng

2.Y cứ vào tâm. Nếu bệnh nhẹ không tham cũng phạm tội nhẹ, trái lại phạm tội nặng.

Y cứ vào sự, tức dẫn chúng sinh lợi ích nhỏ liền cùng ăn uống nên phạm tội nhẹ, trái lại thì phạm tội nặng.

7. Thông bít: Vì cứu sinh mạng mà uống rượu thì không phạm tội, như trường hợp Mạt-lợi phu nhân. Lại vì cứu nghiệp Vô gián của người nên cùng uống để khuyên người đó dứt tội thô nặng, thì không phạm. Trái với đây thì tất cả việc làm đều phạm

8. Giải thích văn: cũng có bốn:

Câu 1. Nêu uống rượu phạm tội nặng.

Câu 2. Nếu tự v.v.... trở xuống là giải thích thành tội nặng.

Câu 3. Không được xúi người v.v..... trở xuống là chánh chế chỗ tội nặng.

Câu 4. Nếu cố ý v.v...... trở xuống là nên trái kết phạm.

Câu "Rượu quá vô lượng..." Luận Trí Độ nói có 36 lỗi là lược nêu đầy đủ việc đó. Luật Tứ Phần quyển 15 nói: "Phật bảo A-nan; Uống rượu có mười lỗi:

1. Mặt mày xấu xí
2. Thiếu sức khỏe
3. Mắt nhìn không rõ
4. Hiện tướng giận dữ
5. Phá họai tài sản
6.Thêm nhiều bệnh tật
7. Thêm tranh chấp, kiện tụng.
8. Không có tiếng tốt, tiếng xấu đồn khắp.
9. Trí tuệ giảm ít.
10 Khi chết đọa vào đường ác.

Như Tỳ-kheo Bà-Già-Đà, trước hàng phục được rồng dữ, nhưng khi uống rượu vào thì không hàng phục được con ểnh ương. Kinh Đại Ái Đạo Tỳ-kheo-Ni chép:" Không được uống rượu, không được nếm rượu, không được ngửi rượu, không được cất rượu, không được bán rượu cho người. Không được nói dối là bị bệnh để uống rượu thuốc. Không được đến quán rượu, không được nói chuyện với người uống rượu. Rượu là thuốc độc, rượu là nước độc, rượu là hơi độc. Nguồn của các lỗi, là gốc của các điều ác. Tàn hại, hủy báng bậc Hiền Thánh, làm bại loạn đạo

đức. Khinh hủy đến nổi gây ra cội gốc tai họa. Bốn đại khô khao, bỏ phước theo tội, đều là do rượu. Thà uống nước đồng sôi chứ không uống vị rượu. Vì thế mà rượu khiến cho người thất chí mê lọan điên cuồng. Khiến cho người bất giác vào địa ngục. Cho nên ngăn ngừa rượu mà thôi. Lỗi khác như Luận Trí Độ đã nói.

Giải thích có hai nghĩa:

Nêu khinh. Năm trăm đời không tay Thiề sư Đỗ Thuận giải thích rằng: Đều là chân cho nên nói không có tay. Tức là súc sinh.

Huống là tự uống: là so sánh với nặng.

Trong chánh chế cũng trước nêu người, sau so sánh tự mình. Ở trước tất cả chúng sinh là chung cho cả súc sinh, cũng không cho uống. Vì mất đi lợi tha.

Nếu trái thì kết phạm, nên biết.

3. GIỚI ĂN THỊT:

1. Ý nghĩa chế giới: Bồ-tát lẽ ra phải tự xả thân để cứu giúp sinh mạng chúng sinh, đâu cho lại ăn thịt chúng sinh, là trái hại nên Phật đặt ra giới này.

2. Thứ lớp: Giới trước lìa uống chất hôn loạn, giới này lìa sự ăn uống tổn hại sinh vật.

3. Giải thích tên gọi: Vô lý ăn thân phần chúng sinh gọi là ăn thịt. Giới là ngăn ngừa, theo dụng mà đặt tên.

4. Đủ duyên: Có bốn:

1. Thật chẳng phải thịt thì không phạm
2. Dùng thịt vật khác để tự ăn thịt mình không phải chánh phạm
3. Nghĩ là thịt, vì tưởng lầm nên không phạm
4. Vào miệng liền phạm.

5. Thiếu duyên: nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Có bốn nghĩa:

1. Về cảnh
2. Về tình
3. Hợp giải thích
4. Về hoặc.

* Về cảnh:

1. Súc vật sinh thai y là thịt không có mạng sống.
2. Thịt con vật chết
3. Ba thứ thịt thanh tịnh.

Biết cắt đứt mạng sống.

* Y cứ vào về giới đều phạm, nghiệp đạo như thứ lớp, đều trước khinh sau trọng.

*. Y cứ về tình cũng có ba:

a. Bệnh nặng đầy đủ thuốc men

b. Giúp cứu mạng vào thời đói khát.

c. Buông lung thường ăn cũng đều phạm giới. Nghiệp đạo y cứ theo đây mà biết.

3. Hợp giải thích: Lấy giới sau hợp với trước theo thứ lớp. Và xen nhau nặng nhẹ nên biết.

Về hoặc thì ba độc y cứ theo đây nên biết.

7. Thông bít:

Y cứ về tự.

1/ Hướng về bít mà không thông.

2/ Y cứ vào tâm giáo hóa chúng sinh, có duyên phát tâm Bồ-đề. Dù chưa thấy văn, y cứ theo đây cũng nên thông.

8. Giải thích văn: Có ba:

- Nêu phạm
- Chánh chế
- Kết tội.

Trong chánh chế có hai:

Câu 1. Nêu chế. Tất cả thịt là thông thân phần chuhng của bốn loài sinh.

Câu. Dứt đoạn từ v.v.... trở xuống là giải thích ý nghĩa chế giới, có ba lỗi:

Dứt lòng từ bi, trái với sự giáo hóa. Kinh Niết-bàn chép Than ôi! Người ăn thịt làm dứt mất hạt giống đại từ đại bi. Ví thế ăn thịt làm hại chủng tánh đại bi, mất đi tự lợi, chúng sinh nhìn thấy bỏ đi, là mất lợi tha. Lại nữa, ban đầu trái với nhân duyên giáo hóa, lại nói chúng sinh ăn thịt trên đầu có ánh sáng đỏ như máu (huyết quang), nghĩ rằng: ”Thân ta có thịt, người kia ăn thịt. Người kia nếu được ta sẽ ăn thịt ta, liền sợ hãi bỏ đi.

1. Xét lại các Kinh Lăng-già, Niết-bàn, Ương-Quật v.v....Lại trong Kinh Nhất Thiết Trí Quang Minh nói vị tiên không ăn thịt trong Kinh Nhân Duyên có nói đầy đủ về lỗi ăn thịt. Vị tiên kia chính là Bồ-tát Di-lặc, đương lai thành Phật. chế giới ăn thịt phạm tội nặng, trong kinh đó có nói đầy đủ.

2.” Nhất thiết Bồ-tát v.v.. trở xuống là ” trái hạnh phi nhân. Nghĩa

là hễ phát tâm Bồ-đề thực hành hạnh Bồ-tát, lẽ ra phải xả thân mạng cứu hộ chúng sinh. Vì sao lại ăn thịt chúng sinh, cho nên không làm.

3.Ăn thịt bị vô lượng v.v..... trở xuống là tội nghiệp lỗi chẳng phải nhẹ. Nghĩa là theo Luận Trí Độ, ăn thịt phạm tội sát sinh, vì thấy sát sinh nhẫn được. Lại như nói:" Thịt chẳng phải tự nhiên sinh, đều do giết chết chúng sinh mà có được. Nếu người không dứt bỏ việc ăn thịt, thì đó là giặc cướp mạng.

Kết tội nên biết.

4. GIỚI ĂN NĂM THỨ RAU CAY NỒNG .

1. Chế ý: Bồ-tát lẽ ra phải ở nơi có mùi thơm thanh khiết, lại ăn thịt hôi nồng. Mùi hôi nồng nặc đó khiến cho thiện thần bỏ điều lành, không đến gần, nên Phật đặt ra giới này.

2. Thứ lớp: Trước ăn thân có mạng sống, nay phạm ăn mùi hôi, nên xếp vào kế sau.

3. Giải thích tên gọi: Mùi hôi cay nồng là rau cay, và Vài loại khác thành năm. Vô lý ăn vào là Thực. Ngăn dứt tệ hại này gọi là Giới, cũng do công năng mà đặt tên.

4. Đủ duyên:

Năm thứ rau cay

Nghĩ là năm thứ rau cay.

Không có khai duyên, đó là bệnh nặng và độ sinh.

Ăn vào liền phạm

5. Thiếu duyên có thể y cứ

6. Nặng nhẹ.

Y cứ vào cảnh khí có đậm nhạt.

Y cứ vào tâm tình có tham, chán.

Y cứ vào sự duyên có tổn ích.

Đều có nặng nhẹ nên biết.

7. Thông bít: nghĩa là tự bệnh nặng và cứu nhiều chúng sinh có lợi ích an vui, đúng lý phải thông. Ngoài ra đều là bít.

8. Giải thích văn: có ba:

Chế chung

Tỏi, v.v.... trở xuống là chế riêng, trong đây là năm thứ rau cay, khác với chỗ khác có hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ là năm. Tỏi trong năm thứ của văn nầy nên biết. Có người nói: Hành hẹ là hồ thông, lan thông là gia thông. Ba loại trên người đời thường ăn. Cách thông là sơn thông. Bắc Ấn-độ có hưng cừ, nhưng ở Giang Nam thì không. Hưng cừ

có thuyết cho là Vân thất, nhưng chưa thấy thành văn. Củ hành giống hẹ, cũng gọi làkhảo thị tử. Bắc Ấ-độ không có, lại giải thích nó là thuốc A-nguỵ, âm Phạm là hưng cừ, là lá của thực vật có mùi cay nồng.

"Nếu cố v.v....." là trái với quy định nên kết phạm.

5. GIỚI KHÔNG DẠY SÁM HỐI

1. Ý nghĩa đặt ra giới nầy:

Bồ-tát lẽ ra phải nêu lỗi dạy người sám hối, rửa sạch, giúp họ thanh tịnh. Mở ra ánh sáng khác lạ khiến cho chánh pháp ngàn năm không tắt, dưới cầu cho chúng sinh không bỏ quần phẩm, trên giữ gìn thánh giáo để báo ân đức của Phật. Vì tội rất nặng nên Phật mới đặt ra giới này.

2. Thứ lớp: Trước tự làm trong sạch thân mình, nay không cho hạnh ô uế sống chung.

3. Giải thích tên gọi:

Làm trái với giáo lý, Đức Phật kết tội, thuận theo tình người kia mà không khuyên sám hối. Giới ngăn ngừa lỗi này cũng lấy công năng để đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ năm duyên thành phạm:

1. Phạm giới có tình
2. Biết người kia có tội
3. Chẳng trái với duyên khác
4. Nên che giấu
5. Cùng chung pháp sự.

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai duyên đầu không phạm tội.

Thiếu duyên thứ ba cũng không phạm, nghĩa là như cũ người đó khởi phiền não, sinh ra đấu tranh. Cho nên "như cỏ phủ đất". Ngoài ra, thiếu hai duyên còn lại, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Phạm tiểu giới không dạy nên tội khinh. Tội trọng thì nên trọng. Lại 40 giới nên là Tiểu, 17 giới nênlà trọng. Còn nêu mà không theo thì phạm tội nhẹ, theo mà không nêu là phạm tội nặng. Còn phước yếu không thể nêu là tội nhe, sân hiềm không nêu là tội nặng, đều nên biết.

7. Thông bít:

Tự mình không có năm đức nên người khác không theo; lý chung

cho không phạm, cácvị khác đều bít.

8. Giải thích văn:

Đối duyên chánh chế.

Câu mà Bồ-tát v.v... trở xuống là trái chế nên phạm.

Câu một cũng có hai nghĩa:

Nêu duyên chế giới cũng có bảy thứ.

1. Phạm tám giới có hai:

a.Tiểu thừa tám giới như Luận Thành Thật

b. Bồ tát tám giới như Kinh Văn-thù Vấn

2. Phạm năm giới cũng có hai:

a. Tiểu thừa năm giới như Tiểu Luận

b. Bồ-tát năm giới như Kinh Thiện Sinh

3. Phạm mười giới cũng có hai:

a. Sa-di mười giới như luật

b. Kinh Văn-thù Vấn cũng lấy mười giới của Sa-di làm giới Bồ-tát

4. Hủy cấm cũng có hai:

a. Giới Đại Tỳ-kheo

b.Giới Bồ-tát

5. Câu bảy tội nghịch v.v.... trở xuống là Phân biệt.

Tám nạn là một nghĩa trong mười ba nạn, trừ năm tội nghịch. Vì người kia xếp vào trong bảy nghịch nên trừ tám. Chỗ này còn sợ chưa đúng, vì phi nhân không ngăn được giới. Còn có chỗ giải thích ba đường bằng tám nạn, đây là sai. Vì đó là báo chứ chẳng phải nêu sám, nên nay giải thích đúng, vì nhân kia tám nạn là tội nghiệp.

6. Tất cả đều kết phạm.

Câu nên dạy, v..v.. trở xuống là chánh chế giới hạnh, nghĩa là từ tâm dạy người đó sám hối.

Câu 2. mà Bồ-tát v.v..... trở xuống là trong đó trái phạm kết tội, cũng có hai:

Trước vi phạm quy định, sau kết phạm. Trong phần trước có ba 1. Không dạy sám hối mà ở chung là xứ đồng.

7. Lợi đồng cũng là thực đồng.

Pháp đồng Bố-tát là âm Hán, tiếng Phạm là Bổ-sát-đa, Hán dịch là Tịnh Trụ. Nghĩa là ba nghiệp sáng sạch gọi là Trụ. Giữ giới đầy đủ, hòa hợp với chúng gọi là Trụ. Tức là pháp lợi không hai.

Câu sau mà không nên, v.v.... trở xuống là kết tội phạm, nên biết.

Theo Du-già giới bản chép:” Nếu các Bồ-tát an trụ tịnh giới luật nghi thấy các hữu tình bị quở trách được trị phạt, bị đuổi đi, có tâm nhiễm ô mà không quở trách, hoặc có quở trách mà không trị phạt, răn dạy. Hoặc có trị phạt đúng như pháp răn dạy mà không đuổi đi, đó gọi là có phạm. Có sự trái vượt là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng, buông lung mà không quở trách, cho đến đuổi đi thì chẳng phải ô nhiễm, trái phạm. Không trái phạm tội này, như biết người đó không thể sửa đổi, không thể nói được, thích nói lời thô tục phần nhiều sinh ra chê bai ghét bỏ, nên phải bỏ đi. Nếu quán đợi thời, hoặc quán nhân này thiếu tranh tụng, hoặc quán nầy khiến cho tăng thêm bàn luận, tăng thêm phá hoại. Biết hữu tình kia không có tâm tà vạy, thành tựu tăng thượng mạnh mẽ, sắc bén, hỗ thẹn nhanh chóng trở lại được thanh tịnh. Không quở trách cho đến đuổi điều lành, đều không trái phạm.

Giải thích rằng: Tội nhẹ chỉ quở trách, tội trung nên trị phạt, tội nặng nên diệt tẫn, đều vì lòng từ bi mà không vì tức giận, vì lợi ích không vì tổn hại. Biết thời không vì phi thời, v.v....

■

SỚ GIẢI GIỚI BẢN BỒ-TÁT TRONG KINH PHẠM VÕNG

QUYỀN 5

6. GIỚI BẤT KÍNH THỈNH PHÁP

1. Ý nghĩa chế giới:

Chư Phật làthầy các pháp, Bồ-tát lẽ ra phải kính người trọng pháp, diệt thân cầu thỉnh, mà lại kiêu mạn coi thường người nói pháp. Rất lỗi đạo, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước lỗi không dạy người, giới này không kính thỉnh người nói pháp.

3. Giải thích tên gọi:

Khinh mạn pháp gọi là “không kính thỉnh”. Giới ngăn ngừa lỗi này, do công năng mà đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ bốn duyên thành phạm.

1. Thật có người hiểu và thực hành Đại thừa
2. Không khai duyên
3. Khởi tâm kiêu mạn.
4. Không cúng dường không thỉnh pháp

5. Thiếu duyên: nên biết.

6. Nặng nhẹ:

* Y cứ vào người có ba:

Giải hạnh hơn mình là Quỹ phạm sư, kiêu mạn không kính thỉnh thì phạm tội nặng.

Giải hạnh đồng với mình không thỉnh phạm tội nhẹ.

Kém hơn mình không thỉnh thì không phạm.

Y cứ vào pháp cũng có ba, y cứ theo người nên biết.

7. Thông bít:

Kinh Trùng Lâu Giới chép: “ Nếu Bồ-tát có tâm kiêu mạn nên không thưa hỏi thầy, không thọ giáo thầy nên phạm tội. Không phạm là

hoặc bệnh, hoặc cuồng, hoặc si, hoặc rất thông minh, học rộng có trí, vì điều phục chúng sinh, hoặc khi nhập định.

8. Giải thích văn:

Trong văn có ba:

Thấy thắng nhân từ xa tới nói duyên chế giới.

Liền khởi v.v... là nói về chế giới.

Nếu không như vậy mà nói thì kết phạm.

Câu 1. “Pháp sư Đại thừa” là nêu chung phân biệt với Tiểu thừa, dưới là giải thích riêng. “Đồng đại pháp”, đồng kiến giải thắng. Đồng hạnh là hạnh thắng. “Vào tăng phường” là y cứ Bồ-tát xuất gia. Bỏ nhà là y cứ Bồ-tát tại gia. “Thành ấp” là nói về vua.

Câu hai. Trong chánh chế có hai:

- Chế phải kính dưỡng người.
- Chế khải thỉnh pháp.

Trước hết đón rước đều làm lễ.

Đứng về sơ hậu oai nghi. Mỗi ngày ba thời y cứ vào thời phần. Nghĩa là sáng sớm cúng dường Tiểu thực. Giờ ngọ cúng dường chánh thực. Các thời khác cúng dường thang dược, đó là ba thời.

Câu “Lưỡng kim v.v....” trở xuống là nói về dụng cụ sài dùng, nghĩa là tình trọng pháp sâu xa. Đối với người hết lòng cúng dường. Nên Nhiếp Luận chép: “Người có giới pháp đầy đủ, tuy có kém cỏi nhưng có khả năng nói pháp lợi ích cho nhiều người, thì cũng phải cúng dường để nghe nói pháp, giống như Phật Thế tôn. Trong Kinh báng Phật, có người chê bai pháp sư tức là chê bai Phật, cúng dường Pháp sư tức là cúng dường Phật. Phẩm Pháp Sư trong Kinh Đại Pháp Cự chép:”Pháp sư nói Đại thừa khiến chúng sinh cung kính cúng dường.

Câu:” Thưởng thỉnh: Trong pháp chế thỉnh. “Ba thời” nghĩa là một ngày có ba thời: Sơ, trung, hậu đều thỉnh pháp. Khi thỉnh đều phải đầy đủ oai nghi. Vén y bày vai phải lễ là thân nghiệp, lời thỉnh pháp là ngữ nghiệp, không sinh tâm sân là ý nghiệp.

Nay cung kính là việc khó làm, tâm không não lọan. Thân chịu khổ khó nhẫn chịu, không sinh tâm sân. Như Kinh Hiền Ngu quyển 1 chép:”Phật Thích-ca đời quá khứ là vua Tỳ-lăng-kiệt, vì cầu một bài kệ mà chịu khổ ngàn cây kim nhọn đâm vào mình. Còn như đồng tử Tuyết Sơn vì cầu nửa bài kệ mà phải lên núi cao xả thân mạng, cho nên nói là vì pháp diệt thân.

Nếu không như vậy, trái phạm kết tội, nên biết.

7. GIỚI KHÔNG NGHE KINH LUẬT

1. Ý nghĩa chế giới:

Bồ-tát tân học gặp việc không hiểu lý,phải cầm kinh luật cầu học khắp nơi để tu thành đạo hạnh. Trái lại, có tụng mà không nghe, giữ khư khư cái không hiểu biết của mình, chẳng rõ trì phạm, nên khiến cho giới hạnh không có, lui sụt vào tà tiểu, vì có lỗi nặng, nên Phật chế giới này.

2. Thứ lớp: Trước thì thỉnh chung Đại pháp, nay thì thỉnh riêng tỳ-ni, cho nên phải chế.

3. Giải thích tên gọi:

Hóa giáo và chế giáo là tên khác của kinh luật, không thể dùng tai nghe nhận, giới là ngăn ngừa lỗi này nên đặt tên.

4. Cụ duyên:

Cũng có đủ bốn duyên:

1. Mới học
2. Có chỗ giảng pháp
3. Không khai duyên
4. Không đến nghe nhận.

Thì liền phạm.

5. Thiếu duyên: nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Y cứ vào người, y cứ vào pháp đều có ba thứ nặng nhẹ, y cứ theo trước mà biết.

7. Thông bít:

Cũng y theo trước mà biết.

8. Giải thích văn có ba:

Nêu thẳng duyên.

“Người mới học” nầy: đối duyên chánh chế.

“Nếu không đến” Nên trái phạm kết tội nặng.

Câu 1. “ Nhất thiết xứ....” Là nêu chung tất cả chỗ có giảng nói kinh luật. “Có giảng Kinh Luật Tỳ-Ni” là chỗ giảng pháp. “Tỳ-ni” Hán dịch là Diệt. Nghĩa là thân, ngữ, ý, ác khí dữ dội, nóng bức lẫy lừng. Giới có công năng ngăn dứt nên gọi là Diệt, kinh luật này nói vềTỳ-ni nên gọi là kinh luật Tỳ-ni. “Đại trạch xá” là hiển xứ, “Giảng pháp” là trùng hiển pháp.Giải thích bản văn gọi là giảng. Trong chánh chế có hai nghĩa:

Y cứ vào pháp chế. “Thính” nghĩa là phải mang kinh luật đến chỗ nghe giảng.

Nếu trúi rừng, v.v... trở xuống là y cứ vào xứ chế, khiến người đến đó nghe pháp.

Nếu không đến, v.v... trở xuống là trái phạm kết tội trọng, nên biết.

8. GIỚI BỎ CHÁNH HƯỚNG THEO TÀ

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải xả bỏ Tiểu thừa, thọ trì phương pháp Đại thừa, mới thật sự gọi là Bồ-tát. Mà nay lại bỏ Đại thừa quay về Tiểu thừa, mất đi chánh hạnh. Vô cùng trái lý nên Phật chế ra giới này. Kinh Niết-Bàn chép:" Bồ-tát sợ đạo Nhị thừa, nếu tiếc thân mạng là sợ hãi xả thân. Phẩm Giới trong Đại Bát-Nhã chép: "Nếu Bồ-tát thọ vui năm dục trong Hằng già-sa kiếp,trong giới Bồ-tát còn không gọi là phạm. Nhưng khởi một niệm tâm Nhị thừa thì gọi là phạm. Văn như vậy đã nói đầy đủ.

2. Thứ lớp:Giới trước tuy lìa kiêu mạn huân tập việc học, nhưng tâm mê hoặc rơi vào Nhị thừa. Giới này quy định chuyên học Đại thừa.

3. Giải thích tên gọi:

Tâm bỏ Đại thừa nên gọi là "bối chánh". Tôn sùng Tiểu thừa nên gọi là "hướng tà". Cấm ngăn lỗi này nên gọi là Giới.

4. Đủ duyên:

- Là pháp Đại thừa
- Nghĩ là pháp Đại thừa.
- Tâm sai quấy
- Bỏ Đại, thọ Tiểu.

Nên kết phạm.

5. Thiếu duyên:

Y theo giải thích trên mà biết.

6. Thông bít:

Giới này một bề không khai. Vì Bồ-tát không được tạm thời xả bỏ Đại thừa. Nếu si cuồng nên thường học tập đối trị, sức mạnh phiền não tạm thời lại nhớ tất cả thì không phạm.

7. Giải thích văn: Trong đó có ba:

- Bỏ Đại thừa
- Theo Tiểu thừa
- Kết phạm.

Câu 1. Tâm cách chánh lý nên gọi là "tâm bội Đại thừa", pháp

chân lý được nói gọi là "Thường trụ". Giáo năng thuyết gọi là Kinh luật.

Giải thích: Kinh luật Đại thừa này Chư Phật ba đời đồng nói đồng thực hành. Không thể sửa đổi nên nói "Kinh luật thường trụ", lời nói vượt ngoài sự giải thích vượt chơn thuyên, nên nói "ngôn phi Phật thuyết".

Câu " mà thọ trì trở xuống là trong phần thọ tà pháp, trước hết y cứ vào người có hai: Hoặc rơi vào đại Nhị thừa, hoặc rơi vào ngoại đạo.

"Ác kiến..." về tà pháp có hai: Hoặc bác chung tất cả pháp của Phật đã nói. Đây là ác kiến ngoại đạo. Hoặc chỉ bác Đại thừa là Tiểu giáo, là ác kiến của Nhị thừa. Tất cả giới cấm có hai: Giới gà, nai, chó của ngoại đạo, Tà kiến cũng có hai, hoặc là ngoại đạo không tin nhân quả hoặc là Tiểu thừa chẳng tin pháp không. Trên đây là kinh luật sở thuyên, là năng thuyên tà giáo.

Kết phạm, nên biết.

9. GIỚI KHÔNG CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH KHỔ

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lấy tâm đại bi làm thể, cứu khổ làm dụng. Không cho phép thấy bệnh mà không chăm sóc, nên Phật chế ra giới này. Lại nếu có thể cấm tâm săn sóc bệnh giúp người hết bệnh, tức là thí mạng, nên Phật chế giới này. Đức Như lai là bậc Đại thánh còn hạ mình chăm sóc người bệnh khổ, huống gì các loài khác mà không chăm sóc người bệnh khổ hay sao?

2. Thứ lớp: Giới trước trái với pháp thượng thắng, giới này bỏ bệnh khổ dưới, nên chế kế sau.

3. Giải thích tên gọi:

Bệnh và khổ gần với cái nguy của người sắp chết. Nếu bỏ mà không cứu thật trái với hạnh từ bi, lập giới cấm ngăn dứt cũng có công năng được khen ngợi.

4. Đủ duyên:

- Bệnh khổ
- Nghĩ là bệnh khổ.
- Tự mình không bị bệnh
- Xả bỏ tâm hiềm khích

Nên kết thành phạm

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai duyên đầu không phạm.

Thiếu duyên thứ ba, nếu bệnh nhẹ bỏ đi, nên phạm tiểu tội, nếu bệnh nặng thì không phạm.

Thiếu duyên thứ tư. Nếu khởi tâm hiềm khích không bỏ đi, khởi tâm bi mà bỏ đi đều phạm tiểu tội, như Luật Tứ Phần, v.v...

6. Nặng nhẹ:

Y cứ vào cảnh bệnh khổ có nặng nhẹ, y cứ vào tâm bi niệm có dày mỏng. Đứng về sự tại duyên có gấp hoãn đều phạm nặng nhẹ, y cứ theo giải thích nên biết.

7. Thông bít:

Nếu mình bị bệnh, hoặc mới bị bệnh, hoặc sai người chăm sóc, hoặc cho thức ăn và thuốc. Hoặc người đó tự có ngừơi, hoặc bệnh, hoặc người đó đã khỏi. Như thế tất cả đều không phạm 639) các duyên khác y cứ theo đây mà biết.

8. Giải thích văn, có hai:

Nêu duyên chế hạnh

"Mà Bồ-tát v.v... " trở xuống là trái kết phạm. Cũng là trước khiến tác trì, sau hiển chỉ phạm. Trước cũng có hai:

- Hiển chung đồng với Phật
- Suy lường chỗ hơn.

"Tám ruộng phước" có người nói:

1. Tạo đường rộng giếng đẹp
2. Lộ nước cầu rường
3. Sửa chữa các con đường nguy hiểm
4. Hiếu thảo kính thờ cha mẹ
5. Cúng dường Sa-môn
6. Cúng dường người bệnh
7. Cứu giúp nguy ách
8. Lập đại hội Vô già

- Chưa thấy xuất xứ từ Thánh giáo nào, có người nói cúng dường Tam bảo là ba.

4. Cha mẹ
5 Sư tăng
6 Người nghèo cùng
7. Người bệnh
8. Súc sinh.

Cũng chưa thấy trong kinh giáo nào. Kinh Hiền Ngu chép:" Thí cho năm hạng người được phước vô lượng.

1. Người biết pháp
2. Người từ xa đến
3. Người đi xa
4. Người đói khát
5. Người bệnh

Dù lấy Tam bảo cũng là tám việc trọng, như Phật đã nói không khác. Lại nói tám việc.

Nói biết quấy là tám việc của hai loại sau. Đây là một trong tám việc bậc nhất.

Trong phần hiển riêng, cha mẹ đồng khác nêu vị thân hiển tướng trọng. Lý nói chung tất cả chúng sinh. Nói các căn không đầy đủ, hiển bày tướng bệnh. Nếu bệnh đã như vậy thì khổ não cũng như vậy, đều khiến cho thoát khỏi, cho đến thân mạng cũng không lẫn tiếc. Như Nguyệt Thượng nữ cắt vú mình để cứu sản phụ. Như Tỳ-Xá Mẫu cắt thịt đùi cúng cho Tỳ-kheo bệnh, đều là việc cứu giúp, không kể mạng mình là Bồ-tát.

Câu hai: mà Bồ-tát vì trái với quy định nên kết phạm, tâm ác hại lòng từ bi nên nói là "sân hận", "cho đến tăng phòng" là nói về bệnh xứ của Sư tăng, đệ tử. "Thành ấp" là nói về bệnh xứ của cha mẹ. Chỗ hoang vắng là nói chung tất cả chỗ bệnh khổ, "Thấy bệnh không cứu", là hiển hạnh trái ngược. "Phạm khinh cấu" là kết bày tên tội.

10. GIỚI CHỨA DỤNG CỤ SÁT SANH

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải chất pháp tài làm lợi ích chúng sinh, lại chứa để dụng cụ sát sinh, trái với lòng từ bi cứu giúp, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp: Giới trước ngăn ngừa tự thân không cứu bệnh, giới này y báo không chứa vật chẳng phải pháp khí, nên chế kế sau.

3. Giải thích tên gọi:

Dụng cụ sát sinh làm tổn hại mạng, trái với hạnh từ bi cứu giúp. Giới ngăn ngừa lỗi này nên đặt tên.

4. Đủ duyên:

- Dụng cụ sát sinh.
- Nghĩ là dụng cụ sát sinh.
- Không khai duyên khác.
- Cố chứa thành phạm.

5. Thiếu duyên: nên biết.

6. . Nặng nhẹ:

Về cảnh đã chứa có bao nhiêu, hơn kém. Y cứ vào tâm tình có mau chậm. Về sự nghi dụng hay không đều phạm tội nặng nhẹ. Y cứ theo suy nghĩ mà biết.

7. Thông bít:

Vì hộ Phật pháp và điều phục chúng sinh, nên chứa các thứ đó đều không phạm.Theo người ác xin được hư họai hay chưa hư hoại đều không phạm. Trái lại, tất cả tùy theo vật chứa đều phạm. Cho nên, Bồ-tát thấy họ chứa nên khuyên, nếu khuyên không được thì phải chuộc lại, nếu không được nữa thì dùng oai bắt buộc (kiểm soát) bắt họ dừng lại.

8. Giải thích văn:

Có ba nghĩa:

- Cấm chứa những vật chẳng phải pháp khí.
- Chỉ nội oán
- Cố ý trái phạm nên kết tội nặng

Câu 1. Chỉ nhiều loại sát cụ, lược có mười loại:

Dao, nghĩa là cắt đứt

Gậy, nghĩa là đánh đập

Cung, nghĩa là bắn tên

Tên, nghĩa là hại

Mâu giáo, nghĩa là châm chích làm bị thương

Búa rìu, nghĩa là chém chặt

Dụng cụ chiến đấu.

Lưới ác, là bắt cá bắt chim

Khí cụ sát sinh, nói chung là hầm hố

Tổng kết.

Các dụng cụ sát hại nầy, nói chung không được cất chứa, nên nói tất cả không được chứa.

Câu 2. "Mà Bồ-tát." Chỉ cho oán tâm, chỉ bày hạnh khiến tu. Trong đó chỉ phát tâm hành đạo Bồ-tát là có oán thù cha mẹ bị giết, đều phải chấm dứt. Chỉ không có oán, oán mới dứt mà thôi. Như thế mới không bị quả báo. Huống gì là Bồ-tát phải xem tất cả chúng sinh hòan tòan không oán, tất cả đều là bi cảnh, đều vì từ bi mà cứu giúp. Nếu từng có chỗ oán, Bồ-tát phải khởi tâm xem chúng sinh như con đỏ.

Hỏi: Như vậy Bồ-tát đối với cha mẹ làm sao thành đạo hiếu được?

Đáp: Nếu cha mẹ chưa hại thì dù thân nát như cát bụi, trải qua vô lượng kiếp, cũng cần phải hiếu hạnh để giúp đỡ dưỡng nuôi, Nếu cha mẹ mình đã bị hại thì đó là do túc nghiệp.Nếu trả thù lại càng làm cho

oan oan không dứt, như vua Lưu-ly hại dòng họ Thích, có thần lực như Phật mà còn không làm sao cứu được, chính là nghĩa này, huống gì nói giết hại chúng sinh. Nêu nặng để nói nhẹ.

Về cảnh nếu vì cha mẹ mà báo thù thì phạm tội nặng, còn vì các chúng sinh khác thì phạm tội nhẹ.

Về tâm, nếu vì cha mẹ mà trả thù thì phạm tội nhẹ, vì người khác mà trả thù thì phạm tội nặng.

Câu ba, "Nếu cố chứa v.v..." trở xuống là trái phạm kết tội, nên biết. Mười giới như vậy kết mười loại như trên. Khuyên người học thọ trì. Sáu phẩm dưới đây là chỉ cho quảng bản, vì trong đó có khai có giải thích, nên xem trong đó mà biết.

11. GIỚI THÔNG TIN CHO NƯỚC MÀ VÀO QUÂN TRẬN

Từ đây trở xuống là phần thứ hai mươi. Trước nói Trì phạm, sau kết khuyến, chỉ rộng mười giới tức mười đọan.

1. Đại ý chế giới: Bồ-tát lẽ ra phải hòa giải các sự tranh cãi để chấm dứt sự hãm hại nhau, nay lại đi làm người thông tin cho hai nước, khiến họ đánh chiếm nhau, rất là tội lỗi. Nên Phật chế giới này. Nói riêng có ba:

- Sinh chê bai
- Trái với hạnh hòa
- Thành giết hại nhau.

2. Thứ lớp:

Giới trước ngăn cấm dụng cụ chiến tranh giết hại, giới này không cho làm sứ chiến tranh, nên xếp vào kế đó.

3. Giải thích tên gọi: Làm sứ hai nước truyền lời vào quân trận khiến cho chiến đấu, giới là ngăn ngừa lỗi này nên đặt tên.

4. Đủ duyên:

1.Hai nước hai quân

2. Vì lợi dưỡng và tâm ác

3. Truyền lời chỗ này đến chỗ kia.

Nước kia nghe rồi đến hại nước này. Nếu y cứ vào tổn mạng thì phạm hai tội:

1.Nhìn về phía đoạn mạng thì phạm giới sát.

Nghiêng về phía đi làm sứ vào quân trận thì phạm giới này.

5. Thiếu duyên:

Nếu thiếu duyên thứ nhất hai nước chẳng óan thù phạm tội phương tiện không nhìn về bên sát.

Nếu không vì lợi, chỉ có tâm ác. Nếu không tâm ác chỉ vì danh vì lợi, đều phạm. Nếu đều thiếu duyên này thì phạm tội nặng phương tiện.

Nếu không truyền v.v... thì đều không phạm.

Nếu không hại nhau cũng phạm tội nặng phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Y cứ vào tâm là danh lợi và tâm ác, có đơn có song.

Y cứ vào sự khiến họ có tưởng hại, không có tưởng hại, đều có nặng nhẹ, suy nghĩ điều này nên biết.

7. Thông bít: Trong văn nói thiêu đốt núi rừng từ tháng tư đến tháng chín.

Nếu vì tâm lành điều phục nên khiến cho họ hòa vui, thì vào trong quân trận, trong nước, tất cả đều không phạm. Ngoài ra đều phạm. Lại y cứ theo đây mà suy nghĩ.

8. Giải thích văn: Có ba:

- Nêu duyên lỗi.
- Chánh chế phạm
- Trái phạm kết tội.

Câu 1. Được tài lợi hoặc được chức quan. Hoặc chỉ có tâm ác trả thù oán xưa. Đi thông sứ cho nước. Thông trí hai đầu luận trù việc chiến tranh. Hoặc chỉ ở một chỗ chỉ bày mưu sách khiến cho hại nhau, cũng phạm giới này, hoặc chỉ bày các cách hành binh, hoặc vào quân trận truyền lời lập hẹn giao trận, khiến nhiếu người mất mạng. Nên nói "Giết chết vô lượng chúng sinh".

Câu 2 "Mà Bồ-tát v.v...." trở xuống là trong đoạn chánh chế, trước nêu nghĩa khinh là tạm vào trong quân trận còn không khai cho. huống chi làm giặc nước khiến nước này bị chiến tranh.

Câu 2 "Nếu cố." v.v... trở xuống là dưới đây cố ý trái phạm nên kết tội, phải biết như vậy.

12. GIỚI MUA BÁN TỔN THƯƠNG LÒNG TỪ

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải từ bi cứu tế giúp chúng sinh, mà lại mua bán người, súc vật, dụng cụ sát sinh để tự nuôi thân. Bên trong trái với lòng từ bi, bên ngoài vời lấy sự chê bai, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước tuy cấm làm quốc giặc, còn e cướp giựt lương thực của tiền, nên Phật chế ra giới này.

3. Giải thích tên gọi:

Mua bán quan tài cho nên tổn thương lòng từ bi. Mua người và súc vật trái với hạnh từ bi cứu giúp, giới ngăn ngừa lỗi này, nên đặt tên nầy.

4. Đủ duyên:

Chánh cảnh, tự có bốn loại:

- Người lành
- Tôi tớ
- Sáu vật nuôi trong nhà
- Quan tài.
- Nghĩ là quan tài.
- Chánh thức mua bán

Việc thành liền phạm

5. Thiếu duyên:

Hai giới đầu hễ thiếu bất cứ duyên nào đều phạm. Hai giới sau hễ thiếu duyên nào đều phạm tội phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Y cứ vào cảnh, bán người lành tội rất nặng, kế đó là bán tôi trai tớ gái, lục súc thì tội nhẹ, còn quan tài thì rất nhẹ.

Y cứ vào tâm có phần, trung, thượng, nặng, nhẹ.

Y cứ vào sự, vì cầu nhiều lợi mà bán cùng người ác khiến cho cực khổ. Lẽ ra phải nặng nhất, trái lại đây là nhẹ, nên biết.

7. Thông bít:

Nếu vì Tam bảo, vì lợi sinh, vì điều phục trực tiếp, mua bán trực tiếp, tất cả như thế đều không phạm, trái lại đều phạm.

Câu 2. "Còn không" chánh chế. Mình và người đều không nên làm, nhưng trong nhị lợi của Bồ-tát thì lợi tha làm đầu nên nêu tự để so sánh với tha.

Câu 3. "Nếu cố làm" là trái phạm kết tội trọng.

13. GIỚI VÔ CĂN CỨ VU BÁNG NGƯỜI

1. Đại ý chế giới:

1.Vì muốn giữ gìn nên trước nói chê bai v.v... ba giới trọng.

2. Lìa não loạn những người tốt.

Vì muốn giữ gìn Phật pháp, xa lìa xấu ác.

Thật có còn không được nói, huống gì chê bai?

Lìa tự vời lấy tội nghiệp nặng.

2. Thứ lớp:

Giới trước không khinh người dưới, giới này đối với người trên không được chê bai.

3. Giải thích tên gọi:

Vô căn cứ mà chê bai người thì vô cùng trái lẽ. Giới ngăn ngừa lỗi này nên đặt tên nầy.

4. Đủ duyên:

- Thật là người tốt.
- Biết là vô sự
- Nên khởi tâm ác
- Nói lời chê bai, người nghe hiểu rõ thì phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai duyên đầu phạm giới nói lỗi, thiếu hai duyên sau đều phạm tội phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Cũng có ba:

Y cứ vào cảnh có ba phẩm:

- Hòa-thượng, các thầy
- Bậc tôn quý có đức
- Người lành đồng tu tập

Y cứ vào tâm cũng có ba phẩm: Nhuyễn, trung, thượng khác nhau.

Y cứ vào pháp tuy đều thành trái, nhưng đều có nặng nhẹ, y cứ theo đây nên biết mà thôi.

7. Thông bít: Trừ nghi, cuồng loạn và nghịch cảnh của Bồ-tát Địa thượng. Ngoài ra tất cả đều phạm.

8. Giải thích văn: lại có ba:

- Nêu lỗi được chế.
- Nói rõ lý do chế giới.
- Trái quy định kết phạm

Câu 1. "Dùng tâm ác" là nhân khởi chê bai. nghĩa là ba độc trái lý tổn hại vật. Nên nói là tâm ác. "Nói vô sự báng tha"nghĩa là nói trái cảnh thành chê bai, nghĩa là không có ba y cứ việc ác. Câu người lành, v.v... là người bị hủy báng, "Tốt lành" là người đồng tu tập. Pháp sư và sư tăng là người mình tôn kính. Quốc vương và quý nhân là người được đời tôn kính, cũng là những vị được khen ngợi, không cho phép hủy báng. "Phạm bảy vị nghịch mười giới trọng"là nói tội hủy báng. Lẽ ra phạm tội nhẹ, nhưng ở văn này thì phạm tội nặng.

Câu 2. Cha mẹ v.v... trở xuống là nói lý do phải chế giới. Cha mẹ,

v.v... cũng nằm trong số bị hủy báng."Hiếu tâm" là đối với sư phụ v.v... người có địa vị tôn quý phải sinh tâm hiếu thuận. Ở địa vị bằng mình hay thấp hơn mình phải sinh lòng từ bi, nếu không sinh tâm này còn tội lỗi, huống gì khởi ác.

Câu 3. "Mà trái lại" vì trái với quy định nên kết tội.

14. GIỚI PHÓNG HỎA THIÊU ĐỐT TỔN HẠI

1. Đại ý chế giới:

Ngăn cấm thiêu đốt núi rừng, đồng ruộng là ngăn tội sát sinh, chế giới đốt nhà cửa để ngăn ngừa trộm cắp. Phóng lửa thiêu đốt làm tổn hại rất nhiều cho chúng sinh. Thật ra chẳng thích hợp với việc làm của Bồ-tát, nên phải chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước nói không chê bai người, giới này không tổn hại y báo chánh báo, nên nói kế đó.

3. Giải thích tên gọi:

Cầm lửa vô lý thiêu đốt làm tổn hại vật, giới ngăn cấm tội này, nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

- Đối với các cảnh núi.
- Nghĩ là cảnh núi rừng
- Vì tâm ác
- Dùng lửa đốt liền kết phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai duyên đầu đều không phạm, thiếu hai duyên sau phạm tội phương tiện.

6. Nặng nhẹ:

Đứng về tội có ba:

Thiêu đốt làm tổn hại sinh mạng và tổn hại vật khác, tất cả đều phạm tội nặng. Nên thiêu đốt núi rừng, nhà cửa đều chẳng phải là việc làm của Bồ-tát, nên kết tội nhẹ.

Y cứ vào tổn mạng tiền của đều có nhiều ít. Phóng lửa thiêu đốt, vời lấy sự chê bai, tùy theo chỗ cạn sâu đều có nặng nhẹ.

Y cứ vào tâm có thượng, trung, hạ khác nhau.

Y cứ vào Sự, vời lấy sự chê bai cũng có ba phẩm khác nhau, mỗi phẩm đều có nặng nhẹ nên biết.

7. Thông bít: Trong văn nói thiêu đốt núi đồng từ tháng tư đến tháng chín thì phạm tội, vào lúc khác thì không phạm, đồng với giới đốt

lửa ở chỗ Đất trống của luật.

Y cứ vào việc đốt nhà thì tất cả đều phạm. Luật Ngũ Phần nói đốt đồng ruộng thì không phạm, ở đây tương tự như giới kia.

8. Giải thích văn:

Cũng có ba câu:

- Nêu lỗi đã lìa
- Chánh chế không cho
- Vì trái kết phạm.

Câu 1. "Vì tâm ác" chọn lấy từ tâm cứu vật.

Câu 2. "Cố phóng hỏa" là phân biệt với chỗ sai lầm.

Câu 3. "Thiêu đốt núi rừng" là nói rõ chỗ thiêu đốt thành tổn hại. Trong đó có hai trường hợp:

Thiêu đốt núi rừng làm tổn hại vật không chủ. "Tháng tư" là thời gian nhất định, làm tổn hại sinh vật.

Đốt của người khác là vật có chủ như:

- Đốt nhà cửa của người
- Thành ấp
- Tăng phòng
- Ruộng
- Vật của quỷ thần
- Vật của quan.

Câu "Tất cả vật có chủ" là chánh chế không cho.

"Nếu cố v.v..." trở xuống là cố ý trái phạm kết tội, cũng nên biết.

15. GIỚI GIÁO HÓA TRÁI TÔNG

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải trao Bồ-tát thừa cho chúng sinh, giúp cho họ được lợi ích rốt ráo, mà lại đem giáo pháp Nhị thừa để giáo hóa người, trái với lý, trái với nguyện, nên phải kết giới. Kinh chép: Nếu dùng Tiểu thừa để giáo hóa người, thì rơi vào sân tham, việc này hẳn không được, đây là nghĩa ấy.

2. Thứ lớp:

Giới trước ngăn tổn hại bên ngoài, giới này ngừa tổn hại bên trong, nên nói.

3. Giải thích tên gọi:

Dùng chánh pháp giáo hóa chúng sinh, lẽ ra phải dùng Đại thừa, trái lại dùng Tiểu thừa trái với bản tông, giới ngăn ngừa lỗi này nên lấy đây để đặt tên.

4. Đủ duyên:

- Đối với người đối diện
- Dùng tâm ác
- Dạy luận khác
- Người đó lãnh thọ liền kết phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai duyên đầu đều không phạm, thiếu hai duyên sau đều phạm tội phương tiện.

6. Nặng nhẹ:

Y cứ vào cảnh, người đối diện là lợi căn hay độn căn khác nhau. Nghĩa là lợi căn mà trao cho họ pháp Tiểu thừa thì làm cho họ không lợi ích. Hoặc có` thể chê bai Đại thừa. Độn căn thì trái lại, nên có nặng nhẹ.

Y cứ vào tâm, thì có tức giận hay ganh ghét. Các điều ác cũng có nhuyễn, trung, thượng khác nhau.

Y cứ theo sự, thì tổn ích có nhiều ít,đều có nặng nhẹ, đơn song, nhất hợp, nên y cứ vào theo đó mà biết.

7. Thông bít:

Nếu vì tâm tốt mà dạy cho họ biết rộng để không bị ngu muội thì không phạm. Còn nếu vì muốn phá chấp tà tiểu kia giúp người đó hiểu được Tông ý thì cũng không phạm. Còn nếu căn cơ người đó trước kia là pháp khí Tiểu thừa, trước phải ngưng trao Tiểu pháp, sau đó dần dẫn vào pháp Đại thừa, thì cũng không phạm. Nếu lầm quên thì tất cả đều không phạm.Như Du-già Giới Phẩm chép: Trái lại với trên thì tất cả đều phạm.

8.Giải thích văn:

Trong văn có hai nghĩa:

Trước nói thuận lý nên thực hành, sau nói trái lời dạy thì kết phạm. Câu trước nêu người được dạy. Tuy chung cho tất cả nhưng tóm lược có bốn thứ:

- Nội chúng, nghĩa là đệ tử Phật.
- Ngoại chúng, nghĩa là ngoại đạo.
- Tục quyến, nghĩa là sáu thân.
- Pháp lữ, nghĩa là thiện tri thức. Dưới đây nói về pháp được dạy. Có ba thứ:

Giáo giáo pháp: nghĩa là kinh luật Đại thừa

Giáo lý pháp, nghĩa là giáo giải nghĩa lý.

Giáo hành pháp: nghĩa là khiến họ phát tâm Bồ-đề, tức là trao

giáo pháp khiến cho hiểu, rồi từ chỗ hiểu đó mà thực hành. Đây là ý đó.

"Trong đó phát tâm" nghĩa là trước nói pháp tín hành, phát mười tâm là phát trước Thập Phát thú ngang Thập Trụ vị. Trưởng Dưỡng tâm là trước Thập Trưởng Dưỡng ngang với Thập hanh vị. Kim Cương tâm là trước Thập Kim Cương ngang với Thập Hồi hướng. Lược qua không nói Thập địa(vì đã giải thích ở trên).

Giải thích: Phát tâm Bồ-đề, phát mười tâm là vị Địa tiền. Trưởng Dưỡng tâm là Địa thượng hạnh. Kim Cương tâm là vị mãn Thập địa, trong địa vị Đẳng giác Kim Cương tâm. "Mỗi mỗi đều hiểu pháp dụng" là khiến hiểu địa vị tu thuận hành theo sở y cứ vào, dần dần phạm vi không lẫn lộn. Sau nghĩ tu hành biết thú hướng của nó, không như vậy làm sao đạt đến quả Phật. Bồ-tát lẽ ra phải trao pháp thành Phật này cho chúng sinh, đó là nghiệp thường.

Câu hai: mà Bồ-tát v.v... trở xuống là trái với giáo kết phạm. "Tâm ác tâm sân" là tâm phạm giới, "Giáo tha v.v..." là nói việc phạm giới. Kinh Đại Tập chép: "Khuyên học tập Tiểu thừa là nghiệp ma" Huống chi ngoại đạo tà luận. Kết phạm nên biết

16. GIỚI TIẾC PHÁP QUY LỢI

1. Đại ý chế giới:

Người mới học cầu pháp, lẽ ra phải nói pháp cho họ nghe, nếu trục lợi là lỗi rất nặng. Nên Phật chế giới, lược có ba ý:

Giữ việc chấp trước san pháp phạm tội nặng.

Vì muốn nhiếp hộ pháp khí mới học chánh hạnh để có chỗ nương tựa.

Giữ gìn cho ngọn đèn chánh pháp truyền trao không dứt, nên phải cấm.

2. Thứ lớp:

Giới trước không dạy người là lỗi, Giới này đối người cầu học không dạy là có lỗi, nên nói kế đó.

3. Giải thích tên gọi:

Giấu chánh pháp vì cầu tài lợi. Giới ngăn ngừa lỗi này nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

- Có sáu duyên:
- Có người đến cầu
- Tự hiểu pháp

- Không khai duyên
- Quy lợi riêng.
- Nói ngược lại
- Người đối diện nghe hiểu liền phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất thì phạm giới trước.

Thiếu duyên thứ hai thì phạm tội nặng phương tiện, vì tự mình không nên chẳng biết gì.

Thiếu duyên thứ ba không phạm

Thiếu duyên thứ tư phạm tội nặng phương tiện. Vì tuy không cầu lợi mà nói điên đảo là phạm tội nặng.

Thiếu duyên thứ năm là phạm tội nhẹ phương tiện. Tuy người đối diện không hiểu rõ lời mình nói.

6. Nặng nhẹ:

Y cứ vào người cầu pháp tâm có dày mỏng. Pháp lợi dưỡng có sâu cạn. Y cứ chỗ nói lầm lộn nhiều ít. Nhìn về người đối diện là tổn hại nhẹ hay nặng. Như thế ở đây đều có nặng nhẹ, y cứ theo giải thích mà biết.

7. Thông bít:

Kinh Địa Trì chép: “Nếu có chúng sinh đến cầu pháp, Bồ-tát vì sân hận, san tham ganh ghét không chịu nói pháp, gọi đó là phạm, phạm nhiều thứ; phạm nhiễm ô khởi, hoặc lười biếng, chẳng phải do nhiễm ô khởi.Không phạm là: ngoại đạo tìm khuyết điểm, hoặc bệnh nặng, hoặc điên cuồng, hoặc không biết nói, hoặc khiến người đó được điều phục. Nếu sự tu pháp chưa được bén nhạy, hoặc biết người đối diện không thể kính thuận vì oai nghi không ngay ngắn. Hoặc người căn tánh ám độn nghe sâu pháp mầu sinh tâm sợ hãi. Hoặc nghe rồi tăng thêm tà kiến. Hoặc biết nghe rồi hủy báng lui sụt. Hoặc nghe rồi đến nói với người ác.

8. Giải thích văn:

Giới này có ba:

Trước chế tự học

Câu hai: Thấy người mới học v.v... trở xuống là khiến dạy hậu tấn

Câu ba: “Mà Bồ-tát v.v...” trở xuống là chánh thức trái phạm kết tội.

Trong câu đầu nói:”Bồ-tát có tâm tốt trước phải học pháp thức oai nghi của Đại thừa, nghỉ việc tu hành của mình và dạy cho Bồ-tát

mới học đời sau, gọi là tâm tốt. Phân biệt với oai nghi Thanh văn Tiểu thừa, nên nói là oai nghi Đại thừa, nghĩa là đi đứng nằm ngồi, hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nói, hoặc nín, hoặc ra, hoặc vào, hoặc nên làm hay không nên làm đều có pháp thức oai nghi, lý phải nên hiểu kinh luật, nếu không nhu vậy thì làm sao trì được giới Bồ-tát. Nên chế trước phải học.

Dạy hậu tấn có hai:

Người mới học đến cầu

"Nên đúng như pháp nói cho nghe" chánh giáo được nói, có hai nghĩa:

Trước nói khổ hạnh để giữ vững ý chí của mình, sau nói chánh pháp khiến thêm tuệ ngộ. Câu đầu có hai:

"Tất cả hạnh Bồ-tát" là nêu chung, "dưới phân biệt" là trên cúng dường Chư Phật, dưới cứu giúp chúng sinh, đối với hai chỗ này không tiếc thân mạng. Còn trở lên vì cầu pháp gánh vác trọng ân, dưới thương xót chúng sinh đầy bi nguyện. Lại vì xuất gia trọng pháp không quý hương hoa. Phải dùng thân mạng mà thành cúng dường. Như Bồ-tát Hỷ Kiến đốt cánh tay cúng dường. Vì cứu giúp cọp đói trong chúng sinh, v.v... Như Bồ-tát Vương Tử và Vô Lượng các Bồ-tát nên biết.

Câu "Sau mỗi mỗi v.v...." trở xuống là nói trong chánh pháp, nghĩa là trước nói khổ hạnh để giữ vững ý chí của mình, rồi mới nói chân không nội tâm quán pháp dần dần khiến cho họ tu, đừng để cho họ gây ra tội lỗi. Nghĩa là khéo biết đây là do sơ tâm làm ra. Kế đến nhập vào Tín vị và các vị Tam Hiền tu hành, mỗi vị đều theo thứ lớp, đừng để cho điên đảo đáng tiếc. Văn tuệ khiến cho tâm khai mở, Tư, Tu tuệ giúp cho ý hiểu.

Câu ba: mà Bồ-tát v.v... trở xuống là trái với giáo kết phạm. Nói vì lợi là nói tâm khác với mong cầu. "Nên đáp không nên đáp" là hỏi khác đáp khác. Nói kinh luật một cách điên đảo, trước không nói khổ hạnh trì giới là nói điên đảo, tức nói chỉ không phá giới hủy thân. Nay mất chánh hạnh nên nói "Đảo thuyết". Văn tự không trước sau" là trở trước làm sau, sau đem làm trước. Giữa đặt ở trước sau, trước sau đặt ở giữa, làm cho trái với nghi lý, cho nên có lỗi. Hủy báng Tam bảo, tức nói điên đảo là Phật nói, là phỉ báng Phật. Pháp thật không phải như vậy. Nói pháp như thế là hủy báng pháp, lại nói như thế cũng là báng Tăng. Kết tội nên biết.

17. GIỚI CẬY THẾ LỰC CỦA QUAN ĐỂ XIN

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải khiêm hạ thấp mình làm lợi ích chúng sinh, thà chết chứ không trái phạm. Nhưng lại ỷ vào thế lực của quan xâm hại của người,rất trái với đạo lý, nên Phật lấy đó để chế giới này, phân biệt có ba ý:

Vỉ giữ giới ăn trộm

Sợ trái với hạnh tự lợi, trái với hạnh khiêm hạ.

Sợ trái với lợi tha, mất sự giáo hóa.

Ba giới này sau đó làm thành ba nhóm giới.

2. Thứ lớp:

Giới trước thuận lý nói điên đảo thành chê bai, giới này không có phần mà ỷ vào thế lực để cầu danh lợi. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên xếp vào kế đó.

3. Giải thích tên gọi: Mượn oai để cầu lợi nên đặt tên cho giới này.

4. Đủ duyên:

Cũng có sáu duyên thành phạm:

- Vì danh lợi của mình
- Nên gần gũi quan
- Cậy vào uy thế
- Ép ngặt người khác
- Cầu chỗ của người cầu
- Được chỗ của người được.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất có ba nghĩa:

Phạm tội nặng phương tiện, nếu không tự làm thì cũng không được xúi bỏ chúng sinh vô lý xin vật.

Phạm tội nhẹ phương tiện, dù cho vì chúng sinh đói khát, cũng không được ép buộc khiến họ nổi sân mà cho.

Có phước không tội, nghĩa là tội nặng phương tiện. Vì tuy gần gũi không lý do, nhưng dùng pháp mượn oai của người kia để trị các người ác.

Thiếu duyên thứ hai có một tội, nghĩa là tội nặng phương tiện, vì tuy không gần gũi không lý do nhưng oai kia để thành lỗi đó.

Thiếu duyên thứ ba, cũng phạm tội nặng phương tiện, tuy không ỷ vào oai nhưng não hại người để được lợi.

Thiếu duyên thứ tư, cũng phạm tội nặng phương tiện, vì tuy không

não hại người khác, nhưng vì dùng oai để được vật.

Thiếu duyên thứ năm, phạm tội khinh phương tiện. Vì tuy không có tâm cầu, nhưng nhờ dùng oai mà được vật.

Thiếu duyên thứ sáu. Phạm phương tiện nặng: Tuy không được vật nhưng có tâm cầu. Nặng nhẹ thứ sáu, y cứ vào được vật mà phạm giới trọng thiên đầu, cậy oai não hại người phạm tội nhẹ nầy.

6 . Nặng nhẹ:

Trong tội này nặng nhẹ có mười loại:

Y cứ vào danh lợi có sâu có cạn

Về quan phụ có tôn có ty.

Về uy thế sử dụng có dày có mỏng

Về khổ ép ngặt có nhẹ có nặng.

Về tình não hại có nhanh có chậm

Về danh lợi có nhiều có ít

Hợp sáu thuyết trên đều có nặng nhẹ

Hoặc nặng nhiều nhẹ ít

Hoặc nhẹ nhiều nặng ít

Hoặc nhẹ nặng đồng nhau.

Theo giải thích nên biết.

7. Thông bít:

Nếu vì tâm tốt mà cậy oai quyền đoạt vật của giặc, để trả lại cho chủ cũ, Tam bảo, chúng sinh. Hoặc vì tâm Bồ-đề cứu các nạn nhân mạng, phạm hạnh. Nếu nhờ đó mà khiến cho người phát tâm Bồ-đề, trụ trong giới Bồ-tát. Lại nếu do đây khiến cho vô lượng chúng sinh bỏ ác tu thiện, y cứ theo không phạm, trái với trên đây thì phạm.

8. Giải thích văn:

Trong đây có bốn:

- Tự làm điều quấy.
- Xúi giục người khác làm
- Không đối trị
- Kết tội danh

Trong đó có năm:

Nói chỗ làm, nghĩa là tự làm, phân biệt với người khác.

Cho là chúng sinh phải chánh phạm. Ăn uống để nuôi thân, tiền là thọ dụng, v.v... tài là dự trữ nuôi chứa. Đây là tổng kết nhiều thứ lợi dưỡng. Danh từ đẹp khéo khen ngợi. Nghĩa là trong lợi dưỡng khéo gọi là ngoại chấn. Phàm ngu tham lam mất mạng khó xả bỏ. Hại gốc lành giống như sợi dây mầu.

Nói về người gần gũi, nghĩa là có bốn vị:

Vua chúa.

Vương tử

Đại thần

Tuy không phải là quan nhưng có oai thế.

Nếu đích thân nương cậy oai kia thì tự mất chánh hạnhcủa mình. Cho nên kinh Đại thừa, Tiểu thừa đều tha thiết không cho người tu hành gần gũi họ.

Nói chỗ cậy oai: nghĩa là cậy vào oai của người, để cao cử tâm mình mà lăng nhục người khác. Nên nói cậy làm hình thế.

Chánh thành áp bức cũng có bốn loại:

- Ép ngặt đòi xin
- Đánh tát làm cho khổ
- Phi phần lôi kéo
- Cất giữ tiền vật.

Đều làm xâm não chúng sinh, khiến họ chán ghét, tự gánh rất nhiều tội lỗi, mất đi các thiện phẩm khác.

Quảng cầu sở cầu có ba thứ:

Tất cả lợi đều cầu, gọi là Nhất thiết cầu

Não hại người lấy vật, gọi Ác cầu.

Cầu nhiều không biết thỏa mãn, gọi là Đa cầu.

"Hai là bảo người cầu": chẳng những tự hành trái lỗi, mà còn dạy cho người khác đồng phạm. Cả hai lợi đều trái, rất là tội lỗi.

Câu ba."Vô sở đối"là tâm từ lợi vật, tâm hiếu sinh lợi ích. Đều trái với lỗi trước, nhưng không sửa trị nên nói đều không có tâm từ.

Câu bốn. 'Phạm tội nhẹ" là kết để chỉ bày tên tội.

18. GIỚI KHÔNG HỂU BIẾT GÌ MÀ LÀM THẦY

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra bên trong phải tự làm thành tựu đức của mình, để chỉ dạy chúng sinh, trái với lỗi xúc phạm nầy nên phải chế giới. Nói riêng cũng có ba thứ:

Che giấu sự không biết của mình, dối ra vẻ mẫu mực, là lỗi lừa dối.

Không hiểu văn nghĩa, mất đi thiện phẩm.

Dối trá làm thầy người, không thật tâm dẫn dắt, không có lợi ích. Ba việc như thế cũng là ba nhóm, nên phải cấm ngăn.

2. Thứ lớp:

Giới trước ỷ oai ép ngặt tước đoạt, giới này trá làm trao pháp, nên xếp vào kế sau.

3. Giải thích tên gọi:

Che giấu sự không biết của mình, làm ra vẻ khuôn phép. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên lấy đó đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ bốn duyên thành phạm:

- Tánh chẳng tối tăm.
- Lười biếng không học tập
- Ẩn ngu giả trí
- Làm thầy trao giới.

Cho nên phạm.

5. Thiếu duyên:

Đối với bốn duyên này thứ lớp đều thiếu, phạm tội nhẹ phương tiện. Y theo giải thích nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Nghĩa là thật không biết mà giả nói là hiểu. Đây là phạm tội nói dối ở thiên đầu. Nay lấy lỗi quấy này dẫn dắt khiến pháp hóa không truyền, nên kết tội này. Trong đó có sáu:

- Căn cơ có lợi độn
- Học có siêng năng, biếng nhác.
- Che giấu có cạn sâu
- Sự có Đại, Tiểu
- Bốn việc đều có nặng nhẹ
- Trường hợp lẫn nhau có nhiều ít và có nặng nhẹ, y theo giải thích nên biết.

7. Thông bít:

Nếu tánh ám độn siêng học chưa thành, nếu không che giấu thì không biết, trái với trên đều phạm tội.

8. Giải thích văn:

Cũng có bốn:

- Nêu chánh nên tu
- Không biết mà giả là biết
- Không hiểu mà làm thầy
- Kết luận chỉ bày tên tội.

Câu một. Có hai: Trước phải đọc văn, sau mới hiểu nghĩa. Trong phần trước nêu đại cương, khiến sáu thời tụng trì. Lẽ ra bất cứ lúc nào cũng đều phải tụng, nhưng trong sáu thời không được thiếu. “Kế là giúp

hiểu nghĩa” nghĩa là khéo hiểu các nghĩa trì phạm và các nghĩa chân tánh, nên nói nghĩa lý.Lại hiểu nhân thành Phật, nên nói Phật tánh có ba loại:

- Tự tánh trụ Phật tánh
- Dẫn ra Phật tánh
- Đến được quả Phật tánh.

Điều này có giải thích đầy đủ trong Luận Phật Tánh

Câu 2. “Mà Bồ-tát v.v...” trở xuống là nói không biết mà làm ra vẻ biết. “Giải thích lời không biết, không hiểu một câu”, theo bản Phạm thì tám chữ thành một câu, bốn câu thành một bài tụng. Lý do chế giới là nhân duyên. Tùy theo gới cũng có nhân có duyên. Còn lý do trì phạm cũng gọi là nhân duyên. Lại thọ giới cũng có nhân, có duyên. Tùy theo giới cũng có nhân có duyên, đều phải khéo hiểu mới xứng đáng làm thầy.Kế đến dối nói có thể hiểu là, che giấu chỗ mình không hiểu, dối nói là hiểu để dối gạt người khác, khéo léo trộm lấy tiếng khen. Dưới đây là hiển bày lỗi đó. Nói mình thật lợi là tự dối. Người khác không lãnh thọ sự lợi ích là dối người. Tự lợi và lợi tha đều mất, thường an nhẫn là tội rất nặng.

3. Mỗi mỗi v.v... trở xuống là nói không hiểu mà làm thầy, nghĩa là mỗi hành pháp tất cả đều không hiểu. Thật không hiểu biết gì mà toan làm khuôn mẫu. Không phải từ hai vị thầy truyền mà lừa dối mình và người. Cũng khiến Như lai pháp hóa bặt lưu thông. Đây là lỗi diệt pháp. Tội này rất nặng.

Kết chỉ bày tội danh, nên biết.

19. GIỚI DẤU TRANH KHINH KHI NGƯỜI HIỀN

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải ra sức khen ngợi các vị Bồ-tát đồng hành, khiến tiếng tốt của vị đó vang xa để chúng sinh học tập, mà lại có tâm ác chê bai, hủy thiện, thêm ác, là tội rất nặng. Nên chế ra giới này. Nói riêng cũng có ba, nghĩa là ác không dứt, thiện không thêm, trái với chỗ giáo hóa, đều y cứ vào theo đây nên biết.

2. Thứlớp:

Giới trước tự mình không biết, giới này khinh khi người có đức, nên xếp kế đó.

3. Giải thích tên gọi:

Chê bai khinh khi người hiền lương, giới ngăn ngừa lỗi này nên lấy đó đặt tên.

4. Đủ duyên: có đủ năm duyên:

- Bên trong có tâm ác
- Hành nhân là người thấy giới.
- Chê bai bằng lời ác
- Truyền nói hai đầu
- Gây ra điều ác khiến đấu tranh.

Nên kết thành phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất, phạm tội nhẹ phương tiện. Vì không có tâm ác. Thiếu các duyên khác phạm tội nặng phương tiện, vì không có tâm ác. Y theo sự giải thích nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Cũng có mười nghĩa:

Tâm có cả ba tánh

Cảnh có trì phạm

Chê bai có sâu cạn

Truyền có đạt hay bất đạt

Đấu tranh có nhiều ít

Đều dày đều mỏng

Dày nhiều mỏng ít

Mỏng nhiều dày ít

Dày mỏng bằng nhau

Không bằng nhau đều có nặng nhẹ.

7. Thông bít:

Nếu lầm lọan điên cuồng, ma dựa. Nếu trị tội người y theo nên không phạm. Trái với trên đều phạm.

8. Giải thích văn:

Cũng có ba:

- Tâm ác thấy cảnh thanh tịnh
- Thiếu chê bai thành lỗi.
- Cố làm nênphạm

Câu 1. Dùng tâm phá hoại, tâm phỉ báng, tâm ganh hơn, nên gọi là tâm ác, thấy Tỳ-kheo giữ giới là không phạm giới nặng nhẹ, tay cầm hương v.v... là oai nghi hành đạo.

Câu hai: mà đấu tranh, v.v.. trở xuống là phỉ báng thành tội, nghĩa là tránh cãi kết lỗi khiến cho hai bên tranh chấp. Tâm ác lăng nhục người kia là khi, vọng ngôn nói lỗi là báng. Chê người này với người kia, chê người kia với người này. Truyền nói chê bai lẫn nhau giữa hai

bên khiến cho đấu tranh, do đây khởi ác, nên nói chẳng việc ác nào không làm.

Câu 3. Nếu cố làm, v.v... trở xuống là kết tội, nên biết.

20. GIỚI KHÔNG CỨU CHÚNG SANH

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải tự vẫn để cứu chúng sinh, lại thấy chúng sinh khổ mà không từ bi cứu độ, thì rất trái với hạnh nên Phật chế ra giới này. Nói riêng có ba nghĩa: thêm ác, tổn thiện, mất hạnh cứu chúng sinh.

2. Thứ lớp:

Giới trước khinh chê người hiền, giới này thấy chúng sinh khổ mà không cứu.

3. Giải thích tên gọi:

Bên trong không có lòng từ, thấy khổ không cứu, giới ngăn ngừa lỗi này nên lấy đó đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ bốn duyên:

- Bên trong không có tâm từ
- Thấy người giết
- Bỏ không cứu
- Khiến người đó chết

Nên thành phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất: Phạm tội nặng phương tiện. Vì tuy có từ tâm, nhưng không cứu.

Thiếu duyên thứ hai có hai nghĩa:

a. Không có tội vì chẳng thấy có người giết nên không thể cứu

b. Phạm tội nặng phương tiện, vì thấy chúng sinh khổ mà không cứu.

Thiếu duyên thứ ba, cũng có hai nghĩa:

Phạm tội nhẹ phương tiện, vì không có lòng từ nên không cứu.

Năng lực của vua tự tại, không cứu được nên không tội.

Thiếu duyên thứ tư: Phạm tội nặng phương tiện, vì mạng sống chưa dứt, chẳng phải do cứu. Các nghĩa khác nên y cứ theo đây.

6. Nặng nhẹ:

Có bảy nghĩa:

Y cứ vào lòng từ có dày mỏng.

Y cứ vào chỗ cứu chúng sinh có tôn ty.

Y cứ vào chỗ cứu có kịp hay không

Y cứ vào chỗ khổ được cứu có nhiều ít

Tất cả đều y theo đó, nên biết.

7. Thông bít:

Nếu bệnh nặng, hoặc không có sức khỏe, tự vẫn luống uổng, cuối cùng không có ích gì. Y theo đó không phạm, trái lại thì phạm.

8. Giải thích văn: Trong đó có ba:

Trước thuận theo lý nên thực hành phóng sinh.

Cứu việc sát hại của người khác

Thuyết giảng cứu tiên vong.

Trong câu đầu có ba: nêu, thích, kết. Vì từ tâm làm việc phóng sinh là "nêu"

Vì tất cả nam nữ v.v... là thích. Nghĩa là làm sao cứu chúng sinh. "Mà bất sát...' giải thích có hai nghĩa:

Khắp thân quán

Bình đẳng quán.

Trong phần trước nói "tất cả nam nữ đều là cha mẹ ta". Là phân biện lý thật. Trước nói tất cả nam nữ đều là cha mẹ ta, mà giết ăn, tức giết cha mẹ ta. Nói trái với lý không được.

Hỏi: Như vậy sát sinh có phạm tội nghịch không?

Đáp: Vì cách sự sống nên chẳng phải tội nghịch.

Câu hai: Cũng giết thân cũ của ta là nói bình đẳng quán. Nghĩa là thân chúng sinh đều lãnh thọ bốn đại. Nhưng thân cũ của ta cũng từng như thế, nên ta với chúng sinh đồng một thân bốn đại, nên nói hại thân cũ của ta, tức hại chính thân ta.

Câu ba: Cho nên thường hành v.v... trở xuống là tổng kết thường hành.

Câu hai: nếu thấy người đời v.v... là cứu người khác bị giết hại, cũng do hai thứ quán nói trên lẽ ra phải cứu khổ, huống gì tâm từ bi phải cứu chúng sinh.

Câu ba là "Thường giáo hóa v.v..." là nói giảng thuyết cứu tiên vong. Trong câu hai "Trước nêu chung" là giảng nói giới pháp khiến người biết tội dứt ác tu thiện để thành cứu độ.

"Riêng y cứ vào tiên vong mà giải thích, giảng phước giúp huân, khiến vong thấy Phật", nói trở thành lợi ích. Trên đây nói trái hạnh kết phạm. Phần trên lược hiển mười giới tướng. Kết khuyên tu học như Phẩm Diệt Tội. Dưới đây chỉ trong phẩm đó nói đầy đủ.

21. GIỚI THÙ OÁN KHÔNG CÓ TÂM TỪ NHẪN

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra bên trong phải thực hành nhẫn, bên ngoài tràn đầy từ bi.

Mà lại sân mắng và đánh đập, là lỗi rất lớn. Nên lấy đây để chế giới. Nên Phật chế ra giới này. Hiển riêng cũng có ba nghĩa: Sân óan không thôi, nhẫn thiện không thêm, chúng sinh bỏ đi. Trái với ba nhóm nên chế khoa nghiêm này.

2. Thứ lớp:

Giới trước thấy chúng sinh khổ không cứu, giới này đối với óan khởi thù, đều trái với chánh hạnh.

3. Giải thích tên gọi:

Trong không hành từ, ngoài khởi oán thù, giới ngăn lỗi này nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ bốn duyên:

- Đối cảnh oán
- Khởi tâm sân
- Động thân, miệng
- Thù rốt ráo

Nên thành phạm tội.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất, phạm giới trọng thiên đầu. Vì đối với cảnh không oán khởi sân.

Thiếu duyên thứ hai phạm tội nhẹ phương tiện. Vì tâm không sân nên chẳng phải tội nặng.

Thiếu duyên thứ ba, phạm tội nặng phương tiện. Tuy không khởi các tội nặng nhưng thân, khẩu sân.

Thiếu duyên thứ tư, cũng phạm tội nặng phương tiện, vì sự chẳng phải rốt ráo.

6. Nặng nhẹ:

Cảnh oán có sâu cạn, khởi sân có thô tế. Gia hành có thêm vi tế. Người đối diện khổ có nhiều ít. Đều nặng nhẹ dựa vào lẫn nhau nhiều ít. Y cứ theo đây nên biết.

7. Thông bít:

Nếu bị trị phạt khiến sám hối. Nếu bị điều phục khiến sinh hạnh lành. Nếu tự thường điều trị mà phiền não sâu dày, bất giác khởi, lẽ ra không phạm, ngược lại đều phạm.

8. Giải thích văn: có năm:

- Nêu lỗi chánh chế
- Phạm liền trái hạnh
- Cử nhẹ sánh nặng
- Chọn đạo khác tục
- Cố phạm thành tội.

Hai câu cầu, tự oán cũng có hai nghĩa:

Nghĩa là sân y cứ vào ý nghiệp, đánh y cứ vào thân nghiệp, ngữ tùy thuộc cả hai mà khởi. Đây là nói lược mà không nêu hết. Nếu nói đủ là phải lấy mắng báo mắng. Còn vì tự thân bị giết mà không hiện báo thù thì không nói lấy sát báo sát.

Câu "Nếu giết cha mẹ, v.v..." trở xuống phạm vua thân oán cũng có hai nghĩa: là thân đứng về hiếu cảnh, quân đứng về trung cảnh, y cứ theo hiếu, y cứ theo trung lẽ ra phải báo thù. Nhưng vì lấy óan để trả thù nhau thì oán ấy sẽ không bao giờ dứt. Cho nên Như lai từ bi cứu độ chế ra nghiêm khoa này, dạy rằng không được báo thù thêm.

Câu "Giết sinh báo sinh..." nói đạt lý trái hạnh, nghĩa là còn mạng sống. Giết chết mạng vẫn phải lấy mạng trả thù, nên nói sát sinh. Báo sinh chẳng phải dùng sinh báo giết, nghĩa là trái lý. Không thuận hiếu đạo thì nói trái với hạnh.

Hỏi: Trong lễ của thế tục, óan thù của vua, cha mà không báo thì chẳng phải là hiếu.

Đáp: Đạo trái lại thế tục, thế tục y cứ hiện tại không nói nghiệp báo nhân quả tương lai. Nay nếu trả thù lại thì nghiệp khổ càng thêm nhiều. Khiến cho vua cha phải đắm chìm nhiều kiếp, làm sao thành hiếu đạo.

Câu ba: Huống gì không chứa v.v... trở xuống là nói nêu nhẹ so sánh với nặng. Vì nuôi chứa tôi tớ tay đánh, miệng mắng theo đó mà khởi sân não. Trong ba nghiệp thì khẩu nghiệp là nặng nhất, nên nói tội của khẩu nghiệp vô lượng. Trở xuống là so sánh với nặng nên nói huống làm. Bảy tội nghịch là tội nặng vô lượng khó ra khỏi.

Câu bốn: Mà xuất gia phân biệt Đạo khác thế tục trong đó tuy tại gia, xuất gia đồng phạm, nhưng xuất gia phạm tội này rất sâu, nên riêng nêu lại để xả thân duyên thế tục, tu từ giúp khắp, mà lại vì người thân mà báo thù, rất là trái với hạnh.

Câu năm: Cố làm v.v... trở xuống là trái phạm nên kết tội.

22. GIỚI MẠN NGƯỜI KHINH PHÁP

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải vì bốn câu kệ mà thân chịu ngàn kim đâm vào mình. Cầu nửa bài kệ mà phải leo lên đỉnh núi cao xả thân mạng. Thân vua làm giường cho La-sát, áo trời trải chỗ ngồi cho dã can. Thắng vị nhẹ hơn, nên vua kính, quỷ súc tôn cao, đều lấy pháp trọng làm đầu. Vì pháp khó được, người bố thí pháp nghĩ rằng:"Nếu lao thân xuống hầm lửa sâu bảy, tám thước, ta sẽ nói pháp cho ông nghe." Bồ-tát nghe như thế vui mừng vô hạn, nghĩ rằng:"Ta vì pháp nên còn ở trong địa ngục A-tỳ vô lượng khổ độc. Vào trong hầm lửa mà được nghe pháp. Ông chỉ nghe pháp, ta vào hầm lửa như Bồ-tát Kim Cương cầu pháp lành. Bồ-tát suy nghĩ lại nói: Nếu Ông nói cho tôi một câu pháp, giúp cho hạnh Bồ-tát của tôi được thanh tịnh. Từ ngọn lửa lớn vào Tam Thiên Đại Thiên thế giới, tôi sẽ từ cõi trời Phạm lao mình xuống ngọn lửa này không lấy gì làm khó huống chi khinh người mất pháp, là tổn thất rất nặng.Nên Phật chế ra giới này. Hiển riêng cũng có ba:

Khởi mạn thêm hoặc

Mất pháp trái thiện

Dạy người vào chỗ sai lầm, phá hoại ba nhóm hạnh cho nên phải cấm.

2. Thứ lớp:

Giới trước ở chỗ oán khởi thù, giới này đối với người có đức không cung kính. Lại giới trước đối với cảnh óan tăng thêm hoặc nghiệp của mình, nay giới này đối với người có đức kiêu mạn mất pháp lợi ích.

3. Giải thích tên gọi:

Đối với người khởi tâm khinh mạn, bỏ không cầu chánh pháp, giới ngăn ngừa lỗi này nên lấy đó đặt tên.

4. Đủ duyên: Cũng có bốn duyên thành phạm.

Người kém nhưng có đức

Tự cây khởi kiêu mạn

Thấy người đó sinh khinh

Bỏ không cầu chánh pháp

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất, phạm tội nhẹ phương tiện. Ba duyên còn lại phạm tội nhẹ phương tiện. Y theo giải thích, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Đức trước có lớn nhỏ, tự kiêu mạn có dày mỏng, tâm khinh có nhiều ít, xả pháp có sâu cạn. Kế đó dựa vào lẫn nhau đều có nặng nhẹ,

y theo giải thích nên biết.

7. Thông bít:

Nếu bệnh thiếu sức khỏe, nếu người kia thật sự không có đức mà dường như có đức, nếu vì điều phục các chúng sinh, nếu mạn hoặc mạnh mẽ đối trị sức yếu kém đếu không phạm. Nếu lười biếng thì phạm tội nhẹ, trái với trên đều phạm tội nặng.

8. Giải thích văn:

Cũng có năm:

- Tự mình thật không biết
- Vọng cậy khởi kiêu mạn
- Khinh bỏ người có đức
- Lập ra giới cấm
- Chánh chế kết phạm.

Câu thứ nhất: Người xuất gia, mới vào đạo chưa hiểu biết, chưa học tập Đại thừa, Tiểu thừa. Đối với Bồ-tát gặp việc không biết, và nêu người xuất gia lý thật, cũng đồng quy chế này.

Câu thứ hai: "Vọng cậy khởi kiêu mạn." Vọng cậy có mười việc, khởi mười thứ mạn:

Thông minh mạn, nghĩa là ỷ mình thông minh, hươ tay múa chân.

Thế trí mạn, nghĩa là ỷ mình có thế trí, khinh mạn pháp sâu xa.

Cao qúy mạn, nghĩa là ỷ mình cao quý, từng làm chức quan.

Kỳ niên mạn, nghĩa là ỷ mình tuổi cao, không biết tuổi già mà chẳng tài cán gì.

Đại tánh mạn, nghĩa là ỷ mình họ Sát-lợi.

Cao môn mạn: nghĩa là ỷ mình là cao quý không thấp hèn

Giải mạn, nghĩa là ỷ mình hiểu biết thế pháp hoặc ngọai điển Tiểu thừa

Quá mạn: nghĩa là ỷ mình đã từng làm các phước hạnh lớn.

Cao mạn, nghĩa là ỷ mình giàu có các tài vật.

Bảo mạn, nghĩa là ỷ mình có bảy báu như vàng v.v...., vì đó mà sinh kiêu mạn. Trong mười giới này xếp vào sáu mạn ba cặp:

Hai câu đầu và câu bảy, tám là phước tuệ một cặp. Còn câu bốn, chín và mười là thân tài một cặp. Trong mười giới này tùy ỷ vào một duyên nào thành duyên phạm, chứ không cần phải phạm đủ mười giới, nên nói là "hoặc".

Câu ba: mà không hỏi, v.v... trở xuống là nói khinh bậc có đức. Trong đó có hai nghĩa:

Nói chung về khinh bỏ.

Pháp sư ấy, v.v... trở xuống là giải thích riêng về pháp sư.

Trong câu trước người mới xuất gia ỷ thị các mạn nói trên. Không học hỏi nghĩa lý trong kinh luật với Pháp sư, đến đỗi người tu hành đó gặp việc không biết gì cả. Năm trăm năm sau kết tội vô tri. Học vấn trong thế tục còn quan liêu. Huống gì người tu hành đã ra khỏi thế tục còn phải lấy việc học làm chánh, ba a-tăng-kỳ kiếp không bỏ một phút giây. Nay lại khởi tâm kiêu mạn, bỏ không cầu học, làm sao hạnh thành.

Câu hai: Trong giải thích riêng về Pháp sư cũng có hai nghĩa:

Hiển rõ vị trí thấp hèn

Phân biệt đức cao.

Câu trước và giữa lược nêu năm việc:

Dòng họ bình thường.

Tuổi nhỏ

Thấp hèn

Nghèo nàn

Ở đây trái với mười vị nói trên nên biết.

Các căn không đủ, thân tướng xấu xa.

Câu hai: mà thật v.v... là phân biệt đức cao. "Thật có đức" là phân biệt hạnh đức cao siêu.

Câu "Nhất thiết kinh v.v..." là trí hiểu sâu xa.

Câu thứ tư: mà người mới học, v.v... là nói lập cấm chánh chế", nghĩa là xét về lời nói chứ không xét về chủng tánh. Trong năm việc nói trên lược nêu một vị. Lý thật năm việc đều không được xem. Huống chi Bồ-tát thọ pháp với La-sát. Các vị trời đảnh lễ Dã Can, đây há lại quán chủng tánh hay sao?

Câu năm: mà không đến v.v... trở xuống là nói vi phạm quy định kết tội. Nghĩa là lược nêu nghĩa thứ nhất. Lý thật chung cho cả hỏi hai đế. Lại giải thích Phật pháp nhìn về thế pháp là Đệ nhất nghĩa. Còn giải thích chê bai thế tục dễ biết, chắc chắn khó rồi, nên khiến cho hỏi như vậy. Các văn khác rất dễ hiểu.

23. GIỚI NGƯỜI MỚI CẦU HỌC

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải vào các cõi khổ để khai mở dẫn dắt chúng sinh, giúp họ phát tâm thọ giới Bồ-tát. Kinh Anh Lạc chép:"Giáo hóa một người phát tâm thọ giới Bồ-tát, hơn xây tháp Phật đầy khắp thế giới đại

thiên. Kinh Hoa Nghiêm chép:" Vì một chúng sinh nên trong địa ngục A-tỳ bị đốt nấu trong vô lượng kiếp.Tâm thanh tịnh rất cao quý" Giải thích rằng: Bồ-tát còn phải vào địa ngục để giáo hóa chúng sinh, đâu cho người mới học đến cầu mà không trả lời. Cũng thêm ác, trái thiện, mất đi sự giáo hóa. Đã xa ba nhóm, thành lỗi không nhỏ, nên phải chế giới nầy.

2. Thứ lớp:

Giới trước nói kiêu mạn không cầu pháp. Giới này kiêu mạn không nói pháp. Kinh nói:"Bồ-tát cầu pháp không lười mõi, nói pháp không tiếc. Còn trước nói khinh người mới học, ở đây nói khinh người hậu tấn. Kinh chép:"Không khinh người chưa học, kính người đã học như Phật. Chính là nghĩa đó.

3. Giải thích tên gọi:

Đối với người mới học mà không dẫn dắt, không khéo truyền trao khiến cho Phật pháp chóng diệt. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên lấy đó mà đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ năm duyên thành phạm:

- Tự hiểu Đại thừa
- Người mới học đến cầu
- Nương cậy thế lực
- Sinh tâm khinh thường.
- Trả lời không đúng pháp.

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai câu đầu phạm tội nhẹ phương tiện. Thiếu ba câu sau đều phạm tội nặng phương tiện. Y theo giải thích nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Tự hiểu có sâu cạn. Người cầu có ân mà khinh mạn, ỷ thế có nhiều ít. Khởi tâm có nặng nhẹ. Y theo giải thích nên biết.

7. Thông bít:

Nếu bệnh, hoặc không có sức khỏe, hoặc không hiểu, hoặc người ấy mạn pháp, hoặc điều phục kia, như trước đã nói đều không phạm. Trái lại đều phạm.

8. Giải thích văn:

Trước nói nghi thức thọ giới. Sau "Nếu Pháp sư v.v...", là nói trái hạnh kết phạm. Trước có chương thọ giới Bồ-tát, như nói riêng. Trong văn này có ba:

- Tự thệ thọ

- Theo thầy thọ
- Giải thích ý nghĩa tự thọ.

Câu trước cũng có ba:

Khi mới thọ giới, nghĩa là khi Phật tại thế không có tự thệ thọ, nên nói "diệt hậu". "Muốn dùng" là muốn nguyện chí thành cầu tâm giới. "Tâm tốt" là thuận lý tin tâm Bồ-tát thanh tịnh. Hai câu này là giới khí nên nêu lên.

Câu hai: Đối với Phật, Bồ-tát v.v...." trở xuống là nói việc thọ giới. Câu ở trước tượng Phật, Bồ-tát là tiêu biểu tưởng như đang còn. Chí phát bên trong nói thành thật lập thệ. Nguyện rộng tự nói yết-ma. Tướng của ứng giáo hiện gọi là đắc giới. Văn Yết-ma như có nói riêng, Tướng của ứng giáo có ba thứ:

Dùng tâm để biểu tướng. Nghĩa là như tâm ta luống dối thật không thực hành các điều mà Bồ-tát đã thực hành. Chỗ nguyện của Phật và Bồ-tát cùng giới của ta. Nếu thật nêu cùng, vì tự biết tâm thật thì biết đắc giới.

Các phương có gió mát thổi thì nên biết là đắc giới

Câu ngay trong bảy ngày v.v... trở xuống là giải thích duyên đắc giới. Trước làm pháp bảy ngày, nghĩa là vào đạo tràng thanh tịnh, sám hối tội chướng giới. "Tướng tốt" là được Phật đến xoa đảnh. Đủ như văn kinh:"Chướng nặng thì cho đến một năm, nếu hơn một năm mà không được tướng tốt thì cuối cùng không đắc giới. Các nghi thức sám hối này cũng như nói rộng có hai: "Như trước thọ giới v.v..." trở xuống là theo sư thọ giới, trong đó trước nêu không cần tướng tốt.

Câu hai: "Vì sao nêu trách" nói giới đã thọ không hai. Vì sao tướng tốt cần hay không cần. Giải thích: Cho nên Pháp sư từ trên đến, sư sư thay truyền nhau. Nay giới pháp này truyền đến nên không cần tướng tốt. Tự thệ không như vậy. Tự đọc yết-ma, tự đã không có giới, thì từ ai truyền? Phải từ Phật và Bồ-tát truyền, nơi ở của Phật Bồ-tát khó biết rõ, phải nhờ tướng tốt biểu thị mới đắc giới, nên cần có tướng.

Câu ba: cho nên trở xuống là kết, nghĩa là đối với Sư sinh trọng tâm thọ, liền đắc giới nên không cần tướng.

Câu 3 "Nếu ngàn dặm v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa tự thệ. Nếu trong ngàn dặm không có thầy, mà khinh người đó không theo thọ, dù tự thệ cũng không đắc giới. Giải thích văn giới đã xong.

Câu hai: Nếu Pháp sư v.v...." là nói trái hạnh kết phạm, trong đó có năm câu:

Cậy sự hiểu biết của mình.

Cậy bên ngoài cao hơn
Người mới học đến cầu
Bên trong khởi ba tâm
Trả lời không đúng pháp
Nên kết phạm.

"Ba tâm" là:

- Khinh thường người đối diện
- Ganh ghét sinh tâm chê bai nên nói tâm ác
- Kiêu mạn lăng nhục chúng sinh.

Trong đây nếu có một tâm nào cũng thành phạm.

■

SỚ GIẢI GIỚI BẢN BỒ-TÁT TRONG KINH PHẠM VÕNG

QUYỂN 6

24. GIỚI BỎ CHÁNH THEO TÀ

1. Đại ý chế giới:

Vốn học hạnh Đại thừa gọi là Bồ-tát, nay nếu bỏ giới này làm sao có Đại sĩ. Nói riêng có ba:

Trái với đại hạnh

Tâm huân tập điều lạ

Trở ngại đắc Bồ-đề.

Là tội rất nặng nên Phật chế giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước ỷ thế kiêu mạn lăng nhục người, giới này bỏ chân theo ngụy. Giới trước khinh người, giới này xả pháp.

3. Giải thích tên gọi:

Không biết trách nhiệm lại theo bạn ác, bỏ vật báu của Đại thừa, học tập gạch ngói Tiểu thừa. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên: có ba duyên:

- Phát tâm bỏ.
- Bỏ Đại pháp
- Học tập Tiểu thừa

Thì phạm.

5. Thiếu duyên.

Trong ba câu hễ thiếu bất cứ một duyên nào đều phạm tội nặng phương tiện. Còn thiếu cả hai lỗi sau, hoặc thiếu lỗi đầu và cuối, đều phạm tội nhẹ phương tiện. Hoặc thiếu cả hai lỗi đầu hoặc tội rất nhẹ, hoặc không phạm tội, đều nên biết.

6. Nặng nhẹ.

Trong ba câu đều có tạm thời hoặc mãi mãi, hoặc dựa vào lẫn nhau nhiều ít đều có nặng nhẹ. Y theo giải thích nên biết.

7. Thông bít:

Nếu vì chúng sinh mà tạm thời học, hoặc vì muốn cho trí hiểu rộng thêm, hoặc đồng sự điều phục họ nhưng không bỏ hạnh của mình, tất cả đều không phạm. Trái lại thì phạm.

8. Giải Thích văn:

Trong văn có năm:

- Học chân chánh
- Nói xả bỏ
- Học tập Tiểu thừa
- Phân biệt lỗi quấy
- Kết thành phạm.

Câu thứ nhất. Nói kinh Phật là nêu chung các pháp nên học.

Câu thứ hai. Hiển bàt riêng bốn loại:

Chánh pháp là giáo pháp Đại thừa

Chánh kiến là hành pháp

Chánh tánh là lý tánh

Chánh pháp thân là quả pháp, nghĩa là y giáo khởi hạnh, hạnh có công năng chứng lý, lý viên quả mãn. Lại tin quả thọ giáo tu hành nhập lý.

Lại giải thích: Hai câu đầu là pháp tu sinh, nghĩa là y chỉ nghe huân tập pháp sinh chánh kiến trí Vô phân biệt. Hai câu sau là pháp Bản hữu, nghĩa là ở tại triền gọi là chánh tánh, xuất triền gọi là Pháp thân. Đây là điều Bồ-tát phải tu học.

Câu thứ hai "mà Không thể v.v..... trở xuống là nói bối xả. Vì là pháp Đại thừa nên quý báu, theo dụ gọi là Bảo. Như bỏ 7 báu trở lại nhặt ngói gạch. Câu thứ ba: "lại học v.v..là" nói học Tiểu thừa.Trong câu này nói là học ngược lại, có bốn ý:

Tà kiến, nghĩa là ác kiến trái lý nên gọi là Tà.

Nhị thừa, Luận Thập Địa gọi là Dị thừa tà kiến, trong bảy thứ tà kiến. Kinh Lăng-già gọi là Tiểu thừa ngoại đạo, trong 20 thứ ngoại đạo. Đây đều là chấp trước trái với Đại thừa nên đặt tên này. Kinh Pháp Hoa chép:" Chánh phạm hạnh cầu chúng sinh. Kinh Pháp Hoa chép:"Hành xứ của các Ong đều là đạo Bồ-tát, đây là thuận thú Đại thừa, cho nên chẳng phải là tà." Nay y cứ theo các nghĩa nói trên, nên quở trách không cho học.

Tăng già đẳng luận dị thuyết trái với chân nên gọi là Ngọai đạo.

Thi thư thế tục học theo làm chướng ngại đạo

A-tỳ-đàm, Hán dịch là Đối pháp, tức các bộ Tiểu thừa tranh luận

trái nhau làm tổn hại Đại thừa.

Tiểu thừa ngoại đạo và thế điển xen lẫn nhau thành luận nên gọi là Tạp Luận. Như các luận Tứ Phệ-Đà đều gọi là Tạp Luận.

Thư là Đam Học Thư Điểm Dĩ Thất Quang Nghi Ký, là ký học tóan số, nhóm họp nhiều ít. Các loại trên đây, nếu tinh thần có dư tùy phần biết mỏng, nên lẽ ra không có tội. Nếu tánh chẳng thông ngộ mà bỏ chân theo ngụy, lý nên chánh phạm. Kinh Duy-ma chép: Tân học Bồ-tát biệt khác.

Đó là dứt, v.v.... trở xuống là hiển 3 lỗi;

Dứt Phật tánh, ở đây có hai nghĩa:

Do học tà pháp, khiến trong thân Phật tánh thiếu duyên, nên không sinh trí bằng muôn hạnh. Đây tức ngăn các công năng nên gọi là dứt.

Học tập tà pháp này, khiến cho Đại thừa không lưu hành thế gian, nên gọi là dứt chủng tánh Phật. Kinh nói:” Pháp Đại thừa lưu hành gọi là hạt giống Phật không dứt.

Nhân duyên chướng đạo cũng có hai nghĩa:

Đối với đạo Bồ-tát là nhân duyên chướng ngại.

Nhân chướng đạo Bồ-Đề, cũng chướng ngại duyên kia khiến nhân duyên đều thiếu, đạo không do đâu sinh.

Không hành đạo Bồ-tát cũng có hai nghĩa:

Trái với đạo mà Bồ-tát thực hành.

Kết thúc việc làm, chẳng phải là Bồ-tát.

Câu thứ năm nếu làm thì kết phạm, nên biết.

25. GIỚI LÀM CHỦ MẤT NGHI

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát làm chúng chủ, lẽ ra phải từ tâm nhiếp phục các điều lành, giữ tài đức mà làm chủ trái oai nghi, nghiệp đạo khởi lên, nên Phật chế giới này, riêng chỉ bày trái với ba nhóm. Y cứ theo giải thích nên biết.

2. Thứ lớp:

Giới trước trái chánh pháp, giới này tổn tài đức nên xếp ở kế sau.

3. Giải thích tên gọi:

Từ chỗ ngăn ngừa đặt danh mục nên biết.

4. Đủ duyên:

Có ba duyên:

- Thân làm chúng chủ
- Tâm không từ bi cứu giúp.

- Khiến cho chúng sinh khởi đấu tranh làm tổn hại vật Tam bảo cho nên thành phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất, phạm tội nặng phương tiện

Thiếu hai duyên sau đều phạm phương tiện nhẹ.

Trong giới này y cứ vào việc làm chủ không tâm giữ gìn thì phạm tội nhẹ.

Đứng về sự tổn hao tài vật đều phạm tội Ba-la-di, cho nên giềng mối tri sự chẳng phải phần phí dụng tài vật Tam bảo phạm hai giới..

6 Nặng nhẹ:

Thế chủ có mạnh yếu, từ bi ủng hộ có cứng mềm, các thứ tranh phí tài của có nhiều ít, đều lẫn nhau có nặng nhẹ. Y cứ theo giải thích nên biết.

7. Thông bít:

Hoặc vua lấy, hoặc giặc mạnh, hoặc tự mình bị bệnh nặng. Nếu chúng quá ác chưa thể hòa được, đều không phạm, trái lại đều phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có ba:

- Nói làm chủ
- Chế chỗ làm
- Trái quy chế kết phạm.

Câu thứ nhất: sau Phật diệt độ, vì di pháp trụ trì phải nhờ chúng sinh nên phân định thời gian. Chủ tuy có nhiều nghĩa, nhưng lược có năm loại:

Pháp chủ, nghĩa là từ bi vỗ về chúng, truyền trao không bỏ sót, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Tăng phòng chủ: thân trụ ở giềng mối, vì chúng phải chịu khổ, giữ gìn chặt chẽ tài vật.

Giáo hóa chủ: dẫn dắt đàn việt xây dựng chùa tháp, khéo giữ tiền của, không làm não hại chúng.

Tọa thiền chủ: nghĩa là khéo léo trao truyền chỉ quán khiến chiết phục các phiền não.

Hành lai chủ: lãnh chúng du phương, khéo thu nhiếp các căn, không để cho hủy cấm giới.

Câu 2. Nên sinh v.v..... trở xuống là nói chế việc đã làm. Trong đó dạy phải hòa chúng, nghĩa là chế năm vị trên. Chúng có trái nghịch đấu tranh, nên dùng từ tâm khiến hòa mục. Sau chế năm vị trên giữ gìn Tam bảo còn hơn giữ mắt mình. Thà xả bỏ thân mạng chứ không làm việc

phi lý, nghĩa là đem vật Tam bảo không dựa vào Thánh giáo tự ý dùng riêng. Nên nói rằng:" Nếu tự mình có, còn người xấu làm chủ, tiếc lẫn tiền của của mình mà không tiếc lẫn tiền của của người, chẳng phải của mình có. Rất đáng thương xót.

Câu ba: mà trái lại, v.v... trở xuống là trái phạm quy chế kết phạm, nghĩa là thỉnh chúng khiến loạn, hòa chúng khiến đấu tranh.Không nghĩ đến nghiệp đạo.Buông lung tổn phí, nên kết lỗi này. Nghĩa khác đã nói trong giới trộm.

26. GIỚI TIẾP ĐÃI KHÁCH TĂNG TRÁI NGHI THỨC

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát thấy Tỳ-kheo khách, đến còn phải bán thân để cúng dường. Huống gì trái với Thánh giáo, khinh miệt Tỳ-kheo khách lương thiện, là lỗi rất nặng, nên phải chế giới. Giải thích riêng có ba:

Trái pháp luật

Trái với hạnh của mình

Khiến khách tu hành không chỗ nương mất nghiệp, cũng trái với ba nhóm. Y cứ theo giải thích nên biết.

2. Thứ lớp:

Giới trước làm chủ mất nghi, giới này đãi khách trái lễ.

3. Giải thích tên gọi:

Nên trái với pháp đó, không đãi khách hiền lương. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên lấy đó đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ bốn duyên thành phạm.

- Trước trụ các nơi như tăng phòng, v.v...
- Có Bồ-tát khách tăng đến
- Không cúng dường các vật dụng cần dùng.
- Không đồng lợi dưỡng cho nên phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhấ, có hai nghĩa:

Tuy chẳng phải cựu trụ thấy pháp này mà không chế giới phạm tội nặng phương tiện.

Bồ-tát tại gia phạm tội nhẹ phương tiện.

Thiếu duyên thứ hai, đều phạm tội nặng phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Trụ xứ có giàu nghèo, khách tăng có nhiều ít, Cầu của có khó dễ, lợi dưỡng có dày mõng. Có nặng nhẹ lẫn nhau, y cứ theo trước nên

biết.

7. Thông bít:

Nếu bệnh nặng không tự do, hoặc năng lực vua tự tại, nếu muốn phát tâm chưa thể bán thân, đáng lý không phạm, trái lại đều phạm.

8. Giải thích văn: Trong văn có sáu:

- Người ở trước thấy khách
- Chế phải tiếp đãi
- Khiến phân biệt khó phân biệt
- Lợi dưỡng đều nhau
- Trái lời dạy phạm tội
- Quở trách kết phạm

Câu thứ nhất: Lược nêu năm chỗ:

Tăng phòng là trụ xứ của Bồ-tát xuất gia trong già-lam

Xá thất là trụ xứ của Bồ-tát tại gia, cũng là nhà của đàn việt được đặt trong chỗ tăng.

Quốc vương trạch xá là cung vua, thành ấp là nói chung hai chỗ ở.

Cho đến chỗ kiết hạ an cư lại càng có nhiều chỗ, không thể nói hết, nên dùng hai chữ cho đến, nghĩa là dưới đến chỗ quyền tạm trú trong một hạ.

"Trong Đại hội:" Nghĩa là Đàn việt khi lập ra hội chúng, thấy người đến sau, đều nhường chỗ ngồi để nói lên sự tôn kính nhau.

. Hai chỗ này là nêu chỗ kém để so sánh với chỗ hơn.

Câu hai là vị Tăng ở trước, v.v..... trở xuống là chế khiến cung kính tiếp đãi. Trong đó lược chế sáu việc.

- Tự mình phải đón rước.
- Cung cấp thức ăn uống
- Phòng xá chỗ nghĩ.
- Trong phòng có đồ nằm,giường nệm
- Hoặc thường ngồi không nằm phải cấp cho giường dây
- Hoặc đèn, lửa, nước, v.v... khó kể hết

Nên tổng kết các việc cấp cho, không để thiếu thốn.

Câu thứ ba: "Nếu không có" trở xuống là nói khiến khó phân biệt, nếu không có vật có thể cúng, thì bán y áo của mình, nếu không có y vật cho đến bán thân, không được để họ về tay không. Như lai chế ý quan trọng ở chỗ này. Nhưng bán thân có cả hai vị: Nam nữ chỉ cho tại gia, trong đây bán thân và nam nữ có cách giải thích khác nhau, như nói riêng.

Câu bốn: “Có đàn việt v.v.... trở xuống là ” nói lợi dưỡng chia đều. Nghĩa là tín thí đã nói gồm cả mười phương. Chúng tăng như sữa với nước một vị, cho nên Phật dạy Tăng kế thọ. Như đắc pháp mà vô tội, cúng thí y cho tăng đúng như pháp thì có phước đầy đủ. Nên nói có phần lợi dưỡng, đều nên biết.

Câu thứ năm: mà vị tăng ở trước, v.v.... trở xuống là nói trái với giáo phạm tội. Nghĩa trái với lời dạy của Như lai tăng thứ. Trộm lợi của tăng mười phương hiện tiền. Lợi tuy có nhỏ nhưng nhìn lợi tăng thì vô cùng, nên nói phạm vô lượng tội.

Câu sáu:”Súc sinh...trở xuống là ” quở trách kết phạm. Trước dùng ba việc quở trách.

Rất ngu si nên đồng với súc sinh.

Không chứng quả Thánh nên chẳng phải sát na-môn

Không có nhân kia nên chẳng phải Thích chủng.

Sau nếu cố làm, v.v..... trở xuống là kết phạm nên biết.

27. GIỚI THỌ THỈNH RIÊNG:

1. Đại y chế giới:.

Bồ-tát lẽ ra phải xả bỏ tài vật đáng trọng để giúp thành hội thí, đâu cho phép quanh co, quanh co thọ thỉnh lấy vật thí khắp kia. Nói riêng có ba:

1. Hoại pháp thứ tự tăng của Như lai.

2.Tổn hại phước của thí chủ vô hạn.

3. Lụy tự thân thủ, ở đây không nên lấy vật.

Kinh Tỳ Kheo Ứng Cúng Pháp Hạnh chép:” Nếu đệ tử ta có người thọ thỉnh riêng thì người nầy chắc chắn mất quả thứ nhất, quả thứ hai, quả thứ ba, quả thứ tư, không gọi là Tỳ-kheo, người nầy không được đi trên đất của quốc vương, không được uống nước của quốc vương, có năm trăm đại qủy thường đứng án trước mặt người đó. Tỳ-kheo nầy trong bảy kiếp không được thấy Phật, Phật không duỗi tay, không được thọ vật của đàn việt, năm ngàn đại quỷ thường theo sau người đó nói rằng: “Ông là tên giặc nguy hiểm trongPhật pháp”, là điều các Tỳ-kheo không nên làm. Trong thứ lớp tăng có Phật hóa tăng, Tứ đạo quỷ tăng, Bồ-tát tăng, Thất Hiền tăng, phàm phu tăng. Vì muốn cho đàn việt bốn phương được các thứ tăng như tế cho nên chở theo thỉnh riêng. Kinh Cư Sĩ Thỉnh Tăng Phước nói: Điền ý cũng giống như thế, cho nên Phật giới nầy

2. Thứ lớp:

Giới trước làm chủ thất nghi, giới này thọ thỉnh mất phép tắc

3. Giải thích tên gọi:

Trái với thứ lớp thọ thỉnh, rất là tai hại, giới ngăn lỗi này, nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

Có bốn duyên thành phạm:

Thân ở trong chúng

Lén thọ thỉnh riêng

Tiến thú phương tiện

Lấy vật liền phạm

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai duyên đầu đều không phạm, thiếu hai duyên sau phạm tội nặng phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Được vật có nhiều ít. Tâm thọ có hổ thẹn hay không? Đều có nặng nhẹ, y cứ theo đó.

7. Thông bít:

Luận đầy đủ có bốn câu:

Tăng thứ lớp thỉnh, tăng thứ lớp thọ.

Biệt thỉnh tăng, thứ lớp thọ

Hai loại này đều không phạm

Tăng thứ lớp thọ riêng, tội này rất nặng.

Thỉnh riêng thọ riêng, đây cũng có hai thứ

Nếu thí chủ thiết trái cúng bảy vị tăng, Tăng thứ lớp thỉnh sáu vị, thỉnh riêng một vị tăng trong số thứ tự này liền phạm tội nhẹ phương tiện.

Thỉnh tăng thứ lớp bảy vị, ngoài số đó thỉnh riêng tăng có duyên này, hoặc phạm tội nhẹ, hoặc không phạm. Còn nếu bệnh nặng, nếu đến người kia không thọ vật. Nếu đem hộ cho thí chủ khiến họ phát tâm Bồ-đề. Nếu khiến nhiều người phát tâm Bồ-đề thì không phạm.

8. Giải thích văn: Có bốn:

- Chế chung
- Định vật
- Hiển lỗi
- Kết phạm.

Câu một chế chung: nghĩa là không được thọ tất cả lợi dưỡng do thỉnh riêng về mình.

Câu hai: mà đây, v.v.... trở xuống là phân biệt định vật, nghĩa là vì

sao không được thọ riêng lợi này? Vì lợi này thuộc mười phương hiện tiền tăng. Nếu chẳng phải tăng thứ lớp thì nhất định không được thọ.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo tăng mất, vật nhẹ cũng thuộc tăng hiện tiền trong mười phương, tăng thứ lớp đâu được thọ?

Đáp: Tuy đồng thuộc mười phương, nhưng chế pháp này có khác. Họ lấy Yết-ma làm y cứ. Ở đây lấy Tăng thứ lớp làm giới hạn, đều theo pháp này thọ không lẫn lộn.

Câu ba: mà thọ riêng: Rõ ràng trong hiển lỗi lược hiển bảy lỗi:

Lấy vật của Tăng hiện tiền trong mười phương cho là vật chỗ nên được.

Vật của tám ruộng phước.

Vật của Phật

Vật của bậc Thánh

Vật của Sư tăng

Vật của cha mẹ

Vật của người bệnh.

Lấy vật này chung cho vật kia được

Câu 4. Cho nên kết phạm, nên biết.

28. GIỚI CỐ THỈNH TĂNG RIÊNG.

1. Chế ý:

Bồ-tát lẽ ra phải tự vẫn mạng sống để hộ pháp, đâu cho trái lời Phật dạy thọ thỉnh riêng người thân. Chính là chỗ gút mắt trong thế gian, đâu thành phước hội. Hiển iêng cũng có ba:

có hại cho giáo pháp thỉnh tăng thứ llớp của phật.

Mất vô lượng gốc lành của mình

Lầm lạc chúng sinh thường thọ học

Nên Phật chế giới này

2. Thứ lớp:

Giới trước vì ruộng phước nên không thọ thỉnh riêng, giới này vì thí chủ nên không thỉnh tăng riêng.

3. Giải thích tên gọi:

Tùy tình biệt khúc gọi, trái với bình đẳng thí. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên kấy đó đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ bốn duyên thành phạm:

- Lập ra hội thí
- Có tăng chúng

- Cố thỉnh riêng
- Thí rồi liền phạm

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai duyên đầu thành phạm, thiếu hai duyên sau kết tội phương tiện.

6. Nặng nhẹ:

Bốn duyên trên đều có nhiều ít, đều nhiều đều ít, lẫn nhau có nặng nhẹ, y theo đó nên biết.

7. Thông bít:

Nếu tăng thứ lớp đã đủ, không làm pháp thí khác, chỉ tôn trọng bậc cao đức. Riêng có sinh thiện diệt ác, lẽ ra không phạm. Tăng thứ lớp ngoài áp lực của vua, thỉnh chung lẽ ra cũng không phạm. Ngòai ra còn có vài câu, đều trái với trên***, y cứ theo đó.***

8. Giải thích văn:

Trong văn có năm:

Nói lúc thiết cúng

Chế thỉnh tăng theo thứ lớp

So lường hiển thắng

Trái phạm quy chế, phân biệt lỗi

Kết chỉ bày tên tội.

Câu một: Tại gia, xuất gia chánh thức được chế. " và tất cả đàn việt" là gồm dạy người thế gian, khiến họ được phước vô lượng, nghĩa là khi sắp thỉnh ruộng tăng muốn lập hội thí cho nên nói vậy.

Câu 2. nên nhập v.v... trở xuống là chế thỉnh Tăng thứ lớp. Nghĩa là dạy thí chủ đến trong tăng hỏi tri sự về việc tăng theo thứ lớp.

Ý nói may muốn lớp thỉnh: nghĩa là trình bày ý mình thỉnh chọn lựa chẳng phải thỉnh riêng nên nói vậy.

Câu" Tức Mười phương hiền thánh tăng. Hiển bày thắng đức, nghĩa là Mười phương Tăng chung cho phàm và thánh hòa đồng một vị. Nếu không có sự phân biệt theo lời dạy thỉnh tăng thứ lớp, được một người. Vì trong mười phương thì một là gồm cả mười phương, nên được phước tăng mười phương. Như trong biển cả uống một giót nước, tức là uống tất cả nước sông trong cõi Diêm-Phù-Đề. Nếu uống hết nước của một sông lớn, còn chưa được gọi là uống nước sông, huống gì uống một chút nước. Tăng thỉng riêng cũng như vậy.

Câu ba"Như người đời:"so lường để rõ chỗ hơn, nghĩa là thỉnh riêng 500 vị La hán, hoặc 500 vị Bồ-tát tăng. Như uống riêng nước của một con sông. Không bằng thỉnh một phàm phu tăng theo thứ lớp, như

uống một giọt của biển cả.

Hỏi: Đó là thỉnh tăng riêng, Tăng đâu phải người trong mười phương tăng, làm sao xếp vào trong mười phương tăng được.

Đáp: Thỉnh riêng chú tâm ở người đã muốn, chẳng phải khắp cả mười tăng này. Tăng thứ lớp không phải như vậy, thỉnh không phân biệt chú tâm gồm tất cả. Cho nên rộng rãi.

Câu 4 "Nếu thích riêng v.v... là" nói trái với phân biệt lỗi, lược hiển ba lỗi.

Ngoài tăng pháp nên gọi là ngoại đạo pháp.

Giới của Chư Phật bảy đời không có pháp này, chính là bên trong không có vậy.

Trái với tâm Phật nên nói không thuận hiếu đạo.

Câu 5. Nếu cố, v.v... trở xuống là

Kết chỉ bày tên tội, nên biết.

29. GIỚI KỶ THUẬT ÁC TỔN SINH

1. Chế ý:

Bồ-tát phải từ bi cứu vật không tiếc thân mạng, đâu cho phép vì lợi dùng pháp ác làm tổn hại người, làmđứt mất ba nhóm, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước trái với ruộng phước thù thắng, giới này học tập nghề nghiệp ác. Hơn nữa, giới trước làm mất điều lành, giới này tăng thêm việc ác, nên lấy đây đặt tên.

3. Giải thích tên gọi:

Học tập kỹ thuật ác, trái lý tổn hại. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

Cũng có bốn duyên thành phạm:

Khởi tâm ác

Vì lợi dưỡng

Học tập kỹ thuật ác

Hiện hành dụng nên phạm.

5. Thiếu duyên:

Thứ lớp thiếu bốn duyên đều phạm tội nặng, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Trong bốn nhân duyên này đều có nhiều ít, nặng nhẹ, y cứ theo trước nên biết. Còn ở đây chế 13 lỗi. Tự tay làm thức ăn, tự tay xay giã.

Hai tội này nhẹ. Ngoài ra đều phạm tội nặng.

7. Thông bít:

Nghĩa là tự tay làm thức ăn, bảy thứ công xảo có lúc hoặc thông. Sáu thứ còn lại không có pháp khai, trừ Thánh vị Bồ-tát quyền hình đồng sự, cho nên rất khó biết.

8. Giải thích văn: Có hai:

Nêu việc ác của thế gian.

Làm liền kết phạm

Tâm ác trước đó là gây nhân ác. Vì lợi là tạo duyên ác, mua bán là chỗ làm việc ác. Việc ác tuy nhiều nhưng lược có 13 thứ:

Bán sắc nghĩa là ở chợ dâm mua bán nữ sắc cho người nam, hoặc bán nam sắc cho người nữ. Y cứ người dạy bên dâm lý thật phạm tội nặng. Nay đứng bên huyễn thuật bán càng kết tội nhẹ, cho nên phạm hai tội.

Tự tay làm thức ăn là ác xúc phi pháp.

Tự tay xay giã là hoại sự sống và ác xúc

Hai việc này đều bị người đời chê bai.

Xem tướng nam nữ là xem cưới gã thích hợp nhau. Còn tướng trong thân là hắc tử văn v.v... Giải mộng có lành dữ, v.v....

Là nam hay nữ. Xem thai phân biệt nam nữ, v.v....

Chú: Là chú trớ, Còn dùng chú ác, chú rồng.

Thuật: Ếm đảo phù thư. Còn gọi là huyễn thuật, huyễn hoặc.

Công xảo, là thợ làm thuê để cầu lợi.

Pháp phục chim ưng: May mắt lại rồi điều phục nó cho thuần mới thả ra và sai nó sát sinh.

Hòa hợp trăm thứ thuốc độc: là dùng trăm chất thứ độc hòa thành thuốc độc, ngàn chất độc cũng vậy. Con số nhiều ít, lý phải có công năng mau chậm.

Rắn độc, lấy rắn năm tháng, năm ngày hòa hợp thành thuốc độc cho rắn ăn.

Kim ngân: giải hợp kim ngân để dối gạt mê hoặc người.

Cổ độc: cũng là loài rắn và mèo quỷ v.v.. làm tổn hại chúng sinh.

Câu"Đều không có tâm" kết tội ác tác, là nói không có từ tâm.

Câu hai: nếu cố làm v.v... cho nên biết.

30. GIỚI TRÁI GIỚI CẤM, LÀM VIỆC PHI PHÁP

I. Đại chế ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra tâm phải cứng rắn như kim cương giữ gìn giới cấm khiến cho bát dầu trong chúng không sót một giọt, phao nổi trong biển giới một lỗ nhỏ như hạt bụi cũng không phá hủy. Đâu cho phép có tâm ác như dâm, đạo, sát, chê bai. Để giữ giới này nên Phật mới đặt ra điều cấm nhỏ nhặt đây.

2.Thứ lớp:

Giới trước làm việc ác tổn hại chúng sinh, giới này nói công hành phá hủy giới cấm.

3. Giải thích tên gọi:

Tâm ác dữ dội không tránh nghiêm khoa. Giới ngăn ngừa lỗi này nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

Cũng có bốn duyên thành phạm:

- Khởi tâm ác
- Đối cảnh ác
- Tạo phương tiện
- Làm liền phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu bất cứ một duyên nào cũng phạm tội nặng phương tiện, cũng gốc ngọn phạm hai tội phương tiện. Y cứ theo đây suy nghĩ mà biết. Thứ lớp thiếu bốn duyên đều phạm tội nặng phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Trong bốn điều này đều có nhiều ít, Câu hay bất câu.

Nặng nhẹ y theo trước nên biết. Còn ở đây chê bai Tam bảo là tội rất nặng. Sát, Đạo nên xếp kế đó. Giới khác ít nhẹ nên biết.

7. Thông bít:

Trừ các bậc thanh si cuồng thị hiện đồng sự. Ngoài ra đồng phạm, lại có khai già, như mười giới trọng ở trước, nên biết.

8. Giải thích văn: Có ba:

Dùng tâm ác là nói gây nhân ác, nghĩa là không tin có nghiệp quả mà gây ra các tội, v...v..

Nói về chỗ tạo tội nghiệp lược nêu ba thứ:

Câu một.Như oán giả thân, nghĩa là giả hiện gần gũi nương theo Tam bảo để tự nuôi sống thân mạng, nhưng thật ra hủy báng Tam bảo, không hề tin thọ. Đây cũng phạm tội trọng thứ mười. “Miệng liền nói không” v.v.. là giải thích rõ giả tướng thân, thật ra là chê bai. Nghĩa là miệng giả nói không giống như lời Phật, trong hành động chấp có, chê báng lời Phật nói.

Câu 2. Người tại gia, v.v.. trở xuống là nói mai mối dâm uế, nghĩa là làm việc tư thông, hoặc làm việc vợ chồng, là thông truyền khéo léo, khiến họ ràng buộc chặt chẽ, đưa chúng sinh đến chỗ tội lỗi này, cũng phạm giới trọng thứ ba của thiên đầu, vì phạm tội dạy người hành dâm. Nay y cứ vào bên mai mối phạm thiên này. Đầy đủ như trước đã nói: Tam trai nhật hủy cấm, nghĩa là ba năm sáu tháng là khi ngoại đạo cúng tế để cầu ân phước. Nay ác kiến không bỏ đồng với họ mà làm nên thành sâu. Ba trường sáu ngọat, v.v... xét Luận Trí Độ chép: Đây là nói khi tạo tội. Trong chỗ tạo tội lược phân biệt có sáu thứ, hai câu đầu đều phạm giới nặng, vì gây ra trong lúc này, cũng gồm cả phạm thiên này. Hai câu sau là phạm tội nhẹ, nghĩa là ăn uống phi thời và phá hủy các giới oai nghi. Câu hai là kết tên tội nên biết. Trên đây đã giải thích riêng mười giới trọng xong.Từ đây trở xuống là kết khuyến chỉ rộng. Nghĩa là 10 giới trọng này, trong Phẩm chế giới của Kinh Đại bản có giải thích đầy đủ. Ở đây chỉ lược nêu danh tướng mà thôi.

31. GIỚI THẤY NGUY KHÔNG CỨU

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát thấy chúng sinh ở chỗ nguy ách, lẽ ra phải bỏ mạng mình để cứu giúp, đâu cho thấy Tam bảo và cha mẹ của mình bị người ác đem bán mà không cứu chuộc, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước cố phạm trong cấu, giới này không cứu bậc tôn quý bị nguy ách.

3. Giải thích tên gọi:

Từ chỗ ngăn ngừa đặt tên nên biết.

4. Đủ duyên:

Cũng có bốn duyên thành phạm:

- Là bậc được tôn trọng
- Thật đang bị nguy ách.
- Đích thân thấy biết
- Bỏ không cứu nên thành phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất phạm tội phương tiện. Thiếu ba duyên sau đều vô tội, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Cảnh tôn quý có nhiều ít, khổ ách có nặng nhẹ, thấy gần nghe xa, cứu giúp có khó dễ, hoặc đều, hoặc lẫn nhau, nặng nhẹ đồng y cứ như

trước suy nghĩ mà biết.

7. Thông bít:

Hoặc cuồng si, hoặc người đó xin nhiều vật sợ không có chỗ cầu xin, dù có bán thân cũng không đủ số, hoặc người đó làm hạnh Bồ-tát nên xả thân với họ chứ không muốn chuộc. Như thế đều vô tội. Trái với trên nên kết tội.

8. Giải thích văn:

Trong văn có bốn:

- Nêu việc nguy ách
- Nói chỗ tôn trọng trong đó.
- Chế khiến cứu chuộc
- Cố y trái nên kết phạm.

Câu thứ nhất”Phật nói” vì là đầu của Biệt phẩm này cho nên nêu lời đó. Câu trong đó trước nói lúc nguy ách, nghĩa là khi Phật còn tại thế không có việc này, nên nói “Phật diệt hậu”. Tuy sau Phật diệt độ nhưng tín tâm thuần hậu nên không có việc này, vì thế nói rằng trong đời thế.

Câu hai. Nói làm người nguy ách có ba:

1. Ngoại đạo vì tà tín
2. Người ác vì bất tín

Giặc cướp vì cầu vật

Câu hai. Bán Phật v.v... trở xuống là nói bậc tôn quý bị nguy ách, lược nêu ba vị:

Các hình tượng Phật, nghĩa là chỉ đem bán, hoặc muốn hủy báng,đều phải cứu chuộc.

Câu”hình tượng cha mẹ: hình tượng cha mẹ mình bị người khác bán.

Giải thích: Phật và Bồ-tát tôn trọng như cha mẹ, chẳng phải nói hình tượng cha mẹ.

Câu hai.”Bán kinh luật”

Câu ba. Bán tăng có bốn người:

- Tăng
- Ni
- Xuất gia
- Bồ-tát.

Bồ-tát xuất gia gọi là “Đạo nhân”. Câu “hoặc quan”, nói hai chỗ đã mua, nghĩa là hoặc người vào quan, hoặc tất cả người làm tôi tớ.

Câu 3 mà Bồ-tát v.v... trở xuống là nói vi phạm nên kết tội, nên biết.

32. GIỚI CHỨA NUÔI PHI PHÁP

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải từ bi cứu giúp làm lợi ích chúng sinh. Không cho nuôi chứa dụng cụ làm tổn hại tài mạng, cũng trái với ba nhóm giới, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước bậc tôn quý bị nguy ách không cứu, giới này làm tổn hại chúng sinh.

3. Giải thích tên gọi:

Nêu việc nuôi chứa dụng cụ xâm phạm tiền của và mạng sống của người khác, giới ngăn cấm lỗi này, nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

Có năm duyên:

- Vật phi pháp
- Vì tâm ác
- Cố nuôi chứa.
- Ỷ thế lực của quan
- Tổn hại chúng sinh.

5. Thiếu duyên:

Hễ thiếu bất cứ một duyên nào đều phạm tội nặng phương tiện. Y cứ theo giải thích mà hiểu.

6. Nặng nhẹ:

Bốn duyên trước mỗi uyên đều có câu bất câu, y cứ theo trước nên biết.

7. Thông bít:

Hoặc cuồng si, hoặc vì hộ pháp, hoặc vì điều phục chúng sinh lìa ác trụ thiện, lẽ ra không phạm, trái với trên đều kết. Đều y cứ theo đây nên biết.

8. Giải Thích văn:

Có hai:

- Nêu lỗi chánh chế.
- Cố ý trái phạm nên kết tội.

Câu một có sáu nghĩa:

Không được chứa bốn vật như đao v.v.......Đây là dao lớn, còn dao nhỏ thì không phạm. Gậy là khí cụ chẳng phải giới hạn một sắc.

Mua bán, người tại gia cho phép mua bán, nhưng không được dùng cân non thiếu, xâm phạm việc tính tóan của người để được. Đó là phạm tội nặng.

Cậy quan thế tục, dựa theo đó mà lấy vật

Ỷ quan thế tục để trói buộc, đánh mắng chúng sinh.

Ỷ thế lực của quan để phá hoại sự thành công của kẻ khác, đoạt sở hữu của kẻ khác.

Nuôi dưỡng mèo chồn, các luật nghi ác, lược có bốn loại như heo v.v... là bị giết. Ba loại khác là có thể giết.

Câu hai: Nếu cố v.v..... trở xuống là trái với quy chế nên kết phạm, nên biết.

33. GIỚI XEM NGHE LÀM VIỆC ÁC

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải ở nơi an tĩnh để suy nghĩ đạo. Không được theo dòng đãng chí mà lỗi với đạo nghiệp, hiển bày riêng có tám:

1. Mất thiền định
2. Thêm buông lung
3. Hoại phẩm lành
4. Diệt pháp hạnh
5. Vời lấy sự chê bai
6. Giáo hóa sai lầm
7. Hủy giới cấm
8. Thành nhân khổ, rất phá hoại đạo, cho nên Phật chế.

2. Thứ lớp:

Giới trước chứa trữ phi nghi, giới này xem nghe làm việc ác.

3. Giải thích tên gọi:

Xem nghe phi nghi, làm hay không nên làm. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

Trong đây có năm giới:

- Giới điều lành xem chiến đấu.
- Giới nghe nhạc
- Giới bài bạc
- Giới kỹ
- Giới làm sứ giặc.

Nhưng năm giới này đủ bốn duyên thành phạm:

- Có chỗ đối dùng
- Có tâm thú hướng
- Tạo cõi phương tiện
- Việc thành kết phạm.

Đều y theo đây nên biết.

5. Thiếu duyên:

Hai giới đầu thiếu hai duyên đều không phạm. Thiếu hai duyên sau thì phạm tội phương tiện. Ba giới sau, trong bốn duyên tùy thiếu một duyên nào đều phạm tội phương tiện. Y cứ theo thao giải thích nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Trong mười duyên đều có nhiều ít câu, bất câu. Y theo trước nên biết. Còn trong năm duyên này hai giới trước hơi nhẹ, ba giới sau là nặng. Ba giới đó theo thứ lớp hạ, trung, thượng nên biết.

7. Thông bít:

Trong hai giới trước hoặc bệnh hoặc giải trù, hoặc dùng âm nhạc cúng dường Tam bảo, đúng lý không phạm. Ba giới sau trừ si cuồng, còn tất cả đều phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có ba:

Xem chiến đấu với nhau: lấy đây để giải quyết kia không có nghĩa rõ ràng.

Lấy việc này để vui đùa tâm cuồng của mình.

Phát khởi tâm hại.

Kế nói xem chiến đấu có ba loại:

Các người nam chiến đấu với nhau: nghĩa là tướng đánh mắng.

Quân binh dàn trân

Tướng giặc chiến đấu với nhau, lại không có loại thứ ba. “Đẳng” là tất cả, những thứ khác không thể nói.

Câu hai: Cũng không được v.v... trở xuống là nói giới nghe âm nhạc. Trong đó nói lược mười thứ, chín thứ trước phân biệt chín thứ âm nhạc, một thứ sau kết chung với kỷ nhạc, đều có thể biết.

Câu ba: Không được v.v..... trở xuống là giới cờ bạc, trong đó có chín thứ hý.

Thứ ba là Ba-la-tắc hí, là phép binh hí của Ấn-Độ, nghĩa là hai người đều giữ khỏang 20 viên ngọc nhỏ, cỡi voi hoặc ngựa, ở cục đạo tranh được con đường quan trọng là thắng.

Thứ 4. “Đàn kỳ” nghĩa là dùng ngón tay búng con cờ văng xa là thắng.

Câu 5 “Lục bát” có 2 cách giải thích.

Tức song lục

Biệt số sáu loại bác hý.

Trước giải thích là định.

Câu sáu và bảy nên biết.

Câu tám là "Đề hồ" cầm gậy trong hồ như Kê khang, v.v...

Câu chín. Đi trên thành của tám con đường, nên biết.

Câu bốn" Qua cảnh" là nhờ nghe kể chuyện của nước Tây phương, dùng thuốc thoa lên trái dưa, chú nguyện liền hiện các việc lành dữ trong đó, nên gọi là qua cảnh (dương dưa).

Dùng cỏ thi để coi bói

Chú trong bát

Dùng sọ người để coi bói việc lành dữ, đều là việc của phàm ngu làm, đâu phải việc của người tu hành làm, nên Phật nghiêm cấm tất cả

Câu năm: Không được v.v.... trở xuống là nói trong giới giặc sứ. Nghĩa cùng giặc làm sứ trợ giúp thành nghiệp sâu nặng. Nếu y cứ thành rồi thì bên trộm phạm thiên đầu. y cứ vào làm, không nên làm thì phạm tội nầy.

Câu hai: mỗi mỗi v.v... trở xuống là chế chung.

Câu ba: nếu cố v.v... trở xuống là kết đều phạm, nên biết.

34. GIỚI GIỮ TÂM VỮNG CHẮC.

1. Đại ý chế giới:

Nghĩa của Đại tâm Bồ-đề là gốc của các hạnh, là nhân tố thành Phật. Nếu quên mất tâm này, thì muôn đức đều mất hết. Đã hư hoại ba nhóm giới, mất năm vị làm sao có Bồ-tát, nên phải chế giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước chế khiến dứt ác, giới này sách tấn khiến tu điều lành. Hơn nữa giới trước ngăn thân ngữ thô ác, giới này trong ý dứt niệm thô.

3. Giải thích tên gọi:

Nghĩa là một niệm tâm còn lập nghiêm chế, huống chi lỗi thô khác, nên theo chỗ ngăn mà đặt tên.

4. Đủ duyên:

Có ba duyên thì phạm.

- Chán đại hạnh của mình
- Duyên với quả tông kia.
- Bỏ chỗ này cầu chỗ kia.

Một niệm liền phạm.

5. Thiếu duyên:

Mỗi duyên thiếu đều phạm tội nặng phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Chán có sâu cạn, cầu có tạm thời, mãi mãi, nên có nặng nhẹ, y theo trước mà biết.

7. Thông bít:

Nếu năng lực túc tập tạm khởi hiện hành. Nếu mới phát tâm tạm khởi mất niệm. Nếu chỉ bày đồng với kia. Nếu điều phục chúng sinh thì đều không phạm, ngoài ra đều phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có bốn:

- Chế giới vững chắc.
- Chế giữ đại tín
- Chế hộ đại tâm
- Cố trái kết phạm.

Hai câu đầu trước nói pháp, nghĩa là chế bốn Oai Nghi, sáu thời tụng trì giới phẩm. Tự xem xét ba nghiệp không hủy phạm một mảy trần.

Câu hai: Trong dụ để nêu:

Như kim cương: giữ tâm vững chắc không thể phá hoại.

Giữ như phao nổi, như nói kiên tâm chánh trì giới phẩm, hoặc nhẹ hoặc nặng không phạm mảy may. Nếu phao nổi có một lỗ thủng thì sẽ chìm, xét Kinh Niết-bàn, v.v.....

Như cộng cỏ trói buộc một Tỳ-kheo. Theo Luận Trang Nghiêm nói có một Tỳ-kheo bị giặc bắt lột y phục lỏa hình nằm dưới đất, dùng cộng cỏ trói lại, suốt đêm không trở mình. Một vị vua nhân đi săn ngang qua thấy nằm lõa mình trong bãi cỏ, cho là ngoại đạo. Ngườu hầu cận thưa rằng:" Người đó là đệ tử Phật". Vua hỏi:"Sao ngươi biết?". Vì một bên vai của người đó đen, là tướng bày việc phải." Vua liền dùng bài kệ hỏi:

Mạnh khỏe có sức mạnh
Vì sao bị cỏ buộc
Suốt ngày không trở mình?

Tỳ-kheo đáp

Cỏ nầy rất nguy hiểm
Bứt đứt có khó gì
Chỉ vì Phật, Thế tôn
Giới Kim cương đã chế

Vua nghe xong phát tín tâm cởi trói và ban cho y phục, rước về cung may cho y phục mới và cúng dường các thứ. Cho nên biết giữ giới

nhỏ còn không tán mất thân mạng. Tiểu thừa còn như thế, huống chi Đại thừa?

Câu hai. “Thường sinh v.v.. trở xuống là” nói chế giữ Đại tín, tức biết mình là Phật chưa thành. Đây là tín nhân quyết định. Phật là người đã thành. Tin Phật như tin ta nay đã thành. Đây là tín quả. Do lòng tin này mà tu hành không lui sụt.

Câu ba. Phát tâm Bồ-đề v.v..... trở xuống là nói chế hộ đại tâm. Nghĩa là do tín tâm trước nên khiến tâm Bồ-đề niệm niệm nối nhau không tạm lìa cho nên nói.

Câu bốn: Nếu khởi v.v... trở xuống là nói vì trái phạm nên kết tội. Theo Tịnh Giới Phẩm trong Đại Bát-Nhã. Dù Bồ-tát khởi vô lượng tâm thế gian cũng không gọi là phạm giới. Khởi một tâm niệm Nhị thừa tức là hủy phạm tịnh giới Bồ-tát. Rộng hẹp có hạn lượng, đầy đủ như đã nói, nên biết.

35. GIỚI KHÔNG PHÁT ĐẠI NGUYỆN

1. Đại ý chế giới:

Đại nguyện huân tu khiến muôun hạnh thêm lớn: Không lập hoằng thệ khởi hạnh không lý do, cho nên phải chế.Kinh Hoa Nghiêm chép:”Không phát đại nguyện là nghiệp ma”.

2. Thứ lớp:

Giới trước là ngăn ngừa tâm không hướng về Nhị thừa, giới này thệ nguyện thú cầu đại hạnh.

3. Giải thích tên gọi:

Theo chỗ ngăn ngừa để chế mà đặt tên.

4. Đủ duyên:

Cũng có ba duyên:

Vô tâm khởi nguyện

Chẳng nguyện, sỡ nguyện

Lập nguyện mau quên nên thành phạm.

5.Thiếu duyên:

Đều phạm tội phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Do không phát nguyện phế bỏ việc tu hành, có nhiều ít,nên có nhẹ có nặng nên biết.

7. Thông bít:

Bồ-tát sơ tâm phải nhờ đại nguyện giúp thành đại hạnh., không phát thì phạm. Nếu đắc vị rồi túc nguyện lâu thành. Nếu không phát

nguyện mới, lý ra cũng không phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có hai:

- Chế phát đại nguyện
- Trác phạm quy chế kết phạm

Câu đầu có năm:

- Chế nguyện hiếu hạnh
- Nguyện được thầy bạn tốt.
- Nguyện nghe Đại pháp
- Nguyện đúng như lời dạy tu hành
- Nguyện hạnh vững chắc

Câu một. Nên thường phát hiện nguyện hiếu thuận đối với ba chỗ.

Cha mẹ là ân sinh dưỡng

Sư tăng là ân huấn đạo

Tam bảo là ân ruộng phước.

Đều là ân trọng nên thành cảnh hiếu thuận.

Câu hai: Thường nguyện v.v... trở xuống là chế nguyện hiếu thuận với Thầy bạn, có ba loại:

Thầy tốt, dạy Bồ-tát tu tập chánh hạnh

Thiện hữu tri thức, chưa hẳn là đồng sư, nhưng đồng hành giúp nhau. Đây đều là thành hạnh thắng duyên. Nên nguyện được điều đó.

Đồng học tốt: là đồng thầy đồng hạnh.

Câu ba: Thường giáo v.v.. trở xuống là nguyện nghe Đại pháp, nghĩa là dùng nguyện thượng thắng nhân, hy vọng dạy ta kinh luật Đại thừa. Đây là câu chung. Thập phát thú v.v.... là câu khác, nghĩa là con đường Bồ-tát đi đến quả Phật, tức là vị Tam hiền Thập thánh. Là chỗ quan trọng của sở hành, nên nguyện nghe hiểu.

Câu bốn: Khiến tà mạng, v.v.... trở xuống nghĩa là theo hiểu mà khởi hành, tức là hiểu được nguyện rồi, mỗi mỗi như thuyết dạy mà tu hành. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát cầu pháp rồi liền nghĩ rằng: “Như thuyết thực hành mới được thánh pháp, không thể chỉ dùng miệng nói mà được thanh tịnh. Kinh Niết-Bàn quyển bốn chép: Trong gần gũi cũng như thuyết tu hành là cuối cùng.

Câu năm: Giữ vững v.v.. trở xuống là nói nguyện hạnh vững chắc, nghĩa là vững chắc giới nguyện niệm niệm nối nhau.

Câu hai: Nếu tất cả, v.v... trở xuống là không nguyện kết phạm, nên biết.

36. GIỚI KHÔNG KHỞI MƯỜI NGUYỆN

1. Đại ý chế giới:

Nghĩa là không lập đại thệ, tự muốn giới hạnh hoặc khuyết tổn. Nên lập ra thệ nguyện ngừa tâm sách chí. Khiến giới hạnh trong sáng, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước đối với thuận khởi nguyện, giới này đối với nghịch lập thệ.

3. Giải thích tên gọi:

Đồng với trước nên biết.

4. Đủ duyên:

Ba duyên đồng nhưtrước.

5. Thiếu duyên:

6. Nặng nhẹ: đồng như trước.

7. Thông bít:

Hoặc bệnh, hoặc tạm quên, hoặc đắc vị, lẽ ra không phạm. Trái lại thì phạm tội.

8. Giải thích văn:

Trong văn cũng có hai:

- Trước ra mười thệ.
- Sau cố trái kết phạm.

Câu đầu có hai:

Trước là nêu chung hiển ý, nghĩa là trước phát mười nguyện rồi mới hiểu mà vững chắc giới Phật.

Câu hai: Phát nguyện ấy, v.v... trở xuống là riêng. Trong đó có 13 nguyện, 12 nguyện trước là đại thệ tự hộ giới, 1 nguyện sau là đại nguyện thành Phật. Trong phần trước ở giới dâm lập 12 đại thệ. Giới khác đều y cứ theo đó. Ở trong cặp thứ nhất phạm giới, lời thệ hầm lửa núi dao, thà dùng thân này so lường tiêu biểu chí đối lập lời thệ, nghĩa là hầm lửa núi đao chỉ hại một thân mình, Còn nữ sắc hại nhiều người. Còn trong thân người, dao lửa khổ hại chẳng phải nặng, nỗi khổ của lửa đường ác thật khó lường. Lại khổ nầy là nhất thời, khổ hai là nhiều kiếp. Sau khi tếh gian nầy bị hỏa thiêu hoặc sinh lên trời. Lửa phá giới mạng thiêu đốt chung đọa vào đường ác, lấy đây mà so sánh. Cho nên thà vào lửa mà không phạm giới, 11 vọng dưới là phá giới dâm ở trước, thọ của tín thí v.v..... lập Đại thệ nguyện, nghĩa là 6 tín thí đầu, 4 việc v.v... năm trần thượng diệu sau, v.v....

Đối với y áo của tín thí lập thệ nguyện như tấm sắt nóng quấn thân

là ba nghĩa nên lập các thệ nuyện này.

Của tín thí này người thọ phải giữ giới thanh tịnh. Nay phạm giới tức là trộm thọ.

Thí chủ tin lời Phật nói, xả bỏ lương thực, vợ con để làm phước thí cho họ. Nay phá giới cấm mà thọ tức là dối gạt thí chủ, hệ lụy Như lai.

Như lai đại từ, chia một chút tướng công đức, để pháp lại cho đệ tử được bốn việc. Không cho ăn ruộng phước của Phật mà hủy giới cấm của Phật. Kinh nói:"Người phá giới không được uống một giọt nước, quỷ mắng là tên giặc nguy hiểm, thế nên thà chịu quấn tấm sắt nóng, chứ không phá giới mà thọ của tín thí.

Đối với thức ăn của tín thí thệ nguyện như nuốt hòn sắt nóng ngọn lửa dữ.

Đối với giường của tín thí thệ nguyện như nằm giường sắt nóng.

Đối với phòng xá của tín thí, thệ nguyện như gieo vào sắt nóng.

Đối với tín thí thệ nguyện cung kính như dùng chày sắt đập nát thân.

Đối với tín thí lập thệ nguyện nhìn sắc đẹp như móc sắt nóng móc tròng mắt.

Đối với nghe tiếng hay, lập thệ nguyện như ngàn dùi nhọn đâm vào lỗ tai, nghĩa là khoét hết khắp thân cho đến tai, nên nói khắp thân khoét tai.

Đối với ngửi mùi thơm lập thệ nguyện ngàn dao bén cắt mũi.

Đối mùi vị thức ăn lập thệ như ngàn dao bén cắt đứt lưỡi

Đối với xúc chạm êm ái, lập thệ nguyện như dao bén chém thân. Năm trần trên đây đều phạm giới sở ứng, cho nên đối lập thệ.

Thường nguyện chúng sinh trước đã thành Phật trước mình.

Câu hai: Nếu không phát v.v.... trở xuống là nói cố trái với quy chế kết phạm, nên biết.

37. GIỚI VÀO CHỖ HIỂM NẠN

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát tu hành phải đầy đủ duyên giúp đỡ, chỗ hiểm nạn thiếu duyên, trái với lời dạy, trở ngại cho đạo, nên phải chế giới này.

2. Thứ lớp:

Trước nói về tâm hộ giới, tâm cứng rắn không tránh khỏi tro nóng rực, giới này thì nuôi thân lớ***n đạo, một khó khăn nhỏ đều lìa.***

3. Giải thích tên gọi:

Cũng được phòng ngừa được chế để đặt tên.

4. Đủ duyên:

Trong đây chế năm loại hành:

Đầu đà

Du phương

Tọa thiền

An cư

Bố-tát

Đều có đủ bốn duyên:

Tu hành

Biết là nạn

Không tránh xa

Vào trong đó liền phạm.

5. Thiếu duyên:

Đều phạm tội phương tiện, y theo đó nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Chỗ nạn có sâu cạn. Xả hạnh có nhiều ít, chê bai lỗi có dầy mõng. Đến đãi có nặng nhẹ, đều y theo suy nghĩ nên biết.

7. Thông bít:

Nếu tự mình điều phục tâm, hoặc điều phục chúng sinh, hoặc càng không có chỗ tạm thời ở trong, hoặc không cón có con đường tốt, lẽ ra không phạm, trái lại thì phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có bốn:

Chế chỗ tu hành

Nêu các chỗ nạn

Cấm không cho vào

Trái phạm quy chế kết phạm.

Câu một có năm hạnh:

Nêu chung ba môn

Giải thích riêng bốn việc

Trước nêu ba chỗ

"Hai thời Đầu đà, nghĩa là hai thời Xuân, Thu. "Đầu-đà", Hán dịch "Đẩu tẩu" nghĩa là phũi dũ hết phiền não.

"Đông, hạ ngồi thiền" hai thời này rất lạnh, rất nóng nên không ra ngoài được. Cho nên thu dấu chân để ngồi thiền.

"Kiết hạ an cư" nghĩa là y theo lời dạy tọa hạ tu hành nuôi lớn đạo, y theo giải thích nên có bốn du phương, năm Bồ-tát. Văn có lược nêu.

Thường dụng v.v.. trở xuống là nói chỗ dụng đạo cụ, trong đó có ba y, tượng Phật và Bồ-tát, nên có mười tám vật. Đều là cần dùng mang theo bên mình để tu đạo. Nên cho phép chứa.

Câu hai: "mà Bồ-tát ......", Bố tát, Hán dịch là Tịnh trụ, nửa tháng tụng văn giới một lần, xem xét ba nghiệp, nếu có phạm thì dạy sám hối, không phạm thì im lặng, giúp cho giới được thanh tịnh. "Đồng trụ" là tên cũ. "mới học" là chế người tụng giới. Nửa tháng là lúc Bố-tát. "Tụng mười trọng, v..v..." là nói giới sở tụng. Đối với chư Phật đẳng..." là nói chỗ tụng. Một người, v.v... là nói nghi Bố-tát. Mọi người, v.v... là nói đang thọ trì ba y.

Câu bốn: "Kết hạ v.v....." là giải thích riêng hạ an cư, đều khiến mỗi mỗi đúng như pháp, đối với lời Phật dạy. Đông, Hạ ngồi thiền lược bỏ không giải thích

Câu nếu lúc hành Đầu-đà v.v.... trở xuống là nêu các chỗ nạn. Lược nêu mười hai chỗ có nạn.

Quốc nạn ác vương: Vị vua nước kia không tin Tam bảo, người tu hạnh Đầu-đà không được vào nước đó.

Đất có cao thấp

Cỏ rừng dày dặc

Sư tử đen ăn thịt người

Cọp

Chó

Nước.

Lửa.

Gió.

Giặc.

Rắn độc bò qua đường.

Tổng kết tất cả chỗ có nạn.

Câu ba: Không được, v.v... trở xuống là cấm không nên đi.

Câu bốn nếu cố v..v... là trái phạm quy chế, kết phạm, nên biết.

38. GIỚI CHÚNG NGỒI TRÁI OAI NGHI

1. Đại ý chế giới:

Vì trái với thế tục nên không lấy già trẻ làm tôn ty. Vì thuận theo đạo nên chỉ dùng giới đức làm lớn nhỏ. Hiển bày khuôn phép tốt đẹp xuất thế, bẽ gảy kiêu mạn thế gian. Thuận hành ba nhóm, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước giúp tránh nạn nguy ách bên ngòai. Giới này giúp bên trong thuận với các oai nghi.

3. Giải thích tên gọi:

Cũng ngăn ngừa được chế đặt tên giới này.

4. Đủ duyên:

Có bốn duyên thành phạm.

Ở trong chúng

Biết số năm

Tạo thú phương tiện

Ngồi liền phạm

5. Thiếu duyên:

Thiếu hai duyên sau phạm phương tiện, hoặc chỉ lập hạnh đều cũng đồng phạm.

6. Nặng nhẹ:

Chúng có lớn nhỏ, ngồi có trên dưới, thời có nhiều ít, đều nhau. Nặng nhẹ y theo trước nên biết.

7. Thông bít:

Nếu si cuồng hoặc thân đang nói pháp. Hoặc nghi người đó lớn nên mình liền ngồi dưới, hoặc đại chúng ngồi định từ sau so với năm ba năm đều không phạm, trái lại đều kết phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có bốn:

- Nêu pháp chế chung
- Y cứ vào người mà định
- Quở trái, khen thuận
- Cố trái kết phạm

Trước lấy thọ giới trước sau để tính lớn nhỏ mà ngồi, tất cả còn lại đều như vậy. Luật chép:”Thấy Thượng tòa nên đứng dậy, không nên ngồi yên. Thấy hạ tòa khỏi đứng dậy.

Câu hai: Bất luận v.v... y cứ vào người mà biên định, có chỗ giải thích rằng: Khiến bốn chúng nhóm họp ngồi chung để nói lớn nhỏ, nay hiểu không phải như vậy. Trong chúng Tỳ-kheo tự phân biệt cao thấp. Ngoài ra chúng khác đều như vậy. Lớn nhỏ đều như vậy. Nam nữ, đạo tục không lẫn lộn nhau.

Câu ba, chớ như v.v... là phân biệt sai bày đúng, nghĩa là không gì bằng phân biệt sai khiến lìa. Phật pháp của tà mạng hiển bày điều đúng khiến tu.

Câu bốn. “mà Bồ-tát v.v... là trái chế kết phạm nên biết.

39. GIỚI NÊN GIẢNG HAY KHÔNG NÊN GIẢNG

1. Đại ý chế giới:

Các Bồ-tát dùng pháp cứu độ chúng sinh, khiến tránh khỏi tai nạn khổ ở hiện tại, vị lai. Giải thích riêng có bốn:

- Khiến cho thêm phước
- Trao pháp hạnh
- Trừ tai nạn
- Cứu tiên vong

Cho nên chế.

2. Thứ lớp:

Giới trước quy định oai nghi ngồi, giới này quy định dẫn dắt.

3. Giải thích tên gọi:

Theo quy định đặt tên, nên biết.

4. Đủ duyên: cũng có bốn:

Thấy chúng sinh

Biết nguy nan

Không từ tâm

Không dẫn dắt thì thành phạm

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên đầu, mà sau không phạm. Thiếu hai duyên giữa pham tội phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Thấy nguy ách có nhiều ít, dẫn dắt có khó dễ,tự thân có ngu trí, có không nặng nhẹ, nên biết.

7. Thông bít:

Nếu ngu không hiểu, hoặc có người giảng nên thỉnh, tất cả đều không phạm, trái lại thì phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có bốn:

Giáo hóa khiến tu phước

Phải giảng Phật pháp cho nghe.

Cứu khổ nguy nan cho họ

Trái chế kết phạm

Câu một là giáo hóa chúng sinh khiến họ làm sáu việc:

Xây dựng tăng phòng

Xây thiền thất trong núi rừng

Lập ruộng vườn cho Tam bảo

Xây tháp Phật

Làm chỗ ngồi thiền cho mùa Đông, mùa Hạ.

Tất cả chỗ dẫn dắt tu hành đều phải xây dựng, giúp cho người tu hành nương vào đó tu đạo.

Câu hai mà Bồ-tát v.v... giảng pháp, trao cho Đại thừa, khiến tu đại hạnh.

Câu ba nếu khi các nơi giặc giã nổi dậy

Câu 4. Khi tiên vong truy phước, đều nên nói các kinh này thiết trai cầu phước.

Câu hai "Đi lại trở xuống là" trong cứu tai ách có năm thứ:

Khi trị sinh bất lợi

Hỏa tai

Thủy tai

Phong tai

La-sát biển.

Nghĩa là sợ hãi các tai nạn kia đều phải giảng kinh Đại thừa.

Câu ba "cho đến" v.v... là nói cứu tội báo. Trong tất cả tội báo chỉ có Đại thừa cứu được. "Ba báo" là: Hiện báo, sinh báo và hậu báo. Diệt tội ba báo, bảy nghịch, tám nạn, nên biết.

Câu bốn là gông cuồn v.v... trở xuống là cứu lao ngục khó, nên biết.

Câu năm. Nhiều dâm, cứu các nạn ba độc, đều kết chung với nguy ách nói trên, đều nói Đại thừa cứu khổ.

Câu bốn mà người mới v.v... là trái với quy chế kết phạm.

Trên đây giải thích riêng chín giới, v.v.... trở xuống là nói kết khuyến chỉ rộng, nên biết."Phạm Đàn", Hán dịch là Mặc tẫn, do phi lý trái phạm không chịu điều phục, nên lấy đó để tu sửa. Trong đó nói nghĩa này, nên lấy nghĩa đó mà đặt tên.

40. GIỚI THỌ GIỚI PHI NGHI

1. Đại ý chế giới:

Chúng sinh không phát tâm, thì lẽ ra Bồ-tát cũng phải giáo hóa cho họ thọ giới. Không cho phép người từ ngàn dặm đến cầu, vì tâm ác mà không cho họ thọ giới. Trái với giới Nhiếp chúng sinh và cả ba nhóm, nên Phật chế giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước giảng về pháp dẫn dắt chúng sinh, giới nàythọ giới nhiếp vật.

3. Giải thích tên gọi:

Từ chỗ chế mà đặt tên nên biết.

4. Đủ duyên:

Có năm duyên:

Tự hiểu kinh luật

Người đó không bị già nạn

Người đó đến cầu giới

Mình có tâm ác

Người đó không được thọ giới liền phạm.

5. Thiếu duyên:

Thứ lớp thiếu mỗi duyên đều phạm tội phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Hiểu có sáng tối, cầu có siêng lười, ác tâm có nhiều ít. Không thọ trao có tạm thời hay vĩnh viễn, có hay không, nặng nhẹ y cứ theo đó.

7. Thông bít:

Hoặc bệnh hoặc vừa lành bệnh không có sức khỏe, hoặc ám độn. Hoặc người kia không thật cầu. Hoặc ngoại đạo giả đến. Hoặc có già nạn, tất cả không phạm, ngược lại đều phạm.

8. Giải thích tên gọi:

Trong văn có năm nghĩa:

- Nhiếp chung giới thí
- Dạy màu y của họ
- Hỏi già nạn để chọn pháp khí
- Quy định không lễ bái thế tục
- Trái với cầu kết phạm.

Câu một, trong đó có mười tám thứ, đã giải thích đầy đủ trong mười thứ đầu nên biết.

Trong đó có ba:

Câu một. Chế màu ca-sa. Ca-sát na, Hán dịch là Bất chính sắc, nghĩa là năm màu sắc chính, hòa lại với nhau thành mầu bất chính, gọi là hoại sắc.

Câu một “tất cả tạp y v.v... trở xuống là” nghĩa là chế mầu y khác.

Câu hai, tất cả cõi nước v.v.. là chế khác thế tục, nên biết.

Câu ba nếu muốn v.v... là hỏi già để chọn khí.

Trong đó cũng có ba:

Hỏi số hiện khí. Câu “Hiện thân v.v....” có hai nghĩa:

a.Phân biệt quá khứ, vị lai nên nói hiện tại.

b.Bảy tội nghịch này chưa sám hối, hiện tại tội còn, nên nói không

được cùng người phạm bảy tội nghịch hiện đời thọ giới. Nếu theo giáo tướng phải sám hối, nếu theo giáo tướng phải sám hối thì được.

Câu hai: Bảy tội nghịch là nêu tên chọn khí. Nghĩa của bảy tội nghịch này đầy đủ như chương khác.

Câu ba: Tất cả thứ khác v.v.... trở xuống là nói không nghịch đều được, nên biết.

Câu bốn: Nước xuất gia.v.v.. trở xuống là quy định thân không lễ bái người thế tục, nghĩa là tâm kính lý thì không phạm.

Câu năm: chỉ hiểu v.v... là nói trái với cầu, kết tội phạm nghĩa là chẳng phải bảy tội nghịch, nhưng hiểu lời Sư nói. Có từ trăm dặm đến cầu, nhưng sân không trao giới cho người đó, nên kết phạm.

Câu "Tâm ác v.v....." vì danh lợi, ganh ghét, chê bai, chấp oán. Câu tất cả nói chúng sinh có hai nghĩa:

Không cho giới, tất cả chúng sinh cầu giới.

Đây là tên giới

Giới Bồ-tát là gọi tất cả cõi chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh này phải đắc giới, nên nói như vậy. Ngoài ra đều nên biết..

41. GIỚI KHÔNG CÓ ĐỨC MÀ GIẢ LÀM THẦY

1. Đại ý chế giới:

Nếu không hiểu pháp trì phạm, nặng nhẹ của kinh luật Đại thừa mà làm thầy truyền giới cho người thì có bốn lỗi:

Khiến pháp chân thật diệt mất.

Khiến phi pháp thanh hành

Giáo hóa sai lầm, khiến cho người không được giải thoát.

Tăng thêm nghiệp ác của mình vì tham danh lợi, cho nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước thật có hiểu, đến cầu không cho, giới này thật không có đức mà gượng làm thầy, đều không nên.

3. Giải thích tên gọi:

Ngăn ngừa người kia trá lỗi, chế khiến thật học. Nên lấy đó đặt tên.

4. Đủ duyên:

Đủ bốn duyên thành phạm:

- Thật tự không biết.
- Giáo hóa cho người kia
- Tham danh lợi, v.v..

- Truyền giới liền phạm

5. Thiếu duyên:

Đều có tội phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Không biết có nhiều ít, chỗ giáo hóa có lợi độn. Tâm tham có nặng nhẹ. Trao giới có đủ thiếu, cũng đều có nặng nhẹ, nên biết.

7. Thông bít:

Nếu học chưa thành mà họ đến bức thỉnh, không vì lợi mà truyền thì không phạm, trái lại thì kết phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có năm:

1. Phân biệt đức của sư
2. Chế dạy đệ tử
3. Thật không hiểu biết gì
4. Vì lợi mà giả tuồng là hiểu
5. Truyền giới thì kết phạm

Nên nói "làm Pháp sư giáo giới"

Câu hai là thấy muốn v.v... là nói dạy đệ tử có bốn:

1.Dạy thỉnh hai thầy có hai cách:

Nghĩa là người thỉnh này, thầy truyền giới Bồ-tát như truyền mười giới Sa-di, giới Bồ-tát, v.v..

Xa thỉnh Phật Bản Sư Thích-ca Phật làm Hòa-thượng, đích thân thỉnh Thân giới Sư làm Xà-lê. Kinh Thiện giới chép: "Sư có hai hạng:

Không thể thấy như Phật, Bồ-tát tăng

Có thể thấy nghĩa là Giới sư.

Từ hai thầy mà được thọ giới Bồ-tát. Kinh Phổ Hiền Quán thỉnh năm thầy, nghĩa là thỉnh những vị thầy không thể thấy. Du-già v.v.. thỉnh một thầy, nghĩa là chỉ hướng về một vị thầy có thể thấy mà thưa.

Câu hai: Hai thầy nên hỏi, v.v... trở xuống là nói nên hỏi bảy già nạn, bảy già nạn tức là bảy tội nghịch. Vì trở ngại việc thọ giới nên gọi là Già. Kinh này đứng về Già nên hỏi riêng bảy việc. Nếu y cứ theo hai nghĩa Đại thừa, Tiểu thừa, kinh Thiện giới đứng về đức nên hỏi chung mười việc, đầy đủ mới được thọ giới.

Có thọ đầy đủ ba giới hay không? Nghĩa là năm giới, mười giới, giới cụ túc. Kinh đó y cứ vào Bồ-tát xuất gia, phải đủ ba giới này mới được thọ giới Bồ-tát.

Có phát tâm Bồ-đề không?

Có thật sự là Bồ-tát không?

Có thể xả mọi vật trong và ngoài không của mình?

Có thể không tiếc thân mạng hay không?

Có thể đối với tham mà không tham không?

Có thể đối với sân mà không sân hay chăng?

Có thể ở chỗ si mà không si hay chăng?

Có thể ở chỗ sợ mà không sợ chăng?

Có thể tùy theo tất cả Bồ-tát không mà mình đã thọ hay không?

Người thọ giới đều phải trả lời "Có khả năng". Nếu nói đầy đủ thì trước hết phải hỏi bảy già, rồi sau mới hỏi mười đức trên mới được cho thọ giới. Nếu Bồ-tát tại gia trong mười điều, còn lại đều hỏi. Kinh Thiện Sinh lại có câu hỏi khác, như câu "Như kia làm rồi có ba, nếu có trở xuống là" dạy sám 10 tội nặng, nghĩa là nếu có phạm 10 tội nặng thì dạy cách thức sám hối. Câu "Ngàn Phật ba đời", nghĩa là trong kiếp Trang Nghiêm ở quá khứ, Hoa Quang Như Lai là đầu, dưới đến là Lâu Chí Như Lai, là một ngàn vị Phật. Trong kiếp Tinh Tú ở vi lai, có Nhật Quang Như Lai là đầu tiên, dưới đến Tu-di Tướng Như Lai là một ngàn vị Phật. "Thấy tướng tốt" chẳng phải nói thấy trong mộng. Thức thấy rất khó, nếu được tướng này thì giới cũ trở lại đầy đủ, không cần phải thọ nữa. Nếu không được tướng này thì giới cũ đã mất, nên nói "Hiện đời không đắc giới". Đây là Thượng phẩm triền thọ nên mất giới. Nhưng được thọ nên nói "mà được đắc tăng thọ giới", "tăng thọ" là trùng thọ.

Sám tội khinh cấu, nghĩa là dạy đối thú sám. Như Tỳ-kheo sám tội Ba-dật-đề. Pháp luận phạm hai thiên sám này, có bốn loại:

Thượng triền phạm mười tội trọng, sám hối với Chư Phật mười phương.

Trung, hạ phạm mười tội trọng sám hối với bốn vị Bồ-tát tăng.

3. Phạm mười trọng trở xuống, là phương tiện nặng Đối thú sám

4. Khinh phương tiện trách tâm sám.

Trong hai tội khinh cấu là Đối thú bản tội và Phương tiện trách tâm, đều như trong Biệt tập có nói.

Câu năm "nhưng giáo giới Sư" trở xuống là nói ở trên đã nói khiến cho hiểu, nên nói mỗi mỗi khéo hiểu.

Câu ba "nếu không hiểu" là nói thật không có chỗ biết gì, trong đó có năm:

Câu một: "Không hiểu giới pháp", nghĩa là hoặc khinh hoặc trọng hễ, phạm là phi phạm, trì là phi trì.

Câu hai: "Không hiểu lý pháp" nghĩa là chân đế bình đẳng, không trái với thế tục.

Câu ba: “ Không hiểu vị pháp”, nghĩa là Tập chủng là Thập trụ, trưỡng dưỡng là Thập hạnh, Bất hoại là Thập hồi hướng, Kim cương tràng vị, Đạo chủng là Thập địa, nghĩa là Thánh đạo trị hoặc, cho nên nói. Chánh tánh là Phật vị. Chánh quả hiển bày.

Câu bốn: “Không hiểu hạnh pháp” là ở trên các vị quán hạnh nhiều ít, nhập định xuất định rõ ràng. Câu”Nhập định thiền chi” là năm chi của Sơ định, một chi của Nhị định, bốn chi của Tam định, một chi của Tứ định. Kinh này chẳng phải gốc nên chưa cần thực hành.

Câu năm: “Mỗi mỗi bất đắc ý...” là tổng kết vô tri.

Câu “mà Bồ-tát...” là nói về vì lời mà giả hiểu, trong đó có bốn việc giả hiểu pháp:

Lợi

Danh

Môn đồ

Cúng dường

Sau đó dối mình và dối người là nêu lỗi quở trách. Câu “cùng người, v.v... trở xuống là”nói làm rồi kết phạm, nên biết.

42. GIỚI NÓI GIỚI CHẲNG ĐÚNG CHỖ

1. Đại ý chế giới:

Giới luật chế trong chúng, là giới pháp bí mật, ngoại đạo và người ác lý không được nghe, nên Phật chế giới này, hiển bày riêng có ba:

Khinh giới phẩm của mình

Tăng thêm ác kiến cho người

Khiến cho người hủy báng.

Cho nên chế giới.

2. Thứ lớp:

Giới trước vì lợi giả hiểu, giới này vì lợi vọng truyền.

3. Giải thích tên gọi:

Không nên nói mà nói, giới ngăn ngừa lỗi này nên đặt tên.

4. Đủ duyên:

Cũng có bốn:

- Vì lợi
- Đối với người ngoài
- Tâm không mê
- Nói giới rồi liền phạm.

5. Thiếu duyên:

Hễ thiếu bất cứ duyên nào liền phạm tội phương tiện.

6. Nặng nhẹ:

Hoặc đối với quốc vương, hoặc người tu hành thuần tín, hoặc nói trước để chỉ bày có thể giữ được không, đều không phạm. Trái lại đều phạm.

7. Thông bít:

Nếu đối với quốc vương, hoặc người thuần tín tu hành, hoặc sắp tiến hành việc truyền giới, trước hết nói để chỉ bày hỏi có thể giữ được không, đều không phạm, trái lại đều có lỗi.

8. Giải thích văn:

Trong văn có bốn:

- Chế chung
- Thông bít.
- Giải thích người ác
- Trái chế kết phạm.

Câu "chưa thọ giới Bồ-tát", ở đây có ba thứ:

Hoàn toàn không tin đạo Bồ-tát nên không thọ.

Tuy không chê bai cũng không thể thọ

Trước khi thọ tin hoặc nghi.

Đều kết tội phạm

Câu hai "Ngoại đạo" v.v.. trở xuống là chấp trước ngoại đạo tìm lỗi Phật pháp. Nghe Phật nói giới tướng vụn vặt nên khinh hủy.

Câu ba: Người ác nghe nói giới luật mà khinh hủy pháp chúng, nên nói hay không. "Đại giới của ngàn Đức Phật"chẳng phải chỉ ngàn Đức Phật ở kiếp Hiền.

Câu 2"Tà kiến v.v....." nói trong Thông bít. Dùng giới này để chế theo trong chúng, lẽ ra không nên để cho họ nghe, như người giấu của báu không cho giặc thấy.

Câu trừ vua chúa, v.v... trở xuống: Phật pháp được phó chúc cho hai hạng người:

Đệ tử của Phật là nội hộ

Vua chúa là ngoại hộ.

Là người được Phật phó chúc nên nói cho họ nghe không phạm. Còn vua chúa là người có quyền lực, phải theo giới luật để sách lệ người tu hành, nên phải biết vậy. Ngoài ra tất cả đều không được nói.

Câu 3 "người nầy, v.v.. là" giải thích người ác, người ác có hai hạng:

Ngoan ngu: nghĩa là thân này không giới, tuy là người nhưng cũng như súc sinh. Vì gây nhân chẳng phải người nên thân sau mãi mãi không

thấy Tam bảo, như gỗ đá vô tâm, làm sao thấy được.

Ác kiến, nghĩa là tà kiến trái lẽ như gỗ đá phi tình.

Câu 4 mà Bồ-tát vv.v... trở xuống là chế nên kết phạm.

43. GIỚI PHÁ HỦY GIỚI CẤM

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra không nên tiếc thân mạng để giữ gìn tịnh giới, không cho phá hoại bản thệ của mình mà không sợ phá hủy giới cấm, vì vậy Phật nghiêm chế. Còn vì hộ tất cả giới phẩm cho vững chắc nên chế giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước không nên nói mà nói, giới này không nên phạm mà phạm.

3. Giải thích tê gọi:

Từ chỗ ngăn ngừa mà đặt tên

4. Đủ duyên:

Cũng có bốn duyên:

Thân có giới

Đối cảnh phạm

Cố khởi tâm

Vừa làm liền phạm

5. Thiếu duyên:

Câu một, ba không phạm. Câu hai, bốn phạm phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Cảnh có mạnh yếu, Tâm có nhanh chậm, phạm có nặng nhẹ, có khi vừa nhẹ vừa nặng. Y cứ theo trước mà biết.

7. Thông bít:

Giới này không chế riêng, chỉ khởi tâm phạm, giới khác tức cũng phạm giới này. Cho nên thông bít đều như các giới xứ nói nên biết.

8. Giải thích văn:

Trong văn có ba:

Câu 1. Tâm xuất gia là nêu bản thệ của mình, nên nói khởi tâm, v.v... là trái thệ kết phạm.

Câu 2”Không được” nói hiềm lỗi quở trách, trong đó có tám:

1. Cúng thí hoàn tòan không có một phần mảy may.

2. Mặt đất hòan tòan không có một phần đặt chân.

3. Ăn uống hoàn toàn không một giọt nước.

4. Hỏi:Người phá giới thì chỗ cúng thí không có phần cho nên như vậy. Đất nước của vua thì chúng sinh đồng cảm. Vì sao cũng không có phần?

Đáp: Người tại gia ăn uống trên đất nước của vua đều có đóng thuế, nhưng người xúat gia thì không đóng thuế. Lương thực là giới hạnh. Nay cả hai đều không có, thì đâu có phần đó.Không có phần mà dùng chẳng phải là giặc sao? Bốn quỷ chận đường mắng là giặc, đó chính là nghĩa này. Nói giới hạnh hoặc kim cương có thần giới che chỡ. Nay phá giới, Thần bỏ đi, thì có năm ngàn quỷ đứng án trước mặt người đó mà mắng người đó là giặc chà quét dấu chân sau lưng người đó.

5. Người đời cũng mắng người đó ở trong Phật pháp làm kẻ trộm hình tướng, trộm lợi dưỡng.

6. Tất cả chúng sinh không muốn nhìn, vì như kẽ thù mà giả người thân.

7. Phạm giới đồng với súc sinh, vì là thân tội đồng.

8. Câu "Đồng mộc đầu" là không biết gì.

Câu "Cố hủy v.v....." là hủy giới cấm nên kết phạm.

44. GIỚI KHÔNG KÍNH KINH LUẬT

1. Đại ý chế giới:

Vì giới là nhân lành thành Phật, nên giáo lý của Ngài phải được tôn trọng, huống chi mẹ của Chư Phật, Như lai, được các Sư rất tôn sùng. Há gì là trước đây, nên phật chế giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước khiến cho không hủy giới cấm, giới này khiến cho kính pháp

3. Giải thích tên gọi:

Ngăn ngừa người không kính trọng pháp, nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên: Cũng có bốn duyên:

- Đối thắng pháp
- Không có tâm kính
- Không cầu cúng
- Không làm liền phạm.

5. Thiếu duyên:

Thiếu bất cứ duyên nào cũng đều phạm tội phương tiện.

6. Nặng nhẹ:

Khinh có nhiều ít, tâm có khinh trọng, thân có giàu nghèo, làm có

tốt xấu, đều y cứ theo đó.

7. Thông bít:

Hoặc bệnh, hoặc nghèo, không được gì. Hoặc thường nhập định sâu, hoặc tham cứu độ chúng sinh, hoặc thường nói pháp, lẽ ra không phạm. Trái lại đều kết phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có năm:

Phải thọ trì

Phải đọc tụng

Phải biên chép.

Trước hết nêu nạn, nghĩa là lột da, “Hậu huống dị” nghĩa là da cây, nghĩa là có nhiều lá, da là da cây. Ngoài ra nên biết.

Câu 4. “Thường dĩ v..v...” trở xuống là cúng dường, biên chép. Có nói đầy đủ trong mười pháp hạnh.

Câu 5”nếu không v.v.. là trái chế nên kết phạm, nên biết.

45. GIỚI KHÔNG GIÁO HÓA CHÚNG SANH

1. Đại ý chế giới:

Vì tâm Bồ-đề là tâm thành Phật, nên chế các Bồ-tát phải giáo hóa chúng sinh, đều khiến họ phải phát tâm đại bi này. Kinh nói “Nếu dùng Tiểu thừa giáo hóa, thì ta sẽ rơi vào san tham, việc này hẳn không được.

2. Thứ lớp:

Giới trước đối pháp không kính, giới này đối với chúng sinh không giáo hóa. Cho nên đều phải thực hành.

3. Giải thích tên gọi:

Bỏ giáo hóa` chúng sinh trái với tâm đại bi. Giới ngăn ngừa lỗi này, nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên: Cũng có bốn:

Đối với chúng sinh

Không khởi tâm đại bi

Không khởi phương tiện

Không khuyên răn dắt dẫn nên thành phạm.

5. Thiếu duyên:

Mỗi duyên thiếu đều phạm tội phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ

Chúng sinh bị nạn, bi tâm có dày mỏng, phương tiện có nhiều ít. Không khuyên có tạm thời, mãi mãi cũng đều y theo trước.

7. Thông bít:

Hoặc bệnh, hoặc không sức khỏe, hoặc chưa hiểu, hoặc ngừoi đó khó giáo hóa, lý nên không phạm, trái lại đều phạm.

8. Giải thích văn: Có bốn:

1.Chế hóa con người, trong đó tâm đại bi là năng hóa, thành ấp là xứ hóa, tất cả chúng sinh là sở hóa, xướng ngôn là phương tiện hóa. Thọ ba quy y là Hóa sở đắc ích, chỗ này có hai nghĩa:

Thọ giới trước thọ ba quy y, sau nói mười giới tương

2. Có hai thứ thọ giới:

Thọ Bồ-tát ba quy y giới.

Thọ mười giới tướng.

Câu hai: nếu thấy v.v.. là nói giáo hóa loài súc sinh, nghĩa là người không hiểu biết, nên lấy lời này để cảnh giác thành huân tu, thì làm thắng nhân xa với họ. Như ngày xưa có một con trâu ăn cỏ trước tháp, nó ngẩng đầu lên nhìn thấy tháp, sau đó nó liền được độ.

Câu 3"mà Bồ-tá v.v.." là lập chế định vị, nghĩa là phải giáo hóa chúng sinh khiến họ phát đại tâm mới là Bồ-tát.

Câu 4 nếu không thấy v.v.. là trái chế nên kết phạm.

46. NÓI PHÁP TRÁI NGHI

1. Đại ý chế giới:

Khiến chúng sinh trọng pháp, tăng thêm Bồ-đề, tự mình trọng pháp thuận theo giáo mệnh. Vì thành tựu tự lợi và lợi tha, thuận theo nhóm giới, nên chế giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước dạy người phát tâm, giới này khiến người kỉnh pháp.

3. Giải thích tên gọi:

Theo chỗ ngăn ngừa mà chế ra giới này, cho nên lấy đây đặt tên.

4. Đủ duyên:

Có bốn duyên:

- Đối với người khác
- Trụ phi nghi
- Không khởi tâm
- Phát ra lời nói thành phạm

5. Thiếu duyên:

Mỗi duyên thiếu đều phạm tội phương tiện.

6. Nặng nhẹ:

Đáng nói, không đáng nói, trụ phi nghi có sâu cạn, không có tâm từ bi tạm thời hay mãi mãi, phát lới nói đủ hay thiếu. Đều y cứ theo trước nên biết.

7. Thông bít:

Hoặc người đó bệnh nặng, hoặc áp lực của vua đều không phạm. Trái lại đều phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có ba:

- Chế phi nghi
- Dạy phép tắc chân chánh
- Trái chế kết phạm.

Trước giữ bi tâm làm nhân giáo hóa chúng sinh, nên giáo thường khởi. Quý nhân phần nhiều kiêu mạn nên nên riêng điều đó.

Trái nghi có ba:

- Người ngồi mình đứng
- Người ở chỗ cao, mình ở chỗ thấp
- Người trên tòa mình ở phi tòa.

"Tòa cao" có nói đủ trong câu hai sau đây

Câu 2. "Nếu nói pháp v.v.." là nói dạy phép tắc chân chánh, có năm việc:

- Pháp sư ngồi trên tòa cao
- Dâng hương hoa cúng dường
- Người nghe pháp ngồi ở dưới
- Tôn kính pháp sư như cha mẹ
- Lãnh thọ giáo pháp của ngài như PhạmChí thờ lửa. Nhiếp Luận chép:" Nếu người thọ giới cụ túc còn yếu kém, nhưng có thể nói nhiều pháp lợi, phải nên cung kính cúng dường người đó như Đức Phật. Kinh chép:" Có người biết pháp hoặc già hoặc trẻ, đều phải cúng dường như Bà-la-môn thờ lửa.

Câu ba: Nói pháp v.v.. là trái với quy chế nên kết phạm. Không đúng như pháp có ba thứ:

Thân nghi là đứng

Tâm niệm là cầu danh lợi.

Ngữ nghiệp là phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp và ngôn từ thế tục.

Luận Trí Độ chép: " Các pháp hành và pháp Thật tướng mới là pháp thí. Ngoài ra đều phi pháp.

47. GIỚI LẬP CHẾ KHÔNG Đ1UNG PHÁP:

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải không tiếc thân mạng, che chở giữ gìn Tam bảo, mà lại cậy vào oai lực làm tổn hại chánh pháp, nên Phật chế ra giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước nói pháp không đúng nghi thức, giới này cậy vào thế lực làm mất đi sự tôn trọng của Phật pháp, nên Phật chế ra giới này.

3. Giải thích tên gọi:

Theo chỗ ngăn ngừa mà đặt tên.

4. Đủ duyên:

Cũng có bốn:

Tín tâm thọ giới

Ỷ thế lực cao quý của mình

Lập chế không đúng pháp.

Tổn hại Phật pháp nên thành phạm tội.

5. Thiếu duyên:

Thiếu duyên thứ nhất. Kết tội trọng chẳng phải phạm giới. Thiếu duyên thứ hai, kết tội trọng phương tiện. Thiếu hai duyên sau, đều phạm phương tiện, nên biết.

6. Nặng nhẹ:

Cậy oai lập chế, hoại pháp đều có nhiều ít, nên y cứ theo đó mà biết.

7. Thông bít:

Nếu cấm người ác không xuất gia, không cho đức tượng đem bán, thì không phạm, ngoài ra đều phạm.

8. Giải thích văn:

Trong văn có ba:

- Nói chung diệt pháp
- Hiển riêng tướng diệt
- Cố làm thành phạm

Câu đầu và giữa cũng có ba:

- Vốn dùng tín tâm thọ giới
- Ỷ lại tự cao
- Phá diệt Phật pháp

Câu hai: Nói về làm trở xuống là hiển bày riêng, có hai:

Chướng ngại việc xuất gia tu đạo của người.

Chướng ngại việc đúc tượng in kinh. Đây là phá trụ trì Tam bảo.

Khiến pháp chúng sinh ỷ lại vào pháp trụ trì. Nay đã tổn giảm, tội nặng. Tổng kết tội phá Tam bảo.

Câu 3”mà cố làm v.v....” là trái với lời dạy kết phạm.

48. GIỚI TỰ HOẠI NỘI PHÁP

1. Đại ý chế giới:

Bồ-tát lẽ ra phải giữ gìn chánh pháp của Như lai cho được rạng rỡ, mỡ mang chánh pháp rộng lớn để cho Phật pháp tồn tại lâu dài, đó là báo đáp ân sâu của Phật. Không thể cho phép chúng ta vì tài lợi của cá nhân mình mà phá hủy đồng đạo của mình trong thế gian, làm tổn hại chánh pháp của Như lai, nên Phật chế giới này.

2. Thứ lớp:

Giới trước ỷ lại uy lực của mình, giới này ỷ lại uy lực của người khác, mỗi giới đều tổn pháp, nên đồng chế.

3. Giải thích tên gọi:

Y cứ vào chỗ ngăn ngừa mà đặt tên.

4. Đủ duyên:

Cũng có bốn duyên:

Danh lợi

ở trước vua nói giới

Gây trở ngại một cách ngang trái.

Trói buộc người trong chúng.

Nên thành phạm tội.

5. Thiếu duyên:

Thiếu bốn duyên phạm tội phương tiện.

6. Nặng nhẹ:

Bốn duyên đều có nhiều ít, phạm tội y cứ theo đó.

7. Thông bít:

Nếu chế phục các Tỳ-kheo ác thì không tổn pháp, lý không phạm tội, ngòai ra đều phạm.

8. Giải thích văn:

Có năm:

- Nêu lỗi khiến lìa
- Nêu đức phải tu
- Nghe không khuyên tổn thương
- Huống tự thân làm.
- Cố làm nên phạm.

Câu đầu nêu gốc hảo tâm xuất gia. Câu hai. Vì danh lợi đối với

vua trước nói giới để ràng buộc.

"Tự thực... trở xuống là" Dụ hiển. Kinh Liên Hoa Diện chép:" Phật bảo A-nan:"Thí như sư tử chết, các chúng sinh ở trên không, hoặc dưới đất, hoặc trong nước, hoặc trên đất liền đều không ăn thịt sư tử được, chỉ có trong thân sư tử sinh ra các loại người tự ăn thịt sư tử. Nầy A-nan! pháp của ta cũng thế, không phải người mà khác phá hoại được, mà chỉ có các Tỳ-kheo tội ác trong pháp của ta mới phá họai được pháp mà ta đã chứa nhóm cần khổ tu hành trải qua 3 đại A-tăng-kỳ kiếp" mà thôi.

Giải thích: Pháp Phật người ngoài chẳng thể phá hoại được nên nói "Phi ngoại đạo".

Câu hai: Nếu thọ giới Phật.v..v.... là nêu đức chế tu, chế khiến cho hộ giới chí thành. Như mẹ hiền nhớ nghĩ đến con, như con hiếu thờ cha mẹ.

Câu bốn: Huống tự thân làm, đang làm và phá diệt làm nhân duyên.

"Không có tâm hiếu thuận" là nhân phá pháp.

Câu năm: Nếu cố v.v..... là nói làm thì kết phạm, nên biết.

Trên đây phân biệt chín giới đã xong.

Câu hai: Chín giới nầy là tổng kết khuyến học.

Trên đây hiển bày riêng giới khinh đã xong.

Câu hai: Các Phật tử v.v.. là tổng kết, đây là ba đời đồng tụng. Trên đây phân biệt nói sự nặng nhẹ của hai giới đã xong.

Câu ba: Các Phật tử lắng nghe v.v.. là tổng kết khuyên học. Trong đó có bốn:

Nêu Chư Phật đồng tụng, nghĩa là chư Phật, Bồ-tát ba đời và Phật Thích-ca tại nhân tại quả đều đồng tụng. Nên biết là yếu thắng.

Câu hai: Các thầy, v.v.... là khuyên chúng hành trì, nghĩa là nêu các chúng kia, lược khuyên làm năm việc.

Thọ trì, nghĩa là lãnh nạp gọi là Thọ, không quên gọi là Trì.

Đọc

Tụng

Giải thích

Biến chép.

Câu ba. "Phật tánh v..v..." là nói lưu thông không dứt, nghĩa là Phật tánh thường trụ, nói lên lý pháp vắng lặng. "Giới quyển lưu đẳng" là nói giáo pháp truyền bá lưu thông.

Giải thích: Phật tánh là nhân thành Phật vốn có sẳn."Quyển giới"

là ngoại duyên. "Truyền thọ" nghĩa là từ quá khứ truyền đến hiện tại, hiện tại hướng đến vị lai. Lần lượt truyền nhau, nên nói là " Không dứt"

Câu bốn: Được thấy nói lợi ích truyền trao, trong đó có ba:

Thấy được lợi ích của Phật, nghĩa là thấy trong kiếp Hiền có ngàn Đức Phật truyền trao.

Lợi ích lìa hẳn chỗ xấu ác.

Lợi ích được sinh chỗ tốt lành, nghĩa là sinh trong loài người làm thân đạo khí, nhiếp hóa chúng sinh.

Trên đây chính là phần Chánh tông đã xong.

Câu ba. Là phần kết khuyến lưu thông, trong đó có bốn:

Câu 1. Kết rồi lược thuyết

Câu 2 "Các thầy v.v...." là khuyên học

Câu 3 "Như vô tướng v.v...." là chỉ quảng văn

Câu 4 "Tam thiên v.v..." là nói chúng nên phụng trì, nghĩa trong phẩm kia mỗi giới đều nói đầy đủ, khiến cho 3 ngàn đồ chúng nghe rồi sinh tâm vui mừng.

Giải thích: Ba ngàn đồ chúng nghe Phật tụng lược bản này sinh tâm vui mừng thọ trì. Giải Thích văn đã xong.

Thuật lại bài tụng của ngài Hoài Tố:

Quảng bản Tỳ-ni tạng
Tạng Tỳ-ni Quảng bản
Nguyện đèn ma ni này
Thường soi mười phương cõi
Chỉ đường các chúng sinh
Đến chỗ Đại Bồ-đề.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 145

SỚ BỒ TÁT GIỚI BẢN

SỐ 1814
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1814

BÀI TỰA SỚ TRÙNG KHẮC GIỚI BẢN BỒ TÁT

Bồ-tát giới Bản trong kinh Phạm võng là khuôn phép lớn làm hưng thạnh pháp xuất thế trong ba đời, là yếu môn nhập đạo của bảy chúng, vì thế dường như có hơn mười nhà chú sớ, nay hiện còn chỉ có pháp Tạng, Thiên Thai, Minh Khoáng, Thái Hiền mà thôi, ngoài ra đều thành phế điển, thật là đáng tiếc. Bốn nhà biên chép là Lan, Cúc, Thiện, Mỹ, tức là giới tử thế tục theo phụ giúp người Thái Hiền. Nhưng trong sớ kia thường dẫn hai sớ chứng nghĩa giải văn của Sư Pháp Tạng và Nghĩa Tịch, các học Sĩ xem khắp không mệt mỏi, người đến xem rất ít, chỉ đáng tiếc một điều là sớ của Pháp Tạng tuy còn nhưng sớ của Nghĩa Tịch đã mất. Tôi có lần đến kinh tạng Thiền Lâm ở Lạc Đông, tình cờ chiêm bái được bìa sách còn sót lại. Vì lưu lại ở đời quá lâu nên bị mọt đục không ít, số truyện chép ra chũng bị tróc rất nhiều, dò xét toàn bản ở gần xa, người không dám trả lời, khen ngợi lúc tinh sương ở đây. Phía bắc thành có Pháp sư Hoằng Nguyện, từ lâu đã bí mật truyền sớ làm gia bảo, cùng lúc được đọc bản sớ mọt ăn của tôi, do đó mà bổ sung vào chỗ văn bị mất, đến nay ngài Tăng Triệu tìm được toàn bản. Hôm khác Họ Kỳ Quyết bỏ quyển sớ bị mọt đục kia vào trong tay áo, đến nói rằng: "Tôi mong được bổ khuyết, tôi khắc chữ thọ lên đó, vui mừng bèn tu bổ thêm vào. Luật Sư Mật Nghiêm Biện tìm tòi và truyền rộng ra để giáo huấn, tham đính các bản để cho họ Kỳ Quyết soạn xong, xin viết lời tựa. Tôi ngoài việc tùy hỷ quên cân nhắc sự thô kệch, liền ghi đầu đuôi đặt ở đầu quyển sớ, ngõ hầu được lưu thông không bị tắc nghẽn, xa nữa là truyền đến hội Long Hoa...

Ngày Bố-tát mùa hạ, năm giáp tý, niên hiệu Trinh Hưởng năm đầu, đệ tử giới Bồ-tát, Sa-môn Đổng Không Khâm Thức ở am Tri Túc thuộc Song Khâu.

SỚ BỒ-TÁT GIỚI BẢN

Sa-môn, Nghĩa Tịch người Tân-la soạn

QUYỂN THƯỢNG

Gốc của giới đức là từ Đạo sinh ra. Cho nên hưng khởi hạt giống giác ngộ nối tiếp làm hưng thạnh chánh pháp, cắt đứt sông dài lên bờ giác ngộ, cứu giúp hàm thức, đều do đây. Nên Đức Như lai đầu tiên ở dưới Cội Đạo thọ đặt ra giới Bồ-tát, thật chính là nền tảng vắng lặng phiền lụy, giải thoát trói buộc, gốc tu nhân chứng quả, hoàn toàn gọi là ngăn chặn, không có điều ác nào không được ngăn đứt, lại gọi là hiếu thuận, không có điều lành nào không được tu tập. Đề Cương thì mười chi vô tận, tổng mục thì sáu tám không bỏ sót, chiếu sáng đạo giác ví như vầng nhật nguyệt, trang nghiêm pháp thân ví như anh lạc, công đức xây dựng khó tỏ bày. Nhưng văn nghĩa trong giới kinh này sâu kín nên giải thích rất khó. Khoa trước, nêu giản lược ý nghĩa quay về. Giới pháp thì vô lượng, chỉ cần thọ tùy, thọ thì nghiệp trước sau giải thoát, đưa pháp vào thân, tùy thì giữ tâm, mới hiển bày phòng hộ. Phân biệt thọ có hai, trước là nói lên thuận duyên được thọ, sau cùng là rõ trái duyên mất thọ. Phận biệt đắc có bốn: Một là chọn đệ tử pháp khí, hai là chọn thầy có đức, ba là thọ nhận phép tắc, bốn là hỏi đáp dứt nghi. Trước là chọn đệ tử pháp khí, phải đủ hai duyên mới co 1khả năng làm pháp khí thọ giới, một là có điều thiện cảm giới, hai là không có điều ác chướng giới. Điều thiện cảm giới có hai loại, một là chủng tánh Bồ-tát, hai là phát nguyện Bồ-đề. Bồ-tát Địa chép rằng: Trụ Vô chủng tánh, Bổ-đặc-già-la vô chủng tánh, nên tuy có phát tâm và hành gia hạnh, nhưng quyết định không có khả năng được viên mãn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu không phát tâm, không tu gia hạnh, thì dù có kham nhiệm cũng không mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Trái với điều này, nên biết là mau chứng. Do đó đủ cả hai mới được cảm giới. Vì vậy, trong phần thọ pháp, hỏi kia về hai duyên, có thuyết đủ ba mới được cảm giới. Một có chúng tánh cao quý, hai có nguyện cao quý, ba là có hạnh tâm cao quý. Hai cao quý đầu như ở trước, hạnh cao quý thứ ba lược có mười loại:

Một đối với vô thượng Bồ-đề sẽ sinh tâm sâu xa, hai là suốt đời lìa ác tri thức, gần gũi thiện tri thức, ba là suốt đời hối lỗi, tùy hỷ khuyến thỉnh hồi, hướng về tăng trưởng Phật đạo, bốn là suốt đời tùy khả năng mình cúng dường Tam bảo, năm là suốt đời đọc tụng, viết chép Kinh Phương Đẳng, giải thích cho người nghe hiểu, sáu là đối với người cô độc cùng khổ,hoặc phạm tội đối với vua, tùy theo khả năng cứu hộ cho đến sinh một niệm bi tâm, bảy là suốt đời xả bỏ lười biếng, phát khởi tinh tấn siêng cầu Phật đạo, tám là khi sinh phiền não ở trong năm trần có thể tìm cách chế phục, chín là nếu đối với Vô thượng Bồ-đề sinh tâm nhàm chán lui sụt, đối với tiểu pháp sinh tham đắm tìm trừ diệt, mười là xả bỏ được tất cả sở hữu không tiếc thân mạng. Ba điều này là ba trì của Bồ-tát Thắng tánh là kham nhiệm trì, thắng nguyện là hành gia hạnh trì, thắng hạnh là đại Bồ-đề trì. Văn dẫn ở trước đã chứng minh điều này. Nên đủ ba điều này mới được cảm giới. Khi sắp thọ, nghĩa là phải có vặn hỏi trong đại bản, không hỏi điều thứ ba, mà đối với pháp khác có hỏi điều thứ ba. Thắng chủng tánh là có bản tánh do Bồ-tát huân tập thành, hai chủng tánh nói rộng như trong luận. Tâm Bồ-đề là đối với quả vô thượng khởi tâm quyết định chứng đắc, đối với tất cả hữu tình khởi nguyện chắc chắn cứu giúp. Phát ý vững bền trong hai việc này không có duyên khác làm cho chuyển đổi. Lại nữa, xem xét kỷ bản thân chứa đựng tánh đồng với Phật, nhưng vì thiếu nhân duyên trong ngoài, thân từ vô thỉ sinh tử đến nay, không hề có lúc nào thời phát chí nguyện cao quý, tùy duyên trôi lăn, không có ngày ra khỏi. Nay nếu một niệm phát tâm mạnh mẽ thì ba-a-tăng-kỳ tuy lâu nhưng chắc chắn có ngày. Bi trước hỷ sau, mồ hôi đầm đìa, không đoái hoài thân mạng là thệ quyết định, sinh tử vô biên, tôi chắc chắc dứt trừ, chúng sinh vô số tôi quyết cứu giúp, nguyện hạnh vô lượng tôi quyết tu, quả Phật vô tận tôi quyết chứng, như thế gọi là tướng phát tâm. Ác chướng giới là không, ra khỏi ba chướng: một là phiền não chướng, hai là nghiệp chướng, ba là báo chướng phiền não chướng.

Bồ-tát Địa chép rằng: Thế nào là chủng tánh Bồ-tát tự pháp trái với bốn tùy phiền não? nghĩa là buông lung vì quen huân tập các phiền não. Tánh trở thành phiền não mạnh mẽ lâu dài, đó gọi là bậc nhất.

Người ngu si, người không khéo léo nương vào bạn ác, đó gọi là thứ hai. Lại bị tôn trưởng, phu chủ, vua quan, giặc và oán địch.v.v... giam giữ, trói buộc, không được tự tại, tâm người ấy mê loạn, đó gọi là thứ ba.

Lại người bẩm sinh đã thiếu thốn nhưng quyến luyến thân mạng,

đó gọi là thứ tư. Luận đã nói đây là tự pháp chướng lý, cũng sẽ chướng điều lành thọ giới. Nhưng trong thọ pháp không có người hỏi riêng vì không quyết định. Chẳng phải bảy già nạn thì chắc chắn không đắc giới. Nghiệp chướng có hai loại: Một là bảy tội nghịch, hai là mười trọng. Bảy tội nghịch: Một là làm thân Phật ra máu, hai là giết cha, ba là giết mẹ, bốn là giết Hòa-thượng, năm là giết A-xà-lê, sáu là phá Yết-ma chuyển pháp luân Tăng, bảy là giết bậc Thánh. Bảy điều này tướng riêng đến văn sẽ nêu rõ. Văn chép rằng: Nếu đủ bảy già nạn thì sẽ không đắc giới, ngoài ra tất cả đều được thọ giới. Có văn chép rằng: Bảy tội nghịch không sám hối thì không được thọ giới, nếu sám hối thì được thọ giới. Nên Kinh Tập Pháp Duyệt chép rằng: Già-tha-Đà phạm năm tội nghịch bị vua kết tội, lúc ấy sợ hãi liền xuất gia làm sát na-môn, ngồi học đạo, tu hành mười đều lành ở nước khác, đêm ngày rơi lệ khóc than trãi qua ba mươi năm, vì cấu chướng năm tội nghịch nên tâm không được định, ở trong hang núi thường cất tiếng khóc: Khổ thay! Khổ thay! Phải dùng tâm gì trừ khổ này. Một hôm, ông muốn đi khất thực, buồn than xuống núi đến một ngôi làng nọ, lúc bấy giờ giữa đường gặp một cái bát lớn, thấy trong bát có tập pháp duyệt đà-la-ni xả khổ, được kinh này rồi thì không đi khất thực nữa, vui mừng trở về hang, thắp hương lễ bái vừa khóc vừa vui mừng kính mến, tu tập đọc tụng kinh ấy trong hang suốt một năm mới được diệt tội. Vì nghiệp chướng, nên không thể được nhập tâm, lúc ấy liền tắm gội sạch sẽ tu hành trong bảy ngày, như đứa trẻ mới học cẩn thận không dám có sơ suốt nhỏ, thực hành bảy ngày như thế, cẩn thận không khác, trong lòng buồn bã không biết ý thế nào, nên nghĩ tựa sách đà-la-ni này trải qua mấy lần chuyển tâm chợt được định. Lúc bấy giờ, tự vui mừng như người được trăm ngàn cân vàng mà mọi người không biết, trong lòng vui mừng không dứt, tu hành mấy năm bay đi vô ngại, nhìn thấy Chư Phật trong các thế giới ở mười phương. Nên biết tội nghịch sám hối cũng được dứt trừ. Tuy có thuyết này chưa phải là thật chứng, kinh này chỉ nói năng lực của kinh được diệt tội nhưng không nói được thọ giới Bồ-tát, nên phải càng nói rõ ngọn nguồn.

Về mười trọng thì có thuyết chép rằng: Trọng mười thì bốn phần trước đã là tánh tội, căn bản sự đồng với bảy tội nghịch, hiện thân có sám hối hay không sám hối thảy đều là chướng. Sáu trọng là khác, nếu sám hối thì không có chướng, không sám hối thì chướng. Nhưng văn kinh phạm mười trọng thì sám hối thấy được tướng tốt liền được thọ giới, nếu không như vậy thì không được. Đây là ngữ ý chung ở sáu giới trọng sau. Có thuyết chép rằng: Bốn nghiệp trọng ở trước phải sám hối

thấy tướng tốt liền được thọ giới, không thấy tướng tốt thì không được thọ giới. Sáu nghiệp nhẹ ở sau tuy không sám hối cũng được thọ. Mười giới trọng phải sám hối, đây là ngữ ý chung ở bốn nghiệp trước. Có văn chép rằng: Hiện phạm mười giới trọng không sám hối đều là chướng, nếu sám hối đều được thọ, văn không chọn riêng, cần gì tìm kiếm, thuyết cũ như vậy lại có ý riêng, đến văn sẽ rõ. Báo chướng là trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh không hiểu lời nói, vì trọng khổ nên không hiểu nhau, lý không được thọ. Lại trong cõi người ở bắc châu, ngoài loại bẩm tánh ngang bướng ngu si không hiểu nhân quả, ý chí yếu hèn không có tâm cương quyết. Các loài như thế cũng bị thọ chướng, nhưng hỏi trong già nạn không nêu riêng. Các tướng như địa ngục.v.v.... hiển bày bằng nhau không xen lạm, không cần hỏi, những loài ngu si thì hỏi phân biệt trong nguyện. Lại dựa vào kinh Bản Nghiệp, thì sáu đường đều được thọ, nên kinh ấy chép rằng: chúng sinh sáu đường thọ được giới, chỉ cần hiểu được lời nói thì đắc giới không mất, nên biết địa ngục có nhẹ có nặng, nặng thì không được thọ, nhẹ thì được thọ. Trong ba cõi thì cõi, sắc mất lời nói, cõi vô sắc thì rõ ràng không nói, một cũng không ngăn được. Lại theo Bồ-tát tại gia thọ giới cận sự, lại còn có già nạn, nên phải hỏi đáp. Pháp thọ chép rằng: Lúc ấy, Tỳ-kheo phải nói như vầy: Cha mẹ, vợ con, tôi tớ chủ nước của ông có cho phép không? Nếu nói rằng cho phép, lại phải hỏi rằng: Ông không hề lấy vật của Phật, Pháp, Tăng và vật khác phải chăng? Nếu nói không thì lại phải hỏi rằng: Nay trong thân ông không có bệnh trong ngoài thân tâm phải chẳng? Nếu nói không thì lại hỏi rằng: Ông không làm việc phi pháp với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phải chăng? Những việc như thế cũng là chướng giới nên phải hỏi để phân biệt. Đức của Thầy là phải đủ bốn đức mới xứng đáng làm Thầy truyền giới Bồ-tát. Một là đồng pháp Bồ-tát lựa chọn khác với nhị thừa, hai là đã phát nguyện lớn, phân biệt với chưa phát tâm, ba là có trí có lực, nghĩa là đối với văn nghĩa có thể hiểu, có thể thọ trì, bốn là trong lời nói nêu nghĩa có thể truyền trao, có thể khai mở, nghĩa là ngôn ngữ tranh luận nói pháp truyền trao cho, khai tâm người khiến cho họ hiểu. Lại Pháp Sư La-thập nói rằng: Có đủ năm đức mới nên làm thầy: Một là giữ vững tịnh giới, hai là đủ mười tuổi hạ, ba là khéo hiểu tạng luật, bốn là khéo thông thiền tư, năm là tận cùng chỗ sâu xa của kho trí tuệ.

Lại Bồ-tát Địa chép rằng: Các Bồ-tát không cầu thọ giới Bồ-tát với tất cả người lìa trí tuệ. Người không có tịnh tín thì không nên cho thọ, nghĩa là đối với tịnh giới sở thọ như thế, ban đầu không tin hiểu thì

không thể hướng về chỗ bất thiện mà tư duy, có ngươi san tham là san tham dối trá, có người đại dục, người không thích cố gắng, không nên theo thọ. Ngnười hủy tịnh giới, các học xứ không cung kính, đối với luật lai chậm chạp thì không nên theo thọ. Có người phẫn hận, phần nhiều không nhẫn nhục, đối với sự trái phạm của người khác không chịu đựng được thì không nên theo thọ. Có người lười biếng, có người uể oải, phần nhiều mê mãi ưa thích ngồi nằm đêm ngày ngủ nghĩ, ưa hợp bạn bè vui chơi cười nói thì không nên thọ với họ. Người tâm tán loạn, dưới cho đến người không thể làm ra sữa bò, khoảnh thiện tâm trụ một duyên tu tập thì không nên theo thọ. Có ngươi mờ ám, người ngu si, người có tâm rất xấu xa, phỉ báng Tô-Đát-lãm tạng của Bồ-tát và Ma-Đát-Lý-Ca của Bồ-tát tạng thì không nên theo thọ. Ý văn này là xa lìa không tin và sáu tệ chướng. Người đầy đủ tịnh tín và sáu độ mới xứng đáng làm thầy. Như vậy thì người thọ và người truyền giới Bồ-tát, có pháp khí làm trò không dễ, có đức làm thầy rất khó. Nếu năng sở hợp nhau, thọ và trao cả hai đều đúng như pháp thì nối thạnh hạt giống giác ngộ, nâng đỡ cội đạo thọ, sẽ được có ngày hẹn. Phép tắc thọ giới lược có sáu môn. Một là hiển đức khuyến thọ, hai là dối duyên hơn kém, ba là bảy chúng chung riêng, bốn là lớn nhỏ trước sau, năm là minh chánh thọ pháp, sáu là hiệu lượng hiển thắng. Về hiển đức khuyến thọ, văn chép rằng: Chúng sinh thọ giới của Phật liền bước vào ngôi vị Chư Phật, đồng với bậc Đại giác, đã thật là đệ tử của Chư Phật. Kinh Bản Nghiệp chép rằng: Vào biển Tam bảo lấy niềm tin làm gốc, ở trong nhà Phật lấy giới làm đầu. Mới thực hành giới Bồ-tát, hoặc nam hoặc nữ lúc người phát tâm xuất gia kế thừa ngôi vị Bồ-tát trước phải thọ giới chánh pháp, giới là nền tảng của tất cả hạnh công đức tạng. Đang nói tất cả bản hạnh của quả Phật, là giới có công năng dứt trừ tất cả đại ác, bảy kiến chấp, sáu trói buộc, gương sáng chánh pháp. Lại nói rằng: Phật tử thọ mười giới vô tận rồi thì vượt qua bốn ma và khổ trong ba cõi, từ kiếp này đến kiếp khác đều không mất giới này, giới nầy thường theo người tu hành cho đến thành Phật. Nếu tất cả chúng sinh ở quá khứ, hiện tại, vị lai không thọ giới Bồ-tát này thì không gọi là người có tình thức, không khác gì súc sinh, không gọi là người, thường xa lìa biển tam bảo, chẳng phải là Bồ-tát, chẳng phải là nam nữ, cũng chẳng phải là quỷ hay là người, gọi là súc sinh, gọi là tà kiến, ngoại đạo, không gần tình người. Nên biết giới Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp xả, có phạm mà không mất, tận mé vị lai. Lại Pháp sư ở trong tất cả cõi nước, giáo hóa được một người xuất gia thọ giới Bồ-tát thì Pháp sư này được phước lớn hơn xây

dựng bốn mươi tám ngàn ngôi tháp, huống chi còn giáo hóa hai người, ba người, cho đến trăm ngàn người thì quả phước không thể cân lường. Vị sư ấy, chồng vợ sáu thân thay nhau làm thầy truyền giới, người thọ giới thì vào trong số Bồ-tát của các cõi chư Phật, vượt qua ba kiếp khổ sinh tử, cho nên phải thọ. Người có giới mà phạm còn hơn người không có giới mà không phạm, có phạm gọi là Bồ-tát, không phạm gọi là ngoại đạo. Đối duyên hơn kém thì kinh chép rằng: Thọ giới có ba loại: Một là Chư Phật, Bồ-tát hiện ở trước thọ đắc giới thượng phẩm chân thật, hai là sau khi Chư Phật, Bồ-tát diệt độ, trong ngàn dặm có người thọ giới, trước, thỉnh Bồ-tát làm Pháp sư dạy truyền cho ta, ta trước lễ dưới chân, phải nói như vầy: Thỉnh đại Tôn giả làm Thầy truyền giới cho con, đệ tử ấy đắc giới chánh pháp là giới trung phẩm; ba là sau khi diệt Phật diệt độ, trong ngàn dặm chỗ không có Pháp sư phải ở trước hình tượng Chư Phật Bồ-tát quỳ thẳng chấp tay thệ thọ giới, nên nói như vầy: Kính bạch Phật và đại địa Bồ-tát ở mười phương... con học tất cả giới Bồ-tát, là giới hạ phẩm (lần thứ hai thứ ba cũng nói như thế). Phật tử nầy là ba thứ thọ giới mà Phật quá khứ đã nói, Phật vị lai sẽ nói, Phật hiện tại nay đang nói, các Bồ-tát quá khứ đã học, các Bồ-tát vị lai sẽ học, các Bồ-tát hiện tai đang học là giới chánh pháp của Chư Phật. Nếu tất cả Phật, Bồ-tát không vào môn giới pháp này, mà đắc đạo quả vô thượng bình đẳng như hư không thì không có việc ấy. Bảy chúng chung riêng là trong ba thứ giới: giới nhiếp thiện pháp, giới nhiếp chúng sinh tướng đạo tục phần nhiều giống nhau; giới nhiếp luật nghi: nghi thức của bảy chúng mỗi chúng đều khác. Nay sẽ phân biệt sự chung riêng của luật nghi: Quy tắc thọ giới luật nghi có hai: Một là cho hai phần khác thọ chung, hai là cho hai phần khác thọ riêng. Phép tắc thọ chung của bảy chúng không khác, vì chung cho ba giới mà thọ chung, nên một lần Yết-ma mà chung cho cả bảy chúng kia, cho đến tùy tướng đã trì mỗi tướng đầu khác nhau, cách thọ của Địa Trì chính là ở đây. Nếu thọ riêng thì pháp của bảy chúng có khác. Nếu hai chúng tại gia, thọ năm giới cho đến tùy tướng. Lại nói sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh, đủ như kinh Thiện Sinh Ưu-Bà-Tắc. Trong đạo, đầy đủ hai chúng thọ pháp, theo bạch Yết-mà từ mười chúng.v.v... Kinh Niết-Bàn chép: Thọ thế giáo mới thì bạch bốn lần Yết-ma rồi sau đó mới đắc, chính là ba chúng dưới đây, mỗi chúng đều y theo pháp của mình giống như Thanh văn. Đại tiểu trước sau, trong đó có hai: Một là trước tiểu sau Đại, hai là trước Đại sau tiểu. Nếu trước thọ giới Tiểu thừa, sau thọ giới Đại thừa, giới Tiểu thừa trước là bỏ hay còn, lại giới không giết hại.v.v...

Giống với Thanh văn, đổi mới lại được là ngay giới trước. Một là: Nếu khi hồi tâm, tiểu chuyển thành đại, nên giới Tiểu thừa trước không xả mà còn, nhưng chẳng thể gọi là giới Tiểu thừa. Vì hồi tâm nên chung giới của Thanh văn lại không thêm mới. Nếu lúc không thọ giới chung thì lúc thọ mới được. Hai là khi hồi tâm mới thọ, tuy không xả giới trước nhưng do tâm cầu mong có khác, lại thêm lìa giới sát.v.v... Như khi thọ giới cụ túc lại được lìa giới sát.v.v... Trước đại sau tiểu là nếu bỏ Đại theo Tiểu thì mất giới Đại thừa. Nếu không bỏ giới Đại thừa mà thuận theo học giới Tiểu thừa, thì không mất giới Đại thừa ở trước, tuy thọ giới Thanh văn cũng không gọi là người Tiểu thừa. Phương pháp chánh thọ thì theo Bồ-tát Địa gồm có tám: Một là thỉnh Sư. Văn chép rằng: Nếu các Bồ-tát muốn học ở chỗ Bồ-tát ấy thì phải tu học ba thứ giới tạng, hoặc là tại gia, hoặc là xuất gia, trước phải phát nguyện rộng lớn đối với vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sau đó phải tìm hỏi Bồ-tát đồng pháp đã phát đại nguyện, có trí có lực, đối với lời nói hiểu ý nghĩa để truyền, để khai, ở chỗ Bồ-tát đầy đủ công đức cao quý như thế, trước nên lễ dưới chân, thỉnh như vầy: Nay con muốn thọ tịnh giới Bồ-tát với người thiện nam, hoặc với trưởng lão, hoặc Đại đức, nguyện xin trong giây lát không từ mệt nhọc thương xót cho con được thọ; hai là cầu lực. Văn chép: Đã là như vậy không thỉnh ngược lại, đã vén ý bày vai phải, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn ba đời mười phương, các chúng Bồ-tát đã nhập vào đại địa được trí tuệ lớn, được thần thông lớn, hiện tiền chuyên niệm các công đức ấy; ba là khất giới. Văn chép rằng: Tùy theo chỗ có công năng nhân lực, sinh giới tâm thanh tịnh lớn, tâm tịnh nhỏ, ở chỗ Bồ-tát cao quý có trí có lực, nhún mình cung kính, gối quỳ sát đất, hoặc quỳ thẳng đối trước tượng Phật, thỉnh như vầy: Nguyện xin Đại đức, hoặc Trưởng lão, hoặc người thiện nam, thương xót truyền tịnh giới Bồ-tát cho con; Bốn là nuôi lớn tâm thanh tịnh. Văn chép rằng: Thỉnh như thế rồi, chuyên niệm một cảnh nuôi lớn tịnh tâm. Nay tôi không bao lâu sẽ được kho công đức vô tận vô lượng vô thượng, liền theo suy nghĩ việc ấy rồi đứng im lặng; năm là hỏi duyên: bấy giờ, Bồ-tát có trí có lực ở chỗ kia sẽ thực hành chánh hạnh Bồ-tát. Để không loạn tâm, hoặc ngồi, hoặc đứng mà nói như vầy: Ông cho phép gọi người thiện nam như thế hoặc là cho phép gọi pháp đệ thính. Ông có phải là Bồ-tát chăng? Kia nên đáp "phải". Phát nguyện Bồ-đề chưa? Nên đáp là đã phát; Sáu là chánh thọ, từ đây về sau phải nói như vầy: Ông gọi là người thiện nam giới pháp đệ như thế, muốn thọ tất cả học xứ và thọ tất cả tịnh giới của các Bồ-tát ở chỗ ta, nghĩa là giới nhiếp luật nghi, giới nhiếp thiện pháp

và giới nhiêu ích hữu tình. Học xứ và tịnh giới này tất cả Bồ-tát thời quá khứ đã có, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ có và rộng đến tất cả Bồ-tát hiện tại ở mười phương đang có. Học sứ và tịnh giới như thế tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vi lai sẽ học, tất cả Bồ-tát hiện tại đang học ông có khả năng lãnh thọ hay không? Đáp rằng khả năng lãnh thọ. Người trao giới Bồ-tát lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như thế, người thọ giới Bồ-tát thứ hai thứ ba cũng trả lời như thế. Người có khả năng truyền giới Bồ-tát hỏi như thế đến lần thứ ba trao tịnh giới xong, người có khả năng thọ giới Bồ-tát đáp như thế, cho đến thọ tịnh giới lần thứ ba xong; Bảy là tác bạch thỉnh chứng minh rộng như văn kia; Tám là làm lễ lui ra. Văn chép rằng: Đã làm việc Yết-ma thọ giới Bồ-tát.v.v... Như thế xong, người truyền giới và thọ giới đều khởi thân cúng dường Chư Phật, Bồ-tát ở cùng khắp vô biên thế giới trong mười phương, đảnh lễ dưới chân, cung kính lui ra. Phép tắc truyền giới của các sư chẳng phải một, còn dựa vào Địa trì, lược kể như thế, các thuyết khác nhau nên tìm các bản gốc. Hiệu lượng hiển thắng là Bồ-tát đã thọ giới luật nghi như thế, đối với tất cả chỗ thọ luật nghi giới khác rất cao quý vô lượng, là chỗ của vô lượng vô biên đại công đức tạng đi theo, là chỗ phát khởi ý vui trong tâm vô thượng Bồ-đề bậc nhất, có công năng đối trị tất cả hữu tình, tất cả hạt giống ác hạnh, tất cả luật nghi biệt giải thoát, đối với giới luật nghi Bồ-tát này trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, tính đếm ví dụ Ô Ba Ni Sát Đàm phần cũng không bằng một, nhiếp thọ tất cả công đức lớn. Hỏi đáp dứt nghi là hỏi: Thanh văn thọ pháp, không hỏi chủng tánh và nguyện, vì sao ở đây lại hỏi hai việc này? Đáp: Giới biệt giải thoát, ba thừa đều thọ chung, pháp thọ hoàn toàn tùy nguyện mà chung thành, do đó không còn hỏi lệch về một họ, cũng không nên hỏi chung có ba họ không? Chưa chắc biết rõ theo một họ, nên hoàn toàn không hỏi dòng họ, hỏi nguyện cũng bỏ, nhưng làm cho không có già nạn, chung cho cả ba thừa ví được theo sau, tu hành đều thành đạo quả.

Hỏi: Ba chướng đều chướng giới, vì sao lại cứ hỏi lệch về nghiệp?

Đáp: hễ văn hỏi thì chắc chắn có hai nghĩa: Một quyết định là chướng, hai là trong tướng có sự lộn xộn, trong nghiệp bảy tội nghịch có hai nghĩa mới, chắc chắn là chướng vì lỗi ấy quá nặng, hai là tướng có lẫn lộn vì không nêu riêng. Bốn là tùy phiền não không nhất định là chướng, địa ngục... không lẫn lộn vì tướng riêng để biết, cảm quả báo không cần hỏi. Hỏi: có bốn, năm đức mới kham làm Thầy, vì sao Kinh

cho phép vợ chồng làm thầy lẫn nhau?

Đáp: Thọ giới tại gia thì có thể như kinh, năm chúng xuất gia phải đủ các đức. Hỏi: Có người nói phải thọ giới Thanh văn trước, sau đó mới thọ giới Bồ-tát, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Chưa hẳn như vậy, đâu có việc Bồ-tát khởi tâm Tiểu thừa trước rồi sau mới vào Đại thừa. Nhưng kinh nói rằng: Nếu nói không thọ giới Ưu-bà-tắc, Sa-di, Tỳ-kheo thì đắc giới Bồ-tát không có chỗ ấy, ví như không có tầng lầu thứ nhất mà được tầng lầu thứ hai, thì không có việc ấy, phải y chỉ theo luật nghi mới được tầng sau, nên nói như thế. Từ cầu hỏi đáp khác không còn rõ ràng, trái duyên thì mất thọ. Bồ-tát Địa chép rằng: Lược từ hai duyên, xả các tịnh giới luật nghi của Bồ-tát; một là xả bỏ đại nguyện Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề; hai là pháp hiện hành, thượng phẩm triền phạm tha thắng xứ. Quyết Trạch Phần chép rằng: Lại bỏ nhân duyên lược có bốn loại, một là quyết định phát khởi tâm thọ, tâm không đồng phần; hai là ở trước bậc đại Trượng Phu có tri thức nên có ý phát khởi xả bỏ ngôn ngữ; ba là bốn thứ thắng pháp khác và chung riêng, hủy, phạm; bốn là nếu tăng thêm triền thượng phẩm, chung riêng hủy phạm thuận theo pháp Sở thắng khác. Do nhân duyên này nên biết xả bỏ luật nghi của Bồ-tát. Nếu có được tâm thọ thanh tịnh phải thọ lại. Hỏi: Bỏ duyên hai bốn được thâu nhiếp lẫn nhau hay không? Đáp: Một là được nhiếp lẫn nhau, được coi là có khai hợp vì thể không khác. Trong bốn thì phần đầu trong hai phần trước, hai phần sau ở phần thứ hai, cho nên hai bốn được nhiếp lẫn nhau. Có văn chép rằng: Không đúng, tâm không đồng phận có thể được nhiếp duyên ban đầu. Nói bỏ vì sao lại thu nhiếp duyên đầu. Khi đối với người xả bỏ chưa chắc lui sụt nguyện, nghĩa là có các giới Tỳ-kheo thọ trước lại gặp nhân duyên thì xả, lúc làm cần sách, tuy không xả bỏ đại nguyện Bồ-tát nhưng được xả bỏ chỗ thọ ở trước, nếu không như vậy thì khi đã xả nguyện rồi thì được xả giới, đâu cần đối với người nói lời xả bỏ. Nếu khi lui sụt nguyện liền nói xả bỏ, thì không cần chia riêng thành hai duyên. Lại thứ tư trong bốn phải thuộc về hai sau, vì cùng nói triền tăng thượng hủy phạm tha thắng. Thứ ba trong bốn không được tăng thượng, vì sao được thuộc về duyên sau trong hai. Lại thế nào là tha thắng? thế nào là thuận tha thắng mà nói thứ hai thuộc về hai sau? Nếu nói thứ ba phạm tha thắng thì bản địa nói bốn loại tha thắng. Hủy phạm thứ tư thuận theo tha thắng tức là sáu giới trọng trước trong mười giới trọng. Trong Bản Địa chép rằng: Bốn thứ tha thắng, phải thượng triền phạm mới được xả giới. Vì sao duyên thứ ba chỉ nói phạm chung riêng, nên biết ba trong

bốn chẳng thuộc về hai duyên. Nếu như vậy làm sao gọi là đúng, nghĩa là chẳng phạm bốn giới trọng trước như sát, v.v..... không cần phải thượng triền tùy phạm đều xả. Nếu khi phạm bốn giới sau, hoặc sáu giới sau thì phải khởi thượng triền mới được xả giới. Bốn giới sau hoặc sáu giới tuy chẳng phải tánh trọng, trọng nên gọi là tùy tha thắng.

Hỏi: Như trên đã dẫn, kinh Bản Nghiệp chép rằng: giới Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp xả, có phạm mà không mất giới, tận bờ vị lai, vì sao luận chép rằng hai bốn xả duyên, thuyết này đâu đạt lời nói trong kinh? Trả lời: Nghĩa ngắn gọn, đều khác nhau nên không trái nhau, nghĩa ấy như thế nào, nói mất giới là xả phải mong trên chỗ huân hạt giống, vận dụng công năng tăng thượng ngăn ngừa nhiếp giữ. Nếu nói thể của hạt giống, một lần huân tập là còn mãi mãi không mất. Nếu nói về công năng thì trái duyên liền mất. Vì năng nên luận nói xả giới, vì công năng có từ thể nên kinh nói không mất. Kinh ấy chép rằng: Tất cả giới của Bồ-tát, Thánh, Phàm tận tâm là thể, cho nên tâm tận giới cũng vậy, tâm không tận nên giới cũng vô tận. Hỏi: Nếu vậy thì năm duyên trong giới Thanh văn lẽ ra không mất phải chăng? Đáp: Theo thể thì thật đúng như vậy, nhưng Đức Phật giáo hóa Thanh văn theo Trung đạo, phần nhiều thì công năng nói giới là sắc, cho nên không nói còn mãi không mất. Thanh văn đã thọ năm duyên được xả: Một là mệnh chung xả; hai là hai bình xả, ba là đoạn thiện căn xã; bốn là tác pháp xả; năm là phạm trọng xả. Sở thọ của Bồ-tát đến tận đời vị lại, cho nên không có thời mệnh chung xả, hai hình cũng cho phép thọ giới Bồ-tát, cho nên không có hai hìn xả, khởi tâm khác nhau liền mất giới; nên không cần đoạn thiện căn mới xả. Giải thích thể thọ xong, kế lại nói về tùy hạnh, tùy hạnh có hai, như người ở bậc Thượng phẩm sau khi thọ lần đầu cho đến Bồ-đề, một bề chuyên ròng tinh tấn không hủy phạm. Người ở bậc trung và hạ phẩm tùy duyên phạm giới, mà nhớ gốc thì bị phạm trở lại thanh tịnh. Hai phần này đều được gọi là giới tùy học. Tuy nhiên nói chung bên trong lại y cứ vào ba giới hiển bày tùy tướng riêng. Tướng tùy hạnh trong giới luật nghi là như trong kinh nói: Thành tựu thi-la khéo kéo phòng hộ luật nghi biệt giải thoát, khuôn phép thực hanh thảy đều tròn đầy, thấy được tội nhỏ nhặt cũng sinh tâm sợ hãi, đối với học xứ khéo léo học thọ. Thành tựu thi-la là nhờ giữ gìn tịnh giới, nghĩa là thọ trì tịnh giới tương ưng không thiếu nên gọi là thành tựu thi-la. Khéo giữ gìn luật nghi biệt giải thoát là khéo léo giữ gìn thi-la xuất ly, nghĩa là cầu biệt giải thoát, giữ gìn chỗ có luật nghi khác nên gọi là luật nghi biệt giải thoát. Vì luật nghi này có công năng mau ra khỏi biển

khổ sinh tử, khuôn phép Sở hành đều viên mãn vì có thi-la thanh tịnh khó bị phỉ báng. Khuôn phép viên mãn là các oai nghi, v.v....,người không thông minh đã bị quở trách. Sở hành viên mãn là chỗ không làm của các chúng Tỳ-kheo xa lìa năm thứ, năm thứ ấy là: nhà xướng lệnh, nhà dâm nữ, nhà bán rượu, nhà vua chúa, nhà chiên-Đồ-la yết-sỉ. Thấy tội nhỏ sinh tâm sợ hãi, mạnh mẽ cung kính học thi-la, đối với già tội mạnh mẽ cung kính tu học giữ gìn, như tánh tội, ấy gọi là thấy tội nhỏ còn sinh tâm sợ hãi. Đối với các học xứ khéo léo thọ học vì thọ học viên mãn sở học thi-la, nghĩa là đầy đủ viên mãn thọ học học xứ, ấy gọi là đối với các sở học khéo hay thọ học. Giới nhiếp thiện pháp tùy học tướng là khi các Bồ-tát giới nhiếp thiện pháp siêng năng tu tập, lược ở sáu tâm nên khéo quan sát. Sáu tâm ấy là: Một là tâm khinh miệt, hai là tâm biếng nhác, ba là tâm che lấp, bốn là tâm mệt mỏi, năm là tâm bệnh tùy hạnh, sáu là chướng tâm tùy hạnh. Nếu các Bồ-tát đối với pháp lành đã có tâm khinh, không có tâm thắng giải và tâm miệt, gọi là tâm khinh miệt. Nếu có tâm lười biếng, kiêu ngạo, buông lung, bó buộc gọi là tâm biếng nhác. Nếu tham dục, v.v.... hễ có bất cứ một tâm che đậy hoặc các phiền não và tùy phiền não trói buộc gọi là tâm che lấp. Nếu đối với sự mạnh mẽ tăng thượng tinh tấn, thân tâm mệt mỏi che khuất tâm ấy gọi là tâm mệt nhọc. Nếu có các bệnh tổn não tâm ấy, không có năng lực thì không tu hành được, gọi là tâm bệnh tùy hạnh. Nếu có vui mừng bàn tán... chướng tùy theo tâm ấy gọi là chướng tâm tùy hạnh. Bồ-tát đối với sáu thứ tậm này phải quán sát đúng. Ta ở trong sáu thứ tâm như thế có tùy theo một hiện tiền hay không có? Đối với ba tâm trước, Bồ-tát một bề không nên sinh khởi. Nếu đã sinh khởi thì không nên nhẫn thọ, nếu có nhẫn thọ thì không xả bỏ, đối với khắp tất cả đều gọi là có tội. Khi tâm mệt nhọc hiện ở trước, vì tâm này nên bỏ phương tiện khéo léo. Nếu tạm thời ngừng dứt thân tâm mệt nhọc, nên tu tập nhiều pháp lành, phải biết rằng không có tội. Nếu đối với tất cả cuối cùng lìa bỏ thì ta cần gì phải tinh tấn tu tập pháp lành như thế, khiến cho ta hiện tại sống trong khổ này. Nếu như vậy thì nên biết là có tội. Khi bệnh tâm tùy hạnh hiện ra, ở đây không có tự tại, không theo sở dục tu gia hạnh lành. Tuy là nhẫn thọ nhưng không có tội. Khi chướng tâm tùy hạnh hiện ra, nếu không tùy dục rơi vào trong đó, hoặc thấy ở đây có nghĩa lợi lớn, tuy là nhẫn thọ nhưng không có tội. Nếu theo ý muốn rơi vào trong đo, hoặc thấy trong đó không có nghĩa lợi lớn hoặc thiếu nghĩa lợi mà nên nhẫn thọ, phải biết là có tội. Sáu tâm như thế, ba tâm trước đã sinh rồi mà nhẫn thọ thì vốn có tội. Tâm bệnh tùy hạnh,

tuy là nhẫn thọ nhưng vốn không có tội. Ngoài hai tâm, nếu đã sinh khởi mà nhẫn thọ thì hoặc là có tội hoặc là không tội. Giới nhiếp chúng sinh tùy là học tướng nhưng nếu các Bồ-tát khi ở trong giới làm lợi ích cho loài hữu tình, siêng năng tu tập thì quán sát đúng lúc xứ chi nhiếp hạnh. Cái gọi là tự tha, tài suy, tài thịnh, pháp suy, pháp thịnh đó gọi là sáu xứ. Nói về tài suy, là ăn mặc, v.v..... chưa được không được đã đoạn hoại, trái với tướng này phải biết là tài thịnh. Nói pháp suy là vượt qua sở học, đối với chỗ chưa nghe thắng nghĩa ở trước đã nhiếp lấy chỗ nói pháp mầu nhiệm của Như lai, không được nghe thấy như không nghe thấy chỗ chưa nghe ở trước như thế, đối với chỗ chưa suy nghĩ ở trước không được suy nghĩ, có chướng thấy nghe, có chướng suy nghĩ, nếu được lắng nghe, suy nghĩ tìm tòi thì lại quên mất. Đối với chỗ chưa tu chứng, chỗ thành là thiện nhưng chưa chứng được, nếu chứng lại lui sụt, trái với tướng này nên biết là pháp thạnh. Trong đây Bồ-tát tự làm pháp mình suy khiến cho người khác tài thịnh. Ở đây không nên làm, nếu làm cho tài thịnh, pháp thịnh cũng giống như vậy. Trong đây nghĩa là vượt học sở nhiếp cũng có tùy thuận vượt học sở nhiếp, hoặc đối với pháp chứng, bỏ mất sở nhiếp, nên biết là pháp suy. Lại nữa Bồ-tát làm tài mình suy, khiến cho tài người khác thịnh, nếu tài này mà không đưa đến pháp suy thì ở đây nên làm. Nếu đưa đến pháp suy thì không nên làm. Nếu làm cho tài thịnh, pháp thịnh cũng giống như vậy. Lại nữa, các Bồ-tát làm tài của mình thịnh và làm cho tài người khác thịnh, thì nên làm. Như làm cho tài thịnh, pháp thịnh cũng giống như vậy. Các Bồ-tát làm cho pháp mình thịnh và khiến cho tài người khác thịnh thì nên làm, nếu khiến cho tài thịnh pháp thịnh cũng giống như vậy. Đối với việc như thế nếu không tu hành gọi là có tội. Nếu chánh tu hành thì gọi là không tội. Trong đây văn sao của luật nghi là đúng pháp, khác văn sao của hai giới Du-già quyển bảy mươi lăm.

Lại nữa, Du-già, quyển bảy mươi lăm chép rằng: Nếu có Bồ-tát thọ giới trong ba loại này, hễ có chỗ mà thiếu thì phải biết là chẳng hộ, nên nói không che chở. Luật nghi của Bồ-tát không nên nói là che chở. Ba giới này do sự nhiếp trì của giới luật nghi khiến cho hòa hợp. Nếu đối với chỗ bảo hộ này mà tinh tấn tu tập thì cũng có thể tinh tấn giữ gìn hai phần khác. Nếu có người đối với việc nầy không thể giữ gìn, đối với hai nơi khác cũng không thể giữ gìn. Cho nên có hủy hoịa luật nghi gọi là hủy tất cả. Luật nghi của Bồ-tát đều tùy lược nói, tông thú của giới nghĩa của nó thô như vậy. Kế là thể tướng, thể là tự tánh của giới, tức là biểu vô biểu, ba nghiệp là thể, khác với Thanh văn chỉ chế bảy chi.

Mười chi dưới của ba nghiệp đều có biểu vô biểu. Giải thích rộng về nghiệp tướng phải nói rõ ràng. Tướng là chủng loại của giới nghĩa là mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Giáo khác ẩn hiện như lý, phải nên tìm tòi. Việc quá nặng thì chế làm giới trọng, ngược lại là nhẹ.

Hỏi: Trong kinh này nói về mười giới trọng, vì sao Thiện Sinh chỉ giải thích sáu giới trước, trong Bồ-tát Địa chỉ nói bốn giới sau? Đáp: Trong kinh này chung cho bảy chúng cùng thọ trì nên nói mười giới trọng. Thiện sinh y cứ riêng hai chúng tại gia cho nên chỉ lấy sáu giới trước làm giới trọng. Vì giới bán rượu nói qua về tội của chúng tại gia, nên đối với tánh trọng, thêm vào hai giới là sáu. Bốn giới sau đối với thế gian quá nhẹ nên đối với chúng tại gia không chế làm trọng. Giới thứ năm và thứ sáu đối với đạo lỗi ấy lại nhẹ, cho nên Địa Trì nói riêng về bốn giới sau.

Lại trong mười giới, bốn giới trước đại tiểu đều trọng, giới thứ năm và thứ sáu, đạo, tục đều xem trọng. Sự của bốn giới sau chỉ có Bồ-tát mới trọng. Đối với Thanh văn không chế trọng, nên chỉ trọng đối với xuất gia, ở tại gia có lẽ không nói là trọng, nên có hai điều không cùng nghĩa. Địa Luận nói rộng: Có thể Đức Phật xem xét vật có giáo hóa chẳng phải một đường, phải tùy theo trình độ học không cần phải biết, giới hai mươi bốn của Phương Đẳng cần phải xem xét, thể tướng của nó thô như vậy.

Giới Bản của Bồ-tát Đại Thừa, kế là giải thích tựa đề, là vì hiển tông thú cho nên đề lược gọi là hiển thể tướng, văn có phân biệt rộng. Nói về giới bản của Bồ-tát Đại thừa là: Nếu còn đủ tên gốc phải gọi là Phật Lô-xá-na. Trong Kinh Phạm Võng nói mười giới trong bốn mươi tám giới khinh, phẩm Tâm Địa thứ mười của Bồ-tát. Người đời sau vì còn riêng giới bản nên đổi lại thánh giới bản Bồ-tát đại thừa. Trước tiên giải thích tên gốc, Kinh Đại Bản Phạm Võng nầy chưa phiên dịch, nếu phiên dịch lẽ ra có một trăm hai quyển, sáu mươi mốt phẩm, chỉ tụng phẩm Tâm Địa Bồ-tát thứ mười của Pháp sư La-thập, do ngài Phòng Dung ghi chép, gồm hai quyển thượng và hạ, quyển thượng nói về cấp bậc của Bồ-tát, quyển hạ nói về giới pháp của Bồ-tát. Cho nên Đại Bản gọi là Kinh Phạm Võng. Phạm Võng nghĩa là mình lưới của Phạm Vương, như lưới nhân Đà la, nghĩa ấy giống như Phật quán Pháp môn, tùy vô lượng căn cơ, lý ấy thống nhất. Như lỗ lưới trời Phạm Vương tuy có vô lượng nhưng lưới chỉ có một. Nên từ việc ví dụ gọi là Phạm Võng. Đây là tên chung một bộ. Nếu y cứ theo giới bản mà giải thích Phạm Võng thì như lổ lưới của trời Phạm Vương tuy nhiều nhưng lưới

thì chỉ có một. Giới pháp của Pháp vương nên biết cũng giống như vậy. Tuy còn tùy theo sự nhẹ nặng nhiều điều nhưng thi-la thanh tịnh trọng quay về nhất đạo, cho nên từ thí dụ gọi là Phạm Võng. Lại giới là Phạm hạnh, cũng là lưới pháp, nên gọi là Phạm Võng. Như nói rằng lưới trời lồng lộng tuy thưa mà khó lọt, giới pháp cũng giống như vậy vì nhiếp các chúng sinh không bị rơi vào biển sinh tử. Kinh nói rằng: Mở rộng lưới Đại giáo bủa trên sông sinh tử, vớt người, trời, rồng đưa vào bờ niết bàn, ấy là nghĩa nầy nầy.

Phật Lô-xá-na nói là tiêu biểu cho Giáo chủ. Lô-xá-na, hán dịch là Tịnh Mãn. Tâm Địa Xá Na Tự Thuyết quyển thượng, nay giơi bản này là do Đức Thích-ca nói suy cồng ở bản nên gọi là kia nói. Mười giới trọng, 48 giới khinh của Bồ-tát là hai trăm năm mươi giới chung cho cả ba thừa. Năm mươi tám giới này chỉ chế cho Bồ-tát, chọn chung lấy riêng nên nêu là Bồ-tát, mười việc căn bản, phạm thì mất giới, nên đặt tên là trọng, bốn mươi tám giới nhánh chỉ bẩn tâm hạnh nên đặt tên là khinh, hiếu thuận ngăn chặn nên gọi là giới, gọi là giới bản của Bồ-tát Đại thừa. Nay mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh này lược phép tắc chỉ do Đại thừa đặt ra, y cứ theo người thì chỉ là sở trì của Bồ-tát. Về giới bản thì giới kinh nầy là hạnh bản. Lại giới hạnh này là gốc của Bồ-đề. Như kinh chép rằng giới này là gốc của Vô thượng Bồ-đề, nên phải nhất tâm trì tịnh giới, lại đây lược nói là bản rộng.

Kế là tùy văn giải thích, kinh này đã rút ra không có phần thứ ba như thế, nhưng theo trong văn đều có phần tựa. Từ đầu đến cuối đều gọi là thanh tịnh bậc nhất, đó cũng là nói theo phần tựa. Phật bảo các Phật tử bốn mươi tám giới khinh này, ba đời Bồ-tát đã tụng đang tụng và sẽ tụng là chánh thuyết, còn gọi là phần lưu thông. Trong tựa đầu có hai, kệ tụng đầu là tựa khuyến tin, còn lại phần hành văn là lời tựa kết giới. Cho nên y cứ vào hai phần làm tựa. Kinh Bản Nghiệp chép rằng: Vào biển Tam bảo lấy niềm tin làm gốc, ở trong nhà Phật lấy giới làm đầu, tin theo giới là gốc để nhập trụ, nên y cứ theo đó làm tựa. Lại tin là gốc của thọ giới nên trước làm bài tựa tin. Giới là chỗ sáng của tông nên tiếp theo làm bài tựa giới. Trong bài tựa khuyến tin có mười một hàng rưỡi, chia làm hai ý, đầu tiên là năm hàng tụng tựa giáo chủ đầu cuối, sau đó sáu hàng rưỡi khen giới pháp khuyến thọ. Trong phần đầu lại chia làm hai, tựa của hai hạnh đầu là ngọn nguồn hiện thân, hai hạnh sau nói về ngọn nguồn của giáo chủ. Trong ngọn nguồn hiện thân của bài tựa, hai câu đầu nói rõ bản thể trong đài, hai câu kế hiển rõ ứng thân trên hoa, bài bài tụng kế hiện rõ hóa hình dưới gốc cây, nửa bài tụng

cuối kết lại ngọn nguồn.

Hỏi: Ba lớp thân này trong ba thân phải phối hợp thế nào?

Đáp: Thuyết khác.v.v.., nay giải thích Lô-xá-na là nghĩa là gồm hai thân thọ dụng của tự tha, cho nên biết như vậy. Quyển thượng chép rằng: Ta trong một trăm a-tăng-kỳ kiếp tu hành tâm địa được thành Lô-xá-na, nên biết thông tự thọ dụng, được ngàn Đức Thích-ca nói pháp Tâm địa cho vi trần các Bồ-tát nghe, nên biết cũng đều là tha thọ dụng. Đây là đối cơ đăng địa đã hiện thân. Ngàn Đức Thích-ca ở trên hoa là thân biến hóa ở tịnh độ, cho nên biết như vậy, vì hoa là khí cụ thì chẳng phải tướng cõi uế. Luận Vô Tánh Nhiếp chép: Thân biến hóa trăm câu-ni nước đều là chủ. Đây là tám tướng thân uế trong cõi uế, tức là đây đã nói trăm ức Đức Thích-ca, nên biết chỗ hiện thân trên hoa chẳng phải là chỗ hiện hóa thân trong cõi uế. Lại trong bài kệ này đối với người mới học nói rằng: Đây là Lô-xá-na tụng, tà mạng cũng tụng như vậy, nên biết chẳng phải là đối với cái dơ bẩn trên đất, chính là đối với chỗ hiện thân của Bồ-tát tam Hiền kia. Trăm ức Đức Thích-ca là trong bốn thiên hạ của cõi uế là chỗ hiện thân của phàm phu, nhị thừa và Bồ-tát mới phát tâm.

Có người giải thích rằng: Kinh Thập Địa chép: Bồ-tát nhị địa ở trong một niệm nhập vào ngàn thế giới được tạm mặt thấy ngàn Đức Phật, vì giới là hạnh riêng của Bồ-tát Nhị địa, cho nên đối với Bồ-tát nhị địa kia hiện ra ngàn thân Phật. Bồ-tát Nhị đia đang đối trước ngàn thân chính là Phật Lô-xá-na, ngàn Đức Thích-ca ngay trong một niệm đã hiện hóa thân, hoặc phải như thế đối lý không sai khác. Nay ta là Lô-xá-na đang ngồi trên đài hoa sen. Nay ta là Lô-xá-na, đây là ai nói? Chính là một Đức Thích-ca trong ngàn Đức Thích-ca nói, vì chỉ bản thân mình nên nói là Ta. Bấy giờ, chẳng phải là đang ở ngày nay, mới ngồi giống như đang ngồi. Đài hoa sen tức là chỗ gần hạt sen trong hoa sen, số lượng ấy chung quanh ngàn cõi Tam thiên. Đây là lượng của tòa chớ chẳng phải là lượng của cõi nước. Trong kinh chép: Thế giới Liên hoa tang là thế giới chung. Trên có mười hai cõi nước của Phật và bảy thế giới tánh, chín phương cũng giống như vậy, là chỗ thường chuyển pháp luân của Lô-xá-na.

Chung quanh trên ngàn cánh hoa lại hiện ra ngàn Đức Thích-ca. Trên chung quanh ngàn cánh hoa lại hiện ngàn đức Thích-ca chính là đài hoa sen của Lô-xá-na dùng ngàn cánh hoa vậy chung quanh, mỗi hoa ấy tính bằng trăm ức, trên hoa này hiện ra ngàn Đức Thích-ca. trên chung quanh ngàn hoa lại hir65n ngàn đức Thích-ca chính là đài liên

hoa của Lô-xá-na lấy ngàn cánh hoa vi nhiễu chung quanh mỗi mỗi hoa ấy tính bằng trăm ức, trên hoa nầy hiện ra Đức Thích-cao quý.

Mỗi cánh hoa có trăm ức cõi nước, mỗi cõi nước có một Đức Thích-ca, mỗi vị đều ngồi dưới cây Bồ-đề, đồng thời thành Phật đạo. Mỗi cánh hoa có trăm ức cõi nước, mỗi cõi nước có một Đức Thích-ca, nghĩa là trong ngàn cánh hoa, mỗi cánh hoa đều có trăm ức cõi nước của bốn châu. Ức là số câu-chi, trăm câu-chi cõi nước là ba ngàn cõi, mười lần một trăm là một ngàn, mười lần ngàn là một muôn, mười muôn là một lạc-xoa, mười lạc-xoa là một độ-lạc-xoa, mười độ-lạc-xoa là một câu-chi. Tam thiên đại thiên là trăm ức, một ngàn lần là một Tiểu thiên, một ngàn Tiểu thiên là Trung thiên, một ngàn Trung thiên là một Đại thiên, đại thiên chính là một trăm câu-ni. Nhưng bản dịch mới ức chính là lạc-xoa. Đây là mười muôn là số ức, trong bản dịch luận cũ ức là câu-ni, đây là ngàn muôn là số ức. Như thuyết Tiểu thừa thì một cõi Tam thiên có một đức Thích-ca, chỉ trong Diêm-Phù-Đề của bốn thiên hạ này có thân thật trên tòa kim cang thành đạo. Trong thiên hạ khác không có tòa kim cương, chẳng phải là chỗ thành đạo, chỉ bỏ hóa thân độ đáng độ thôi. Nay theo thuyết Đại thừa thì trong cõi Tam thiên có trăm ức cõi nước, trong trăm ức cõi nước đều có cội đạo thọ và tòa kim cương, trăm ức Đức Thích-ca đều làm chủ, hóa thân của Đức Thích-ca ở cõi nước này nói: Ta là bản thân, ngoài ra đều là hóa thân của ta, Đức Thích-ca ở cõi nước khác đều nói như thế. Như vậy thì theo gốc của mạt luận, trăm ức đều làm gốc lẫn nhau, theo ngọn của bản luận đều là hóa thân của Xá-na.

Ngàn trăm ức bản thân của Lô-xá-na như thế. Ngàn trăm ức như thế nghĩa là một ngàn lần trăm ức nên nói là ngàn trăm ức. Chẳng phải Song điệp ngàn và trăm ức, dưới ngàn trăm ức đều giải thích như thế. Bản thân của Lô-xá-na là nêu rõ gốc ấy. Kinh Quyển Thượng chép rằng: Ta đã trải qua một trăm a tăng kỳ kiếp tu hành tâm địa, lấy đó làm nhân ban đầu bỏ phàm phu thành Đẳng Chánh Giác hiệu là Lô-xá-na, ở biến thế giới Liên Hoa đài tạng, đài ấy có ngàn cánh hoa chung quanh, một cánh hoa là một thế giới, vì ngàn thế giới ta hóa thành ngàn Đức Thích-ca, từ ngàn thế giới lại kèm một thế giới trên cánh hoa còn có trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức bốn thiên hạ, trăm ức cõi Diêm-Phù-Đề, trăm ức Bồ-tát Thích-ca ngồi dưới trăm ức cây Bồ-đề, đều nói Bồ-tát tâm địa mà ông, nghe còn lại chín trăm chín mươi chín Thích-ca mỗi vĩ đều hiện trăm ức Đức Thích-ca là ngàn Đức Thích-ca hóa thân, ta là bản nguyên gọi là Phật Lô-xá-na.

Ngàn trăm ức Đức Thích-ca đều tiếp vi trần chúng đến chỗ tà mang, khi nghe ta tụng giới cam lộ của Phật thì khai mở, lúc ấy ngàn trăm ức vị lại đến đạo tràng này, đều ngồi dưới cội Bồ-đề tụng mười giới trọng, bnốn mươi tám giới khinh của Bản Sư ta. Trong ngọn nguồn của thuyết giáo, năm câu đầu nói về bản thân, tức là ngàn Thích-ca được trăm ức Đức Thích-ca về chúng mà nói. Năm câu kế nêu thuyết của thân cuối, tức là trăm ức Đức Thích-ca là thời chúng thuyết, môn cam lộ là pháp Niết-bàn một lần ăn vào thì còn mãi mãi, nên gọi là cam lộ, vì giới có thể vào nên gọi là môn (cửa), nên ở đây nói là mở. Lại đến đạo tràng này là trăm ức cõi nước, đều là cảnh đang phân hóa nên gọi là bản đạo tràng. Giới của Bản sư là Chư Phật lấy giới làm Bản sư.

Giới như vầng nhật nguyệt, giống như chuỗi anh lạc, chúng Bồ-tát như bụi do giới mà thành Chánh giác, Lô-xá-na ấy tụng giới, ta cũng tụng như thế, các ông là Bồ-tát mới học, cung kính thọ trì giới, thọ trì giới này rồi thứ lớp trao lại cho các Bồ-tát, lắng nghe ta đang tụng. Tâm đại chúng vững tin giới tạng Ba-la-đề-mộc-xoa trong Phật Pháp, các vị là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin giới phẩm như thế đã đầy đủ, tất cả, người có tâm, đều phải nhiếp giới Phật, nghĩa là tất cả chúng sinh có tâm tin thành Phật thì đầu nên nhiếp thọ giới của Chư Phật, liền nhập vào địa vị của Chư Phật, theo Kinh Chiêm Sát thì quả vị Phật có bốn: Một là tin mãn pháp cho nên thành Phật, nghĩa là nương vào chủng tánh địa quyết định tin các pháp không sinh không diệt, thanh tịnh bình đẳng, vì không thể nguyện cầu; hai là vì biết Mãn pháp cho nên thành Phật, theo giải hạnh địa, hiểu sâu pháp tánh, biết nghiệp của Như lai không tạo không tác, đối với Niết-bàn và sinh tử không khởi hai tưởng, vì tâm không sợ hãi; ba là vì chứng pháp tròn đầy nên thành Phật. Cái gọi là nương vào tâm địa vắng lặng, để được pháp trí tịch tịnh không phân biệt và nghiệp tự nhiên không thể nghĩ bàn, vì không cần phải suy nghĩ, bốn là vì đầy đủ tất cả hạnh công đức cho nên thành Phật, cái gọi là nương vào Bồ-tát Địa rốt ráo vì dứt trừ tất cả chướng vô minh mộng tưởng. Nay người thọ giới Bồ-tát, phải có đủ niềm tin, được vào Phật vị Sơ tín mãn, y nói là vào ngôi vị Phật, nghĩa là đã thành Phật, tức là quả vị đồng bậc Đại giác, thật là các Phật tử. Tựa khuyến tin đã xong.

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, ban đầu ngồi dưới cội Bồ-đề thành Vô thượng Chánh giác, bắt đầu kết giới Bồ-tát rằng: Hiếu thuận cha mẹ, Sư Tăng, Tam bảo, hiếu thuận là pháp chí đạo, hiếu gọi là giới, cũng gọi là vấm ngăn. Liền đó, từ miệng vàng Phật phát ra vô

lượng ánh sáng. Lúc ấy, trăm muôn ức đại chúng, các Bồ-tát, mười tám vị Phạm Vương, thiên tử của sáu tầng trời cõi dục, mười sáu vị đại quốc vương, chắp tay dốc lòng lắng nghe Đức Phật tụng giới Đại thừa của tất cả Chư Phật. Trong nhóm tựa kết giới có hai: Một là tựa của người dịch kinh gia, hai là lời tựa của Phật. Trong lời tựa của người dịch kinh có ba: Một là tựa kết giới, hai là tựa phát ra ánh sáng, ba là tựa nhóm chúng. Trong tựa kết giới, đầu tiên là kết giới Bồ-tát, còn giới Thanh văn sau mười hai năm tùy theo việc mà dần dần đặt ra, Bồ-tát thì không như vậy. Ban đầu ở dưới cây Bồ-đề đồng loạt chế, cho nên như vậy. Còn Thanh văn thì trình độ thấp kém, vô sự mà chế trước thì sẽ chê bai, nên theo duyên phạm mới dần dần chế. Bồ-tát thì có căn cơ cao siêu nên tùy hạnh không chê bai nhàm chán, nên chế ngay không cần phải theo duyên phạm. Theo luận Thập Địa thì Phật thành đạo mới bảy ngày tự thọ pháp lạc, tư duy nhân duyên nên chưa khởi thuyết, sau ngày thứ mười bốn mới bắt đầu nói. Nay nói mới kết phải là trong ngày thứ mười bốn. Từ hiếu thuận trở xuống giải thích sơ lược danh nghĩa kết giới, dùng hai nghĩa giải thích sơ lược tên của giới. Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là giới biệt giải thoát. Luận Đối Pháp chép: Để cầu giải thoát riêng đặc biệt phòng hộ đã có luật nghi, nên gọi là luật nghi biệt giải thoát, vì luật nghi giúp cho mau thóat khỏi biển khổ sinh tử. Đây là ngăn ngừa riêng. Giới giúp cho được quả giải thoát nên từ quả gọi là biệt giải thoát. Lại khi đắc giới đặc biệt giải thoát được sự ràng buộc của ba cõi, nên gọi là biệt giải thoát. Giới biệt giải thoát này nếu Thanh văn đã thọ chỉ có nghĩa là ngăn chặn, phòng ngừa được lỗi lầm nên không có nghĩa hiếu thuận, vì không cầu nhiếp thiện và lợi ích chúng sinh. Như giới của bậc Đại Sĩ có đủ hai nghĩa, một là nghĩa hiếu thuận vì nhiếp thiện,...hai là nghĩa ngăn chặn vì lìa được pháp ác. Hiếu thuận cha mẹ là vì sinh đẻ ra hình hài ở đời. Hiếu thuận Sư Tăng là vì nuôi lớn pháp thân. Tam bảo là cảnh cao quý vào đạo. Pháp chí đạo là gốc đắc quả, nêu sơ lược bốn chỗ hiếu thuận. Từ miệng vàng phát ra ánh sáng, sắp nói giới pháp nên hiện ra điềm lành. Lúc ấy, trăm muôn ức đại chúng nhóm họp đông đảo.

Đức Phật bảo các Bồ-tát rằng: Nay ta mỗi nửa tháng tự tụng giới pháp của Chư Phật, các ông, tất cả các vị Bồ-tát mới phát tâm cũng tụng, cho đến Thập Phát thú, Thập Trưởng dưỡng, Thập Kim cương, Thập địa, các Bồ-tát ấy cũng tụng, cho nên ánh sánh giới từ miệng ta phát ra. Phát ra là vì có duyên do, chớ chẳng phải vô cớ. Giới quang ấy chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, chẳng phải sắc pháp cung

chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu, pháp vô cũng chẳng phải pháp nhân, pháp quả. Nó chính là bản nguyên của Chư Phật, là căn bản hành đạo của Bồ-tát, là căn bản của các Phật tử. Cho nên các Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này.

Các Phật tử lắng nghe! Nếu là người thọ giới Bồ-tát này, bất luận là Quốc Vương, Thái tử, các quan chức hay Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mười tám Phạm Thiên, sáu tiếng trời cõi dục cho đến hàng thứ dân, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, tôi tớ hay tám bộ Quỷ thần, thần Kim Cương, loài súc sinh và những kẻ biến hóa, hễ ai nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư thì đều được thọ giới, đều gọi là người thanh tịnh bậc nhất. Trong lời tựa của Phật cũng có ba: Một là bảo tụng giới pháp; hai là giải thích nhân duyên ánh sáng; ba là khuyên thọ trì... Trong phần đầu bảo tụng giới nửa tháng tự tụng, tuy quả đức viên mãn nhưng không quên nhân thuyên, tuy tất cả thời tụng nhưng vì người mới học, nên nói nửa tháng tụng. Bồ-tát phát tâm nghĩa là Thập Tín, Thập Phát thú là Thập Giải, cũng gọi là Thập Trụ, cũng gọi là Tập chủng tánh. Mười tên gọi ấy nghĩa là xả, giới, nhẫn, tiến, định, tuệ, nguyện, hộ, hoan hỷ, đảnh tâm. Mười pháp này, ban đầu mới phát tâm hướng về Đại thừa nên gọi là Phát thú. Thập Trưởng Dưỡng tức là Thập Hạnh, cũng gọi là Tánh chủng tánh, mười tên gọi ấy là tâm từ, bi, hỷ, xả, thí, hảo, ngữ, ích, nhân, định, tuệ. Mười tập này thành tánh, nuôi lớn mầm Thánh nên gọi là Trưởng dưỡng. Thập Kim cương là Thập Hồi Hướng cũng gọi là Đạo chủng Tánh, phương tiện hạnh thì không thể hư hoại nên gọi là Kim cương. Mười tên ấy là tâm, tín, niệm, hồi hướng, đạt, viên, trực, bất thoái Đại thừa, vô tưởng, tuệ, bất hoại. Thập Địa cũng gọi là Thánh chủng Tánh, mười tên ấy là thể tánh bình đẳng địa, thể tánh thiện tuệ địa, thể tánh quang minh địa, thể tánh nhĩ viêm đia, thể tánh huệ chiếu địa, thể tánh hoa quang địa, thể tánh mãn túc địa, Thể tánh Phật hống địa, Thể tánh Hoa Nghiêm địa, thể tánh nhập Phật cảnh giới địa. Nói rộng hành tướng như kinh quyển thượng. Vì thế giới quan dưới đây giải thích nhân duyên phát ra ánh sáng. Phát ra ánh sáng là vì có lý do chớ chẳng phải vô cớ, nghĩa là ngoài có thời chúng cảm duyên Pháp cao quý, bên trong có bản nhân đại bi của Như lai, mới được hiện điềm lành nêu chỗ nói pháp. Quang quang là chỗ phát ra ánh sáng có nhiều loại, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Vì ngọn tức là gốc nên chẳng phải năm mầu, chẳng phải sắc tâm vì không ngại duyên, chẳng phải pháp hữu pháp vô, chẳng phải phàm phu hữu mà Nhị thừa thì vộ, chẳng phải pháp nhân quả, chẳng phải pháp khổ tập. Bản nguyện của Chư Phật là gốc thành

đạo quả. Gốc của Bồ-tát là gốc thành nhân, căn bản của các Phật tử thì nêu riêng thời và chúng.

Kế đến là khuyên thọ trì.v.v.. ứng thọ là theo thầy thọ trước, ứng trì là hộ trì sau khi thọ, ứng tụng là tụng câu văn, khéo học là học ý nghĩa. Nếu thọ rồi phần dưới giải thích rộng về nghĩa thọ, còn lại ba phần khác giải thích sơ lược, vì phần đầu gồm cả phần sau. Vua chúa,. v.v... là những người quý tộc ở thế tục. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni là người thọ giới cụ túc Thanh văn ở trước, cũng gồm ba chúng dưới. Mười tám vị Phạm Vương là các tầng trời cõi sắc. Thế nào là 18? Một là ba lần ba là chín, thứ tư cũng có chín, đó là Vô Vân.v.v... ba vô tưởng, năm Tịnh cư. Vô tưởng thì có lẽ trước sau đều có tâm, dễ có người phát tâm thọ giới Bồ-tát. Trong Kinh chép: Từ cõi trời Tịnh cư trở xuống cũng được Phật thọ ký. Nên biết cũng có người phát tâm thọ giới. Có thuyết cho rằng: Chỉ có 18 Pham Thiên, Vô Tương và năm Tịnh cư không nằm trong số này. Như Kinh Bản Nghiệp xếp vào các tầng trời cõi sắc, nghĩa là trời Phạm Thiên, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại Phạm, (bốn tầng trời này thuộc về cõi trời Sơ thiền). Trời Thủy Hạnh, Trời Thủy Vi, Trời Thủy Vô lượng, Trời thủy âm (Bốn tầng trời này thuộc về Trời nhị thiền), Trời ước Tịnh, Trời Vô Tưởng, Trời Biến Tịnh, Trời Tịnh Quang minh (Bốn tầng trời này thuộc về trời Tam Thiền), Trời Thủ Diệu, Trời Vi Diệu, Trời Cực Diệu, Trời Phước Quả, Trời Quả Thắng, Trời Đại Tịnh (Sáu tầng Trời này thuộc về trời Tứ thiền). Sáu tầng trời là Trời cõi dục, trời cõi vô sắc. Nếu theo hiển pháp vì không thọ nghĩa Pháp nên không nói. Thứ dân là người không có chức vụ. Huỳnh môn là là năm loại bán-trạch-ca, súc sinh cho đến người biến hóa nghĩa là trong loài súc sinh có thể biến hóa, nhưng hiểu lời Pháp sư thì đều được thọ giới. Trong sự xếp đặt này. Nếu nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, cũng phát được tâm Bồ-đề, đều được thọ giới. Còn giới tại gia như trên đã nói, hiểu lời truyền giới của Pháp sư đều được thọ giới. Nếu giới của người xuất gia thì không phải như thế. Chỉ có trong cõi người, hoặc nam hoặc nữ, người không có già nạn, mới dối là thọ, nghĩa đồng với cách thọ của Thanh văn xuất gia. Lại nữa, giới pháp lẽ ra đều được thọ chung, vì văn không phân biệt. Chỉ cần tánh của Tỳ-kheo v.v... Như Bán-trạch-ca cho thọ năm giới, chỉ cần ngăn tánh cận sự nam. Tựa văn đã xong.

Đức Phật dạy: Này các Phật tử! Có mười giới trọng, nếu người thọ giới mà không tụng giới này thì chẳng phải Bồ-tát, chẳng phải Phật tử. Chính ta cũng tụng như vậy.

Tất cả Bồ-tát đã học, sẽ học và đang học!

Ta đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ-tát, phải nên tu học, hết lòng cung kính vâng giữ.

Trong chánh thuyết, phần lớn chia làm hai: một là phân biệt giới trọng; hai là nói về giới khinh. Trong phân biệt giới trọng có ba: một là nêu chung các tên giáo khiến thọ học, hai là nói riêng về loại tướng giới khiến nhiếp hộ, ba là kết là được mất, khuyên cung kính thọ trì. Trong phần đầu có mười số gọi là mộc-xoa, người không tụng thì chẳng phải Bồ-tát... rõ ràng do tướng này mà được thành Bồ-tát và Phật tử. Tất cả Bồ-tát đã, đang và sẽ học, rõ ràng giới Pháp này là phép tắc chắc chắn của ba đời. Tướng trạng của mộc-xoa người không tụng thì chẳng phải Bồ-tát, là tướng của giới, ba đời đều học là mạo của giới. Nói riêng về loại tướng thì mười giới trọng là mười, trong mỗi giới phải dùng năm câu phân biệt giải thích văn nghĩa, một là tạo ý giải thích tên; hai là đủ duyên thành phạm; ba là quyết định nghiệp nhẹ, nghiệp nặng, bốn là sự giống nhau, khác nhau về học xứ; năm là giải thích theo văn.

Phật dạy: Nếu Phật tử tự mình giết, hoặc xúi giục người giết, phương tiện giết, khen ngợi giết, thấy giết mà tùy hỷ, cho đến dùng bùa chú để giết: nhân giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết. Tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Bồ-tát lẽ ra phải thường khởi lòng từ bi, lòng hiếu thuận, tìm mọi cách cứu giúp tất cả chúng sinh, mà trái lại tự nỡ tâm sát sinh, Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

GIỚI SÁT THỨ NHẤT: Giới sát thứ nhất: Chế ý giải thích tên gọi, mạng sống là hình căn có dự sống được quý trọng. Trong loài hàm linh đều được quý trọng. Nên trong Kinh Niết-bàn Đức Phật khuyên vua A-xà-thế. Tuy con người và súc sinh sang hèn khác nhau nhưng sự quý trọng sinh mạng thì không khác nhau. Như vậy thì bậc đại sĩ vì có tâm nhân từ làm đầu, đâu được buông lung ưa thích cắt đứt sinh mệnh của kẻ khác, vì trái với hạnh từ nên chế giới bất sát đứng đầu. Còn Thanh văn lấy việc giải thoát ràng buộc làm đầu nên chế giới bất đứng đầu dâm. Bồ-tát thì dùng lòng từ cứu giúp là cao thượng nên giới đầu tiên là cấm sát sinh. Lại vì mười giới trọng này bảy chúng cùng thọ trì nên chế giới bất sát ở trước. Thích danh là hình tướng quả báo nối nhau giả gọi là sinh, trái duyên bức hại gọi là sát. Đủ duyên thành phạm, duyên thành phạm chung riêng mỗi thứ có năm. Năm duyên chung gồm: Một là thọ tịnh giới của Bồ-tát, hai là đối với tự tánh của mình không cuồng loạn,...

ba là không bị khổ nặng ép ngặt, trái đây không phạm. Nên trong Bồ-tát địa chép: Tất cả chỗ không trái phạm nghĩa là hoặc tâm kia tăng thượng cuồng loạn, hoặc bị khổ nặng ép ngặt. Nếu chưa từng thọ tịnh giới luật nghi thì nghĩa thêm hai duyên, một là có nhớ, nghĩ, nghĩa là khi chuyển sinh nếu nhớ trước đã thọ thì tùy theo sự tạo tác mà thành phạm. Nếu không nhớ nghĩ thì dù có tạo tác cũng không phạm; Hai là không có duyên lợi sinh, nếu có chỗ lợi sinh thì cho hành sát.v.v... Phần trước ba và hai là năm duyên chung. Năm duyên riêng là trong phẩm 59 chép: Nếu rộng lập mười nghiệp ác, tự tánh khác nhau còn do năm tướng năm tướng gồm: Một là sự, hai là tưởng, ba là dục lạc, bốn là phiền não, năm là phương tiện rốt ráo. Sự là mỗi nghiệp đạo đều quyết định khác đã nương vào sự, hoặc hữu tình Số, hoặc phi hữu tình Số, tùy theo chỗ cần nương của người nghiệp đạo ác kia mà chuyển. Tưởng có bốn: một là tưởng ở chỗ kia chẳng phải kia (như luật chép: tưởng nhân, phi nhân); hai là chẳng ở chỗ kia tưởng ở chỗ kia (tưởng chẳng phải người mà là người); ba là ở chỗ kia tưởng là ở chỗ kia (tưởng người là người); bốn là tưởng ở chỗ kia chẳng phải ở kia (tưởng phi nhân là phi nhân).

Về Dục lạc, hoặc có tưởng điên đảo, hoặc không có tưởng điên đảo, lạc đã thành dục. Phiền não là, hoặc tham, hoặc sân, hoặc si. Hoặc tham sân, hoặc tham si, hoặc sân si, hoặc tham sân si tất cả đều đủ. Phương tiện rốt ráo tức là đối với sở dục tùy theo sự tạo nghiệp mà khởi phương tiện, hoặc ngay lúc ấy, hoặc sau đó được rốt ráo. Do năm tướng này mà thành sát sinh, cho đến tà kiến trong các nghiệp đạo, theo đó nên cần phải xây dựng tự tánh tròn đủ. Mười loại luận văn khác nhau như thế. Nay (664) y theo ý kia giải thích duyên phạm này. Việc trong giới sát nghĩa là hữu tình số, chúng sinh là việc, ở đây có ba phẩm: một là phẩm thượng, nghĩa là giết Phật, bậc Thánh, cha mẹ, Sư Tăng thì phạm năm tội nghịch và tội trọng. Người chứng quả thứ ba ở dưới, một là không nghịch, trong kinh Niết-bàn vì xếp vào giới sát nên chắc chắn. Bồ-tát đồng với khoa sát ở trên, một là nghịch, trong bảy tội nghịch chỉ nói giết bậc Thánh chớ chẳng nói là không học, nên giết mẹ dưỡng thai là phạm tội nghịch, đối với Bồ-tát là lỗi nặng, chỉ nói là nặng, chẳng phải sinh bản. Hai là phẩm trung là giết trời Người chỉ phạm tội trọng. Ba là phẩm hạ, nghĩa là bốn cõi dưới, nếu giết thì chỉ phạm tội nhẹ vì không phải đồ đựng đạo. Văn chép rằng: Tất cả loài có sinh mạng nà nêu nhẹ so sánh với nặng. Trong giới Thanh văn cũng nói rằng dù cho loài kiến nhỏ cũng không nên cắt đứt mạng sống của nóhuống chi là tội trọng. Một là thành trọng, vì văn không phân biệt,

trong giới Thanh-văn, ban đầu tuy nói chung, sau đó thì phân biệt riêng, ở đây không như vậy, không hề phân biệt riêng, nên biệt là trọng. Về tưởng, trong luận chép rằng: Nếu người giết hại, đối với chúng sinh nghĩ là chúng sinh, khởi ý muốn giết hại chúng sinh, ý nghĩ này không điên đảo đối với chúng sinh kia. Nhưng nghĩ có ba: một là không có ý nghĩ điên đảo, nghĩa là như người nghĩ là người, ngay câu thứ ba ở kia nghĩ là ở kia và chẳng phải người khởi tưởng, chẳng phải người tức là câu thứ tư chẳng phải ở chỗ kia tưởng chẳng phải ở chỗ kia; Hai là nghĩ điên đảo, nghĩa là người khởi nghĩ là chẳng phải người, tức là câu thứ nhất đối với kia nghĩ chẳng phải kia, đối với phi nhân nghĩ là người, tức là câu thứ hai chẳng phải kia là kia; Ba là nghi tưởng, nghĩa là người mà nghi chẳng phải người, chẳng phải người nghi là người. Luận tuy không nói, y theo luật lẽ ra không có sự điên đảo. Trong hai người tưởng là một người phạm căn bản, chẳng phải người tưởng chẳng phải người thì không phạm. Nếu thấy phi súc sinh cũng phạm căn bản. Nay y cứ theo phi tình nên nói không phạm. Trong tưởng điên đảo cả hai đều không phạm căn bản, nhưng phải phân biệt. Ban đầu người mà nghĩ là phi nhân, vốn mê nên không phạm, chuyển tưởng cũng phạm. Cuối cùng phi nhân tưởng là người tuy không phạm căn bản nhưng một bề có tội, phạm phương tiện.

Về dục lạc; luận chép rằng: Vì nương theo tưởng này nên khởi tâm như vầy: Ta phải giết chúng sinh, như vậy gọi là sát sinh. Dục lạc này là suy nghĩ giết, gọi là dục, mở rộng... Mạn là gặp cảnh nào cũng đều giết hại. Nếu tâm mạn thì gặp bất cứ cảnh nào cũng đều thành căn bản. Nếu kiềm chế tâm thì tâm cảnh tương xứng, liền thành căn bản. Nếu không tương xứng, vì không thành cho nên nhẹ. Phiền não, trong luận chép rằng: Đây hay giết hại thì hoặc là bị tham che lấp hoặc sân che lấp, hoặc si che lấp, hoặc cả hai che lấp, hoặc cả ba tham sân si che lấp mà khởi tâm, ấy gọi là Phiền não. Phương tiện rốt ráo là kia do dục lạc và tâm nhiễm ô, hoặc mình hoặc người khác phát khởi phương tiện làm hại chúng sinh. Nếu giết hại không ngừng người, kia liền qua đời tức là phương tiện này. Nên lúc ấy nói là thành tựu nghiệp đạo rốt ráo. Nếu sau đó, người kia mới qua đời thì gọi là thành tựu nghiệp đạo rốt ráo.

Kết phạm khinh trọng, có ba: một là phương tiện căn bản tương đối phân biệt, phương tiện thiếu duyên không thành cho nên nhẹ. Căn bản đủ duyên nghiệp buông lung cho nên nặng; hai là theo trong bản tùy cảnh nhẹ nặng, vì theo cảnh của phẩm thứ ba mà nghiệp có nhẹ

nặng; Ba là y cứ vào một cảnh, vì tùy tâm nhẹ nặng tùy khả năng khởi tâm mà có nhẹ nặng, thành nghiệp cũng giống như vậy, nhiễm hay không nhiễm đều phạm, tâm ngộ nhận thì khác, nghĩa ấy rất dễ hiểu. Sự giống nhau và khác nhau của học xứ là giới này Đại thừa hay Tiểu thừa đều cấm, đạo tục cũng giống nhau. Nhưng Đại thừa và Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Một là khác nhau về nhẹ nặng, Thanh văn chỉ có người là nặng, ngoài ra đều là nhẹ; Ba cảnh của Đại Sĩ đều nặng; Hai là khác nhau về khai già: Thanh văn chỉ cấm chớ không khai, Đãi Sĩ có thể phương tiện khai vì lợi ích chúng sinh. Bồ-tát Địa chép: Nếu các Bồ-tát an trụ trong tịnh giới luật nghi của Bồ-tát, dùng phương tiện khéo léo để làm lợi ích cho người khác, nên đối với các tánh tội ít hiện hành. Do nhân duyên ấy mà đối với giới Bồ-tát không có sự trái phạm sinh ra nhiều công đức. Nghĩa là Bồ-tát thấy kẻ trộm cướp là tham của cải nên muốn giết nhiều chúng sinh, hoặc có người muốn giết Đại đức Thanh văn, Độc Giác, Bồ-tát, hoặc muốn gây ra nhiều nghiệp Vô gián, thấy việc ấy rồi phát tâm nghĩ rằng nếu ta cắt đứt mạng sống chúng sinh độc ác kia thì sẽ bị đọa vào địa ngục, còn nếu kẻ ác kia không chết thì nghiệp Vô gián thành tựu sẽ bị khổ dữ dội. Ta thà giết kẻ ác kia mà bị đọa vào địa ngục chớ không bao giờ để cho kẻ ấy chịu tội khổ Vô gián. Bồ-tát suy nghĩ ý lạc như thế, đối với chúng sinh kia hoặc dùng tâm lành, hoặc dùng tâm vô ký, biết việc này rồi, vì tương lai nên hết sức sinh tâm hổ thẹn, dùng tâm thương xót mà cắt đứt mạng nếu chúng sinh kia. Do nhân duyên ấy nên trong giới Bồ-tát không bị trái phạm mà còn sinh ra nhiều công đức. Như vua Tiên Dự giết 500 Bà-la-môn, chính là việc ấy. Chế tâm chế sắc cũng khác nhau, văn gồm có ba: Một là nêu người, tức là Phật tử, vì chưa thọ giới Bồ-tát nên không có chỗ chế này. Như giới Thanh văn lấy Tỳ-kheo làm ví dụ; hai là nói về việc phạm như nghiệp tự giết; ba là kết tên tội, đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát. Nói về việc phạm có ba: Một là nêu việc không nên chế, không được làm; hai là từ Bồ-tát trở xuống nêu chỗ cần dạy khiến cho thường làm; ba là tự bu6ng lung, lại nêu không phải thành việc phạm. Đầu tiên ở trong phần không nên lại có ba, sáu câu đầu nói về việc phạm, bốn câu kế giải thích thành phạm, sau đó cho đến tất cả loài hữu tình có sinh mạng. Xưa phân biệt khinh so với trọng. Nay là kết phạm vi của phạm. Trong việc phạm đầu tiên có hai phần thay đổi. Phương tiện giết là như cậy thế và thuốc độc, khen ngợi giết là do ta khen tặng người đối diện chết. Thấy giết mà tùy hỷ là do ta tùy hỷ người trước đã chết. Cho đến dùng búa chú để giết, nghĩa là chú Tỳ-Đà-la,.v.v... do tụng chú này mà người đối

diện bị chết. Việc giết có nhiều cách, vì lược bớt nên nói cho đến, như đọa thai, đè bụng, sai người, trùng sử, v.v.... chẳng phải một thứ. Trong y cứ thành phạm nghiệp sát là trong ba nghiệp tùy theo một nghiệp mà thành việc sát. Cách thức giết nghĩa là dùng dao chém, hoặc là bắn tên, v.v... Nhân giết nghĩa là khởi tâm về nhân, v.v... Duyên giết là sự tưởng phương tiện dục lạc phiền não, như trên đã nói tùy việc thay đổi, còn nêu không nên. Tự buông lung là đối với pháp Phật chế ra không quan tâm sợ sệt, buông lung ngu tình của mình tùy duyên tạo tác. Ưa thích sát sinh là bên trong không mê lầm, bên ngoài không có ngặt, đã hiểu rõ tâm hạnh sát sinh. Kết tên tội Ba-la-di, đây gọi là rơi vào chỗ không như ý cũng gọi là tha thẳng xứ. Người xuất gia vốn là hàng phục mắt tuệ, nhưng vi phạm giới đọa vào chỗ không như ý nên nói là rơi vào chỗ không như ý, mắt tuệ hơn ta nên gọi là Tha thắng xứ.

Nếu Phật tử tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, ngợi tặng người trộm cướp, thấy người trộm cướp tùy hỷ, cho đến dùng bùa chú trộm cướp: Nhân trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức trộm cướp, nghiệp trộm cướp, v.v.... tất cả tài vật có chủ dầu là của Quỷ thần hay của kẻ cướp, cho đến một cây kim, một ngọn cỏ đều không được trộm cướp. Là Bồ-tát lẽ ra phải thường có tâm từ bi, tâm hiếu thuận, thường giúp cho mọi người được phước được vui, mà trái lại trộm cướp tài vật của người, Phật tử này phạm "tội Ba-la-diệt đế đạo đế của Bồ-tát".

THỨ HAI GIỚI TRỘM: Chế ý thích danh: của cải là vật bên ngoài sinh mệnh, còn chờ giúp đỡ, tự dứt ngã của mình, đều phải yêu quý giữ gìn, Bậc Đại Sĩ vì lòng từ bi nên phải giúp cho mọi người được phước được vui, mà khắp xâm tổn vật của người khác thêm lớn tâm tham của mình, trái hạnh từ bi nên lần lượt chế, trộm còn có tên là không cho mà lấy, ăn cắp gọi là thâu, dùng quyền thế chiếm đoạt gọi là cướp, trộm chung cho cả hai (665) đủ duyên thành phạm. Việc không cho mà lấy, trong luận chép rằng: Vật thuộc của người khác. Có người y cứ theo luật chỉ lấy vật của người từ năm tiền trở lên mới phạm trọng, hoàn toàn không đúng. Văn chép rằng: Tất cả tài vật có chủ dầu là của Quỷ thần hay của kẻ cướp cho đến một cây kim một ngọn cỏ đều không được trộm cướp. Nên biết khác với Thanh văn. Tưởng là: vật của người nghĩ là vật của người, bốn câu tổi, không tổi y theo giới sát nên biết. Dục lạc là muốn trộm cướp, phiền não là trong ba loại hoặc là một hoặc là đủ. Phương tiện cứu cánh là khởi phương tiện dời khỏi chỗ cũ. Kết

phạm khinh trọng y theo giới sát nên biết. Học xứ đồng khác là cũng y theo giới sát. Bồ-tát Địa chép rằng: Lại như Bồ-tát thấy có vị Tể quan tăng thượng, cực kỳ bạo ác, chuyên não hại hữu tình không có chút lòng thương xót. Bồ-tát thấy rồi nên suy nghĩ bỏ điều ác kia, khởi tâm thương xót, phát sinh lợi ích an vui, ý lạc, tùy theo khả năng có thể hoặc sa thải, hoặc cách chức những vị quan tăng thượng ấy. Do nhân duyên ấy mà không trái phạm giới Bồ-tát, sinh nhiều công đức. Lại như Bồ-tát thấy kẻ trộm cướp chiếm đoạt tài vật của người khác, hoặc vật của tăng-già, vật của tháp, lấy rồi chấp là của mình rồi tha hồ thọ dụng. Bồ-tát thấy vậy khởi tâm thương xót, làm cho kia phát sinh lợi ích an vui. Tùy theo khả năng mình bắt buộc phải trả lại, không cho thọ dụng. Lấy của cải phi nghĩa như thế nên phải chịu đêm dài vô nghĩa vô lợi. Vì lý do chiếm đoạt của cải ấy nếu là của tăng-già thì trả lại cho tăng-già, vật của tháp phải trả lại cho tháp, vật của hữu tình phải trả lại cho hữu tình. Lại thấy các vị chủ hoặc chủ vườn rừng lấy vật của tăng-già, vật của tháp, nói là vật của mình nên lung lòng thọ dụng. Bồ-tát thấy rồi liền khởi lòng thương xót kẻ ác kia, không cho dựa vào nghiệp thọ dụng sai trái này mà phải chịu đêm dài vô nghĩa vô lợi, tùy theo khả năng mình mà sa thải những vị chủ ấy. Bồ-tát ấy tuy không cho lấy nhưng chẳng nhưng không trái phạm, lại còn được nhiều công đức. Theo văn như ba phần trước, nói về việc phạm, trước phân biệt việc không nên phạm có bốn câu, thứ tư dùng bùa chú trộm thành phạm, bốn câu sau mới xếp vào. Về phương tiện phạm, như trong luật chép rằng: Tỳ-kheo nhân cúng dường nói với thí chủ rằng: người nhận sự cúng dường của ông là bậc A-la-hán... Nếu được cúng dường thì tội gồm cả hai việc, đó là nói dối để trộm. Chú trộm là tụng chú khiến cho vật của người tự đến chỗ mình. Không khen ngợi là không vì khen ngợi mà thành nghiệp của mình. Vật có chỉ là quỷ thần, nghĩa là vật trong miếu thần hoặc Quỷ thần chính là chủ, hoặc là chủ canh giữ. Vật của kẻ trộm cướp, vật của kẻ trộm cướp là mà quan đã tịch thu. Cũng có thể vật trộm cướp vốn là vật của ta nhưng nếu cướp đoạt mà có thì trở thành vật của kẻ trộm, vì vật vô định thuộc về ai tùy theo cách lấy mà thành chủ của nó.

Nếu Phật tử tự mình dâm dục, bảo người dâm dục với tất cả phụ nữ, các loài cái loài mái, cho đến Thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ, cũng phi đạo mà hành dâm. Là Bồ-tát lẽ ra phải có tâm hiếu thuận cứu giúp tất cả chúng sinh, dùng pháp thanh tịnh khuyên dạy người, lại không có tâm từ bi làm cho mọi người sinh việc dâm dục, không phân biệt súc sinh cho đến hành dâm với mẹ, con, chị, em trong sáu thân, Phật tử này

phạm “Tội Ba-la-diệt đế đạo đế của Bồ-tát”.

GIỚI DÂM THỨ BA: Giới dâm thứ ba, chia văn như trước. Chế ý thích danh, kinh chép rằng: Nếu không dứt trừ dâm dục còn chướng quả Phạm Thiên, huống là được quả Bồ-đề, nối nhau trói buộc sinh tử không xa lìa được, chính là do đây, nên cấu khiến cho dứt trừ. Hoang sắc gọi là dâm cũng gọi là Phi phạm hạnh, các giới tuy đều phi phạm nhưng nhiễm ô này quá nặng cho nên nói riêng. Trong đủ duyên sự là ba cảnh đều trọng. Trong luật chỉ ba đường của người nữ, hai chỗ của người nam là cảnh trọng, chỗ khác thì không trọng. Nếu y theo văn Kinh thì hành dâm ở phi đạo. Nên biết Bồ-tát đối với phi đạo cũng là trọng. Lại luận Du-già chép rằng: Việc nghiệp đạo tà dục nghĩa là người nữ không nên hành. Nếu nên hành thì Phi chi Phi xứ, Phi thời, Phi lượng. Nếu không đúng lý thì tất cả nam và bất nam, nếu đối với mẹ, v.v... Sở hộ của mẹ, v.v.... gọi là không nên hành. Ngoài cửa sinh ra, đã có phần khác đều gọi là Phi chi. Nếu khi chất bẩn tiết ra, khi thai tròn đủ, trẻ uống sữa, lúc thọ trái giới, hoặc khi bị bệnh nghĩa là đã bị bệnh không nên tập dục, đó gọi là Phi thời. Nếu các chỗ tôn trọng đã nhóm họp, hoặc trong linh miếu, hoặc trước đại chúng hoặc vùng cao thấp không bằng phẳng làm cho không yên ổn, những chỗ như thế gọi là Phi xứ. Quá lượng mà thực hành gọi là phi lượng, vì không theo nghi thức thế tục nên gọi là Phi lý. Nếu tự hanh dục, hoặc làm môi giới cùng người khác. Hai điều này đều thuộc về dục tà hạnh. Tưởng: là ở kia nghĩ là kia. Nếu theo văn luật thì đối với đạo nghĩ là đạo, đạo nghĩ và nghi là phi đạo, đều thành trọng. Dục lạc là muốn hành lạc. Phiền não là ba độc, hoặc đủ hay không đủ. Phương tiện rốt ráo là hai bên đã giao hội. Kết phạm khinh trọng là tùy cảnh, tùy tâm, y theo phần trước rất dễ biết. Học xứ đồng khác là Đại thừa, Tiểu thừa cũng chế. Năm chúng xuất gia chánh tà đều cấm. Hai chúng tại gia chế tà khai chánh. Bồ-tát Địa chép: Lại như Bồ-tát tại gia thấy mẫu ấp hiện không hệ thuộc vào thói quen dâm dục, sau đó tâm Bồ-tát tìm kiếm phi phạm hạnh. Bồ-tát thấy rồi khởi lên ý nghĩ, không cho tâm sinh nhiều tức giận mà mất phước. Nếu theo ý muốn liền được tự tại, phương tiện ở yên khiến gieo trồng gốc lành. Cũng nên khiến cho họ bỏ nghiệp bất thiện, trụ thương xót, mẫn hành phi phạm hạnh. Tuy quen pháp uế nhiễm như thế nhưng không có, phạm, sinh nhiều công đức. Bồ-tát xuất gia được che chở Thánh Thanh văn chỉ dạy khiến cho không hoại diệt, tất cả không nên hành Phi phạm hạnh. Trong văn chép tự mình dâm dục, xúi giục người dâm dục thì trong pháp Thanh văn tự

dâm dục thành trọng, xúi giục người dâm dục không thành trọng. Trong pháp Đại thừa mình và người đều trọng. Hành dâm Phi đạo trong pháp Thanh văn, hành dâm với người nữ ở ba chỗ, vơi người nam ở hai chỗ thì phạm tội trọng, hành dâm ở Phi đạo thì không phạm trọng. Trong Pháp Đại thừa, đạo và phi đạo đều phạm trọng. Nghiệp đạo dâm dục trong Du-già cũng nói như thế, xem văn khác rất dễ hiểu.

GIỚI NÓI DỐI THỨ TƯ: Nếu Phật tử tự mình nói dối, bảo người nói dối, Phương tiện vọng ngữ: nhân vọng ngữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Cho đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật tử lẽ ra phải thường chính ngữ chánh kiến, cũng làm cho tất cả chúng sinh có chính ngữ, chính kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp thì Phật tử này Phạm “tội Ba-la-di” của Bồ-tát. Đó là giới nói dối thứ tư.

Chế ý thích danh là làm cho mọi người kém hiểu biết, rất trái với đạo chân thật nên đặt ra giới này, trái với ý tưởng mà nói nên gọi là nói dối. Việc nếu là thật, như trái vợi nội tâm đều gọi là nói dối. Đủ duyên trong việc nghĩa là thấy, nghe, hay, biết, không thấy, không nghe, không hay, không biết. Nghĩ là đối với thấy.v.v... hoặc nghĩ ngược lại. Nghĩ ngược lại có hai việc: một là nghĩ việc không đều ngược lại, như việc không thấy khởi tưởng không thấy mà nói thấy; hai là tưởng việc không ngược lại, như việc không thấy, khởi tưởng thấy mà nói không thấy. Hai việc này đều thành nói dối. Dục lạc là che giấu tưởng lạc nói là dụ. Phiền não là như trên, phương tiện rốt ráo là thời, chúng và người đối diện nhận hiểu thì kết phạm. Về khinh trọng, như tùy theo cảnh mà nói thì cảnh của ba phẩm đều trọng, hoặc là chỉ có phẩm thượng mới kết trọng, đối với cảnh ở phẩm hạ chỉ kết khinh cấu, tùy tâm (666) rất dễ hiểu. Nếu lại y theo luật thì chỉ ở pháp của bậc thượng nhân, phạm trọng làm cho vô phân biệt, lẽ ra phải chế chung. Học xứ đồng khác là Đại thừa Tiểu thừa đều chế, đạo tục cũng đồng. Lại trong pháp Đại thừa có thêm chỗ khai. Bồ-tát Địa chép: Lại như Bồ-tát vì giải thoát mạng nạn, nạn trói buộc lao tù, nạn chặt tay chân, nạn xẻo mũi, cắt tai, khoét mắt.v.v.. cho các hữu tình, tuy các Bồ-tát chính mình bị nạn cũng không dám nói dối, nhưng vì cứu thoát các hữu tình kia nên biết mà suy nghĩ chọn lựa cho nên nói dối. Tóm lại, Bồ-tát chỉ xem nghĩa lợi của hữu tình, tự mình chẳng những không có nghĩa lợi mà tâm còn không có ô lợi, chỉ vì nhiêu ích cho các hữu tình. Tưởng chánh trị mà nói lời

khác, khi nói là ngôn ngữ, đối với giới Bồ-tát không có trái phạm sinh ra nhiều công đức, trong thích văn việc khác dễ hiểu. Về thân tâm nói dối: Thân nói dối nghĩa là từ thân nghiệp biểu thị làm cho người ta hiểu sai, mà thành nghiệp, đã thuộc về ngữ nghiệp nên gọi là nói dối.

GIỚI BÁN RƯỢU THỨ NĂM: Nếu Phật tử tự mình bán rượu, bảo người bán rượu: nhân bán rượu, duyên bán rượu, cách thức bán rượu, nghiệp bán rượu, tất cả rượu không được bán. Rượu là nhân duyên sinh ra tội lỗi, là Phật tử lẽ ra phải giúp cho tất cả chúng sinh có trí tuệ sáng suốt, mà lại đem sự mê say điên đảo đến cho tất cả chúng sinh. Phật tử này Phạm "tội Ba-la-diệt đế đạo đế của Bồ-tát". Đây là giới bán rượu thứ năm.

Chế ý thích danh là: Rượu làm nhân duyên cho buông lung, dật mất các Pháp lành. Như luận chép rằng: Ngoài việc Phá tăng, như khi say rượu thì tất cả Pháp nghịch khác đều có thể làm. Ba mươi sáu lỗi, mười thứ tai họa trong luật luận đều có nhắc nhở. Nếu chỉ tự mình uống lỗi còn nhẹ, chớ bán để cầu lợi thì tổn hại rất rộng. Nên tuy chẳng phải tánh ác nhưng cũng đồng chế là trọng. Cô là mua bán, vị nồng dễ say, tuy ngọt nhưng độc nên gọi là rượu. Đủ duyên nghĩa là thể rượu thành. Luận chép rằng: Tể-La-Nhã, Mê-Nghi-Tà, Vị Đà buông lung, do ngũ cốc chế thành Tể-la-Nhã, quả khác chế thành Mê-Nghi-tà, phân biệt với chưa thành, đã hoại gọi là Vị-Đà.

Nghĩ: Luật chép: Rượu nghĩ là rượu, rượu nghi chẳng phải rượu, rượu tưởng chẳng phải rượu đều kết chính tội. Y theo luật kia chế, giới bán rượu này cũng phải như vậy. Lại theo luật thì nói uống ba câu đều phạm. Nếu nói theo bán thì tâm cảnh tương ưng mới có thể kết trọng. Dục lạc là tâm muốn đem rượu cầu lợi với người. Phiền não là trong ba tùy bất cứ một thứ nào hoặc là đủ hai, ba. Phương tiện rốt ráo là khi trao cho người liền phạm, không cần phải người trước uống và không uống. Kế là đến đợi người đối diện uống mới phạm. Kết phạm nặng nhẹ, nói theo cảnh thì trong luật chép: mua bán với bà con phạm tôi khinh, vì tâm cầu lợi với số lượng ít, nghĩa y theo việc mua bán rượu cũng phải như vậy. Nếu cùng người ở cảnh thượng, trung đều chế trọng. Nếu cảnh hạ phẩm, vì việc ít nên nhẹ. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đều chế, nhưng nặng nhẹ có khác, bậc Đại Sĩ lỗi nặng. Thanh văn chỉ phạm giới mua bán, tức là phần thứ ba, giải thích văn rất dễ hiểu.

GIỚI RAO LỖI CỦA BỐN CHÚNG THỨ SÁU: Nếu Phật tử tự

miệng rao nói tội lỗi của Bồ-tát xuất gia, Bồ-tát tại gia, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hoặc bảo người rao nói những tội lỗi ấy: Nhân rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật tử khi nghe những kẻ ác, ngoại đạo và hàng Nhị thừa nói những điều phi pháp trái luật trong Phật pháp, thì thường phải có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác, ấy khiến cho họ xin tín tâm lành đối với Đại thừa, mà Phật tử lại tự mình rao nói tội lỗi trong Phật pháp. Phật tử này phạm "tội Ba-la-di của Bồ-tát ". Đây là giới thứ sáu: Rao lỗi của bốn chúng.

Chế ý thích danh là đồng pháp tương hộ, nghĩa đồng với anh em, mà lại hướng về đườngf khác phô trương lỗi thiếu sót của người khác, gần thì dìm mất người tốt, xa thì tổn hoại chánh pháp, lỗi ấy rất nặng nên Phậtt chế giới để dứt trừ. Đáng xả bỏ, đáng nhàm chán, nên gọi là tội lỗi, biểu dương hướng khác nên gọi là thuyết. Nói đủ duyên nghĩa là người có giới đã có tội lỗi nói với người không có giới. Bảy tội nghịch, mười giới trọng là chánh chế, từ lỗi nhẹ khác cũng gồm chế. Tưởng là đối với tội lỗi nghĩ là tội lỗi. Dục lạc là mong vui nên muốn nói tội lỗi. Đây có hai: Một là dìm mất tâm, muốn làm cho người dõi diệu mất danh lợi...; hai là trị phạt tâm, muốn làm cho người đối diện bị trói buộc, v.v... Dùng hai tâm này rao nói tội lỗi của người khác đều phạm trọng, phiền não đến bực nào. Phương tiện rốt ráo là hoặc tự rao nói, hoặc bảo người khác rao nói. Khi người đối diện nhận hiểu liền thành rốt ráo. Kết Phạm khinh trọng, y cứ theo đây rất dễ hiểu. Học xứ đồng khác là Thanh văn rao nói tội trọng của kẻ khác cho người chưa thọ giới cụ túc nghe, phạm thiên thứ ba. Nếu rao nói tội tăng tàng trở xuống đều phạm thiên thứ năm. Bồ-tát gồm làm cả việc cứu giúp làm hoài bảo nên chế tội trọng. Văn chỉ nói rằng rao nói lỗi, không phân biệt khinh trọng. Trở xuống là giới khinh, giới thứ 13 nói về bảy tội nghịch và mười giới trọng, y theo kia đây cũng nên như vậy. Nhưng kia nói đồng pháp nên nhẹ, ở đây nói pháp khác nên nặng. Lại nói rằng: kia nói vô sự nên nhẹ, nếu biết vô sự thì không thể dìm mất. Hoặc trị phạt nên ở đây rao nói có phạm trọng thật, văn giải thích rất dễ hiểu.

GIỚI THỨ BẢY TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI: Nếu Phật tử tự khen mình chê người, cũng bảo người khác khen mình chê người: Nhân chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật tử lẽ ra phải thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sinh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật tử tự phô bày tài đức của mình mà dìm che điều hay tốt

của người, làm cho người bị khinh chê. Bồ-tát này phạm "tội Ba-la-di của Bồ-tát ".

Chế ý thích danh: Bồ-tát lẽ ra phải nhường điều tốt cho người, nhận xấu về mình, mà nay trái lại tự phô trương, hủy nhục người, rất trái với bản tâm, nên thật chế để dứt trừ. Khen ngợi công đức của mình, chê bai lỗi người khác. Là chỗ phòng lỗi, từ chỗ phòng lỗi làm tên, nên nói rằng giới khen chê. Trong đủ duyên thành phạm, sự có hai việc: Một là chê người; hai là chê việc. Trong chê người nói rằng: Nếu chê hai cảnh phẩm thượng và trung thì phạm trọng, chê cảnh phẩm hạ phạm khinh. Giới này gồm chế, như hai cảnh ở phẩm thượng và trung có giới Bồ-tát thì mới trọng, vì phiền não ngăn trở sâu. Nêu không có giới cho đến cảnh phẩm hạ có giới hay không có giới đều phạm khinh, vì phiền não ngăn trở cạn. Sau này giải thích phải y theo luật. Luật dạy: chê bai bậc đại Tỳ-kheo mới kết tội, nên biết trong giới Đại thừa, chê Bồ-tát đồng pháp mới kết tội trọng. Nay là giới rao nói tội lỗi, nêu riêng bốn chúng. Giới chê người này nói chung là chê người, không co nêu riêng, y theo luật phân biệt, theo lý e rằng không đúng. Sự chê là y theo luật có bảy: Một là sinh trong dòng họ nổi tiếng; hai là hạnh nghiệp thấp hèn; ba là kỹ thuật khéo léo cũng thấp; bốn, ông là người phạm lỗi, năm là nặng về kiết sử; sáu là đồ đui mù; bảy là hói mù. Trong bảy việc này, dùng một việc để chê người đều phạm trọng. Tưởng là đổi nghi không đổi y theo văn trước giải thích. Dục lạc là phô trương tài đức của mình dìm, che điều tốt của người, ý muốn cầu lợi cung kính. Phiền não là một trong ba độc, hoặc một, hoặc hai, hoặc đủ cả ba, nhưng thành rốt ráo phải do tâm tham. Bồ-tát Địa chép: vì muốn tham cầu lợi dưỡng cung kính, nên tự khen mình chê người. Ấy gọi là pháp tha thắng xứ bậc nhất. Phương tiện rốt ráo là hoặc tự làm, hoặc bảo người làm, khi người đối diện nhận hiểu lời khen chê liền kết phạm. Luật chép rằng: chê bai có ba: Một là mắng trước mặt; hai là thí dụ mắng; ba là tư so sánh (667) mắng. Mắng trước mặt: như nói ông là dòng họ Chiên-đà-la.v.v.. Dụ mắng như nói ông giống như chủng tộc Chiên-đà-la... Tự so sánh mắng là nói tội chẳng phải chủng tộc Chiên-đà-la... Ba cách mắng này nếu hiểu rõ đều phạm Ba-dật-đề, nếu không hiểu rõ phạm Đột-cát-la. Y theo Bồ-tát này hiểu rõ đều phạm trọng, không hiểu rõ đều phạm kh-inh. Lại phải có đủ khen chê mới kết trọng. Nếu chê mà không khen, khen mà không chê thì chỉ phạm khinh cấu. Hoặc trước khen sau chê, hoặc trước chê sau khen, đều làm cho tâm vận hành khen chê, đủ cả hai đều kết trọng. Nếu trước khen sau chê, khi khen phương tiện thì khinh,

khi chê thành gốc trọng, trước chê sau khen cũng như vậy. Như tám việc của Ni, mỗi việc khi làm, phương tiện phải hợp nhau, khi đủ tám việc mới kết tội Ba-la-di. Nếu chỉ muốn khen, hoặc chỉ muốn chê, tuy trước sau đủ hai nhưng đặc biệt chỉ kết hai tội khinh, không thành trọng. Như dứt bỏ tâm sở, lấy bốn tiền không thành trọng. Kết phạm khinh trọng là nếu nói theo cảnh thì nghiệp chê Thánh, chê Phàm, chê đạo, chê tục, chê người, chê súc sinh, tùy theo cảnh trước chẳng thể không có khinh trọng. Nếu nói theo tâm thì luôn luôn hiện hành, đều không hổ thẹn, rất sinh ưa thích thấy là công đức, ở phẩm thượng thì mất giới, không đủ bốn là phẩm trung và phẩm hạ, phạm mà không mất giới. Học xứ đồng khác, Thanh văn phạm Ba-dật-đề, Bồ-tát phạm Ba-la-di. Theo Kinh Thiện Sinh thì Bồ-tát tại gia không chế là trọng. Nếu theo kinh này không phân biệt nên bảy chúng đều phạm trọng. Trong văn, tự miệng khen mình chê người nghĩa là từ miệng phát ra lời khen đức của mình chê lỗi xấu của người, cũng bảo người tự khen mình chê người. Đây có hai: một là bảo người trước khen cái tự được của người kia chê lỗi xấu của người khác; hai là bảo người trước khen cái tự đắc của mình chê lỗi người khác, cả hai đều phạm chê nghiệp của người, đúng chỉ là khẩu nghiệp. Văn chép rằng: Tự khen mình chê người nên thân biểu hiện ý duyên, tướng khen chê ẩn nên không phạm tội trọng. Thường thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sinh: là Bồ-tát khởi tâm ngậm cấu bẩn như biển, chịu khổ nhục như đất. Nhưng Bồ-tát Địa chép: Không rửa sạch tiếng xấu phạm tội trọng, phòng ngừa người đối diện chê bai đắc tội, chẳng phải cho là Bồ-tát quá suy tôn người.

Hỏi: Bồ-tát tự mình không có việc xấu, người trước thật không có việc tốt, làm sao nhận việc xấu nhường cho người việc tốt được?

Đáp: Việc này có hai nghĩa: Một là người đối diện vô đạo khinh chê Bồ-tát, Bồ-tát khởi niệm như có người trúng tên, nếu không thì chẳng trúng, do có thân ta nên chúng sinh khởi ác, không có thân ta thì không do đâu mà khởi. Khởi ác là do ta, ác là tại ta, ấy là việc ác tự hướng về mình. Lại nghĩ rằng: Do người đối diện chê ta nên ta được tu giới để phòng ngừa. Nếu không có người ấy thì phước lành của ta do duyên gì mà sinh, được sinh phước lành là do người ấy, phước lành ở người ấy, đó là cho người khác việc tốt; hai là kia xấu ta tốt là do cái thấy của ta thôi. Nếu nói theo thật lý thì mình và người đều đồng một thể. Bồ-tát phải theo thật lý chớ không theo vọng kiến, nên phải nhận cái xấu về mình, nhường cho người điều tốt. Làm cho người khác bị hủy nhục thì Phật tử phạm “tội Ba-la-di” của Bồ-tát. Kết tội danh ấy,

Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát an trụ trong tịnh giới luật nghi của Bồ-tát, đối với người khác có tâm ái nhiễm, tâm sân nhuế, tự khen mình chê người, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là nhiễm trái phạm. Không trái phạm là hoặc vì tồi phục các ngoại đạo và các kẻ ác. Hoặc vì trụ trì thánh giáo của Như lai. Hoặc muốn phương tiện điều phục các kẻ ác kia. Hoặc muốn khiến cho những người chưa có lòng tin thanh tịnh phát sinh niềm tin thanh tịnh, người có tâm tịnh tín rồi càng thêm vững chắc.

GIỚI THỨ TÁM: BỎN SẺN LẠI MẮNG ĐUỔI.

Nếu Phật tử tự mình bỏn sẻn, bảo người bỏn sẻn: Nhân bỏn sẻn, duyên bỏn sẻn, cách thức bỏn sẻn, nghiệp bỏn sẻn. Là Phật tử, khi thấy những người nghèo cùng đến cầu xin, thì phải cấp cho theo sự cần dùng của họ. Mà Phật tử có tâm giận ghét, cho đến không cho một chút, có người đến cầu học giáo pháp cũng chẳng nói một bài kệ, một câu, kinh lại còn xua đuổi quở mắng. Phật tử này phạm tội Ba-la-di" của Bồ-tát. Hạnh của Đại sĩ phải là không xin mà bố thí khiến cho đoo người xin hiện tiền bỏn sẻn mà không cho, trái lại còn hủy nhục, vì trái với hóa đạo nên phặt đặt ra để dứt trừ. Trong Bồ-tát Địa chỉ chép rằng: không thí tài và pháp, không nói lời phỉ báng nên gọi là giới bỏn sẻn không bố thí trí tuệ. Keo kiệt tài pháp gọi là San, mắng nhiếc người gọi là hủy, ngăn ngừa lỗi là giới. Việc trong đủ duyên nghĩa là chúng sinh bị hủy nhục và tài vật bị tiếc rẽ, trong cảnh phẩm thượng ngoài Phật và Bồ-tát, văn gọi là người nghèo cùng: Nên trong cảnh phẩm trung, nếu chẳng phải người nghèo cùng vì thử nên đến xin, không cho cũng không phạm. Cảnh phẩm hạ, xưa nói chẳng phải trọng, nay là người có hiểu biết chẳng phải súc sinh, theo lý cũng chẳng phải khinh. Về tài tiếc rẽ, pháp, văn chép rằng: Cho đến một tiền, một cây kim, một cộng cỏ, không nói một bài kệ một câu kinh cho người đến cầu học pháp. Tưởng là đối với hai cảnh trước gọi là cảnh mà tưởng. Dục lạc là ý lạc bỏn sẻn không cho. Phiền não hoàn toàn là tiếc rẽ, ngay chỗ nghèo làm chính, ngoài ra đều thành giúp, hoặc đủ hay không đủ. Phương tiện rốt ráo: là xưa nói người đối diện nhận hiểu là tướng bỏn sẻn, lãnh nạp lời đánh mắng, tùy việc, tùy lời mà kết trọng. Nếu y theo Bồ-tát Địa thì hẳn người đối diện nhận hiểu là tướng bỏn sẻn, chịu khổ đánh mắng mới kết trọng. Nếu quyết ý không cho còn nói lời keo kiệt, người xin kia hiểu hay không hiểu lẽ ra phải kết tội trọng. Nên văn kia chép: Nếu các Bồ-tát hiện có của cải, vì tánh tiếc của nên có người nghèo khổ, không nơi

nương tựa, đang tìm xin của cải đến trước Bồ-tát ấy, mà Bồ-tát không khởi tâm thương xót để tu tuệ xả, có người đến cầu pháp, nhưng vì có tánh sẻn pháp, nên tuy hiện có pháp mà không cấp thí, ấy gọi là pháp tha thắng xứ thứ hai. Nhưng kinh này chép rằng: “trái lai còn xua đuổi, quở mắng”, rõ ràng là có lỗi. Kết Phạm khinh trọng: nếu nói theo cảnh thì có người nghèo khổ là trọng, người không nghèo khổ thì phạm khinh. Nếu nói theo tâm thì tùy theo sự khen chê trên, xưa nói phải đủ hai việc mới kết phạm trọng, nghĩa là bản sẻn lại còn mắng đuổi. Nếu bỏn sẻn mà không mắng đuổi, mắng đuổi mà không bỏn sẻn, đều không phạm trọng. Học xứ đồng khác là Thanh văn chỉ có đệ tử mà không dạy pháp thì phạm Đột-cát-la, không cho của cải thì không chế phạm. Ni trong hai năm, không cho tài pháp thì phạm Ba-dật-đề, ngoài hai tuổi không cho phạm Đột-cát-la. Thêm mắng đuổi thì kết riêng, không phải là phạm trọng. Bồ-tát không phân biệt ngươi thân Say sơ đến xin, nếu không cho đều phạm tội trọng, vì bản thệ đều gồm vật nên bảy chúng đồng phạm. Theo Kinh Thiện Sinh thì đối với thế tục cũng không chế phạm trọng. Lại Kinh Quyết Định Tỳ-Ni chép rằng: Bồ-tát tại gia phải thực hành Nhị thí, một là pháp thí; hai là tài thí. Bồ-tát xuất gia phải hành bốn thí: Một là giấy; hai là mực; ba là viết, bốn là Pháp. Bồ-tát đắc nhẫn thực hành ba thí: một là ngôi vua hai là vợ con; ba là đầu, mắt, da, xương. Bồ-tát đắc pháp nhẫn phải từ Thập giải trở lên. Trong văn, xúi giục người bỏn sẻn cũng có hai: một là xúi người bản sẻn tài pháp; hai là xúi người tiếc tài pháp của mình. Nghiệp bỏn sẻn là ý nghiệp làm chính. Nếu hiện tướng miệng nói thì là thân miệng giúp thành. Cách thức bỏn sẻn: Tùy theo cách thức nói keo kiệt, hoặc mượn việc khác mà xua đuổi, hoặc ra oai mạ nhục mà đi. Duyên bỏn sẻn đủ năm việc như trên. Trong tài thí một cọng cỏ, trong pháp là một hạt bụi. Cái là nói thế lực cùng cực. Bốn lời là câu, bốn câu là một bài kệ, câu kệ không đủ là pháp ẩn. Nếu muốn nghe lời vô thường mà không nói thì lời vô thường này không thành câu. Bồ-tát Địa chép rằng: (668) Nếu các Bồ-tát an trụ trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, có đầy đủ của cải ăn uống, v.v... lại có tâm hiềm hận, buồn giận mà không cấp thí, ấy gọi là có phạm, có chỗ trái vượt, là phạm trái nhiễm. Nếu vì lười biếng, uể oải, buông lung không thể thí cho, thì không phạm trái nhiễm. Không trái phạm là hiện không thể thí tài vật, hoặc người kia xin vật không đúng pháp, vật không thích hợp, hoặc dùng phương tiện điều phục người kia, hoặc người đến xin không thích hợp với vua thì phải bảo vệ ý vua, hoặc giữ gìn Tăng chế mà không cho thì đều không phạm.

GIỚI GIẬN HỜN KHÔNG NGUÔI THỨ CHÍN

Nếu Phật tử tự mình giận, bảo người giận: Nhân giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Là Phật tử lẽ ra phải giúp cho tất cả chúng sinh được những gốc lành không gây gổ; thường có tâm từ bi, tâm hiếu thuận mà đối với tất cả chúng sinh cho đến loài phi chúng sinh lại dùng lời ác độc mạ nhục, còn dùng tay, chân, dao, gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ, cho đến người kia dùng lời khéo léo sám hối, xin lỗi, nhưng vẫn không hết giận, Phật tử này phạm "tội Ba-la-di" của Bồ-tát.

Bồ-tát thường phải có tâm nhân ái che chở tất cả mà lại xâm tổn, không cho sám hối tạ tội, vì trái với lời sự giáo hóa nên Phật đặt ra để dứt trừ. Ngậm độc hại người là sân, kết hận không nguôi là không chịu nhận sám hối tạ tội. Cũng từ chỗ phòng ngừa là tên của giới. Việc trong đủ duyên gọi là chúng sinh. Xưa nói cảnh ở phẩm thượng, trung thì phạm trọng, cảnh phẩm hạ thì phạm khinh. Nay, văn chép: Đối với tất cả chúng sinh cho đến loài phi chúng sinh, nên biết là kết chung. Nếu như vậy thì đối với cây, đá..., sân cũng phải kết trọng.

Đáp: không đúng. Ở dưới chép rằng: Người kia khéo léo sám hối, xin lỗi, nên biết không chung với cây, đá. Nếu như vậy tại sao nói đối với loài phi chúng sinh, nay gọi bậc Thánh là phi chúng sinh, vì thọ sinh ở Phi xứ nên gọi là phi chúng sinh. Ở chỗ không nên tức giận mà tức giận, thì chẳng bằng người phàm, nên đặc biệt nói là cho đến. Tưởng là ở chỗ chúng sinh tức giận xứng cảnh mà tưởng. Dục lạc là ý vui muốn kết oán khôn nguôi. Phiền não lấy sân làm chính, ngoài ra đều giúp thành. Phương tiện rốt ráo, xưa nói rằng: Người kia nhận hiểu người này không chịu, bị thân miệng đánh mắng kết tội trọng, tùy thân nghiệp và khẩu nghiệp nhiều hay ít mà kết tội. Nay thì dù người kia nhận hiểu hay không, nếu quyết chí kết oán không nhận sự sám hối tạ tội thì kết trọng, cho nên biết như vậy là vì Sân tức là nghiệp đạo sân nhuế, mắng chửi là nghiệp đạo thô ác. Hai nghiệp đạo này không lấy nhận hiểu làm rốt ráo. Quyết Trạch chép rằng: lời thô ác rốt ráo nghĩa là mắng chửi người, nghiệp sân nhuế rốt ráo là tâm mong tổn hại quyết định... Cho nên biết không đợi người đối diện nhận hiểu. Lại Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát nuôi lớn hạt giống tức giận trói buộc như thế, do nhân duyên ấy không chỉ phát khởi lời thô ác thường sinh ra, mà vì tức giận che lấp nên lại dùng tay chân, sắt đá, dao, gậy đánh đập làm hại tổn não loài hữu tình. Nội tình dữ dội, ý lạc phẩn hận, có sự trái phạm, người khác đến can ngăn tạ tội, không chịu dằn xuống, kết oán không nguôi, ấy gọi là pháp Tha thắng xứ thứ ba. Kết phạm khinh trọng là tức giận không

chịu sám hối có hai: Một là có người đến bảo người phạm lỗi kia trở lại sám hối tạ lỗi, mà tức giận không nhận lời xin lỗi của người kia. Đây chỉ phạm tôi nhẹ. Kia cũng coi phục mà đến, đây lại tức giận ép ngặt trái với lòng từ; hai là Bồ-tát bảo người kia trở lại sám hối tạ lỗi, mà kết oán không nhận thì phạm trọng. Học xứ đồng khác là vì bản thệ của Bồ-tát dẫn nhiếp, nên sân ép ngặt thì phạm trọng. Thanh văn tự giữ gìn không kỳ hạn, không nhận sự sám hối, tạ lỗi của người chỉ phạm Đột-cát-là. Theo Kinh Thiện Sinh thì Bồ-tát tại gia không chế trọng, kinh này chế chung cho xuất gia, tại gia. Trong văn chép: Cho đến đối với loài phi chúng sinh: nếu chẳng có tình thức gọi là phi chúng sinh ấy là lời phòng ngừa. Như bậc Thánh chẳng phải là chúng sinh, thường sinh tử nên gọi là phi chúng sinh, đó là lời để phòng ngừa. Đem lời ác mạ nhục là khẩu nghiệp tổn não, lại còn dùng tay, chân, dao gậy đánh đập là dùng thân nghiệp tổn não, mà vẫn chưa hả dạ là lòng tức giận không nguôi. Người kia dùng lời khéo léo sám hối xin lỗi nghĩa là được người xâm hại trở lại xin lỗi sám hối mà vẫn còn tức giận không bỏ là không nhận, không nhẫn là kết oán không nguôi. Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát an trụ trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát mà đối với loài hữu tình khác có sự xâm phạm, hoặc tự mình không bị người kia nghi ngờ xâm phạm. Do tâm ganh ghét ngã mạn, không như lý tạ lỗi thì sinh khinh xả, ấy gọi là phạm, có trái vượt là nhiễm trái phạm. Nếu do lười biếng, uể oải, buôn lung không xin lỗi nên sinh ra khinh xả, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt, chẳng nhiễm trái phạm. Không trái phạm là nếu muốn tìm cách điều phục người phạm lỗi kia cho ra khỏi chỗ bất thiện, an lập chỗ thiện. Hoặc là ngoại đạo, hoặc là kia hy vọng. Hoặc vì hiện hành phi pháp có tội mà nhận sự sám hối, tạ lỗi. Hoặc hữu tình kia có tánh thích đấu tranh, nhân sám hối tạ tội, càng thêm sân hận bội phần. Hoặc lại biết người kia có tánh kham nhẫn, thể không hiềm hận. Hoặc biết người khác vì tạ lỗi phạm rất sinh tâm hổ thẹn mà không sám hối tạ tội thì đều không phạm. Nếu các Bồ-tát an trụ trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, ở chỗ khác xâm phạm người kia lại như pháp bình đẳng sám hối tạ lỗi, có tâm hiềm hận muốn làm tổn não người kia mà không nhận sự xin lỗi của họ, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt. Tuy đối với người kia không có tâm hiềm hận, không muốn tổn não, nhưng vì bẩm tánh không thể nhẫn nhịn nên không nhận sự sám hối, cũng cho là phạm, có sự trái vượt, là nhiễm ô trái phạm. Không trái phạm là nếu muốn tím cách điều phục người có lỗi kia, hoặc không đúng pháp không bình đẳng sám hối, không nhận sự sám hối của người kia, cũng không trái phạm. Nếu các

Bồ-tát an trụ trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, đối với người có tâm tức giận nối nhau bền chí, sinh rồi không bỏ, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt, là ô nhiễm trái phạm. Không trái phạm là vì đoán người kia sinh khởi dục lạc, nói rộng như trước.

GIỚI THỨ MƯỜI: HỦY BÁNG TAM BẢO

Nếu Phật tử, tự mình hủy báng Tam bảo, xúi giục người hủy báng Tam bảo: Nhân hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử nghe một lời hủy báng Tam bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây mâu nhọn đâm vào tim mình, huống chi tự miệng mình hủy báng! Không hề có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam bảo, lại giúp đỡ cho người ác, người tà kiến hủy báng, Phật tử này phạm tội Ba-la-di của Bồ-tát. Địa luận chỉ chép rằng: hủy báng Bồ-tát tạng, pháp hủy báng trong Tam bảo, lội nghiêng nặng. Thắng cảnh tín tâm ban đầu đối với Tam bảo Phật, Pháp, Tăng trở về cực địa cuối cùng, theo lý phải đón nhận thuận theo vâng giữ mà lại sinh tâm phỉ báng, lỗi ấy chẳng phải nhẹ, nên chế để dứt trừ. Lời nói và tâm nghĩ trái với Tam bảo nên gọi là phỉ báng, cũng từ chỗ phòng ngừa là tên của giới. Trong việc đủ duyên thành phạm có hai: Một là chỗ sự đối cảnh, nghĩa là hai cảnh trong phẩm thượng và phẩm trung. Nếu kết tội trong phẩm hạ thì nhẹ, nay nói nếu đối với người hiểu biết thì tội cũng phải nặng; hai là việc trong cảnh phỉ báng, tức là Tam bảo. Trong môn nghiệp đạo nói chung có nghĩa là báu. Nay vì chọn lấy cảnh tốt đẹp nên chỉ nói là Tam bảo. Về tưởng, luận chép rằng: Đối với tưởng hữu, phi hữu. Đây là cảnh phỉ báng phân biệt tưởng ấy. Dục lạc là ý lạc, ái dụ muốn phỉ báng Tam bảo như vậy. Phiền não là lấy si làm chính, hoặc đầy đủ hoặc chỉ một. Phương tiện rốt ráo là: xưa nói người kia lãnh hội được lời nói không dính dáng, tùy theo thái độ trong lời nói mà kết trọng. Trong Quyết Trạch Nghiệp Đạo chép: rốt ráo là quyết định phỉ báng. Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát (669) phỉ báng tạng Bồ-tát, ưa thích giảng nói chỉ bày xây dựng tương Pháp giống như chánh pháp, đối với tượng pháp, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc tùy theo người khác mà chuyển, ấy gọi là pháp Tha thắng xứ thứ tư. Kết phạm khinh trọng là nói về tà kiến có hai loại: Một là tổn giảm tà kiến, bác bỏ việc thật có; hai là tăng trưởng tà kiến, lập việc thật vô. Tổn giảm có hai: một là toàn phần, bác chung tất cả pháp nhân quả; hai là một phần, hoặc chấp pháp ngoài, phỉ báng pháp trong. Hoặc chấp Tiểu thừa, phỉ báng Đại thừa, chẳng bác tất cả đều không có. Tà kiến toàn phần nếu khởi lên liền

mất giới. Bact toàn bộ nhân quả liền lui sụt tâm Bồ-đề, nên nếu buông lời phỉ báng thì chỉ bị tánh tội, không có giới để phạm thì không gọi là phạm giới. Lúc này tuy mất giới nhưng chưa dứt mất gốc lành vì chưa đến phẩm tăng thượng, chỉ gọi là lui bỏ tâm Bồ-đề. Trong một phần tà kiến, nếu vì chấp pháp ngoài, phỉ báng pháp trong thì lui sụt tâm Bồ-đề, liền mất giới lành. Nếu chưa lui sụt tâm liền phạm báng trọng. Nếu tâm phỉ báng này đến phẩm tăng thượng, nhưng không lui sụt tâm cũng mất giới lành, tức là triền tăng thượng phạm trọng xả giới. Nếu khi chấp Tiểu thừa phỉ báng Đại thừa, lui sụt tâm Bồ-đề cũng liền xả giới. Nếu không lui sụt tâm Đại thừa thì phạm khinh trong giới thứ tám.

Văn kia chép rằng: Tâm trái với Đại thừa, thường ở trong kinh, luật nói chẳng phải lời của Phật, mà thọ trì giới kinh của hàng Thanh văn Nhị thừa nên lại thêm tà kiến. Lập thật vô sự, trong Địa luận chép rằng: ưa thích giảng nói chỉ bày xây dựng tượng pháp giống như chánh pháp. Tượng pháp giống như chánh pháp là năm pháp, v.v.. vì tướng trạng giống như chánh pháp mà chẳng phải chánh pháp. Nếu phỉ báng chánh pháp mà ưa thích tợ pháp thì phạm tội khinh, trong giới thứ 24, giới ấy chép rằng: Có kinh luật phật, pháp Đại thừa mà không chịu siêng học siêng tu, bỏ bảy của báu, lại học các sách luận tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục. Sớ xưa nói nghĩa tà kiến có bốn; một là tà kiến phẩm thượng; hai là tà kiến phẩm trung; ba là tà kiến phẩm hạ; bốn là tà kiến tạp nhạp. Tà kiến phẩm thượng nghĩa là bact tất cả nhân quả đều không, tức cùng thuyết trên hoàn toàn đồng với tà kiến, tự có hai loại; một là pháp tưởng, nghĩa là trong tâm quyết định khởi tưởng không có nhân quả, giới lành liền mất. Như tà kiến phẩm hạ thành phẩm thượng thì thiện liền dứt. Sau buông lời phỉ báng, không có giới để phạm chỉ bị tánh tội; hai là phi pháp tưởng, nghĩa là trong tâm khởi tưởng có nhân quả, chỉ nói trong miệng không giới không lỗi. Nên tùy theo lời nói mà phạm trọng, phạm rồi thì mất giới, việc nói như trước. Nay nói nếu trong lòng khởi tưởng có nhân quả. Đây là cái thấy bất hoại, đâu gọi là tà kiến, không chính đáng. Lại khởi tưởng phi pháp phỉ báng thì như phá Tăng là lời luống dối hoàn toàn gọi là tà kiến phỉ báng. Nên biết chẳng phải nói dối, đối với trong tà kiến thì chẳng nói không có nhân quả, nhưng nói. Tam bảo không bằng ngoại đạo. Đây tức là đồng với chấp pháp, ngoài phỉ báng pháp trong, một phần tà kiến ở trên, việc ấy cũng có hai. Nếu khởi pháp tưởng liền mất giới lành, phi pháp tưởng thì tùy theo lời nói mà phạm trọng, bị nạn như trước. Tà kiến phẩm hạ, chẳng nói Tam bảo không bằng ngoại đạo nhưng chấp Tiểu thừa, phỉ

báng Đại thừa, như các bộ Tiểu thừa phỉ báng rằng Đại thừa chẳng phải Phật nói. Ở đây cũng có hai. Nếu khởi pháp tưởng kế hoạch chưa thành thì phạm tội khinh trọng giới thứ 8. Kế hoạh nếu thành thì mất giới lành. Khi chấp Tiểu thừa thù thắng hơn Đại thừa liền lui mất tâm Bồ-đề. Ở đây nói chấp Tiểu thừa hơn Đại thừa chưa hẳn liền lui sụt tâm Đại thừa. Nghĩa là nếu có người tin tiểu thừa, ngồi dưới gốc cây thành Phật, không tin Đại thừa thành Chánh giác mà không muốn chứng bốn quả vị của Nhị thừa thì đâu thể gọi là lui sụt Bồ-đề; hai là thuyết phi pháp tưởng, tùy theo lời nói mà phạm trọng. Nay nói đã biết Đại thừa hơn tiểu thừa mà miệng nói kém thì, đâu gọi là tà kiến. Phỉ báng tạp tà kiến lại có bốn; một là thiên chấp, nghĩa là chấp Đại thừa, phỉ báng Tiểu thừa, hoặc chấp nghiêng về một bộ; hai là tạp tín, tuy không trái chánh pháp của Phật nhưng nói sở thuyết của ngoại đạo cũng có đạo lý. Lại nói quỷ thần cũng có hai năng lực. Như nói ba tổng: Nho, Đạo, Phật đều tinh vi; ba là tạm nghĩ Tiểu thừa, là muốn tạm nương theo đạo Tiểu thừa để dứt hoặc. Sau đó lại tu hạnh Đại thừa; bốn là suy nghĩ nghĩa sai lầm, nghĩa là theo sự chấp nghĩa của Thanh văn khởi lên năm lỗi, v.v... Bốn tạp kiến này chưa hẳn là Phạm trọng, theo sở ứng của họ mà phạm nhẹ. Phân biệt về tội khinh trọng: nói học xứ đồng khác là Tiểu thừa phỉ báng pháp không chế là trọng. Như nói muốn không chướng ác tà kiến là nếu khởi kiến chỉ phạm Đột-cát-la, khi trái, ba lần can ngăn mới phạm Ba-dật-đề. Như phá Tăng, năm tà, v.v.... nếu khởi pháp tưởng chỉ phạm thâu-lan-giá. Chẳng phải tội nghịch, nếu tưởng phi pháp, phạm tội nghịch và thâu-lan-giá. Nay trong Đại thừa nếu phỉ báng Tam bảo và tạng Bồ-tát vì lỗi trái nghịch sâu nên chế phạm trọng. Theo Kinh Thiện Sinh, đối với Bồ-tát tại gia cũng không chế trọng, nay trong kinh này chế chung cho bảy chúng. Ngoại đạo trong văn nghĩa là thực hành đạo khác ngoài Phật pháp. Kẻ ác là khởi ác kiến trong Phật pháp, thương xót họ khởi ác sẽ bị rơi vào hầm điên cuồng không đáy, tổn thương chánh pháp, bị giảm thiếu hạnh trong tâm người tu hành. Nên nghe một lời phỉ báng, còn đau lòng như ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình. Kiến là nghe thấy. Văn còn lại dễ hiểu, giới pháp Phỉ báng này không có khai duyên. Phần trên đã giải thích riêng mười giới trọng xong. Nầy các Phật tử! Khư trên là mười giới trọng của Bồ-tát, các Phật tử cần phải học.

Trong mười giới đó không nên trái phạm một giới nào cả, dù một mảy nhỏ như hạt bụi, huống chi phạm đủ cả mười giới ư! Nếu người nào trái phạm thì người ấy hiện đời không phát được tâm Bồ-đề, rồi

cũng mất ngôi Quốc vương, ngôi vua chuyển Luân, giai vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni; cũng mất những quả “Thập Phát thú”, “Thập trưởng dưỡng”, “Thập Kim cương”, “Thập Địa”, tất cả diệu quả Phật tính thường trụ đều mất, đọa trong ba đường ác, trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe danh từ cha mẹ và Tam bảo. Vì thế cho nên không được phạm một giới nào cả.

Kế đến, trong tổng kết lại có ba; một là đối người tổng kết; hai là khuyên răn khiến cho không phạm, phải ở Phẩm trung hạ ấy; ba là khuyến học chỉ bày rộng. Trong khuyên răn lại có ba; một là nêu tình hình vi tế, khuyên răng nhiều; hai là hiển bày lỗi lầm khiến cho nhàm chán; ba là nêu quả báo khiến cho sợ hãi. Trong nêu để so sánh không nên trái phạm một giới nào cả dù, một mảy nhỏ như hạt bụi. Đối với mỗi giới không nên phạm một mảy nhỏ như hạt bụi: mới khởi tâm phạm không đến thân, miệng. Lỗi này nhỏ nhẹ nên dụ như cát bụi, nhưng lỗi này tuy nhỏ mà chứa nhóm lâu ngày sẽ thành lỗi lớn, nên không thể xem thường. Như kệ bài trong kinh chép: chớ khinh lỗi nhỏ, cho là vô hại, giọt nước dù nhỏ nhưng dần đầy la to, huống chi là phạm đủ cả mười giới! Lỗi nhỏ còn không nên phạm, tội trong theo lý không còn nói gì được. Đủ năm duyên thành mười căn bản nên nói là phạm đủ mười giới. Trong bảy lỗi là hiện đời không phát được tâm Bồ-đề, nghĩa là mất hạnh phát tâm căn bản. Vì phạm trọng chướng căn bản đã trói buộc. Ở trong hiện đời không còn phát được tâm Bồ-đề, cũng mất ngôi Quốc vương,v.v.... nghĩa là mất chỗ nương tựa dẫn tới sinh ra tăng thượng. Đã mất nhân cao quý, mà quả báo mầu nhiệm cũng mất. Cũng mất giai vị Tỳ-kheo v.v... là mất hạt giống cao quý, không còn xứng đáng bước vào số hai chúng. Ba chúng dưới cũng tùy theo loại mà xếp vào. Mất quả Thập Phát thú, v.v... là mất pháp cao quý, pháp nhân quả cao quý đều lui mất. Trong nêu quả báo khiến sợ hãi, tất cả đều mất và bị đọa vào ba đường ác là phạm mười giới trọng, tất cả đều với lấy quả báo trong ba đường ác. Hai kiếp, ba kiếp không nghe được danh tự cha mẹ và Tam bảo, một khi mất thân người thì muôn kiếp khó được lại, danh tự cao quý này do đâu mà được nghe. Tiểu thừa nói, năm tội nghịch không hơn quả một kiếp. Đại thừa nói phạm mười giới trọng cũng với lấy quả báo nhiều kiếp. Lý quyền thật đâu thể không dè dặt (670) cẩn thận ư! Tất cả Bồ-tát, các ngài đã học, sẽ học và hiện nay học, hết lòng kính trọng vâng giữ. Tám vạn oai nghi sẽ rộng nói sau. Đức Phật dạy các Bồ-tát mười giới trọng xong, bốn mươi tám giới khinh nay sẽ nói, các ngài khuyến khích thọ trì, chỉ bày rộng như văn.

SỚ BỒ-TÁT GIỚI BẢN

QUYỂN HẠ
(Phần Đầu)

Trong giải thích giới khinh phần nhiều cũng gồm có ba; một là kết khởi ràng buộc chung; hai là lần lượt giải thích riêng, ba là nói xong tổng kết. Theo phần giải thích riêng, bốn mươi tám giới khinh theo văn đã kết, gồm có năm đoạn, đoạn cuối đều chỉ văn khác, nên có phần nói rộng. Trong năm đoạn này tùy theo văn phân biệt, đều chung cho ba nhóm. Mỗi đoạn đều nói lìa ác nhiếp thiện, lợi ích chúng sinh. Nên theo luận tát-bà-đa thì mười giới trọng ở trước tách ra làm luật nghi, bốn mươi tám giơi sau chia làm hai phần còn lại. Kinh nói giới nhiếp luật nghi gọi là mười Ba-la-di. Giới nhiếp thiện pháp gọi là tám mươi bốn ngàn pháp môn. Giới nhiếp chúng sinh gọi là Từ, Bi, Hỷ, Xả, giáo hóa đến cả chúng sinh, chúng sinh đều được an vui. Lại trong bốn mươi tám giới thì ba mươi giới đầu phần nhiều là giới nhiếp thiện pháp, mười tám giới sau phần nhiều là lợi sinh. Bốn mươi bốn giới khinh trọng Địa Trì thì ba mươi ba giới trước cũng là giới nhiếp thiện pháp, mười một giới sau là lợi sinh. Nên tướng giới kia đây tuy có ẩn hiện, nêu tông phân biệt tướng cũng giống nhau. Lại kinh thì chế giáo bản, luận thì phân biệt nghĩa điều, nên kinh và luận không thể khác nhau. Luận phân biệt giới khoảng chín thứ tượng, tất cả giới thứ hai là phần giới của tại gia và phần giới của xuất gia, ấy gọi là tất cả giới. Lại y theo hai phần tịnh giới này lược nói có ba loại; một là giới luật nghi; hai là giới nhiếp thiện pháp; ba là giới nhiêu ích hữu tình. Giới luật nghi là sở thọ của các Bồ-tát. Luật nghi biệt giải thoát của bảy chúng chính là giới của Tỳ-kheo. Cho đến giới cận sự nữ, bảy loại như thế, y chỉ hai phần giới của tại gia và xuất gia. Như cần phải biết ấy gọi là giới luật nghi của Bồ-tát.

Giới nhiệp thiện pháp nghĩa là Bồ-tát thọ giới luật nghi, tất cả sở hữu sau này là đại Bồ-đề, vì thân miệng ý chứa nhóm các điều lành, nói chung gọi là giới nhiếp thiện Pháp. Đây gọi là gì? Nghĩa là các Bồ-tát nương theo giới, trụ trong giới, ở trong chỗ nghe, suy nghĩ và tu tập chỉ

quán, một mình ở chỗ vắng vẻ, siêng năng tu học, thường luôn như vậy, đối với các bậc tôn trưởng siêng năng tu tập chấp tay đón rước, thăm hỏi lễ bái cung kính, tức là đối với bậc tôn trưởng siêng năng tu tập cung kính vâng thờ. Đối với người bệnh thương xót, hết lòng săn sóc, phục dịch cung cấp. Đối với các diệu thuyết bố thí là sự tốt đẹp! Đối với người có công đức Bổ-đặc-già-la đều chân thành khen ngợi. Đối với tất cả hữu tình, tất cả phước nghiệp trong các cõi nước mười phương, đem ý lạc cao quý khởi lòng tin trong sạch, nói lời tùy hỷ. Ở chỗ khác thực hành tất cả trái phạm tư trạch an nhẫn, dùng thân, ngữ, ý đã thực hành hoặc chưa thực hành tất cả gốc lành đều hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thường phát khởi các thứ chánh nguyện, cúng dường Phật, Pháp, Tăng tất cả món ăn thượng diệu. Đối với các phẩm lành hằng ngày luôn mạnh mẽ tinh tấn tu tập. Thân, ngữ, ý không buông lung, đối với học xứ chánh niệm, chánh tri, chánh hạnh, thầm giữ gìn căn môn. Khi ăn uống đều biết lượng. Đầu hôm, gần sáng thường tu tập, thức dậy thì gần gũi bậc thiện sĩ, nương tựa bạn lành. Đối với lỗi phạm của mình, hỏi đạo lý biết rõ lỗi lầm, đã biết rõ lỗi lầm rồi thì chuyên ý giữ gìn chỗ chưa phạm, đã phạm rồi thì đối trước Phật, Bồ-tát đồng pháp dốc lòng phát lộ sám hối đúng như pháp, để dứt trừ. Những loại như thế đã có dẫn nhiếp hộ trì tăng trưởng các giới thiện pháp. Ấy gọi là giới nhiếp thiện pháp của Bồ-tát. Thế nào là giới nhiêu ích hữu tình của Bồ-tát? Phải biết đây lược có mười một tướng, mươi một tướng ấy là các Bồ-tát đối với các hữu tình có thể đưa đến nghĩa lợi. Đối với sự nghiệp của người khác cùng làm bạn để giúp đỡ, đối với các hữu tình, tuỳ theo chỗ sinh khởi khổ về bệnh tật v.v... thì đến thăm hỏi, ăn sóc, cho đến làm bạn giúp đỡ. Lại nữa, các Bồ-tát dựa vào các thứ nghĩa lợi của thế gian và xuất thế gian có thể nói pháp quan trọng cho các hữu tình nghe hiểu. Đầu tiên là phương tiện nói và nói đúng như lý, sau đó làm cho bảo vệ được nghĩa lợi của họ. Lại các Bồ-tát đối với các hữu tình có ân trước kia, đã khéo gìn giữ sự biết ơn, theo chỗ ở của họ mà ứng hiện để báo đáp. Lại các Bồ-tát đối với các loài hữu tình bị rơi vào những nơi đầy dẫy sợ hãi như: Sư tử, cọp sói, ma, quỷ, nạn vua, nạn giặc, nước, lửa v.v... đều có khả năng cứu giúp khiến họ thoát khỏi những chỗ sợ hãi như thế. Các Bồ-tát đối với các loài hữu tình bị mất của cải, thân thuộc đã khéo khuyên nhủ làm cho họ vơi đi nổi buồn rầu. Lại đối với các loài hữu tình thiếu thốn các dụng cụ trong cuộc sống hằng ngày thì cho họ các dụng cụ trong cuộc sống hằng ngày. Các Bồ-tát thuận theo đạo lý, chính là cho y chỉ chế ngự chúng sinh đúng như pháp. Bồ-tát còn thuận

theo thế gian, sự việc, nói năng, kêu gọi, đến đi, bàn bạc, vui mừng tuỳ thời mà đến, từ chỗ khác mà nhận lấy việc ăn uống, v.v... Tóm lại, là xa lìa tất cả, có thể đưa đến vô nghĩa trái ý hiện hành, đối với việc khác tâm đều chuyển theo.

Lại nữa, các Bồ-tát hoặc ẩn hoặc hiện biểu hiện rõ ràng tất cả công đức chân thật, làm cho các hữu tình vui mừng tinh tiến tu học. Lại đối với người có lỗi, trong lòng rất thân mật để làm lợi ích an vui tăng thượng ý lạc, hoặc là điều phục, quở trách, trị phạt, đuổi đi, vì muốn giúp cho họ ra khỏi chỗ bất thiện, mà an lập chỗ yên ổn. Bồ-tát phương tiện dùng năng lực thần thông thị hiện các cõi, các tướng, như Na-lạc-ca.v.v... khiến cho các hữu tình nhàm chán, xa lìa bất thiện, tìm mọi cách dẫn dắt khiến họ vào Thánh giáo của Phật, vui mừng tin ưa, sinh tâm ít có siêng tu chánh hạnh. Nay xét trong bốn mươi tám giới khinh và chỗ thuyết văn của luận, ẩn hiện xen lẫn khai hợp khác nhau, thứ lớp trước sau cùng khác nhau, kinh chế giáo bản, tuỳ việc mà lập riêng. Luận phân biệt nghĩa điều theo loại mà nói chung, khai hợp, lập nghĩa cần phải suy xét.

1. Giới Kính Thầy Bạn

Nếu Phật tử, lúc sắp lân ngôi Quốc vương, ngôi vua chuyển luân, hay sắp nhận chức quan thì trước nên thọ giới Bồ-tát. Như thế tất cả quỷ thần cứu giúp thân vua và thân các quan, Chư Phật đều vui mừng.

Đã đắc giới rồi, Phật tử nên có tâm hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng toạ, Hòa-thượng, A-xà-lê, nhưng bậc Đại đức, đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy đón rước, lạy chào, hỏi thăm. Mỗi việc đều phải đúng như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân, cho đến quốc thành, con cái cùng bảy báu trăm vật để cung cấp các bậc ấy. Nếu Phật tử lại sinh tâm kiêu mạn, tức giận, ngu si không chịu tiếp rước lạy chào, thăm hỏi, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường thì Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Tức là nói đối với các bậc tôn trưởng phải siêng năng tu tập như thế, và phải thường chắp tay tiếp rước, hỏi thăm, lễ bái cung kính, tức là đối với các bậc tôn trưởng siêng năng tu tập kính ngưỡng phụng thờ. Thễ muốn tạo việc thiện thì phải nương vào duyên tốt, nếu kiêu căng với người đáng tôn kính thì sẽ chướng ngại đến sự tiến tu pháp lành, cho nên dạy phải kính thờ.

Đủ duyên thành phạm, đúng theo lý lẽ ra phải nói đầy đủ, nhưng đã là chẳng phải tánh tội, chưa hẳn đều đủ năm duyên, nên duyên phạm

trong tội khinh cấu còn lược bỏ. Trong năm duyên, sự tưởng, dục lạc, phương tiện, rốt ráo tuy chẳng phải tánh tội nghiệp đạo nhưng chắc chắn phải có. Thứ tư là phiền não nếu nhiễm phạm cũng là hữu trong không phạm ô nhiễm thì chưa hẳn là có.

Kết phạm khinh trọng là cố tâm phạm nhiễm, đều kết trọng, không cố tâm không nhiễm đều kết khinh, các giới đều như vậy, không nói thêm nữa. Học xứ đồng khác là Đại thừa, Tiểu thừa đều cấm, nhưng Thanh văn chế trong môn lìa lỗi. Bồ-tát chế trong môn nhiếp thiện, bảy chúng đồng phạm. Trong hai mươi tám giới khinh của chúng tại gia thì giới thứ năm dạy rằng: Nếu Ưa-Bà-tắc nào đã thọ giới rồi, khi thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các bậc trưởng lão tôn túc và Ưu-bà-tắc v.v... đến mà không đứng dậy, đón rước, lễ bái, thăm hỏi thì Ưu-bà-tắc ấy sẽ bị tội thất ý. Không đứng dậy thỉ rơi vào hành vi bất tịnh hữu tác. Trong văn, các giới đều có ba, nghĩa là nêu người tự sự kết tội. Trong tự sự, các giới khác nhau. Giới này có ba, một là khuyên thọ giới, hai là nói phải cung kính, ba là nói trái thành phạm. Phần đầu khuyên thọ giới, gồm nêu cả ba, ngôi vị, phần đầu và phần thứ hai chỉ cho thế tục, phần thứ ba chỉ chung cho xuất gia tại gia. Bồ-tát xuất gia cũng cho phép làm Tăng Thống, v.v.... Cho nên lập Tăng Thống v.v.... tuy kinh đã ngăn nhưng không được vì việc mình mà có, e rằng ở địa vị cao, hạnh buông lung cho nên chế thọ pháp, khiến cho không kiêu mạn. Nếu thọ và thuận theo mà làm thì Thần Phật đều vui mừng che chở, gần thì được an thân, xa thì sẽ nối tiếp làm hưng thạnh chánh pháp. Nên khuyên thọ giới, tuy trước thọ lâm sự nhưng phải càng thọ, vì muốn kính thờ. Đã được rồi thì phải cung kính. Tâm hiếu thuận là phục tùng lời dạy bảo của người kia không dám trái. Tâm cung kính là tôn kính đức hạnh của người không dám khinh mạn. Thượng tòa là ở trên không có người làm thượng tòa. Hòa-thượng, âm này là nhầm. Nếu đúng phải nói rằng Ô-Ba-Đà-Da. Hán dịch là Thân Giáo, tức là chỗ cho người theo thọ giới. A-xà-lê, nếu đúng phải gọi là A-già-lê-Da, hán dịch là Quỹ Phạm, có năm loại; một là cạo tóc; hai là xuất gia; ba là giáo thọ; bốn là Yết-ma, năm là y chỉ. Đại đồng học, đồng kiến, đồng hạnh nghĩa là trong đồng học v.v... tuổi tác là trước tiên. Lại đồng học Đại pháp, đồng tập đại kiến, đồng tu đại hạnh. Trong trái ại thì thành phạm, lại sinh tâm kiêu mạn, sân hận, ngu si, vì không hiếu thuận, nên kiêu, không cung kính nên ngã mạn, không biết chỗ đáng cung kính tức là ngu si. Lấy tự bán mình trở xuống là dẫn việc để so sánh răn chắc, còn phải xả thân, huống chi không lễ kính ư? Trong bốn mươi bốn giới, giới thứ ba chép rằng: Nếu các Bồ-tát an trụ

trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát thấy những bậc kỳ cựu Đại đức đồng pháp đáng kính đến nhà mà kiêu mạn có tâm hiềm hận, tâm giận não, không đứng dậy đón rước, không mời ngồi. Nếu có người khác đến nói năng, bàn bạc, an ủi, thưa hỏi thì kiêu mạn, ôm lòng oán ghét, lòng sân não không hợp với chánh lý, buông lời đối đáp, đó gọi là có phạm, có sự trái vượt là nhiễm trái phạm, không kiêu mạn chế, tâm không hiềm hận, không sân não nhưng do tâm lười biếng, uể oải, vọng niệm, vô ký, đó gọi là có phạm, có sự trái vượt, không ô nhiễm trái phạm. Không trái phạm nghĩa là gặp bệnh nặng, hoặc tâm cuồng loạn, hoặc tự ngũ nghĩ. Người khác nghĩ là giác ngộ mà đến gần gũi, nói năng, bàn luận, an ủi, thưa hỏi. Hoặc tự vì người khác giảng dạy, nói pháp, luận nghĩa chọn lựa. Hoặc lại bàn bạc, an ủi với người khác. Hoặc người khác nói pháp, luận nghĩa quyết trạch chú ý lắng nghe. Hoặc có người trái phạm nói chánh pháp là muốn dùng tâm hộ pháp, hoặc muốn tìm cách điều phục người phạm lỗi ra khỏi chỗ bất thiện, an lập chỗ thiện. Hoặc hộ tăng chế, hoặc đem tâm bảo vệ nhiều hữu tình mà không đối đáp, đều không trái phạm.

2.Giới uống rượu

Nếu Phật tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống sinh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống, sẽ chịu ác báo: Năm trăm đời không có tay, huống là tự uống. Cũng không được bảo người và tất cả chúng sinh uống rượu, huống là tự mình uống! Tất cả các thứ rượu Phật tử không được uống, nếu mình cố uống và bảo người uống, Phật tử này phạm “tội khinh cấu”.

Rượu là sự buông lung, làm sinh ra các tội lỗi, trái với các pháp lành cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa và bảy chúng đều cấm. Trong hai mươi tám giới thì giới thứ hai chép rằng: Nếu Ưu-Bà-tắc đã thọ giới rồi mà còn ưa thích uống rượu sẽ bị tội thất ý. Trong tự sự có ba, một là bày lỗi; hai là không được bảo người uống rượu, ba là nếu mình cố uống thì phạm. Trong phần đầu bày lỗi, cố uống rượu thì giống như lầm uống. Nhưng trong luật, rượu tưởng chẳng phải rượu cũng phạm. Nếu từ đầu đến cuối đều không có tâm uống rượu, thì tuy khi uống cho là chẳng phải rượu, cũng phạm, rượu là thứ làm cho người uống sinh ra vô lượng tội lỗi, tuy chẳng phải tánh ác mà có công năng khai tánh ác nên nói là vô lượng tội lỗi. Như trong luận chép rằng: Nếu khi say rượu thì ngoài việc phá tăng, tất cả việc ác khác đều gây tạo. Lại trong Luận Trí Độ nêu rõ có đủ ba mươi sáu lỗi. Trong luật Tứ phần có mười sáu lỗi. Đức

phật dạy: Này A-nan! người uống rượu có mười lỗi, một là sắc mặt xấu xa, hai là sức yếu, ba là mắt thấy không rõ, bốn là hiện tướng tức giận, năm là làm hư hỏng sản nghiệp ruộng vườn của cải, sáu là thêm nhiều bệnh tật, bảy là thích tranh đấu kiện tụng, tám là không có tên gọi, chỉ có tiếng xấu vang xa, chín là trí tuệ lu mờ, mười là khi thân chất đủ rơi vào đường ác, đó gọi là mười lỗi. Từ nay về sau, ai tôn ta làm thầy thì không được rượu dính môi dù là một giọt. Đưa rượu cho người uống giống như đưa rượu qua cho người uống, nghĩa là đưa bình có rượu cho người khác bảo họ uống, cũng là chỉ đưa bình rượu không cho người kia rót. Trước nói sai người khác uống, sau nói bảo người khác uống, nghĩa đều không khác nhau. Năm trăm đời không có tay nghĩa là tay cầm bình rượu trao cho người nên bị quả báo không có tay như những loại côn trùng, hoặc sinh trong loài người mà không có tay, có thuyết chép rằng: có năm lần năm trăm năm, năm trăm năm thứ nhứt ở địa ngục bã rượu, năm trăm năm thứ hai ở trong nước tiểu, năm trăm năm thứ ba làm giòi bọ, năm trăm năm thứ tư làm ruồi nhặng, năm trăm năm thứ năm làm người ngu độn vô tri. Nay nói năm trăm đời không có tay có lẽ là cuối cùng, trong phần cấm không được thì. Không được bảo tất cả mọi người uống rượu nghĩa là không được bảo người khác uống rượu. Cho đến tất cả chúng sinh uống rượu nghĩa là không được sai đưa rượu cho người khác uống. Huống chi tự mình uống rượu, là vì muốn ngăn lỗi buông lung của mình. Nêu người khác uống là tự mình: Luật chép rằng: Rượu là rượu cây, rượu gạo lùn và rượu gạo khác, rượu lúa mì. Nếu có cách làm rượu khác cũng là rượu. Tạp rượu là mầu rượu, mùi rượu, vị rượu không nên uống. Hoặc có rượu không mùi, không mầu không vị cũng không được uống. Hoặc có rượu không có mầu, không mùi, có vị rượu cũng không nên uống. Hoặc có rượu không mầu, không mùi, không có vị rượu không được uống, chẳng phải mầu rượu, mùi rượu, vị rượu thì được uống, nói rộng như trong ấy. Không phạm là nếu bị bệnh như thế, ngoài thuốc chữa trị không giảm thì dùng rượu làm thuốc, nếu dùng rượu trị bớt bệnh thì tất cả không phạm.

3.Giới Không ăn thịt

Nếu Phật tử cố ăn thịt, tất cả thịt các loài chúng sinh đều không được ăn. Nói về người ăn thịt thì mất tâm đại từ bi, cắt đứt hạt giống Phật tánh; tất cả chúng sinh thấy đều tránh xa người này. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi, vì thế tất cả Phật tử không được ăn tất cả các thứ thịt của các loài chúng sinh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm “tội khinh

cấu” vì cắt đứt hạt giống đại từ cho nên cấm. Thanh văn Niết-bàn về trước cho phép căn ba loại thịt thanh tịnh, ngoài ra không cho phép. Niết bàn về sau, tất cả không cho phép, Bồ-tát trước sau tất cả đều không cho phép. Bảy chúng đồng cấm. Trong văn tự sự cũng nêu lỗi trước, kế là cấm không được an, sau trái thành phạm. Tất cả các loại, thịt đều không được ăn, hoặc là tịnh hay bất tịnh đều không được ăn. Dứt mất tâm đại từ bi, làm hư hạt giống Phật tánh, như kinh chép rằng: vì có người ăn thịt nên có người giết, biết như vậy mà còn cố ăn nên dứt mất hạt giống từ bi. Tất cả chúng sinh thấy liền xa lánh người này, như chim núp vào thân ngài Xá-lợi Tử mà vẫn còn run sợ, chỉ có tập khí mà còn như thế huống là hoàn toàn không dứt trừ ba độc. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi, vì ăn thịt đưa đến sự giết hại nên mắc vô lượng tội lỗi.

4. Giới ăn năm thứ rau cay nồng:

Nếu Phật tử, chẳng được ăn năm loại “rau cây nồng” là hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ, năm loại này bỏ vào tất cả các thứ thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm “tội khinh cấu”. Mùi hôi làm ngăn ngại tịnh pháp cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa đều cấm, bảy chúng đồng phạm, theo luật thì người nữ nên cẩn thận vì hiện ra sắc đẹp. Cách thông, thổ thông, lang thông: Trong đây không có kiệu và hẹ. Nhưng chia hành làm ba loại, ba loại này có tướng riêng khó biết. Hoặc nói rằng: cách thông là lá kiệu giống như lá hẹ nhưng dày hơn. Lang thông thì truyền thuyết nói ở lĩnh Nam mọc lên cây lan thông, lá giống như lá tỏi nhưng lớn hơn và có mùi hôi như tỏi. Hưng cừ là theo lời Bà-la-môn gọi cây cải dầu là Hưng cừ, các chùa ở Tây vực không cho phép ăn. Lại chép rằng: lãnh Nam mọc lên cây Hưng cừ thân nó giống cây hẹ Nhật-bản, mùi vị giống như ỏi, nếu bị bệnh thuốc khác không trị khỏi thì được phải khai. Người thực hành pháp đúng như luật, Bồ-tát cũng được khai. Đặc biệt có kinh Ngũ Tân một quyện, ngũ tân mỗi thứ đều có năm, tổng cộng là hai mươi lăm thứ. Lại nói rằng: vì ăn ngũ tân nên rơi vào A-tỷ ở phương Đông, trên dòng rửa ngũ tân, dưới dòng giặt áo cũng không đượ.v.v.. Trong ba giới nhiếp thiện này không có tướng riêng, dùng nghĩa để nhiếp trong thân, ngữ, ý, trụ không buông lung cũng chứa đựng trong đó.

5.Giới không dạy người sám hối tội lỗi:

Nếu Phật tử khi thấy người phạm năm giới, tám giới hay mười giới, phá giới hay phạm thất nghịch bát nạn, tất cả tội phạm giới... phải

khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối, lại cùng ở chung, đồng sống chung, cùng bố tát chung, cùng thuyết giới, mà không cử tội người ấy, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm khinh cấu tội.

Thấy người phạm tội, mà không bảo sám hối thì trái với tướng nghĩa lợi ích. Thanh văn tự hộ còn có chỗ không cho phép huống là bậc Đại sĩ. Theo hiển giáo dường như là trong nghĩa lợi sinh. Đối với người có lỗi trong lòng rất thân mật lợi ích an lạc, tăng thượng ý lạc. Điều phục, quở trách, trị phạt, đuổi đi là vì muốn cho người phạm tội ra khỏi chỗ bất thiện, an trí chỗ thiện. Nhưng Bồ-tát giáo hóa chúng sinh tức là tự thành Phật pháp. Nên trong nhiếp thiện giới cũng chế giới này, thì đối với lỗi mình đã phạm quả nhiên biết được rõ ràng. Trong sự thấy rõ lỗi lầm cũng chứa trong đó, mình và người tuy có khác nhưng thấy lỗi sám hối, trừ giống nhau ra, Đại thừa và tiểu thừa đều chế, hai chúng xuất gia đều phạm ba chúng khác và tại gia theo lý cũng chung bát giới và ngũ giới là giới của chúng tại gia, thập giới là giới của sa Di, Huỷ cấm tức là giới của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Lại mười giới, nghĩa là mười trọng, Huỷ cấm là bốn mươi tám giới khinh, thất nghịch như thuyết dưới đây. Bát nạn, hoặc có nơi chép rằng bát trọng, lại nói rằng: Tam đồ bằng bát nạn, do phạm giới chiêu lấy bát nạn, nên trong nhân nói quả. Nay là trong mười ba nạn trừ hai hình, huỳnh môn, súc sinh, phi nhân và phá nhị đạo, ngoài ra gọi là bát nạn. Bốn loại như hai hình... hoàn toàn là nghĩa báo chướng không sám hối trừ diệt. Phá nhị đạo là vì ở đạo khác trở lại nhập vào Phật pháp nên không có nghĩa đồng ở đồng lợi dưỡng, vì thế loại thứ năm này không được vào trong số bảo sám hối. Trong bốn mươi bốn giới thì giới thứ bảy chép rằng: Nếu các Bồ-tát đối với các hữu tình phạm giới, bạo ác, có tâm hiềm hận, tức giận, do phạm giới bạo ác kia làm duyên, phương tiện xả bỏ không làm lợi ích ấy, gọi là có phạm, có sự trái vượt, là ô nhiễm trái phạm. Nếu do lười biếng, uể oải mà xả bỏ, vì vọng niệm nên không làm lợi ích ấy, gọi là phạm, có sự trái vượt không ô nhiễm trái phạm. Vì sao? Vì chẳng phải các Bồ-tát đối với tịnh trì giới, nghiệp thân, ngữ ý vắng lặng hiện hành ở các chỗ hữu tình, khởi tâm thương xót muốn làm lợi ích, như đối với hữu tình phạm giới bạo ác, trong các nhân khổ mà hiện ra để xoay chuyển không trái phạm nghĩa là tâm cuồng loạn, hoặc muốn tìm cách điều phục người phạm tội, nói rộng như trước. Hoặc là dùng tâm che trở cho nhiều hữu tình, hoặc là hộ tăng đặt ra phương tiện, xả bỏ không làm lợi ích, đều không trái phạm.

6.Giới không cúng dường thỉnh pháp:

Nếu Phật tử, thấy có vị Pháp sư Đại thừa, hay những vị đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa, từ trăm dặm, ngàn dặm đến chỗ tăng phường, nhà cửa thành ấp, thì liền đứng dậy, rước vào, đưa đón lễ bái, mỗi ngày cúng dường ba thời, trăm thức uống ăn, giường ghế, thuốc men, tất cả đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng đều phải cung cấp cho Pháp sư. Mỗi ngày, sáng, trưa và chiều, thường thỉnh Pháp sư nói pháp và đảnh lễ, không hề có lòng tức hận buồn rầu, thường thỉnh pháp không nhàm mỏi, chỉ trọng pháp chớ không màng đến thân mình. Nếu Phật tử không như thế thời phạm tội khinh cấu. Người có lỗi không thỉnh pháp mất lợi ích, ô nhiễm tinh thần cho nên chế. Thanh văn có người biết pháp bố-tát rộng lược, nên chế phải cung cấp. Trong năm tuổi và chưa hiểu năm pháp thì phải thưa hỏi, không thì phạm tụ thứ bảy, ngoài ra thì không chế, vì tự độ dễ thoả mãn. Bồ-tát thấy có người biết thì thường phải cấp thỉnh, vì muốn tốt đẹp không nhàm chán, nên bảy chúng đồng phạm. Trong văn tự sự có hai, một là cúng dường hai là thỉnh pháp. Cúng dường có hai, một là cúng dường, đi nhiễu xung quanh, hai là cúng dường thức ăn uống. Mỗi ngày ba thời cúng dường là trong thời gian ba thời, hoặc là phi thời cũng được sữa v.v.... phi thời để cúng dường. Mỗi ngày ba thời cúng dường thức uống ăn giá đáng ba lượng vàng là nói theo khả năng làm được, hoặc vì khiến cho trọng pháp nên nói như vậy. Như đại sĩ núi Tuyết vì một bài kệ mà tự xả thân, v.v... huống chi là của cải ngoài thân. Mỗi ngày ba thời cung cấp hầu hạ cúng dường, nghĩa là cung cấp tất cả đồ cần dùng khác. Ba thời thỉnh pháp là sáng, trưa và chiều, không hề có tâm tức hận, buồn phiền là Pháp sư tuy có sự trái ý cũng không bao giờ sinh tâm sân hận. Bản thân tuy cúng dường hầu hạ cực nhọc cũng không hề có tâm buồn rầu, vì chỉ trọng pháp chớ không mày đến thân mình, để thỉnh Pháp sư giải thích lý do không sinh tâm sân hận, buồn phiền. Nếu bị tật bệnh chướng nạn, hoặc Pháp sư có vướng mắc, hoặc biết người kia kém cỏi hơn mình, như vậy không thỉnh không phạm.

7. Giới không đi nghe pháp và thưa hỏi.

Nếu Phật tử, các tận học Bồ-tát, hễ nơi nào chỗ nào có giảng kinh luật, thì phải mang kinh luật đến chỗ Pháp sư để nghe giảng và thưa hỏi. Hoặc nơi núi rừng, chùa, nhà... tất cả chỗ nói pháp đều phải đến nghe học. Nếu Phật tử không đến những nơi ấy để nghe pháp và thưa hỏi thì phạm tội khinh cấu: có chỗ giảng pháp mà không đi nghe sẽ mất

con đường tiến đến pháp lành cho nên chế. Học xứ giống và khác nhau cũng như trước. Trong hai mươi tám giới khinh thì giới thứ tám chép rằng: Nếu Ưu-bà-tắc trong bốn mươi dặm có chỗ giảng pháp mà không đến nghe thì phạm tội thất ý. Trong văn chép, giảng pháp Tỳ-ni, kinh luật, nghĩa là giải thích pháp gọi là kinh, giải thích Tỳ-ni gọi là luật, văn khác rất dễ hiểu. Trong bốn mươi bốn giới khinh thì giới thế ba mươi hai chép rằng: Nếu các Bồ-tát nghe nói chánh pháp bàn bạc quyết trạch, mà kiêu mạn ôm lòng hiềm hận, lòng tức giận buồn phiền mà không đến nghe, đó gọi là phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm. Nếu bị sự lười biếng, uể oải ngăn che mà không đến nghe là phi nhiễm ô trái phạm. Không trái phạm là hoặc không biết, hoặc bị bệnh tật, hoặc không có sức khỏe, hoặc biết người kia nói pháp điên đảo, hoặc vì hộ tâm người kia thuyết pháp. Hoặc biết chỗ người kia nghĩa của nói số ấy đã nghe, đã trì, đã học rộng nghe nhiều, đầy đủ nghe trì, sự nghe ấy đã chứa nhóm. Hoặc muốn không nghe để trụ tâm ở cảnh. Hoặc khuyên dẫn phát định cao siêu của Bồ-tát. Hoặc biết rõ người ngu độn phẩm thượng, đối với chỗ nghe pháp khó thọ khó trì, khó ở chỗ duyên nhiếp tâm khiến định, không đến nghe pháp thì đều không trái phạm.

8.Giới có tâm trái bỏ Đại thừa.

Nếu Phật tử, có tâm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trụ, cho rằng không phải Phật nói mà thọ trì kinh luật tà kiến và tất cả giới cấm của Thanh văn nhị thừa và ngoại đạo ác kiến. Phật tử này phạm tội khinh cấu: Bỏ gốc theo ngọn trái với thói quen cho nên chế. Thanh văn không chế, vì chỗ huân tập đều khác, bảy chúng cùng phạm. Trong văn nói, có quan niệm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trụ cho rằng chẳng phải Phật nói: theo bản cũ chép thì chỉ chế còn do dự chưa quyết, dưới đó là phương tiện tà kiến. Nếu quyết định nghĩa là Đại thừa kém cỏi, Tiểu thừa cao siêu, chấp thành thì mất giới. Nếu trong lòng muốn trái bỏ, cho rằng chẳng phải là chân thuyết muốn thọ kinh luật của nhị thừa, ngoại đạo, chấp đều chưa thành thì phạm tội khinh cấu nầy. Nhưng tà kiến phẩm thượng phẩm trung, chấp đều chưa thành cũng phạm khinh cấu, đồng chế giới này. Nay nêu trái bỏ Đại thừa hướng về Tiểu thừa mà nói vì Bồ-tát phàm phu phần nhiều gây ra việc này. Nếu nói rõ thì có hai loại. Hoặc là pháp tưởng nói giới khéo tạ lỗi, hoặc phi pháp tưởng nói phạm mười giới trọng. Nay cho rằng tâm trái bỏ Đại thừa thọ, trì kinh luật của hàng nhị thừa là nếu khởi pháp tưởng thì chưa hẳn mất giới. Nghĩa là nếu có người tuy phát tâm Đại thừa thọ, giới Bồ-tát mà không

hề học kinh Đại thừa sâu xa, chỉ nghe Tiểu thừa nói tu hành ba kiếp sẽ được quả Bồ-đề. Bỗng nghe Đại thừa nói về nghĩa sâu xa thì trong lòng không khởi niềm tin, cho rằng không phải Phật nói, vì không lui sụt tâm Đại thừa nên không mất giới, vì sinh pháp tưởng nên không phạm tội trọng. Nên trong giới thứ bốn mươi bốn của Bồ-tát Địa có giới thứ hai mươi chín chép rằng: Nếu các Bồ-tát tạng đối với pháp nghĩa chân thật, sâu xa, cao quý, thần lực khó nghĩ bàn của Chư Phật và Bồ-tát, không có tâm tin hiểu chống ganh ghét, trái ghé huỷ báng không thể dẫn nghĩa, không thể dẫn pháp, chẳng phải do Như lai nói, không thể làm lợi ích an vui cho các hữu tình, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm. Huỷ báng như thế hoặc trong lòng tác ý phi lý, hoặc thuận theo người mà nói như thế. Hoặc nghe chỗ sâu xa cao siêu thì trong lòng không tin hiểu. Bồ-tát lúc ấy phải tín thọ mạnh mẽ, không được dua nịnh, phải học như thế. Ta vì người bất thiện, người mù không có mắt tuệ, dùng mắt Phật tuỳ theo chỗ mà giảng nói. Đối với ngôn ngữ mật ý của các Như lai mà sinh tâm phỉ báng, từ chỗ không biết như thế của Bồ-tát mà kính ngưỡng Như lai. Đối với pháp của Chư Phật đều hiện biết, bằng với chỗ thấy biết, chánh hạnh như thế không hề trái phạm, tuy không tin hiểu nhưng không phỉ báng. Trong văn chép ác kiến của hàng Thanh văn Nhị thừa và ngoại đạo, Duyên giác Thanh văn gọi là Thanh văn Nhị thừa, tức là Thanh văn này chính là ngoại Đại thừa, trái với đạo Bồ-tát nên nói là đạo ác kiến ngoại. Lại sáu vị giáo chủ ngoại đạo, v.v.... gọi là ngoại đạo ác kiến. Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát vượt qua pháp Bồ-tát, nghiên cứu tìm tòi ngoại luận khác và các luận của ngoại đạo thân tâm khéo léo quý trọng ham vui mê đắm, không bằng quen gần vị thuốc cay, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm (giới thứ hai mươi tám) khai duyên đến giới thứ hai mươi bốn sẽ biểu hiện rõ ràng. Ba giới trên đây thì luận đã nói trong giới nhiếp thiện, đối với sự nghe, suy nghĩ, siêng năng tu học.

9.Giới không săn sóc bệnh

Nếu Phật tử, thấy tất cả người bệnh phải hết lòng cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám ruộng phước, săn sóc bệnh là ruộng phước thứ nhất. Nếu cha mẹ, sư tăng và đệ tử bị bệnh tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều phải chăm sóc cho được lành mạnh. Phật tử lại vì tâm hờn giận không chăm nuôi, cho đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường sá có người bị bệnh mà không lo cứu giúp thì Phật tử này phạm tội khinh cấu, vì thấy khổ không cứu, trái giới hạnh tu từ bi

cho nên chế. Thanh văn đối với. Thầy bạn đồng pháp và được tăng sai, ngoài ra không chế, vì vốn không gồm vật. Bậc Đại sĩ phải cứu giúp tất cả khổ, vì vốn mong nhiếp tất cả. Bảy chúng đồng chế. Ngay trong luận đã nói, đối với người bệnh phải thương xót, ân trọng chăm sóc, cúng dường cho nên chế, văn nói cúng dường tất cả người tật bệnh như cúng dường Phật không khác. Đức Phật là người đáng kính, bệnh là chỗ đáng thương, kính thương tuy khác nhưng nghĩa phước điền lại giống nhau cho nên không khác. Trong tám rộng phước khám bệnh là phước, săn sóc bệnh là ruộng bậc nhất, vì nghĩa sùng kính là sau, tâm bi cứu giúp là trước, nên ruộng phước tuy có tám nhưng săn sóc bệnh là trên hết.

Nếu cha mẹ, sư tăng bị bệnh đều nên chăm sóc cho được lành mạnh: ở trên tuy nêu chung nhưng tất cả người bệnh đều phải cứu giúp từ thân đến sơ đều phải lần lượt giúp đỡ họ, nên chỉ nêu riêng bà con bạn thân. Giới thứ hai trong mười một việc lợi sinh của Địa luận chép rằng: Nếu các Bồ-tát thấy hữu tình nào bị bệnh nặng mà có tâm hiềm hận, giận tức không đến cúng dường giúp đỡ, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm. Nếu bị lười biếng uể oải ngăn che mà không đến cúng dường kính thờ thì chẳng phải là ô nhiễm trái phạm. Không trái phạm là, hoặc mình bị bệnh, hoặc không có sức khỏe, hoặc chuyển mời người khác có sức khỏe thuận theo, khiến họ đến cúng dường, giúp đỡ. Hoặc biết người bệnh có chỗ nương tựa, hoặc biết người bệnh có khả năng lực có thể tự cung cấp giúp đỡ. Hoặc biết rõ người kia bệnh lâu, chỗ tiếp xúc có thể tự giúp đỡ. Hoặc siêng tu phẩm lành cao quý rộng lớn vô thượng. Hoặc muốn giữ gìn chỗ tu phẩm lành cho không để đứt quảng thiếu sót. Hoặc tự biết rõ ngu độn phẩm thượng, tuệ độn của họ đối với chỗ nghe pháp khó thọ khó trì, khó dùng duyên nhiếp tâm cho được. Hoặc trước hứa là sẽ cúng dường, như đối với người bệnh, đối với người có nỗi khổ làm bạn để giúp đỡ, muốn dứt khổ cho họ, nên biết cũng như vậy.

10. Giới không được chứa khí cụ sát sinh.

Nếu là Phật tử thì không được cất chứa những binh khí, như dao gậy, cung tên, dáo, búa, v.v.... cùng những đồ sát sinh như chài lưới, rập, bẫy v.v.... là phật tử, dầu cho cha mẹ bị người giết còn không được báo thù, huống là giết tất cả chúng sinh! Không được cất chứa những khí cụ sát sinh! Nếu cố cất chứa, Phật tử này phạm tội khinh cấu: Thấy suy nghĩ đủ việc không thể quen dần, vì phòng ngừa cho nên chế. Tức là đối với các học xứ giữ gìn chánh hạnh, đều lìa việc ác, thành nhiếp

thiện. Đại thừa và Tiểu thừa đều chế, đạo tục cùng cấm, hẳn là hàng quý nhân, vua chúa con vua chúa.... muốn phòng nạn ngoại xâm, chuẩn bị cung tên v.v.... theo lý nên khai cho, nhưng không được làm tổn hại. Lại tuy chẳng phải quý nhân, nếu muốn hộ pháp mà chuẩn bị đầy đủ vũ khí phòng ngừa nhưng không có tâm tổn hại cũng nên khai cho. Trong kinh Niết bàn chép: Người tại gia vì muốn hộ pháp nên cho phép cầm vũ khí, nhưng không được giết hại, văn giải thích dễ hiểu. Mười giới như thế, cần nên học và kính trọng vâng giữ (Trong sáu phẩm sau có giảng rộng).

Như thế trở xuống, tổng kết khuyên thọ trì, sáu phẩm sau là chỉ nói rộng giới bản. Hoặc kinh chép rằng: phẩm thứ ba mươi sáu, lẽ ra phải phân biệt có ba mươi sáu phẩm. Trong giới thứ hai mươi, bốn giới đầu thuộc về tự hành thiện, sáu giới sau thuộc về hòa tha thiện, trong bốn giới đầu.

1. Giới Đi Sứ

Phật dạy: là Phật tử, chẳng được vì quyền lợi và tâm ác mà làm thông tin sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận, đem binh đánh nhau, làm cho vô lượng chúng sinh bị giết hại. Là Phật tử trong quân trận còn không được vào và qua lại, huống chi cố làm môi giới chiến tranh. Nếu cố làm, Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Hễ là người thông tin sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận đem binh đánh nhau thì chắc chắn tâm muốn thắng thua, dối gạt chuẩn bị làm cho chiến đấu, bên trong thì trái với lòng từ bi bình đẳng, ngoài thì tổn hại sinh mạng của muôn vật. Cho nên chế để dứt trừ. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế, bảy chúng đồng cấm. Trong luận nhiếp Thiện chép: đối với thân, ngữ, ý trụ không buông lung cũng có chứa giới này, vì quyền lợi và tâm ác tức là ý buông lung. Nói đi thông tin sứ mạng là ngữ buông lung. Qua lại trong quân trận là thân phóng dật. Văn chép rằng vì quyền lợi và tâm ác, tâm mưu toan làm lợi cho mình, vì lợi mà ý mong tổn hại người khác nên có tâm có. Nếu vì kia, đây mà giao hòa, tại gia lẽ ra không cấm. Thông quốc sứ mệnh là làm sứ mạng cho hai nước đánh nhau. Hiệp hội quân trận là hai nước dấy binh đánh nhau, làm cho vô lượng chúng sinh bị giết hại, là do ta đi thông sứ đưa đến việc quan trọng này. Hưng sư là hưng khởi quân binh, nếu ý muốn đi thông sứ để giết hại thì tuỳ theo người chết mà, riêng kết tội trọng. Nay chỉ cấm thông sứ mạng nên kết tội khinh cấu. Không được qua lại quân trận là nơi ồn ào tạp loạn, chẳng phải là nơi mà người tu đạo bước chân

đến, chắc chắn không có việc hệ trọng, đạo tục đều cấm. Nếu Bồ-tát tại gia là hàng võ quan danh tiếng, chấn động uy dũng, hào hùng thì không tránh được, vì an ổn quốc gia nên cho phép đi vào nhưng không được giết hại. Như khi dòng họ Thích-ca và vua lưu ly đánh nhau. Nếu Bồ-tát xuất gia có nhân duyên, kiêu gọi theo luật thì cho phép hai ba đêm.

2.Giới buôn bán phi pháp.

Nếu Phật tử cố bán người lành, tôi trai tớ gái, lục súc, buôn bán quan tài, ván cây đồ đựng thây chết, còn không được tự mình buôn bán các thứ ấy, huống chi là bảo người. Nếu cố tự buôn bán, hay bảo người buôn bán các thứ ấy, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Tổn cảnh mong lợi, vì xâm não chỗ ở nên Phật chế để dứt trừ. Bảy chúng không cùng chế. Nếu tổn cảnh buôn bán như sinh khẩu v.v.... thì đạo tục đều cấm. Nếu cầu lợi mà buôn bán trao đổi lẫn nhau v.v.... thì chế đạo mà khai cho tục. Nên kinh Ưu-Bà-tắc chép rằng: Người tại gia có của cải nên chia thành bốn phần, một phần cúng dường cha mẹ vợ con, hai phần buôn bán đúng pháp, phần còn lại cất giữ. Nay giới này cũng cấm thân, ngữ buông lung, văn chép rằng: cố buôn bán người lành là biết người không thuộc về mình mà gượng lừa dối buôn bán. Buôn bán tôi tớ lục súc, tuy là vật thuộc về của mình, dễ có phần xâm tổn nên bị tội. Buôn bán quan tài, ván cây đồ đựng thây chết, nghĩa là quan tài cũng là ván cây, hoặc ván cây là hòm bọc ngoài áo quan bằng cây, còn không được cố buôn bán huống chi bảo người buôn bán. Trong đây nêu tự mình không được, buôn bán, huống chi bảo người khác. Giới không được uống rượu ở trước cấm tự mình buông lung nên nêu người khác để so sánh với mình, giới buôn bán này chế không làm tổn người, nên nêu tự so sánh với người, mình người só sánh nhau, ý là ở đây.

3.Giới Huỷ Báng người lương thiện:

Nếu Phật tử, vì tâm ác, đối với người tốt người lành, Pháp sư, sư tăng, hoặc vua chúa và hàng quý nhân, vốn vô sự mà huỷ báng là phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng, với cha mẹ anh em sáu thân phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, mà trở lại vu khống cho là phạm tội nghịch, đoạ vào đường ác, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Vô sự mà huỷ báng, mà hảm hại người lành nên Phật đặt ra để đứt trừ. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế. Bảy chúng đồng cấm. Giới này chế về ngữ buông lung. Hỏi: Giới này đã chế huỷ báng người khác là phạm tội trọng, việc ấy cùng tội trọng trong giới thứ sáu có gì khác nhau?

Đáp: Người xưa muốn phân biệt hai giới tướng nên có nguồn gốc hay không đều chia thành bốn câu. Bốn câu có y cứ, một là đối với người có giới nói về tội trọng, tội khinh của họ, đều phạm khinh cấu. Giới này chánh chế, hai là đối với người không có giới, nói về tội trọng tội khinh của họ cũng phạm khinh cấu, giới trước phụ chế, ba là nói với người có giới, về tội trọng tội khinh của người không có giới cũng phạm khinh cấu, giới này gồm chế, bốn là nói với người không có giới về lỗi của người có giới. Nếu nói về tội trọng thì phạm trọng, giới trước là chánh chế. Nếu nói lỗi nhẹ thì phạm tội khinh cấu, giới trước gồm chế.

Bốn câu không căn cứ, câu thứ nhất là nói tội trọng tội khinh của người có giới cho người có giới nghe, lại phạm khinh cấu, giới này còn ở trong văn, chánh chế nói về tội trọng, gồm chế nói về tội khinh. Ba câu sau tác pháp giống như giới trước, nhưng không có căn cứ là khác. Lại có người nói, trong giới trọng thứ sáu chế nói về lỗi thật, kia cho rằng nói tội lỗi của bốn chúng, nay trong giới này ngăn sự phỉ báng không căn cứ, văn chép rằng vì phỉ báng người lành khác. Hai giới trước sau vẫn không phân biệt người nói với họ, có giới hay không giới hoàn toàn không lựa chọn riêng, theo lý phải đều thông.

Hỏi: Trong pháp của Thanh văn, không căn cứ mà phỉ báng phạm tội trọng, nói lỗi có thật thì phạm khinh, vì sao Bồ-tát thì ngược lại?

Đáp: Trong pháp của Thanh văn ngăn ngừa lỗi của mình, không căn cứ phỉ báng lỗi người khác là phạm trọng, có căn cứ nói lỗi phạm tội khinh, nên chế khinh trọng có khác nhau.

Trong pháp của Bồ-tát ngăn ngừa việc tổn hại người khác, nói lỗi có thật của người khác phạm dễ gây ra sự tổn hại mãi mãi, lui mất tâm Bồ-đề của người, không thật mà huỷ báng, việc đã không có thật thì không tổn hại vĩnh viễn, nên chế có nặng nhẹ, nghĩa ấy ở đây. Trong văn chép tâm ác, vô sự mà huỷ báng là chỉ muốn huỷ báng người khác không lợi ích cho tâm nên nói là ác tâm, ba căn không đầu mối nên nói là vô sự. Người tốt người lành không có phạm lỗi mà bị phỉ báng nên nói là tốt lành. Tưởng tịnh nên gọi là Tốt, thật tịnh nên gọi là Lành, không phải như giới trước nói chẳng phải tôi tớ gọi là Tốt. Pháp sư, sư Tăng, vua chúa, Quý nhân là nêu riêng cảnh trọng trong chỗ huỷ báng. Nói phạm bảy tội nghịch, mười tội trọng là chỉ nêu tội trọng trong sự huỷ báng, cha mẹ, anh, em, sáu thân là ba đời lưu thông nhau chẳmh thể không có sự thân thiết. Mà lại vu khống cho là phạm tội nghịch là không có phạm tội trọng mà huỷ báng, nên nói là vu khống phạm tội nghịch. Đoạ vào chỗ không như ý: là do ta huỷ báng nên đoạ vào chỗ

trái ý (đoạ vào đường ác).

4.Giới đốt lửa:

Nếu Phật tử, vì tâm ác nên châm lửa đốt núi rừng, đồng nội. Từ tháng tư đến tháng chín đốt lửa, hoặc cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, tăng phường, ruộng cây của người và cung điện tài vật của quỷ thần. Tất cả chỗ có sinh vật không được cố thiêu đốt. Nếu cố thiêu đốt, thì Phật tử này phạm tội khinh cấu, không chọn thời gian, nơi chốn mà vội đốt lửa thật ra làm thương tổn rất nhiều, nên Phật cấm để dứt trừ. Đại thừa Tiểu thừa đều chế. Trong bảy chúng thì năm chúng xuất gia, đúng thời tất cả đều dứt trừ, y cứ vào chỗ chế hiển bày thì cho phép che đậy. Hai chúng tại gia y cứ vào thời thì cấm nóng cho lạnh, vì có sản nghiệp. Y cứ vào chỗ lộ bày, che phải đều cho phép, nhưng không được thương tổn đến loài cỏ bò lan dưới đất. Nghĩa ấy suy ra giới này, muốn đề phòng hai tội trọng, một là đế phòng lỗi sát sinh, hai là phòng kẻ ăn trộm làm tổn hại. Y theo điều nói trong văn, theo lý phải như vậy. Giới này chỉ cấm thân buông lung. Trong văn chép, vì tâm ác cho nên đốt lửa là không mưu tính tổn hại sinh mạng của người, liền đốt lửa làm cho cháy lan đến cỏ cây, nên nói là tâm ác. Thiêu đốt núi rừng đồng nội từ tháng tư đến tháng chín là chỉ vì tổn hại đến chúng sinh nên chế lúc trời nóng nực. Nếu đốt nhà cửa trở xuống của người, chỉ vì tổn vật nên trong mọi lúc đều chế. Nếu do đối lửa mà hại mạng tổn vật, thì đặc biệt kết tội sát sinh và trộm cướp. Nay chỉ cấm đốt lửa nên kết tội khinh cấu.

Tất cả vật có chủ đều không được cố ý thiêu đốt, sớ cũ đổi thành có sinh vật là sai, vì không hiểu khoa văn, vẫn làm trở ngại, v.v... Nếu nói vật có chủ thì làm sao phân biệt tháng tư đến tháng chín. Đây như khoa trên chỉ tổn hại sinh mang nên chế tháng tư đến tháng chín. Nếu tổn vật thì không giới hạn thời gian trong tháng, đâu được lạm dụng ngay đó sửa đổi văn kinh.

5.Giới dạy giáo lý ngoài Đại thừa

Nếu Phật tử, từ đệ tử Phật, sáu thân tất cả thiện tri thức, cho đến ngoại đạo ác nhân, đều phải khuyên bảo thọ trì kinh luật Đại thừa. Nên giảng cho họ hiểu nghĩa lý, khiến phát tâm Bồ-đề, Thập Phát thú tâm, Thập Trưởng dưỡng tâm, Thập Kim cương tâm. Trong ba mươi tâm ấy giảng cho họ hiểu pháp dụng thứ lớp của mỗi món. Mà Phật tử lại có tâm ác, tâm sân, đem kinh luật của Thinh văn Nhị thừa và các bộ luận của ngoại đạo tà kiến để dạy ngang cho người. Phật tử này phạm tội

khinh cấu.

Từ sáu giới sau là thuộc về thiện lợi tha. Trong Luận Nhiếp Thiện chép! Đối với các học xứ chánh niệm, chánh tri, chánh hạnh, chánh phòng thủ. Trong sáu giới, hai giới đầu phân tích về chánh tri, chánh phòng thủ của học xứ người khác. Bốn giới sau phân tích về chánh hạnh phòng thủ của học xứ mình, suy nghĩ sẽ thông suốt. Đối với chánh tri phòng thủ của học xứ người khác, ban đầu không dạy giáo lý ngoài Đại thừa, nếu dạy thì sẽ khiến cho họ mất chánh đạo cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa cùng phạm, vì sở học khác nhau, bảy chúng đồng chế, trong văn chép, từ đệ tử Phật cho đến tất cả thiện tri thức, là nêu những vị truyền dạy cho người. Điều phải khuyên bảo thọ trì kinh luật Đại thừa: là dạy họ thọ trì văn cú năng thuyên. Nên giảng cho họ hiểu nghĩa lý là dạy cho họ hiểu biết chỗ giải thích nghĩa lý. Khiến phát tâm Bồ-đề là đã biết văn nghĩa, nên khiến họ phát tâm, cầu hiểu để thực hành, nguồn gốc của thực hành là phát tâm Bồ-đề, nên được hiểu, kế đó phải dạy người phát tâm. Trong đây, đầu tiên là nên phân tích sơ lược phương pháp phát tâm.

Kinh Phát Bồ-đề tâm chép: vì sao Bồ-tát phát tâm Bồ-đề? Dùng nhân duyên vào tu tập Bồ-đề? Nếu Bồ-tát gần gũi bậc thiện tri thức, cúng dường chư Phật, tu tập gốc lành, chí cầu thắng pháp, tâm thường nhu hòa, gặp khổ nhẫn được, từ bi thuần hậu, thân tâm bình đẳng, tin ưa Đại thừa, cầu trí tuệ Phật. Nếu người nào có đủ mười pháp như thế, mới có thể phát được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có bốn duyên phát tâm tu tập Vô thượng Bồ-đề, Bốn duyên ấy gồm: một là tư duy Chư Phật mà phát tâm Bồ-đề, hai là quán thân bệnh hoạn phát tâm Bồ-đề, ba là thương xót chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề, bốn là cầu quả tối thắng mà phát tâm Bồ-đề. Tư duy Chư Phật phát tâm Bồ-đề là tư duy Chư Phật mười phương ba đời mới phát tâm có đủ tánh phiền não cũng như ta ngày nay, cuối cùng thành Chánh giác là bậc Vô thượng. Do duyên này nên phát tâm Bồ-đề. Lại còn suy nghĩ Chư Phật ba đời phát tâm mạnh mẽ, mỗi người đều có khả năng chung đắc Vô thượng Bồ-đề. Nếu Bồ-đề này là pháp có thể đắc thì ta cũng phải được, do việc này nên phát tâm Bồ-đề. Lại tư duy Chư Phật ba đời phát trí tuệ rất sáng, ở trong vỏ vô minh xây dựng tâm cao quý chứa nhóm khổ hạnh, đều có khả năng tự vượt ra ba cõi, ta cũng như vậy, phải tự mình vượt qua. Do việc này nên phát tâm Bồ-đề. Suy nghĩ tất cả Chư Phật làm người mạnh mẽ trong loài người đều vượt qua biển lớn sinh tử phiền não. Ta cũng là bậc Trượng phu cũng phải có khả năng vượt qua. Do việc này

nên phát tâm Bồ-đề. Lại suy nghĩ tất cả Chư Phật phát tâm tinh tấn mạnh mẽ, xả bỏ thân mạng của cải để cầu Nhất thiết trí, nay ta cũng học theo Chư Phật. Do việc này nên phát tâm Bồ-đề. ba nhân duyên khác nói rộng như kia, để biết tướng sơ lược, lại trình bày một văn. Còn các nghĩa rộng khác các giáo đã nói đầy đủ. Nếu muốn phát tâm phải nương theo đó mà tìm. Phát mười tâm, theo kinh Bản Nghiệp chép: Từ phàm phu địa không biết gì, đến giáo pháp của Phật và Bồ-tát, khởi một niệm tin liền phát tâm Bồ-đề, người ấy lúc bấy giờ trụ ở trước gọi là Bồ-tát tin tưởng, cũng gọi là Bồ-tát giả danh, cũng gọi là Bồ-tát danh tự, lược hành mười tâm, nghĩa là tín tâm, tiến tâm, niệm tâm, tuệ tâm, định tâm, giới tâm, hồi hướng tâm, hộ pháp tâm, xả tâm, nguyện tâm. Mười tâm này là hạnh tu quan trọng của Bồ-tát phát tâm, nên phải dạy phát khởi. Tâm Kim cương là chỗ phát mười tâm bền chắc khó hư hoại. Giảng cho họ hiểu pháp dụng thư lớp của mỗi món, đã phát tâm rồi, dạy cho người khác hiểu nghĩa lý khiến phát tâm Bồ-đề tu hành pháp dụng theo thứ lớp trước sau, mà Phật tử làm trái lại cho nên phạm, nói pháp lộn lạo trái với căn cơ nên nói là thành giáo.

6.Giới nói pháp không lộn lạo.

Nếu Phật tử, phải hết lòng tu học kinh luật oai nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý, khi thấy có Bồ-tát tân học từ xa trăm dặm, ngàn dặm đến, cầu học kinh luật Đại thừa thì nên đúng như pháp giảng giải tất cả khổ hạnh, hoặc đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay. Nếu không đốt thân hay cánh tay, ngón tay cúng dường Chư Phật thì không phải là Bồ-tát xuất gia. Cho đến lác thịt của thân mình và tay chân mà bố thí cho tất cả những loài cọp, sói, sư tử đói cùng tất cả loài quỷ đói, rồi sau mới thứ lớp tùy theo căn cơ của mỗi người mà giảng nói chánh pháp cho các vị tân học ấy được mở mang tâm ý. Nếu Phật tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng kinh luật một cách điên đảo, văn tự lộn xộn, không có thứ lớp trước sau, nói pháp có tính cách huỷ báng Tam bảo. Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Nói pháp điên đảo trái với đạo dạy bảo cho nên cấm, chế giới trước không điên đảo. Chế giới này ẩn Đại thừa, dạy Tiểu thừa, tuy nói Đại thừa nhưng ẩn mất nghĩa lý, giảng kinh luật một cách điên đảo không có thứ lớp trước sau. Pháp Thanh văn nếu dạy bảo người khác, vì lợi mà ẩn mất, làm cho nghĩa lý không rõ ràng cũng phạm tội. Bảy chúng đồng chế. Trong văn chép: Phải hết lòng học kinh luật oai nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý, là không dạy người điên đảo, phải tự

chánh học trước. Như kinh này và kinh Thiện Giới Quyết Định Tỳ-ni Bồ-tát Địa Trì v.v.... tức là kinh luật oai nghi Đại thừa. Sau đó, thấy có Bồ-tát tân học từ xa đến cầu học thì phải giải thích đúng, không giảng pháp điên đảo cho họ nghe. Trong đó có hai, đầu tiên là giảng về việc khổ hạnh để thử tâm họ, sau đó giảng chánh pháp để khai mở cho họ hiểu. Vì muốn biết chí lớn của họ nên nói về việc khổ hạnh. "Vì thử tâm họ, là muốn phát khởi đại hạnh của họ cho nên nói chánh pháp để mở mang tâm ý. Nói việc khổ hạnh, trong đó dùng hai việc khổ hạnh để thử, một là đốt thân cúng dường Chư Phật, hai là lóc thịt để cứu nạn đói. Trong nói pháp cũng có hai, một là nói pháp theo thứ lớp, hai là giúp cho họ mở mang tâm ý. Nói pháp theo thứ lớp là phần thô cạn dễ ngộ thì nói trước, phần sâu kín khó hiểu thì giảng sau. Lại giảng thứ lớp trong ba học hạnh mà Bồ-tát làm trái lại thì thành phạm. Đáng dạy mà không dạy là không nói hết nghĩa lý sâu xa. Giảng kinh luật một cách điên đảo là trái với chánh thuyết. Văn tự lộn xộn không có thứ lớp trước sau là phần trước để ở sau, phần sau để ở trước v.v.... nói pháp có tính cách huỷ báng Tam bảo, tuỳ theo điều đã nghe mà chấp nghĩa thành năm lỗi. Như kinh Niết bàn chép: Nếu nói chúng sinh chắc chắn có Phật tánh, hay chắc chắn không có Phật tánh đều là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Đây là nói chung phỉ báng nên không phạm tội trọng. Giới thứ sáu trong Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát có người đến cầu pháp lại có tâm hiềm hận lòng sân não, ganh ghét không bố thí pháp cho họ, đó gọi là có phạm, có sự trái vượt, là ô nhiễm trái phạm. Nếu do lười biếng, uể oải tâm vọng niệm không nhớ nên không bố thí pháp cho họ cũng gọi là phạm, có sự trái vượt, nhưng không ô nhiễm trái phạm. Không trái phạm là các ngoại đạo dò xét tìm tòi khuyết điểm, hoặc là bị bệnh nặng, hoặc tâm cuồng loạn, hoặc muốn phương tiện điều phục người phạm lỗi ra khỏi chỗ bất thiện, an lập chỗ thiện. Hoặc đối với pháp ấy chưa thông suốt. Hoặc là thấy mà không sinh tâm cung kính, không có hổ thẹn, đến nghe thọ với dáang vẽ quậy phá, hoặc biết người kia căn tánh ám độn, đối với pháp sâu rộng dạy đắc pháp rốt ráo thì rất sinh tâm sợ hãi nên khởi tà kiến, thêm lớn tà chấp, suy hao tổn não. Hoặc là biết pháp kia đến tay họ thì truyền khắp cho phi nhân, mà không bố thí giúp cho đều không phạm.

7.Giới cậy thế lực quyên tởi:

Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà gần gũi vua chúa, Hoàng tử cùng các quan, ỷ quyền cậy thế bức

người để lấy tiền của, lại bảo người khác cùng cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Từ bốn giới sau, đối với chỗ tự học, chánh hạnh phòng thủ. Giới đầu ngăn nương quyền cậy thế để quyên tởi. Giới thứ hai, ngăn không hiểu dối làm thầy. Giới thứ ba ngăn lỗi ganh ghét người lành. Giới thứ tư ngăn lỗi thấy khổ không cứu. Đầu tiên là cậy thế lực quyên tởi, suy tổn hạnh ít muốn, dễ dàng đưa đến lỗi buồn phiền cho người khác cho nên chế. Đại thừa Tiểu thừa đều chế, bảy chúng đồng cấm. Trong văn chép: nương quyền cậy thế là rõ ràng mượn lệnh của người có quyền thế gọi là hình, thầm nương năng lực của họ gọi là Thế. Bức người để lấy tiền của là ban đầu xin không cho thì đánh đập để ra oai, lôi kéo để cướp đoạt lấy ngang tiền của là đoạt lấy phi lý. Nếu lấy được vật riêng thì phạm đạo tổn.

Nay ỷ quyền cậy thế mà quyên tởi thì phạm biên tội kết, tội khinh cấu. Tất cả chỗ cầu lợi gọi là ác cầu, đa cầu, vì cầu của phi lý nên gọi là ác cầu, cầu không chán gọi là đa cầu. Bảo người khác cầu là chẳng phải chỉ có việc làm của mình, cũng xúi giục người khác đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, vì tổn não người khác nên không có lòng từ bi, trái lời Phật dạy nên không hiếu thuận.

8.Giới không được dối làm thầy truyền giới.

Nếu Phật tử, phải học mười hai phần kinh, thường tụng giới mỗi ngày sáu thời nghiêm giữ giới Bồ-tát hiểu rõ, tính nghĩa lý Phật tính của giới. Nếu Phật tử không hiểu một kệ một câu và nhân duyên của giới luật, mà dối rằng thông hiểu đó chính là dối gạt mình và cũng là dối gạt người khác, không hiểu một pháp, chẳng biết một luật mà lại làm thầy truyền giới cho người. Phật tử này phạm tội khinh cấu. Không có đức làm thầy mà dối làm để truyền giới cho người là có lỗi gây sự hiểu lầm cho người nên chế, nhị thừa đồng chế, xuất gia tại gia đều cấm. Kinh cho phép vợ chồng làm thầy truyền giới cho nhau nên biết chế chung cho chúng tại gia. Trong văn chép: Mỗi ngày mười sáu thường tụng giới, nghiêm trì giới Bồ-tát, cho đến hiểu rõ tính nghĩa lý, Phật tính của giới, là người biết làm thầy phải cầu tự hiểu trước ngày đêm đều đủ sáu thời, e rằng người mới học bỏ quên lời dạy, đối với việc làm có thiếu sót nên cấm.

Mỗi ngày sáu thời nghiêm trì giới Bồ-tát là thọ trì văn của giới. Hiểu rõ nghĩa lý là hiểu rõ nghĩa khai giá, khinh trọng của giới. Tính

của Phật tính là hiểu tính ấy sẽ hiện nhân quả Phật tính. Trong chỗ hiểu biết quan trọng cho nên nêu lên. Mà Bồ-tát v.v..... trở xuống trái lại thành phạm, nói là trái với tự tâm nên gọi là tự lừa dối mình, khiến cho người khác hiểu lầm nên cũng lừa dối người khác. Mỗi đều không hiểu là một câu một kệ trong pháp môn đều không hiểu. Không biết tất cả pháp là đối với tất cả pháp đều không biết. Nếu không hiểu biết mà dối làm thầy truyền giới cho người thì phải tuỳ theo người thọ giới nhiều hay ít mà kết tội.

9.Giới không được làm cho đôi bên đấu tranh.

Nếu Phật tử, vì tâm ác, thấy thầy Tỳ-kheo giữ giới tay bưng lư hương, tu hạnh Bồ-tát mà tự đi đâm thọc hai đầu, làm cho sinh sự bất hòa khinh khi người hiền, gây ra nhiều tội ác. Phật tử này phạm tội khinh cấu, vì ganh ghét khéo đâm thọc trái với hạnh hòa giáo nên chế để dứt trừ. Hàng Nhị thừa đều chế, bảy chúng đồng cấm. Trong văn chép, vì tâm ác là làm trái với sự hòa hợp, tổn hạnh thanh tịnh nên gọi là tâm ác. Thấy thầy Tỳ-kheo trì giới, cho đến tu hạnh Bồ-tát là nêu người đâm thọc. Đâm thọc hai đầu là đến bên đây nói lỗi bên kia, đến bên kia nói lỗi bên đây nên gọi là đâm thọc. Hoặc kinh chép chữ Cấu nghĩa là đâm thọc để cho hai bên có thành kiến với nhau. Hoặc kinh chép là chữ "Quá" nghĩa cũng giống như vậy, tuỳ theo chữ mà thuận theo giải thích nghĩa, đều không ngăn ngại, không được thường hay thay đổi, khinh khi người hiền tạo nhiều tội ác: là do đâm thọc nên dẫn đến việc khinh khi người hiền, gây ra nhiều tội ác có khác gì với giới thứ mười ba? Vì vận tâm có khác, kia nói tâm dìm mất, đây nói tâm chia rẽ, nay là khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác. Đây nói lên lầm lỗi nhiều lần, chẳng phải là chỗ chánh chế của giới này, chỉ đâm thọc hai đầu chính là chỗ ngăn ngừa của giới này. Như trong giới đốt lửa, giết trộm, nêu lên vẫn phạm, chẳng phải là chỗ phòng ngừa chính. Nếu vì lòng tốt mà nói lời chia rẽ cũng không phạm. Bồ-tát Địa chép: Lại như Bồ-tát thấy các hữu tình bị bạn ác nhiếp thọ, yêu nếu không bỏ. Bồ-tát thấy rồi khởi tâm thương xót, phát sinh lợi ích an lạc ý vui, tuỳ theo năng lực của mình mà nói lời chia rẽ, khiến cho họ lìa bạn ác, bỏ thân yêu nhau, chớ làm cho hữu tình vì gần gũi bạn ác mà phải chịu đêm dài vô nghĩa vô lợi. Bồ-tát dùng tâm nhiêu ích như thế nói lời chia rẽ khiến xa lìa ái kia thì chẳng những không phạm mà còn sinh nhiều công đức.

10.Giới không phóng sinh cứu giúp báo ân:.

Nếu Phật tử vì tâm từ bi mà làm việc phóng sinh, phải nghĩ như vầy: Tất cả người nam là cha tà mạng, tất cả người nữ là mẹ tà mạng, từ nhiều đời ta đều gá sinh nơi đó, vì lẽ ấy nên chúng sinh trong sáu đường đều là cha mẹ ta, nếu giết chúng để ăn thịt, thì chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất bốn đại đều là bản thân, bản thể của ta, cho nên phải thường làm việc phóng sinh và khuyên bảo người làm. Nếu thấy người đời sát sinh nên tìm cách cứu giúp cho chúng được thoát khỏi cái chết! Thường giảng dạy giới Bồ-tát để cứu độ chúng sinh. Nếu vào ngày cha mẹ hay anh em qua đời, nên thỉnh Pháp sư giảng kinh luật Bồ-tát giới. Người chết nhờ phước đức ấy, hoặc được vãng sinh tịnh độ, ra mắt Chư Phật, hay gá sinh lên cõi trời, cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, phật tử này phạm tội khinh cấu: Dè dặt chớ nên sát sinh, để cứu nạn chết phải ăn chay thỉnh Pháp sư giảng kinh luật Bồ-tát giới để cho vong linh được nhờ phước được, ấy là hạnh từ bi làm việc lành để báo ân, nên chế khiến làm. Đại thừa, Tiểu thừa cùng chế. Tất cả hàng Đại sĩ phải cứu độ, vì từ bi bình đẳng cùng khắp. Thanh văn chính là ở trong quyến thuộc, ngoài ra không chế, vì tự độ bảy chúng đồng phạm. Trong văn chép có hai, một là phóng sinh để cứu nạn chết, hai là ăn chay thỉnh giảng kinh luật giới Bồ-tát để vong linh hưởng phước. Trong phần đầu lại có hai, đầu tiên là dùng lòng từ để làm việc phóng sinh, sau cùng tìm cách cứu hộ để cứu chúng sinh thoát khỏi nạn khổ. Trong phần đầu vì lòng từ làm việc phóng sinh là thấy khổ ách sắp chết thì rất sinh lòng từ tìm cách cứu vớt làm cho được sống. Tất cả người nam là cha tà mạng v.v.... là nói nguyên do, tu lòng từ bi trong việc cứu sinh. Trong đây có hai: một là đối với tất cả chúng sinh khởi quán bình đẳng thân thuộc, hai là đối với tất cả vật khởi quán là một thể. Trong phần đầu người nam, người nữ là cha mẹ tà mạng, là theo tướng tạm phối hợp, y cứ vào thật thì nam nữ cách đời đều là cha mẹ. Chúng sinh sáu đường đều là bà con, nên khi thấy họ bị khổ ách chẳng thể không cứu. Nếu giết chúng sinh để ăn thịt tức là giết cha mẹ, nghĩa là nêu bà con của mình, đều ngăn không cho giết ăn thịt, cũng là giết thân cũ của ta v.v.... là nói quán nhất thể trong đó nương thế trước là đừng giết hại để ăn thịt, sau đó nói về quán nhất thể. Tất cả chất bốn đại đều là bản thân bản thể của tà mạng, nghĩa là thân chúng sinh do bốn đại hòa hợp mà thành thể. Lúc sống nhóm họp là thân, khi chết chia lìa là vật, tuy tụ tán theo duyên nhưng tánh ấy không khác, quán rộng ra đều là thể của ta. Nên bậc Thánh lấy chúng sinh làm thân cứu mình, lấy muôn vật làm thể của mình, lý tự không đúng, đâu thể như

vậy, cho nên thường làm việc phóng sinh để cứu giúp. Từ nhiều đời ta đều gá sinh nơi đó là nói tìm cách cứu hộ cho chúng thoát khỏi nạn khổ. Đời đời thọ sinh: Tuy lại sinh, lại tử nhưng bi quán càng sâu. Nếu thấy người đời sát sinh v.v....trở xuống là nói về tìm cách cứu giúp, sinh mạnh bị giết sẽ bị khổ hiện tại, người giết sẽ bị khổ ở tương lai. Nên đối với năng giết, sở giết phải rộng sinh lòng từ bi cứu độ, phải tìm cách cứu hộ cho họ được thoát khỏi nạn khổ là cứu sinh mang bị giết thoát khỏi khổ hiện tại, thường giáo hóa giảng nói giới Bồ-tát cứu độ chúng sinh là cứu người giết, ngăn khổ ở đương lai cho họ. Nếu cha mẹ hay anh em chết, thỉnh Pháp sư giảng kinh luật giới Bồ-tát thì người chết nhờ phước đức ấy được vãng sinh, pháp lực khó nghĩ bàn, thầm ban cho không luống uổng: Nên người chết thần linh tuỳ ở đường nào? Trừ hai đều kia chắc chắn được nhờ lợi ích. Hỏi: Nối nhau đã khác, vì sao tu nhân phước này lại được quả an vui kia, vì mình làm người chịu trái với luật nhân quả? Đáp: Theo đạo lý nhân quả thật không có việc mình làm mà người khác chịu. Nhưng tương duyên giữa mình và người thì chẳng thể không giúp đỡ lẫn nhau. Nên ngài Mục-liên tạo phước thì vong linh mẹ Ngài được thoát khổ ngạ quỷ. Na-xá tu điều lành, thần thức của cha Ngài được tránh khỏi nạn kổ dữ dội, ấy là nghĩa cảm ứng nhau, lý thường chắc chắn như vậy.

Mười giới như thế cần nên học tập và hết lòng kính trọng vâng giữ, như trong phẩm diệt tội có giảng rõ mỗi giới. Mười giới như thế trở xuống là tổng kết, khuyên thọ trì chỉ cho các văn rộng khác, từ đây trở xuống giới thứ ba mươi nói thuộc về thiện hòa kính. Hòa kính có sáu, nghĩa là ba nghiệp đồng và giới kiến lợi đồng. Trong mười giới, ba giới đầu nói ba nghiệp đồng, giới là nói kiến đồng, bốn giới tiếp theo là nói lợi đồng, ba giới sau cùng nói giới đồng. Tức là luận đã nói trong giới nhiếp thiện đối với các bậc tôn trưởng siêng tu kính thờ, trong ba giới đầu thì trước là ngăn sân hận không chịu đựng, kế là ngăn kiêu ngạo không thưa hỏi. Tiếp theo là ngăn ngã mạn không dạy dỗ, mỗi trường hợp đều ngăn chung về ba nghiệp bất hòa. Hoặc có thể như thứ lớp ngăn thân miệng ý.

Giới thứ nhất: Nhẫn chịu trái phạm.

Nếu Phật tử, không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh. Nếu cha mẹ, anh em, hay sáu thân bị người giết cũng chẳng được báo thù, hoặc quốc chủ bị người giết chết cũng chẳng được báo thù. Giết sinh mạng để báo thù sinh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo.

Chứa nuôi tôi tớ còn không được, vì đánh đạp mắng nhiếc chúng mỗi ngày ba nghiệp gây ra vô lượng tội, nhất là khẩu nghiệp. Huống là cố gây ra bảy tội nghịch. Nếu Bồ-tát xuất gia không có lòng từ bi cố báo thù, cho đến cố báo thù cho sáu thân. Phật tử này phạm tội khinh cấu. Đã tin đạo lý khắp thân một thể mà tức giận đánh đập nhau để báo thù thì chẳng phải hiếu thuận, cũng mất lòng từ bi nhẫn nhục, cho nên Phật chế để dứt trừ. Tức trong luận chép: Đối với sự trái phạm của người khác suy nghĩ chịu đựng. Nhị thừa đều chế, bảy chúng đồng cấm. Trong văn chép. Nếu giết cha mẹ anh em, sáu thân còn không được cố báo thù, ngoại đạo nói một đời oán thân chắc chắn là khác, nên nói: mối thù cha mẹ không ở chung trong trời đất, mối thù anh em không cùng ở chung một nước. Từ mối thù anh em, không phải là đứng đầu, bên trong dung chứa oán thân nhất quán trong ba đời, đâu cho phép vì một người bà con kia mà giết một bà con này. Nên dù anh em bị giết cũng không được cố báo thù. Lại thân người đã chết rồi thì không thể sống lại, nếu giết người kia, đối với ta có lợi ích gì? Nên kinh Trường Thọ Vương chép: lấy oán báo oán, oán ấy không bao giờ mất, lấy đức báo oán, oán ấy mới tiêu tan. Nếu Quốc chủ bị người khác giết chết cũng chẳng được báo thù: nghĩa là quốc chủ vì người khác cố giết giết cha mẹ mình cũng không được báo thù đối với quốc chủ, vì Quốc chủ cũng là bà con của mình. Lại nếu Quốc chủ của mình bị nước địch giết cũng không được đến nước ấy báo thù, vì kẻ địch ở nước kia cũng là cha mẹ của ta. Thái Tử Trường sinh gác kiếm cũng là việc ấy, giết sinh mạng để báo thù sinh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo, nghĩa là oán lại là thân, cũng có ân sinh ra ta, giết sinh mạng kia để báo ân sinh thành ra ta là không phải đạo hiếu thuận, khi giết đặc biệt kết tội trọng. Nay đối với báo oán kết tội khinh cấu, còn không được nuôi tôi tớ,v,v... tất cả kết tội khinh cấu. Huống chi cố gây ra bảy tội nghịch, biết tất cả là cha mẹ ta mà làm việc giết hại để báo thù nên gọi là nghịch. Nếu Bồ-tát xuất gia không có tâm từ bi, cố báo thù, v.v... làm việc trái nghịch nên thành phạm, chỉ nêu người xuất gia vì rất trái nghịch nên lý chung cho tại gia. Cho đến cố báo thù cho sáu thân là cha mẹ chú bác, anh em là sáu thân, mối thù của sáu thân còn không được báo huống chi người khác. Giới thứ mười sáu trong Bồ-tát Địa chép: Nếu các Bồ-tát đem mắng trả mắng, đem sân trả sân, đem đánh trả đánh, đem nghịch trả nghịch, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm. Giới này không khai duyên, chế ý rất dễ thấy.

2.Giới tâm nhún nhường thọ pháp.

Nếu Phật tử mới xuất gia chưa thông hiểu kinh luật, mà tự ỷ mình là trí thức thông minh, hoặc ỷ mình là cao quý lớn tuổi, hoặc ỷ mình là dòng họ tôn quý, con nhà giàu sang, hoặc ỷ mình học rộng phước to, giàu có, v.v... rồi sinh lòng kiêu mạn mà không chịu học hỏi kinh luật với các vị Pháp sư học đạo trước mình. Vị Pháp sư ấy hoặc dòng hèn, con nhà thấp hèn, tuổi trẻ nghèo nàn, hèn hạ, hay có tật nguyền, nhưng lại thật có đức hạnh, thông hiểu nhiều kinh luật. Các Bồ-tát tân học không được nhìn vào dòng giống của vị Pháp sư mà không chịu đến học hỏi đạo lý Đệ nhất nghĩa đế với vị ấy, Phật tử này phạm tội khinh cấu, vì thấy hình dáng mà không đến thưa hỏi đạo lý sẽ mất lợi ích thọ lãnh giáo pháp cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế, bảy chúng đều ngăn ngừa. Trong văn chép: Phật tử mới xuất gia, chưa thông hiểu kinh luật nghĩa là ngày gần vào đạo, chưa thông hiểu kinh luật trong Phật pháp. Tự ý mình là trí thức thông minh: nghĩa là ỷ mình là hiểu biết thông minh đối với việc đời. Hoặc ỷ mình là cao quý lớn tuổi, nghĩa là giàu sang quyền thế cao quý, tuổi tác lớn hơn người. Hoặc ỷ mình là dòng sang con nhà nổi tiếng: là sinh vào dòng họ tôn quý, gia môn sang trọng hơn người. Đại giải đại phước là tài đức dồi dào, rồi sinh tâm kiêu mạn: là dựa vào năm việc trên mà sinh tâm kiêu mạn. Vị Pháp sư ấy hoặc thuộc dòng hèn hạ, con dòng thấp hèn tuổi trẻ nghèo nàn, hèn hạ bị tật nguyền... luật chế người tàn tật làm, phải tuyên dương Pháp chủ, trong đây chính là thưa thỉnh người tuổi nhỏ, nên theo học hỏi, hoặc có thể Bồ-tát chỉ quý đạo của vị Pháp sư ấy chớ không vì hình tướng của Pháp sư, nên tuy nghèo nàn, hèn hạ cũng thỉnh nói pháp, như trời Đế-thích theo Dã can để thọ pháp v.v.... mà Bồ-tát tân học không chịu đến học đạo lý Đại thừa với vị Pháp sư ấy là trái, cho nên phạm.

3.Giới có tâm tốt dạy trao:

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ-tát, trời đối trước tượng Phật và tượng Bồ-tát mà tự nguyện thọ giới, phải sám hối trong bảy ngày, hễ thấy được tướng tốt thì thọ đắc giới, nếu chưa thấy được tướng tốtthì phải sám hối mười bốn ngày, hăm mốt ngày, hay đến cả năm, cầu thấy được tướng tốt, khi thấy được tướng tốt rồi thì được đối trước tượng Phật, Bồ-tát mà thọ giới. Nếu chưa thấy tướng tốt thì dầu có đối trước tượng Phật thọ giới, vẫn không gọi là đắc giới. Nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ giới Bồ-tát mà thọ giới, thì không cần thấy tướng tốt. Vì sao? Vì vị Pháp sư ấy là các sư truyền giới

cho nhau nên không cần thấy tướng tốt. Hễ đối trước vị Pháp sư ấy mà thọ giới liền đắc giới, vì hết lòng kính trọng nên đắc giới, nếu ở trong vòng ngàn dặm mà tìm không được vị Pháp sư truyền giới, thì Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ-tát mà tự nguyện thọ giới Bồ-tát, nhưng phải thấy tướng tốt.

Nếu các vị Pháp sư ỷ mình thông kinh luật và giới pháp Đại thừa mà kết giao với các nhà quyền quý như vua chúa, Thái Tử, bá quan, khi có Bồ-tát tân học đến cầu học nghĩa kinh luật, lại giận ghét hay khinh ngạo, không chịu tận tâm chỉ dạy, vị này phạm tội khinh cấu.

Gặp người có pháp khí mà không chịu chỉ dạy là trái với đạo chỉ dạy nên răn Đại thừa, Tiểu thừa; xuất gia tại gia đồng chế. Trong văn chép có hai, một là nói rõ duyên đắc giới của Bồ-tát tân học, hai là nói Pháp sư không chịu chỉ dạy. Trong duyên đắc giới có ba, một là nói tự nguyện thọ giới, hai là nói theo người khác thọ giới, ba là kết lại hai cách thọ. Trong pháp Thanh văn thì năm chúng xuất gia phải theo người mà thọ, hai chúng tại gia chung tự thọ và người khác thọ. Như trong giới thứ năm mươi ba của luận Du-già nói rộng về tướng ấy. Trong pháp của Bồ-tát, kinh này không phân biệt bảy chúng thọ. Nếu cho phép xem xét kỷ, bảy chúng thọ giới đều chung cho hai cách thọ. Như quyển thượng kia đã rộng phân biệt. Nếu Pháp sư v.v.... ác thuyết thì thành phạm, khác với giới thứ mười sáu ở trước là giới kia cấm vì lợi mà nói pháp điên đảo, giới này cấm khinh ngạo, ác thuyết, khai duyên đồng với giới kia.

4.Giới không được chuyên về dị học.

Nếu Phật tử, có kinh luật pháp Đại thừa, chánh kiến, chánh tánh, chính pháp thân của Phật mà không chịu siêng năng tu học, lại bỏ bảy của báu, học những sách luận tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục, đó là làm hư hạt giống Phật, là nhân duyên chướng đạo, chẳng phải thật hành đạo Bồ-tát. Nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Bỏ gốc theo ngọn làm trở ngại đại đạo cho Phật chế. Đại thừa, Tiểu thừa không cùng chế vì sở học khác nhau, bảy chúng đồng chế. Đây chính là hợp kiến đồng trong sáu pháp hòa. Trong văn chép: có kinh luật của Phật nghĩa là hiện có giới pháp của Phật, nếu không có Phật pháp thì cũng cho phép theo thọ pháp bên ngoài vì bấy giờ Phật pháp ở thế gian đều diệt mất. Pháp Đại thừa là giáo pháp Đại thừa, chánh kiến là trong hành pháp Đại thừa thì tuệ là chính. Chánh tín là lý Đại thừa. Chánh pháp thân là quả pháp Đại thừa, nhưng không thể bỏ gốc theo ngọn. Bỏ bảy báu là Đại thừa đáng xem trọng đồng với bảy báu mà bỏ không tu

tập. Hoặc kinh bản chép không bỏ bảy báu nghĩa là không bỏ bảy báu thế gian, muốn học pháp bảo phải bỏ của báu thế gian, vì không bỏ nên không thể học tập, lại học các sách luận tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục là nêu chung pháp học, khác vì trái Đại thừa nên đều gọi là tà kiến, các sách luận thế tục ấy là pháp của ngoại đạo. Sách ghi A-tỳ-đàm Tạp luận là pháp của hàng Nhị Thừa, Luận sư đời sau đặt ra luận ký, hoặc văn nghĩa cạn cợt, hoặc dị kiến rắc rối, không thuận với đạo lý sâu xa của Đại thừa, vì thế không cho phép chuyên tâm tu học. Nếu đã được nghiên cứu Đại thừa, vì phá dị kiến để trang nghiêm Đại thừa tạm thời tập học, theo lý thì không cấm. Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát chưa nghiên cứu tinh thông tạng Bồ-tát mà xả bỏ tạng Bồ-tát, một bề tu học Tạng Thanh văn, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt, chẳng nhiễm ô trái phạm (là giới hai mươi sáu). Nếu các Bồ-tát, hiện đời có giáo pháp của Phật mà không nghiên cứu thông suốt, lại siêng tu học các luận của đạo khác và luận của ngoại đạo, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt là nhiễm ô trái phạm. Không phạm là hoặc thông minh nhạy bén, hoặc có khả năng tiếp thu mau lẹ, hoặc trải qua thời gian lâu mà không quên mất, hoặc đối với nghĩa ấy có thể suy nghĩ, có thể thông hiểu, hoặc đối với giáo pháp Phật quán sát đúng lý, thành tựu câu hạnh, vô động giác ngộ. Mỗi ngày thường tu học hai phần Phật ngữ, học một phần pháp ngoài thì không phạm (là giới hai mươi bảy). Lại giới hai mươi lăm của Bồ-tát Địa chép. Nếu các Bồ-tát khởi thấy như vậy, lập luận như vậy. Bồ-tát không nên nghe giáo pháp tương ứng với Thanh văn thừa, không được thọ trì, không được tu học. Bồ-tát đâu cần giáo pháp tương ứng với Thanh văn thừa, cho phép nghe thọ trì siêng năng tu học, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt, là nhiễm ô trái phạm, vì sao? Vì Bồ-tát đối với việc nghiên cứu sách luận của ngoại đạo còn siêng năng, huống chi đối với lời dạy của Phật. Không phạm là vì khiến cho một bề tu pháp Tiểu thừa xả bỏ dục kia mà nói như vậy, e rằng người một bề không huỷ báng Tiểu thừa phạm giới Bồ-tát, nên nhờ đó dẫn ra.

5.Giới khéo phân chia vật của đại chúng.

Nếu Phật tử sau khi Phật nhập diệt, làm Pháp sư, giảng sư, luật sư, Thiền sư, Thủ toạ, Tri Sự, Tri khách, phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật của Tam bảo, chớ dùng vô độ như của riêng mình, mà lại khuấy chúng gây gổ, kình chống, lung lòng xài của Tam bảo. Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Bốn giới sau đây là chế đồng lợi, khéo hòa giải trong chúng không

có tâm buồn rầu hối hận, khéo giữ gìn tài vật của Tam bảo, để không để cho phí tổn. Nếu được như vậy thì chánh pháp không dứt mất, nên chế để thực hành. Đại thừa, Tiểu thừa đồng chế, bảy chúng đồng học, vì hai chúng tại gia có nghĩa là chế ngự chúng. Trong văn chép: sau Phật diệt độ là nói lên thời gian. Thuyết pháp chủ: nghĩa là người giảng nói, hoặc có thể đàn việt giảng thuyết là thuyết pháp chủ. Hạnh pháp chủ là chủ thi hành giáo pháp. Tăng phòng chủ là chủ chùa. Ma-ma-Đế giáo hóa chủ nghĩa là chủ giáo hóa xuất gia, tại gia. Toạ thiền chủ là chủ tu tập thiền định. Hành lai chủ là như chũ thí một bửa ăn cung cấp cho người qua lại. Trong sáu việc trên đều là chế ngự nên đều gọi là Chủ. Như sáu chủ trên phải thực hành hai việc, một là khởi tâm từ bi, khéo hòa giải trong chúng, hai là khéo giữ gìn tài vật của Tam bảo, thọ dụng đúng pháp không được trộm lấy dùng vô độ như của riêng mình. Đổi pháp thọ dụng hoặc như kinh Bảo Lương và các luật luận, nên y theo mà làm, ở đây không kể đủ, mà Bồ-tát lại khuấy chúng gây gổ kình chống, v.v.... vì trái nên kết phạm, lung lòng xài vật của Tam bảo, được vật thuộc về mình, phi xứ dùng lẫn lộn, đều kết tội trọng. Trong đây chỉ kết lỗi không khéo giữ tài vật của Tam bảo.

6.Giới chủ khách đồng được lợi:

Nếu Phật tử, trước ở trong Tăng phường, sau thấy có Bồ-tát Tỳ-kheo khách đến, hoặc ở thành ấp, nhà cửa của tăng hay của vua cho đến chỗ kiết hạ an cư và trong đại hội v.v.... chư tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cung cấp cho vật uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà, phòng, giường ghế, v.v.... Nếu tự mình không có thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán, để sắm đồ cung cấp cho những khách vị tăng ấy. Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị Tri sự phải theo thứ lớp phái khách tăng đi thọ trai. Nếu chư tăng ở trước đi thọ trai riêng mà không phái khách tăng đi thì vị Tri sự mắc vô lượng tội, không đáng là sa-môn, không phải dòng Thích Tử, nào khác gì loài súc sinh. Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Dự vào pháp lợi Thích lữ lẽ ra nên đồng. Nếu pháp giống, lợi khác thì giống như việc xấu xa của thế tục. Thanh văn còn không cho phép huống là bậc Đại sĩ, nên chế đồng nhau Đại Tiểu thừa đều chế, đạo tục không chế chung. Đã nói lợi dưỡng của tăng không gồm chúng thế tục. Trong văn chép có hai: một là theo vật của tăng thì phải chia đều cho chủ và khách tăng, hai là lợi của thí chủ phải chia đều cho chủ tăng và khách tăng. Trong phần đầu trước là nói trụ xứ trong tăng, phần sau từ

nhà cửa trở xuống nói chỗ của thí chủ. Nếu tự mình không có tài vật thì phải bán thân và con cái, lóc thịt thân mình mà bán, y cứ theo tướng của văn này lẽ ra phải gồm cả chúng thế tục. Tuy không dự vào lợi dưỡng của tăng nhưng chăm nom cung cấp cho khách, lý chung cho cả Bồ-tát tại gia. Nếu có thí chủ thì thí chủ chia cho khách chủ đồng lợi. Sai việc tăng lược có sáu loại, một là người năng sai phải thành tựu năm pháp, nghĩa là không thương, không giận, không sợ, không si, biết nên sai hay không nên sai. Lại trì giới thanh tịnh không dínhmắc hành pháp, sau đó phải chuyên chủ, hai là người sở sai, nghĩa là năm chúng xuất gia, không phá giới, không có giới, cho đến người vì giải thoát mà xuất gia mới được thọ giới. Nếu người mang hành pháp tăng tàn và bạch bốn lần Yết-ma thì phải nương người bản hạ lần lượt học giới, ở dưới tăng, trên sa-di, sa-di ba quy y, năm giới có thuyết nói cũng được thọ thứ lớp tăng. Văn kinh Niết Bàn, hai bản Tiểu thừa và Đại thừa lại khác nhau, nên không thể làm chứng, ba là sai chỗ hội hợp, hai chỗ Tăng và tục tự nhiên tác pháp đều được sai theo thứ lớp. Thuyết cũ chép rằng: xưa nay có thể nương theo, bốn là sai theo thứ lớp, pháp chỉ có một, thứ lớp từ Thượng tọa đến Hạ tọa, xoay vần trở lại từ đầu không phân biệt Đại Tăng và sa-di, đều phải theo thứ lớp sai họ. Hoặc nói Thượng tọa được gọi là Tăng thứ, hoặc nói kinh đạo Tăng thứ, giảng độ Tăng thứ, v.v... chính là thỉnh đích xác tên khác, không khai cho tăng thứ mười phương. Như pháp lợi dị kiến không chung của năm bộ. Lại có thể trụ xứ của Tiểu thừa khác Đại thừa vì không tin Đại thừa là pháp Phật. Nếu trụ xứ của Đại thừa không thể riêng với Tiểu thừa vì Đại thừa tin năm bộ đều là Phật pháp. Bởi vì nghe trụ xứ của Đại thừa ở nước Tây vực thông hành với nghĩa của mười tám bộ, năm là sớ đến sớm muộn, sáu là thọ thỉnh xả thỉnh, sớ cũ nói đầy đủ, ở đây không phiền dẫn ra, vị Tri sự mắc vô lượng tội, vì đoạt lấy của người khác nên được lợi, tuy vật không thuộc về mình mà vẫn bị tội trộm. Nếu người thọ thỉnh biết mà cố thọ, lẽ ra phải cùng phạm, súc sinh khác v.v ... là quở trách người kia phạm tội trọng, chỉ tham lợi dưỡng hiện tại mà không thấy lỗi về sau, nên nói nào có khác gì súc sinh, đã làm việc phi pháp làm sao gọi là dứt ác? vì trái lời Phật dạy nên chẳng phải dòng họ Thích.

7.Giới thọ thỉnh riêng:

Nếu Phật tử, tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình, của cúng dường này thuộc về tăng mười phương, nếu nhận riêng tức là lấy của tăng mười phương đem về phần mình, và tài vật

của tám ruộng phước: Chư Phật, bậc Thánh, sư Tăng, cha, mẹ, và người bệnh, tự mình nhận dùng riêng. Phật tử này phạm tội khinh cấu. Trái với rộng phước của thí chủ, mất lợi dưỡng của chúng tăng v.v... nên chế không cho thọ. Thanh văn đều cho phép nhị thỉnh, Bồ-tát một bề ngăn riêng. Trong bảy chúng nên chế năm chúng xuất gia. Trong văn chép: Tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình, là trong pháp Thanh văn người thọ pháp đầu-đà thì không thọ thỉnh riêng, người không thọ đầu đà thì cho phép thọ. Trong pháp Bồ-tát không xét là đầu-đà hay chẳng phải đầu-đà, bất cứ lúc nào cũng ngăn, tất cả không được thọ thỉnh riêng, của cúng dường này thuộc về tăng mười phương nghĩa là Bồ-tát không thọ thỉnh riêng, đây đã được lợi lẽ ra thuộc về mười phương, nhưng vì Bồ-tát thọ thỉnh riêng thì có nghĩa xa vì tổn tài vật riêng của tăng mười phương đem về mình, nên nói rằng, nếu nhận riêng thì đó là lấy của tăng mười phương đem về mình, của vật trong tám ruộng phước tự mình nhận dùng riêng là chẳng những lấy vật của mười phương đem về mình, mà cũng tổn vật trong tám ruộng phước, Bồ-tát tự thọ hoặc không thọ thỉnh riêng, đối với tám ruộng phước đều có phần, nhưng vì thọ lợi dưỡng riêng giúp đỡ cho mình. Tám ruộng phước là, một là Phật, hai là bậc Thánh, ba là Hòa-thượng, bốn là A-xà-lê, năm là Tăng, sáu là cha, bảy là mẹ, tám là người bệnh, Hòa-Thượng A-xà-lê trong kinh bản gọi là hai thầy, hoặc gọi là từng thầy một, nghĩa đều không khác. Hỏi: Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát, có người đến mời, hoặc đến nhà, hoặc đến chùa, dâng cúng đầy đủ các thứ như thức ăn uống, y phục, v.v... mà kiêu mạn có tâm hiềm hận, sân não không đến chỗ ấy thọ thỉnh, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt là nhiễm ô trái phạm. Nếu vì lười biếng, uể oải quên không nhớ, không đến chỗ ấy thọ thỉnh, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt không nhiễm ô trái phạm, văn này là y cứ thỉnh riêng nên ngăn không cho thọ, hay là y cứ theo thứ lớp tăng mà ngăn không cho thọ? Đáp: có chỗ nói rằng: luận văn kia ngăn không cho thọ thứ lớp Tăng, thỉnh riêng thì thường không cho phép, nếu không thọ cũng không phạm, có thuyết lại nói rằng: kia cũng ngăn không cho thọ thỉnh riêng, có tâm tức giận không thọ thỉnh riêng, vì trái với thí chủ, trái với hạnh từ bi. Nếu thí chủ kia theo thứ lớp thỉnh tăng rồi, thỉnh riêng Bồ-tát chắc chắn muốn cúng dường, như luận đã chế chẳng thể không thọ, chỉ trừ khai duyên, không thọ không phạm, như văn kia chép. Không trái phạm là, hoặc bị tật bệnh, hoặc không có sức khoẻ, hoặc tâm cuồng loạn, hoặc ở cách xa, hoặc đường đi có sự đáng sợ, hoặc muốn tìm cách, điều phục người phạm lỗi ra khỏi chỗ bất thiện,

an lập chỗ thiện, hoặc trước đã có sự thỉnh khác, hoặc vì không ngừng tu pháp lành, muốn giữ gìn phẩm lành, nên khiến cho không tạm bỏ. Hoặc là dẫn nhiếp nghĩa chưa từng có. Hoặc đã nghe pháp nghĩa không lui sụt. Như tà mạng đã nghe pháp nghĩa không lui sụt, luận về nghĩa chọn lựa nên biết cũng như vậy. Hoặc lại biết người kia có tâm tổn não dối đến mới thỉnh. Hoặc vì hộ người nặng về tâm hiềm hận. Hoặc giữ gìn Tăng chế, mà không đến chỗ ấy thọ thỉnh đều không phạm.

8.Giới không được thỉnh tăng riêng.

Nếu Phật tử có Bồ-tát xuất gia, Bồ-tát tại gia và tất cả đàn việt lúc muốn thỉnh tăng để cúng dường cầu nguyện thì nên vào tăng phường thưa với vị Tri sự. Vị Tri sự bảo rằng: Theo thứ lớp mà thỉnh thì được Hiền Thánh Tăng mười phương, người đời thỉnh riêng năm trăm vị A-la-hán Bồ-tát tăng vẫn không bằng theo thứ lớp thỉnh một vị phàm phu tăng. Trong giáo pháp của bảy Đức Phật đều không có pháp thỉnh tăng riêng. Nếu thỉnh tăng riêng đó là pháp của ngoại đạo, là không thuận với hiếu đạo. Nếu Phật tử cố thỉnh riêng thì phạm tội khinh cấu: Bỏ rộng lớn thì riêng mất ruộng phước rộng lớn kia, cho nên chế không được. Đại thừa, tiểu thừa không cùng chế. Trong pháp của Thanh văn cũng cho phép thỉnh riêng. Trong pháp của Bồ-tát thì bảy chúng đồng cấm, có thuyết cho rằng Bồ-tát thỉnh Tăng trái hội thường không được thỉnh riêng, đều phải theo thứ lớp, thỉnh riêng một vị thì phạm giới này, có thuyết lại cho rằng, một trụ xứ tuỳ theo người nhiều hay ít thứ lớp thỉnh một vị tăng thì không phạm. Hoặc đều không có người thì phạm, ý văn giống như phần giải thích ở trước. Trong văn có Bồ-tát xuất gia chính là chế Bồ-tát không nên thỉnh riêng, và tất cả đàn việt là chế cả người khác. Tuy không có giới để phạm nhưng mất ruộng phước rộng lớn. Ruộng phước thỉnh Tăng cho đến muốn theo thứ lớp thỉnh là chỉ bày phương pháp thỉnh theo thứ lớp. Nghĩa là đạo tục muốn thỉnh tăng để cúng dường cầu nguyện, tâm không đi đến yên định, bất luận trì phạm vì tăng đều thanh tịnh không phi pháp, cho nên chỉ y cứ vào năm pháp kia thành tựu những điều mà người Tri sự hỏi. Nay muốn được thứ lớp thỉnh trong Tăng, tâm không phân biệt nên nói thứ lớp, sẽ được hiền Thánh Tăng mười phương là ruộng phước rộng lớn dung chứa tất cả Hiền Thánh mười phương, đều vào trong đó. Nếu không được Hiền Thánh, chỉ được một phàm phu, tâm thỉnh đã không chọn riêng, thì phước cũng thần thông cả mười phương nên nói được Hiền Thánh Tăng mười phương. Hỏi: Mười phương tăng khác đã không nhận cúng dường,

vì sao do tâm rổng không mà muốn được thật phước ở mười phương.

Đáp: Tội phước khởi do tâm làm chủ, tâm đã muốn khắp thì phước làm sao không khắp, như người ác giới đối với tất cả loài dê mà khởi tâm ưa thích giết hại, tuy tất cả bầy dê đều không bị hại nhưng tất cả dê khởi khắp không có luật nghi, vì dùng ác để lệ cho thiện thì thiện nào mà không như vậy?

Hỏi: Nếu như vậy người không có luật nghi đối với tất cả dê sinh khởi bất luật nghi, người kia giết dê bị nghiệp đạo, bố thí cũng phải như vậy, có lựa chọn riêng chăng?

Đáp: chẳng thể không có nghĩa này, khắp với tất cả tăng được khởi phước cúng dường, chỉ đối với một vị tăng theo thứ lớp khởi phước nghiệp cúng dường, vì ưa thích suy nghĩ đối với người thọ thí. Lại biết không so sánh vì nghiệp giết hại chúng sinh là gốc. Đối với vật bị hại bị nghiệp sát sinh vì bố thí thì tâm xả là chính. Đối với tất cả được phước nghiệp cúng dường, vì ta cúng dường tâm trùm khắp tất cả. Nếu thọ dụng phước, khi cúng dường người sau khởi thỉnh riêng. Thỉnh riêng năm trăm vị A-la-hán Bồ-tát tăng không bằng theo thứ lớp thỉnh một vị phàm phu tăng, nghĩa là thỉnh hàng trăm A-la-hán, hàng trăm Bồ-tát, vì tâm lựa chọn riêng, chỉ đối với người được thỉnh ban phước, chẳng phải chỗ khác theo thứ lớp thỉnh, một Tăng theo thứ lớp không chọn riêng. Nên khắp với tất cả đều khởi phước lành. Trong luật chép, Đức Phật quở Trưởng giả Sư Tử thỉnh tăng riêng ... Dù thỉnh năm trăm vị A-la-hán không bằng thỉnh một phàm phu tăng. Thỉnh tăng riêng là pháp của ngoại đạo. Chư Phật vốn bình đẳng cùng khắp làm chính, vì thế vốn không có pháp thỉnh riêng. Nếu trong luật dạy cho phép thỉnh riêng là linh động thuận theo thế tình quyền thí giáo môn. Như trong Phật pháp không cho phép ăn thịt là muốn dần dần chế, lại cho phép ba thứ thịt thanh tịnh. Ở đây cũng như vậy nên nói là pháp của ngoại đạo, bảy Đức Phật không có vì trái với bản giáo của Phật nên không có đạo hiếu thuận.

9.Giới không Nuôi Sống bằng tà mạng.

Nếu Phật tử, vì tâm ác vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tự tay làm đồ ăn, tự xay tự giã, xem tướng, bàn mộng tốt xấu, đoán sẽ sinh trai hay gái, bùa chú pháp thuật, cách nuôi chim ó và chó săn, pha chế trăm thứ thuốc độc, ngàn thứ thuốc độc, độc rắn, độc sinh vàng, sinh bạc, độc sâu cổ, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Nếu cố làm các việc như thế, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Hai giới dưới đây,

giải thích về giới đồng, giới đầu ngăn tà mạng, giới sau ngăn tà nghiệp, vì trái với tịnh mạng nên chế. Đại thừa, tiểu thừa đồng chế, bảy chúng đều ngăn ngừa.

Trong văn nói, dùng tâm ác vì lợi dưỡng, chẳng phải kiến cơ ích vật. Buôn bán nam sắc nữ sắc... gồm có mười việc, một là bán nam sắc, nữ sắc, hai là tự tay làm đồ ăn, ba là tự xay tự giã, bốn là xem tướng nam nữ, năm là bàn mộng lành dữ, sáu là bùa chú pháp thuật, bảy là công xảo, tam là phương pháp điều phục chim ó, chín là pha chế thuốc độc, mười là độc sâu cổ. Trong mười việc này, một việc đầu, ba việc sau xuất gia tại gia đều cấm, việc thứ hai thứ ba chế đạo khai cho tục, việc thứ tư thứ năm hoặc là xuất gia tại gia đều cấm, hoặc người thế tục không vì mạng sống thì không phạm, việc thứ sáu thứ bảy không cấm người thế tục, còn Bồ-tát xuất gia nếu không vì mạng sống mà hộ thân thì y theo luật cũng nên cho phép.

10.Giới không làm tà nghiệp.

Nếu Phật tử, vì tâm ác tự mình huỷ báng Tam bảo, mà giả bộ kính mến, miệng thì nói không, mà hành vi lại có, đưa tin cho hai bêb nam nữ giao hội, vì người tại gia làm mai làm mối cho nam cho nữ giao hội dâm sắc, gây thành các nghiệp trái buộc, sáu ngày trai trong mỗi tháng, ba tháng trường trai trong mỗi năm, làm việc sát sinh, trộm cướp, phá trai, phạm giới, Phật tử này phạm tội khinh cấu, vì trái với chánh nghiệp cho nên cấm. Đại thừa Tiểu thừa đều cấm, đạo tục đồng ngăn ngừa. Nhưng trong văn xếp vào năm việc, việc thứ năm khi không hiếu kính thì chưa hẳn đều đồng, đến văn sẽ xếp vào. Trong văn chép, tà nghiệp gồm năm việc, một là tự mình huỷ báng Tam bảo, mà làm ra vẻ kính mến, hai là miệng thì nói không, mà việc làm lại ở trong có, ba là làm mai mối cho người tại gia, bốn là làm mai mối cho nam nữ giao hội dâm sắc, năm là vào các ngày trai mà làm ác. Ngoài ra đều do văn hiển bày. Trong việc thứ năm, nếu phá trai, phạm giới thì tuỳ việc mà kết tội khác. Nay không hiếu kính thì kết chung một tội, một việc nay đối với pháp Thanh văn chưa hẳn chế làm giới riêng.

Trong pháp Bồ-tát, vì đối với pháp lành sinh tâm tha thiết nên chế làm giới. Hoặc là chỉ chế cho tại gia, vì xuất gia đều thọ trì trai b6át luận thời gian. Hoặc là cũng chung cho xuất gia, vì lúc cung kính tuy có giới thường, phải vào ngày trai mà thọ. Theo kinh Dược sư thì năm chúng xuất gia cũng thọ tám giới, bởi vì làm cho pháp lành thêm lớn, sáu ngày trai là tháng có trăng và tháng không trăng, mỗi tháng có ba,

vào những ngày này, quỷ thần có thế lực nên tổn hại mọi người, Vào kiếp Sơ Thánh giúp người tránh hại, chế ra pháp trì trai để tránh khởi sự tổn hại của quỷ thần, chỉ dứt bữa ăn sau ngọ là trai, chưa chế ra giới pháp. Khi Đức Phật ra đời vẫn theo pháp nầy lại thêm vào giới thứ tám. Không trăng, có trăng đều có giới thứ tám và ngày mười bốn, đây là sự chia ngày của Ma-hê-thủ-la, mỗi tháng có mười lăm ngày là sự phân chia của tất cả Thần. Nên trong sáu tháng chế thọ pháp trì trai. Ba năm trường trai, kinh Đề-vị chép: Tháng giêng vốn trì trai ngày mười lăm, tháng năm vốn trì trai, ngày mười lăm tháng chín vốn trì trai, ngày mười lăm, là ba ngày trường trai trong năm, nhân duyên như kinh có nói rộng. Kinh Ưu-Bà-tắc chép: Vì người chết mà tu phước gồm có ba tháng giêng mùa xuân, tháng năm mùa hạ và tháng chín mùa thu. Luận Thập Trụ chép: Vào ngày tam khí quỷ thần có thế lực nên ngăn tam khí. Pháp trì trai là từ mùa đông đến bốn mươi lăm ngày sau là tam khí.

Mười giới như thế, phải nên học hết lòng kính trong vâng giữ. Trong phẩm Chế Giới có giảng rõ. Mười giới sau đây tổng kết khuyên thọ trì chỉ rỏ ở phẩm khác. Giới thứ hai đến giới thứ chín nói về nhiếp chúng sinh. Trong chín giới đầu phần lớn chia làm hai, giới đầu tiên nói dùng tài vật để nhiếp chúng sinh, tám giới sau nói dùng pháp nhiếp chúng sinh.

■

SỚ BỒ TÁT GIỚI BẢN

QUYỂN HẠ
(Phần Cuối)

1. Giới thứ nhất: Cứu chuộc người ngay ách khổ nạn.

Phật dạy: Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt ở trong đời ác, thấy hàng ngoại đạo, bọn giặc cướp cùng tất cả người ác đem bán hình tượng Phật, Bồ-tát, cha mẹ, đem bán kinh luật, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cùng người hành đạo Bồ-tát, người phát tâm Bồ-đề, để làm tay sai cho các quan hay làm tôi tớ cho mọi người. Phật tử thấy những việc như thế, nên có tâm từ bi tìm cách cứu vớt. Nếu không đủ sức, Phật tử phải đi quyên tiền các nơi để chuộc hình tượng Phật, Bồ-tát và tất cả kinh luật, chuộc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người tu hạnh Bồ-tát, người phát tâm Bồ-đề. nếu không chuộc thì Phật tử này phạm tội khinh cấu. Buôn bán kinh tượng có lỗi tổn nhục, bán người tu hành có não u bức. Bậc Đại sĩ đã lấy việc hộ pháp cứu khổ làm hoài bão nên phải tuỳ khả năng mua chuộc cứu hộ. Nếu không chuộc không cứu thì trái với lòng cung kính, trái với lòng từ bi nên chế để thực hành. Luận chép rằng: các Bồ-tát ở trong chỗ sợ sệt như chỗ có sư tử, cọp, Sói, quỷ ma, vua, giặc, nước, lửa... các loài hữu tình ấy Bồ-tát đều có khả năng cứu giúp, khiến lìa các chỗ sợ hãi ấy. Đại thừa tiểu thừa cùng chế. Thanh văn thấy quyến thuộc bị bán mà không chuộc thì phạm tụ thứ bảy. Kinh tượng và người khác chẳng thấy chế khác. Bồ-tát tất cả không được không cứu, chỉ trừ khả năng không cứu nổi. Bảy chúng đồng học.

Trong văn chép: Bán hình tượng Phật, Bồ-tát, cha mẹ nghĩa là Đức Phật là cha mẹ có lòng từ bi rộng lớn nên nói là tượng Bồ-tát, cha mẹ, hoặc là khắc đúc làm hình tượng cha mẹ, như loại Đinh lang, nên nói là hình tượng cha mẹ. Mua bán Tỳ-kheo v.v.... nói là cứu hộ, mua chuộc người tu hành. Trong văn chép, chỉ nói người tu hạnh Bồ-tát, vì tổn hại nhiều nên người khác rơi vào khổ nạn, đúng lý cũng phải cứu vớt.

2.Giới không được chứa khí cụ làm tổn hại chúng sinh.

Nếu Phật tử, không được buôn bán dao gậy, cung tên, các khí giới sát sinh, không được chứa cân non già thiếu, không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Không được có tâm ác trói buộc người và phá hoại việc thành công của người, không được nuôi mèo, chồn, heo, chó. Nếu cố làm các đều trên, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Tám giới sau đây dùng pháp nhiếp có hai, bảy giới đầu thuộc về hành pháp, giới thứ tám thuộc về giáo pháp. Trong hành pháp nhiếp thứ hai, hai giới đầu nói về hạnh lìa lỗi, năm giới sau nói hạnh nhiếp thiện, trong hạnh lìa lỗi, đầu tiên là lìa lỗi tổn hại, sau cùng lìa lỗi buông lung, vì chưa nuôi tổn hại trái với hạnh nhiếp từ nên cấm phải dứt bỏ. Đại thừa Tiểu thừa đều chế, bảy chúng đều phòng ngừa. Trong văn chép đủ sáu việc, một là không được chứa dao gậy cung tên, đây là ngăn ngừa lỗi sát hại. Trong giới thứ ở mười trước vì trái với nhiếp thiện nên cấm. Nay trong giới này cũng trái nhiếp thiện nên cấm, vì khiến lợi sinh nên cấm, hai là không được buôn bán bằng cân non, giạ thiếu, đây là ngăn ngừa lỗi tổn hại, ba là không được cậy thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Giới thứ mười bảy ở trước cấm nương thế lực mà quyên tởi nay giới này cấm dặn bảo chung. Đây cũng ngăn ngừa lỗi trộm cướp tổn hại, bốn là tâm ác trói buộc người, nghĩa là tâm muốn tổn não chưa hẳn bị hại, năm là phá hoại thành công của người, nghĩa là phá dụng đã thành của người khác, sáu là nuôi mèo chồn v.v... xa thì có lỗi xâm tổn nên không được nuôi, thấy chúng bị lâm nguy thì mua chuộc cứu vớt không phạm.

3.Giới Tà Nghiệp Giác Quán.

Nếu Phật tử không được vì tâm ác đi xem tất cả nam nữ v.v.... đánh nhau hay quân trận binh tướng giặc cướp v.v... chiến đấu, cũng không được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng v.v.... cho đến bói toán xủ quẻ, chẳng được làm tay sai cho bọn trộm cướp. Nếu cố làm các đều trên, Phật tử nầy phạm tội khinh cấu, vì trái với chánh nghiệp nên cấm. Đại thừa, tiểu thừa đồng chế, bảy chúng không cùng chế. Trong văn chép có năm việc, một/ không được đi xem các cuộc đánh nhau, nếu không có duyên sự thì xuất gia ại gia đều cấm, hai/ không được nghe các kỹ nhạc, nếu làm thì phạm, xuất gia tại gia đều chế. Nếu cúng dường Tam bảo thì xuất gia tại gia đều khai. Nếu tự mình làm thì cấm người xuất gia, khai cho tại gia, ba là chẳng được làm các trò vui chơi, xuất gia tại gia đều cấm, bốn là không được bói toán xủ quẻ, vì lợi xuất ggia tại gia đều cấm, chỉ bày như pháp khai cho người

thế tục, năm là không được làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Mười một giới trước chế chung thông làm tay sai, giới này chế riêng thầm giới làm tay sai. Đây cũng là xuất gia tại gia đều dứt.

4.Giới không nhớ nghĩ đến thừa khác.

Nếu Phật tử, ngày đêm sáu thời, đọc tụng giới Bồ-tát này. Nên giữ gìn giới luật trong tất cả khi đi đứng nằm ngồi, vững chắc như kim cương, như đeo trái nổi để qua biển lớn, như các Tỳ-kheo bị cột bằng dây cỏ. Thường có tín tâm lành đối với Đại thừa. Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn Chư Phật là Phật đã thành, rồi phát tâm Bồ-đề và giữ vững không lui sụt. Nếu có một tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo, Phật tử này phạm tội khinh cấu: Năm giới sau đây nói nhiếp thiện hạnh, ban đầu ngăn tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa, ngoại đạo, kế là ngăn không khởi đại nguyện, và ngăn không phát thệ vững chắc, sau đó ngăn không tu lìa chấp trước, sau cùng ngăn không thuận lớn, nhỏ. Đầu tiên không có tâm niệm, xu hướng theo Nhị thừa, ngoại đạo là vì sợ thiếu đại hạnh cho nên cấm. Xuất gia tại gia đồng học, đại thừa tiểu thừa không cùng học vì hạnh tu tập đều khác. Trong văn xếp vào ba việc, một là hộ trì người tụng giới pháp, hộ trì giới cấm nghĩa là hoặc tánh hoặc ngăn thảy đều hộ trì. Ngày đêm sáu thời đọc tụng giới này là, hoặc văn hoặc nghĩa trì tụng không quên, vững chắc như kim cương là giữ tâm bền bỉ, nhân duyên không mất. Như đeo trái nổi để qua biển lớn là thương tiếc giữ gìn không muốn lìa, việc xứ từ ở kinh Niết-bàn. Như Tỳ-kheo bị cột bằng dây cỏ là cẩn thận cung kính thọ trì không dám trái phạm. Việc nầy xuất xứ từ kinh Nhân Duyên, hai là sinh tín tâm đối với Đại thừa, tự biết rằng mình là Phật chưa thành, tuy có Phật tánh nhưng vì chưa tu nên chưa hiển bày, Chư Phật là Phật đã thành, là đã tu nhân mầu nhiệm sẽ diệu có thể được quả cao siêu, ba là phát tâm Bồ-đề niệm niệm không lìa tâm, là tâm kỳ hẹn đại quả, niệm khác không xen. Nếu khởi một niệm thì sẽ phạm.

5.Giới phát nguyện mong cầu:

Nếu Phật tử, nên phát những đều nguyện lớn, nguyện ở hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam bảo. Nguyện gặp được thầy tốt, bạn thiện tri thức, thường dạy bảo tôi các kinh luật Đại thừa dạy cho tôi về "Thập phát thú", "Thập Trưởng dưỡng", "Thập kim cương", "Thập địa" cho tôi hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp, nguyện giữ vững giới của Phật, thà chết chớ không chịu phai lòng. Nếu tất cả Bồ-tát không

phát nguyện như thế thì phạm tội khinh cấu. Nguyện khéo điều ngự sẽ thú hướng đến quả vị cao siêu. Nếu không phát hạnh nguyện thì không có nơi nương tựa, nên chế phải phát nguyện, bảy chúng đồng học, Đại thừa, tiểu thừa không cùng chế, vì sở cầu khác nhau. Trong văn chép, thường nên phát những đều nguyện lớn là tuỳ theo việc khởi nguyện không chút luống uổng. Như phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm chép: Lại có mười nguyện lớn nên nói rằng phải phát tất cả nguyện. Về mười nguyện lớn, như trong luận Phát Bồ-đề Tâm nói. Từ hiếu thuận trở xuống nêu trong tất cả nguyện, quan trọng là lược bày có mười lăm. Hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, không trái phạm ân nguyện cao quý. Cha mẹ có công nhọc nhằn sinh dưỡng, sư tăng có công dạy dỗ, đều có ân cao quý nên phải hiếu thuận. Nguyện gặp được thầy tốt, bạn thiện tri thức là gặp gỡ duyên nguyện cao quý. Thường dạy tôi các kinh luật Đại thừa là nguyện nương nhờ giáo lý cao quý. Thập phát thú cho đến Thập Địa là nguyện biết rõ bước vào quả vị cao quý, cho tôi hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp là hợp với hạnh nguyện cao quý. Nguyện giữ vững giới của Phật là nguyện giữ gìn giới cao quý. Giới là nền tảng hành trì nên đặc biệt nêu ra.

6.Giới phải phát thệ.

Nếu Phật tử, khi đã phát mười đều nguyện lớn nầy rồi thì phải giữ gìn giới cấm của Phật. Tự thệ rằng: Thà nhảy vào đống lửa, hố sâu, núi dao, quyết không làm điều bất tịnh với tất cả người nữ để phạm điều cấm, trong kinh luật của chư Phật ba đời, lại nguyện rằng: Thà quấn lưới sắt nóng vào thân mình cả ngàn lớp chứ nhất quyết không để thân này phá giới mà thọ những đồ y phục của tín tâm đàn việt, thà nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm ngàn kiếp chứ nhất quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm đàn việt. Thà nằm trên dàn lửa lớn, trên tấm sắt nóng, chứ quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm đàn việt. Thà trong một, hai kiếp chịu cả trăm cây gươm giáo đâm vào mình, chứ không để thân phá giới này thọ các thứ thuốc men của tín tâm đàn việt. Thà nhảy vào vạc dầu sôi suốt trong trăm ngàn kiếp chứ không để thân này phá giới mà thọ lãnh các phòng nhà, ruộng vườn, đất đai của tín tâm đàn việt.

Lại phát thệ rằng: Thà bị chày sắt đập thân này từ đầu tới chân nát như tro bụi, chứ không để thân phá giới này thọ nhận sự cung kính lễ bái của tín tâm đàn việt.

Lại phát thệ rằng: Thà lấy trăm ngàn lưỡi gươm khoét đôi mắt mình quyết không nhìn sắc đẹp của người bằng tâm phá giới này. Thà dùng trăm ngàn dùi sắt đâm thủng lỗ tai mình suốt trong một hai kiếp, quyết không nghe tiếng tốt giọng hay bằng tâm phá giới này. Thà bị trăm ngàn lưỡi dao cắt bỏ lỗ mũi mình, chứ không ăn các thứ tịnh thực của người bằng tâm phá giới này. Thà chặt chém thân thể mình bị búa bén, chứ không tham mặc đồ tốt với tâm phá giới này.

Lại phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được thành Phật.

Nếu Phật tử không phát những đều thệ này thì phạm tội khinh cấu. Nguyện là ở trong tâm, thệ là ở thân miệng, vì sợ theo duyên nên lập thệ tất nhiên là cần thiết. Đại thừa Tiểu thừa cùng chế, bảy chúng đồng học. Trong văn chép, đã phát mười đều nguyện lớn rồi, hoặc có bản chép rằng phát ba mươi nguyện lớn, tức là dưới đã lập ba mươi lời thệ đầu tiên trong tâm đã phát rồi, sau đó miệng mới lập thệ, nên nói đã phát rồi. Nếu nói mười nguyện lớn, thì chỉ có mười nguyện, Bồ-tát sơ tâm đã phát trước, như kinh Phát Bồ-đề Tâm chép: Vì sao Bồ-tát phát tâm hướng đến Bồ-đề? Dùng hạnh nghiệp gì để thành tựu tâm Bồ-đề? Bồ-tát phát tâm trụ ở Tuệ Địa? trước phải phát chánh nguyện vững chắc nhiếp thọ tất cả Vô lượng chúng sinh, ta cầu vô thượng Bồ-đề cứu hộ độ thoát không để dư thừa, đều khiến rốt ráo vô dư niết-bàn, vì thế người mới phát tâm lấy đại bi làm đầu, vì tâm từ bi làm phát chuyển mười chánh nguyện lớn cao quý. Mười nguyện ấy là: một là ta nguyện bố thí gốc lành đã trồng đối trước và đời này cho tất cả vô biên chúng sinh, cùng nhau hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, khiến cho nguyện nầy của ta lớn lên theo từng niệm, sở sinh đời đời thường ở tại tâm, không hề quên mất, được Đà-la-Ni giữ gìn, hai là nguyện ta hồi hướng đại Bồ-đề rồi, đem gốc lành này đến chỗ tất cả chúng sinh, thường được cúng dường tất cả Chư Phật, không bao giờ sinh vào cõi nước không có Phật, ba là ta nguyện được sinh vào các cõi nước của Chư Phật, thường được gần gũi hầu hạ ở gần bên như bóng theo hình, không xa lìa Chư Phật một khoảnh khắc, bốn là ta nguyện được gần gũi Chư Phật, Chư Phật theo sở cầu của ta mà nói pháp thì tà mạng được thành tựu năm thần thông của Bồ-tát, năm là ta nguyện thành tựu năm thần thông của Bồ-tát rồi thì thông suốt sự giả danh truyền bá của thế đế, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa đế, như tánh chân thật được chánh pháp trí, sáu là ta nguyện được chánh pháp trí rồi, dùng tâm không cảm thấy đủ để nói pháp chỉ dạy lợi ích vui mừng cho chúng sinh, đều làm cho hiểu rõ, bảy là nguyện

ta hiểu rõ các chúng sinh rồi, dùng thần lực Phật đến khắp vô số thế giới ở mười phương cúng dường Chư Phật, nghe thọ chánh pháp, rộng nhiếp hóa chúng sinh, tám là ta nguyện ở chỗ Chư Phật thọ lãnh chánh pháp rồi, có khả năng tuỳ ý xoay bánh xe pháp thanh tịnh, các thế giới mười phương tất cả chúng sinh nghe pháp của ta, nghe danh hiệu ta thì được xa lìa tất cả phiền não, phát tâm Bồ-đề; Chín là ta nguyện có khả năng khiến cho tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề rồi, thường theo ủng hộ, dứt bỏ việc không lợi ích, ban cho vô lượng an vui, xả bỏ thân mạng tài sản, nhiếp thọ chúng sinh, gánh vác chánh pháp. mười là trôi lăn anguyện có khả năng gánh vác chánh pháp rồi thì dù tâm hành chánh pháp nhưng không có sở hành, như các Bồ-tát thực hành chánh pháp mà vô sở hành, cũng chẳng phải không có sở hành, vì giáo hóa chúng sinh không bỏ chánh nguyện. Ta phát tâm Bồ-tát, mười chánh nguyện lớn, mười nguyện lớn này, trùm khắp các cõi chúng sinh, nhiếp thọ tất cả Hằng hà sa các nguyện. Nếu chúng sinh cùng tận thì nguyện ta mới cùng tận, nhưng chúng sinh thật không thể cùng tận, nên nguyện lớn này của ta cũng không cùng tận, giữ gìn giới cấm của Phật, lập lời nguyện, phải nân lập thệ. Trong mười ba lời thệ thì mười hai lời thệ đầu là thệ hộ giới, một nguyện cuối cùng là thệ chứng quả. Trong mười hai lời thệ thì bảy lời thệ đầu là giới hộ luật nghi, năm lời thệ sau là giới hộ năm căn. Trong bảy lời thệ, lời thệ đầu là đôi cảnh lập thệ, cảnh người nữ dễ nhiễm đáng sợ, nên thệ giữ gìn, sáu lời thệ sau đối với cúng dường mà lập thệ, đại ý giống với thánh hạnh Niết-bàn.

7 Giới lúc nào cũng thực Hành Đầu Đà (cũng gọi là giới Đầu-đà Tránh Nạn)

Nếu Phật tử, mối năm phải hai lần thực hành đầu-đà, mùa đông mùa hạ thì ngồi thiền kiết hạ an cư. Thường dùng nhành dương, nước tro, ba y, bình bát, đồ ngồi, tích trượng, hộp lư hương, đãy lượt nước, khăn tay, cái dao, đá lửa, cái nhiếp, giường dây, kinh luật, tượng Phật, tượng Bồ-tát. Khi Phật tử thực hành đầu-đà và lúc đi lại trăm dặm ngàn dặm, mười tám món này thường mang bên mình. Đây là hai thời gian hành đầu-đà trong mỗi năm. Từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba và từ rằm tháng tám đến rằm tháng mười. Trong hai lần hành đầu-đà, thường mạng theo bên mình mười tám món ấy như chim mang theo hai cánh.

Nếu đến ngày bố-tát, các Bồ-tát tân học, mỗi nửa tháng thường bố-tát, tụng mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh. Lúc tụng giới nên tụng trước tượng Phật và Bồ-tát, chỉ có một người bố tát thì một

người tụng. Nếu hai người, ba người, cho đến trăm ngàn người cũng một người tụng, còn bao nhiêu người khác thì lắng nghe. Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp. Mỗi người đều đắp y hoại sắc chín điều, bảy điều, năm điều. Trong lúc kiết hạ an cư mỗi việc cũng phải đúng theo phép tắc.

Lúc thực hành đầu đà, chớ đến chỗ có tai nạn, cõi nước hiểm ác, nhà vua hung bạo, đất đai gập ghềnh, cỏ cây rậm rạp, chỗ có các loài thú dữ sư tử, cọp, sói, cùng lụt, bảo, nạn cháy, giặc cướp, đường sá có rắn rít... tất cả những nơi hiểm nạn ấy đều không được đến, chẳng những lúc hành đầu đà, mà lúc kiết hạ an cư cũng không được đến những chỗ hiểm nạn ấy.

Nếu cố vào những nơi ấy, Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Đầu-đà, Hán dịch là Đẩu Tẩu, vì tâm chúng sinh hăng hái, ngoại trần vắng lặng, có khả năng trang nghiêm giới, nên phải tuỳ chỗ mà đến, đi không chọn chỗ dễ bị tai hoạ. Người chưa lìa dục ở chỗ hiểm nạn tâm không được an nên phải tránh chỗ hiểm nạn thì hạnh được hạnh đầu-đà. Bảy chúng đồng chế. Thanh văn tránh nạn cũng nên đồng chế. Hai thời thường hành đầu-đà không cần chế. Trong văn chép: thường phải thực hành hạnh đầu-đà mỗi năm hai kỳ là vì hai mùa xuân, thu nóng lạnh điều hòa thích hợp, không tổn hại cho nên chế. Trong hai mùa này mà thực hành đầu đà. Luận Du-già chép.

Hỏi: Vì sao gọi là công đức Đỗ-Đa?

Đáp: Ví như ở thế gian, hoặc lông hoặc vải bông không phải roi, chẳng phải đạn, chẳng phải rối, chẳng phải tách. Bấy giờ, mặc vào không mềm không nhẹ, không nhận vận chế tạo thảm tơ lụa. Hoặc roi, hoặc đàn, hoặc phấn, hoặc tách, bấy giờ phân tán mềm mại nhẹ nhàng tốt đẹp, có khả năng làm ra thảm bằng tơ lụa, làm như vậy là do tham ăn uống, ở các nơi ăn uống khiến cho tâm đàm nhiễm, vì tham mặc quần áo tốt nên đối việc ăn mặc khiến tâm đắm nhiễm. Do các công đức tháp này mà kia sẽ tịnh tu trị tâm khiến cho trong sáng ngay thẳng, mềm mại nhẹ nhàng tốt đẹp, có khả năng kham nhiệm, thuận theo y chỉ có thể tu phạm hạnh, vì thế gọi là công đức Đỗ-Đa. Trong việc ăn uống có người tham ăn ngon, ăn nhiều làm chướng ngại việc tu pháp lành, vì muốn dứt trừ việc tham ăn ngon nên thường hành khất thực, thứ lớp khất thực vì muốn dứt trừ tham ăn nhiều nên chỉ một lần ăn, trước ngăn hậu thực. Trong y phục có ba thứ tham làm chướng ngại tu pháp lành, một là tham nhiều y phục, hai là tham xúc chạm mềm mại, ba là tham tốt đẹp bậc thượng. Vì muốn dứt trừ tham nhiều y phục nên chỉ

giữ ba y, vì muốn dứt trừ lòng tham đồ tốt đẹp bực thượng nên chỉ giữ y phục phấn tảo. Đối với các đồ ngồi có bốn thứ tham, làm chướng ngại tu pháp lành, một là tham cảnh ồn ào, hai là tham nhà cửa, ba là tham ngồi nằm, bốn là tham đồ ngồi, vì muốn dứt trừ tâm tham ồ ào náo động nên ở chỗ A-Luyện-Nhã. Vì muốn dứt trừ lòng tham nhà cửa cao đẹp nên thường ở dưới gốc cây, ở chỗ trống. Lại vì muốn dứt trừ lòng tham dâm dật nên thường ở gò mả, vì muốn dứt trừ lòng tham dựa nằm nên thường ngồi trên tòa ngay thẳng, vì muốn dứt trừ lòng tham đồ ngồi nên ngồi tòa bình thường, ấy gọi là thành tựu công đức đỗ-đa. Lại nói rằng: Nên biết trong đây, nếu dựa vào khất thực không có tánh khác nhau chỉ có mười hai. Nếu dựa vào khất thực có tánh khác nhau thì có mười ba. Mùa Đông, mùa Hạ ngồi thiền là mùa đông thì rất lạnh, mùa hạ thì rất nóng, lại làm tổn thương nhiều, trở ngại cho việc du hành nên chế tĩnh toạ. Kiết hạ an cư là giới hạn tâm ở một chỗ, tĩnh duyên nương gáy, nên gọi là an cư. Nếu không có duyên gấp thì không đi lang thang. Nếu đối với mình và người có sự lợi ích thì tuỳ duyên khai cho thọ pháp ra ngoài một ngày, pháp thọ ra ngoài một ngày trong năm bộ tuỳ tiện ứng dụng. Thường dùng nhành dương, nước tro, nghĩa là nhành dương có năm đức nên thường dùng. Vì nước tro vì trong sạch nên cũng thường dùng, mười tám món gồm: ba y là ba, bốn là bình, năm là bát, sáu là đồ ngồi, bảy là tích trượng, tám là hộp lư hương, chín là đãy lượt nước, mười là khăn tay, mười một là cái dao, mười hai là đá lửa, mười ba là cái nhíp, mười bốn là giường dây, mười lăm là kinh, mười sáu là luật, mười bảy là tượng Phật, mười tám là tượng Bồ-tát. Mười bốn món đầu là đạo cụ giúp thân, bốn món sau là phép tắc cao quý xuất thế, nên chế phải thường mang bên mình không được lìa. Đầu-Đà là chế theo thời tiết, từ tháng giêng về sau chẳng những là thời tiết thực hành đầu-đà điều hòa thích hợp, mà còn có chỗ nêu phép tắc cao quý. Như kinh Tâm Vương dạy phải biết. Nếu vào ngày Bố-tát chế pháp bố-tát, pháp như phần tựa đầu của kinh nói, sớ cũ chép rằng: Hàng Thanh văn tâm yếu kém, phải có bốn vị trở lên mới được rộng tụng. Bậc Đại sĩ có hạnh cao quý, một người cũng cho phép nói rộng, nay gọi là nói rộng, rộng tụng Thanh văn cũng cho phép, nhưng không được tác bạch Yết-ma. Trong pháp Bồ-tát lẽ ra phải như vậy, tuy là rộng tụng nhưng không được tác bạch. Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp là vì cung kính pháp. Luật cũng không cho phép người nói dưới thấp nói pháp cho người nói trên cao nghe. Mỗi người đều đắp y hoại sắc chín điều, bảy điều và năm điều là dùng văn nầy chứng minh, ba y đều được dùng trong chúng, ở đây là mặc cả ba y.

Như Tam người oai nghi chép: không đắp Nê-hoàn-tăng thì không được đắp y năm điều, không đắp y năm điều thì không được đắp y bảy điều, không đắp y bảy điều thì không được đắp y chín điều, nên biết phải mặc cả ba (văn kia nói rõ). Trong lúc kiết hạ an cư, mỗi việc cũng phải đúng theo phép tắc: là khi kiết giới y theo chỗ thọ nhật, xuất giới, tự tứ, nêu tội, sám hối, đều y theo luật mà làm. Lúc thực hành đầu-đà, chớ đến chỗ có tai nạn, giải thích hành đầu-đà và hạ an cư phải chọn nơi tránh tai nạn. Trong đây đã chế từ đầu đến cuối hoặc là xuất gia tại gia đều đồng, hoặc là du phương chỉ giáo hóa, không được mạo hiểm đến chỗ hiểm nạn. Đây là chế chung cho xuất gia tại gia. Nếu pháp an cư, bố-tát cho ngồi, chỉ chế cho năm chúng xuất gia. Kinh Ưu-Bà-Tắc chép rằng: Ưu-Bà-tắc nên chứa y tăng-già lê Bát, tích trượng, chẳng biết mười tám vật có cần chuẩn bị hay không. Bồ-tát tăng ni mỗi nửa tháng phải hai bên bố-tát, tụng hai bản Đại thừa Tiểu thừa, không như vậy thì phạm tội khinh cấu. (Nói rõ trong bản văn). Đối với Bồ-tát tại gia, nếu trong nhà có tịnh thất thì mỗi nửa tháng nên tự tụng, nếu không thì trong phạm vi một do-tuần trong chùa có Bồ-tát làm lễ bố tát thì nên đến nghe, nếu không thì phạm tội khinh cấu. Hoặc nhà mình ồn ào bực bội, trong một do-tuần không có Bồ-tát hội hợp thì không phạm.

8.Giới Trái Thứ lớp tôn ti.

Nếu Phật tử, phải theo thứ lớp ngồi cho đúng pháp, người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau, bất luận già trẻ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người sang như người vua chúa, Hoàng tử, cho đến kẻ hèn như huỳnh môn, tôi tớ.v.v... tất cả đều nên ngồi theo thứ lớp, người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau.

Không được như hàng ngoại đạo, si mê, hoặc già hoặc trẻ, ngồi trước sau lộn xộn không có thứ lớp, không khác cách ngồi của bọn binh nô. Trong Phật pháp của ta, hễ người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau.

Nếu Phật tử không ngồi theo thứ lớp đúng pháp thì phạm tội khinh cấu.

Vì lìa kiêu mạn thuận cho giáo pháp cho nên chế. Đại thừa Tiểu thừa đều chế, xuất gia tại gia đồng học. Trong luật chép. Đức Thế tôn nhóm họp các ỳ-kheo dạy rằng: Này các Tỳ-kheo, các thầy cho rằng ai nên thọ lãnh tòa ngồi bậc nhất, nước bậc nhất, thức ăn bậc nhất, đứng dậy đón rước, đưa đi lễ bái cung kính khéo léo thăm hỏi. Hoặc có người nói dòng cao quý xuất gia, hoặc có người nói khất thực, hoặc có người

nói y phấn tảo, như thế cho đến có người nói thể chúc tụng, hoặc có người nói học rộng, hoặc có người nói Pháp sư, hoặc có người nói trì luật, hoặc có người nói ngồi thiền, v.v.... Phật dạy các Tỳ-kheo và dẫn câu chuyện thời quá khứ, voi, chồn, chim còn cung kính nhau, các thầy xuất gia trong Phật pháp của ta phải cùng kính lẫn nhau. Như thế Phật pháp mới được truyền bác rộng khắp, từ nay về sau cho phép tuỳ theo già trẻ cung kính lễ bái, đưa rước, hỏi han. Lại dạy rằng: không nên lễ người tại gia, không được lễ tất cả người nữ: Người thọ đại giới trước, người thọ đại giới sau, mười ba nạn, nêu ba bỏ hai, tất cả những người có nói lời nói phi pháp đều không được lễ. Những người nào nên lễ bái? Tiểu Sa –Di-Ni phải lễ đại Sa-Di-Ni. sa-di, Thức-xoa-Mắt tuệ-Na, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nói, tháp thờ những vị này, tất cả phải lễ bái. Hoặc Sa-di tuổi nhỏ phải lễ bái Đại Sa-di-ni. Thức Xoa-Ma-Na, cho đến Tỳ-kheo và tháp, tất cả nên lễ bái. Tiểu Thức xoa-Ma-Na phải lễ bái Đại Thức xoa-Ma-Na, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni và tháp nên lễ bái. Tỳ-kheo-ni nhỏ tuổi nên lễ bái Tỳ-kheo-ni lớn tuổi, Tỳ-kheo và tháp cũng nên lễ bái. Tỳ-kheo nhỏ tuổi nên lễ bái Đại Tỳ-kheo, thờ của đại Tỳ-kheo cũng nên lễ bái. Trong pháp của Đức Thích-ca đã nói không riêng Bồ-tát tăng, y theo luật trên mà làm, lý không sai lệnh. Văn chép: phải ngồi theo thứ lớp đúng pháp, nghĩa là trên dưới thứ lớp không trái với Phật chế, trong đây các sư hành pháp khác nhau. Thuyết thứ nhất, đều lấy việc thọ giới Bồ-tát làm thứ lớp. Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ thọ giới Bồ-tát sau, Tỳ-kheo một tuổi hạ thọ giới Bồ-tát trước, thì Tỳ-kheo một tuổi hạ ngồi trước, Tỳ-kheo trăm tuổi hạ ngồi sau. Chia loại nam nữ, đen trắng, tôn ti y cứ theo giới trước sau không được lẫn lộn. Nếu binh nô thọ giới trước, quan thọ giới sau thì binh nô ngồi trên, quan ngồi dưới, đã vào trong giới pháp rồi thì không theo địa vị trước kia.

Hai là, nếu người vốn chưa thọ giới Bồ-tát đều ở sau người thọ giới Bồ-tát trước. Nếu tiến đàn thọ giới thì trở lại thứ lớp, như Tỳ-kheo trăm tuổi hạ chưa thọ giới Bồ-tát, Tỳ-kheo một tuổi hạ đã thọ giới Bồ-tát thì Tỳ-kheo một tuổi hạ ngồi trên Tỳ-kheo trăm tuổi hạ chưa thọ giới Bồ-tát. Nếu Tỳ-kheo trăm tuổi tiến thọ thì lại ngồi trên, binh nô hay quan quyền cũng giống như vậy. Nếu binh nô thọ giới trước, quan chưa thọ thì binh nô ngồi trên, quan ngồi dưới, nếu quan tiến thọ thì quan ngồi trên binh nô, đã đồng giới nên tuỳ theo địa vị trước kia. Nếu Sa-di tiến thọ thì ngồi trên Tỳ-kheo-ni trăm tuổi.

Ba là oai nghi ngồi thứ lớp đều lấy pháp Thanh văn làm thứ lớp, bất luận là Thanh văn. Bồ-tát, hễ người thọ giới trước thì ngồi trước.

Nếu Tỳ-kheo Thanh văn mười tuổi hạ, Tỳ-kheo Bồ-tát chín tuổi hạ thì Tỳ-kheo mười tuổi hạ vẫn ngồi trước. Luận Trí Độ chép: Chư Phật phần nhiều dùng Thanh văn làm tăng không riêng Bồ-tát tăng như Bồ-tát Di lạc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, v.v.... vì Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Phật không phân biệt Bồ-tát tăng. Vào trong Thanh văn tăng ngồi theo thứ lớp, văn này chỉ nói người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau, không phân biệt giới Thanh văn, Bồ-tát. Bồ-tát tại gia đã không tính tuổi, đều lấy giới Bồ-tát làm thứ lớp. Nay cho rằng người tại gia cũng nên lấy việc thọ giới làm đầu. Hoặc thọ năm giới Thanh văn, hoặc thọ năm giới Bồ-tát, hễ người thọ giới trước thì ngồi trước. Nếu binh nô thọ giới trước, chủ thọ giới sau thì không được lấy việc thọ giới làm thứ lớp, binh nô và chủ có địa vị khác nhau, vốn không lẫn lộn. Nếu phóng nô làm chủ, nên theo thứ thọ giới, việc làm tở thế gian phần nhiều nương theo thuyết sau, bất luận già trẻ là không theo năm sinh già trẻ. Trong luật, năm sinh của Sa-di làm thứ lớp, năm sinh v.v.... là thọ giới làm thứ lớp văn này đã nói bất luận già trẻ, vì không theo thứ lớp năm sinh của họ. Hai chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều lấy thọ giới làm thứ lớp, không được ni thọ trước thì ngồi trên Tỳ-kheo tăng thọ sau. Nam nữ tôn ti vốn không lẫn lộn, binh nô lấy sức mạnh làm đầu, không theo thứ lớp lớn nhỏ tôn ti trong đạo, Phật pháp không phải như vậy.

9.Giới Phước tuệ thu nhiếp người.

Nếu Phật tử, thường phải giáo hóa tất cả chúng sinh, xây cất tăng phường, nơi núi rừng vườn ruộng, xây dựng tháp Phật, chỗ an cư, ngồi thiền trong mùa đông mùa hạ, tất cả những nơi chốn hành đạo đều nên xây dựng.

Phật tử giảng nói kinh luật Đại thừa cho tất cả chúng sinh. Lúc tật bệnh, nước có nạn, có giặc, ngày, cha, mẹ, anh, em, Hòa thượng, A-xà-lê qua đời và mỗi tuần thất, cho đến bảy tuần thất cũng nên giảng nói kinh luật Đại thừa. Tất cả những trai hội cầu nguyện, những lúc đi làm ăn, những lúc có tai nạn lụt, bão, hoả, hoạn, ghe thuyền trôi giạt trên sông to biển lớn, gặp quỷ la-sát v.v... đều cũng đọc tụng giảng nói kinh luật Đại thừa này, cho đến tất cả tội báo ba đường, tám nạn, bảy tội nghịch, gông cùm xiềng xích trói buộc tay chân, hoặc người nặng về dâm, nặng về sân, nặng về ngu si, thường tật bệnh đều nên giảng nói đọc tụng kinh luật Đại thừa này.

Nếu Phật tử học không thực hành như trên thì phạm tội khinh cấu. Hai việc lành phước và tuệ như chiếc xe hai bánh thiếu một thì

thắng quả khó thành tựu, cho nên Phật chế khiến tu. Đại thừa, Tiểu thừa không cùng chế, bảy chúng đồng học. Trong chánh văn có hai, một là giáo hóa khiến tu phước nghiệp, hai là giảng nói khiến tu trí nghiệp.

Trong phần đầu, thường phải khuyến hóa tất cả chúng sinh, cho đến tất cả nơi chốn chỗ hành đạo đều phải xây dựng nghĩa là tu phước nghiệp tuy có nhiều môn nhưng y cứ vào con người là chủ yếu, nên nói xây dựng nơi chốn nơi hành đạo. Tuỳ sức, tuỳ khả năng khuyến hóa người khác, tự làm thì sức không đủ nhưng không phạm, khiến tu khởi trí. Nên giảng nói kinh luật Đại thừa cho tất cả chúng sinh: nghĩa là tự mình có trí hiểu biết, năng lực ấy có thể giảng nói cho người khác. Nếu tật bệnh v.v.... là nói chỗ khó báo ân, cũng giảng nói cho họ nghe, có nên mười loại, một là nạn bệnh, nghĩa là khi cõi nước có nhiều tật bệnh, hai là cõi nước có nạn, nghĩa là khi vị vua độc ác cai trị ở đời, ba là nạn giặc, nghĩa là khi người nước khác xâm chiếm hung bạo, bốn là lúc những người thân đáng kính qua đời, năm là những lúc đi làm ăn, có bản kinh chép là làm ăn sinh sống, sáu là tai nạn bảo lụt, hoả hoạn, bảy là nạn la-sát, tám là tất cả tội báo, nghĩa là ba báo, tám nạn, cho đến trói buộc tay chân, chín là nặng về phiền não, mười là thường tật bệnh, nghĩa là trong thân bị tật bệnh. Gồm mười việc phải giảng kinh luật, khiến xa lìa các nạn, chuyển các nghiệp chướng, tô điểm thần minh, trí tuệ thêm rộng lớn. Nếu không như vậy thì trái lại thành phạm.

Chín giới trên cần nên học, hết lòng kính trọng vâng giữ, trong phẩm Phạm Đàn có giảng rộng, chín giới này trở xuống là tổng kết chỉ còn lại. Trong giới thứ hai mươi chín, năm giới đầu đều dùng giới pháp nhẫn thọ, bốn giới sau đều dùng tâm từ bi giáo hóa. Trong phần trước, ba giới đầu nói trao giới pháp cho người, hai giới sau giới pháp tự nhiếp. Bồ-tát tự nhiếp khiến người khác theo học, cho nên tự nhiếp chính là lợi tha. Trong ba phần đầu, thứ nhất nói người có pháp khí không phân biệt liền trao, thứ hai là nói người có nghiệp chướng giáo hóa khiến họ sám hối dứt trừ, ba là nói người chưa thọ thì không nói cho họ nghe ngay.

1. Giới thứ nhất, truyền giới không bình đẳng: Nếu Phật tử, lúc cho người thọ giới không được lựa chọn. Tất cả hàng vua chúa, Hoàng tử, các quan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tín nam, tín nữ, dâm nam, dâm nữ, Phạm Thiên trong mười tám cõi sắc, Thiên tử trong sáu tầng trời cõi dục, người thiếu căn, hai căn, huỳnh môn, tôi tớ và tất cả Quỷ thần đều được thọ giới. Tất cả y phục, đồ nằm nên bảo phải hòa các mầu: xanh, đỏ, đen, tím nhộm thành hoại sắc cho hợp với đạo.

Trong tất cả cõi nước tùy theo y phục của người trong nước mặc, y phục của thầy Tỳ-kheo đều phải khác với y phục, người thế tục.

Khi người nào muốn thọ giới Bồ-tát thì vị sư phải hỏi rằng: Trong đời này ngươi có phạm bảy tội nghịch chăng? Bồ-tát Pháp sư không được cho người phạm bảy tội nghịch thọ giới trong đời này.

Bảy tội nghịch là: có tâm ác làm thân Phật chảy máu, hại bậc Thánh, giết cha, giết mẹ, giết Hòa-thượng, giết A-xà-lê, phá Yết-ma tăng, chuyển pháp luân Tăng.

Nếu phạm bảy tội nghịch, thì hiện đời không đắc giới. Ngoài ra tất cả mọi người đều được thọ giới.

Theo pháp của người xuất gia không lạy vua chúa, cha mẹ, sáu thân và quỷ thần.

Hễ ai nhận hiểu lời của Pháp sư thì đều được thọ giới. Mà có người từ trăm dặm, ngàn dặm đến cầu pháp, nếu Pháp sư Bồ-tát vì tâm ác, sân tâm mà không mau truyền giới Bồ-tát cho người ấy, thì phạm tội khinh cấu. Người pháp khí có khả năng lãnh thọ giới pháp phải truyền trao cho họ. Nếu vì giận ghét mà lựa chọn thì trái với nghĩa dìu dắt nên không cho phép lựa chọn. Nếu Bồ-tát, có người đến cầu thọ giới đều không được trái, vì bản thệ đều phái cứu giúp. Thanh văn hứa mà bên trong hối hận thì phạm. Nếu vốn không hứa thì không phạm. Bảy chúng đồng học. Trong kinh nói cho phép vợ chồng làm thầy lẫn nhau, trong văn chép: khi cho người thọ giới không được lựa chọn, cho đến đều được thọ giới. Nêu mười bảy loại đều được thọ giới, không phân biệt là tại gia, xuất gia, Sa-di, Tỳ-kheo, chỉ nói là được thọ. Nếu y theo văn chép dưới đây thì dạy làm khác thế tục, phải chung cho xuất gia. Nhưng phép thọ có hai, nếu y theo luật pháp, từ bốn người thọ, thì phải phân biệt loại vô căn v.v.... Nếu y theo thọ chung ba quy y, ba tụ thì văn hoàn toàn không phân biệt, theo lý nên thọ chung, y theo bán trạch v.v.... cho phép thọ năm giới nhưng ngăn tánh cận sự. Đây cũng nên cho phép thọ giới cụ túc nhưng ngăn tánh Tỳ-kheo v.v... văn không chọn riêng vì nghĩa chuẩn xác, những người có trí nên phải tìm giáo. Nên dạy mặc y ca-sa v.v.... nói huỷ bỏ trang sức tốt đẹp thế tục cho hợp với y phục trong đạo. Nói hoại sắc là làm hoại mầu sắc kia thành mầu không chánh, cho hợp với đạo là vì huỷ sắc đẹp thế tục nên hợp với y phục trong đạo. Đều nhuộm màu xanh, đỏ, đen, tím, vàng thành hoại sắc là năm bộ dị kiến của Tiểu thừa, y phục đều có một mầu. Bồ-tát đối với năm bộ ấy không có sự thiên chấp nên mặc đủ cả năm mầu. Đây nói năm màu như xanh, v.v.... là đều lấy hoại thành xanh v.v... chẳng phải là đại sắc xanh v.v....

cho đến đồ nằm đều dùng hoại sắc là không những ba, y hoại sắc mà tất cả y phục, cho đến đồ nằm cũng giống ba y đều hòa mầu thành hoại sắc. Thân đã mặc y phục cho đến cùng với cõi nước ấy v.v.... y phục khác mầu là làm cho màu khác thế tục, khác y phục thế tục là cách làm cũng khiến cho khác thế tục, hoàn toàn nói Tỳ-kheo không được giống như thế tục. Theo thuyết cũ thì đạo tục đều phải hoại sắc là sai, người muốn thọ giới Bồ-tát v.v.... thì phải lựa chọn từ bỏ trọng chướng để thành pháp khí thanh tịnh. Bảy tội nghịch là người có chướng nặng, nếu hiện đời thực hành thì không thể thành pháp khí lãnh thọ giới pháp. Nếu tác pháp cho thọ thì không thể nào được, cho nên phải phân biệt.

Trong mười ba nạn phải lấy ra năm tội nghịch và thêm vào giết hại thầy là bảy tội nghịch. Bảy tên tội ấy là: làm thân Phật chảy máu, giết cha, giết mẹ, giết Hòa-thượng, giết A-xà-lê, phá Yết-ma tăng, chuyển pháp luân tăng, giết bậc Thánh. Phá Yết-ma Tăng, chuyển pháp luân tăng là chỉ phá pháp luân tăng thì mang tội nghịch. Nếu phá Yết-ma Tăng thì chẳng phải tội nghịch, khi phá Yết-ma tăng vì không muốn tranh tác khởi lên dị kiến. Nhưng khi phá pháp luân vì Yết-ma hoại nên nói rằng phá Yết-ma chuyển pháp luân tăng. Luận giải thích phá pháp luân tăng vốn là tội nghịch, nếu phá Yết-ma thì phải phân biệt. Nếu khởi là pháp tưởng phá thì chẳn phải nghịch. Nếu dùng phi pháp tưởng phá, đối với Thanh văn chẳng phải nghịch, đối với Bồ-tát là nghịch. Đây cũng nên như vậy. Giết bậc Thanh là lấy chung bậc Học và Vô học, không giống ngũ nghịch chỉ lấy việc giết hại bậc Vô học. Bồ-tát Thanh văn đối nhau phân biệt là nạn hay chẳng phải nạn, nên tạo ra bốn câu. Câu thứ nhất: Đối với Thanh văn là nạn, chẳng phải Bồ-tát, nghĩa là trong mười ba trừ năm tội nghịch còn lại tám, câu thứ hai là Đối với Bồ-tát là nạn, chẳng phải Thanh văn, nghĩa là trong bảy tội nghịch giết bậc thánh Hữu học, phá Yết-ma tăng. Nếu giết hại thầy là nạn chẳng phải nghịch, tám biên tội đối với Thanh văn kia cũng là thuộc về nạn, giết bậc Thánh hữu học là người từng thọ giới, là nạn tám biên tội. Người chưa từng thọ giới thì chẳng phải nạn, câu thứ ba cả hai Thanh văn và Bồ-tát đều là nạn, nghĩa là năm tội nghịch, đều phi nạn là trừ việc nói trên. Nếu đủ bảy già nạn thì thọ không đắc giới: vì bảy tội nghịch trên có công năng giá giới, gọi là già, có hai nghĩa: một là đủ duyên thành nghiệp nên gọi là cụ, phân biệt kia thiếu duyên không đủ, hai là ở trong một thân chứa đủ bảy tội nghịch, nghĩa là người có thọ giới cụ túc làm đại Tỳ-kheo ở trong thân chứa đủ bảy tội nghịch, nếu người chưa từng thọ giới cụ túc, trừ tội nghịch giết hai thầy và phá tăng.

Hỏi: Nếu y cứ vào nghĩa sau, không có bảy tội nghịch lẽ ra cũng được thọ?

Đáp: Không được, vì có rất nhiều thuyết cho rằng đủ bảy già nạn thì hiện đời không đắc giới, chẳng phải phạm mỗi tội nghịch không thành chướng già nạn. Nếu không như vậy thì sau khi Phật diệt độ không cần phải hỏi vì nói không phá tăng và làm thân Phật ra máu. Theo pháp người xuất gia thì không lạy vua chúa cho đến quỷ thần là chỉ cho tôn trọng đạo kia, nói người xuất gia là phân biệt với tại gia kia, Bồ-tát tại gia đã tuỳ theo thế tục tuy lễ bậc tôn quý cũng không phạm. Quỷ thần là vì cầu phước nên lễ bái Quỷ thần thế gian. Hoặc người thọ giới tuy thế tục không cho phép. Hoặc biết rõ kia quyền hiện quỷ thần, Bồ-tát thế tục lễ cũng không phạm, nhưng hiểu lời nói của Pháp sư v.v.... đều trái thành phạm.

2.Giới làm thầy phải có đủ đức:

Nếu Phật tử, giáo hóa người sinh tâm kính tin pháp Đại thừa, Bồ-tát làm Pháp sư chỉ dạy cho người. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ-tát, nên bảo người ấy thỉnh hai Đại sư là Hòa-thượng và A-xà-lê.

Phải hỏi người ấy có phạm tội bảy tội nghịch hay không? Nếu người ấy hiện đời có phạm bảy tội nghịch, thì Pháp sư không được cho người ấy thọ giới. Nếu không phạm bảy tội nghịch thì cho thọ giới. Nếu có phạm trong mười giới trọng phải bảo người ấy sám hối, đối trước tượng Phật và Bồ-tát. Ngày đêm sáu thời tụng giới Bồ-tát, tha thiết đảnh lễ Chư Phật ba đời, cho được thấy điều lành. Sám hối như thế trong bảy ngày, mười bốn ngày, hai mươi mốt ngày cho đến suốt năm, cho đến chừng nào thấy được điều lành. Điều lành là thấy các thứ cảnh tượng lạ như Đức Phật đến xoa đầu, thấy các hoa báu, v.v... Thấy được những điều lành ấy là chứng tỏ tội đã tiêu diệt. Nếu không thấy được điều lành thì dầu có sám hối vẫn vô ích. Người này hiện đời cũng không đắc giới, nhưng tạo nhân duyên cho việc thọ giới.

Nếu là người phạm trong bốn mươi tám điều giới khinh, đối thú sám hối, thì tội được tiêu diệt chẳng phải như bảy tội nghịch.

Vị Pháp sư giáo giới đối với các pháp này phải hiểu rõ. Nếu không hiểu kinh luật Đại thừa, các giới khinh giới trọng, hành tướng đúng, không đúng; không hiểu Đệ nhất nghĩa đế, tập chủng tánh, trưởng dưỡng tánh, tánh chủng tánh, bất khả hoại tánh, đạo chủng tánh, chánh pháp tánh, các quán hạnh nhiều ít, hơn kém trong các pháp đó, cùng mười chi thiền, tất cả pháp hạnh, mỗi pháp đều không thông hiểu. Phật

tử vì tài lợi, danh tiếng, cầu sai lầm, cầu nhiều, tham đệ tử đông nên làm ra vẻ là mình hiểu biết tất cả kinh luật, để được cúng dường, đó là tự dối mình mà cũng lừa dối người khác. Nếu cố làm Giới sư truyền giới cho người, Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Bên trong không thông hiểu mà vì lợi dối làm thầy truyền giới cho người là có lỗi lừa dối người cho nên cấm. Đại thừa Tiểu thừa đều cấm. Trong bảy chúng, xuất gia đều gồm cả tại gia vì tại gia cũng có pháp làm thầy lẫn nhau. Trong văn chép: Giáo hóa người sinh tâm tin tưởng Pháp Đại thừa, nghĩa là giáo hóa người khiến họ sinh tâm kính muốn thọ giới Bồ-tát. Bồ-tát làm Pháp sư chỉ dạy người nghĩa là làm thầy truyền giới cho người, nên chánh chế Hòa-thượng, vì từ đầu đến cuối thân giáo là Hòa-thượng. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ-tát nên bảo người ấy thỉnh hai đại Sư nghĩa là tự chưa được thỉnh nên bảo thỉnh làm Hòa Thượng. Lại phải có một vị làm thầy yết-ma, lại bảo thỉnh một vị làm A-Xà-Lê, tức là A-Xà-Lê yết-ma, nghĩa đồng với Pháp thọ Sa-di của Thanh văn, nhưng pháp vẫn chung cho năm chúng vì thọ giới không phân biệt.

Hỏi: Trong văn thọ giới của Bồ-tát Địa không nói thỉnh hai thầy, văn tương tự chỉ thỉnh thầy yết-ma, không có văn thỉnh Hòa-thượng, vì sao hai văn nói khác nhau?

Đáp: Lẽ ra phải đủ thỉnh hai thầy, nhưng trong văn kia không thỉnh Hòa-thượng có lẽ là thỉnh trước làm thân giáo Sư, vì thế không phải đến lúc thọ mới thỉnh, hoặc là một vị gồm đủ hai việc, nghĩa là làm Hòa-thượng và A-Xà-Lê, cho nên văn kia không thỉnh riêng. Hai thầy phải hỏi lời dưới đây, nói muốn đem pháp thọ già nạn. Hỏi là hai thầy đồng thời hỏi hay một người hỏi, một người thì ai nên hỏi? Đáp: Nếu thỉnh hai vị thì A-Xà-Lê nên hỏi, vì chính làm người yết-ma. Nếu thỉnh một người làm hai thầy thì không trở ngại. Tội được hỏi có ba loại; một là tội bảy nghịch thường không được thọ; hai là mười tội trọng nếu sám hối thấy điều lành thì được thọ, không thấy điều lành thì không đắc giới. Nay mười giới trọng nầy nếu sám hối thấy điều lành, không tác pháp thọ cũng được bản giới. Nếu không sám hối trừ diệt thì lẽ ra được nên tăng thọ; ba là bốn mươi tám tội khinh chỉ cần đối thú sám hối không cần tăng thọ. Nếu không thấy điều lành dù có sám hối cũng vô ích, nghĩa là không diệt tội được lợi ích của giới thì hiện đời cũng không đắc giới. Theo thuyết cũ, chẳng nhưng không đắc bản giới mà cũng không được tăng thêm giới. Nay là ngăn do sám hối mà được, không ngăn do thọ mà được, nhưng được tăng thọ giới. Thuyết cũ chia làm ba

phần giải thích nghĩa là không đắc mà gượng thọ lại càng tăng thêm tội thọ giới vì trái với lời dạy của Phật; hai là tuy không đắc giới nhưng được tăng phước thọ giới; ba chỉ là lời kinh, sợ quỳ không được. Nay cho rằng được tăng thọ giới có lẽ là lời trùng thọ, nghĩa là phạm mười tội trọng không được thấy điều lành, dù hiện đời không được bản giới nhưng được thêm trùng thọ giới mới, cho nên phải biết. Kinh Anh Lạc chép: Mười giới trọng có phạm không sám hối được trùng thọ giới, tám muôn giới oai nghi đều gọi là khinh, có phạm được hối lỗi, đối thú sám hối diệt tội. Bồ-tát Địa chép: Nếu các Bồ-tát do việc hủy phạm này mà xả bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát. Đối với pháp hiện tại có khả năng lại thọ, chẳng thể không có khả năng, như Bí-sô trụ giới biệt giải thoát phạm pháp tha thắng xứ, đối với hiện pháp không có khả năng lãnh thọ. Phần Quyết Trạch chép rằng: Do nhân duyên này nên biết xả bỏ luật nghi Bồ-tát, nếu có tâm thọ thì lại được thanh tịnh, được phép thọ lại. Do các văn đây mà biết, giới Bồ-tát tuy phạm trọng xả nhưng được thọ lại. Nếu phạm bốn mươi tám giới khinh đối thủ sám tội hối, nghĩa là đối thủ một người sám hối diệt tội lại được thanh tịnh. Thú cũng gọi là đối thú, nghĩa là đối trước một người chắp tay sám hối tạ tội, đầu mặt tương đối nhau, trình bày tội để sám hối nên gọi là Đối thú. Bồ-tát Địa chép rằng: Lại giới Bồ-tát này, tát cả trái phạm phải biết đều là thuộc về ác tác, phải đối trước người có năng lực, lời nói tiêu biểu nghĩa, có khả năng học, có khả năng thọ Bổ-Đặc-già-la của Tiểu thừa, Đại thừa Phát lồ sám hối diệt tội. Nêu y theo văn này thì Thanh văn cũng được thọ Bồ-tát sám hối. Lại chép rằng: Nếu các Bồ-tát trái phạm phẩm triền ở trên, như pháp tha thắng xứ ở trên mất giới luật nghi, phải nên thọ lại. Nếu trái phạm trung phẩm triền, như pháp tha thắng xứ trên thì mất giới luật nghi, nên phải thọ lại. Hoặc trái phạm trung phẩm triền, như pháp tha thắng xứ ở trên thì phải đối trước ba Bổ Đặc Già la, hoặc hơn số ấy, phải phát lồ đúng như pháp dứt trừ pháp ác tác. Trước tiên phải nêu tên việc đã phạm. Phải nói như vầy: Trưởng lão chuyên chí, hoặc nói bạch Đại đức tôi tên là v.v.... trái vượt pháp tỳ-nại-da của Bồ-tát, như việc đã nêu phạm tội ác tác. Ngoài ra như Bí-sô phát lồ sám hối diệt tội ác tác phải nói như vầy: Nếu triền hạ phẩm trái phạm như pháp Tha thắng xứ ở trên và trái phạm khác nên đối với một Bổ-Đặc-già-la phát lồ sám hối, nên biết như trước. Nếu không thì thuận theo Bổ-Đặc-gia-la có thể phát lồ sám hối dứt trừ tội dã phạm. Bấy giờ, Bồ-tát dùng định ý lạc khởi tâm tự thệ, tà mạng nên quyết định phòng hộ tương lai không hề phạm trọng, đối với tội đã phạm lại được thanh tịnh, không đồng

với bảy già nạn, là mười tội trọng sám hối được thọ lại, bốn mươi tám tội khinh sám hối được thanh tịnh, vì thế không giống như bảy già nạn, vốn hiện đời không được thọ. Vị thầy giáo giới trở xuống là chế giáo sư giáo giới đối với pháp này phải hiểu rõ, không hiểu kinh luật Đại thừa, những giới khinh giới trọng, hành tưởng đúng, không đúng: nghĩa là không hiểu giáo pháp, đối với luật biết khinh trọng, đối với kinh biết đúng sai, nghĩa là mười giới là trọng, bốn mươi tám giới là khinh. Lại nhiễm phạm là trọng, không nhiễm là khinh, cố làm là trọng lầm làm là khinh, ấy gọi là tướng khinh trọng. Thuận theo lý là đúng, trái lý là sai, Đại thừa là đúng, Tiểu thừa là sai, sở đoạn là sai, sở tu là đúng, ấy là tướng phải trái. Không hiểu Đệ nhất nghĩa đế nghĩa là không hiểu lý pháp. Địa luận đã nói bốn thứ chân thật v.v... gọi là Đệ nhất nghĩa. Hoặc tập chủng tính, v.v... nghĩa là không hiểu hành pháp. Tập chủng tánh là Thập phát thú, trưởng dưỡng tánh là thập trưởng dưỡng, bất khả hoại tánh là Thập kim cương, ba loại này chính là ba bậc hiền địa tiền, đạo tánh là Thập địa, chánh tánh là Phật địa. Trong kinh Bản Nghiệp gồm sáu thứ tánh đó là Tập chủng tánh, Tánh chủng tánh, Đạo chủng tánh, Thánh chủng tánh, Đẳng Giác tánh, Diệu Giác. Trong Đạo tánh gồm nhiếp Đẳng giác, nên ở đây chỉ có năm. Lại Đạo tánh nhập vào Đạo chủng tánh, chánh tánh gồm nhiếp thập địa kia, Đẳng Giác tánh và Diệu Giác tánhk thể hoại, ngoài tánh có lập riêng. Đạo tánh là sau Thập hồi hướng lại tu bốn gốc lành thì vào Cận phương tiện của Thánh Đạo, nên lập riêng. Trong đó ít nhiều quán hạnh ra vào mười chi thiền, tất cả hành pháp mỗi pháp đều không được pháp này. Trung nghĩa là ở trong định môn không được ý thú. Mười chi Hiền, trong kinh quyển thượng chép: Mười tâm, tâm thứ mười chép rằng: Mười chi thiền trong 800 tam-muội mà không có tên riêng, không nói rõ là tại sao. Bản cũ chép: trong mười tám chi thiền trừ đồng chấp dị nên thành mười chi, nghĩa là Sơ thiền có năm: giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm, Nhị thiền trong bốn chi chỉ chấp nội tịnh, thêm năm phần trước là sáu, trừ ba chi phần khác giống như sơ thiền nên không chấp, Tam thiền trong năm chi chỉ chấp xả,niệm, an tuệ, thêm vào sáu phần trước là chín, hai phần khác giống như trước nên không chấp. Tứ thiên, bốn chi chỉ chấp không khổ không vui, thêm chín chi trước là mười, ba chi khác giống với các chi trước nên không chấp mà Phật tử, v.v... không đủ đức mà làm thầy thành ra phạm. Có gì khác với mười tám giới; một là trước chế vì mới thọ phải có sự hiểu rõ. Ở đây chế vì người phạm tội trọng cần phải hiểu rõ; hai là trước chế không hiểu liền trao, phần nhiều là nắm giữ phần cuối. Ở

đây chế vì lợi mà vọng trao, phần nhiều là việc làm của những người không hổ thẹn, nay thì trước thuộc về môn nhiếp thiện, nay chế trong môn lợi sinh.

3. Giới nói giới mà lựa chọn người.

Nếu phật tử, không được vì tài lợi mà nói đại giới của Chư Phật cho người chưa thọ giới Bồ-tát nghe, hoặc nói cho ngoại đạo, những người tà kiến v.v.... nghe. Trừ vua chúa, ngoài ra không được nói với tất cả hạng người ấy. Những hạng người ấy chẳng thọ giới Phật, gọi là súc sinh, đời đời sinh ra không gặp được Tam Bảo, như cây đá không có tâm thức; gọi là ngoại đạo, tà kiến, nào khác cây cối. Với những hạng người tà ác ấy, nếu Phật tử giảng nói giới Pháp của Chư Phật thì phạm tội khinh cấu: Tôn trọng lý của giới pháp thì phải chọn Pháp khí, người không phải Pháp khí mà nói ngay sẽ sinh tội lỗi, nên Phật cấm để dứt trừ. Đại thừa tiểu thừa đều chế, bảy chúng cũng đồng. Bồ-tát Địa chép rằng: Lại nữa các Phật tử đã thọ giới Bồ-tát, tuy đã thọ trì đầy đủ rốt ráo nhưng đối với người hủy báng tạng Bồ-tát không tin hữu tình không hề xem thường, công khai bày tỏ khai ngộ. Vì sao? Vì khi họ nghe rồi lại không thể tin hiểu, phần nhiều không biết chỗ che lấp làm chướng ngại liền khởi tâm phỉ báng. Vì phỉ báng nên như trụ định giới luật nghi của Bồ-tát, thành tựu vô lượng đại công đức tạng. Người phỉ báng kia cũng bị vô lương tội nghiệp tạng to lớn theo bên mình. Cho đến tất cả ác ngôn, ác kiến, ác tư duy chưa xả bỏ hẳn, không bao giờ xa lìa. Trong văn chép: Không (687) được vì tài lợi mà nóii đại giới của Chư Phật nầy cho người chưa thọ giới Bồ-tát, cho đến những người tà kiến v.v... nghe, nếu không vì tài lợi, mà muốn cho người sắp thọ biết được giới tướng thì dù nói cũng không phạm. Địa luận chép rằng: Lại các Phật tử, khi muốn truyền giới Bồ-tát cho người thì trước phải nói pháp tạng Ma-Đát-Lý-Ca và học xứ của Bồ-tát khiến họ nghe nhận. Dùng trí tuệ quán sát ý lạc của mình, có thể nhớ nghĩ lựa chọn, thọ giới Bồ-tát. Không phải chỉ khuyên người, không phải chỉ hơn người, phải biết đó gọi là Bồ-tát vững chắc, có khả năng thọ tịnh giới luật nghi của Bồ-tát để thọ giới pháp đúng như chánh thọ. Nên biết là tin người muốn thọ giới, tuy lúc chưa thọ cũng được nói trước, không phải như Thanh văn khi thọ rồi mới nói. Người chưa thọ giới Bồ-tát, nếu không có dị kiến, vì chưa thọ cho nên không được nói cho họ nghe. Thanh văn thọ giới cụ túc rồi mà chưa thọ giới Đại thừa lẽ ra cũng không được nói cho họ nghe ngay, kẻ ác ngoại đạo là người dị kiến. Đại tà kiến: là người hủy báng. Chỉ Trừ

vua chúa: là vua được tự tại, thành hay bại đều do vua chúa, lại làm cho tâm ấy biết Pháp thanh tịnh nên được nói cho vua chúa nghe. Những hạng người ác ấy v.v... là lời quở người không thọ giới của Phật. Nếu Phật tử giảng nói giới pháp của Chư Phật thì thành phạm. Không có tâm thọ giới đều gọi là người ác. Kinh Thiện Giới chép: Nếu Tỳ-kheo vì tìm tội lỗi mà nghe giới Bồ-tát, không tín thọ giáo, không thành tựu giới Ưu-bà-tắc, không thành tựu giới Sa-di, không thành tựu giới Ba-la-đề-mộc-xoa, không được nghe giới Bồ-tát, nghe thì phạm tội. Nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, không hổ thẹn, không sám hối mà nghe giới Bồ-tát thì phạm tội tăng tàn. Nếu phạm Tăng tàn mà không hổ thẹn, không sám hối, nghe giới Bồ-tát bị tội Ba-la-di, nghĩa là mười tám giới trọng nếu có người nói thì bị tội tăng tàn, cho nên trong kinh nói rằng người không tin thì không được nghe, người không tin không được nói.

4. Giới Cố móng tâm phạm giới.

Nếu Phật tử do đức tin mà xuất gia, thọ chánh giới của Phật, lại cố móng tâm phạm giới, thì không được nhận đồ cúng dường của tất cả đàn việt, cũng không được đi trên đất của quốc gia, không được uống nước của quốc gia. Năm ngàn đại quỷ thường đứng án trước mặt người đó mà gọi là ” tên giặc nguy hiểm”. Nếu khi bước điều lành, vào phòng nhà, thành ấp, các quỷ thường theo chà quét dấu chân người ấy. Tất cả người đời đều mắng người ấy là tên trộm trong Phật pháp. Tất cả chúng sinh đều không muốn nhìn ngó người ấy. Người phạm giới khác nào loài súc sinh, cây cỏ. Nếu cố phá huỷ giới pháp của Phật, Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Hai giới dưới đây là giải thích tự nhiếp.

Trong đó. Giới đầu giải thích về nhiếp giới hạnh, giới sau phân biệt nhiếp giới giáo, hủy phạm tịnh giới, giả vờ làm tín thí, mình tự thêm tội, đối với người thì tổn phước, nên Phật chế để dứt trừ. Đại thừa Tiểu thừa đều chế, nhưng trong pháp Thanh văn không thấy kết tội hủy giới mà thọ cúng. Đại Sĩ vì tổn mình lợi sinh nên kết tội riêng ở trong năm chúng. Văn chép: Do đức tin mà xuất gia, nghĩa là tùy theo tội đã phạm mà kết bản tội, mình đã thêm tội hủy phạm mà thọ thí, bản tội đã phạm chung cho cả khinh trọng chỉ trừ thượng triền mất giới.

Do đức tin xuất gia thọ chánh giới của Phật: là do xuất gia thọ giới, xứng đáng là ruộng phước, chỉ nói riêng xuất gia. Cố khởi tâm hủy phạm Thánh giới: là giới Phật chế đều gọi là Thánh giới, biết mà cố tình trái phạm gọi là cố khởi tâm. Vì suy nhược thọ thể nên nói là hủy

phạm. Không được nhận lãnh đồ cúng dường của tất cả đàn Việt: giới ruộng Phước đã hủy, không nên thọ lãnh cúng dường. Năm ngàn đại qủy luôn đứng án trước mặt: vì không phải phần mình mà mạo nhận nên bị phi nhân quở trách. Tất cả người đời quỡ người ấy là tên trộm trong Phật pháp, v.v... Vì luống uổng của tín thí nên bị người đời quở mắng.

5. Giới không cúng dường kinh luật.

Nếu phật tử, phải thường nhất tâm thọ trì đọc tung kinh luật Đại thừa, dùng giấy, vải hàng lụa, thẻ tre, vỏ cây cho đến lột da làm giấy, chính máu làm mực, dùng tủy làm nước, chẻ xương làm viết để biên chép kinh luật, dùng vàng bạc, và hoa hương vô giá và tất cả châu báu làm hộp rương đựng các quyển kinh luật. Nếu không y theo pháp mà cúng dường kinh luật thì Phật tử này phạm tội khinh cấu. Pháp là khuôn mẫu mở mang tinh thần, vâng giữ phải tôn kính. Nếu không cố giữ gìn đúng như Pháp thì trong việc làm có nhiều thiếu sót nên Phật chế phải cung kính. Bảy chúng đồng học, Đại thừa Tiểu thừa không cùng học. Văn chép gồm có năm loại; một là thọ trì; hai là đọc; ba là tụng; bốn là biên chép; năm là cúng dường. Trong phần thứ tư lột da làm giấy, v.v... là nếu được tâm bền chắc không lay động thì nên làm, nếu không như vậy thì không cần phải làm, chỉ nên khởi tâm nguyện là cây, da, giấy, lụa v.v... tuỳ theo khả năng cần phải làm. Trong Bồ-tát Địa, trong ba phần chế chung nên Văn kia chép: Nếu các Bồ-tát đối với tịnh giới luật nghi trong mỗi ngày, hoặc đối với Như lai, hoặc xây dựng nhiều ngôi tháp để thờ Như lai, hoặc đối với chánh Pháp, hoặc vì chánh Pháp mà in ấn kinh sách. Cái gọi là chư Bồ-tát Tố-Đát-Lãm Tạng Ma-Đát-Lý-Ca. Hoặc đối với Tăng-già: nghĩa là các cõi mười phương đã vào đại địa các chúng Bồ-tát. Nếu không cho là hoặc ít hoặc nhiều các vật cúng dường để cúng dường, dưới cho đến dùng thân lễ một lễ cung kính, hoặc dùng một loài kệ bốn câu khen ngợi công đức chân thật của Phật, Pháp, Tăng. Hoặc đem tâm thanh tịnh tuỳ niệm công đức chân thật của Tam Bảo.

Luống qua ngày đêm gọi là Phạm, có sự trái vượt. Hoặc không cung kính lười biếng uể oải mà trái phạm, là nhiễm ô trái phạm. Hoặc nhầm lẫn thất niệm mà trái phạm, là phi nhiễm trái phạm. Không trái phạm là tâm cuồng loạn. Nếu đã chứng nhập tịnh ý lạc địa thì thường không trái phạm. Do Bồ-tát được thanh tịnh ý lạc, như Tỳ-kheo đã được chứng tịnh, Pháp nhĩ như vậy, đối với Phật Pháp Tăng, thừa sự cúng dường phẩm vật tối thắng. Kinh Thiện Sinh chép: Nếu dâng lên y bát,

cúng dường Phật, và cho cha mẹ Sư trưởng thọ dùng trước sau đó mới tự dùng. Hoặc dâng lên cúng Phật, phải dùng hương hoa để chuộc.

6. Giới phải dắt dẫn với tâm từ bi.

Nếu Phật tử, nên có tâm đại bi, khi vào trong tất cả nhà cửa, thành ấp, thấy các loài chúng sinh, phải xướng lên rằng:” Các ngươi đều nên thọ ba quy y và mười giới”. Nếu gặp trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê v.v... phải tâm nghĩ miệng nói rằng:” Các ngươi là súc sinh nên Phát tâm Bồ-đề”, khi Phật tử đi đến núi rừng, sông, đồng nội cùng tất cả chỗ, đều làm cho hết thảy chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

Nếu Phật tử không phát tâm giáo hóa chúng sinh thì phạm tội khinh cấu.

Bốn giới dưới đây là dùng tâm từ bi giáo hóa, trong hai giới đầu nói từ bi nhiếp hóa chúng sinh, hai giới sau phân tích dùng sự cung kính giữ gìn chánh pháp, vì Pháp trụ người được lợi ích nên tuy hộ pháp tức là giáo hóa người. Trong hai giới đầu, giới đầu nói xướng đạo giáo hóa, giới kế là phân tích thuyết giáo hóa. Thấy chúng sinh không giáo hóa thì trái với hạnh nhiếp rộng nên phật chế. Xuất gia tại gia đồng học, đại thừa tiểu thừa không mất, vì Thanh văn vốn không gồm việc cứu giúp. Văn chép: Nên có tâm đại bi là thương xót chúng sinh luôn đắm chìm trong biển khổ, nên muốn cứu vớt họ ra khỏi. Hoặc lúc vào tất cả nhà cửa, v.v... trong tâm khởi đại bi phát ngôn xướng đạo. Mười giới là giới mười nghiệp đạo lành, hoặc là mười giới vô tận của Bồ-tát. Thấy các loài súc sinh khiến phát tâm Bồ-đề: trong súc sinh có loài thông minh nhận hiểu được, hoặc tuy đương thời có thể nhận hiểu, tiếng pháp trong sáng lọt vào lỗ lông thì xa làm nhân duyên Bồ-đề.

7. Giới có tâm cung kính nói pháp.

Nếu Phật tử, thường nên có tâm đại bi phát tâm giáo hóa. Lúc vào nhà đàn việt sang giàu và tất cả chúng hội, không được đứng nói pháp cho người tại gia nghe, phải ngồi trên tòa cao trước chúng tại gia.

Vị Tỳ-kheo Pháp Sư không được đứng dưới đất nói Pháp cho bốn chúng. Khi nói Pháp, Vị Pháp Sư ngồi trên tòa cao, hương hoa cúng dường, còn bốn chúng thính giả thì ngồi dưới. Đối với Pháp sư phải như hiếu thuận cha mẹ, kính thuận Sư trưởng như Bà-La-môn thờ lửa. Nếu Phật tử nói Pháp mà không đúng Pháp thì phạm tội kinh cấu: Đứng bên đường mà nói, có lỗi khinh Pháp nên Phật chế dứt trừ, bảy chúng đồng học. Văn chép: Tỳ-kheo tại gia là nghĩa Sư Phạm, Đại thừa tiểu thừa

cùng chế. Trong văn chép: Nên có tâm đại bi giáo hóa là việc dùng tâm đại bi giáo hóa lợi ích chúng sinh, lý nên nghiêm kính, sinh ra pháp lành, không nên khởi tâm sai trái khinh thường. Đối với tất cả chúng sinh trở xuống chính là nói nghi thức nói Pháp, trong đó có hai; một là nói nghi thức nói Pháp cho người tại gia; hai là nói nghi thức nói pháp cho tứ chúng. Theo luật thì người nằm rồi ngồi, hoặc là che đầu, ném gậy, v.v... đều phải đồng chế. Nhưng hiếu thuận với cha mẹ là tôn kính người, như Bà-La-Môn thờ lửa: là trọng pháp.

8. Giới không lập ra chế hạn tội ác.

Nếu Phật tử, đều đã có lòng tin thọ giới của Phật, hoặc vua chúa, Hoàng tử, các quan, bốn bộ đệ tử ỷ thế lực cao quý, phá diệt giới, luật của Phật Pháp, lập ra điều luật, hạn chế bốn bộ đệ tử Phật, không cho xuất gia hành đạo, cũng không cho đúc tạo hình tượng Phật và Bồ-tát cùng tháp và kinh luật. Lại lập ra chức quan đổng lý hạn chế bốn chúng, và lập bộ sổ ghi số tăng, Tỳ-kheo Bồ-tát đứng dưới đất còn người tại gia ngồi tòa cao, làm nhiều việc phi Pháp như binh nô thờ chủ. Các Bồ-tát này lẽ ra được mọi người cúng dường mà rái lại bắt làm tay sai của các quan chức, đó là phi pháp phi luật.

Nếu vua chúa và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật, chớ làm những tội phá Tam Bảo ấy. Nếu cố làm, thì phạm tội khinh cấu. Hai giới sau đây là cung kính giữ gìn chánh pháp, giới đầu ngăn việc ác cho nên chế, giới sau là giữ gìn chánh giáo, trong phần đầu trái sự lập chế của Phật là nhân duyên phá Pháp, nên cấm để dứt trừ. Hoa Nghiêm chép: chẳng thể trước không chế, không còn tạo lập, chính là ở đây. Đại thừa tiểu thừa đều chế, bảy chúng cùngngăn ngừa. Trong văn chép, đều đã có lòng tin thọ giới của Phật: nghĩa là khi thọ giới đều dùng lòng tin. Hoặc vua chúa, v.v...:nghĩa là biến trì tà mạn, phá diệt Phật Pháp. Do hai nhân duyên phá diệt Phật Pháp: một là lập chế phi pháp; hai là không cho xuất gia hành đạo, v.v... Tội phá Tam Bảo là người ngu si Phá Tam Bảo nên gọi là người phá Pháp. Do phi chế mà chế, chế ấy liền dứt.

9. Giới kính mến chánh Pháp.

Nếu Phật tử do lòng tốt mà xuất gia, lại vì danh tiếng và tài lợi mà giảng nói giới của Phật cho vua chúa và các quan nghe, làm những việc gông trói các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người thọ giới Bồ-tát, như cách của ngục tù và binh nô. Như giòi trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chớ chẳng

phải giòi ở ngoài đến ăn. Cũng thế, các Phật tử tự phá hủy Phật Pháp, chứ không phải ngoại đạo hay mắt tuệ trời phá được.

Người đã thọ giới của Phật, nên giữ gìn giới luật của Phật như ấp yêu con một, như kính thờ cha mẹ, không được hủy phá.

Người Phật tử khi nghe ngoại đạo và người ác dùng lời xấu hủy báng giới pháp của Phật thì đau đớn không khác nào cả ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình, hay cả ngàn lưỡi dao, cả muôn cây gậy đánh bổ vào thân mình, thà tự chịu đọa vào ở địa ngục đến trăm kiếp, chớ không muốn nghe lời hủy báng giới pháp của Phật của bọn người ác, huống chi không có lòng hiếu thuận, tự mình hủy phá giới pháp của Phật, hay làm nhân duyên bảo người khác hủy phá. Nếu cố phá giới pháp, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Giới pháp bí mật, người thế tục chẳng nên nghe, lý phải ưa thích giữ gìn, giống như cha mẹ hay con một của mình, mà ở trước người thế tục chưa có lòng tin lại vọng nói giới bí mật quan trọng của Phật, lại làm những việc trói buộc, lại khởi những việc gai góc đối với chánh Pháp, Pháp suy người đọa đều do đây, nên Phật chế phải cung kính hộ trì. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế, bảy chúng đồng học. Trong văn chép do lòng tốt xuất gia: nghĩa là khi xuất gia vốn có lòng tốt kính mến Phật pháp, lại vì danh tiếng, v.v... trái với lòng tốt, chạy theo danh lợi. Ở trước vua chúa và các quan nói giới của Phật: là tâm đuổi theo miếng mồi hôi thối, cho là lời Thánh, làm những việc trói buộc các Tỳ-kheo v.v... là vì người thế tục nghe giới của Phật, rút tỉa những điều Phi lý, gây ra những sự trói buộc ngang trái. Như giòi trong thân sư tử, v.v... dẫn dụ quở trách phá Pháp do tự Phật tử chứ không do ngoại đạo, ma trời. Nếu người thọ giới của Phật, v.v.... khuyên nhủ phải kính trọng che chỡ, huống chi tự phá, v.v... là trái phạm.

Chín giới như vậy, cần nên học, hết lòng kính trọng vâng giữ. Tám giới như thế phải tổng kết kính trọng vâng giữ.

Phật dạy: Nầy các Phật tử! Đó là bốn mươi tám điều giới khinh, các ngươi phải thọ trì. Các Bồ-tát thuở qua khứ đã tụng, các Bồ-tát thuở vị lai sẽ tụng, các Bồ-tát hiện tại đang tụng.

Các Phật tử lóng nghe! Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh nầy, Chư Phật trong ba đời đã tụng, sẽ tụng và đang tụng, nay ta cũng tụng như vậy.

Phật dạy tiếp: Tất cả đại chúng như vua chúa, các quan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tín nam tín nữ, v.v... những người thọ trì giới Bồ-tát, nên phải thọ trì, đọc tụng, giảng nói biên chép quyển giới Pháp Phật tính thường trụ để tryền bá mãi mãi. Tất cả chúng sinh xoay vần truyền dạy

cho nhau không dứt, được gặp Chư Phật, được Chư Phật duỗi tay, đời đời thoát hẳn ba đường ác và tám chỗ nạn, thường được gá sinh trong loài người hay cõi trời.

Nay ta ngồi dưới cội Bồ-đề này, lược giảng giới Pháp của Chư Phật, tất cả đại chúng phải nhất tâm học Ba-la-đề-mộc-xoa vui mừng vâng giữ.

Như phần khuyến học trong phẩm " Vô Tướng Thiên Vương" mỗi điều đều giảng rõ.

Lúc đó, các vị Học Sĩ trong cõi Tam thiên ngồi lóng nghe Đức Phật tụng giới, hết lòng kính trọng, vui mừng thọ trì. Phật tử lóng nghe v.v... là phần lưu thông, trong đó có hai; một là trao pháp để giữ gìn; hai là kết chung giáo hóa khác. Trong phần đầu có ba; một là mệnh lệnh cho chúng, tức là Phật tử lóng nghe; hai là chánh thức Phó chúc; ba là lúc đó các vị học sĩ trong cõi Tam thiên là chúng đường thời kính trọng. Trong chánh phó có hai; một là giới kinh khiến thọ trì, hai là nay ta ngồi dưới cội Bồ-đề trao giới Pháp dặn dò khiến vâng giữ.

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng xong về mười giới Pháp vô tận trong phẩm " Tâm Địa Pháp Môn" của Đức Phật Lô-xá-na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng lúc trước. Ngàn trăm ức đức Thích-ca cũng đồng giảng như vậy.

Từ cung vua chúa Đại Tự Tại đến dưới cây Bồ-đề này, nói Pháp cả mười chỗ, vì tất cả Bồ-tát và vô số đại chúng thọ trì đọc tụng giảng nói Pháp nghĩa cũng như vậy.

Ngàn trăm ức thế giới, thế giới Liên Hoa Đài Tạng, các thế giới: nhiều như cát bụi, Chư Phật cũng giảng nói như vậy.

Tất cả Phật Tâm tạng, địa tạng, giới tạng, vô lượng hạnh nguyện tạng, nhân quả Phật tính thường trụ tạng. Tất cả Chư Phật giảng nói vô lượng Pháp tạng như thế đã xong.

Tất cả chúng sinh trong ngàn trăm ức thế giới đều thọ trì, vui mừng vâng làm.

Còn về phần giảng rộng những hành tướng của tâm địa thì có nói trong phẩm " Phật Hoa Quang Vương Thất Hạnh".

Người trí nhiều định tuệ
Thọ trì được pháp này
Thì lúc còn chưa thành Phật
Được hưởng năm điều lợi:
Một là Phật mười phương
Thường thương trưởng che chỡ

Hai là lúc qua đời
Chánh niệm, tâm vui vẻ
Ba là sinh chỗ nào
Làm bạn với cùng Bồ-tát
689
Bốn là các công đức,
Giới độ đều thành tựu
Năm, đời này đời sau
Đầy đủ giới, phước tuệ,
Đây là việc Phật làm
Người trí khéo nghĩ lường.
Kẻ chấp tướng chấp ngã
Không thể tin pháp này
Người chấp mắt vắng lặng
Cũng không gieo giống được
Muốn nảy mầm Bồ-đề
Trí tuệ soi thế gian
Phải nên quán sát kỹ
Về thật tướng các pháp:
Không sinh cũng không diệt,
Không thường cũng không đoạn
Chẳng đồng cũng chẳng khác
Chẳng đến cũng chẳng đi,
Trong thể nhất tâm ấy,
Siêng tu tập trang nghiêm
Công hạnh của Bồ-tát
Phải thứ lớp học tập
Đối với Học và Vô học
Chớ móng tưởng phân biệt,
Đấy là Đệ đạo bậc nhất,
Cũng gọi pháp Đại thừa
Tất cả lỗi ký luận
Đều từ đây dứt sạch
Vô lượng trí của Phật
Đều do đây mà thành
Vì thế nên Phật tử
Phải phát tâm mạnh mẽ
Giữ nghiêm giới của Phật

Tròn sạch như ngọc báu
Các Bồ-tát quá khứ
Đã từng học giới này,
Hàng vị lai sẽ học
Người hiện tại đang học
Đây là đường Phật đi
Là điều Phật khen ngợi
Ta đã giảng giới rồi,
Phước đức nhiều vô lượng,
Hồi hướng cho chúng sinh
Đồng đến Nhất thiết trí,
Nguyện ai nghe pháp này
Đều được thành Phật đạo

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 145

PHẠM VÕNG KINH CỔ TÍCH KÝ

SỐ 1815
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1815

LỜI BẠT

Tôi có nghe ở đời có nhiều vị sư sớ sao Phạm võng, nhưng ngài Nghĩa Tịch soạn rất khéo, lúc ấy, người đến cầu dường như là Tôn giả Bảo Giác. Trong Thủ-Lăng-Nghiêm có lúc nhớ nghĩ. Am Mật Nghiêm ở phía bắc thành Khoảnh Ngụ, Ngẫu Thư Lâm họ mỗ mang đến một quyển sách cổ, Giải thích đây là Sớ Phạm Võng của Pháp Sư Nghĩa Tịch. Tôi vừa mừng vừa sợ, cung kính nhận lãnh rồi thắp hương lễ bái mà đọc, truyền chép xoay vần lầm lẫn, chữ lỗ viết chữ Ngư là rất nhiều. Sự hiểu biết có thể hiểu tới, cẩn thận sửa chữa, bèn sai họ mỗ nào đó khắc bản truyền bá ở đời, Ngõ hầu tự lợi kéo dài đến người . Nhưng Sớ này đã truyền bá khác với kinh. Đông Dịch chú Sớ rằng: Trong tạng có thiếu bản, nói chung là chỉ ở đây, vì thế lai chấp bản kinh Thiên Thai, đưa vào trọng sớ để tiện cùng tra cứu. Lại bên cạnh thêm vào chữ “ Hoà ” là muốn cho những người trẻ tuổi học dễ hiểu, việc ấy vẫy chưa sửa chữa lại, đợi người hiền sau tham đính mà thôi.

Niên hiệu Trinh Hanh, năm đầu, Long Tập năm giáp Tý, ngày Tăng tự tứ, Tỳ-kheo Diệu Biện kính ghi.

PHẠM VÕNG KINH CỔ TÍCH KÝ

Sa-môn Thái Hiền ở Thanh Khâu biên tập

QUYỂN THƯỢNG

Giải thích kinh này chia làm bảy môn. Là thời xứ, Căn cơ, Thuộc về tạng nào, Phiên dịch, Tông thú, đặt tên, Bản văn. Thời, xứ vốn là cho Đức Phật Lô-xá-na ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng nói, ngon tức là Đức Thích-ca lúc mới thành Phật nói nước Ma-già-đà đạo tràng tịch diệt. Căn cơ là người có tánh Bồ-tát được phát tâm, vì che bai không tin không được. Mới thuộc về tụng nào:là thuộc chung Bồ-tát tạng Tỳ-nại-da trong. Phiên dịch là đời hậu tần có Ba tạng Cưu-ma-la-Mười ở Tây Vực Cưu Ma La Mười , Hán dịch là Đồng Thọ, giữ giới Bồ-tát tụng nghiêng về phẩm này cùng hơn ba ngàn vị Sát na-môn nghĩa học khác, bèn đến vườn Tiêu Dao và chùa Thảo Đường ở Trường An phiên dịch hơn năm mươi bộ kinh luận. Cuối cùng do chúa nhà tần muốn thọ giới cấm, riêng tụng dịch ra, Tuệ Dung v.v... ghi chép, Sư Pháp Tạng Giải thích: Tây vực có mười muôn bài tụng gồm sáu mươi mốt phẩm, dịch đủ thành hơn ba trăm quyển.

Tựa kinh này chép : Có thể có một trăm hai mươi quyển . Thượng các Đại vị tôn Chư Đức thượng đại truyện nhau rằng: Ba Tạng Chân Đế định đem luật tạng Bồ-tát đến đây, lúc ấy ở trên thuyền Nam Hải, thuyền sắp chìm, bỏ đi vật khác thì thuyền vẫn không di chuyển, chỉ bỏ bản luật thuyền mới tiến về phía trước. Ngài Chân Đế than rằng: Đất người Hán không có duyên với giới luật Bồ-tát, thật đáng thương xót.

Ba Tạng Đàm vô sấm ở Châu Tây Lương, bấy giờ có sa -môn Pháp Tiến, v.v... xin thọ giới Bồ-tát với Đàm-vô-sấm và thỉnh giới bản. Sấm Giải thích : Người nước này thô thiển đâu phải đạo khí thọ nhận được giới Bồ-tát ư! bèn không trao cho. Pháp Tiến, v.v... hết lòng thỉnh cầu cũng không được như điều đã nguyện, bèn ở trước tượng Phật lập thệ cầu giới, vừa đủ bảy ngày thì mộng thấy Bồ-tát Di-lặc đích thân cho thọ giới Bồ-tát và thọ giới bản, cùng nhau đều tụng được. Tỉnh dậy bèn đến gặp Sấm, Sấm thấy việc lạ ấy thở dài, than rằng: Đất Hán cũng có

người, bèn cho dịch ra giới bản giống với văn nghĩa mà Pháp Tiến đã tụng trong giấc mộng. Nay chỉ lưu hành riêng Đại An kệ quy kính của trong giới bản địa trì. Lại nghe các chùa Tiểu thừa ở Tây Vực tôn Tân-Đầu-lô làm Thượng tọa. Các chùa đại thừa tôn ngài Văn-thù-sư-lợi làm Thượng tọa. Cả chúng cùng giữ giới Bồ-tát. Yết-ma thuyết giới đều làm pháp sư Bồ-tát. Luật tạng Bồ-tát thường tụng không dứt. Tông thú Điều mà lời nói tiêu biểu gọi là tông, tông đã trở về là thú. Kinh này lấy tâm hành gọi là tông, chứng biết lợi sinh là tông thú của mình. Nói tâm hạnh, sơ lược có hai môn; một là hạnh môn giáo chánh; hai là hạnh môn giới ác. Hạnh vi giáo dạy chân chánh tức là kinh ban đầu nói hạnh nội chứng của Ba Hiền, thuộc Thánh. Răn hạnh vi ác là phần sau kinh nói hạnh của mười giới bốn mươi tám giới khinh, trong kinh có nói rộng như sau nên biết.

Chỗ quy thú, cũng có hai môn; một là môn Như lai tánh; hai là môn Phát thú tướng. Sở thú, năng thú như thứ lớp nên biết. tánh Như Lai là tánh chân như. Như trải qua sự vắng lặng gọi là nhất tâm, nhất tâm gọi là Như lai tạng, nghĩa là tâm của chúng sinh giống như tánh sinh và vô sinh vắng lặng làm biển nhất tâm, giống tướng sinh chảy thành con sóng của sáu đường. Như kinh Bất Tăng Bất giảm chép: Ngay Pháp thân này trôi giạt trong sinh tử gọi là chúng sinh, ngay Pháp thân này tu hành các độ gọi là Bồ-tát, ngay Pháp thân này trụ ở bờ kia gọi là Chư Phật. Vì sao? Vì mộng sinh tử chỉ có tâm mê, thói quen luống dối khuấy đục tâm. Hoặc giống như mắt v.v... hoặc giống như sắc, v.v.....giống như mắt bị nhậm thấy hoa đốm trong hư không. Trời, đất, núi, sông tuy không có bờ mé, như những điều thấy trong mộng nơi không căn cứ. Sắc, v.v... kích động bị gió cảnh Trong biển tàng thức sóng chuyễn thức nổi lên, đối với sáu chỗ phân biệt sáu trần. Nhưng sắc, thanh v.v... chỉ như mộng trần, ngoài hành tướng của tâm đều không có sở đắc. Cảnh đã chính là tâm, tâm như cảnh không. Vì mê nên sinh tử, ngộ thì thành niết-bàn, cho nên tánh không. Gọi là Như lai tàng.

Môn phát thú thứ hai là bên trong ấy có tánh Như lai, nên nghe các hữu tình đồng ở Như Lai tạng, bị vọng niệm nhận chìm trong vòng đau khổ không có bờ mé. Thệ làm con thuyền trong biển lớn sinh tử, không sợ mà mình phải chịu khổ lớn, trong đó khởi ý lạc vô ngại không thể hoại, nghĩa là Đại Bồ-đề nếu có thể đắc Pháp, ta cũng là trượng phu, ba đại A-Tăng-Xí-Da, tuy dứt, nhưng hẹn sẽ thóat ra. Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề tuy xa nhưng người có thệ nguyện thì chắc chắn sẽ đến.

Gần gũi bậc Thiện Sĩ, nghe chánh Pháp, trí tuệ là mẹ, phương tiện là cha, rộng nhiếp chúng sinh làm quyến thuộc của mình, vắng lặng là nhà, Pháp hỷ làm vợ, từ tâm làm con gái, chí thành làm con trai. Tuy ở tại gia nhưng không dính mắc ba cõi, tuy hiện đời thọ dục nhưng thường sống trong phạm hạnh, đi vào con đường lớn tấm là lợi ít chúng sanh. Muốn thành tựu nghĩa khác dám xả bỏ mạng mình, đến chỗ giảng luận dẫn dắt đến Đại thừa, vào các trường học khuyên nắm dẫn dắt khai trí cho trẻ em nhỏ tuổi, giao kết bạn bè trước khó khăn sẽ chọn được thầy của mình, dưới trăng quên ôm bóng trong vị đạo, công buộc cỏ tự có gió mây, giao du với sắc đẹp cũng biết cái không của nó, đại bi, bát-nhã đã giúp đỡ hai bên, nương không mà trụ đạo, dốc lòng thực tế. Nhưng trong các tâm phản chiến tự tánh, làm sáng tỏ chỗ tối, lập Phật Bồ-tát. Vì sao nói là bất trụ đạo, ở bên không, hữu, chẳng trụ trí tuệ, nghĩa là duyên điên đảo có tướng thế gian, đã có sự điên đảo thì lìa không hữu. Như Thánh Thiên nói, hữu phi chân hữu, nên không cũng chẳng phảỉ thật không, nghĩa là đối với vọng thức dường như có mà hiện thì ở chứng trí dường như không có sở đắc. Nhưng ở thắng nghĩa chẳng phải rốt ráo. Các thắng nghĩa là không, nên tục cũng không, đã lìa tánh có. Bát-nhã chứng không cũng lìa tánh Đại Bi vượt lên cái có, vì vượt lên có nên không trụ niết-bàn, vì chứng không nên không trụ sinh tử, chẳng trụ hai bên khác phàm phụ và Hai thừa , vì khác phàm phu và Tiểu thừa nên tự phát Bồ-đề. Như Du-già chép: Đối với tánh tướng không có hư hoại, thì làm hư hoại tất cả Đại thừa, khi hành sáu độ của Bồ-tát đều không có, sở đắc đó là phương tiên, không có sở đắc thì không có trụ đạo. Nếu chỉ rỗng có thì sẽ đắc không mà lại chẳng không, nên không có sở đắc, vì không có sở đắc nên ba luân vắng lặng, ấy gọi là rốt ráo tu hạnh Bồ-tát. Nói nêu danh là một bộ kinh được đặt tên là Phạm Võng. Phật Lô-xá-na nói phẩm Tâm địa Pháp môn thứ mười là tên riêng của phẩm này. Phạm là nghĩa nặng tịnh, nghĩa Võng là nhiếp hữu tình, nghĩa là kinh này cho đến biển lớn sinh tử của Hữu Đỉnh trói buộc hữu tình, hòan toàn đến bờ vắng lặng vô thượng, Vô tận lợi ích các loài đói khát như lưới thế gian là nói lên nghĩa này. Các vị Phạm Vương cầm cờ, mành lưới cúng dường Phật, nghe pháp. Đức Phật do đây giảng nói thế giới khác nhau giống như lỗ lưới, giáo môn của Phật cũng như vậy. Thế giới khác nhau là bóng cây Tu-di che khắp thế giới, v.v... lần lượt bước vào cửa Phật giáo, tuy Pháp, uẩn, giới, xứ, v.v.... có khác nhau rất nhiều như lỗ lưới của phạm chủ nhưng lưới chỉ một, giới pháp của Pháp Vương nên biết cũng như vậy, tuy có nhiều pháp môn như cát bụi, nhưng cuối cùng cũng

trở về một đạo, một môn muôn hạnh gọi là đắc ý, đắc ý mà làm, đều gọi là Pháp tánh, vì thế từ dụ gọi là kinh Phạm Võng. Kinh nghĩa là khế kinh, trì thông suốt nghĩa là , vì nghĩa thông suốt nên chẳng mất. Lô-xá-na, Hán dịch là Tịnh Mãn, vì chẳng chướng chẳng tịnh, nên chẳng đức nào không tròn. Sư Pháp Tạng nói: Bản Phạm đều gọi là Tỳ-Lô-xá-na, hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, trí soi pháp giới thân ứng đại cơ, trong danh từ Phạm Võng là nên tên này vì phân biệ với phẩm khác do đức Thích-ca nói Phật là Giác, giả ba nghĩa như thường, thuyết là viên âm, khéo ứng với chúng sinh mà hiểu, chỉ biết muôn đức sinh ra và lớn lên từ đây gọi là Tâm, ra khỏi bến khổ, vào nhà thanh tịnh, gọi là pháp môn. Phân loại văn nghĩa khác nhau nên gọi là phẩm. Phẩm Tâm Địa này gồm có hai môn; một là Bản Sư nói; hai là hoá nhân nói. Trong phần đầu có năm: Xứ chúng Cảnh Giác , khải vấn, kiến vấn và phó chúc. Bấy giờ cho, đến phẩm Tâm Địa Pháp Giải thích Trong Xứ chúng có ba là Xứ Sở, Đại Chúng và Sở thuyết, lời văn rất dể hiểu .

Lúc ấy, Đức Thích-ca cho đến cũng sinh tâm nghi, Giải thích Trong phần Cảnh Giác thứ hai cũng có ba: Phóng quang, chúng hỷ và nghi niệm, lời văn rất dễ hiểu.

Lúc bấy giờ, trong chúng cho đến có những tướng gì?

Giải thích: Khởi vấn thứ ba cũng có ba văn là khởi định, tập chúng và khởi vấn. Huyền Thông Hoa Quang Vương là sở chứng chân lý gọi là Huyền, năng chứng câh trí gọi là thông, năng sinh đại quả gọi là Hoa, xua tan tối tăm ngại chướng gọi là Quang. Trong ba thừa thù thắng gọi là Vương, khởi định do kia gọ là định Hoa Quang cũng vậy. Các đức trang nghiêm gọi là Đại trang nghiêm. Kim Cương màu mây trắng là vì không hư hoại, vô lậu trong sạch chứa đựng nước các đức nên nêu lên mầu sắc này. Ánh sáng chẳng phải một nên nói là quang quang, là những tướng gì? Là tướng hỏi để làm gì.

Lúc ấy, đức Thích-ca cho đến trên tòa quang minh, Giải thích Trong phần thấy hỏi thứ tư có hai, vì gặp nên hỏi, phần đầu đây là , giáo hoá trở về bản thể nói về đến. Thêm năng lực thấy thù thắng như giới bản Sớ, trăm muôn ức cung quang minh tử kim cương như năm trăm ức cung của Bồ-tát Di-lặc ở cõi trời Đâu-suất. Trăm muôn hoa sen là tòa hoa sen.

Lúc bấy giờ, đức Thích-ca cho đến hạt giống Bồ-tát:

Giải thích: Trong câu hỏi thứ hai có hai, vì hỏi nên trả lời, đây là phần đầu. Có chổ chép ba lần hỏi, Địa là hỏi hạnh hữu vi, hư không là hỏi hạnh vô vi. Chúng sinh là đầy đủ hai hạnh chúng sinh trên là sai.

Y theo chỗ ở mà hỏi nhân quả kia, còn hạt giống Bồ-tát ở phẩm khác có hỏi rộng nay không hỏi nữa. (Sớ cũ chép : sáu chỗ tốt đẹp gọi là hạt giống, như Địa Trì nói).

Lúc bấy giờ, cho đến Phật Lô-xá-na, Giải thích : Trong câu trả lời thứ hai có hai; vì là quả vì là nhân, ở đây trả lời quả. Rất vui mừng là vì thấy lợi lớn. Trí vô phân biệt gọi là hư không quang vì tánh hư không chiếu khắp Pháp tánh Chánh liễu nhân thể cũng gọi là thể tánh, vì trí là chánh nhân. Chỗ nương định kia gọi là cội nguồn, ở đây có thể hiển bày thành Pháp thân thường trụ. Đức Phật hiện ra định này là để chỉ cho đại chúng thấy, vì nhân cơ bản nên tụ hành tâm địa lấy đó làm nhân. Bỏ phàm phu, v.v... là nêu nhân đáp quả. Thành Đẳng Chánh Giác.vv... trở xuống là hiển thành tướng Phật, vì hiển bày chánh báo, y báo và hoá tướng. Biển thế giới: Như Trí luận chép: Số ba thiên đại thiên thế giới này nhiều, như số cát sông Hằng làm một thế giới chủng. Số thế giới chủng này lại đến Hằng Sa là một thế giới hải, số thế giới hải này, lại nhiều đến mười muôn Hằng Sa là một thế giới Phật. Tuy ở trên chính ở giữa đài trong ngàn cánh mà nói ở tại biển thế giới:như hòa thân ở tại một châu Diêm-phù mà nói ở tại Sa-Bà,bà là một cõi Phật, hai thân du hoá, lượng cũng như vậy. Ngàn trăm ức cõi thân Phật Thích-ca như giới bản ký có giải thích.

Lúc bấy giờ trên đài Liên Hoa cho đến trí thân đầy đủ,

Giải thích: Trong phần trả lời nhân thứ hai có hai, là lược và rộng, đây là phần đầu. Sớ chép: Tín nhẫn vững chắc là nói Pháp môn giải đức của tập chủng tánh, cũng gọi là Văn tuệ trong , pháp nhẩn vững chắc là nói pháp môn

Hạnh đức của tánh chủng tánh cũng gọi là tư tuệ. Trong Tu nhẫn vững chắc là nói pháp môn hành thật của Đạo chủng tánh, cũng gọi là tu tuệ. Trong Thánh nhẫn vững chắc là nói pháp môn thân chứng của Thánh chủng tánh, gọi là Tuệ xuất thế.

Trong đây, sau bốn mươi gia vị Ba Hiền, Mười Thánh thì thứ lớp hiểu rõ nên không giải thích. Giẫm là bước lên, vô vi là việc làm không có nghiệp phiền não. Vô tướng là pháp thân. Đại mãn là trí thân. Thường trụ là tự tánh không đứt quãng và nối nhau.

Lúc bấy giờ, cho đến trong phẩm đã khai. Giải thích : Trong phần quảng thứ hai có hai, vì thỉnh nên đáp. Đây là Phần đầu, trong hội của Chư Phật có Bồ-tát hỏi, giải thích tên y theo trước. văn kinh này khó hiểu, Phật Phật đối nhau, Phạm ngữ khéo léo, giống như thơ mỗi câu năm chữ trong đây dịch bằng tiếng Hán, mất ý hay nên khó hiểu.

Bấy giờ, cho đến nhập ba-muội không. Giải thích : Trong đáp thứ hai có bốn: như kế là nói rộng bốn mươi pháp môn, đầu tiên cũng có mười, trong Phát thú này đầu tiên là xả tâm. Bồ-tát thỉnh che chỡ được ngàn Đức Phật, nay Giải thích ngàn Đức Phật lóng nghe, vì biết ngàn Phật đại chúng chưa hiểu rõ. Xả tâm: văn có ba, là chương môn, hành tướng là kết thành. Nói tất cả xả là nếu chương môn. Kế là trong hành tướng gọi là cõi nước v.v... Tất cả xả, vô vi vô tướng là lúc nêu xả sở xả lìa ba luân. Vô vi là người không, vô tướng là pháp không. Kế là giải thích Ba luân, Sở thí là không nghĩa là ngã nhân Người biết người thấy mười hai nhân duyên giả hợp mà thành. Nên có thể chấp kia là chủ tạo tác. Ngã kiến là trong Sở duyên kia, mười hai nhân duyên không hợp không tan, vì đối cảnh vô ngã nên nói là không hợp, nhưng có giống ngã cũng nói không tan. Kế là thọ giả là không, nghĩa là vô thọ giả, vì uẩn giới xứ hợp với tướng không, chẳng có tướng ngã và ngã Sở, sau là thí vật không, giả thành các Pháp, hoặc nội thân, hoặc ngoại tài, v.v... tất cả pháp không, không có sỡ xả của mình, không có thọ của kia. Kết lời thứ ba, lúc bấy giờ quán thành như cảnh giả hợp, sẽ thấy được hiện tiền. Trong kinh chép. Nếu Phật tử cho đến nhất đạo thanh tịnh.

Giải thích: Giới tâm thứ hai, giới là nêu chương, phi phi giới là lìa hai bên có không, nói trùng là phi phi. Vì sao? Vì là vô thọ giả và mười thiện giới vô sư nói Pháp, nghĩa là vô năng thuyết, đâu có sở thuyết. Người Nhận người trao cùng giới đã thọ vì không thật có cho nên ba luân là không . Lừa dối trộm cấp cho đến tà kiến vô tập thọ là nói chỗ ngăn ngừa thể không vô tập, lại thuộc về các duyên, vì tánh vô định. Khi là coi thường. Coi thường quá mức sẽ hại cho mạng. Từ bi hiền lành, v.v... là nói có thể phòng giới, thể tánh cũng không; một là từ bi ngăn ngừa giết hại; hai là hiền lương đề phòng trộm cướp; ba là trong sạch phòng dâm dục, bốn là ngay thẳng phòng sằng bậy; năm là chân chánh phòng bán rượu; sáu là thật thà ngăn ngừa khen chê; bảy là chánh kiến ngăn ngừa tà kiến; tám là xả bỏ ngăn ngừa san tham, chín là vui vẻ ngăn ngừa tức giận. Sớ cũ chép : Những lời v.v... là dùng từ bi ngăn ngừa lỗi lầm. Khi ngăn ngừa mười điều ác, ngăn dứt hữu vi, vô vi, tám đảo, tánh hữu vi lìa một vị thanh tịnh.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến không thật có. Giải thích : Tâm nhẫn thứ ba, nhẫn là nêu chương, thể tánh của tướng tuệ hữu vô là nêu chung thể nhẫn của chân tục, kế là nói về hành tướng khác nhau. Nói không không nhẫn là duyên nghĩa nhẫn cao siêu, dưới đây gọi là Vô sinh hạnh nhẫn. Nhất thiết xứ nhẫn là duyên theo nhẫn của thế tục, dưới

đây gọi là nhất thiết xứ` Như khổ nhẫn. Biến nhất thiết xứ được gọi như là tướng khổ thế tục mà nhẫn hiểu. Được gọi là như khổ, là chịu đựng oán hại, v.v... theo cảnh mà gọi tên. Vô lượng hành tướng chân tục như thế mỗi hành tướng đều gọi nhẫn là kết. Nói chân tục rối, kế là nói Ba luận, tự không vô thọ, không kia chẳng nắm bắt, vì pháp tánh không nên không dao gậy, không tâm sân, một vị ba luân nói là đều như như, sự sự không thật nói là vô nhất nhất. Đế lý không hai, nói một tướng chắc thật, lý cũng thật không gọi là tướng vô vô, nhưng thế tục chẳng phải không nói có tướng hữu vô. Kế là môn đối nhau năng sở, phi phi tâm v.v... nói tướng nhẫn không, nghĩa là tâm năng nhẫn chẳng phải đều không nên nói tướng phi phi tâm. Dường như có duyên hư không thật của duyên lự, nên nói duyên tướng không duyên, lập trụ v.v... là cảnh sở nhẫn của không, trong bốn oai nghi như đánh người v.v..., tánh của nhiễm tịnh là không, nên nói tất cả, Pháp như, Sở đã năng không thì, tướng nhẫn không thật có.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến tiến phần gốc lành.

Giải thích: Tâm tinh tấn thứ tư, khổ bốn oai nghi, tất cả thời đều hành là dùng hạnh tin tấn để nêu chương môn. Đi đứng v.v... khi địa vị không thì chẳng có kế sách, kế là nói về hành tướng, điều phục không giả, là hàng phục hai tánh đầu. Không gọi là biến kế, giả là y tha, biết pháp tánh thì biết viên thành thật, hàng phục sự tướng đầu tiên chân thì hiểu được được lý. Không có nhóm trí đức gọi là núi Vô sinh. Thấy hữu vô` tướng có gọi là hữu, tướng không gọi là vô. Như luận của Long Thọ gọi hữu vi là có, gọi vô vi là không. Như có thì thế tục dường như có, như vô là thắng nghĩa dường như vô. Quán chung tất cả Pháp như trên Mặt đất xanh, vàng, đỏ, trắng tất cả nhập là mười biến xứ. Bao gồm thắng xứ giải thoát, v.v... nên nói cho đến trên đây là, quán riêng môn công đức. Ba Bảo Trí tánh là môn công đức của Đại thừa, vì có nhiếp ba ngôi báu tất cả Pháp nên nói là cảnh giới. Kế là nói công đức, lấy tất cả niềm tin cao thượng thăng tiến đạo chắc chắn là ba ba-muội, không tuệ làm môn. Vô sinh là vô tướng vì tướng chắc chắn sinh. Từ thắng nghĩa quán hướng về thế tục, nên nói khởi không nhập vào Pháp thế đế, rõ chân tức tục, nói cũng không có hai tướng. Kết thứ ba là nói nối tiếp tâm không, thông đạt vào phần gốc lành, chỗ có tiến đạo đều lấy không làm đầu nên nói nối tiếp tâm không ở trước, thông đạt mà tiến vào gốc lành gọi là tiến tâm.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến sinh tất cả điều lành.

Giải thích: Định tâm thứ năm, vắng lặng vô tướng là nêu chương

môn, vì vắng lặng tán động chiếu soi vô tướng. Kế là trong hành tướng, vô tướng vô lượng hạnh ba-muội là định sinh không, vì chỉ có các hành, không có thật ngã. Vô tướng vô lượng tâm ba-muội là định pháp không, chỉ có các thức không có thật Pháp, đều hướng về chân không gọi chung là vô tướng. Phàm Phu và bậc Thánh đều nhập vào ba-muội là tám thiền định. Loại định thứ hai kia vì được thuần thục nên nói thể tánh tương ưng. Đối với tất cả hạnh vì nhờ năng lực định nên các chướng đều diệt, nghĩa là người chấp ngã, nhân, thọ gialà chấp về người. Tất cả trói buộc là các phiền não khác, thấy tánh là nêu pháp chấp nhiếp sở tri chướng, đều là nhân duyên chướng định. Gió thổi động tâm là không khởi tư duy đều là tâm không yên lặng, mà diệt không không và vì tám đảo không có phan duyên. Nương tĩnh tuệ quán là học quán Pháp là nhờ định tuệ hữu tình, vì tất cả là giả định tuệ này, biết khổ để phục diệt, có thể thọ tánh tội tập diệt trong ba cõi. Nói sinh tất cả điều lành là tư lương của đạo.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến là tuệ dụng của.

Giải thích: Tuệ tâm thứ sáu. Không tuệ trong là nêu độ thứ sáu. Nói trong hành tướng chẳng phải không có duyên là nêu có duyên sở y. Tuệ cũng vô tánh, vì y tha khởi. Vậy lấy gì làm sở y? là biết được thể gọi là Tâm, rõ biết tất cả Pháp giả gọi là chủ tánh của tâm vương thông đồng với đạo, vì tương ưng với tuệ nên đã trụ mầm Thánh thì sẽ nhập Thánh v.v... đều là công dụng của tuệ tâm thể tánh. Tất cả năng chấp bốn đảo phiền não điên đảo đều do không rõ nhiễm tuệ tánh nên dối trị phải lấy tuệ làm đầu. Tu các thứ văn tuệ không thể nói, để làm phương tiện nhập vào Trung đạo Nhất chân đế. Kế là Nói chương không nghĩa là vô minh làm chướng tuệ vì lìa các duyên hợp với không có tự tướng, nên nói chẳng phải tướng, vì không là duyên nên chẳng đến với duyên. Vì đã không có tự tánh nên chẳng phải tội, chẳng phải tám đảo, vô sinh diệt, do tuệ này chiếu sáng mà ưa thích không. Nói trí chân thật xong, lại nói phương tiện trí, chuyển biến thần thông cũng là việc làm của thể tánh của trí, vì là dụng của tuệ .

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến tất cả hạnh bản nguyên.

Giải thích: Tâm nguyên thứ bảy, mỗi nguyện đều đại cầu, tất cả cầu là nêu chương môn, vì cầu hai lợi nên nói nguyện nguyện, cầu dứt gọi là đại cầu, cầu trí danh tất cả cầu, nói trong hành tướng vì nhân tu hành cầu quả xa nên tâm nguyện nối nhau.Chắc chắn do tâm nguyện nối nhau nên trăm kiếp được thấy Phật liền diệt tội. Trăm là nhiều nghĩa, tội là sinh tử, vì tai hoạn gom nhóm chuyên chú nối nhau cầu Pháp

một tướng không nên nói cầu cầu dốc lòng ở một tướng không vô sinh. Nhất là một tướng. Cái gọi là Vô tướng, nương nguyện thêm quán mà nhập vào định chiếu, thì vô lượng kiến phược nhờ tâm cầu nguyện nên được giải thoát. Họ có khả năng chứng hạnh để tâm cầu được thành tựu. Do đây mà vô lượng công đức của Bồ-đề lấy nguyện làm gốc, đã thành Phật rồi, tròn chứng đầy Pháp giới, lìa hai bên có, không, gọi là quán Trung đạo nhất đế. Muôn đức dung nhau, năng chiếu trí phần, sở chiếu Pháp giới, tuy chẳng khác nhau, chẳng phải như nguội thân bặt trí của người hai thừa cũng thuật là chẳng Thân tròn chứng đầy rồi, về sau đắc trí khởi vô lượng dụng. Nói là sinh kiến kiến, nhưng không Giải thích ta có sự̃ tạo tác. Giải thích chẳng có tuệ giải, là phần kết văn rất dễ hiểu thúc.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến Pháp quán cũng như vậy.

Giải thích : Trong hộ tâm thứ tám, hộ Ba Bảo, hộ tất cả hạnh công đức là nêu chương môn, vì hộ sở y và hạnh của mình. Kế là nói hiếu về hành tướng, đầu tiên là hộ ngoại đạo không cho quấy rối người chánh tín che chỡ giữ gìn Ba Bảo, vì hạnh vô tướng chiết phục tâm điên đảo. Diệt ngã Phược, kiến phược, vô sinh, v.v... là giữ gìn hạnh mình. Chiết phục phiền não chướng là diệt ngã Phược, chiết phục sở tri chướng là nói Phược vô sinh. Lấy gì để hộ hành tướng như vậy? Nghĩa là hộ căn bản Ba Bảo, dùng hạnh vô tướng để hộ. Hộ ba không môn của mình, dùng tâm tuệ liên tuệ liên, v.v... hai không giúp nhau nên nói tuệ liên tuệ liên, nối nhau nhập vào Vô sinh như thế, là chỉ đạo quán đạo thì rõ sáng rõ sáng, vì chiết phục hai chướng vô quái ngại. Hộ quán như thế nhập vào cảnh không. Tướng tục giả khác nhau nên nói phân phân, dường như ngã dường như pháp, trong vọng thức dường như có nên nói do sanh khởi huyễn hoá, huyễn hoá. Tánh không của tướng thế tục, trong không trí dường như không có, nên nói như vô như vô. Phần kết trở xuống chép: Duyên hợp đã khởi nói là pháp thể nhóm họp, lại thuộc về các duyên là pháp thể tán, không có định tự tánh là nói không thể giữ gìn. Như lý sở quán, năng quán cũng như vậy.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến tất cả Pháp.

Giải thích: Hỷ tâm thứ chín, thấy người được vui thường sinh vui mừng là nêu chương môn, và tất cả v.v... là nói hành tướng. Giả là y tha, không là biến kế, biến kế chiết phục hai tướng là nói về tất cả. Hai tướng không hiện gọi là chiếu tịch, chẳng thấy hai tánh đều là nói không nhập vào hữu vi. Chân như ảnh hiện là nói chẳng thể không vắng lặng. Cảnh trí trong chứng lạc đều không cho nên nói đại lạc vô hợp. Bát-

nhã tuy chứng không, đại bi giông như giao hóa chúng sanh phan duyên theo cảnh hữu . Nên nói có thọ mà hoá, có pháp mà thấy. Pháp tánh huyễn giả, v.v... là thấy tánh hai đế bình đẳng, hạnh trong nhất quán tâm tâm. Huyền là thắng nghĩa, giả là thế tục, vì Bát-nhã Đại Bi mà dung chứa nhau. Đa văn tất cả hạnh công đức của Phật là quả đức học rộng và đức nhân hạnh. Khắp dùng trí vô tướng tuỳ hỷ nối sinh chánh niệm mà chuyên chiếu. Đã hoàn toàn vô sinh̀ Phật tức là Ngã. Phần kết trở xuống chép: Tâm ưa thích duyên tất cả Pháp là lìa các duyên vui mừng như ganh ghét v.v...

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến Phẩm Quang có nói rộng.

Giải thích: Đỉnh tâm thứ mười là trí trên hết của con người, là nêu chương môn. Kế là giải thích danh nghĩa, trong chín tâm trước như thì ba nghĩa đỉnh; một là diệt chướng như đỉnh. Nói ngã luân là chấp ngã làm đầu, luân hồi phiền não lợi thân kiến nghi, và lấy các phiền não như, độn phẩm.v.v.... đều diệt vô nên thù thắng như đỉnh; hai là trí thắng như đỉnh vì trí liên tục trên hết như đỉnh, ba là cảnh thắng như đỉnh, cùng khắp pháp giới nhân quả viên dung như như, vì một đạo tối cao như đỉnh. Như Nhân Đỉnh là dụ, chung cả ba thứ trên. Kế là nói về hành tướng khác nhau giữa . Sáu mươi hai kiến chấp về thân kiến, phân biệt hai thứ kiến nên nói phi phi. Năm chúng là năm uẩn. Trong uẩn sinh diệt từng sát na, lầm chấp thể thần ngã thường trôi lăn, quán thức uẩn rỗng không, thường chấp thức uẩn là tướng ngã. Vô thọ quán thọ uẩn là không chẳng có hành tướng để nắm buộc là quán ba uẩn không còn lại. Hành là hành uẩn, không thể nắm bắt là vì sắc uẩn là không, không thể buộc là vì tưởng uẩn là không. Vì vọng tưởng là gốc trói buộc. Như khế kinh nói: Thức như huyển hoá cho đến sắc như chùm bọt nổi. Là Nói nhập vào nội không trực đạo tức là nhập vào nội môn đạo thuần nhất vị. Trên nói Bát-nhã, kế nói Đại Bi, trong từng sát-na đối với chúng sinh không thấy có duyên, không thấy chẳng duyên, thường dùng vô duyên đại bi phan theo duyên, trụ đỉnh ba-muội định vắng lặng cũng phát gia hạnh hướng về con đường chứng đạo. Bấy giờ nếu sinh ra tánh ngã, nhân, thường kiến, tám đảo chân thật, thì duyên vào Pháp môn không hai. Tánh thật kiến là pháp chấp. Ngã nhân kiến là sinh chấp. Do đây không thọ tám nạn là ba đường. Qủa huyễn hoá không bao giờ thọ là nói phần đạo gốc lành không tạo, dẫn nghiệp sinh tử. đồng thể đại bi, lìa ngã vô hoá nên nói chỉ có một chúng sinh,dứt ác sinh thiện trong bốn oai nghi vv.... Nói nhập đạo là câu chung, ba câu riêng khác đủ mười giải vị, gọi là chánh nhân, lập Phước trí tư lương gọi là chánh trí chánh

hạnh. Hạnh tức là Phước, phần tổng kết dưới đây Giải thích : Bồ-tát vì đạt quán hiện tiền nên không phải chịu quả sáu đường, chắc chắn không lui sụt đối với chủng tánh Phật, vì trái với trôi lăn nên hướng về hoàn diệt. Đời đời sông trong nhà Phật, trong Mười Trụ Tỳ-Bà-Sa chép: Lấy chân như làm nhà Phật, tương với ứng giải mà thành nên nói là nhập. Phẩm Mười Thiên Quang là chỉ cho phẩm trên . Kinh chép: Từ Lô-xá-na cho đến thể tánh ba-muội. Giải thích : Trong Mười Trưởng dưỡng thứ hai là nhắc lại lời hỏi rất dễ hiểu. Trong Phần tâm tư đầu tiên này, thường hành từ tâm sinh nhân an vui rồi là nêu chương môn. Vì từ và lạc, mên ở đây là lòng từ vô duyên. Hạnh từ đã thánh tựu, tự mình cũng an vui đều nhập vào pháp sở duyên, nghĩa là trong pháp đại chân năm uẩn, ba tướng của không uẩn như huyễn như hoá, chân như không hai, nên sẽ có khả năng đảm đương làm thành pháp luân Thánh đạo. Nói hoá bị vv... trở xuống là dạy người khởi lòng tin đối với môn đại bị. Nói chẳng thật, nghĩa là chỗ lợi ích tín tâm đều không, chẳng có quả thiện ác là chỗ an vui, quả an vuiđều không. Nói giải không thể tánh ba-muội là kết xong hạnh từ.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến khởi đại bi.

Giải thích: Trong bi tâm thứ hai, vì bi là không vô tướng, là nêu chương môn, vì có tánh không nên nói là không, vì không cũng vô nên nói không không vô tướng. Kế là nói hành tướng, bi do hành đạo tự diệt tất cả khổ là nêu câu. Duyên nghĩa là phan duyên, như duyên hữu tình, v.v... ở dưới gồm có ba thứ, làm sao diệt khổ? Đầu tiên đối với chúng sinh phát khổ ra trí. Sinh những trí gì? Gồm có ba thứ một là hữu tình duyên, như kinh nói duyên không sát sinh; hai là Pháp duyên bi như kinh chép pháp duyên bất sát; ba là vô duyên bi, như kinh chép không dính mắc vào ngã duyên, do đó đối với tất cả chúng sinh không buồn phiền. Kế là nói về hành tướng, hễ phát tâm đại bi là đối với tánh không thấy tất cả pháp đúng như thật tánh. Nếu hư mất tánh không thì mất tất cả Đại thừa. Sinh tâm đạo trí đối với hạnh chủng tánh là ra khỏi vị hạnh này. Như kinh Nhân Vương chép: Ngân luân Ba thiên là tánh chủng tánh. Sáu điều lành như cha, v.v... đối với ta là thân thích, ngược lại sáu điều ác kia đối với ta là ác. Hai điều kia đều có phẩm thượng trung và hạ. Dục là lạc phẩm thượng mà nhỗ gốc khổ, còn phẩm thượng. Ác tuỳ khí đều được cái vui chín phẩm, tức là quán quả không có dục và lạc phẩm thượng, nhưng trong chín phẩm thì riêng lạc lại thuộc về khí, vì không có tự tánh. Tướng của quả lạc không là hiện trong tâm từ, dùng một lạc hạnh dẫn khởi đại bi.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến vì khổ cho nên vui.

Giải thích: Trong hỷ tâm thứ ba, khi tâm vô sinh vui mừng là nêu chương môn, tâm vui mừng quán không gọi là tâm Vô sinh. Chủng tánh thể tướng đạo trí là vị thể tướng, vì mình và người đều không nên gọi là không không, còn tuỳ hỷ người gọi là hỷ tâm. Ở đây có hai thứ; một là tánh không, không mê đắm ngã và ngã sở; hai là Pháp không, vì thông đạt lưu chuyển, không có nhóm họp, ẩn hiện là nghĩa lưu chuyển, các duyên đã khởi lại thuộc về các duyên, không có một tướng nhất định nên nói vô tập. Bấy giờ, tất cả muôn hữu đều nhập vào không thì quán hạnh thành tựu, vì hỷ đồng thể v.v... vui mừng, tất cả, khởi không này quán nhập vào đạo hữu tướng, xa tà gần chánh, chánh là chỉ bày cho mình mến đạo và giúp cho chúng sinh vào nhà Phật Pháp, đắc Pháp trong lòng, hạnh thể vui vẻ nên nói đối với Pháp thường khởi vui mừng, tự mình nhịp vào Pháp vị còn đối với sự nhập chánh của người thì tuỳ hỷ.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến thường tu xả.

Giải thích: Trong xả tâm thứ tư thường sinh tâm xả là nêu chương môn. Ba không môn trong pháp không là vô tạo vô tướng. Như hư không là dụ cho ba không, chẳng chướng ngại. Trong hành Thiện v.v....Pháp không, người không, là đại xả. Xả là đối trị nhiễm, còn nói lên trị tham. Huyễn, v.v... như ví dụ kế hư không lưu chuyển và sát-na diệt. Tâm vô sinh là xả tâm không, không nầy thường tiến nên nói thường tu xả.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến hạnh Hiện Tiền.

Giải thích: Trong thí tâm thứ năm có thể dùng tâm bô thí khắp tất cả chúng sinh, là nêu chương môn. Hành hoá vô tâm là không chấp đắm. Đạt lý đạt thí là hiểu rõ tánh chân, tục. Nói tất cả tướng hiện ở trong hành thì hạnh thí thành tựu. Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến phát khởi gốc lành. Giải thích: Trong tâm ái ngữ thứ sáu. Nhập thể tánh ái ngữ ba-muội là nêu chương môn. Thể tánh là chân tánh lời thô, lời êm ái đều hướng về nghĩa cao quý có thể ưa thích nên gọi là ái ngữ.

Trong thật đế, nói nghĩa thật ngữ của Pháp ngữ đều thuận theo môn thuần tịnh nhất ngữ có khả năng điều hoà tất cả. Cho đến trí pháp không của vô tránh phát ngữ, vô duyên mà sinh tâm ân ái. Phần tổng kết ở sau nói thường hành như tâm phát khởi gốc lành là xứng với chân tâm.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến chỉ có ích cho người là lợi:

Giải thích: Tâm lợi hành thứ bảy, khi tâm lợi ích là nêu chương môn. Thật trí thể tánh là sở duyên chân như. Rộng hạnh trí đạo là có thể

duyên vào trí tuệ, nhóm họp tất cả pháp môn chói sáng là nhóm họp trí tư lương. Tập quán hạnh thất tài là là nhóm họp Phước tư lương, dùng đó để lợi ích cho người. Nói là người trước được lợi, lúc bấy giờ lại có ích cho pháp thân tuệ mạng của mình. Nói có ích cho thân mạng, nói tất cả ý là vì có nhiều tác dụng, đều giúp cho người lần lượt thực hành được thành tựu. Nói pháp chủng là tập chủng hạnh thành tựu. Không chủng là vì tánh chủng hạnh thành tựu. Đạo chủng là đạo chủng hạnh thành tựu, vì đều sinh ra quả Phật nên gọi là chủng, giúp cho người nhập vào ba mươi tâm này. Kế Giải thích : Được lợi ích là chứng tế hạnh địa thượng. Được quả vui là được tế quả sau Phật. Thân ở trong sáu đường cam tâm chịu khổ. Phần kết ý sau là chỉ cho có ích lợi cho người thì có lợi cho mình.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến đồng Pháp ba-muội.

Giải thích: Trong tâm đồng sự thứ tám, vì đạo tánh trí đồng với Pháp không vô sinh là nêu chương môn, nghĩa là địa vị này, trí xứng với lý không. Kế là nói về hành tướng, sinh không hai là sinh không chân như, Trí hạnh tương ưng nên nói là đồng với kia. Lại pháp không hạnh đồng với bản nguyên của pháp không như tướng. Vì các pháp thế gian thường chuyển nên nói thường sinh, thường trụ, thường diệt. Đối với sự trôi lăn này tuỳ hỷ mà nhập vào đồng sự. Tuy hiểu pháp không là giống nhau nhưng Vô sinh và tự tha đồng với mình mà không có vật giống như để làm lợi ích cho muôn vật nhập vào ba-muội Đồng Sự.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến mà không thật có.

Giải thích: Tâm định thứ chín. Lại từ tâm định trong là nêu chương môn. Kế là nói về hành tướng, từ định phát tuệ, niệm niệm lặng soi vì lìa nói suông. Đối với pháp ngã sở tức là mười tám giới sở chấp khắp. Văn này có thể nói là ngã Pháp, sở Pháp, nghĩa là bảy giới tâm gọi là ngã Pháp. Phần nhiều chấp thức uẩn là ngã. Mười căn trần sắc, Pháp xứ sắc, v.v... gọi là sở pháp. Ở dưới nêu ra thể rằng: Thức giới, sắc giới, ở đây không dính mắc nên nói bất động chuyển. Mười chi thiền là: 1./ Tầm; 2./ Tứ; 3./ Hỷ; 4./ Lạc; 5. Tâm nhất cảnh tánh; 6./ Nội đẳng tịnh; 7./ Xả; 8./ Niệm; 9./ Chánh tri; 10./ Thọ không khổ không vui. Dùng một niệm trí quán cả hai không. Tất cả ngã, nhân không hợp tan là quán sinh không. Trong ngoài hiện chủng không hợp tan là quán Pháp không. Nói chúng sinh là các thực hiện hành. Không có tánh chất nhất định là nói không hợp. Duyên hợp dường như có là nói không tan. Vì sao? Vì sinh khởi tạo tác do các duyên nhóm hợp thành, tìm thật tánh của nó đều không thật có.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến Bách Pháp Minh Môn. Giải thích : Trong tuệ tâm thứ mười; khởi tâm tuệ kiến là nêu chương môn. Triền là trói buộc, tuỳ miên là tật bệnh, vì là gốc các khổ. Nói thuận nhẫn là cảnh thuận trí. Tuệ tánh khởi ánh sáng rực rỡ, là vận vận chiếu. Một ngọn lửa rõ ràng là một thế nhiều dụng. Thấy hư vô thọ là duyên không chẳng chấp. Tổng kết rằng: Tuệ phương tiện là tuệ hạnh khéo léo, có công nặng sinh giai vị Mười Trường Dưỡng tâm này, vì tâm này nhập vào lý không, sinh khởi Không đạo. Tạp tu nhân bi trí sẽ phát được tâm Thánh Vô Sinh.

Kinh chép: Lô-xá-na cho đến gọi là Tín vô tướng.

Giải thích: Mười Kim Cương thứ ba đầu tiên là phát tâm hướngvề, kế đó là Trưởng dưỡng xong. Nay dụ cho kim cương không thể hoại. Trong sơ tâm này, tin là nêu chương môn. Các kiến gọi là dính mắc là giải thích nghĩa kiến, vì chấp đắm nên kết có tạo nghiệp là với lấy quả khổ, tạo nhiều kiết tập. Ở đây phải không thọ mới bước vào không vô vi. Nói ba tướng không là nêu chung ba tướng vắng lặng. Vô vô sinh:là riêng phá ba tướng, nghĩa là sinh trụ diệt có tướng năng sở. Nay vi hai không nên nhắc lại vô vô. Dứt sinh năng sở, nói là vô vô sinh, văn này có thể nói, vì vô vô sinh nên trụ vô sinh. Vì trụ vô sinh nên năng trụ và sở trụ đều không. Vì trụ trụ không, nên diệt diệt cũng không. Nói có tất cả pháp không là còn pháp vô ngã chân như, vì ngăn bớt lỗi. Nói diệt hết dị không là là trí hai đế lẫn lộn nên nói tận diệt, còn có phần kiến cũng nói là dị không. Sắc không là sắc ấm không. Tế tâm tâm không là bốn ấm không. Vì ba đời tâm không nên hai đế tín vắng lặng vô thể tánh hoà hợp. Lại thuộc về các duyên, không có tánh chất nhất định, nên sở thuộc duyên cũng không. Kế là tổng kết nói đúng chủ là ngã nhân, gọi là Dụng, nêu danh tự công năng của thể thật ngã. Ba cõi là giả ngã, ngã là hai giả ngã: người giả ngũvà Pháp. Giã ngũ .Nhóm họp Mười tướng vô đắc là thật ngã, giả ngã không thật có một tướng nhóm họp. người, Pháp đều không gọi là Tín vô tướng.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến cũng như vậy.

Giải thích: Khởi niệm trong niệm tâm thứ hai là nêu chương môn. Trong sáu niệm thường giác là niệm Phật, cho đến nhiếp lấy ba phần là Pháp, tăng, giới. Nói thường thì là niệm thí, quán thật tánh kia đều là thường. Đệ nhất nghĩa đế là niệm thiên, vì quả Phật thường niết-bàn là đệ nhất nghĩa thiên. Nói không vô trước, vô giải, v.v... là quán cảnh sở niệm là không, không thể trói buộc, huống chi là có giải thoát. Ba tướng đã không, không động, không đến đi, vì bặt cấu vết. Nhưng đối với việc

làm thì hoàn toàn hợp với chân tướng, lại trở về gốc nhập vào Pháp giới trí, vận vận thêm sáng, nói tuệ tuệ nương nhau. Vận vận biết không nói thừa thừa vắng lặng. Tướng niệm niệm lẫn lộn mà nói vô thường. Theo truyền thuyết thời thượng cổ, tướng tuệ tuệ trụ gọi là quang quang, thì tướng kia diệt gọi là vô vô. Tướng hậu hậu sinh gọi là đời đời, tướng tuy trôi lăn nhưng tánh không khởi, vì năng lực nhóm họp , chuyễn đổi không đạo, biến xả lỗi trước chuyễn được hậu thắng, vận vận thâm lớn, bản mà có kém không nên nói là biến biến, bản không mà thắng có nên nói chuyễn hoá, xoay vần thắng sinh nên nói hoá hoá chuyển chuyển. Lúc sau chuyển trước dời như thế như gọi hai đầu đồng thời trụ. Một tướng ngọn lửa là niệm niệm tuy khác như hằng một tướng, gọi là Vô tướng. Sinh diệt nhất thời là sinh diệt tuy khác nhưng đựng chứa trong một niệm. Kế là quy định sinh diệt ba đời cũng như vậy. Biến rồi là quá khứ, chưa biến là vị lai, biến là chánh biến, tức là hiện tại vì ba đời đồng thời nên nói biến hoá, cũng được một thọ, thọ là dung thọ và một niệm dung chứa.

Kinh chép: Nếu Phật tử, cho đến tâm giải thoát:

Giải thích: Trong thâm tâm thứ ba, thâm tâm là nêu chương môn, tức là hồi hướng tâm vì mong ước sâu xa. Đệ nhất nghĩa không là nêu câu. Đối với biến kế không trí chiếu có Trung đạo, nghĩa là mười hai chi không phải thường không phải đoạn gọi là Thật đế. Chấp hữu tình,vv... gọi là Tục đế. Đối với hai đế này vì rõ hai không nên nhắc lại thâm thâm, tướng ra vào vắng lặng là nói không đến đi. Kết Trung đạo là nói mười hai nhân duyên thọ huyễn hoá thọ quả, nên lìa bên bớt, nhưng không thật nên lìa bên thâm, vì thế hàng phục chướng tâm được giải thoát.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến không thật có.

Giải thích: Trong đạt tâm thứ tư đạt chiếu là nêu chương môn. Nhẫn thuận tất cả thật tánh, là ấn thuận chân tục, không có tánh điên đảo, tánh tục không trói buộc, tánh chân không giải thoát. Nói vô hại là nêu chung, bốn phần khác xuất hiện như pháp đạt, v.v... Pháp nghĩa Như thứ lớp, từ ngữ giảng nói vô ngại. Vô ngại gọi là đạt. Sở đạt nhân quả ba đời, sở hoá cân hạnh chúng sinh, như như không thêm không bớt, thể tánh đã không, Pháp dụng không phải thật, Pháp dụng không phải giả, không giả gọi là dụng, vì không có ba dụng nên nói dụng dụng không, thể dụng không kia cũng không nên nói là không không. Như xứ duyên không, năng chiếu cũng không, ấy gọi là thông đạt tất cả Pháp không. Kết hành tướng của trí là không không, tướng như như, không thật có.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến mà không thọ: Giải thích : Trong trực tâm thứ năm, trực là nêu chương môn. Hạnh không tài vay gọi là Trực tâm. Nói trực chiếu là giải thích danh từ trực tâm. Giải thích trí chấp cảnh duyên ngã vào lý Vô sinh, gọi là Trực tâm. Do năng lực vô minh đã chấp thần ngã đắm chìm trong hai không. Tuy tâm duyên vào lý hai không ở chỗ có vô ngã nhập, ở nơi không thật ngã, nhưng không dính mắc vào sự có không, chẳng hư mất lý không. Lý không là hạt giống của Phật đạo. Như Du-già rằng: Hạt giống sở duyên là duyên của chân như, chẳng hư mất lý không, nên gọi là Đại thừa, tương tự vô lậu Trung đạo nhất vị quán mà giáo hoá mười phương. Chuyễn tất cả chúng sinh là chuyển phàm phu hướng về quả Thánh. Khi chuyển chúng sinh, đều dùng, tánh không trực trực của Tát-Bà-nhã, vì hương về tánh chân không của Bồ-đề. Chánh tánh của hai không gọi là Trực trực tánh. Kế là tổng kết trực hạnh đối với không, nên chẳng bị trói buộc trong ba cõi. Phiền não căn bản là chính.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nhất đạo nhất chiếu.

Giải thích: Trong không lui sụt thứ sáu là, tâm không lui sụt là nêu chương môn. Chỉ tiến không suy nghĩ gọi là tâm không lui sụt. Cổ sư Giải thích : Phàm phu có hai: Từ Tập chủng.vv... trở xuống gọi là Ngoại Phàm, ba mươi tâm Địa tiền gọi là Nội Phàm. Nay không lui sụt vào ngoại phàm. Không khởi trưởng dưỡng các kiến mới là hàng phục hoặc phân biệt, không khởi tập nhân tương tự ngã nhân, vì dần dần hàng phục câu sinh. Tuy nghiệp trôi lăn chuyễn trong ba cõi, nhưng cũng hành vị không không lui sụt. Lại giải thoát chướng hiện hành đối với Đệ nhất Trung đạo, vì cảnh trí hợp nên thực hành lui sụt, lại đối với bản tánh không chánh niệm không lui sụt, không sinh chứng giải y nói không sinh quán trí, như như nối nhau như thế. Tâm thừa thắng như thế nhập vào không hai. Kết rằng: Thông thường đối với không, sinh tâm nhất thừa thuần tịnh, đây là không lui sụt nhất đạo nhất chiếu.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến vượt qua được biển khổ.

Giải thích: Trong tâm Đại thừa thứ bảy là, riêng tâm Đại thừa là nêu chương môn.

Riêng nghĩa là không cùng, kế là nói chuyên chở vận tải. Giải giải nhất không: là cả hai nương vào hai không, chứng nhất chân pháp giới vì đồng Pháp giới là , rõ hạnh ba thừa đều là nhất thừa. Nhất không trí của Bồ-tát thừa này tu cả phước và trí, gọi là trí thừa hạnh thừa.

Nói thừa trí là nhắc lại sự vận hành rõ ràng ở trên, gọi thừa la nhắc lại sở tu phước trí ở trên văn bản, nhắc lại trí là năng tu không trí

ở trên. Nói tâm tâm là niệm niệm, sát-na-sát-na nhậm tải hành là nhậm dụng tư lợi. Nhậm tải hành là nhậm độ chúng sinh. Nói độ qua sông ba cõi là độ khổ, vượt qua sông trói buộc là độ hoặc, qua sông sinh diệt là độ nghiệp. Vì thế hành là ngồi thừa như trên, trí nhậm dụng tải dụng tương ưng với tâm hướng về biển Phật, nên các chúng sinh chưa được thừa dụng chỉ là nương vào biển mà được độ.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nên tâm vô tướng.

Giải thích: Trong tâm vô tướng thứ là , tâm vô tướng là nêu chương môn. Kế là nói về hành tướng, nghĩa là tâm mất tướng, chiếu soi thật tướng bát-nhã không hai. Lại đối với tất cả nghiệp quả phiền não, như như nhất đế cũng thực hành không vô sinh, tự biết sẽ thành Phật, hiểu rõ bình đẳng của ta. Phật là tánh bình đẳng. Hiện Thánh hạnh đồng với của ta là lời kết đều giống với không Vô sinh nên tâm vô tướng.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nhập vào tất cả Pháp.

Giải thích: Trong tâm thứ chín là, như như tuệ là nêu chương môn, kế là nêu sở duyên, rằng Vô lượng pháp giới không có tập nhân, không có quả thọ sinh, cũng bị phiền não trói buộc nhiều đời, như biết cảnh thắng nghĩa. Tất cả pháp môn thế tục là đạo mà bậc, Ba Hiền đã thực hành, mười bậc Thánh đã quán là pháp mà cũng biết như thế, chẳng những đã biết, phương tiện giáo hoá bên ngoài cũng đều nhóm họp vào tâm, vì được chánh phương tiện, công dụng của ngoại đạo tà kiến điều huyễn hoá, ma nói và Phật nói khác nhau đều phân biệt, vào chổ hai đế, vì đế chẳng phải một, vì giải chẳng phải hai, không có ấm, giới, nhập, tức là chỗ chiếu sáng của tuệ quang. Nhưng tánh chiếu của tuệ quang thì nhập vào tất cả Pháp, vì khi chứng chân, suy nghĩ tất cả Pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nói rộng.

Giải thích: là Tâm bất hoại thứ mười là nêu chương môn. Kế trong phần nói về hành tướng, có khả năng bước vào Thánh trí gần với phân biệt hai chướng giải thoát, chỉ được phương tiện chánh môn của Thánh đạo. Đối với tâm cuối cùng này, mở bốn gốc lành vì biết được biết thêm nên gọi là biết rõ tâm Bồ-đề. Trong phục nhẫn rất thuận với lý không. Tám ma là: Khổ, không, vô thường, vô ngã, sinh, già, bệnh, chết, không bị tám thứ ma này khuấy rối, truyền thuyết như vậy, nên nhàm chán sinh tử, ưa thích niết-bàn Tiểu thừa, lui sụt tâm Bồ-đề, lập thành ma. Đã nói hành tự phần rồi, kế là nói các Thánh năng lực của thắng phần. Nói Chư Phật khuyến phát là người này gặp Phật rồi Phát ngộ, kia nhận năng lực che chở rồi nhập vào định Ma Đảnh, được năng lực che chở của ba nghiệp. Ban đầu thân được năng lực che chở liền phát ra ánh

sáng. Nhập vào nghị thần thức của Phật là truyền thuyết nhóm họp oai nghi tế hạnh của Phật, kế là ý thêm sức chứng địa tương tự không khác với tâm, nhưng không thật chứng, trung quán trí đạo chân môn này, lại dùng năng lực định trong môn thế tục, thấy vô lượng cõi. Sau đó nói thêm lực hiện vì nói pháp.cho nghe bấy giờ, Đỉnh Thiện đã nương vào ba-muội chứng sở chấp không, trong địa bình đẳng, nhiếp tướng về thức, tổng trì đầy đủ. Tâm tâm hạnh không là khi hạ mình nhẫn nhục, là ấn sự chấp không. Nói không không tuệ, Trung đạo vô tướng chiếu là đầu tiên nhẫn trong không thuận có thể chấp không, sau đó nhẫn không bậc thượng, ấn năng chấp không, lại không có tướng khác nên nói không có sự chiếu soi. Vì trong Pháp vị Thế đệ nhất gian ấn cả hai không, nên nói tất cả tướng đều diệt, định Vô Gián này không bao giờ lui sụt, lại nói về môn kim cương ba-muội. Từ đây nhập Thánh, ở trong một thân tu tất cả hạnh, nên nói nhập vào tất cả hạnh môn, tức là nhập vào Sở địa hư không bình đẳng địa. Kinh Phật Hoa là chỉ cho kinh khác.

Kinh chép: Lô-xá-na nói cho đủ chừng trên đều sợi lông.

Giải thích: là trong Mười địa, nhắc lại câu hỏi rất dễ hiểu. Trong sơ địa này là nêu chương môn. Nói bình đẳng tuệ thể tánh địa là bình đẳng tuệ là trí năng chứng, thể tánh là sở chứng chân, địa tức là chung. Kế là trong hành tướng, Pháp chân thật là môn nội chứng, hoá chân thật là môn ngoại hoá, đủ hai loại này gọi là tất cả hạnh, chân vô lậu, hạnh chính là cảm quả Phật nối là hoa. Thật phá hạt giống đen tối gọi là quang, chứng khắp pháp giới nói là đầy đủ. Quả tứ thiên là nhiếp quả báo. Thừa dụng nhậm hoá là môn hoá của thế tục. Vô phương, lý hoá là môn hoá của thắng nghĩa. Đối với mười lực, v.v... đều được nhập vào. Như Du-già chép: Phần sơ địa trở lên được trăm bốn mươi Phật Pháp bất cộng. Tịnh độ đại nguyện là có thể nguyện trụ cõi tha thọ dụng. Tất cả luận là ngũ minh luận. Tất cả hành là trong năm minh kia có nhiều sự tạo tác. Ngồi trên quả vị Phật tánh là đã bước vào đại địa, tất cả chướng ngại phân biệt khởi chướng. Nhân quả của phàm phu là đường ác, châu ở phía Bắc, trời Vô Tưởng, v.v... Từ một cõi Phật bước vào vô lượng cõi là một nước Bất Động cho đến các cõi nước. Từ một kiếp nhập vào vô lượng kiếp là trong một niệm nhiếp lấy cả ba thời gian. Hoặc kéo dài một kiếp thành nhiều kiếp, không thể nói pháp làm có thể nói pháp là có thể nói Pháp nội chứng sâu xa. Nhiếp Pháp về trí là soi ngược lại thấy tất cả Pháp. Thường nhập vào hai đế v.v... là soi chiếu trong nhà chân tâm hai đế. Biết thứ lớp Mười địa là địa vị. Mỗi việc chỉ bày cho thấy chúng sinh là địa hạnh. Thân tâm bất biến là hiểu một vị. Mười

ác là sát sinh, v.v... Tuy biết hắc phẩm trụ ở bạch phẩm, hễ trí thấy hai tướng có không là thông đạt ba tánh. Phân phân liễu khởi là rõ sắc, vì sắc phần biệt biết sinh khởi. Nhập thọ sắc báo là nhập vào lãnh thọ báo hữu sắc,tức là chẳng bất sinh vô sắc. Mà tâm không trói buộc là tuy trụ tĩnh lự sinh cõi Dục, v.v... nhưng tuệ quang thường chiếu đầy đủ khắp chân thật nên trong lý vô sinh tín nhẫn không tuệ thường hiện tiền, tức là nhẫn thứ hai trong năm nhẫn, trong đó tất cả pháp môn là mười độ, lược nêu là kết sơ địa đại hải, dưới đây được nêu ra.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến địa thể tánh.

Giải thích: Trong địa thứ hai có ba là, chương môn địa hạnh và chỉ rộng. Phần đầu này là nêu chương. Nói thiện tuệ là lìa phạm giới ác.

Kinh chép: Thanh tịnh minh đạt cho đến gốc công đức.

Giải thích: Trong địa hạnh thứ hai có hai là nêu chung, và giải thích riêng đây là nêu chung. Thanh tịnh thấu suốt tất cả gốc lành là nêu hạnh thể của, có ba thứ; một là từ và lạc là bậc nhất; hai là gốc xả lìa nhiễm, hoặc có kinh bản có bốn vô lượng; ba là nguồn gốc của tuệ chứng đạt. Cou6 gốc của tất cả công đức là giải thích gốc lành trên gọi là nghĩa.

Kinh chép: Từ quán nhập cho đến là khổ khổ khổ.

Giải thích: Giải thích riêng có ba, ngược thứ lớp giải thích tuệ xả từ. Phần đầu cũng có hai; quán sát và hoá đạo. Nói quán nhập đại không tuệ là đầu tiên quán nhập vào tuệ chân như đại không trên hết. Từ nhập tâm ban đầu khởi hậu đắc đạo trí phương tiện khéo léo, thấy các chúng sinh đều là khổ đế, vì sao vì đều có tâm biết khổ, ba đường cho đến đường lành, trong duyên khổ mà sinh khởi thức lãnh hội. Những gì khổ là, có ba khổ. Nói như, tương truyền là tương tự như, vì chỉ cho việc mà nói. Nói thân sơ giác là năm thức. Từ dao gậy là duyên bên ngoại, từ thân là duyên trong. Căn cảnh gồm là sắc nên nói sắc ấm, vì trong hai duyên bên sinh thức biết. Thức này gọi là duyên hành khổ, xem nhẹ phần nhiều khởi xả thọ. Kế là ý thức biết đồng duyên dao gậy và thân bị thương v.v... dẫn đến khởi năm thức tương ưng với khổ thọ và căn buồn rầu của mình gọi là duyên khổ khổ. Trùng khổ khổ là bị có mặt liên tục gọi là khổ khổ. Kế là khởi cái thứ ba, chạy theo niệm ý thức gọi là thọ hành giác. Vì chỗ thọ trước chạy theo duyên hành. Trong hai giác trước là duyên vào thân v.v... biết là khéo hoại, vì sinh buồn rầu nên gọi là duyên hoại khổ, cho nên ba vị thức dần dần sinh ba khổ, nên gọi là khổ khổ khổ. Ba chữ khổ này như thứ lớp ba khổ của hành trước, v.v... Kinh chép: Tất cả hữu tâm cho đến gốc lành ban đầu này. Giải thích :

Hoá đạo thứ hai, các hữu tâm là thấy ba khổ ấy khởi lên nhân duyên của tám khổ v.v..., địa vị Bồ-tát này nhập vào đạo giáo hoá ba-muội. Nói các tai họa là khiến họ sinh nhàm chán bỏ đi, trong đó nhập định ý nghiệp tự tại. Mười là truyền thuyết: Một là tư tướng vì nói về sự tướng; hai là đồng tướng vì nói về tướng lý; ba là hành tướng; bốn là thuyết tướng; năm là trí tướng; sáu là tướng vô ngã mạn; bảy là tướng Đại thừa Tiểu thừa; tám là tướng Bồ-tát địa; chín là tướng Như lai địa; mười là tướng trụ trì. Tức là xưa nay tướng thường như vậy.(Như luận Mười Địa). Khổ thức là khổ thể, ở đây lại nói về môn Bốn đế, duyên khổ là sở y, nương vào tâm vương và căn của mình mà khởi. Duyên dao gậy đủ là cảnh bên ngoại xúc chạm. Hành khổ thức thân ung nhọt hư hoại là cảnh xúc bên trong, vì biết sở hành của khổ thức chấp lấy xúc nội thân. Dao, v.v... vì cắt xẻ thân nên có đủ hai xúc. Ung nhọt, v.v... vì tự sinh nên nói không đủ. Vì hiểu rõ có duyên sinh ra sở y nên gọi là sinh thức. Thức khởi suy nghĩ, thức là thọ thọ. Xúc chạm biết xúc chạm, một nhóm họp như thế gọi là khổ thức, để tuỳ hiển thắng lại nêu ba tâm sở. Nhưng khổ đế này, có ba thứ khác nhau: một là khổ khổ vì nương vào căn cảnh nên nói hành hai duyên, do niệm niệm này duyên vào thân ung nhọt, v.v... nên nói tâm tâm duyên săc. Tâm này đối cảnh xúc não lãnh thọ phiền não độc hại là khổ khổ; hai là hành khổ. Vì gốc của hai khổ nên nói ở trong. Nói tâm duyên thức là tên khác. Đầu tiên phát ở căn thường khinh suất Cảnh Giác sở duyên gọi là hành khổ giác. Tự thọ và cảnh xúc vừa biết, khi tiếp xúc chưa bị hại, xả thọ hiện tiền gọi là hành khổ; ba là hoại, khổ gần sinh khổ cảnh như đá nháy lửa, nghĩa là do duyên ép ngặt hành khổ, ra khỏi khổ hoại v.v... thiêu đốt thân tâm. Ở đây có hai thư: Sát-na sinh diệt tức là hoại khổ nhỏ.Nếu một thời gian thân tan hoại là hoại chuyển biến như huyễn hoá, vì hiểu rõ thức ở trong nên nói thức nhập hoại duyên. Coi trọng vợ con, v.v... Còn gọi là duyên tập, vợ con sau này bị bại hoại gọi là duyên tan. Lúc bấy giờ, tâm khổ chuyển thêm tâm não, tuy hiện tại thọ niệm, sau đó duyên tan hoại luyến tiếc mê đắm, giữ niệm niệm không xả, ấy là hoại khổ. Trên tổng kết ở là: Tất cả khổ đế của ba cõi. Kế là nói về tập đế, nghĩa là quán tâm vô minh dẫn tập vô lượng tâm thiện ác, gây ra tất cả nghiệp. Tập khí nối nhau, tập nhân phiền não, các tập nhân của nghiệp gọi là Tập đế. Sau đạo nói đạo đế là nhân chánh kiến, quả giải thoát và thể trí đạo không, không, nghĩa là trí hai không lấy chánh kiến thế gian làm nhân, giải thoát xuất thế làm quả. Dấu vết của các bậc Thánh gọi là Đạo. Kiến tu, v.v... gọi riêng là tâm tâm, tổng kết tên gọi do đạo đế của trí đạo. Sau cùng là nói

về diệt đế, đều có quả khổ, đều có nhân tập, lìa chướng thanh tinh, hoàn toàn chiếu soi thể tánh, dùng diệu trí của bậc Thánh, phân biệt năng lực vắng lặng nhất đế. Phẩm Tuệ đầy đủ trở xuống là tổng kết gốc lành của sơ tuệ, khởi không là tục trí nhập quán là chân trì.

Kinh chép: Quán xả thứ hai cho đến xả phẩm đầy đủ.

Giải thích: Nghịch quán xả gốc lành thứ hai. Đầu tiên nêu chung rằng: Quán thứ hai xả tất cả chướng tham kia mà hành xả không bình đẳng. Kế là nói về hành tướng, dùng hành vô duyên mà quán tướng nhất chân như của Pháp không. Lại quán môn bình đẳng của thế tục, nghĩa là quán đất đai mà mình đã dùng vì cữ cho nên đất đai là bình đẳng, bốn đại đều như vậy. Nay ta nhập vào đất này là lìa cấu nhiễm. không bao giờ thọ thân bất tịnh, theo luận Mười Trụ thì Bồ-tát Sơ địa đối với năm dục phiền não sinh lo buồn, các địa ở trên không phải như vậy. Từ vô thỉ do dâm ái thọ thai sinh ra thân này, đã bỏ thi thể thành đại địa, v.v... Nay đối với năm dục không khởi tai hoa thị̀ , càng không thọ thân thai sinh.

Kinh chép: kế là quán thứ ba cho đến vô lượng Pháp thân.

Giải thích: trái thứ lớp thứ ba là quán gốc lành từ bi Ba-muội Diệu Hoa là ba muội Nhất thừa thâu nhiếp chung nhân là quả vui của Phật. Sau đó kết thành lời không si, không tham, không sân, như lần kết tuệ xả trước gốc lành của phẩm thành tựu, nhập vào trí bình đẳng và bản hạnh của các Bồ-tát. Hoá hiện vô lượng pháp thân là bóng của pháp thân, như bóng trăng đáy nước.

Kinh chép: Như tất cả chúng sinh cho đến phẩm Thiên Hoa nói.

Giải thích: Thứ ba là chỉ rộng các địa khác ý theo đây.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến gọi một nghĩa khác.

Giải thích: địa thứ ba tên là Quang minh, đó là Phát Quang Địa. Trong hành tướng có hai: là năng thuyên và sở thuyên, đây là năng thuyên . Ba-muội giải thích trí là do nương vào định cao quý mà phát ra ba tuệ. Pháp môn của Phật ba đời là mười hai phần giáo, danh, cú, văn, thâu nhiếp khắp năng thuyên. Trùng tụng là ứng tụng, ở đây là nghĩa bất liễu đối ghi khác nên ở trước hai lập hia nói thẳng:là khế kinh, đây chỉ là văn xuôi vì đối vv...phúng tụng kệ, nên kế là lập hai. Không thỉnh nói pháp là tự nói pháp. Giới luật là nhân duyên, cõi Phật là bản sinh. Tích sự là bản sự, Phường chánh là Phương Quảng Vị Tăng hữu là Hy Pháp. Đàm thuyết là luận nghị. Nói danh nhất là một loại danh, cú, văn. Nghĩa riêng vì chia thành mười hai phần.

Kinh chép: Đó là danh vị cú cho đến nhân duyên quán quả.

Giải thích: Biết sở thuyên thứ hai. Phần phần thọ sinh là phần đoạn sinh, đầu tiên nhập thức vào thai, tức là giai vị của chi thức. Bốn đại làm cho sắc tâm thêm rộng lớn gọi là chi sắc. Nói sáu trụ ở trong căn khởi thật giác là có thể Phát vị thức làm chi sáu xứ, chưa phân biệt khổ vui gọi thức xúc là chi xúc. Thức biết khổ vui gọi ba thọ là chi thọ, nối nhau biết chấp thọ vô cùng là chi ái, vì hằng mê đắm ái. Dục là dục thủ, ngã là ngã ngữ thủ, kiến là kiến thủ, giới là giới cấm thủ, hợp với chi thủ. Thiện ác hữu là chi hữu, thức ban đầu gọi là chi sinh sinh, thức cuối cùng gọi là chi tử tử. Nói mười phẩm này là trừ chi vô minh và hành. Quán quả khổ nhân duyên hiện tại là năm chi như: thức, v.v... gọi là khổ hiện tại. Ái thủ có ba, gọi là nhân duyên hiện tại, sinh già chết gọi là quả nhân duyên, quán sát được kia gọi là quán.

697 Kinh chép: Trong hành tướng ấy cho đến thân tâm là hoá. Giải thích là lợi tha thứ hai. Bô-tát nghĩ rằng: Vì duyên sinh hành, vì trí trung đạo, từ lâu ta đã lìa chấp có không nên chẳng có thể tánh của chính nó, biết sở chứng rồi cũng làm lợi tha nhập vào biện tổng trì, thờ Phật thọ pháp hiện thân trong sáu đường tuỳ cơ nói pháp. Hiện kiếp hoá là như kinh Duy-ma trong một ngày kéo dài thành bảy đai kiếp, v.v... vì lần lượt hoá nên nói chuyển hoá trăm ngàn kiếp. Cõi nước khác nhau thân tâm biệt hoá tuỳ theo cõi nước ấy muốn ba nghiệp giáo hoá khác.

Kinh chép: Diêu hoa ấy cho đến phẩm ba-muội nói.

Giải thích: là giữ được chỉ rộng thứ ba, Như Lai phẩm ất có nói rộng.Kinh chép:nếu Phật tử cho đên Tịch diệt nhẫn: Trong tướng địa hành thứ tư có hai là tự phần hành và thắng tiến hành, đây là phần hành tự. Tiếng Phạn Nhĩ-diêm nghĩa là sở tri, nay vì phối hợp hai đế nên nói bất đoạn, bất thường. Như vô lượng kiếp tức là một niệm, huống chi là sinh trụ diệt một đời, một thời, một hữu. Một hữu là một diệu hữu, chân thật một vị nhân duyên không xen lẫn nên nói chủng dị dị. Nếu nhân duyên khác thì quả cũng không đồng, nên nói hiện dị, tuy là vô tướng nhưng không hoại giả danh nên nói nhân duyên trung đạo. Vì không có tánh nhất định nên gọi là Trung đạo, chẳng phải một, hai, v.v... lời văn rất dễ hiểu. Nhưng theo giả tướng thì Phật và phàm phu, v.v... mỗi mỗi khác nhau gọi là Thế đế. Nhưng quán thắng nghĩa trí đạo kia không có một, hai làm sao kia chân thật quán Pháp bình đẳng được? Cho nên nêu chung là phẩm huyền đạo định. Huyền là sở duyên, đạo nghĩa là tuệ, định là sở y. Nói tâm hạnh Phật là nêu quả bày nhân. Ban đầu biết nhân định là sơ ngộ định, không lý tức là nhân, vì biết là nhân. Thế nào là phẩm? là có mười loại, đầu tiên có ba như văn tuệ, tư tuệ, tụ tuệ, kế

là bản vị chứng hoặc bảy giác chi. Thượng giác tinh tấn, vì lên cao nên quán giác định. Vì từ quả có tên nên dựa vào giác an, xưa dịch là ỷ. Lạc là vui vẻ. Khi Bồ-tát Tứ địa dần dần dứt chướng phương tiện đạo lực từng niệm tiến vào quả nhập định giác tuệ, vì người trụ định ấy khởi ánh sáng tuệ, thấy Phật thực hành thẳng nghĩa không của thế tục. Nếu khởi niệm định thì nhân gần của định đều sinh niệm. khởi là xuất phát. Xuất định duyên pháp. Duyên không ở trước tức là nhấp vào định duyên tâm của hữu tình mà sinh ra tâm từ ái, dùng pháp thuận đạo hóa sinh, đã ưa thích gọi là pháp lạc nhẫn, giữ gìn đức không lui sụt gọi là Trụ nhẫn. Nhập chân gọi là chứng nhẫn, ra khỏi vọng gọi là tịnh diệt nhẫn, tên có khác nhau.

Kinh chép: Nên Chư Phật cho đến đã nói nghĩa nầy.

Giải thích: Hạnh thắng tiến thứ hai, ở trong nhập định mà Bồ-tát kia là do hiệu bóng hiện của Chư Phật mà khởi phát. Trăm ngàn khởi phát là pháp muôn tinh tấn. Trước định là giải thích trụ định. Tham định là giải thích vị lạc định. Nhưng pháp lành muốn chẳng tham phiền não, vì đã dứt định ái. Phát khởi là giác phát vì ngăn ngừa ba thứ tướng của phẩm định kia, định lực của Bồ-tát vượt ngoài ba cõi, gọi là tướng xuất thế, vượt qua Niết-bàn của hai thừa gọi là tướng tiến, hướng về quả Đại thừa gọi là tướng hướng về, là tướng giác phát xuất thế của ánh sáng Phật. Bồ-tát không mất sinh tử, không lui sụt Niết-bàn, vì tướng tiến giác phát nên . Không rơi vào Hai thừa , vì tướng hướng đi của giác phát. Không trụ ở giai vị nhân, ấy là công đức của phẩm Định đầy đủ, nghĩa là ma đảnh phát khởi gọi là ba-muội pháp Đảnh, lìa mất loại kém gọi là Nhẫn tượng lạc. Công đức tròn đủ gọi là dứt hẳn không còn sót là, phước của phẩm vô lượng công đức Hạnh hạnh đều là trí của ánh sáng. Thấy thường, lạc, ngã, tịnh trong thế tánh của Phật là vì khuyến cho tâm hiểu rõ, văn còn lại rất dễ hiểu, trời trăng ở trên.vv...trở xuống là chỉ cho phẩm khác.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nhân quả phân biệt. Giải thích là: Địa thứ năm nêu chương môn: Tuệ chiếu thì mới song chiếu. Địa hành có hai là : Tự phần và thắng tiến. Phần đầu cũng có hai: Trí và thông đây là phần Trí. Nêu chung là phẩm Mười Lực sinh, vĩ khởi tất cả hạnh công đức; một là dùng phẩm Nhất tuệ chí xứ lực, là trí lực xứ phi xứ, hai là tự nghiệp trí lực; ba là chủng chủng thắng giải trí lực, có thể biết ý lạc hơn kém trong sáu đường. Ý là hiện hành gọi là quả dục; bốn là chủng chủng giới trí lực, vì biết chủng tánh; năm là căn thượng hạ trí lực; sáu là tịnh lự giải thoát trí lực, biết được định khác nhau của Phàm

thánh la 1bậc có thánh, chánh định Thánh, bảy là biến thú hành trí lực, biết được thú quả phương tiện, nghĩa là biết thừa là nhân, chắc chắn sẽ đi đến chỗ quả. Và thừa là quả do nương nhân đạo. Như Đối Pháp chép : Ngộ nhập cảnh thuộc về nhập Đại thừa giúp Tiểu thừa giáo; tám là Tử sinh trí lực. Nói năm thứ mắt biết tất cả pháp là nêu tổng số. Tuệ pháp nhãn v.v.... biết tất cả pháp vì dùng mắt trời thấy các thọ sinh; chín là túc trụ tùy niệm Trí lực; mười là lậu tận trí lực, tất cả thọ như thuận hiện thọ v.v.... nhuận sinh phiền não diệt, phát nghiệp vô minh diệt.

Kinh chép: Mà thân, tâm, miệng cho đến việc dưới chân

Giải thích là: Thông lực thứ hai, vì dụng của ba nghiệp biến hóa tự tại, hoàn toàn từ chúng sinh mà hiện không thể bàn luận, bước xuống đất không cảm giác là nêu việc dưới chân.

Kinh chép: Trí sáng suốt của người ấy cho đến hiện ờ trước.

Giải thích: Thắng tiến phần hành thứ hai, trí đại minh là nêu chung. Dần dần tiến là đạo Gia hạnh. Phần phần trí là đạo Vô Gián , quang quang vô lượng vô lượng là đạo Giải thoát, pháp môn không thể nói không thể nói là đạo Thắng tiến.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến phẩm trung nói.

Giải thích: Địa thứ sáu nêu chương rằng: Hoa Quang là chánh nhân của Bát-nhã, soi cảnh phá tối kế là Trong địa hạnh ở phần đầu đã nêu chung rồi, từ thiên nhãn vv...minh trở xuống là nói riêng về mười thông, mười thông là:

1. Thiên nhãn thông, biết số đại sắc như bụi cát, chia thành thân chúng sinh trong sáu đường, mỗi thân chia nhỏ thành lớn cũng biết từng phần.

2. Thiên nhĩ thông, nói phi phi âm là phi phi thanh, theo truyền thuyết đều biết âm thanh là không, âm thanh của tất cả pháp là tất cả âm thanh khác. Có thuyết thuật là : Nghe tất cả giáo pháp.

3. Thiên Thân Thông tức là Thần Cảnh thông, biết tất cả sắc và biết các tánh như phi sắc vv... của sắc ở trong một niệm thông khắp đến các cõi nước trong mười phương lượng bằng ba đời kiếp, tùy theo cõi nước lớn nhỏ, hiện đều như vậy vì số thân nhiều như cát bụi.

4. Thiên Tâm Thông tức là Tha tâm trí.

5. Thiên Nhân Thông, vì biết việc của người, tức là túc trụ trí.

6. Thiên giải thoát thông tức: là trí lậu tận biết các phương tiện giải thoát của chúng sinh. Diệt diệt đều cùng tận là diệt mười chướng. Bốn thông sau nữa đều là sự khác nhau của tha tâm thông. Như thứ lớp biết tha định, tuệ, niệm, nguyện của người lập thành bốn. Phi định phi

bất định là thể tánh không của hai tâm trên là. Ba mươi tâm là tâm Địa tiền. Tất cả cầu là đối với pháp hay phi pháp đều cầu tu đoạn. Nói mà như vậy là chỉ cho mười chỗ thông minh như vậy, Đức Thích-ca đã nói lược.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nghe pháp.

Giải thích: Trong Địa thứ bảy có nêu chương rằng: Đầy đủ là công dụng đầy đủ. Địa hành có hai, thực hành và hóa tướng. D6ay là phần thức hành Nói trí của mười tám bậc Thánh là vì tùy phần được mười tám pháp Bất cộng. Người xưa có vị soạn sớ rằng: Trong sáu pháp đầu lỗi của thân vô lậu là lìa nghiệp sát, đạo, dâm và tập khí; hai là miệng không nói lời tội lỗi là lìa bốn tội như nói dối, v.v...; ba là niệm không thất niệm: là lìa tham sân và tà kiến, cho đến rộng nói sự sai lầm. Địa thứ hai đã lìa hẳn mười điều ác này. Nay giải thích thân vô lậu là thân không lầm lỗi, miệng không nói tội lỗi là không nói lời thô bạo. Niệm không mất niệm là không quên mất niệm. Lìa tám pháp chẳng thể không chọn bỏ. Bậc La-hán do chấp tám pháp thế gian chuyên cầu tự lợi bỏ việc lợi tha. Bồ-tát xa lìa tánh của tám Pháp, trong tất cả pháp, xả là vô chủng chủng tưởng, đối với sinh tử hay niết bàn đều không có tư tưởng khác nhau vì trụ ở đại xả bậc nhất. Thường sống trong ba-muội là tâm đều định, sáu chỗ nhập địa này đầy đủ. Sáu Pháp bất cộng thứ hai; một là dục cụ túc, đối với sự trói buộc trong ba cõi không là sợ hãi vì khả năng dứt sở tri chướng được thanh tịnh.

1. Nói cụ túc nay là nói không giảm 2/ Tinh tấn cụ túc, sở cầu được đầy đủ.

3. Niệm cụ túc là xa nhớ việc trong nhiều kiếp của người.

4. Tuệ cụ túc: chúng sinh là thế đế, tất cả pháp là đệ nhất nghĩa đế, trong bốn trọng chỉ nêu giống nhau đầu.

Giải thoát cụ túc biết các giải thoát chưa được không lui sụt.

6. Biết tha giải thoát túc, tức là định không lui sụt do định lực mà biết tâm đệ tử cũng không nhiễm. Người ấy vào trong sáu cụ túc này lại muốn khởi sáu phần sau nên liền khởi trí, một là thân tùy theo tâm hạnh trong sáu đường mà hiện; hai là miệng phân biệt nói pháp chỉ bày cho chúng sinh; ba là tùy tâm chúng sinh nhập định rung chuyển. Nói hư không hóa hoa là vì rai hoa như mưa nên khiến tâm cho chúng sinh có sở hành. Ba phần trên như thứ lớp ba nghiệp theo trí mà làm; bốn là dùng đại minh cụ túc thấy Phật quá khứ, cũng giúp cho mắt tâm của chúng sinh được thấy; năm là dùng trí vô trước thấy Phật hiện tại, v.v...; Sáu là dùng trí thần thông thấy Phật vị lai, v.v...Trong đây, đại minh

chẳng mê đắm, thần thông là thông suốt sự khác nhau trong ba đời. Của tên trí

Kinh chép: Trụ mười tám cho đến trong cõi nước.

Giải thích: Trong hoá tướng thứ hai, trước là quán môn từ bi bình đẳng, kế là lượng năng lực của mình, sau là hiện biến hóa. Trong năng lực, tất cả công đức là phẩm Phước, tất cả thần quang là phẩm Trí, tất cả Pháp sở hành của Phật là trong pháp môn chứng quả và pháp môn thắng tấn đã nhập giải.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nhập Tâm ba-muội.

Giải thích: Trong địa thứ tám có năm thứ hạnh, đây là định hạnh đầu tiên, vô công dụng đầu tiên gọi là nhập ba-muội Pháp Vương vị, trí ấy giống như định Quả Thuyết Pháp, tuy có sở thuyết như trụ trong vô tướng vô công dụng nên nói giống như Phật. Mười tuệ đại minh như nội không v.v...ở dưới đã nhập vào môn Định, nhậm vận trôi lăn, Chư Phật đắc quả trừ âm thanh giáo hóa mờ tối nhập vào tâm định của Bồ-tát, hoa có công năng đắc quả, quang là trừ tối tăm.

Kinh chép: Không tuệ cho đến` không thể nói.

Giải thích: Tuệ hạnh thứ hai là nội không vv..., như luận´ Biện Trung Biên luận Đại Trí Độ có nói rộng. trong thứ mười này có lẫn lộn thứ chín. Tổng kết địa bình đẳng của mười tánh không, có thể dùng mười môn giả thuyết nhưng vì không dính mắc nên cũng không thể nói.

Kinh chép: Thần thông đạo trí cho đến nhất thời hành.

Giải thích: Thông hành thứ ba là trí thần thông biết khắp các việc. Nhập vào vô lượng cõi thần thông chiếu cảnh như mắt thấy sác, trí chân thật còn lại đạt sự đạt lý, hạnh giải sâu sắc nhỏ nhiệm như ý thức hiểu rõ. Nói pháp độ tất cả chúng sinh là sự hiểu biết của mình truyền lại cho chúng sinh. Pháp thân Bồ-tát thị hiện các hóa thân tương tợ với quả. Nói nhập vào quả Phật là số Chư Phật, huống chi là số Cửu địa Mười địa. Bình đẳng môn là môn Đà-la-ni, v.v... đã vận hành trong môn chân như mà một thời, một niệm tu hành rất tự tại.

Kinh chép: Kiếp nói phi kiếp cho đến Phật nói chẳng phải Phật.

Giải thích: Thuyết hành thứ tư, kiếp không chẳng phải kiếp, nhưng không đều không, chẳng phải kiếp nói là kiếp, ngoài ra đều y´ theo đây.

Kinh chép: Mà ra vào cho đến trong phẩm đã nói.

Giải thích: Chiếu hành thứ năm, ba-muội Chư Phật thì tánh là truyền thuyết vì quả đức tương ưng. Phản chiếu là soi lại chính mình.

Nói thuận nghịch là như quán duyên khởi thuận nghịch, ngoài ra đều tùy theo cảnh. Từ Bật Động vv..., trở xuống là nói về năng lực trí hạnh, vì lìa công đức nên nói là Bất Động hàng phục dứt hẳn nhiễm ô nên nói bất đảo, thường chứng chúng sinh là không nên nói bất xuất, Pháp không, chẳng nối nhau nên nói bất nhập, vì không bao giờ còn chịu sinh phần đoạn tử nên nói bất sinh bất diệt. Kết văn rất dễ hiểu.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến không có lúc

Giải thích: Trong địa thứ chín nói Phật Hoa Nghiêm là vì có đủ bốn hạnh trang nghiêm vô ngại. Địa hạnh có hai; Trong chứng và ngòai hoá. Phần đầu hiện định oai nghi của Phật và nói pháp định tự tại vương vì thường hiện tiền nên không còn ra vào lúc khác.

Kinh chép: Từ mười phương cho đến vô lượng ý.

Giải thích: Ngoại hoá thứ hai, mười thế giới là cõi Đại thiên ở mười phương nên sở hiện thân khác, tướng tốt đầy đủ tự tại vô ngại đồng với hư không, vô lượng đại bi trí tuệ quang minh phước tướng trí tướng, trang nghiêm Pháp thân. Nói tất cả pháp ngoài v.v...là chẳng phải pháp hướng sinh mà thực hành hướng sinh, chuyển các cõi ma về các cõi Phật, vì tánh bình đẳng nên nói vô ngại. Quang quang chiếu là hai thứ không, tuệ tuệ là hậu trí kia minh viêm minh viêm là giải thoát không xem hở. Đầy đủ bốn vô úy, bốn tâm vô lượng, mười lực, mười tám, Pháp bất cộng, tám giải thoát v.v...Không trụ niết bàn, không trụ hai bên, vô vi một đạo, chướng sở tri thanh tịnh, làm cha mẹ các chúng sinh, v.v...nói pháp cùng kiếp giúp họ đắc đạo quả. Từ bờ sinh tử đứng dậy là từ lúc mới phát tâm đến tâm Kim Cương? Tất cả hạnh nguyện hiện ở nhất tâm, vào cõi chúng sinh để giáo hoá.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến gọi là địa của cõi Phật.

Giải thích: Trong địa thứ mười nêu ý rằng: Vào cõi Phật là nhận chức vị. Lại trong địa hạnh có hai là , hạnh công đức và hạnh thắng lợi. Phần đầu đây là trước là ra khỏi thể dụng gọi là đại tuệ không cho, nhưng dụng của hai không cũng lại chẳng có không, nên nói không không lại không, lại năng thủ sở thủ không vì đã bình đẳng không nên nói như hư không, trí tánh bình đẳng v.v.....có tánh quả đức, mười đức đầy đủ. Đây là nêu chung. Mười là mười hiệu; một là Như lai, pháp giới thanh tịnh một tướng vô vi, trong đó Pháp thân tinh thần rỗng rang thể một, tất cả sự pháp lẫn lộn, đồng với Pháp tánh, không có đến đi, gọi là Như lai. Nhưng kinh nêu nghĩa cuối cùng phối hợp tên; hai là ứng cúng, trí phải thuận theo cảnh, vì dứt nên không thọ thân sau, pháp thân không hai nên cúng dường chánh pháp; ba là chánh biến trí, trùm khắp

hữu tình và khí thế sự, vì biết khắp các pháp và hữu tình. Chánh giác sở tri gọi là chánh tri. Không hề đắm nhiễm gọi là trí giải thoát của bậc Thánh; (699) bốn là Minh Hạnh Túc, vì nhờ hạnh tăng minh đã được đầy đủ; năm là Thiện Thệ, Thiện thệ ở trong Phật Pháp ba đời, Pháp cao tột ấy đồng với Phật trước. Khi Phật nhập diệt thì thường được lợi ích nên nói khứ thời thiện thiện. Khi Như lai xuất hiện ở đời cũng có lợi ích nên nói lai thời thiện thiện. Gọi thiện thiện là kết Thiện thệ. Sáu là Thế Gian Giải, Bồ-tát tu hành, trên đã nói năm thứ đức hạnh, vào trong thế gian giáo hóa chúng sinh giúp họ được giải thoát; bảy là Vô Thượng Sĩ, trên các hành pháp nhập vào oai thần giống như nghĩa sự hiện trong sở hành của Phật; Tám là Điều Ngự Trượng Phu. Vì giải thoát thế gian mà điều phục như thuận phiền não ngang bướng của chúng sinh; chín là Thiên Nhân Sư, người kia đã hỏi xin thọ Pháp nên gọi là Thầy; mười là Phật Thế tôn, Pháp thân không hai, trí thân thường còn, đại mãn gọi là Phật, tất cả lễ bái và tôn kính nên gọi là Thế tôn. Kế là tổng kết giải thích địa danh của cõi Phật là chỗ thọ giáo của tất cả người thế gian, vì thế nơi này là nơi giác ngộ, bước xuống để nhập vào cũng gọi là giới địa, có công năng giữ gìn chỗ tròn đầy của các Thánh.

Kinh chép: bấy giờ, cho đến giống với Phật đạo.

Giải thích là: Hành thắng lợi thứ hai, Bồ-tát Mười địa ngồi trên tòa hoa sen, được pháp thân Phật xoa đầu thọ xý, được bạn đồng kiến, đồng học khen ngợi. Nói Pháp thân là như cách một lớp vỏ mỏng thấy được báo thân, đức bên trong đã được đầy đủ, lại được tất cả Phật, Bồ-tát thỉnh xoay bánh xe pháp, làm lợi ích thế gian, bánh xe pháp được quay gọi là Hư không tạng, dung chứa rộng khắp môn hóa đạo.

Kinh chép: Lúc bấy giờ cho đến nhất tâm mà làm.

Giải thích là: Phó chúc thứ năm, không thể nói số tên, số này là một, chứa nhóm đến trăm ngàn Hằng sa pháp môn. Hằng sa` ao vô Nhiệt Não trên đỉnh núi Hương Sơn chảy ra bốn con sông ở phía Đông này rộng hơn bốn mươi dặm, tiếng Phạm lẽ ra nói Tăng-già, không khác từ ngữ dịch đúng, nghĩa là từ cõi trời đến, nguồn sông trên đỉnh núi, chỗ người không thấy. Như Câu-xá chép: không thông chẳng thể đến, nhưng thấy nước sông kia dâng cao đúng lúc mưa rơi xuống, bấy giờ, người đời bèn Giải thích từ cõi trời đến. Một hà sa này là một số lượng, cho đến trăm ngàn, theo số lượng kia thì nay phẩm Tâm Địa thứ mười này là khoảng như đầu sợi lông. Phật Phó chúc rằng: Đây là môn và học giảng nói Phật và Bồ-tát ba đời, vì ta đã nhiều kiếp tu nên được thành Phật, vì phát ra ánh sáng chẳng phải một nên nói là quang quang,

nói cõi Phật tịnh uế trên ngàn cánh sen, các thầy đều cchuyển hóa tất cả chúng sinh, Chư Phật lần lượt giảng nói.

Kinh chép: bấy giờ ngàn hoa cho đến thế giới rồi mất. Giải thích : trong truyền thuyết về sự hóa độ thứ hai của đoạn lớn ở dưới là báo ân mà biết hóa.Đây là phần báo ân,pháp có thể lập lại

Kinh chép:mất rồi cho đến trong phẩm nói.Giải thích đây là biệt hóa thư hai,đều trở về cõi mình biệt hóa chúng sanh.Trong đó có hai: có hai, thực hành nội môn của Hiền Thánh, truyện đầu tiên phát tâm giới ngoại môn. Phần đầu cũng có hai, lời tựa chung của người dịch kinh và giải thích riêng Đây là lời tựa chung của người dịch kinh,. Tên gọi ba-muội ấy gọi như phần giải thích ở trước, căn cơ của các bậc thánh Tiểu thừa và Đại thừa thấy có khác nhau. Chỗ thấy của các Bồ-tát là ban đầu thành Phật đã đến cung vua trời Đại Tự Tại cõi Tứ thiền phát ra ánh sáng tiếp chúng. Kính thờ Lô-xá-na, nghe phẩm Tâm Địa trở về dưới cội Bồ-đề xuất định, giảng nói Mười thế giới hải. Cây Bồ-đề là cây Tất-Bát-la ở cách thành Già-da hai mươi bốn dặm về phía Tây nam. Chất vàng rắn chắc gọi là kim cương, thích hợp là tòa kim cương thể. Quang trung tối thắng gọi là tòa Quang Vương. Diệu Quang Đường: Hoa Nghiêm nói là Phổ Quang Đường, nhờ Phật phát ra ánh sáng mà có tên. Đạo tại tràng tịch diệt nước Ma-già-Đà ở cách cây Bồ-đề ba dặm, diệt sự sinh tử gọi là đạo tràng Tịch diệt. Mười thế giới hải: phẩm thứ hai của Hoa Nghiêm chép là biển thế giới Liên Hoa Tạng. Kế là phương Đông có thế giới biển, mười phương như thế đều nói tên khác, rộng như thuyết kia, trừ Liên Hoa Tạng nói là Mười thế giới hải, lượng thế giới hải như đã nói ở trước. Mười trụ, Mười hạnh, Mười hồi hướng là phần trước đã nói Mười Phát Thú v.v... Mười thiền định: văn này lần lượt sẽ nói về bốn gốc lành, vì hoàn toàn tu tuệ nên nói nghiêng về định. Thiền na, Hán dịch là Tịch tĩnh. Những gì là mười? Như Phẩm Mười Định trong kinh Hoa Nghiêm chép. Trong phẩm thiền thứ sáu của kinh Thiện Giới có mười thứ thiện thanh tịnh vắng lặng, nhất thế pháp thiền vắng lặng thanh tịnh v.v.... mười nghĩa ấy là gì? Tụng rằng:

Lậu vô lậu cận phần,
Căn bản và thắng tiến,
Bờ mé nhập trụ xuất,
Quyết trạch phần là mười.

Y theo quyển thượng này Mười Kim Cương tức là Mười Hồi Hướng. Trong Tứ Thiên nói vì sao cõi Sắc lại nói hồi hướng. Sư Chân Tạng ở Châu B8ác Tịnh nói: cõi Sắc đề nói các vị thông hành, như

Hoa Nghiêm quyển ba mươi chín nói: Mười Kim Cương Tâm nghĩa là Bồ-tát phát tâm như thế, ta phải biết rõ tất cả các pháp đều không có thừa, là phát tâm kim cương thứ nhất, cho đến nói rộng, Mười nhẫn là trong phẩm Du- Già Nhẫn chép: Nhẫn thanh tịnh có mười, như phẩm kia có nói rộng. Lại Kinh Thiện Giỏi Phẩm Nhẫn trong nói là mười, mười nguyệǹ , như Kinh Hoa Nghiêm nói teong kinh , phát tâm Bồ-đề sẽ dẫn ra giải thích.

Kinh chép: bấy giờ, Đức Thích-ca cho đến tám ngàn lần đến thế giới Tà -bà.

Giải thích: là Giải thích riêng thứ hai, nghĩa là có người nghĩ rằng: Nói từ khi mới thành Phật là lúc nào? Nên nay Giải thích : Đây là hóa thân của đức Thích-ca, đầu tiên ở cõi Liên hoa từ Phật gốc hiện ra, từ phương Đông đến cung trời Đâu-suất nói kinh Ma Thọ Hóa hạ sinh nhập thai. Cho đến hiệu là Phật Thích-ca Mâu-ni. đây nêu là thành đạo. Các kinh khác chép: Ngồi dưới gốc cây hàng phục ma quân. Vì sao kinh này nói là: Phật nói kinh Ma Thọ Hóa rồi mới hạ sinh? Giải thích : Các ma chẳng phải một, giáo hóa có trước sau, như kinh Đại Tập chép: Ma Vương có trăm ức, nếu hễ hàng phục là không còn thừa thì sau khi Phật diệt độ, ai khuya6ý rối sự kiết tập, vì nói lên năng lực cao siêu thường hàng phục ma. Như Hoa Nghiêm chép: Vì nói lên năng lực công đức của Bồ-tát không thể hoại. Giáng sinh cõi Diêm-Phù-Đề là tướng nhập thai. Tiếng Phạn là Thiện-bộ, Hán dịch là Thắng kim. Như Phẩm-Diêm-Phù-Đề trong kinh A-hàm chép: Dưới cây Diêm-phù có lớp vàng dầy bốn mươi do-tuần, gọi là Thắng Kim, vì trong vàng có chất quý tức là vàng Diêm-Phù-Đàn. Ma-Ha-Ma-Da, Hán dịch là Đại Thuật.

Bảy tuổi xuất gia v.v.... có lẽ à kinh này chép sai, vì nói cưới vợ rồi mới xuất gia. Truyện Tây Vực chép các bộ có sự thấy nghe khác nhau, nghĩa đúng là như Kim Quang Minh chép. Đạo tráng tịch diệt vv... trở xuống là nói vể thởi gian,là thành phật rồi,thờ phật Lô-Xá-na ở cõi thiền thứ tư thích thọ phát tâm địa,trở lại Đạo tràng nói Mười thế giới hải, như lần trước đã giảng, trải qua mười trụ xứ, cho đến giảng Phẩm Tâm Địa Pháp môn trong cung vua trời Ma-hê-Thủ-la thứ mười, các vua Đại Phạm Cúng Dường cờ báu mành lưới, do đây mà nói Pháp, cho đến dạy rằng: Nay ta đã tám ngàn lần đến thế giới Ta-bà này.

Kinh chép: Vì thế giới Ta-bà này, cho đến một giới quang minh. Giải thích : Phần lớn răn ngừa cửa ác hành vi thứ hai, trong đó có ba là bài tựa, chánh thuyết và lưu thông. Phần đầu cũng có ba là thời xứ, khuyến sách và kết giới. Phần tựa thời xứ này là phần đầu các kinh, vì

giáo hóa cõi Ta-bà (700) này, từ tòa kim cương cho đến cõi thiền, thứ tư vì chỗ giáo hóa gần giống nhau nên giảng phẩm Tâm Địa xong, lại trở về cội Bồ-đề mới giảng, như giới bản của Bồ-tát dưới đây, giới xua tan lỗi tối tăm gọi là quang minh.

Kinh chép: Từ Kim Cương giới báu cho đến tự tánh thanh tịnh.

Giải thích: Pháp Vương khuyến sách thứ hai, trong đó có hai, là sách tấn phát tâm và khuyên tín nhận. Đây là phần sách tấn phát tâm , Đức Phật dạy giới là báu kim cương, nghĩa là bền chắc, có công năng giữ gìn tất cả công đức, không để sót mất vì dứt được các điều ác. Nhân quả muôn đức lấy giới làm đầu, gọi là nguồn gốc, như giải thích rộng dưới đây. Hạt giống Phật tánh là tánh thật của giới, ý là mạt-na, thức là sáu thức, tâm là thức thứ tám, sắc là năm căn, hễ có tình và tâm như thế thì đều người nào nhập vào Phật tánh, sẽ được thành Phật. Vì sao? Vì pháp thân thường có nhân, có đương đương thường trụ đương đương. Ba-Bồ-đề nhờ nói hai lần đương đương, ngay nơi quả nhân pháp vốn có, nên có đương đương mới có báo thân, hóa thân và thường trụ pháp thân. Mười giới như thế xuất hiện ở đời v.v.... là truyền thuyết Đức Thích-ca xuất hiện ở đời, vậy thì giới pháp phải thọ trì, do đây mà hiển bày được quả Phật tánh của mình, nên nay vì đại chúng này mà truyền nói. Ý nói tất cả giới bản nguyên của chúng sinh tự tánh thanh tịnh là nêu thật tánh của giới, nói lên các chúng sinh đều có Phật tánh, nên sẽ được thành Phật.

Kinh Phạm Võng Cổ Tích Ký quyển thượng (Hết).

■

PHẠM VÕNG KINH CỔ TÍCH KÝ

QUYỂN HẠ
(Phần Đầu)

PHẨM ĐỨC PHẬT LÔ-XÁ-NA THUYẾT BỒ TÁT TÂM ĐỊA PHÁP MÔN THỨ MƯỜI TRONG KINH PHẠM VÕNG

Ba tạng Pháp Sư Cưu-ma-la-Mười đời Hậu Tần dịch.

Bấy giờ, Đức Phật Lô-xá-na cho đến tự tánh thanh tịnh. Trở xuống mười một bài tụng là khuyến tin thứ hai. Niềm tin là gốc để nhập vào pháp, giới là nguồn để trụ pháp, cho nên nói kệ, lại khiến tin giới. Nhưng giới Bồ-tát lược nói có ba môn; môn thọ đắc; môn hộ trì; và môn phạm lỗi. Môn đắc` chúng sinh trong sáu đường, chỉ cần hiểu lời nói của Pháp sư. Cần phải phát tâm đại Bồ-đề trước, nghĩa là thệ nhất định chứng được Vô thượng Bồ-đề, cùng tận bờ mé vị lai làm lợi ích am vui cho hữu tình. Như Du-già chép: Tâm Bồ-đề là quyết định mong cầu, để làm hành tướng, Vô thượng Bồ-đề, nghĩa lợi của tất cả hữu tình làm cảnh, phát tâm này rồi có hai thứ thọ; một là một phần thọ, hễ thọ bao nhiêu thì ý cũng ưa thích. Hoặc thọ một giới, hoặc nhiều giới đều được thành tựu giới gọi là Bồ-tát, khác với Thanh Văn phải thọ trì chung, nếu một phần thọ thì không gọi là Tỳ-kheo, nghĩa là hiện đời đắc phải A-la-hán phép tắc viên mãn, lập ra học xứ. Mười giới, giới cụ túc đều phải thọ chung, hoặc phàm hoặc Thánh đều một khuôn phép thọ học, do nghĩa này nên phải chọn người pháp khí, trừ người có già nạn và đường còn lại. Bồ-tát thì không phải như vậy, vì tùy phần giới, nghĩa là phàm phu chắc chắn không hiện đời thành Phật, nếu trải qua tu vô số đại kiếp, từ chỉ cần hiểu lời nói của Pháp Sư cho đến kim cương, tùy địa vị của họ dần dần tu được đầy đủ. Như thành núi, biển, bụi gặt nước. v.v... làm đầu. Đã đại Bồ-đề thì không có đức nào không nhiếp, muốn thành tựu Bồ-đề thì thiện nào điều chẳng phải` nhân, tức là do nghĩa này không chọn đường sinh, chỉ cần hiểu lời nói của Pháp sư, phát tâm đều được. Tuy chỉ cần hiểu lời nói thì thọ được một giới, còn hơn tất cả

công đức của người hai thừa. Công đức của La-hán chỉ vì mình, đối với cõi hữu tình không có phần ân ích còn. Bồ-tát chỉ cần một giới là độ tất cả, không có một chúng sinh nào không có ân gánh vác; hai là thọ toàn phần, nghĩa là ba nhóm giới. Giới Nhiếp luật nghi là dứt tất cả điều ác, ác là tất cả pháp phải dứt bỏ, từ khi mới phát tâm thì dứt sát sinh vv..... Ba hiền mười Thánh dứt nhị chướng, cho đến vì pháp của Phật mà xả bỏ sinh tử. Giới nhiếp thiện pháp là từ khi tất cả pháp lành, thiện là tất cả pháp phải tu chứng, từ mới phát tâm, tùy khả năng giáo hóa, độ tất cả chúng sinh tận cùng bờ mé vị lai, chẳng thể các phàm phu đốn thệ tất cả ba nhóm giới, dần dần tu chứng viên mãn. Đã phát hạnh nguyện vô ngại như thế thì đối với các nguyện hạnh là rất vô thương nhất cho. Nên hễ y chỗ sinh ra nào thì, tâm là vua trong đó, nhưng rốt cuộc không thể thành tựu quả ấy, chỉ trừ bậc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Hộ trì thứ hai là sơ lược có mười môn; là môn tùy tâm, tùy tâm ưa trụ vào thói quen đời trước của mình, giống như thế gian tùy theo bản sắc của mình tuy một duyên chứa nước mà có mầu biếc v...v... khác nhau, nên trước vốn là một, dần dần có các hạnh khác. Như Kinh Bản Nghiệp chép: Nếu thọ một giới gọi là nhất phần Bồ-tát, cho đến thọ đủ gọi là cụ phần Bồ-tát. Nhưng ý Phật chế phải dần dần tu học khắp. Do phần thứ hai này mà có môn khắp học, như Du-già nói Thanh Văn tự lợi, còn hộ tâm người , huống chi Bồ-tát dùng lợi tha làm đầu. Nên phải hộ khắp các giới chê bai. Nhưng Trí Luận chép: Bồ-tát nơi học không thể một đời hay trong một thời gian mà thực hành khắp năm độ, như hộ ba y không thể bố thí vv... Do phần thứ ba này có môn Tùy Tánh. Khi học xứ trái nhau hiện ở trước, chỉ hộ tánh giới, bỏ già giới, như Bồ-tát nhiếp Đại thừa thì tánh tội không hiện hành, nên giống với Thanh Văn . Nhưng Du-già chép: vì lợi ích chúng sinh mà khởi ý tham thì không bị tội, sân thì trái với lòng từ, vì thường muốn làm tổn hại người. Do phần thứ năm này mà có thuận thắng môn, vì ưa thuận đại bi nên tội nhẹ, sân là trái với tâm từ nên bị tội nặng. Như Du-già chép: các Bồ-tát ấy phần nhiều có sự sinh khởi phạm tội sân, không sinh khởi tham, cho đến nói rộng.

Lại luận Trí Độ chép: Bồ-tát không khuấy sối chúng sinh là giới, khác với Thanh Văn cầu niết bàn hiện tại. Dâm dục tuy không làm não chúng sinh, nhưng vì trói buộc tâm nên bị tội nặng. Bồ-tát không cầu niết bàn hiện đời, qua lại sinh tử vì có đủ tư lương. Nhưng luận Du-già chép: Nếu muốn dứt ý ưa thích của chúng sinh kia thì phải phát tâm siêng năng tinh tấn, phiền não hừng hực che lấp tâm Bồ-đề sanh khởi

tức giận.v.v... thì không phạm. Do phần thứ sáu này mà có môn ý lạc, nhờ năng lực ý lạc nên không phạm điều ác. Như Luận Mười Trụ chép: khi tâm bỏn sẻn không cởi mở thì không thể bố thí, đời nay chưa thuần thục thì đời sau nên bố thí. Nhưng kinh cũng chép: Tâm hộ giới như tiếc phao nổi và cởi trói thân người. Do phần thứ bảy này mà có môn bố úy, vì thấy già tội như tánh tội. Nhưng kinh Niết-Bàn chép: thừa hoãn mới gọi là thong thả, giới hoãn không gọi là thong thả, do phần thứ tám này mà có môn Thành Thắng, vì làm lành có thắng lợi lại bỏ. Nhưng Luận Trang Nghiệm chép: Tuy thường ở địa ngục nhưng không chướng ngại đại Bồ-đề. Nếu khởi tâm tự lợi thì (701) chướng đại Bồ-đề. Do phần thứ chín này mà có môn Hộ chướng, tuy có làm lành nhưng vì giữ gìn Tiểu thừa. Như Đại Niết-bàn chép: Nếu các Bồ-tát trải qua Hằng sa kiếp thọ hưởng năm dục vui sướng, đối với giới Bồ-tát vẫn không gọi là phạm. Thuật : Tuy bị tham làm nhiễm ô, nhưng tâm Đại thừa không mất, không phạm vô dư, nên gọi là không phạm. Nhưng kinh Văn-thù Vấn chép : Nếu dùng tâm phân biệt tướng nam nữ hay chẳng phải nam nữ thì Bồ-tát ấy phạm tội Ba-la-di. Do phần thứ mười này mà có môn Rốt Ráo. Nếu chấp pháp tướng chẳng phải rốt ráo, như kinh Đại Bát-nhã chép: Phải dùng bất hộ viên mãn tịnh giới ba-la-mật đa, thì tướng phạm hay không phạm cũng không thật có. Phạm lỗi thứ ba là giới Bồ-tát không phạm vô dư, như có một phần thọ thì có một phần trì, khác với Thanh Văn , khi phạm một giới trọng liền phá tất cả mất tánh Tỳ-kheo. Như kinh Bản Nghiệp chép: Tất cả Bồ-tát, Thánh Phàm giới, đều lấy mất tâm làm thể, cho nên tâm cùng tận thì giới cũng cùng tận, tâm không cùng tận thì giới cũng không tận, tâm là kỳ tâm. Nếu không buông xả giới nguyện vô tận thì sẽ không có đều phạm, vì giới vô biên, nên do đây mà chuyển sinh, giới cũng thường tùy vận vận thêm lớn cho đến thành Phật, giống như nước sông ngày đêm âm thầm trôi đi tự đến biển lớn, chỉ trừ người cố bỏ tâm đại Bồ-đề thì tâm của người ấy đã cùng tận thì giới cũng cùng tận. Nhưng phạm giới trọng, lược có hai thứ một là phá; hai là nhiễm ô. Nếu do phạm phiền não trói buộc phẩm thượng thì tùy theo chi đã phạm mà mất giới luật nghi. Nếu phẩm triền trung và hạ thì chỉ nhiễm ô, không mất giới. Như luận Du-già chép: Nếu các Bồ-tát hủy phạm bốn pháp Tha thắng xứ, thường hay hiện hành, đều không hổ thẹn vv..., sinh tâm rất ưa thích công đức ấy nên biết gọi làphạm triền phẩm thượng. Chẳng phải các Bồ-tát tạm một lần hiện hành pháp tha thắng xứ, liền xả luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, khác với Thanh Văn hễ phạm liền xả. Lại phạm triền phẩm thượng tuy mất tịnh giới, kinh nói

sám hối ngay cũng được thọ lại, khác với giới Thanh Văn như chặt đầu hiện đời không thể nhập lại vào số tăng. Chỉ dẫn rộng trong giáo lý như tông yếu đã giải thích. Lại luận chỉ bàn giải thích tụng hai môn, là sáu bài tụng đầu truyền tụng môn Bản Sư, Thích-ca truyền tụng tựa Bản Sư. Năm bài tụng sau, nửa bài cuối là môn Hiển dương, Đức Thích-ca tự giảng nói tông yếu của giới. Phần đầu cũng có hai thứ , năm bài tụng đầu là nói môn Tôn Thắng, một bài tụng sau khen công năng của giới. Trong phần đầu này cũng có hai, hai bài tụng rưởi đầu là bán hiện thân môn bản mạt, hai bài tụng sau là nói pháp môn bản mạt.

Kinh chép: Nay ta là Lô-xá-na, đang ngồi trên đài hoa sen.

Giải thích : Môn hiện thân bản mạt lược có bốn lớp, đây là thân tha thọ dụng lần đầu. Theo Truyền thuyết thân này ứng vào địa thứ hai, giới Ba-La-mật là tông chỉ của kinh này, chẳng phải tự thọ dụng. Vì Hoa Nghiêm.v.v... nói thân kia vô biên. Phương là chánh. Đài ngàn cánh là chung thành tịnh độ của Bồ-tát Nhị địa, trên đài này là chỗ ở của thân. Ngàn cánh là chỗ bộ lạc được hóa độ. Như kinh Nhân Vương chép: Bồ-tát Tín nhẫn ở trong cõi nước của trăm, ngàn, muôn đức Phật, hóa hiện ra trăm, ngàn, muôn thân. Kinh Mười Địa chép: Bồ-tát Nhị địa đến ngàn thế giới gặp ngàn Đức Phật nên ở trên đài này chỉ có tòa ngồi của Phật. Trên đài ngàn cánh có thuyết nói tòa, là sai. Quyển thượng chỉ nói Phật Lô-xá-na ngồi trên trăm muôn tòa hoa sen rực rỡ ánh sáng. Đã Giải thích ta ở biển thế giới hai Liên Hoa Tạng, đài ấy có ngàn cánh sen đơm vòng, một cánh sen là một thế giới, ta hóa thành ngàn đức Thích-ca, lại có trăm ức núi Tu-di, biết rõ là cõi. Có người hỏi: Cõi kia đâu hẹp hơn viên quang của đức Di-đà?

Kinh chép: Viên quang của Đức Phật ấy giống như trăm ức thế giới Ba Thiên Đại Thiên. Câu hỏi này không đúng, viên quang của Phật không nhất định, ánh sáng của Đức Thích-ca cũng soi sáng vô lượng cõi, có lẽ đã nói đúng, nhưng so sánh về mặt rộng lớn chưa chắc gì lượng đồng nhau, như mắt dụ cho biển. Nên biết trăm muôn hoa sen làm tòa, vì sao Chư Phật dùng hoa sen làm tòa? Vì nói lên chư Phật tuy ở đời nhưng không Ô nhiễm như hoa sen không dính nước.

Kinh chép: Trên ngàn cánh sen đơm vòng, lại hiện ra ngàn Đức Thích-ca.

Giải thích là: Hóa thân tịnh độ thứ hai, theo truyền thuyết: Nơi ứng thân này với căn cơ Địa Tiền. Có người nói: chỉ có bốn gốc lành mới được sinh về tịnh độ, theo lý thì chưa chắc đúng. Kinh Tịnh Độ nói cõi khác cũng sinh, tịnh uế cùng một chỗ, tùy nghiệp mà thấy khác

nhau, giống như bốn thức, v..v... việc và tâm khác nhau. Như nói Thu Tử thấy núi, sông, Phạm Vương Loa Kế trở lại cõi báu.

Kinh chép: Mỗi cánh hoa trăm ức cõi. Mỗi cõi một Phật Thích-ca.

Giải thích là: Hóa thân cõi uế thứ ba. Nói mỗi cõi nước một núi Tu-di, vì thế giới chỉ hiện ở Nam Châu phía. Chép Du-già luận chép: một Đại thiên có trăm câu-chi cõi. Luận Tạp Tập chép: Một câu chi tính tương đương với trăm ức, vì sao trong đây chỉ nói có trăm ức? Ức có nhiều loại, Du-già lại dựa vào mười muôn làm một ức, kinh này là ngàn muôn nên không trái nhau. Ở đây y theo tướng thô lại nói một loại thế giới Tu-di, y theo sự nghiêng và đổ của bóng cây thật và bóng người thật, đều tùy theo loại ấy mà đầy khắp các phương, loại khác vô ngại, như mành lưới Nhân-đà-la lớp lớp vô tận, nhưng đều nhiếp vào biển thế giới Liên Hoa Đài Tạng, đều là nơi xoay bánh xe pháp của Phật Lô-xá-na.

Kinh chép: Đều ngồi dưới cội Bồ-đề, cho đến bản thân Phật Lô-xá-na.

Giải thích: Thứ tư nêu cõi tịnh uế, căn cơ đốn ngộ thuần thục, nhất thời trùng hóa, gom ngọn về gốc, như quyển thượng chép: Phật trên ngàn cánh hoa là hóa thân của ta. Ngàn trăm ức Thích-ca là hóa thân của ngàn Đức Thích-ca.

Kinh chép: Ngàn trăm ức Thích-ca cho đến mười trọng, bốn mươi tám giới khinh.

Giải thích: Thứ hai là nói pháp gốc ngọn. Thân Phật Lô-xá-na tuy chẳng phải cảnh phàm, năng lực che chở vì tiếp chúng mà đến, đã xuyên suốt ba đời thì không tùy thời thích hợp mà chế, nên nói ta tụng mà không có lời vị ngon. Trên hết trong các vị gọi là cam lộ, nên dụ trong lạc là tối cực niết-bàn. Ta là người đã ra khỏi môn khổ chứng an vui, nên nói nghe tụng khai mở môn cam lộ.

Hoặc nói giới kinh gọi là môn, giới sở thuyên gọi là cam lộ, giáo có công năng khai mở lý, ra khỏi cửa ba cõi, đối cơ mà hiển bày đó là khai. tâm phàm dễ kiệt, ảnh đẹp khó giữ, nên trở về đạo tràng của mình tụng giới của Bản sư. Bản sư ở đây nghĩa là bản thân, hoặc giới pháp gọi là Bản sư, vì Phật là bậc thầy.

Kinh chép: Giới như trời trưa sáng, do đây hành Chánh giác.

Giải thích: Đây là môn khen ngợi, oai lực của giới, thứ hai là Giới phá tối tăm, giống như mặt, trời mặt trăng. Trang nghiêm hành giả như châu anh lạc. Như kinh Di giáo chép: Mặc chiếc áo hổ thẹn đối với các

thứ trang nghiêm rất là bậc nhất. Hoặc nói tánh giới sáng như vầng nhật nguyệt, giáo giới trang nghiêm như chuỗi anh lạc, phá tánh tội tối tăm, trang nghiêm tánh giới. Đầu muôn hạnh lấy giới làm gốc , cuối muôn hạnh lấy Bồ-đề làm quả. Vì thế ba đời đều do giới mà được thành Phật, vì ba nhóm như ứng thành ba đức. Như Du-già chép: chỗ nhóm họp phước trí tư lương như thế, không có quả khác để nhiếp chung tướng, chỉ trừ bậc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Kinh chép: Lô-xá-na tụng cho đến chuyển trao cho các chúng sinh.

Giải thích: Từ mạt chủ môn hiển dương dưới đây, ở đây có bốn môn, một là môn lần lượt khai hoá, hai là môn sở thành giới tướng, ba là môn năng thọ hữu tình, bốn là môn khai hứa nói rộng. Đây là môn thư nhất là sáu bài tụng trên, Bản sư tụng ra, như ta truyền tụng, các ông cũng phải vậy, giới thủ nối giống Phật giông phật không bị đứt.

Kinh chép: Từ chỗ lắng nghe ta đang tụng cho đến giới phẩm đã đầy đủ.

Giải thích : Môn thứ hai, tất cả cấm giới mà Đức Thế tôn đã chế, bậc thượng thừa hay ha thừa đều từ giới cấm này mà ra. Nên nói giới tạng trong Phật pháp, vì phân biệt với định đạo giới nên nói Ba-la-đề-mộc-xoa, tiếng Phạm là Ba-la-đề, Hán dịch là biệt nói đủ lẻ ra là Tỳ-Mộc-Xoa,Hán dịch là biệt giải thoát vì riêng thoát khỏi lỗi lầm, nên gọi là biệt giải thoát. Lại kinh Di Giáo chép: Giới là gốc thuận giải thoát, nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Hoặc thọ giới Bồ-tát là do giới này nên ta sẽ thành Phật. Như Đức Thích-ca do giới này đã thành, lại không khởi tâm bất đồng phận khác. Bấy giờ, gọi là giới phẩm đầy đủ, vì khéo nhớ phần giới hạn gọi là Giới. Như kinh Bản Nghiệp chép: Tất cả giới của Bồ-tát, phàm Thánh đều lấy tận tâm làm thể, tâm ấy nếu cùng tận thì giới cũng cùng tận, vì tâm không cùng tận, nên giới cũng không cùng tận. Tâm ở đây là tâm Đại thừa, người lui sụt Đại thừa và người chưa phát tâm không thể đạt được.

Kinh chép: Tất cả người có tâm cho đến thật là đệ tử Phật.

Giải thích rằng : Đây làMôn thứ ba, ứng là cho phép, vì có chướng vô tánh nên không thành giới, giới này rất cao quý, Thanh Văn đâu dễ dàng đạt được, thì ai nói dễ được? Vì khó phát tâm nên Vô thượng Bồ-đề không có đức nào không nhiếp, chỗ phát tâm tu không có điều lành nào không phải nhân, nên hữu tâm là được phát tâm Đại thừa, tất cả nguyện hạnh đều thành tánh của nhân, liền bước vào quả vị Phật. Quả vị Phật có hai, một là phát tâm mãn vị, nay bước vào sơ phát nguyện,

lần đầu phát nguyện đều cùng khắp, không khác nguyện của Phật. Nói đồng bậc Đại giác, như Khế kinh có chép: Phát tâm xét cho cùng cả hai không khác, đã được quả vị này rồi thì chân thật là Phật tử, từ Phật pháp sinh ra, kế thừa ngôi vị Phật. Tụng rằng: Cha phương tiện là lòng tin, mẹ Bát-nhã là thai thiền, từ bi là mẹ nuôi, Phật tử nối ngôi Phật. Nói rộng nghĩa này trong luận Nhiếp Đại Thừa có.

Kinh chép: đại chúng đều cung kính dốc lòng nghe ta tụng, môn thứ tư như trong văn,nói xem rất dễ hiểu.

Kinh chép: Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho, đến tất cả giới Đại thừa của Phật.

Giải thích: Từ bài tựa kết giới thứ ba vv... trở xuống có hai, phần tựa của các kinh là tựa của các kinh. Phần sau là tựa của Đức Thế tôn. Đây là phần đầu, nói lúc bấy giờ là từ cõi trời đến khi ứng hiện. Thích-ca, Hán dịch là “Năng”, Mâu-ni là “Tịch”. Cây Bồ-đề ở nước Na-già-đà, dưới gốc cây này có đài Kim cương? Đức Phật ngồi dưới gốc cây này chứng Chánh Đẳng Giác, gọi là cây Bồ-đề. Sao gọi là sơ đốn kết? Vì muôn hạnh của Ba thừa từ đây sinh ra, ba đời quyết định không đợi phạm. Khác với Thanh Văn tuỳ thời dần chế. Như kinh Văn-thù Vấn và kinh Niết-bàn chép: Nếu Chế giới trước thì, thế gian sinh nghi ngờ, như vá áo phải vá vào chỗ rách. Nay giới Bồ-tát thì không phải như vậy, nên vừa mới thành Phật thì đã kiết giới này. Theo luận Mười Địa, mới thành đạo được bảy ngày đầu thì Phật tự thọ pháp lạc, bảy ngày thứ hai mới bắt đầu nói năng. Nay Giải thích , đầu tiên kết giới đúng mười bốn ngày sau khi thành đạo. Hiếu là nuôi dưỡng, thuận là cung kính. Biết ân báo ân tức là hiếu đạo. Ân có hai loại: một là ân sinh ra thân ta, đó là cha mẹ; Hai là ân nuôi lớn pháp thân, tức là sư tăng, v.v..., dùng tài và pháp đúng như pháp cung kính cúng dường. Trong đây Sư Tăng, Ba Bảo, chí đạo như sở y, sở duyên, lần lượt trợ giúp, cho nên nêu riêng. Hiếu gọi là giới, cũng gọi là ngăn ngừa, hiếu là gốc của trăm hạnh, là yếu đạo của các bậc Pháp Vương thuở trước. Giới là nền tảng của muôn đều lành, là bản nguyên của Chư Phật, các điều lành từ đây sinh ra. Hiếu gọi là giới điều ác từ đây mà dứt cũng gọi là ngăn chặn, cho nên hiếu và giới có tên gọi khác nhưng nghĩa thì giống nhau. Nói thì miệng phát ra ánh sáng, v.v... là phát ra ánh sáng để vời lấy chúng, phát ra vô lượng ánh sáng mà vời lấy các hữu tình có duyên, nói môn vô ngại soi sáng đêm dài tăm tối. Nói Đại giới là giới Đại thừa, là vì trong đây không có chúng Thanh Văn .

Kinh chép: Phật dạy các Bồ-tát cho đến chẳng phải không có lý

do.

Giải thích rằng : Từ tựa Phật vv... trở xuống như thứ lớp thành tướng Ba luân là pháp, thầy và đệ tử. Sư có hai loại, một là bản nghĩa là Phật, hai là mạt là Bồ-tát. Nên nói nay ta tụng các thầy cũng nên tụng. Nửa tháng tụng là tuy thầy đã qua đời mà nương vào pháp mà trụ. Thêm thì dễ lùi, bớt thì khó tiến, vì không lui sụt giới, tiến tu định tuệ, cho nên đúng nửa tháng không thêm không bớt. Như kinh Di giáo chép: Ba-la-đề-mộc-xoa là thầy các ông, nếu ta còn trụ ở đời thì cũng không khác gì giới nầy. Nói phát tâm là giai vị Mười tín, hành thật có lui sụt chẳng phải chánh vị của bậc Ba Hiền. Mười phát thú là Mười trụ, vì Sơ quả của Ba Hiền Mười trưởng dưỡng là Mười hạnh, vì nuôi lớn mầm Thánh. Mười Kim cương là Mười hồi hướng vì nhiếp năm lực, kinh Bản nghiệp quyển hạ đều là Địa tiền. Giới có công năng chiếu phá những nơi đen tối, lấy ánh sáng làm điềm lành, thường tụng trì từ miệng mà ra nên nói có lý do, chẳng phải không có mà nói ra.

Kinh chép: Ánh sáng ấy chẳng phải màu xanh, vàng, v.v.... cho đến nên đọc tụng khéo học. Giải thích : Pháp thứ hai này, ở đây ánh sáng gọi là các giới, từ ví dụ điều lành mà có tên gọi. Giới tuy gọi là sắc nhưng không hiện hình, vì dựa vào suy nghĩ khéo giới hạn mà lập, vì không phải chất ngại nên không phải sắc, không duyên lự nên chẳng phải tâm, không lìa duyên nên chẳng phải có, không tức duyên nên chẳng phải không, vì phi hữu nên chẳng phải pháp nhân quả, vì phi vô nên là bản nguyên của Chư Phật, vì bản nguyên của Chư Phật nên là căn bản của Bồ-tát, vì làm căn bản của nhân quả, do đó chúng đương thời cũng là căn bản, cho nên Phật tử thọ trước sau trì tụng nghĩa văn học.

Kinh chép: Từ Phật tử lóng nghe, cho đến người thanh tịnh bậc nhất.

Giải thích rằng : Đây là đệ tử được che chở thứ ba, nói Tỳ-kheo là trước thọ giới Thanh Văn , có thuyết cho rằng: khi hồi tâm thọ giới thì chuyển thành giới Bồ-tát là sai. Thuyết kia dựa vào hạt giống của thừa riêng mà lập, nhưng giới Tiểu thừa trước có năng lực của Đại thừa trợ giúp. Bồ-tát nương tâm, hạt giống khác sinh, ở nơi ấy nhóm họp hạt giống riêng mà lên vô biểu. Mười tám Phạm là các vị trời cõi sắc, nghĩa là ba tĩnh lự, mỗi tĩnh lự đều có ba tầng trời, tầng thứ tư có chín, vì vô tưởng trước sau đều có tâm. Kinh Thiện Giới chép: Nếu phát tâm Bồ-đề trước thì mới được thọ giới Bồ-tát, vì sao cõi trời Tịnh cư cũng được thọ giới? có thuyết cho rằng: Mười tám là nói số chung nhưng có ý khác,

như một Tỳ-kheo gọi là lục quần. Có thuyết cho rằng: Trừ cõi vô Tưởng và Tịnh cư, mười tám cõi phạm riêng. Như kinh Bản Nghiệp chép: Ba tĩnh lự, dưới mỗi tĩnh lự đều có bốn tầng trời, tĩnh lự thứ tư có sáu tầng, có thuyết lại nói: Theo sự thật thì cũng có vị thành Phật, nhưng luận duy thức thành chung cõi sắc có hồi tâm. Đã nói chưa thành lập giáo lý của Thanh Văn hồi hướng Bồ-đề. Giải thích nếu dựa vào Bát-nhã mà không phát tâm Đại thừa thì năm tầng trời Tịnh cư không có người hồi tâm không, nói liễu nghĩa cũng không hồi tâm, trong đó lại theo thọ giới bất cộng, cho phép huỳnh môn, v.v... cũng thọ đắc giới. Nếu bảy chúng thọ khắp học hạnh khác nên biết già nạn giống như Thanh Văn thọ. Có người hỏi: Nếu huỳnh môn, v.v... cũng được thọ giới, tại sao kinh chép . Nếu nói không thọ giới Ưu-Bà-tắc, giới sa -di, giới Tỳ-kheo mà được thọ giới Bồ-tát thì không có việc ấy. Thí như nhà có nhiều tầng lầu, không nhờ tầng thứ hai,không nhờ tầng trệt mà có tầng lầu trệt thì làm sao có tầng thứ hai thì, việc ấy là không thể có, người kia tự Giải thích : Chắc chắn là do luật nghi mà được, vì bất cộng với hai giới Bồ-tát cho nên nói như thế, chưa hẳn Bồ-tát phát tâm Tiểu thừa trước. Đều gọi là người thanh tịnh bậc nhất, như nói vượt hơn các bậc La-hán. Vì sao? Vì như kinh Niết-bàn chép: Gốc lành của hai thừa giống như lửa đom đóm, chỉ chiếu sáng thân mình, còn gốc lành của Đại thừa, giống như ánh sáng mặt trời, soi sáng khắp tất cả.

Kinh chép: Từ Phật bảo các Phật tử cho đến ta cũng tụng như thế.

Giải thích: Đây là Phần chánh thuyết thứ hai, gồm có hai phần phần đầu là nặng, phần sau là nhẹ. Trong phần đầu có ba là nêu chung, tụng riêng và kết thành. Trong phần nêu chung có hai là nêu số chế trì và chỉ bày tướng khuyến học. Phần đầu này, Du-già chia làm bốn như tông yếu giải thích. Nếu kinh Thiện Sinh dựa vào chúng tại gia, chỉ nói sáu giới trọng đầu là vì thô hiển bày, theo kinh Thiện Giới thì Bồ-tát xuất gia có tám giới trọng. Tức là trong mười giới này bốn giới đầu và bốn giới sau, cộng và bất cộng căn bản là nặng . Kinh Bản Nghiệp này lập tất cả mười giới trọng, vì nhiếp chung. Tụng rằng: Bốn thân, ba ngữ, ý cũng có ba, vì tham bốn, sân hai, si một. Ba ngữ do ba mà được rốt ráo.

Dâm sân tà kiến cũng là phi tình.

Trong mười giới này, giới thứ tư thân nghiệp thể là. Trí luận quyển mười ba chép: Giới không uống rượu và ba giới trước đều có giới là thân, giới thứ tư, thứ sáu, thứ bảy là ngữ nghiệp thì, ba giới còn lại nói

tuỳ theo tướng là vì giới thứ sáu và thứ bảy. Nhưng có nghiệp đạo chẳng phải Tha thắng xứ, đó là nhiễm ca hát, v.v... là thuộc về ỷ ngữ, mỗi giới trọng này đều lấy tham sân si làm phương tiện, dâm dật, bán rượu, bỏn sẻn do tham rốt ráo, và, sân là do sân, tà kiến do si, ba giới còn lại cũng do ba độc tham sân si, đối với danh lợi của người do ganh ghét mà khen chê, vì sân rốt ráo. Dâm sân tà kiến có lẽ từ phi tình. Dâm với thây chết chưa hoại là loại phi tình, ngoài ra chỉ có hữu tình mới kết tội nặng, tuy trộm của phi tình nhưng kiết bên chủ: Lại tụng rằng:

Đều mình đối người mà hành dâm
Người đối với người cũng như vậy
Mình đối với mình có năm thứ
Người đối với mình chỉ có dâm
Mình đối với người gây tất cả

Người hướng về người cũng đủ mười.

Nghĩa là xúi giục người hướng về người mà làm việc dâm, mình đối với mình gây ra. Theo truyền thuyết có năm thứ là sát, dâm, sẻn, sân và tà kiến, nghĩa là xả lợi tha, tự chết là tội. Luật chép ; yếu phía sau tự dâm phía trước. Kinh Thiện Sinh chép. Tự thí không thành thí, tự bỏn sẻn liền thành bỏn sẻn, ở chỗ tự khởi tức giận chê bai lý tánh, v.v... đều tự phạm. Người đối với mình làm việc dâm không khác, bị cướp làm ô nhục, thuận theo sinh ái nhiễm cũng phạm, và có người phạm tội, mình cũng không làm, cũng không xúi giục người làm "Hữu" là tuỳ hỷ, lại có người không khởi nghiệp thân miệng ý bị tội phạm giới. "Hữu" nghĩa là không làm việc đáng làm, v.v... các câu hỏi đáp này rộng như môn tông yếu trì phạm có giải thích, đã nói xong nghĩa phụ, nên giải thích bản văn. Mười giới trọng như thế thọ mà không tụng tức là mê trì phạm mất hạnh Bồ-tát, đã chẳng phải Bồ-tát, làm sao thành hạt giống Phật? Ta đã được quả vị viên mãn còn tụng giới này, huống chi tân học các thầy là ý ở đây.

Kinh chép: Tất cả Bồ-tát cho đến hết lòng cung kính vâng giữ.

Giải thích: Đây là Môn hỉ bày tướng khuyến trì. Kinh Niết-bàn chép: Trong giới Thanh Văn , Đức Phật biết thời thích hợp nói nhẹ là nặng, nói tnặng là nhẹ. Luận Đại Trí chép: Tỳ-ni đều vì thế tục mà nhiếp ý, bất luận là thật tướng, là vì giữ gìn Phật pháp, không quán xét đời sau tội nhiều hay ít. Lại trong giới đời sau bị tội nặng liền nhẹ, như đạo nhân giết trâu dê, v.v..., trong giới khen ngợi người nữ tội nặng đời sau tội nhẹ, cho đến nói rộng, Bồ-tát cũng như vậy. Thật năng nói nặng, lý nhẹ nói nhẹ, pháp tánh thường như vậy xuyên suốt ba đời, ấy gọi là

tướng giải thoát riêng của Bồ-tát, muốn đạt được đại quả nên hết lòng cung kính vâng giữ. Như kinh Di giáo chép: nếu siêng năng tinh tấn thì việc không khó, thí như khe nước nhỏ thường chảy xuyên qua đá, vô vi là không khi chết rồi sẽ có hối hận, thì như người thầy thuốc biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của thầy thuốc.

Giới thứ nhất: tha hồ sát sinh.

Kinh chép: Nếu Phật tử hoặc tự mình giết, cho đến tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Giải thích rằng : Đây làTụng riêng thứ hai, mười giới đầu mỗi giới đều có hai môn thuyết, một là nói lên ý chế giới, hai là giải thích văn kinh, đầu tiên là ý chế giới, điều mà thế gian thì sợ khổ chết là bậc nhất. Trong sự tổn hại người, không gì hơn cắt đứt mạng sống của họ. Như trí luận chép: Nếu của báu đầy cả thế giới mà không có thân mạng, cho nên Bồ-tát lấy việc cứu giúp sinh làm tâm, mà thí rất sợ hãi thì liền mất tánh ấy. Như Du-già chép: Nếu có người hỏi Bồ-tát lấy gì làm thể, nên đáp rằng lấy đại bi làm thể. Do đó nên đầu tiên chế giới này, giống như Thanh Văn thoát khổ là trước nên. Đầu tiên chế dục tham là giới nặng, hai là giải thích văn, kinh chép có bốn môn, một là tướng trái phạm tướng, hai là môn trái môn phạm tánh ; ba là môn Cảnh giới sự, bốn là môn kết thành tội.

Tướng trái phạm là, như kinh chép nếu tự mình giết cho đến dùng bùa chú giết: đây là tướng trái phạm khác nhau. Tánh trái phạm là như kinh chép nghiệp giết cho đến duyên giết, là đủ năm chi thì sẽ thành phạm. Trong đây nghiệp giết tức là rốt ráo, cách thức giết là phương tiện, nhân giết là ý thích và phiền não, duyên giết là sự việc. Theo đây có người nói, không thành nghiệp đạo thì không phạm nặng . Như Du-già nói: Nếu Bồ-tát thấy dục là tội nặng , khởi tâm suy nghĩ: nếu tà mạng cắt dứt sinh mệnh của những kẻ ác kia thì phải đoạ địa ngục, nếu không tà mạng cắt dứt sinh mệnh họ thì khi tội ác đã thành nghiệp thì họ sẽ chịu khổ lớn, ta thà giết kẻ kia mà đoạ vào địa ngục, chứ không thể để cho họ phải bị khổ Vô Gián . Như thế đối với kẻ ác kia dùng tâm lành hoặc tâm vô ký, biết việc này rồi, vì tương lai nên rất sinh tâm hổ thẹn, dùng tâm thương xót mà cắt đứt mạng kia. Do nhân duyên này, đối với Bồ-tát không trái phạm mà còn sinh nhiều công đức. Ở đây vì không có phiền não nên không phạm, vì ý ưa thích pháp lành nên sinh ra nhiều công đức. Nay giải thích không phải như vậy, không thành nghiệp đạo cũng thành phạm, như các loài có mạng sống đều là phạm

nặng , dù tưởng điên đảo nhưng cũng phạm nặng , huống chi tuỳ phần giới, tuỳ địa vị mà chế khác nhau. Như kinh Văn-thù vấn giảng giới này rằng: Nếu thọ giới Bồ-tát xuất thế gian mà không khởi tâm từ bi thì Bồ-tát ấy phạm tội Ba-la-di. Đối với các chỗ phạm, luận trừ ba người, đó là người có tâm cuồng loạn, trọng khổ và không giới. Truyền thuyết cũng nên trừ người không nhớ nghĩ và người có thắng lợi, chuyển sinh đời khác không thể nhớ, tuy là không phạm, các chỗ thắng lợi tất cả không phạm. Nói môn Cảnh giới sự, như kinh chép cho đến tất cả loài có mạng sống đều không được cố giết hại. Trong giới Thanh Văn chỉ nói tội giết người. Nay vì phân biệt chọn cõi nên nói cho đến, kia tuỳ việc mà phạm nặng , nay y theo lý mà chế giới. Như kinh Niết-bàn chép: Phật dạy vua A-Xà-thế rằng: Này Đại Vương! Trong cung của Ngài thường ra lệnh mổ dê, tâm không hề sợ, vì sao đối với tội giết cha lại sinh tâm sợ hãi, tuy là thú và người tôn ty có khác nhau, nhưng mạng sống quý già cả hai đều không khác, nếu kia tuổi thọ đã hết giết trong khoảnh khắc vì sao phạm tội? Kinh Văn-thù Vấn nói phạm đồng tội, vì thêm đủ duyên khổ cho chúng sinh kia. Rộng như kinh ấy có nói, trái lời Phật dạy, tội nặng nhẹ tuy giống nhau nhưng tuỳ theo tâm cảnh, v.v... mà nghiệp có nặng nhẹ. Như luận có nói rộng. Hỏi: Từ phẩm thế lực phiền não lẽ ra bình đẳng, vì sao kinh Thiện Sinh nói tham sát sinh tội nhẹ, sân, si tội nặng ?

Đáp: Thô tế tuy bình đẳng ngưng sa trái phạm có khác, trái với chánh lý xuất ly của Đại thừa, như thứ lớp tham, v.v... là nặng .

Kinh chép: y theo thông nhau thì si là nặng . Kết thành tội là như kinh chép Bồ-tát này cho đến tội Ba-la-di, vì đối với chánh hạnh lại kết tội. Thường sống trong tâm từ bi là đối với chúng sinh khởi tâm thương xót, pháp hữu tình hệ thuộc chủng tánh như vậy, loại thuộc về ta do ta mà mất. Tâm hiếu thuận là tâm hổ thẹn phẩm thượng duyên thắng, các Bồ-tát là độ, vì đối với ta trong vô lượng kiếp chịu nhiều khổ hạnh. Bồ-tát nên sinh hai tâm như thế, mà trái lại tha hồ giết hại chúng sinh thì phạm tội nặng .

Luật chép: Thanh Văn , là người nghĩ là người mà giết, phạm tội Ba-la-di, chẳng phải người nghĩ là người chỉ phạm thâu-lan-giá. Bồ-tát thì không phải như vậy, chỉ đối với loài có mạng sống mà cố ý giết hại thì phạm tội Ba-la-di. Ba-la-di, Hán dịch là Tha Thắng xứ, tốt mình xấu người, pháp ác đã vượt trội. Giới là trì phạm sở y gọi là xứ, văn này lược ý, nghĩa là tướng kia khác nhau trong phạm thì đủ năm duyên là phạm, trái với chánh thì bị tội, các giới khác văn y theo đây mà giải thích,

trong đây các giới y chủ đặt tên.

2. Giới trộm cướp. Tạo vật của người

Kinh chép: Nếu Phật tử tự mình trộm cướp, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Giải thích rằng : Trong đây ý thứ nhất là bố thí nhiếp sáu độ rộng cứu giúp chúng sinh, trộm làm hoại đàn hai lợi đều mất. Kẻ xấu ở thế gian gọi là kẻ trộm, như thuận theo chướng đạo rộng khắp vời lấy quả khổ, thà phải bỏ thân mạng để tránh lỗi này. Vì sao ít của cải tự nhục hai đời? Vì tổn y báo chánh báo cho nên chế, thứ hai là giải thích văn, trong đó có bốn; phần đầu như kinh chép tự mình trộm cướp cho đến phương tiện trộm, cố khen ngợi tuỳ hỷ, lược qua không nói đến, theo lý lẽ ra phải có, môn thứ hai như trước nên biết. Môn thế gian này, như giới xuất thế. Kinh Văn-thù vấn chép: Nếu đối với vật của người tâm khởi tưởng trộm cướp phạm tội Ba-la-di. Cảnh giới sự môǹ như kinh chép: Cho đến quỷ thần, cho đến không được trộm cướp. Trong đây xếp vào tội nặng , nên nói cho đến, nhưng vật có chủ lược có năm thứ một là vật của Ba bảo; hai là vật thuộc về người; ba là vật của súc sinh, bốn là vật của qủy thần; năm là vật của bọn cướp, vật ấy có chủ nói nhiếp trước sau. Luật Tăng-kỳ chép: vị Tri sự dùng lẫn lộn vật của Ba Bảo, Phật dạy phạm tội Ba-la-di. Kinh Bảo Lương chép: Hai vật của Phật và pháp không được dùng lẫn lộn, đối với vật của Phật pháp không có chủ, còn không thể bạch, không đồng với vật của tăng, vật chiêu đề thường trụ có dùng lẫn lộn. Việc kinh doanh Tỳ-kheo và tăng được dùng. Nếu dùng vật của tăng để sửa sang tháp Phật, nếu Tăng bất hoà thì khuyên người thế tục sửa chữa. Nếu y theo văn này. Luật Tăng-kỳ ở trước y theo tăng bất hoà đều nói là phạm nặng , dùng lẫn lộn còn như vậy huống chi có tâm trộm lấy. Nếu vậy vì sao kinh Niết-bàn chép: Trộm vật của Phật hoặc biết hay không biết đều phạm tội Thâu-lan-già, vì Phật đối với vật vô ngã sở nên không bị não hại, Theo truyền thuyết đất Hán không có thủ hộ, kinh nói Thâu-lan, nếu có thủ hộ, dùng lẫn lộn còn phạm nặng , huống chi trộm lấy làm sao là tội nhẹ được Nên kinh Thiện Sinh nói trông hộ người tội nặng. Nhưng kinh Niết-bàn nói là giới Tiểu thừa, Bồ-tát thì khác, chỉ cần vật có chủ đều phạm nặng , hễ vật của Ba Bảo thì khó trông coi, chế cho phép trì phạm thì khó giữ gìn được. Như kinh Đại Tập chép: Phật cho phép hai người, một là A-la-hán; hai là Tu-Đà-hoàn. Lại có hai người, một là bậc người giữ người hiểu biết, hai là người sợ tội hổ thẹn. Nhưng giới Bồ-tát cũng dùng vật

của Phật, Như Du-già chép: Bồ-tát trước đối với chỗ chứa đồ vật có làm tác tịnh nên dùng tịnh ý lạc xả cho chư Phật và Bồ-tát ở mười phương, thấy người đến xin không đúng đạo lý thì nói đây là vật xấu của người sẽ vất bỏ. Nếu đúng với chánh lý phải nghĩ rằng: Chư Phật và Bồ-tát không có vật nhỏ nào mà không bố thí cho chúng sinh, nghĩ đọan liền vật tịnh thí, bố thí cho người đến xin, khiến sở nguyện của họ được đầy đủ. Do các giáo nầy, Hòa Thượng Giải thích : phép tắc tuy giống như luật Tiểu thừa đã nói, nhưng nếu sát sinh mà có lợi thì nên làm, Chư Phật xuất hiện đều vì làm cho hưng thịch chánh pháp, ý làm cho pháp hưng thịnh đều vì chúng sinh, hưng pháp lợi sinh chỗ nào mà không cần, trừ có tâm nhiễm và không thắng lợi. Nhưng giới Tiểu thừa không được dùng lẫn lộn, tuy Phật tức pháp, nhưng trái với ý bố thí; Luật Tứ phần chép: cúng dường lên tháp Phật thức ăn, người sửa tháp được ăn. Luật Ngũ Phần chép: Nếu người tại gia vào chùa, tăng không cho ăn liền sanh tâm chê bai, Phật dạy nên cho, Lại, luật Tăng-kỳ chép: Hoặc tổn hại, hoặc lợi ích cũng phải cho. Luật Mười Tụng chép: cung cấp cho vua, quan, giặc. Tiểu thừa hẹp nhỏ còn thấy tổn ích, huống chi là Đại thừa không thể nhất định.

Hỏi: Luật Mười Tụng chép: Trộm xá-lợi Phật tịnh tâm cúng dường tự, nghĩ: ở chỗ kia cũng là thầy, ở chỗ mình cũng là thầy, ý nghĩ như thế thì không phạm, nếu trộm để bán thì phạm tội, vì sao trong pháp luật trộm kết tội nặng , trong khi pháp cũng là thầy? Đáp: Đức Phật được, mọi loài cung kính, pháp đúng mới sinh hiểu biết. Nhưng giới Bồ-tát biết kia không cần, tịnh tâm trộm học, lẽ ra không phạm, biết chướng gốc lành của người kia nên trộm của Phật cũng kết tội nặng .

Hỏi: Du-già Câu-Xá chép: cướp đoạt vật của Tăng, đồng loại với phá tăng, vì sao kinh Đại tập nói trộm vật của tăng nặng hơn năm tội nghịch? Kinh phương Đẳng chép: Người phạm bốn tội nặng và năm tội nghịch ta còn cứu được, nhưng trộm vật của tăng thì ta không cứu nổi?

Đáp: Mỗi trường hợp đều khác nhau, phá tăng là tạm thời, lại hiện tiền tăng, trộm tài vật hoà hợp đều chướng đạo trong ba đời, thường trụ tăng, vì chướng Thánh chẳng phải bà con nên gọi là đồng loại. Nói vật của bọn cướp là vật thuộc về kẻ cướp ấy, trong luật không cho phép đoạt lấy. Như luật chép : chẳng khác gì kẻ trộm giứt lại vật của kẻ trộm. Luật Ngũ phần chép. Có Tỳ-kheo bị kẻ trộm trấn lột, giành được y vật, nhưng nghi ngờ đến hỏi Phật, Phật nói không phạm. Bồ-tát không phải như vậy, như Du-già chép: Bồ-tát thấy có vị tể quan bạo ác tăng thượng phẩm thượng, đối với các hữu tình làm cho khỗ não không có

tâm thương xót khởi tâm thương xót phế vị tăng thượng, thấy giặc trộm cướp chiếm đoạt tài vật của người, hoặc vật của tăng-già, vật của tháp lấy làm của mình, lợi lạc ý lạc tuỳ sức quẹt lấy, chớ để cho họ thọ dụng, phải chịu đau khổ trong sinh tử, của cải đã cướp đoạt được đều phải trả về chỗ cũ, cho đến rộng nói, Bồ-tát tuy không cho lấy như thế nhưng không phạm mà còn được nhiều công đức. Như Luật Ngũ Phần chép: Giành y Tỳ-kheo, hoặc giới Bồ-tát do tội bỏn sẻn của cải, hoặc hộ người tội kia được nhiều công đức, đã nói như thế, nếu vật có chủ đối với tâm lấy không có lợi ích. Cho đến một cọng cỏ cũng phạm Ba-la-di. Nếu đối với vật của mình hoặc vật không có chủ, hoặc đối với vật có chủ, không biết cho là vô chủ, hoặc tuy có chủ nhưng không có tâm trộm, vì không thành trộm nên đối với vật của mình, cho là của người mà trộm, hoặc vật không chủ cho là vật có chủ. Theo truyền thuyết, y cứ theo tâm, kết phương tiện trọng, vật kia chẳng phải cảnh phạm tội nặng . Nếu vật có chủ vì không biết nên cho là vô chủ, sau đó biết nhưng không trả lại, hoặc đối với vật của người cho là vật của chẳng phải người, hoặc tìm vật khác thế vật của người, đều kết tội nặng , vì là phạm cảnh. Vì sao nói là vật không chủ? Như vật của người đã bỏ, v.v...

Luận Thiện Kiến chép: con làm việc ác nên cha mẹ đuổi đi, sau đó cha mẹ chết của cải của họ không có chủ. Luận Bà sa, v.v... chép "giấu giữa hai nước". Nếu vậy thì dân chúng lấy vật ở núi rừng, v.v... lẽ ra là trộm vật của vua, thì không đúng, vì nhà vua muốn để dành vật kia. Trong pháp Thanh Văn trộm năm tiền mới kết tội nặng , nay muốn phân biệt khác nên nói một cây kim, một cọng cỏ, ý nói Bồ-tát vv... trở xuống là môn thứ tư. Hiếu thuận từ bi gọi là Phật tánh, Bồ-tát do đây mà khác Hai thừa. Sinh phước là lợi ích. Sinh lạc là an vui, nhưng trộm của cải của người làm cho họ buồn khổ nên trái với lợi ích, duyên giết người cũng trái với an vui. Như Tri luận bài tụng thứ mười ba trong chép:

Tất cả các chúng sinh
Ăn mặc tự nuôi sống
Nếu cướp lầy giựt lấy
Chính là cướp mạng sống.

3. Giới không có tâm từ hành dục

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình dâm dục cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Phần đầu chế ý là sinh tử lao ngục, dâm là gông cùm

trói buộc hữu tình khó thoát ra được. Như Trí luận chép: Dâm dục tuy không không xúc não chúng sinh, nhưng vì trói buộc tâm nên xếp vào tội lớn Luận Du-già chép: Trong các ái, dục ái là hơn hết. Nếu dứt dục ái kia thì các dục khác tự nhiên được hàng phục. Như chế sức mạnh yếu, là tự hàng phục, nhưng pháp dục nầy có ba lỗi, khổ mà dường như vui. Ít vui nhiều tai hoạ, bất tịnh dường như tịnh, đầu tiên có trì tụng rằng:

Không nhẫn bệnh phiền não
Hành dâm dường sinh vui
Giống như bệnh ghẻ ngứa
Đối khổ tưởng là vui
Như người bị bệnh ghẻ,
Cho khổ là niềm vui.

Vui do dục sinh vui nên biết cũng như vậy. Người đã lìa được dục thì thấy dục là khổ, như người không bị bệnh ghẻ thì cái vui của ghẻ là khổ, nhưng tánh của các dục trần luống dối, lừa gạt chúng sinh thường sinh cái thiêu đốt. Như Đức Thế tôn dạy: Dục như xương khô, cho đến cũng như quả chín trên ngọn cây vì như xương răng nên khiến không có lúc nào được no, vì như khúc thịt chẳng nhất định thuộc về chủ, "Vì như đuốc cỏ nên lo lửa thường thiêu đốt, vì như hầm lửa nên thêm lớn khát ái, vì như rắn mãng xà nên bậc Hiền Thánh phải xa lánh, vì như giấc mộng nên mau đến chỗ hoại diệt, vì như mượn các đồ trang nghiêm nên dựa vào các duyên, vì như quả chín nên sẽ rơi xuống đất. Như thế mà quán khổ dường như vui, vì sao nói các dục ít vui mà nhiều tai hoạ. Tụng rằng:

Giống như la sát nữ
Kẻ thù dối lam̀ thân
Tâm dối sinh nghiệp ác
Vời khổ chướng Niết Bàn.

Như la sát nữ, kết giao với mình rồi ăn thịt, cũng như kẻ thù dối làm người thân để làm hại, kẻ thù năm dục cũng như vậy, thiêu đốt tâm mê loạn, có hại đến tuệ mạng, vời lấy vô lượng khổ, chướng an vui Niết-bàn. Như kinh Bồ-tát Tạng quyển mười chép: khi có thối quen gần dục thì không có điều ác nào không làm, khi bị quả kia thì không có khổ nào không gánh chịu, sông ái biển dục mênh mông không bờ mé, sóng sinh tử về mãi không dứt, tất cả oán hại đều từ dục sinh ra, người ngu tham dục như con thiêu thân giep mình vào lửa. Năm trăm vị tiên bay trên hư không bị mất thần thông mà rơi xuống đất, một cánh của vị tiên bị người nữ nắm. Vì thế luật chép: Cái đáng sợ không gì hơn người nữ,

thà đưa nam căn vào miệng rắn độc, rắn độc hại chỉ thân xác thịt, còn người nữ làm hại cả pháp thân. Lại như Long Thọ nói: Khéo quán sát ý người, người nữ là trí, không xem xét được mất, chỉ lấy dục làm thân, gió mát còn nắm bắt được, tâm người nữ khó được định, không có lúc nào thoả mãn, cảm sinh vô cùng. Thương xót đêm dài sinh tử lìa xa sáu đường, đó gọi là các dục ít vui, nhiều tai họa. Vì sao nói dục trần bất tịnh mà dường như tịnh? Tụng rằng:

Thân xác thịt bất tịnh
Dường tịnh dối người ngu
Lạc uế, không nhàm chán
Như heo thích bùn dơ.

Thân này bất tịnh do chứa nhóm xương cốt mà thành, máu thịt tiểu tiện nhơ uế bao bọc lớp da mỏng bên ngoài, tám muôn giòi tửa mỗi thứ có chín ức con, tất cả hôi thối tiết ra chín lỗ, bất tịnh mà dường như tịnh nghĩa là trong lớp da phần mở trắng, máu nóng xen nhau, lừa dối nịnh dua mỗi thứ thiêu hại, nhưng những người ngu thường không nhàm chán, giống như con heo suốt ngày không lìa khỏi vủng bùn dơ, cho nên nay chế, vâng giữ chớ phạm.

Thứ hai là giải thích văn. Tướng môn trái phạm, như kinh chép, tự mình dâm dục, cho đến không được cố dâm. Trong pháp Thanh Văn , tự mình dâm dục mới phạm tội nặng , nay giới Bồ-tát nói, xúi người dâm dục cũng phạm tội nặng . Như Tiểu thừa cho rằng, tự làm mới thành nghiệp đạo, trong giáo pháp Đại thừa môi giới cho người cũng thành nghiệp đạo, chế chung hai chúng là nói tất cả người nữ. theo sự thật thì tại gia chỉ ngăn việc tà dâm, chẳng những chướng đạo mà còn vào lấy quả đường ác. Thế nào là tà hạnh? Như Du-già chép: không được hành dâm với tất cả người nữ, nếu chỗ được hành dâm mà phi chi, phi thời, phi xứ, phi lượng, hoặc không đúng lý ra phải tất cả người nam và không phải người nam, mẹ, v.v... gọi là chỗ không được hành dâm, ngoại trừ cửa sinh sản, đều gọi là phi chi. Hoặc chỗ nhơ bẩn khi thai tròn đủ, khi trẻ bú sữa, khi thọ trai giới, hoặc khi bị bệnh, nghĩa là bị bệnh không được dâm, ấy gọi là phi thời. Nếu tôn trọng các chỗ nhóm họp, hoặc trong linh miếu, hoặc trước mặt chổ đông người, hoặc vùng cao thấp không bằng phẳng, những nơi này là phi xứ. Nếu quá năm lần gọi là phi lượng, không theo lễ thế tục gọi là phi lý, tại gia trừ những đều nầy ra nên tự phân hành, tuy chẳng phải vợ mình hoặc không có sở thuộc. Tại gia thấy lợi cũng được hành dâm. Như Bồ-tát Địa chép: Bồ-tát tại gia thấy có mẫu ấp hiện nhưng không hệ thuộc quen pháp dâm dục, sau đó tâm

Bồ-tát tìm phi phạm hạnh. Bồ-tát thấy rồi khởi tâm nghĩ rằng chớ để cho người kia tức giận mà tổn phước, hoặc tuỳ dục của họ thì được tự tại, phương tiện an xứ gieo trồng gốc lành, bỏ pháp ác trụ tâm thương xót làm việc phi phạm hạnh. Tuy quen với pháp uế nhiễm như thế, mà không trái phạm, còn sinh ra nhiều công đức. Xuất gia thì không phải như thế, vì hộ Thanh Văn . Nói tánh trái phạm là như kinh chép. Nhân dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, nghiệp dâm dục, còn nương theo tướng thô chế ra nghiệp ban đầu. Nếu theo xuất thế thì kinh Niết-bàn chép: Tuy không giao hội với người nữ nhưng cách thành cách vách xa mà nghe tiếng khua của anh lạc người nữ, tâm sinh yêu đắm thành dục phá giới. Kinh Ưu-Bà-tắc-Giới chép: Nếu Bồ-tát nghĩ đến anh lạc trên thân người nữ, v.v... đều phạm tội Ba-la-di. Nên biết đây đều chế theo địa thượng. Như kinh Văn-thù Vấn chép: Giới xuất thế của Bồ-tát, nếu tâm phân biệt tướng nam nữ chẳng phải nam nữ thì Bồ-tát ấy phạm tội Ba-la-di.

Cảnh giới sự môn như kinh chép: cho đến súc sinh cái, và hành dâm phi đạo. Nữ có ba, nam có hai, đó là cảnh, vì hành dâm chỗ khác nên không phạm nặng , nói các vị trời là Ma nữ, v.v... hoá thân thành người nữ dâm dục với Tỳ-kheo. Nói phi đạo, sư Pháp Tạng Giải thích : Trừ cửa sinh sản của người nữ, còn hai nơi khác là phi đạo. Sư Nghĩa Tịch Giải thích : Trừ ba chỗ quan trọng, chi phần khác là phi đạo. Nếu theo văn luật thì đối với đạo nghĩ là đạo, đối với đạo nghĩ là chẳng phải đạo, cho đến nghi đều kết thành tội nặng . Nếu nhập vào cảnh bằng đầu sợ lông liền thành rốt ráo. Nếu bị kẻ thù bắt buộc thì khai cho hợp cảnh nhưng cấm không được thọ vui. Nay giới Bồ-tát tuy không ưa dục nhưng bị phiền não áp chế sinh ưa thích thì không phạm. Nói môn kết thành tội, như kinh chép: mà Bồ-tát cho đến phạm tội Ba-la-di, vì đối chánh mà kết tội. Tịnh pháp cho người: là Bồ-tát nên bố thí pháp môn lìa dục cho chúng sinh để độ họ thoát khổ sinh tử.

4. Giới khhông được nói dối.

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình nói dối cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích ý lúc mới chế giới là: Phẩm mười lăm trong Trí luận chép ;Người nói dối trước là tự lừa dối mình, sau mới lừa dối người, lấy thật làm giả, lấy giả làm thật, thật giả điên đảo, không được pháp lành, thí như chiếc bình lật úp không rót nước vào được. Như Đức Thế tôn dạy, nói dối che lấp tâm đạo, nước không vào được. Còn người nói lời

chân thật, tâm họ ngay thẳng dễ xa lìa bỏ được pháp ác, thí như rừng cây ngay thẳng thì dễ ra. Như Luận Du-già chép: Đã phạm học xứ, lại tu chi hành, nghĩa là lìa nói dối, nói dối trái đây, đã chướng pháp lành còn điên đảo rơi vào đường ác, sau sinh làm người thường bị chê bai, vì có lỗi nặng. Kế là chế nghiệp thân, trong văn giải thích thứ hai phần đầu tướng phạm là, như kinh chép tự mình nói dối cho đến phương tiện nói dối, nói phương tiện là giả nhờ việc khác khiến người hiểu khác. Môn tánh phạm, như kinh chép từ nhân nói dối đến duyên nói dối hỏi đáp trong đây giống như Đại luận ghi. Môn Cảnh giới sự là như kinh chép: cho đến không thấy nói thấy, cho đến thân tâm nói dối, vì phân biệt Thanh Văn chỉ có nói dối nên nói cho đến. Hoặc trong bốn lời nói thấy, nghe, v.v... cả ba điều còn lại. Thân nói dối là miệng không nói mà tay ra dấu. Tâm nói dối là tưởng điên đảo, v.v... như việc không thấy mà nghĩ là thấy, nói dối là không thấy, tuy đúng với sự thật nhưng vì che lấp sở tri, đây gọi là dùng tâm nói dối. Lại như kinh Văn-thù Vấn phẩm giới xuất thế gian trong chép: Nếu khởi tâm nói dối phạm tội Ba-la-di. Môn kết thành tội, như kinh chép: Mà Bồ-tát, cho đến tội Ba-la-di: Bồ-tát thường tự thực hành chánh ngữ cũng khuyên sinh chánh ngữ, vì phân biệt với nói dối nên nói là chánh ngữ, vì phân biệt phú tưởng nên nói là chánh kiến. Mà trái lại tự khởi nói dối, vì chúng sinh tuỳ tiện nói nên sinh tà ngữ, vì họ cho là thật nên nói tà kiến. Vì theo tâm này nói có sự tạo tác nên nói sinh tà nghiệp. Nếu vì cứu thoát nhiều hữu tình nên phú tưởng chánh tri mà nói là nói dối. Luận Du-già chép: Không có trái phạm sinh nhiều công đức, nếu không như vậy mà nói dối thì phạm tội Tha thắng xứ.

5. Giới Bán Rượu sinh ra tội lỗi:

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình bán rượu, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di

Giải thích : Chế ý đầu tiên là đam mê rượu chè buông lung, sau chắc chắn hối hận vì mất chánh niệm và trái với bản tâm, làm việc không nên làm, nói lời không nên nói, gây ra nhiều tội ác. Cấm không cho người làm, ở đây không chung giới, hoặc đối với năm giới. Nay chế giới không được bán rượu thứ năm, ngoài ra như đã giảng ở phần trước, đủ duyên thành phạm. Dục lạc là đưa rượu cho người uống với tâm cầu lợi, rượu đã thuộc về người kia tức là rốt ráo. Trong sự nói là rượu nhân duyên khởi tội, chỉ trừ phá tăng, còn các pháp tội ác khác đều khởi.

6. Giới rao lỗi của bốn chúng.

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự miệng rao nói tội lỗi, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Sơ chế ý là nói lỗi trong Phật pháp sẽ làm hỏng tâm kính tin của người, và làm hư mất việc hưng pháp lợi sinh của Bồ-tát, huống lại vời lấy quả khổ lớn, cho nên chế là pháp tha Thắng xứ. Như kinh Chánh Pháp Niệm xứ chép: đọa vào địa ngục Bạt Thiệt bị trâu cày lưỡi, v.v... luận Đại Trí chép : Tỳ-kheo Thắng Ý giữ giới thanh tịnh nghe Tỳ-kheo Hỷ căn không giữ giới nói kệ, dâm dục tức là đạo, nhuế si cũng vậy, liền sinh tâm chê bai, bị đoạ vào địa ngục. Lại, kinh Bất Tư Nghì Quang Bồ-tát chép: Bồ-tát Nhiêu Tài, vì nói lỗi của Bồ-tát Hiền Thiên nên suốt chín mươi mốt kiếp thường đoạ vào bụng dâm nữ, sinh rồi đem bỏ, bị cáo sói ăn thịt, cho đến nói rộng. Thứ hai là giải thích văn. Về tướng phạm, như kinh chép: Miệng tự rao nói, cho đến bảo người rao nói tội lỗi, nay trong giới này, môn đầu gồm nhiếp cả môn Cảnh giới sự. Trong đây hai môn đầu là thọ giới Bồ-tát, hai môn sau là thọ giới Thanh Văn , đều là nội chúng vì là thầy trời người, nếu thật có phạm, nói lỗi là lỗi gì? Vì vẫn có nghĩa xứng đáng làm ruộng phước. Như kinh Bản Nghiệp chép: có mà phạm còn hơn mà chẳng có mà không thể không phạm, có phạm là Bồ-tát, không phạm là ngoại đạo. Lại Mười luân chép: Hoa chiêm-Bặc tuy khô héo nhưng vẫn đẹp hơn các loài hoa khác, các Tỳ kheo phá giới vẫn hơn các ngoại đạo. Nói lỗi của người xuất gia, hoặc phá giới, hoặc giữ giới, hoặc có giới, hoặc không giới, hoặc có lỗi, hoặc không lỗi, sẽ bị lỗi làm chảy máu muôn ức thân Phật. Giải thích : Ra máu không thể chướng đạo, khi nói lỗi của tăng, làm mất lòng tin của nhiều người sinh phiền não cho họ, làm chướng Thánh đạo. Cho nên Bồ-tát ưa tìm đức của tăng, không thích tìm lỗi của họ. Người tìm lỗi thì dù bậc Thánh cũng có lỗi để chấp. Người tìm đức công dù dứt mất gốc lành, thân có công đức cũng đáng ghi chép. Như kinh Niết Bàn chép : Nếu chúng sinh kia không có pháp lành đáng khen thì nên nghĩ đến tánh Phật mà khen ngợi họ. Thế gian không có phàm phu nào không có lỗi, khi rao nói lỗi người thì lỗi ấy ở ngay thân mình. Như trong Tân Phát Bồ-tát Mười lục Hạnh của kinh Đại Tập chép: Không nói công Đức của mình mà khởi tâm cao ngạo, không rao nói lỗi người mà khởi tâm chê trách, kinh Chư Pháp Vô Hành có bài tụng rằng:

Nếu thấy người phá giới
Không nói lỗi ác họ
Nên phải nghĩ người kia

Lâu ngày cũng đắc đạo

Về kết thành tội, như kinh chép: Mà Bồ-tát cho đến phạm tội Ba-la-di là . Nói về thường khởi tâm từ bi, như trong Bồ-tát Địa chép: Thương xót người ác hơn cả người có chánh hạnh. Lại chép: Nếu ghét người phạm giới hạnh không lợi ích, ấy gọi là công đức tương tựo Bồ-tát. Nên nói khởi tâm từ bi giáo hoá những kẻ ác.

Hỏi: Giới khinh bậc hạ chép: Nói bảy tội nghịch, mười giới trọng, sao đây là nặng mà kia là nhẹ?

Đáp: Vì kia nói với người đồng pháp nên tội nhẹ, ở đây nói với người đạo cho nên tội nặng . Hoặc nói kia vô sự nên không thể bị tội, ở đây vì nói có thật phạm nên chế tội nặng .

7. Giới Tự Khen Mình Chê Người.

Kinh chép: Nếu Phật tử tự khen mình chê người, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Sơ chế ý là, khổng Tử Giải thích : ta có một lời, có thể thực hành suốt đời là “cái mà mình không muốn, chớ đem đến cho người” Giới này cũng vậy, tuy nói khen chê nhưng nghĩa chung cho tất cả. Bồ-tát làm nhiều lợi ích cho hữu tình, nên phát nguyện lớn Vô thượng Bồ-đề, thệ ở trong sinh tử chịu vô lượng khổ, mà trái lại đem điều ác đến cho người, làm hỏng mất Đại thừa, cho nên vẫn chế là căn bản trọng. Thứ hai là giải thích tướng trái phạm trong văn như kinh chép: Tự khen mình chê người, phải có khen chê nên mới kết tội nặng , chỉ khen, riêng chê riêng thì bị hai tội khinh. Còn ở lúc khác chỉ lấy bốn tiền, bốn câu còn lại v.v... như Tông yếu ghi: về tánh trái phạm, như kinh nói nhân chê người cho đến duyên chê người. Lần trước là tuỳ tướng nhiếp ly gián thô ỷ ngữ này, đây là tuỳ ứng rốt ráo nên biết. Nói dối tuy cấm chung trước đây đã nên lược không có môn Cảnh giới sự thứ ba. Nhưng luận Du-già chép: vì muốn tham cầu lợi dưỡng cung kính nên tự khen mình chê người, ấy gọi là pháp tha thắng xứ bậc nhất, đây là phần nhiều do tham rốt ráo. Nếu không sở đắc, chỉ do ganh ghét vì sân rốt ráo. Môn thứ tư như trong kinh chép: Mà Bồ-tát, cho đến phạm tội Ba-la-di. Bản nguyện của Bồ-tát là lấy lợi tha làm tâm, khen tốt che xấu, hỏng mất Đại thừa, hoặc khi người khhông có đạo đức chê bai Bồ-tát, vì sao đem việc tốt xấu cho người, là nghĩ rằng người kia làm việc này khiến bền chắc giới của ta, ta lẽ nào không nhẫn ác ở thân mình.

8. Giới Bỏn Sẻn lại Mắng Đuổi.

Kinh chép: Nếu Phật tử tự mình bỏn sẻn, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di

Giải thích : Chế ý đầu tiên là bản nguyện của Bồ-tát vì cõi hữu tình mà giữ lại thân trong sinh tử, thân Bồ-tát hoàn toàn thuộc về chúng sinh, huống chi của cải chẳng phải sở hữu của mình cho, nên bỏn sẻn làm chướng ngại bố thí, phá muôn hạnh sâu xa, ý rộng chê sáu độ, vì thế vẫn chế là căn bản tội nặng, sở thích của Bồ-tát thường là cầu bố thí rộng khắp, vì tham không trái lắm nên kết thành tội khinh. Trong giải thích văn chép Bồ-tát thấy tất cả người nghèo cùng đến xin, Bồ-tát Địa chép: Thấy có thắng lợi mà đến xin mới nên thí cho, vì muốn dùng của cải nhiếp đi, dễ hoá đạo. Nếu không có lợi ích, thì dù có an vui cũng không nên thí cho, vì sao? Vì lúc bố thí cho họ tuy tạm thời làm cho họ đối với Bồ-tát sinh tâm vui mừng, sau đó khiến họ làm các việc không lợi ích, gọi là nhân thí, giúp cho họ phần nhiều làm việc ác kiêu mạn, buông lung thì khi chết đều rơi vào đường ác, các câu trong đây như câu bảy mươi lăm lược nhiếp tụng rằng:

Nếu lợi tài pháp người
Không nên pháp mình suy
Nếu mình chỉ suy vật
Tài pháp người đầy đủ.

Nói cần gì người, tất cả đều cung cấp cho họ. Câu bảy mươi bốn chép: Nếu người nghèo thiếu làm tôi tớ cho mình. Hoặc người giàu có bậc trung tức là đối với kia và người nghèo khổ, hoặc người rất giàu có thì đến chỗ kia, cũng đến xin ở chỗ khác, mỗi nơi đều khéo phân bố mà thực hành bố thí. Nay văn kinh này lại dựa theo phần thứ ba. Như Long Thọ nói : Thân tâm Bồ-tát như cây thuốc, lấy tất cả gốc thân, nhánh lá mà không phân biệt, do ta mà được lợi ích. Nếu ông có nhiều của cải nhưng kia được lợi ích thì tất cả điều bố thí là không đúng. Tụng rằng:

Cha mẹ và thầy bạn
Chưa cho, mình không được
Đây cũng đối tất cả
Hoàn toàn không nên làm.

Bồ-tát Địa chép: Thân mạng cho đến chất độc, dao gậy, rượu, v.v... nhưng có nghĩa lợi, thì tất cả thí cho. Cha mẹ thầy bạn thì chắc chắn không được thí. Vì sao? Vì người có ân thường sinh kính trọng, không được tuỳ tiện mua bán. Nói chưa cho phép cũng có hai thứ: một là sở hữu của người, nghĩa là như luận chép: không được chiếm lấy của cải của cha mẹ, vợ con, tôi tớ, để bố thí, việc làm có tội phước, vì nhiếp

công đức tương tự của Bồ-tát, hai là sở hữu của mình như luận chép: Nếu không dùng lời chân chánh dẫn dắt giúp cho họ vui vẻ trước thì không bao giờ được ép buộc khiến họ buồn rầu mà thí cho người đến xin. Tuy là dắt dẫn khiến họ sinh tâm vui vẻ nhưng không bố thí cho kẻ thù và người ác, không dùng dáng vẻ yểu điệu của vợ con nam nữ bố thí cho người đến xin đem về làm tôi tớ. Ý này là rõ ràng, ở đây cũng là sự thương xót chúng sinh bình đẳng, không được làm người kia vui mà giúp cho người nầy sinh khổ. Nếu ông Giải thích tại sao Thái Tử Tu-Đạt-Noa bắt buộc nam nữ thí cho Bà-la-môn? Vì kia cũng dẫn dắt, nghĩa là như kia Giải thích : hai đứa trẻ bạch rằng. Con đời trước bị tội gì mà là hạt giống của vua lại phải làm tôi tớ, nay xin sám hối. Thái Tử bảo rằng: Thiên hạ ân ái điều phải chia lìa, tất cả điều vô thường, đâu có gì giữ gìn mãi được. Khi ta đắc đạo bình đẳng vô thượng sẽ độ người.

Hỏi: Nếu đã dẫn dắt rồi tại sao không chịu đi, như kinh ấy chép , Bà-la-môn đánh đập máu chảy dầm dề khắp đất, Thái tử rơi lệ thì đất ấy liền rung động?

Đáp: Hai đứa trẻ kia chẳng phải không chịu làm tôi tớ, chỉ đợi từ biệt mẹ. Như nói, mẹ đến không thấy ta, sẽ như bò mẹ mất bê con, hướng về mọi phía than khóc suốt ngày. Nói mình không thể là nếu thấy do bố thí mà lui sụt hạnh Bồ-đề thì không nên bố thí, là hiểu rõ nghĩa này. Mười Giải nêu sự tích lui sụt tâm Bồ-đề của người Thu tử, chẳng phải phần tuệ thí, trái lại sinh tâm lui sụt. Như luận Mười Trụ chép: Người xuất gia nếu thực hành tài thí thì chướng ngại pháp lành khác, chắc chắn sẽ nhiều việc, nên đối với người xuất gia khen ngợi pháp thí. Do đây, kinh Quyết Định Tỳ-ni chép : Bồ-tát tại gia nên thực hành hai thí, một là tài thí, hai là pháp thí. Bồ-tát xuất gia nên thực hành bốn thí, một là giấy, hai là mực, ba là bút, bốn là pháp, Bồ-tát đắc nhẫn nên thực hành ba thí: một là ngôi vua, hai là vợ con, ba là đầu mắt, da xương. Nhưng kinh Đại Tập chép: Bồ-tát mới phát tâm đối với thân mạng, của cải thường nghỉ đến xả, là muốn dần dần nhóm họp cho đến kham xả, như luận Mười Trụ. Khi người đến xin mà quá tiếc của nên tự khuyến dụ, tâm còn tham tiếc thì nên từ chối người xin rằng: Nay ta là người mới học, chưa thành tựu gốc lành, tâm chưa được tự tại, sau này sẽ cho ông. Nói có người cầu pháp một câu oai lực sẽ giúp cho vượt ra biển khổ luân hồi, vì thế pháp thí cao quý hơn tài thí. Như phẩm Du-già quyển bảy mươi mốt và kinh Kim Quang minh quyển hai có nói. Nhưng Bồ-tát Địa chép: Người không cầu thì không được bố thí cho họ, nói rộng pháp thí như kinh ấy nên biết. Nói “trái lại mắng nhiếc”, câu

này chung cho cả bỏn sẻn tài và pháp ở trên. Bỏn sẻn của cải lại còn mắng nhiếc, thì đoạ vào loài ngạ quỷ. Sẻn pháp vời lấy quả mãi mãi sống trong cường loạn, làm chướng ngại đạo. Luận Du-già chép . Hiện có của cải, có người đến xin thì có tâm hiềm hận, tâm sân não không bố thí thì nhiễm phạm. Nếu uể oải buông lung thì chẳng nhiễm trái phạm, không trái phạm là: hoặc vật không thể bố thí, hoặc xin của cải không thích hợp, hoặc điều phục người xin, hoặc chỗ của vua kia không thích hợp, hoặc hộ tăng chế.

Hỏi: Vì sao kinh Đại Tập chép: Đối với thân mạng của cải thường nghĩ đến xả?

Tụng rằng:

Vì thân cầu tài nên nhóm họp nhiều hạnh ác
Sẽ trở về tử diệt không biết ân
Của bỏ theo mạng nghiệp ác theo
Khi chịu quả kia không cùng thọ

9. Giới Không nhận người sám hối.

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình giận cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Chế ý đầu tiên là điều chúng sinh không thích nhìn thấy chẳng gì hơn tức giận. Cho nên bất thiện sẽ vời lấy quả khổ. Bồ-tát thệ xả bỏ niết-bàn hai thừa chỉ vì thương xót cõi hữu tình, sân chướng đại bi là căn bản tội nặng . Như Đức Thế tôn dạy, các Bồ-tát này thường phạm những điều do sân khởi, chẳng phải do tham khởi. Luận giải thích nói mật ý trong đây, nghĩa là các Bồ-tát thương xót các hữu tình mà thêm sức mạnh. Hễ có sự tạo tác tất cả điều là việc làm của Bồ-tát, chẳng phải làm việc làm có thể hành phạm. Nếu các Bồ-tát ghét các hữu tình, ganh ghét với các hữu tình thì không thể tu hành hạnh tự lợi, lợi tha, việc làm các Bồ-tát đã không được làm, làm mà không được làm có thể thành phạm. Giải thích : Tham thật cũng phạm nên nói là mật ý, chẳng phải cho rằng sân thật phá tất cả, chớ cho là Bồ-tát có phạm vô dư, chỉ nêu tướng thô rõ ràng để chỉ bày nghĩa sâu xa vô dư. Tà kiến phẩm thượng chê bai khắp tất cả, bấy giờ làm sao còn sót lại giới hữu dư, mà chỉ phạm một tội Ba-la-di, nhưng chắc chắn sẽ đưa đến việc sinh tâm không đồng nhận. Thứ hai là giải thích văn. Tướng phạm, tánh phạm như trước nên biết. Nói "Mà Bồ-tát cho đến thường sinh tâm lòng từ bi là khuyên người khiến họ phát sinh gấc lành không tức giận, mình cũng phải thường sinh tâm đại bi, là đối với người ác khởi lên ba

điều suy nghĩ, một là nghĩ người kia tâm tánh họ vốn thanh tịnh, vì say rượu nên không biết dính mắc bởi ma phiền não, không biết mình có việc làm này, hai là nhớ bản nguyện, ta là chúng sinh thệ chứng Bồ-đề, sinh tử là khổ lớn còn không sợ, huống chi khổ nhỏ này mà không chịu đựng, ba là nhớ ân kia, do não hại mới thành tựu hạnh nhẫn, kia làm thành tựu tròn đầy nhẫn Bồ-đề của ta, vì sao vừa trái ân lại sinh tức giận não hại? Nói dùng lời ác mạ nhục cho đến vẫn còn không hết giận. Như lần lượt nói về nghiệp ngữ thân, ý, tuy đủ ba nghiệp, nay lấy ý tội, vì chỗ khởi sân phạm tội nặng , khi quyết định tội của ý này thì kết, do đó quyết định, không nhận sám hối: tuy chẳng phải chúng sinh không đến sám hối tạ tội, mà sân không chịu can ngăn vẫn thành tội nặng . Có thuyết cho rằng: Theo sự thật chỉ ở bên hữu tình, vì nhẹ so sánh nặng nên nói chẳng phải chúng sinh. Thuộc về pháp gì trong trăm pháp, tức là lấy phần làm thể. Như Du-già chép: Trưởng dưỡng chủng loại phẩn triền như thế, không chỉ phát khởi lời thô liền dứt, vì sân che lấp, lại dùng tay đánh đập, ưa phẫn hận, người đến xin lỗi tạ tội mà không chấp nhận, không bỏ oán kết gọi là Tha thắng xứ.

10. Giới chê bai Tam Bảo.

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình chê bai Ba Bảo cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Chế ý đầu tiên là Ba Bảo Phật, Pháp, Tăng là bến lớn ra khỏi lưới tà, là cửa quan trọng vào chánh đạo, thuận theo Ba Bảo chắc chắn chứng thường lạc, trái lại thì thường chìm đắm trong biển khổ tà kiến, tội trái nghịch không gì lớn bằng vì hành tướng âm thầm mạnh mẽ dứt các gốc lành. Vì thế cũng lập thành căn bản tụng. Giải thích văn thì y theo phần trước nên biết. Nói như ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình, như Du-già phẩm thứ bảy mươi chín chép: Bồ-tát nên Giải thích ; thế nào là khổ, chúng sinh bị tổn não tức là mình khổ. Hoặc nên nói; lấy gì làm vui, chúng sinh lợi ích tức là mình vui. Cho đến nói rộng chúng sinh tổn não không gì hơn chê bai chánh pháp, vì thế Bồ-tát như bị giáo nhọn đâm vào tim, nhóm họp tâm không từ bi là lấy khổ của người làm vui, tập tâm từ là lấy lợi ích cho người làm vui, vui đã như vậy thì khổ cũng vậy. Nói huống chi là tự miệng mình chê bai, như luận Du-già chép: chê bai tạng Bồ-tát, ưa thích dựng lập chánh pháp tương tự, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc do người chuyển, ấy gọi là pháp Tha thắng xứ thứ tư. Ở đây chung với tăng ích tổn giảm tà kiến, tà kiến này trói buộc. Nếu khi quyết định, tuy chưa dứt mất gốc lành nhưng chắc

chắn cũng khởi tâm bất đồng phận. Nên giới Bồ-tát không có xả đoạn thiện. Tà kiến có hai, nếu che bai toàn phần tất cả nhân quả hoặc không chê bai pháp khác mà chê bai Đại thừa, vẫn phạm tội nặng , hoặc cho đến triền phẩm thượng cũng mất tịnh giới. Tất cả phần nói trên đều là môn Thế tục. Thắng nghĩa môn tức là Ba luân thanh tịnh, như Tông yếu đã nói.

Kinh chép: Các Phật tử cần nên học cho đến nên nói rộng.

Giải thích: ở đây là kết thành môn thứ ba. Văn này có ba: một là khuyên không huỷ phạm, hai là bày phạm mất hoại, ba là chỉ rộng răn dạy người học, khuyên không huỷ phạm, như kinh chép: Các Phật tử cần nên học cho đến phạm mười giới, nói khéo học là phân biệt với các học bất thiện của ngoại đạo và cái học không rốt ráo của Hai thừa , như phẩm tám mươi chép : Lại Thanh Văn kia tuy được rốt ráo nhưng không cúng dường khen ngợi các vị Trời người kia,v.v như trụ tân nghiệp, tu hạnh Bồ-tát. Ở đây Giải thích không được phạm một giới nhỏ như hạt bụi, là tuy lỗi nhỏ nhưng dồn chứa lâu ngày thành lớn. Như kinh có bài tụng rằng:

Chớ khinh ác nhỏ
Cho là không hại
Giọt nước tuy nhỏ
Lần đầy chum to

Hoặc có người ngu phạm tội nhỏ, dù cho nhẹ như hạt bụi cũng không nên phạm. Như có bài tụng rằng:

Người ngu tội nhẹ cũng đoạ ác
Người trí tội nặng cũng thoát khổ
Như hòn sắt nhỏ cũng bị chìm
Dù bát sắt lớn cũng được nổi.

Trí luận chép: Người có trí tuệ, tâm rỗng rang như chiếc bát nổi được.

Hỏi: Biết mà cố làm là điều đáng trách ở thế gian, không bằng việc làm của kẻ cuồng, không có gì là , trí ngu gây tội cũng như vậy, vì sao trí là nhẹ, ngu là nặng? Đáp: Câu hỏi này không đúng, mình làm mình chịu, chẳng phải do người làm mà mình chịu, là như kẻ điên chạm vào lưỡi dao nên bị đứt tay, người trí tuy chạm nhau như tránh mũi dao nhọn nên không bị tổn, lại như căn phòng tối biết có cột nên chỉ đụng nhẹ, không biết có cột nên chạm mạnh thì bị lỗ đầu. Ngu trí gây ra tội tùy theo đạo lý cũng như vậy. Trong luận Mười Trụ chép: Người trí tạo tội như bỏ nắm muối xuống ao, trong luận ấy có bài tụng rằng:

Chén muối bỏ ao lớn
Vị nước không có khác
Nếu bỏ vào bình nước nhỏ
Mặn đắng không uống được.

Thứ hai: Bày Phạm mất hoại, như kinh chép: Nếu có người phạm, cho đến phạm từng giới một. Trong đây nói nếu phạm thì hiện đời không được phát tâm Bồ-đề. Nếu phạm mười giới trọng, có bảy già nạn thì không thể thọ giới Bồ-tát, chỗ khác không phải như vậy. Du-già và Bản Nghiệp cho phép phạm tội nặng được thọ.

Hỏi: Phạm nặng mất giới tại sao kinh Bản Nghiệp Giải thích giới Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp xả, cho đến nói rộng?

Đáp: Ở Đây có nhiều giải thích. Sư Nguyên Hiểu Giải thích : Nếu đối với giáo lý ba thừa mà phát tâm thì có mất, nếu nghe giáo lý Nhất thừa thì không bao giờ lui mất, nhưng tông giáo mới khó có thể nương định. Sư Nghĩa Tịch Giải thích : Công năng tuy mất nhưng thể của hạt giống thường còn. Du-già, Bản Nghiệp lần lượt nói khác, ở đây cũng khó hiểu. Hạt giống giới luật của Thanh Văn cũng thường lưu lại. Nay giải thích như Tông yếu. Nói cũng mất ngôi vua vv... rõ ràng vì mất nhân nên mất quả lợi, phải đoạ vào cõi ác đánh mất niềm tin ở thế gian và quả Hai thừa , huống chi quả mầu ba thân, mười Thánh, ba Hiền của Đại thừa. Nói Phật tánh là pháp thân, vì thể tánh nên nói thường trụ là chung cho hai thân còn lại, như kế là tự tánh Vô Gián nối nhau thường hằng, không nghe tên cha mẹ Ba Bảo là nói lên thế gian và xuất thế gian không thể cứu, văn còn lại rất dễ hiểu.

Kinh Phạm Võng Cổ Tích Ký quyển hạ.

(Phần đầu Hết)

■

PHẠM VÕNG KINH CỔ TÍCH KÝ

QUYỂN HẠ
(Phần cuối)

Kinh chép: Từ Phật dạy. Này các Bồ-tát! Cho đến bốn mươi tám giới khinh nay sẽ nói.

Giải thích: Dưới đây chỉ tụng giới khinh, trong đó có ba. Đầu tiên là trước kết sau sinh; kế là lần lượt tụng ra, sau cùng kết khuyên vậng hành. Phần đầu nói các giới khinh này tuỳ theo ý thích của mình. Có phạm, không phạm, là nhiễm hay không nhiễm, phẩm trung thượng phải biết rõ. Như Bồ-tát địa tựu trung là nhiễm phạm, nghĩa là ý thích điều ác là không đúng. Nếu có tướng phiền não phải gọi là bất nhiễm phạm ba phẩm như tuỳ tâm cảnh,v.v khác nhau. Như phẩm sáu mươi tám chép: Do sáu phần khác nhau nêu chổ phạm thành trọng, một là giáo chế là nặng , hai là sự trọng, ba là số phạm, bốn là phiền não mạnh mẽ, năm là trí lực kém, sáu là mau sám hối, như các giới này mỗi giới đều đủ nghĩa ba nhóm giới, tuỳ nội dung quan trọng mà khai hợp các giáo bất định.

1. Giới thứ nhất không kính thầy bạn .

Kinh chép: Nếu Phật tử, lúc sắp lên ngôi vua, cho đến nếu không như vậy thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Từ bài tụng riêng ở dưới, mười giới đầu có bốn môn, hai môn đầu là môn hộ tâm niệm của mình, đối với kiêu mạn, buông lung ngăn cấm khinh mạn, đối với buông lung dứt lỗi rượu. Ba môn kế là hộ tâm hạnh của người, ba môn kế nữa là kính tu pháp Phật, hai môn sau đều là cứu giúp chúng sinh. Lên ngôi vua, trước thọ giới là: truyện chép có hai, có thuyết nói: Bồ-tát tuy đã có giới, bấy giờ lại thọ nữa là vì điều tâm, nói đủ các duyên tuy dẫn vô biểu, vì loại giới trước nên nói không được mới như đối pháp nói, đã dựa theo niết bàn trước khởi gốc lành thì không còn khởi mới, huống chi người kia lúc sau không huân xông hạt giống sống. Ở đây cũng nên như vậy. Nếu không có giới sao

gọi là Phật tử, phạm tội nhẹ gì? Có thuyết cho rằng: khuôn phép của giới biệt giải thoát, như giới của Tỳ-kheo không có pháp thọ lại. Dù cho thọ lại cũng chỉ thêm giới cũ, do đây Bồ-tát đã nhập vào Sơ địa rồi thì xả giới hữu lậu, thọ giới vô lậu, vì muốn nuôi lớn đức thành Phật, vì trước đã có giới, Thất đạo không đắc giới, khác với Thanh Văn vì trước không có giới nên thất đạo đắc giới. Luận Du-già chép: Thọ lại không đắc giới mới, khác với pháp khác huân xông hạt giống lại, vì người kia không làm ra pháp chế phép tắc, tuy chưa thọ giới, hạt giống Phật cũng không mất vì đã phát nguyện Vô thượng Bồ-đề. Phạm tội nhẹ là kết sinh kiêu mạn, không cần thọ lại cũng không phạm, hoặc có điều tâm rồi nên không cần. Nói Thượng Toạ là bậc Thượng thủ trong chúng. Hoà-thượng là Thân giáo sư, là Hoà-thượng truyền giới. A-Xà-lê, tức là Quỹ Phạm sư, là thầy truyền giới, Yết-ma oai nghi, giáo thọ, thọ nghiệp, v.v.. Đồng học, đồng kiến, đồng hạnh như thứ lớp đồng thầy, đồng tông, đồng thừa. Nói bảy chất báu là của quý trọng còn có thể bố thí, huống chi của tầm thường khác là ý ở đây. Nói nếu không như vậy nghĩa là cung kính cúng dường không đúng pháp,. Luân Du-già chép : Tâm kiêu mạn, hiềm hận, sân nhuế, là nhiễm phạm. Biếng nhác vọng niệm là phạm phi nhiễm. Không trái phạm là: hoặc bệnh, hoặc cuồng, hoặc ngủ, hoặc tự nói pháp, hoặc nói với người, hoặc tự nghe pháp, hoặc muốn dùng tâm che chở người nói pháp, hoặc dùng tâm che chở nhiều hữu tình, hoặc điều phục, hoặc giữ gìn Tăng chế, đều không phạm.

2. Giới không được uống rượu

Kinh chép: Nếu Phật tử cố uống rượu cho đến bảo người uống rượu thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Rượu là gốc mê loạn, sinh ra nhiều tội lỗi, xưa có thế lực hàng phục rồng mà nay không khống chế được một con cua, cho đến bốn tội nghịch đều từ uống rượu mà ra, chỉ trừ tội phá tăng, nên ở đây cấm. Nói vô lượng tội lỗi là do say rượu sinh ra lầm lỗi mà phạm tội. Như Câu-xá chép: Trị bệnh hạn lượng không có tướng của tánh tội, nên biết giá tội, trì luật thì nói là tánh tội. Ô-Ba-Li hỏi rằng : Con phải làm sao để cúng dường người bệnh? Đức Thế Tôn dạy: Trừ tánh tội, ngoài ra đều có thể cung cấp, nhưng bị bệnh truyền nhiễm, Thích chủng cần rượu, Đức Thế Tôn không cho phép người kia uống rượu. Lại kinh nói sinh Thánh thì cũng không phạm. Các sư Đối pháp Giải thích chẳng phải tánh tội, nhưng vì người bệnh khai chung giá giới. Về sau, vào lúc khác cấm uống rượu, là ngăn ngừa do chất rượu này mà phạm tánh tội.

Lại nữa, tất cả bậc Thánh không uống rượu là vì các bậc Thánh có tâm hổ thẹn, vì uống rượu làm cho mất chánh niệm. Cho đến một chút cũng không uống là vì giống như lượng thuốc độc bất định. Nói năm trăm đời không tay là vì lỗi ác tâm cực tăng thượng, chẳng có tâm lành,v.v Nếu bố thí tâm lành, luận Du-già cho phép nhiếp độ thí. Như Mười Trụ chép: Bồ-tát tại gia bố thí rượu không có tội, nên nghĩ rằng: Pháp thí độ đều mãn nguyện cho người, sau mới phương tiện giáo hoá họ bỏ uống rượu. Nói không được bảo người uống, cho đến uống là tự mình uống rượu, là trước cầm bình rượu đưa cho người còn bị lỗi, huống chi tự mình uống. Đây là phần thứ hai là bảo người uống, huống là tự mình uống. Nếu cố tự mình uống, bảo người uống là là đều kiết phạm. Nhưng kinh Văn-thù Vấn chép: Không được uống rượu, nếu thầy thuốc nói nhiều loại thuốc, hoà ít rượu nhiều thuốc thì được dùng, không được uống mỡ và thoa chà vào mình,v.v Hoặc có nhân duyên được dùng, được dùng sữa, lạc, bơ sống, đề hồ. Trước kia ta ăn cháo sữa vì gió đàm lạnh. Kinh Vị Tằng Hữu chế năm giới rằng: Nếu có người uống rượu mà tâm vui vẻ, sinh pháp lành thì uống không phạm giới, rộng như kinh ấy có nói. Huống chi giới Bồ-tát có lợi không phạm. Như Duy-ma-cật vào các quán rượu, có thể lập chí cho mình.

3. Giới không được ăn thịt.

Kinh chép: Nếu Phật tử cố ăn thịt, cho đến nếu cố ăn thịt thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lẽ ra phải lóc thịt trên mình mà cứu giúp mạng sống loài vật, mà lại ăn thịt loài khác, đến nỗi giết hại. Nên nay Phật cấm. Kinh Văn-thù Vấn cấm Bồ-tát rằng: Nếu người giết để đãi mình thì không được ăn. Nếu thịt như cây rừng đã tự thối rửa, muốn ăn được ăn. Nếu muốn ăn thịt phải tụng chú ba lần"Đa-Điệt-Tha", (Hám dịch là "Như thị)" "A Nại Ma", A Nại Ma", (Hán dịch là "Vô ngã, vô ngã") "A-Thị-Bà-Đa, A-Thị-Bà-Đa",

(Hán dịch là "Vô thọ mệnh, vô thọ mệnh"), "Na-Xá Na-Xá" (Hán dịch là "Thất, Thất") "Đà-Ha-Đà-Ha", (Hán dịch là "Thiêu, Thiêu"). "Bà Phất, Bà Phất" (Hán dịch là "Phá, Phá") "Tăng-Kha Phiêu-Đa Nhị",(Hán dịch là "Hữu vi"), "Toa Ha", (Hán dịch là "dứt sát sinh"). Văn-thù bạch rằng: Nếu được ăn thịt vì sao các kinh như: kinh Tả Quy, kinh Đại Vân kinh , chỉ Man kinh , Lăng-già,v.v đều nói dứt. Phật bảo Văn-thù, vì chúng sinh không có năng lực từ bi, có tâm giết hại, vì nhân duyên này nên phải dứt ăn thịt. Này Văn-thù-sư-lợi! Có chúng sinh ưa

thích y phẩm tảo thì ta nói y phẩm tảo như thế, khất thực cũng vậy, vì giáo hoá họ nên ta nói hạnh đầu-đà như thế. Nầy Văn-thù! Vì chúng sinh có tâm giết hại nên ta nói dứt ăn thịt. Nếu không có tâm giết hại, mà có tâm đại từ bi, vì giáo hoá tất cả chúng sinh nên , không có lỗi. Nói cắt đứt hạt giống tánh đại từ bi là do ăn thịt nên dẫn đến giết hại. Nói thấy mà bỏ đi là chim ưng đuổi theo chim bồ câu, chim bồ câu chui vào núp dưới bóng ngài Xá-Lợi-Phất mà vẫn chưa hết sợ, huống chi ở chỗ người ăn thịt. Nói người ăn thịt mắc vô lượng tội, như nhân duyên không ăn thịt của vị tiên Nhất Thiết Trí Quang Minh, trong kinh nói rộng về lỗi ăn thịt. Vị Tiên ấy chính là Bồ Tát Di-lặc, nên khi thành Phật cấm ăn thịt, nếu ăn phạm nặng , đầy đủ như kinh ấy đã nói.

4. Giới không được ăn năm thứ củ cay nồng:

Kinh chép: Nếu Phật tử, không được ăn năm thứ củ cay, cho đến nếu cố ăn thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Năm thứ củ cay tuy thuộc loại cỏ nhưng hôi dơ khó gần, là vật nên tránh của bậc hiền lương, cho nên cấm, phải dứt trừ. Sư Pháp Tạng nói : Nay trong năm loại củ này, đại toán là tỏi. Có người Giải thích : Hành hẹ là hồ thông, lan thông là gia thông. Ba loại trên người thế gian thường ăn. Cách thông, Nhĩ Nhã gọi là sơn thông, thân nhỏ lá lớn, đúng là chữ "Các", đọc cách là sai. Các vùng phương Bắc có cây này, ở Giang Nam không có, ở đó gọi là Hưng cừ. Có người nói là cây cải dầu, nhưng không thấy văn chép. Có người nói, ở Giang Nam, lá nó giống như lá tỏi rừng, gốc và thân giống như cây hẹ, Bắc ở miền không có. Lại giải thích, A-Nguỵ Dược, tiếng Phạm là hưng-cừ, truyện chép như thế. Năm thứ củ cay này trừ người bệnh nặng và trường hợp có lợi ích, ngoài ra không được ăn. Như kinh Văn-thù Vấn chép : Không được ăn tỏi, nếu có nhân duyên thì được ăn. Nếu hoà thuốc để trị bệnh thì được dùng. Lại kinh Hoa Nghiêm chép: Trong thân ta có tám muôn hộ trùng. (Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Một hộ có chín ức vi trùng), thân ta an vui thì nó cũng an vui, thân ta đói khổ, nó cũng đói khổ, vì thế Bồ-tát có sự ăn uống gì đều vì muốn cho các loại trùng an vui, chứ không tham đắm mùi vị.

5. Giới không dạy người sám tội.

Kinh chép: Nếu Phật tử thấy tất cả chúng sinh cho đến khiến họ sám hối phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Như luận Du-già chép: Bồ-tát thương xót hữu tình

giữ tịnh giới, không bằng phạm giới để chuyển nhân khổ. Nếu vì giận ghét mà tìm cách xả bỏ không làm lợi ích, là nhiễm ô trái phạm. Kinh Duy-ma chép: chúng sinh bệnh phiền não là bệnh của Bồ-tát, ấy là Bồ-tát không cứu nhân khổ rất, trái với lợi lạc nên nay cấm. Tám giới này đều chung cho giới Thanh Văn va giới Bồ-tát. Luận Du-già chép: Giới Nhiếp luật nghi là giới của bảy chúng. Kinh niết bàn chép: vì đạo Vô thượng nên thọ tám giới. Nói huỷ cấm là đại giới của Tỳ kheo và nhiếp luật nghi giới của Bồ-tát. Bảy tội nghịch như ở dưới. Tám nạn là, có thuyết nói là tám nơi không rảnh rỗi, đó là ba đường ác, cõi trời Trường Thọ, Bắc châu, đui, điếc, thế trí biện thông, sinh trước Phật sau Phật. Vì người ở nơi ấy không tu đạo, nên gọi là không nhàn rỗi, cũng gọi là nạn, đó là báo chướng. Tuy không nêu sám hối nhưng trong nhân kia nói tên quả. Mười điều ác ở đây vời lấy nạn đường ác, làm việc lành thế gian sinh về châu phía Bắc, tà định chiêu cảm Trường thọ, báng pháp sinh ra đui điếc, tà trí được thông minh, không kính Ba Bảo sinh trước Phật sau Phật. Có thuyết nói. Trong mười ba nạn, trừ năm tội nghịch, xếp năm tội kia vào bảy tội nghịch, tuy nêu số lớn nhưng lấy nhiễm ô ni,v.v truyện thuyết như vậy. Nói phạm tội nhẹ cấu là trừ người không có năm đức, hoặc trái lại thì sinh lỗi, kia tuy không nêu lên nhưng không phạm. Luận Du-già chép : Không phạm là nếu biết rõ bệnh kia không thể trị khỏi, thì không được cho nói họ biết nói, hoặc lúc quán đối đãi. Hoặc quán do việc tranh đấu, kiện tụng này mà làm loạn chúng, biết người kia hết sức hổ thẹn trở lại thanh tịnh, mà không trách mắng, trị phạt, đuổi đi, đều không phạm.

6. Giới không Thỉnh nói Pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử, thấy có vị Pháp sư Đại thừa cho đến nếu không như vậy thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Thầy của Chư Phật chính là pháp, vì có năng lực sinh trí tuệ, chứng đắc niết-bàn. Kinh Di Giáo chép: Người trí tuệ là chiếc thuyền vững chắc vượt qua biển sinh tử, là ngọn đèn sáng, chiếu soi đêm dài tăm tối vô minh, là thuốc hay trị lành tất cả bệnh, là lưỡi búa bén chặt đứt cây phiền não. Vì thế, các thầy dùng văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ mà tự tăng ích, Bồ-tát lẽ ra phải diệt thân còn cầu, mà lại khinh mạn trái phạm càng sâu, nên nay cấm. Nói Tăng phường là chế cho xuất gia, nhà cửa chế cho tại gia, thành ấp chế cho vua. Mỗi ngày ba thời là thời trai sáng sớm, thuốc phi thời,v.v. Mỗi ngày đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng là của cải quý báu cũng không tiếc. Vì sao? Vì bố thí cái

chẳng phải Thánh tài mà được Thánh tài. Hai thứ của cải khác nhau như Du-già có nói rộng. Thường thỉnh Pháp sư ba thời nói pháp là nếu vị Pháp sư kia có tuệ hạnh cao siêu hơn mình thì một ngày ba thời sáng, trưa, chiều nên thỉnh nói pháp, vì thỉnh nói pháp nên ngữ nghiệp lành, vì ba thời lễ bái nên thân nghiệp lành, vì chẳng khởi sân,v.v nên ý nghiệp lành. Nói vì pháp diệt thân thỉnh pháp, như hồn trần núi Tuyết cầu nữa bài kệ, việc ấy chẳng phải một các như nạn bị bệnh,v.v Vị sư kia kém hơn ta, không thỉnh thì không trái.

7. Giới không đi nghe pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử thấy tất cả chỗ, cho đến không đến chỗ ấy nghe pháp thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Muôn hạnh một môn cái gọi là đắc ý, đắc ý mà làm thì chẳng có việc nào làm không được. Nên Bồ-tát tân học gặp việc không giải quyết được, phải đi học để thành Thánh hạnh. Như khế kinh nói: Nếu lửa đầy khắp thế giới cũng nhất định phải đến nghe pháp, biết sẽ thành Phật đạo, vượt qua dòng sinh tử cho nên phải như vậy. Như phẩm thứ bảy mươi chín chép : Vô thượng Bồ-đề thể của là tuệ, tuệ năng dẫn dắt đến tất cả chỗ Ba-la-mật khác, là vì khi ở tuệ khởi tà hạnh, phải biết Bồ-tát đối với Bồ-đề kia, và có công năng dẫn pháp đều khởi tà hạnh. Vì thế Bồ-tát khinh thân trọng pháp. Vì sao? Vì có bài tụng rằng: Tuệ đối các hạnh lành, như nắm chặt mái chèo, trăm ngàn mù lạc đường, nhờ một mắt được sống. Hỏi: Nếu vậy vì sao kinh Hoa Nghiêm tụng rằng:

Thí như người nghèo cùng
Ngày đêm đếm báu người
Mình không có nửa đồng
Học rộng cũng như vậy.

Đáp: Vì kinh ấy chỉ là ngăn học rộng là rốt ráo, chớ không ngăn gốc học rộng Thánh tuệ. Như Du-già tụng rằng:

Học rộng biết được pháp
Học rộng lìa được ác
Học rộng xả vô nghĩa
Học rộng được niết-bàn.

Nói Tỳ-ni ,Hán dịch là Điều phục, vì dứt được tác động mạnh mẽ của nghiệp ác. Nghe nhận thưa hỏi: như Du-già phẩm ba mươi chép. Người mới tu nghiệp vì chứng nghĩa lợi, trước phải an trụ chánh niệm ở bốn chỗ, sau đó mới thưa hỏi. bốn chỗ là gì? lược nhiếp tụng rằng:

Không ganh, không kiêu mạn
Không phô tài năng mình
Khéo an lập mình người
Rồi mới thỉnh Pháp sư

Bồ-tát chép: Tâm kiêu mạn giận ghét không đến nghe pháp là nhiễm trái phạm. Lười biếng không ô nhiễm. Không phạm là bị bệnh không có sức khỏe. Hoặc biết giảng pháp trái ngược và Pháp sư kia đã nói pháp mình đã nghe rồi, hoặc hộ tâm người giảng, hoặc siêng tu pháp lành khác.

8. Giới bỏ chánh theo tà:

Kinh chép: Nếu Phật tử, có quan niệm trái bỏ, cho đến kinh luật phạm tội nhẹ cấu. Kể rằng: Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát sợ đạo Hai thừa , cho nên mạn thì sợ xả thân, bỏ Đại thừa theo Tiểu thừa thì trái với đạo Bồ-tát, cho nên phải cấm.

Hỏi: Tâm trái bỏ Đại thừa bị mất giới, vì sao lại kết tội khinh?

Đáp: ở đây vì chê bai giáo pháp khác chứ chẳng phải trái bỏ tấtcả, ngay cả Bồ-tát Địa nếu không chê bai mà kính mến Như lai, tuy không tin hiểu, nhưng không trái phạm. Nói kinh luật thường trụ là thường trụ sở thuyên, kinh luật năng thuyên. Lại Phật ba đời, đồng thuyết đồng hạnh, không thể thay đổi. Nếu Hai thừa chê bai pháp không, v.v gọi là Tà kiến.

9. Giới phải săn sóc người bệnh.

Kinh chép: Nếu Phật tử, thấy tất cả người tật bệnh, cho đến không cứu giúp thì phạm tội nhẹ cấu. Giải thích : Bồ-tát dùng đại bi nhổ gốc khổ bệnh mà không cứu nạn thì chẳng phải lỗi này, cho nên không cứu giúp là tội, vì săn sóc bệnh tức là bố thí mạng sống. Nói cúng dường như Phật không khác Phật là bậc đáng kính, người bệnh là người đáng thương, kính thương tuy khác, nhưng ở khía cạnh nào đó có nghĩa giống nhau, nên nói là không khác. Tám ruộng phước, có chỗ nói là.

1.Tạo chỗ rộng lớn, giếng nước ngọt.

2.Làm cầu đường xây.

3.đắp đường bồi lộ

4.Hiếu kính cha mẹ.

5.Cúng dường Sa-môn

6.Cúng dường người bệnh

7.Cứu giúp ách nạn.

8.Lập hội vô già. (Sư Pháp Tạng Giải thích chưa thấy Thánh giáo).

Ở đây Giải thích là :

1. Phật
2. Bậc Thánh
3. Hoà-thượng
4. A-Xà-lê
5. Chúng tăng
6. Cha.
7. Mẹ.
8. Người bệnh

Vì sao biết như vậy?

Nay văn dưới đây chép : Tám ruộng phước là Chư Phật, bậc Thánh, tất cả Sư tăng, cha mẹ, người bệnh. Nói phạm tội nhẹ cấu là trong Du-già chép : Nếu tâm giận ghét là nhiễm ô trái phạm, nếu vì lười biếng thì không nhiễm ô trái phạm. Không trái phạm là nếu mình bị bệnh, hoặc không có sức khỏe, hoặc nhờ người , hoặc biết người bệnh tự có khả năng cung ứng, hoặc biết người kia bệnh lâu, sự tiếp xúc có thể tự chống đỡ. Hoặc tu pháp lành cao quý không để sen hở. Hoặc tự biết căn độn khó tu định tuệ, hoặc ở chỗ khác cho họ mà làm việc cung cấp, như đối với người bệnh người có nỗi khổ là đối với , v.v... Vì họ mà làm bạn để giúp đỡ, muốn dứt khổ cho họ, nên biết cũng vậy.

10. Giới chứa Khí cụ sát sinh.

Kinh chép: Nếu Phật tử, không được cất chứa những binh khí, v.v... cho đến chứa dao gậy, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát nên chứa vật có lợi cho hữu tình mà lại chứa khí cụ giết hại, thật trái với lòng thương xót cứu giúp, nên phải cấm. Dù cho cha mẹ bị người giết còn không được trả thù, vì để cho họ tự chịu nghiệp quả đời trước của mình, pháp nhân quả là như vậy, không được tức giận . Nếu tức giận sẽ trở lại hoặc mình, không được lợi ích. Nói phạm tội nhẹ cấu là nếu ủng hộ chánh pháp thì không trái phạm. Kinh Niết bàn nói tại gia hộ pháp cho phép giữ để chiết phục.

Kinh chép: Mười giới như thế vv,... cho đến trong sáu phẩm sau có giảng rộng.

Từ mười giới dưới đây chia làm hai môn. Bốn giới đầu là môn giữ gìn pháp lành của mình, sáu giới sau là môn giữ gìn pháp lành của người. Lời văn rất dễ hiểu.

1. Giới làm sứ mạng cho hai nước.

Kinh chép: Phật dạy, nếu Phật tử, chẳng được vì quyền lợi cho đến cố làm thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lẽ ra phải hoà giải các sự tranh chấp mà trái lại đi thông sứ mạng giúp cho họ giết hại nhau, thật trái với đạo Bồ-tát, cho nên nay chế phải dứt trừ. Nếu vì điều phục chấm dứt giết hại lẫn nhau kéo dài, theo lý thì không phạm. Hưng là sinh khởi. Sư là quân lính.

2. Giới Buôn Bán làm não người:

Kinh chép: Nếu Phật tử, cố mua bán người lành, cho đến bảo người buôn bán thì phạm tội nhẹ cấu. Giải thích : Buôn bán hữu tình khác làm vui, buôn bán quan tài, thì phải mong người chết, đời sống thấp hèn không gì hơn việc làm này. Không có tội mạng duyên ở thế gian có nhiều cho nên chế, Bồ-tát phạm liền thành tội. Nói lục súc, như Chu lễ nói là Bò, Ngựa, Chó, Dê, Heo, Gà, thật ra chung cho tất cả các loài súc sinh. Huống chi bảo người buôn bán là lấy lợi tha làm đầu nên nêu mình để so sánh với người buôn bán. Trừ nghiệp thấp hèn còn chánh nghiệp khác được buôn bán, ngăn đạo khai cho thế tục. Như kinh Ưu-Bà-tắc giới chép: Phật tử tại gia có của cải nên chia làm bốn phần, một phần cúng dường cha mẹ vợ con, phần thứ hai buôn bán đúng pháp, hai phần còn lại cất giữ.

3. Giới chê bai Không có Căn Cứ.

Kinh chép: Nếu Phật tử, vì tâm ác cho đến đoạ vào đường ác, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Khinh khi chống cự lại người hiền thiện là không hổ thẹn, tất cả việc ác từ đây sinh ra, không hợp cho việc tiếp nối làm hưng thạnh hạt giống Phật, cho nên phải cấm. Tâm không lợi ích nên nói là tâm ác. Vì lìa ba căn nên cũng nói là vô sự. Không căn cứ chê bai này không thể mất đi, nên đối với lợi tha xếp vào tội khinh. Giới Thanh Văn , không y cứ mà chê bai thì kết tội nặng , chê bai có thật thì kết tội khinh. Đối với kia tự làm thì có cả khinh trọng. Thế gian có câu: Kẻ sĩ biết mình là dụng, biết mình là người hiền, người bố thí pháp lành cho ta là thầy ta, hộ tài vật của mình là lời dạy của vua, nhờ ơn nuôi dưỡng che chở là ân cha mẹ. Nói sáu thân là cha, mẹ, bác, chú, anh em. Biết ân báo ân là bản hạnh của Bồ-tát, chết còn không nề hà, mà lại sinh tâm hại chúng sanh khác. Như nói: Khi Đức Thế tôn làm chim én đầu đàn,

dắt dẫn năm trăm chim én bay về hướng Nam, bấy giờ nhạn đầu đàn sa vào lưới thợ săn, lúc đó có một con chim én kêu la thảm thiết, lảng vảng không chịu bay đi. Khi ấy, gã thợ săn giương cung định bắn mà chim én kia không tránh mũi tên, đôi mắt cứ nhìn chằm chằm vào gã thợ săn, rồi lập tức vỗ cánh bay đến đậu vào chỗ chim ưng đầu đàn, năm trăm chim én khác cũng bay lượn lảng vảng trên không chẳng chịu bay đi. Gã thợ săn thấy vậy sinh tâm hổ thẹn bèn thả chim én đầu đàn. một con chim én ấy chính là A-nan. Vua A-Xà-thế tuy thả voi sai hại Phật nhưng tâm sinh quyến luyến không rời Đức Thế tôn. Năm trăm La-hán bay lên hư không như bản văn kể, hoàn toàn trùng hợp, ân ấy được bậc chí nhân khen ngợi. Bồ-tát nếu trái thì chế thành tội.

4. Giới đốt lửa làm tổn hại chúng sinh:

Kinh chép: Nếu Phật tử, vì tâm ác cho đến nếu cố thiêu đốt phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Trong việc sát sinh không gì hơn đốt lửa, con chim trĩ còn thấm canh ướt để cứu nạn thiêu đốt. Bồ-tát đốt lửa, thật là trái đạo, cho nên cấm. Nếu muốn đốt lửa hại mạng tổn vật, đặc biệt bị tội sát, trộm. Luận Du-già nói là trộm phạm tội nặng , trong đây như núi, v.v... phần nhiều không có chủ, nhưng không có lòng từ bi gọi là tâm ác. Quyết định vật có chủ lược nêu có sáu:

1. Nhà cửa của người
2. Thành ấp.
3. Tăng phòng
4. Ruộng vườn. Cây cối
5. Vật của quỷ thần
6. Vật của quan.

5. Giới pháp hóa trái tông:

Kinh chép: Nếu Phật tử, từ đệ tử Phật cho đến luận tà kiến, v.v... thì phạm tội nhẹ cấu.

Kể rằng: Bồ-tát phải dùng pháp Đại thừa giáo hoá chúng sinh. Như Kinh Duy-ma chép: vào chỗ giảng luận, dùng pháp Đại thừa dẫn dắt chúng sinh, nếu dùng Tiểu thừa giảng làm chướng Đại thừa thì trái đạo Bồ-tát, cho nên cấm.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao luận Du-già chép : Nếu có người đến cầu pháp, trước phải hỏi dòng họ, nếu người kia dùng trí tuệ khéo léo nói căn tánh của mình thì tuỳ theo sự thích ứng mà trao thừa pháp cho họ.

Nếu người kia không biết chủng tánh của mình, nên lần lượt cho họ nghe nói pháp ba thừa, tuỳ theo chủng tánh của họ mà nghe pháp phát tâm, sau đó phải nói thừa pháp cho họ? Nghe phải không?

Đáp: Nay ngăn tâm ác không trái với luận kia, y theo nghiệp nói dối, tuy không tin mà phạm, nay trong văn này nói lược có bốn chúng:

- Chúng Nhập chánh pháp.
- Chúng Chưa nhập chánh pháp.
- Chúng Đồng khí liền cành.
- Chúng Đồng nương bà con.

Có ba. Pháp được truyền trao

1.Giáo pháp, là giáo pháp kinh luật Đại thừa
2.Lý pháp: là nghĩa lý của giáo pháp.
3.Hành pháp là phát tâm, v.v...

Nương giáo sinh giải, nương giải khởi hạnh, thứ lớp như thế, trong đây phát tâm Bồ-đề là Mười tín, Mười phát tâm là Mười trụ, trưởng dưỡng tâm là Mười hạnh. Kim cương tâm là Mười hồi hướng, không nói Mười địa vì tự chứng sẽ hiểu. Hoặc có bản kinh không có Trưởng dưỡng tâm, nên biết rất ít. Nói hoành giáo, như kinh đại Tập chép: Khuyên học Tiểu thừa là nghiệp ma, huống chi tà luận của ngoại đạo nên biết là phạm tội.

6. Giới tham của cải, bỏn sẻn pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử, có tâm tốt cho đến phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Phải tự học trước, sau đó dạy lại người, tham tài lợi mà sẻn pháp thì cắt đứt hạt giống Phật, trái đạo Bồ-tát, nên ở đây cấm. Trong đây ý Giải thích . Trước giảng về khổ hạnh để răn tâm, giúp cho được vững vàng, sau đó mới nói chánh pháp chân thật. Đáng trả lời mà không trả lời là không nói, nhưng chỉ vì lợi không có bỏn sẻn pháp, nên thuộc về tội nhẹ. Như luận Du-già chép: Hiện có tài pháp mà bỏn sẻn không bố thí phạm Tha thắng xứ. Chê bai thuyết Ba Bảo, như văn chấp nghĩa. Kinh Niết-bàn chép: Nếu nói chúng sinh chắc chắn có Phật tánh, hay không có Phật tánh đều là chê bai Ba Bảo Phật, Pháp, Tăng. Phạm tội nhẹ cấu, Luận Du-già chép: Có người đến cầu pháp, mà tức giận ganh ghét không bố thí là nhiễm ô trái phạm. Biếng nhác vọng niệm không nhớ thì không nhiễm ô trái phạm, không trái phạm là ngoại đạo xét lỗi, hoặc bệnh hoặc điên cuồng, hoặc muốn điều phục, hoặc đối với pháp này chưa khéo thông hiểu, hoặc lại thấy kia không cung kính, không hổ thẹn, oai nghi xấu mà đến, hoặc biết người kia ám độn

lại sinh tà kiến. Hoặc biết người kia chuyển khắp phi nhân mà không thí cho, đều không phạm.

7. Giới Cậy Thế lực Quyên Tởi

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống cho đến đều không có tâm hiếu thuận thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Không chỉ làm phiền não người , mà mình cũng mệt mỏi, rất chướng ngại cho hai lợi nên cấm. Như kinh Di Giáo chép: Người nhiều ham muốn, vì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều. Thực hành ít muốn thì tâm rất thản nhiên, không lo sợ gì. Không biết đủ thì tuy, giàu mà nghèo, vì thường không thỏa mãn. Người biết đủ tuy nghèo mà giàu vì thường an vui. Nói cầu quấy cầu nhiều là phân biệt với phi nhiễm có nghĩa cầu lợi. Như luận Du-già chép: Nếu các Bồ-tát như giới kinh của Phật là giúp cho Thanh Văn ít sự ít nghiệp, ít hy vọng, lập ra già tội không để tạo tác, không nên đẳng học. Vì sao? Vì Thanh Văn tu tự lợi, đối với lợi tha trụ trong ít sự, ít nghiệp, ít hy vọng gọi là Diệu. Chẳng phải các Bồ Tát đặt lợi tha làm đầu mà không đoái hoài tự lợi. Trong lợi tha thì sống trong ít sự,ít nghiệp,ít hy vọng,gọi là Diệu Bồ-tát làm lợi tha như thế, từ người không phải bà con, trưởng giả,v.v., nên cầu chứa các loại vật báu như trăm ngàn ý bát, v.v...

8. Giới luống dối làm thầy.

Kinh chép: Nếu Phật tử, phải học tụng giới cho đến truyền giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Mỗi ngày thường trì tụng hiểu rõ là thầy, biếng nhác không biết là điều mà cấm giới này. Nói tức là dối gạt mình và cũng là dối gạt người là tự làm cho pháp Đại thừa suy tổn, nên nói dối gạt mình, trao giáo pháp luống dối không lợi ích mà siêng năng khổ nhọc nên là nói cũng là dối gạt người. Bồ-tát Địa chép: làm ra vẻ oai nghi, tương tự công đức của Bồ-tát, ở đây tuy là nói dối nhưng dối gạt làm thầy thì phạm tội nhẹ cấu.

9. Giới làm cho hai bên tranh chấp:

Kinh chép: Nếu Phật tử, vì tâm ác cho đến gây ra nhiều tội ác thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lẽ ra phải khen ngợi hạnh tốt của người, làm cho hai bên hoà hợp, sinh ra pháp lành, mà lại đâm thọc hai đầu cho hai bên bất hoà, trái đạo, cho nên chế ra giới này. Thấy Tỳ-kheo giữ giới:

đây là đâm thọc chúng hiền lương. Tay bưng lư hương, v.v... là oai nghi hành đạo. Mà đâm thọc hai đầu, v.v... là đâm thọc cho hai bên sinh sự bất hoà. Cấu là gặp, chê bai khinh dối bên đây, bên kia, gây ra nhiều tội ác. Bồ-tát Địa chép: Nếu thấy chỗ nhiếp thọ của bạn ác là nói lời chia rẽ thì lại sinh công đức.

10. Giới Không cứu giúp kẻ còn người mất:

Kinh chép: Nếu Phật tử vì tâm từ bi cho đến nếu không như vậy, thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Văn kinh có hai ý, đầu tiên là phóng sinh để cứu nạn chết, sau là ăn chay giảng pháp cứu vớt vong linh. Đều là cha mẹ của ta là khởi quán thân thuộc rộng khắp. Như Đức Thế tôn dạy: ta không hề thấy tất cả hữu tình sống trong đêm dài sinh tử mà không từng là cha mẹ các thầy. Nói cũng là giết thân cũ của tà: là bốn đại năm uẩn thường bẩm thọ, đều là con cháu cũ của cha mẹ ta, không thể không phân thọ khí với ta. Như thế gian có câu. Trong lòng của bậc Trượng phu chí khí tự có gió mây, kẻ sĩ giao du trong bốn biển đều là anh em. Nói tất cả chất bốn đại đất, nước, lửa, gió đều là bản thân, bản thể của ta, ở đây đối với muôn vật là đồng thể, mặt đất đâu từng chẳng phải là chỗ bỏ thân, gió lửa còn là thân còn, gió lửa tan thì trở về với đất. Nên thường phóng sinh và dùng phương tiện trừ năng sở sát hiện đang khổ. Ngày có người chết mà giảng giới kinh này là mảnh ruộng tốt có hai việc tốt một là ngăn chặn được điều, không đoạ vào ba đường, hai là nhờ các gốc lành nên được thấy Phật sinh về cõi trời. Giới trong giới nghĩa là giới Bồ-tát, rộng độ chúng sinh lấy lý làm gốc, vì thế chỉ giảng giới kinh của Bồ-tát.

Kinh chép: Mười giới như thế cho đến nói tướng mỗi giới. Từ mười giới sau thành sáu hoà kính. Nghĩa là mười như,kế là ba một bốn hai nhiếp nghiệp ấy kiến lợi giới đồng,

Ba giới đầu đều nhiếp ba nghiệp đồng, nên thành sáu hoà kính.

1. Giới thứ nhất không nhẫn nhục mà trái phạm:

Kinh chép: Nếu Phật tử đem sân báo sân cho đến cố báo thù phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Dùng oán báo oán là trái với hạnh nhẫn nhục. Nếu mất hạnh nhẫn thì gọi là lui sụt tâm Đại thừa, nên ở đây cấm.

Nói dùng sân báo sân, v.v... là như kinh Trường Thọ Vương chép: lấy oán báo oán, oán không bao giờ diệt, lấy đức báo oán, oán mới tiêu

tan, cho nên Bồ-tát không tức giận là mạnh mẽ ý. Nói nếu giết cha mẹ cho đến không thuận với hiếu đạo.

Hỏi: Theo lễ của thế gian, oán thù của cha mẹ chẳng trả thì không phải đạo hiếu, tại sao nay nói trả thù cho cha mẹ, vua chúa là trái với đạo hiếu?

Đáp: Hiếu có hai thứ, hiếu thế gian là dùng oán báo oán, như cỏ dập tắt lửa. Hiếu theo thắng nghĩa là lấy từ bi báo oán như nước dập tắt lửa, đã tin chúng sinh trong sáu đường đều là cha mẹ ta, thì đâu thể vì một người thân lại hại một người thân, kia giết thân đời này đời sau đoạ vào địa ngục, chỉ đáng xót thương chớ không nên báo thù, nên dùng lòng từ bi bình đẳng cõi mở oán thù khiến mau dứt hẳn, đó là hiếu trong hiếu. Mà Bồ-tát xuất gia không có lòng từ bi cố báo thù: xuất gia có hai, một là tâm xuất gia, hai là thân xuất gia, nên chung cho hai chúng, không nhẫn là sai. Như giới kinh chép:

Nhẫn nhục bậc đạo nhất
Phật nói vô vi cao
Xuất gia khuấy rối người
Không gọi là Sa-môn.

2. Giới khinh mạn người xem thường pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử, mới xuất gia cho đến nhất nghĩa đế bậc, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Thuở xưa, có người cầu pháp, dám nhảy xuống hố lửa, muốn nghe nửa bài kệ mà treo mình trên núi Tuyết, thân vua cũng làm giường cho La-sát, y trời lại trải làm chỗ ngồi cho Dã-Can, đỉnh trời tuy tôn quý lại đội chân súc sinh, ruộng tốt thì trọng pháp làm đầu. Cho nên xem thường chế là phạm tội. Trong đây có người trí và người thông hiểu việc thế tục.

3. Giới khinh thường người mới học:

Kinh chép: Nếu Phật tử, sau khi Phật diệt độ cho đến không hết lòng chỉ bảo, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lẽ ra phải khen ngợi, khích lệ người mới học mà lại khinh thường không chỉ dạy thì chế thành tội. Như kinh Anh Lạc chép: Nếu giáo hoá một người khiến họ phát tâm thọ giới Bồ-tát còn hơn xây tháp Phật đầy khắp cõi Đại thiên. Nói sám hối trước Phật Nghĩa là khi sám hối nhớ nghĩ nghĩa này, lược nhiếp tụng rằng:

Phật thệ độ chúng sinh

Ta vào số một đời
Biến Tri khéo giúp ta,
Tất cả tội diệt trừ.

Tự Thọ Yết-ma như Bồ-tát Địa phẩm bốn mươi mốt chép: Nếu trong ngàn dặm,v.v, là nếu ông tự thọ công đức yếu kém thì không đúng. Tuy không hiện duyên nhưng tâm mạnh mẽ, như phẩm năm mươi ba chép: Tự thọ hay thọ với người, hoặc tâm bình đẳng thọ cũng giữ như thế, phước đức không khác.

Hỏi: Phẩm năm mươi ba chép: Nếu lại có người nghĩ rằng, chỗ ở của ta khó sinh sống, phải xuất gia mới dễ sống, như mà các Tỳ-kheo tu phạm hạnh, ta cũng tu phạm hạnh. Cho đến lúc qua đời nên tu phạm hạnh, giới xuất gia như thế không gọi là ý lạc tổn hại, tuy không thuần tịnh nhưng cũng chẳng thể không gọi là xuất gia thọ giới cụ túc, đã vậy thì cũng có thể không cầu Bồ-đề mà thọ được tịnh giới của Bồ-tát ư?

Đáp: Hạnh Thanh Văn lấy thân, ngữ làm đầu, tuy tâm không thuần phạm hạnh nhưng dễ thành tựu, Bồ-tát không phải như vậy, vì vẫn còn ý địa, hoặc nói văn kia nói lên tâm lộn xộn này, chẳng thể nói đều không có ý ưa thích niết-bàn.

4. Giới bỏ pháp cao siêu, theo pháp thấp kém:

Kinh chép: Nếu Phật tử, có kinh luật Đại thừa cho đến nếu cố làm thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Khó gặp Đại thừa, như kinh có nói rộng. Nói Bồ-tát là người học Đại thừa. Giữ chặt cái vô tri của mình, bị chuyển theo bạn ác, vì ngăn ngừa lỗi ấy, nên chế ra giới nầy. Nói có kinh luật Đại thừa pháp của Phật là nói giáo pháp, vì phân biệt với ngoại đạo nên nói kinh luật của Phật, vì khác với Hai thừa nên nói là pháp Đại thừa. Nói chánh kiến là hành pháp, chánh tánh là lý pháp, pháp thân là quả pháp. Mà bỏ bảy vật báu là pháp Đại thừa đáng xem trọng, từ thí dụ mà thành tên. Như bỏ bảy chất báu lại lấy gạch vụn. Hoặc có kinh chép không bỏ bảy chất báu, tức vật quý của thế gian. Trong đây thêm bớt gọi là tà kiến, luận Tiểu thừa,v.v gọi là A-tỳ-đàm. Nói thư ký là văn chải chuốt của thế gian. Luận Du-già chép: Nói tương tự chánh pháp và đoán trước số văn chương thế gian rõ ràng, tức là công đức tương tự của Bồ-tát. Là cắt đứt hạt giống Phật, chương ngại nhân duyên của đạo, như Khế Kinh chép: Pháp Đại thừa lưu hành gọi là hạt giống Phật không bị cắt đứt Kinh Pháp Hoa chép: người học Tiểu thừa không được ở chung với. Như luận Du-già chép: Đối với Bồ-tát Tạng chưa nghiên cứu tinh

chuyên, chuyên học pháp Thanh Văn và luận ngoại đạo, v.v... là nhiễm ô trái phạm. Hoặc người thông minh bậc thượng mau thọ không quên. Hoặc đối với nghĩa ấy có khả năng tư duy thông suốt. Hoặc đối với giáo pháp Phật không có động giác, trong mỗi ngày thường dùng hai phần thời gian tu học Phật ngữ, một phần thời gian nghiên cứu ngoại điển thì không phạm. Lại lại nói : Nếu nói Bồ-tát vì sao lại thọ trì tạng pháp của Thanh Văn , là nhiễm ô trái phạm: pháp ngoại đạo còn học, huống chi đối với lời Phật. Không phạm là vì một người hoàn toàn học tập Tiểu thừa bỏ dục kia nên nói như thế.

5. Giới làm pháp chủ mà không có tư cách:

Nếu Phật tử sau khi Phật diệt độ, cho đến xài dùng vật của Ba Bảo, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Nói Pháp chủ là người nói pháp, làm Pháp chủ là giữ gìn kinh tạng.v.v Tăng phường chủ là Tri Sự, giáo Hoá chủ là Hộ Pháp hoá tục, Toạ Thiền chủ là dạy trao chỉ Quán. Hành lai chủ là người coi về chúng du phương. Rộng ra các chủ khác lấy nhân nghĩa làm trọng. Sư tử rút xương sườn để cứu khỉ con, nai chúa ở vườn Nai. Chính là việc ấy. Như tự mình có có hai nghĩa, một là chớ tuỳ ý dùng như vật của mình, hai là chớ nên dùng chỗ như mình tiếc rẻ. Nay trong giới này không thủ hộ, bị tội nhẹ cấu, y theo vật bị tổn hại phạm Ba-la-di.

6.Giới đón rước Tỳ-kheo khách trái với nghi thức:

Nếu Phật tử trước ở trong tăng phường cho đến không phải dòng họ Thích, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Pháp lợi trong Phật pháp lẽ ra là đồng mà lại dùng không bình đẳng cho nên chế là tội. Chỗ an cứ mùa hạ: sớ Bắc Tinh châu chép: kinh luận xưa nay hoặc gọi là toạ hạ, hoặc gọi là toạ lạp, hoặc gọi là Hạ lạp, đều do không thông hiểu phương ngôn. Nay y theo bản dịch của Ba Tạng đời Đường chép: Vũ an cư, nghĩa là an cư vào mùa mưa, nhưng phương Tây lập thời gian khác nhau, hoặc lập bốn mùa nghĩa là từ mười sáu tháng giêng đến rằm tháng tư là mùa Xuân, từ mười sáu tháng tư đến rằm tháng bảy là mùa hạ, mùa Thu, Đông này mỗi mùa đều có ba tháng. Đến rằm tháng giêng, cộng chung là một năm, hoặc một năm chia thành ba mùa, Phật pháp y theo đây mà định, từ ngày mười sáu tháng giêng đến ngày rằm tháng năm gọi là mùa nóng. Từ ngày mười sáu tháng năm đến rằm tháng chín gọi là mùa mưa. Từ ngày mười sáu tháng chín đến rằm tháng giêng là mùa lạnh. Mùa

mưa côn trùng sinh nhiều nếu như tăng đi lại nhiều thì khiến người đời chê bai nên chế an cư vào mùa nầy. Nhưng sơ an cư, tức là từ ngày mười sáu tháng năm đến ngày rằm tháng tám, dù mùa mưa sắp hết, e rằng đến mùa lạnh không có lợi ích nên khai một tháng làm tháng đền bù lao nhọc. Hoặc hậu an cư từ mười sáu tháng sáu đến rằm tháng chín, thì không có tháng đền bù lao nhọc vì ba tháng mùa mưa đã kết thúc. Nay đây từ mười sáu tháng tư đến rằm tháng bảy thật là sai lầm, vì chẳng phải mùa hạ. Nói an cư mùa mưa, nói khách tăng có phần lợi dưỡng là tín thí gồm cả mười phương, Phật chế thỉnh Tăng, theo thứ lớp nên khách tăng cũng được phần. Nói bị vô lượng tội là do trộm vật của hiện tiền tăng mười phương, lợi dù nhỏ, tăng cùng phạm tội vô biên.

7. Giới Thọ người Thỉnh riêng:

Nếu Phật tử, tất cả cho đến tự mình dùng, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Vì tổn phước vô hạn của thí chủ, cũng làm mất lợi dưỡng bình đẳng của chúng tăng nên phải cấm. Tất cả không được nhận là phân biệt với Thanh Văn , nếu chẳng phải đầu-đà thì cho phép thọ thỉnh riêng. mà lợi dưỡng này thuộc về mười phương Tăng: nếu thứ lớp thọ thỉnh lẽ ra phải thuộc về Tăng mười phương và tám ruộng phước. Tức là lấy của mười phương Tăng đem về phần mình: đã nhận cúng dường của người, chẳng phải giới trọng thứ hai. Tám ruộng phước: như trong kinh Phật v.v... ở trước đã nói. Nếu như vậy vì sao Bồ-tát Địa nói: Người đến thỉnh mà giận ghét không nhận là nhiễm ô trái phạm, cho đến giảng rộng. Có thuyết cho rằng. Người kia thỉnh theo thứ lớp, có thuyết thì nói sắp nói pháp, v.v... đặc biệt có sự giáo hoá, không liên quan gì đến thứ lớp tăng được thọ thỉnh riêng. Như thế không thọ như luận đã cấm, về sau là hơn vì trước đã nói cúng dường nói pháp.

8. Giới tự Thỉnh Tăng riêng.

Nếu Phật tử, có Bồ-tát xuất gia cho đến thỉnh tăng riêng, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Hai chúng Bồ-tát là chánh chế, tất cả đàn việt là phụ chế. Nói được Hiền Thánh tăng mười phương là đối với tăng hoàn toàn mỡ rộng tâm cúng dường, như uống nước biển là uống nước các sông. Nói không bằng theo thứ lớp thỉnh một vị tăng phàm phu là.

Hỏi vì mở rộng tâm nên được phước như vậy, cũng có thể không lựa chọn đạt đến cơ nhất định giết, hay bị tội giết tất cả cõi hữu tình?

Đáp: Không đúng. Bản nguyện của Chư Phật cho phép tất cả được

thọ, chớ không nguyện rộng hai tất cả loài khác. Không như vậy thì hữu tình kia chịu khổ lẽ ra không cùng tận. Nói phạm tội nhẹ cấu là trừ người có hy vọng đạo đức riêng.

9. Giới Tà Mạng có lúc nào Nuôi thân.

Nếu Phật tử, vì tâm ác cho đến không có tâm từ bi thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Buôn bán nam sắc, nữ sắc là mở nhà dâm để cầu lợi, việc buôn bán này phạm tội nhẹ cấu. Tự tay làm đồ ăn tức là tội như ác xúc hoại sinh, v.v... lại tạo ra sự hiềm khích thế gian. Ở đây không cấm Bồ-tát tại gia. Xem tướng nam nữ là xem việc cưới xin lại hợp với tưởng chỉ tay, v.v... giải mộng lành dữ rất dễ hiểu. Nam, nữ là bói bào thaì trai hay gái, chú là bùa chú. Thuật là huyễn hoặc, công xảo là thợ giỏi. Rắn độc: như ngày mùng năm tháng năm rắn độc hợp thuốc độc, lại dùng thuốc độc để phòng rắn độc, v.v... sinh kim ngân là làm văn bạc giả để lừa dối người. Trùng độc là để sai quỷ, v.v...

10.Giới dối gạt người thêm, làm tổn hại chúng sinh:

Nếu Phật tử, vì tâm ác, cho đến phạm giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Chê bai Ba Bảo này thuộc về tội nặng , thứ mười, lừa dối cầu lợi đều măc tội này, làm mai làm mối cho nam nữ giao hội dâm sắc thuộc về trọng thứ ba. Nhưng y theo làm mai mối mà kết tội nặng . Sát sinh, v.v... tuỳ theo sự thích ứng cũng như vậy, không kính ngày trai kết thành tội khinh. Nói sáu ngày là tháng có trăng, không trăng, mỗi tháng có ba ngày, đó là ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm, những ngày này quỷ Thần có thế lực làm tổn hại người, vì đề cho người khỏi bị hại nên phải cấm. Một năm có ba tháng trường trai, như kinh Đề vị chép: Tháng giêng ngày trai chính là ngày rằm, tháng năm, tháng chín, ngày rằm cũng là ngày trái chính. Nhân duyên của ba tháng trai như kinh có nói rộng.

Kinh chép: Mười giới như thế cho đến trong phẩm “Chế Giới” có nói rộng.

Từ giới thứ chín trở xuống chia ra chánh thí, già hoành thủ, tránh tà duyên hướng về chánh thừa, phát nguyện cầu, lập thệ nhàm chán, lìa nạn, không loạn, lợi lạc, tất cả phải biết.

1. Giới thứ nhất không cứu chuộc các bậc đáng kính bị ngay nạn.

Nếu Phật tử vv cho đến... Nếu không chuộc thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lấy việc hộ pháp độ sinh làm tâm, không cứu không chuộc là trái với lòng cung kính và lòng từ bi,cho nên không cứu chuộc thì chế thành tội. Về hình tượng cha mẹ, sư Pháp Tạng nói: Hình tượng cha mẹ mình được người chuộc, hoặc Phật tức là Cha Mẹ.

2. Giới lấy tài vật của người một cách ngang trái:

Nếu Phật tử, không được cho đến nuôi thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát Địa chép, vật có chủ, mê vật giá rẻ mà mua, Bồ-tát dạy hiểu ra đúng như giá mà mua. Nhưng đồ này bất hợp pháp cho ít lấy nhiều rất phạm. Nên ở đây cấm.

Nay vì giữ gìn của cải chứa dao gậy, khác với trước vì thích giết hại mà chứa. Đây tuy là cho phép tại gia được mua bán, nhưng không được dùng cân non dạ thiếu. Đây là tự thân quan phá việc thành công của người, lãnh vật chẳng có công lao. Khác trước là dựa vào người . Đã lấy vật của người cho thì chẳng thuộc về giới trộm. Nuôi mèo, chồn, v.v... để tìm táo vật

3.Giới Luống Làm Việc Vô Nghĩa.

Nếu Phật tử vì tâm ác cho đến nếu cố làm thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát hành đạo phải biết tiếc thời gian, để thời gian trôi qua vô ích thì chế thành tội. Bối là ốc. Kinh Niết-bàn chép: Thổi vỏ óc để biết thời giời. Sừng cũng là vật dùng để thổi, là khí cụ vui chơi ở phương Tây. Ba-la-Tắc-Hí: sư Pháp Tạng nói: Đó là món đồ vui chơi của binh lính các nước phương Tây, đó là hai người, mỗi người cầm hơn hai mươi viên ngọc nhỏ cưỡi trên voi hoặc ngựa, trong phần đường tranh được phần đường chính thì chiến thắng. Đạn Kỳ là dùng ngón tay gảy quân cờ, được xa là thắng. Thế gian nói gảy cờ mới có từ đời Nguỵ Lục Bác là song lục. Đầu Hồ là bỏ gậy vào trong bình, hạnh tám đạo thành tựu (Đây không có giải thích).

Trảo cảnh là, sư Pháp Tạng nói: Được nghe thuật sư ở Phương Tây thoa thuốc vào móng tay, mai rùa, chú nguyện vào đó thì thấy việc lành dữ. Những việc bói toán này đều là yêu thuật, lại dùng cỏ thơm để làm thuật, hoặc chú nguyện trên nhành dương, hoặc chú nguyện vào bình bát, hoặc có người sờ vào đầu lâu đều dùng để bói toán thì biết việc lành dữ.

4.Giới lui sụt Tâm Bồ-Đề.

Nếu Phật tử giữ gìn cấm giới cho đến tâm ngoại đạo,... phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Tâm đại Bồ-đề là gốc muôn hạnh. Tịnh giới của Bồ-tát là gốc ba đức, nên chế phải giữ vững không được tạm bỏ. Nói đi đứng nằm ngồi là khuyên thế lực nối tiếp nhau. Như kinh Hoa Nghiêm có bài tụng

Thí như người dùi lửa,
Lữa chưa phát đã dừng,
Thế lửa liền tắt theo
Biếng nhác cũng như vậy.

Nói giống như kim cương là ý bền chắc không thể phá hoại. Như đeo phao nổi để lội qua biển lớn là thấy lỗi nhỏ sinh tâm sợ lớn vì lỗi nhỏ cũng dể làm cho chìm đắm. Như kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát hộ giới như giữ gìn phao nổi, thí như có người đeo phao nổi ấy muốn qua biển lớn giữa đường gặp la-sát xin phao nổi, không thể cho, biển lớn sinh tử, giữ giới phao nầy , ma phiền não xin không cho dù một chút, vì sợ chết chìm, giảng rộng như trong ấy. Như các Tỳ-kheo bị cột bằng cỏ tươi, đã sinh sợ hãi không bao giờ phạm. Như luận Trang Nghiêm nói có các Tỳ-kheo bị cướp trấn lột loả hình nằm để dưới đất cỏ tươi trói bằng qua một đêm tỳ kheo không dám mở dây cỏ. Nhà vua nhân đi săn thấy người lõa hình bị trói bằng cỏ tươi cho là ngoại đạo, người tuỳ tùng thưa rằng đó là đệ tử Phật. Vì sao? Vì vai bên phải bị đen, là tướng y bày vai phải. Vua liền dùng kệ hỏi rằng:

Khi thấy dường không bệnh
Mập khỏe có sức mạnh
Vì sao bị cỏ trói
Suốt đêm không trở mình?

Bấy giờ, Tỳ-kheo dùng kệ đáp rằng:

Vì cỏ này dễ đứt
Bứt bỏ có khó gì
Nhưng vì Giới Kim Cương
Phật Thế Tôn đã cấm

Nhà vua sinh lòng tin bèn cởi trói cho Tỳ-kheo dẫn về cung, may y mới, cúng dường các thứ. Huống chi giới Bồ-tát, nói nếu có một tâm niệm xu hướng theo Hai thừa , v.v... thì phạm tội nhẹ cấu, vì lui bỏ Đại thừa. Như phẩm giới trong Đại Bát-nhã chép : Nếu Bồ-tát trải qua Hằng hà sa số kiếp thọ hưởng năm dục vui sướng, đối với Bồ-tát vẫn không gọi là phạm, nếu khởi một tâm niệm xu hướng theo Hai thừa thì gọi là

phạm.

5.Giới không Phát Nguyện.

Nếu Phật tử thường nên phát nguyện cho đến không phát nguyện này, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Tà chánh, đúng sai đều do nguyện. Hoặc có điều lành nhỏ vời lấy vô lượng quả. Hoặc có nhiều điều lành cảm quả nhỏ hẹp dẫn hành đến quả, nguyện là quan trọng nhất. Nay ý trong văn này phải phát nguyện lớn hai ân hiếu thuận, một là ân che chở nuôi dạy sinh thân, tức là cha mẹ, hai là ân nuôi lớn pháp thân tức là thầy bạn . Hiếu thuận là nhân, nguyện lớn là duyên, sở nguyện thành tựu là ý ở đây.

Nguyện có bốn thứ như: được gặp thầy tốt, v.v... là nguyện gần gũi bậc thiện sĩ, thường dạy bảo ta, v.v... là nguyện được nghe chánh pháp. Giúp ta hiểu rõ là nguyện tác ý đúng lý. Như pháp tu hành là nguyện pháp tuỳ pháp hành. Bốn nguyện này đều thuộc về các pháp lành, cho nên ở trên nói phát tất cả nguyện.

6. Giới không Phát Thệ.

Nếu Phật tử, khi đã phát mười nguyện lớn rồi cho đến nếu không phát những điều thệ này thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Tuy phát nguyện lớn nhưng nếu chẳng phải tâm thì những ác nạn trong tập khí có thể bỏ, nghiêng vỏ ốc rót nước biển thấm vào hai cánh rưới lên rừng cây được hạt châu, cảm động đến trời Đế thích đều do thệ nguyện, cho nên chế ra giới phải khế hợp. Về mười nguyện lớn kinh phát Bồ-đề Tâm chép: Người mới phát tâm, lấy đại bi làm đầu, đều phát chuyễn mười nguyện lớn chân chánh, một là nguyện từ nay về sau nếu có được gốc lành đều bố thí cho chúng sinh, với mình đều thành Phật đạo, hai là nguyện do gốc lành này được sinh về cõi nước Phật, ba là nguyện sinh về nước Phật rồi, thường không lìa Phật, như bóng theo hình, bốn là nguyện đức Như lai ta nói pháp cho nghe, thành Bồ-tát được năm thần thông, năm là nguyện do đây liền thông suốt nhị đế được chánh pháp trí, sáu là nguyện được trí tuệ, giảng nói cho chúng sinh nghe, giúp họ thông hiểu, bảy là nguyện nhờ năng phật lực cùng khắp mười phương kính Phật nghe pháp, rộng nhiếp chúng sinh khắp, tám là nguyện nghe pháp rồi liền xoay bánh xe pháp, được nghe danh hiệu ta liền phát tâm Bồ-đề, chín là nguyện chúng sinh phát tâm Bồ-đề rồi, thường tuỳ lợi lạc, gánh vác chánh pháp, mười là nguyện gánh vác chánh pháp rồi tuy thực hành chánh pháp nhưng tâm không

sở hành, ấy gọi là mười nguyện lớn. Thệ chung nguyện này như chân pháp giới thật không nơi nào chẳng đến. Như cõi chúng sinh không bao giờ có lúc cùng tận. Phát nguyện này rồi lập tiếp mười ba thệ, trong đây mười hai thệ đầu là thệ nguyện giữ giới, một thệ sau là thệ nguyện chứng quả. Trong mười hai thệ đầu thì bảy thệ trước là hộ giới luật nghi, năm thệ sau là luật nghi hộ căn. Hai thứ luật nghi này như Du-già nói: Trong đây, thà bị xô thân này vào hầm lửa, v.v... lửa ở nhân gian, v.v... chỉ hại được một thân xác thịt, tội phạm giới hại cả pháp thân, nên phải biết cân nhắc.

7. Giới Cố Vào Chỗ Hiểm Nạn.

Nếu Phật tử, mỗi năm phải thực hành hai kỳ đầu đạ cho đến cố vào chỗ hiểm nạn thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Thân tâm là đồ đựng đạo, không dám làm tổn thương, khi đến chỗ vắng lặng cũng phải tránh chỗ hiểm nạn. Nói đầu đà là theo âm mới là Đỗ-đa, Hán dịch là Đẩu Tẩu, vì phủi dũi phiền não sinh tử nhiễm. Như kinh Thiện Ý Thiên Tử chép: Đầu-đà là phủi dũi tham sân si, ba cõi, sáu nhập, v.v... Dựa vào Du-già, v.v... hoặc có mười hai hoặc mười ba món, đó là y thực có bốn, riêng y có ba, đồ nằm có sáu. Y thực có bốn là, một là khất thực thường kỳ, hễ qua lại nhà nào thì tuỳ ý được thọ, hai là khất thực thứ lớp, lần lượt đến từng nhà xin, ba là chỉ ăn trong một oai nghi, bốn là trước dừng lại sau mới ăn, luận Du-già chép: Hai việc đầu đối trị tham thức ăn ngon, hai việc sau là đối trị tham ăn nhiều, nếu y theo khất thực thì không có tánh khác nhau. Mười hai đỗ-đa nếu khai thêm là mười ba. Luận Đại Trí chép: Thọ thỉnh thực, nếu được thì sinh ngã mạn, không được thì sinh buồn rầu, thọ tăng thực thì theo việc chúng, tâm tán loạn, chướng ngại đạo. Thọ thường khất thực thì còn cầu một bữa ăn, nhiều thì sinh chướng ngại, huống chi tiểu thực, v.v... nên ăn trong một oai nghi, tuy một bữa ăn nhưng ăn quá no cũng chướng đạo, nên ăn vừa đủ, nghĩa là tuỳ theo sức ăn, nếu sức ăn ba phần thì chỉ ăn hai phần để lại một phần, thân sẽ nhẹ nhàng an ổn, dễ tiêu không bệnh. Trong y có ba một là chỉ giữ ba y, hai là chỉ giữ y lông thú, ba là giữ y phẩn tảo, như lần lượt đối trị tham nhiều y mềm mại tốt đẹp . Luận Đại Trí chép : Y là để che thân không nhiều không ít, ít muốn biết đủ nên thọ ba y, thích y tốt đẹp khó tìm cũng vời lấy nạn trộm cướp, nên thọ pháp nạp y, v.v...

Đồ trải có sáu, một là trụ A-luyện-nhã, trừ lòng tham xen lẫn, gần xa cách nhau một câu-lô-xá. Tây Vực Ký chép: gọi là một con trâu

rống, nghĩa là tiếng rống của một con trâu lớn có thể nghe được. Luận Đại Trái chép : Tuy ra khỏi nhà, vẫn thuộc thầy trò, nhưng tâm còn tán loạn nên thọ luyện-nhã, hai là ngồi dưới gốc cây. Luận Du-già chép: Ở dưới gốc cây để dứt tâm tham nhà cửa tốt đẹp, ba là ngồi ở chỗ trống. Trí Luận chép: Để dứt lòng tham cây tốt, ánh trăng sáng chiếu khắp hư không trong vắt, tâm dễ nhập ba-muội không, bốn là ngồi ở chỗ gò mả để dứt tham dâm dật, dễ được lìa dục, năm là thường ngồi ngay thẳng để dứt tâm tham dựa nằm. Trí luận chép: Trong bốn oai nghi của thân ngồi là bậc nhất, ăn dễ tiêu hoá vì lìa được hôn trầm trạo cử, sáu là chỗ ở như thường ngồi dứt tham đồ trải, một đồ trải bày ra, rồi thì không được trãi nhiều lần, lại phải sửa sang. Luận Du-già chép: Do tham ăn, v.v... nên không thuận theo phạm hạnh, như chưa nhổ lông thì không tuỳ tiện làm tấm dạ. Nay tịnh tu hạnh đỗ-đa này cho thuần thục, có sự kham nhiệm, không thâm không bớt. Trí luận chép: Phật pháp chỉ lấy trí tuệ làm đầu, không lấy khổ làm trước, pháp ấy đều là giúp đạo, Chư Phật thường khen ngợi. Nói hai thời hành đầu-đà là hai thời xuân thu đều phải đi khắp nơi, Đông, Hạ ngồi thiền là vì cực lạnh cực nóng, thích hợp thu nhiếp hành tích. Phẩm bảy mươi ba chép : Bồ-tát tuy thưc hành mười hai đầu-đà, nhưng không quý các pháp như pháp A-luyện-Nhã vv..., Giải thích : Vì thuận theo hạnh ít việc của Thanh Văn . Dương chi thơm miệng, giải nhiệt để nhai buổi sáng. Dương chi có các rtính chất tốt như kinh A-hàm nói, xà-bông rửa bẩn, tắm gội sạch thân. Ba y là tướng ruộng phước của Chư Phật ba đời. Kinh Đại Bi chép: Nếu Phật tử, sau khi ta diệt độ người có giới hay không có giới, chỉ cần có người mặc ba y của Như-lai thì từ Đức Phật Từ Thị cuối cùng đến Phật Lâu-chí đều được nhập niết-bàn, không có dư sót. Bình là đồ chứa nước, bát để khất thực. Tiếng phạm là Bát-Đa-La, Hán dịch là ứng lượng khí, lớn thì chứa được nửa đấu, nhỏ thì đựng được năm siển, luật chế bát làm bằng sắt, sánh, ngoài ra không được chứa. Đồ nằm để hộ y, tích trượng dùng để ngăn rắn rít, thú dữ, lò hương là để cảm đến Phật, đồ lượt nước để cứu lòai côn trùng, khăn tay để lau tay, dao để cắt móng tay, đá lửa để tìm lửa, cái nhiếp dùng để nhổ, giường dây để an thân, kinh, luật để sinh hiểu biết, tượng Phật Bồ-tát, để khởi lòng tin, vì thế đạo cụ phải đầy đủ mười tám vật. Sư Nghĩa Tịch Giải thích : trừ nhành dương, xà-bông, ba y, v.v... vì chỉ khai kinh luật Phật Bồ-tát. Nhưng các sư đời Đường nói: Ba y là ba, kinh luật là một, Phật Bồ-tát là một, mười tám món này luôn mang bên mình như chim mang theo hai cánh, là đạo cụ đã đủ, vì lìa nhiểu việc. Như kinh đại Tập chép: Bồ-tát sơ nghiệp thường ưa vắng

lặng, không ưa nhiều việc, đối với người nhiều việc chớ khởi tâm giận ghét. Hoặc kinh ưu Bà-tắc-giới chép: Ưu-bà-tắc nên chứa y, Tăng-già-lê, bát, tích trượng, sao ở đây đã dùng? Hoà-thượng đáp rằng: Bồ-tát cũng có tâm xuất gia. Như kinh Vô Cấu Xưng khen Duy-ma-cật không lìa ba y và bát, v.v... xem văn khác rất dễ hiểu. Ở trong chỗ nạn có hai văn, một là chế sơ nhập, như kinh chép. Nếu lúc thực hành đầu-đà chớ đến chỗ có tai nạn, là tất cả chỗ hiểm nạn như quốc nạn, v.v... hai là chế trong trụ, như kinh chép: tất cả chỗ hiểm nạn ấy đều không được đến, ý nói lúc thực hành đầu đà cho đến lúc kiết hạ an cư, từ đây trở xuống lần lượt như thứ lớp nhắc lại ở trước kết phạm, các nơi có hiểm nạn nầy cũng không được vàolà nhắc lại điều cấm ở đầu. Các chỗ hiểm nạn này còn như vậy, huống chi hành đầu-đà, là nhắc lại điều cấm ở sau. Thấy chỗ hiểm nạn vv... trở xuống là nêu lỗi kết tội.

8.Giới ngồi không có thứ lớp:

Nếu Phật tử, phải theo thứ lớp ngồi đúng pháp cho đến không theo thứ lớp ngồi đúng pháp thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Trong Phật pháp giới là thượng thủ, khác thế với gian cho tuổi tác là quý, nếu tôn ty rối loạn thì không còn phép tắc giềng mối, nên nay chế, bất luận già trẻ, v.v... Sư Pháp Tạng nói: có người giải thích cho bốn chúng ngồi chung lẫn lộn là sai. Ý của văn này là nêu chung chế riêng, thật tế theo tông mình đều ngồi theo thứ lớp, Sư Nghĩa Tịch nói: các sư giải thích khác nhau, hoặc chỉ thọ giới, Bồ-tát làm thứ lớp, hoặc Tỳ-kheo trăm tuổi chưa thọ giới Bồ-tát ngồi sau Bồ-tát mười tuổi hạ. Nếu thọ thì ngồi theo số hạ như cũ, giới cũng ngược lại thành giới Bồ-tát, như tôi tớ và chủ tại gia, ở đây cũng vậy, vì tôn ti có khác, như Tỳ-kheo thọ sau ngồi trên ni trăm tuổi hạ. Một là bất luận Thanh Văn , Bồ-tát khác nhau, hễ chỉ cần người thọ giới trước thì ngồi trước, thọ giới sau thì ngồi sau. Như Trí luận chép: Văn-thù và Di-lặc vào chúng Thanh Văn cũng ngồi theo thứ lớp: Tại gia trước cũng phải thọ năm giới Thanh Văn làm đều, tuy chủ thọ sau, đối với tôi tớ là trên, vì không lộn xộn, giống như Tăng Ni tôn ti không lộn xộn.

Hỏi: Nếu vậy thì xuất gia tôn quý là trên?

Đáp: Như đã cho tôi tớ thọ giới làm thứ lớp, trong đây bất luận già trẻ, khác với luật là Sa na-di lấy tuổi tác làm thứ lớp, hoặc thọ giới làm thứ lớp, Hoà-thượng Giải thích . Theo sự thật Bồ-tát tuy là tại gia nhưng ngồi trên đại tăng Thanh Văn . Như kinh A-Xà-thế Vương chép: Văn-thù nói: Cao quý-diếp ngồi trên vì là bậc cao tuổi. Ca-diếp

nhường lại Giải thích : chúng tôi xin ngồi sau vì Bồ-tát là bậc tôn quý, Xá-lợi-Phất nói: Chúng tôi cũng là bậc tôn quý, nhưng đã phát tâm vô thượng. Ca-diếp nói: Bồ-tát tuổi tác cũng tôn quý, thời gian lâu cũng sẽ phát tâm Vô thượng. Nên ngài Văn-thù đem hai ngàn Bồ-tát tại gia đến ngồi ở trước Cứ-diếp khiêm, năm trăm như ca diếp vv...Thanh Văn ngồi sau. Tuy nhiên, nếu các vị Thanh Văn kia bất hoà thì ngồi theo thứ lớp. Như Trí luận chép: Trong pháp của Đức Thích Ca không riêng Bồ-tát Tăng, cho nên đức Văn-thù, Di-lặc vào trong chúng Thanh Văn cũng ngồi theo thứ lớp, ở đây nói hiện thân xuất gia làm đầu, bấy giờ cho phép hiện tướng chúng khác. Nếu theo Văn-thù, thật giới ngồi theo thứ lớp đã trải qua ba đại kiếp không được ngồi lộn xộn, cũng chẳng phải khắp học vào chúng Thanh Văn . Hoặc thọ giới Thanh Văn như Phú-lâu-na, là chúng Thanh Văn chẳng phải Bồ-tát. Tóm lại, nếu hoàn toàn là Thanh Văn không thọ giới Bồ-tát thì ngồi theo thứ lớp. Sau thọ giới Bồ-tát, tuy tuổi hạ Thanh Văn nhiều, nhưng vẫn y theo giới Bồ-tát mà ngồi theo thứ lớp. Nếu đã thọ giới Bồ-tát trước, sau chuyễn thừa thì mới thành tựu. Trong Bồ-tát thừa người nữ thọ trước ngồi trên người nam nhưng không ngồi lộn xộn. Vua quan, tớ chủ chủ nếu y theo thế tục mà ngồi như tôn ti của thế tục. Nếu ngồi theo pháp thì đều lấy việc thọ giới làm thứ lớp. Do đây kinh chép: Tất cả bất luận hễ thọ giới trước thì ngồi trước.

Hỏi: Bồ-tát có mấy chúng?

Đáp: Theo Trí luận là bốn chúng. là ý của luận kia bằng thọ ba nhóm vì xuất gia, tại gia, nam nữ có khác. Hoặc khắp học là như Thanh Văn .

9.Giới không thực hành lợi ích an vui:

Nếu Phật tử, thường phải khuyến hoá cho đến không như vậy thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích: Hai pháp lành phước và tuệ như hai bánh xe, thiếu một bánh thì quả cao quý khó thành, vì thế khuyến hoá lập chỗ hành đạo, tức là phước hạnh, giảng kinh giúp mọi người hiểu rõ tức là trí hạnh. Tu phước sinh tuệ gọi là lợi, pháp lực cứu nạn gọi là lạc, như theo thứ lớp văn ấy rất dễ hiểu. Tật bệnh trở xuống tức là cứu nạn. Qua lại trị sinh là người ở phương Nam kinh doanh sản nghiệp là nuôi sống, nuôi sống không có lợi cũng giảng Đại thừa. Trong cứu khổ tội báo, báo là báo tội trong ba thời. Trong cứu nạn địa ngục, trói tay gọi là xiềng, buộc chân gọi là cùm, xiết cổ gọi là gông, thắt lưng gọi là xích, đều có nghiệp báo

dẫn đến tội này. Thường tật bệnh là người thường bị bệnh, v.v... do việc làm đời trước mà ra, nhưng có khác nhau, vì sao đều phải giảng Đại thừa? Vì Đại thừa lấy lợi sinh làm đầu.

Kinh chép: Chín giới như thế cho đến trong phẩm "Phạm Đàn" có giảng rộng. Phạm Đàn, Hán dịch là "Mặc Tẫn", vì không chịu điều phục nên mặc tẫn để trị. Từ chín giới sau là dùng từ bi để giáo hoá, năm giới kế là nhiếp khí. Phân biệt với phi, với ngoại hộ, với nội hộ, với cung kính, bốn giới sau là như thứ lớp, thuyết hoá, ngăn ác, hộ chánh, việc làm nên biết.

1. Giới thứ nhất lỗi của sự nhiếp hóa:

Nếu Phật tử, lúc cho người thọ giới cho đến nếu cho người thọ giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích: Người có pháp thì có khả năng lảnh thọ giới, không chọn mà xả bỏ thì bị lỗi nhiếp hoá sai sót, cho nên Phật chế. Tất cả y mặc trên thân đều phải hoại sắc, đặc biệt chế cho người xuất gia. Ca-sa, Hán dịch là bất chánh sắc, nghĩa là mầu xanh, v.v... đủ năm mầu hợp lại không còn chánh sắc, nên gọi là Hoại sắc. Tuy nói xanh, v.v... nhưng chẳng phải là chánh mầu xanh, v.v... Như kinh Văn-thù Vấn chép: Văn-thù bạch rằng: Bạch Đức Thế tôn! Y có mấy mầu? Phật dạy, này Văn-thù! Không quá đỏ, không quá vàng, không quá đen, không quá trắng, ba pháp phục thanh tịnh đúng pháp các y khác có màu cũng như vậy. Hoặc tự nhuộm hoặc nhờ người nhuộm, đúng pháp đập xong, hễ mặc xong thì giặt giũ cho sạch sẻ, như thế vật của quan được dùng nhiều mầu xanh vàng. Y nói tất cả cõi nước, theo y phục của người trong nước mặc, y phục của thầy Tỳ-kheo phải khác với y phục người thế tục. Như kinh Di Giáo chép: Tỳ-kheo các thầy phải tự xoa đầu, đã bỏ trang sức tốt đẹp, mặc y loại sắc, ôm ứng khí để khất thực tự nuôi sống, tự thấy như thế, nếu sanh tâm kiêu mạn thì phải mau dứt trừ, thêm lớn kiêu mạn, tại gia thế tục còn chẳng thích hợp, huống chi là người xuất gia nhập đạo. Nói không được cho người phạm tội bảy nghịch thọ giới trong đời này: có thuyết Giải thích : Người xưa sám hối bảy tội nghịch vẫn còn nên nói hiện đời không đắc giới. Nếu y theo lời dạy sám hối, tội diệt thì được thọ giới. Như kinh Tập Pháp Duyệt giải thích: Tung Đà-la-ni diệt năm tội nghịch có thuyết Giải thích : không đúng. Vì không có văn sám rồi đã được thọ phá. Nói nếu có đủ bảy già , vì mỗi tội đủ duyên thành phạm, chẳng nói phải đủ bảy mới phạm, khi phá pháp luân tăng, không phá yết-ma tăng, nhưng chê bai pháp yết-ma, vì thế chỉ nói phá yết ma

chớ không nói Tăng, chỉ phá yết-ma tăng không bị già nan, chỉ lấy phá pháp luân tăng lập thành một tội nghịch. Kinh Thiện Sinh chép: Giết chúng sinh phát tâm Bồ-đề, không được thọ giới Bồ-tát, trong đây thuộc về gì? Nghĩa là nói Hoà-thượng, xà-lê, vì kia đã vào trước. Nói người xuất gia không lạy nhà vua, v.v... nghĩa là vua chúa, v.v... dù có giới hay không tất cả đều không bằng công đức của người xuất gia. Cho nên nếu người xuất gia lạy người tại gia thì người tại gia mắc vô lượng tội.

2. Giới tham đệ tử nhiều.

Nếu Phật tử, giáo hoá người cho đến cho người thọ giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Phải dạy thỉnh hai thầy: Hoà-thượng là gốc đắc giới, A-xà-lê-Da là nhân duyên đắc giới. Kinh Phổ Hiền Quán dạy thỉnh ba thầy, vì sinh tâm hết lòng. Du-già chỉ dạy thỉnh một thầy, đó là người làm nhiều việc nghĩa.

Kinh Thiện Giới chép: Thầy có hai loại, một là bậc thầy không thể thấy đó là Chư Phật Bồ-tát, hai là bậc tầy thấy được, đó là thầy truyền giới. Lại Giải thích : Nếu không đối trước Phật, Bồ-tát thệ nguyện thọ giới thì không được gọi là giới Bồ-tát, nên biết nói chung tương đối. Là chổ tôn thờ.

Hỏi: Bảy già nạn làm chướng ngại giới này, như kinh Thiện Giới, y theo đủ đức?

Đáp: Đủ mười việc mới được thọ, nghĩa là trước đã thọ giới Thanh Văn , v.v...

Hỏi: Kinh Ưu-Bà-tắc Giới chép: thọ giới Ưu-Bà-tắc có mười lăm già nạn, vì sao thông thường chỉ hỏi bảy già nạn?

Đáp: Vì kinh ấy dựa theo tánh cận sự nên không trái nhau. Nói dạy sám hối, như kinh Niết-bàn chép: Thế gian có hai hạng người mạnh nhất, đó là người không gây ra tội và người đã gây ra tội rồi mà biết ăn năn sám hối, vì làm người ai mà không có lỗi, có lỗi mà biết sửa đổi thì không có gì hơn.

Du-già chép: Dốc lòng sám hối, như Đức Thế tôn dạy, đối với phạm tội do ý lạc nên ta nói có thể thoát ra, chẳng trị phạt là thuốc sám hối dứt trừ được tội. Kinh Thiện Giới chép: Bồ-tát che giấu tội nặng thuộc về gốc tội, nếu chỉ che giấu tội Tăng tàn thì cũng phạm tội Ba-la-di. Phẩm Đẳng Tuỳ chép: Nếu Thanh Văn che giấu thì chỉ phạm tội Đột-cát-la. Ngàn Phật ba đời, sư Pháp Tạng nói: Kiếp trang nghiêm ở quá khứ có Đức Phật Hoa Quang vv...một ngàn vị Phật như . Hiền kiếp

thời hiện tại có Đức Phật Câu Lưu Tôn một ngàn vị Phật khác như Kiếp Tinh Tú thời vị lai có một ngàn vị Phật như Đức Phật Nhật Quang, v.v... đây là nói theo hiển bày lý chung cho tất cả. Nói nếu không được thấy tướng tốt thì dầu có sám hối cũng vô ích, đây là nói triền phẩm thượng phạm lỗi, chẳng phải triền phẩm trung hạ. Như Du-già chép : lại nữa, tất cả Bồ-tát nầy trái phạm, nên biết đều thuộc về ác tác, nên hướng về người có đạo lực lời nói biểu nghĩa năng giác năng thọ giới Tiểu thừa, Đại thừa Bổ-Đặc-già-la mà phát lồ sám hối thì tội liền diệt. Nếu các Bồ-tát triền phẩm thượng phạm tội Tha thắng xứ mất giới luật thì nghi phải thọ lại. Nếu triền phẩm trung nên đối trước ba người, hoặc hơn số này mà phát lồ sám hối lỗi đã phạm. Nếu triền phẩm hạ phạm Tha thắng xứ và phạm tội khác (tội nhẹ nói là khác) thì nên đối trước một người sám hối. Nếu không thuận theo Bổ-Đặc-già-là có thể đối phát lồ sám hối trình bày lỗi đã phạm, dùng ý lạc thanh tịnh khởi tâm tự thệ, ta phải quyết định phòng hộ đời tương lai không hề tội nặng . Nay trong đây nói dù sám hối vẫn vô ích, sứ Pháp Tạng và sư Nghĩa Tịch nói triền phẩm thượng thì mất giới, nếu sám hối thấy được tướng tốt thì giới cũ sẽ sinh, không cần thọ lại. Nếu không thấy được điều lành, giới cũ đã mất, nên nói hiện đời không đắc giới, chẳng phải bảy già nạn lại thọ, nên nói “nhưng được tăng ích thọ giới”, ý nói khác với bảy già nạn, là kết, nói lên phạm nặng và tội nhẹ cấu, khác với bảy già nạn, không bao giờ được thọ giới khi đã phạm bảy già nạn. Nói đều thông hiểu, như Du-già chép, chỉ tứ người có đức như văn có kia nói˜. Trong kinh cho phép vợ chồng làm thầy truyền giới lẫn nhau cũng là từ người có đức. Nói “nếu không thông hiểu kinh luật Đại thừa v.v.... là không thông hiểu giáo pháp. Nói không hiểu Đệ nhất nghĩa đệ là không thông hiểu lý pháp, không thông hiểu tập chủng tánh, v.v... là không thông hiểu hành quả. Tập chủng tánh tức là Mười Phát thú, vì nhóm họp đầu tiên. Trưởng dưỡng tánh tức là Mười Trưởng dưỡng tánh, vì dần dần thêm lớn. Bất khả hoại tánh là Mười hồi hướng vì đã vững chắc. Đạo chủng tánh thuận quyết trạch phần vì dẫn đến Thánh đạo, tuy thuộc về hồi hướng nhưng nói riêng như thường. Do đó, giai vị Nhân Vương Mười Hồi Hướng đều gọi là đạo chủng. Chánh pháp tánh tức là Thánh chủng tánh, nhiếp chung Phật địa, đã rõ chân tánh gọi là Chánh pháp tánh. Nói mười chi thiền là gom chung mười tám phần lại thành mười chi. Hỷ lạc định, v.v... tuỳ nơi tuy có khác nhưng danh nghĩa thì giống nhau. Mười chi gồm có: tầm tứ, hỷ, lạc, định, nội đẳng, tịnh, xả, niệm, chánh tri và xả thọ. Dù biết nội đẳng tịnh tức là xả niệm chánh trí, vì chung riêng có

khác nên lập riêng làm số, truyện chép rằng: Nói ác cầu, v.v... là cầu lợi phi pháp, đam mê không thoả mãn gọi là Tham, ra vẻ oai nghi khác lạ gọi là dối, lùa dối người là khi. Giới này có khác gì giới thứ mười tám kia, giới ấy cấm biếng nhác nhưng, ở đây cấm đệ tử, vì tham lợi mà ác cầu.

3. Giới nói giới cho người ác nghe.

Kinh chép: Nếu Phật tử, không được cho đến nếu giảng nói giới của Bảy Đức Phật thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Phẩm bốn mươi của luận Du-già chép: Đối với người không tin và chê bai Đại thừa thì không được giảng nói khai ngộ bừa bãi, vì sao? Vì người ấy nghe rồi không thể tin hiểu, bị sở tri chướng che lấp, liền sinh chê bai , vì chê bai giống như người đã trụ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, thành tựu vô lượng kho công đức rộng lớn, người kia chê bai nên cũng bị vô lượng kho tội nghiệp lớn theo bên mình, vì có lỗi lớn như vậy nên ở đây cấm. Trong đây, người chưa thọ giới, ngăn không phát tâm được. Như Luận Du-già phẩm bốn mươi chép: khi muốn truyền giới Bồ-tát, trước phải nói pháp tạng Ma-Đát-lý-ca của Bồ-tát, học xứ của Bồ-tát và tướng phạm của Bồ-tát, giúp cho người thọ giới nghe nhận, dùng tuệ quán sát từ chỗ ý lại có khả năng thể suy nghĩ lựa chọn. Nói ngoại đạo là tìm lỗi của chánh pháp. Nói người ác là nghe rồi chê bai , đại tà kiến là bác bỏ chung lỗi của nội đạo và ngoại đạo, vì sợ họ thêm lớn việc ác nên không giảng cho họ nghe. Như kinh Thiện Giới chép: không được giảng cho người không tin, cho đến không được giảng cho người chê bai Đại thừa nghe, vì sao? Vì nếu người không tin thì đó là nhân duyên đọa vào địa ngục. Ngoại trừ vua chúa là Phật pháp giao phó cho hai hạng người, một là đệ tử Phật gọi là nội hộ, hai là các vua chúa gọi là ngoại hộ, nên giảng cho họ nghe. Lại vua có thế lực nên dựa vào giới luật nghi sách tấn răn bảo người thực hành, nên phải biết. Nói hạng người không thọ giới của Phật gọi là súc sinh nghĩa là thân này tuy là người nhưng vì không làm nhân lành nên bị gọi như thế.

4. Giới cố ý làm trái giới cấm của Phật.

Kinh chép: Nếu Phật tử, do đức tin mà xuất gia cho đến phá huỷ chánh giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích: Tâm còn không được thầm nghĩ việc phạm giới huống chi Bồ-tát lại làm việc hủy phạm, hoặc trọng hoặc nhẹ, trái lời Phật dạy thì phạm tội này.

Nói không được thọ lãnh đồ cúng dường của tất cả đàn việt, chẳng những tự thêm tội mà còn tổn phước người . Không được uống nước của Nhà Vua: người xuất gia tránh việc nặng nhọc thì chẳng phải ruộng phước, đối với nhà vua không có ân phần nên không sử dụng được, vì thế nói là tên cướp nguy hiểm. Có tội thì đồng với súc sinh, không có điều lành thì đồng với cây gỗ.

5.Giới Không xem trọng kinh luật.

Kinh chép: Nếu Phật tử phải thường nhất tâm cho đến không y theo pháp cúng dường thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Trong đây khó so sánh với dễ, lời văn rất dễ hiểu, đều tùy theo năng lực của mình của báu cúng dường, ý ở đây, trong Du-già, Trung Biên,.v..v.... có nói mười thhứ pháp hành trong đây phải đủ. Du-già nói cúng dường Ba Bảo là giới khinh thứ nhất. Kinh Thiện Sinh chép: Nếu làm y phục, bình bát, trước phải dâng lên cúng dường Phật, cha, mẹ, thầy bạn , thọ dụng trước, rồi mình mới dùng. Nếu người dâng lên cúng Phật phải dùng hương hoa chuộc lại.

6.Giới Không Giáo Hóa hữu tình.

Kinh chép: Nếu Phật tử, nên có tâm đại bi cho đến không phát tâm giáo hóa chúng sinh thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích: Tất cả thánh đạo lấy âm thanh của người làm gốc, tuy có tánh ấy nhưng không giáo hóa thì không thành, cho nên phải giáo hóa. Hữu tình có trình độ thấp kém nếu không lãnh hội nổi thì âm thanh lọt vào lỗ chân lông, xa làm nhân duyên Bồ-đề, lời văn trong đây rất dễ hiểu. Nhưng Du-già chép: Dùng phương tiện khéo léo giáo hóa chúng sinh lược có sáu thứ:

1.Có năng lực giúp cho hữu tình chỉ cần chút ít gốc lành mà cảm được vô lượng quả. Là khuyên hữu tình bỏ chút ít của cải, cho đến dù chỉ một hạt gạo bố thí cho người nghèo hèn, nhẫn đến bố thí cho loài bàng sinh máy cựa, hồi hướng cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gốc lành bố thí như thế ruộng phước tuy ít nhưng do năng lực hồi hướng chiêu mà cảm được quả vô lượng, hai là giúp cho hữu tình nhờ chút ít công đức dẫn dắt gốc lành rộng lớn vô lượng. Tóm lại: là dựa vào tà pháp để nói chánh pháp, lại ở thế gian gieo trồng nhân duyên phước thọ là tùy hỷ khuyên người cũng như vậy. Lại nguyện chịu khổ thay cho hữu tình ở mười phương với ý ưa thích đảnh lễ Phật, Pháp, Tăng, cho đến khi qua đời không luống uổng. Lại tất cả những trái phạm ở

quá khứ và hiện tại dùng ý thanh tịnh quán tưởng đối trước Chư Phật chí thành phát lồ sám hối cho đến kiếp vị lai, thường dùng chút ít công đức như thế, thì tất cả nghiệp chướng đều được giải thoát, như trọng ấy đã giảng rõ. Ba là ghét bỏ Thánh giáo, dứt hết sân não, bốn là đối với hữu tình giúp họ hướng về, năm là đã vào rồi thì giúp họ được thành thục, sáu là đã thành thục rồi thì được giải thoát, lần lượt phân tích bốn phần trước lại có sáu thứ phương tiện khéo léo, một là thuận theo hiểu thông phương tiện khéo léo, thuận theo ý muốn của hữu tình kia, sau đó dùng pháp giáo hóa. Lại đối với pháp sâu xa hiểu thông rồi giảng, hai là cùng lập phương tiện khéo léo khế hợp, nghĩa là thấy có hữu tình đến cầu thì dùng phương tiện khéo léo khế hợp mà dạy: nếu ông muốn tu pháp lành thì ta sẽ thuận theo giảng nói, lại cứu người bị khổ cũng như vậy , v.v... ba là khác phần ý, lạc phương tiện khéo léo, giáo hóa người kia rồi mà họ chẳng làm theo, nên vì lợi ích lại phải thị hiện tức giận quở trách mà không bố thí cho họ, tạm thời buông bỏ, cuối cùng trở về chổ an ổn, bốn là bắt buộc chỗ sinh phương tiện khéo léo, hoặc chủ nhà, hoặc Quốc vua được năng lực tăng thượng, buộc phải tu pháp lành, năm là phương tiện khéo léo thi ân báo ân, đối với hữu tình tùy năng lực ít nhiều bố thí làm ân huệ, hoặc cứu giúp ách nạn, kia muốn báo ân. Bấy giờ, Bồ-tát khuyên tu pháp lành để thọ ân báo ân, bảo rằng chớ đem của cải thế gian mà báo đáp, sáu là rốt ráo thanh tịnh phương tiện khéo léo, được rốt ráo tám tướng thành đạo, phương tiện như thế phải học.

7. Giới nói Pháp trái với nghi thức:

Kinh chép: Nếu Phật tử thường phải có lòng đại bi, phát tâm giáo hóa cho đến nói pháp không đúng pháp thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Kính người trọng pháp thì pháp lành cao quý mới sinh, nếu không như vậy thì sẽ sinh lại pháp ác. Quý nhân trong đây thường ngã mạn nên chỉ nêu về điều này. Nói người nghe ngồi thấp, vì sinh kính trọng. Như Nhiếp Luận chép: Nếu người có đủ giới tuy yếu kém hơn có khả năng nói lợi ích cho nhiều người, như Phật Thế tôn đáng được cúng dường, thọ pháp lành kia cũng nói tương tợ. Lại kinh Niết-Bàn chẻp: Nếu có người biết pháp, hoặc già hoặc trẻ như tầng Trời thứ hai kính thờ Đế-Thích.

8. Giới Lập Chế Phi Pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử, đều có lòng tin cho đến làm những tội phá Ba Bảo thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Nếu đối với người ác không cho xuất gia, không cần tạo tượng và buôn bán, v.v... theo lý lẽ ra không phạm, ngoài ra đều kết phạm.

9.Giới Phá Diệt Phật Pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử do lòng tốt mà xuất gia cho đến nếu cố phá giới pháp thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Nói là sai mà phá chỉ ở trong nội đạo, còn ngoại đạo thì chẳng được phép. Như Kinh Liên Hoa Diện chép: Phật bảo A-nan, Này A-nan! Thí như sư tử chết, hoặc trên hư không, hoặc ở dưới nước, hoặc trên đất liền, tất cả chúng sinh đều không dám ăn thịt sư tử, chỉ có giòi bọ trong thân sư tử ăn thịt sư tử. Này A Nan! Phật pháp của ta, chẳng có ngoại đạo nào khác làm hư hoại được, trong pháp của ta, tất cả Phật pháp đã nhóm họp trong suốt ba đại a-tăng-kỳ kiếp chứa nhóm hạnh siêng năng khổ nhọc, mới bị các Tỳ-kheo phá hoại.

Kinh chép: Chín giới như vậy phải học, hết lòng kính trọng vâng giữ.

Giải thích: Ba môn giới nhẹ từ môn thứ ba trở xuống là môn Kết khuyên vâng giữ.

Kinh chép: bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni., cho đến phẩm Thất Hạnh.

Giải thích: Quyển đầu và quyển cuối, đầu tiên chia làm ba đoạn, đây là phần lưu thông thứ ba, ý văn này nói khi một Đức Thích-ca hành tác ý thì các Đức Thích-ca khác cũng như vậy , nên biết từ Ma-hê-Thủ-la, v.v... là nói Mười thế giới hải, v.v... như quyển đầu nói, Tâm Tạng, v.v... là truyện chép Tâm Tạng tức là Ba Hiền. Địa Tạng tức là địa vị Mười thánh. Giới Tạng là mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh. Vô lượng hạnh nguyện tạng là Ba Hiền. Mười Thánh đã có hạnh nguyện ở trên. Nhân là ba kiếp, quả vv...là bốn trí là Phật tánh thường trụ thanh tịnh pháp giới. Từ đây trở xuống là tổng hết,lời văn rất dễ hiểu.

Kinh chép: Người nhẫn trí tuệ mạnh mẽ, cho đến mau được thành Phật đạo.

Kinh Phạm Võng cổ Tích Ký quyển hạ. (hết).

■